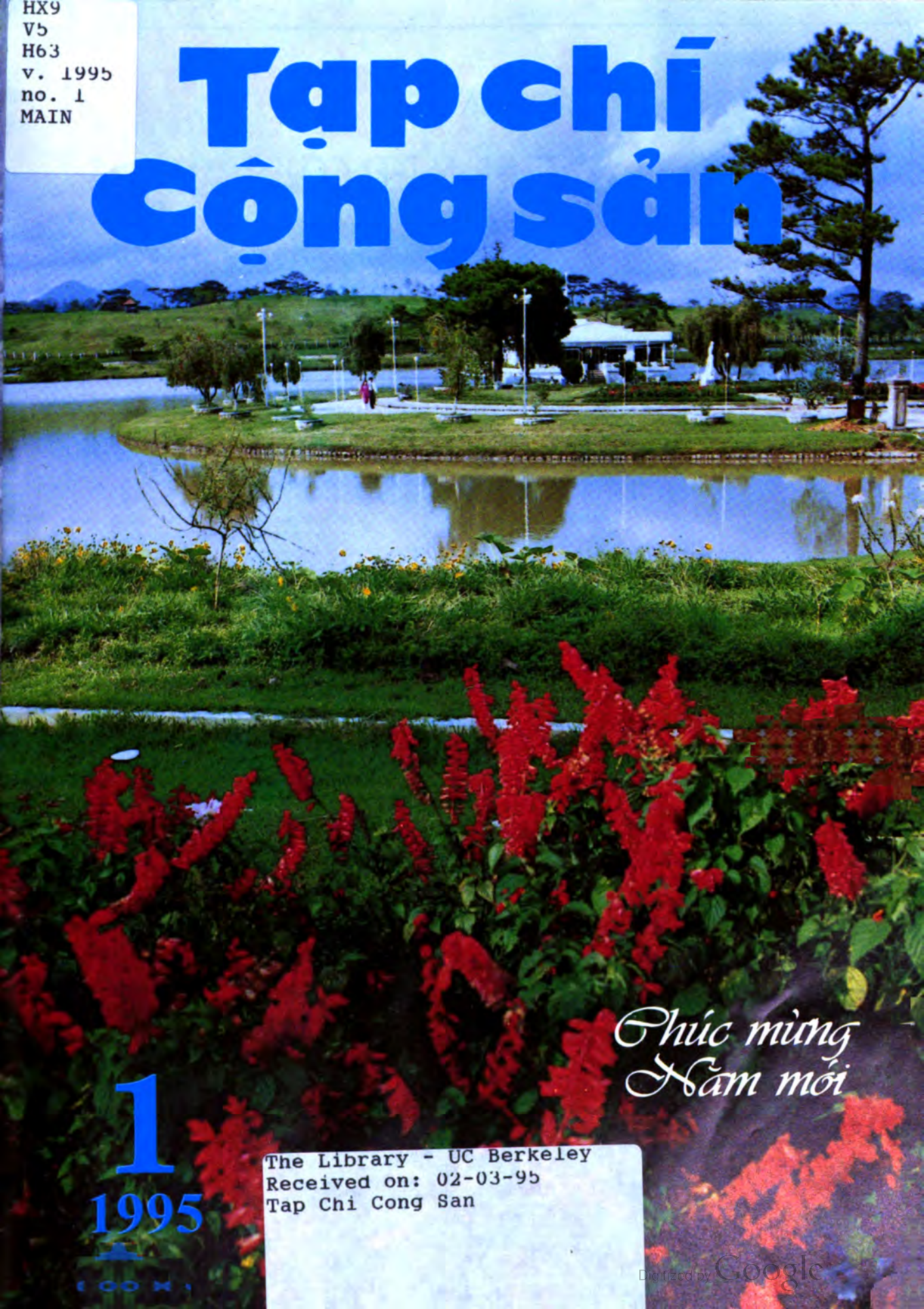
HX9
V5
H63
v. 1995
no. 1
MAIN

Tạp chí Cộng sản



Chúc mừng Năm mới

1

1995

The Library - UC Berkeley
Received on: 02-03-95
Tap Chi Cong San

Digitized by Google

CÔNG TY THÉP MIỀN NAM
SOUTHERN STEEL CORPORATION. SSC

Địa chỉ văn phòng : 56 Thủ Khoa Huân - Q.1 - TP - HCM
Điện thoại : 291539 Fax : (84-8) - 296301



• *Văn phòng Công ty thép miền Nam*

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC CÔNG TY

+ Nhà máy thép Biên Hòa (**VICASA**) : Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai, Điện thoại : (61) 36148
+ Nhà máy thép Thủ Đức (**VIKIMCO**) : Xã Phước Long, Thủ Đức - TP. HCM. Điện thoại : 969612
+ Nhà máy thép Nhà Bè (**VIỆT THÀNH**) : Xã Tân Thuận - Huyện Nhà Bè - TP. HCM. Điện thoại : 729625 - 720261
+ Nhà máy thép Tân Bình (**SONG CHÂU**) : 117 Âu Cơ - Tân Bình - TP.HCM. Điện thoại : 656862 - 653581
+ Nhà máy Lưới thép Bình Tây (**VIDOTHEP**) : 337 An Dương Vương - Quận 5- TP. HCM, Điện thoại : 555316-555318
+ NM Hợp Kim Sắt Nhà Bè (**HOÀN THÀNH**) : Xã Tân Thuận - Nhà Bè - TP. HCM. Điện thoại : 723553 - 720164
+ Nhà máy Cơ khí luyện kim (**SADAKIM**) : Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai. Điện thoại : (61) 36170
+ Công ty **POSVINA** (Liên doanh với Cty POSCO - Hàn Quốc) Xã Phước Long, Thủ Đức - TP. HCM. Điện thoại : 966517-966041, Fax : (84-8) 966040.
+ Công ty **NIPPOVINA** (Liên doanh với Cty Nomura- Nhật Bản và Cty FIW- Malaysia), xã Tân Thuận - Nhà Bè - TP. HCM. Điện thoại : 728492-728493
+ Công ty **Hòa Bình** (liên doanh với Cty Mores Hero - Đài Loan) : 176/26 Hòa Bình - Q. Tân Bình - TP. HCM. Điện thoại : 565995
+ Xí nghiệp Xây lắp luyện kim : 63-65 Hàm Nghi - Quận 1 - TP. HCM. Điện thoại : 297414 - 298337.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**** Sản xuất các loại thép cán nóng dùng cho xây dựng :***

(Sản phẩm đã được đăng ký chất lượng tại trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng khu vực 3).

- Thép tròn dạng cuộn từ O6 đến O10
- Thép tròn dạng thanh từ O12 đến O20
- Thép góc đều cạnh cỡ nhỏ

**** Sản xuất các sản phẩm khác như :***

- Đinh đóng gỗ, lưới rào dây kẽm gai, Fe-Si, đất đèn, đúc gang, đúc thép, thiếc thỏi, tôn mạ, tôn mẫu và phụ tùng máy móc.

**** Mua sắt, thép phế liệu, quặng thiếc và các nguyên liệu phục vụ luyện kim như :***

- Điện cực, Fe-Mn, gạch chịu lửa, than cốc.



TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG CỦA CTY THÉP MIỀN NAM :

+ 4 Đảng bộ và 5 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty Thép miền Nam, thuộc Đảng bộ Khối CS Công Nghiệp Nặng tại Thành phố Hồ Chí Minh.
+ 2 Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Khối Công nghiệp khu Công nghiệp Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai.
+ Tổng số đảng viên toàn Công ty : 393 Đ/chí tỷ lệ đạt 11,55% trên tổng số CBCNV.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1 - 1995 NĂM THỨ BỐN MƯƠI MỐT (469)

MỤC LỤC

	TRƯỜNG MẬU - Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân	3
	NGUYỄN KHÁNH - Chính quyền và nhiệm vụ dân vận	8
	NGUYỄN ĐÌNH TỨ - Chuyển giao công nghệ - yếu tố quan trọng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa	12
Thực tiễn - Kinh nghiệm	HOÀNG TANH - Phát triển kinh tế - xã hội ở Lạng sơn	17
	LƯƠNG NGỌC CỪ - Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các huyện ngoại thành Hà nội	22
	XUÂN HẢI - Nhìn lại lũ lụt ở đồng bằng Sông Cửu long năm 1994	26
	NHẬT TÂN - Đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở TP Hồ Chí Minh	30
	ĐOÀN NAM ĐÀN - Tuổi trẻ hiện nay	35
Nghiên cứu - Trao đổi	VŨ XUÂN KIỀU - Những vấn đề có tính quy luật trong việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn	38
	LÊ HỒNG KẾ - Quy hoạch xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	41
	THANH LÊ - Mấy suy nghĩ về giai cấp công nhân trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa	44
Điều tra	NGUYỄN TRÍ DŨNG - Chảy máu chất xám tại chỗ - một sự thật nhức nhối	47
Sinh hoạt tư tưởng	MAI NGUYỄN - Cái khó của nghề làm "sếp"	50
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VÕ THỦ PHƯƠNG - Đôi nét về thế giới năm 1994	52
Qua sách báo nước ngoài	Bô-rít Xla-vin - Chủ nghĩa cộng sản là tất yếu lịch sử	55
Tìm hiểu khái niệm	Khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ	58
Tin hoạt động lý luận	• Đại hội IV Hội nghệ sĩ sân khấu Việt nam : *Vì một nền sân khấu tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc* • Hội nghị chuyên đề về giải quyết đơn thư tố cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý	60 61
Tin vắn		62

Bìa 1 : Xuân Đà lạt
Ảnh : Trần Thành Công

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧЫОНГ МАУ - Построить социалистическое государство для народа. НГУЕН КХАНЬ - Администрация и задача агитации. НГУЕН ДИНЬ ТЫ - Передача технологий - важный фактор, стимулирующий индустриализацию и модернизацию страны. ХОАНГ ТАНЬ - Социально-экономическое развитие Лангшона при рыночном хозяйстве. - ЛЫОНГ НГОК КЫ - Процесс перемещения экономических структур в пригородных уездах Ханоя. ВУ СУАН КИЕУ -Вопросы закономерного характера установления и перемещения хозяйственных структур на селе. ЛЕ НГОК КЕ - Сельское строительство в направлении индустриализации и модернизации. ТХАНЬ ЛЕ - Некоторые соображения о рабочем классе в период индустриализации и модернизации. НГУЕН ЧИ ЗУНГ - Истечение интеллекта на местах - правда и боль. ВО ТХУ ФЫОНГ - Несколько штрихов к облику мира 1994 года.

CONTENTS

TRƯỜNG MẬU - Building up a socialist government of the people, for the people and by the people. NGUYỄN KHÁNH - Administration and the task of encouragement of the people. NGUYỄN ĐÌNH TỨ - Transfer of technology - an important factor to accelerate the industrialization and modernization. HOÀNG THANH - Socio-economic development in Lang Son province in the market economy. LƯƠNG NGỌC CỪ - Process of trasformation of economic mechanism in suburban districts of Hanoi. VŨ XUÂN KIỀU - Problems conforming the law in establishing and transforming the rural economic mechanism. LÊ HỒNG KẾ - Planning to build rural areas in the direction of industrialization and modernization. THANH LÊ - Some ideas about the working class in the cause of industrialization and modernization. NGUYỄN TRÍ DŨNG - On-the-spot brain drain - a painful reality. VÕ THỦ PHƯƠNG - Some sketches on the world of the year 1994.

SOMMAIRE

TRƯỜNG MẬU - Edifier un Etat socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple. NGUYỄN KHÁNH - Le pouvoir et la tâche de mobilisation auprès du peuple. NGUYỄN ĐÌNH TỨ - Le transfert des technologies - facteur important impulsant l'industrialisation et la modernisation. HOÀNG THANH - Le développement socio-économique du Lang Son dans le cadre de l'économie du marché. LƯƠNG NGỌC CỪ - Sur le processus de transmutation de la structure économique des districts de la banlieue de Hanoi. VŨ XUÂN KIỀU - Les problèmes ayant le caractère de loi dans l'établissement et la transmutation de la structure économique à la campagne. LÊ HỒNG KẾ - Planifier l'édification de la campagne suivant l'orientation d'industrialisation et de modernisation. THANH LÊ - Quelques réflexions sur la classe ouvrière dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN TRÍ DŨNG - La fuite des cerveaux sur place - une vérité douloureuse. VÕ THỦ PHƯƠNG - Le monde en 1994 - quelques traits essentiels.

SUMARIO

TRƯỜNG MẬU - Edificación del Estado socialista del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. NGUYỄN KHÁNH - El poder y la tarea de movilización al pueblo. NGUYỄN ĐÌNH TỨ - La transferencia tecnológica - el factor importante para impulsar la industrialización y la modernización. HOÀNG THANH - El desarrollo socio-económico en Lang Son en la economía de mercado. LƯƠNG NGỌC CỪ - El proceso de la transformación de la estructura económica en los distritos periféricos de Hanoi. VŨ XUÂN KIỀU - Los problemas de carácter de ley en la determinación y la transformación de la estructura económica rural. LÊ HỒNG KẾ - La planificación de la edificación rural en orientación de la industrialización y la modernización. THANH LÊ - Algunas reflexiones sobre la clase obrera en la industrialización y modernización. NGUYỄN TRÍ DŨNG - La contusión de la materia gris in situ - una verdad dolorosa. VÕ THỦ PHƯƠNG - Algunos rasgos sobre el mundo en 1994.

目錄

長茂 - 建設人民的出自于人民和為人民的社會主義國家。阮慶 - 論政權与民運工作。阮庭思 - 工藝 轉讓是促進工業化，現代化的重要因素。黃登 - 發展市場經濟中的涼山經濟社會。梁玉居 - 河內市郊各縣轉換經濟机構的過程。武春橋 - 關于確立，轉換農村經濟机構的几個規律性問題。黎鴻繼 - 朝著工業化，現代化方向規獲農村建設。青黎 - 關于在工業化進程中的工人階級的思考。阮智勇 - 人才就地遺失，一個痛心的實際問題。 武首芳 - 一九九四年點滴。

Digitized by Google

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

TRƯỜNG MẬU

XÂY dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa là vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bởi vì, *thứ nhất,* vấn đề chính quyền luôn là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Chúng ta chỉ có thể thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, khi có một nhà nước thật sự vững mạnh. *Thứ hai,* từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải biết phát huy ưu thế của chế độ chính trị tiên tiến, sức mạnh của chính trị, của chính quyền nhà nước để tiến hành công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. *Thứ ba,* nguyện vọng sâu xa của nhân dân ta là giữ được hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước, "trong khi tập trung xây dựng đất nước; chúng ta phải coi trọng tăng cường quốc phòng và an ninh, chấp hành thật tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa"[1]. Để làm tốt cả hai nhiệm vụ chiến lược nói trên, Nhà nước ta phải được xây dựng vững mạnh.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước cung cấp cho chúng ta nhiều bài học, trong đó có bài học xây dựng và bảo vệ chính quyền. Nhân dân ta đã hy sinh, chiến đấu lâu dài, gian khổ, mất nhiều xương máu mới có được chính quyền như ngày nay. Ý thức sâu sắc điều đó, chúng ta càng thấy rõ hơn nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam vững mạnh để nó làm tròn nhiệm vụ lịch sử trong giai đoạn mới.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã xác định một trong những phương hướng cơ bản đưa nước ta từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội là : "Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân"[2].

Qua nội dung nói trên, chúng ta thấy rõ tính chất giai cấp của Nhà nước ta - tính chất giai cấp công nhân. Tính chất giai cấp thể hiện trước hết và chủ yếu ở chỗ Nhà nước ta theo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đồng thời Nhà nước ta cũng mang tính nhân dân sâu sắc, bởi vì Nhà nước ta được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo.

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ

(2) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 9

Digitized by Google

Ở dây đặt ra vấn đề : giữa đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền với quyền lực của nhân dân có mâu thuẫn không ? Đảng ta đã nhiều lần khẳng định : Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Toàn bộ lịch sử hoạt động của Đảng 65 năm qua đã chứng minh đầy đủ điều khẳng định đó.

Chúng ta đều biết, để trở thành người làm chủ, nhân dân phải tổ chức ra nhà nước của mình. Nhân dân giao cho nhà nước quyền lực để quản lý đất nước.

Về khách quan, nhà nước của ta đòi hỏi có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Không có sự lãnh dạo của Đảng thì nhà nước không thể là nhà nước của dân, do dân và vì dân, và do đó quyền làm chủ của nhân dân cũng không còn. Không có nhà nước chung chung. Nếu Đảng không lãnh đạo nhà nước thì chắc chắn sẽ có lực lượng khác lãnh đạo. Lực lượng ấy không ai khác là các lực lượng không đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động, của dân tộc. Đảng lãnh đạo nhà nước, Đảng cầm quyền, điều đó không mâu thuẫn với quan điểm quyền lực thuộc về nhân dân. Vì chỗ khác nhau căn bản của Đảng ta với các chính đảng tư sản là ở chỗ : Đảng cộng sản Việt nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đem đối lập sự lãnh dạo của Đảng với quyền lực của nhân dân có khác nào chia rẽ nhân dân với Đảng, phá hoại sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng là phá hoại quyền làm chủ của nhân dân. Khẩu hiệu mị dân : "Trả chính quyền từ đảng về tay nhân dân" mà các thế lực thù địch đưa ra chính là nhằm ý đồ không tốt đẹp đó.

Tuy nhiên, cần phải khắc phục tình trạng đảng bao biện làm thay chính quyền. Bởi vì, khuyết điểm này thường dẫn đến hậu quả : Một mặt, nhà nước sẽ trở nên thụ động, tính hiệu lực và sức mạnh của nhà nước giảm đi; không thể hoàn thành đầy đủ trách nhiệm mà nhân dân giao phó. Mặt khác, trong bối cảnh đó, chính bản thân đảng cũng suy yếu. Điều đó cũng dễ hiểu, nhà nước mạnh thì đảng mạnh. Đương nhiên đảng phải vững mạnh thì nhà nước mới mạnh.

Để nâng cao hiệu quả lãnh đạo cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã chỉ rõ : Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước ; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên, lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của nhà nước, chứ không điều hành thay nhà nước.

Về phương hướng xây dựng nhà nước, các văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng và nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng đã xác định những nguyên tắc, nhiệm vụ chủ yếu. Tuy nhiên, đây là vấn đề khó và mới, không ít vấn đề còn phải làm sáng tỏ để tạo cơ sở cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của nhà nước. Chẳng hạn :

- Hiểu thế nào cho đúng luận điểm Nhà nước ta "tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, lành mạnh".

- Với quan điểm thống nhất quyền lực có sự phân công rõ và phát huy hiệu lực của cả ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp... thế thì kiểu nhà nước của ta có gì khác với kiểu nhà nước "tam quyền phân lập" của chế độ tư bản ?

- Hiểu thế nào về khái niệm "nhà nước pháp quyền"?

Nhà nước pháp quyền được các nhà tư tưởng tư sản đề ra trong quá trình đấu tranh chống nền chuyên chế phong kiến. Nó đòi hỏi nhà nước phải được xây dựng trên cơ sở hiến pháp và pháp luật ; phải tuân thủ, bảo vệ hiến

Digitized by Google

pháp và pháp luật; phải điều hành xã hội theo hiến pháp và pháp luật. Với nội dung ấy, nhà nước pháp quyền là một bước tiến trong lịch sử phát triển của xã hội.

Chúng ta có thể tham khảo và tiếp thu nhân tố hợp lý của lý luận về nhà nước pháp quyền. Nhưng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam khác về bản chất với nhà nước pháp quyền tư sản. Vì nhà nước pháp quyền của ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân ; lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân ; quyền lực của nhà nước là thống nhất, có sự phân công giữa ba quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tổ chức và hoạt động của nhà nước tuân thủ theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhà nước ta có sứ mệnh lịch sử tổ chức nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Nhà nước ta cũng quản lý xã hội bằng pháp luật nhưng bản chất pháp luật của nhà nước ta khác với pháp luật của nhà nước tư sản.

Nhà nước ta cần được đổi mới và kiện toàn nhằm xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Song, ở đây phải giải quyết vấn đề : cơ chế chính trị nào để có dân chủ thực sự ? Phải chăng thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập thì có dân chủ ?

Chế độ một đảng hay nhiều đảng là sự phản ánh và là kết quả so sánh lực lượng trong đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp, vì vậy nó là sản phẩm của điều kiện lịch sử cụ thể ở từng nước.

Dưới chế độ tư bản, nhiều nước có chế độ đa đảng là do ở đó có các giai cấp khác nhau, quyền lợi khác nhau, đối kháng nhau. Đương nhiên điều này cũng không phải là tất yếu. Nó còn phụ thuộc vào tương quan lực lượng giai cấp cụ thể của từng nước, từng thời gian. Không phải lúc nào các nước tư bản cũng chủ trương đa đảng. Khi Hít-le lên cầm quyền thì các đảng đối lập như đảng cộng sản và các đảng khác lập tức bị cấm hoạt động.

Ở các nước tư bản, ngay trong giai cấp thống trị cũng có nhiều phe phái cạnh tranh lẫn nhau, đấu tranh với nhau. Chẳng hạn ở Mỹ, đã hơn một trăm năm nay có hai đảng : Đảng dân chủ và Đảng cộng hòa. Vào cuối thế kỷ XIX, Đảng cộng hòa đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản ở miền bắc nước Mỹ, Đảng dân chủ là tổ chức chính trị của giai cấp chiếm hữu nô lệ ở miền nam nước Mỹ. Sau này, sự khác nhau ấy giữa hai đảng mất đi, cả hai đảng đều là của giai cấp tư sản, bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, nhưng hai đảng vẫn đấu tranh với nhau gay gắt, cuộc đấu tranh ấy gắn liền với lợi ích khác nhau của các tập đoàn tư bản. Hoặc ở Pháp, thời kỳ Pê-tanh, phát xít Đức thống trị, các đảng cộng sản, đảng xã hội và cả lực lượng tư sản kháng chiến cũng bị loại trừ. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ngoài đảng tư sản ra còn có Đảng cộng sản, Đảng xã hội... Rõ ràng, sự tồn tại của nhiều hay một đảng phụ thuộc vào tương quan lực lượng của các giai cấp.

Trong điều kiện của chế độ tư bản, ở một số nước, đảng cộng sản hoạt động công khai có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết là do tương quan giai cấp. Đảng cộng sản giành được địa vị hoạt động hợp pháp cũng là thành quả đấu tranh cho dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trong điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta hiện nay, chúng ta không chấp nhận cơ chế đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Bởi vì, "thừa nhận đa đảng đối lập có nghĩa là tạo điều kiện cho sự ngóc đầu dậy ngay tức khắc và một cách hợp pháp các lực lượng phản động, phục thù trong nước và từ nước ngoài trở về hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ"[3]. Hiện nay, các lực lượng đó đang hoạt động dưới nhiều hình thức, kể cả tổ chức ra các đảng. Không lẽ gì nhân dân ta đã chiến đấu lâu dài chống bọn cướp nước và bọn phản động tay sai để giành độc lập, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, nay lại chấp nhận cho những lực lượng phản dân tộc

(3) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 125 - 126

Digitized by Google

có sự chỉ đạo của các thế lực thù địch bên ngoài chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân.

Cũng có người lập luận : đã thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần thì khó tránh khỏi hình thành chế độ đa đảng. Chúng ta cho rằng thực hiện kinh tế nhiều thành phần không tất yếu dẫn đến chế độ đa đảng đối lập, với lý do : *Một là*, nền kinh tế nước ta có nhiều thành phần tham gia, vận động theo cơ chế thị trường, nhưng nền kinh tế ấy định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội và có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, kinh tế nhiều thành phần thì đương nhiên có kinh tế tư bản tư nhân, có những nhà tư sản. Song, chúng ta chủ trương những nhà tư sản có quyền kinh doanh nhưng kinh doanh trong khuôn khổ quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tuân theo pháp luật thì vừa có lợi cho những nhà kinh doanh tư sản, vừa có lợi cho đất nước. Những nhà tư sản có quyền công dân, tham gia bầu cử, ứng cử vào cơ quan dân cử, tham gia các tổ chức xã hội, tham gia Mặt trận v. v.. Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta bảo đảm cho các nhà tư sản kinh doanh theo pháp luật, hướng kinh tế tư bản đi theo con đường tư bản nhà nước, để họ vừa có cuộc sống khá giả, vừa đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh.

Có người lập luận rằng phải đa đảng mới có dân chủ. Thật ra, có dân chủ hay không có dân chủ không phụ thuộc vào chế độ một đảng hay nhiều đảng. Dân chủ hay không dân chủ, xét đến cùng, thể hiện ở chỗ quyền lực và quyền lợi có thuộc về nhân dân hay không. Theo quan niệm ấy, trong điều kiện nước ta hiện nay, mặc dù chỉ có Đảng ta là người lãnh đạo, nhưng chắc chắn vẫn thực hiện được tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, Đảng ta không có mục đích nào khác là phấn đấu cho quyền làm chủ, quyền dân chủ của nhân dân. Các chính sách của Đảng đề ra mang bản chất dân chủ và việc thực hiện các chính sách đó là cơ sở cho việc thực hiện dân chủ. Chúng ta dám nhìn thẳng vào sự thật để thấy những hiện tượng mất dân chủ và tìm ra những biện pháp để khắc phục. Việc tìm ra những cơ chế dân chủ không đơn giản, nhưng chúng ta đã và đang xây dựng được cơ chế ấy, bảo đảm quyền dân chủ thực sự của nhân dân. Điều này thể hiện rõ ở Hiến pháp năm 1992, ở các luật đã được ban hành ; ở luật bầu cử, ở sinh hoạt của Quốc hội, ở việc lấy ý kiến nhân dân vào các chủ trương lớn của Đảng, vào các dự thảo luật... Hãy nhìn vào sự thật, nhân dân thuộc mọi thành phần kinh tế đều được tự do kinh doanh theo pháp luật, tự do bầu cử, ứng cử, bầu không khí dân chủ trong báo chí, văn hóa, văn nghệ,... Những người có thiện chí không thể không thừa nhận dân chủ ở nước ta đang được mở rộng và thật sự là dân chủ của nhân dân. Đương nhiên, chúng ta không phủ nhận những hiện tượng vi phạm quyền dân chủ của nhân dân. Thậm chí có những hiện tượng rất nghiêm trọng nhưng ta đang tìm mọi giải pháp để khắc phục. Điều đó không giống như một số luận điểm lấy cớ Nhà nước ta trừng trị một số ít người gây rối phá hoại, vi phạm pháp luật, để vu cáo Việt nam vi phạm dân chủ, nhân quyền. Cần nhớ rằng: "Dân chủ không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ cương, kỷ luật, thiếu trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với pháp chế. Dân chủ thực sự một mặt đối lập với độc đoán, chuyên quyền, mặt khác đối lập với chủ nghĩa tự do vô chính phủ. Cần phải cảnh giác với những thủ đoạn mị dân lợi dụng ngọn cờ dân chủ để gây rối" [4].

Cương lĩnh của Đảng ta xác định rõ nền tảng xã hội của nhà nước là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Đây là một sự bổ sung chính xác và cần thiết. Trong suốt quá trình cách mạng nước ta, tầng lớp trí thức đã giữ vai trò quan trọng. Ngày nay, trong sự nghiệp chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, vai trò của trí thức càng quan trọng. Giai cấp công nhân, nếu không có đội ngũ trí thức của mình và nếu bản thân công nông không có kiến thức, thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Biết rằng trong công nhân, nông dân có một bộ

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 125

Digitized by Google

phận đã trí thức hóa, nhưng vẫn cần mở rộng khái niệm liên minh công nông ra thành liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, vì khái niệm tầng lớp trí thức ngày nay bao quát phạm vi rộng lớn hơn trước đây rất nhiều.

Dương nhiên, điều đó không đồng nghĩa với việc hạ thấp vai trò của công - nông. Sự thật lịch sử đã chứng tỏ rất rõ là ở nước ta, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức gắn bó với nhau khăng khít và đều có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung. Trước đây, trí thức cùng chung cảnh ngộ người dân mất nước với công nông. Ngày nay, đại đa số trí thức xuất thân từ công nông, được đào tạo dưới chế độ mới ; nhiều trí thức xuất thân từ các giai cấp, tầng lớp khác cũng đã tự nguyện đi với công nông. Vì vậy, trí thức nước ta có lòng yêu nước, gắn bó với dân tộc, nhiệt thành cống hiến trí tuệ, tài năng cho sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do đó là điều tự nhiên.

Cũng cần làm rõ thêm một đôi điều về *dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Bởi vì xung quanh vấn đề này còn có những nhận thức chưa rõ ràng, chưa thấy rõ sự khác nhau căn bản giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa với dân chủ tư sản, chưa tin rằng ngay trong điều kiện hiện nay, chúng ta vẫn có thể từng bước xây dựng và thực hiện được dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trước những diễn biến ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và ở Liên xô, người cách mạng càng thấm thía quan điểm của chủ nghĩa Mác -Lê-nin về dân chủ : *Không có dân chủ phi giai cấp ;* dân chủ bao giờ cũng có tính giai cấp, là một hình thức thống trị của giai cấp. Chỉ có hoặc là dân chủ chủ nô, hoặc là dân chủ tư sản, hoặc là dân chủ xã hội chủ nghĩa, chứ không có thứ dân chủ chung chung. Giai cấp tư sản thích dùng khái niệm dân chủ trừu tượng chính là để che dậy bản chất giai cấp của dân chủ tư sản.

Vậy dân chủ xã hội chủ nghĩa khác dân chủ tư sản ở chỗ nào ? Xét về bản chất, dân chủ xã hội chủ nghĩa phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động; còn dân chủ tư sản phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Xét về nguồn gốc và tác động của nó, dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, phục vụ sự phát triển và củng cố nền kinh tế này ; còn dân chủ tư sản nảy sinh trên cơ sở chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, phục vụ và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Xét về nội dung, dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nền dân chủ bảo đảm quyền dân chủ mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa cho nhân dân lao động ; còn dân chủ tư sản là một nền dân chủ nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản, có tính hạn chế, cắt xén đối với đông đảo nhân dân, mặc dù so với các chế độ xã hội trước đó, dân chủ tư sản có những bước tiến rõ rệt.

Có người đặt vấn đề : chưa có chủ nghĩa xã hội đầy đủ thì có thể nói đến dân chủ xã hội chủ nghĩa không ? Chúng ta không ảo tưởng rằng ngay lập tức trong lúc này, chúng ta đã có thể thiết lập được một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đầy đủ. Nhưng cũng cần nhớ rằng nước ta đã có những cơ sở xã hội chủ nghĩa về kinh tế, chính trị, xã hội (tuy còn thấp), cho nên có điều kiện để từng bước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, ngay lúc này vẫn có thể và phải thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với những nội dung lúc đầu chưa hoàn bị nhưng dần dần sẽ hoàn thiện cho phù hợp với từng bước phát triển của kinh tế nói riêng và của toàn bộ chế độ xã hội chủ nghĩa nói chung.

Để xây dựng một nền dân chủ như vậy, phải có công phu lâu dài, tìm tòi, thử nghiệm, cải tiến dần những hình thức tổ chức, thiết chế thích hợp làm cho những hình thức tổ chức và thiết chế này ngày càng thể hiện đầy đủ hơn bản chất và nội dung của nền dân chủ đó. Quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình khắc phục những tàn dư của trật tự phong kiến cũ và đấu tranh với những lề thói tự phát, phân tán của sản xuất nhỏ và những quan điểm dân chủ tư sản.

Digitized by Google

CHÍNH QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ DÂN VẬN

NGUYỄN KHÁNH *

Cơ quan chính quyền làm công tác vận động quần chúng như thế nào, quả thật vấn đề này còn chưa được nghiên cứu nhiều lắm. Nội dung quan trọng nhất của việc chính quyền làm công tác quần chúng là nghiên cứu, ban hành các chính sách, cơ chế thể hiện về mặt hình thức là pháp luật, pháp lệnh, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng, các bộ, các cơ quan pháp luật như Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan chính quyền các địa phương. Các cán bộ của Đảng được giao nhiệm vụ công tác chính quyền trước hết phải cố gắng sao cho các chính sách cụ thể của chính quyền thể hiện đúng đường lối, chủ trương và tư tưởng chỉ đạo của Đảng ; sát với tình hình thực tế và có khả năng thực hiện được, bởi vì các chính sách cụ thể ấy tác động trực tiếp vào đời sống nhân dân , vào tư tưởng, tình cảm và hành động của nhân dân . Hiện nay, Chính phủ cũng như chính quyền các ngành, các cấp đang cố gắng cải tiến công tác để nâng cao năng lực nghiên cứu về chính sách, cơ chế. Tới đây, các cơ quan có chức năng nghiên cứu về kinh tế, xã hội phải được tăng cường; được bồi dưỡng về trình độ để làm tốt hơn nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề về chính sách và cơ chế trong tình hình mới.

Luật pháp nhà nước, các văn bản pháp quy nói chung đều bắt nguồn từ đường lối, chủ trương và những chỉ thị cụ thể của Đảng. Chúng ta hiểu rằng, nếu như luật pháp thể hiện đúng tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng, đã có sự lãnh đạo của Đảng trước khi Nhà nước thông qua và ban hành, thì thi hành luật pháp nhà nước cũng chính là thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Sức mạnh và tác động của chính sách, của luật pháp là ở chỗ nó động viên, cổ vũ về tinh thần và tạo điều kiện về pháp lý cho nhân dân hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mọi việc trong xã hội đều do dân làm, các cơ quan nhà nước không thể làm thay được, nhưng cái mà dân cần là chính sách và cơ chế. Chính sách đổi mới về kinh tế đã tạo ra những chuyển biến to lớn về kinh tế của nước ta. Chính sách đổi mới về văn hóa, giáo dục cũng đang tạo ra những bước phát triển mới trong các lĩnh vực này. Chính sách về ngoại giao, đối ngoại đã nâng cao vị trí của nước ta trên trường quốc tế. Chính sách đúng đã củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tạo ra sự phấn khởi, hào hứng của nhân dân, của tất cả các giới, các ngành và các vùng. Cho nên, xây dựng, ban hành và chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, cơ chế của Nhà nước, đó là một phương thức vận động quần chúng của chính quyền.

Cơ quan chính quyền khi nghiên cứu chính sách phải tranh thủ sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, của các chuyên gia trong từng lĩnh vực. Các đoàn thể chính trị - xã hội của ta có trách nhiệm và có khả năng phối hợp,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ

Digitized by Google

góp sức với chính quyền trong việc nghiên cứu các chính sách. Mấy năm gần đây, các đoàn thể tham gia việc này ngày càng nhiều, nhưng còn chưa đều đặn, chưa thường xuyên. Chính sách thường là những vấn đề kinh tế - xã hội phức tạp, muốn tham gia có hiệu quả phải nắm vững đường lối, hiểu biết về pháp luật, phải có trình độ nghiên cứu, phải khảo sát tình hình thực tế chứ không chỉ giản đơn góp ý kiến là xong. Các đồng chí phụ trách cơ quan chính quyền ở một số cơ quan trung ương và địa phương cũng chưa chủ động tranh thủ ý kiến của các đoàn thể về từng chính sách, từng chủ trương công tác lớn.

Khi đã có chính sách tốt rồi thì cơ quan chính quyền phải tổ chức, điều hành việc thực hiện, giải quyết nhanh và đúng các công việc có liên quan trực tiếp đến nhân dân . Cơ quan chính quyền phải làm việc nghiêm chỉnh, có chất lượng, có hiệu quả, có như vậy mới đưa được chính sách vào cuộc sống và đi đến kết quả thực tế, chứ không phải cứ có chính sách tốt là tự nhiên đạt kết quả tốt. Những cơ quan có quan hệ trực tiếp nhiều với nhân dân như công an, thuế, hải quan, ngân hàng, tài chính, lao động - thương binh và xã hội, thanh tra, y tế, giáo dục phải làm nhiệm vụ được giao thật tốt để nhân dân tin cậy. Nhân dân bao giờ cũng đánh giá sự trong sạch và hiệu quả của chính quyền qua những việc làm cụ thể. Qua công việc cụ thể, người ta sẽ đồng tình, cảm ơn, tăng thêm lòng tin ở Đảng và chính quyền hoặc là không đồng tình, tỏ thái độ bất bình, không tin cậy. Một việc làm không tốt của một cơ quan chính quyền có thể ảnh hưởng đến thái độ của dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Điều đó chứng tỏ rằng, cơ quan chính quyền giải quyết tốt công việc hằng ngày là một cách làm dân vận có hiệu quả. Phải thừa nhận rằng, hiện nay số cơ quan chính quyền làm việc chưa tốt còn nhiều : họp hành nhiều, giấy tờ nhiều nhưng công việc vẫn chậm ; cũng có những việc quyết định không sát đúng.

Uy tín của cơ quan chính quyền đối với nhân dân còn được biểu hiện qua thái độ, phong cách và trình độ công tác của cán bộ, nhân viên nhà nước. Nhân dân nhìn vào thái độ và năng lực làm việc của các cán bộ, công chức nhà nước để đánh giá năng lực điều hành, quản lý của chính quyền. Một người công chức, một cán bộ nhà nước phải làm việc như thế nào, ý thức trách nhiệm và tinh thần làm việc, cung cách làm việc phải thế nào ? Cách đây hai năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị yêu cầu công chức nhà nước phải nghiêm chỉnh khi làm việc ở công sở, không thể đi dép lê, mặc quần áo nhầu nát vào cơ quan. Không yêu cầu mặc đẹp nhưng phải nghiêm chỉnh khi đến cơ quan. Trụ sở cơ quan phải sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp. Cơ quan nhà nước phải bảo đảm giờ giấc làm việc theo quy định. Những cái đó không nên coi là hình thức mà là biểu hiện sự nghiêm chỉnh của cơ quan nhà nước và viên chức nhà nước.

Thái độ của cán bộ nhà nước, từ người thủ trưởng đến cán bộ tiếp khách, tiếp dân, người nghe điện thoại, người thường trực cơ quan... đều có ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm của dân. Có thể nói đây là dân vận qua thực tế, bằng việc làm, rất có ảnh hưởng, có hiệu quả hoặc ngược lại. Cho nên, cơ quan chính quyền phải giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra cán bộ nhân viên về ý thức phục vụ nhân dân , thái độ tôn trọng dân, về cách ứng xử trong quan hệ với dân. Nhân dân đòi hỏi cán bộ, công chức nhà nước phải thành thạo công việc, giải quyết công việc đúng và nhanh, rành mạch. Thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tinh thần làm việc uể oải, ngại khó, không dám giải quyết những việc thuộc thẩm quyền của mình, cũng như trình độ, năng lực non kém của người cán bộ, công chức dẫn đến hỏng việc , hoặc chậm trễ công việc đều làm cho nhân dân không tin tưởng, thậm chí bất bình. Lòng tin của dân đối với cơ quan chính quyền có lúc suy giảm chính là ở khâu này, do nhìn thấy, nghe thấy cơ quan chính quyền, cán bộ chính quyền làm việc không tốt , thái độ không tốt.

Digitized by Google

Để nâng cao hiệu lực của chính quyền, làm tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước, phải củng cố bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, phải cải cách hành chính. Cuộc cải cách hành chính được Đảng ta đề ra từ mấy năm nay, đã tiến hành được một bước, làm được một số công việc, nhưng công việc này còn phải làm trong nhiều năm, cùng với quá trình xây dựng bộ máy nhà nước thật sự của dân, vì dân, do dân, đồng thời chính quy, khoa học. Năm nay, Chính phủ quyết định khâu đột phá về cải cách hành chính là cải cách thủ tục hành chính, nghĩa là sửa đổi, bổ sung các quy định của Chính phủ, các bộ, các ủy ban nhân dân địa phương để giải quyết các công việc của dân, giải quyết các quan hệ giữa các cơ quan chính quyền với nhau một cách nhanh chóng, đúng chính sách, không gây phiền hà cho dân, không gây phiền hà cho nhau. Chính phủ đã lựa chọn một số vấn đề cần làm ngay để sửa đổi các thủ tục hành chính, như những vấn đề về nhà đất, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh, hợp tác đầu tư với nước ngoài, khiếu nại, tố cáo của công dân...

Chính phủ nhấn mạnh việc sửa đổi những thủ tục liên quan đến đời sống và sự làm ăn của dân, trong đó có một loại việc thật khó là giải quyết khiếu nại của dân. Cho đến nay, các cơ quan trung ương cũng như địa phương chưa tìm được cách làm thật tốt để giải quyết tình trạng tồn đọng, chậm trễ trong vấn đề này. Vẫn tiếp tục diễn ra tình trạng đơn từ khiếu nại từ cơ sở đổn lên trung ương. Bao nhiêu chuyện tranh chấp về đất đai, nhà cửa, khiếu nại về kỷ luật, về chấp hành các chính sách cụ thể ở xã, phường, ở cơ quan, đơn vị đưa lên Quốc hội và Chính phủ. Ủy ban nhân dân mỗi cấp phải giải quyết cho được những việc thuộc thẩm quyền của mình ; chỉ những việc vượt quá thẩm quyền thì mới đưa lên cấp trên và khi đưa lên phải có kiến nghị cụ thể của địa phương về cách giải quyết.

Chính quyền còn làm công tác tuyên truyền vận động nhân dân bằng các công cụ thông tin đại chúng, bằng các hoạt động xuất bản và văn hóa nghệ thuật. Đây là lực lượng sắc bén và có hiệu quả để phổ biến, tuyên truyền rộng rãi và nhanh chóng các chủ trương, chính sách của Đảng, và Nhà nước. Không có phương tiện nào đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến dân nhanh bằng đài phát thanh và truyền hình. Bây giờ sóng phát thanh và truyền hình của ta đã được truyền qua vệ tinh. Các công cụ thông tin đại chúng đang phát triển rất nhanh về mặt kỹ thuật. Báo chí, xuất bản, văn hóa nghệ thuật là công cụ của Đảng và Nhà nước đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và văn hóa. Đây là một binh chủng mà các cấp ủy đảng phải nắm chắc và lãnh đạo trực tiếp về nội dung ; các cơ quan chính quyền phải quản lý tốt, tạo điều kiện tốt cho các công cụ này phát triển nhanh, nâng cao chất lượng cả về nội dung và về hình thức.

Một phương thức nữa của chính quyền làm dân vận là phối hợp, liên kết hoạt động của cơ quan chính quyền với các đoàn thể. Các chủ trương công tác của Nhà nước đều có quan hệ đến nhân dân , cho nên phải có sự phối hợp giữa chính quyền và đoàn thể, để cùng làm, cùng tổ chức thực hiện theo chức năng của mình do Đảng lãnh đạo. Ban dân vận của Đảng có trách nhiệm giúp cấp ủy theo dõi, tổ chức sự phối hợp giữa chính quyền và đoàn thể, làm sao để cả hai bên cùng chủ động và tranh thủ sự phối hợp với nhau. Thực tế cho thấy, để thực hiện tốt đường lối chủ trương của Đảng hiện nay, nếu chỉ bằng hoạt động của chính quyền thì không thể đạt kết quả tốt được, cần phải có sự tham gia của các đoàn thể nhân dân từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cơ sở.

Không bao giờ nên nghĩ rằng để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp về kinh tế - xã hội mà chỉ có nghị quyết, chỉ thị với một số kinh phí từ ngân sách là có thể giải quyết được. Thực tế là phải làm công tác tuyên truyền vận động

Digitized by Google

cả ở bề rộng và bề sâu đến từng giới, từng gia đình, từng cộng đồng cơ sở. Cho nên, sự phối hợp, sự cộng lực của các đoàn thể và chính quyền là một yêu cầu xuất phát từ thực tế, để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Về phía đoàn thể, phối hợp với chính quyền để cùng giải quyết những vấn đề quan trọng ở địa phương cũng là tạo điều kiện phát huy vai trò của đoàn thể trong công tác giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên.

Không nên quan niệm nội dung phối hợp giữa chính quyền và đoàn thể là chính quyền hỗ trợ đoàn thể. Đương nhiên, cơ quan chính quyền có trách nhiệm hỗ trợ các đoàn thể về điều kiện tài chính, phương tiện vật chất để hoạt động. Nhưng đó không phải là nội dung chính của mối quan hệ chính quyền - đoàn thể. Sự phối hợp với các đoàn thể nhân dân là yêu cầu của bản thân chính quyền để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước. Nói cách khác, đoàn thể bằng công tác vận động quần chúng sâu rộng của mình hỗ trợ cho chính quyền để giải quyết công việc quản lý kinh tế - xã hội. Có nhiều hình thức phối hợp, tùy theo tình hình địa phương và yêu cầu của từng loại nhiệm vụ. Cách đây ba năm Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 163 yêu cầu các ủy ban nhân dân địa phương tổ chức sự phối hợp với Hội phụ nữ để giải quyết các công việc quan trọng ở địa phương. Đây là chỉ thị bắt buộc cơ quan chính quyền phải thi hành, và mỗi năm đều kiểm điểm xem ủy ban nhân dân đã tổ chức sự phối hợp với các tỉnh hội, huyện hội phụ nữ như thế nào. Đối với Công đoàn, cũng có những quy định về sự phối hợp. Chính phủ đã lập ra một số ủy ban liên ngành, trong đó có đại diện các đoàn thể, là một hình thức thực hiện sự phối hợp thường xuyên để tư vấn cho Chính phủ hoặc giúp Chính phủ chỉ đạo thực hiện một nhiệm vụ công tác quan trọng. Ví dụ : Ban chỉ đạo năm quốc tế gia đình Việt nam. Liên hợp quốc nhận thấy rằng ở nhiều nước đã xảy ra tình trạng sự phát triển kinh tế dẫn đến hậu quả không tốt về xã hội, quan hệ gia đình sa sút, nên kêu gọi các nước khôi phục lại sinh hoạt gia đình. Ở nước ta, Đảng và Nhà nước cũng thấy rõ vấn đề này. Cơ chế thị trường đang tác động mạnh vào các gia đình Việt nam. Trong một số cuộc hội thảo khoa học, có nhiều ý kiến cho rằng, vai trò giáo dục của gia đình ở nhiều nơi giảm sút. Có những người là cha, mẹ không muốn cho con đi học, không chăm lo đến việc học hành của con. Có những gia đình nuông chiều, buông thả con em ; nhiều gia đình lủng củng, ly hôn tăng lên, nhiều chuyện lôi thôi của các gia đình ảnh hưởng xấu đến con em, đến thanh niên và thiếu nhi. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội. Vì thế, muốn phòng chống được tệ nạn xã hội, muốn giáo dục tốt thanh, thiếu niên, muốn giữ cho xã hội lành mạnh phải vận động các gia đình. Việc này không thể một mình chính quyền làm được, phải là công việc chung của chính quyền và đoàn thể. Cho nên Ban chỉ đạo năm quốc tế gia đình gồm đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt nam, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, Tổng liên đoàn lao động, Hội nông dân, cùng đại diện một số cơ quan nhà nước cùng nhau hợp lực trong vấn đề tuyên truyền vận động gia đình Việt nam.

Công tác dân vận của Đảng có nội dung rất phong phú và lực lượng làm công tác dân vận rất to lớn. Dân vận không chỉ là nhiệm vụ của các ban dân vận của Đảng, các đoàn thể nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, mà là nhiệm vụ chung của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Các đồng chí công tác trong bộ máy chính quyền phải thấy rõ trách nhiệm của mình về công tác dân vận và nội dung dân vận của chính quyền, bởi vì hoạt động chính quyền tự nó tác động đến đời sống hằng ngày của nhân dân . Cần phải cải tiến từng khâu công tác của chính quyền để quản lý có hiệu lực, hiệu quả cao, thực sự tác động tốt đến tư tưởng, và đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân .

Digitized by Google

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ yếu tố quan trọng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN ĐÌNH TÚ *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ bảy BCHTƯ Đảng (khóa VII) đã trình bày một cách toàn diện và có hệ thống về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Bài viết này chỉ đề cập một khía cạnh của phát triển khoa học và công nghệ : vấn đề *chuyển giao công nghệ*, mà chủ yếu nói về chuyển giao công nghệ trong công nghiệp.

Chuyển giao công nghệ có thể thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng ở nước ta trong giai đoạn đầu của CNH, HĐH thì con đường quan trọng nhất, chủ yếu nhất là *nhập công nghệ*, dù để xây dựng những ngành công nghiệp mới, đổi mới và nâng cấp những ngành công nghiệp hiện có hoặc hiện đại hóa các ngành nghề truyền thống.

Kết quả các cuộc điều tra chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương bảy (khóa VII) trên nhiều lĩnh vực công nghệ của ta đều đi đến một nhận định khá thống nhất là : hệ thống công nghệ trong hầu hết các lĩnh vực sản xuất đều lạc hậu, chắp vá, không đồng bộ, năng suất và hiệu quả thấp. Sản phẩm làm ra vì vậy có chất lượng kém, giá thành cao, không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Tại thị trường trong nước, sức cạnh tranh kém hàng ngoại. Tìm thị trường ở ngoài nước cũng rất khó khăn, mà đa phần hàng của ta xuất khẩu chỉ ở dạng nguyên liệu hoặc bán thành phẩm.

Tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân hiện đạt con số thấp. Năm 1993 mới chiếm 22,7% (trong khi nông nghiệp là 34,5%, dịch vụ 40,8%). Hiện nay công nghiệp thế giới đã phát triển qua 7 giai đoạn, còn công nghiệp nước ta chỉ mới đang ở giai đoạn sơ khai (giai đoạn 1-2). Lấy một vài ví dụ :

Ngành cơ khí của ta - ngành máy cái của công nghiệp hóa - chỉ tương đương với thời kỳ cách đây 30-50 năm của các nước trung bình trên thế giới, còn so với các nước phát triển cao, thì lạc hậu đến 50-100 năm.

Ngành điện, các nhà máy thủy điện đạt trình độ khá, nhưng các nhà máy nhiệt điện thì rất lạc hậu, hiệu suất nhiệt cao nhất không quá 27-29%, trong khi bình quân của Hàn quốc năm 1993 là 37,35% (năm 1961 là 22,64%, năm 1975 là 33,3%), riêng nhà máy nhiệt điện sử dụng khí hóa lỏng theo chu trình hỗn hợp đạt hiệu suất 49,58%. Tổn thất điện năng của ta là 22-28%, của Hàn quốc năm 1993 là 5,57% (năm 1961 là 29,35%, 1975 là 11,5%).

Ngành xi măng, vài năm qua nhờ cải tiến quản lý, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học (như sản xuất được bi đạn nghiền chất lượng tương đương loại tốt nhất trên thế giới) nên các nhà máy xi măng lớn của chúng ta đều đạt hoặc vượt công suất thiết kế. Nhưng xét về mặt công nghệ thì vẫn còn lạc hậu xa so với mức tiên tiến của thế giới. Được coi là tương đối hiện đại như nhà máy xi măng Hoàng thạch vẫn tiêu thụ 1000-1100 kilocalo/1kg clinke và năng suất lao động là 450 tấn

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

xi măng /1 người/năm, trong khi mức tiên tiến của thế giới là 720 kilocalo/1kg clinke, năng suất lao động là 5000 tấn xi măng/1 người/ năm.

Một số ngành thuộc công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến... cũng ở tình trạng tương tự. Theo báo cáo của Vụ kỹ thuật Bộ công nghiệp nhẹ, năm 1993 khảo sát 24 hạng mục công trình tự làm thì có khoảng 76% thiết bị là thuộc thế hệ 1 (sản xuất những năm 50 và 60), 24% là thuộc thế hệ 2 (trong số này 30% đã hết khấu hao, 52% là thiết bị cũ tân trang).

Từ năm 1988 đến nay, sau khi thực hiện Luật đầu tư nước ngoài và Pháp lệnh chuyển giao công nghệ vào Việt nam, trình độ công nghệ trong nhiều lĩnh vực sản xuất đã có sự cải thiện (tuy mức độ có khác nhau), nhưng nhìn chung, tình trạng lạc hậu nói trên của nền công nghiệp nước ta chưa thay đổi bao nhiêu.

Ngành vô tuyến viễn thông là ngành được đánh giá thực hiện có kết quả việc hiện đại hóa công nghệ : đi thẳng vào hướng số hóa, tự động hóa và đa dịch vụ ; sử dụng vệ tinh viễn thông, mạng truyền dẫn bằng cáp quang và vi ba băng rộng ; sử dụng tổng đài tự động trên cả nước ; hệ thống thông tin di động và mạng chuyển mạng gói truyền số liệu v.v.. Thực tế đã chứng minh cán bộ khoa học và công nghệ của chúng ta hoàn toàn có thể làm chủ công nghệ nhập hiện đại và phát huy hiệu quả kinh tế kỹ thuật cao.

Bên cạnh việc nhập trực tiếp công nghệ (bao gồm cả thiết bị) chúng ta cũng đẩy mạnh đổi mới công nghệ bằng con đường đầu tư trực tiếp của nước ngoài, xây dựng các khu kinh tế tập trung, khu chế xuất. Tính đến hết tháng 10-1994, ngoài 10 dự án hợp tác đầu tư đã hoàn thành, hiện còn 996 dự án đang hoạt động với số vốn đầu tư 10,52 tỉ đô la Mỹ, trong đó 3,48 tỉ đã được thực hiện. Trong số vốn đã thực hiện, ngành dầu khí chiếm 37%, công nghiệp 27,4%, du lịch, khách sạn 11,8%, các ngành khác 23,8%.

Thời gian đầu, qua hợp tác đầu tư, việc đổi mới công nghệ còn chưa khả quan, số liệu điều tra cho thấy yếu tố chuyển giao công nghệ trong các liên doanh còn thấp. Thậm chí, không ít trường hợp nhập cả những công nghệ và thiết bị lạc hậu đã bị thải loại.

Với mục tiêu đạt lợi nhuận cao, một số dự án hợp tác liên doanh cũng đã tranh thủ đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến và hiện đại, hiệu quả kinh tế bước đầu khá tốt. Song chúng ta còn chưa đánh giá được, trong thời đại mà chu kỳ công nghệ rút ngắn đáng kể như hiện nay, hiệu quả đó duy trì được bao lâu và sau khi hết thời hạn liên doanh, phía ta được làm chủ hoàn toàn cơ sở đó, liệu nó còn mang lại hiệu quả mong muốn nữa không ?

Trong việc chuyển giao thiết bị, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, cần hiểu rằng thiết bị và công nghệ là vũ khí cạnh tranh sống còn của các nhà kinh doanh. Ta không hy vọng họ trao cho chúng ta cái tốt nhất họ có để ta trở lại cạnh tranh với họ. Bằng cách nhập, dù nhập trực tiếp hay liên doanh, khó có thể có được thiết bị, công nghệ tiên tiến nhất, mà hầu hết chỉ có trình độ trung bình và tiên tiến. Chúng ta cố gắng để đạt mức tiên tiến. Vấn đề quan trọng hơn là phải biết từ những thiết bị, công nghệ đó, cộng với thế mạnh vốn có của ta, để tạo ra những sản phẩm tốt mang lại hiệu quả cao, sức cạnh tranh lớn.

Trước thực trạng đó, việc nghiên cứu các biện pháp, chủ trương để tăng cường hiệu quả đổi mới và quản lý công nghệ nhập, càng có ý nghĩa quyết định sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đúng như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nhấn mạnh tại Hội nghị Trung ương bảy : "Phần thắng trong cuộc chiến "ai thắng ai" trên thị trường, quy cho đến cùng là do trí tuệ và năng lực sáng tạo của cả dân tộc, biết học hỏi một cách khôn ngoan kinh nghiệm và thành tựu của nhân loại, tận dụng được lợi thế của nước đi sau, đề ra những chủ trương, biện pháp thích hợp với đất nước trong hoàn cảnh mới".

Một số người khi đánh giá trình độ công nghệ chỉ dựa vào máy móc thiết bị, mà không quan tâm đầy đủ đến nội dung của khái niệm công nghệ . Đó là cả một quá trình biến nguồn lực, nguồn nguyên liệu, thành sản phẩm hàng hóa theo yêu cầu thị trường. Thiết bị ở đây chỉ là một trong 4 yếu tố : thiết bị, con người, thông tin và quản lý. Mặc dù coi trọng vai trò của thiết bị, nhưng không thể coi yếu tố quyết định duy nhất chỉ là phần cứng, phần thiết bị. Biết coi trọng phát triển đồng bộ ba yếu tố phần mềm còn lại của công nghệ - yếu tố xã

Digitized by Google

hội mà chúng ta có khả năng phát huy cao độ - thì dù chưa có được thiết bị tiên tiến nhất, ta vẫn có thể tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội cao, như Nghị quyết Trung ương bảy nêu rõ: "Phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững". Chúng ta có thể tiếp thu thiết bị, làm chủ nó, bảo đảm vận hành tốt, cải tiến từng bộ phận để thích nghi với điều kiện cụ thể của ta, rồi tiến tới sáng tạo ra thiết bị, công nghệ mới. Đó là quá trình phát triển mà ta phải đem hết trí tuệ và tài năng ra đạt cho kỳ được để khỏi lâm vào nguy cơ tụt hậu xa hơn.

Coi trọng đầy đủ yếu tố xã hội trong công nghệ cũng chính là một nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình CNH, HĐH. Cần hiểu sâu sắc rằng yếu tố quyết định thắng lợi của công cuộc CNH, HĐH đất nước là yếu tố con người, là mặt bằng dân trí, là đỉnh cao trí tuệ ; rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội. Điều đó cần thể hiện bằng sự nỗ lực nâng cao dân trí, mặt bằng của trình độ công nghệ xã hội. Chỉ có dựa vào tiềm năng vốn có của xã hội, nâng cao mặt bằng công nghệ xã hội thì mới phát huy được yếu tố tiên tiến, vượt trước, đón đầu của thiết bị mới, công nghệ mới.

Từ đó, cần phải đánh giá đúng và khai thác tốt hai tiềm năng : một là tiềm năng khoa học-công nghệ xã hội, hai là lực lượng thiết bị vốn có, thực hiện "đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực hiện có", "kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại"[1].

Tiềm năng khoa học - công nghệ xã hội đặc trưng cho năng lực khoa học - công nghệ của một đất nước, là tham số thể hiện trình độ, mặt bằng khoa học và công nghệ , thể hiện khả năng tiếp thu các công nghệ mới để công nghiệp hóa và phát triển. Đó là năng lực khoa học, công nghệ được hình thành, phát triển và tích lũy qua suốt chiều dài lịch sử của mỗi quốc gia, một bộ phận của nền văn hóa dân tộc theo nghĩa rộng. Lịch sử tồn tại "cộng đồng tự túc" lâu đời đã tạo điều kiện cho người Việt nam từ xa xưa có bản năng công nghệ , tự sản xuất lấy các sản phẩm để cho gia đình mình dùng hoặc để đổi, bán cho cộng đồng làng xã lân cận. Các công nghệ cơ bản như chế biến nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng, cơ khí, sản xuất nguyên, nhiên, vật liệu v. v. phần nào đã có trong công nghệ xã hội, công nghệ truyền thống, tuy còn ở trình độ thủ công, thô sơ. Đổi mới ở đây là kế thừa, bổ sung và hoàn thiện để hiện đại hóa chúng.

Trong tiềm năng khoa học - công nghệ xã hội, lực lượng làng nghề, ngành nghề truyền thống chiếm một tỷ trọng khá cơ bản. Ở nước ta mỗi địa phương đều tồn tại những làng nghề, ngành nghề truyền thống, tiêu biểu là Hà bắc, Hà nội, Hải hưng, Thái bình, Nam hà,v.v.. Riêng Hà bắc đã có 63 làng nghề.

Đã có nhiều điển hình về hiện đại hóa công nghệ truyền thống thu được hiệu quả rõ nét. Ở Hà bắc, làng mộc Đồng kỵ, do áp dụng cơ khí hóa thay cho thủ công ở một số khâu xử lý thô, đã đưa doanh thu lên 20 tỉ đồng một năm, tạo công ăn việc làm tốt cho 2000 lao động ; làng tằm Vọng nguyện khi thay giống tằm kén vàng bằng giống lưỡng hệ kén trắng, thay ươm tơ thủ công bằng máy ươm mini hiện đại, đã tăng năng suất lên 10 lần, chất lượng tơ đạt loại 2A xuất khẩu ; làng giấy Phong khê, đo cơ giới hóa khâu nghiền bột và xeo giấy đã đưa năng suất lên 50 lần, tạo hàng chục sản phẩm tốt.

Ngoài lực lượng công nghệ xã hội nêu trên, những năm qua trong quá trình phát triển, bằng nhiều nguồn khác nhau, chúng ta đã có trong tay một lượng thiết bị trị giá hàng chục ngàn tỉ đồng. Thực tế, các thiết bị này đang là nguồn chủ yếu tạo ra những sản phẩm hàng hóa cho nhu cầu trong nước và một phần cho xuất khẩu. Như nhận định chung ở trên, các thiết bị, công nghệ vốn có đó, phần nhiều đã lạc hậu, kém hiệu quả. Song như vậy không có nghĩa là hiện nay phải thay tất cả bằng thiết bị mới, công nghệ mới. Điều này chúng ta không thể làm được, trước hết vì nguồn vốn đầu tư có hạn. Cần khai thác tối đa năng lực hiện có ấy, trước mắt chỉ có thể cải tiến, đổi mới từng phần. Đó cũng chính là chủ trương "chú trọng công nghệ đòi hỏi suất đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, có khả năng tạo thêm nhiều chỗ làm việc trực tiếp và gián tiếp. Tranh thủ đổi mới thiết bị, hiện đại hóa công nghệ trước hết ở một số khâu có ý nghĩa quyết định với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu" [2]. Cách làm này cần

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCHTU Đảng (khóa VII)

(2) *Văn kiện đã dẫn*

Digitized by Google

được hết sức coi trọng hiện nay khi khả năng vốn của ta còn nhỏ bé. Thực tế mấy năm qua nhiều cơ sở sản xuất đã thực hiện khá thành công theo phương hướng này. Xí nghiệp điện tử Viettronics (Thủ đức), Xí nghiệp xà phòng đánh răng P/S, Xí nghiệp gạch men kính Long hầu (Thái bình) là những cơ sở điển hình biết chọn lựa đầu tư cho khâu mấu chốt trong quy trình công nghệ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mình, mang lại hiệu quả cao.

Một yêu cầu có tính quyết định cho việc khai thác có hiệu quả tiềm năng khoa học - công nghệ xã hội và thiết bị hiện có là phải có các công trình điều tra cơ bản toàn diện, có hệ thống và rất cụ thể về các tiềm năng đó. Cần có các cán bộ khoa học - công nghệ, cán bộ kỹ thuật và công nhân có kinh nghiệm tiến hành việc điều tra, phân tích này. Chỉ trên cơ sở các công trình điều tra như trên mới xác định được cụ thể các biện pháp tối ưu trong đổi mới, hiện đại hóa lực lượng công nghệ, thiết bị. Cũng không nên coi nhẹ việc điều tra nhu cầu, thị hiếu và đánh giá thị trường.

Những điểm nêu trên không có nghĩa chúng ta coi nhẹ việc nhập thiết bị, công nghệ theo dây chuyền đồng bộ. Đây chính là cách tranh thủ đi nhanh vào hiện đại, yếu tố cơ bản để tạo cho ta khả năng đi tắt, đón đầu, tạo lợi thế cạnh tranh mạnh. Ở những ngành công nghệ có tầm chiến lược, các ngành công nghệ mũi nhọn, các cơ sở nghiên cứu, triển khai, như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu, cơ khí điện tử và tự động hóa v.v., nhà nước cần tập trung đầu tư lớn, nhập trực tiếp hoặc hợp tác liên doanh, nhằm mau chóng có thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại ; nhanh chóng có những sản phẩm hàm lượng công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường thế giới. Sự phát triển của các ngành công nghệ này có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành công nghệ khác và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

Có thể hình dung nền công nghệ Việt nam bao gồm *hai* bộ phận quan hệ khăng khít : bộ phận công nghệ xã hội, công nghệ truyền thống được hiện đại hóa, và bộ phận công nghệ hiện đại bao gồm cả các ngành mũi nhọn. Hai bộ phận này thúc đẩy nhau cùng phát triển, làm nền tảng cho sự nghiệp CNH, HĐH.

Định hướng xã hội chủ nghĩa của CNH, HĐH, ngoài những hướng lớn về chính trị, còn thể hiện ở chỗ : trong việc đổi mới công nghệ, quan tâm áp dụng những công nghệ tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội, chú ý áp dụng những công nghệ phù hợp với trình độ, khả năng công nghệ xã hội vốn có của người dân, để người dân có thể tiếp nhận, làm chủ, tự nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của mình.

Với 78,8% dân số là nông dân, công nghiệp hóa nông thôn ở nước ta mang ý nghĩa kinh tế - xã hội sâu sắc. Đảng ta coi việc đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn là nhiệm vụ cấp bách. Nghị quyết Trung ương năm (khóa VII) nêu rõ : "phát triển đa dạng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu. Khôi phục và phát triển các làng nghề. Tranh thủ công nghệ hiện đại, tận dụng công nghệ truyền thống, chú trọng những công nghệ tạo nhiều việc làm...".

Đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ cũng bao hàm nội dung bảo vệ môi trường cho hiện tại và cả cho tương lai. Những công nghệ truyền thống, công nghệ vốn có, và cả một số công nghệ mới nhập cho đến nay, thường chưa được quan tâm đầy đủ về mặt bảo vệ môi trường sinh thái. Cần rà soát lại, kiên quyết loại trừ hoặc bổ sung thêm các biện pháp để đảm bảo bằng được yêu cầu bảo vệ môi trường.

Những năm gần đây, nhu cầu đổi mới thiết bị, công nghệ quá cấp bách, trong lúc chúng ta lại chưa hình thành được cơ chế hữu hiệu để kiểm soát, nên đã nảy sinh không ít sai sót. Từ nay về sau, các thiết bị và công nghệ nhập theo mọi kênh ngày càng lớn, vì vậy kiểm soát việc nhập thiết bị và nhập công nghệ nổi lên thành một nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa quyết định lâu dài.

Nền kinh tế của chúng ta là nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Luật pháp về kiểm soát chuyển giao công nghệ (trong đó có nhập công nghệ) cũng phải thể hiện tính chất nói trên của nền kinh tế.

Digitized by Google

Ngoài các luật và pháp lệnh như Luật đầu tư nước ngoài, Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt nam, Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Pháp lệnh về chất lượng hàng hóa v.v., đã có một số văn bản của Chính phủ, các bộ hữu quan về vấn đề chuyển giao công nghệ. Nhưng vẫn còn thiếu những văn bản quy định cụ thể, và điều quan trọng là các văn bản đã có chưa được chấp hành nghiêm túc, nên vẫn xảy ra nhiều trường hợp "lọt lưới", không quy được trách nhiệm thuộc về ai.

Trước hết, nhà nước phải giữ được vai trò kiểm soát chặt chẽ đối với việc đổi mới thiết bị và đổi mới công nghệ bằng con đường nhập, dù là nhập trực tiếp hay nhập qua liên doanh liên kết, nhập theo các tổ chức hay các cá nhân.

Trong việc thẩm định các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, việc thẩm định về mặt công nghệ cần được coi là một mặt rất trọng yếu : nó xác định mức độ tiên tiến, hiện đại của dự án. Tiêu chuẩn cuối cùng là hiệu quả kinh tế - xã hội, nhưng trình độ và tính thích hợp của công nghệ (bao gồm cả thiết bị) có ý nghĩa quyết định.

Để có thể thẩm định được chính xác, phải có đầy đủ đến mức tối đa các thông tin về thiết bị, công nghệ của thế giới đối với từng lĩnh vực cụ thể, đối với từng ngành nhỏ.

Chúng ta thực hiện nền kinh tế mở, bước vào thế giới của cơ chế thị trường chưa lâu, việc phân biệt "thật, giả", "tốt, xấu" ở "chợ trời" còn vô cùng bỡ ngỡ, dễ nhầm lẫn và bị lừa. Hiện nay, khá nhiều thiết bị, công nghệ nhập trực tiếp hoặc nhập qua liên doanh liên kết, còn bị dư luận nghi ngờ về hiệu quả, về giá cả, về trình độ công nghệ , lo ngại về hậu quả đối với môi trường... Đâu là người phân xử khách quan trước vô số những vấn đề đặt ra đó ? Đã đến lúc nhà nước cần chủ động đầu tư hoặc khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư để có những tổ chức đủ mạnh thực hiện nhiệm vụ này.

Cần thành lập các cơ quan đầu mối để tập hợp, phân tích, tổng hợp các thông tin về thiết bị, công nghệ thế giới từ các kênh có thể có; cập nhật theo thời gian để có cơ sở tin cậy cho việc đánh giá, lựa chọn các thiết bị, công nghệ nhập. Đó là công việc vừa có lợi trước mắt, vừa có lợi lâu dài trong sự nghiệp CNH, HDH.

Vấn đề cơ chế kiểm soát và thẩm định thiết bị, công nghệ nhập cũng cần được quan tâm. Việc kiểm soát thiết bị, công nghệ nhập từ ngoài là cấp bách, nhưng phải đảm bảo tính khách quan và chặt chẽ. Nếu ở đây không có một cơ chế dân chủ, hợp lý, thì có thể dẫn đến tiêu cực, cửa quyền hoặc quá nhiều phiền hà, hạn chế yêu cầu đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ . Để tránh tình trạng đó, có thể dựa vào các hội khoa học - kỹ thuật, các nhà khoa học và công nghệ, có trình độ, có tâm huyết, để có được những ý kiến đánh giá độc lập, khách quan, rất cần thiết cho quyết định chính xác của cơ quan có thẩm quyền. Nhà nước có thể quy định chính thức : dự án đầu tư hoặc dự án nhập công nghệ nào mà chưa có ý kiến "giám định xã hội" thì chưa duyệt. Đồng thời, các hội khoa học - kỹ thuật cũng nêu cao trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng "giám định xã hội" này.

Hiện nay, nhiệm vụ của Bộ khoa học - công nghệ và môi trường liên quan đến lĩnh vực công nghệ đã được Chính phủ quy định trong Nghị định 22/CP. Các vấn đề phát triển, chuyển giao, giám định công nghệ đã được ghi rõ trong Mục 2, Điều 2 của nghị định trên. Vấn đề còn lại là Bộ khoa học - công nghệ và môi trường cần cụ thể hóa hơn nữa, có kế hoạch để vươn lên thực hiện thật nghiêm túc. Cần có sự phân công trách nhiệm, phân cấp rành mạch và có thưởng phạt nghiêm minh đối với những ai làm tốt hoặc vi phạm.

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ CNH, HDH, việc chuyển giao công nghệ chủ yếu vẫn là nhập và thích nghi với công nghệ nhập. Vì vậy, công tác nghiên cứu triển khai và đào tạo cán bộ cũng phải tập trung chủ yếu vào hướng này, và làm được việc đó cũng không dễ dàng, mà đòi hỏi những nỗ lực và sáng tạo to lớn. Áp dụng được công nghệ sẵn có trên thế giới một cách có hiệu quả vào Việt nam, cũng phải được coi là thành quả khoa học đáng biểu dương và kính trọng.

Theo kinh nghiệm của nhiều nước, để phát huy hiệu quả nhập công nghệ, có thể thực hiện sự sao chép, nhân bản, để giảm nhập khẩu số

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI Ở LẠNG SƠN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

HOÀNG TANH *

LẠNG sơn là một tỉnh miền núi ở phía đông- bắc của Tổ quốc, có đường biên giáp với nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa dài 253 km. Tỉnh rộng 8 187 km^2 ; đất nông nghiệp chiếm 11,6%, chủ yếu là đồi núi; rừng chiếm 24,8%. Dân số của tỉnh gần 70 vạn người ; 30 dân tộc anh em chung sống ở 10 huyện và 1 thị xã ; có 5 huyện biên giới, 7 huyện vùng cao với 225 xã, phường, thị trấn.

Qua mấy năm tiến hành đổi mới, đảng bộ Lạng sơn đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh phấn đấu khai thác mặt thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, tạo được thế đi lên và bước đầu đạt được một số chuyển biến tiến bộ quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, từng bước khắc phục được tình trạng trì trệ, yếu kém trước đây.

Về kinh tế, Lạng sơn hết sức chú trọng phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Các cấp, các ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt : giao đất giao rừng, ổn định ruộng đất, có chính sách trợ giá về các loại giống mới cho người sản xuất và đẩy mạnh việc đưa các tiến bộ kỹ thuật về nông thôn. Thông qua tổ chức khuyến nông, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ gia đình thực hiện ; coi trọng chỉ đạo các hộ gia đình làm kinh tế giỏi để làm hạt nhân thúc đẩy phong trào sản xuất ở nông thôn. Vì vậy, nông nghiệp đã có bước phát triển khá ; khai thác ngày càng có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề, tiền vốn để phát triển sản xuất kinh doanh. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn đã từng bước chuyển dịch theo hướng từ nền sản xuất tự cấp, tự túc, thuần nông chuyển sang phát triển sản xuất hàng hóa, thực hiện đa dạng hóa ngành nghề. Tổng sản lượng lương thực thời kỳ 1991-1993 bình quân hàng năm tăng 31,3%; năm 1993 đạt 164 000 tấn và năm 1994 ước đạt 165 000 tấn. Các loại cây công nghiệp (hồi, chè, quế, cà phê, thuốc lá, dâu tằm) và các loại cây ăn quả (mơ, mận, hồng, quýt, na dai, nhãn, vải thiều...) tăng nhanh cả về diện tích và sản lượng. Đàn đại gia súc bình quân mỗi năm tăng 2,9% ; đàn gia cầm tăng khá. Ở một số địa phương, đã phát triển dàn dê, nuôi cá lồng, nuôi gà Tam hoàng, vịt lai Trung quốc, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Phong trào quản lý, bảo vệ và trồng rừng, kinh doanh vườn rừng phát triển mạnh. Năm 1993 trồng được 22 000 ha, năm 1994 trồng được 50 000 ha ; khoanh nuôi rừng tái sinh trong 2 năm 1993 - 1994 được 30 177 ha. Tốc độ trồng rừng bình quân hàng năm tăng 14,37%.

Trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tỉnh đã tập trung sắp xếp, củng cố

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng sơn

Digitized by Google

các doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các đơn vị chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, điện, nước, dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, thương mại - du lịch - dịch vụ. Các doanh nghiệp đang từng bước vươn lên, thích ứng với cơ chế mới, làm ăn có lãi. Tỉnh đã và đang tập trung đầu tư vốn để đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất đối với một số doanh nghiệp. Các sản phẩm xi măng, gạch, gỗ xẻ, nước máy... tăng khá. Giá trị tổng sản lượng thời kỳ 1991-1993 bình quân hàng năm tăng 26,56%.

Tiểu, thủ công nghiệp được quan tâm khuyến khích phát triển cả ở khu vực đô thị và nông thôn, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, sản xuất nông cụ cầm tay, cơ khí sửa chữa, xây dựng, vận tải v.v.. Nhờ vậy, đã tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tăng thêm sản phẩm cho toàn xã hội.

Thương mại - du lịch - dịch vụ cũng là một trong những thế mạnh của Lạng sơn. Tỉnh đã xác định : *vừa* tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, *vừa* quan tâm sắp xếp, củng cố và đẩy mạnh hoạt động thương mại - du lịch - dịch vụ để tăng thu ngân sách, có vốn ban đầu, tạo thế phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội khác. Đến nay, nhiều hộ buôn bán tư nhân đã chuyển sang thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoặc nhà hàng hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất và làm dịch vụ. Công tác xuất, nhập khẩu những năm qua tăng khá; kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 1991-1993 bình quân hàng năm tăng 19,2%, nhập khẩu tăng 104,7%. Lạng sơn đã trở thành đầu cầu lưu thông hàng hóa giữa nước ta với Trung quốc; hàng hóa trên thị trường phong phú, giá cả ổn định, đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Tốc độ phát triển kinh tế năm sau cao hơn năm trước, nên nguồn thu ngân sách trên địa bàn cũng ngày một tăng. Năm 1992 so với năm 1991 tăng 2 lần; năm 1993 so với năm 1992 tăng 3 lần ; 10 tháng đầu năm 1994 so với cùng kỳ năm 1993, tăng 25,83%, cả năm 1994 so với năm 1993 ước tăng 14,75%.

Những năm qua, trung ương rất quan tâm giúp Lạng sơn xây dựng cơ sở hạ tầng. Về phần mình, tỉnh cũng đã chủ động vươn lên, tích cực tăng thu ngân sách và tiết kiệm chi, dành vốn cho xây dựng cơ bản mỗi năm một tăng. Nhiều hạng mục công trình quan trọng đang được triển khai thi công và một số công trình đã được đưa vào sử dụng như : đường giao thông, mạng lưới điện quốc gia, trạm tiếp hình, hệ thống thông tin bưu điện hiện đại, trụ sở làm việc, trường học, bệnh viện, phương tiện làm việc, các công trình phúc lợi... Tất cả 11 huyện, thị đã có điện lưới quốc gia ; trạm tiếp hình đã hoàn thành sớm hơn 2 năm so với mục tiêu của tỉnh đề ra. Đến nay, đại bộ phận các cửa khẩu, một số cụm kinh tế - xã hội đã có điện lưới và hệ thống thông tin liên lạc hiện đại, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của tỉnh và phục vụ tốt việc thông tin kinh tế - xã hội. Việc xây dựng nhà trong nhân dân phát triển mạnh ; thủy điện nhỏ cũng đã được phát triển ở nhiều vùng nông thôn, kể cả ở vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh.

Trải qua cơ chế thị trường, thấy được tác động hữu cơ giữa phát triển kinh tế với những vấn đề xã hội, nên song song với việc chỉ đạo phát triển kinh tế, các cấp ủy đảng đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), tập trung giải quyết những vấn đề về văn hóa - xã hội. Sự nghiệp giáo dục, y tế trong tỉnh có những chuyển biến rõ rệt. Hệ thống trường lớp được sắp xếp phù hợp, phục vụ tích cực việc thực hiện mục tiêu phổ cập bậc tiểu học. Số học sinh đi học hàng năm tăng ; số học sinh bỏ học giảm. Trường chuyên, lớp chọn tăng cả về số lớp và số học sinh, bước đầu đã có học sinh giỏi. Phong trào học ngoại ngữ, học vi tính phát triển mạnh ở thị xã và trong các cơ quan nhà nước. Mạng

Digitized by Google

lưới y tế cơ sở được củng cố và mở rộng, đáp ứng ngày một tốt việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; việc phòng chống bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ, việc tiêm chủng mở rộng đạt kết quả khá, ngăn chặn kịp thời các loại dịch bệnh. Số người thực hiện sinh đẻ có kế hoạch ngày càng nhiều, kể cả ở vùng đồng bào dân tộc ít người.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao dấy lên ở nhiều địa phương và đơn vị với các hình thức vui tươi lành mạnh, đã thu hút được nhiều quần chúng nhất là trong các tầng lớp thanh, thiếu niên tham gia, góp phần tích cực vào việc phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa và xây dựng nhân cách con người xã hội chủ nghĩa.

Chính sách xã hội cũng được tỉnh quan tâm giải quyết. Hàng trăm ngôi nhà tình nghĩa đã được xây dựng ; việc trao sổ tiết kiệm tình nghĩa đã trở thành phong trào rộng khắp. Trong 3 năm, từ 1991 đến 1993, hơn 4 vạn hộ gia đình đã được dùng nước sạch do nhà nước đầu tư.

Các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước đã và đang trở thành hiện thực trong cuộc sống của đồng bào các dân tộc Lạng sơn. Đời sống của đồng bào ổn định, tình trạng thiếu đói lúc giáp hạt đã không còn như những năm trước đây. Đời sống một bộ phận nhân dân được cải thiện ; 95% số hộ trong tỉnh đã có nhà ngói, một số ít xây được nhà mái bằng, nhà tầng khang trang; sắm được các tiện nghi đắt tiền. Bộ mặt thị xã và một số vùng nông thôn trong tỉnh đã có nhiều đổi mới.

Lạng sơn là một cửa ngõ quan trọng của Tổ quốc. Cùng với việc thực hiện chính sách mở cửa, tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội diễn biến rất phức tạp. Đảng bộ Lạng sơn đã đề ra các chủ trương và giải pháp cụ thể về quốc phòng, an ninh và xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện. Lực lượng bộ đội thường trực, bộ đội biên phòng, lực lượng công an nhân dân tiếp tục được củng cố, nâng cao chất lượng, phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào tự quản cũng có nhiều tiến bộ. Đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong việc giữ gìn an ninh, nhất là an ninh biên giới, trong việc phòng chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào việc củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân Trung quốc.

Những chuyển biến, tiến bộ về các mặt kinh tế - xã hội ở Lạng sơn trong những năm qua có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân *cơ bản* và *quan trọng nhất* là : Đảng bộ Lạng sơn quyết tâm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, từng bước xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Trong hai năm qua, bộ máy đảng, chính quyền cùng các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội từ tỉnh xuống cơ sở, được củng cố và tăng cường. Bộ máy ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn được sắp xếp lại tinh gọn hơn. Thành lập mới một số chi bộ, đảng bộ phù hợp với yêu cầu mới. Thành lập ban cán sự và đảng đoàn ở cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Xác định rõ vai trò, chức năng của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng quy chế và làm việc theo quy chế. Đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân. Bảo đảm sự lãnh đạo, điều hành thông suốt từ tỉnh xuống cơ sở, nhưng cũng bảo đảm phát huy tính chủ động sáng tạo của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân và của từng đơn vị. Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc về tổ chức sinh hoạt đảng, quản lý cán bộ và đảng viên. Kết quả là chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên rõ rệt. So với năm 1991, số đảng viên tiên phong gương mẫu tăng 10,66%, số đảng viên vi phạm kỷ luật đảng giảm 4,4%. Công tác phát triển đảng viên cũng có nhiều chuyển biến,

Digitized by Google

tiến bộ. Trong hai năm 1992-1993, kết nạp được 890 đảng viên mới, hầu hết là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Các ngành, các cấp từ tỉnh xuống huyện đã xây dựng xong quy hoạch cán bộ, quan tâm đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từ năm 1991 đến năm 1994, gần 700 cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ ở các trường của trung ương và tỉnh. Hầu hết đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể ở cơ sở xã, phường, thị trấn, bí thư chi bộ, trưởng thôn đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ. Tuy ngân sách còn co hẹp, tỉnh cũng đã bỏ ra một khoản kinh phí khá lớn để mua báo, phát hành bản tin nội bộ đưa về tận cơ sở, nâng cao hiểu biết của đội ngũ cán bộ đảng viên, tạo được sự thống nhất cả về ý chí và hành động, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Song so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, những mặt làm được còn hạn chế, khó khăn và yếu kém còn nhiều . Việc tiến hành quy hoạch các vùng kinh tế làm còn chậm ; nguồn tài nguyên trên địa bàn của tỉnh tuy phong phú, nhân lực dồi dào nhưng chưa có biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, nên chưa có sản phẩm hàng hóa lớn với chất lượng cao. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, công nghệ lạc hậu. Du lịch - dịch vụ là lợi thế rất quan trọng của tỉnh, nhưng chậm phát triển. Hạ tầng cơ sở còn thấp kém. Thiếu vốn để phát triển kinh tế - xã hội. Trình độ dân trí còn thấp ; đời sống đồng bào vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh còn nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở, chưa theo kịp cơ chế mới, còn nhiều lúng túng trong lãnh đạo, quản lý và điều hành. Thiếu những cán bộ giỏi về quản lý, sản xuất kinh doanh, kinh tế đối ngoại. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp, các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa giảm.

Trước mắt, tuy còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lạng sơn quyết tâm vượt qua. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ Lạng sơn đã có nghị quyết về những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả từ nay đến năm 1995 và những năm tiếp theo. Đó là :

1- Đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 9% trở lên. Tập trung khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Trong nông lâm nghiệp, coi trọng sản xuất lương thực và thực phẩm, bố trí cơ cấu cây trồng, mùa vụ hợp lý. Phấn đấu tăng sản lượng lương thực hàng năm từ 3 đến 4%, đến năm 1995 đạt 175 ngàn tấn. Khuyến khích các thành phần kinh tế tập trung phát triển mạnh kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác giao đất giao rừng ; hết năm 1995 hoàn thành về cơ bản việc giao đất đồi, núi, rừng cho các hộ nông dân, các đơn vị tập thể, cơ quan, trường học, lực lượng vũ trang quản lý, kinh doanh. Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách khuyến nông ; quan tâm giải quyết vấn đề vốn, giống, tiến bộ kỹ thuật để sớm tạo ra các vùng cây công nghiệp tập trung (hồi, chè, cà phê, quế, thuốc lá, mía đồi) và những vùng cây ăn quả (mơ, mận, hồng, quýt, na dai, nhãn, vải thiều) có sản phẩm hàng hóa ngày càng lớn với chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế cao. Phát triển mạnh nghề rừng, thực hiện phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Đến năm 1995 đưa độ che phủ lên 25%. Đi đôi với trồng trọt, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, coi trọng giống mới và cải tạo đàn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung vào các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản hàng hóa, sản xuất vật liệu xây dựng, khai khoáng. Trong 2 năm 1994 - 1995, đầu tư vốn để đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất đối với một số xí nghiệp, như xí nghiệp gạch có công suất 20 triệu viên/ năm, nhà máy xi măng có công suất 8,8 vạn

Digitized by Google

tấn/năm. Phấn đấu đến năm 1995 đạt 4 vạn tấn xi măng, 35 triệu viên gạch nung và 1,5 triệu viên ngói máy. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các lĩnh vực như chế biến nông lâm sản, sản xuất nông cụ cầm tay, sửa chữa, cơ khí, điện tử, với các hình thức hợp tác đa dạng, tạo cho nhiều người có việc làm.

Mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu, du lịch, dịch vụ. Trước hết, tập trung phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của địa phương như hoa hồi, thuốc lá, chè, v.v.. Đồng thời, đẩy mạnh các hình thức liên doanh, liên kết tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu nhằm tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu và tăng nguồn thu cho ngân sách. Nhanh chóng hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể ngành du lịch ; thực hiện liên doanh liên kết với các tổ chức và tư nhân trong, ngoài tỉnh và nước ngoài đầu tư vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý để sớm đưa hoạt động du lịch - dịch vụ trở thành ngành kinh tế phát triển.

Để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và vững chắc, mau chóng xóa đói giảm nghèo, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", tỉnh quan tâm chỉ đạo định hướng phát triển sản xuất gắn với thị trường, trước hết là thị trường trong nước và thị trường miền nam Trung hoa. Từng bước tổ chức tốt công nghiệp chế biến nông lâm sản hàng hóa, bảo đảm chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

2 - Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, nhanh chóng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cấp bách nhất là đường giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc để *vừa* phục vụ kịp thời cho việc phát triển sản xuất, giao lưu hàng hóa, phục vụ đời sống nhân dân, *vừa* tạo môi trường thuận lợi thu hút thêm vốn đầu tư của các địa phương khác và của nước ngoài đến cùng với Lạng sơn làm ăn.

3 - Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục-đào tạo nâng cao dân trí. Trước hết, tập trung thực hiện mục tiêu phổ cập bậc tiểu học, xóa nạn mù chữ trong độ tuổi. Đồng thời coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo nhân tài, đẩy mạnh học ngoại ngữ, học vi tính để có những cán bộ giỏi đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác phòng bệnh, phòng dịch, vệ sinh môi trường để vừa nâng cao sức khỏe cho nhân dân, vừa tạo môi trường sinh thái trong lành, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng nhân cách con người xã hội chủ nghĩa với việc tích cực phòng chống các tệ nạn xã hội : mê tín dị đoan, nghiện hút, tiêm chích, mại dâm...

4 - Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh, xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện, trước hết ở các địa bàn trọng điểm. Tăng cường công tác chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc, tích cực phòng ngừa tội phạm, giữ vững an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội ; thường xuyên nêu cao cảnh giác cách mạng ; chủ động đối phó với mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị.

5 - Không ngừng nâng cao sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước và vai trò tổ chức, vận động quần chúng của các đoàn thể nhân dân. Đây là nhân tố quyết định của mọi thắng lợi. Trước mắt, tập trung củng cố các cơ sở đảng yếu kém, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Rút kinh nghiệm về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở đảng, về phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng, về nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân... Trên cơ sở quy hoạch, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có đủ trình độ, năng lực và đồng bộ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Digitized by Google

QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

LƯƠNG NGỌC CỪ *

NGOẠI thành Hà nội có 5 huyện với diện tích tự nhiên khoảng 93 ngàn ha, gồm 44 ngàn ha đất canh tác, 3 ngàn ha mặt nước, ao hồ, trên 8 ngàn đất gò, đồi. Tuy diện tích đất đai ngoại thành không lớn, nhưng cũng phân biệt *ba* vùng rõ rệt : vùng nông nghiệp ven nội (chiếm khoảng 20% đất nông nghiệp) tập trung ở phía bắc Thanh trì, đông Từ liêm và một số xã của huyện Gia lâm ; vùng trọng điểm thâm canh tăng vụ (chiếm khoảng 40% đất nông nghiệp), là vùng có điều kiện thủy lợi tốt, đất đai bằng phẳng, có truyền thống thâm canh từ lâu đời, gồm Gia lâm, Đông anh, Từ liêm và nam Thanh trì ; vùng gò, đồi, miền núi (chiếm khoảng 20% đất nông nghiệp) là vùng điều kiện địa lý, đất đai, khí hậu khắc nghiệt hơn, trình độ thủy lợi, thâm canh thấp, chủ yếu tập trung ở Sóc sơn.

Dân số ngoại thành là 1,2 triệu người, chiếm 54% dân số toàn thành phố Hà nội. Đất canh tác bình quân mỗi nhân khẩu nông nghiệp đã thấp, lại có xu hướng giảm dần do số dân tăng nhanh và quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngoại thành phát triển chậm, nên thời gian lao động nhàn rỗi còn chiếm tới 35-40% tổng quỹ thời gian lao động. Giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp ngoại thành hiện nay mới chiếm gần 6% GDP của toàn thành phố. Trong cơ cấu giá trị tổng sản phẩm, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tới 70%, còn các ngành công nghiệp , tiểu, thủ công nghiệp và thương nghiệp dịch vụ chỉ chiếm 30%. Nhìn chung, kinh tế nông thôn ngoại thành vẫn chưa thoát khỏi tình trạng manh mún, sản xuất nhỏ, phân tán.

Bên cạnh mặt hạn chế, các huyện ngoại thành Hà nội có những lợi thế mà nhiều địa phương khác không có. Hà nội là một thị trường tiêu thụ lớn, đa dạng và khá ổn định đối với nhiều loại hàng hóa mà các huyện ngoại thành có thể sản xuất được. Nằm trong một trung tâm chính trị, văn hóa và khoa học lớn nhất của đất nước, nông dân ngoại thành Hà nội có nhiều thuận lợi về giao thông, về quan hệ với các cơ quan nghiên cứu khoa học, có thể nhanh chóng tiếp thu và đưa vào sản xuất những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ. Ngoài ra, các huyện ngoại thành (như Sóc sơn, Gia lâm, Đông anh...) còn là địa bàn thuận lợi để thu hút vốn đầu tư, xây dựng các trung tâm khoa học, kinh tế - xã hội lớn, xây dựng các khu chế xuất, khu công nghiệp kỹ thuật cao, các khu du lịch và nơi nghỉ cuối tuần...

Xuất phát từ đặc điểm đó, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hà nội đã tìm ra hướng đi mới, nhằm nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một cơ cấu trì trệ, ít gắn với thị trường, sang một cơ cấu năng động, gắn với thị trường, từng bước đưa kinh tế ngoại thành lên ngang tầm với yêu cầu mới của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày 5-5-1992, Thành ủy xây dựng "Chương trình 06 về phát triển kinh tế ngoại thành và xây dựng nông thôn mới thủ đô". Ngày 14-8-1993, Thành ủy vạch ra "Kế hoạch

* Ủy viên thường vụ thành ủy, Phó chủ tịch UBND thành phố Hà nội

Digitized by Google

thực hiện Nghị quyết V của Ban chấp hành trung ương (khóa VII)". Phương hướng chung cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới từ năm 1992 đến năm 1995 đã được Ban lãnh đạo thành phố xác định là :

1. *Bố trí lại cơ cấu sản xuất theo hướng chuyển dần sang nông nghiệp sản xuất hàng hóa, nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu nội bộ ngành.* Đưa giá trị công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, thương nghiệp dịch vụ lên 40%. Trong nông nghiệp, tăng hệ số gieo trồng lên 2,5 lần, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất. Về cơ cấu cây trồng, sẽ phát triển mạnh các loại cây thực phẩm, cây ăn quả. Về chăn nuôi, chú ý con gia súc có giá trị kinh tế cao. Nâng tỷ trọng các ngành này lên 40% giá trị tổng sản lượng nông - lâm nghiệp. Cố gắng đáp ứng 70-80% nhu cầu về rau xanh, 60% nhu cầu về thịt lợn, 40% nhu cầu về cá. Cung cấp ngày càng nhiều trứng và sữa tươi cho thị trường nội thành. Ngoài ra, có thể dành một phần đáng kể cho xuất khẩu, đóng hộp, chế biến. Tiếp tục thực hiện Chương trình 327 về phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chăm sóc bảo vệ rừng, trồng mới khoảng 30% ha cây ăn quả...

2. *Đẩy mạnh phân công lại lao động xã hội theo hướng chuyển dịch lao động vào các ngành nghề có năng suất lao động và thu nhập cao.* Nâng tỷ lệ lao động làm công nghiệp, thủ công nghiệp lên 20% và lao động dịch vụ thương nghiệp lên 15%. Như vậy, tỷ lệ lao động nông nghiệp đến năm 1995 còn khoảng 65%. Đến năm 2000, còn giảm nữa, chỉ khoảng trên dưới 40% (quy theo thời gian lao động). Tìm cách sử dụng được 75-80% quỹ thời gian lao động, giảm thời gian lao động nhàn rỗi. Bên cạnh việc tạo công ăn việc làm bằng phát triển ngành nghề, các huyện ngoại thành phải kiên quyết áp dụng nhiều biện pháp để giảm tỷ lệ tăng dân số xuống dưới mức 1,5%/năm.

3. *Mở rộng quan hệ, liên kết chặt chẽ trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi với các tỉnh xung quanh để sản xuất , chế biến nông sản xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu tiêu thụ của nội thành.* Thực hiện được điều đó, Hà nội sẽ dần dần hình thành vành đai kinh tế vững chắc, có thể ứng phó với mọi biến động của thị trường, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân cả nội và ngoại thành. Trong quan hệ qua lại, với hiệu quả, thế mạnh vốn có về vốn, khoa học kỹ thuật và khai thác thị trường, Hà nội sẽ hình thành một vành đai nhiều tầng nấc, có sức lan tỏa mạnh đối với vùng đồng bằng Bắc bộ và cả nước.

4. *Xây dựng nông thôn ngoại thành phát triển toàn diện theo mô hình nông thôn mới, văn minh, giàu đẹp.* Theo hướng đó, ngoại thành phải cố gắng xây dựng tốt các cơ sở hạ tầng như điện, nước, các công trình văn hóa, phúc lợi. Phát triển sản xuất phải đi đôi với việc nâng cao dân trí và mức sống văn hóa, tạo những "điểm sáng" văn hóa ở nông thôn ngoại thành...

Để thực hiện có hiệu quả những phương hướng đã định, trước hết các huyện ngoại thành phải nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cả cơ cấu nội bộ từng ngành, trong đó chuyển dịch lao động và vốn đầu tư là điều kiện tiên quyết để nâng cao giá trị hàng hóa trên cả *ba* lĩnh vực : nông, lâm - ngư nghiệp ; công nghiệp, thủ công nghiệp ; và thương nghiệp, dịch vụ.

Sau mấy năm phấn đấu thực hiện những phương hướng đã đề ra về phát triển kinh tế - xã hội, đến nay cơ cấu kinh tế các huyện ngoại thành Hà nội đã có những chuyển biến khá tích cực (xem bảng dưới đây) :

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế các ngành ở nông thôn ngoại thành Hà nội

(tính theo tỷ lệ %)

	1990	1991	1992	1993	1994
• Giá trị tổng sản lượng	100	100	100	100	100
Trong đó :					
• Trồng trọt	60,8	54,5	49,4	45,6	38,6
• Chăn nuôi	24,5	25,6	24,7	27,8	30,1
• Ngành nghề (gồm công nghiệp ngoài quốc doanh và dịch vụ)	14,7	19,9	25,9	26,6	31,3

Qua bảng trên, có thể thấy Chương trình 06 đã thu được kết quả bước đầu quan trọng. Sản lượng lương thực bình quân mỗi năm tăng

Digitized by Google

16,34%, trong đó riêng sản lượng thóc tăng 16,65%. Diện tích cây vụ đông bình quân mỗi năm tăng 24,65%, riêng rau xanh tăng 21,4% (về *sản lượng*, còn tăng cao hơn : 27,8%). Đã trồng được hơn 10 triệu cây phân tán, 1400 ha cây ăn quả. Đặc biệt, nghề trồng hoa và cây cảnh tăng rất nhanh : tăng gấp 3 trong vòng 3 năm (1993-1991) nhờ thị trường tiêu thụ mở rộng và ổn định. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch dần theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, trong khi vẫn bảo đảm sản lượng tuyệt đối của tất cả các ngành không ngừng tăng.

Khi cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng trên, thì tất yếu cơ cấu vốn và cơ cấu lao động cũng có sự thay đổi. Nguồn vốn đang chuyển dần vào những ngành và loại cây, con có giá trị kinh tế cao, nhu cầu tiêu thụ lớn, trong khi vẫn bảo đảm nhịp độ phát triển ổn định của các cây đã có truyền thống canh tác từ lâu đời. Năm 1991 diện tích cây lương thực chiếm 87%, cây công nghiệp - 5,6%, rau, quả và hoa, cây cảnh - 7,4%, thì đến năm 1995 diện tích tương ứng dự tính sẽ là 80-10-10. Cùng với sự chuyển hướng đầu tư nói trên, lực lượng lao động cũng có sự phân công lại. Lao động có tay nghề cao, thích ứng nhanh với thị trường, lại có tiềm lực về vốn, chuyển dần vào các ngành công nghiệp và dịch vụ có năng suất lao động và thu nhập cao hơn (xem bảng dưới đây) :

Chuyển dịch cơ cấu lao động các huyện ngoại thành Hà nội
(tính theo tỷ lệ %)

Lao động trong các ngành	1990	1991	1992	1993	1994
- Nông nghiệp	86,6	87,5	87,0	85,1	84,1
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	8,6	6,8	7,0	8,7	9,4
- Kinh doanh và dịch vụ	4,8	5,7	6,0	6,2	6,5

So với cơ cấu giá trị tổng sản lượng, cơ cấu lao động chuyển dịch có phần chậm hơn. Nhưng vài năm tới, khi các khu công nghiệp và khu chế xuất được xây dựng, nó có thể chuyển dịch nhanh hơn.

Tóm lại, cơ cấu kinh tế ngoại thành nói chung đang chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Do vậy, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các huyện ngoại thành đã có sự cải thiện đáng kể. Năm 1993, sản lượng lương thực đạt 322 kg/người (tăng 7,8% so với năm 1990) ; số hộ giàu (thu nhập 10 triệu đồng/năm) chiếm 11,5%, số hộ khá - 49%, số hộ có mức thu nhập trung bình - 33,7%, số hộ nghèo từ 8,6% (năm 1990) giảm xuống 5,8%. Trong ba năm qua các huyện ngoại thành đã nâng cấp được 78 công trình thủy lợi với tổng số vốn đầu tư gần 20 tỉ đồng. Hiện nay, 97% số xã đã có điện cho sinh hoạt. Nhiều trường học kiên cố và cao tầng đã và đang được xây cất. 100% số xã có cơ sở y tế khang trang, mỗi bệnh xá đều có một phòng sản phụ với đầy đủ trang thiết bị do UNICEF tài trợ.

Tuy nhiên, nhiệm vụ mà Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hà nội đề ra cho năm 1995 còn khá nặng. Năm 1995, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Hà nội phải đạt mức : nâng tỷ trọng các ngành công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ lên 40%, hạ tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 68,9% (năm 1994) xuống còn 60%. Cơ cấu lao động như vậy cũng phải có sự chuyển dịch tương ứng : nâng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp từ 9,4% lên 20%; thương nghiệp, dịch vụ từ 6,5% lên 15%, hạ tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp xuống còn 65%. Về sản lượng lương thực (quy thóc) bình quân đầu người trong nông nghiệp phải đạt mức 350kg (so với 332 kg năm 1993). Về giá trị sản lượng trên một ha canh tác phải đạt mức 25 triệu đồng (so với 21,3 triệu đồng năm 1993). Về số hộ nghèo, phải giảm xuống dưới mức 5%.

Để thực hiện tháng lợi nhiệm vụ nêu trên, các huyện ngoại thành trước mắt cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề cốt yếu sau đây:

1. *Đặt việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ngoại thành trong toàn bộ cục diện chiến lược của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.* Đây là vấn đề có tính chiến lược, vì chọn hướng đi cho nông dân thì ngoài việc bám sát nhu cầu của thị trường, còn phả

Digitized by Google

có dự báo tốt về xu thế vận động có tính quy luật của nền nông nghiệp cả nước nói chung và của nền nông nghiệp ngoại thành Hà nội nói riêng để có thể chọn được những ngành nghề thích hợp. Có như vậy, mới có thể mạnh dạn đầu tư phát triển, tránh được cách làm tự phát, chắp vá, không tính đến lợi ích lâu dài, gây lãng phí các nguồn vốn đầu tư. Mặt khác, chọn được hướng tốt cho sự phát triển. Đây là "định chế" vô hình, nhưng lại rất có tác dụng đối với việc tạo thị trường đầu ra ổn định, đặc biệt cho các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, tiểu,. thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống phát triển.

2. Muốn có sự phát triển đồng bộ và bền vững, tính đến lợi ích lâu dài, không thể không *nhanh chóng xây dựng quy hoạch tổng thể cho các xã ven đô* với các khu công nghiệp mới, các cơ sở du lịch, dịch vụ, các trục đường giao thông... Quy hoạch đó phải được công bố công khai, rõ ràng, nó là *luật* để phát triển có tổ chức. Có như vậy các huyện ngoại thành mới có điều kiện quy hoạch tốt các mạng lưới thủy lợi, điện và giao thông nông thôn, tránh được tình trạng lộn xộn, chồng chéo, xây rồi lại phá, vừa lãng phí tiền của vừa cản trở sản xuất. Quy hoạch sẽ giúp cho nông dân chọn được hướng đầu tư đúng, sẽ giúp cho việc thực hiện Nghị định 64/CP và 02/CP của Chính phủ về giao đất, giao rừng, bảo đảm bà con yên tâm canh tác lâu dài, tránh được tình trạng tranh chấp và bán đất tùy tiện, vi phạm luật đất đai, gây tâm lý an xổi ở thì trong làm ăn. Trên cơ sở quy hoạch chung, mỗi huyện cần có quy hoạch riêng về xây dựng các trung tâm kinh tế - xã hội (thị xã, thị tứ), tạo các điểm giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học giữa các vùng, mở các điểm dịch vụ mua bán các sản phẩm làm ra.

3. *Sử dụng vốn huy động được sao cho có hiệu quả.* Huy động vốn đã khó, nhưng bỏ vốn vào đâu cho có hiệu quả còn khó khăn hơn. Muốn đầu tư có hiệu quả, phải cân nhắc kỹ các phương án trên cơ sở xử lý các thông tin tin cậy, kết hợp nhiều yếu tố khác nhau. Trước mắt, thành phố cần sớm có chính sách khuyến nông. Các quy định về cho vay vốn, chính sách thuế, việc xét duyệt giấy phép đầu tư cần thể hiện rõ *các hướng đầu tư chính* đang được ưu tiên. Để phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc giải phóng sức sản xuất, bám sát nhu cầu phát triển của xã hội, cần xác định rõ phạm vi các lĩnh vực nhà nước đầu tư và lĩnh vực khuyến khích các thành phần kinh tế, các cá nhân đầu tư.

4. *Khai thác và không ngừng mở rộng thị trường.* Trước hết, cần khai thác thị trường nội thành, vì đây là lợi thế so sánh của các huyện ngoại thành. Coi trọng thị trường tiêu thụ trong nước, đồng thời tìm kiếm các thị trường nước ngoài thông qua xuất khẩu, liên doanh bao tiêu sản phẩm... Cần có dự báo chiến lược về thị trường tiêu thụ lâu dài và ổn định để chủ động trong mọi điều kiện. Tìm cách giảm bớt thiệt thòi cho nông dân do cánh kéo giá cả giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp, góp phần khơi thông luồng vốn đầu tư, tích tụ cho sản xuất nông nghiệp. Trước mắt, cần có giải pháp bảo hộ hàng nông sản trong nước, tạo điều kiện cho nó vươn lên, cạnh tranh được với hàng ngoại nhập và hàng lậu.

5. *Phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, xã hội và ổn định chính trị.* Đây là vấn đề quan trọng, vì có ổn định chính trị, mới yên tâm phát triển kinh tế. Kinh tế phát triển mới có điều kiện bảo đảm tốt các chính sách giáo dục, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho bà con nông dân. Chính vì vậy, đi đôi với việc phát triển mạnh các vùng nông thôn, tạo những vùng có vai trò mũi nhọn, đi đầu trong xây dựng kinh tế, thành phố cần bảo trợ những vùng còn quá nghèo và lạc hậu, do điều kiện khách quan khó theo kịp các vùng khác. Chỉ như vậy mới tạo được một vành đai ngoại thành có trình độ phát triển tương đối đồng đều giữa các vùng, các xã và các thôn xóm. Đô thị hóa là xu thế phát triển tất yếu, vì vậy thành phố sẽ cố gắng tạo công ăn việc làm cho nông dân ở vùng ven đô và ở những vùng trọng điểm phát triển công nghiệp , dịch vụ theo quy hoạch, để bà con ở đó khỏi rơi vào tình trạng thất nghiệp do đất đai canh tác ngày một giảm.

Digitized by Google

Nhìn lại lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long năm 1994

XUÂN HẢI

1 Chịu ảnh hưởng của mưa thượng nguồn sông Mê công và một phần của mưa lớn sau các cơn bão và áp thấp nhiệt đới của Biển Đông, đồng bằng sông Cửu long thường bị lũ lụt. Từ năm 1961 đến nay đã xảy ra 6 cơn lũ lụt : 1961, 1966, 1978, 1984, 1991 và 1994. Bình quân hơn 6 năm xảy ra một cơn lũ, nhưng cũng có cơn cách nhau 12 năm (1966 và 1978), có cơn chỉ cách nhau 3 năm (1991 và 1994). Theo số liệu thủy văn, lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long thường bắt đầu từ cuối tháng 7 và lên tới đỉnh cao vào cuối tháng 10, thời gian ngập lụt thường kéo dài từ 3 đến 5 tháng.

Năm 1994 lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long đến sớm hơn các năm trước trên dưới một tháng, đỉnh lũ tuy chưa vượt mức cao nhất trong lịch sử (5 m 28) nhưng lại cao hơn mức lũ năm 1991. Năm qua lũ lụt kéo dài trên dưới ba tháng ; diện tích bị ngập rộng (tỉnh Đồng tháp diện tích thổ cư bị ngập tới 90-95%) ; nước trong nội đồng cao hơn lũ các năm trước. Đã vậy, lại gặp phải thời điểm triều cường cao nhất trong năm, nên lũ rút rất chậm, gây thiệt hại lớn cho một số vùng ở ven biển, như Sóc trăng, Cần thơ, Vĩnh long, Trà vinh, Bến tre ... Lũ năm qua, diện sạt lở cũng nhiều hơn so với lũ các năm trước ; mức sạt lở đặc biệt nặng ở những vùng dân cư đông như Sa đéc, Tân châu, Hồng ngự...

Lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long năm qua đã gây thiệt hại nặng về tính mạng, nhà cửa, tài sản của nhân dân cũng như về cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, trường học, bệnh xá...), để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, lâu dài về kinh tế, xã hội ở sáu tỉnh : Đồng tháp, An giang, Long an, Tiền giang, Cần thơ, Kiên giang. Theo số liệu của Phân ban chỉ đạo phòng chống lũ lụt miền nam, tính đến ngày 29-10-1994 có 350 người chết, trong đó có 281 là trẻ em. Số hộ nhà bị ngập là 554 911. 86 044 hộ với 435 185 người bị thiếu đói, 1 474 trường học bị ngập khiến cho 566 886 học sinh phải nghỉ học. 298 trạm y tế bị ngập, gây khó khăn lớn cho việc chữa bệnh của nhân dân. 70% đường giao thông nông thôn vùng tứ giác Long xuyên và Đồng tháp mười bị hư hỏng. 142 chiếc cầu bị sập. Toàn bộ hệ thống thủy lợi bị ảnh hưởng ; ước tính hệ thống kênh mương mỗi tỉnh bị bồi lấng phải khơi vét 7 đến 10 triệu m^3. Theo báo cáo của sáu tỉnh bị ngập lụt, sản lượng lúa bị mất, ước tính 200 000 tấn. Nhiều vườn cây ăn trái, cây đặc sản bị thiệt hại nặng (chỉ tính riêng các tỉnh Đồng tháp, Cần thơ, Vĩnh long và Tiền giang, diện tích vườn cây ăn trái bị thiệt hại tới 69 587 ha). Gần bốn tháng trời trên 1 triệu người không có việc làm; đời sống mọi mặt (ăn, ở, đi lại, chữa bệnh, học hành) của nhân dân rất khó khăn. Tính đến cuối tháng 11 năm 1994, tổng số thiệt hại ước khoảng trên 2000 tỉ đồng.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của trung ương là các địa phương phải bảo đảm tính mạng và tài sản của nhân dân, không để xảy ra chết người vì thiếu đói, không để các hộ phải màn trời chiếu đất, không để xảy ra dịch bệnh đối với người và gia súc, phải bảo đảm cho trẻ em được đến trường học sau khi nước rút, phải bảo đảm mọi điều kiện tốt nhất cho vụ lúa

Digitized by Google

đông - xuân đạt sản lượng cao nhất nhằm bù đắp những thiệt hại vừa qua, Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các tỉnh bị ngập lụt đã chủ động tích cực phòng tránh và giải quyết tốt các hậu quả của thiên tai. Ban chỉ huy chống lũ lụt từ xã đến tỉnh theo dõi chặt chẽ diễn biến của cơn lũ qua dự báo của đài khí tượng thủy văn khu vực và chấp hành tốt các hướng dẫn, chỉ đạo của Phân ban thường trực chống lũ lụt miền nam. Lãnh đạo các địa phương bám sát địa bàn, bám sát nhân dân, huy động các phương tiện cần thiết, phối hợp, tổ chức tốt các lực lượng bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân (như kịp thời di dời số hộ nhà ở nơi bị ngập, ở nơi bị xói lở ; kịp thời cứu trợ những người bị đói ; nắm chắc và xử lý nhanh mọi tình hình thiệt hại). Tổ chức, động viên và tạo mọi điều kiện để nhân dân thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu ; hướng dẫn nhân dân chủ động đắp bờ bao, khơi dòng chảy để bảo vệ lúa mùa, bảo vệ giống lúa quý, bảo vệ cây ăn trái. Vốn hỗ trợ của trung ương chưa về kịp, các địa phương đã chủ động xuất từ 7 đến 10 tỉ đồng cùng với sự đóng góp của nhân dân để làm công việc này. Nhờ vậy, đã hạn chế được nhiều thiệt hại. Lúa hè thu bị thiệt hại ít. Đồng tháp bảo vệ được 600 ha giống lúa thơm để xuất khẩu. Tiền giang bảo vệ được 1100 ha cây ăn trái... An ninh trật tự được giữ gìn tốt.

Ngay khi bước vào mùa lũ, Ủy ban phòng chống lụt bão trung ương đã nhắc nhở các địa phương theo dõi sát sao diễn biến của tình hình thời tiết, cảnh giác và chủ động có các phương án phòng tránh. Và khi xảy ra lũ, Phân ban miền nam của Ủy ban trực tiếp chỉ đạo 24 tiếng trong ngày suốt cả đợt lũ. Thủ tướng Chính phủ kịp thời cử đoàn công tác đặc biệt của Chính phủ do Bộ trưởng Bộ nông nghiệp phụ trách cùng với lãnh đạo các bộ liên quan phối hợp xuống tận các vùng lũ lụt khảo sát, nắm tình hình để báo cáo với Chính phủ và thay mặt Chính phủ giải quyết kịp thời các tình huống xảy ra. Thủ tướng và Phó thủ tướng Chính phủ cũng trực tiếp xuống một số tỉnh nắm tình hình và bàn bạc giải quyết dứt điểm các đề nghị của nhân dân và chính quyền địa phương. Trong tháng 10-1994 Thủ tướng đã ra Quyết định số 569 về các biện pháp cấp bách phòng chống và khắc phục hậu quả lũ lụt, ra Chỉ thị về phòng chống thiệt hại nguy cơ sụt lở đất. Sau đó, ngày 22-10-1994, Phó thủ tướng Trần Đức Lương thay mặt Chính phủ họp với các bộ, ngành và lãnh đạo các tỉnh kiểm điểm việc thực hiện các quyết định và hướng dẫn các việc làm tiếp tục khắc phục hậu quả lũ lụt, xói lở một cách tích cực. Chính phủ đã tập trung sức chỉ đạo sát sao, trực tiếp, kịp thời, cụ thể việc phòng, chống, khắc phục lũ lụt năm qua ở đồng bằng sông Cửu long. Chính phủ đã kịp thời xuất gần 100 tỉ đồng ngân sách, các bộ cũng xuất nhiều vật tư, giống, vốn, thuốc men để chi viện cho vùng bị lũ lụt. Ngân hàng các cấp đã kịp thời cho nhân dân vùng bị lũ lụt vay hàng trăm tỉ đồng với lãi suất thấp. Các đơn vị bộ đội chủ lực, địa phương, biên phòng, công an đã tích cực bảo vệ người, tài sản của nhân dân.

Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, các đoàn thể đều kịp thời đến vùng bị lũ lụt nắm tình hình, động viên cán bộ, nhân dân các địa phương đùm bọc, thương yêu nhau, đoàn kết cùng quyết tâm vượt qua thử thách do thiên tai gây ra.

Với tinh thần "lá lành đùm lá rách", "lá rách ít đùm lá rách nhiều", nhân dân vùng bị lũ lụt đã chủ động dấy lên phong trào tự cứu nhau ở từng xóm, từng xã, từng huyện, từng tỉnh. Có xã như xã Phú thành (huyện Phú tân, An giang) quyên góp được ngay 22 tấn lúa hỗ trợ kịp thời 41 hộ thiếu đói. Hoặc như xã Hưng hà (huyện Vĩnh hưng, Long an) là vùng kinh tế mới còn rất nhiều khó khăn, nhưng nhân dân đã nhanh chóng góp được 70 kg gạo và 30 bộ quần áo để cứu trợ. Không thể kể tên hết những tấm lòng, những con người cùng ở vùng bị ngập lụt, nhưng vẫn sẵn sàng nhường cơm sẻ áo giúp người khác khó khăn hơn qua cơn hoạn nạn.

Digitized by Google

Cả nước hướng về đồng bằng sông Cửu long, triệu triệu tấm lòng từ thiện hướng về vùng bị lũ lụt. Nhiều đoàn cứu trợ của các tỉnh, thành, bộ, công ty, cơ quan, trường học... đã chuyển tiền, lương thực, quần áo và đồ dùng gia đình tới tận tay các cô bác vùng bị ngập lụt. Thực hiện Chỉ thị của Ban bí thư trung ương, theo báo *Sài gòn giải phóng* ngày 25-11-1994, mới sau một tháng vận động cứu trợ đồng bào bị lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở 36 tỉnh, thành phố cùng 25 cơ quan, đơn vị ở trung ương đã quyên góp được 41 tỉ 241 triệu 974 ngàn đồng và nhận được 20 806 USD, 10 000 yên Nhật của các nước và các tổ chức quốc tế ủng hộ. Nhiều địa phương đã có nhiều hình thức vận động nhân dân ủng hộ kịp thời. Điển hình là TP Hồ Chí Minh, có phong trào vận động cứu trợ sớm, có nhiều đoàn cứu trợ của các nhà hảo tâm, các tổ chức đoàn thể, xí nghiệp từ phường, quận, huyện, thành phố đến tận nơi bị lũ lụt để cứu trợ. Theo báo *Sài gòn giải phóng* ngày 12-11-1994, TP Hồ Chí Minh đã quyên góp được 10 tỉ 82 triệu đồng cứu trợ (trong đó có 4,788 tỉ đồng, 9 235 USD và 40 tấn hiện vật trị giá 500 triệu đồng của 586 đơn vị, cá nhân gửi đến điểm tiếp nhận cứu trợ của Mặt trận Tổ quốc thành phố ; và 5,523 tỉ đồng của 83 đơn vị và tập thể chuyển thẳng tới vùng bị lũ lụt). Thành phố Hà nội vận động được 2 tỉ 629 triệu đồng...

Kiểm điểm việc thực hiện Quyết định số 569/TTg của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước về các biện pháp cấp bách phòng chống, khắc phục hậu quả lũ lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, Hội nghị liên bộ, liên ngành và lãnh đạo các tỉnh vùng lũ lụt đã khẳng định : các bộ, các ngành và địa phương đã nghiêm túc thực hiện chỉ thị của Chủ tịch nước và quyết định của Chính phủ với tinh thần trách nhiệm cao, bám sát tình hình cụ thể, có các biện pháp khắc phục hữu hiệu, triển khai có kết quả kịp thời việc cứu trợ, cứu tế và hỗ trợ nhân dân, tạo điều kiện phòng ngừa thiệt hại và tổ chức đời sống cho nhân dân. Nhân dân vùng bị lũ lụt có tinh thần chịu đựng, đoàn kết, thương yêu giúp nhau vượt qua mọi thử thách. Nhân dân cả nước dấy lên phong trào đóng góp kịp thời, khẩn trương cứu trợ vùng bị lũ lụt, chứng tỏ nhân dân ta có truyền thống đoàn kết, thương yêu, tương trợ thật sâu sắc, chỉ cần Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp biết khơi dậy là truyền thống ấy được nhân lên gấp bội. Tuy nhiên, nếu kiểm điểm thật nghiêm khắc, có thể thấy một số tỉnh chưa lường hết được diễn biến phức tạp của mùa lũ năm qua, bởi vậy việc chỉ đạo lúc đầu có phần chưa thật nhạy bén và thiếu kiên quyết. Ví dụ : chưa thật kiên quyết di dời dân ở những vùng nguy hiểm ; do khó khăn về ngân sách, có lúc còn lúng túng, chưa điều hành tốt việc hỗ trợ, chi viện kịp thời cho các đối tượng không có khả năng tự mua xuống, lưới, như các hộ nghèo, hộ kinh tế mới, hộ ở vùng sâu...

2 Thời điểm cứu trợ khẩn cấp đã qua, nay là giai đoạn gấp rút khắc phục hậu quả lũ lụt nhằm ổn định đời sống nhân dân và bảo đảm sản xuất vụ đông - xuân 1994 - 1995 đạt kết quả cao. Cùng với việc Đảng và Chính phủ ta tiếp tục vận động nhân dân cả nước và quốc tế hưởng ứng việc cứu trợ, các tỉnh bị lũ lụt đang tổ chức việc tiếp nhận, quản lý chặt chẽ các nguồn cứu trợ, kịp thời chuyển xuống cơ sở, đưa đến đúng người cần được cứu trợ, quyết không để xảy ra hành vi tiêu cực trong lĩnh vực này.

Thủ tướng Chính phủ đã quyết định cho các hộ nông dân thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ kinh tế mới... ở các tỉnh bị lũ lụt vay 150 tỉ đồng với lãi suất ưu đãi. Ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm cố gắng bảo đảm đủ giống, phân bón, thuốc trừ sâu... Ngành y tế có biện pháp cụ thể bảo đảm việc phòng chống dịch bệnh. Ngành giáo dục chăm lo cho các cháu học kịp, học đủ chương trình . Ngành giao thông, thủy lợi tích cực khôi phục đường sá, cầu cống, nạo vét kênh

Digitized by Google

mương... Ngành thương mại, tài chính... phối hợp để không có biến động về giá cả lương thực, phân bón và các vật tư khác, làm ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống nhân dân...

Bên cạnh những nhiệm vụ trước mắt như trên, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo các bộ, các ngành ở trung ương nghiên cứu lập phương án quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cho đồng bằng sông Cửu long, trong đó coi trọng xây dựng các giải pháp phòng chống lũ lụt lâu dài, cơ bản, phù hợp với đặc điểm vùng này. Đây là công việc cực kỳ quan trọng, quyết định toàn bộ xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của một vùng dân cư lớn, liên quan tới toàn bộ chiến lược phát triển của quốc gia. Điều này đương nhiên không dễ, vì nó đòi hỏi phải giải quyết rất nhiều vấn đề về nhận thức, hành động, tiền vốn, vật tư, phong tục, tập quán...

Trước hết, chúng ta đều biết, lũ sông Tiền và sông Hậu phụ thuộc nhiều vào thượng nguồn sông Mê công và khí tượng trong khu vực. Muốn phòng tránh, hạn chế được lũ, không thể không nắm chắc quy luật hoạt động của lũ. Phải đặt lũ sông Tiền và sông Hậu trong mối liên hệ tổng thể với hoạt động của sông Mê công, với đặc điểm địa hình khu vực, với thói quen sản xuất và tâm lý sinh hoạt của người dân đồng bằng sông Cửu long.

Người dân ở lưu vực sông Tiền, sông Hậu bao thế hệ đã phải "chung sống" với lũ lụt, có kinh nghiệm phòng tránh trước sự thất thường của các cơn lũ. Họ chấp nhận năm được, năm thua với trời. Lũ đối với nông dân đồng bằng sông Cửu long có cái được và có cái mất. Được phù sa mầu mỡ cho đất, được vệ sinh ruộng đồng, được cá tôm, nhưng mất cũng nhiều. Mất người, mất nhà cửa, mất mùa màng, cây trái ... Trong cơn lũ, đời sống người dân thật cơ cực : thiếu nước ăn, nước rửa; người chết không có chỗ chôn ; ốm đau, sinh đẻ không có nơi chăm sóc... Tuy làm ra nhiều thóc gạo, cây trái, nhưng tới nay nhiều gia đình vẫn nghèo, chưa xây dựng được nhà gạch chắc chắn. Tâm lý một năm làm một vụ lúa hè thu xong là nghỉ ngơi, thả lưới, giăng câu bắt cá, còn khá phổ biến. Nhân dân ở đây ít có tâm lý ỷ vào nhà nước, họ chủ động góp sức cùng nhau làm thủy lợi, sản xuất và sinh sống, đấy là một truyền thống rất quý báu.

Ngày nay, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta quyết tâm đưa đồng bằng sông Cửu long lên thành một vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; biến nó thành một vùng kinh tế quan trọng, ổn định, một vựa lúa lớn để không ngừng cải thiện đời sống nhân dân và tăng phần xuất khẩu. Và giải pháp cơ bản để chống lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long, như trên đã nói, phải là giải pháp tổng thể, toàn diện về kinh tế - xã hội. Giải pháp ấy đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược, phải có sự đầu tư lớn, tập trung của cả nước, không thể manh mún, nhỏ giọt. Vì vậy, cần khắc phục những cách nhìn phiến diện, theo từng lĩnh vực, từng ngành chuyên môn... Bên cạnh việc khai thác kinh nghiệm của nhân dân, cần thuyết phục nhân dân mạnh dạn thay đổi tập quán canh tác, sinh hoạt... không còn phù hợp.

Giải pháp tổng thể, lâu dài, cơ bản phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long đòi hỏi một sự nghiên cứu khoa học, kỹ lưỡng và thận trọng, không thể nôn nóng và hấp tấp. Cùng với định hướng đúng, Đảng và Chính phủ cần có chính sách phù hợp, động viên nhân dân trong vùng tích cực hưởng ứng.

Với những nhận thức như thế, tuy còn ý kiến khác nhau, nhiều đồng chí lãnh đạo trong vùng, nhiều nhà khoa học trên các lĩnh vực khí tượng, thủy văn, giao thông, nông nghiệp, xã hội học, dân tộc học... đã kiến nghị với nhà nước trước mắt cần tập trung làm một số công việc sau :

a) Có kế hoạch xây dựng tổng thể về hạ tầng và khu dân cư ở khu vực này. Kế hoạch đó phải thống nhất, kết hợp từng địa phương với khu vực, kết hợp chặt chẽ giao thông với thủy lợi, xây dựng, sản xuất... Chẳng hạn, không làm đường giao thông cao hơn đỉnh lũ; hạn chế đường giao thông cắt ngang dòng

Digitized by Google

chảy ; khi có lũ, ngăn nước có mức độ, coi trọng hướng lái dòng chảy, đầu tư cho các hướng thoát lũ phía tứ giác Long xuyên ra biển phía tây... Xây dựng các vùng dân cư tập trung mới với nền đất cao, ổn định, trồng nhiều cây lớn bao quanh. Lo toàn diện cho khu dân cư từ nhà ở đến trường học, giếng nước, nghĩa trang. Chú ý xây dựng các hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện, bảo đảm phát điện an toàn. Nhà ở phải xây kiên cố, chịu đựng được ngâm nước, phải cao hơn đỉnh lũ ; mỗi nhà phải có ít nhất một con thuyền dự trữ... Học sinh ở vùng này cần có thời khóa biểu và lịch học riêng trên cơ sở bảo đảm đúng chương trình chung của bộ. Các chế độ y tế, đặc biệt phòng chống các dịch bệnh, phải được quan tâm cụ thể hơn.

b) Tính toán kỹ việc bố trí lại vụ mùa, cơ cấu cây trồng và vật nuôi thích hợp ; quy hoạch vùng cây ăn trái và có kế hoạch khoanh vùng đắp đê bao bảo vệ. Có kế hoạch toàn diện trong việc khai thác vùng đất mới Đồng tháp mười.

c) Xây dựng phương án cứu hộ lũ lụt, tổ chức huấn luyện, đầu tư cho các phương tiện cứu hộ khi lũ lụt. Chú trọng phương tiện thông tin liên lạc và xuống dự phòng.

d) Tăng cường nghiên cứu toàn diện về đồng bằng sông Cửu long ; trong đó chú trọng nghiên cứu về sông Mê công, đặc biệt là sông Tiền, sông Hậu, nghiên cứu về địa chất ở khu vực này, trên cơ sở đó có dự báo xa về xói lở, về lũ lụt. Tăng cường các điều kiện để phát huy vai trò và tác dụng của Ủy ban sông Mê công.

a) Tăng cường tài chính, có chiến lược về vốn cho việc phát triển đồng bằng sông Cửu long. Cho nhân dân vay vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi để dân có thể đẩy mạnh sản xuất, làm nhà kiên cố, mua sắm phương tiện phòng chống lũ lụt... Xây dựng mô hình kiểu mẫu về khu dân cư mới, về nhà chịu đựng được qua các mùa lũ, về các trạm bơm, về các con đường... từ đó nhân rộng ra toàn vùng.

Đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở TP Hồ Chí Minh

NHẬT TÂN

THỜI gian gần đây, những tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ mại dâm, ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh diễn ra phức tạp và có chiều hướng tăng lên. Đảng bộ và chính quyền thành phố đang lãnh đạo các lực lượng chuyên trách, các ban, ngành, đoàn thể, cùng với nhân dân tích cực ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội này, nhằm bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng lối sống lành mạnh, tốt đẹp.

Theo số liệu điều tra, tính đến 31/5/1994 toàn thành phố có khoảng 50 nghìn gái mại dâm, chiếm 69% tổng số gái mại dâm của cả nước ; khoảng 20 nghìn người nghiện ma túy, chiếm 23% tổng số người nghiện ma túy trong cả nước.

Tệ nạn mại dâm, ma túy đang len lỏi vào các tầng lớp dân cư của thành phố. Trong số gái mại dâm có 13,01% làm nghề thủ công, 13,54% làm ruộng, 38,81% buôn bán, 20,01% làm thuê, 8,64% là công nhân và 10,96% làm nội trợ. Trong số người nghiện ma túy có 15% là công nhân, 7% là học sinh, sinh viên, và 78% là không nghề nghiệp.

Hoạt động mại dâm, ma túy diễn ra phức tạp ở các khu vực trọng điểm của thành phố, như khu vực Cầu hàng nằm trên đường Trần Xuân Soạn, trục đường giao thông chính của huyện Nhà bè, nơi tập trung nhiều khách vãng lai, buôn bán tấp nập, ở đây có nhiều hộ chứa gái mại dâm hoặc bán nước trá hình để làm môi giới mại dâm, hàng ngày có trên 50 gái mại dâm hoạt động. Khu vực Tân cảng có 56 quán, 9 nhà trọ có hoạt động mại dâm, trung bình hàng ngày có khoảng 100 gái mại dâm hoạt động. Khu vực Bạch đằng - Cầu mống - Công viên 23- 9 - ngã sáu Nguyễn Văn Cừ là tụ điểm tiêm chích ma túy. Tại đây, qua một

Digitized by Google

đợt kiểm tra, thành phố đã bắt 13 đối tượng đang cầm kim hành nghề tiêm chích, thu giữ 1200 phân khối thuốc nước ma túy, 200 ống thuốc kích thích và hàng trăm vỏ ống, kim chích ma túy, đưa 195 người nghiện ma túy vào trung tâm giáo dục dạy nghề.

Hoạt động mại dâm, ma túy còn diễn ra ở các nhà chứa, các động chích, hoặc lén lút trong các khách sạn, nhà nghỉ, vũ trường, quán bia ôm, ka-ra-ô-kê, tiệm hớt tóc, mát xa... nằm rải rác trong thành phố. Kết quả hai đợt kiểm tra trọng điểm của thành phố từ đầu năm đến nay cho thấy : trong số 232 nhà hàng, khách sạn, 169 quán cà phê, bia, tiệm hớt tóc bị kiểm tra, có tới 10 nhà hàng, 28 quán bia ôm bị cảnh cáo ; 9 nhà hàng, khách sạn, 30 quán cà phê ôm, bia ôm bị xử phạt hành chính; 26 nhà hàng, 22 quán bia và ba trung tâm cho thuê phòng ngủ tại 3 khu du lịch Mũi tàu, Gấu đỏ, con Nai vàng, bị rút phép kinh doanh vì liên quan đến mại dâm, ma túy.

Hoạt động mại dâm, ma túy không chỉ dừng trong phạm vi thành phố, mà còn có nhiều đường dây đi đến các nơi khác trong và ngoài nước. Ví dụ, đường dây sex-tour Bắc-Nam tại 54 Lê thị Riêng (quận 1) chuyên tuyển gái từ Hà nội, Hải phòng đưa vào thành phố bán dâm ; đường dây đưa gái qua Cam-pu-chia và từ đó đưa đi Ma-cao, Xin-ga-po ; đường dây buôn bán ma túy qua Cam-pu-chia, Thái lan, Mỹ...Các đường dây này thường núp dưới danh nghĩa du lịch, hoặc móc nối, lợi dụng các chủ phương tiện vận tải để hoạt động. Ví dụ, vụ gửi lá cần sa qua tàu viễn dương ra nước ngoài nhiều lần mà thủy thủ cứ tưởng là thuốc nam chữa bệnh, hoặc vụ gửi chiếc chân ra nước ngoài nặng 5,95 kg có tẩm 3 kg thuốc phiện...

Tệ nạn mại dâm, ma túy đã để lại hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt là lây lan bệnh SIDA hay AIDS. Trong số 794 người ở thành phố bị lây nhiễm bệnh này thì tới 93,59% là người nghiện ma túy, 0,53% là gái mại dâm.

Tệ nạn mại dâm, ma túy ở thành phố đang thực sự là mối lo ngại của nhiều gia đình và nhiều người.

*

Sau giải phóng, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành liên tục công tác phòng chống tệ nạn xã hội, trong đó chú trọng tệ nạn mại dâm, ma túy, và đã đạt được kết quả bước đầu. Nhưng những năm gần đây, tệ nạn mại dâm, ma túy lại phát triển mạnh, không ít người quay lại con đường lầm lỗi.

Có ý kiến cho rằng đó là hiện tượng không tránh khỏi của nền kinh tế thị trường và mở cửa. Nền kinh tế thị trường và mở cửa tuy có làm nảy sinh một số quan hệ mới, nhu cầu mới tạo điều kiện kích thích các tệ nạn xã hội phát triển, nhưng nền kinh tế thị trường của chúng ta có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta vừa phát triển kinh tế vừa phải giữ cho xã hội ổn định, lành mạnh, có ý thức chống lại các tệ nạn xã hội.Sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội đòi hỏi nhà nước cùng nhân dân phải kiên quyết đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Nếu xem xét kỹ thì tệ nạn mại dâm, ma túy có nhiều nguyên nhân về kinh tế, xã hội, tâm lý con người, sự quản lý của nhà nước... Có nguyên nhân thuộc về đối tượng, do đối tượng có lối sống bệnh hoạn, đua đòi hoặc do hoàn cảnh éo le đưa đẩy... Có nguyên nhân về đời sống, vì số người bị lôi kéo vào con đường mại dâm, ma túy chiếm tỷ lệ khá cao ở những người không có công việc làm, nghèo khổ. Song cần chú trọng đến nguyên nhân về sự quản lý của nhà nước : chưa đáp ứng được nhu cầu về đời sống của nhân dân ở một thành phố đông người ; không tạo được nhiều việc làm cho người lao động ; không có những biện pháp chặt chẽ và có hiệu lực quản lý các mặt xã hội, đặc biệt là quản lý ngành dịch vụ, du lịch, giải trí...

Để tăng cường công tác chống tệ nạn xã hội, đảng bộ và chính quyền thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo bài trừ tệ nạn xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đứng đầu ; thành lập Ủy ban phòng chống AIDS. Ở 18 quận, huyện cũng thành lập Ban chỉ đạo bài trừ tệ nạn xã hội.

Đảng bộ và chính quyền thành phố chủ trương kết hợp giữa "xây và chống"; vừa xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và lối sống lành mạnh, vừa chống các tệ

Digitized by Google

nạn xã hội, trước hết là tệ nạn mại dâm, ma túy và ngăn chặn hiểm họa lây nhiễm bệnh AIDS, bài trừ văn hóa đồi trụy, độc hại. Việc mở rộng cơ chế thị trường và quan hệ với bên ngoài đòi hỏi phải tạo sức đề kháng của xã hội đối với các tệ nạn đó, trước hết từ gia đình, trường học đến cơ quan, xí nghiệp, đoàn thể. Có những biện pháp cụ thể đi vào chiều sâu, xây dựng con người, gia đình, xã hội có văn hóa ; cán bộ đảng viên coi việc bản thân và gia đình mình sống có văn hóa, không lây nhiễm các tệ nạn xã hội, là một yêu cầu bắt buộc thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu của mình để lôi cuốn toàn xã hội.

Trong hành động, thành phố lấy phương châm "ngăn ngừa, giáo dục là chính", vì trên thực tế, nếu đã sa vào con đường mại dâm, ma túy, thì rất khó dứt bỏ. Suốt bao nhiêu năm nay, thành phố đã tốn nhiều thời gian, tiền của để giáo dục, chạy chữa cho các đối tượng đó, nhưng khi hòa nhập với cộng đồng, bị các tác động khác nhau, nhiều người trong họ lại sa vào con đường cũ. Thành thử cứ diễn ra cái vòng luẩn quẩn : tập trung giáo dục, - cho về nhà - lại tập trung giáo dục - cho về nhà, và cứ thế mãi, khó mà thoát ra được.

Bên cạnh việc chú trọng các biện pháp cơ bản, lâu dài, (như cố gắng đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, khắc phục tình trạng nghèo khó, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân), trước mắt thành phố tập trung vào một số việc nhằm tạo nên sức mạnh thực sự ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn nói trên.

1- Tăng cường giáo dục lối sống lành mạnh, nâng cao sức đề kháng trong nhân dân đối với tệ nạn xã hội.

Thành phố xem đây là biện pháp hàng đầu, vì một khi người dân biết đề cao nhân phẩm, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, có lối sống lành mạnh, hiểu rõ tác hại của tệ nạn mại dâm, ma túy và hiểm họa AIDS, thì không dễ gì tệ nạn đó làm hại họ được.

Thành phố chú ý nhiều hơn đến bộ phận dân cư ở vào hoàn cảnh dễ bị sa vào tệ nạn xã hội, như đời sống khó khăn ; đông con ; bố mẹ già yếu ; bị bệnh tật ; gặp tai nạn, mất mát... Những người không may gặp cảnh éo le, bị sa cơ lỡ vận phải làm dịch vụ ở các quán cà phê ôm, bia ôm, bán hàng ôm, ka-ra-ô-kê, v.v.; những người có lối sống sa đọa, "đua đòi", thích chơi trội theo kiểu "anh chị", thích lối sống gấp ; những người sẵn sàng làm nghề cung cấp dâm, bán dâm, cung cấp ma túy, bán ma túy miễn sao có nhiều tiền.

Những năm trước, thành phố có phần nặng về lo phát triển kinh tế, ít quan tâm đến công tác giáo dục lối sống lành mạnh, nên đã tạo kẽ hở cho tệ nạn mại dâm, ma túy phát triển. Gần đây thành phố đã chấn chỉnh lại, chăm lo hơn đến công tác này ; các sở, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể trong toàn thành phố có sự phối hợp tốt; 358 cán bộ cấp thành phố và 7357 cán bộ cấp quận, huyện đã được tập huấn, làm tuyên truyền viên về phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy và hiểm họa AIDS. Đoàn thanh niên của Sở lao động - thương binh và xã hội phối hợp với Thành đoàn và Hội mỹ thuật thành phố tổ chức thi vẽ được 253 bức tranh về đề tài phòng, chống mại dâm, ma túy, AIDS. Thành đoàn cũng đã tổ chức hai phòng triển lãm tranh thu hút hàng nghìn đoàn viên thanh niên tham gia, phát hành trên 10 nghìn tài liệu bướm, tranh cổ động, hơn 30 nghìn áp phích về phòng, chống mại dâm, ma túy, AIDS. Nhiều quận, huyện đã mở những đợt triển lãm, tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng chống mại dâm, ma túy, AIDS bằng các hình thức phong phú : xe loa phát thanh ; treo panô, áp phích nơi đông người qua lại. Các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố như đài, báo, truyền hình, đã đăng tải và phát đi hàng trăm bài điều tra, nghiên cứu, phóng sự, phỏng vấn về tệ nạn mại dâm, ma túy, AIDS. Riêng kênh 7 của đài truyền hình thành phố đã liên tục phát chương trình "ma túy là hiểm họa của mọi người".

2- Phối hợp hoạt động giữa các ban, ngành, đoàn thể trong toàn thành phố, phát động phong trào quần chúng rộng khắp để phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy.

Mại dâm, ma túy là tệ nạn xã hội, khó khắc phục, đòi hỏi toàn xã hội phải tích cực tham gia ngăn chặn. Đảng bộ và chính quyền thành phố lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ với nhau, tùy theo điều kiện khả năng của từng tổ chức mà đảm nhận những

Digitized by Google

công việc thích hợp. Sở giáo dục và đào tạo đã đưa việc phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy và lây nhiễm AIDS vào chương trình giảng dạy tại các trường. Sở thương mại đã phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra hành chính nhiều đợt các nhà hàng, khách sạn. Sở du lịch thực hiện chương trình huấn luyện cho các hướng dẫn viên du lịch ; hướng dẫn các nhà hàng, khách sạn, vũ trường xây dựng nội quy hoạt động, chấp hành đúng các chủ trương phòng chống hoạt động mại dâm, ma túy trong đơn vị. Sở y tế tuyên truyền giáo dục các biện pháp phòng chống lây nhiễm bệnh AIDS; tổ chức xét nghiệm, quản lý, giám sát, tham vấn chữa trị những người bị nhiễm bệnh AIDS. Sở tư pháp tuyên truyền các chủ trương, chỉ thị của Chính phủ, của Ủy ban nhân dân thành phố về phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy, và đề xuất các hình thức xử lý các đối tượng vi phạm cho phù hợp với pháp luật. Sở lao động - thương binh và xã hội thành lập các trạm tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết các tệ nạn xã hội ; nâng cấp, mở rộng các trung tâm phục hồi nhân phẩm, các trung tâm cai nghiện ; triển khai việc sử dụng quỹ quốc gia cho vay giải quyết việc làm cho các đối tượng mại dâm, ma túy. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, xã hội có nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục về tác hại của tệ nạn mại dâm, ma túy, AIDS và vận động xây dựng lối sống lành mạnh, có văn hóa, tạo nên phong trào quần chúng phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy rộng khắp trong thành phố.

3- Coi trọng công tác phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy trên địa bàn dân cư.

Việc phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy ngay tại địa bàn dân cư, là rất quan trọng. Thành phố đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện sự quản lý nhà nước về mặt xã hội tại các địa bàn dân cư. Những phường 14, 15, 16 (quận 4) ; phường 13 (quận 6) ; phường Phạm Ngũ Lão (quận 1)... đã có những biện pháp quản lý tốt các đối tượng tại địa bàn. Tùy theo mức độ vi phạm của các đối tượng tệ nạn xã hội mà các tổ dân phố, khu phố, chính quyền, đoàn thể, phường, xã phê bình, bắt làm kiểm điểm, làm cam đoan không tái phạm.

Địa bàn dân cư còn là nơi quyết định sự tái hòa nhập với cộng đồng của các đối tượng tệ nạn sau khi ra khỏi các trung tâm giáo dục. Thực tế vừa qua cho thấy, các đối tượng từ các trung tâm trở về, lại trở lại con đường cũ với tỉ lệ cao (70-75% đối với người nghiện ma túy, và trên 50% đối với người mại dâm) phần lớn là do nơi có người trở về đã không tạo được môi trường thuận lợi cho họ hòa nhập (như còn kỳ thị, định kiến, không tạo cho họ có được việc làm ổn định, bảo đảm đời sống). Nhận rõ điều này, thành phố đã khuyến khích các cơ quan, đoàn thể phối hợp với các địa bàn dân cư tạo điều kiện cho các đối tượng tái hòa nhập với cộng đồng. Từ đầu năm đến nay, Trung tâm giáo dục dạy nghề phụ nữ đã phối hợp với Thành hội phụ nữ, Quận hội phụ nữ giúp đỡ những chị em lầm lỡ trở về địa phương, và đã tạo được việc làm cho 70 chị em. Sở lao động - thương binh và xã hội và Thành hội phụ nữ đã trợ vốn sản xuất cho 37 chị em. Quận hội phụ nữ quận 4 đã giúp vốn, tạo điều kiện cho 89 chị em không quay trở lại con đường cũ. Các trung tâm dạy nghề của thành, quận sẵn sàng tiếp nhận các đối tượng trở về. Một số quận, huyện đã tổ chức họp mặt chị em để nghe tâm tư, nguyện vọng và bàn bạc cách giải quyết. Kết quả ở các quận, huyện đó là : 369 chị em được giúp làm kinh tế gia đình, 110 chị em được dạy nghề miễn phí, 122 chị em được giới thiệu việc làm , 137 chị em được giúp vốn từ 200 nghìn đến 500 nghìn đồng. Chính quyền, đoàn thể một số nơi đã gần gũi những người cai nghiện, giúp họ tự tin, ổn định tâm lý, xóa bỏ mặc cảm, lại được học nghề, giới thiệu việc làm, khiến họ thêm tin tưởng vào sự giúp đỡ của chính quyền, đoàn thể mà quyết tâm cai nghiện. Đoàn thanh niên đã triển khai chương trình giúp đỡ những thanh niên nghiện ma túy trở lại đời thường, làm thử ở quận 1, quận 4 với 170 đối tượng theo trình tự 3 bước : tiếp cận gia đình; theo dõi cắt cơn nghiện; và trợ vốn tạo việc làm sau cai nghiện.

4- Truy quét các tụ điểm mại dâm, ma túy và nghiêm trị bọn chủ chứa, chủ chích, môi giới.

Sở công an đã phối hợp với Sở lao động - thương binh và xã hội, với Thành đoàn và một

Digitized by Google

số lực lượng khác của thành phố, tiến hành truy quét có hiệu quả các tụ điểm mại dâm, ma túy, đất sống của bọn chủ chứa, chủ chích, ma cô dắt mối. Các tụ điểm thuộc tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (quận 1, quận 3), khu vực Cầu hàng (huyện Nhà bè), khu vực Tân cảng (quận Bình thạnh), khu vực bến Bạch đằng - Cầu móng - ngã sáu Nguyễn Văn Cừ (quận 1), xóm Trũng (huyện Thủ đức), đường Ngô quyền (quận 5), khu vực Lê Hồng Phong (quận 10), bến xe Miền đông (quận Bình thạnh), Công viên Hoàng Văn Thụ (quận 10) v.v. là những nơi tập trung nhiều nhất các chủ chứa, chủ chích, thời gian qua đã bị truy quét. Qua các đợt truy quét, đến nay hoạt động của bọn chủ chứa, chủ chích có phần giảm bớt, ít nhộn nhịp và tráng trợn như trước, nhưng tình hình vẫn phức tạp, vì bọn chủ lớn tuy đã bị quét nhưng bọn đàn em lọt lưới vẫn tiếp tục hoạt động, nhen nhóm các tụ điểm nhỏ, phân tán. Nhiều đường dây buôn bán gái mại dâm, ma túy trong nước và quốc tế có đầu mối tại thành phố đã bị phá bỏ. Kết quả trong năm 1993 và 5 tháng đầu năm 1994, thành phố đã bắt giữ 304 vụ mại dâm gồm 1464 đối tượng, trong đó đã xóa bỏ 199 ổ chứa gái mại dâm gồm 777 đối tượng và 5 đường dây buôn bán gái mại dâm ; bắt giữ 78 vụ mua bán, vận chuyển ma túy gồm 181 đối tượng, thu 72,1 kg thuốc phiện, 7,4 kg hê-rô-in, 35 kg cần sa và 1 kg cô-ca-in ; bắt giữ 359 vụ tiêm chích ma túy gồm 661 đối tượng, thu 19 bộ bàn đèn, 1 nồi nấu thuốc, 6 cân tiểu li, 3708 phân khối ma túy nước, 92 ống chích các loại và 10771 ống thuốc gây nghiện do nước ngoài sản xuất.

5. Thay đổi điều kiện, phương tiện tiếp nhận, quản lý và giáo dục các đối tượng mại dâm, ma túy tại các trung tâm giáo dục.

Với nhận thức các đối tượng mại dâm, ma túy là nạn nhân của xã hội, thành phố chủ trương kiên trì giáo dục, cải tạo và tạo điều kiện cho họ hòa nhập với cộng đồng. Việc tiếp nhận, quản lý và giáo dục các đối tượng không chỉ để nuôi ăn và chữa trị cho họ, mà còn để giúp họ rèn luyện lao động, học nghề, xây dựng lối sống, gia đình và tìm việc làm. Trung tâm giáo dục dạy nghề thanh niên ở Bình triệu đã tổ chức dạy các nghề mộc, may và xây dựng cho các đối tượng nghiện ma túy. Trung tâm giáo dục dạy nghề phụ nữ ở Thủ đức đã dạy nghề may cho chị em là gái mại dâm. Trường giáo dục Phúc văn, Trường giáo dục lao động Tân hiệp đã xây dựng gia đình cho hơn 100 cặp đối tượng là gái mại dâm, ma túy, và giúp họ ổn định đời sống ngay trên vùng đất mới của nông trường. Từ đầu năm đến nay, các trung tâm giáo dục của thành phố đã tiếp nhận 1473 lượt người là gái mại dâm, trong đó 784 người đã cho về hòa nhập với gia đình và địa phương, 437 người đã cho đi lao động ở các nông trường ; đã tiếp nhận 1929 lượt người nghiện ma túy, trong đó đã cắt được cơn nghiện và cho về gia đình được 494 người, còn 758 người chuyển đi lao động ở nông trường.

Những biện pháp nói trên đã có tác dụng nhất định trong việc ngăn chặn các tệ nạn mại dâm, ma túy ở thành phố. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc phải làm tiếp và tích cực, chủ động hơn nữa để có thể ngăn chặn và đẩy lùi căn bản các tệ nạn xã hội. Cần xử lý nghiêm bọn chủ chứa, chủ chích, môi giới, buôn bán dâm và ma túy ; đồng thời có biện pháp xử lý thích đáng đối với những người mua dâm, tạo nên dư luận xã hội mạnh mẽ lên án họ. Đối với cán bộ, đảng viên sai phạm, cần kỷ luật nghiêm khắc. Làm như vậy mới gây được niềm tin trong nhân dân. Quản lý chặt hơn việc buôn bán các loại thuốc có chứa chất ma túy ; các cửa hàng, quán giải khát, tiệm hớt tóc, quán trọ, khách sạn... không để xảy ra hiện tượng mại dâm, ma túy.

Coi trọng việc phòng ngừa, không để những người mới sa vào con đường mại dâm, ma túy. Tăng thêm kinh phí cho chương trình phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, để có tiền chi thêm cho việc giáo dục, chữa bệnh, dạy nghề và giải quyết việc làm cho những nạn nhân của tệ nạn này.

Với quyết tâm và những kết quả, kinh nghiệm đạt được vừa qua, được sự giúp đỡ của trung ương và các địa phương khác, thành phố Hồ Chí Minh sẽ còn thu được những kết quả lớn hơn trên mặt trận đấu tranh phức tạp này.

Digitized by Google

TUỔI TRẺ HIỆN NAY

ĐOÀN NAM ĐÀN*

TUỔI trẻ nước ta hiện nay được thừa hưởng một gia sản cách mạng quý giá. Họ lớn lên trong một đất nước độc lập, tự do, hoàn toàn không bị ảnh hưởng của nền giáo dục nô dịch như những thế hệ trước.

Lớp trẻ ở thập kỷ 90 này là những người rất nhạy bén, đồng tình, hưởng ứng sự nghiệp đổi mới của Đảng. Họ đang trân trở và cảm nhận nỗi đau của một dân tộc có truyền thống dựng nước và giữ nước, nhưng lại nghèo nàn và lạc hậu. Họ biết rằng, cha ông vì cái nhục mất nước mà vùng lên đấu tranh làm nên Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Và họ, vì cái nhục nghèo khó, sẽ phải phấn đấu để có được một nước Việt nam phát triển về kinh tế - xã hội, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Song, những năm gần đây, trong tuổi trẻ nổi lên một số biểu hiện rất đáng lo ngại :

Nhiều đoàn viên thanh niên không tham gia các hoạt động của tổ chức Đoàn. Đoàn thanh niên cộng sản đối với họ không còn sự hấp dẫn. Ở bộ phận thanh niên này, lý tưởng xã hội chủ nghĩa đang mờ nhạt dần, hiểu biết về sự lãnh đạo của Đảng không đầy đủ. Nguyện vọng phấn đấu vào Đảng của tuổi trẻ ở từng đối tượng có khác nhau, nhưng nhìn chung có nhiều thanh niên không muốn phấn đấu vào Đảng. Báo cáo của Ban chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà nội cho biết : từ 1986 về trước, số người trong độ tuổi thanh niên gia nhập Đảng thường chiếm trên 50% so với tổng số người được kết nạp vào Đảng; đến năm 1988 còn 44,5%; năm 1989 : 40,5% ; năm 1990: 40%; năm 1991 : 38%. Có những khu vực, những đơn vị, số thanh niên có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng đạt tỷ lệ rất thấp (10 - 15%). Cá biệt, có những nơi thanh niên hầu như chưa suy nghĩ đến việc phấn đấu vào Đảng. Từ năm 1993 đến nay số lượng thanh niên trong cả nước được kết nạp vào Đảng tăng, song tỷ lệ so với tổng số đảng viên mới được kết nạp còn thấp.

Việc làm là mối quan tâm hàng đầu hiện nay của thanh niên. Qua một cuộc điều tra xã hội học thì thấy, có tới 73,2% thanh niên quan tâm và lo lắng đến việc làm và nghề nghiệp. Nghề kinh doanh buôn bán được thanh niên yêu thích nhất (chiếm 30% trong tổng số 18 ngành nghề được nêu). Số thanh niên ham thích các hoạt động sản xuất công nghiệp chiếm 20% và số ham thích công tác nghiên cứu khoa học chỉ chiếm 12,4%.

Trong công tác giáo dục, do chưa đầu tư tốt, cùng với đời sống của một bộ phận dân cư quá thấp, cho nên hiện tượng thanh, thiếu niên mù chữ và tái mù chữ đang có chiều hướng gia tăng. Hiện nay, trong cả nước, có trên 2 600 000 người ở độ tuổi từ 6 đến 29 đang mù chữ.

Nền giáo dục ở nước ta thiếu điều kiện cần thiết để hiện đại hóa, nội dung và phương pháp giáo dục lại chưa thật chặt chẽ, chưa bắt kịp với sự chuyển biến nhanh chóng của cuộc sống, hơn nữa việc làm khó kiếm... đã khiến cho nhiều thanh, thiếu niên không thiết tha với việc học tập. Vì thế, ở các trường phổ thông, số học sinh lưu ban và bỏ học ngày càng nhiều : Năm học 1993 - 1994 tỷ lệ học sinh bỏ học ở cấp I là 9,24%, cấp II là 17,3% và cấp III là 12,3%. Tỷ lệ trung bình trẻ em học hết lớp 5 là 50%, trong khi đó ở khu vực là 83% và thế giới là 68%.

Suốt mấy chục năm qua, thanh, thiếu niên các dân tộc thiểu số ít được học tập đến nơi, đến chốn. Rất nhiều thanh, thiếu niên bị mù chữ. Số người học trong các trường đại học, cao đẳng, trung học và dạy nghề chiếm tỷ lệ rất thấp. Số người có trình độ đại học trong các dân tộc thiểu số là : H'mông : 0,009%, Dao : 0,03%, Thái : 0,40%, Mường : 0,1%, Nùng : 0,1%, Tày : 0,4% ...

Một trong những yếu kém nữa của thanh niên nước ta là, thiếu được đào tạo ngành nghề một cách phổ cập và tay nghề thấp. Lao động trẻ tuổi chưa phát huy được sức mạnh của mình trên mặt trận sản xuất. Trong số gần 30 000 000 lao động, có khoảng 80% chưa qua đào tạo ngành nghề, mà phần đông là thanh niên. Số thanh niên không kiếm được việc làm có khoảng 67,4% chủ yếu là do không biết nghề hoặc tay nghề quá thấp. Nữ thanh niên không được học nghề đông hơn nam thanh niên, nhất là ở nông thôn. Gần đây, một số tài liệu cho thấy có tới 16 000 000 nữ lao động ở nông thôn không có chuyên môn kỹ thuật. Tại các xí nghiệp quốc doanh, trong số 1 200 000 công nhân chỉ có khoảng 50% được đào tạo tại các trường dạy nghề. Số còn lại thường được tuyển dụng bằng nhiều con đường khác nhau, không qua thử tay

* Cán bộ nghiên cứu, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lê - nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nghề. Cơ cấu tay nghề bậc thợ hiện nay như sau: bậc 1, 2 : 57,56% ; bậc 3, 4 : 38,47% ; bậc 5, 6, 7 : 3,90%. Số thợ trẻ thường chỉ có tay nghề bậc 1, 2, 3.

Những năm gần đây, giáo dục đại học của chúng ta phát triển chậm, do đó tiềm năng chất xám chưa đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay ở nước ta, trên 100 000 dân, mới có khoảng 260 sinh viên, trong khi đó vào đầu thập kỷ 80 con số tương ứng ở Phi-líp-pin là 2 642, Nam Triều tiên là 2 400 và Thái lan là 2 140. Hệ thống đại học và cao đẳng gồm 105 trường với khoảng 120 000 sinh viên ; chất lượng đội ngũ sinh viên ra trường còn nhiều hạn chế. Cán bộ khoa học có học vị chiếm tỷ lệ rất thấp : 5,2%, trong đó số người trong độ tuổi thanh niên chiếm tỷ lệ không đáng kể. 70% số cán bộ khoa học tuổi trên 45 ; 30% cán bộ khoa học tuổi từ 45 trở lại.

Đời sống vật chất kém cùng với việc đầu tư chưa thích đáng cho công tác bảo vệ sức khỏe, khiến cho tình hình phát triển thể chất của thanh, thiếu niên còn nhiều điểm đáng lo ngại. Nhiều năm qua, một số chỉ tiêu như trọng lượng, chiều cao của nam, nữ thanh niên không tăng. Chiều cao và cân nặng trung bình của nam thiếu niên nước ta là 147 cm và 34,4kg, trong khi đó ở Thái lan là 149cm và 40,5kg ; ở Nhật bản là 164cm và 53,5kg. Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ sơ sinh và bệnh tật ở thanh, thiếu niên nước ta hiện nay đang có nguy cơ tăng lên. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em Việt nam là 42%, trong khi đó ở khu vực là 26%, thế giới là 36%.

Số trẻ em dưới 15 tuổi chậm phát triển về tâm thần là từ 0,4% đến 2,1% . 47% học sinh phổ thông cơ sở và 40% học sinh phổ thông trung học bị vẹo cột sống. Tình trạng thể lực của học sinh là : 25% trên trung bình, 50% trung bình và 25% dưới trung bình. 38,8% sinh viên các trường đại học hàng năm mắc các bệnh thông thường. 4,1% đến 5,9% sinh viên các trường ngoài khối kỹ thuật xếp vào loại sức khỏe và thể lực yếu.

Tuổi trẻ đang có xu hướng tìm đến tôn giáo. Số thanh niên đi lễ chùa, đi cầu kinh ở nhà thờ ngày càng gia tăng.

Còn một hiện tượng đáng lo ngại nữa là một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên đang lao sâu vào con đường ăn chơi du đãng, nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp, vi phạm pháp luật. Qua điều tra ở một số huyện thuộc tỉnh An giang và một số địa phương khác ở đồng bằng sông Cửu long, thì thấy : 50% số thanh niên thích "nhậu" vào lúc rảnh, 30% thích ngồi quán uống cà phê, 10% thích la cà tán gẫu, 6% thích đi ngủ sớm, chỉ có 4% thích học tập.

*

Việc bồi dưỡng, giáo dục tuổi trẻ là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người. Phải vun trồng cho được những thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng thật trung thành và xứng đáng, có đức, có tài để đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó là công việc của toàn đảng, toàn dân, của nhà nước và các đoàn thể quần chúng, của mọi cấp, mọi ngành, của mỗi gia đình, trường học, của từng tập thể được hình thành trong môi trường và lĩnh vực hoạt động xã hội. Trước hết, đó là nhiệm vụ của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, được Đảng giao trách nhiệm trực tiếp bồi dưỡng giáo dục và tổ chức đội ngũ thanh, thiếu niên trong cả nước. Tuy nhiên, công cuộc này đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ của tất cả các tổ chức, trong đó Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Nếu thiếu kết hợp hoặc kết hợp không chặt chẽ các tổ chức trong việc bồi dưỡng, giáo dục tuổi trẻ thì khó thu được kết quả hoặc kết quả rất hạn chế.

Giáo dục tuổi trẻ là một khoa học. Bất cứ một thái độ đơn giản, hời hợt, tùy tiện nào cũng có thể đưa đến những hậu quả không tốt. Vì vậy việc kết hợp những kinh nghiệm đã có với những thành tựu mới của khoa học, kết hợp giữa những người cán bộ chỉ đạo phong trào thanh niên với những nhà khoa học chuyên nghiên cứu về thanh niên là một vấn đề rất cần thiết.

Đưa thanh niên vào các phong trào hành động cách mạng là một biện pháp giáo dục, rèn luyện cụ thể, thiết thực đối với thanh niên. Phong trào phải được duy trì thường xuyên và có nội dung thiết thực, không nên chỉ có hình thức, càng không nên "đầu voi đuôi chuột". Trong quá trình đưa thanh niên vào hành động cách mạng, cần giữ được tính vui vẻ, hoạt bát, trẻ trung là những đặc điểm rất quý của tuổi trẻ.

Trong tình hình hiện nay, giải pháp quan trọng, cơ bản là phải nhanh chóng phổ cập giáo dục cấp I cho thanh, thiếu niên để tạo ra mặt bằng dân trí tối thiểu và để chấm dứt nạn mù

Digitized by Google

chữ, từng bước tiến tới phổ cập giáo dục phổ thông trung học cho tuổi trẻ.

Có chính sách phát hiện năng khiếu và bồi dưỡng tài năng, đào tạo nhân tài, tạo điều kiện cho tuổi trẻ được học hành chu đáo bằng hệ thống trường lớp đặc biệt, và giao trách nhiệm cho những nhà khoa học, những cán bộ chuyên môn giỏi làm công tác đào tạo, bồi dưỡng những tài năng trẻ.

Cố gắng giải quyết việc làm, phổ cập nghề nghiệp cho thanh niên, không để thanh niên phải thất nghiệp và tay nghề không chắc chắn.

Tạo điều kiện cho thanh niên đi học và lao động ở nước ngoài để nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật ; mở rộng của các trường đại học trong nước, coi trọng chất lượng đào tạo.

Tăng cường công tác giáo dục, đào tạo và sử dụng đối với con em các dân tộc thiểu số, nhằm đẩy mạnh sự phát triển của các dân tộc, bảo đảm bình đẳng giữa các dân tộc.

Chăm lo giáo dục rèn luyện thể chất, phát triển thể lực, tăng cường sức khỏe, nhằm cải tạo nòi giống.

Coi trọng công tác quản lý tuổi trẻ ngay từ trong mỗi gia đình, trong nhà trường và các tổ chức xã hội. Khắc phục quan điểm quản lý hành chính đơn thuần, thiếu quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của tuổi trẻ trong công tác, học tập và vui chơi giải trí.

*

Hoàn cảnh trong nước cũng như tình hình quốc tế trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra cho tuổi trẻ những thử thách lớn. Chúng ta hiểu rằng, nếu tiến một cách chậm chạp thì tình trạng nghèo nàn, lạc hậu do nền sản xuất nhỏ, do hậu quả của chiến tranh để lại sẽ không thể nào thanh toán được ; khoảng cách về mặt khoa học kỹ thuật giữa nước ta và thế giới sẽ không được rút ngắn mà chỉ kéo dài thêm. Vì vậy, thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch, bằng cách thoát ra khỏi tình trạng sản xuất nhỏ để đuổi kịp thế giới về nhiều mặt trong vòng vài ba kế hoạch năm năm, đó chính là hướng phấn đấu của cả dân tộc ta, trước nhất là của tuổi trẻ - lực lượng xung kích cách mạng mà Đảng và nhân dân hết lòng tin cậy.

Tuổi trẻ là tuổi đẹp nhất của một cuộc đời. Đó là tuổi giàu nhiệt tình, đầy sức lực, có khả năng xây dựng và sáng tạo nhiều nhất. Đó là tuổi có đủ sức mạnh để vượt qua mọi hy sinh gian khổ, sẵn sàng lao vào những nơi mũi nhọn của cuộc đấu tranh. Sự nghiệp lớn lao thường được nhen nhúm từ tuổi trẻ. Nhiều việc nếu không bắt tay làm ngay từ khi còn đổi dào sức lực thì sẽ không bao giờ có thể thực hiện được và mãi mãi chỉ là mơ tưởng.

Quỹ thời gian của một cuộc đời không phải là vô tận, vấn đề chính là chúng ta biết sử dụng quỹ thời gian ấy sao cho hiệu quả nhất. Hoàn cảnh khách quan của đất nước đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển tài năng, cho sự trưởng thành vượt bậc của tuổi trẻ. Ý chí, nghị lực, quyết tâm của mỗi người đang quyết định tốc độ phát triển và trưởng thành ấy.

Đất nước, xã hội và con người chúng ta đang biến đổi. Cái mới đang nảy sinh, cái cũ đang tàn lụi. Cái đẹp đang được khẳng định, cái xấu đang bị đẩy lùi. Dù còn nhiều khó khăn gian khổ, dù còn phải cố gắng và tốn nhiều công sức đấu tranh để hạn chế, khắc phục mặt tiêu cực, xóa bỏ cái cũ lỗi thời, thì chiều hướng tiến lên phía trước là không thể đảo ngược. Chúng ta hiểu điều ấy không chỉ vì đó là quy luật phát triển tất yếu của xã hội ta, mà còn vì nó đã được kiểm nghiệm trong cuộc sống.

Thời gian đối với tuổi trẻ thật vô cùng quý giá. Sự lãng phí về thời gian là rất lớn và vô cùng tai hại. Chỉ cần thanh toán được tình hình ấy, chúng ta cũng có thể tạo ra được một giá trị sử dụng, ít ra là bằng gấp rưỡi hiện nay. Rõ ràng tuổi trẻ chúng ta phải có phần trách nhiệm với tình hình đó.

Bên cạnh rất nhiều những tập thể và cá nhân đang phấn đấu hết sức mình để vươn lên phía trước với tốc độ nhanh nhất và bằng thời gian ngắn nhất, thì vẫn có không ít người trong đội ngũ thanh niên còn cho rằng cuộc đời mình còn trẻ, trước mắt hãy còn ngày rộng, tháng dài, đi đâu mà vội! Vì vậy, họ học tập chưa tích cực, lao động chưa hết sức, sinh hoạt chưa lành mạnh, phấn đấu chưa mạnh mẽ, còn ngần ngại trước những khó khăn gian khổ, còn rụt rè chưa dám lao vào những cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay.

Không bao giờ bằng lòng với những sự chậm trễ, trì trệ, luôn luôn vươn tới cái mới bằng những bước nhảy vọt, đó chính là một trong những đặc tính đẹp đẽ nhất của tuổi trẻ. Làm sao bồi dưỡng và thể hiện được đặc tính ấy trong các cuộc vận động cách mạng rộng lớn trên khắp đất nước ta, điều đó đòi hỏi rất nhiều cố gắng của tuổi trẻ chúng ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Digitized by Google

NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG VIỆC XÁC LẬP VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN

VŨ XUÂN KIỂU

Cơ cấu kinh tế là một phạm trù kinh tế thể hiện tổng thể mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nền kinh tế quốc dân. Nói đến cơ cấu kinh tế là nói đến mối quan hệ tỷ lệ giữa các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế... Mối quan hệ này phản ánh cả hai mặt số lượng và chất lượng của các yếu tố kinh tế hợp thành.

Cơ cấu kinh tế có *những đặc trưng cơ bản* sau đây :

- Dù là cơ cấu kinh tế của cả nước hay cơ cấu kinh tế nông thôn đều mang *tính khách quan*. Một cơ cấu kinh tế hợp lý, bao giờ cũng phù hợp với quy luật vận động khách quan của nền kinh tế. Con người thông qua nhận thức quy luật khách quan, tìm ra phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả nhất. Chính đặc trưng này bác bỏ thái độ chủ quan duy ý chí áp đặt một cơ cấu kinh tế không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội.

- Nền kinh tế của bất cứ nước nào cũng luôn ở trong trạng thái vận động. Điều đó có nghĩa là cơ cấu kinh tế không phải là một cái gì chết cứng nằm im, do đó sự xác định cơ cấu kinh tế không thể không căn cứ vào điều kiện lịch sử, xã hội cụ thể của mỗi thời kỳ. Mỗi nước có cơ cấu kinh tế khác nhau ; trong một nước, mỗi vùng, mỗi địa phương khác nhau cũng có cơ cấu kinh tế khác nhau. Vấn đề cốt yếu là làm thế nào bảo đảm mối quan hệ tỷ lệ, quan hệ cân đối và sự phát triển hài hòa giữa các yếu tố trong mối quan hệ tổng thể của nó.

- Trong thời đại ngày nay, khi xác định cơ cấu kinh tế của một nước, không thể không xem xét mối quan hệ của nó với thế giới bên ngoài. Sự phát triển đan xen, cũng như sự phân công lao động quốc tế, sự thâm nhập kinh tế giữa các nước với nhau, đều đã chỉ rõ tính đa dạng phong phú và tính quốc tế của một cơ cấu kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường mở cửa, nếu không chú ý đúng mức đến đặc trưng này sẽ hạn chế sự phát huy các nội lực bên trong.

Ảnh hưởng đến sự hình thành cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông thôn nói riêng có các nhân tố :

+ *Vị trí địa lý và khí hậu tự nhiên*. Ở những vị trí địa lý khác nhau và vùng khí hậu khác nhau, việc xác định cơ cấu kinh tế cũng khác nhau. Xác định cơ cấu kinh tế nông thôn nước ta cũng có nghĩa là xác định cơ cấu kinh tế nông thôn ở các vùng điều kiện địa lý và khí hậu tự nhiên khác nhau của nước ta. Cơ cấu kinh tế của một nước, một vùng, bao giờ cũng dựa trên ưu thế về địa lý và khí hậu của nước đó, vùng đó.

+ Các *nguồn lợi*, bao gồm tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, nguồn năng lượng, đất đai ... Có hay không có, có nhiều hay có ít các tài nguyên này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định cơ cấu kinh tế.

+ *Phong tục tập quán và truyền thống dân tộc*. Đây là nhân tố vừa có tác dụng thúc đẩy vừa có tác dụng kìm hãm. Ở đâu phong tục tập quán canh tác lạc hậu (như du canh, du cư), ở đó sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất diễn ra không thể nhanh chóng, suôn sẻ. Ngược lại, ở đâu tập quán, truyền thống sản xuất tiến bộ, ở đó việc làm chuyển biến cơ cấu kinh tế sẽ dễ dàng hơn.

Digitized by Google

+ *Trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ.* Trình độ này càng cao thì sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế càng dễ dàng và hợp lý.

+ *Con người.* Cơ cấu kinh tế mang tính khách quan. Nhưng nó hình thành nhanh hay chậm, hợp lý hay không hợp lý, lại do sự tác động chủ quan của con người. Con người là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành cơ cấu kinh tế. Nhật bản là một nước rất hiếm tài nguyên, nhưng nhờ có con người có trí tuệ, nên đã nhanh chóng vươn lên ngang tầm với các nước phát triển nhất trên thế giới.

Để tiến tới một cơ cấu kinh tế hợp lý, thể hiện ở sự tăng trưởng và phát triển toàn diện về mặt kinh tế - xã hội, trước hết cần có sự tác động của con người có trí tuệ. Trên cơ sở nghiên cứu các đặc trưng của cơ cấu kinh tế và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành cơ cấu kinh tế, chúng tôi mạnh dạn nêu lên ở dưới đây một số vấn đề có tính quy luật trong việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn :

Một là, cơ cấu kinh tế nông thôn cần được xác lập và chuyển dịch theo hướng từ một nền nông nghiệp độc canh chuyển sang một nền nông nghiệp đa canh, phát triển sản xuất hàng hóa với ngành nghề đa dạng. Trên phương diện kinh tế vĩ mô, quá trình đó diễn ra từ nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ. Ở phạm vi từng vùng trong nước thì không hẳn thế. Do có sự phát triển không đều giữa các vùng trong nước, quá trình đó diễn ra ở các vùng không giống nhau : ở vùng kinh tế *phát triển*, quá trình đó diễn ra theo trình tự chung ; còn ở vùng kinh tế *kém phát triển*, quá trình đó có thể bắt đầu từ việc phá thế độc canh lúa chuyển sang đa canh lúa, màu, phát triển chăn nuôi, và bước tiếp theo là phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ. Xu hướng chung trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn là : tỷ trọng nông nghiệp ngày càng giảm và tỷ trọng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng. Đó là vấn đề có tính quy luật mà nhiều nước đã trải qua.

Hai là, nông nghiệp hàng hóa chỉ có thể phát triển với sự tác động mạnh mẽ của công nghiệp. Bản thân nông nghiệp không thể tự đi lên nếu không có sự tác động trực tiếp của một nền công nghiệp phát triển. Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới tạo ra được các ngành nghề mới trong nông nghiệp. Do đó, công nghiệp hóa nông nghiệp là một tất yếu trong việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta.

Ba là, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, sự phân công lại lao động cũng diễn ra ở nông thôn, từ lao động trồng lúa chuyển sang lao động trồng màu, chăn nuôi, làm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, không chỉ phục vụ cho nhu cầu phát triển nông nghiệp mà còn phục vụ cho cả nhu cầu phát triển công nghiệp, thương nghiệp và các ngành dịch vụ khác. Khi công nghiệp phát triển tới mức nhất định, sự phân công lại lao động xã hội diễn ra trên phạm vi cả nước, các đô thị và trung tâm kinh tế mới mọc lên thì làn sóng di dân từ nông thôn ra thành thị sẽ diễn ra như một tất yếu. Thực tế diễn ra ở các nước cũng như ở nước ta hiện nay chỉ rõ chúng ta phải có sự chủ động tính toán tìm biện pháp hạn chế tới mức tối đa, chứ không thể ngăn chặn làn sóng di dân này. Sự phân công lại lao động theo hướng lao động nông nghiệp ngày càng giảm và lao động các ngành nghề khác (công nghiệp, thương mại, dịch vụ) ngày càng tăng, là hiện tượng khách quan, thể hiện sự tiến bộ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông thôn nói riêng.

Bốn là, trong thời đại khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển và đổi mới như vũ bão, tính cộng đồng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngày càng cao, thương mại thực tế (có hàng) và thương mại vô hình (không có hàng) ngày càng phát triển, kinh tế các nước ngày càng thâm nhập, đan xen nhau, thì sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của một nước không thể tách rời với sự phát triển kinh tế của cộng đồng quốc tế cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn không thể tách rời với cơ cấu kinh tế vùng và cơ cấu kinh tế chung của cả nước.

Năm là, khẳng định sự tồn tại của kinh tế hộ gia đình phải đi đôi với khẳng định sự tồn tại của kinh tế hợp tác (kinh tế tập thể). Vấn đề có tính quy luật này không nằm trong bản thân cơ cấu kinh tế nhưng nó lại là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự hình thành cơ cấu kinh tế nông thôn hợp lý có hiệu quả. Chúng ta chủ trương chuyển các hợp tác xã kiểu cũ sang các hợp tác xã kiểu mới đa dạng, cũng có

Digitized by Google

nghĩa là chúng ta thừa nhận sự tồn tại khách quan của hình thức kinh tế hợp tác.

Thực chất của kinh tế hợp tác là nhiều người hoặc một số người *tự nguyện* cùng góp vốn và *cùng có lợi* trong sản xuất kinh doanh. Ở các nước kinh tế phát triển, kinh tế hợp tác là hình thức ngày càng được mở rộng và chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế hợp tác không những không ảnh hưởng gì đến việc phát triển kinh tế hộ mà ngược lại, còn hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển. Trong điều kiện cụ thể ở nông thôn nước ta hiện nay, nói phát triển kinh tế hộ mà không gắn với kinh tế hợp tác là không phù hợp với sự vận động khách quan của nền kinh tế.

Sáu là, sự phân tán manh mún ruộng đất hiện nay chỉ là nhất thời, xu hướng tất yếu là tích tụ ruộng đất. Quá trình này diễn ra như một chất xúc tác thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Bảy là, sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn là hiện tượng không tránh khỏi, nó sẽ diễn ra theo hướng : khi sản xuất hàng hóa *kém phát triển* thì khoảng cách giàu nghèo là không đáng kể; khi sản xuất hàng hóa *tương đối phát triển* thì khoảng cách đó doãng ra; khi sản xuất hàng hóa *phát triển ở trình độ cao* thì khoảng cách đó thu hẹp lại và có thể trở lại khoảng cách ban đầu (nhưng ở trình độ cao hơn).

Như vậy, sự phân hóa giàu nghèo vừa là kết quả, vừa là động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tám là, ở đâu trình độ dân trí thấp thì ở đó việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đương nhiên gặp nhiều khó khăn và khó tránh khỏi sai lầm. Bởi vì, muốn xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, thì phải có con người có trình độ cao để nắm quy luật và vận dụng quy luật, để dự báo và nắm bắt được những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế trước mắt và lâu dài, tình hình trong nước và quốc tế, để vạch được chiến lược sát đúng và thực hiện có hiệu quả chiến lược đó...

Chuyển giao ...

(Tiếp theo trang 16)

lượng thiết bị. Hiện nay có tình trạng một loại thiết bị nhưng được nhập với số lượng lớn từ một hay nhiều đầu mối. Các thiết bị như thiết bị sản xuất xi măng lò đứng, dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng từ lò nung tuy-nen, các thiết bị sản xuất phân bón từ nền than bùn, một số dây sản xuất bia, các máy thủy điện gia đình miền núi v.v., từ các kênh khác nhau đã nhập vào nước ta với số lượng khá lớn. Thật ra, công nghiệp sẵn có của ta có thể đã hoặc vươn lên chế tạo được với chất lượng khá các thiết bị nói trên với giá thành thấp hơn hoặc tương đương. Tận dụng năng lực trong nước để chế tạo thiết bị không những tiết kiệm được ngoại tệ, mà còn tạo điều kiện cho công nghiệp chế tạo vươn dần lên trong cơ chế thị trường, tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước. Ban đầu có thể chỉ là sao chép, nhưng sau đó qua nghiên cứu, nâng cao trình độ thiết kế và chế tạo, thiết bị có thể được cải tiến, nâng cao tính năng, đưa lại năng suất và hiệu quả cao hơn. Đó cũng chính là quá trình tăng thêm năng lực nội tại của công nghiệp trong quá trình chuyển giao công nghệ.

Nhiều nước đang phát triển và chậm phát triển đã thất bại trong quá trình chuyển giao công nghệ vào nước mình. Lý do chính là không có con người có khả năng, có trình độ để tiếp thu công nghệ được chuyển giao và làm chủ nó. Giai đoạn đầu, khi còn có chuyên gia nước ngoài, thì nhà máy vận hành tốt, nhưng chỉ ít lâu sau khi chuyên gia nước ngoài rút đi, thì nhà máy cũng chết theo. Vì vậy, vai trò của giáo dục nhằm đào tạo nhân lực, đào tạo đội ngũ chuyên gia khoa học và công nghệ có trình độ cao, có phẩm chất tốt và đội ngũ công nhân có tay nghề giỏi, nhằm nâng cao mặt bằng dân trí, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với thành công của việc chuyển giao công nghệ nói riêng và của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung.

Digitized by Google

Quy hoạch xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

LÊ HỒNG KẾ*

NGAY từ Hội nghị lần thứ 5, BCHTƯ Đảng đã chỉ rõ, cần phải đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa và hiện đại hóa. Quá trình công nghiệp hóa đất nước cũng gắn bó mật thiết với nông nghiệp, bởi nông thôn là thị trường rộng lớn tiêu thụ hàng hóa (nhất là hàng nội địa), là nơi cung cấp nguyên liệu và lao động cho các trung tâm công nghiệp. Công nghiệp phát triển, các đô thị mở rộng cũng tác động trở lại thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, nâng cao dân trí và đời sống nông thôn. Chính vì thế, vấn đề quy hoạch xây dựng nông thôn mới cần được xem xét, nghiên cứu trong mối liên hệ chặt chẽ với "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000", "Chiến lược phát triển đô thị quốc gia", và với phương hướng phát triển công nghiệp giai đoạn này.

Nước ta có trên 9500 làng xã, với số dân 55 triệu người (chiếm 80% dân số toàn quốc). Phương hướng sản xuất nông nghiệp ở nông thôn là hiện đại hóa nền nông nghiệp, đồng thời phát triển rộng khắp công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm để vừa đáp ứng nhu cầu trong nước vừa tăng sản phẩm xuất khẩu. Quy hoạch xây dựng nông thôn có ý nghĩa cực kỳ quan trọng không chỉ đối với sự phát triển nông thôn mà còn ảnh hưởng lớn tới bước tiến chung của cả nước.

Thế nhưng trên thực tế, công tác quy hoạch chưa theo kịp bước phát triển của xã hội nói chung và của nông thôn nói riêng. Tuy gần đây đã có những tiến bộ và thành công nhất định trong việc quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng ở một số vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu long và dải ven biển miền Trung, song sự bất cập trong môi trường tổng hợp ở nông thôn đang là một thách thức to lớn trên bước đường đổi mới nông thôn hiện nay.

Kinh tế thị trường đã tác động mạnh đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn, tạo nên sự biến chuyển tự phát. Đất đai nông nghiệp ở nông thôn ngày càng bị thu nhỏ do việc dãn dân, chiếm dụng đất ruộng làm đất thổ cư, xây dựng nhà cửa ở ven đô và xây dựng mới thôn, xóm, làng, xã... Trong thời gian 1985 - 1990, trung bình hàng năm các vùng nông thôn đông đúc mất từ 4 đến 6% diện tích đất nông nghiệp. Các trục giao thông lớn cũng có sức hút mạnh đối với những người làm dịch vụ, buôn bán, vì vậy đã xuất hiện không ít các hiện tượng tự động chiếm đất ven đường, xây dựng lều quán, gây ách tắc giao thông và cản trở việc phát triển các hành lang kỹ thuật. Việc xây dựng và phát triển nhà ở nông thôn theo kiểu tự phát không những không giúp giải quyết tình trạng thiếu chỗ ở mà còn gây lãng phí và tốn kém, chất lượng xấu, thẩm mỹ cũng không bảo đảm. Tình trạng này khá phổ biến ở miền núi, ở Tây nguyên và đồng bằng sông Cửu long. Đặc biệt, ở một số vùng ven biển miền Trung, do thiếu những mẫu công trình xây dựng phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên hết sức khắc nghiệt ở đây, nhân dân đã phải gánh chịu những hậu quả rất nặng nề.

Mạng lưới giao thông nông thôn quá thưa (1,6 km/1000 dân), phân bố không đều (miền núi chỉ bằng 1/10 - 1/20 vùng đồng bằng), chất lượng lại quá thấp (đường nhựa chỉ chiếm 3,6%, đường đá dăm - 14%, còn lại là đường đất). Như vậy làm sao có thể phục vụ tốt việc đẩy mạnh sản xuất, giao lưu hàng hóa? Thêm vào đó, các cơ sở sản xuất và phục vụ sản xuất thuộc kinh tế quốc doanh và tập thể trước đây hầu hết đã hoặc đang bị giải tán, thất thoát hoặc xuống cấp nghiêm trọng. Xuất hiện ngày một nhiều các nông hộ tự trang bị cơ sở, phương tiện cho hoạt động sản xuất của mình. Dây chuyền hoạt động sản xuất ở nông thôn không còn như trước kia, mất dần tính hệ thống, đồng bộ và sự hỗ trợ giữa tập thể với cá nhân và giữa cá nhân với nhau. Điều đó đương nhiên gây khó khăn cho việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, ảnh hưởng

* PTS, Phó Viện trưởng Viện quy hoạch đô thị nông thôn, Bộ xây dựng.

Digitized by Google

đến hiệu quả sản xuất. Hơn thế nữa, nguồn và mạng điện phục vụ sản xuất hiện nay lại phân bố chưa đồng đều, một số vùng (đặc biệt là miền núi) còn thiếu điện phục vụ thủy lợi và cơ khí hóa nông nghiệp. Phương tiện và mạng lưới thông tin nông thôn, nhất là ở cấp xã, còn lạc hậu và cổ lỗ. Các xã có điện thoại chỉ chiếm 33,5% với điện phục vụ hợp, tập trung ở các vùng trọng điểm. Nói tóm lại, ở nông thôn hiện nay còn *thiếu những cơ sở hạ tầng để phát triển sản xuất, nhất là sản xuất hàng hóa và công nghiệp chế biến.*

Các công trình phục vụ văn hóa, xã hội và sinh hoạt, còn ở tình trạng "buông xuôi" hơn. Một loạt công trình dịch vụ công cộng theo "mô hình tầng bậc" cứng nhắc trước đây (lấy huyện lỵ, thị trấn làm trung tâm rồi tỏa xuống đến xã, thôn...), không còn phù hợp nữa và đang bị xuống cấp. Ở một số nơi, nhờ sớm tiếp cận với cơ chế thị trường, nhờ vào vốn tự có của địa phương và của dân, người ta cũng đã xây dựng được nhiều công trình dịch vụ công cộng với các loại quy mô khác nhau, nhưng nhìn chung việc xây dựng chưa có định hướng, mô hình rõ ràng và thích hợp. Các cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt của nông dân như điện, nước, chưa được chú ý thích đáng. Khả năng cấp điện còn hạn chế, bình quân mới đạt 13,9% dân số. Chất đốt dựa vào thực vật (chủ yếu là củi) chiếm tới 70-80%, gây tốn kém nguyên liệu, ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, phân bón đồng ruộng. Số dân được cấp nước sạch mới đạt 20%, như vậy làm sao bảo đảm tốt đời sống, sức khỏe của nhân dân ?

Có thể nói, kết cấu hạ tầng ở nông thôn Việt nam hiện nay còn ở trạng thái chưa ổn định, thấp cả về lượng và chất, chưa được chuẩn bị để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để khắc phục tình hình này, góp phần thực hiện các mục tiêu mà Nghị quyết 5 và Nghị quyết 7 của BCHTƯ Đảng (khóa VII) đã đề ra về "tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn", về "hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước", công tác quy hoạch và xây dựng nông thôn cần được nghiên cứu và đổi mới theo những quan điểm, phương hướng và kinh nghiệm sau :

1) *Kết hợp giữa vĩ mô và vi mô, giữa trung ương và địa phương trong việc quy hoạch xây dựng các dự án.* Theo quy trình hiện nay, các chương trình, dự án quy hoạch của các cơ quan trung ương sẽ được gửi về các địa phương ; chúng vừa gợi ra những định hướng lớn cho địa phương, vừa được địa phương bổ đáp, bổ sung bằng những kế hoạch, đặc thù của từng vùng, từng nơi. Kinh nghiệm quá khứ cho thấy, sự áp đặt một mô hình cứng nhắc, thuần túy lý thuyết vào những địa phương khác nhau, để lại những hậu quả không nhỏ cho tới nay.

Từ quan điểm này, cần *xây dựng những mô hình điểm dân cư, mẫu nhà ở, công trình công cộng ở nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiềm lực kinh tế - xã hội, hình thức kiến trúc, tập quán và truyền thống của từng vùng, từng địa phương trong hoàn cảnh cơ chế thị trường.* Hiện nay, quy mô điểm dân cư nông thôn *hợp lý nhất* là quy mô *vừa* (100 - 150 hộ đối với đồng bằng) và *nhỏ* (dưới 100 hộ đối với miền núi). Quy mô này thích hợp với các hoạt động sản xuất, giáo dục, y tế, thương mại... trong cơ chế thị trường, cho phép huy động tối đa sự đóng góp của nông dân trong xây dựng. Trong công tác quy hoạch cũng như trong hoạch định các chính sách, nên đặc biệt chú ý hạn chế sự hình thành tự phát các điểm dân cư nông thôn mới dọc các trục giao thông chính ; cần quy định và công bố các dải đất cách ly, đảm bảo tốt cho sự phát triển các hành lang kỹ thuật trong tương lai. Tùy thuộc vào quỹ đất của mỗi địa phương, diện tích lô đất cho mỗi hộ nông dân (gồm nhà ở, sân phơi, vườn, ao) có thể rộng trung bình 200 - 300m^2/hộ. Trong thiết kế kiến trúc nhà ở nông thôn nói chung, cần hướng dẫn nhân dân tự cải tạo, xây dựng nhà ngói, nâng tầng vững chắc, đồng thời tiết kiệm đất xây dựng và sử dụng vật liệu xây dựng địa phương. Cần hết sức lưu ý để có những mô hình thỏa đáng cho các vùng thường chịu ảnh hưởng nặng nề về gió, bão, lụt lội ở ven biển phía bắc và Trung bộ ; vùng có kiến trúc dân tộc đặc sắc ở Tây- Bắc và Tây nguyên ; cũng như vùng kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu long, nơi mà ngôi nhà chưa được nông dân thực sự coi trọng.

2) *Gắn việc phát triển nông thôn với sự phát triển đô thị và các khu công nghiệp, thúc đẩy quá trình đô thị hóa tại chỗ, tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa và công nghiệp chế biến phát triển.* Quy hoạch xây dựng nông thôn không thể không chú ý tới việc củng cố, phát triển mối liên hệ chặt chẽ giữa các vùng nông thôn với gần 80 đô thị *vừa* (thị xã, tỉnh lỵ) và trên 400 đô thị *nhỏ* (thị trấn, huyện lỵ), bởi vì các đô thị đó vừa là thị trường rộng lớn tiêu thụ sản phẩm của nông dân, vừa là nơi truyền

Digitized by Google

bá khoa học kỹ thuật, lối sống văn minh đến nông thôn một cách nhanh chóng và trực tiếp nhất. Mạng lưới giao thông nông thôn có tầm quan trọng đặc biệt trong việc gắn kết, chuyển tải những "đầu vào" và "đầu ra" giữa nông thôn và đô thị. Vì vậy, trong quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn, trước hết cần chú ý tới xây dựng mạng lưới giao thông tiện lợi nhất bằng đường bộ và đường thủy. Trong vài ba năm tới, tập trung giải quyết đường ô tô thống nhất từ mạng lưới quốc lộ đến thị xã, thị trấn huyện lỵ, và từ đó, phấn đấu để mạng lưới đường ô tô vươn đến mọi xã, thôn, bản, làng... Các vùng Tây Nam bộ, đồng bằng Bắc bộ có điều kiện để khai thác triệt để hệ thống giao thông thủy. Mạng lưới giao thông trong nội bộ từng điểm dân cư nông thôn nên bố trí đơn giản, linh hoạt, tận dụng địa hình với kết cấu mặt đường cấp phối, đảm bảo độ ổn định cho các phương tiện vận chuyển ở nông thôn.

Để thúc đẩy sự phát triển của sản xuất hàng hóa, bên cạnh giao thông, cần chú ý quy hoạch xây dựng mạng lưới thương mại mà điển hình là chợ nông thôn và một số cửa hàng dịch vụ nông nghiệp - là nơi trao đổi trực tiếp nông sản làm ra, đồng thời cũng là nơi tiếp nhận những công nghệ mới cho sản xuất nông nghiệp. Trong quy hoạch điểm dân cư nông thôn, cần ưu tiên hàng đầu cho chức năng sản xuất nông nghiệp theo hướng đưa công nghiệp chế biến cắm rễ sâu trong nông nghiệp, tạo điều kiện thu hút mọi nguồn lực của các hộ nông dân. Những trạm trại, nhà kho, sân phơi... cần được cải tiến phù hợp với cơ chế khoán 10, tức là, những cơ sở đó phải đến từng hộ nông dân. Những cơ sở đó vừa mang tính truyền thống, lại vừa phù hợp với cơ chế thị trường theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm".

3) *Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật phục vụ sản xuất, nhưng không thể coi nhẹ các cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống của nông dân,* như nhà trẻ, trường học, các cơ sở phòng chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa,v.v.. Trong cơ chế "nhà nước và nhân dân cùng làm", các công trình dịch vụ văn hóa - xã hội phần lớn phải dựa vào sự đóng góp của các hộ nông dân. Vì vậy, trong quy hoạch, thiết kế và đầu tư xây dựng, các loại công trình này phải tạo ra những mô hình linh hoạt, phi tầng bậc, với các loại quy mô to, nhỏ, khác nhau... thì mới đáp ứng được những đòi hỏi đa dạng của thị trường. Tuy nhiên, nên động viên, hướng dẫn nông dân cải tạo xây dựng các loại công trình này tập trung thành khối, để tiết kiệm đất xây dựng. Đặc biệt, đối với các khu vực miền núi và khu vực dân tộc thiểu số đồng bằng sông Cửu long (điều kiện kinh tế và dân trí còn thấp), nhà nước cần tập trung hỗ trợ cải tạo xây dựng mới các công trình công cộng nêu trên.

Bên cạnh đó, cần chú ý cải thiện vấn đề nước ăn, vệ sinh môi trường, điện sinh hoạt ở nông thôn. Song song với việc nâng cao chất lượng nguồn nước (sông, hồ, kênh, ngòi, nước ngầm...), cần cải tiến và nhân rộng mô hình cấp nước nông thôn của UNICEF ; phấn đấu để sau năm 2000, tỷ lệ cấp nước sạch cho dân cư nông thôn đạt 50%. Một số vùng có lưới điện quốc gia đi qua, hoặc có khả năng khai thác thủy điện nhỏ, đi-ê-den... cần sớm đưa điện phục vụ đời sống hàng ngày ở nông thôn; dần tiến tới điện khí hóa toàn quốc. Các loại năng lượng khác như dầu, khí than, bể sinh khí... cần được tiếp tục nghiên cứu, cải tiến để ứng dụng rộng rãi. Hạn chế và tiến tới chặn đứng nạn phá rừng để lấy củi làm chất đốt. Cần chú ý vấn đề vệ sinh môi trường trong việc quy hoạch các điểm dân cư, bảo đảm cho việc ăn, uống, ở và sinh hoạt hợp vệ sinh. Trước mắt, cần tập trung giải quyết vấn đề vệ sinh riêng trong các hộ nông dân theo hướng truyền thống kết hợp với hiện đại, sớm thanh toán nạn "cầu tõm" ở các khu vực đồng bằng ven sông, biển.

4) Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn đòi hỏi những nguồn vốn khổng lồ. Trong khi vốn của nhà nước còn co hẹp, *cần sắp xếp thứ tự ưu tiên những hạng mục công trình xây dựng; cần có chính sách sử dụng vốn nhà nước và huy động vốn của dân một cách hợp lý và có hiệu quả.* Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết từng vùng, từng xã thôn, các trục đường..., phân loại các nguồn vốn đầu tư xây dựng, kết cấu hạ tầng theo nguyên tắc : mạng lưới cơ sở hạ tầng thuộc cấp hành chính nào, do cấp đó đầu tư và thu hồi vốn. Nguồn vốn ngân sách nhà nước thì để xây dựng những hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và để trợ giúp cho các vùng gặp thiên tai hay có mức sống quá thấp. Trong quy hoạch xây dựng, cần ưu tiên cho các công trình lớn, phục vụ phát triển sản xuất. Do đó, việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn hiện nay (nhất là các điểm dân cư),

(Xem tiếp trang 46)

Digitized by Google

Mấy suy nghĩ về giai cấp công nhân trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa

THANH LÊ*

I

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không thể không nói tới một vấn đề có ý nghĩa hàng đầu, đó là vai trò của giai cấp công nhân.

Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu thể hiện ở vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng muốn vững vàng và có hiệu quả phải dựa vào vai trò ngày càng tăng lên của giai cấp công nhân trong xã hội, nhất là trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khái niệm "vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân" và "vai trò lãnh đạo của Đảng" có thể coi là đồng nhất, với điều kiện sự lãnh đạo của Đảng thể hiện nhất quán và sắc bén lập trường cách mạng của giai cấp công nhân.

Chúng ta hiểu rằng "vai trò lãnh đạo của một giai cấp trong xã hội là hoạt động xã hội - chính trị, là chức năng xã hội - chính trị của giai cấp đó. Nói chung, đối với mọi xã hội có giai cấp, sự lãnh đạo là vai trò thống trị, quyết định của một giai cấp xã hội bắt nguồn từ những vị trí thống trị hay tiên tiến của nó trong đời sống xã hội - chính trị của đất nước. Vai trò ấy thể hiện trước hết ở chỗ giai cấp ấy quyết định phương hướng phát triển xã hội chính trị chủ yếu của xã hội" (1). Như vậy, điều quyết định đối với vai trò lãnh đạo của một giai cấp trong xã hội là địa vị thống trị, quyết định của nó trong các quan hệ sản xuất, trong các quan hệ sở hữu. Trả lời câu hỏi : "sự thống trị của một giai cấp biểu hiện ở chỗ nào ?", Lê-nin cho rằng nó "biểu hiện bằng việc tước đoạt quyền tư hữu của bọn địa chủ và bọn tư bản... trước hết trong vấn đề chế độ sở hữu" và "chỉ có sự thống trị của giai cấp mới xác định được mối quan hệ về sở hữu" (2).

Vai trò lãnh đạo xã hội của một giai cấp - ở đây là giai cấp công nhân, khác với vai trò quản lý, với hoạt động quản lý của nó. Hoạt động quản lý là một hình thức đặc thù của lao động trí óc. Hoạt động ấy đòi hỏi những tri thức nhất định, những kinh nghiệm và kỹ năng nhất định. Nếu hoạt động lãnh đạo thuộc về một giai cấp xã hội nhất định và chính đảng của nó, thì hoạt động quản lý lại thuộc về những người lao động trí óc. Nói cách khác, hoạt động lãnh đạo bắt nguồn từ địa vị kinh tế quyết định của giai cấp trong xã hội, còn hoạt động quản lý thì lại bắt nguồn từ sự phân công lao động : lao động *quản lý* hay lao động *thừa hành*. Do đó, trong những giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, hoạt động quản lý không thể do tất cả những người lao động tiến hành, mà chỉ có thể do một số người lao động được đào tạo có trình độ và kỹ năng nhất định.

Có thể khẳng định rằng, lãnh đạo quyết định quản lý, bởi vì lãnh đạo quyết định phương hướng phát triển của các giai đoạn quản lý và chỉ có giai cấp lãnh đạo đưa người của mình vào quản lý chứ không phải quản lý tạo ra lực lượng lãnh đạo xã hội.

Địa vị khách quan của giai cấp công nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa quy định vai trò lãnh đạo của nó, nhưng điều đó không diễn ra một cách tự động mà đòi hỏi giai cấp ấy cần có những nỗ lực to lớn. Thực tiễn lịch sử chứng tỏ rằng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong xã hội có nghĩa là :

Thứ nhất, hướng sự phát triển của giai cấp công nhân theo con đường nâng cao trình độ trưởng thành về xã hội và kinh tế, chính trị và tư tưởng của nó, nâng cao trình độ giáo dục và văn hóa của nó;

Thứ hai, đưa những tập đoàn và tầng lớp công nhân kém phát triển lên trình độ tiên tiến;

Thứ ba, tạo ra những khả năng rộng rãi cho quần chúng công nhân tham gia hoạt động xã hội - chính trị.

Trong khi thực hiện vai trò lãnh đạo của mình trong xã hội, giai cấp công nhân phải được thu hút ngày càng nhiều vào các hoạt động quản lý. Trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, quá trình ấy có một mâu thuẫn : là người lãnh đạo sự phát triển xã hội, nhưng giai cấp công nhân lại chưa thực hiện được hết những chức năng quản lý trực tiếp hằng ngày. Mâu thuẫn ấy là di sản của chế độ cũ, trong đó giai cấp công nhân phải làm những công việc nặng nhọc và tách khỏi lĩnh vực hoạt động quản lý. Chủ nghĩa xã hội khắc phục mâu thuẫn ấy bằng cách tạo

* Chuyên viên nghiên cứu cấp cao (TP Hồ Chí Minh)

(1) *Chủ nghĩa Lênin và việc quản lý các quá trình xã hội dưới chủ nghĩa xã hội* (tiếng Nga), Nxb Tư tưởng, Mát-xcơ-va, 1973, tr 34-35

(2) V.I.Lênin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977 T 40, tr291-292

Digitized by Google

điều kiện cho công nhân tham gia hoạt động quản lý trực tiếp. Với tất cả tính đặc thù của nó, lao động quản lý không phải là cái gì đó mà người lao động không thể đạt được. Không nên coi đó là đặc quyền của một tập đoàn nhất định, của tầng lớp trí thức kỹ trị. Nhưng đồng thời cũng không được quên rằng việc hiểu biết về quản lý không tự nó đến với công nhân. Tri thức và kỹ năng quản lý phải được rèn luyện lâu dài và chu đáo. Cũng không nên quên rằng, dưới chủ nghĩa xã hội, nhiều trí thức và viên chức hiện nay chính là những công nhân tiên tiến hôm qua hoặc xuất thân từ những gia đình công nhân. Do đó, khi đã trở thành trí thức, do tính chất lao động của mình, họ vẫn giữ tính chất công nhân, vô sản. Vì vậy, sự phát triển của tầng lớp trí thức trưởng thành và được tôi luyện về chính trị cũng có nghĩa là vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong xã hội trở nên vững chắc và rộng rãi hơn.

II

Một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu khi bàn đến vai trò lãnh đạo và quản lý của giai cấp công nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa là vấn đề hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân và vai trò định hướng của nó trong xã hội.

Nhân tố hết sức quan trọng để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, xây dựng một xã hội không giai cấp, là hệ tư tưởng chính trị của nó. Chính hệ tư tưởng ấy đóng vai trò to lớn trong việc quản lý các quá trình xã hội.

Là một trong những yếu tố của ý thức xã hội, hệ tư tưởng chính trị thâm nhập tất cả các hình thái ý thức khác, khiến cho chúng có tính chất giai cấp và màu sắc chính trị rõ rệt. Hệ tư tưởng chính trị Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và tất cả những người lao động. Bởi vậy, trình độ giác ngộ của công nhân và những người lao động về lợi ích xã hội phụ thuộc phần lớn vào chỗ họ hấp thụ hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân sâu sắc đến mức độ nào.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân quyết định những mục đích quản lý đối với các quá trình xã hội, quyết định những phương tiện và phương pháp chủ yếu của quản lý xã hội. Quá trình tăng thêm ảnh hưởng của hệ tư tưởng đối với quản lý diễn ra đặc biệt mạnh mẽ khi hệ tư tưởng Mác - Lê-nin đã trở thành tư tưởng thống trị trong ý thức xã hội. Người lao động càng có ý thức về lợi ích và lý tưởng của giai cấp công nhân, tiếp thu hệ tư tưởng của giai cấp đó, thì càng có khả năng thu hẹp những yếu tố tự phát trong hệ thống quản lý xã hội.

Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lại càng phải nhấn mạnh vai trò quyết định của hệ tư tưởng chính trị trong quản lý xã hội. Bởi vì, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để tiến kịp với xu thế của thời đại, phù hợp với nền kinh tế thế giới đang được cấu trúc lại, ranh giới giai cấp để bị xóa nhòa.

Tóm lại, từ những điều vừa trình bày trên, tôi muốn rút ra một kết luận : công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện rất cơ bản để đất nước tiến lên, nhưng *sâu xa hơn, quyết định hơn* - đó là cơ sở để nâng cao vai trò, vị trí lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân thông qua đảng tiền phong của nó. Mặt khác, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải luôn luôn kiên định, quán triệt và phát triển hệ tư tưởng chính trị tiên tiến của giai cấp công nhân.

III

Với những nhận thức như trên, tôi xin kiến nghị một số vấn đề sau đây :

1. Cần khẩn trương nghiên cứu một cách nghiêm túc và khoa học về giai cấp công nhân Việt nam. Việc nghiên cứu này, tôi cảm thấy có lúc như bị lãng quên, nhất là sau khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bị tan vỡ.

Nên chăng cần thành lập một trung tâm nghiên cứu về giai cấp công nhân Việt nam ? Không thể tiến hành công cuộc đổi mới nói chung, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng với hiệu quả cao, mà lại không có một sự nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc và chính xác về các giai cấp, đặc biệt là giai cấp công nhân trong giai đoạn mới với những đặc điểm kinh tế xã hội luôn luôn biến động và hết sức phức tạp. Sao nhãng sự phân tích giai cấp, rời bỏ quan điểm giai cấp trong tình hình mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, có thể dẫn đến mất phương hướng chính trị và bế tắc trong việc tìm những giải pháp cần thiết để đẩy tới cuộc cách mạng. Việc nghiên cứu, phân tích giai cấp công nhân là cấp thiết, nếu không nói là cần thiết nhất hiện nay.

Vả lại, việc phân tích đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc vị trí và đặc điểm của giai cấp công nhân Việt nam lúc này còn là cơ sở để giải quyết đúng các mối quan hệ giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm bảo đảm địa vị lãnh đạo xã hội của giai cấp công nhân Việt nam và bảo đảm vững chắc sự liên minh của nó với nông dân và các tầng lớp lao động khác, bảo đảm khối đại đoàn kết toàn dân càng chặt chẽ, vững bền.

2. Cần tiếp tục xác định rõ nội dung cơ bản của chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng

Digitized by Google

quản lý của Nhà nước. Có nghĩa là không thể đồng nhất bộ máy của Đảng với bộ máy của Nhà nước. Khái niệm "sự lãnh đạo của Đảng" rộng hơn so với khái niệm "sự quản lý của Nhà nước". Sự quản lý của Nhà nước, theo một ý nghĩa nào đó, mang tính chất chuyên môn, nghiệp vụ ; còn sự lãnh đạo của Đảng thì lại mang tính chính trị tổng hợp. Làm rõ những nội dung trên còn góp phần lý giải rõ vai trò của tổ chức công đoàn và vị trí của giai cấp công nhân - với tư cách là mối liên hệ hữu cơ giữa quản lý nhà nước với quần chúng lao động đông đảo dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Bằng mọi con đường, thông qua các tổ chức rộng rãi của quần chúng, nâng cao nhận thức cho toàn dân về vai trò và vị trí của giai cấp công nhân trong đổi mới, nhưng trước nhất và quan trọng nhất là phải làm cho bản thân giai cấp công nhân hiểu rõ hơn ai hết thế nào là lập trường giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng. Không có giai cấp công nhân và sự lãnh đạo của giai cấp này thì không thể có chủ nghĩa xã hội ; không đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân thì không hiểu đúng và giải quyết đúng bất cứ một quá trình nào của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, việc tăng cường giáo dục hệ tư tưởng Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng, đạo đức mới và nếp sống mới, phải được coi là nhiệm vụ của tất cả mọi tổ chức, mọi thành viên trong xã hội.

4. Theo lý thuyết kinh tế hiện đại, muốn làm chủ nhà máy xí nghiệp thì phải có sở hữu, vì vậy việc làm cho giai cấp công nhân có cổ phần trong các đơn vị kinh tế là đúng, nhưng theo tôi nghĩ, vẫn chưa đủ. Trong hoàn cảnh đất nước thực thi kinh tế thị trường, nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để công nhân có thể thực sự làm chủ, thực sự có quyền quyết định sản xuất và kinh doanh, thì ngoài việc có cổ phần, họ còn cần có trình độ học vấn và kỹ thuật cao, sâu, đa dạng, còn cần được luật pháp dành cho những điều kiện đặc biệt. Cũng bởi vậy, Đảng và Nhà nước phải có những biện pháp đồng bộ với những bước đi thích hợp và thận trọng, từ việc thực hiện cổ phần hóa đến việc tổ chức đào tạo lại, tạo nguồn, cũng như ban hành đầy đủ những chính sách xã hội cho giai cấp công nhân.

5. Hiện nay nước ta có nhiều những thế hệ công nhân đan xen nhau, ngay trong giai cấp công nhân cũng có những đòi hỏi khác nhau về lợi ích, bởi vậy cần có các chính sách khuyến khích khác nhau để phát huy được mọi khả năng của công nhân ta. Cần coi trọng và giữ vững quan điểm giai cấp công nhân trong việc lựa chọn cán bộ quản lý và lãnh đạo. Khắc phục chủ nghĩa thành phần, nhưng không thể xa rời các nguyên tắc cơ bản thể hiện hệ tư tưởng giai cấp công nhân trong công tác cán bộ.

Quy hoạch... *(Tiếp theo trang 43)*

chủ yếu nên dựa vào vốn tự có của các hộ nông dân. Vấn đề cấp thiết là nhà nước có chính sách và cơ chế huy động hợp lý vốn của dân và sức dân. Chính sách ấy cần có bước đi thích hợp cho từng vùng, cũng như cho mỗi đối tượng. Quan điểm cơ bản là chấp nhận cơ chế thị trường, "nhà nước và nhân dân cùng làm". Theo kinh nghiệm ở nhiều nước đang phát triển và thực tiễn nông thôn nước ta, "chính sách tạo điều kiện" có lẽ là thích hợp nhất : nhà nước "tạo điều kiện ban đầu" cho các vùng chậm tiến, còn quá chênh lệch, quá khó khăn, như miền núi, miền ven biển chịu nhiều thiên tai; cũng như cho các đối tượng thuộc chính sách xã hội hoặc nhân đạo... Nội dung "tạo điều kiện ban đầu" thật phong phú : cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, dài hạn; chi phí một phần trong đầu tư xây dựng (thường là kết cấu hạ tầng kỹ thuật, điển hình là mạng lưới giao thông) ; giảm nhẹ mức thuế nông nghiệp trong thời hạn cần thiết ; cho được ưu tiên tiếp nhận các dự án tài trợ của nước ngoài về phát triển nông thôn... Mục tiêu là giúp các hộ nông dân có mức thu nhập thấp xây dựng được "cơ nghiệp ban đầu", làm cơ sở cho sự phát triển tiếp theo một cách vững chắc. Khi đã đạt đến trình độ phát triển đồng đều giữa các vùng, thì có thể áp dụng một cơ chế thị trường đầy đủ : mọi hạng mục công trình xây dựng đều dựa vào chính nguồn lực của các hộ nông dân theo một cơ chế thích hợp, phù hợp với sự quản lý vĩ mô và sát với điều kiện mỗi vùng. Sau cùng, trình độ quản lý hành chính cũng như quản lý xây dựng cơ bản cùng với bộ máy tổ chức (nhất là cấp xã, huyện), phải được đào tạo lại, nâng lên tương xứng.

Digitized by Google

CHẢY MÁU CHẤT XÁM TẠI CHỖ - MỘT SỰ THẬT NHỨC NHỐI

NGUYỄN TRÍ DŨNG*

TRÊN một tấm bia đá ở Văn miếu - Quốc tử giám có khắc dòng chữ : "Người tài là sức mạnh quốc gia". Lời dạn dò đó của cha ông ta thuở trước hiện vẫn còn nguyên giá trị, nhất là vào lúc mà chúng ta đang tập trung mọi khả năng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Người tài ở đây chính là vốn "chất xám", là năng lực trí tuệ của con người, là nguồn lực góp vào sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. "Chất xám" không chỉ là vốn riêng có ở những người đỗ đạt bằng cấp, song trên mức độ nhất định, nó thường tập trung ở đội ngũ cán bộ, trí thức có trình độ học vấn tương đối cao.

Nước ta có một gia tài trí tuệ không nhỏ với khoảng 70 vạn người có trình độ từ đại học trở lên, trong đó gần một phần mười là tiến sĩ, phó tiến sĩ ; tại hơn 100 trường đại học hiện có khoảng 22000 cán bộ giảng dạy, trong đó gần 3000 người đã được đào tạo sau đại học. Cả nước có hơn 250 viện nghiên cứu và trung tâm khoa học với khoảng 25 000 cán bộ (gần 2000 người đã được đào tạo sau đại học). Ấy là chưa kể đến một lượng đông đảo người Việt hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Chúng ta có trong tay một vốn quý đáng trân trọng.

Theo điều tra ở nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, cơ quan chiến lược, độ tuổi trung bình của cán bộ khoa học là xấp xỉ 50. Sự thiếu hụt cán bộ kế cận đang là tình trạng phổ biến. Số cán bộ trẻ dưới 35 tuổi chỉ chiếm 2 - 8% tổng số cán bộ trong nhiều cơ quan khoa học, nhiều địa phương. Một số tỉnh, thành phố, đặc biệt là những vùng xa, đang thiếu cán bộ quản lý, cán bộ khoa học công nghệ cốt cán để góp phần đẩy mạnh việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trước những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường và trước nhu cầu phát triển mới của đất nước, chúng ta đặc biệt không đáp ứng kịp loại cán bộ có năng lực thực hành, cán bộ quản lý và những công chức giỏi. Theo kết quả điều tra của Bộ lao động - thương binh và xã hội, hiện có tới 30% số công chức nhà nước ở trung ương và 70% số công chức ở địa phương chưa đủ tiêu chuẩn đảm đương nhiệm vụ. Nói cách khác, ngay trong bộ phận công chức nhà nước là bộ phận phần lớn được đào tạo đại học, vẫn có tới 50 vạn người cần phải được dào tạo hoặc đào tạo lại. Đây là con số đáng suy nghĩ về tình trạng vừa "thiếu" lại vừa "thừa" cán bộ - hậu quả của phương thức dào tạo cũ, chỉ chú trọng "đầu vào" với số lượng lớn mà ít chú ý đến "đầu ra", đến mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước. Lao động khoa học, kỹ thuật phần lớn tập trung ở các thành phố, thị xã (chủ yếu trên lĩnh vực khoa học cơ bản), làm cho bộ máy nhà nước ngày càng phình to mà vẫn kém hiệu quả, hiệu lực. Mô hình đào tạo đang thay đổi, nhưng sản phẩm của cơ chế cũ vẫn còn tồn tại. Cho tới nay, ước tính còn khoảng 1,5 vạn người đã tốt nghiệp đại học và trên 1600 phó tiến sĩ, tiến sĩ chưa được phân công tác.

Cái vòng luẩn quẩn thiếu - thừa, cùng với cơ chế sử dụng cán bộ, trọng dụng tài năng chưa hợp lý, cộng với đời sống thường ngày khó khăn chật vật, đã cản trở không ít năng lực sáng tạo, tạo nên tình trạng "thất nghiệp nửa vời", "chân trong chân ngoài" của một bộ phận không nhỏ cán bộ, trí thức. Một số người đã bỏ nghề, một số người trình độ bị mai một do không tập trung hết tinh lực vào công việc chuyên môn. Theo Bộ giáo dục - đào tạo, có tới 67% giáo viên phải làm ngoài giờ và 50% thời gian vật chất bị bỏ vào những công việc ngoài nhà trường. Song điều đáng nói ở đây là sự xuất hiện căn bệnh "chảy máu chất xám" tại chỗ.

"Chảy máu chất xám" tại chỗ là hiện tượng nguồn lao động chất xám do nhà nước bỏ tiền của, công sức đào tạo chuyển dịch sang khu vực tư nhân, đặc biệt là sang khu vực cơ quan nước ngoài đóng tại Việt nam. Có hai hình thức chuyển dịch : chuyển dịch của từng con người cụ thể, hoặc chỉ là chuyển dịch tri thức, thông tin của những cán bộ đương nhiệm. Trước mắt,

* Phó tổng biên tập báo *Việt nam - Đầu tư nước ngoài*, Ủy ban nhà nước về hợp tác đầu tư

Digitized by Google

chúng ta phải tạm thời chấp nhận tình trạng "chảy máu chất xám" tại chỗ như một hiện tượng khó tránh khỏi trong thời kỳ chuyển đổi. Nhưng *không nên vì thế mà buông xuôi, thả nổi,* bởi "máu" đã chảy thì có thể cạn kiệt, đe dọa sự sống của "cơ thể" quốc gia.

"Chất xám" đang thực sự trở thành hàng hóa và trôi dạt ra ngoài tầm kiểm soát của nhà nước. Đội ngũ trí thức làm thuê cho nước ngoài ngày càng trở nên đông đảo bởi các lực hút : thu nhập cao; có môi trường làm việc thuận lợi; có thể mau chóng trưởng thành nhờ khả năng sáng tạo được huy động tới mức cao nhất... Cho đến nay, số người Việt nam làm việc trong các cơ quan và tổ chức nước ngoài đóng tại Việt nam ước tính tới hàng vạn. Số cơ sở liên doanh với nước ngoài hiện đang hoạt động là hơn 800, trung bình mỗi đơn vị sử dụng khoảng 8 đến 10 lao động "cổ cồn" người Việt. Đấy là chưa kể số lao động (cũng phải tới vài ngàn) đang làm việc tại hơn 600 văn phòng đại diện của các công ty, tập đoàn và hơn 200 tổ chức quốc gia và quốc tế...

Các cơ quan nước ngoài đề yếu cầu rất cao trong tuyển lựa nhân viên. Thông qua mối quan hệ thân quen, họ lùng sục, tìm đủ cách chèo kéo số viên chức mà họ coi là ưu tú trong các cơ quan nhà nước, số sinh viên giỏi đã tốt nghiệp nhưng chưa có việc làm... Nhà nước ta thực sự bị "rút ruột" nếu để cho các cơ quan nước ngoài thu hút được những trí thức ưu tú, có nhiều triển vọng của ta làm thuê cho họ trong khi ta còn đang rất thiếu cán bộ giỏi, rất thiếu vốn để đầu tư cho giáo dục (ngân sách cho giáo dục năm học 1993 - 1994 chỉ đáp ứng được 1/2 nhu cầu của ngành). Có thể có ý kiến cho rằng, dù sao nhà nước ta đã có chính sách thuế thu nhập. Hơn nữa, hiện nay ta không đủ việc làm, không đủ điều kiện để nuôi dưỡng và đào tạo cán bộ, thì cứ để cho các cơ quan nước ngoài nuôi dưỡng và đào tạo hộ. Ý kiến vừa nêu có phần đúng. Song trên thực tế các cơ quan nước ngoài và những người đang làm thuê cho nước ngoài có muôn vàn cách để trốn thuế, chưa kể các "ông chủ" vì lợi ích riêng đã tận dụng tài sức của những trí thức làm thuê tới mức không ít người trong số họ đã sớm bạc đầu, kiệt sức. Giả dụ mai kia nhà nước ta có đủ điều kiện để thu nhận họ lại thì việc điều chuyển chác cũng không dễ dàng; hơn nữa, như một múi chanh đã bị vắt kiệt, họ còn đâu sức lực để phục vụ tốt ?

Khu vực tư nhân cũng đang dần dần có sức hấp dẫn lớn đối với những "người tài". Hiện nay, số cán bộ khoa học, quản lý kinh tế trong gần 13 000 doanh nghiệp, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân chưa nhiều, nhưng hầu hết đều là những người giỏi nghề và rất năng động. Có những tài năng vật lý, toán học đã từ bỏ sự nghiệp nghiên cứu khoa học để chuyển hẳn sang làm kinh doanh, làm "người thông tin áo trắng". Đây chính là triệu trứng của "bệnh thiếu máu" trong khoa học, một căn bệnh khá phổ biến ngay cả ở những nước phát triển phương Tây. Nó thể hiện ở chỗ: một số lớn nhân tài khoa học bị phân tán, đi vào các ngành khoa học ứng dụng hoặc nhiều ngành khác, khiến cho không còn năng lực đảm nhận các chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản to lớn, và mất dần năng lực phát minh sáng tạo. Đối với một nước đang phát triển và bắt đầu bước vào công nghiệp hóa như nước ta, căn bệnh này càng nguy hiểm vì nó có thể phá vỡ kết cấu tự nhiên của rất nhiều ngành khoa học cơ bản.

Việc ngày càng đông đảo những người có học vị, có trình độ hoặc tay nghề cao chuyển dịch từ khu vực nhà nước sang các khu vực khác hoặc trôi nổi trên thị trường lao động tự do, nếu chỉ xét đơn thuần ở khía cạnh con người, cũng đã lắm vấn đề phức tạp. Đáng chú ý nhất ở đây là sự chuyển dịch về mặt tri thức và thông tin mà lực lượng lao động chất xám tích cóp được qua nghiên cứu học tập, qua quá trình tham gia công tác ở khu vực nhà nước hoặc qua các mối dây liên hệ thân tình, gần gũi với cán bộ lãnh đạo ở cấp vĩ mô. Thực tế là đang hình thành một thị trường thông tin mang tính thương mại rõ rệt, chủ yếu là để phục vụ cho khu vực kinh tế tư nhân và các đơn vị kinh tế nước ngoài đang hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp ở nước ta. Mà thông tin ngày nay, nhất là những tin cơ mật về đường lối, chủ trương và những quyết sách của nhà nước, những tin có hàm lượng trí tuệ và giá trị kinh tế cao, những tài liệu quý giá trong kho tàng văn hóa dân tộc... đã trở thành một món hàng đắt giá. Hiện nay đã có người lo ngại, sẽ tới lúc Nhà nước ta phải mang đô la đi mua lại những di sản văn hóa quý giá của Việt nam đang trôi nổi khắp trên thế giới.

Nguồn bán thông tin, tri thức không chỉ từ những cán bộ đã chuyển sang làm việc cho khu vực ngoài quốc doanh và khu vực nước ngoài. Nguy hại nhất và hậu họa khôn lường là dòng

Digitized by Google

tin chảy ngầm từ những cán bộ đương nhiệm ra ngoài mà tới nay ta chưa có cách nào thống kê, tính toán được đầy đủ. Khởi đầu ở người nào đó có thể chỉ đo hoàn cảnh thiếu thốn (tâm lý phổ biến là phải tự cứu mình), nhưng lâu dần nảy sinh ý nghĩ tiêu cực : coi cơ quan nhà nước chỉ là chỗ trú chân, thậm chí là nơi để vươn lên làm giàu bất chính. Không ít người làm việc cầm chừng, còn thì tranh thủ liên hệ bán thông tin, bán chất xám ra ngoài kiếm sống. Họ không còn là "người chủ xã hội", mà chỉ là "người làm thuê tồi cho nhà nước" ; thậm chí, trong dòng xoáy của cơ chế thị trường, có người còn vượt qua làn ranh giới mỏng manh giữa làm giàu cho cá nhân và bán rẻ lợi ích quốc gia, dân tộc. Về những hiện tượng đáng buồn vừa nêu, có lẽ nhà nước cũng có phần trách nhiệm. Bài học coi nhẹ lợi ích thiết thân của người lao động phải chăng tới nay vẫn còn giá trị ?

Hình thức mà người ta sử dụng để lượm lặt thông tin, mua bán trí thức cũng rất đa dạng và uyển chuyển : có thể thông qua các loại hợp đồng, có thể thông qua các cuộc hội thảo khoa học, qua sự đầu tư, tài trợ vật chất, qua đủ loại liên kết tìm lợi nhuận (không loại trừ cả những trung tâm, những tổ chức hội mượn danh...). Nhà nước ta đã phải bỏ ra hàng triệu USD để đào tạo một hệ cán bộ thuộc những ngành khan hiếm, nhưng lại để cho đội ngũ này phải đi "đá ngang" kiếm sống bằng mọi cách, rồi khi gặp được ông chủ bên ngoài nào trả giá cao cho năng lực chuyên môn của họ thì họ sẵn sàng vắt chất xám bán đi. Công bằng mà nói, loại lao động "đá ngang", vừa làm cho nhà nước vừa lo phục vụ các ông chủ bên ngoài có tiền này, ngoài phần cải thiện cho đời sống cá nhân, ở mức độ nhất định vẫn có thể có lợi cho xã hội. Nhưng nếu suy nghĩ sâu một chút, tính đến số tiền nhà nước đã phải bỏ ra để đào tạo họ trong bao nhiêu năm, tính đến sự hẫng hụt, không đủ số cán bộ kế cận chuyên sâu cần thiết để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng to lớn của sự nghiệp xây dựng đất nước, chúng ta mới thấy hết tính chất nguy hiểm của sự rò rỉ, thất thoát chất xám ở quy mô như trên.

*

Phần đông được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, người trí thức Việt nam chân chính biết phát huy truyền thống quý nhân nghĩa, trọng danh dự. Họ mong muốn được làm việc, cống hiến, được đánh giá đúng mức và được hưởng những gì xứng đáng với nghề nghiệp chuyên môn của mình. Dù vì lẽ nào đó họ phải rời cơ quan nhà nước hay chạy vạy kiếm sống bằng cách này cách khác, thâm tâm họ vẫn muốn đóng góp vì sự nghiệp đổi mới đất nước, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Biết bao trí thức trước kia đã từng hy sinh xương máu để giành độc lập tự do cho đân tộc, giành quyền làm chủ cho mình và cho nhân dân. Dễ gì bỗng chốc họ có thể hạ thấp mình vì miếng cơm manh áo.

Để chủ động ngăn chặn sự rò rỉ, thất thoát lực lượng lao động chất xám, tôi xin kiến nghị với Nhà nước :

Trước hết, cần tổ chức kiểm kê lại toàn bộ lực lượng từ khâu đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, đặc biệt cán bộ đầu ngành, cán bộ có học hàm học vị, cán bộ có trình độ cao, chuyên môn sâu (chú ý đến lực lượng trẻ).

Thứ hai, nghiên cứu đồng bộ và toàn diện phương thức đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng trí thức phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời chuẩn bị điều kiện sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCHTƯ Đảng (khóa VII) đề ra.

Thứ ba, kịp thời đưa ra văn bản pháp quy về "bản quyền sử dụng chất xám", cũng có nghĩa *xây dựng một cơ chế tay ba* giữa người đào tạo (nhà nước), người sử dụng và người làm việc, tạo cơ sở pháp lý ràng buộc cả ba lực lượng đó, tránh tình trạng người đào tạo chỉ biết đào tạo, người sử dụng nghiễm nhiên sử dụng, thậm chí tự do bóc lột, vắt kiệt vốn chất xám của người lao động với các điều khoản khắt khe. Trong việc chuyển giao trí thức và thông tin cho khu vực ngoài nhà nước, cần quy định rõ nội dung và đối tượng nào thì không được chuyển giao.

Thứ tư, cần tổ chức, sắp xếp các cơ quan khoa học cho phù hợp với cơ chế mới; tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan nghiên cứu, đào tạo và các cơ sở sản xuất, thực nghiệm; lấy nghiên cứu để nuôi nghiên cứu; có chính sách kiểm định giá trị sản phẩm khoa học, tạo nội lực phát triển các cơ sở khoa học, đồng thời cải thiện rõ rệt đời sống cán bộ khoa học.

Thứ năm, sớm bắt tay vào công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia, quy định các chế độ công vụ, công chức và công sở. Giữ nghiêm kỷ luật bảo mật nhà nước, kiên quyết trừng trị những người, không kể lý do gì, làm hại đến lợi ích quốc gia, ảnh hưởng tới sự ổn định của đội ngũ trí thức, vốn quý của dân tộc.

Digitized by Google

Cái khó của nghề làm "sếp"

MAI NGUYỄN

- Té ra cái nghề làm "sếp" cũng khó thật cậu ạ.

Bữa rượu thết vì tin vui lên chức tổng giám đốc, được bạn tôi mở đầu như vậy. Phỏng có gì quan trọng hơn cái để tài ấy trong không khí thân mật hôm nay ? ! Nhưng nghĩ thế nào tôi lại xả ra một câu hỏi thô :

- Khó cóc khô gì. Cậu chỉ được cái quan trọng hóa.

- Không. Tớ nói thật. Ngay như chuyện học của người lãnh đạo để được gọi là "nhất nghệ tinh" cũng không biết đến bao giờ mới xong.

- Tớ chẳng rõ xưa các cụ nhà ta đều thi vào Quốc Tử Giám để ra làm quan phải học những gì. Chứ riêng cậu, bây giờ trong tay đã mấy bằng rồi. Bằng chuyên môn, lý luận, quản lý, có cả. Lại còn cái lớp gì cậu bảo toàn chuyên gia nước ngoài giảng về kinh tế thị trường ấy... Thế là học đủ điều rồi còn gì !

- Vậy mà mình vẫn cứ cảm thấy thiếu thiếu...

- Hẳn là còn thiếu một cô thư ký xinh đẹp?

- Anh ấy có những hai cô cơ - Tiếng người vợ oang oang từ bếp vọng ra. Bạn tôi nháy mắt, cười xòa. Cái nụ cười ấy, tôi biết, chân thành, đáng tin ngay từ khi chúng tôi còn là bạn với nhau ở chiến trường.

Tôi ngước nhìn lên giá sách, thấy san sát những tác phẩm đông tây kim cổ. Sách dạy về lãnh đạo quản lý cũng không thiếu. Nào là "Học tập quản lý" của Pa-ra-mô-nốp, "Phong cách quản lý của người lãnh đạo", "Tâm lý học xã hội trong lãnh đạo và quản lý", rồi "Những nguyên lý của công tác tổ chức", "Phong cách làm việc kiểu Lê-nin",... Tôi thầm phục "thằng cha" chịu khó đọc. Vậy duyên cớ gì mà cậu ấy còn băn khoăn. Thử chuyển gam, "chích" vào cái huyệt phụ xem sao.

- Này, cậu còn nhớ chứ. Ngày xưa ở lính tớ mới làm đến chức đại đội trưởng, kể đã to. Thời bấy giờ, công nhận làm "sếp" là khó, khó thực sự. Mình lo ngày lo đêm, lo đến bạc cả tóc. Bởi một lẽ giản đơn là trong tay mình toàn những sinh linh trẻ măng. Ngày mai ra trận, cái sống cái chết đang chờ họ, đâu phải chuyện đùa ! Còn thời nay, nào "sếp" to, "sếp" nhỏ, "sếp" trên, "sếp" dưới; "sếp" lãnh đạo chỉ đạo, "sếp" quản lý đốc công. Phòng ban, vụ viện rối tinh lên... vậy mà khi ra quyết định đôi lúc như trò đùa.

Bạn tôi môi mím lại, mắt phóng ra xa... Chắc đã chạm vào cái lông nhím rồi đây.

- Nói láo. Xưa và nay, thời nào cũng thế, chuyện quản lý vẫn là chuyện con người đối với con người. Đùa thế nào được. Thế cậu tưởng làm "sếp" bây giờ không phải lo cái sống cái chết của người ta chắc. Để một ngày người ta đói chẳng được, để người ta nheo nhóc chết dần chết mòn, tội càng nặng hơn.

Từ bếp, vợ bạn tôi chạy cuống lên :

- Ô hay, hai ông mới nhấp một chút mà sao ngôn đã xuất tứ tung vậy !

Bắt trúng mạch, tôi bồi thêm :

- Ấy là tôi nói cái thân tôi đây này.

- Thân cậu thì sao ?

- Một lúc nhận hai quyết định : chồng hưu non, vợ chuyển nghề.

Đến lượt vị tổng giám đốc tròn xoe mắt :

- Hưu non ! Chuyển nghề ! Can cớ gì ?

- Mình là lính đã đi một nhẽ, có vứt ra vỉa hè cũng chẳng chết. Chỉ tủi cho cô vợ...

- Vợ thế nào, ngậm hột thị mãi ?

- Vợ tớ làm nghề gõ đầu trẻ, các cậu biết rồi. Một nghề người ta vẫn bảo là thiêng liêng và cao quý. Mà mình cũng tin rằng dưới mái trường mọi người thầy đều cao quý. Vậy mà... không ngờ, cô giáo dạy giỏi cấp tỉnh lại được ông hiệu trưởng "chiếu cố" cho xuống trông coi "vườn thí nghiệm".

- Đang dạy giỏi đưa xuống vườn thí nghiệm. Vì sao ?

- Nói nôm na là bà xã mình tỏ ra không đồng tình với chủ trương của tay hiệu trưởng bắt học sinh đóng quá nhiều lệ phí. Cô ấy bảo : "Hiệu trưởng có biết đâu. Chỉ tụi giáo viên chúng em là khổ. Hằng ngày giáp mặt với cha mẹ học sinh. Cứ nhìn ánh mắt của họ mà mình thấy e ngại và xấu hổ. Tựa như mình là kẻ bán chữ quá đắt vậy".

- Đúng là bà chị bất đồng quan điểm với "sếp" rồi. Gay thật. Thế còn anh ? Cũng là kỹ sư chế tạo máy như nhà em cơ mà, sao lại hưu ? - Vợ bạn tôi nói chen vào.

- Chết vì cái bằng kỹ sư ấy đấy.

- Vẫn cái máu lính cũ, hay chống đối chứ gì?

- Ừ. Mình chống, chống kịch liệt cái lối nhập thiết bị tùy tiện của "sếp".

- Nhập thiết bị mới để nâng cao chất lượng sản phẩm, cạnh tranh trên thị trường là đúng chứ sao ?

- Đúng. Nhưng mình phản đối việc nhập thiết bị không còn mới mà người ta bảo là mới. Một lũ bịp "sếp", họ định bịp luôn cả mình. Họ nuốt chửng của nhà nước hàng chục cây vàng. Khi

Digitized by Google

mình tố giác việc đó, giám đốc lại cố tình lờ đi. Cái lý của ông ta là trên họ cấp tiền, ta đã trót thì phải trét. Chuyện vỡ lở ra ảnh hưởng đến uy tín cơ quan. Mình nói thẳng : "Có lẽ "sếp" chỉ sợ ảnh hưởng đến cái ghế của "sếp" mà thôi". Thế là...

- Tớ hiểu, tớ hiểu... Việc này cậu phải để tớ trình lên Bộ - Bạn tôi bắt đầu hăng lên.

- Thôi, tớ can cậu. Nhỡ đâu trên Bộ người ta cũng sợ mất uy tín với Chính phủ và họ lại tìm cách cho cả cậu về hưu non nữa thì khốn.

Vợ bạn tôi xăng xái :

- Không thể thế được. Ở chỗ em, một tay giám đốc chỉ vì cái tội ăn chận của các cụ già neo đơn mà phải chịu kỷ luật nặng. Hắn ký quỹ từ thiện mua chăn loại 4 nhưng lại báo cáo là chăn loại 1. Thật khốn nạn. Còn việc anh kể, chính ra tay "sếp" phải về vườn chứ đâu phải anh.

- Về vườn còn là nhẹ. Đáng lý phải ra hầu tòa. Tiền của nhà nước lọt hết vào tay lũ mọt. - Vị tổng giám đốc giọng trở nên đanh thép, tiếp cho tôi miếng ớt, cậu ấy mát mẻ :

- Cho cay luôn thể này. Nhưng đã là thằng lính, cay thì cay chứ đừng hát hơi, xỉ mũi. Tưởng mình khóc, người ta lại thương hại đấy. Quả tình loại "sếp" như cậu nói, ngoài đời không ít. Ngay từ thời Xuân Thu các vua chúa cũng thường mắc phải sự nhầm lẫn tai hại này. Có lần Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng : "Trị nước lo điều gì nhất?". Quản Trọng đáp : "Khổ nhất là "lũ chuột nhà thờ xã". Muốn diệt chuột, hun khói thì sợ gỗ cháy, tưới nước đất lại rã ra. Nay người của nhà vua, ra ngoài thì dựa vào thế vua mà nạt dân, bóp nặn dân, vào trong thì bè đảng, nói xấu người mình ghét, che giấu cái xấu của mình và lừa dối nhà vua. Nếu không trị thì họ làm loạn pháp luật, mà nếu trị thì nhà vua bị chặt vây cánh, nhà vua lo giữ lấy họ. Đó cũng là "lũ chuột nhà thờ xã" đấy". Ngẫm chuyện xưa, nay mình phải kiên quyết trị lũ chuột. Hôm nọ mình mời tay trưởng phòng kỹ thuật lên hỏi :

- Xi măng của xí nghiệp ta còn bao nhiêu ?

- Anh để tôi xem lại.

- Sắt còn bao nhiêu ?

- Áng chừng 10 tấn.

- Cầu sông H thi công nay đến giai đoạn nào?

- Hình như sắp xong...

Tớ quay sang hỏi tay nhân viên 28 tuổi, tốt nghiệp đại học xây dựng. Cậu ta đưa ra những số liệu chuẩn xác. Không có chữ "hình như", "có lẽ", "áng chừng"... Cậu ta còn phê thẳng thừng tớ không khẩn trương mua thêm máy trộn bê tông, làm giảm tiến độ công trình ...

Sau khi thăm dò ý kiến cấp ủy và công nhân, mình quyết định để tay trưởng phòng kỹ thuật nghỉ dài.

- Cậu đã ươm thằng cha 28 tuổi chứ gì ?

- Tất nhiên.

- Thế còn hai cô thư ký ?

- Dẹp. Đấy là sản phẩm của "tổng" cũ. Một cô mình cho đi học vi tính, cô kia đi bổ túc tiếng Anh để sau tăng cường cho các phòng.

- Mới lên mà đã thẳng tay gớm. Coi chừng đấy !

- Đã có người dọa tớ : cẩn thận kẻo ngã ngựa. Tớ nghe biết vậy. Vừa ký thêm mấy hợp đồng mới. Lương công nhân cũng tăng gần gấp đôi so với trước. Họ bảo chưa no nhưng giờ không sợ đói nữa. Thế là mừng rồi.

Chuyện đang lên cao trào thì vợ bạn tôi bấm vào vai chồng.

- Cái văn bản bàn giao tài sản cố định của tay Hùng giám đốc mới lên thay anh, anh đã ký chưa? Hôm nọ tay ấy qua đây nhờ em nhắc anh đấy. Trẻ, khỏe, hào hoa, con người có vẻ khéo đáo để. Một danh mục hàng thanh lý, trong đó có cái Toyota, tay ấy bảo "chị cứ đăng ký mua cho cháu để nó tập lái ăn".

Bạn tôi bất thần đặt ly rượu xuống, chồm lên vớ cái kính :

- Bà đưa ngay cái văn bản bàn giao ấy cho tôi. Thế này là hắn đang cho tôi vào bẫy đây. Đấy cậu xem,làm "sếp" có dễ không ? Theo tớ, thật dễ vào tù.

- Làm gì mà hoảng lên thế ! Tôi rót thêm rượu cho bạn.

- Không được. Tớ sẽ trình lên Bộ về việc của cậu và tớ sẽ chính thức đề nghị Bộ để bạt cậu lên giám đốc. Bởi dù sao cậu cũng đã từng là một thiếu tá, là kỹ sư chế tạo máy đã được thử thách. Còn Hùng, tay giám đốc mới này cần phải xem lại...

- Cứ cho tớ cái chân bảo vệ ở nơi cậu, thế là quý lắm rồi. Ngày xưa cậu biết tớ là một xạ thủ không xoàng chứ.

- Bậy nào. Trong chiến đấu thiếu gì xạ thủ. Phải có cái đầu chiến lược, phải biết người biết ta, trăm trận trăm thắng. Đúng không ?

- Đúng - Tôi ngẫm cậu bạn tôi nói đúng - Biết người biết ta nghĩa là đánh giá đúng người, lựa chọn đúng người và dùng đúng người. Mấy việc ấy xem ra vẫn là khó nhất trong cái nghề làm "sếp".

Digitized by Google

ĐÔI NÉT VỀ THẾ GIỚI NĂM 1994

VÕ THỦ PHƯƠNG

1 - Các nước tư bản phát triển bước vào năm 1994 với nhiều dự tính và hy vọng, các khu vực kinh tế lớn tiếp tục hoàn thiện và kiện toàn cơ chế hợp tác. Hiệp ước Ma-xtơ-rich và NAFTA đã có hiệu lực. Nhìn bề ngoài có vẻ các nước tư bản phát triển đang đi lên, song thực tế phức tạp hơn người ta tưởng.

Năm 1994, *kinh tế khối EC nhích lên rất chậm, nạn thất nghiệp trầm trọng*, số người thất nghiệp ở 12 nước EC đã lên tới 20 triệu, chiếm khoảng 12% tổng số dân lao động ở các nước này (năm 1989 mới có 8,1%). *Các đảng lớn không còn giữ được địa vị thống trị như trước* do mất đi sự tín nhiệm và ủng hộ của dân chúng. Tại *Anh* thủ tướng Giôn Mây-giơ lao đao với số điểm thăm dò quá thấp. Tại *I-ta-li-a*, thủ tướng Béc-lu-xcô-ni ngày 22-12 đã phải xin từ chức và tuyên bố giải tán chính phủ Liên minh tự do cánh hữu. Tại *Đức*, thủ tướng Hen-mút Côn thắng cử với một số phiếu chênh lệch quá thấp mà các báo bình luận là hú vía ! Tại *Nhật*, các thủ tướng thay nhau đổ. Tại *Mỹ*, cuộc "động đất chính trị" đã xảy ra vào tháng 11 vừa qua khi diễn ra cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, Đảng dân chủ bị thất bại lớn và Đảng cộng hòa đã lại nắm được đa số ghế ở cả hai viện.

Tại châu Âu, cuộc đọ sức giành địa vị chủ đạo diễn ra gay gắt, thế cân bằng tam giác Anh - Pháp-Đức bị phá vỡ.

Kể từ 1.1.1995, *Hiệp định chung về thuế quan và thương mại* (GATT) sẽ được thay thế bằng *Tổ chức thương mại thế giới* (WTO). Tuy nhiên, Mỹ, EU và Nhật chưa phải đã sẵn sàng nỗ lực phá vỡ những chướng ngại thương mại truyền thống và những chính sách dân tộc. Chắc chắn những khó khăn về kinh tế của Oa-sinh-tơn, Bơ-ruc-xen và Tô-ki-ô là những nhân tố chủ yếu hạn chế WTO theo hướng tự do hóa thương mại toàn cầu.

Tình hình thế giới năm 1994 cho thấy có sự gia tăng mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản. Môi trường chính trị ở Mỹ, Tây Âu và Nhật bản hiện không đáp ứng được mức độ hợp tác cần thiết để tránh một cuộc đối đầu thương mại mới, bắt nguồn từ chính sách cạnh tranh quốc gia. Không phải là không có cơ sở khi nói rằng các chương trình chính trị - kinh tế ở Mỹ, Tây Âu và Nhật bản chủ yếu là nhằm vào các vấn đề trong nước : cứu vãn sự tăng trưởng kinh tế, giải quyết công ăn việc làm. Người ta đang tìm kiếm những khuôn khổ quốc tế hữu hiệu có thể đóng vai trò "van an toàn" cho các áp lực khẩn cấp xuất hiện trong các quá trình cạnh tranh quốc tế.

Trong khi các nước Tây Âu lâm vào tình trạng khó khăn thì các nước thuộc khu vực phía Nam phát triển nhanh. Tại Đông-Nam Á, xu thế nhất thể hóa kinh tế khu vực có bước phát triển mới. Tinh thần độc lập tự cường dân chủ nâng cao. Tất cả những yếu tố đó ảnh hưởng tới mối quan hệ Bắc - Nam, và làm thay đổi cục diện "Bắc công, Nam thủ".

2 - Sau chiến tranh lạnh, sự đối kháng toàn diện trên thế giới tuy có giảm đi, nguy cơ chiến tranh hạt nhân không còn đe dọa nặng nề như trước đây, nhưng *thế giới vẫn còn quá nhiều xung đột.*

Do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô, "khoảng trống" về chính trị và quyền lực đã xuất hiện. Chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa kỳ thị dân tộc và các mâu thuẫn vốn có nay được dịp bùng lên. Năm 1994, thế giới chứng kiến một loạt cuộc chiến tranh nhỏ với cường độ thấp nhưng không kém phần đẫm máu. Dù ở phạm vi nhỏ, vũ khí dưới tầm hạt nhân, nhưng chúng luôn có khả năng lan rộng và số người thiệt mạng khá nhiều. Tính chất dây dưa, lúc ngừng, lúc tái diễn, khó dẹp yên của các cuộc xung đột nói trên làm lực lượng giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc phải đau đầu và nhiều lúc tưởng như bất lực.

Chiến tranh, xung đột giống như một căn bệnh truyền nhiễm chẳng tha một châu lục nào. Cuộc nội chiến ở *Bô-xni-a Hec-xê-gô-vi-na* (thuộc Nam tư cũ) bùng nổ từ năm 1992 đã nhanh chóng trở thành tiêu điểm xung đột sắc tộc ở khu vực này và đã diễn biến thành cuộc chiến tranh nóng có quy mô lớn nhất châu Âu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, khiến cho nhiều người trên thế giới rất lo ngại. Cuộc nội chiến này bắt nguồn từ sự chia rẽ trong lòng Liên bang Nam tư cũ và là kết quả của những mâu thuẫn dân tộc kéo dài, dưới tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài. Nó đã gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng.

Trên mảnh đất **Liên xô cũ**, các "vi rút" chiến tranh hoành hành rất ác liệt. Ở *Na-go-ru-nui Ca-ra-bắc*, vùng đất tranh chấp giữa Ac-mê-ni và A-dec-bai-gian đã 4 năm nay chưa ngừng tiếng

Digitized by Google

súng. Bao thường dân vô tội đã nằm xuống vĩnh viễn bởi những tham vọng sắc tộc. *Áp-kha-di-a* và *Gru-di-a* xung đột kéo dài từ năm 1992 do tách và nhập, khiến cho quân mũ nồi xanh đã phải có mặt ở đây để can thiệp. Hẳn các nhà lãnh đạo sở tại không thể tự hào vì sự kiện này, sự kiện mà suốt hơn 70 năm qua chưa hề có trên bất cứ vùng đất nào của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết. Bán đảo *Crum*, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về kinh tế lẫn quân sự, với cảng Xê-va-xtô-pôn và hạm đội Hắc hải nổi tiếng, là điểm nóng của cuộc tranh chấp giữa U-crai-na và Liên bang Nga, nơi có nguy cơ tiềm tàng bùng nổ xung đột nếu các phía tranh chấp không tự kiềm chế. Ở cộng hòa *Môn-đa-vi*, tình hình cũng tương tự. Rồi *Lát-vi-a,E-xtô-ni-a*... cho tới *các nước Cộng hòa Trung Á* với những mâu thuẫn giữa "ngoại kiều" (người Nga) và người bản xứ ngày càng thắt lại như một cái nút khó gỡ. Chiến sự ác liệt kéo dài ở vùng này cùng các trận đụng độ ở biên giới đã làm hàng vạn người thiệt mạng. Qua phân tích tình hình, khả năng giải quyết xung đột ở khu vực này rất ít. Tại *Cộng hòa Liên bang Nga*, ở ngưỡng cửa năm mới còn rộ lên rất ác liệt cuộc khủng hoảng Trê-sni-a đe dọa tính mạng biết bao dân lành.

Xung đột sắc tộc là một trong những nhân tố đang đẩy lục địa **châu Phi** tới sự khốn cùng. Tại *Ru-an-đa*, chiến tranh đã bùng lên dữ dội do mâu thuẫn giữa hai bộ tộc Tút-xi và Hu-tu (chiếm đa số). Cuộc chiến giành quyền lực tháng 7-1994 ở đây đã để lại nửa triệu tử thi (tức là cứ 16 người dân thì có một người thiệt mạng). Do chết chóc, hạn hán, mất mùa và đói khổ, khoảng 2 triệu người Ru-an-đa đã phải di tản sang Da-ia. Thêm vào đó, chưa biết chính phủ mới ở đây có đủ mạnh để ngăn chặn một cuộc chiến huynh đệ tương tàn mới, khi chính phủ cũ của người Hu-tu lưu vong quay về trả thù không?

Do đối đầu và tàn phá kéo dài, bên tham chiến nào cũng phải trả giá rất nặng cả về vật chất lẫn tinh thần. Bởi vậy, các bên xung đột đều phải tìm cách hòa hoãn và giải quyết trận chiến bằng những phương pháp hòa bình hơn.

Sẽ thiếu sót nếu đề cập tới chủ đề chiến tranh mà bỏ qua câu chuyện hạt nhân với nhân vật chính là ***Mỹ***. Ngay từ năm 1945, mọi cố gắng của Mỹ đều nhằm đóng cửa Câu lạc bộ các quốc gia có vũ khí hạt nhân. Nhưng cố gắng này là vô vọng. Sau năm 1991, Bê-la-rút, U-crai-na, Ca-dắc-xtan đều có trong tay vũ khí hạt nhân, làm tăng đáng kể số thành viên của câu lạc bộ trên. Thất bại, Mỹ xoay sang tìm cách kiểm soát tất cả những nước mà Mỹ cho là có vũ khí hạt nhân. Cuộc thương lượng hạt nhân giữa Mỹ và Triều tiên kéo dài từ năm 1992 tới nay nằm trong ý đồ trên của Mỹ. Cuộc thương lượng này đã đi đến việc ký hiệp định tay đôi Mỹ- Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên trong năm 1994.

3 - Sau năm 1989, cùng với những đổ vỡ và kiến tạo mới các thể chế chính trị, một cấu trúc thế giới mới đang từng bước được hình thành. Trạng thái hoảng loạn ban đầu lắng dịu dần. Những kẻ đắc lợi trong cơn khủng hoảng thế kỷ đã tỉnh trí lại, và có lẽ cũng nhận ra rằng "thời cơ đâu dễ chớp". Còn người thua thì cũng rút được những bài học xương máu, và cương quyết đổi mới để phát triển. Như vậy, ổn định và phát triển đang trở thành nhu cầu chung đối với các nước trên thế giới. Môi trường thuận lợi này, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học và kỹ thuật, càng đẩy mạnh xu thế quốc tế hóa.

Về *kinh tế* : Vượt qua hàng rào ý thức hệ, thị trường thế giới hình thành, lan rộng và thống nhất. Nhờ bưu điện viễn thông và hệ thống máy vi tính, hằng ngày giá cả hàng hóa, giá chứng khoán... được thu thập và truyền tới trung tâm từng nước. Trên các sản phẩm, dòng chữ "Made in..." "Sản xuất tại..." ngày càng mang tính tượng trưng, bởi lẽ phần lớn các sản phẩm đều là kết quả phối hợp sản xuất của hai hay nhiều xí nghiệp ở các nước khác nhau. Sự hợp tác và phân công trong sản xuất ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, làm cho hàng hóa ngày càng mang tính quốc tế và mỗi nước ngày càng gắn bó với cộng đồng quốc tế.

Về *văn hóa - xã hội* : Một thực tế được ghi nhận là trên hành tinh chúng ta, không còn một quốc gia nào, khu vực nào, bất kể trình độ phát triển ra sao, lại không bị thu hút vào quá trình quốc tế hóa, quá trình phát triển thống nhất chung cho toàn nhân loại. Qua hệ thống truyền thông hằng ngày, con người có thể nhanh chóng biết được tin tức ở những nơi cách xa hàng vạn cây số. Âm nhạc, phim ảnh, sách báo cũng nhanh chóng vượt khỏi biên giới quốc gia, nơi chúng ra đời, để đến với công chúng trên khắp thế giới. Các nền văn hóa hòa nhập vào nhau một cách tự nhiên, dần dần và có chọn lọc. Đương nhiên, nền văn hóa của các nước khoa học kỹ thuật cao, hệ thống truyền thông mạnh, sẽ có điều kiện tốt hơn để thâm nhập các nền văn hóa khác.

Quốc tế hóa, toàn cầu hóa là một xu thế lớn đang chi phối sự vận động của thế giới, bởi vậy nó đòi hỏi mỗi nước phải có một chiến lược hợp lý phù hợp với xu thế này.

Do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng nước, do bị thúc bách của quá trình quốc tế hóa và liên kết khu vực, xu thế hòa hợp - đối thoại đang hình thành ngày càng rõ nét. Đây là xu thế tích cực, diễn ra với những sự kiện lớn gieo vào lòng các dân tộc những ấn tượng sâu sắc. Kể từ năm 1657 bị thực dân Hà lan thống trị và sau đó, từ năm 1806 bị thực dân Anh thống trị, đất nước *Nam phi* chưa hề biết tới khái niệm dân chủ.

Digitized by Google

Nhưng từ tháng 4-1994, lịch sử Nam phi đã sang một trang mới. Một nước Nam phi dân chủ đã ra đời, chấm dứt chế độ a-pac-thai tàn bạo. Tuy chính phủ mới của ông Man-đê-la còn đứng trước nhiều khó khăn, nhưng nhân loại tiến bộ đã có thể tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của đất nước đau thương này.

Ngày 26-10-1994, 5000 khách mời từ nhiều nước trên thế giới đã chứng kiến một sự kiện đặc biệt tại **Trung Đông**: lễ ký kết Hiệp ước hòa bình giữa I-xra-en và vương quốc Gioóc-đa-ni, chấm dứt 46 năm thù địch giữa hai nước láng giềng này. Hiệp ước này cùng với Hiệp định hòa bình giữa I-xra-en và PLO (Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin) và Tuyên bố 14 điểm của Hội nghị Ca-đa-blan-ca họp từ ngày 30-10 đến 1 - 11 - 1994 tại Ma rốc với sự tham gia của 2 500 đại biểu 61 nước và nhiều tổ chức quốc tế và công ty khu vực nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các nước Ả rập và I-xra-en (đặc biệt là về kinh tế), là những cơ sở đáng tin cậy của nền hòa bình Trung Đông.

Như vậy, dù vẫn còn những nhân tố bất ổn định và nguy cơ bùng nổ xung đột, nhìn chung thế giới của chúng ta năm qua đã dịu dần sau cơn sốt khủng hoảng, thế ổn định đang dần dần được xác lập .

4 - Vài ba năm trước đây, cùng với sự sụp đổ của Liên xô, chủ nghĩa cộng sản lâm vào tình trạng khó khăn chưa từng thấy. Phương Tây ca khúc khải hoàn, các học giả chống cộng cố ghép chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa phát xít, còn các chính khách khét tiếng chống cộng thì xoay đủ cách để đưa chủ nghĩa cộng sản ra trước vành móng ngựa. Điển hình nhất là ở Đức, nơi mà bệnh dịch chống cộng đã được khuyến khích. Nhưng thực tế đã chẳng có vụ án lịch sử nào phán xét nổi chủ nghĩa cộng sản, bởi đó là điều không thể có. Cuộc tấn công của những kẻ chống cộng nhằm vào những người cộng sản chỉ là một trò hề chính trị khiến người ta nhớ lại thời kỳ của chủ nghĩa quốc xã.

Các đảng cộng sản và công nhân ở Đông Âu và các nước thuộc Liên xô trước đây đã bị đặt vào "đất chết". Hết chỗ lùi, các đảng này đã tìm "con đường sống" bằng cách *đổi mới, cải cách tổ chức, đổi tên, lập lại, củng cố và tăng cường mối liên hệ với quần chúng ở cơ sở*. Thế giới đang chứng kiến sự "sống lại" của các đảng cộng sản và công nhân tại Đông Âu và Liên xô cũ. Ở một số nước, đảng cộng sản giành được đa số phiếu trong các cuộc bầu cử quốc hội, và đảng viên cộng sản đã lại được bầu vào các chức vụ quan trọng. Khi mà cái bánh vẽ "dân chủ", "tự do", "kinh tế sung túc" đã bị thời gian cuốn trôi thì dân chúng bắt đầu hiểu ra rằng họ đã nhẹ dạ để bị lừa bịp như thế nào. Bài học đến với người dân ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô cũ khá muộn, nhưng "muộn còn hơn là không bao giờ". Phong trào cộng sản ở các nước này đang phục hồi nhưng còn gặp không ít khó khăn do sự chống phá điên cuồng của các thế lực thù địch, và do cả sự chia rẽ nội bộ chưa dễ khắc phục. Nhưng dù có khó khăn đến đâu, phong trào cộng sản ở các nước này nhất định rồi sẽ phát triển mạnh mẽ, bởi lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản luôn tỏa sáng, luôn là ước vọng của nhân loại.

5 - Tiếp tục đường lối đối ngoại mà Đại hội VII của Đảng cộng sản Việt nam đề ra, năm 1994 nước ta đã triển khai mạnh mẽ hơn công tác đối ngoại. Nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành những chuyến viếng thăm hữu nghị các nước, đồng thời chúng ta đã đón tiếp nhiều đoàn khách từ nhiều nước trên thế giới tới thăm ta, trong đó có 5 nguyên thủ quốc gia, 10 thủ tướng, 4 chủ tịch quốc hội, 14 bộ trưởng ngoại giao và nhiều bộ trưởng khác... Việt nam đã đặt thêm quan hệ ngoại giao với 5 nước, đưa số nước mà Việt nam có quan hệ lên 150 nước.

Việt nam tham gia tích cực các tổ chức hợp tác khu vực và các tổ chức đa phương, Việt nam là thành viên của Hội đồng hợp tác Thái bình dương ; tham gia Hội đồng lòng chảo Thái bình dương; là quan sát viên toàn phần của GATT (trước đây là quan sát viên từng phần). Việt nam là thành viên tích cực của phong trào không liên kết và nhóm 77...

Quan hệ Việt nam - Trung quốc tiến thêm một bước dài với cuộc viếng thăm Việt nam của đồng chí Giang Trạch Dân - Tổng bí thư Đảng, Chủ tịch nước, Bí thư Quân ủy Trung quốc.

Quan hệ Việt nam với ASEAN năm 1994 được nâng lên một tầm mới. Tháng 7/1994 Hội nghị ngoại trưởng ASEAN họp tại Băng cốc đã chính thức tuyên bố : "Sẵn sàng chấp nhận Việt nam là thành viên ASEAN". Hiện nay, cả ASEAN và Việt nam đều tích cực chuẩn bị cho sự kiện này. Một sự kiện khác gây ấn tượng trong năm 1994 là việc Mỹ bỏ cấm vận Việt nam và thành lập cơ quan liên lạc giữa hai nước. Mỹ đã đầu tư vào Việt nam qua 20 dự án (190 triệu đô la), đứng thứ 13 trong số các nước đầu tư vào Việt nam. Việc Mỹ bỏ cấm vận Việt nam là xu thế tất yếu, và là thắng lợi quan trọng của nhân dân ta, tạo điều kiện để chúng ta tăng cường quan hệ hợp tác với cộng đồng quốc tế.

Bước vào năm mới, nhìn lại năm cũ và trông khắp bốn phương, chúng ta thấy kết quả đạt được về đối ngoại trong năm 1994 là hết sức quan trọng; nó khẳng định thêm đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, giúp chúng ta càng vững tin vào tương lai tươi đẹp của đất nước, của dân tộc.

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN LÀ TẤT YẾU LỊCH SỬ

__Lời BBT__ - Báo __Sự thật__ (Nga) số ra ngày 16-11-1994 đã đăng bài "Ý tưởng bị bôi nhọ bởi sự dốt nát" của __Bô-rít-Xla-vin__. Chúng tôi xin trích đăng bài báo này với đầu đề được đặt lại.

SỰ HÂN HOAN VỘI VÀNG

Một nhà chính trị sau khi đi tham quan tượng Nữ thần tự do và xem các siêu thị ở Niu Oóc đã tuyên bố : "Sự thật" hóa ra rất đơn giản : các cửa hàng của Mỹ nhiều mặt hàng hơn của Nga cũng như chủ nghĩa tư bản (CNTB) tốt hơn chủ nghĩa xã hội (CNXH), cho nên cần phải khôi phục CNTB càng nhanh càng tốt. Bắt đầu từ thời điểm đó đã diễn ra sự cách ly công khai hệ tư tưởng cộng sản và ca ngợi các giá trị tư sản, đặc biệt trong giới trí thức khoa học xã hội. Một số đại diện của giới này đã công khai vứt bỏ hoặc đốt thẻ đảng và tuyên bố CNTB là "đỉnh cao của văn minh thế giới", là "thành trì của dân chủ", là "miền đất hứa" v.v..

Nếu như trước kia CNTB được vẽ bằng màu đen thì nay nó lại được tô hồng. Thậm chí, những mặt xấu của xã hội tư sản như hám tiền, chủ nghĩa cá nhân, nạn thất nghiệp, dĩ điếm, cũng được các phương tiện thông tin đại chúng chính thức coi là các hiện tượng bình thường trong một xã hội tự do. Nếu tư tưởng cộng sản chủ nghĩa được nhắc đến thì nó luôn được gán với nghĩa xấu, với những từ như "không tưởng", "cổ hủ", "tôn giáo"... Nhưng khi CNTB được khôi phục ở Nga thì sự hân hoan dần dần biến mất. Hàng hóa phong phú, nhưng không phải ai cũng có tiền mua. Việc đặt sở hữu cá nhân lên hàng đầu cùng với tâm lý tôn thờ đồng tiền đã kích thích không chỉ công việc kinh doanh, mà cả tội phạm, làm cho các xí nghiệp bị phá sản và làm nảy sinh các cuộc xung đột trong xã hội và dân tộc. Cuối cùng, việc giải tán quốc hội trong máu đã buộc những người ca ngợi dân chủ tư sản phải im mồm, đồng thời thừa nhận là đúng tuyên bố của phe đối lập cho rằng chế độ hiện nay không thể gọi là dân chủ.

Trước thực tế đó, những người hôm qua còn ca ngợi CNTB tự do, thì hôm nay đã bắt đầu đồng tình với tư tưởng xã hội dân chủ, với tư tưởng công bằng xã hội và với người lao động. Có thể thấy sự "tỉnh lại" của xã hội qua biểu ngữ mà những người theo chủ nghĩa vô chính phủ giương lên trong cuộc biểu tình ngày 1 - 5 năm nay : "CNTB là xấu xa". Đó là đánh giá (xác thực) đối với xã hội tư sản đang được hình thành ở Nga. Dù khẩu hiệu đó chưa làm rõ được cái gì sẽ thay xã hội tư sản, song (vẫn như trước kia) sự thay thế duy nhất chính là chủ nghĩa cộng sản, được sản sinh ra bởi hiện thực tư bản chủ nghĩa.

CÁC LÃNH TỤ ĐÃ KHÔNG HIỂU ĐIỀU GÌ ?

Theo Lê-nin, CNXH được xây dựng không chỉ "từ trên xuống", mà còn từ "dưới lên". Theo ý Lê-nin, Đảng cộng sản và Nhà nước xô viết phải tổng hợp và truyền bá những kinh nghiệm tiên tiến trong làm kinh tế và tự quản. Chỉ bằng cách đó mới có thể đạt được thành công trong xây dựng CNXH, tiến tới xóa bỏ sự khác biệt về giai cấp và thủ tiêu nhà nước - những tiền đề quan trọng nhất cho việc xây dựng xã hội cộng sản.

Rất tiếc, sau khi Lê-nin mất, kinh nghiệm làm kinh tế độc lập, tự quản của người lao động đã bị thay bằng bộ máy hành chính quan liêu đảng-nhà nước. CNXH được xây dựng theo mệnh lệnh "từ trên". Thay vì giảm đi, bộ máy nhà nước lại phình to ra. Đó chính là hậu quả của quan niệm: thực sự lãnh đạo đất nước không phải là những người đi bầu đại biểu quốc hội hay xô viết, mà là những người lãnh đạo "bộ máy". Hơn nữa, vấn đề nhân đạo - đặc điểm cơ bản của tư tưởng cộng sản - ít được coi trọng. Cuối cùng, đã dẫn tới việc tập thể hóa cưỡng bách và khủng bố những người có chính kiến bất đồng.

Lê-nin cho rằng việc bảo đảm năng suất lao động cao hơn CNTB là một trong những điều kiện sống còn của CNXH. Để làm điều này, cần kết

Digitized by Google

hợp những ưu việt của chính quyền xô viết với những thành tựu lớn nhất của CNTB trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và tổ chức lao động. Lê-nin chỉ rõ nếu không có sự nhảy vọt trong phát triển lực lượng sản xuất và văn hóa, thì không thể tiến hành tập thể hóa ở nông thôn cũng như xã hội hóa ở thành phố. Thế nhưng, "những người kế tục" Lê-nin đã đi theo con đường khác, theo hướng xã hội hóa sản xuất một cách hình thức; áp đặt các quan hệ xã hội chủ nghĩa bằng sắc lệnh. Tất cả những việc đó đã ngăn cản tiềm năng của chế độ mới, làm cho đông đảo nhân dân không tin vào CNXH. Điều này đặc biệt thể hiện rõ vào cuối những năm 30, khi lãnh đạo nhà nước tuyên bố đã xây xong cơ sở của CNXH và dự định sẽ xây dựng nhà nước phi giai cấp trong kế hoạch 5 năm tiếp theo mặc dù lúc ấy 80% số dân còn sống ở nông thôn, nhiều nơi chưa có điện và tỷ lệ mù chữ ở người lớn tuổi còn cao...

Những người kế tục Xta-lin cũng không hiểu gì về vấn đề xây dựng CNXH và chủ nghĩa cộng sản (CNCS). Khơ-rút-sốp tuyên bố là sẽ xây dựng xong cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNCS trong 20 năm. Ông không nhận thức được rằng chưa thể xây dựng cơ sở vật chất của CNCS chừng nào lao động làm công vẫn còn, sản xuất xã hội còn kém hiệu quả và lao động chân tay còn nhiều . Sau thời Khơ-rút-sốp cũng không có gì mới trong hiểu biết về CNCS. Mưu toan cải tổ xã hội, tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật, dân chủ hóa xã hội của M.X.Goóc-ba-trốp đã không mang lại kết quả mong đợi. Ngược lại, nó còn mở đường cho các lực lượng chính trị tư sản phục hồi CNTB vào đầu những năm 90. Kết quả là tất cả những gì tốt đẹp được tạo ra trong 70 năm chính quyền xô viết đã bị chính quyền tư sản mới làm tiêu tan. Với việc đảng cộng sản tan rã, giai cấp công nhân buộc phải tìm cho mình một ban lãnh đạo chính trị mới. Tương lai sẽ trả lời câu hỏi : "Liệu phong trào cộng sản mới có đáp ứng được yêu cầu của giai cấp công nhân hay không ?" Hiện tại, phong trào cộng sản đang trải qua giai đoạn phức tạp tìm hướng đi và khẳng định vị trí. Một trong những nguyên nhân gây nên thất bại của giai cấp công nhân ở Nga là các lãnh tụ đã không đi theo học thuyết Mác - Lê-nin trong quá trình xây dựng CNXH và CNCS. Người lao động một lần nữa lại đứng trước câu hỏi : "Làm gì ? " Trả lời câu hỏi này không khó : Cần khôi phục tư tưởng cộng sản ; loại bỏ những xuyên tạc lịch sử ; thống nhất không phải trên lời nói, mà trên cơ sở khoa học về CNXH và CNCS với phong trào công nhân đang bừng tỉnh.

GIẢI QUYẾT CÂU ĐỐ LỊCH SỬ

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản,* Mác và Ăng-ghen đã chứng minh sự cần thiết lịch sử của sự xuất hiện một xã hội mới trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người". Tư tưởng này dựa trên những thành quả tốt đẹp nhất của các tư tưởng trước đó (kể cả các học thuyết tự do và xã hội chủ nghĩa), nên không một tư tưởng nào khác có thể sánh được với nó.

Mác thường gọi CNCS là "chủ nghĩa nhân đạo thực sự", là sự mở đầu của "lịch sử loài người", là "vương quốc tự do". Tất cả những định nghĩa đó thể hiện truyền thống nhân đạo mà những nhà mác xít chân chính luôn noi theo. Tuy nhiên, giờ đây các nhà dân chủ "cấp tiến" lại tìm cách đặt CNCS ngang với chủ nghĩa phát xít, tìm cách chứng minh bản chất "không nhân đạo" của CNCS.

Rất tiếc, không chỉ những kẻ chống cộng điên cuồng mà cả những người nghiên cứu hời hợt lý luận cộng sản cũng nói về sự lạc hậu của chủ nghĩa Mác và hệ tư tưởng cộng sản. Họ tìm cách thay thế hệ tư tưởng đó bằng mớ hỗ lốn các giá trị xã hội - dân chủ và dân tộc chủ nghĩa. Thế nhưng, CNCS không chỉ là giá trị mà còn thể hiện tất cả các giai đoạn phát triển lịch sử trước đó. Trong mối liên hệ ấy, Mác đã gọi CNCS là sự "giải quyết câu đố lịch sử".

Công lao của Mác chính là ở chỗ ông có cách nhìn lịch sử hoàn toàn mới. Ông cho rằng việc phân chia lao động chính là cội nguồn gây nên sự phát triển mâu thuẫn của loài người. Theo ông, việc phân chia lao động thành lao động trí óc và lao động chân tay, lao động làm thuê và sở hữu tư nhân là những nhân tố góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, nhưng đồng thời cũng chia rẽ con người, gây nên cuộc chiến tranh dai dẳng giữa "tầng lớp dưới" và "tầng lớp trên".

Phân tích nguyên nhân của cuộc đấu tranh đó, Mác đã chỉ ra tính chất tạm thời của việc phân chia lao động và xã hội có giai cấp. Những ai cho rằng Mác và những người cộng sản muốn vĩnh viễn hóa đấu tranh giai cấp và phân chia xã hội,

Digitized by Google

thì những người đó đã lầm to. Chính những người cộng sản đã tuyên bố mục tiêu cuối cùng của mình là xây dựng một xã hội không giai cấp. Mục tiêu đó không phải do những nhà mơ mộng nghĩ ra. Nó chính là quá trình tiến hóa của lịch sử. Vấn đề là ở chỗ khi xã hội phát triển cao, năng suất lao động tăng vọt, nhất định sẽ xuất hiện những điều kiện dẫn đến việc thủ tiêu sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay ; giữa lao động và tư bản ; giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Tiến bộ xã hội cũng dẫn đến loại bỏ các hình thức đối đầu phi nhân đạo. Bằng cách đó tạo nên những điều kiện cần thiết cho việc hình thành "vương quốc tự do". Trong quá trình tiến tới "vương quốc tự do", loài người trải qua *ba* bậc phát triển xã hội : sự phụ thuộc hoàn toàn của cá nhân (các xã hội trước chủ nghĩa tư bản); sự độc lập của cá nhân phụ thuộc vào hàng hóa - tiền tệ, vào kinh tế (chủ nghĩa tư bản) ; sự phát triển tự do của cá nhân là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người (chủ nghĩa cộng sản).

Sự phát triển của sản xuất, trước tiên là sự phát triển của công nghệ, cho thấy con người sẽ không phải còng lưng mãi để kiếm miếng bánh mì. Tự động hóa không chỉ thủ tiêu lao động chân tay mà còn cho thấy tính chất tạm thời của sở hữu tư nhân và sản xuất tư bản chủ nghĩa. Với tự động hóa, tư bản sẽ tiến đến chỗ tự thủ tiêu, bởi vì hoặc nó phải nuôi những công nhân bị máy móc đẩy ra đường (điều này mâu thuẫn với mong muốn của nó là kiếm lời tối đa), hoặc nó phải ngừng sản xuất (điều này dẫn đến sự diệt vong không chỉ của tư bản mà của cả xã hội). Các cuộc khủng hoảng xã hội và nạn thất nghiệp ở các nước tư bản phát triển chứng minh tính hiện thực của suy luận trên. Chính vì vậy, việc chuyển sang CNXH và CNCS trở thành điều kiện không thể thiếu được cho sự tồn tại của loài người. Giai cấp công nhân chính là tầng lớp xã hội có nhiệm vụ thực hiện bước chuyển đó.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ TẤT YẾU

Hiện nay loài người đang đứng trước các vấn đề toàn cầu, như : sinh thái, ô nhiễm môi trường, hạt nhân... Không thể giải quyết các vấn đề đó nếu các nước và các dân tộc không hợp sức lại với nhau. Nói cách khác, không thể giải quyết được các vấn đề đó chừng nào sở hữu tư nhân còn thống trị.

Những hiện tượng như công nhân tham gia quản lý và có cổ phần tại xí nghiệp nơi họ đang làm việc, cho thấy sự đến gần của kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa. Điều đó cho phép nói rằng tư tưởng cộng sản chủ nghĩa không những không bị chết đi mà còn ngày càng vững mạnh. Nói theo Mác, lịch sử đi đúng hướng, tuy không nhanh như ta mong đợi.

Hiện tại, chưa một nước tư bản phát triển nào đạt được sự tự động hóa hoàn toàn sản xuất, như Mác đã dự đoán trong bộ *Tư bản*. Trong khi đó, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động ngày càng mang tính toàn cầu. Giai cấp công nhân tiếp tục được quốc tế hóa và mở rộng với các tầng lớp mới : kỹ sư làm công, người lập chương trình, người làm trong lĩnh vực dịch vụ... Tất cả tình hình đó đưa ra những đòi hỏi mới đối với phong trào xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Phong trào này không thể không tính đến các hình thức bóc lột mới : bóc lột lao động trí óc. Ngoài ra, cũng cần phải tính tới việc một tỉ người ở các nước phát triển được nâng mức sống là nhờ ở việc bóc lột 4 tỉ người còn lại, làm cho các nước thế giới thứ ba phải chịu hậu quả của các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội v.v..

Lịch sử Nga đã khẳng định luận điểm của Mác về sự khó khăn trong việc hình thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự phục hồi CNTB ở Nga cho thấy CNXH còn phải trải qua nhiều thử thách để tự khẳng định. Có lẽ giai cấp công nhân Nga sẽ phải trải qua trường học khắc nghiệt của CNTB để một lần nữa trở thành "giai cấp cho mình". Quá trình này đã được bắt đầu. Mặt khác, sự thay đổi tương quan lực lượng chính trị trong thập kỷ này sẽ dẫn đến những khủng hoảng mới, những làn sóng cách mạng mới, và các dàng cánh tả phải sẵn sàng ứng phó. Thất bại của cánh tả cho thấy bài học : không được xa rời tư tưởng cộng sản và không được tuyệt đối hóa một hình thức đấu tranh nào. Giờ đây, phong trào cộng sản đang mắc phải những sai lầm như bệnh tả khuynh, chủ nghĩa dân tộc - cơ hội ; đang lãng quên lợi ích quốc tế của người lao động, tuyệt đối hóa đấu tranh nghị trường và khả năng thỏa hiệp với kẻ thù.

Nếu những người cộng sản muốn đứng vững về chính trị , họ phải khắc phục những phương tiện giả tạo đó trên con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Digitized by Google

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

● KHOA HỌC là một hệ thống các tri thức của nhân loại về các phạm trù, quy luật vận động và phát triển khách quan của thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân con người ; là một loại hình hoạt động xã hội đặc biệt nhằm đạt tới những hiểu biết mới và vận dụng những hiểu biết đó vào sản xuất và đời sống trong những điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội nhất định.

Tri thức khoa học biểu hiện chủ yếu dưới hình thức các phạm trù, định luật và quy luật. Đối tượng nhận thức của khoa học rất rộng lớn, bao gồm mọi lĩnh vực của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Ngày nay, người ta thường nói đến và sử dụng cách phân ngành khoa học đã được các cơ quan và tổ chức quốc tế (như UNESCO) chấp nhận với *năm* nhóm ngành sau : khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật, khoa học nông nghiệp, y học. Tuy nhiên, sự phân biệt đó chỉ có ý nghĩa tương đối, vì giữa các ngành khoa học thường có sự giáp ranh, dan xen nhau cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Hoạt động khoa học được xem như tất cả các hoạt động có hệ thống, liên quan chặt chẽ đến việc nâng cao, truyền bá và ứng dụng các kiến thức khoa học vào đời sống và sản xuất. Nội dung chủ yếu của hoạt động khoa học bao gồm : hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ khoa học - kỹ thuật.

Hoạt động nghiên cứu khoa học là tập hợp toàn bộ các hoạt động có hệ thống và sáng tạo nhằm phát triển kho tàng kiến thức về tự nhiên, xã hội, tư duy và sử dụng những kiến thức đó để tạo ra những phương pháp mới áp dụng vào sản xuất và đời sống. Hoạt động nghiên cứu khoa học được đặc trưng bởi các nhân tố cơ bản sau : nhân tố sáng tạo, nhân tố đổi mới, sử dụng các phương pháp khoa học và sản xuất ra các kiến thức mới.

Tùy theo mục đích thu thập tri thức để nghiên cứu, giảng dạy hay để hình thành ý thức, dư luận, hoặc để sử dụng tri thức một cách trực tiếp (có tính chất kinh tế) và gián tiếp (không có tính chất kinh tế), mà hoạt động nghiên cứu khoa học được phân chia theo : nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

Trong lịch sử phát triển của mình, khoa học không phải lúc nào cũng giữ vai trò dẫn đường cho kỹ thuật, công nghệ và sản xuất. Từ những năm 50 của thế kỷ XIX về trước, khoa học thường đi sau giải thích sự tiến bộ của kỹ thuật, của sản xuất. Ví dụ, Giêm Oát (James Watt) đã sản xuất ra máy hơi nước, nhưng lúc đó lại chưa có lý thuyết về máy hơi nước. Mãi về sau mới xuất hiện lý thuyết đó. Tới những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khoa học mới tiếp cận được với kỹ thuật, sản xuất. Và chỉ đến những năm 40 và 50 của thế kỷ XX, khoa học mới vượt lên giữ vị trí dẫn đường và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Sản phẩm của khoa học là những sáng chế phát minh được vật chất hóa với nhiều hàm lượng lao động trí tuệ, nên giá trị và giá cả của nó rất cao. Lợi nhuận do ngành khoa học đem lại cao hơn lợi nhuận của các ngành kinh tế. Vì vậy, việc đầu tư cho khoa học là chính sách đầu tư cần thiết nhất và có hiệu quả nhất.

● CÔNG NGHỆ là tổng thể các kỹ năng, kiến thức, thiết bị và phương pháp sử dụng trong sản xuất, chế tạo hoặc dịch vụ công nghiệp, dịch vụ quản lý.

Trước đây, trong buổi đầu công nghiệp hóa, người ta thường dùng khái niệm *kỹ thuật* với ý nghĩa là công cụ, giải pháp, kiến thức được sử dụng trong sản xuất. Tiếp đó xuất hiện khái niệm *công nghệ* với ý nghĩa ban đầu rất hẹp, chỉ là tuần tự các giải pháp kỹ thuật trong một dây chuyền sản xuất. Ngày nay, ý nghĩa của khái niệm công nghệ được mở rộng và hoàn thiện. Công nghệ được coi là phương tiện, công cụ để biến đổi thế giới tự nhiên thành thế giới đo con người tạo ra ; là tác nhân chủ chốt trong quá trình biến đổi các tài nguyên thiên nhiên thành các hàng hóa và dịch vụ. Với ý nghĩa đầy đủ, công nghệ gồm *hai* phần : "phần cứng" và "phần mềm". Phần cứng bao gồm : máy móc, thiết bị, dụng cụ, kết cấu xây dựng, nhà xưởng, v.v. giúp con người tăng năng lực *cơ bắp* (máy móc thiết bị), và năng lực *trí tuệ* (tin học). Phần mềm bao gồm : đội ngũ nhân lực có sức khỏe, có kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm sản xuất, làm việc có trách nhiệm và năng suất cao ; các dữ liệu, bản thuyết minh, dự án, mô tả sáng chế, chỉ dẫn kỹ thuật, các thông tin điều hành kỹ thuật, điều hành sản xuất ... ; những liên hệ, bố trí, sắp xếp, đào tạo đội ngũ cho các hoạt động như phân chia nguồn lực, tạo mạng lưới, lập kế hoạch, kiểm tra, điều hành ; nghiên cứu thị trường đầu ra.

Digitized by Google

Tuy nhiên, công nghệ không phải là lực lượng độc lập, nó tùy thuộc vào môi trường xã hội, kinh tế, chính trị của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ nhất định. Do vậy, tính hiện thực của việc áp dụng công nghệ phụ thuộc vào *môi trường công nghệ*.

Quá trình thay đổi công nghệ thông qua sự thay đổi các thế hệ công nghệ. Công nghệ mới thay thế công nghệ cũ nhờ tính ưu việt của nó trên các mặt tính năng hoặc giá cả hạ ... Sự thay đổi đó chịu ảnh hưởng bởi *chu kỳ sống* của từng công nghệ, từng sản phẩm... Chu kỳ sống thường bao gồm các giai đoạn : thai nghén ý đồ - du nhập - tăng trưởng - bão hòa - suy giảm. Đối với công nghệ truyền thống, chu kỳ này thường thay đổi chậm, còn ngành có công nghệ mới thì độ co dãn lớn, nhịp độ thay đổi nhanh hơn.

Khoa học và công nghệ có những đặc điểm khác nhau. Xét về *chức năng* thì nhiệm vụ của khoa học là tìm ra các quy luật của tự nhiên, kinh tế, xã hội, tư duy không gắn với khả năng áp dụng thực tế; còn chức năng của công nghệ là áp dụng các nguyên lý, các quy luật khoa học vào sản xuất và đời sống. Các hoạt động khoa học được đánh giá bằng thước đo trực cảm ; còn công nghệ lại được đánh giá bằng thước đo qua phần đóng góp của nó đối với việc giải quyết mục tiêu kinh tế, chính trị , xã hội. Xét theo yếu tố *thời gian* thì khoa học thường đòi hỏi có thời gian dài và chịu yếu tố bất định lớn hơn so với công nghệ.

Khoa học - công nghệ ngày càng phát triển , thì cơ cấu lực lượng lao động sẽ thay đổi theo xu hướng có tính quy luật là tỷ trọng của lao động trí tuệ, lao động phức tạp ngày càng tăng, chiếm ưu thế so với tỷ trọng của lao động giản đơn trong tổng số lao động xã hội. Sự phát triển của khoa học và công nghệ mới, về nguyên tắc sẽ tạo ra bước nhảy vọt về lực lượng sản xuất và nâng loài người lên trình độ văn minh mới.

● CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ là những hoạt động nhằm đưa một công nghệ mới vào sản xuất. Đó là áp dụng một kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, hoặc áp dụng một công nghệ đã hoàn thiện từ xí nghiệp này sang xí nghiệp khác.

Có *hai* luồng chuyển giao công nghệ : chuyển giao *dọc* và chuyển giao *ngang*. Chuyển giao dọc là công nghệ mới được chuyển từ khu vực nghiên cứu và triển khai sang khu vực sản xuất. Đó là đưa một kết quả nghiên cứu đã được triển khai thực nghiệm với những thông số kỹ thuật thực hiện trong giai đoạn sản xuất thử vào áp dụng trong sản xuất, chứ không phải là kết quả nghiên cứu vừa thu được từ phòng thí nghiệm. Chuyển giao dọc có ưu điểm là mang đến một công nghệ hoàn toàn mới, nhưng người sản xuất phải chấp nhận mức độ mạo hiểm nhất định. Chuyển giao ngang là chuyển giao một công nghệ hoàn thiện từ một xí nghiệp này (một nước này) sang một xí nghiệp khác (một nước khác). Chuyển giao ngang có ưu điểm là độ tin cậy cao, ít mạo hiểm, nhưng bên nhận công nghệ thường phải chấp nhận công nghệ lạc hậu hoặc đã lỗi thời. Tuy nhiên, một công nghệ lạc hậu, lỗi thời ở khu vực này (chủ yếu là khu vực phát triển) vẫn có thể phát huy tác dụng ở khu vực khác, thị trường khác (ở các nước đang phát triển).

Năng lực công nghệ của một quốc gia xuất phát từ các nguồn cung cấp công nghệ, thể hiện ở năng lực tạo ra công nghệ trong nước và năng lực nhập, thích nghi và cải tiến công nghệ nhập.

Năng lực tạo ra công nghệ trong nước bắt đầu từ việc tiến hành nghiên cứu khoa học, có sự độc lập nhất định, nhưng có một số hạn chế : thường không đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực...) để thực hiện ở các quốc gia đang phát triển ; việc nghiên cứu trong nước đòi hỏi thời gian dài, độ may rủi cao.

Năng lực nhập, thích nghi và cải tiến công nghệ nhập thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng các hình thức : mua đứt hoặc mua quyền sử dụng (licence) một công nghệ đã đăng ký bảo hộ. Bằng cách này có thể có nhanh chóng các công nghệ cần thiết, nhưng phải phụ thuộc vào nước ngoài. Vì vậy, mỗi quốc gia phải có một chính sách khoa học - công nghệ phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa của mình.

Ở nước ta hiện nay, chuyển giao công nghệ phải bảo đảm nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ của đất nước, rút ngắn khoảng cách lạc hậu giữa nước ta và thế giới. Bất kỳ một công nghệ nào được chuyển giao đều phải bảo đảm những yêu cầu về mặt kinh tế (thu hồi vốn, tăng lợi nhuận, mở rộng thị trường...), đồng thời bảo đảm hiệu quả xã hội, khai thác và tận dụng tài nguyên đất nước, bảo vệ môi trường. Những công nghệ đó không những phải tiên tiến, hiện đại hơn những công nghệ thiết bị đã có trong nước, mà còn phải tiên tiến, hiện đại đủ để đưa trình độ công nghệ kỹ thuật của nước ta lên mức trung bình của thế giới, chuẩn bị cho những bước phát triển cao hơn.

Digitized by Google

● ĐẠI HỘI IV HỘI NGHỆ SĨ SÂN KHẤU VIỆT NAM : *VÌ MỘT NỀN SÂN KHẤU TIÊN TIẾN ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC*

Trong các ngày 2, 3, 4 và 5 tháng 11 năm 1994, tại Nhà hát thành phố Hà nội, Hội nghệ sĩ sân khấu Việt nam đã tổ chức Đại hội lần thứ IV với 372 đại biểu chính thức đại diện cho 1342 hội viên trong cả nước. 21 bản tham luận của các nghệ sĩ, các nhà quản lý và nghiên cứu sân khấu đã đi sâu, cụ thể hóa và phát triển những vấn đề lý luận - thực tiễn đặt ra trong báo cáo của Ban chấp hành Hội "Vì một nền sân khấu tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Đất nước ta đang bước vào một vận hội mới với những đổi mới tận bề sâu : quan niệm về mô hình xã hội, kết cấu hạ tầng, chuẩn mực về con người, cuộc sống, hành vi, đạo đức... Nhưng đồng thời, sự chuyển đổi cơ chế từ bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình thử thách lớn lao đối với tất cả chúng ta . Sân khấu hôm nay phải làm gì đây để có thể vừa đứng vững trước sóng gió của cơ chế mới, vừa có được những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng nghệ thuật, những tác phẩm hướng về số phận con người mang tính chân thực của đời sống và hiện thực về mặt lịch sử, đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước.

Phát biểu ý kiến tại Đại hội, đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, đã chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của sân khấu là sớm khắc phục việc các đoàn nghệ thuật phải tự kiếm sống bằng những tiết mục chất lượng thấp và gấp rút xây dựng đội ngũ các nhà viết kịch chuyên nghiệp giỏi nghề.

Nhiều đại biểu đã tham gia thảo luận, tập trung làm rõ thêm một số vấn đề :

1- Muốn kế thừa và phát huy vốn văn hóa, vốn sân khấu truyền thống, trước hết cần tổng kiểm kê lại gia tài sân khấu trong hai nghìn năm qua và làm sống lại bằng vở diễn. Khắc phục căn bệnh "ăn xổi" của các đoàn trong những năm qua, phấn đấu đưa việc xây dựng, gìn giữ dàn kịch mục bảo lưu thành một tiêu chuẩn chính trong quyết định thành lập cũng như trong đánh giá hoạt động của các đoàn, các nhà hát.

2- Để nâng cao chất lượng vở diễn, trước hết cần chú ý một cách thích đáng (cả về tinh thần lẫn vật chất) đến đội ngũ các nhà viết kịch. Tạo điều kiện (kinh phí) cho các nghệ sĩ đi thực tế để bám sát và phản ánh được hiện thực rộng lớn của đất nước vào tác phẩm của mình. Tránh tình trạng như hiện nay : thiếu kịch bản hay, nhưng lại vẫn thừa những kịch bản tầm tầm quẩn quanh những chuyện tiêu cực, cãi vã tủn mủn.

3- Để sân khấu có thể phát triển và đáp ứng một cách đầy đủ những nhu cầu tinh thần của cuộc sống xã hội trong tình hình mới, cần giải quyết tốt vấn đề đầu tư từ nhiều nguồn cho sân khấu ; cần gấp rút hoạch định các chính sách, chế độ mới cho sân khấu ; siết chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Bộ văn hóa - thông tin và Hội sân khấu, giữa sân khấu trung ương và sân khấu địa phương. Từ kinh nghiệm thực tiễn, nhiều đại biểu đã nêu lên những phương thức hoạt động mới của sân khấu như : tổ chức lại các đơn vị nghệ thuật với chức năng, nhiệm vụ, thậm chí đối tượng phục vụ cụ thể khác nhau ; tăng cường liên doanh liên kết ; phát triển các hình thức xã hội hóa sân khấu mà vẫn đảm bảo chất lượng và tính định hướng của sân khấu ; phát triển hình thức câu lạc bộ sân khấu nhỏ sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ; sân khấu chủ động đi tìm khán giả cho mình, v.v..

Thành công lớn nhất của Đại hội IV Hội nghệ sĩ sân khấu Việt nam không chỉ là bầu ra được một Ban chấp hành xứng đáng. Đại hội còn là cái mốc quan trọng, tạo tiền đề cho việc giải quyết những vấn đề lý luận - thực tiễn nhằm đưa sân khấu lên ngang tầm với những đòi hỏi bức xúc của đất nước, của nhân dân trong công cuộc đổi mới hôm nay.

● HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ VỀ GIẢI QUYẾT ĐƠN, THƯ TỐ CÁO ĐẢNG VIÊN LÀ CÁN BỘ THUỘC DIỆN CẤP ỦY QUẢN LÝ

Trong hai ngày 22 và 23-11-1994, tại Ninh bình, Ủy ban kiểm tra trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về giải quyết đơn, thư tố cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý ở các tỉnh, thành phố thuộc đồng bằng Bắc bộ và khu bốn cũ (khu vực III). Tham dự hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Ủy ban kiểm tra trung ương, các đồng chí lãnh đạo tỉnh ủy Ninh bình, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy và thành ủy thuộc khu vực III : Hà nội, Hải phòng, Hải hưng, Hà tây, Hòa bình, Thái bình, Nam hà, Ninh bình, Thanh hóa, Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng bình.

Số đảng viên ở khu vực III chiếm 50% số đảng viên của cả nước. Cũng như ở nhiều khu vực khác, số đơn, thư tố cáo cán bộ, đảng viên thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý ở khu vực này mấy năm qua có xu hướng tăng. Việc giải quyết đơn, thư tố cáo có nhiều khó khăn, phức tạp.

Tại hội nghị, các đại biểu đã nêu ra thực trạng và phân tích thực chất các đơn, thư tố cáo, phản ánh những kinh nghiệm hay, những cách làm có hiệu quả trong công tác này, nêu ra những khó khăn, phức tạp, vướng mắc và những kiến nghị xung quanh việc giải quyết đơn, thư tố cáo đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý.

Digitized by Google

Về **đơn thư tố cáo** : Nhìn chung, đơn thư tố cáo có xu hướng ngày càng tăng và thường tập trung vào các dịp đại hội đảng bộ, bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, tập trung vào những đảng viên được dự kiến bầu vào cấp ủy, đại biểu hội đồng nhân dân, bổ sung vào ban thường vụ, v.v.. *Nội dung* thư tố cáo thường tập trung vào hai vấn đề lớn là cán bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng (khoảng 28-30%) và vi phạm chính sách, pháp luật (hơn 50%). Những vi phạm phổ biến nhất hiện nay là : cố ý làm trái nguyên tắc, chế độ, chính sách, lợi dụng chức, quyền để tham ô, nhũng lạm (42%) ; thiếu trách nhiệm trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế (37%) ; chiếm dụng đất đai, nhà cửa (11%) ; gây mất đoàn kết nội bộ và trù dập đảng viên, quần chúng (10%), v.v.. Số đơn, thư đúng hoàn toàn hoặc đúng một phần thường chiếm tỷ lệ cao (60-90%). Số đơn, thư giấu tên, mạo danh thường từ 22 đến 60%, do người tố cáo sợ bị trù dập, trả thù hoặc không dám chịu trách nhiệm về những điều mà mình tố cáo. Về *tính chất* đơn, thư tố cáo cũng đa dạng, phức tạp : có thư do một người ký tên ; có thư do nhiều người ký tên ; nhiều thư có cùng một nội dung nhưng được sao, chụp gửi nhiều lần, nhiều người, nhiều cấp, nhiều ngành ; có đơn, thư đã được giải quyết nhưng người tố cáo chưa thấy thỏa đáng vẫn tiếp tục gửi ; ở một số nơi đã hình thành tổ chức và phân công một số người đi gặp trực tiếp các cơ quan chức năng, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước từ trung ương đến địa phương ; có nơi hình thành những nhóm chuyên viết đơn, thư, đi tố cáo hộ ; nhiều nơi tố cáo thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

Về **người tố cáo** : Người tố cáo thuộc nhiều đối tượng, tầng lớp khác nhau : cán bộ, đảng viên (đương chức hoặc đã về hưu), người trong và ngoài tổ chức đảng hoặc liên kết với nhau... Trong tố cáo, bên cạnh những người có tâm huyết với Đảng, có ý thức xây dựng, vô tư, khách quan, cũng có những người do động cơ cá nhân (hoặc do thù oán, thành kiến với người bị tố cáo ; hoặc do quyền lợi vật chất, tinh thần bị đụng chạm...).

Về **người bị tố cáo** : Hầu hết là cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, nắm tiền, của trong các cơ quan đảng, nhà nước ở các cấp.

Về **kết quả giải quyết đơn thư tố cáo** : Được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng và với hoạt động tích cực của ủy ban kiểm tra các cấp, năm 1993 và 6 tháng đầu năm 1994 ủy ban kiểm tra các cấp thuộc khu vực III đã giải quyết được trên 89% tổng số đơn, thư tố cáo phải giải quyết. Mặc dù còn rất nhiều khó khăn và hạn chế, thời gian qua ủy ban kiểm tra các cấp đã tích cực, chủ động có kế hoạch và phương pháp bố trí lực lượng thích hợp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn thư tố cáo ở địa phương, đơn vị mình, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước. Trong việc giải quyết đơn, thư tố cáo, nhiều nơi, với những mức độ khác nhau, đã phát huy được dân chủ trong nội bộ đảng và trong quần chúng nhân dân ; đã làm rõ được đúng, sai, có biện pháp xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm. Đồng thời, thông qua việc giải quyết đơn, thư tố cáo, đội ngũ cán bộ kiểm tra ở nhiều nơi cũng nâng được bản lĩnh, năng lực, trình độ nghiệp vụ, phương pháp và kinh nghiệm công tác của mình.

Tuy nhiên, việc giải quyết đơn, thư tố cáo cũng còn nhiều khuyết điểm cần được khắc phục trong thời gian tới. Qua việc giải quyết đơn, thư tố cáo đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý, có thể rút ra một số kinh nghiệm chung như sau :

- Giải quyết đơn, thư tố cáo là một trong những nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp, như Điều lệ Đảng quy định. Do vậy, để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng cùng cấp, ủy ban kiểm tra các cấp phải chủ động để nghị cấp ủy cùng cấp chỉ đạo, điều hành các lực lượng giải quyết.

- Xem xét, giải quyết đơn, thư tố cáo đảng viên là một nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, cho nên phải thực hiện đầy đủ nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Đảng viên bị tố cáo phải nghiêm túc tự kiểm điểm và trình bày những nội dung đo ủy ban kiểm tra nêu ra. Các tổ chức đảng và đảng viên phải có trách nhiệm tham gia xem xét và có ý kiến. Tùy trường hợp, ủy ban kiểm tra phải coi trọng việc lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể nhân dân và những người trung thực, đáng tin cậy.

- Trong quá trình giải quyết đơn, thư, phải nắm vững và thực hiện tốt quy trình do Ủy ban kiểm tra trung ương đã hướng dẫn. Đặc biệt lưu ý một số điểm quan trọng : *Một là*, khi nhận được đơn, thư tố cáo, phải nghiên cứu, phân loại đối tượng, nội dung, tính chất của đơn, thư tố cáo để thực hiện việc phân công, phân cấp và áp dụng quy trình xem xét giải quyết cho phù hợp. *Hai là*, phải nắm chắc tình hình trước khi quyết định áp dụng quy trình xem xét, xử lý. *Ba là*, phải coi trọng khâu kiểm tra, xác minh.

- Đối với đơn, thư tố cáo giấu tên nhưng nội dung rõ ràng, có địa chỉ cụ thể, có thể thẩm tra xác minh được, thì nhất thiết phải xem xét giải quyết, không được bỏ qua. Đối với những đơn thư tố cáo ký rõ tên và địa chỉ, song không có nội dung cụ thể và khi gặp người tố cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thêm, thì cũng không xem xét giải quyết. Đối với những thư tố cáo mang dụng ý xấu, thiếu xây dựng, dựng chuyện để kích động, gây tâm lý hoài nghi ... thì phải xem xét làm rõ trách nhiệm của người tố cáo.

- Cán bộ kiểm tra phải vừa giỏi về nghiệp vụ kiểm tra, vừa phải giỏi về công tác chính trị , tư tưởng, nhạy bén về tâm lý, nắm bắt được tình hình thực tế, có phương pháp công tác khéo léo, tế nhị, có thái độ đúng mực, chân tình, bình tĩnh, thận trọng, khách quan đối với người bị tố cáo. Muốn vậy, cần có chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút vào ngành kiểm tra những cán bộ vừa có phẩm chất, vừa có năng lực làm công tác kiểm tra.

***VŨ LÂN** (thực hiện)*

Digitized by Google

• BỘ QUỐC PHÒNG TRAO TẶNG THƯỞNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VÀ BÁO CHÍ VỀ ĐỀ TÀI "CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG"

Nhân kỷ niệm lần thứ 50 Ngày thành lập QĐND Việt nam và Ngày hội quốc phòng toàn dân (22-12-1944 - 22-12-1994), sáng 16-12-1994, tại Hà nội, Bộ quốc phòng đã tổ chức trọng thể lễ trao thưởng cho những tác phẩm văn học nghệ thuật và báo chí về đề tài "Chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang" giai đoạn 1989 - 1994.

Đây là lần thứ ba Bộ quốc phòng tổ chức trao thưởng cho các tác phẩm về đề tài nêu trên. So với hai đợt trước, đợt này có quy mô lớn hơn, số lượng bài nhiều hơn, thể loại phong phú và chất lượng tác phẩm cũng cao hơn ; góp phần khẳng định tầm vóc lớn lao cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta, hình ảnh cao đẹp "Anh bộ đội Cụ Hồ", những giá trị của nền văn học, nghệ thuật và báo chí cách mạng. Đồng thời chứng tỏ chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang luôn luôn là đề tài vô tận, hấp dẫn, được nhiều tác giả quan tâm, tìm tòi sáng tạo, thể hiện và thành công.

Bộ quốc phòng đã tặng cờ "Báo chí vì sự nghiệp quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân" cho 25 cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình (9 thuộc Trung ương, 16 thuộc địa phương) ; trong đó có *Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, Đài tiếng nói Việt nam , Đài truyền hình Việt nam , Thông tấn xã Việt nam*...

Tặng thưởng loại xuất sắc có 28 tác phẩm : văn học 2, điện ảnh 3, sân khấu 3, âm nhạc 7, báo chí 9, múa 4. Loại khá có 67 tác phẩm : văn học 13, điện ảnh 11, nhiếp ảnh 13, sân khấu 7, âm nhạc 9, báo chí 9, múa 5. Ngoài ra Bộ quốc phòng cũng trao 10 tặng phẩm cho 10 tác giả là các nhà văn, nhạc sĩ, nhiếp ảnh, nhà viết kịch ...

Trong bài phát biểu quan trọng tại buổi lễ trao thưởng, Đại tướng Đoàn Khuê khẳng định : "Mặc dù có nhiều khó khăn vừa qua trong kháng chiến cũng như trong xây dựng, song lực lượng sáng tạo văn học nghệ thuật và báo chí đã bám sát, phản ánh đa dạng, phong phú, toàn diện về cuộc chiến tranh mà trước đây chúng ta chưa có điều kiện phản ánh. Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật và báo chí đã để lại cho chúng ta những cảm xúc thẩm mỹ chân thực, tạo dựng được những vẻ đẹp, sự phong phú của cuộc sống "Anh bộ đội Cụ Hồ".

• GIẢI BÁO CHÍ TOÀN QUỐC HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM 1993.

Trong các ngày 19 và 20 - 12, Hội đồng giải báo chí toàn quốc năm 1993 của Hội Nhà báo Việt Nam đã họp tại Hà nội để thẩm định và quyết định việc trao giải năm 1993 cho các nhà báo có tác phẩm dự giải. Hội đồng quyết định trao giải thưởng báo chí năm 1993 (mỗi giải 5 triệu đồng), gồm 12 giải sau đây (xếp theo vần ABC) :

1 - Nguyễn Văn Bình (Đài PT-TH Thanh hóa) với tác phẩm phim truyền hình "Người thầy mù".

2 - Trịnh Cư (Lê Tịnh) (Tạp chí Cộng sản) với tác phẩm "Nhân quyền là gì ? Ai vi phạm nhân .quyền".

3 - Trần Bá Đại Dương (Đài PT-TH Thừa thiên -Huế) với tác phẩm phát thanh "Lênh đênh sóng nước Hương giang".

4 - Hương Huyền và nhóm PV báo Phụ nữ Thủ đô với loạt bài về "Vụ án cầu Chương dương".

5 - Thế Lân, Khôi Nguyên, Nguyễn Hồng (báo Nhân dân) với tác phẩm "Những điều không bình thường trong xử lý một vụ buôn lậu".

6 - Kim Loan, Xuân Phú (báo Đồng nai) với tác phẩm "Khi ngân hàng xuống chợ".

7 - Xuân Mai (báo Cựu chiến binh Việt nam) với tác phẩm "Tấm lòng người chị Chính ủy".

8 - Chi Phan, Hoài Nam, Vũ Hùng (Truyền hình Quân đội) với bộ phim truyền hình "Trường sa t rong ta".

9 - Phạm Văn Trị (Vi Trần), (Hội nhà báo Minh hải) và Trần Quốc Thái (TTXVN) với loạt bài "Hậu vụ án XIMEX-COL" đăng trên báo Tuần tin tức.

10 - Đinh Quang Thành, (TTXVN) với một số tác phẩm ảnh báo chí trong năm 1993.

11 - Trần Mạnh Thường (Đài tiếng nói Việt nam) với tác phẩm "Tạp chí truyền thanh về dầu khí".

12 - Trần Anh Tú (báo Nam hà) với tác phẩm "Mỹ thành đi lên từ thủy lợi".

• NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 50 NGÀY THÀNH LẬP QĐND VIỆT NAM - NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN :

* Sáng ngày 20-12-1994, Đoàn đại biểu Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* do đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Phó tổng biên tập dẫn đầu đã tới Bộ quốc phòng chúc mừng. Đại tướng Đoàn Khuê, Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng cùng một số tướng lĩnh đã tiếp và tỏ ý vui mừng về mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa *Tạp chí Cộng sản* và Bộ quốc phòng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

* Chiều ngày 22-12-1994, Đoàn đại biểu Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tới thăm và chúc mừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Trong bầu không khí thân tình ấm cúng, Đại tướng đã trò chuyện và chụp ảnh lưu niệm với đoàn *Tạp chí Cộng sản*.

* Sáng ngày 23-12-1994, Đoàn đại biểu Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã đến thăm và tặng quà 60 bà mẹ đại diện cho các bà mẹ anh hùng cả nước về Hà nội dự lễ trao tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt nam anh hùng".

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU CHẾ BIẾN NÔNG HẢI SẢN - DU LỊCH - KHÁCH SẠN QUẬN 3 (TNHH)
EXPORT - IMPORT & TOURISM Co., Ltd

TÊN GIAO DỊCH **EPCO Ltd**





Văn phòng chính công ty : 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 390382 - 334879 - 334888 - 335186
Telex : 811514 EPCO VT
Fax : 84.8.324744 - 84.8.332888

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG :

1. Kinh doanh xuất nhập khẩu - Thương mại - Du lịch- Khách sạn - Địa ốc - Chế biến Nông Hải sản xuất khẩu - Xây dựng công nghiệp và dân dụng - Đại lý bảo hiểm - Thu đổi ngoại tệ.

2. Công ty EPCO : Đại lý bảo hiểm cho Công ty Bảo hiểm Sài Gòn.

- Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt.
- Bảo hiểm xây dựng lắp đặt.
- Bảo hiểm con người : Tai nạn 24/24 - Sinh mạng cá nhân - Du lịch - Trợ cấp nằm viện và phẫu thuật.
- Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu và vận chuyển nội địa.
- Bảo hiểm ô tô, xe máy.
- Bảo hiểm tàu thủy : Tàu biển, biển pha sông, tàu sông, tàu cá.

* Trụ sở Văn phòng Công ty :

01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty EPCO : Đại lý thu đổi ngoại tệ (VIETCOMBANK TP. HCM - EPCO Ltd)

- Văn phòng Công ty : 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 390382

- Khách sạn EPCO : 122A Cách Mạng Tháng 8, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 297726

Address : 01 Nguyen Thuong Hien St., Ward 4, District 3, HoChiMinh City
Telephone : 390382 - 334879 - 334888 - 335186
Telex : 811514 EPCO VT
Fax : 84.8.324744 - 84.8.332888

SCOPE OF ACTIVITIES

1. Export & Import - Trading - Tourist & hotel services - Real estate - Processing of marine & agricultural products for export - Civil engineering - Insurance & Foreign exchange broker.

2. As an insurance broker for Saigon Insurance Company, EPCO deals with the insurance policies covering:

- Fire & particular risks.
- Constrution & Installation.
- Personal accident for 24/24 hrs - Life - Travelling - Hospital expenses & operation.
- Exported & Imported cargos - Inland transported cargos.
- Automobiles & Motorcycles.
- Marine vessels : Ocean-going ship, mixed sea going & river - going vessels, riverboats, fishing boats.

* Contact : EPCO OFFICE

- 01 Nguyen Thuong Hien St., Ward 4, District 3, HoChiMinh City.

3. Foreign exchange broker for VIETCOMBANK HCMC

- Head office : 01 Nguyen Thuong Hien St., Ward 4, District 3, HoChiMinh City.

Telephone : 390382

- EPCO Hotel : 122A Cach Mang Thang 8 St, Ward 7, District 3, HoChiMinh City

Telephone : 297726

Digitized by Google

CÔNG TY KHOÁNG SẢN LÂM ĐỒNG

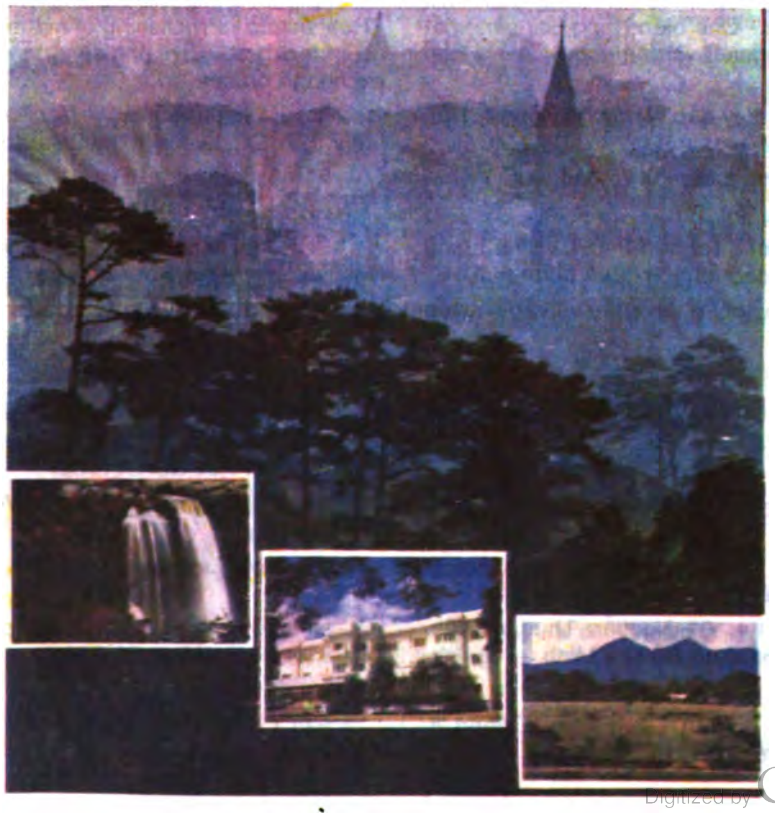


Giám đốc : **Ông PHẠM HÙNG**
Địa chỉ : 41 - Hùng Vương - T.P Đà Lạt
ĐT : 22809

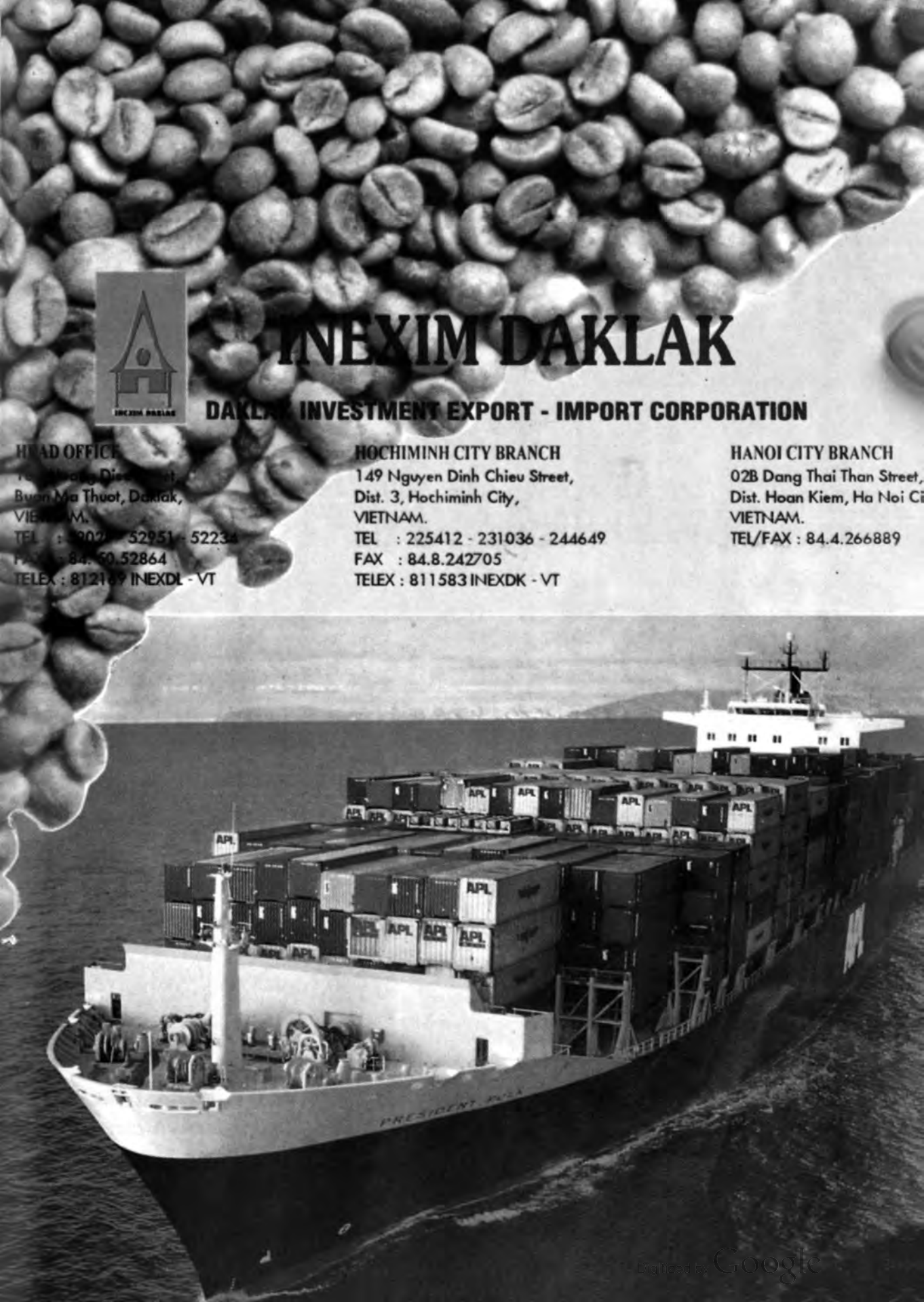
Tỉnh Lâm đồng có đến 25 loại khoáng sản khác nhau như bôxít, cao lanh, than nâu, sắt, vonfrom, thiếc, chì, kẽm, vàng, rubi, tectit v.v.. Tổng cộng có 174 điểm quặng. Trong đó nổi bật nhất là bôxít, bentonit, thiếc, vonfrom.

Công ty khoáng sản Lâm đồng được thành lập hơn 4 năm qua, thực hiện chức năng khai thác, thu mua, chế biến và xuất khẩu khoáng sản. Với lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân trên 400 người, hàng năm công ty khai thác và thu mua, chế biến xuất khẩu hàng trăm tấn khoáng sản, nộp ngân sách đáng kể cho nhà nước. Công ty là một trong những doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả cao của tỉnh.

Năm 1994 Công ty xuất khẩu 700 tấn thiếc tinh, trên 50 tấn đá thạch anh v.v. đạt giá trị trên 2,8 tỷ đồng.



Digitized by Google


INEXIM DAKLAK
DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION
HEAD OFFICE
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : 52951 - 52234
TELEX : 812169 INEXDL - VT
HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT
HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street,
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi Ci
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889
APL

CONG TY SAN XUAT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN 8

DOANH NGHIỆP TRỰC THUỘC BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIDEXIM

Add : 05 Bến Xóm Củi - Quận 8 - TP. HCM
Tel : 555.274 - 555.276
Telex : 813622 BIDEX VT
Fax : 84.8. 557766







SEAGULL



BIDEXIM

Chuyên cung cấp các sản phẩm : Nông sản, thủy sản xuất khẩu Đặc biệt nước tinh khiết nhãn hiệu "SEAGULL" phục vụ cho tiêu dùng cả nước và xuất khẩu.

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ : 2500Đ

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 2
MAIN

Tạp chí Cộng sản



65

The Library - UC Berkeley
Received on: 03-10-95
Tap Chi Cong San

2
1995

1930 - 19

Digitized by Google

"Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"

(Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

"Đảng ta phải tự nâng cao mình lên nữa, mà muốn tự nâng cao mình thì phải tổ chức học tập lý luận trong toàn Đảng, trước hết là trong cán bộ cốt cán của Đảng"

Hồ Chí Minh : Toàn tập.
NXB Sự thật, 1987, t 7, tr 784

"Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"

(Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2 - 1995 NĂM THỨ BỐN MƯƠI MỐT (470)

MỤC LỤC

	Thông báo Hội nghị lần thứ tám BCHTƯ Đảng (khóa VII)	3
Kỷ niệm lần thứ 65 Ngày thành lập ĐCS Việt nam (3/2/1930 - 3/2/1995)	ĐỖ MƯỜI - Phát huy truyền thống vẻ vang của đảng, phấn đấu mãi mãi xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới.	5
	PHẠM VĂN ĐỒNG - Sự kiện lịch sử và tác dụng lịch sử của nó	12
	BÙI NGỌC THANH - Những chỉ báo khoa học của Đảng	17
	NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Bản lĩnh chính trị của Đảng ta	21
	TRÌNH MƯU - Sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ 1945-1946 : Rất kiên định về chiến lược và mềm dẻo về sách lược.	25
	★ ★ ★ Hội nghị cộng tác viên Tạp chí Cộng sản. Đồng chí Nguyễn Đức Bình đến dự và phát biểu ý kiến	28
Thực tiễn - Kinh nghiệm	TÀO HỮU PHÙNG - Nhìn lại ngân sách nhà nước năm 1994 và kế hoạch ngân sách năm 1995	31
	PHẠM NGỌC GIAO - Công tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở nước ngoài	33
	LỆ MAI - Vài suy nghĩ về hình ảnh người cộng sản trong văn học	38
Nghiên cứu - Trao đổi	LƯU HÀ VĨ - Nhận thức lại cốt lõi một quy luật	41
	VŨ NGỌC NHUNG - Trong lĩnh vực tiền tệ : Cần chú ý hơn đến việc tìm cơ sở lý luận đúng cho điều hành vĩ mô	44
	LÊ VINH DANH và BỬU THÙY - Lãi suất tín dụng và vấn đề tăng trưởng kinh tế	47
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN TIẾN DÂN - Bí thư "ba số"	51
Đọc sách	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - "Định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa" (Thu hoạch nhỏ sau khi đọc tác phẩm *Văn hóa và đổi mới* của đồng chí Phạm Văn Đồng)	53
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VŨ KHOAN - Toàn cầu hóa và khu vực hóa	57
Tìm hiểu khái niệm	Quốc tế hóa, khu vực hóa	61
Tin hoạt động lý luận	Hội nghị chuyên đề về tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng ở cấp phường, thị trấn	62

Bìa 1 : Tranh *Phạm Văn Tư*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение VIII-го пленума ЦК КПВ. ДО МЫОЙ - Развивать славные традиции Партии, стараться всегда заслуживать доверия народа, вести страну в новый этап развития. ФАМ ВАН ДОНГ - Историческое событие и его историческое воздействие. БУЙ НГОК ТХАНЬ - Научные предсказания нашей партии. НГУЕН ЧОНГ ФУК - Политические качества КПВ. ★★★ Конференция внештатных сотрудников "Тапти Конгшан". Выступительная речь тов. Нгуен Дык Бинь. ТАО ХЫУ ФУНГ - Госбюджет 1994 года, взгляд назад, и госбюджетный план на 95-й год. ЛЕ МАИ - Некоторые размышления над литературным образом коммуниста. ЛЫУ ХА ВИ - Переосмыслить сущность одной закономерности. ВУ НГОК НЬЮНГ - В области валюты : больше внимания теоретическим обоснованиям макроуправления. ЛЕ ВИНЬ ЗАНЬ и БЫУ ТХЮИ - Кредитные проценты и вопрос экономического роста. НГУЕН ФУ ЧОНГ - "Социалистическая направленность - есть культура" (По поводу книги Фам Ван Донга "Обновленная культура"). ВУ КХОАН - Миролизация и регионолизация.

CONTENTS

Communiqué of the 8th Plenum of the Central Executive Committee of the Communist Party of Vietnam (7th Legislature). ĐỖ MƯỜI - Improving glorious traditions of the Party, striving to be forever trustworthy to the confidence and the love of the people, leading the country to a new period of development. PHẠM VĂN ĐỒNG - Historical events and their historic influence. BÙI NGỌC THANH - Scientific indices of our Party. NGUYỄN TRỌNG PHÚC - High political spirit of the Party. *** Conference of collaborators of the Communist Review. The participation and speech made by Mr. Nguyen Duc Binh. TÀO HỮU PHÙNG - A retrospective to the State's budget of the year 1994 and the 1995 budget plan. LÊ MAI - Some reflections on the image of the communist in literature. LƯU HÀ VĨ - Acknowledging once again the core of a law. VŨ NGỌC NHUNG - *In monetary field*: Paying more attention to the finding of the right theoretical basis for the macro-management. LÊ VINH DANH and BÙI THÚY - Rate of interest of the credit and the issue of economic growth. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - "Socialist orientation is the culture" (Exposition after reading the book *The renewed culture* of the Advisor Pham Van Dong). VŨ KHOAN - Globalization and regionalization.

SOMMAIRE

Communiqué du 8e Plénum du Comité central du Parti (issu du VIIe Congrès national). ĐỖ MƯỜI - Promouvoir les traditions glorieuses du Parti, nous efforcer d'être toujours dignes de la confiance et de l'affection du peuple, faire entre le pays dans une nouvelle étape de développement. PHẠM VĂN ĐỒNG - Les événements historiques et leur impact historique. BÙI NGỌC THANH - Les indices scientifiques de notre Parti. NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Le caractère politique de notre Parti. *** La réunion des collaborateurs de la Revue du communisme. Le camarade Nguyen Duc Binh y assiste et prend la parole. TÀO HỮU PHÙNG - Un regard sur le budget d'Etat de 1994 et le projet du budget l'Etat de 1995. LÊ MAI - Quelques réflexions sur l'image du communiste dans la littérature. LƯU HÀ VĨ - Prendre conscience une fois de plus de l'essentiel d'une loi. VŨ NGỌC NHUNG - *Dans le domaine de la monnaie* : Il faut faire une attention plus grande à la recherche d'une juste base théorique pour la macro-gestion. LÊ VINH DANH et BÙI THÚY - Le taux d'intérêt du crédit et le problème de croissance économique. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - "L'orientation socialiste est la culture" (Exposé après la lecture de l'ouvrage *La culture renouvelée* du camarade Pham Van Dong). VŨ KHOAN - La mondialisation et la régionalisation

SUMARIO

Comunicado del VIII Pleno del Comité Central del Partido (VII Congreso). ĐỖ MƯỜI - En despliegue de la gloriosa tradición del Partido, nos esforsamos siempre por merecer la confianza del pueblo para llevar el país al nuevo período de desarrollo. PHẠM VĂN ĐỒNG - El acontecimiento histórico y sus efectos históricos. BÙI NGỌC THANH - Los índices científicos de nuestro Partido. NGUYỄN TRỌNG PHÚC - El carácter político de nuestro Partido. *** Encuentro con los colaboradores de la Revista del Comunismo. Palabras del camarada Nguyên Đức Bình. TÀO HỮU PHÙNG - Un vistazo al presupuesto estatal de 1994 y el plan presupuestario estatal de 1995. LÊ MAI - Algunas reflexiones sobre el imagen del comunista en la literatura. LƯU HÀ VĨ - Retomar la cognición del núcleo de una ley. VŨ NGỌC NHUNG - *En la esfera monetaria* : Ha de atender más en la búsqueda de las correctas bases teóricas para la macro-operación. LÊ VINH DANH y BÙI THÚY - El interés crediticio y el problema del crecimiento económico. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - "La orientación socialista es la cultura" (trabajo de observación después de leer la obra *La cultura en renovación* de Pham Van Dong). VŨ KHOAN - Globalización y localización.

目錄

越南共產黨中央委員會第七屆第八次會議公報 ． 杜梅—發揮我黨的光榮傳統，奮鬥不息，使之無愧于人民的愛戴和信任，使國家向新的發展時期邁進 ． 范文同—歷史事件及其影響 ． 裘玉清—我黨 的 科學預測 ． 阮仲福—我黨的政治本領 ★★★《共產雜誌》合作員會議 ． 阮德平同志參加會議並在會上發表意見 ． 曹友逢—國家１９９４年財政及１９９５年國家財政計劃 ． 黎梅—有關共產黨人在文學中之形象的一些看法 ． 劉覆偉—重新認識一個規律的本質 ． 武玉斌—金融領域：必須切實注意尋求宏觀調控的正確理論基礎 ． 黎榮名、寶垂—信用利息及經濟增長問題 ． 阮富仲—“文化—社會主義導向”（范文同同志著作《文學革新》讀後感） ． 武寬—全球化和區域化

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BCHTƯ ĐẢNG (KHÓA VII)

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã họp từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 1 năm 1995, tại Hà nội.

Hội nghị đã thảo luận và ra Nghị quyết về việc : "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam- Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước".

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc hội nghị và tổng kết hội nghị.

1- Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương nhận định rằng công cuộc đổi mới những năm qua được tiến hành toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời đổi mới hệ thống chính trị từng bước tích cực, vững chắc. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta thời gian qua có những chuyển biến tích cực : Quản lý Nhà nước bằng pháp luật được tăng cường, dựa trên cơ sở hệ thống pháp luật từng bước được xây dựng, sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới ; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy trên nhiều lĩnh vực, được thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp luật, trước hết là về kinh tế ; tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước được đổi mới một bước ; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có tiến bộ.

Tuy nhiên, hoạt động của Nhà nước ta còn những khuyết điểm và yếu kém : Hệ thống pháp luật chưa tạo đủ khuôn khổ pháp lý cần thiết, việc thi hành pháp luật chưa nghiêm; tổ chức bộ máy Nhà nước cồng kềnh, hoạt động có mặt kém hiệu quả ; nạn quan liêu, lãng phí và tham nhũng nghiêm trọng ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn yếu; sự lãnh đạo của Đảng chưa được tăng cường bảo đảm cho việc kiện toàn và phát huy hiệu lực của bộ máy Nhà nước.

Tình hình trên đây cùng với yêu cầu đặt ra cho đất nước trong thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải ra sức xây dựng, kiện toàn bộ máy Nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả. Bảo đảm cho Nhà nước ta luôn luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng, thống nhất hữu cơ giữa bản chất giai cấp công nhân với tính dân tộc và tính nhân dân, thật sự là một Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Không ngừng kiện toàn, đổi mới về cơ cấu tổ chức và cơ chế, phương thức quản lý của Nhà nước, hoàn thiện các lĩnh vực hoạt động từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp cho phù hợp và thúc đẩy trở lại quá trình đổi mới kinh tế - xã hội theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đủ sức giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước. Nhà nước quản lý mọi mặt hoạt động của xã hội bằng một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh phù hợp với tình hình mới ; có cơ cấu tổ chức hợp lý, bộ máy tinh gọn, rõ nhiệm vụ, có sự chỉ đạo thông suốt, nhạy bén từ trung ương đến cơ sở, có đội ngũ công chức trung thành, tận tụy, liêm khiết, thành thạo nghiệp vụ, chuyên môn.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh rằng, trong quá trình xây dựng và kiện toàn Nhà nước, phải quán triệt những quan điểm cơ bản sau đây :

Một là, *xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội ; chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.*

Hai là, *quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện ba quyền : Lập pháp, hành pháp, tư pháp.*

Ba là, *quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam. Tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động, sáng tạo của từng địa phương, từng cơ sở, từng tổ chức, từng cá nhân và toàn hệ thống.*

Bốn là, *tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật ; đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.*

Năm là, *tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam*

Hội nghị Trung ương cho rằng, kiện toàn Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam theo phương hướng nói trên là một quá trình tương đối lâu dài, phải được tiến hành với những bước đi tích cực, vững chắc, đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, gắn chặt với đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Digitized by Google

Trong thời gian tới, tập trung sức thực hiện **một số chủ trương, nhiệm vụ quan trọng sau đây :**

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội.

- Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

- Phát huy vai trò nhân dân làm chủ Nhà nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Trong nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước phải đặt trọng tâm vào **cải cách nền hành chính Nhà nước,** *nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước được hiện đại hóa để thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, quản lý có hiệu lực và hiệu quả cao công việc của Nhà nước, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội, thúc đẩy tiến trình đổi mới phát triển, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Trong những năm trước mắt, tập trung sức làm tốt một số công việc sau đây :

Cải cách thể chế của nền hành chính *nhằm đáp ứng từng bước yêu cầu tăng cường quan hệ gắn bó giữa nhân dân với chính quyền và bảo đảm sự quản lý Nhà nước phù hợp với tình hình mới, phát huy được mặt tích cực, ngăn chặn được mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường.*

Những việc cấp bách cần phải giải quyết là cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh giải quyết các khiếu kiện của dân, áp dụng nhiều hình thức để dân biết và góp ý kiến vào công việc của Nhà nước, đổi mới quy trình lập pháp, lập quy, thiết lập kỷ cương xã hội, kỷ luật trong bộ máy Nhà nước.

Chấn chỉnh tổ chức, bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính *theo phương hướng và nguyên tắc : Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp cần được sắp xếp tinh gọn, tập trung làm tốt công tác quản lý Nhà nước, phát triển kinh tế, chăm lo giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh và kỷ cương pháp luật, củng cố quốc phòng và bảo vệ quyền lợi quốc gia, mở rộng hoạt động đối ngoại, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh, bỏ dần chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp Nhà nước ; vận dụng đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ sát hợp với chức năng chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính và với đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực khác nhau ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để mọi thành phần kinh tế kinh doanh đúng pháp luật.*

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính. *Trong bộ máy hành chính, ngoài số cán bộ dân cử làm việc theo nhiệm kỳ, lực lượng đông đảo là đội ngũ công chức cần được tuyển chọn và sử dụng theo hướng chuyên nghiệp hóa, ổn định, làm việc tận tụy và công tâm, có đủ trình độ, năng lực đáp ứng tiêu chuẩn quy định cho từng chức danh.*

Xây dựng và từng bước hoàn thiện chế độ công vụ và quy chế công chức, chú trọng yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và tiêu chuẩn về trình độ năng lực ; trách nhiệm đi đôi với quyền hạn ; nhiệm vụ gắn với chính sách đãi ngộ.

Đấu tranh kiên quyết và bền bỉ chống tệ tham nhũng, lãng phí của công ; tệ cửa quyền, sách nhiễu và các hành vi gian lận, vi phạm pháp luật.

2- Đảng ta khẳng định công tác tư tưởng- lý luận là của toàn Đảng và luôn luôn quan trọng, trong thời điểm hiện nay càng quan trọng. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương cho rằng hơn lúc nào hết, công tác tư tưởng - lý luận lúc này phải đáp ứng những đòi hỏi mà thực tiễn đất nước đang đặt ra là tăng cường sự nhất trí tư tưởng trong Đảng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đấu tranh chống diễn biến hòa bình trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân ; cung cấp những luận cứ khoa học cho việc cụ thể hóa và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng lý luận về mô hình phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của dân tộc và của thế giới ngày nay.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoàn toàn nhất trí và thông qua Nghị quyết về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam - cải cách một bước nền hành chính Nhà nước" ; giao Bộ Chính trị ra nghị quyết của Bộ Chính trị về :"Một số định hướng lớn về công tác tư tưởng-lý luận trong tình hình hiện nay".

Digitized by Google

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG, PHẤN ĐẤU MÃI MÃI XỨNG ĐÁNG VỚI LÒNG TIN YÊU CỦA NHÂN DÂN, ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư ĐCS Việt nam

Thưa các đồng chí và các bạn,

Thưa các vị khách quốc tế,

HÔM nay, trong không khí tưng bừng đầu xuân, chúng ta long trọng kỷ niệm lần thứ 65 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, người đã lãnh đạo nhân dân ta đánh tháng các thế lực xâm lược, giành độc lập , tự do cho Tổ quốc, và đang dẫn đường dân tộc ta tiến hành sự nghiệp đổi mới vì hạnh phúc của toàn dân.

Trong niềm vui mừng, phấn khởi, với lòng kính yêu và biết ơn vô hạn, chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con vĩ đại của Tổ quốc và dân tộc, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt nam, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta. Tư tưởng của Người mãi mãi tỏa sáng, soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành tháng lợi huy hoàng. Ngày nay, Đảng và nhân dân ta đang tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Người đã vạch ra, nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu, lý tưởng mà Người hằng mong ước.

Chúng ta chân thành tưởng nhớ các nhà lãnh đạo kính yêu : Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, những người có vai trò và công lao to lớn đối với sự nghiệp của Đảng và nhân dân ta trong các thời kỳ cách mạng. Chúng ta tưởng nhớ các chiến sĩ cộng sản kiên cường, các anh hùng, liệt sĩ, đồng chí, đồng bào đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta vì sự trường tồn và tương lai rạng rỡ của dân tộc.

Đảng cộng sản Việt nam biết ơn sâu sắc nhân dân, người đã sinh thành, nuôi dưỡng và bảo vệ Đảng với tất cả tấm lòng son sắt, gắn bó với Đảng trong cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khổ đi đến tháng lợi vẻ vang.

Nhân ngày kỷ niệm trọng thể này, cho phép tôi thay mặt nhân dân Việt nam chân thành cảm ơn đồng chí và bầu bạn khắp năm châu về sự cổ vũ quý báu và giúp đỡ hào hiệp, chí tình đối với nhân dân và đất nước chúng tôi trong cuộc đấu tranh chính nghĩa giành và giữ vững nền độc lập cũng như trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới ngày nay.

Thưa các đồng chí và các bạn,

KẾ thừa truyền thống của tổ tiên trong lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, ngay từ những ngày đầu bị đế quốc, thực dân thôn tính và thống trị, nhân dân ta đã đứng lên đấu tranh kiên cường, bất khuất quyết giành lại độc lập, tự do. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã liên tiếp nổ ra, nhiều phong trào cứu quốc đã ra đời, nhiều người con ưu tú của nhân dân đã hy sinh oanh liệt vì sự nghiệp cao cả đó. Song các phong

* Diễn văn tại lễ kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập ĐCS Việt nam (3-2-1930 - 3-2-1995)

Digitized by Google

trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa đều không thành công. Tình thế đòi hỏi phải có một tổ chức chính trị tiên phong, được vũ trang bằng hệ tư tưởng tiên tiến thì mới có thể xác định được đường lối đúng đắn nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động.

Ngày 3-2-1930, cách đây tròn 65 năm, dưới sự chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng cộng sản Việt nam ra đời, đáp ứng yêu cầu đó. Đây là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. Ngay từ lúc mới thành lập, Đảng đã đề ra Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị về cách mạng Việt nam, được nhân dân đồng tình và ra sức thực hiện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh anh dũng, trải qua biết bao gian khổ, hy sinh, đưa sự nghiệp cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đó là thắng lợi vang dội của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lật đổ ách thống trị của phát-xít, thực dân, phong kiến, lập lên nước Việt nam dân chủ cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông-Nam Á.

Đó là chiến thắng lẫy lừng của hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, gian khổ, trường kỳ chống các thế lực xâm lược hùng mạnh và hung bạo, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Đó là những thành tựu to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chế độ mới thật sự của dân, do dân và vì dân ; đưa nhân dân trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình, ra sức phấn đấu xây dựng cuộc sống vật chất và tinh thần ngày càng tốt đẹp.

Đó là những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới mà nhân dân ta trong điều kiện khó khăn chồng chất, thử thách hiểm nghèo đã vượt qua và đạt được : kinh tế tăng trưởng, chính trị ổn định, đối ngoại rộng mở, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Nhìn lại hoàn cảnh đen tối của đất nước trước ngày có Đảng, chúng ta càng thấm thía và trân trọng những thành quả cách mạng to lớn mà Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được trên sáu thập kỷ qua, với những chiến công hiển hách, vang dội năm châu, làm nức lòng bè bạn. Hai tiếng "Việt nam" đã trở thành biểu tượng anh hùng và niềm tự hào chung của nhân loại tiến bộ.

Thắng lợi của cách mạng Việt nam 65 năm qua chứng minh rằng : sức mạnh của dân tộc ta là sức mạnh của lòng yêu nước nồng nàn, của ý chí độc lập, tự chủ, kiên cường, bất khuất, của tinh thần đoàn kết, chủ động và sáng tạo. Thành công của Đảng cộng sản Việt nam trong hơn nửa thế kỷ qua chính là ở chỗ Đảng đã kết hợp đúng đắn chủ nghĩa Mác-Lê-nin với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống, bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa của nhân loại, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quy tụ và phát huy sức mạnh của nhân dân lao động, của toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để làm nên sự nghiệp lớn hôm nay và mai sau.

Trải qua đấu tranh oanh liệt trên mỗi chặng đường cách mạng, Đảng ta đã nhanh chóng lớn mạnh, trưởng thành trong lòng nhân dân, đất nước. Đương nhiên, có được điều đó, Đảng đã phải trải qua biết bao thử thách, hy sinh. Hàng triệu người con ưu tú của Đảng, của dân tộc đã ngã xuống ; hàng chục vạn đảng viên, cán bộ bị tra tấn, tù đày ; nhiều lãnh tụ xuất sắc của Đảng ra pháp trường, lên máy chém, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân.

Trong quá trình lãnh đạo, bên cạnh những thắng lợi cực kỳ to lớn, cũng có lúc Đảng mắc khuyết điểm, sai lầm, thậm chí tạm thời thất bại. Điều quan trọng là Đảng ta không che giấu mà đã công khai thừa nhận, thành tâm lắng nghe ý kiến nhân dân, đi vào thực tiễn để tổng kết, kịp thời rút kinh nghiệm và quyết tâm sửa chữa. Chính vì thế, Đảng ngày càng được nhân dân tin yêu.

Thông thường, những bước ngoặt của lịch sử, khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, là lúc có nhiều thử thách, làm bộc lộ rõ nhất bản lĩnh, trình độ, phẩm chất, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Một bài học kinh nghiệm lớn của Đảng ta là vào những thời điểm đó, Đảng luôn vững vàng, kiên định mục tiêu và phương hướng chiến lược ; đồng thời khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược, "dĩ bất biến ứng vạn biến" ; tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với lợi ích của dân tộc và giai cấp ; nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý khoa học và cách mạng của học thuyết Mác - Lê-nin, từ

Digitized by Google

tưởng Hồ Chí Minh ; giữ vững độc lập, tự chủ; đoàn kết, thống nhất nội bộ ; gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Đây là bí quyết thành công giúp Đảng ta vượt qua thử thách, có lúc rất hiểm nghèo, ở thế "nghìn cân treo sợi tóc".

Mười năm gần đây là chặng đường có ý nghĩa đặc biệt của cách mạng nước ta với biết bao bước thăng trầm. Trong bối cảnh quốc tế phức tạp và tình hình đất nước có muôn vàn khó khăn, các thế lực thù địch không ngừng chống phá. Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng gió, tiếp tục tiến lên, tiến hành công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu quan trọng. Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và từng bước bổ sung, hoàn thiện đường lối cách mạng một cách đúng đắn, sáng tạo, bước đầu hình thành một hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tế nước ta, kế thừa và phát huy tinh hoa văn hóa và bản sắc dân tộc. Đây là kết quả của một quá trình trăn trở, tìm tòi, tổng kết, đổi mới tư duy lý luận, nhận thức đúng hơn về thực tiễn cách mạng Việt nam. Đảng và Nhà nước ngày càng trưởng thành và có thêm kinh nghiệm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong hoàn cảnh mới. Đó là thành tựu nổi bật nhất, cơ bản và quan trọng nhất trong những năm đổi mới vừa qua.

Thắng lợi của đường lối đổi mới một lần nữa khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là một tất yếu khách quan, là nhân tố hàng đầu quyết định sự thành công của cách mạng Việt nam. Trong điều kiện thực tế nước ta, chỉ có Đảng cộng sản Việt nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đội tiền phong chiến đấu dày dạn kinh nghiệm của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tập hợp trong đội ngũ của mình hàng triệu người con ưu tú, là lực lượng duy nhất có khả năng lãnh đạo nhân dân ta đi tới mục tiêu độc lập dân tộc dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, trải qua muôn vàn thử thách, tính kiên định cách mạng, trình độ trí tuệ, tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, với một đội ngũ cán bộ, đảng viên đại biểu cho tài năng, phẩm chất của dân tộc, tận tụy, trung thành, đoàn kết, thống nhất, được nhân dân ủng hộ, giúp đỡ, Đảng cộng sản Việt nam quyết tâm phấn đấu làm tròn sứ mệnh của mình trong giai đoạn mới. Mọi mưu toan phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đều đi ngược lợi ích của dân tộc, nhất định bị nhân dân bác bỏ.

Thưa các đồng chí và các bạn.

KỶ niệm 65 năm Ngày thành lập Đảng, chúng ta vô cùng tự hào về Đảng ta, nhân dân ta và các lực lượng vũ trang của chúng ta, tự hào về con đường mà chúng ta đã và đang đi, tự hào về tất cả những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hiện nay, cách mạng nước ta đang đứng trước một bước phát triển có ý nghĩa quyết định. Những thành tựu đạt được vừa qua là vô cùng quan trọng, song những điều cần phấn đấu đạt tới lại càng quan trọng. Trước mắt chúng ta có rất nhiều việc phải làm. Vấn đề cấp bách là phải thực hiện tốt đường lối, quan điểm của Đảng đã được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội VII và các nghị quyết Trung ương khóa VII, làm cho nước ta phát triển đúng hướng và lành mạnh, với nhịp độ cao hơn và vững chắc hơn. Ra sức khai thác thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng an ninh, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, đưa đất nước ra khỏi lạc hậu, nghèo nàn, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nỗ lực thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đó là những nhiệm vụ cách mạng hết sức lớn lao, với nhiều thuận lợi và cũng nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phấn đấu gian khổ với quyết tâm cao. Để làm tròn nhiệm vụ của mình, Đảng ta phải nỗ lực vươn lên, thật sự là đại biểu cho trí tuệ, phẩm chất của dân tộc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực tổ chức thực tiễn, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn mới. Xây dựng và kiện toàn Nhà nước trong sạch vững mạnh, quản lý xã hội bằng pháp luật có hiệu lực và hiệu quả, thật sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, mãi mãi trung thành và phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Toàn

Digitized by Google

dân ta phải ra sức cần kiệm để xây dựng đất nước.

Với sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt nam, Đảng có trách nhiệm rất to lớn và nặng nề. Càng đi vào thực hiện đổi mới, càng phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thể hiện ở việc xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, con đường, giải pháp đi lên của đất nước ; lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và guồng máy xã hội, trước hết là lãnh đạo nhà nước tổ chức thực hiện bằng được các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Đảng ta đã xác định : trong giai đoạn hiện nay, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đảng là khâu then chốt. Công tác xây dựng đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng và có tầm quan trọng sống còn đối với Đảng, Nhà nước và cả dân tộc ta.

Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Đảng phải *thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, kiên định mục tiêu, lý tưởng, không ngừng nâng cao trí tuệ và phẩm chất của mình.

Mấy năm gần đây, nhất là sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng, công tác xây dựng đảng đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chúng ta đã chỉnh đốn được một bước tổ chức và nền nếp sinh hoạt đảng, củng cố vai trò lãnh đạo của các cấp bộ đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác xây dựng đảng. Song những chuyển biến đó vẫn còn thấp xa so với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay. Công tác xây dựng đảng vẫn còn nhiều yếu kém. Hoạt động nghiên cứu lý luận, nhất là việc tổng kết thực tiễn, chưa giải đáp được một số vấn đề do cuộc sống đặt ra. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, chưa kịp thời, tính chiến đấu còn yếu. Hệ thống tổ chức của Đảng và mối quan hệ giữa Đảng với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị có mặt chưa thật hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện mới. Công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, củng cố cơ sở đảng... còn nhiều việc làm chưa tốt. Tình trạng quan liêu còn nặng. Những tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được đẩy lùi. Chưa kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử vô kỷ luật, tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, gây tổn hại lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Không ít cấp ủy còn chưa coi trọng công tác xây dựng đảng.

Phương hướng cơ bản của việc đổi mới, chỉnh đốn đảng hiện nay là tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt nam trong giai đoạn mới.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng là vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc đối với tất cả các đảng mác-xít lê-nin-nít chân chính. Nó càng đặc biệt quan trọng đối với Đảng ta, một đảng ra đời và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, tỷ lệ đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân còn rất thấp. Hiện nay, Đảng lại đang hoạt động trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa giao lưu quốc tế, môi trường xã hội rất phức tạp, có nhiều nguy cơ và thử thách. Đảng ta tuy đã có bước trưởng thành ; Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ của Đảng đã thể hiện lập trường, quan điểm, tư tưởng của giai cấp công nhân ; song tư tưởng tiểu tư sản, tư tưởng tư sản, tư tưởng phong kiến, tác phong, lề lối làm việc cũ trước đây đã ảnh hưởng không nhỏ đến các mặt hoạt động của Đảng. Tư tưởng phi vô sản lại đang bằng nhiều đường thâm nhập vào cán bộ , đảng viên. Vì vậy, hơn bao giờ hết, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng là vấn đề quan trọng hàng đầu.

Trong bất kỳ tình huống nào, phải luôn luôn kiên định quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc ; phấn đấu vì mục tiêu *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Đó là điều khẳng định trước sau như một của chúng ta.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học thuyết giải phóng và vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cơ sở chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nắm bắt được tinh thần biện chứng, cách mạng, khoa học và nhân đạo của học thuyết Mác - Lê-nin, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết ấy để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách

Digitized by Google

mạng Việt nam. Đồng thời, chủ nghĩa yêu nước, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những tinh hoa văn hóa của nhân loại đã được tổng hợp qua trí tuệ sáng suốt và nhân cách vĩ đại của Người, góp phần hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc Đại hội VII khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển mới hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong tình hình hiện nay, chúng ta càng phải kiên định nền tảng đó và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển với tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết không giáo điều, rập khuôn, sao chép. Đó là một trong những bài học lớn nhất mà chúng ta rút ra từ kinh nghiệm của bản thân mình.

Hiện nay, còn rất nhiều vấn đề mới mẻ đang được đặt ra, đòi hỏi chúng ta làm sáng tỏ để tìm ra lời giải đáp. Cuộc sống muôn hình muôn vẻ buộc chúng ta phải đi sâu nghiên cứu, học hỏi, tìm tòi. Cán bộ, đảng viên phải lăn lộn với cuộc sống, học tập qua thực tiễn.

Đảng ta là người lãnh đạo, là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp, có sứ mệnh lịch sử nặng nề trước dân tộc, cho nên hơn ai hết, Đảng phải có trí tuệ cao. Nhờ có trí tuệ tiên phong, biết nhìn xa, trông rộng, nắm vững lý luận và thực tiễn để đề ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân chiến thắng kẻ thù xâm lược, giải phóng đất nước, giành lại độc lập, tự do. Giờ đây, muốn chiến thắng lạc hậu, nghèo nàn, càng cần phải có trí tuệ tiên phong. Việc nâng cao trí tuệ của toàn Đảng, của từng cán bộ, đảng viên được đặt ra rất cấp bách. Chúng ta phải nhận thức sâu sắc vấn đề này để có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ tư duy lý luận, coi đó là nghĩa vụ đối với mỗi cán bộ, đảng viên.

Đồng thời, cần đặc biệt chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên rèn luyện phẩm chất, đạo đức. Trong điều kiện đảng cầm quyền, lãnh đạo đất nước chuyển sang phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, cán bộ, đảng viên được giao nhiều trọng trách thì đây là một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác xây dựng đảng hiện nay.

Bác Hồ kính yêu của chúng ta thường căn dặn : "Đạo đức là cái gốc của người cách mạng", "Đảng ta là đạo đức, là văn minh". Mọi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn rèn luyện nâng cao đạo đức, phẩm chất, tư cách đảng viên, giữ gìn lối sống trong sạch, tiếp tục hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng, đặt lợi ích chính đáng của mình trong lợi ích chung của Đảng, của nhân dân ; đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Trước lúc đi xa, Người còn nhắc nhở : "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Thực hiện lời dạy của Người trong quá trình đấu tranh cách mạng, đại đa số cán bộ, đảng viên ta đã có ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, giữ gìn lối sống lành mạnh, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt hay kinh tế - xã hội khủng hoảng, đời sống có nhiều khó khăn, vẫn chịu đựng, hy sinh, dũng cảm chiến đấu, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Mấy năm gần đây, trong điều kiện mới, phần đông vẫn gương mẫu giữ gìn đạo đức và lối sống trong sạch, được nhân dân yêu mến, tín nhiệm.

Nhưng phải thừa nhận rằng trong Đảng đang có một bộ phận giảm sút nghiêm trọng phẩm chất, đạo đức. Một số cao động, giảm sút lòng tin và ý chí phấn đấu. Một bộ phận chỉ ham làm giàu, xa rời lý tưởng. Một số không ít cán bộ từ trung ương đến cơ sở đã xa dân, hống hách, chèn ép, ít chăm lo đời sống của dân, vi phạm quyền và lợi ích của dân, lợi dụng chức vụ và cương vị công tác để lãng phí, tham ô, hà lạm công quỹ, dục khoét của dân, làm giàu bất chính. Lối sống buông thả, xa hoa, thực dụng, chạy theo đồng tiền lây lan phổ biến. Thậm chí một số ăn chơi sa đọa, hưởng lạc. Ở không ít nơi, lợi ích cá nhân đang lấn át lợi ích tập thể, lợi ích cục bộ lấn át lợi ích toàn cục. Một số người biểu thị rất lộ liễu tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, cục bộ, địa phương, gia trưởng, độc đoán, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, bất chấp các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, vi phạm pháp luật nhà nước. Nhiều cấp ủy, nhiều chi bộ không thực hiện tự phê bình và phê bình, hoặc chỉ làm chiếu lệ, dẫn đến mất đoàn kết kéo dài, tranh giành quyền lợi và địa vị.

Những biểu hiện xấu xa này đang gây bất bình trong dư luận, làm xói mòn lòng tin của

Digitized by Google

nhân dân. Tôi tha thiết kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, dù ở cương vị công tác nào, đều nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình, không ngừng rèn luyện, phấn đấu để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục các thói tệ của chủ nghĩa cá nhân. Muốn giáo dục được người khác, trước hết phải tự giáo dục mình. Các tổ chức đảng phải có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý đảng viên. Đi đôi với biểu dương những đảng viên gương mẫu, phải kiên quyết đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng, xử lý kịp thời, nghiêm minh những người hư hỏng, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, bất kể người đó giữ cương vị gì. Phải coi nặn ô dù, bao che là một tội ác.

Cùng với những việc trên đây, phải khẩn trương nghiên cứu để ra những cơ chế, chính sách quản lý vĩ mô để ngăn chặn tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu. Chúng ta biết rằng đây là công việc rất phức tạp. Nhưng nếu tập thể đồng tâm nhất trí, mọi người tự giác, Đảng và Nhà nước kiên quyết dựa vào dân mà làm, thì sẽ làm được và nhất định phải làm bằng được.

Đảng ta luôn luôn xác định sức mạnh của Đảng về chính trị và tư tưởng được bảo đảm bằng sức mạnh về tổ chức ; xây dựng đảng về chính trị và tư tưởng phải gắn với xây dựng đảng về tổ chức. Điều cơ bản bảo đảm sự chặt chẽ của Đảng về tổ chức là phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng, đường lối chính trị, Đảng phải là một khối thống nhất về tư tưởng, ý chí và hành động. Phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ là phủ nhận Đảng từ bản chất, là phá hoại sức mạnh của Đảng từ gốc. Vì vậy, chúng ta phải giữ vững và thực hiện thật tốt nguyên tắc này ; phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, dân chủ đi liền với trật tự, kỷ cương. Có cơ chế bảo đảm phát huy dân chủ đi đôi với thực hiện sự lãnh đạo tập trung, thống nhất. Hoàn thiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương, Trung ương phục tùng Đại hội. Đấu tranh với những hiện tượng quan liêu, gia trưởng, độc đoán, mất dân chủ đang phổ biến ở nhiều cấp ; đồng thời, khắc phục tình trạng phân tán, cục bộ, bản vị, lỏng lẻo kỷ luật trong Đảng và coi thường pháp luật nhà nước. Giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi ; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng với thái độ chân tình, xây dựng.

Xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng và của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị theo hướng gọn nhẹ, nâng cao chất lượng và hiệu quả ; đồng thời, đổi mới cơ chế hoạt động, cải tiến phương thức lãnh đạo, bảo đảm cho bộ máy vận hành thông suốt. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức ; kiên quyết cắt giảm những bộ phận thừa, những khâu trung gian không cần thiết. Tập trung củng cố hai khâu trọng yếu là cấp trung ương và cấp cơ sở.

Một vấn đề mấu chốt, có ý nghĩa quyết định, là chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là đội ngũ lãnh đạo cốt cán ở các cấp. Đảng phải trực tiếp thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật nhà nước và điều lệ của các tổ chức quần chúng.

Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, Đảng ta và Bác Hồ đã từng bước đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo và vững mạnh, gắn với phong trào quần chúng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đông đảo cán bộ đã được rèn luyện, thử thách và trưởng thành qua kháng chiến, lập nhiều chiến công. Hàng vạn cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý được đào tạo có hệ thống ở trong nước và nước ngoài, đã có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là thành tựu lớn và là nguồn vốn quý báu của Đảng và nhân dân ta.

Cùng với bước chuyển quan trọng của cách mạng nước ta ; đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành cũng đang ở thời kỳ chuyển tiếp. Nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt, nhất là ở cấp chiến lược, do tuổi tác và sức khỏe, sẽ dần dần chuyển giao vị trí công tác cho lớp trẻ hơn. Đảng ta cần có kế hoạch chỉ đạo để tiến hành tốt việc chuyển tiếp này, bảo đảm sự phát triển liên tục của cách mạng, sự bền vững của chế độ, của đất nước.

Chú trọng đào tạo, lựa chọn và sử dụng những người thật sự trung thành với lý tưởng của giai cấp công nhân, với lợi ích của dân tộc, toàn tâm toàn ý phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài cả trong và

Digitized by Google

ngoài Đảng, thuộc các dân tộc, tôn giáo, ở trong nước và Việt kiều ở nước ngoài. Đặc biệt chú trọng trẻ hóa đội ngũ cán bộ ; đồng thời kết hợp tốt ba độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ.

Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ theo hướng thực sự dân chủ, khoa học, khách quan ; căn cứ vào tiêu chuẩn yêu cầu công việc, sở trường của cán bộ, lấy hiệu quả công tác và sự đóng góp thực tế làm thước đo phẩm chất và năng lực. Để bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm; đãi ngộ xứng đáng với cống hiến, khuyến khích cán bộ vươn lên đảm nhiệm công việc nặng nề hơn.

Thực tiễn cách mạng nước ta cho thấy, gắn bó với nhân dân là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, là nguồn gốc tạo ra sức mạnh của cách mạng. Quan liêu, xa dân là nguy cơ đáng sợ nhất đối với một đảng cầm quyền. Nó chẳng những làm cho Đảng thoái hóa, rã rời về tổ chức, mà còn có thể dẫn tới sai lầm về đường lối chính trị.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng liên hệ chặt chẽ với nhân dân chẳng những thông qua các tổ chức đảng, nhất là cấp cơ sở, thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên, thông qua đường lối chính sách của mình mà còn thông qua pháp luật và các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng.

Suốt mấy chục năm qua, chính nhờ gắn bó với nhân dân, có đường lối chính trị hợp quy luật, thuận lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, nên Đảng và dân đã kết thành một khối vững chắc. Dân tin ở Đảng, hết lòng ủng hộ, bảo vệ và làm theo lời Đảng. Cán bộ, đảng viên gương mẫu chiến đấu hy sinh vì lợi ích của dân, như Bác Hồ đã nói : "Đảng ta vĩ đại vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác". Dân và Đảng như máu thịt, dân coi sự tồn tại và phát triển của Đảng là lẽ sống của mình. *Dân tin Đảng, Đảng vì dân* đã trở thành truyền thống tốt đẹp, tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng. Ở đâu và lúc nào tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thường xuyên chăm lo lợi ích của dân, đồng cam cộng khổ với dân, thì ở đó Đảng và dân gắn bó chặt chẽ, cán bộ, đảng viên được dân tin, dân phục. Trái lại, ở đâu và lúc nào tổ chức đảng, cán bộ đảng viên xa dân, quay lưng lại với dân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xa hoa, thậm chí trù dập, ức hiếp dân thì ở đó sẽ bị dân oán ghét, chê trách. Các thế lực thù địch ra sức lợi dụng điều đó để chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Chúng ta cần nhận thức sâu sắc vấn đề này và có những biện pháp tích cực, thiết thực để tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân. Đặc biệt cần chú ý nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, phát huy quyền làm chủ của dân. Có cơ chế cụ thể để dân thực sự giám sát và kiểm tra các hoạt động của Đảng, của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Đảng viên và tổ chức đề nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng đảng : đóng góp ý kiến vào các nghị quyết, chủ trương công tác của Đảng ; giám sát, phát hiện và đấu tranh với những đảng viên có biểu hiện tiêu cực ; giới thiệu những người xứng đáng để bầu vào các cơ quan lãnh đạo và những người đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào đội ngũ của Đảng.

Thưa các đồng chí và các bạn,

TRONG lịch sử lâu dài của dân tộc ta, 65 năm qua là một chặng đường vô cùng oanh liệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta đã làm nên kỳ tích anh hùng trong thời đại mới. Đó là niềm tự hào của cả dân tộc, của toàn dân và của Đảng ta. Bạn bè trên thế giới chia sẻ với chúng ta niềm vui đó, đang tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ chúng ta trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay.

Nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong giai đoạn mới rất nặng nề và cũng rất vinh quang. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với lòng yêu nước nồng nàn, thiết tha với vận mệnh của đất nước, với truyền thống anh hùng của dân tộc Việt nam, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng đã định hướng, nhân dân ta nhất định sẽ phấn đấu nỗ lực giành nhiều thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, phấn đấu hết sức mình làm rạng rỡ thêm truyền thống vẻ vang của dân tộc, từng bước xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như Bác Hồ căn dặn.

Nhân dịp đầu xuân Ất Hợi, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, tôi thân ái gửi tới các đồng chí cùng toàn thể đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài và bầu bạn quốc tế lời chúc mừng năm mới an khang, hạnh phúc và thành đạt.

Xin cảm ơn các đồng chí và các bạn.

Digitized by Google

SỰ KIỆN LỊCH SỬ VÀ TÁC DỤNG LỊCH SỬ CỦA NÓ.

(Nhân kỷ niệm lần thứ 65 Ngày thành lập Đảng)

PHẠM VĂN ĐỒNG

I

Nói về sự kiện lịch sử và tác dụng lịch sử của nó thì tất nhiên không biết bao nhiêu chuyện có thể nói. Cho nên, trong bài viết này, tôi chỉ nêu một số điểm có tính bao quát, và có mối quan hệ theo chiều sâu của lịch sử với tình hình nước ta. Lịch sử loài người là một, chân lý này được học thuyết duy vật lịch sử chứng minh với căn cứ khoa học ngày càng sáng tỏ, theo những hiểu biết mới của loài người.

Tôi muốn bắt đầu bằng một câu chuyện vui vui mà gần đây cả thế giới đều quan tâm náo nức. Đó là giải bóng đá thế giới 1994 tổ chức ở Mỹ. Hiểu một cách rộng rãi, các cuộc thi đấu này có thể mang cái tên chung là Ô-lim-pic mà nguồn gốc bắt đầu từ một truyền thống thể thao rất đẹp trong thời đại hưng thịnh của nền văn minh Hy lạp ngày xưa. Các cuộc thi đấu thời ấy được tổ chức trọng thể và nghiêm trang, với những giải thưởng rất quý giá, trên những dẫy núi Ô-lem-pi-a, nơi đây cũng là nơi hội tụ các vị thần linh của thần thoại Hy lạp. Nền văn minh rực rỡ cổ Hy lạp rất coi trọng sự phát triển trí tuệ và tài năng của con người, làm nảy nở những thiên tài về nhiều môn học thuật mà giá trị còn rọi ánh sáng đến ngày nay, đồng thời cũng rất coi trọng sự rèn luyện cơ thể con người, đưa đến sự tìm tòi về cái đẹp của cơ thể.

Nền văn minh cổ Hy lạp phát triển đẹp đẽ và toàn diện bởi nó dựa trên nền tảng của một chế độ nô lệ rất thông thường trong thời gian lịch sử lúc bấy giờ. Cho nên F. Ăng-ghen đã nói rất đúng : "Không có chế độ nô lệ cổ đại thì không có chế độ xã hội chủ nghĩa hiện đại".

Lịch sử loài người là như vậy, đó là sự vươn lên của con người, của các dân tộc và của loài người để có thêm ánh sáng, tự do và hạnh phúc với cái giá phải trả luôn luôn là biết bao đau khổ đối với các giai cấp và tầng lớp bị áp bức trong xã hội. Mỗi một bước đi lên là một sự kiện lịch sử có tính chất, tầm vóc và hiệu quả của nó, và từ đó dọng cái dấu ấn tùy theo ảnh hưởng của nó đối với cả loài người hoặc chỉ đối với một dân tộc.

Đối với dân tộc Việt nam ta, lịch sử từ Vua Hùng đến ngày nay là một quá trình diễn biến liên tục, một quá trình đoàn kết phấn đấu của cộng đồng người Việt từ xa xưa để không ngừng tiến về phía trước. Câu nói bất hủ của Bác Hồ với bộ đội sư đoàn 308 lúc đừng chân ở đền Hùng ngày 19-9-1954 : "Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước", là một chứng minh hùng hồn. Ngày nay hằng năm nhân dân ta đều làm lễ dâng hương Vua Hùng (giỗ tổ Hùng Vương ngày 10 tháng 3 âm lịch). Đây là một sự kiện lịch sử với ý nghĩa vô cùng cao quý về truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc. Có thể kể thêm một số sự kiện nữa, là ngày hội Gióng (tổ chức vào các ngày 6-8 tháng 1 âm lịch) ; ngày hội Hai Bà Trưng (tổ chức vào các ngày 4-8 tháng 2 âm lịch ở Đồng nhân, Hà nội ; và ngày 6 tháng 3, ngày 4 tháng 9, ngày 24 tháng 12 âm lịch ở Mê linh, Vĩnh phú); ngày hội Đền Kiếp bạc, nơi thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (tổ chức vào các ngày 15- 20 tháng 8 âm lịch) ở nhiều nơi,

Digitized by Google

nhất là trên miền Bác. Ở nước ta, một truyền thống rất tốt đẹp gắn bó mật thiết những sự kiện lớn, những nhân vật lớn của lịch sử với những tình cảm và lòng ngưỡng mộ sâu thẳm của nhân dân.

Hai loại câu chuyện kể trên rất xa lạ với nhau về nhiều mặt và hầu như chỉ gặp nhau ở bài viết này. Tất nhiên nó thuộc những dòng chảy lịch sử rất khác nhau, và bởi những dòng chảy lịch sử đó đều là quá trình phấn đấu vươn lên của con người và của loài người, cho nên đến lúc nào đó nó sẽ gặp nhau, và sau này sẽ hòa nhập với nhau trong dòng chảy lớn của xã hội con người.

Trong cuốn sách vừa xuất bản gần đây của tôi với nhan đề : "Văn hóa và đổi mới", ở đoạn kết thúc phần thứ nhất, điểm lại những giai đoạn lớn của lịch sử dân tộc, tôi có viết : "Diễn biến lịch sử lâu dài gắn với sự mở rộng địa bàn địa lý từ Bắc đến Nam, đưa đến sự hình thành những giá trị văn hóa hợp thành một hệ thống mà chúng ta có thể gọi là nền văn hóa Việt nam.

Đi sâu nghiên cứu nền văn hóa ấy, tìm ra cái cốt lõi của nó, chúng ta thấy nổi bật hai điểm : *một là,* tính cộng đồng bao gồm 3 cái trục : gia đình (nhà), làng, và nước ; *hai là,* xu thế nhân văn hướng về con người và cộng đồng con người, tìm thấy ở con người những tiềm lực của những đức tính biết bao tốt đẹp với lòng mong muốn phát triển nó, phát huy nó.

Hai sức mạnh này gắn bó với nhau một cách hữu cơ tạo thành hạt nhân của nền văn hóa Việt nam, từ đó làm nên những giá trị văn hóa khác mà chúng ta cần chú trọng, nhằm thấy sáng những giá trị lớn nhất. Đó là sự tôn trọng đạo đức làm người, đạo đức về quan hệ giữa người với người trong xã hội, cách sống và lối sống...; đó là sự tôn trọng học vấn, chìa khóa của kho tàng thông minh và trí tuệ, tài năng và sáng tạo...; đó là sự nhạy cảm đối với cái mới bất cứ từ đâu đến, nhạy cảm trong việc đánh giá nó, hấp thụ nó, tiêu hóa nó và biến nó thành vốn quý của mình...".

Ý lớn của lời mở đầu này là "sự kiện lịch sử và tác dụng lịch sử của nó". Bởi nó là sự kiện lịch sử cho nên nó không dóng khung ở thời điểm và địa điểm diễn ra của nó, mà không ngừng phát huy tác dụng tích cực đối với diễn biến của lịch sử. Và bởi vì lịch sử loài người đang diễn biến và sẽ còn diễn biến, cho nên không ai có thể nói trước tác dụng về mọi mặt của nó theo chiều rộng của không gian địa lý và chiều sâu của các thế hệ con người, chủ yếu là những thế hệ mai sau.

Tôi muốn hình dung ý nghĩ trên đây bằng một ví dụ khá giản đơn : một luồng ánh sáng cực mạnh có thể chiếu sáng trong một phạm vi không gian rất lớn, song muốn lớn đến đâu đi nữa thì cuối cùng cũng có giới hạn. Còn sự kiện lịch sử, những sự kiện lịch sử rất lớn, thì ảnh hưởng và tác dụng của nó luôn hòa nhập vào dòng chảy của lịch sử, xu thế phát triển của nó gắn liền mật thiết với khát vọng muôn thuở của con người. Như vậy, các sự kiện lịch sử lớn và nhân vật lịch sử lớn chính là lớn bởi tác dụng sâu rộng qua thời gian và không gian cho đến ngày nay và cả mai sau.

Mấy lời mở đầu trên dây có thể giúp chúng ta thấy sáng tỏ hơn chủ đề của bài viết : kỷ niệm lần thứ 65 ngày sinh của Đảng, mọi người chúng ta phải làm gì nhằm kế tục và phát huy sự kiện lịch sử này.

II

Nhân kỷ niệm 30 năm hoạt động của Đảng (3/2/1930-3/2/1960) kể từ ngày thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói một câu rất hay và mãi mãi có ý nghĩa sâu xa đối với sứ mạng lịch sử của Đảng ta, một đảng vũ trang bằng học thuyết Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn luôn liên hệ mật thiết với nhân dân và dân tộc, xứng đáng là người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của nhân dân ta.

Đối với tôi trong bài viết này, điều quan trọng hàng dầu là hiểu cho đúng lời nói của Bác :"Ba mươi năm của Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng". Vậy cái "pho lịch sử bằng vàng" này là cái gì ? Hồ Chí Minh là người từ ngày đầu đã dày công thành lập, tổ chức, rèn luyện và dìu dắt Đảng ta trên con đường đấu tranh cách mạng cực kỳ phức tạp và gian khổ, đã huy động được các tầng lớp nhân dân

Digitized by Google

và cả dân tộc đoàn kết một lòng dưới ngọn cờ của Đảng, và từ đó đã từng bước đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân, của dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trên con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Toàn bộ lịch sử đấu tranh cách mạng đó là "pho lịch sử bằng vàng". Nhưng nói như vậy chỉ lập lại lời nói của Bác, không hơn không kém. Đối với tôi, vấn đề ở đây là làm nổi bật *những sự kiện có tầm quan trọng bậc nhất* trong 65 năm hoạt động của Đảng ta.

1. Theo tinh thần đó, sự kiện quan trọng bậc nhất, được viết bằng chữ vàng chói lọi là cuộc Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), đưa đến sự ra đời của nước Việt nam mới - nước Cộng hòa dân chủ Việt nam. Đây là cái mốc đánh dấu sự quá độ từ chế độ áp bức, bóc lột trong cả lịch sử nước ta chuyển sang một chế độ hoàn toàn khác, một chế độ mới chưa có ở nước ta và ở nhiều nước, một chế độ bảo đảm độc lập, tự do và hạnh phúc cho mỗi một người và cho cả cộng đồng dân tộc, một chế độ hướng tới đỉnh cao ước mơ của con người và của loài người : "sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do và toàn diện của mọi người",

Phải thấy cả quá trình phát triển không ngừng đi lên như vậy mới thấy hết tầm vóc quan trọng của những sự kiện lịch sử đang nói ở đây.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam mới là ngày hội lớn đánh dấu sự giải phóng dân tộc và con người Việt nam khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột, mọi sự kìm hãm, từ đó phát huy mọi tiềm năng ẩn náu trong mọi con người, những tiềm năng đã ngủ cái giấc vô tận từ xa xưa dưới chế độ cũ, đến ngày nay thức dậy, vùng lên và đua nhau nở hoa kết trái dưới ánh sáng của mặt trời tự do.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến (chống Pháp và chống Mỹ) là một sự bùng nổ không ai lường hết được của những gì đẹp nhất trong con người Việt nam và cộng đồng con người Việt nam, sự bùng nổ về lòng yêu nước và tình cảm dân tộc, sự bùng nổ về khí phách "thà chết chứ không chịu làm nô lệ", sự bùng nổ về lòng dũng cảm, trí thông minh và tài năng sáng tạo, sự bùng nổ về trí tuệ tập thể : một tổ chức, một đơn vị, một địa phương, một cơ quan, một trường học, một gia đình. Đây là sự bùng nổ có tầm vóc rộng lớn và sâu xa lạ lùng, bắt nguồn từ bản lĩnh vốn có của dân tộc, đưa lại những thành quả mà ngày nay, nhớ lại, mọi người chúng ta đều tự hào và bè bạn nước ngoài gần xa đều ngưỡng mộ.

Phải chăng chất liệu của "pho lịch sử bằng vàng" là những đức tính tốt đẹp của con người Việt nam và dân tộc Việt nam, những đức tính tốt đẹp đó đã được tôi luyện, nung nấu và phát triển trong quá trình lâu dài dựng nước và giữ nước cho đến những ngày lịch sử vô cùng trọng đại nói trên. Đây là những ngày đổi đời, những n v bước vào thời đại Hồ Chí Minh mà triển ng còn ở phía trước.

2. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975 hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, Đảng ta chuyển hướng chiến lược vào công cuộc tiến lên xây dựng nước nhà theo con đường xã hội chủ nghĩa mà từ trước nhân dân cả nước ta đã lựa chọn. Trên con đường mới mẻ này, Đảng ta vấp phải một sai lầm nghiêm trọng là chủ quan, tưởng có thể "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Đại hội VI của Đảng đã đánh giá đúng mức sai lầm này và chuyển hướng đường lối của Đảng theo một cách nhìn và tầm nhìn với cái tên rất đúng là "Đổi mới" về nhiều mặt : "Đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức ; đổi mới đội ngũ cán bộ ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác".

Về kinh tế, đổi mới là thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là sự sáng tạo đầy trí tuệ và dũng cảm của Đảng ta và nhân dân ta về thực tiễn và lý luận, với những thành quả bước đầu rất quý báu và chứa đựng những tiềm lực rộng lớn và sâu xa mà chúng ta còn phải kiên trì nghiên cứu và khảo nghiệm.

Tính sáng suốt của đổi mới thể hiện ở những điều nói trên bắt nguồn từ chỗ Đảng ta

Digitized by Google

thấy rõ và khéo vận dụng một thành tựu cực kỳ quan trọng của lịch sử loài người là kinh tế thị trường, đã được chế độ tư bản chủ nghĩa phát triển đến mức cao với những nguy cơ suy vong cũng nảy sinh từ trong lòng của nó. Phải nhấn mạnh rằng chủ trương của chúng ta như trên đã trình bày là một sự diễn đạt vừa sáng tỏ, vừa chặt chẽ, là cái khung của những chính sách và biện pháp biết bao đa dạng và phong phú mà thực tiễn cuộc sống đã chứng minh và sẽ còn chứng minh trên con đường đi lên không ngừng đổi mới.

Bài viết này nói về sự kiện lịch sử, và chính chủ trương đổi mới nói trên là một sự kiện lịch sử cốt lõi của quá trình đổi mới, nó còn phát triển và có thể phát triển nhanh chóng nếu chúng ta, lực lượng lãnh đạo cùng nhân dân lao động và cả dân tộc, vũ trang cho mình ý thức và ý chí làm tốt hơn nữa công cuộc nghiên cứu và thể nghiệm bằng việc làm công trình thiết thực và quan trọng này.

Ở đây tôi cần nói lại một điều mà tôi đã nói ở nơi khác : chúng ta không phải là người đầu tiên, chính V.I.Lê-nin cũng tìm con đường đi lên cho nền kinh tế nước Nga chưa phát triển và bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Chính Lê-nin đã nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển tất cả các lực lượng sản xuất, kể cả lực lượng sản xuất tư bản tư nhân ở trong nước và từ nước ngoài ; và Lê-nin khẳng định rằng lực lượng kinh tế ấy có sự quản lý của một nhà nước cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo thì đó là chủ nghĩa tư bản nhà nước, và chủ nghĩa tư bản nhà nước là cái cầu để đi lên chủ nghĩa xã hội. Rất đáng tiếc là chính sách kinh tế mới của Lê-nin không được tiếp tục sau khi Lê-nin mất, và làm sao lường thấy được những hậu quả sâu xa của sự mất mát này.

Tôi nhắc lại những sự kiện vừa trình bày trên đây để xác định một cách mạnh mẽ về phần mình sự nỗ lực làm tốt và ngày càng tốt công việc của chúng ta.

Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng có một đoạn rất quan trọng về sự đánh giá tình hình với những thời cơ đầy triển vọng kèm theo những nguy cơ không thể xem thường cần ra sức khắc phục. Luồng suy nghĩ của tôi trong lúc viết đoạn này đưa đến một cách nhìn giản đơn và rõ rệt : kiên trì phấn đấu phát triển vững chắc nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tức là phát huy một cách đầy đủ nhất mọi thời cơ, đó là phép mầu nhiệm nhằm tiến tới từng bước khắc phục các nguy cơ, vươn lên về phía trước liên tục và mạnh mẽ.

Trên đây tôi đã điểm qua những chặng đường, những cái mốc, biết bao sự kiện với những nguy cơ tưởng chừng không vượt được, thế mà Đảng ta và dân tộc Việt nam ta đã lướt qua mọi trở ngại, không ngừng đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân đi từ tháng lợi này đến tháng lợi khác cho đến sự đổi mới ngày nay. Biết bao người nước ngoài là người bạn thân tình của chúng ta thường thổ lộ với chúng ta một điều tâm tư sâu xa nhất của họ: lúc bấy giờ họ không bao giờ nghĩ rằng chúng ta có thể vượt qua cái cửa ải này hoặc cửa ải nọ và đang chiến thắng. Cho đến bây giờ họ vẫn còn ngạc nhiên và có người nói hẳn ra rằng họ vẫn chưa hiểu làm sao chúng ta đã làm được một điều kỳ diệu như vậy. Kể lại câu chuyện trên đây làm tôi nhớ lại một câu nói thông thường của Bác Hồ : thắng không kiêu, bại không nản, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi phải kiên trì phấn đấu với quyết tâm sắt đá thì tháng lợi mới đến với chúng ta.

Về tình hình hiện nay của đất nước, tôi đã nói qua một cách bao quát, còn các văn kiện của Đảng thì đã nói rất nhiều, e có người không đọc hết, chưa nói đến nghiên cứu, thảo luận và vận dụng. Song chính đó lại là cái mà chúng ta cần suy nghĩ, nghiên cứu, thảo luận và vận dụng, đưa đến hiệu quả và kết quả thiết thực, góp phần viết thêm một trang mới hoặc một dòng mới trong pho lịch sử bằng vàng sáp tới của dân tộc.

Mọi người chúng ta đều biết tình hình toàn cảnh của đất nước về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại..., mọi người chúng ta đều thấy rõ vị trí địa lý - chính trị của nước ta ở khu vực và trên thế giới. Lịch sử 65 năm của Đảng cũng như

Digitized by Google

lịch sử lâu dài của dân tộc, theo một cách nhìn tổng quát, có thể kết tinh bằng chữ KIÊN, một bông hoa 4 cánh : Kiên cường, Kiên trì, Kiên nhẫn, Kiên quyết.

Phải tâm tâm niệm niệm suy nghĩ và vận dụng lời dạy quen thuộc của Bác Hồ : " dĩ bất biến ứng vạn biến". Cái bất biến là những gì cốt lõi nhất trong học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, còn cái vạn biến là sự biến động, sự biến hóa không sao lường hết được của tình hình nước ta, ở khu vực và trên thế giới.

Câu nói của Bác Hồ là một luận điểm khoa học thể hiện sự mâu thuẫn thống nhất trong giới tự nhiên cũng như trong đời sống xã hội. Cái bất biến luôn luôn gắn liền với cái vạn biến và ngược lại, cái vạn biến luôn luôn quan hệ mật thiết với cái bất biến. Phải thấy một cách sâu xa mối quan hệ biện chứng này, phải biết luôn luôn vận dụng nó, phát triển nó với thái độ tích cực và chủ động thì mọi người chúng ta mới lớn lên, nâng mình ngang tầm tình hình và nhiệm vụ. Đó là quy luật và xu thế của công cuộc đổi mới.

Theo tinh thần trên, mỗi người chúng ta và các tập thể nhỏ và lớn, ngành và cấp của hệ thống chính trị phải suy nghĩ, thử nghiệm và vận dụng sáng tạo xu thế đổi mới, tất nhiên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, và phải cố gắng hết sức mình tìm thấy ở đây câu trả lời dích đáng đối với các vấn đề đương đặt ra trên chương trình nghị sự của đất nước và dân tộc.

Câu trả lời này vừa có tính thực tiễn vừa có tính lý luận, thực tiễn và lý luận bao giờ cũng gắn với nhau, nhất là trong cuộc vận động cách mạng, trong một lĩnh vực hoàn toàn mới. Đây là cách nhìn và cách làm đã mang lại hiệu quả to lớn và toàn diện, chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế, mà chúng ta phải đánh giá đúng mức. Đồng thời cũng phải thấy những hiệu quả đáng phấn khởi của đổi mới ở nhiều địa phương, từ một tỉnh cho đến một thôn, xóm, một xí nghiệp, một khu phố v.v.. Rất tiếc là phong trào không được rộng khắp và mạnh mẽ như nhau, vậy thì một câu hỏi nổi lên : vì sao chỗ này làm được mà chỗ khác chưa làm được ? Những nơi chưa làm phải trả lời với tất cả ý thức trách nhiệm của mình, đồng thời những nơi đã làm cũng phải thấy cái được bao giờ cũng đặt ra những đòi hỏi mới cần phải vươn lên không ngừng để thỏa mãn yêu cầu của tình hình.

Phải chăng cuộc kỷ niệm 65 năm hoạt động của Đảng đặt ra trước mắt và trong lương tri của mọi người chúng ta một vấn đề có tính thời sự nóng hổi như vừa phác họa ở trên. Đó cũng là một sự thừa kế và phát huy những gì là cái vốn quý nhất của Đảng. Như vậy, và chỉ có như vậy, mới thực sự viết những trang mới vào pho lịch sử bằng vàng của dân tộc.

Đến đây tôi đã điểm lại những sự kiện có tầm vóc lớn lao trong lịch sử 65 năm của Đảng ta, và cũng chính lúc tôi viết dòng này, cuộc sống và lịch sử của Đảng vẫn tiếp diễn. Đồng thời lịch sử của thời đại và của các dân tộc vẫn theo dòng chảy của nó với những biến động mà Đảng ta phải cố gắng nắm bắt để vận dụng vì lợi ích của nước, của dân. Cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bài học vô cùng quý giá về cái tài năng và nghệ thuật có tầm quan trọng vô song này.

* * *

Một sự trùng hợp thú vị là ngày kỷ niệm thành lập Đảng thường trùng với những ngày đầu xuân của nước ta. Một chiến sĩ cộng sản đồng thời là một nhà văn của nước Pháp có nói : "chủ nghĩa cộng sản là buổi thanh xuân của thế giới". Đúng như vậy. Lịch sử loài người đưa đến chế độ tư bản chủ nghĩa và sự phát triển đến đỉnh cao của nó tất yếu sẽ đưa đến một chế độ với những ưu việt thể hiện khát vọng muôn thuở của con người, mà con người, các dân tộc và cả loài người phải đoàn kết, đấu tranh bền bỉ và kiên cường để thực hiện cho bằng được. Học thuyết Mác - Lê-nin đã chứng minh chân lý này, và ngày nay những nhà học giả sáng suốt của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển từ những chân trời khác nhau, bằng những lập luận khác nhau, đang chứng minh diễn biến tất yếu này của lịch sử. Đêm dài qua, tất yếu bình minh dần xuất hiện. Song nó xuất hiện như thế nào đây. Bài toán với biết bao ẩn số này, chỉ có cuộc đấu tranh không mệt mỏi của con người, của các dân tộc

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

NHỮNG CHỈ BÁO KHOA HỌC CỦA ĐẢNG

BÙI NGỌC THANH *

TRẢI qua 65 năm hoạt động, từ cách mạng dân tộc dân chủ đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta thường xuyên đưa ra các chỉ báo có hệ thống, đầy tính khoa học và lãnh đạo toàn dân thực hiện đúng đắn các chỉ báo đó. Chúng ta có thể điểm lại những chỉ báo đại diện nhất cho từng giai đoạn lịch sử.

1- Những năm cuối thập kỷ 30, đầu thập kỷ 40 của thế kỷ này, bằng sự phân tích tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và cục diện thế giới, Đảng ta đã dự báo chính xác thời cơ khởi nghĩa và thành công của cách mạng Việt nam. Lịch sử đất nước trong giai đoạn này dày đặc các sự kiện, các biến cố quan trọng, nhưng có *bốn* sự kiện rất đáng lưu ý :

Một là, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa I) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, họp tại Pác bó (Cao bằng) từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941. Hội nghị bàn nhiều vấn đề hệ trọng của cách mạng, trong đó có hai điều dự báo diệu kỳ :

- Đảng có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương để mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn.

- Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã đẻ ra Liên xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, do đó mà cách mạng nhiều nước sẽ thành công.

Bốn năm sau, vào năm 1945, tình hình thế giới và trong nước diễn ra hoàn toàn đúng như thế.

Hai là, Hội nghị Ban thường vụ Trung ương họp ở Võng la (Phúc yên cũ) từ ngày 25 đến ngày 28-2-1943 đã chỉ rõ hai thời cơ khởi nghĩa. Đó là : những thắng lợi của Liên xô, sự tan rã của phát xít quốc tế, và khi quân Anh-Mỹ - Trung quốc vào Đông dương đánh Nhật.

Dự báo được thời cơ khởi nghĩa đã là điều không đơn giản, nhưng dự báo đúng thời gian xuất hiện của thời cơ lại càng khó hơn. Vậy mà Đảng ta đã dự báo rất chính xác. Trong thư gửi đồng bào tháng 10 năm 1944, đồng chí Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ : "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh !" (1).

Ba là, Hội nghị Ban thường vụ Trung ương mở rộng họp ở làng Đình bảng (Từ sơn, Bắc ninh cũ) từ tối mồng 9 đến ngày 12-3-1945. Xuất phát từ nhận định tình hình thực tiễn, Hội nghị đã ra chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Chỉ thị này là bản cương lĩnh hành động nhằm gấp rút chuẩn bị mọi mặt tiến tới tổng khởi nghĩa. Chỉ thị nói rõ : "Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa" (2), và "Sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện" (3).

Sau hội nghị này, hàng loạt cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở các địa phương và đã giành được thắng lợi.

Bốn là, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân ở Tân trào (Tuyên quang) diễn ra trong hai ngày (14 và 15-8-1945). Xuất phát từ tình hình chiến tranh thế giới thứ hai

* PTS, Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

(1) Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 344

(2) (3) *Văn kiện Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, t 3, tr 386

Digitized by Google

đang đi đến giai đoạn kết thúc, hội nghị nhận định : "cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới", và quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi Đồng minh vào Đông dương. Hội nghị đã đề ra *ba* nguyên tắc hành động : *tập trung, thống nhất, kịp thời,* và quyết định những chủ trương lớn để chỉ đạo cuộc tổng khởi nghĩa : quân sự và chính trị phải phối hợp; làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh ; đánh chiếm ngay những nơi chác thắng, không kể thành phố hay thôn quê.

Trước giờ phút quyết định, đồng chí Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng và dân tộc ta, người tượng trưng cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân ta, đã khẳng định : "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường sơn cũng phải giành cho được độc lập, tự do". Người kêu gọi đồng bào cả nước : "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" (4).

Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng đã lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, và 11 giờ đêm hôm đó, Ủy ban khởi nghĩa theo lệnh của Đảng, đã ra Quân lệnh số 1, hạ lệnh tổng khởi nghĩa. Cả nước ta sôi sục khí thế cách mạng. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh ly sớm nhất là Bắc giang, Hải dương, Hà tĩnh và Tuyên quang. Cuộc tổng khởi nghĩa giành được tháng lợi quyết định khi các cuộc khởi nghĩa ở Hà nội (ngày 19-8), Huế (ngày 23-8) và Sài gòn (ngày 25-8) hoàn toàn tháng lợi. Nó đã diễn ra đúng như chỉ báo của Đảng : quân sự và chính trị phối hợp hài hòa, làm cho địch tan rã từng mảng và đầu hàng cách mạng; đánh chiếm trước những nơi chác thắng, không kể là thành thị hay nông thôn. Nó đã diễn ra theo những quá trình rất sinh động và linh hoạt: ở 28 tỉnh (phần lớn thuộc Bắc kỳ và Trung kỳ), khởi nghĩa nổ ra từ xã lên huyện, rồi lên tỉnh ; ở 24 tỉnh (Nam kỳ và Trung kỳ), khởi nghĩa nổ ra trước ở tỉnh ly rồi kết thúc thắng lợi ở huyện, xã ; ở 7 tỉnh, khởi nghĩa nổ ra đồng thời ở tỉnh, huyện và xã.

Dự báo đúng thời cơ, chỉ báo đúng thời điểm, phát động toàn dân khởi nghĩa, hành động mau lẹ, kịp thời, kiên quyết và quả cảm trong những giờ phút quyết định của lịch sử- đó là một trong những đỉnh cao của nghệ thuật lãnh đạo cách mạng của Đảng ta.

2- Khi thực dân Pháp ngông cuồng gây chiến tranh hòng cướp nước ta một lần nữa, tương quan quân sự chênh lệch quá lớn bất lợi cho ta, nhưng bằng những luận cứ khoa học và thực tiễn, Đảng ta đã chỉ báo ngay từ đầu là : "kháng chiến nhất định thắng lợi", và " ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Chỉ báo này được phát ra chỉ sau 3 ngày kể từ ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946. Với sự phân tích địch, ta một cách khoa học, kháng chiến đã trải qua ba giai đoạn và đã giành được những thắng lợi quan trọng, có tính chất cột mốc : chiến thắng Việt bắc thu - đông năm 1947 ; chiến thắng biên giới thu - đông năm 1950 ; tổng tiến công chiến lược đông - xuân 1953-1954 và chiến thắng lịch sử Điện biên phủ.

Với những thắng lợi to lớn đó của chúng ta, ngày 20-7-1954, tại Giơ-ne-vơ, chính phủ Pháp buộc phải ký kết Hiệp định đình chiến với Việt nam. Cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã kết thúc thắng lợi vẻ vang. Chỉ báo của Đảng "kháng chiến nhất định thắng lợi" đã trở thành hiện thực sống động.

Các thế hệ sau chiến thắng Điện biên phủ khi đọc lại những trang sử hào hùng của dân tộc trong kháng chiến chống Pháp đều vô cùng thú vị về những chỉ báo khoa học này. Bởi vì, trong điều kiện chính quyền non trẻ vừa mới ra đời với bao rối ren và khó khăn chồng chất (nạn đói năm 1945 do bọn phát xít và đế quốc gây ra, cướp đi 2 triệu sinh mạng ; tiếp đến là lũ lụt lớn làm vỡ đê ở 9 tỉnh Bắc bộ ; sau lũ lụt lại đến hạn hán, 50% ruộng đất bị bỏ hoang ; công nghiệp đình đốn, hàng vạn công nhân không có việc làm...), thế mà Đảng vẫn thấy tường tận đường đi, nước bước, khẳng định nhất định sẽ chiến thắng trong tương lai, thì đó thật là một việc hết sức kỳ diệu. Chỉ có một đảng có thế giới quan cách mạng, khoa học và thực tiễn, mới có được cái nhìn thấu suốt như thế.

(4) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tl, tr 348

Digitized by Google

3- Khi Mỹ nhảy vào miền Nam nước ta, hất cẳng Pháp hòng biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của nó, một lần nữa nhân dân ta phải đứng lên giải phóng đất nước. Nhưng ngay từ những ngày đầu của cuộc chiến đấu, Đảng ta đã dự báo : "... Cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới là : chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta "[5]. Đảng cũng chỉ rõ cách đánh của ta là "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Dưới sự lãnh đạo tài trí của Đảng, kết hợp nhuần nhuyễn ba mặt quân sự, chính trị và ngoại giao, nhân dân ta đã trải qua năm chặng đường chiến thắng trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam :

- Làm phá sản chiến lược Ai-xen -hao, một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới trong những năm 1954-1960, với kết thúc thắng lợi của phong trào đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960.

- Đánh bại "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ trong những năm 1960-1963 bằng một loạt chiến thắng có tầm vóc lịch sử (Ấp Bắc, tháng 1-1963 ; Bình giã, tháng 12-1964; Ba gia, Bà Rá, Núi Thành, tháng 5-1965 ; Vạn tường, tháng 8-1965...) làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Xta-lây - Tay-lơ và kế hoạch Giôn-xơn - Mác Na-ma-ra.

- Đánh bại "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ trong những năm 1965-1968 với những chiến thắng ở một trình độ quân sự cao hơn. Đó là chiến thắng mùa khô 1965-1966, đánh bại "Chiến dịch 5 mũi tên" của địch nhằm tấn công vào cửa ngõ tây - bắc và đông-bắc Sài gòn, vào nam Phú yên, nam Quảng ngãi và bắc Bình định ; là chiến thắng mùa khô 1966-1967, phá tan ba cuộc hành quân lớn của Mỹ (At-tơn - Bo-rơ với 3 vạn quân đánh vào khu Dương Minh Châu ; Xê-ra-phôn với 3 lữ đoàn đánh vào Bến Súc ; Gian-xơn Xi-ti với 4,5 vạn quân, 1000 xe tăng, thiết giáp và cơ giới đánh vào bắc Tây ninh) ; và cuối cùng, là cuộc tổng tiến công nổi dậy của quân và dân miền Nam Tết Mậu Thân 1968 đánh vào 64 thành phố, thị xã, huyện lỵ, chi khu quân sự, cùng hàng trăm sân bay, kho tàng, khu hậu cần dự trữ chiến lược của địch. Hàng triệu quần chúng đã nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ với mức độ khác nhau.

- Làm thất bại hoàn toàn "học thuyết Ních-xơn" thể hiện trong kế hoạch "Việt nam hóa chiến tranh" vào những năm 1969-1973, với những chiến thắng vang dội, đặc biệt là những chiến thắng trong năm 1972 (*ở miền Nam*, nửa triệu quân ngụy bị loại khỏi vòng chiến, hơn 50% số sư đoàn, gần 70% số trung đoàn và lữ đoàn ngụy bị tiêu diệt hoặc bị đánh thiệt hại nặng, địa phương quân và phòng vệ dân sự tan rã từng mảng ; *ở miền Bắc*, cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà nội, Hải phòng bị đập tan, trong 12 ngày đêm quân và dân ta đã bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 pháo đài bay B52 và 5 F111 cánh cụp, cánh xòe). Ngày 27-1-1973, Mỹ buộc phải ký hiệp định Pa-ri về Việt nam với những điều khoản bảo đảm các yêu cầu cơ bản của ta. Ngày 29-3-1973, Bộ chỉ huy Mỹ ở Sài gòn làm lễ cuốn cờ, toàn bộ quân viễn chinh Mỹ và chư hầu phải rút hết về nước.

- Đánh bại bọn xâm lược Mỹ và tay sai âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng và vùng tranh chấp trong những năm 1973-1975 và bằng cuộc tổng tiến công mùa xuân 1975 với chủ trương, biện pháp của Bộ chính trị "thần tốc, táo bạo, bất ngờ" tiến lên giải phóng Sài gòn trước mùa mưa, chúng ta đã thực hiện trọn vẹn lời Bác dạy : "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Từ những chỉ báo chuẩn xác của Đảng về mục tiêu chiến đấu, về chiến lược, chiến thuật tấn công, chúng ta đã đánh bại một đối phương có tiềm lực kinh tế rất mạnh, có lực lượng quân sự khổng lồ và có những phương tiện chiến tranh hiện đại bậc nhất. Với chiến thắng trọn vẹn của công cuộc chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng ta đã hoàn thành vẻ vang cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.

4- Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những chỉ báo đúng đắn của Đảng trong sự nghiệp đổi mới là nhân tố đầu tiên đưa đất nước ta đến những thành tựu mới,

(5) Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 15 (khóa II)

Digitized by Google

tạo đà phát triển và đi lên. Đổi mới ở nước ta hay cải cách, cải tổ ở các nước, điều hết sức quan trọng là phải xác định đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Nếu xác định không đúng mối quan hệ này thì chính đây là một nguy cơ cho đổi mới. Thực tiễn ở một số nước cho thấy, nếu chọn bước đi sai, nếu xác định quan hệ này không đúng thì chẳng những không cải tổ được gì mà còn đẩy đất nước đến bờ vực thẳm và sụp đổ ! Năm 1992, sau khi đất nước sụp đổ, một nhân chứng của Liên xô cũ viết trong hồi ký của mình rằng, bước vào cải tổ, những vấn đề tư tưởng, chính trị, dân chủ không thể nào tiêu hóa được trong cái dạ dày kinh tế rách nát... Câu nói đó như một kết luận, không thể cải tổ chính trị trước khi cải cách kinh tế.

Ở nước ta, ngay từ khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã chỉ báo mạch lạc và hành động đúng đắn là : "Trong quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, chúng ta tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới" (6).

Thực tiễn ngày càng chứng minh rằng chỉ báo trên đây của Đảng ta có độ chính xác rất cao. Bản "thiết kế" về đường lối đổi mới của Đảng đã được Chính phủ, chính quyền các cấp và toàn dân "tổ chức thi công" có kết quả và kết quả ngày càng cao.

* * *

Nắm vững tình hình thực tế và những quy luật khách quan đang vận động trong hiện tại; dự báo một cách chính xác diễn biến của tình hình và sự vận động của quy luật khách quan trong tương lai, là vấn đề cực kỳ khó đối với một đảng cầm quyền. Song Đảng ta đã làm được điều đó. Vì vậy, có thể kết luận : Đảng ta, hiện thân của sự thông minh, trí tuệ, người duy nhất có khả năng thiết kế, kiến tạo, tổ chức mọi thắng lợi của đất nước.

(6) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa VI)

Sự kiện lịch sử...

• *(Tiếp theo trang 16)*

mới từng bước, từng phần, từng nơi, từng lúc giải đáp theo những điều kiện và bản sắc của mình. Có thể quá trình này sẽ diễn ra trong một thời gian dài, nhiều thập kỷ cho đến thế kỷ. Các chế độ xã hội trước cũng vậy. Người cộng sản ngày nay phải phóng tầm nhìn rộng lớn, sâu xa để tiếp tục cuộc trường chinh của mình đến buổi thanh xuân đầy "ca hát". Chính con người Việt nam ta trên quê hương thân yêu của mình đang hướng tất cả nhiệt tình, trí tuệ và tài năng đến mục tiêu cao đẹp đó. Vì vậy, mọi người chúng ta đều nâng niu mọi dấu hiệu dẫu còn rất mỏng manh của giấc mơ tuyệt đẹp: mùa xuân của loài người.

Chúng ta hãy điểm lại lịch sử loài người từ hang động đến ngày nay. Biết bao mùa xuân đã qua, tất nhiên với sự khác nhau ở các lục địa, ở các dân tộc, tuy nhiên cây đời đến mỗi mùa xuân, bất cứ ở đâu nói chung đều có dáng dấp mới, đều có sự đổi mới, đây là chất xuân trong kinh tế và xã hội, trong chính trị và tinh thần, trong cuộc sống muôn màu của mỗi người và của mọi người.

Trong một bức thư chúc Tết của Bác Hồ, có câu : "Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua..." Mỗi khi mùa xuân đến, mọi người Việt nam ta đều ước mơ nói được câu nói của Bác Hồ, và các dân tộc trên các lục địa cũng thiết tha mong đợi một điều như vậy. Đó là quá trình tất yếu của lịch sử, mặc dù biết bao thăng trầm, đau thương và mất mát, nhất là đối với các tầng lớp bị áp bức trong xã hội. Song chính đây là lực lượng đẩy xã hội tiến lên để có mùa xuân, và mỗi năm mùa xuân càng giàu thêm cây lá xanh tươi, hoa thơm quả ngọt.

Digitized by Google

BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TA

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

BẢN lĩnh chính trị của một đảng thể hiện ở sự vững vàng, kiên định con đường cách mạng đã lựa chọn trên cơ sở nắm vững, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan vào thực tiễn cách mạng. Bản lĩnh chính trị bao gồm tinh thần độc lập tự chủ trong việc quyết định hướng đi lên của dân tộc, của đất nước, nhất là vào những thời điểm mà tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, những dảo lộn và chấn động chính trị dữ dội ; ý chí, niềm tin không gì lay chuyển và quyết tâm biến ý chí, niềm tin, mục tiêu cách mạng thành hiện thực. Bản lĩnh chính trị của một đảng cách mạng thường được thử thách, khẳng định, đánh giá qua những bước ngoặt của lịch sử.

65 năm qua, kể từ khi thành lập, Đảng ta đã thể hiện rất rõ bản lĩnh chính trị của mình. Ngay sau khi mới thành lập, Đảng đã dứt khoát lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Lựa chọn được con đường cách mạng đúng đắn ở vào thời điểm có tính bước ngoặt như thế tự nó đã nói lên bản lĩnh chính trị của Đảng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò quyết định.

Sở dĩ ngay từ đầu Đảng ta có được bản lĩnh chính trị đó là do Đảng ta nắm được lý luận Mác - Lê-nin và hiểu rõ thực tiễn Việt nam. Nhờ nhận thức đúng bản chất cách mạng và khoa học của lý luận Mác - Lê-nin, vận dụng vào công cuộc giải phóng đất nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dứt khoát lựa chọn con đường cứu nước theo lập trường giai cấp vô sản, ở chính thời điểm mà các phong trào cứu nước từ lập trường cần vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua thực tiễn đã lần lượt thất bại. Con đường của Bác Hồ và Đảng cộng sản Việt nam là gắn liền giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội. "Thiên tài của Người chính là ở chỗ đã phát hiện ra con đường đó. Nó tạo ra sức mạnh của Người, sức mạnh của dân tộc, của tất cả chúng ta" (2).

Tháng Tám năm 1945 cũng là một thời điểm có tính bước ngoặt của lịch sử dân tộc Việt nam. Trải qua 15 năm lãnh đạo cách mạng, lực lượng của Đảng và của cách mạng đã phát triển từ không đến có, từ yếu đến mạnh, từ địa bàn hẹp đến phong trào toàn quốc, với lực lượng được chuẩn bị công phu, có tổ chức. Khi tình thế cách mạng đã chín muồi, đặc biệt, khi thời cơ cách mạng xuất hiện, Đảng ta đã kiên quyết phát động toàn dân đứng lên "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" và đã giành được chính quyền trên cả nước. Đảng ta đã chọn đúng thời cơ, quyết định giành chính quyền ngay sau khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh và trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông dương. Đó là quyết định thể hiện tầm nhìn chiến lược và nhạy cảm về chính trị, đồng thời cũng đạt tới trình độ khoa học và nghệ thuật của một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Không có bản lĩnh chính trị vững vàng, không có tinh thần trách nhiệm cao trước dân tộc và lịch sử, chắc chắn sẽ rơi vào lúng túng, do dự. Bản lĩnh chính trị của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám thể hiện ở sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời, nhạy bén, bình tĩnh, thận trọng, sáng tạo rất cao. Nhờ đó mà cách mạng nhanh chóng thắng lợi và ít tổn thất nhất.

Sau khi giành được độc lập, nước ta phải đối phó với biết bao nhiêu khó khăn do kẻ thù

* PTS lịch sử, Trưởng Khoa lịch sử Đảng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(2) Võ Nguyên Giáp : *Tư tưởng Bác Hồ soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1990, tr 64

Digitized by Google

gây ra ; tình thế cách mạng như "ngàn cân treo sợi tóc". Chính quyền cách mạng non trẻ phải đương đầu với những thách thức nặng nề ; trong đó thử thách nặng nề nhất là phải chống lại những âm mưu, hành động đen tối của thù trong, giặc ngoài. Đảng và nhân dân ta bằng mọi cách phải tự bảo vệ lấy thành quả cách mạng vừa giành được : lúc thì phải tạm thời hòa hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc để tập trung đối phó với thực dân Pháp xâm lược Nam bộ ; lúc lại chuyển sang hòa hoãn với thực dân Pháp để gạt gần 20 vạn quân Tưởng về nước ; tỉnh táo để phòng mọi bất trắc, chủ động trong đấu tranh ngoại giao, đồng thời chuẩn bị điều kiện cần thiết đối phó với chiến tranh lan ra cả nước. Những quyết định của Đảng ta trong thời kỳ này phản ánh bản lĩnh chính trị vững vàng, trí tuệ sáng suốt trước một tình thế hiểm nghèo, cách nhìn khoa học trong việc phân tích, đánh giá tình hình trong lãnh đạo chính trị.

Khi mà mâu thuẫn giữa dân tộc Việt nam với kẻ thù xâm lược đã phát triển đến tột đỉnh, mọi sự nhân nhượng và thiện chí của phía Việt nam đã không được đối phương đáp lại ; khi mà lực lượng kháng chiến đã được chuẩn bị về căn bản ; vào tháng 12-1946, Đảng ta phát động toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Có thể nói, đây là một quyết định hết sức táo bạo của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bởi vì lúc đó so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch. Đó là một quyết định hết sức đúng đắn và đúng lúc, thể hiện sự bình tĩnh, tự tin, biết mình, biết người và chủ động của Đảng ta. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, Đảng mới có được những quyết định sáng suốt như vậy.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai nhiệm vụ chiến lược : miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, miền Bắc tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa để xây dựng miền Bắc vững mạnh làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Cách mạng miền Nam khi đó gặp phải những khó khăn và tổn thất khá nặng nề trước sự khủng bố điên cuồng của chính quyền phản động, tay sai đế quốc Mỹ. Hoàn cảnh quốc tế lúc đó cũng rất phức tạp. Nhưng với ý chí cách mạng kiên cường và kinh nghiệm đã được tích lũy, với tinh thần độc lập, tự chủ sáng tạo. Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng (khóa II) đã quyết định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam. Quyết định lịch sử đó đã trực tiếp dẫn tới phong trào đồng khởi ở miền Nam những năm 1959-1960, "đánh dấu một bước nhảy vọt quan trọng của cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công". Năm 1965, Mỹ ồ ạt đưa quân đội vào miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ, đồng thời đánh phá dữ dội miền Bắc bằng không quân và hải quân. Cuộc chiến tranh diễn ra trên cả nước là một thách thức mới đối với dân tộc và Đảng ta. Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) của Trung ương Đảng (khóa III) đã khẳng định quyết tâm đánh Mỹ, phân tích một cách khoa học và hiện thực khả năng thắng Mỹ của nhân dân ta.

Đối với miền Bắc, một vấn đề đặt ra là : trong điều kiện chiến tranh như thế, có tiếp tục sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội hay không ? Đảng ta khẳng định quyết tâm lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, đồng thời đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Tiếp tục công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với sự chuyển hướng cho thích hợp với điều kiện thời chiến, là một quyết định có ý nghĩa chiến lược. Quyết định đó một mặt khẳng định sự kiên định con đường và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, mặt khác phản ánh nguyện vọng của nhân dân cả nước. Việc củng cố quan hệ sản xuất mới, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm phát triển kinh tế, xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, nâng cao dân trí, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, củng cố sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong xã hội, đã tạo cho miền Bắc có sức mạnh, đủ sức hoàn thành vai trò quyết định đối với thắng lợi của cách mạng cả nước. Mọi biểu hiện mất phương hướng hay không ổn định của miền Bắc lúc đó, dù nhỏ đều ảnh hưởng trực tiếp và tác động xấu đến cách mạng cả nước. Sau này, khi đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhìn

Digitized by Google

lại lịch sử càng thấy rõ chủ trương tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền Nam và Bắc là hoàn toàn đúng đắn; thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và sự sáng tạo của Đảng ta.

Cuối những năm 70, chủ nghĩa xã hội thế giới bắt đầu lâm vào khủng hoảng và khó khăn, nhất là về kinh tế. Cuối những năm 80 đầu những năm 90, chủ nghĩa xã hội thật sự lâm vào thoái trào, cách mạng thế giới gặp khó khăn nghiêm trọng. Trước tình hình đó, cách mạng Việt nam cũng phải đối đầu với những thách thức mới. Song khó khăn và cũng là đòi hỏi bức bách nhất lúc bấy giờ vẫn là làm sao tìm ra được hướng đi và giải pháp có hiệu quả để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Từ rất sớm, nghĩa là từ khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội còn diễn ra trên miền Bắc, Đảng ta đã bắt đầu quá trình tìm tòi hướng đi lên cho nền kinh tế nước nhà. Nhưng thật ra phải đến khi cả nước hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội thì những gì là trì trệ, tiêu cực, thậm chí là cản trở cho phát triển kinh tế, mới bộc lộ rõ rệt. Hội nghị lần thứ sáu BCHTU Đảng (khóa IV) với chủ trương khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho sản xuất bung ra, được coi như sự khởi đầu rõ rệt của quá trình đổi mới. Tiếp đó là quá trình tìm tòi và khảo nghiệm không ngừng, mà không phải sự khảo nghiệm nào cũng thành công. Tới những năm 1985-1986, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Chính vào thời điểm khó khăn gay gắt ấy, Đảng ta đã quyết định đứt khoát đường lối đổi mới đất nước. Đại hội VI của Đảng (12-1986) trở thành mốc son lịch sử, một bước ngoặt trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một lần nữa, bản lĩnh chính trị của Đảng cộng sản Việt nam lại được lịch sử ghi nhận ở một trong những khúc quanh khó khăn, phức tạp nhất.

Vào thời điểm cuối năm 1986, Liên xô (cũ) đã tiến hành cải tổ được hơn năm rưỡi, các nước Đông Âu cũng đã bước vào quá trình đó. Công cuộc đổi mới của chúng ta vừa là đòi hỏi khách quan của đất nước, của cả dân tộc, đồng thời cũng là xu thế chung của các nước xã hội chủ nghĩa. Điều đáng nói là nội dung, phương thức, hình thức, bước đi của công cuộc đổi mới ở Việt nam không rập khuôn theo cách làm của một số nước. Khi nhìn nhận những nguyên nhân thành công của sự nghiệp đổi mới, không thể không chú ý tới nội dung của những quyết định của Đảng ở thời điểm có tính bước ngoặt đó. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta cũng có những sai lầm, vấp váp. Tại Đại hội VI, Đảng ta đã thẳng thắn thừa nhận sai lầm, phân tích những nguyên nhân dẫn đến sai lầm và quyết tâm tìm phương sách sửa chữa. Bản lĩnh chính trị và trách nhiệm của Đảng trước vận mệnh của đất nước và chế độ, trước cuộc sống của nhân dân một lần nữa được khẳng định. Đại hội VI cũng đánh dấu bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng ta về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xét cả điều kiện trong nước và quốc tế, ít nhất Đảng ta đã phải trải qua *hai* thời điểm với những thách thức gay gắt nhất :

Thời điểm *thứ nhất* vào năm 1989. Hai năm sau Đại hội VI, đường lối đổi mới chưa đủ thời gian cần thiết để mang lại hiệu quả cụ thể rõ rệt ; tình hình kinh tế, xã hội, đời sống vẫn khó khăn gay gắt. Lúc đó, đã có hiện tượng hoài nghi, thiếu tin tưởng vào con đường đổi mới. Các thế lực thù địch lợi dụng "dân chủ hóa", "công khai hóa", nhằm âm mưu làm mất ổn định đất nước ta. Với sự tác động từ bên ngoài, một số người muốn đa nguyên chính trị và thực hiện chế độ đa đảng đối lập. Tình hình cải tổ của các nước xã hội chủ nghĩa do phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác, đã đẩy các nước đó lún sâu vào khủng hoảng và đứng trước sự sụp đổ. Trong bối cảnh phức tạp như thế, Đảng cộng sản Việt nam không những kiên định con đường đổi mới vì chủ nghĩa xã hội mà còn cụ thể hóa và phát triển đường lối đổi mới bằng những nguyên tắc và chính sách đúng đắn, đưa công cuộc đổi mới phát triển về chất.

Thời điểm *thứ hai* là vào năm 1991. Lúc đó, chế độ xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở các nước Đông Âu và Liên xô. Đó là sự kiện bi thảm nhất của chủ nghĩa xã hội thế giới, tác

Digitized by Google

động xấu về tình cảm, niềm tin, gây sự hoài nghi về lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hoài nghi sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Đại hội VII của Đảng (6-1991) tiếp tục khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa, coi đó là một nguyên tắc bất di, bất dịch. Đảng ta bình tĩnh phân tích, đánh giá tình hình, chỉ ra những nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước, khẳng định phải giữ vững ổn định về chính trị, củng cố đội ngũ trong đảng và trong toàn xã hội, tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Việc nghiên cứu tổng kết, tìm ra những nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu đã giúp Đảng ta tránh được những sai lầm mà một số nước mắc phải. Nó đòi hỏi phải có quá trình, xem xét thực sự nghiêm túc và phải có sự nhạy cảm về chính trị.

65 năm qua, Đảng cộng sản Việt nam đã cùng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta trải qua nhiều chặng đường hy sinh, gian khổ với những khúc quanh của lịch sử, quyết định sự sinh tử, tồn vong và phát triển của đất nước và dân tộc. Tuy có những sai lầm, khuyết điểm, song thành công trong lãnh đạo chính trị là mặt cơ bản, được lịch sử khẳng định. Cách mạng tiến lên hoặc thụt lùi, thất bại, điều đó phụ thuộc một cách quyết định vào sự lãnh đạo của đội tiền phong. Sự lãnh đạo chính trị đúng đắn hay sai lầm lại phụ thuộc rất nhiều vào bản lĩnh và linh khiếu chính trị của Đảng.

Có được bản lĩnh chính trị như thế là nhờ Đảng ta đã trải qua quá trình tôi luyện trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng lâu dài, trải qua những thử thách gay gắt trong việc lãnh đạo dân tộc ta đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất nước nhà và đi lên chủ nghĩa xã hội. Bản thân sự kiên trì cũng như vượt lên trên những hy sinh, những tình huống khó khăn gay cấn đã hun đúc nên biết bao truyền thống vẻ vang, tôi luyện nên sức chiến đấu, bản lĩnh vững vàng của Đảng. Chính nhờ kiên định con đường cách mạng đã lựa chọn, nhất quán gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, mà Đảng ta đã lãnh đạo dân tộc ta vượt qua được mọi khó khăn, thử thách. Và cũng chính từ đó càng củng cố niềm tin, khẳng định cơ sở khoa học và hiện thực của những mục tiêu đã xác định.

Ngoài lòng trung thành, ý chí kiên cường, dũng cảm, đức hy sinh vì lý tưởng, Đảng còn cần phải có trí tuệ cao. Trí tuệ làm nên bản lĩnh của Đảng. Ở mỗi bước ngoặt, những lúc hiểm nghèo, sở dĩ Đảng ta có được những quyết định và giải pháp đúng đắn có hiệu quả, phần lớn nhờ vào sự thông minh, nhạy cảm và quyết đoán của bộ tham mưu lãnh đạo ưu tú nhất của Đảng. Trí tuệ ở người lãnh đạo chính trị là vốn tri thức phong phú, sâu sắc về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, nhân văn. Trí tuệ chính là nắm vững quy luật vận động và phát triển của lịch sử, của sự nghiệp cách mạng đang tiến hành ; là nắm vững khoa học, nghệ thuật lãnh đạo chính trị. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhất là những cuộc kháng chiến chống xâm lược kéo dài, không chỉ là cuộc đấu sức mà còn là đấu trí, và cuối cùng, không chỉ sức mạnh vật chất, mà chính trí tuệ Việt nam đã làm nên chiến thắng. Đảng ta đã biết khơi dậy sức mạnh và trí tuệ của toàn dân tộc. Một dân tộc có truyền thống văn hiến đã sản sinh ra lãnh tụ và đội tiền phong lãnh đạo có trí tuệ, có bản lĩnh, đủ sức chiến thắng mọi kẻ thù.

Bản lĩnh chính trị của Đảng cũng được quyết định bởi tinh thần, ý chí, độc lập tự chủ rất cao. Lúc cách mạng phát triển bình thường đã cần phải độc lập tự chủ ; lúc tình thế hiểm nghèo, có những biến động, càng cần sự độc lập tự chủ trong lãnh đạo. Chỉ có độc lập, tự chủ mới có được sự kiên định vững vàng cần thiết, không chao đảo trước mọi biến cố xấu, mới tìm ra lối thoát ngay ở những thời điểm tưởng chừng suy sụp và tuyệt vọng.

Đảng cộng sản Việt nam sinh ra, phát triển và trưởng thành trong lòng dân tộc, do đó Đảng kế thừa và phát huy chính bản lĩnh của dân tộc Việt nam. Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, cho nên chính bản lĩnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi mãi bồi đắp, tôi luyện thêm bản lĩnh chính trị của Đảng cộng sản Việt nam.

Digitized by Google

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ 1945-1946 :

RẤT KIÊN ĐỊNH VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ MỀM DẺO VỀ SÁCH LƯỢC

TRỊNH MƯU *

NHỮNG năm 1945-1946 Đảng ta phải hoạt động trong một tình thế hết sức khó khăn.

Khó khăn lớn nhất đe dọa trực tiếp đến vận mệnh quốc gia, thách thức sự lãnh đạo của Đảng ta là phải đương đầu với sự bao vây từ phía của kẻ thù ; phải đồng thời đối phó với nhiều thế lực đế quốc đầu sỏ đang ùn ùn kéo đến cùng bọn phản động tay sai hung bạo đòi chia quyền lãnh đạo cách mạng, cướp đoạt lại những thành quả cách mạng mà nhân dân ta phải đổ bao nhiêu máu xương mới giành được.

Khó khăn chồng chất khó khăn. Chính quyền cách mạng còn đang ở thời kỳ trứng nước đã bị đặt trước những thách thức vô cùng nghiêm trọng. Vận nước lâm nguy tựa như "ngàn cân treo sợi tóc".

Các thế lực chống cộng, chống đảng tưởng rằng thời cơ lật ngược thế cờ đã đến. Các đảng phái phản động đối lập mọc ra như nấm [1]. Chúng đòi giải tán đảng cộng sản, giành lại sự lãnh đạo chính trị, đòi tham gia chính quyền, nắm giữ các cơ quan quan trọng hòng từng bước giành lại chính quyền. Điều hết sức nguy hại là mặc dù giữa các đảng phái có nhiều xu hướng, quyền lợi, thậm chí mục đích khác nhau, song trước đối trọng là Đảng cộng sản Việt nam, chúng tạm dẹp mâu thuẫn và cụm lại với nhau thành một đối trọng chính trị, hình thành thế đối lập, thách thức vai trò lãnh đạo của Đảng ta.

Để tồn tại và phát triển, vấn đề cấp bách đặt ra đối với Đảng ta lúc bấy giờ là : "phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân"[2].

Nắm bắt được quy luật khách quan, dự báo được chiều hướng phát triển của sự nghiệp cách mạng, tin tưởng sâu sắc ở nhân dân và dựa hẳn vào dân, Đảng ta đã thực hiện một đường lối chiến lược kiên quyết, đúng đắn, với sách lược hết sức linh hoạt, mềm dẻo. Vì thế, con thuyền Tổ quốc đã vượt qua được những cơn phong ba, bão táp ; uy tín chính trị của Đảng được nâng cao ; vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững.

Có được sự huyền diệu nêu trên là do :

Một là, *Đảng ta có đường lối chính trị đúng đắn ; kiên quyết giữ vững nguyên tắc chiến lược, đồng thời linh hoạt và mềm dẻo trong sách lược.*

Xuất phát từ đặc điểm, tính chất và điều kiện lịch sử cụ thể của thời kỳ 1945-1946 ở Việt nam, việc kiên quyết về nguyên tắc chiến lược nhưng linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược trở thành vấn đề sống còn bảo đảm cho Đảng ta giữ vững được vai trò lãnh đạo cách mạng.

Để cho các đảng đối lập như "Việt quốc", "Việt cách", "Đại Việt duy dân", "Đại Việt dân chính" hoạt động, nhưng Đảng ta luôn giữ vững nguyên tắc không hợp tác về mặt tổ chức, luôn chú trọng lợi ích của dân tộc, của đông đảo quần chúng lao động.

Các đảng phái phản động âm mưu giành chính quyền, hướng mọi cố gắng của chúng nhằm vào việc lật đổ chính quyền do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Chúng tổ chức ra nhiều vụ bạo loạn, bát cóc, dùng mít tinh để tạo ra cơ hội giành chính quyền. Chúng mưu sát người đứng đầu chính phủ và các cán bộ nòng cốt của ta hòng làm suy yếu chính quyền, tiến tới lật đổ chính quyền. Chúng dựa vào lực lượng của bọn Tưởng Giới Thạch, gây áp lực

* PTS khoa học lịch sử, Phó viện trưởng Viện lịch sử Đảng trực thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) Thời kỳ này có 24 Đảng phái và tổ chức hoạt động chống phá cách mạng. Trong đó 11 đảng thân Pháp, 4 đảng phái thân Mỹ, 4 đảng lừng chừng ngả nghiêng thân Nhật.

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 73

Digitized by Google

buộc Đảng ta nhường chính quyền cho chúng. Nhưng chúng ta kiên quyết giữ nguyên tắc không nhường chính quyền cho các đảng phái phản động. Từ bỏ hoặc buông lỏng chính quyền, một công cụ quan trọng nhất để chống lại bọn đế quốc và tay sai đông, mạnh lúc đó, thực tế sẽ là từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng ta nắm đúng mắt xích quan trọng nhất trong hệ thống mắt xích phức tạp của nhiệm vụ lúc đó là nhiệm vụ giữ chính quyền. Vì vậy, Đảng đã tập trung mọi cố gắng để củng cố thế hợp pháp, kiện toàn tổ chức làm cho chính quyền ngày càng trở nên vững mạnh. Chúng ta đã tổ chức tổng tuyển cử để dân tự do lựa chọn đại biểu của mình vào Quốc hội, tạo ra cơ sở pháp lý của chính quyền. Chính quyền đưa ra những chính sách mang lại quyền lợi cho nhân dân. Nhân dân đã nhận thấy chính quyền thực sự là của dân, vì dân, do dân. Sự tín nhiệm của nhân dân đối với chính quyền cách mạng là nhân tố chủ yếu để giữ vững chính quyền, do đó các đảng phái đối lập không thể tranh đoạt quyền lãnh đạo với Đảng ta.

Giữ vững chính quyền, không cho các thế lực đối lập nắm chính quyền, là một nguyên tắc chiến lược trong thời kỳ 1945-1946.

Song, nếu cứ giữ nguyên tắc một cách máy móc, xơ cứng sẽ không thực hiện được mục tiêu chiến lược, có khi còn làm cho những vấn đề chiến lược bị "vô hiệu hóa".

Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích đúng đắn mối quan hệ chính trị - xã hội phức tạp ở Việt nam, nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa chiến lược và sách lược, cho nên đã chấp nhận cho các đảng phái được "hợp thức hóa" hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật của nhà nước mới, chấp nhận hy sinh lợi ích tạm thời, bộ phận, nhường một phần chính quyền cho phái đối lập. Chúng ta biết rất rõ lãnh tụ của các đảng Việt quốc, Việt cách... phần lớn là phần tử buôn dân, bán nước, lưu manh hóa, âm mưu chống phá cách mạng đến cùng. Song, Đảng ta vẫn thực hiện sách lược mềm dẻo, nhường 70 ghế trong Quốc hội cho các đảng đối lập, không thông qua bầu cử. Chúng còn được giữ một số chức vụ quan trọng khác trong chính quyền như Phó chủ tịch nước, Bộ trưởng tài chính, Bộ trưởng ngoại giao...

Việc chia sẻ quyền lực cho các tổ chức phản động và các đảng phái đối lập không có nghĩa là Đảng ta trao chính quyền cho họ, từ bỏ sự lãnh đạo của mình, mà đó chính là sự nhân nhượng cần thiết trong điều kiện cụ thể về tương quan lực lượng lúc đó. Đó thực sự là nghệ thuật tiến hành cách mạng. Việc Đảng ta tuyên bố tự giải tán mà thực chất là rút vào hoạt động bí mật, không buông tay lái con thuyền cách mạng, không chuyển lá cờ lãnh đạo cho các tổ chức khác, là một sách lược hết sức khôn khéo linh hoạt của Đảng ta. Do biết kiên trì nguyên tắc nhưng có sách lược linh hoạt, Đảng ta đã hạn chế được tới mức tối đa sự phá hoại của các đảng phản động, giữ vững được chính quyền, giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng.

Hai là, *Đảng ta dựa chắc vào khối đại đoàn kết toàn dân, tin tưởng và phát huy trí tuệ của nhân dân trong quá trình cách mạng.*

Chiến lược và sách lược có tác dụng vạch ra phương hướng đúng đắn cho đảng hoạt động. Nhưng đảng muốn thực hiện được quyền lãnh đạo phải có lực lượng. Không có lực lượng, chiến lược, sách lược của đảng tự nó không giải quyết được các nhiệm vụ cách mạng. Các tổ chức đối lập dựa vào các thế lực phản động bên ngoài để lấn tới, buộc ta chấp nhận các yêu sách phi lý, ngang ngược của chúng. Vì vậy, Đảng ta phải dùng lực lượng cách mạng của nhân dân để chống lại lực lượng phản cách mạng.

Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng của tình hình trong nước và quốc tế, đánh giá đúng thế và lực giữa cách mạng và phản cách mạng, Đảng ta đã tận dụng những cơ sở pháp lý của chính quyền và các cuộc đấu tranh trong nghị trường để buộc các đảng phái đối lập thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa ; đồng thời rất coi trọng việc tổ chức, lãnh đạo quần chúng nhân dân, dựa vào lực lượng của nhân dân.

Đảng ta đã nhận thức đúng đắn vai trò lớn lao của khối đại đoàn kết toàn dân, chủ động, tự giác xây dựng khối đại đoàn kết đó. Đảng đưa ra đường lối chính sách xuất phát từ mục đích vì dân, nhằm đáp ứng những lợi ích thiết thân của nhân dân. Vì vậy, Đảng được nhân dân tin tưởng, ủng hộ và thừa nhận là người lãnh đạo chân chính của mình. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gạt bỏ mọi hoài nghi, thiên kiến, tập hợp toàn dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, bao gồm cả các nhân sĩ, trí thức, thân hào, những cá nhân và tổ chức xã hội có lòng yêu nước. Đảng kiên trì giác ngộ những người lầm đường, tận dụng khả năng đóng góp của họ, dù là những đóng góp nhỏ ; vào sự nghiệp chung. Chính nhờ đường lối quần chúng đúng đắn, sáng ngời chính nghĩa đó mà Đảng ta đã thu

Digitized by Google

hút được nhiều nhân sĩ nổi tiếng hợp tác với chính quyền cách mạng. Một số lãnh tụ của các phái đối lập, đứng trước chính sách đoàn kết rộng rãi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ bỏ lập trường cũ của mình chuyển sang hợp tác với ta.

Khối đại đoàn kết toàn dân là sức mạnh của Đảng ta, góp phần quan trọng trong việc giúp Đảng ta thực hiện quyền lãnh đạo. Khối đại đoàn kết đó đã thể hiện rõ vai trò quyết định của mình trong lịch sử. Nhân dân đã dập tắt những vụ các đảng đối lập gây rối về an ninh và chính trị. Nhân dân đã góp phần đưa vụ án Ôn Như Hầu ra ánh sáng, làm rõ bộ mặt của bọn Quốc dân đảng. Nhân dân đã hưởng ứng chủ trương của Đảng ta tổ chức những cuộc mít tinh rầm rộ ngăn chặn các cuộc mít tinh bạo loạn do các tổ chức đối lập tạo dựng. Nhiều lần các đảng đối lập tập hợp các phần tử phản quốc, lưu manh định tổ chức mít tinh gây rối tiến tới cướp chính quyền, đều bị quần chúng vạch mặt, tẩy chay. Cuộc mít tinh của hàng chục vạn quần chúng ở Hà nội "đón" Hà Ứng Khâm, thực tế là cuộc biểu dương lực lượng của khối đoàn kết dân tộc làm cho bọn Tưởng phải nhụt ý chí, phải từ bỏ dã tâm "cầm Hồ, diệt cộng".

Dựa vào nhân dân, tin ở trí tuệ của nhân dân, chăm lo vun trồng lợi ích của nhân dân, đưa quần chúng nhân dân tham gia tất cả các mặt hoạt động của đời sống xã hội - đó là bài học kinh nghiệm quý báu giúp cho Đảng ta tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn của cách mạng.

Ba là, *Đảng ta có lãnh tụ đủ năng lực và uy tín, bình tĩnh, sáng suốt chèo lái con thuyền cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.*

Lịch sử do quần chúng nhân dân quyết định. Lịch sử sẽ sản sinh ra các lãnh tụ để đáp ứng phong trào. Nhưng vận động của tiến trình lịch sử hết sức phức tạp. Nhiều phong trào chứa đựng khả năng cách mạng to lớn, song vẫn thất bại là do không có lãnh tụ xứng đáng. Trong thời kỳ 1945-1946, lãnh tụ Hồ Chí Minh là một bảo đảm quan trọng cho Đảng ta giữ vững được vai trò lãnh đạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tài năng xuất chúng trên nhiều lĩnh vực cách mạng đã tự nhận về mình trách nhiệm nặng nề nhất là phải chèo chống thế nào để đưa con thuyền Tổ quốc vượt qua những cơn sóng gió mà an toàn đi đến bến bờ hạnh phúc của nhân dân.

Là người sáng lập Đảng ta, hiểu rất rõ nội tình đất nước, hiểu rất rõ tim đen của kẻ thù, Hồ Chí Minh bình tĩnh, tỉnh táo, sáng suốt trong nhiều giải pháp tình thế đối với các loại kẻ thù. Người hiểu rõ Đảng ta số lượng chiếm tỷ lệ nhỏ trong dân tộc, cơ sở xã hội của đảng là giai cấp công nhân còn quá nhỏ bé ; nhưng đảng là tổ chức vững mạnh bao gồm những phần tử tiêu biểu, xuất sắc trong dân tộc. Thấy rõ đặc điểm của Đảng ta là sinh ra và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu, việc tiếp thụ học thuyết khoa học dễ bị sai lệch, biến dạng, Người đặc biệt chú trọng đến việc truyền bá một cách cặn kẽ, dễ hiểu các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chăm lo xây dựng Đảng kiểu mới của Lê-nin. Người kiên quyết đấu tranh không để các trào lưu cơ hội tả và hữu khuynh tồn tại trong đảng. Sự lớn mạnh của Đảng ta gắn liền với công lao tổ chức và rèn luyện về tư tưởng, lý luận của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Với thế giới quan đúng đắn, khoa học, Người đã nắm vững tiến trình khách quan của cách mạng Việt nam nói chung và của cách mạng Việt nam trong giai đoạn 1945-1946 nói riêng. Tri thức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã soi sáng từ các vấn đề chiến lược, sách lược đến các hoạt động cụ thể. Người chỉ rõ, nếu không giải quyết tốt dù là các việc nhỏ bé, bộ phận, sẽ dẫn đến nguy cơ cho những vấn đề toàn cục, những vấn đề có liên quan tới vận mệnh của Tổ quốc.

Bằng thiên tài trí tuệ và sự mẫn cảm chính trị đặc biệt, Hồ Chí Minh đã táo bạo trong nhiều quyết định quan trọng như tạm hòa với Pháp, cho Pháp ra miền Bắc để gạt hơn 20 vạn quân Tưởng, tránh cho cách mạng Việt nam phải đương đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù. Người dám chịu trách nhiệm trước giai cấp và dân tộc ở thời điểm hết sức khó khăn khi ký Tạm ước 14 tháng 9 và khi ký quyết định đưa Đảng ta vào hoạt động bí mật. Những quyết định sáng suốt của lãnh tụ đã đưa con thuyền cách mạng Việt nam "luồn qua những mỏm đá ghềnh lướt tới", giải quyết được một cách tốt đẹp các nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Trong lịch sử cách mạng Việt nam thời kỳ 1945-1946, vai trò của Hồ Chí Minh với tư cách là lãnh tụ của Đảng và của dân tộc ta, đã tránh cho Đảng ta và nhân dân ta khỏi những tình thế hết sức hiểm nguy, bảo đảm cho Đảng ta giữ vững vai trò lãnh đạo, đưa đất nước phát triển theo những định hướng đã đề ra.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Đồng chí Nguyễn Đức Bình đến dự và phát biểu ý kiến

SÁNG 13-1-1995, tại Hà nội, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức cuộc gặp mặt thân mật với cộng tác viên (khu vực phía Bắc). Đến dự có đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng; các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng : Hà Đăng, Trưởng Ban tư tưởng văn hóa trung ương, Trần Hồng Quân, Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo, Nguyễn Duy Quý, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia ; đồng chí Phan Quang, Tổng thư ký Hội nhà báo Việt nam ; nhiều đồng chí lãnh đạo một số ban, bộ, ngành, cơ quan nghiên cứu lý luận, báo, tạp chí và gần 200 cộng tác viên thân thiết của Tạp chí.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã báo cáo tình hình công tác năm 1994 và phương hướng biên tập năm 1995 của Tạp chí. Đồng chí hoan nghênh và chân thành cảm ơn các cộng tác viên, các bạn đồng nghiệp trong năm qua đã nhiệt tình viết bài, đóng góp xây dựng Tạp chí. Đồng chí nhấn mạnh : Năm 1994 nét nổi bật là Tạp chí đã không ngừng nâng cao chất lượng và liên tục tăng lên về số lượng (từ 4 vạn 2 lên 4 vạn 7). Đã đi sâu làm rõ hơn một số vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày, luận giải làm sáng tỏ thêm quan điểm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; đồng thời kết hợp phê phán những tư tưởng sai trái, uốn nắn những nhận thức lệch lạc. Tạp chí đành nhiều trang tuyên truyền những nội dung của Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, Nghị quyết Trung ương 7 và các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ; đồng thời góp phần vào việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cho các chủ trương, chính sách đó. Đặc biệt, Tạp chí có một loạt bài lý luận và thực tiễn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, văn hóa, văn học nghệ thuật, an ninh, quốc phòng. Nhân các ngày kỷ niệm lớn trong năm, Tạp chí đã có một số bài mang tính tổng kết khá sâu, nhất là về đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân. Các bài viết về địa phương đã cố gắng mang sắc thái riêng. Một số bài bình luận tương đối kịp thời (cả vấn đề trong nước và vấn đề quốc tế).

Đồng chí Tổng biên tập chỉ rõ mặt *hạn chế* và *thiếu sót* của Tạp chí : Nhiều bài còn hiền lành, kém sắc sảo ; nội dung lý luận một số bài chưa sâu như mong muốn. Còn ít những bài điều tra công phu đúng với tầm cỡ Tạp chí. Bài đấu tranh chống tham nhũng chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội còn ít.

Về *phương hướng biên tập của Tạp chí năm 1995*, đồng chí Tổng biên tập cho biết sẽ tiếp tục đi sâu vào những vấn đề lý luận cơ bản và thiết thân mà cuộc sống đòi hỏi giải đáp ; tuyên truyền, luận giải những định hướng lớn về tư tưởng - lý luận cùng các quan điểm về xây dựng nhà nước, cải cách nền hành chính nhà nước mà Hội nghị Trung ương 8 nêu ra ; góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận và thực tiễn tiến tới Đại hội VIII của Đảng ; đáp ứng yêu cầu tuyên truyền cho các ngày kỷ niệm lớn trong năm 1995 ; nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, phê phán những quan điểm và nhận thức lệch lạc, chống tham nhũng, buôn lậu và những tệ tạn xã hội khác.

Ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự Hội nghị đều tán thành bản báo cáo của Bộ biên tập, hoan nghênh, khích lệ những cố gắng liên tục đổi mới cả về nội dung, hình thức của Tạp chí. Điều đáng mừng là số lượng phát hành Tạp chí trong cả nước ngày càng tăng. Một số đồng chí nhấn mạnh trong xu thế chung của báo chí hiện nay, *Tạp chí Cộng sản* vẫn là người bạn đáng tin cậy của bạn đọc, là diễn đàn bổ ích cho những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy lý luận.

Theo nhận xét của nhiều đồng chí, năm 1994 bài vở của Tạp chí đã bám sát tình hình thời sự, tập trung vào những chủ đề trọng

Digitized by Google

điểm, có tính định hướng, ít "hạt sạn" ; đã có bài phân tích sâu, có nhiều tư liệu quý, có cách nhìn nhận và đánh giá mới ; nội dung không né tránh những vấn đề nổi cộm, gai góc. Chẳng hạn : vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề tăng trưởng và phát triển, công bằng xã hội, mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội... ; đấu tranh uốn nắn kịp thời những quan điểm sai trái, lệch lạc. Tạp chí có ý thức tổng kết thực tiễn và phản ánh những điển hình tốt trong công cuộc đổi mới ở các địa phương.

Một số ý kiến đề nghị Tạp chí nên chú trọng tăng thêm những bài mang tính tổng kết lớn (kể cả tổng kết lịch sử) mang tính lý luận cao và bổ sung cho hệ thống lý luận (nhất là mảng kinh tế, lịch sử Đảng) ; chú ý khai thác mạnh hơn mặt truyền thống dân tộc, truyền thống đấu tranh oanh liệt của Đảng ta ; tăng cường số bài giáo dục đạo đức, lối sống Việt nam, lối sống xã hội chủ nghĩa ; có nhiều bài hơn trong đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, lối sống thực dụng tất cả vì tiền, những hiện tượng tiêu cực khác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ.

Về mặt *hình thức*, một số ý kiến cho rằng Tạp chí cần tiếp tục cải tiến để hấp dẫn bạn đọc hơn. Có ý kiến đề nghị nên thay đổi khuôn chữ (chữ quá nhỏ) ; bài rút ngắn hơn và nên có tranh ảnh minh họa, hoặc những mẩu chuyện (kiểu như "Sinh hoạt tư tưởng").

Các ý kiến đều tỏ ý tin rằng với thành tựu đạt được trong năm qua, với bề dày kinh nghiệm và một đội ngũ cộng tác viên đông đảo, chắc chắn sang năm 1995, năm có nhiều ý nghĩa (tiến tới Đại hội VIII của Đảng, triển khai nghị quyết Hội nghị trung ương 8 khóa VII, năm có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại), *Tạp chí Cộng sản* sẽ tiếp tục vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng của Đảng, đáp ứng lòng mong mỏi của bạn đọc.

Sau khi nghe ý kiến một số cộng tác viên, đồng chí **Nguyễn Đức Bình** đã phát biểu ý kiến. Biểu dương những cố gắng của Tạp chí trong năm qua, đồng chí cho rằng "Tạp chí đã có bước tiến mới đáng phấn khởi ; tiến bộ thể hiện rõ ở chỗ số lượng phát hành tăng khá". Đồng chí gợi ý nên đi sâu tìm hiểu xem nguyên nhân ở đâu. "Phải chăng nhờ chất lượng nội dung được nâng cao nên có sức hấp dẫn hơn đối với bạn đọc ? nhờ những vấn đề đề cập trên Tạp chí đã đáp ứng trúng nhu cầu của bạn đọc, những vấn đề mà bạn đọc quan tâm ? Cứ điểm qua bản tổng mục lục cả năm của Tạp chí có thể thấy rõ điều đó. Có mặt trên các số Tạp chí năm 1994 là những bài vở thật đa dạng với nhiều chủ đề, chuyên mục khác nhau. Từ những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đến những bài phê phán, uốn nắn những nhận thức, tư tưởng lệch lạc. Từ những bài lý giải quan điểm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đến những bài nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề trong Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ và trong Nghị quyết Trung ương 7 về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ những bài viết về những ngày kỷ niệm lớn như 40 năm chiến thắng Điện biên phủ, 40 năm giải phóng Thủ đô, 50 năm thành lập quân đội đến những bài bình luận chính trị và nghiên cứu những vấn đề thời sự quốc tế. Từ những bài điều tra đến những bài có tính tổng kết thực tiễn về những điển hình (tích cực hoặc tiêu cực) thuộc các đơn vị, địa phương, vùng, miền, các lĩnh vực hoạt động khác nhau v.v..

Tóm lại, bài vở thật phong phú, đa dạng, thể hiện sự bám sát đường lối quan điểm, các nghị quyết của Đảng ; bám sát những vấn đề nổi cộm trong đời sống tư tưởng, lý luận ; bám sát những vấn đề thực tiễn nóng hổi".

"Tiến bộ của Tạp chí còn ở chỗ nội dung bài vở có chất lượng hơn, tính lý luận, tính tư tưởng, tính chiến đấu có được nâng lên so với mấy năm trước".

Tuy vậy, không thể thỏa mãn với những tiến bộ đã đạt được, bởi vì bài vở của Tạp chí vẫn có những hạn chế : "hạn chế về chiều sâu phân tích, về tính tổng kết thực tiễn, về trình độ lý luận, về sức thuyết phục, về những kiến nghị chính sách và các giải pháp v.v..".

Nói với các cộng tác viên và những người trực tiếp viết bài cho Tạp chí, đồng chí Nguyễn Đức Bình nêu rõ : "Tạp chí là tấm gương soi hình ảnh bản thân chúng ta, nghĩa là sức viết của ta thế nào, trình độ năng lực tư duy chúng ta đến đâu thì được phản chiếu trên bề mặt các trang tạp chí. Hơn thế nữa, có thể nói rộng ra Tạp chí là tấm gương phản chiếu trình độ lý luận chung của toàn bộ đội ngũ cán bộ Đảng ta. Như vậy, nhận xét phê bình Tạp chí cũng chính là chúng ta tự nhận xét, tự phê bình, cốt để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết nhược

Digitized by Google

điểm, cùng nhau phấn đấu sao cho Tạp chí năm 1995 này hay hơn năm 1994".

Về hướng viết bài cho Tạp chí năm 1995, đồng chí Nguyễn Đức Bình nhấn mạnh *một số vấn đề quan trọng :*

1- **Triển khai trên Tạp chí những bài nghiên cứu các vấn đề của Nghị quyết Trung ương 8** - về nhà nước, cải cách hành chính, và **Nghị quyết của Bộ chính trị** về những định hướng lớn trong công tác tư tưởng - lý luận.

2- **Góp phần chuẩn bị cho Đại hội VIII.** Đặc biệt làm sáng tỏ hơn các vấn đề trong cương lĩnh, các vấn đề đang nổi cộm, mắc mớ trong nhận thức lý luận cũng như trong thực tiễn mà Nghị quyết Trung ương 8 nêu lên. Chẳng hạn :

+ Về *những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.* Nhân kỷ niệm ngày sinh Lê-nin gắn với những nhiệm vụ thực tiễn của cách mạng nước ta, Tạp chí nên có bài nhìn lại tư tưởng của Lê-nin về vấn đề *nhà nước.* Bởi di sản của Lê-nin về vấn đề này rất phong phú và rất quan trọng. Những vấn đề bản chất nhà nước, thực tiễn hoạt động của tổ chức nhà nước kiểu mới, tổ chức một nhà nước sao cho tránh được tệ quan liêu, cồng kềnh ; mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa trung ương và địa phương. Rồi vấn đề tập trung dân chủ, vấn đề sử dụng các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước, vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội, v.v..

Về tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng chú ý trước hết vấn đề nhà nước. Đây là lĩnh vực cực kỳ phong phú và sâu sắc trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Một vấn đề rất thực tiễn và rất lý luận ta còn chưa có câu trả lời đầy đủ là vấn đề *công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,* Tạp chí nên đi sâu giải đáp thêm.

+ Vấn đề *định hướng xã hội chủ nghĩa* cũng cần được làm sáng tỏ bằng những bài mang tính tổng kết cả trên lý luận và thực tiễn. Định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào ? Nhìn nhận nó thế nào trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa ? Rồi định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần ; kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác ra sao ? Cổ phần hóa, tư nhân hóa, tại sao có điểm còn vướng mắc ? Thế nào là công bằng ? Vấn đề phân hóa xã hội và cách nhìn sự phân hóa xã hội ra sao ?

Làm sao tăng trưởng kinh tế mà không phải "hy sinh" văn hóa. Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của tăng trưởng kinh tế, hơn nữa còn phải trở thành hệ điều chỉnh sự phát triển và tiến bộ xã hội. Trong văn học nghệ thuật cũng không ít vấn đề. Các cuộc tranh luận vừa qua trên lĩnh vực này rất cần thiết và khá lý thú. Trên Tạp chí nên có bài tổng kết một cách dích đáng, đủ tin cậy, có sức thuyết phục.

3- Tạp chí cần **cố gắng đi sâu, tham gia vào công tác tổng kết thực tiễn.** Đóng góp vào việc chuẩn bị cho Đại hội VIII đòi hỏi phải từ tổng kết thực tiễn. Để làm sáng tỏ những vấn đề của Hội nghị Trung ương 7, Hội nghị Trung ương 8 cũng đòi hỏi phải tổng kết thực tiễn. Muốn làm sáng tỏ các vấn đề lý luận trên quan điểm đổi mới, phải rất coi trọng tổng kết từ thực tiễn. Muốn đề xuất, kiến nghị điều gì, càng cần phải có tổng kết từ thực tiễn. Những dịp kỷ niệm lớn chính là cơ hội lớn và cũng đặt ra đòi hỏi lớn đối với việc tổng kết thực tiễn. Chỉ riêng kỷ niệm 50 năm, tức nửa thế kỷ nước Việt nam mới, nước Việt nam của thời đại Hồ Chí Minh đã là một cơ hội lớn, đồng thời là một sự thúc bách lớn đối với công tác tổng kết thực tiễn. Từ những bài học về xây dựng chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân ; về đảng cầm quyền ; về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược ; cho đến những bài học tổng quát về gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, về cách mạng là sáng tạo, về dân là gốc, về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, v.v. và v.v..

Tóm lại, trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cần có một số bài công phu, gắn một cách tự nhiên với ý nghĩa của các ngày kỷ niệm lớn trong năm. Làm tốt các việc đó cũng chính là chuẩn bị một cách tích cực cho Đại hội Đảng lần thứ VIII.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng thay mặt Bộ biên tập và anh chị em cộng tác viên, chân thành cảm ơn đồng chí Nguyễn Đức Bình, hứa với Trung ương Đảng sẽ cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ, làm cho Tạp chí ngày càng "hay hơn" như đồng chí Nguyễn Đức Bình căn dặn.

P.V.

Digitized by Google

NHÌN LẠI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 1994 VÀ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH NĂM 1995

TÀO HỮU PHÙNG *

NĂM 1994, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, tình hình ngân sách nhà nước cũng có những tiến bộ đáng kể về mặt quản lý, điều hành và kết quả thu - chi. Về thu ngân sách nhà nước, vượt 10,8% so với dự kiến được Quốc hội thông qua, tăng 32,7% so với năm 1993, trong đó riêng thuế và phí tăng 40,7% ; thu từ thuế và phí vẫn đạt khoảng 23% GDP, chiếm trên 90% tổng số thu ngân sách nhà nước. Về chi, tổng số chi đạt 96,4% dự toán Quốc hội thông qua và tăng 32,7% so với năm 1993. Số bội chi ngân sách nhà nước thấp hơn nhiều so với số Quốc hội cho phép. Trong chi ngân sách nhà nước, ngoài việc bảo đảm cho nhu cầu tiêu dùng và chi trả nợ lãi, ngân sách nhà nước đã dành được trên 10% phần tiết kiệm cho chi đầu tư phát triển, tăng 10% so với năm 1992 và 0,9% so với năm 1993. Đạt được những kết quả nói trên trong năm 1994 là nhờ sự ổn định và phát triển kinh tế của nước ta trong nhiều năm : nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân cả thời kỳ 1991-1994 là 7,9% ; cùng với việc khống chế và đẩy lùi lạm phát, GDP đã liên tục tăng trưởng. Những thành tựu to lớn đó về mặt kinh tế đã tạo thêm niềm tin đối với nhân dân ta và bè bạn trên thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả như đã nói ở trên, công tác quản lý, điều hành và thực hiện ngân sách nhà nước cũng còn một số hạn chế :

Thứ nhất, *về công tác xây dựng kế hoạch ngân sách*. Năm 1994, việc xây dựng kế hoạch ngân sách, nhất là kế hoạch vay nợ để bù đắp thiếu hụt ngân sách, thiếu căn cứ vững chắc nên đã gây khó khăn, bị động cho việc điều hành ngân sách. Trong năm qua, cả vay vốn của dân và vay vốn của nước ngoài đều không đạt kế hoạch. Số tiền vay được chủ yếu để trả các khoản nợ gốc. Nguyên nhân của sự yếu kém trên là do : chính sách huy động vốn trong nước chưa rõ ràng, lãi suất không hợp lý (vay ngắn hạn lãi suất cao hơn vay dài hạn). Trong khi đó, việc vay vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu chi đầu tư là không hiệu quả và tạo ra gánh nặng nợ rất nguy hiểm cho quá trình điều hành ngân sách nhà nước. Vay nợ ngoài nước chưa lường hết được các điều kiện ngặt nghèo, do đó, việc triển khai còn lúng túng, chưa kịp thời tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc về mặt thủ tục. Bên cạnh đó, trong quá trình lập ngân sách nhà nước, cũng chưa lường hết những biến động có thể xảy ra để có phương án đối phó, như biến động về giá cả các hàng hóa xuất khẩu trên thị trường quốc tế, biến động do thiên tai (làm phát sinh các khoản chi ngoài dự kiến)...

Thứ hai, *về quản lý thu ngân sách nhà nước*. Mặc dù số thu ngân sách nhà nước tiếp tục tăng, song tình trạng thất thu vẫn còn lớn, nhất là thất thu trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Một hiện tượng không bình thường là khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển tương đối nhanh và chiếm tỷ trọng lớn : 24% GDP, nhưng chỉ đóng góp được gần 11% số thu thuế và phí. Theo điều tra, nhiều nơi thất thu thuế rất nghiêm trọng (tới 50% số hộ và trên 50% doanh số). Tình trạng này không chỉ làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước, mà nguy hiểm hơn là làm ô nhiễm môi trường cạnh tranh, tạo ra sự bất bình đẳng giữa các hộ kinh doanh, các cơ sở kinh tế và các địa phương. Thực tế cho thấy, ở nhiều địa phương, cơ sở, công tác quản lý thu thuế còn nhiều hạn chế, chưa nắm hết chế độ chính sách, ngại va chạm, thậm chí còn móc ngoạc với đối tượng nộp thuế, tham

* GS. TS. Thứ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

ô tiền thuế và vi phạm 10 điều kỷ luật của cán bộ ngành thuế.

Thứ ba, *về chi ngân sách nhà nước.* Điểm hạn chế lớn nhất trong giai đoạn vừa qua vẫn chưa được khắc phục là tình trạng tiêu xài lãng phí. Mặc dù Quốc hội đã có nghị quyết về tiết kiệm và Chính phủ đã chỉ đạo sát sao, song ý thức tiết kiệm trong chi tiêu chưa cao. Nhiều địa phương, đơn vị và các doanh nghiệp nhà nước vẫn tìm cách bòn rút ngân sách hơn là tiết kiệm chi tiêu ngân sách. Tình trạng tiêu xài lãng phí, mua sắm phương tiện đắt tiền, vượt quá khả năng của ngân sách nhà nước, vẫn còn phổ biến và nghiêm trọng.

Trong quản lý chi ngân sách nhà nước năm 1994, việc cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản cũng còn không ít vấn đề : việc cấp phát vốn còn chậm, thủ tục luôn thay đổi, rườm rà, gây ách tắc cho quá trình triển khai xây dựng cơ bản. Mặt khác, vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản thấp nhưng việc thực hiện vẫn không đạt được tiến độ. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do việc vay vốn cho đầu tư không đạt kế hoạch.

Bước vào năm 1995, nhiệm vụ của ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua là nhằm giải quyết những yêu cầu của nền kinh tế- xã hội trong giai đoạn mới. Thu thuế và phí phải phấn đấu đạt 24% GDP để có thể *vừa* bảo đảm chi thường xuyên và trả nợ lãi vay, *vừa* dành tỷ lệ cao hơn cho đầu tư phát triển (tỷ lệ này sẽ tăng trên 20% so với năm 1994). Số thu từ thuế và phí dành cho đầu tư năm 1995 là 30% (năm 1994 là 20,7%).

Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm của năm 1994 và yêu cầu phát triển kinh tế năm 1995, việc quản lý ngân sách năm 1995 cần có sự thay đổi theo các hướng sau :

1- *Lập kế hoạch ngân sách nhà nước một cách tích cực, nhưng phải trên cơ sở các thông tin, số liệu chính xác.* Kế hoạch thu ngân sách nhà nước phải lường hết những diễn biến về các mặt kinh tế, xã hội có ảnh hưởng tới nguồn thu, diện thu. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước phải được dự tính chặt chẽ và bố trí khoản dự phòng thích đáng để xử lý các nhu cầu chi đột xuất do thiên tai gây ra. Kế hoạch này phải được tính toán trên cơ sở kết quả đàm phán từ năm 1994. Riêng việc vay dân phải thay đổi chính sách lãi suất và thời hạn vay. Với phương châm là chỉ vay trung hạn và dài hạn để bù đắp bội chi ngân sách ; lãi suất vay dài hạn phải cao hơn lãi suất vay ngắn hạn. Ngoài ra, các nguồn vốn vay phải đa dạng hóa và chuẩn bị điều kiện cho Việt nam tham gia thị trường tài chính quốc tế. Mặt khác, cần sớm nghiên cứu trình Chính phủ cho phép thực hiện việc phát hành các loại trái phiếu của Chính phủ ra nước ngoài. Sớm hình thành thị trường vốn, thị trường chứng khoán ở Việt nam để nền kinh tế nước ta hòa nhập vào thị trường thế giới.

2- *Tiếp tục cải cách thuế và triển khai mạnh mẽ công tác chống thất thu thuế.* Về cải cách thuế, sớm áp dụng thuế trị giá gia tăng (TVA) thay cho thuế doanh thu ; áp dụng thuế thu nhập công ty thay cho thuế lợi tức. Nghiên cứu để sửa đổi một số thuế suất cho hợp lý hơn nhằm mục đích vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh. Thuế đối với các thành phần kinh tế phải thực sự bình đẳng nhằm huy động được các nguồn vốn đầu tư cho sản xuất. Điều cần lưu ý là thuế phải là công cụ đòn bẩy kinh tế, thực sự góp phần tăng trưởng kinh tế.

Về quản lý thu thuế, việc chống thất thu thuế vẫn được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Để làm được việc này, cần kiện toàn đội ngũ cán bộ thu thuế ; chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực ; tuyên truyền, giáo dục nghĩa vụ nộp thuế. Mặt khác, cần nghiên cứu để mở rộng hình thức bán hàng phải ghi chép chứng từ, hóa đơn và hạch toán kế toán, giảm tình trạng khoán thuế vì nó rất dễ tạo ra tiêu cực. Đương nhiên, cần chú trọng hơn nữa tới công tác quản lý tài chính và thu thuế đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm thu thuế theo pháp luật. Cán bộ, nhân viên ngành thuế cần được đào tạo và đào tạo lại, có nghiệp vụ tinh thông, biết sử dụng vi tính vào lĩnh vực quản lý kinh tế, biết ngoại ngữ để nâng cao trình độ nhận thức nắm bắt thông tin, giao tiếp với bạn hàng nước ngoài, xem

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG
đối với cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở nước ngoài

PHẠM NGỌC GIAO *

HIỆN nay, chúng ta có hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và người lao động đang công tác, học tập, lao động ở nước ngoài. Trong số đó có 1,9 vạn đảng viên (2100 người thuộc các cơ quan đại diện, 2200 là nghiên cứu sinh và thực tập sinh, 800 là chuyên gia...). Lực lượng này là vốn quý của đất nước. Nếu biết huy động, tổ chức, động viên, giáo dục, chăm sóc tốt thì họ sẽ là nguồn lực góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng nhân dân cả nước phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Mấy năm qua, việc một số đảng cộng sản ở Đông Âu và Liên xô mất quyền lãnh đạo, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này bị sụp đổ đã tác động rất mạnh đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên, người lao động Việt nam ở nước ngoài, nhất là ở các nước sở tại. Biết bao trăn trở, suy tư, giằng xé về tư tưởng đối với họ. Các thế lực thù địch đã lợi dụng thời cơ này, tung ra nhiều luận điệu hòng lung lạc tư tưởng những người Việt nam ở nước ngoài. Chúng hoan hỉ rêu rao là chủ nghĩa cộng sản đã "cáo chung" ; rằng "chủ nghĩa xã hội là quái thai của thế kỷ" ; rằng "Liên xô là thành trì của cách mạng đã sụp đổ thì các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, sớm muộn cũng sẽ đổ theo",v.v.. Chúng vu cáo những người cộng sản là tàn ác, dã man.

Được các thế lực thù địch khuyến khích, cổ vũ, tài trợ, một số người Việt nam ở nước ngoài có khuynh hướng chính trị phản động, cơ hội, hoặc mơ hồ, nhẹ dạ, cả tin, đã cho ra đời một số tờ báo có nội dung xấu, xuyên tạc, đi ngược lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, như các tờ "Diễn đàn Pra-ha", "Điểm tin báo chí", "Cánh én", "Tổng hợp", "Tiếng nói", "Lửa ấm"... Phù họa cùng các kênh thông tin khác của đế quốc, các tờ báo nói trên còn kích động, đánh phá tư tưởng của đảng viên và anh chị em ta. Một số tờ báo của một vài người Việt nam xuất bản tại Liên xô (cũ) và các nước Đông Âu, cùng các ấn phẩm khác có nội dung phản động chống Việt nam, được in từ Mỹ và các nước phương Tây, đã gửi "kính biếu" nhiều người Việt. Chúng tuyên truyền cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ; rằng "chỉ có nhiều đảng mới phá được thế "độc trị" của Đảng cộng sản Việt nam, chỉ có đa đảng mới có dân chủ". Chúng đòi phải bỏ điều 4 trong Hiến pháp về quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Chúng đưa tin lập lờ về các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta. Chúng dùng đủ mọi mánh khóe xảo quyệt, tìm cách xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ Bác Hồ. Tất cả những việc làm của chúng nhằm mục đích làm cho lòng tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng đối với Đảng ta bị xói mòn, tạo ra sự hoang mang, không phân biệt phải, trái, trắng, đen ; tạo sự nghi kỵ, phát triển tính vị kỷ, dân tộc cực đoan, chia rẽ và gây ác cảm với những người cộng sản. Chúng cố làm cho mọi người mất phương hướng, không còn niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn.

Khách quan mà nói, thời gian đầu, sự chống phá của kẻ thù đã gây những hậu quả xấu nhất định. Một số người đã mất phương hướng

* Quyền Bí thư Ban cán sự đảng ngoài nước

Digitized by Google

chính trị, bỏ chạy, tìm nơi "tị nạn" để mưu cầu phồn vinh và tránh sự liên lụy khi chủ nghĩa xã hội ở Việt nam đổ vỡ. Có những người ca ngợi chủ nghĩa tư bản một chiều, chỉ thấy mặt tích cực mà hầu như cố ý làm ngơ trước những bệnh hoạn không thể cứu chữa của nó. Có người nghĩ chỉ nay mai thôi, chủ nghĩa xã hội ở Việt nam sẽ đổ. Có những đảng viên là chuyên gia, nghiên cứu sinh và người lao động, từng "vào sinh ra tử", đã bỏ đảng, tính toán "đi bước trước" để nếu Đảng cộng sản Việt nam mất vai trò lãnh đạo, họ trở thành người không đảng. Có những cán bộ, đảng viên do thiếu kiên định, vững vàng đã hoang mang, dao động, "đổi màu" để "thích nghi, sinh tồn", v.v..

Nhưng sự vật lại không diễn ra một chiều theo ý muốn chủ quan của các thế lực thù địch. Thời gian gần đây tình hình tư tưởng trong cộng đồng người Việt công tác, lao động và học tập ở nước ngoài diễn biến theo chiều hướng tốt. Có được điều đó trước hết là do đường lối đổi mới của Đảng đã bước đầu thu được những kết quả quan trọng từ kinh tế đến chính trị, xã hội, đối ngoại. Những thành tựu đó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ, động viên, tác động tích cực đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở nước ngoài. Chẳng những được nghe, được thấy, anh chị em ta còn được hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới đất nước.

Mặt khác, chính cuộc sống ở những nước Đông Âu và Liên xô (cũ) đã làm cho nhiều người tỉnh ngộ. Hàng ngày được chứng kiến những cảnh đổ vỡ, đảo lộn, chua chát, thậm chí cảnh đầu rơi máu chảy trên mảnh đất vốn là chủ nghĩa xã hội trước đây, anh chị em càng thấm thía và thấy rõ đường lối đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng ta.

Bên cạnh đó, phải nói rằng, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời có những chủ trương, chính sách phù hợp đối với người Việt nam ở ngoài nước nói chung và đảng viên, cán bộ do ta cử đi công tác, học tập, lao động nói riêng. Đó là chủ trương bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt nam ở nước ngoài trên cơ sở tôn trọng luật pháp nước sở tại, luật pháp Việt nam và luật pháp quốc tế. Đảng và Nhà nước ta chủ trương "người Việt nam yêu nước Việt nam", vượt lên trên những khác biệt về tôn giáo, dân tộc, hoàn cảnh kinh tế, nguồn gốc, cả sự khác biệt về chính kiến để xây dựng một nước Việt nam giàu mạnh, công bằng và văn minh. Trung ương Đảng, Chính phủ đã đề ra nhiều chính sách cụ thể phù hợp với tình hình và đáp ứng một phần nguyện vọng của những người Việt nam ở nước ngoài như : hợp thức hóa, tạo cơ sở pháp lý cho anh, chị em làm ăn, sinh sống ; giúp họ hiểu về tình hình đất nước ; có chính sách khuyến khích người đầu tư, phát triển kinh doanh và dịch vụ ở trong nước. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho những người ở trong nước có nguyện vọng và khả năng đi học tự túc ở các nước, nếu họ được nước ngoài chấp nhận hoặc có người thân bảo lãnh. Nhà nước cũng điều tiết thu nhập của người đi lao động và chuyên gia một cách hợp lý hơn, để khuyến khích người lao động và bảo đảm nguồn thu cho nhà nước, v.v..

Một nguyên nhân khác hết sức quan trọng là Ban cán sự đảng ngoài nước đã phối hợp chặt chẽ với Bộ ngoại giao và các ngành liên quan luôn theo dõi sát tình hình, kịp thời báo cáo, đề xuất với Đảng và Chính phủ những chủ trương, chính sách đáp ứng đúng nhu cầu của đông đảo đảng viên và quần chúng. Các chi bộ, đảng bộ ở nước ngoài có nhiều cố gắng. Mặc dầu đứng trước bao khó khăn, thiếu thốn, xa sự chỉ đạo của trung ương, kẻ thù lại liên tiếp tấn công, nhưng các đồng chí ta vẫn vững vàng. Các cấp ủy đảng luôn tỏ rõ vai trò trụ cột của mình. Công tác thông tin tình hình đất nước được tiến hành thường xuyên hàng tuần, có khi hàng ngày. Tuy điều kiện thiếu thốn, nhưng các đảng bộ lớn đều ra bản tin, tạp chí gửi cho cơ sở. Một số nơi sử dụng ăng-ten pa-ra-bôn thu buổi phát hình hàng ngày của Đài truyền hình Việt nam gửi băng cho cơ sở. Nhân các đoàn trong nước ra công tác, các chi ủy, đảng ủy cùng thủ trưởng cơ quan thường tranh thủ tổ chức các buổi nói chuyện, thông tin tình hình quê hương, đất

Digitized by Google

nước. Vào dịp ngày lễ, ngày tết, các nơi đều tổ chức các buổi gặp mặt thân tình, thấm đượm tình nghĩa quê hương. Nhiều nhóm ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng của đất nước đã được một số nơi mời ra biểu diễn. Những hoạt động như thế thường rất đông người tới dự và thường đem lại hiệu quả về tư tưởng, tình cảm khá sâu sắc.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở nước ngoài cũng còn không ít những khuyết điểm và yếu kém cần được quan tâm, khắc phục.

* * *

Với đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn và rộng mở của Đảng và Nhà nước ta, rồi đây cán bộ, đảng viên và người Việt nam nói chung sẽ ra nước ngoài công tác, học tập, làm việc ngày một đông. Do vậy, theo tôi, công tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở nước ngoài trong thời gian tới cần làm tốt một số nhiệm vụ sau đây :

1- *Tiếp tục củng cố niềm tin của đảng viên, quần chúng đối với sự nghiệp đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam.*

Một nhiệm vụ quan trọng là phải tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta để mọi người hiểu biết và thực hiện. Coi trọng hơn nữa việc giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh,... nhân các ngày lễ lớn trong năm 1995. Cải tiến, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền trong cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài. Các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài cần được nhà nước trang bị, lắp đặt ăng-ten pa-ra-bôn để hàng ngày nhận được thông tin từ Đài truyền hình Việt nam. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, không thể tiếp tục để khoảng cách địa lý gây nên những khoảng trống thông tin. Để thông tin của ta có khoảng trống thì lập tức kẻ địch, những phần tử xấu... sẽ lấp ngay vào bằng những thông tin xuyên tạc có hại. Các đảng bộ lớn cần tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các bản tin, ấn phẩm cung cấp cho cơ sở. Đồng thời tiếp tục khai thác, phát huy tốt hơn tiềm năng của mọi tổ chức, cá nhân trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, giải trí lành mạnh, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài. Trên cơ sở làm tốt công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền, giáo dục, động viên, nâng cao tinh thần trách nhiệm công dân của mọi người, động viên khuyến khích họ tùy khả năng, điều kiện đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

2- *Công tác tư tưởng phải gắn chặt với việc tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn đảng.*

Trước hết, cần củng cố tốt hơn nữa các chi bộ tại cơ quan đại diện. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Quy định số 91-QĐ/TW (ngày 22-10-1994) của Ban bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của chi bộ cơ quan đại diện ở ngoài nước. Trong đó, đặc biệt phải làm rõ vai trò hạt nhân chính trị của chi bộ cơ quan đại diện trong việc lãnh đạo cán bộ, công nhân, viên chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ công tác của cơ quan ; xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh và làm tốt công tác vận động quần chúng trong cơ quan và cộng đồng người Việt nam ở nước sở tại.

Chú ý củng cố các chi bộ lưu học sinh, chuyên gia, người lao động, người kinh doanh. Phải rất linh hoạt trong việc sắp xếp tổ chức cho phù hợp với diễn biến của tình hình, với điều kiện ăn, ở, sinh sống, hoạt động của từng đơn vị, cộng đồng. Nâng cao trách nhiệm của tổ chức cơ sở đảng trong việc quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên và sớm có quy định cụ thể cho đảng viên sinh hoạt lẻ. Đối với đảng viên không có nhiệm vụ chính trị như người đang công tác mà đi theo vợ hoặc theo chồng cần có quy định sinh hoạt thích hợp. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, của đảng viên, kể cả đảng viên là thủ trưởng cơ quan, trong việc đấu tranh giữ gìn đoàn kết nội bộ, chống tham nhũng, chống tiêu cực. Trong điều kiện hoạt động ở ngoài nước ; càng cần chú ý công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đảng viên làm tốt, có thành tích, cần động viên, khen thưởng kịp thời ; có sai phạm nghiêm trọng, phải thi hành

Digitized by Google

kỷ luật. Tiếp tục coi trọng hơn nữa công tác phát triển đảng viên mới.

3- *Đoàn kết tất cả mọi người trong đại gia đình các dân tộc Việt nam, phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Các cấp ủy đảng, mọi cán bộ, đảng viên cần chủ động và tích cực thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW (ngày 29-11-1993) của Bộ chính trị về chính sách và công tác đối với người Việt nam ở ngoài nước. Đối với anh chị em ở Liên xô (cũ) và các nước Đông Âu, cần tập hợp họ lại trong nhiều tổ chức khác nhau như : hội đồng hương, hội thanh niên, hội sinh viên, hội doanh nghiệp, hội nghề nghiệp... với nhiều hình thức hoạt động phong phú và phù hợp với luật pháp nước sở tại. Các tổ chức cơ sở đảng cần giữ vững sự lãnh đạo đối với quần chúng. Thông qua công tác giáo dục, bảo vệ quyền lợi chính đáng và giữ gìn an toàn cho họ mà tập hợp, giáo dục họ. Coi trọng việc bồi dưỡng anh chị em, nhất là thanh niên, về lòng yêu nước, truyền thống dân tộc, tình yêu gia đình và quê hương, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau.

Đối với đông đảo bà con Việt kiều đã định cư lâu dài ở nước ngoài, cần thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta : người Việt nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt nam ; mọi người Việt nam, bất kể ai, nếu có lòng yêu nước, hưởng ứng mục tiêu phấn đấu vì độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đều có chỗ đứng trong khối đại đoàn kết dân tộc. Cần phát huy tiềm năng mọi mặt của kiều bào đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của bà con, giúp bà con nâng cao ý thức cộng đồng, đoàn kết, giúp nhau ổn định cuộc sống và thành đạt trong sự nghiệp, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phẩm giá con người Việt nam, tôn trọng pháp luật nước sở tại, hòa nhập với xã hội và nhân dân nước sở tại. Giúp kiều bào hiểu về đất nước, gắn bó với đất nước. Thông qua bà con mà mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân và chính phủ Việt nam với nhân dân, chính phủ nước sở tại. Việc tập hợp đoàn kết kiều bào phải trên cơ sở tự nguyện, phù hợp luật pháp và phong tục, tập quán nước sở tại.

Thực hiện các việc trên là thuộc chức trách của cơ quan quản lý nhà nước. Nhưng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên phải xác định rõ ràng, ở đâu có đảng, ở đó tổ chức đảng và đảng viên phải có trách nhiệm giáo dục, vận động, gắn bó mật thiết với những người Việt nam. Tổ chức đảng và mọi đảng viên phải góp sức cùng Chính phủ, Ủy ban người Việt nam ở nước ngoài và cơ quan đại diện nước ta ở các nước, tạo mối liên hệ tốt với bà con và tuyên truyền, vận động giải quyết tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta với bà con Việt kiều. Giải quyết từng công việc cụ thể là trách nhiệm của chuyên môn. Nhưng phần nhiều những người làm chuyên môn đó lại là đảng viên, cho nên mỗi cán bộ, đảng viên ý thức được công việc của mình, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước quần chúng thì chắc chắn chất lượng công việc sẽ tốt hơn.

4- *Làm tốt công tác hữu nghị với nhân dân nước sở tại.*

Trong quá khứ, nhờ làm tốt công tác hữu nghị, chúng ta đã tạo được sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Vừa qua, nhờ làm tốt công tác hữu nghị chúng ta đã góp phần tạo thế thuận lợi để đất nước đứng vững và phát triển. Hiện tại và tương lai, chúng ta cần tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác hữu nghị với nhân dân và chính phủ các nước, cụ thể là giữa những người Việt nam với nhân dân các nước mà họ đang sinh sống. Cần nhận thức đây là một trong những yếu tố quan trọng gắn liền với bản thân mỗi người, mỗi nhóm người và cả cộng đồng người Việt nam sinh sống ở các nước. Nếu bà con, anh chị em chúng ta tạo được sự hiểu biết, thông cảm, sự tin cậy, sự yêu mến của chính quyền và dân cư nước sở tại thì sẽ gặp thuận lợi trong làm ăn, sinh sống. Vì vậy, trước hết mỗi người cần phải phát huy bản chất tốt đẹp vốn có của người Việt nam,

Digitized by Google

tuân thủ pháp luật, tôn trọng phong tục, tập quán nước sở tại. Bằng việc làm cụ thể, cần tạo ra sự có lợi cho mọi bên, chí ít không xâm phạm tới lợi ích của người khác. Phải làm cho nhân dân nước sở tại ngày càng hiểu đúng về Việt nam, về con người Việt nam và ngày càng có thiện cảm với chúng ta hơn.

5- *Tiếp tục đấu tranh làm thất bại âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.*

Kẻ địch đã công khai xác định, người Việt nam ở nước ngoài là một trong số những đối tượng chủ yếu để chúng thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình". Mục tiêu của chúng là làm ly tán sự gắn bó giữa nhân dân ta với Đảng. Vì vậy, các chi bộ, đảng bộ cần tăng cường giáo dục đảng viên, quần chúng, để cao cảnh giác, không mắc mưu địch, không tham gia các hoạt động do bọn xấu tổ chức chống lại sự nghiệp đổi mới của đất nước ta. Phải theo dõi sát tình hình, nhạy bén, chủ động đấu tranh bằng các hình thức thích hợp nhằm làm thất bại mọi thủ đoạn của bọn xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Phải đấu tranh với chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" mà kẻ thù sử dụng để can thiệp vào nội bộ ta. Trong quan hệ đối ngoại, mọi cán bộ, đảng viên cần luôn luôn đề cao cảnh giác cách mạng, bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành quy định quản lý đảng viên ra ngoài nước, bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan đại diện.

Cùng với thành tựu ngày càng to lớn hơn của công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, các nhiệm vụ nói trên được thực hiện tốt, chắc chắn sẽ tạo ra chuyển biến tích cực về công tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở ngoài nước.

Nhìn lại...

(Tiếp theo trang 32)

xét thẩm định các dự án đầu tư nhằm tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

3- *Tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách nhà nước theo hướng coi đây là công việc thường xuyên thể hiện cả trong chế độ và định mức chi tiêu.* Cần sớm xây dựng và đề nghị Chính phủ ban hành các loại định mức, tiêu chuẩn chi tiêu thống nhất trong cả nước, nhất là tiêu chuẩn mua sắm trang thiết bị và xe ô tô ở các cơ quan quản lý nhà nước.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản là khoản chi lớn của ngân sách nhà nước. Để thực hiện tốt khoản chi này, năm 1995 cần hoàn thiện bộ máy tổ chức cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản để việc cấp phát vốn không bị ách tắc. Mặt khác, cần bố trí nguồn phù hợp với tiến độ xây dựng, kiên quyết thực hiện những quy định mới về quản lý xây dựng cơ bản đã ghi rõ trong Nghị định số 177/CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ.

Tiếp tục giải quyết các vấn đề lớn trong nền kinh tế có liên quan tới ngân sách nhà nước năm 1995 như : vấn đề xây dựng và ban hành luật ngân sách nhà nước ; vấn đề xử lý có hiệu quả các mối quan hệ trong quản lý ngân sách giữa trung ương và địa phương, giữa ngành và cấp ; vấn đề đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp. Đương nhiên, cần nghiên cứu và ban hành chế độ khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một trong những nội dung quan trọng của chế độ này là khuyến khích doanh nghiệp thực hiện giải pháp khấu hao nhanh nhằm sớm đổi mới thiết bị, công nghệ cho phù hợp với quá trình chuyển đổi của nền kinh tế.

Năm 1995 là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 1991-1995. Sẽ có triển vọng kinh tế tiếp tục tăng trưởng ở mức cao, nếu như hoạt động ngân sách nhà nước được đổi mới mạnh mẽ hơn nữa để đáp ứng yêu cầu là công cụ điều chỉnh vĩ mô hết sức quan trọng của nhà nước, tạo tiền đề vững chắc cho kế hoạch 5 năm tới (1996-2000).

Digitized by Google

Vài suy nghĩ về HÌNH ẢNH NGƯỜI CỘNG SẢN TRONG VĂN HỌC

LÊ MAI

NGƯỜI chiến sĩ cộng sản với tinh thần sẵn sàng xả thân cho lý tưởng, dám quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc là hình ảnh quen thuộc đối với mọi người Việt nam hơn nửa thế kỷ qua. Trong văn học, người chiến sĩ cộng sản cũng đã trở thành nhân vật tiêu biểu của khuynh hướng văn học cách mạng và tiếp đó là của cả nền văn học dân tộc, đặc biệt trong thời kỳ đầy "bão táp" và hào hùng, kết tinh những giá trị cao đẹp của dân tộc và nhân loại. Từ người cộng sản ngoài đời, qua sáng tạo văn học, nhà văn đã tạo dựng nên những hình tượng nghệ thuật có sức thu hút bạn đọc và có sức sống lâu dài.

Trước năm 1945, qua những trang viết của một số nhà văn cách mạng, ta đã thấy bóng dáng của một thế hệ người có phần khác những "con người hùng" trước đó. Vẫn là cái lẽ dấn thân :

Quản chi nếm mật với nằm gai
Trời biển mênh mông vẫn đợi người
Chí lớn nấu nung trong ngục tối
Sẽ đem thi thố một ngày mai

(Sóng Hồng, 1931)

nhưng ở người cộng sản bước vào cuộc chiến đấu, họ sống bình thường, dung dị giữa lòng dân. Họ nhận thấy mình là một phần máu thịt của nhân dân :

Tôi buộc hồn tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời

(Tố Hữu, 7-1938)

Trong văn học cách mạng từ 1945, ở đâu xuất hiện nhân vật người cộng sản ở đó người cộng sản đứng ở vị trí tiên phong. Các điển hình nghệ thuật khắc họa hay miêu tả người cộng sản (từ những nguyên mẫu ngoài đời hoặc do sự sáng tạo của nhà văn) đều là những nhân vật tiêu biểu cho xu thế phát triển của lịch sử dân tộc, cho tiến bộ xã hội. Nền văn học xã hội chủ nghĩa chú ý tới khía cạnh "cao cả" của hiện thực trong đó có "con người đứng ở trung tâm của thời đại". Có thể nói, chất men say, sức hút mãnh liệt tỏa ra từ hình tượng người cộng sản chính là ở *vẻ đẹp của một lý tưởng với tầm cao những ước mơ và ý chí xây dựng một cuộc sống "ngày mai đẹp hơn ngày qua"*. Nhờ vào lý tưởng ấy mà người chiến sĩ cộng sản có đủ dũng khí, nghị lực đối mặt với bao kẻ thù hung bạo. Khác trong *Vỡ bờ* của Nguyễn Đình Thi ; Núp trong *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc ; Nguyễn Đức Thuận trong *Bất khuất* ; Chị Sứ trong *Hòn đất* của Anh Đức ; Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, và bao nhân vật khác nữa của nhiều tác phẩm... là những tấm gương xả thân vì đại nghĩa, vì lý tưởng. Không phải ngẫu nhiên mà nữ anh hùng Út Tịch lại trở thành một hình tượng nghệ thuật đặc sắc và đáng yêu, vừa cao cả, vừa gần gũi đời thường. Chị là hình ảnh hiện thân của một truyền thống "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh" và một quyết tâm giành chiến thắng : *"Còn cái lai quần cũng đánh"*. Trong *Sống như Anh* của Trần Đình Vân, Nguyễn Văn Trỗi xuất hiện như một người cộng sản thực sự mặc dù anh chưa gia nhập Đảng. Lý tưởng cách mạng đã tiếp thêm sức mạnh cho anh chiến thắng. Kẻ thù phải khiếp sợ trước tinh thần kiên trung, dũng cảm của một thanh niên vừa tròn 24 tuổi. Không chỉ đẹp ở lý tưởng cách mạng, hình ảnh người cộng sản trong văn học trước năm 1975 còn hiện ra ở ý chí kiên cường, bản tính cứng cỏi và ở tầm cao trí tuệ, bình tĩnh, sáng suốt trước mọi biến đổi của hoàn cảnh. Hẳn không bạn đọc nào có thể quên được chất quật khởi của người tù Nguyễn Đức Thuận trong *Bất khuất*, chất kiên trung quả cảm, trí thông minh của "Ông cố vấn" Vũ Ngọc Nhạ trong tác phẩm cùng tên của Hữu Mai.

Trên mặt trận lao động sản xuất, Tiệp (trong *Bão biển* của Chu Văn), Huân (trong

Digitized by Google

Mùa lạc của Nguyễn Khải)... là những người đi đầu trong công cuộc xây dựng một cuộc sống ấm no. Ở đây, người cộng sản luôn ở vị thế dẫn đường và mở đường, táo bạo, dám nghĩ dám làm. Chính họ tạo ra sức mạnh nêu gương, là nguồn động viên mọi người lao động sản xuất quên mình vì tập thể.

Điều cần nói rõ người cộng sản trong văn học ta là người cộng sản Việt nam. Họ mang trong mình những nét riêng, phù hợp với những giá trị truyền thống của dân tộc và cộng đồng, chứ không phải là sự "cấy ghép" những giá trị xa lạ từ bên ngoài mang đến. Kinh (trong *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu) vừa là một đảng viên mẫu mực, một chỉ huy quân đội có uy tín, lại rất xuề xòa, vui tính trong sinh hoạt. Trước cái chết của đứa con vô cùng thân yêu, Kinh đã biết nén chịu nỗi đau riêng, cùng các cán bộ khác lãnh đạo trung đoàn giành thắng lợi trong chiến dịch đường 9 Nam Lào. Như bao sĩ quan cách mạng khác, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, Kinh vẫn mang đậm cái "gốc gác" của người nông dân ra đi từ bờ tre giếng nước quen thuộc. Trong cuộc chiến đấu này, phía sau người lính là làng quê của họ, là những gì mà họ đã từng gắn bó, thương yêu. Chính đây cũng là nguyên nhân để họ bước vào cuộc chiến một cách tự tin hơn, dũng cảm hơn. Trong trái tim họ, còn có cả sức mạnh của truyền thống, "của những buổi ngày xưa vọng nói về".

Hình tượng người cộng sản Hồ Chí Minh trong văn học, nghệ thuật đã dem lại những cảm xúc mạnh mẽ rung động lòng người đối với khán giả và độc giả hôm qua, hôm nay và cả mai sau. Đặc biệt trong thơ, và trước hết trong thơ Tố Hữu, Hồ Chí Minh xuất hiện với tính cách một con người bình dị mà vĩ đại, lúc nào cũng như đang sống giữa lòng nhân dân như một huyền thoại của thế kỷ XX.

Những biểu hiện trên đây cho ta nhận thấy sự thống nhất giữa cách xây dựng nhân vật và cái nhìn mang tính sử thi của một thời đại hiện hình qua văn học trước năm 1975. Cũng như nhiều loại hình nhân vật khác, hình ảnh người cộng sản thường được miêu tả theo xu hướng *lý tưởng hóa*. Hiện thực cách mạng thời kỳ này vốn được hình dung như một bản hùng ca đầy chất trữ tình, đã tạo nên âm hưởng chính của văn học thời kỳ này. Trong khói lửa, đâu đâu cũng có thể bắt gặp những "nụ cười chiến thắng", "tiếng hát át tiếng bom", tư thế "xẻ dọc Trường sơn đi cứu nước - mà lòng phơi phới dậy tương lai"... Đất nước đang đứng trước sứ mệnh lịch sử lớn lao, cả dân tộc đang quyết tâm chiến thắng, lẽ đương nhiên *người tổ chức mọi chiến thắng* cùng với nhân dân anh hùng mà đại diện là những "người lính cụ Hồ" phải trở thành *nhân vật trung tâm của thời đại*. Cái nhìn thuận lý này đã làm cho văn học ta nghiêng về thể hiện những "điển hình cao cả", những nhân vật đứng ở tầm cao của lịch sử. Hành động, ý nghĩ, mơ ước của nhân vật thường được hình dung ở tầm vĩ mô, mang kích thước của lịch sử. Dáng đứng của họ là "đáng đứng Việt nam tạc vào thế kỷ". Sức rung cảm của nó mang tính sử thi, mặt "đời thường" của nó có phần bị che khuất. Đó là lẽ đương nhiên, vì tính cách nhân vật, đời sống của nhân vật không thể thoát ly khỏi bối cảnh lịch sử cụ thể. Thời mà nhân vật cộng sản sống động nhất là thời của một xã hội "ra ngõ gặp anh hùng". Từ hôm nay nhìn lại có thể coi như đó là một "hẫng hụt", nhưng là một "hẫng hụt" đương nhiên, một "hẫng hụt" lịch sử. Tuy vậy, cũng phải thấy do khả năng hạn chế về nhận thức cũng như về trình độ, văn học ta chưa phản ánh được trọn vẹn và đa dạng gương mặt của người cộng sản. Tính cách của nhân vật cộng sản hôm nay với bao nỗi lo toan, với những quan hệ ràng rịt của đời thường là thuộc về trách nhiệm của văn học hôm nay. Chưa nói đến ở một số tác phẩm, hình tượng người chiến sĩ cộng sản mới chỉ dừng lại ở những phác thảo giản đơn, mới chỉ là những biểu tượng về các giá trị, chưa đủ sức bao chứa một hình tượng nghệ thuật đầy đặn, sâu sắc. Mặc dù còn những hạn chế như đã nói, về cơ bản, văn học trước năm 1975 và một số tác phẩm sau này chủ yếu đã *phản ánh một cách khá trung thực những phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản.*

Sau năm 1975, đất nước bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Ngay sau khúc ca khải hoàn chúng ta phải vật lộn với bao khó khăn trong đời sống thường nhật, phải giải quyết những hậu quả hết sức nặng nề do chiến tranh gây ra. Thời cuộc mới tất nhiên phải có những

Digitized by Google

thang bậc giá trị mới. Hơn ai hết, chính trong thời điểm "quá độ" này các nhà văn cần có cái nhìn xa rộng, "thấu nhân tình" để phát hiện ra dòng chảy ẩn ngầm sau hàng loạt cái ngẫu nhiên, những vụn vặt đời thường. Từ vai trò lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập thống nhất đất nước, nay người cộng sản gánh trên vai trách nhiệm lịch sử khó khăn và bỡ ngỡ hơn nhiều là dựng xây cuộc sống mới. Trong những bước dò tìm, đương nhiên không thể không vấp váp, thậm chí nếm trải những thất bại đau đớn, những sai lầm phải trả giá đắt. Song vấn đề là ở chỗ, với tinh thần tiến công cách mạng, những người cộng sản Việt nam lại bước vào một trận chiến đấu mới, gian khổ khốc liệt không kém giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ. Trải qua mấy năm đổi mới, có thể khẳng định đất nước đã vượt qua được cơn hiểm nghèo, những người cộng sản và nhân dân đã lập nên những thành tựu được bạn bè gần xa ghi nhận.

Đáng tiếc, trong một số tác phẩm văn học, hiện thực trên không được phản ánh trung thực, mà ngược lại, cuộc sống hiện ra trên trang viết lại có phần nhạt nhòa và ảm đạm. Hình ảnh người cộng sản bị xuyên tạc, bị bóp méo. Cuộc chiến tranh vừa đi qua, có nhà văn đã coi là một "nỗi buồn" đeo đẳng suốt đời. Những mất mát hy sinh, những xương máu của người lính, người dân không được tính đến mà bị chìm lẫn trong sự mù mờ không có ranh giới giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Có khi, người cộng sản được miêu tả như những kẻ không tim, hung bạo hoặc chỉ sống trong những chuẩn định giá trị vừa hoang tưởng vừa cũ kỹ lỗi thời trong *Miền hoang tưởng* (Đào Nguyễn). Xa hơn, Dương Thu Hương trong *Những thiên đường mù* (1989) và *Vô đề* (1994) đã thóa mạ lịch sử với một thái độ hậm hực đối kháng, và bằng lối hành văn chưa phải đã "sạch nước cản". Cuộc chiến tranh qua đôi mắt của cây bút này được hình dung như một thảm họa và số phận còn lại của những người tham dự cuộc chiến chỉ là những hình thù méo mó, những số phận bị đọa đày, và những người mà họ gọi là "cộng sản" là những "rô bốt", "những người cứng nhắc, phi đạo lý"... Có nhà văn, do chưa thật bình tĩnh trước thực tế, đã nén dồn những ẩn ức cá nhân vào tác phẩm, biến tác phẩm thành những luận đề vụn vặt thiếu sức thuyết phục, dựng lên những "bộ khung người cộng sản" nhẫn tâm, tàn bạo. Cách đây vài năm, với một câu chuyện rẻ tiền, *Nổi loạn* (của Đào Hiếu) đã trở thành một xì-căng-đan không chỉ vì lý do văn học. Ở đây cùng với những cảnh làm tình hạ cấp, tởm lợm là việc xuyên tạc, hạ thấp nhân vật cán bộ cách mạng đến tột cùng, đối chiếu với nhân vật sĩ quan ngụy "rất đáng yêu".

Những trang viết như trên tuy là số ít trong đời sống văn học hiện nay nhưng khiến cho chúng ta phải cảnh giác. Không thể để cho một số người phủ định quá khứ, nhân danh "văn học" để xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, bôi nhọ những người cộng sản và Đảng cộng sản. Bằng tác phẩm, văn học của thời kỳ đổi mới không những tiếp tục những chiến công văn học của những năm tháng đầy gian khổ và hào hùng, mà phải phát hiện những nét mới của nhân vật người cộng sản của bối cảnh lịch sử hôm nay.

Những hiện tượng đáng lo ngại trên đây bắt đầu từ những nguyên do nào ? Theo tôi nghĩ, có ít nhất *ba* lý do. *Thứ nhất*, do nhà văn chưa phát hiện ra được bản chất của đời sống đa chiều phức tạp hiện nay. Bởi vậy, khi đặt ngòi bút của mình lên trang giấy, họ đã nhìn cuộc sống qua những hiện tượng riêng lẻ, coi những cái bề ngoài ấy là *đại diện* cho cái *cốt lõi* bên trong. Nếu văn học không khám phá ra sự vận động của những con người luôn tự điều chỉnh, biến đổi, vươn lên để thích ứng với những đòi hỏi của thời đại mà chỉ thấy những hình ảnh thấp hèn, bệnh hoạn, xấu xa, tức mọi tìm những hiện tượng chứ chưa đi vào bản chất, không thấy cái chung qua cái riêng, cái toàn diện qua cái cụ thể, thì tất nhiên như vậy sẽ phiến diện và lầm lẫn. *Thứ hai*, cảm hứng phê phán được đặt không đúng vị trí. Bài học của các bậc thầy văn học quá khứ là ở chỗ : để phê phán, nhà văn cần phải đứng ở tầm cao của chủ nghĩa nhân văn, và mục đích của phê phán không chỉ dừng lại ở sự phê phán tự thân. Điều cốt yếu hơn là sự phê phán nào cũng đều nhằm khẳng định cái mới, cái tiến bộ. Tất nhiên, hiện thực cuộc sống là cơ sở cho sự sáng tạo nghệ thuật. Nhưng viết thế nào dưới ánh sáng của hiện thực lại liên quan đến trí

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

Nhận thức lại cốt lõi một quy luật

LƯU HÀ VĨ *

Sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu tuyệt nhiên không phủ định những giá trị đích thực của học thuyết Mác - một học thuyết mang tính phê phán, khoa học và cách mạng. Nhưng tình huống đặc biệt bất lợi này cho phong trào cộng sản lại trở thành cơ may hiếm có cho sự phản bác và thóa mạ học thuyết Mác từ một số người nhân danh "tư duy chính trị mới". Một triết gia nổi tiếng người Pháp Giác Đê-ri-đa gần đây đã tuyên bố cả ở hai bên bờ Đại tây dương (tức tại Pháp và Mỹ) về tác giả bộ *Tư bản* như sau : Cần "*trở về với Mác*", "*sẽ không có tương lai nếu không có Mác, không tưởng nhớ và kế thừa Mác*" (1).

Nhận thức lại học thuyết Mác và chủ nghĩa xã hội nói chung, giới lý luận mác xít không thể không dành sự chú ý đặc biệt cho quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất (QHSX) với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất (LLSX) như một quy luật *nền tảng* của toàn bộ lịch sử loài người. Thiết nghĩ, lựa chọn một quy luật như vậy để tiếp cận lại, cũng là một cách "trở về với Mác", hơn nữa, trở về với chính cuộc sống và góp phần thiết thực vào những cải biến cách mạng theo con đường Mác vạch ra.

Vấn đề nổi cộm ở đây không phải ở chỗ : phủ nhận hay thừa nhận "tính quy luật thép" của quy luật, hay luận chứng lại vai trò nền tảng của nó đối với toàn bộ hệ thống các quy luật xã hội ; mà là ở chỗ : làm sao nắm bắt được *cốt lõi* của nó ?

Đâu là cốt lõi của quy luật này ? Theo tôi, đó chính là sự *phù hợp biện chứng đầy mâu thuẫn giữa các mặt cấu thành phương thức sản xuất (PTSX) trong đó cả mặt này lẫn mặt kia - tức QHSX và LLSX - thường xuyên tác động qua lại theo một loạt tính quy luật phổ biến và đặc thù* (từng bị vi phạm nặng nề dưới mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội).

Thật không quá đáng khi phải xác nhận rằng, trong 2/3 thế kỷ tồn tại mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, các sách giáo khoa mác xít vẫn *chưa* định nghĩa (nếu không nói là định nghĩa nhầm) khái niệm vừa nêu. Thực vậy, khi định nghĩa : "phù hợp" là "thúc đẩy", còn "không phù hợp" là "kìm hãm" LLSX phát triển, thì như vậy "thúc đẩy" hay "kìm hãm" đều là kết quả của nguyên nhân "phù hợp" hay "không phù hợp", nhưng làm sao có thể lấy kết quả để định nghĩa nguyên nhân khi mà bản thân nguyên nhân là gì chúng ta còn chưa rõ, và làm thế nào để chủ động tạo sự "phù hợp" hay ngăn ngừa "sự không phù hợp" là vấn đề vẫn còn bỏ ngỏ.

Việc trích dẫn những ý khái quát của Mác về sự phù hợp như một "địa bàn rộng rãi", "địa bàn phát triển LLSX"... tự nó chưa lột tả được cái nội hàm của khái niệm phức tạp này.

Mác không có lỗi trong vấn đề này. Vì, dễ hiểu : đương thời, ông phải luận chứng sự "không phù hợp" (chứ không còn là sự "phù hợp"), giữa QHSX với LLXS, vì lúc ấy QHSX tư bản đã bắt đầu xung đột với tính chất và trình độ xã hội hóa của LLSX. Còn kiểu QHSX mới hình thành trên nền tảng văn minh nhân loại với "một thể liên hiệp tự nguyện giữa những người lao động tự do" (trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người"...) mà Mác đề cập lúc ấy thì mới chỉ là dự báo cho tương lai.

Mô hình "cộng sản thời chiến" (CSTC) áp dụng trong bối cảnh sau Cách mạng Tháng Mười Nga đã gây ra cuộc khủng hoảng vào mùa xuân 1921 vì nó vượt quá sức chịu đựng của quần chúng, đe dọa ngay cả bản thân chính quyền xô viết. Bài học phản diện đầu tiên rút ra từ lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực : *không*

* Phó tiến sĩ triết học, Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

(1) Xem Đi-đi-ê Ê-ri-bông : "Mác, nhà tư tưởng của thế kỷ XXI", *Tạp chí Cộng sản* số 4-1994, tr 56-60

Digitized by Google

thể thay thế các quy luật kinh tế bằng các sắc lệnh cộng sản !

Với nhạy cảm đặc biệt của Lê-nin thiên tài, mô hình CSTC đã lập tức được thay thế bằng mô hình "chính sách kinh tế mới" (NEP). Tư tưởng chủ đạo xuyên suốt sáng kiến chiến lược này là *tạo ra địa bàn rộng lớn ở nhiều thành phần kinh tế khác nhau, thậm chí đối kháng nhau, để giải phóng triệt để và tăng trưởng vượt bậc LLSX*, đây cũng là "điều cơ bản bảo đảm cho thắng lợi của trật tự xã hội mới". Nguyên tắc phương pháp luận hàng đầu mà Lê-nin thường nhấn mạnh ở NEP là phải "kết hợp có nguyên tắc các mặt đối lập". Những kết quả đạt được trong những năm tháng ngắn ngủi của NEP, đúng như Viện sĩ Môi-sép đánh giá : "... có thể trở thành một cuốn giáo khoa tuyệt vời về chủ nghĩa xã hội thực tiễn" (2).

Sự phủ định NEP từ cuối những năm 20, thực chất là sự tái lập mô hình "CSTC" trên cơ sở cao hơn. Mô hình tập trung, duy ý chí này thực tế đã chi phối suốt tiến trình tập thể hóa, công nghiệp hóa với sự tăng trưởng liên tục ở Liên xô qua nhiều kế hoạch 5 năm trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên, sự tăng trưởng liên tục này *chưa phải là do sự phù hợp đích thực giữa QHSX với LLSX*. Nói cách khác, trong những điều kiện nhất định, nhất là trong bối cảnh đối đầu quốc tế kéo dài, các động lực *phi kinh tế* trong mô hình kinh tế chỉ huy, quan liêu, bao cấp, phi hàng hóa đã có tác dụng rất lớn, tạo ra những kỳ tích phi thường ; những kỳ tích phi thường của mô hình đó trong biên niên sử đầy bão táp của thế kỷ chúng ta, cuối cùng vẫn không chịu nổi thử thách của thời gian.

Giữa những năm 70, *ba sự kiện tầm cỡ* tạo nên cột mốc hết sức đặc biệt mà càng về sau người ta càng nhận ra tính chất bước ngoặt của nó đối với số phận mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội :

- Chiến thắng vang dội của Việt nam kết thúc cuộc đụng đầu lịch sử đại diện cho hai hệ thống xã hội đối lập ;

- Liên xô trở thành siêu cường vì lần đầu tiên dành được thế cân bằng chiến lược - hạt nhân làm xoay chuyển cục diện quốc tế, đối đầu chuyển sang đối thoại, vừa đấu tranh vừa hợp tác ;

- Triển khai giai đoạn mới nhất của cách mạng khoa học - kỹ thuật là giai đoạn cách mạng khoa học và công nghệ, giai đoạn mà nhà tương lai học Mỹ nổi tiếng A.Tốp-phlơ gọi là "làn sóng 3", "làn sóng văn minh trí tuệ - tin học", vượt xa hai làn sóng văn minh nông nghiệp và công nghiệp đã có trong lịch sử.

Tác dụng tổng hợp của ba sự kiện lịch sử ấy là ở chỗ : *xu hướng quốc tế hóa không gì cưỡng nổi ngày càng phát triển cả trong lĩnh vực LLSX lẫn QHSX cùng với xu hướng phát triển từ chiều rộng chuyển sang chiều sâu.*

Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã biết tự điều chỉnh để thích ứng với cục diện mới, cho nên vẫn còn giữ được địa bàn tồn tại và phát triển. Tiếc rằng mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, trái lại, không được phân tích và xử lý kịp thời cho phù hợp với vận hội và thách thức mới ; các khuyết tật tiềm ẩn bộc lộ ; khả năng tăng trưởng mất dần ; chất lượng sống giảm sút cùng với sự bất bình tăng lên ; hệ thống chính trị không tránh khỏi rạn nứt... Tất cả những cái đó làm cho mô hình cũ lâm vào tiền khủng hoảng, khủng hoảng, rồi sụp đổ trước những sai lầm trực tiếp, thậm chí phản trác, của các nhà cải tổ.

Các động lực *phi kinh tế* từng ngự trị lâu dài trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội giờ đây tất yếu phải nhường lại tính quyết định cho các động lực *kinh tế* trong phép biện chứng giữa kinh tế và chính trị. Giả định các đảng cộng sản trở lại nắm chính quyền, thì việc tìm kiếm một hệ thống các QHSX phù hợp với LLSX dương nhiên không còn con đường nào khác là phải tuân thủ nghiêm túc phép biến chứng nội tại giữa chúng : xét đến cùng, *LLSX quyết định QHSX*, chứ không thể ngược lại !

Các thành tựu kinh tế - xã hội trong công cuộc cải cách ở Trung quốc và đổi mới ở Việt nam vừa qua, trước hết xác minh cách tiếp cận mới đối với sự phù hợp ấy.

Từ phương diện *lịch sử* của vấn đề, có thể đi tới phương diện *lôgíc* của nó. Có nghĩa là, từ cội nguồn lý luận mác xít cùng với những bài học chính diện và phản diện của thực tiễn, khái niệm phù hợp giữa QHSX và LLSX phải được tiếp cận từ nhiều khía cạnh khác nhau để lột tả bản chất phức tạp và nhiều mặt của nó. Hy vọng mỗi khía cạnh được vạch ra, tự nó mang ý nghĩa một nguyên tắc phương pháp luận cần thiết, góp phần vào sự đổi mới về tư duy lẫn về chính trị - thực tiễn cho sự nghiệp định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

(2) N.N Môi-sép : *Chủ nghĩa xã hội và tin học*, Viện khoa học tính toán và điều khiển - Viện thông tin khoa học xã hội, Hà nội, 1989, t 1, tr 89

Digitized by Google

Hệ thống các nguyên tác tiếp cận vấn đề được nêu tóm tắt như sau :

Thứ nhất, trước khi trở thành nguyên nhân thúc đẩy LLSX phát triển, sự phù hợp của một kiểu QHSX mới phải là kết quả tất yếu đích thực từ sự phát triển của LLSX tương ứng.

Thứ hai, cần phải có quan điểm hệ thống và cách tiếp cận hệ thống đối với sự phù hợp giữa QHSX và LLSX, trong đó sự phù hợp của hệ thống sở hữu có ý nghĩa tiên quyết như "chìa khóa của mọi vấn đề".

Thứ ba, chừng nào sản xuất hàng hóa còn tồn tại khách quan thì sự phù hợp giữa QHSX và LLSX không thể diễn ra giản đơn và trực tiếp, mà phải thông qua các quy luật hàng hóa và cơ chế thị trường.

Thứ tư, trước bối cảnh kinh tế thế giới được hiện đại hóa, quốc tế hóa và trở thành một chỉnh thể sản xuất hàng hóa thống nhất, khi xét các tiêu chuẩn phù hợp giữa QHSX với LLSX trong một nước tất nhiên không thể tách trình độ LLSX của nước đó với trình độ LLSX chung trên thế giới.

Thứ năm, trong những điều kiện lịch sử nhất định, ngoài hai khía cạnh thực trạng (tức trình độ và tính chất) của LLSX, còn có khía cạnh thứ ba, "những nhu cầu phát triển của LLSX", cũng là đối tượng của sự phù hợp.

Thứ sáu, phù hợp - không phù hợp - phù hợp trên cơ sở cao hơn, đó là khuynh hướng phát triển tất yếu trong quá trình tác động qua lại giữa QHSX và LLSX như sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập đầy mâu thuẫn.

Thứ bảy, thực chất "địa bàn phát triển" mà sự phù hợp của QHSX mới đem lại cho LLSX, là tổng thể các điều kiện trực tiếp và gián tiếp cho sự kết hợp tối ưu giữa người lao động với tư liệu sản xuất, trong đó trước hết là những điều kiện cơ bản sau đây :

1) Địa bàn sở hữu đa dạng với các thành phần kinh tế đa dạng không vượt quá trình độ và tính chất LLSX tương ứng, đồng thời cũng không "quay lưng" lại với các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có những chủ thể sở hữu bằng xương bằng thịt (bên cạnh các chủ thể khác có thể có) và góp phần khắc phục từ gốc cái nghịch lý trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội - "*sở hữu của tất cả, nhưng chẳng phải của ai cả*".

2) Bảo đảm kết hợp thỏa đáng các lợi ích, trong đó lợi ích của bản thân người lao động phải trở thành động lực cơ bản và trực tiếp.

3) Bảo đảm tái sản xuất sức lao động (theo nghĩa tương đối rộng của khái niệm này, nghĩa là có thể bảo đảm một loạt nhu cầu, như : ăn, ở, mặc, đi lại, chữa bệnh, tự đào tạo, nuôi dạy con cái, giải trí, bảo hiểm...).

4) Bảo đảm các kích thích (vật chất là chủ yếu) nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động trên cơ sở cải tiến kỹ thuật và tổ chức-quản lý, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, kết hợp hợp lý giữa phát triển theo chiều rộng và theo chiều sâu, tăng hàm lượng khoa học và đa dạng hóa sản phẩm, đủ sức cạnh tranh thị trường.

5) Bảo đảm tiết kiệm các nguồn vật chất (đặc biệt là các tài nguyên không tái sinh), giữ gìn và cải thiện môi trường.

Thứ tám, tất cả những nguyên tác và yêu cầu tiếp cận trên nhằm bảo đảm có được sự phù hợp giữa QHSX với LLSX chỉ có thể được hiện thực hóa thông qua *sự chín muồi đồng bộ của các nhân tố chủ quan*, trước hết ở tầm vĩ mô. Đó là :

1) Chất lượng các kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.

2) Chất lượng hệ thống chính trị (đặc biệt và trực tiếp là hệ thống nhà nước từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp).

3) Chất lượng hệ thống các chính sách (đặc biệt là các chính sách đòn bẩy kinh tế).

4) Chất lượng hệ thống kiểm kê kiểm soát.

5) Chất lượng, quy mô đào tạo ở các cấp, các ngành cùng với kế hoạch và chính sách sử dụng sau đào tạo.

Ở tầm vi mô, sự phù hợp giữa QHSX và LLSX, về mặt chủ quan, phụ thuộc vào *tư cách chủ thể* được khẳng định tới mức độ nào của mỗi thành viên trong từng doanh nghiệp cụ thể. Thật vậy, chính điều này quyết định trực tiếp sự hiện thực hóa các khả năng phù hợp giữa QHSX và LLSX ở từng doanh nghiệp.

Đúng như Ra-đi-ô-nốp quan niệm, "cái đơn nhất", "cái cụ thể" trong những nỗ lực sinh động ở tầm vi mô như vậy, "suy cho cùng là cái quan trọng nhất, và đó chính là cái làm thành bản thân lịch sử xã hội loài người" (3).

Vả lại, như Lê-nin vẫn dạy : không có chân lý trừu tượng, chân lý bao giờ cũng cụ thể.

(3) Viện Mác-Lê-nin : *Những vấn đề lý luận của phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thông tin lý luận, Hà nội, 1984, tr 54

Digitized by Google

Trong lĩnh vực tiền tệ :

CẦN CHÚ Ý HƠN ĐẾN VIỆC TÌM CƠ SỞ LÝ LUẬN ĐÚNG CHO ĐIỀU HÀNH VĨ MÔ

VŨ NGỌC NHUNG

THÀNH tích kiềm chế được lạm phát ở nước ta thời gian qua là một cố gắng rất lớn của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta không thể đồng tình với ý kiến đơn giản cho rằng, thành công nói trên trong thời gian vừa qua là "do cơ sở lý luận đúng" mà lại không, nói rõ : Cơ sở lý luận đó là gì ? Có phải do lý luận Mác-Lê-nin được phát triển phù hợp với tình hình mới không ? Hay thực ra chỉ là nói theo lập luận của một trường phái kinh tế tư bản chủ nghĩa nào đó, chỉ là rập khuôn máy móc theo kinh nghiệm của nước này nước khác ?

Có thể nói, cách suy nghĩ phổ biến hiện nay về vấn đề này là không đối chiếu với lý luận Mác-Lê-nin xem có sự khác biệt gì không và nếu có thì nguyên nhân vì sao để từ đó tìm ra ý đúng, hiểu sâu thêm cơ chế tác động của các công cụ mới của chính sách tiền tệ. Việc phát hiện những lý thuyết sai dùng làm cơ sở lý luận cho việc sử dụng một số công cụ của chính sách tiền tệ cũng không được chú ý. Vì vậy, tôi thấy cần bàn kỹ vấn đề này.

Theo tôi, có hai hướng để củng cố và phát triển cơ sở lý luận đã có cho việc sử dụng một số công cụ của chính sách tiền tệ :

1. Xác định cụ thể lý luận nào đúng là cơ sở từng soi sáng và tạo ra những kết quả ngày hôm nay để từ đó phát triển lên.

2. Phân tích dâu là những lý thuyết đã chọn nhầm làm cơ sở lý luận, nên đã dẫn tới những thất bại tạm thời trong cái thành công lớn lao chung.

Về **hướng thứ nhất,** có thể nói gọn, nền tảng của những thành công về tiền tệ ở ta mấy năm qua làm thế giới phải kinh ngạc, là lý luận của Mác về quy luật khối lượng tiền cần cho lưu thông (Kc) có sự phát triển thêm qua việc kết hợp một cách có cân nhắc và chọn lọc với một số lý thuyết kinh tế tiền tệ tư bản chủ nghĩa hiện đại. Dẫn chứng nổi bật nhất là cuộc hội thảo lịch sử tháng 10-1988 do *Tạp chí Cộng sản* và Ban kinh tế trung ương tổ chức. Có thể nói, trước đó, các cuộc hội thảo về vấn đề này thường không được định hướng rõ, cho nên các ý kiến đưa ra thường đối nghịch nhau, không ai chịu ai. Người thì bảo lạm phát là "thiếu tiền" trong lưu thông, người thì nói là "thừa tiền" trong lưu thông. Ngân hàng thì nói theo kiểu dung hòa, vừa "thừa" vừa "thiếu", chẳng khác nào như nói một người vừa "cao" vừa "lùn". Nhưng khi đã xác định cụ thể cần theo quan niệm của Mác về lạm phát, kết luận lạm phát là *thừa tiền trong lưu thông* nhưng *thiếu tiền mặt trong ngân hàng*, thì lập tức những tranh luận vô bổ, những giải pháp chung chung về chống lạm phát cũng chấm dứt luôn.

Tóm lại, lý luận Mác - Lê-nin chính là cơ sở lý luận vững chắc cho các giải pháp kiềm chế lạm phát thành công từ năm 1989 tới nay. Chúng ta đã không theo thuyết trọng tiền (kiềm chế việc phát hành tiền trong phạm vi tỷ lệ tăng trưởng GDP), mà đã vận dụng sáng tạo lý luận của Mác bằng cách tận dụng khối lượng hàng hóa tràn ngập lưu thông sau khi mở cửa biên giới, mạnh tay phát hành nâng khối tiền cần cho lưu thông năm 1989 thêm tới +162%, và kết quả như ta đã biết : làm cho lạm phát từ chỗ phi mã, 3-4 con số, hạ xuống chỉ còn hai con số (34%) ngay trong năm đó. Việc phát hành tiền theo tín hiệu của thị trường từ năm 1992, theo tôi, cũng là vận dụng lý

Digitized by Google

luận của Mác về quy luật khối lượng tiền cần cho lưu thông. Trong trường hợp này, ta đã biết tận dụng lợi thế vốn đầu tư nước ngoài để nâng khối lượng tiền cần cho lưu thông lên. Mỗi năm ta đã có thể phát hành thêm dăm ngàn tỉ đồng (khoảng 60-80% lượng tiền lưu thông của năm trước), mà lạm phát không những không tăng, trái lại còn hạ xuống.

Chúng ta cũng đã biết kết hợp lý luận trên của Mác với các khái niệm mới về khối lượng tiền giao dịch (M1) để từ bỏ việc chỉ quản lý tiền mặt. Vì vậy, từ đó cũng đã chấm dứt được tình trạng khan hiếm tiền mặt.

Tất nhiên, đây mới chỉ là bước đầu. Còn quá nhiều việc phải làm, như :

1- Để vận dụng quy luật khối lượng tiền cần cho lưu thông (Kc) vào thực tiễn ngày nay, chúng ta còn phải tiếp tục phân tích xem trong 4 khối tiền (M1, M2, M3 và M4), khối nào là khối lượng tiền tệ lưu thông. Theo lý luận của Mác về tiền làm chức năng phương tiện tích lũy nằm ngoài lưu thông, thì M1 là khối lượng tiền tệ lưu thông. Nhưng đây là vấn đề còn phải kiểm chứng lại qua thực tế nước ta và nhiều nước khác, mới có thể ứng dụng.

2- Để sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ như ở các nước, chúng ta cũng phải dùng lý luận Mác - Lê-nin để phân tích cơ chế tác động của các công cụ đó tới khối lượng tiền tệ lưu thông, như của quỹ dự trữ tiền gửi bắt buộc, của lãi suất, v.v.. Không thể bê nguyên xi kinh nghiệm của nước ngoài vào Việt nam, vì mỗi nước cũng có cách vận dụng khác nhau.

Để làm rõ ý này, tôi xin phân tích sâu hơn về *quỹ dự trữ tiền gửi bắt buộc*, một công cụ của chính sách tiền tệ.

Một số quan chức tiền tệ có thói quen nghiên cứu màng màng về lý thuyết, nên thường bằng lòng với hiểu biết sơ sài là : quỹ dự trữ tiền gửi bắt buộc là một công cụ để điều hòa lưu thông tiền tệ. Họ không đi sâu xem cơ chế điều tiết tiền tệ của công cụ này cụ thể như thế nào. Khi nghe một cố vấn nào đó nói phải "đóng băng" quỹ dự trữ tiền gửi bắt buộc, họ cũng không suy nghĩ xem "đóng băng" nghĩa là thế nào. Nếu hiểu "đóng băng" chỉ là "giữ nguyên", không được đụng đến toàn bộ số tiền gửi nằm trong quỹ dự trữ bắt buộc, thì không phải. Thực tế không có nước nào làm như vậy. Như ở Mỹ chẳng hạn, theo bảng cân đối ngày 31/3/1984 của toàn bộ 12 ngân hàng dự trữ liên bang (tương tự như ngân hàng nhà nước của ta), số tiền gửi dự trữ bắt buộc là gần 22,73 tỉ USD, nhưng số "đóng băng" ở quỹ chỉ có 0,45 tỉ.

Theo cuốn sách giáo khoa của Trường đại học Cô-lam-bi-a ở Mỹ do giáo sư Phrê-đrích X.Mai-xkin biên soạn, loại tiền gửi dự trữ bắt buộc này được dùng để cho các *ngân hàng tạm thời thiếu khả năng chi trả* vay lại. Đây là loại tiền cho vay gọi là "cho vay tín dụng điều chỉnh", có tác dụng ngăn chặn tình trạng rút tiền gửi ào ạt dễ lan thành những cơn hoảng loạn ngân hàng.

Như vậy, qua đọc nhiều sách và đối chiếu với lý luận Mác - Lê-nin về quy luật khối lượng tiền cần cho lưu thông, tôi hiểu rằng quỹ dự trữ tiền gửi bắt buộc có hai tác dụng : *vừa để* bảo đảm an toàn cho số tiền gửi thông qua việc "cho vay tín dụng điều chỉnh" nói trên ; *vừa* nhằm điều hòa tiền tệ theo cơ chế "rút bớt tiền từ lưu thông về (khi nhận tiền gửi) và đưa thêm tiền ra lưu thông (khi đem tiền gửi cho vay lại)". Ví dụ, theo ước tính hiện nay, nếu thu đầy đủ số tiền bắt buộc phải gửi quỹ dự trữ thì sẽ có thể rút bớt tiền từ lưu thông về khoảng 1500 tỉ, còn nếu cho vay lại theo kiểu "tín dụng điều chỉnh" thì sẽ có thể đưa thêm tiền ra lưu thông khoảng 1200 tỉ, như vậy kết quả cuối cùng sẽ rút được tiền từ lưu thông về khoảng 300 tỉ. Trong tình hình kinh tế hiện nay của ta, khi khối lượng tiền cần cho lưu thông mỗi năm tăng tới 70-80%, thì việc rút tiền từ lưu thông về qua quỹ dự trữ tiền gửi bắt buộc tới 1500 tỉ là không cần thiết ; chưa nói điều đó còn gây tác động xấu, làm cho khối lượng tín dụng của các ngân hàng thương mại có thể giảm tới cả ngàn tỉ. Theo tôi, để vừa có thể điều hòa tiền tệ, vừa có quỹ dự trữ điều hòa tiền ngăn ngừa mọi rủi ro có thể có do sự biến động của lượng tiền gửi trong hệ thống ngân hàng thương mại hiện nay, chỉ cần rút từ lưu thông về khoảng 300-400 tỉ là đủ.

Về **hướng thứ hai**, cần mạnh dạn mổ xẻ những thất bại cụ thể. Việc này lâu nay chúng ta làm còn tương đối ít, thiếu tinh thần khoa học cao. Trong khoa học, sự tiến bộ bao giờ cũng dựa trên việc tìm ra những cái sai : Ê-đi-xơn đã phải trải qua hàng vạn lần thí

Digitized by Google

nghiệm, nghĩa là cả vạn lần sai hay chưa thỏa mãn, mới tìm ra được dây tóc bóng đèn tròn. Phải chăng chúng ta còn ngại va chạm với quá khứ, với sai lầm của chính chúng ta hôm qua? Ở đây chỉ xin nêu hai ví dụ điển hình :

1- Vì sao năm 1985 lạm phát phi mã bùng nổ ? Đó là do chúng ta đã thoát ly cơ sở lý luận Mác - Lê-nin về các khái niệm tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ. Vì vậy mới xuất hiện cái ý tưởng : "phát hành theo mặt bằng giá mới", nghĩa là "giá điều chỉnh tăng 10 lần thì cũng có thể phát hành tiền thêm 10 lần". Hồi đó, giám đốc ngân hàng có lẽ là người sung sướng nhất, vì không còn phải lo chuyện khất khách hàng vì không có tiền mặt để chi (như trước vụ đổi tiền tháng 9-1985). Tôi còn nhớ khi ấy Ngân hàng trung ương được mạnh tay phát hành tiền đến nỗi chỉ trong 3 tháng kho tiền in sẵn đã cạn sạch, và máy in của nước anh em in hộ tiền ta hồi đó cũng không chạy kịp với cách phát hành mạnh tay như vậy.

Sai lầm của chúng ta khi ấy là ở chỗ : khi điều chỉnh giá cung cấp lên 10 lần cho phù hợp với giá thị trường, chúng ta lại hiểu tăng giá lên 10 lần như vậy cũng có nghĩa giá trị tổng khối lượng hàng hóa và dịch vụ lưu thông tăng lên 10 lần. Ở đây rõ ràng có sự lẫn lộn, không phân biệt giữa *giá trị* (đo bằng *tiền thực* hay bằng vàng tự nhiên) với *giá cả* (đo bằng *tiền dấu hiệu*, mất giá so với tiền thực), là hai khái niệm cơ bản của lý luận Mác - Lê-nin. Thực tế luôn luôn kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận kinh điển : giá một xe máy Hôn-đa trong thời lạm phát phi mã đó từ 1 triệu đồng đã tăng lên 10 triệu đồng trong một năm, nhưng giá *tính bằng vàng* (tiền thực) vẫn quanh quẩn ở 1,5 lạng. Rất tiếc là sự lầm lẫn ấu trĩ này đã không được xóa bỏ cùng với sự tan vỡ của cơ chế quan liêu trì trệ. Cho đến nay, vẫn còn một số nhà kinh tế chấp nhận khái niệm "lạm phát giá cả", một khái niệm lẫn lộn giữa giá trị với giá cả, cho rằng có thể có cả lạm phát tiền vàng, với dẫn chứng duy nhất là hồi thế kỷ 16 từng có cuộc "cách mạng giá cả" nâng giá cả chung lên tới 4 lần. Phải chăng họ đã quên hay không biết Mác đã từng dày công nghiên cứu và phân tích cuộc "cách mạng giá cả" ở châu Âu hồi ấy là do đâu. Theo Mác, sở dĩ giá trị của vàng khi ấy giảm mạnh là do việc phát hiện thêm nhiều mỏ vàng mới ở châu Phi và châu Mỹ, cộng với việc bọn thực dân châu Âu ra sức cướp đoạt vàng của thổ dân ở hai châu lục trên.

2- Vì sao năm 1991, tiếp sau việc hạ lãi suất tiết kiệm từ 4 xuống 3,5% là cơn sốt giá vàng và USD diễn ra vào nửa cuối năm đó ? Nguyên nhân ở đây cũng là do chúng ta đã xa rời cơ sở lý luận Mác - Lê-nin về quy luật lưu thông tiền tệ. Đã không thấy yêu cầu của quy luật này là : mức độ mất giá *đối ngoại* của tiền tệ (so với vàng và ngoại tệ mạnh) phải tương ứng với mức mất giá *đối nội*. Chúng ta khi đó quên rằng Mác luôn coi tiền dấu hiệu là đại diện cho tiền thực, cho vàng. Vì vậy đã nảy tư tưởng hạ giá USD xuống để nâng giá tiền ta lên (trong khi nó đã bị mất giá). Tới nay tư tưởng này vẫn còn tuy tiền ta chưa hết bị mất giá nhẹ. Kết quả của việc định giá USD thấp hơn giá thị trường và chỉ số trượt giá từ tháng 3-1993 tới tháng 5-1994 là ta đã phải bỏ cả trăm triệu USD ra bán, bao cấp cho số hàng nhập khẩu bán theo giá rẻ hơn giá thị trường.

Phân tích một số sự việc trong hai ví dụ nêu trên là để nhắc nhở chúng ta không nên chủ quan chỉ nhìn một phía, đừng quên rằng chúng ta đã có cơ sở lý luận đúng, không được mất cảnh giác với những tư tưởng xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lê-nin từng gây tác hại không nhỏ.

Vấn đề cốt yếu đặt ra hiện nay là chúng ta phải nghiên cứu để tìm ra cơ sở lý luận đúng cho kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Con đường này không phẳng phiu mà đầy gập ghềnh khúc khuỷu, đòi hỏi phải có tri thức và nghị lực. Bảo vệ lý luận Mác - Lê-nin mà lập luận không sâu sắc, dẫn chứng không rõ ràng, thì chỉ phản tác dụng. Ngay các giáo sư kinh tế học nổi tiếng được giải thưởng Nô-ben vẫn phải thú nhận chu kỳ kinh doanh (chu kỳ hưng thịnh - suy thoái) của chủ nghĩa tư bản là căn bệnh nan y. Bởi vậy, làm thế nào để xây dựng thành công một nền kinh tế thị trường mà lại không có suy thoái và thất nghiệp, trong đó mọi người đều ấm no tự do, hạnh phúc như lý tưởng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi, quả là điều không dễ dàng chút nào. Nó đòi hỏi chúng ta phải chung sức bàn bạc, tìm kiếm, tranh luận và chứng minh từ thực tiễn không chỉ của nước ta.

Digitized by Google

Lãi suất tín dụng và vấn đề tăng trưởng kinh tế

LÊ VINH DANH * và BỬU THÙY

LÃI suất tín dụng cao hay thấp được duy trì trong một thời gian có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vấn đề lãi suất cao hay thấp trong từng thời kỳ của nền kinh tế lâu nay được tranh luận khá nhiều trong kinh tế học. Sau đây là các quan điểm chính:

1- *Phái kinh tế tự do cổ điển* cho rằng lãi suất sẽ tự động bình quân thông qua cơ chế điều chỉnh của *Ngân hàng trung ương* (NHTƯ) và hệ thống *Ngân hàng thương mại* (NHTM). Trên cơ sở này, mức cầu tiền tệ của nền kinh tế trong các thời kỳ khác nhau của quá trình tăng trưởng sẽ được thỏa mãn một cách tự nhiên. Nếu trong một thời điểm nào đó, dự trữ thặng dư của NHTM đã được sử dụng hết cho đầu tư (trong lúc mức cầu về tín dụng tăng cao, đặc biệt là trong những thời kỳ mà kinh tế tăng trưởng mạnh) thì NHTƯ sẽ có khuynh hướng cung cấp hiện kim cho hệ thống NHTM bằng cách mua lại trái phiếu hoặc tái chiết khấu thương phiếu của NHTM để cung ứng lượng tiền cần thiết cho nền kinh tế theo sự vận hành của quy luật tối đa hóa lợi nhuận.

Lợi tức của NHTƯ và NHTM sẽ cùng gia tăng. Các chủ thể kinh tế giải phóng được khỏi tình trạng "kẹt" vốn đầu tư. Nguồn tiền tệ được cung ứng tự nhiên sẽ không gây sức ép trên lãi suất tín dụng. Sự gia tăng của mức cầu tiền tệ không ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng. Ngân hàng sẽ không quá hao tốn tiền của cho việc huy động tiền gửi để đầu tư trung hạn và dài hạn.

2- *Phái Kê-in-xơ* (Keynes) lại cho rằng trong bất kỳ tình huống nào, việc hạ lãi suất tín dụng luôn là đòn bẩy cho sự phát triển. Kê-in-xơ lập luận rằng, thay vì gia tăng huy động vốn bằng biện pháp thu hút ký thác, NHTƯ có thể gia tăng khối tiền tệ cung ứng cho đầu tư trong những thời kỳ mà mức cầu tiền tệ tăng cao, bằng cách : NHTƯ phát hành thêm giấy bạc, NHTM gia tăng thêm bút tệ bằng cách giảm mức dự trữ bắt buộc. Tổng khối tiền tệ gia tăng sẽ làm giảm sức ép của mức cầu tiền tệ cho đầu tư và làm giảm lãi suất tín dụng. Lãi suất hạ sẽ làm gia tăng doanh lợi và nâng cao độ an toàn của đầu tư. Hiệu suất trên hạn mức của tư bản sẽ tăng lên, kích thích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng trung hạn và dài hạn, tạo cho nền kinh tế tăng trưởng.

3- *Phái theo quan điểm ổn định lãi suất* (do Ét-uốt Sô đưa ra năm 1950 *) cho rằng một lãi suất biến động rất dễ tạo ra sự mất ổn định cho tổng khối ký thác của ngân hàng và làm thay đổi các hạng mục đầu tư. Hệ quả cuối cùng là tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ bị ảnh hưởng. Sô chia tổng khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế ra làm hai phần là M (trữ ngân *lưu động*) và M' (trữ ngân *bất động*). Và theo Sô, cần làm thế nào để $\frac{M'}{M} = L$ (hằng số).

Thông thường, lãi suất có khuynh hướng *tăng* khi mức cầu về trữ ngân lưu động (M) luân chuyển tương đối nhiều hơn so với khối trữ ngân bất động (M') dự phòng, nghĩa là L *giảm*. Ngược lại, lãi suất có khuynh hướng *giảm* khi ngữ ngân bất động (M') chiếm phần lớn trong tổng khối tiền tệ, hay nói cách khác L *tăng*. Khi vận tốc tiền tệ thay đổi do sự biến động của cầu tiền tệ dưới tác động của các kế hoạch đầu tư tăng trưởng, lãi suất sẽ bị thay đổi quanh thế cân bằng tạm thời ở giai đoạn trước đó. Sự thay đổi này trong phạm vi vĩ mô, sẽ bất lợi cho các khuynh hướng đầu tư lâu dài.

Sô chủ trương ổn định lãi suất bằng cách giữ L là một hằng số thông qua việc duy trì mối tương quan hợp lý giữa M và M' tùy theo mức cầu của thị trường.

* Thạc sĩ khoa học kinh tế, giảng viên Đại học mở, bán công TP Hồ Chí Minh

* Xem Edward Shaw : Money, Income and Monetary Policy (bản dịch), Trung tâm nghiên cứu Việt nam xuất bản, Sài gòn, 1963, tr 388

Digitized by Google

Lâu nay, lãi suất cao luôn luôn bị phản bác. Quan điểm chung cho rằng lãi suất cao sẽ làm hạn chế đầu tư trung và dài hạn, vì khả năng rủi ro trong kinh doanh sẽ lớn. Lợi tức doanh nghiệp sẽ không có đủ độ an toàn khi so sánh với chi phí phải trả trong kinh doanh. Tư nhân sẽ có khuynh hướng đầu tư vào dịch vụ, thương mại và các ngành sản xuất nhỏ, thu hồi vốn nhanh (như tình hình ở Việt nam giai đoạn 1987-1991). Nền kinh tế sẽ thiếu sức bật cho một sự tăng trưởng lâu dài và lành mạnh, nếu như chúng ta duy trì lãi suất cao bất hợp lý...

Lãi suất tiền gửi và tiền cho vay thế nào là cao hay thấp, và cao hay thấp là so với cái gì- đây là vấn đề mà các chính sách tiền tệ-tín dụng phải dựa trên cơ sở khoa học để phân tích, xác định. Năm 1988 lãi suất tiền gửi cho vay ở nước ta đã được nâng lên 7%/tháng (84%/năm) và đầu năm 1989 con số tương ứng là 9%/tháng (108%/năm). Trong tình hình lạm phát từ đầu năm 1988 đến đầu năm 1989 thay đổi, từ 360%/năm giảm xuống con 120%/năm[2], thì lãi suất như trên, *theo nghĩa thực*, là quá thấp. Thế nhưng, tốc độ tăng trưởng GDP trong các năm kể trên vẫn không đáng kể. Sự gia tăng của cầu tiền tệ từ năm 1988 đến năm 1990 hầu hết là do sự gia tăng của giá cả ở một chỉ số gần như là ngang nhau. Như vậy, lãi suất thấp trong trường hợp trên ở nước ta không hoàn toàn thúc đẩy tăng trưởng. Trong khi ở Đài loan và Hàn quốc đã từng tồn tại một thực tế : lãi suất có lúc lên rất cao (40%/năm), nền kinh tế vẫn hoạt động bình thường [3].

Như vậy, lãi suất là *hợp lý* khi nó *kích thích đầu tư cho tăng trưởng kinh tế lâu dài*. Lãi suất này có thể *cao*, có thể *thấp*. Vấn đề đặt ra là : chính sách tiền tệ cần xác định mức lãi suất *thích hợp* và *tối ưu* cho từng thời kỳ.

Lý thuyết của *phái kinh tế tự do cổ điển* cho rằng lãi suất có xu hướng bình quân tự nhiên để phục vụ cho cầu tiền tệ gia tăng trong quá trình tăng trưởng, ảnh hưởng nhiều đến các nước phương Tây ở thế kỷ 19. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933, Kê-in-xơ đã phê phán nhược điểm của phái này và chủ trương nhà nước phải tham gia vào việc điều tiết lãi suất và gia tăng chi tiêu khi cần thiết vào các chương trình mà khu vực kinh tế tư nhân không thể đảm nhiệm, để kích thích sự tăng trưởng một cách liên tục. Lãi suất hội trái ở châu Âu sau ảnh hưởng tư tưởng của Kê-in-xơ đã giảm từ 6,08%/năm (năm 1932) xuống còn 3,40%/năm (năm 1937) và 2,92%/năm (năm 1940) [4].

Như thế, Kê-in-xơ chủ trương nhà nước phải nắm quyền điều tiết lãi suất theo từng giai đoạn phát triển khác nhau của nền kinh tế nhằm giúp nền kinh tế có được một mức lãi suất hợp lý và tối ưu, phục vụ cho sự tăng trưởng kinh tế. Tư tưởng này ảnh hưởng đến nền kinh tế châu Âu và Bắc Mỹ cho đến những năm 80.

Từ những năm 80 đến đầu những năm 90 là thời kỳ ảnh hưởng của học thuyết Kê-in-xơ bị thu hẹp dần. Sự điều tiết lãi suất nhưng không nhấn mạnh đến lượng cung tiền tệ đã dẫn đến tình trạng *vừa* lạm phát, *vừa* suy thoái trong nền kinh tế các nước Tây Âu và Bắc Mỹ. Tại Mỹ đã xảy ra cảnh hỗn loạn về tín dụng và tiết kiệm. Chính quyền của tổng thống Ri-gân và Bu-sơ đã phải lấy quan điểm của Min-tơn Phrít-man (Milton Friedman) bổ sung cho tư tưởng của Kê-in-xơ. Cụ thể là : điều tiết lãi suất xuống thấp trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ lượng cung tiền tệ và tỷ lệ dự trữ theo nhu cầu từng thời kỳ của nền kinh tế [5]. Chính sách hai bàn tay của Kê-in-xơ và Phrít-man nói trên đã ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng, tiền tệ và tăng trưởng cho đến thời kỳ tổng thống Bin Clin-tơn hiện nay.

Trong gần 60 năm, các trường phái về lãi suất đã lập luận và hành động khác nhau về chính sách lãi suất, tiền tệ-tín dụng. Tây Âu và Bắc Mỹ đã đi đến chỗ cùng thừa nhận : một *mức lãi suất tín dụng thực* (đã trừ đi chỉ số lạm phát) *thấp*, là *bí quyết của quá trình kích thích đầu tư và tăng trưởng*. Tuy nhiên, *nhà nước phải kiểm soát lượng cung tiền tệ thông qua việc ấn định dự trữ và phát hành* để tạo một hỗ trợ tốt cho chính sách lãi suất

(2) Xem Viện phát triển quốc tế Harvard : *Những thách thức trên con đường cải cách kinh tế ở Đông dương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 362

(3) Lê Khoa : *Kinh tế Việt nam*, Nxb Nguyễn Thị Xuân Lan, Sài gòn, 1971, t3, tr 640

(4) Edward Shaw : *Sđd*, tr 264

(5) Xem Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Thành : *Công nghệ ngân hàng thương mại Mỹ*, Nxb Giáo dục, Hà nội, 1993, tr 151

Digitized by Google

thấp có hiệu quả. Vì rằng, nếu lượng cung tiền tệ đột nhiên dư thừa, thì phần dư thừa sẽ chuyển thành lạm phát giá cả. Lãi suất thấp sẽ không còn có ý nghĩa trong việc huy động tiết kiệm và kích thích đầu tư. Ở Nhật, trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng nhanh, mặc dù mức cầu tiền tệ có lúc tăng rất cao, chính phủ vẫn duy trì một lượng cung tiền tệ gia tăng chậm chạp và một lãi suất cho vay được khống chế ở mức rất thấp trong nhiều năm (từ năm 1955 đến năm 1965)(6). Kết quả là nước Nhật đã thu hút được một khối lượng tư bản đầu tư khổng lồ vào các chương trình phát triển công nghiệp hướng ngoại, trung và dài hạn, từ khu vực tư nhân. Đó cũng là nguồn gốc cơ bản khiến kinh tế Nhật tăng trưởng nhanh một cách thần kỳ vào những năm tiếp theo (1965-1985).

Hiện nay, nước ta đang chuyển sang nền kinh tế thị trường với phương châm áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại nhằm đẩy nhanh kinh tế. Tốc độ tăng trưởng và sự thành công trong các chính sách kinh tế phục vụ tăng trưởng phụ thuộc quan trọng vào sự điều tiết và cân đối vĩ mô. Chính sách tiền tệ và tín dụng là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng. Để điều tiết và định hướng phát triển nền kinh tế, nhà nước sử dụng công cụ lãi suất để kiểm soát lượng cung tiền tệ. Vấn đề đặt ra là : cần điều tiết lãi suất và kiểm soát cung tiền tệ trên cơ sở nào để kinh tế có thể tăng trưởng ổn định và lâu dài ?

Về mặt *định tính*, lãi suất tín dụng có thể phân thành hai loại : lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực. Lãi suất *danh nghĩa* là lãi suất được niêm yết bằng văn bản, luật định và có hiệu lực thi hành như niêm yết. Lãi suất *thực* là hiệu số giữa lãi suất danh nghĩa nói trên với tỷ lệ lạm phát trung bình trong cùng thời gian. Thí dụ : NHTƯ và các NHTM quy định lãi suất tiết kiệm bình quân là 1,5%/tháng (hay 18% /năm), thì đó là lãi suất danh nghĩa. Nếu trong năm (so sánh đầu với cuối năm) chỉ số giá cả hàng tiêu dùng bình quân lạm phát khoảng 9% thì lãi suất thực bằng : 18% - 9% = 9%.

Lãi suất tín dụng thông thường có hai loại: lãi suất *tiền gửi* và lãi suất *cho vay*. Hai lãi suất đó có sự chênh lệch nhau nhưng luôn biến đổi cùng chiều, cho nên trong bài, để tránh lặp, chúng tôi chỉ sử dụng một từ "lãi suất".

Về mặt *định lượng*, lãi suất có thể cao hay thấp. Là một trong những chi phí khả biến của kinh doanh, lãi suất cao hay thấp thường là so sánh với lợi tức bình quân của doanh nghiệp trong từng thời kỳ của nền kinh tế. Giả định vào thời điểm này lãi suất cho vay đầu tư của NHTM là 2,6%/tháng (hay 31,2%/năm). Nếu lợi tức bình quân của các doanh nghiệp trong toàn quốc (sau khi trừ các chi phí sản xuất nhưng chưa trả lãi vốn vay) còn từ *2,7% trở lên* so với tổng doanh số tháng, thì lãi suất ấy được xem là *thấp* hoặc *rất thấp*. Ngược lại, nếu lợi tức nói trên (sau khi trừ các chi phí sản xuất nhưng chưa trả lãi vốn vay) còn từ *2,6% trở xuống* so với tổng doanh số tháng, thì lãi suất ấy được xem là *cao* hoặc *rất cao*.

Cơ sở để định vị lãi suất do đó, là lợi tức doanh nghiệp từng thời kỳ của nền kinh tế. Ở những giai đoạn phát triển khác nhau của nền kinh tế, lợi tức doanh nghiệp thường khác nhau. Lịch sử phát triển của khoa học kinh tế một trăm năm trở lại đây cho thấy, lợi tức doanh nghiệp luôn *tỷ lệ nghịch* với trình độ và mức độ phát triển của nền kinh tế ; và điều này đúng cho mọi quốc gia. Ở nước kinh tế kém phát triển, lợi tức doanh nghiệp bình quân thường cao, và nền kinh tế còn nhiều tiềm năng chưa khai thác. Nhưng khi nước đó đã bước vào giai đoạn phát triển, mọi tiềm năng đều được khai thác, cạnh tranh diễn ra thì lợi tức doanh nghiệp sẽ giảm dần.

Lợi tức doanh nghiệp là một đại lượng bất định, giảm dần theo mức độ phát triển của nền kinh tế. Cho nên, một mức lãi suất thấp là điều cần duy trì để tạo nên sự tăng trưởng ổn định. Đương nhiên, mức lãi suất thấp này cũng phải thay đổi theo từng thời kỳ tương ứng với sự thay đổi của lợi tức doanh nghiệp.

Nếu lương và các khoản phải trả về mặt bằng, khấu hao... thuộc về chi phí sản xuất, thì *lợi tức doanh nghiệp* gồm *ba* bộ phận : *thuế phải nộp, tiền lãi vốn vay phải trả*, và *lợi nhuận ròng*. Nếu khoản thuế phải đóng không quá cao, thì lợi nhuận ròng của nhà sản xuất

(6) Xem Sueo Sekiguchi : *Kinh nghiệm Nhật bản về quản lý doanh nghiệp*, Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh xuất bản, 1993, tr 65

Digitized by Google

liên quan mật thiết với lãi vay phải trả cho ngân hàng. Động cơ kích thích doanh nghiệp mở rộng sản xuất là mức độ lợi nhuận ròng cao. Đó là lý do vì sao lãi suất thấp luôn là phương sách tốt cho sức bật của nền kinh tế. Theo chúng tôi, đối với những doanh nghiệp hoạt động bằng 100% vốn vay, lãi suất có thể được coi là hợp lý hoặc thấp chừng nào trong phần lợi tức doanh nghiệp còn lại sau khi đã trừ thuế phải nộp cho nhà nước, lãi vay phải trả chỉ chiếm từ *50% trở xuống*. Ngược lại, nếu tỷ lệ trên là từ *50% trở lên*, thì lãi suất có thể được coi là cao hoặc quá cao, khi đó nó sẽ hạn chế khả năng mở rộng sản xuất và đầu tư trung hạn, dài hạn.

Khía cạnh thứ hai của chính sách tiền tệ phục vụ tăng trưởng là việc kiểm soát mức cung tiền tệ trong mỗi thời kỳ. Mức cung tiền tệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có *hai* yếu tố chủ đạo do nhà nước quyết định: mức *dự trữ* và mức *phát hành* tiền.

Trong trường hợp mức dự trữ xuống đến 10% theo lý thuyết, lượng bút tệ tạo ra theo hệ quả *số nhân* của cung tiền tệ là điều hoàn toàn kiểm soát được. Lúc đó việc kiểm soát cung tiền tệ sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế phụ thuộc vào khối lượng tiền giấy do NHTƯ phát hành. Về mặt lý thuyết, việc cung ứng tiền mặt của NHTƯ phụ thuộc vào mức cầu tiền tệ của nền kinh tế, ngân sách quốc gia và kế hoạch đầu tư. Mức cầu tiền tệ lớn hay nhỏ phụ thuộc vào *khuynh hướng tiết kiệm thêm trên hạn mức**.

Ở những nước đang phát triển, thu nhập quốc dân bình quân đầu người chỉ bảo đảm mức sống trên dưới mức sống tối thiểu bình quân của thế giới, thì khuynh hướng tiết kiệm thêm trên hạn mức thường thấp, vì gần như toàn bộ thu nhập được sử dụng cho tiêu dùng. Khi các nước đó đã phát triển và ngày càng phát triển thì khuynh hướng tiết kiệm thêm trên hạn mức sẽ tăng dần. Vì khi những nhu cầu sống cơ bản đã được thỏa mãn, phần thu nhập vượt trội của người dân sẽ bắt đầu được dành cho tiết kiệm. Trong trường hợp *thứ nhất* tổng quỹ tiết kiệm trên GDP thấp, do đó tổng tích sản ký thác trong hệ thống ngân hàng cũng thấp. NHTƯ khi ấy sẽ phải phát hành nhiều tiền mặt để thỏa mãn nhu cầu về tiền tệ. Trong trường hợp *sau*, khi tổng tiết kiệm cho ký thác đã gia tăng, lượng tiền mà NHTƯ phải phát hành đương nhiên sẽ ít hơn. Khuynh hướng tiết kiệm càng lớn thì cung tiền mặt của NHTƯ sẽ càng nhỏ.

Hiện nay ở nước ta thu nhập quốc dân bình quân đầu người còn ở mức thấp (khoảng 200 USD/người/năm), nên tiền gửi tiết kiệm chưa cao. Do đó, khi xác định chính sách tiền tệ và lãi suất cần xử lý như sau :

1. *Về lãi suất cho vay*, giữ ở mức dưới 50% so với lợi tức doanh nghiệp sau khi nộp thuế, để giữ độ an toàn cho doanh nhân, kích thích đầu tư trung và dài hạn cho sự tăng trưởng về lâu dài.

2. *Về chính sách tiền tệ*, tập trung làm mấy việc :

+ NHTƯ hạ mức dự trữ bắt buộc để gia tăng đến mức tối đa tổng khối bút tệ trong lưu thông.

+ Nâng lãi suất tiền gửi đến biên độ tối đa để hút tiền nhàn rỗi vào ký thác.

+ Khống chế có hiệu quả hơn mức lạm phát và bội chi ngân sách.

+ Tranh thủ các nguồn vốn viện trợ và vốn vay phát triển từ bên ngoài để gia tăng tích sản một cách có bảo đảm, nhằm tăng nguồn tài trợ cho đầu tư và phát triển.

Ở giai đoạn hai, khi thu nhập quốc dân bình quân đầu người đã ngang mức hoặc trên mức 300 USD/người/năm, thì xử lý tiếp như sau :

1- *Về lãi suất cho vay*, duy trì ở mức trên dưới 50% so với lợi tức doanh nghiệp sau khi nộp thuế, để tiếp tục khuyến khích đầu tư và mở rộng tiềm năng sản xuất của khu vực tư nhân.

2- *Về chính sách tiền tệ*, khuyến khích việc tiết kiệm bắt buộc trong nhân dân, đưa tỷ lệ tiết kiệm này lên mức ít nhất bằng 20% GDP. Năm 1990, In-đô-nê-xi-a đã có tổng số tiết kiệm bằng 30% GDP.

Nhà nước cần tiếp tục khống chế, kiểm soát lạm phát và chi tiêu ngân sách một cách có hiệu quả, tiến tới có một ngân sách thặng dư để tài trợ cho đầu tư và tăng trưởng kinh tế, hạn chế mức cung tiền mặt trong nền kinh tế.

* Cũng có người dịch là *khuynh hướng tiết kiệm biên tế*, tiếng Anh là "Marginal propensity to save" (MPS)

Digitized by Google

BÍ THƯ "BA SỐ"

NGUYỄN TIẾN DÂN

MẤY năm nay, năm nào tôi cũng có một vài lần về quê nói chuyện thời sự. Nghề nghiệp của tôi phải đọc nhiều, đi nhiều, vì thế vốn kiến thức và vốn sống của tôi cũng khá khá. Tôi lại có cách nói "tàm tạm có duyên", cho nên những buổi nói chuyện của tôi không đến nỗi "nhạt thếch như nước ao bèo". Nhờ những buổi nói chuyện như thế mà quan hệ giữa tôi và lớp cán bộ xã hiện nay trở nên thân thiết. Tôi thuộc thế hệ đàn anh của họ và được họ nhất loạt gọi tôi là "anh" xưng "em". Thành thử tôi cũng bỗ bã gọi họ là "em" xưng "anh". Vừa rồi, sau buổi nói chuyện thời sự, xã mời tôi ăn bữa cơm trưa. Trong cái không khí thân mật đầy tính chất gia đình ấy, tôi nói với đồng chí bí thư đảng ủy : Tuấn này, em là "bí thư ba số" đấy. Em chưa hiểu. Hôm đại hội đảng bộ, em được 100% số phiếu bầu vào đảng ủy, sau đó lại được 100% số phiếu bầu vào ban thường vụ và cuối cùng là 100% số phiếu bầu làm bí thư. Như vậy chẳng phải là ba số đó sao. Nhưng ba số của em là ba số 1, chứ không phải ba số 5 như thuốc lá ba con nam ("555") đâu. Mọi người cười vui. Thấy thế, cậu tích xã nói xen vào : cách đây mấy khóa anh chẳng về dự đại hội để xem bọn em bị "đánh" ra sao. Bị "đánh" ? ! Và, ai "đánh"?! Tôi ngạc nhiên hỏi. Anh cứ về hỏi bác (tức bố tôi - NTD) thì khắc rõ.

Chiều hôm đó, tôi chưa ra Hà nội ngay mà ở lại đàm đạo với "cụ thân sinh" (bố tôi vốn là một cán bộ cách mạng lão thành ; hoạt động và vào Đảng từ trước năm 1945). Sau mấy chén trà nóng thơm phức hương sen, tôi hỏi : Bố ơi, hồi trước cậu Tuấn bí các cụ về hưu "đánh" ghê lắm phải không ? Nói là đánh thì hơi quá ; phải nói chính xác hơn là chưa tin. Mà cũng không thể nói là "các cụ" theo kiểu "vơ đũa cả nắm" như thế được, mặc dù con số không ủng hộ Tuấn là con số nhiều. Bố tôi nói tiếp : Một số cán bộ hưu trí có bề dầy hoạt động cách mạng, lại vốn sẵn tính công thần, cho nên thấy lớp cán bộ trẻ của xã cứ diện com-lê cờ-ra-vát, phóng xe máy vù vù là không chịu được. Họ gọi đó là lớp "đảng viên cổ cồn". Đã không có thiện cảm thì tất nhiên phải phản đối và cuối cùng, sự phản đối đó được thể hiện trên lá phiếu bầu. Con biết đấy, xã mình trên 60% số đảng viên là cán bộ, bộ đội hưu trí, nghỉ mất sức hoặc xuất ngũ thì cái việc cậu Tuấn suýt nữa bị "trượt" cũng dễ hiểu. Hồi đó, nó mới được bầu làm bí thư Đoàn thanh niên của xã, chưa tham gia đảng ủy khóa nào. Nhưng đến đại hội đảng bộ, huyện chủ trương đưa nó vào cấp ủy rồi làm bí thư luôn. Biết được ý đồ đó, nhiều đảng viên là cán bộ về hưu bèn phản đối. Họ mở chiến dịch vận động tẩy chay Tuấn. Nhờ có sự chỉ đạo rất khéo mà Tuấn mới trúng vào đảng ủy (nhưng phiếu thấp nhất). Và, cũng nhờ có sự chỉ đạo rất khéo nên Tuấn mới được bầu vào ban thường vụ và làm bí thư. Nhưng dù sao cũng phải thừa nhận rằng - bố tôi nói - Tuấn là một cán bộ trẻ rất giỏi và có bản lĩnh. Điều đó thể hiện ở chỗ :

Thứ nhất, *nó đã tháo được "ngòi nổ" trong số cán bộ cũ và cán bộ về hưu.* Sau khi được bầu làm bí thư đảng ủy, nó triệu tập ngay một hội nghị "cán bộ lão thành" bao gồm những cán bộ trung, cao cấp về hưu và những người nguyên là cán bộ chủ chốt của xã các khóa trước đây. Tại hội nghị đó, nó thành thật và khiêm tốn nhận mình còn non nớt về nhiều mặt, so với "các cụ, các bác" nó chỉ đáng bậc học trò. Nó coi "các cụ, các bác" là những bậc tiền bối, là vốn quý của Đảng, có tiềm năng rất lớn. Nó mong nhận được sự chỉ bảo chân thành của "các cụ, các bác". Cuối cùng nó hứa sẽ làm hết sức mình vì sự phồn thịnh của quê hương và sau vài năm nếu thấy có điều hiếu không đảm đương nổi công việc nó sẽ xin từ chức... Thấy Tuấn chân thành và thực sự cầu thị, "các cụ, các bác" cũng bớt đi những định kiến, những ác cảm ban đầu. Từ sự bất bình, "các cụ, các bác" chuyển sang im lặng

Digitized by Google

chờ xem và cuối cùng thì ủng hộ. Mối quan hệ giữa cán bộ cũ với cán bộ mới, giữa cán bộ già và cán bộ trẻ, giữa cán bộ đương chức và cán bộ về hưu của xã ngày một được cải thiện rồi trở nên tốt đẹp.

Thứ hai, *không chỉ chân thành và khéo ứng xử, Tuấn còn là con người thật sự có tài năng.* Bố tôi khen Tuấn như vậy. Ông bảo : lớp cán bộ trẻ hiện nay có [illegible]ay mới lám. Họ dám nghĩ, dám làm, biết làm và dám chịu trách nhiệm. Quả đúng như vậy. Từ ngày Tuấn làm bí thư, bộ mặt xã tôi có sự khởi sắc rõ rệt. Tuấn bàn với đảng ủy : lâu nay xã mình chỉ độc canh cây lúa, giá trị kinh tế không cao, nếu cứ vấn vương mãi với nó thì chẳng bao giờ ngóc đầu lên được. Sau đó, Tuấn trình bày trước đảng ủy rất cụ thể về luận chứng kinh tế kỹ thuật của phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế với khẩu hiệu : "biến ruộng thành vườn, biến vườn thành công viên". Đảng ủy ủng hộ Tuấn. Chưa yên tâm, Tuấn còn triệu tập "hội nghị cán bộ lão thành" để xin ý kiến đóng góp của các cụ, các bác và sau đó là hội nghị các "lão nông tri điền" cũng với nội dung như vậy. Trong hai hội nghị đó, có một vài ý kiến còn tỏ ra bán khoăn, nhưng đa số thì tán thành, ủng hộ. Tuấn cũng xin ý kiến của huyện ủy và huyện ủy cũng bật "đèn xanh". Thế là một cuộc cách mạng về kinh tế bắt đầu. Hàng năm, xã cứ thu hẹp dần diện tích trồng lúa để thay vào đó là các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như táo, quất, cam, quýt, đào và cây cảnh... Cùng với các loại cây trồng mới, cơ cấu con vật nuôi cũng thay đổi. Người dân không chỉ đơn thuần nuôi lợn, nuôi vịt như trước nữa ; nhiều gia đình đã bắt đầu nuôi rắn, ba ba, ếch... theo quy mô lớn. Sau vài năm thử nghiệm, thực tế cho thấy phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà Tuấn đề xuất là hoàn toàn đúng đắn. Một hướng đi mới của xã được định hình và kết quả thật khả quan : thu nhập bình quân trên một ha tăng từ 5 triệu đồng/năm lên xấp xỉ 50 triệu đồng/năm. Do mức tăng trưởng kinh tế ngày càng cao, cho nên cơ sở hạ tầng cũng phát triển toàn diện. Hệ thống "điện, đường, trường, trạm" chỉ trong một thời gian ngắn đã được xây dựng hoàn chỉnh. Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao rõ rệt ; nhiều gia đình đã tính tới chuyện mắc điện thoại riêng. Những điều như thế trước đây ở quê tôi người dân chỉ dám nằm mơ. Từ chỗ chỉ được xếp vào loại "thường thường bậc trung", ngày nay xã tôi đã vượt lên trở thành một điển hình tiên tiến về nhiều mặt.

Thứ ba, *Tuấn tập hợp và đoàn kết được đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã.* Không hiểu sao về điểm này bố tôi khen Tuấn hết lời. Tôi nhớ, có lần Tuấn đã nói với tôi : không biết về mặt lý luận các anh nghiên cứu ra sao chứ từ thực tế của xã mình em thấy rất rõ một điều là nếu đội ngũ cán bộ chủ chốt mà quay lưng lại với nhau, không hợp tác với nhau và mất đoàn kết thì phong trào không thể nào phát triển được. Có lẽ do nhận thức đúng đắn như vậy cho nên Tuấn đã hết sức chăm lo xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã mà trước hết là các chức danh : bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ nhiệm hợp tác xã, trưởng công an xã và xã đội trưởng. Một điều không ngờ là hầu hết đội ngũ cán bộ của xã đều phục Tuấn, chịu Tuấn và nghe theo lời Tuấn. Bố tôi bảo : làm được như thế phải là một cán bộ có bản lĩnh, có tài và có tâm. Tôi nói thêm : hẳn là như vậy.

Thứ tư, *Tuấn có phẩm chất đạo đức trong sáng.* Bố tôi khen Tuấn làm lợi cho xã hàng tỉ đồng nhưng không hề xơ múi một xu nào của tập thể. Tôi bảo : bố có khen quá lời không đấy. Ông trả lời : không hề. Tôi giả vờ thắc mắc : Thế cái nhà hai tầng và cái xe máy DREAM II cục xịn nó lấy ở đâu ra. Bố tôi bênh : tiền túi của nó. Rồi ông giải thích : cái anh đã biết làm giàu cho tập thể thì nó cũng thừa sức làm giàu cho cá nhân một cách chính đáng. Tuấn làm VAC giỏi lắm. Vợ Tuấn cũng tháo vát chẳng kém gì chồng. Đã thế, nó lại biết kế hoạch hóa gia đình ; sinh đứa con thứ hai thì thôi đẻ ; như thế làm gì chẳng giàu. Vả lại, ở xã mình bây giờ khối anh còn giàu hơn Tuấn.

Sau mấy tiếng đồng hồ đàm đạo với "cụ thân sinh", không hiểu sao tôi thấy mình vui hẳn lên và dễ tính hơn đối với mọi người.

Digitized by Google

"ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ VĂN HÓA"

(Thu hoạch nhỏ sau khi đọc tác phẩm
***Văn hóa và đổi mới** của đồng chí Phạm Văn Đồng)*

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

CUỐN sách *Văn hóa và đổi mới* của đồng chí Phạm Văn Đồng * ra đời vào thời điểm hiện nay có ý nghĩa hết sức lớn lao. Cuốn sách đã đề cập và lý giải nhiều vấn đề lớn và quan trọng như : văn hóa và lịch sử, văn hóa và nền kinh tế quốc dân, văn hóa và xã hội, văn hóa và hệ thống chính trị, văn hóa và xu thế đổi mới... Vấn đề nào cũng có tầm khái quát cao, gợi ra nhiều ý sâu, mở ra những suy nghĩ mới. Tôi đặc biệt chú ý luận điểm : *"Định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa"* ** được tác giả chốt lại ở trang 6 và trang 45. Tôi cho đây là một nhận xét rất tinh tế, bao quát và sâu sắc. Và cũng có thể nói đây là một chủ điểm xuyên suốt cuốn sách.

Như tác giả đã nói ý định của mình là muốn qua cuốn sách này "rọi ánh sáng văn hóa" vào các hoạt động kinh tế, chính trị , xã hội,... để làm nổi rõ những thành tựu, phân biệt với những hư hỏng và nguy cơ đang phá hoại sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Văn hóa mà tác giả nói ở đây là hàm nghĩa "nhận thức và vận dụng một cách thích hợp và có hiệu quả các quy luật của xã hội con người, cũng như của thế giới tự nhiên" (tr. 5) ; "thể hiện một cách rõ rệt bản chất sâu xa của con người và cộng đồng con người" (tr. 41).

Vậy định hướng xã hội chủ nghĩa là gì ? Vì sao định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa ? Làm thế nào để thực hiện được định hướng xã hội chủ nghĩa ?

Đồng chí Cố vấn cho rằng, *việc xác định định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.* Bởi vì định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ nêu lên lý tưởng để vươn tới mà còn là một hệ thống các giải pháp làm nên sức mạnh và thế mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, là sự kích thích vật chất đồng thời là sự cổ vũ tinh thần rất giàu những tiềm lực mà chúng ta chưa khai thác tốt. Nó bắt nguồn và bắt rễ từ mảnh đất văn hóa : truyền thống văn hóa của dân tộc, tinh hoa văn hóa của thời đại, xu thế phát triển của lịch sử và nhu cầu, khát vọng của nhân dân.

Một nước nông nghiệp lạc hậu như nước ta muốn tiến lên trong thời đại ngày nay, không có cách nào khác là phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi vì thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ của khoa học và công nghệ, thời đại phát triển nhanh chóng đến lạ lùng của lực lượng sản xuất và nền kinh tế theo chiều hướng xã hội hóa và toàn cầu hóa, thời đại mở ra những khả năng xuất hiện những chế độ hướng theo chủ nghĩa xã hội với nhiều mô hình cụ thể. Đây là xu thế tất yếu của lịch sử, là quy luật vận động tự nhiên của xã hội, dù rằng những người trong cuộc có khi không hề biết về học thuyết Mác. Diễn biến của xã hội loài người dù phải qua những khúc quanh co, những bước thoái trào, nhưng rốt cuộc bao giờ cũng tiến về phía trước.

Việc Đảng ta đề ra đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nắm bắt trúng quy luật khách quan, đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân, của dân tộc. Tác giả nhiều lần khẳng định : "Sự nghiệp đổi mới của chúng ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa không thể cái gì khác là tiến tới chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu của đổi mới, nguyện vọng và ý chí của dân tộc" (tr. 128).

---

* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994

** Tất cả những câu trích ở bài này là rút trong cuốn sách

Digitized by Google

Trong nhiều cuốn sách và bài viết trước đây, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nêu ra và luận giải về đặc điểm và giá trị của nền văn hóa Việt nam, về ý nghĩa của hai ngọn cờ sóng đôi độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lần này ở một tầm khái quát mới, tác giả lại nhấn mạnh : di sản văn hóa Việt nam có thể đúc kết thành hai điểm : *tính cộng đồng gắn với độc lập dân tộc và xu thế nhân văn*. Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, với thời đại Hồ Chí Minh, di sản đó trở thành *độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội* (tr. 38 và 88). Sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt nam chính là ở ý chí sẵn sàng hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ, ở ý chí và khí phách quyết phấn đấu đến cùng để giành quyền được sống trong độc lập tự do và mưu cầu công bằng, hạnh phúc.

Định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ có ý nghĩa và chỉ có điều kiện phát triển khi nó gắn liền với độc lập dân tộc. Cũng như độc lập dân tộc chỉ bền vững khi có chế độ xã hội chủ nghĩa bảo đảm. Độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa không có mục đích nào khác là vì con người và cộng đồng con người Việt nam. Sở dĩ chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt hơn, tiến bộ hơn chế độ bóc lột là vì nó rất coi trọng con người, làm tất cả vì con người và do con người - con người với tất cả các nhu cầu lớn lao về *dân sinh, dân trí, dân chủ*.

Đổi mới là văn hóa ; định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa. Vì đó là sự định hướng đúng đắn, khôn ngoan và trí tuệ, nó xác định một con đường đi hợp quy luật, hợp lòng dân. Nó phản ánh một cách nhìn, một cách nghĩ có văn hóa : kết hợp được những giá trị truyền thống sâu xa trong lịch sử với những thành tựu mới nhất của thời đại. Nó chủ trương vận dụng thành quả to lớn của loài người (phát triển lực lượng sản xuất bằng kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước) kết hợp với phát huy ngày càng đầy đủ hơn tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, ngăn ngừa và loại trừ những bất công, những thói tệ bóc lột, gian dối, áp bức.... ; giải phóng con người ra khỏi những xích xiềng nô lệ - điều mà chủ nghĩa tư bản do bản chất và những mâu thuẫn cơ bản nội tại sâu xa của nó, nó không sao làm nổi.

Phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước để đi dần lên chủ nghĩa xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa chẳng những không đối lập với kinh tế thị trường mà còn là phương hướng tất yếu để phát triển kinh tế thị trường ở nước ta trong thời đại ngày nay. Cần kết hợp mặt tích cực của kinh tế thị trường với những đặc trưng ưu việt của chế độ xã hội mới do nhân dân lao động làm chủ để làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Theo tác giả phân tích : dân giàu là mọi người dân đều giàu ; giàu của cải vật chất, giàu văn hóa tinh thần. Mọi người dân đều được làm giàu chân chính, hợp pháp ; giàu bằng chính tài năng, sức lực, trí thông minh của mình ; làm giàu cho mình và cho đất nước, cho cộng đồng, cho xã hội. Làm giàu phải đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Giàu mà không chà đạp lên người khác, không bóc lột người khác.

Dân giàu như thế thì nước sẽ mạnh. Dân giàu phải đi đôi với nước mạnh. Dân giàu nước mạnh phải gắn với công bằng và văn minh. Xã hội có công bằng thì mới có văn minh. Công bằng là điều kiện quan trọng của một xã hội văn minh. Công bằng về lợi ích, công bằng trong cống hiến và hưởng thụ ; công bằng trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa tầng lớp này với tầng lớp khác, giữa địa phương này với địa phương kia... phù hợp với khả năng và điều kiện kinh tế của đất nước.

Một xã hội văn minh là một xã hội xây dựng được quan hệ giữa con người với con người lành mạnh, giàu tình thương và lòng nhân ái ; mọi người sống, làm việc và hoạt động vì lợi ích của bản thân, gia đình và cộng đồng. Tự do và lợi ích của mỗi người được giới hạn bởi tự do và lợi ích của những người khác ; con người sống và đối xử với nhau theo đạo lý : "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Xã hội văn minh là xã hội có văn hóa. Trình độ văn minh của một xã hội tùy thuộc ở trình độ văn hóa của mỗi con

Digitized by Google

người và cả cộng đồng, ở sự thống nhất và hòa hợp giữa *phép nước* và *lòng dân*.

Tóm lại, định hướng xã hội chủ nghĩa là nhằm mục tiêu cao cả giải phóng con người, tất cả vì con người và do con người. Sự phát triển kinh tế gắn với văn hóa là nhằm phục vụ con người, phục vụ cộng đồng dân tộc, từng bước vươn lên. Và vì thế nó là văn hóa, văn minh.

Tuy nhiên, như đồng chí Cố vấn chỉ rõ, *đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là công việc không dễ dàng, đơn giản*. Trái lại, nó là công việc to lớn, phức tạp, đầy khó khăn thử thách, nhất là vào thời điểm thế giới và trong nước đang có những diễn biến nhanh chóng và lắt léo đầy nghịch lý như hiện nay. Đó là những công việc chưa có tiền lệ ; chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ, đòi hỏi phải dày công suy nghĩ, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn ; hằng ngày hằng giờ phải xử lý những công việc rất phức tạp, phải giải những bài toán đầy ẩn số. Đổi mới và đi lên theo chủ nghĩa xã hội bằng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường và mở cửa, sử dụng nhiều hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước, đòi hỏi phải rất sáng suốt, có bản lĩnh, có cách nhìn và tầm nhìn rộng lớn. Đồng chí Cố vấn nhấn mạnh : thắng hay bại là tùy thuộc ở chúng ta . Vững vàng, kiên định, quyết chiến quyết thắng và khôn ngoan, sáng tạo như đã làm trong hai cuộc kháng chiến thì thắng ; còn do dự, nghiêng ngả, chưa đánh đã sợ thì thất bại (tr. 92). Bài toán có thể không giải được với những ai yếu bóng vía hoặc ngả nghiêng, thậm chí muốn đi con đường khác (tr. 50 - 51).

Chúng ta tin rằng đất nước ta, dân tộc ta sẽ chiến thắng, sẽ giải được những bài toán hóc búa như đã từng giải trong thời gian qua. Bởi dân tộc ta là dân tộc có văn hóa ; Đảng ta là người lãnh đạo có trí tuệ; nhân dân ta rất dũng cảm và thông minh ; Nhà nước ta ngày càng có kinh nghiệm quản lý và trưởng thành. Điều quan trọng quyết định là phải phát huy được truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, không cam chịu đói nghèo, thua kém người khác ; quyết vươn lên xây dựng đất nước bằng chính sức mình ; đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau ; mở rộng quan hệ bang giao quốc tế.

Về *phương hướng và giải pháp bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, tác giả nêu ra nhiều mặt, bao gồm cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại... Trong đó vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường vai trò quản lý và sức mạnh của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề rất quyết định.

Tác giả phân tích : đổi mới là sự nghiệp đầy trí tuệ, mang tính văn hóa của toàn dân. Vì vậy, phải dựa vào dân, và chỉ có dựa vào dân thì mới có phương sách, có phong trào, giải quyết có hiệu quả những vấn đề cơ bản và bức xúc. Chỉ khi nào nhân dân đứng lên thật sự làm chủ cuộc sống của mình với tất cả quyền lực và trách nhiệm, thì đó là nhân tố có tác dụng bảo đảm vững chắc nhất mọi thắng lợi của cách mạng (tr. 126).

Phát huy trí tuệ, sức lực và sự sáng tạo của nhân dân đi liền với việc nâng cao chất lượng và hiệu lực quản lý của nhà nước - một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, phép nước và lòng dân là một. Trong tình hình hiện nay phải chú ý đề cao phép nước, kỷ luật, kỷ cương của nhà nước. Phép nước không nghiêm, luật pháp không được mọi người tôn trọng thì làm sao chúng ta tạo được môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, làm sao xây dựng được một xã hội lành mạnh ? Ở đây, tác giả nêu ra một nhận xét khá thú vị : "Hiện nay, nền kinh tế thị trường hình như đang có đà phát triển nhanh hơn năng lực quản lý của nhà nước. Phải coi chừng sự năng động của nó, bởi nó đưa đến hậu quả thị trường phát triển tự phát với biết bao nguy hại, có thể đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa" (tr. 90). Rõ ràng, việc đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước là hết sức cấp bách nhằm đáp ứng đòi hỏi của quản lý nền kinh tế quốc dân, quản lý đời sống xã hội và con người, quản lý hoạt động trong nước cũng như hoạt động đối ngoại.

Nhân tố hàng đầu quyết định tính định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Các thế lực thù địch muốn xóa

Digitized by Google

bỏ chủ nghĩa xã hội chỉ cần thủ tiêu hoặc vô hiệu hóa sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Ở Liên xô, Đông Âu và các nước khác, khi đảng cộng sản mất vai trò lãnh đạo thì tự nhiên chế độ xã hội chủ nghĩa không còn, đất nước đi theo con đường khác. Ở ta đổi mới càng phát triển , đất nước càng đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì càng cần có sự lãnh đạo của Đảng và Đảng càng phải nâng cao tầm vóc của mình. Hiện nay, sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết nhất trí trong đảng, tính tiền phong gương mẫu (cả về trí tuệ và phẩm chất) của cán bộ, đảng viên có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Bởi vì nếu hôm qua, con tàu của chúng ta phải vượt qua sóng to gió lớn thì hôm nay con tàu chẳng những phải vượt qua sóng to gió lớn mạnh hơn mà còn có cả sóng ngầm và đá ngầm. Đây là thách thức có tính sống còn đòi hỏi người cầm lái, người thuyền trưởng và người thủy thủ ở vị trí chiến đấu của mình phải lớn lên vượt bậc, dũng cảm và tài năng, vật lộn với sóng gió, đồng thời chủ động vượt qua sóng gió, vượt qua mọi chướng ngại để đưa con tàu đi đến mục tiêu đã định.

Toàn bộ sự trình bày của tác giả về định hướng xã hội chủ nghĩa nêu trong cuốn sách, theo tôi hiểu, là để đi đến kết luận này : Định hướng xã hội chủ nghĩa là vân hóa ; định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu. Trong tình hình hiện nay ở nước ta, việc Đảng ta nêu ra định hướng xã hội chủ nghĩa là một sáng kiến lớn, đáp ứng yêu cầu đi lên của cách mạng nước ta. Định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ ra mục tiêu vừa trước mắt, vừa lâu dài, bao hàm những chủ trương, chính sách và biện pháp nhằm xây dựng xã hội mới. Về trước mắt, đây là định hướng. Về lâu dài, định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng sinh hoa kết quả, ngày càng rõ nét, dần dần không chỉ là *định hướng* xã hội chủ nghĩa mà là *định hình* xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội theo bản sắc Việt nam.

Vài suy nghĩ...

(Tiếp theo trang 40)

tuệ, bản lĩnh, lương tri của mỗi nhà văn. *Thứ ba*, một số trường hợp rất ít, do những nguyên nhân thù nghịch chế độ, đã ra sức chống phá cách mạng. Ngòi bút của họ đã cố tình phản lại lợi ích của dân tộc và quốc gia, đi ngược lại mong ước của đại đa số nhân dân.

Với trường hợp thứ nhất và thứ hai, người đọc có thể hiểu và thông cảm với nghệ sĩ, nhắc nhở họ cần phải tỉnh táo hơn, bản lĩnh hơn trong lĩnh vực đầy sáng tạo này. Với trường hợp thứ ba, xã hội cần phải cương quyết đấu tranh vạch trần những mưu đồ xấu xa của họ cũng như của những thế lực thù nghịch đứng đàng sau họ.

Trong cuộc sống hiện nay không còn hiếm những cán bộ, đảng viên hôm qua anh dũng trước kẻ thù, nay đã lạc chân, sa ngã trước sức quyến rũ của đồng tiền và ăn chơi trụy lạc. Cũng không ít đảng viên vì lợi ích cá nhân mà xa rời quần chúng, vi phạm pháp luật, thậm chí gây nên tội ác. Văn học của chúng ta có trách nhiệm phê phán những hành động tiêu cực đó, xây dựng những nhân vật phản diện nấp sau danh nghĩa "đảng viên" phá hoại uy tín của Đảng. Phê phán để bảo vệ uy tín, khẳng định vai trò của người cộng sản chân chính.

Sau bao nhiêu năm "đổ mồ hôi, sôi giọt máu" cùng nhân dân, từ nhân dân mà ra, những người cộng sản vẫn nhất mực đi theo lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng mà nhân dân ta đã theo đuổi trong hơn nửa thế kỷ qua và dưới ánh sáng của lý tưởng cao đẹp đó, chúng ta đã lập nên được nhiều kỳ tích và đã vượt qua được nhiều thách thức của lịch sử. Những dấu hiệu đáng mừng hôm nay chứng tỏ đất nước đang vững bước đi lên. Sự nghiệp cách mạng vẫn là sự nghiệp của đông đảo quần chúng nhân dân. Song cuộc sống vẫn cần đến bàn tay, khối óc và tinh thần xả thân vì lý tưởng của những người cộng sản. Tìm ra những vẻ đẹp mới, phát hiện những tiềm năng sáng tạo và khả năng to lớn của những con người biết quên mình vì Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội, xây dựng nên những nhân vật cộng sản của thời kỳ đổi mới, là yêu cầu, là trách nhiệm của văn học Việt nam hôm nay.

Digitized by Google

TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA

VŨ KHOAN *

MỘT trong những xu thế lớn trên thế giới đang được đề cập tới nhiều là quá trình *quốc tế hóa* (hay còn gọi là *toàn cầu hóa)* và *khu vực hóa*. Các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta đã từng đề cập tới xu thế này. Cương lĩnh của Đảng có nói : "Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc" (1). Các nước trên thế giới, kể cả nước ta, không thể không tính đến xu thế đó trong khi hoạch định chính sách phát triển và quan hệ quốc tế. Vậy xu thế ấy do đâu mà có ? Mang những đặc điểm gì ? Và tác động ra sao tới sự phát triển của từng nước và mối quan hệ quốc tế ? Đó là những vấn đề lý luận và thực tiễn đáng quan tâm.

*

Trước hết ta hãy bàn về xu thế **toàn cầu hóa**.

Xu thế này đã xuất hiện từ lâu. Có thể nói "con đường lụa" từ Á sang Âu đã là biểu hiện sơ khai của xu thế này. Tới thế kỷ thứ XVI, với những đại phát kiến về địa lý và đặc biệt là từ thế kỷ thứ XVIII, khi loài người chuyển từ thời đại nông nghiệp sang thời đại công nghiệp thì nền kinh tế dần dần mang tính chất toàn cầu. Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C.Mác và Ph. Ăng - ghen đã chỉ rõ : "Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới... Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc" (2).

Vậy những nhân tố nào đã làm nảy sinh xu hướng đó ?

Trước hết phải nói đến sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất. Việc cải tiến một cách cơ bản và nhanh chóng các công cụ sản xuất đưa năng suất lao động lên một trình độ mới phá bung những khuôn khổ chật hẹp của nền sản xuất tự cung tự cấp khép kín trong phạm vi từng vùng, từng nước, hình thành thị trường toàn thế giới. CNTB đã góp phần thúc đẩy quá trình ấy. Các nhà kinh điển của CNXH khoa học đã chỉ rõ : "Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới" (3).

Năng suất lao động tăng làm cho vốn tích lũy ngày càng lớn, tạo ra nhiều "tư bản nhàn rỗi" cần được đầu tư ra bên ngoài ; đồng thời kích thích đầu tư khai thác nguyên - nhiên - vật liệu, xâm chiếm thuộc địa.

Việc cải tiến các phương tiện giao thông liên lạc làm cho xu thế toàn cầu hóa càng "tăng tốc". Không phải ngẫu nhiên mà quá trình toàn cầu hóa đã phát triển nhanh chóng khi thuyền buồm được thay thế bằng tàu thủy chạy bằng hơi nước, đường sắt phát triển mạnh mẽ và xe hơi ra đời lan truyền nhanh chóng ra các nước. Nói một cách khác, năng suất lao động tăng nhanh làm cho xu thế toàn cầu hóa trở thành nhu cầu, phương tiện giao thông hiện đại biến xu thế đó thành hiện thực.

Nhu cầu mở mang sản xuất, thị trường và nguồn nguyên liệu cũng như năng suất lao động tăng, lao động dư thừa ngày càng nhiều đưa tới những làn sóng di cư khổng lồ đi tìm "đất hứa".

Xem như vậy thì xu thế toàn cầu hóa xuất hiện và phát triển như một tất yếu khách quan dưới tác động của những biến đổi trong nền sản xuất của loài người. Nó đã trải qua *các thời kỳ khác nhau* với những đặc điểm khác nhau.

Thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ nhất, tức là thời kỳ CNTB tự do dần dần biến thành

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 6

(2) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t1, tr 542 - 546

(3) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, tr 545

Digitized by Google

CNTB độc quyền cũng là "thời đại hoàng kim" của xu thế quốc tế hóa. Trong thời kỳ này xuất khẩu tăng nhanh hơn sản xuất, luật lệ buôn bán tương đối tự do, bản vị vàng tương đối ổn định. Quá trình xuất khẩu tư bản đã bắt đầu và ngày càng tăng. Theo một số tính toán, tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài tính đến năm 1914 lên tới 44 tỉ đôla Mỹ, trong đó Anh đứng hàng đầu (chiếm 41%) rồi đến Pháp (20%) và Đức (13%) và chủ yếu được đưa vào các ngành khai thác nguyên liệu (55%), còn số vốn đầu tư vào công nghiệp chế tạo chỉ chiếm có 10%, còn lại là vào giao thông vận tải, dịch vụ.

Thị trường lao động mở rộng, số dân di cư rất lớn. Từ năm 1870 tới năm 1913 có tới 36 triệu người châu Âu rời bỏ quê hương, trong đó 2/3 sang Mỹ, số người Trung quốc và Ấn độ di cư sang các nước khác làm cu-li đồn điền cũng không nhỏ, ngay tại châu Âu thì không ít người Áo, Hung, Ba-lan, I-ta-li-a sang Pháp, Đức, Thụy-sĩ... tìm việc làm.

Trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, quá trình quốc tế hóa có chiều hướng chững lại. Đây là thời kỳ duy nhất trong lịch sử tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chậm hơn tốc độ phát triển sản xuất. Với sự ra đời của Liên xô đã xuất hiện hai nền kinh tế, hai thị trường phát triển theo các quy luật khác nhau. Nền kinh tế tư bản cũng bị chia ra thành các vùng ảnh hưởng khác nhau như khu vực đồng xtéc-linh, đồng phrăng, đồng mác, đồng đôla... Cuộc đại suy thoái năm 1929-1933 ảnh hưởng sâu đậm tới nền kinh tế thế giới, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch gia tăng, vị trí của bản vị vàng bị lung lay nghiêm trọng. Tình hình đó tác động tiêu cực tới quá trình toàn cầu hóa.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quá trình toàn cầu hóa lại phát triển với trình độ cao hơn và trong phạm vi rộng hơn. Một mặt, thế giới tiếp tục chia ra làm hai nền kinh tế và hai thị trường ; mỗi bên hình thành các thể chế riêng ; mặc dầu có sự giao lưu với nhau song ở mức độ rất thấp. Mặt khác, trong thế giới tư bản diễn ra hai quá trình đan xen nhau : hướng tâm và ly tâm, liên kết và phân hóa.

Về tiền tệ, hệ thống Bret-tơn Út (Bretton Wood) ra đời, đồng đôla Mỹ được sử dụng như một công cụ tài chính - tiền tệ chung thay cho bản vị vàng. Về thương mại thì ngay từ năm 1947 hệ thống GATT (Hiệp định chung về thương mại và thuế quan) hình thành ; xuất khẩu tăng mạnh, trội hơn hẳn sản xuất vật chất. Đầu tư phát triển cũng gia tăng mạnh mẽ "nối mạng" vốn đầu tư trên phạm vi toàn cầu.

Cuộc khủng hoảng dầu lửa đầu những năm 70 là bằng chứng hùng hồn về tính tùy thuộc lẫn nhau của thế giới ; việc các nước xuất khẩu dầu lửa tăng giá dầu đột biến làm cho nền kinh tế các nước công nghiệp phát triển chao đảo. Mặt khác, cuộc khủng hoảng ấy đã thúc đẩy các nước công nghiệp phát triển tận dụng những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, tiết kiệm nguyên-nhiên-vật liệu. Quá trình đó, tới lượt nó, lại thúc đẩy thêm cách mạng khoa học công nghệ phát triển, thay đổi một cách cơ bản tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, góp phần đẩy mạnh xu thế toàn cầu hóa.

Từ đó và đặc biệt ngày nay, xu thế toàn cầu hóa càng tăng mạnh, đạt trình độ cao chưa từng có. Khối lượng trao đổi hàng hóa và dịch vụ rất lớn, đầu những năm 90 đạt gần 3500 tỉ đôla, gấp 10 lần đầu những năm 70. Tổng số vốn đầu tư ở nước ngoài đạt 2125 tỉ đôla vào năm 1993; đầu những năm 90, vốn đầu tư ra nước ngoài bình quân hàng năm lên tới khoảng trên dưới 160 tỉ. Riêng năm 1993, các nước công nghiệp phát triển đầu tư ra ngoài 109 tỉ đôla, đồng thời nhận về 181 tỉ ; đối với các nước đang phát triển, tỉ lệ đó là 80/14, cả thế giới (không kể các nước Đông Âu không đầu tư ra ngoài) là 194/195. Toàn bộ tình hình đó tạo nên một mạng lưới chuyển dịch vốn đầu tư đan xen chằng chịt : giữa các nước công nghiệp phát triển với nhau ; từ các nước công nghiệp phát triển đưa vào các nước đang phát triển và thậm chí ngược lại ; giữa các nước đang phát triển với nhau ; giữa các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa... Do vậy, nền kinh tế từng nước không còn mang tính chất quốc gia thuần khiết mà ở mức độ khác nhau đều mang tính quốc tế.

Bên cạnh sự trao đổi hữu hình, một *nét mới* của quá trình toàn cầu hóa là *sự giao lưu cực kỳ sôi động về tài chính - tiền tệ trên phạm vi toàn cầu* ; cả năm 1992 đạt tới con số vũ trụ là 43000 tỉ đôla, gấp 12 lần giá trị trao đổi hàng hóa.

Digitized by Google

Tuy không còn những làn sóng di dân ồ ạt, song dòng người di chuyển cũng rất lớn. Ngày nay ở Tây Âu có tới 6 triệu người nước ngoài ; ở Trung Đông và Mỹ có 5 triệu ; đó là chưa kể hàng triệu triệu lượt người đi du lịch, kinh doanh ở nước ngoài. Mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường không, mạng lưới thông tin điện thoại, điện tín, FAX nối liền với nhau bủa ra khắp thế giới.

Nếu trước đây xu thế quốc tế hóa chủ yếu thể hiện qua việc trao đổi hàng hóa và vốn đầu tư, liên quan tới lĩnh vực sản xuất là chính, thì ngày nay, xu thế ấy lan sang nhiều mặt sinh hoạt của con người. Người ta đã có thể ngồi nhà theo dõi tất cả những gì xảy ra trên hành tinh cùng một lúc với các sự kiện diễn ra, thậm chí nay đã có khả năng dự hội nghị quốc tế mà không cần đi tới nơi họp.

Vậy những nhân tố gì đã tác động tới tình hình đó ?

Ngoài những nhân tố nêu trên được nhân lên gấp bội, nay xuất hiện *những nhân tố mới* trước đây chưa từng có.

Theo sự phân công lao động quốc tế, nhiều thành phẩm bao gồm các bộ phận, cấu kiện sản xuất ở nhiều nước khác nhau. Những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là sự phát triển của công nghệ *tin học, vũ trụ,* tạo điều kiện nối các điểm trên phạm vi toàn cầu vào một mạng thống nhất. Các phương tiện giao thông, nhất là máy bay phản lực cỡ lớn, được cải tiến nhanh chóng, tạo điều kiện cho số đông người đi rất xa và rất nhanh.

Sự phát triển mạnh mẽ của 37000 với 206000 chi nhánh các công ty xuyên quốc gia (TNC) sản xuất kinh doanh ở nhiều nước, càng làm cho trình độ quốc tế hóa đạt mức rất cao.

Việc giải thể Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và các nước xã hội chủ nghĩa còn lại nói chung đều chủ trương "mở cửa", đã làm giảm đi đáng kể hàng rào ngăn cách giữa hai nền kinh tế. Các nước thuộc địa trước đây nay trở thành các quốc gia độc lập, tham gia ngày càng rộng rãi vào sinh hoạt quốc tế, càng mở rộng hơn phạm vi toàn cầu hóa.

Thành công của vòng đàm phán U-ru-goay mở ra triển vọng giảm dần các hàng rào bảo hộ mậu dịch hữu hình và vô hình, làm cho nền thương mại quốc tế phát triển mạnh mẽ hơn xưa.

Những biểu hiện mới trong xu hướng toàn cầu hóa đặt ra nhiều vấn đề rất mới mẻ, gây ra nhiều tác động thuận lợi cũng như phức tạp.

Toàn cầu hóa phá bỏ hoặc ít ra giảm bớt những hàng rào ngăn cách, mở rộng thị trường, kích thích sản xuất, đồng thời cũng làm cho sự cạnh tranh càng trở nên gay gắt. Trình độ toàn cầu hóa cao gia tăng chưa từng thấy tính tùy thuộc lẫn nhau mà C.Mác và Ph.Ăng-ghen gọi là "sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc". Nền sản xuất của nhiều quốc gia được đưa vào dây chuyền sản xuất mang tính toàn cầu ; một khâu trong dây chuyền ấy trục trặc có thể ảnh hưởng tới sự vận hành của toàn bộ hệ thống. Điều đó làm cho nền kinh tế của mỗi nước bị cột chặt vào nền kinh tế chung, đồng thời cũng củng cố vị thế của các nước nếu biết giành vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế. Những hiện tượng mới như hệ thống thông tin, truyền hình vượt biên giới quốc gia mang tính toàn cầu ; hàng rào thuế quan bị rỡ bỏ hoặc hạ thấp ; sự chuyển dịch hàng hóa, tiền tệ, dịch vụ, lao động thông thoáng ; thậm chí ở một số khu vực rộng lớn, công dân qua lại không cần hộ chiếu, thị thực... đòi hỏi cách để cập hoàn toàn mới trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Sự giao lưu về văn hóa - tư tưởng cũng khác hẳn trước ; nhờ thông tin hiện đại, cái hay lan truyền rất nhanh, cái độc hại cũng được phổ biến trong chớp nhoáng ; một sự kiện xảy ra bất cứ ở đâu khó bề giữ kín và chịu phản ứng tức thì.

Toàn bộ tình hình trên đặt ra sự lựa chọn thật không dễ dàng : không đếm xỉa tới tính toàn cầu hóa cao, co cụm, khép kín thì không phát triển được, thậm chí có muốn cũng khó bề thực hiện ; nắm bắt và lựa cách tận dụng xu thế mới thì có cơ phát triển, song cũng phải gánh chịu những tác động không đơn giản của những làn gió từ bên ngoài ùa vào. *Xu hướng chung trên thế giới là chọn cách thứ hai* ; vấn đề là khôn khéo khai thác những tác động thuận chiều, hạn chế ảnh hưởng không thuận của chiều hướng mới đó.

*

Đi đôi với xu hướng toàn cầu hóa, gần đây chúng ta được chứng kiến sự phát triển rất

Digitized by Google

mạnh mẽ của xu thế **khu vực hóa**.Điều đó thể hiện cả trên *ba* tầng nấc :

+ Ở tầm *"đại khu vực"*, việc mở rộng Liên minh châu Âu (EU) mở ra triển vọng biến toàn bộ châu Âu thành một thực thể. Ở châu Á - Thái bình dương, Hội nghị hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương họp ở Bô-go (In-đô-nê-xi-a) vừa quyết định hình thành khu vực mậu dịch tự do. Ở châu Mỹ, Hội nghị cấp cao họp ở Mai-a-mi (Mỹ) cũng quyết định hình thành khu vực mậu dịch tự do toàn châu Mỹ (FTAA).

+ Ở tầm *"tiểu khu vực"*, các khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA), khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), khu vực mậu dịch tự do Nam Mỹ (MERCOSUR)... ra đời. Đồng thời cũng xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác khu vực như : Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á (SAARC), Tổ chức hợp tác kinh tế của Tây Á (ECO), Diễn đàn Nam Thái bình dương (SPF)...

+ Ở tầm *liên quốc gia* gần đây xuất hiện nhiều tam-tứ giác phát triển , nhất là ở Đông-Nam Á : tam giác phát triển phía Nam bao gồm Xin-ga-po, bang Giô-ho của Ma-lai-xi-a và đảo Ba-tam của In-đô-nê-xi-a ; tam giác phát triển phía Bắc bao gồm các tỉnh phía Nam Thái lan, các bang phía Bắc Ma-lai-xi-a và tỉnh Xu-ma-tơ-ra của In-đô-nê-xi-a ; tam giác phát triển phía Đông bao gồm đảo Min-đa-nao của Phi-lip-pin, Xu-la-uê-xi của In-đô-nê-xi-a và miền Đông Ma-lai-xi-a ; tứ giác vàng bao gồm Thái lan, Mi-an-ma, Lào và Vân nam (Trung quốc) ; ở Đông - Bắc Á có tam giác sông Chu-men bao gồm các khu vực biên giới của CHDCND Triều tiên, Trung quốc và Nga...

Xu thế này phản ánh lợi ích của các nước mở rộng thị trường, phối hợp nguồn nhân lực, tài lực, kết cấu hạ tầng, tài nguyên để cùng nhau phát triển. Xu hướng khu vực hóa đồng thời cũng là một sự "phản ứng" đối với xu hướng toàn cầu hóa, một sự tập hợp lực lượng để đối phó với sự cạnh tranh đang diễn ra mạnh mẽ. Một số nước, nhất là các nước công nghiệp phát triển, muốn thông qua việc hình thành các khu vực mậu dịch tự do để giành thị trường và phát huy ảnh hưởng, xác định vai trò của mình. Khác với trước đây, xu hướng khu vực hóa diễn ra đồng thời với xu hướng toàn cầu hóa, các tổ chức khu vực bao gồm các nước có chế độ chính trị - xã hội và trình độ phát triển khác nhau, đều có xu hướng mở chứ không khép kín. Tuy nhiên, nếu không khéo xử lý thì hai xu hướng ấy có thể trở thành đối lập nhau, các tổ chức khu vực sẽ biến thành các khối khép kín. Khu vực hóa tăng khả năng phát triển của các quốc gia song không phải là thang thuốc vạn năng nếu như bản thân mỗi nước không gia tăng nội lực của mình ; ngược lại sẽ gánh chịu sự cạnh tranh, chèn ép mãnh liệt.

*

Nhìn chung lại, hai xu thế lớn là toàn cầu hóa và khu vực hóa có nguồn gốc sâu xa, đang phát triển mạnh mẽ, có tác động sâu sắc về nhiều mặt tới quan hệ quốc tế, chính sách của các quốc gia, đời sống các dân tộc. Tiến hành chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa cả về quan hệ chính trị lẫn quan hệ kinh tế, chúng ta không thể không nghiên cứu sâu hơn nguồn gốc, nội dung, hình thức biểu hiện và những tác động của chúng để tìm cách thích nghi, ứng phó.

LỜI CẢM ƠN

Trong dịp đón năm mới 1995 và Tết cổ truyền Ất Hợi của dân tộc, Bộ biên tập Tạp chí đã nhận được nhiều thư, quà và thiếp chúc mừng năm mới của cá nhân và tập thể các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân ở trung ương và địa phương, các tạp chí, báo, đài, các nhà xuất bản, các hãng thông tấn trong và ngoài nước, các đại sứ, đại diện sứ quán và tổ chức các nước, các cộng tác viên, thông tin viên và bạn đọc Tạp chí.

*Ban biên tập **Tạp chí Cộng sản** xin chân thành cảm ơn những tình cảm cao quý và sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí và các bạn. Chúng tôi sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để Tạp chí xứng đáng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.*

BAN BIÊN TẬP TCCS

Digitized by Google

QUỐC TẾ HÓA, KHU VỰC HÓA

● QUỐC TẾ HÓA (hay còn gọi là *toàn cầu hóa*) là một trong những xu thế lớn trong sự vận động của thế giới hiện nay. Nói tới quốc tế hóa là nói tới một thế giới mở, chuyển hóa dần và loại trừ dần tình trạng khép kín, biệt lập của các nước như trước đây ; là nói tới không gian và môi trường quốc tế mới mà trong đó mỗi nước có những vị trí nhất định. Quốc tế hóa cũng là quá trình hình thành, xác lập những quan hệ và ứng xử cộng đồng, tiêu chí và luật lệ cộng đồng, cơ chế và trật tự cộng đồng. Xu thế này thể hiện trên các mặt của đời sống thế giới : *chính trị , kinh tế, thông tin - văn hóa - thể thao.*

Quốc tế hóa *về chính trị* là quá trình các nước dần hiểu biết nhau, đi đến với nhau tiến tới có quan hệ với nhau (quan hệ ràng buộc, tùy thuộc, hoặc đấu tranh làm chuyển hóa lẫn nhau). Quá trình quốc tế hóa làm nảy sinh những khế ước và luật lệ quốc tế, làm tăng vị trí và vai trò của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là tổ chức Liên hợp quốc. Có thể thấy điều này qua việc giải quyết các vấn đề ở Cam-pu-chia, Xô-ma-li-a, Ru-an-đa, Nam tư cũ v.v.. Tuy nhiên, sự phối hợp cả cộng đồng để giải quyết những vấn đề nảy sinh của thế giới mới chỉ là những bước khởi đầu và kết quả cũng còn hạn chế.

Quốc tế hóa *về kinh tế* biểu hiện rất rõ nét ở sự hợp tác phân công lao động quốc tế, ở việc quốc tế hóa quá trình sản xuất. Hiện nay cả thế giới đang hình thành một thị trường thống nhất. Vấn đề giá cả, tiêu chí, mẫu mã từng loại sản phẩm đều mang tính quốc tế và tầm trình độ quốc tế. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại càng phát triển mạnh mẽ thì sự chuyên môn hóa sản xuất càng đi vào chiều sâu, các quá trình phân công lao động quốc tế đều vượt khỏi phạm vi quốc gia, mang tầm quốc tế. Hiện nay, một sản phẩm hàng hóa có khi phải do nhiều nước cùng tham gia sản xuất. Một máy bay Bô-inh là sản phẩm từ hàng trăm xí nghiệp của hàng chục quốc gia ; chiếc xe máy nhãn hiệu "Hôn đa" nhưng có khi không phải được sản xuất ở Nhật bản mà lại ở Thái-lan hay In-đô-nê-xi-a. Xu hướng quốc tế hóa về kinh tế làm cho nền kinh tế thế giới ngày càng mở rộng, mỗi nước trở thành một bộ phận của thế giới. Xu thế này cũng tạo ra những thời cơ mới và thách thức mới đối với tất cả các nước. Nước nào biết hòa nhập, chủ động và biết tham gia hợp tác phân công lao động quốc tế thì sẽ phát triển mạnh. Nước nào không chịu chấp thuận sẽ bị bỏ rơi.

Quốc tế hóa *về thông tin - văn hóa - thể thao* thể hiện nổi bật ở các tiêu chí, chuẩn mực về thông tin, truyền thông hiện nay đã rộng mở khắp thế giới, văn hóa, nghệ thuật, thể thao đã phát triển với quy mô toàn cầu. Hiện nay, cả thế giới có thể cùng xem một trận bóng đá, một bộ phim, cùng thích một bản nhạc.

Như vậy, quốc tế hóa là một xu hướng, một quá trình. Nhiều nước tư bản đế quốc đang muốn lợi dụng quá trình này để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của họ. Tận dụng ưu thế về kinh tế, truyền thông, một số thế lực phản động quốc tế có mưu toan áp đặt giá trị, lối sống của mình đối với các nước khác. Bởi thế, quá trình quốc tế hóa cũng là quá trình đấu tranh phức tạp và lâu dài, trong đó các nước, nhất là các nước nhỏ và đang phát triển, vừa tự khẳng định mình để hòa nhập với thế giới, vừa phải tích cực đấu tranh cho sự công bằng, chống sự áp đặt của các thế lực cường quyền.

Trong xu thế chung của thế giới, Nhà nước ta thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, làm bạn với tất cả các nước, hòa nhập với thế giới, tích cực và chủ động tham gia quá trình hợp tác, phân công lao động quốc tế vì hòa bình, độc lập và phát triển. Độc lập nhưng không đóng cửa biệt lập. Đa dạng, đa phương nhưng giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực tự cường.

● KHU VỰC HÓA là xu hướng diễn ra đồng thời với quá trình quốc tế hóa. Xét về quy mô, khu vực hóa diễn ra trong phạm vi hẹp hơn quốc tế hóa. Khu vực hóa về thực chất là sự liên minh, liên kết giữa các nước trong cùng khu vực. Các nước này gần nhau về địa lý, tương đồng về văn hóa, phong tục, tập quán. Liên kết khu vực vừa là nhu cầu tất yếu vừa là điều kiện tốt để các nước tham gia hợp tác quốc tế.

Trước đây, liên kết khu vực thường diễn ra giữa các nước có chế độ chính trị-xã hội giống nhau và chủ yếu là liên minh chính trị , quân sự. Hiện nay, trước tình hình mới và điều kiện mới, liên kết khu vực được hình thành cả giữa các nước có chế độ chính trị-xã hội khác nhau vì mục tiêu chung là hòa bình và phát triển. Thực tiễn cho thấy, có những vấn đề nảy sinh mà chỉ có thiện chí và hợp tác của các nước trong khu vực mới giải quyết được, như vấn đề giữa các nước A-rập và I-xra-en. Có vấn đề thuộc nội bộ của một nước song cũng chỉ thông qua khu vực mới có triển vọng giải quyết, như cuộc nội chiến ở Bô-xni-a hiện nay v.v..

Về kinh tế, khu vực hóa thể hiện một bước phát triển của việc quốc tế hóa sản xuất và đời sống kinh tế. Đó là xu hướng các nước trong khu vực liên hiệp với nhau, phá bỏ hàng rào thương mại, miễn giảm thuế... để đối phó với sự cạnh tranh và xu hướng bảo hộ của các khu vực khác ; tăng vị trí của khu vực và từng nước trong khu vực trên trường quốc tế ; thiết lập các vùng kinh tế liên quốc gia để khai thác lợi thế của từng nước cũng như cả khu vực.

Trên thế giới đã có một số kiểu liên kết khu vực như :

+ *Liên kết cả về kinh tế, chính trị và quân sự.* Đó là Liên minh châu Âu (EU) hiện gồm 15 nước, tương lai có thể thêm 6 nước Đông Âu. Liên minh này thực hiện thống nhất thị trường tiền tệ, hàng hóa, dịch vụ... trên cơ sở pháp lý chung. Bên cạnh đó, hầu hết các nước EU đều nằm trong khối NATO do Mỹ đứng đầu. Trong thời chiến tranh lạnh, nó là đối trọng của khối Hiệp ước Vác-sa-va do Liên xô đứng đầu. Sau khi Liên xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ, khối NATO vẫn giữ nguyên hiện trạng và đang có xu hướng mở rộng sang Đông Âu. Hiện nay nhiều người đang đặt dấu hỏi về sự tồn tại của khối này.

+ *Liên kết chủ yếu về kinh tế*. Điển hình hiện nay là hai tổ chức NAFTA (gồm Mỹ, Ca-na-đa, Mê-hi-cô) và ASEAN hiện gồm 6 nước Thái lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a và Bru-nây ; sắp tới có thể mở rộng ra toàn Đông-Nam Á).

+ *Liên kết về tinh thần, tôn giáo.* Đó là kiểu liên kết chủ yếu giữa các nước theo đạo Hồi ở khu vực Trung, Cận Đông và Bắc Phi. Tuy không chính thức có tên gọi là một tổ chức khu vực, song trên thực tế, các nước này có quan hệ rất chặt chẽ, nhất là về chính trị. Mục đích của họ là bảo vệ các giá trị của đạo Hồi, chống lại ảnh hưởng của văn hóa phương Tây. Tuy nhiên, quan hệ giữa các nước trong khu vực này và quan hệ giữa khu vực này với bên ngoài rất phức tạp. Họ đã từng liên minh để chống lại I-xra-en, ủng hộ phe Hồi giáo trong cuộc nội chiến ở Bô-xni-a, song lại đứng về phía phương Tây chống lại I-rắc trong chiến tranh vùng Vịnh.

Khu vực hóa là một xu thế vận động của thế giới. Nó thu hút cả những nước lớn và nước nhỏ. Việt nam hiện nằm ở khu vực giàu tiềm năng và năng động nhất thế giới. Do mục tiêu của khu vực và nhu cầu phát triển đất nước, chúng ta chủ trương hòa nhập với thế giới và hòa nhập vào khu vực. Sắp tới có thể nước ta sẽ nhập ASEAN. Tuy nhiên, chúng ta luôn nhận thức rằng, quá trình hòa nhập vào khu vực và thế giới cũng là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh. Hòa nhập để phát triển, nhưng phải luôn tự khẳng định mình, giữ vững độc lập, tự chủ để hợp tác tốt hơn, phát triển mạnh hơn.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Ở CẤP PHƯỜNG, THỊ TRẤN

TRONG hai ngày 26 và 27-12-1994, Thành ủy Hà nội đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng ở các phường, thị trấn thuộc Hà nội. Các đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Thành ủy, Lê Xuân Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó bí thư thường trực Thành ủy đã chủ trì hội nghị. Dự hội nghị có các bí thư, chủ tịch UBND và trưởng ban tổ chức các quận ủy, thị trấn ; các bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND phường, thị trấn. Đặc biệt, hội nghị đã được đón đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tới dự và phát biểu ý kiến.

Hà nội hiện có 84 phường, bao gồm 1716 chi bộ, 37 656 đảng viên, trong số đó 91% đã về hưu hoặc nghỉ do mất sức lao động. Hai năm qua, các cấp ủy đảng ở phường, thị trấn của Hà nội đã hoàn thành giai đoạn 1 việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, 6 tháng gần đây, các đảng bộ phường đã tập trung vào một số nhiệm vụ trọng yếu, tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn đảng. Hội nghị này nhằm đánh giá kết quả bước đầu, trao đổi, rút kinh nghiệm, đề ra những giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả 4 nội dung chủ yếu : đảng bộ phường, thị trấn lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội ; tổ chức và nhiệm vụ của chi bộ đường phố; phân công công tác cho đảng viên; phát triển đảng viên ở đường phố.

Về đảng bộ phường, thị trấn lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Hầu hết các ý kiến đều nhất trí coi đây là yêu cầu khách quan, là nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức đảng ở phường, thị trấn. Song, cũng có nhiều ý kiến nêu lên những khó khăn, vướng mắc, những bất cập giữa yêu cầu của nhiệm vụ được giao với quyền hạn và khả năng thực tế của cấp ủy đảng ở phường, thị trấn. Hiện nay, có rất nhiều đơn vị thuộc nhiều loại hình kinh tế, do nhiều cấp quản lý đang hoạt động và đóng trụ sở trên địa bàn phường, thị trấn, nhưng đảng ủy phường, thị trấn không đủ quyền hạn, chức năng, trình độ, năng lực để lãnh đạo, kiểm tra, phối hợp công tác. Mặc dù vậy, ở nhiều phường, thị trấn, bước đầu đã có những kinh nghiệm hay, những điển hình tốt, những cách làm đạt hiệu quả trong việc lãnh đạo kinh tế - xã hội. Hội nghị đã nhất trí một số vấn đề chủ yếu như:

+ Đảng ủy phường, thị trấn thông qua chính quyền phường, lãnh đạo, quản lý và hướng dẫn nhân dân phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ ; chủ động tham gia, phối hợp với các ngành, các cấp để quản lý, kiểm tra các đơn vị, các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ của trung ương, của thành phố và của quận đóng trụ sở và hoạt động trên địa bàn phường, thị trấn.

+ Đảng ủy phường, thị trấn đề ra chủ trương, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ đó trên địa bàn mình phụ trách. Cụ thể là : có kế hoạch phối hợp với các đơn vị có liên quan để nắm tình hình các thành phần kinh tế hoạt động trên địa bàn ; nắm tình hình đời sống, việc làm của các hộ; căn cứ vào nghị quyết của cấp trên, vào báo cáo của UBND phường đảng ủy thảo luận, ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, kế hoạch, biện pháp chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn ; thông qua chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các chi bộ đảng và đảng viên, đảng ủy kiểm tra việc thực hiện nghị quyết đã đề ra.

Về tổ chức và nhiệm vụ của chi bộ đường phố. Có nhiều ý kiến khác nhau về tên gọi, mô hình tổ chức, nhiệm vụ của chi bộ đường phố. Nhiều ý kiến chưa đồng tình với tên gọi chi bộ tổ dân phố vì có những tổ dân phố không đủ số đảng viên để thành lập chi bộ, trong khi đó thì nhiều tổ dân phố lại có tới 2-3 chi bộ. Một số đại biểu cho rằng, không nhất thiết mỗi tổ dân phố phải có một chi bộ; tùy số lượng đảng viên mà thành lập số chi bộ tương ứng : một tổ dân phố có thể thành lập 2 hoặc 3 chi bộ ; ngược lại, 2 hoặc 3 tổ dân phố mới thành lập một chi bộ... Nói chi bộ tổ dân phố là gần đảng với dân. Nhiều đại biểu đề nghị gọi chung là "chi bộ đảng đường phố". Về tổ chức, nhiều ý kiến đề nghị thống nhất một mô hình đảng ở phường gồm 2 cấp: đảng bộ phường - chi bộ. Nhưng cũng có không ít ý kiến cho rằng cần có 3 cấp : đảng bộ phường - đảng bộ bộ phận (cụm dân cư) - chi bộ. Một số lại muốn lập ban công tác để phối hợp hoạt động giữa các chi bộ. Nhiều đại biểu cho thấy nhiệm vụ của chi bộ đường phố hiện nay quá nặng nề. Trên cơ sở các ý kiến, hội nghị đã nhất trí tạm gọi chi bộ ở các phường là *chi bộ đường phố*. Và chi bộ này nên tổ chức trên cơ sở các tổ dân phố. Mỗi chi bộ không quá 30 đảng viên (không kể những đảng viên đã được miễn sinh hoạt). Nếu trong một tổ dân phố có từ 30 đảng viên trở lên thì tùy tình hình và yêu cầu nhiệm vụ mà có thể thành lập vài ba chi bộ Đảng ủy phường phân công một đảng ủy viên phụ trách, điều hành công tác của các chi bộ này. Nhiệm vụ của các chi bộ đường phố là phải thực hiện nghiêm túc Quy định 52 QĐ/TW của Ban bí thư Trung ương Đảng và Chương trình 14 của Thành ủy ; vận dụng những nội dung của các quy định và chương trình đó sao cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của chi bộ mình.

Về phân công công tác cho đảng viên. Hiện nay, còn khoảng 40% số đảng viên ở các phường, thị trấn của Hà nội chưa được phân công công tác. Một số ý kiến cho rằng cán bộ đã nghỉ hưu hoặc mất sức lao động thì nghỉ cả công tác đảng vì nếu có giao nhiệm vụ họ cũng khó hoàn thành. Nhưng nhiều đại biểu lại nêu ra những mặt lợi trong việc phân công công tác cho đảng viên, và khẳng định đã là đảng viên thì dù có nghỉ công tác chuyên môn, nếu còn sức khỏe, điều kiện thuận lợi thì không bao giờ nghỉ công tác Đảng. Hội nghị đã nhất trí cao rằng, tất cả đảng viên đang sinh hoạt đảng thường xuyên, còn sức khỏe, đều phải nhận một nhiệm vụ cụ thể ; trong Đảng ta không có "đảng viên nghỉ hưu" và "chi bộ hưu". Có thể phân công cho đảng viên hoạc một nhóm đảng viên cùng làm một việc. Nói chung, nội dung công tác được phân định thành ba khối công việc : xây dựng đảng ; công tác của chính quyền và chuyên môn, nghiệp vụ ; công tác đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội. Những hình thức công việc chủ yếu : công việc có chức danh (tổ trưởng, tổ phó dân phố) ; công tác theo vụ, việc và đột xuất ; phụ trách số nhà hoặc một số hộ ; cộng tác viên theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị từ trung ương tới cơ sở.

Về phát triển đảng viên ở đường phố. Hội nghị khẳng định, thời gian qua, tuy có đạt được một số kết quả, nhưng nhìn chung, công tác này chưa được coi trọng đúng mức. Hầu hết đảng viên mới được kết nạp ở các phường chủ yếu là cán bộ đương chức. Do đó, ngoài đối tượng trong biên chế nhà nước, các cấp ủy đảng phải chuyển trọng tâm phát triển đảng sang đối tượng ở đường phố, đặc biệt là thanh niên. Muốn vậy, cấp ủy đảng, đảng viên phải rất coi trọng công tác vận động quần chúng, tạo ra phong trào cách mạng, từ đó giáo dục, bồi dưỡng những nhân tố tích cực để phát triển đảng. Các đoàn thể quần chúng ở các phường, thị trấn phải được củng cố, phát triển để thu hút được mọi đối tượng vào hoạt động trong phong trào cách mạng.

Phát biểu với hội nghị, đồng chí Đỗ Mười đã khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của tổ chức cơ sở đảng, trong đó có đảng bộ cấp phường và thị trấn. Đồng chí nhắc nhở các chi bộ đảng đường phố phải tập trung cùng chính quyền và nhân dân giải quyết tốt những vấn đề cụ thể về đời sống, dân sinh, vận động từ thiện, giúp đỡ những gia đình khó khăn, chăm sóc, giáo dục trẻ em... Mỗi đảng viên, ngoài việc nắm chắc và thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, còn phải vận động mọi người cùng thực hiện, tạo ra phong trào cách mạng sôi nổi ở từng cơ sở, ở từng chi bộ đảng.

VŨ LÂN *(thực hiện)*

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY CẤP NƯỚC
Bà rịa - Vũng tầu

* Tổng công suất khai thác nước là 33.000m^3/ngày

Bao gồm : nhà máy nước ngầm Bà Rịa (đầu tư 20 tỷ đồng) khai thác giai đoạn đầu 13.000m^3/ngày, nhà máy nước Sông Dinh 20 000m^3/ngày.

* Là doanh nghiệp nhà nước kinh doanh đạt hiệu quả cao của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu :

NĂM	1991	1992	1993	1994
Tổng giá trị sản lượng (tỷ)	7,4	13,84	22,83	28,2
Nộp ngân sách	4,365	6,584	7,073	7,65

* Từ 1991 đến nay Công ty được tặng thưởng : 14 tổ Lao động XHCN, 15 chiến sĩ thi đua, 3 Bằng khen của Bộ xây dựng, 5 Bằng khen của UBND tỉnh, 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 2 Băng khen của Liên đoàn lao động tỉnh, 1 Huân chương lao động hạng II.

* Công ty chuẩn bị thực hiện các dự án liên doanh với nước ngoài về khai thác nước tại địa phương.

Giám đốc
TRẦN NGỌC THANH



Digitized by Google



CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU - DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
VŨNG TÀU IMPORT EXPORT PETROSERVICES COMPANY

Địa chỉ : 36A, Quốc lộ 51A, Phường 11, Thành phố Vũng tàu
Điện thoại : (84) (64) 48269 - 48316 - Fax : (84) (64) 48953

Tăng trưởng kinh doanh

Năm 1981	:	• Thành lập Công ty, chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.
Năm 1988	:	• Thành lập Xí nghiệp Giao nhận kho vận (VCP) : Cảng Thương mại, Kho bãi, bốc dỡ, vận chuyển nội địa.
Năm 1989	:	• Thành lập Xí nghiệp May VIECO (VGF).
Năm 1990	:	• Thành lập Công ty liên doanh may mặc VIECO - HIKOOSEN. • Thành lập Trại nuôi tôm VIECO.
Năm 1991	:	• Thành lập Xí nghiệp Bia và Nước giải khát VIECO.
Năm 1992	:	• Hoạt động Dịch vụ dầu khí.
Năm 1993	:	• Thành lập Chi nhánh VIECO - PS tại Hà nội. • Hoạt động nhà hàng và khách sạn.
Năm 1994	:	• Hoạt động Dịch vụ vận tải giao nhận ngoại thương. • Thành lập Chi nhánh VIECO - PS tại Thành phố Hồ Chí Minh. • Thành lập Kho ngoại quan Thương cảng Vũng tàu.
Tiềm năng :		• Đại lý bán hàng xuất nhập khẩu. • Phát triển cảng. • Căn cứ tiếp liệu dầu khí.
Tổng Giám đốc	:	Ông VÕ VĂN KIỆN
Phó Tổng Giám đốc	:	Ông NGUYỄN THANH BÌNH
	:	Ông NGUYỄN PHƯỚC LỄ

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP - TẬN TÌNH PHỤC VỤ

Digitized by Google

INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
[illegible] Dien Street,
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : [illegible] 52951 - 52234
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812189 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street,
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi C
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889



Digitized by Google

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



Tổng Giám đốc : **Ông TRẦN MINH**

TÊN TIẾNG ANH: VIETNAM AIR PETROL COMPANY. VIẾT TẮT : VINAPCO

- Thông báo thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 76/TB ngày 6-6-1994 của Văn phòng Chính phủ.
- Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 84/QĐ-TCCB-LĐ ngày 9-6-1994 của Bộ Giao thông vận tải.
- Số đăng ký kinh doanh 109525 tại Trọng tài kinh tế thành phố Hà nội
- **TRỤ SỞ CHÍNH : SÂN BAY GIA LÂM THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Điện thoại : 272318 - 272316
Fax : 84-4-272317

- **VỐN KINH DOANH : 36.814 TRIỆU ĐỒNG**
- **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU :**
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh và vận tải xăng, dầu, mỡ, dung dịch đặc chủng hàng không, các loại xăng dầu khác và thiết bị phương tiện, phụ tùng phát triển ngành xăng dầu.
- Các dịch vụ có liên quan đến chuyên ngành xăng dầu
- **CÁC XÍ NGHIỆP THÀNH VIÊN :**

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

TRỤ SỞ: SÂN BAY QUỐC TẾ NỘI BÀI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đ.T. : 840088 - FAX : 843250

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN TRUNG

TRỤ SỞ : SÂN BAY QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG, TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Đ.T. : 123395 - FAX : 24393

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN NAM

TRỤ SỞ : SÂN BAY QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đ.T. : 443247 - FAX : 446721

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ VẬT TƯ - KỸ THUẬT XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG

TRỤ SỞ : SÂN BAY GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đ.T. : 271769





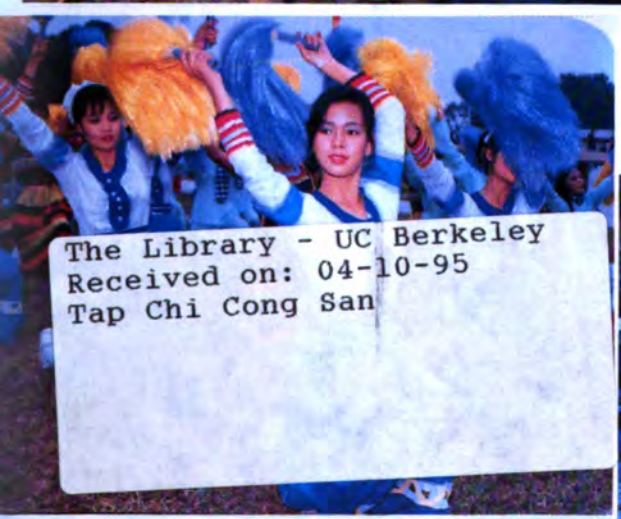
Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 3
MAIN

Tạp chí Cộng sản







The Library - UC Berkeley
Received on: 04-10-95
Tap Chi Cong San



3
1995

Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN 8

DOANH NGHIỆP TRỰC THUỘC BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIDEXIM

Add : 05 Bến Xóm Củi - Quận 8 - TP. HCM
Tel : 555.274 - 555.276
Telex : 813622 BIDEX VT
Fax : 84.8. 557766







SEAGULL



BIDEXIM

Chuyên cung cấp các sản phẩm : Nông sản, thủy sản xuất khẩu Đặc biệt nước tinh khiết nhãn hiệu "SEAGULL" phục vụ cho tiêu dùng cả nước và xuất khẩu.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3 - 1995 NĂM THỨ BỐN MƯƠI MỐT (471)

MỤC LỤC

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Đảng (khóa VII)	*Xã luận* - Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa vững mạnh, thực sự của dân, do dân và vì dân	3
	ĐỖ MƯỜI - Xây dựng và hoàn thiện chính quyền ngang tầm phát triển của đất nước, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân	7
	NGỌC KIM - Cải cách nền hành chính quốc gia - quan điểm và giải pháp	11
	HOÀNG VĂN HẢO - Về nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân	15
	ĐÀO TRÍ ỨC - Tăng cường tính thống nhất của pháp chế, nghiêm chỉnh tuân theo và chấp hành pháp luật	19
Nghiên cứu - Trao đổi	HỒ VĂN THÔNG - Mấy suy nghĩ về vấn đề xây dựng nhà nước hiện nay	22
	ANH PHƯƠNG -Nhà nước pháp quyền - lịch sử và hiện tại	27
	BÙI NGỌC TRÌNH - Nhà nước với việc bảo đảm xã hội cho người nghèo	30
	NGUYỄN TÀI THƯ - Vai trò của các học thuyết tư tưởng và tôn giáo hiện nay ở Việt nam	34
	NGUYỄN NGỌC TUẤN - Thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn nước ngoài để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	37
	CHU QUANG THỨ - Về tập đoàn kinh doanh và sự hình thành Tổng công ty hàng hải ở nước ta	42
Thực tiễn - Kinh nghiệm	HỒ ĐỨC VIỆT - Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong thanh niên	46
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Chung quanh vấn đề Đảng lãnh đạo báo chí	50
Thế giới : vấn đề, sự kiện	TẠ NGỌC TẤN - Báo chí Liên xô và những đảo lộn chính trị nam 1991	54
	NGUYỄN THỊ HOA - Đám cháy vùng Cáp-ca-dơ	57
★ ★ ★	Đồng chí Tố Hữu thăm *Tạp chí Cộng sản*	59
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN TIẾN - "Đế vương chui"	60
Tìm hiểu khái niệm	Cách mạng khoa học kỹ thuật • Nền văn minh mới	61
Tin hoạt động lý luận	Hội nghị chuyên đề về công tác phát triển đảng viên trẻ trong tình hình mới • Họp mặt đại diện cộng tác viên *Tạp chí Cộng sản* khu vực TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh Nam bộ	61

Bìa 1 : Ảnh TTXVN & NGUYỄN KHẮC HƯỜNG

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 252061- 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая - Построить социалистическое государство сильным и подлинно народным. ДО МЫОЙ - Создать и совершенствовать власти в уровень развития страны и достойными народной веры. НГОК КИМ - Реформа государственной администрации : точка зрения и способы осуществления. ХОАНГ ВАН ХАО - О правовом государстве, созданном народом и сушествующем для него. ДАО ЧИ УК - Укрепить единообразие права, неукоснительно исполнять законодательство. ХО ВАН ТХОНГ - К вопросу о государственном строительстве. АНЬ ФЫОНГ - Правовое государство : история и современность. БУЙ НГОК ЧИНЬ - Государство и социальное обеспечение бедных. НГУЕН ТАЙ ТХЫ - Роль идеологических теорий и религий сегодня во Вьетнаме. ХГУЕН НГОК ТУАН - Привлекать и эффективно использовать иностранный капитал для стимулирования индустриализации и модернизации страны. ХО ДЫК ВЬЕТ - Усилить работу, связанную с партийным членством молодёжи. ХА СУАН ЧЫОНГ - К вопросу о партийном руководстве печатью. ТА НГОК ТАН - Советская печать и политические потрясения 1991 года. НГУЕН ТХИ ХОА - Пожар в районе Кавказа.

CONTENTS

Editorial - Building actually the solid and strong socialist government of the people, by the people and for the people. ĐỖ MƯỜI - Constructing and perfecting the administration, keeping pace with the development of the country and being deserved to the people's trust. NGỌC KIM - Reforming the national administration : viewpoints and solutions. HOÀNG VĂN HÀO - On a legislative government of the people, by the people and for the people. ĐÀO TRÍ ÚC - Enhancing the integrity of legislative system, strictly observing and obeying the law. HỒ VĂN THÔNG - Reflections on the problem of State building at present. ANH PHƯƠNG - The legislative government - history and reality. BÙI NGỌC TRÌNH - The government with the social ensurance for the poor. NGUYỄN TÀI THƯ - The role of ideological and religious doctrines in Vietnam nowadays. NGUYỄN NGỌC TUẤN - Attracting and effectively using foreign capitals for a rapid process of industrialization and modernization. HỒ ĐỨC VIỆT - Strengthening the work of Party's development among the youth. HÀ XUÂN TRƯỜNG - On the problem of Party's leadership in the field of press. TẠ NGỌC TẤN - Soviet press and political disruptions in 1991. NGUYỄN THỊ HOA - The fire in the region of Caucasus.

SOMMAIRE

Editorial - Edifier un Etat socialiste puissant, vraiment du peuple, par le peuple et pour le peuple. ĐỖ MƯỜI - Edifier et perfectionner le pouvoir pour qu'il soit à la hauteur du développement du pays et digne de la confiance et de l'affection du peuple. NGỌC KIM - La réforme de l'administration nationale : points de vue et solutions. HOÀNG VĂN HÀO - Sur l'Etat du droit du peuple, par le peuple et pour le peuple. ĐÀO TRÍ ÚC - Renforcer l'unité de la législation, observer strictement la loi. HỒ VĂN THÔNG - Quelques réflexions sur l'édification de l'Etat à l'heure actuelle. ANH PHƯƠNG - L'Etat du droit - histoire et présent. BÙI NGỌC TRÌNH - L'Etat et les assurances sociales aux pauvres. NGUYỄN TÀI THƯ - Le rôle des doctrines actuelles sur la pensée et les religions au Vietnam. NGUYỄN NGỌC TUẤN - Attirer et utiliser de manière efficace les investissements étrangers pour accélérer le processus d'industrialisation et de modernisation. HỒ ĐỨC VIỆT - Impulser l'adhésion au Parti chez les jeunes. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Sur la direction du Parti dans la presse. TẠ NGỌC TẤN - La presse soviétique et les bouleversements politiques survenus en 1991. NGUYỄN THỊ HOA - L'incendie au Caucase.

SUMARIO

Editorial - Edificar el Estado socialista poderoso que resulta del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. ĐỖ MƯỜI - Edificar y perfeccionar el poder a la altura del desarrollo del país y digno a la confianza del pueblo. NGỌC KIM - Reformar la administración nacional : puntos de vista y solución. HOÀNG VĂN HÀO - Sobre el Estado de derecho del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. ĐÀO TRÍ ÚC - Consolidar la uniformidad de la legislación, obedecer y cumplir estrictamente las leyes. HỒ VĂN THÔNG - Algunas reflexiones sobre la actual edificación de Estado. ANH PHƯƠNG - El Estado de derecho - historia y presente. BÙI NGỌC TRÌNH - El Estado y el aseguramiento social a los pobres. NGUYỄN TÀI THƯ - El papel de las actuales doctrinas ideológicas y religiosas en Vietnam. NGUYỄN NGỌC TUẤN - Atracción y utilización eficaces de capital extranjero para impulsar rápidamente el proceso de industrialización y mondernización. HỒ ĐỨC VIỆT - Intensificar el trabajo de admisión de jóvenes en las filas del Partido. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Acerca del problema de la dirección del Partido en la prensa. TẠ NGỌC TẤN - La prensa soviética y los trastornos políticos en 1991. NGUYỄN THỊ HOA - Las llamas en Caucasia.

目錄

社論—建設一個眞正是人民的、由人民和爲人民的强大的社會主義國家・杜梅—建設和完善與國家發展相稱無愧于人民的愛戴信任的政權 ・ 玉金—改革國家行政基礎：觀點及其解決辦法 ・ 黃文好—關于是人民的、由人民、爲人民的法權國家・陶智都—增强法制的統一性，嚴正遵守和執行法律 ・ 胡文通—有關目前建設國家的問題的一些構想 ・ 英芳—法權國家—歷史和現代 ・ 裴玉程—國家及其對貧民的社會保障 ・阮才書—越南木前的各種思想學術及宗教所起的作用 ・ 阮玉遵—吸引及有效地使用外國投資以大力推進工業化、現代化 ・ 胡德越—大力推動在青年中發展黨員的工作 ・ 何春長—圍繞黨領導報刊工作的一些問題 ・ 謝玉晉—蘇聯報刊及1991年的政治變動 ・ 阮氏花—高加索區的火災

Digitized by Google

Xã luận

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỮNG MẠNH, THẬT SỰ CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

KINH nghiệm lịch sử toàn thế giới đã chỉ rõ : chính quyền nhà nước là vấn đề cốt tử của mọi cuộc cách mạng. Khi chưa có chính quyền, Đảng cộng sản phải lãnh đạo giành cho được chính quyền về tay nhân dân. Khi đã có chính quyền phải luôn luôn củng cố giữ vững chính quyền, tăng cường sức mạnh của chính quyền về mọi mặt. Đây là công việc hết sức nghiêm túc và hệ trọng, không ai được mơ hồ, đùa giỡn với nó.

Với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa đã ra đời. Đó là một nhà nước thể hiện rõ rệt bản chất tốt đẹp và tiến bộ của chế độ xã hội mới ở nước ta, một nhà nước gắn bó chặt chẽ với nhân dân, bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân. Được Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, được toàn thể nhân dân xây dựng và ủng hộ, Nhà nước ta không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, và đã làm tròn sứ mệnh của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc, bảo vệ nền độc lập của dân tộc, xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới.

Trong công cuộc đổi mới đất nước mấy năm gần đây, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của nhà nước cũng đã đạt được nhiều tiến bộ, cả về lập pháp, hành pháp và tư pháp, cả về cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động ; chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước ngày càng được nâng cao. Cụ thể là :

- Việc quản lý nhà nước bằng pháp luật được chú trọng và tăng cường, hệ thống pháp luật được từng bước bổ sung, sửa đổi và xây dựng phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới. Hiến pháp năm 1992 được ban hành vừa khẳng định, kế thừa những nội dung đúng đắn của các Hiến pháp trước, vừa có những sửa đổi và bổ sung quan trọng, hoàn thiện thêm cơ cấu bộ máy nhà nước, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Quốc hội và Chính phủ, phát huy cả ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa được nhận thức đúng hơn và phát huy mạnh hơn, coi đây là cốt lõi của đổi mới hệ thống chính trị. Về kinh tế, đó là quyền được tự do sản xuất kinh doanh ở tất cả các thành phần ; quyền sở hữu hợp pháp của kinh tế tư nhân được bảo hộ ; quyền sử dụng ruộng đất lâu dài của hộ nông dân được bảo đảm ; mọi tiềm năng, nhiệt tình, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân được phát huy... Về chính trị, đó là quyền dân chủ trong bầu cử, ứng cử, trong thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật ; là sinh hoạt dân chủ trong các cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng ; là quyền con người, quyền công dân ngày càng được tôn trọng và bảo đảm...

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được đổi mới và có những tiến bộ đáng kể. Quốc hội hoạt động có chất lượng cao hơn, dân chủ hơn, thiết thực hơn. Tổ chức, hoạt động và điều hành của Chính phủ từng bước được đổi mới, tập trung vào công việc quản lý vĩ mô, đồng thời chỉ đạo thực hiện tương đối sâu sát, nhanh nhạy. Đã có sự phân biệt chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh. Hoạt động của Viện kiểm sát và Tòa án các cấp có những bước tiến mới.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước dần dần được xác định rõ và cụ thể hơn, có chất lượng và hiệu quả hơn, tạo điều kiện cho việc kiện toàn, phát huy vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Chính nhờ có những bước tiến nêu trên mà Nhà nước có điều kiện quản lý điều hành công cuộc đổi mới thu được những thành tựu to lớn và quan trọng : kinh tế có bước tăng trưởng đáng kể, đời

Digitized by Google

sống nhân dân nói chung được cải thiện, quan hệ đối ngoại được mở rộng, ổn định chính trị xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn phát triển mới, trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới, Nhà nước ta cũng bộc lộ không ít khuyết điểm và yếu kém. Tập trung nhất là :

- Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, đồng bộ ; việc thi hành pháp luật chưa nghiêm ; kỷ cương, kỷ luật lỏng lẻo. Ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực có tình trạng vừa thiếu dân chủ vừa thiếu kỷ cương. Trật tự xã hội kém, nhiều nơi quyền làm chủ của dân bị vi phạm.

- Tổ chức và hoạt động của nhà nước vẫn kém hiệu lực và hiệu quả. Bộ máy nặng nề, cồng kềnh, nạn quan liêu, tệ lãng phí và tham nhũng nghiêm trọng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa tốt. Sự phân định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước có trường hợp chưa thật rõ, do đó phối hợp công tác chưa nhịp nhàng. Việc phân biệt chức năng quản lý hành chính nhà nước với quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh quốc doanh có những điểm chưa rạch ròi. Nhìn chung, công tác quản lý nhà nước còn yếu và lúng túng. Đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước tuy có tiến bộ nhưng chưa ngang tầm nhiệm vụ ; một bộ phận không nhỏ thoái hóa, biến chất.

- Sự lãnh đạo của Đảng chưa được tăng cường, bảo đảm cho việc kiện toàn và phát huy hiệu lực của bộ máy nhà nước. Vẫn có tình trạng tổ chức đảng bao biện, làm thay, can thiệp sâu vào những công việc thuộc chức năng điều hành của Nhà nước. Đồng thời lại có biểu hiện buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng, của tập thể cấp ủy, nhất là trong việc xác định chủ trương công tác và nhiệm vụ kiểm tra chấp hành các nghị quyết của Đảng. Nhiều cấp ủy trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo bị hạn chế, phương thức lãnh đạo còn những điểm lúng túng.

* * *

Hiện nay, cách mạng nước ta đang ở bước chuyển rất quan trọng : từ kinh tế hiện vật tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, mở cửa giao lưu quốc tế, trong đó nhiệm vụ trung tâm là từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình đó, phải thực hiện tốt dân chủ hóa xã hội, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vấn đề lớn hiện nay là phải làm sao khai thác được thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đẩy nhanh công cuộc phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, nâng dần đời sống của nhân dân.

Đó là những nhiệm vụ hết sức lớn lao, thật sự có ý nghĩa cách mạng, cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ; cả về cơ sở hạ tầng và cấu trúc thượng tầng ; cả về đối nội và đối ngoại, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó đặt ra hàng loạt vấn đề khó khăn, mới mẻ, phức tạp, đòi hỏi toàn đảng toàn dân phải vươn lên về mọi mặt, phấn đấu gian khổ và có quyết tâm cao ; hệ thống chính trị phải được xây dựng và củng cố một cách đồng bộ, vững chắc. Đặc biệt là Đảng phải có đủ trình độ, trí tuệ, bản lĩnh, năng lực, phẩm chất, tổ chức,... đủ sức đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn mới ; Nhà nước phải thật sự vững mạnh, trong sạch, quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật có hiệu lực và hiệu quả.

Một yêu cầu cấp bách hiện nay là phải tích cực củng cố, xây dựng bộ máy nhà nước, làm cho nhà nước thật sự là của dân, do dân và vì dân, luôn luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của giai cấp công nhân kết hợp với tính dân tộc, tính nhân dân, do Đảng cộng sản lãnh đạo. Nhà nước phải được kiện toàn và đổi mới cả về cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, cải tiến các phương thức hoạt động sao cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế và đủ sức bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước, cần nắm vững và quán triệt các **quan điểm cơ bản** *sau đây :*

1 - Nhà nước ta là nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dựa trên nền tảng của khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Quán triệt bản chất giai cấp công nhân chính là kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Là nhà nước của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta có sứ mệnh lịch sử là cải tạo, xây dựng và quản lý đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ gìn độc lập, chủ quyền quốc gia, bảo vệ Tổ quốc.

Digitized by Google

Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước luôn luôn gắn bó hữu cơ với tính dân tộc, tính nhân dân, bởi vì lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của dân tộc, của nhân dân là thống nhất. Nguồn sức mạnh và cơ sở chính trị của Nhà nước ta là khối đại đoàn kết toàn dân, kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hoạt động của Nhà nước theo quan điểm kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, lấy việc phục vụ nhân dân làm mục tiêu cao nhất. Phải xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, gần dân, sát dân, thể hiện đúng ý chí và nguyện vọng của dân, bảo đảm trên thực tế mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người. Giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội. Có độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì quyền con người mới được bảo đảm đầy đủ. Kiên quyết đấu tranh khắc phục các tệ nạn quan liêu, tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của dân ; đồng thời đánh bại các âm mưu từ phía các thế lực thù địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền để vu cáo nhà nước ta, chống phá chế độ ta.

2 - Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhân dân là chủ thể và cội nguồn của quyền lực nhà nước. Nhân dân trao quyền lực nhà nước cho Quốc hội được bầu ra bằng phiếu phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội vừa là cơ quan lập pháp, vừa thực hiện một phần quyền hành pháp và quyền tư pháp, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước ; Quốc hội quyết định những vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh. Các chức vụ và cơ quan nhà nước quan trọng như Chủ tịch nước, Thủ tướng và các thành viên chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án tòa án nhân dân tối cao, đều do Quốc hội cử ra và chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Như vậy, chúng ta không áp dụng cơ chế "tam quyền phân lập" như một số nhà nước tư sản, mà tập trung thống nhất quyền lực vào Quốc hội ; đồng thời có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước để vừa thúc đẩy các hoạt động của Nhà nước, vừa ngăn ngừa tình trạng độc đoán, chuyên quyền. Sự phân công này không có nghĩa là mỗi quyền chỉ tương ứng với một cơ quan nhà nước nắm giữ trọn vẹn quyền đó và cắt rời, tách biệt khỏi nhau.

3 - Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động, sáng tạo của từng địa phương, từng cơ sở, từng tổ chức, từng cá nhân và toàn hệ thống.

Đây là yếu tố quyết định sức mạnh tổ chức và hiệu lực của bộ máy nhà nước ta. Nó tạo ra sự thống nhất tổ chức và hành động, phát huy đồng thời và kết hợp chặt chẽ sức mạnh của cả tập thể và từng cá nhân, của cả nước và từng địa phương, từng cơ sở, của từng tổ chức và toàn hệ thống bộ máy nhà nước. Phải đề phòng và đấu tranh khắc phục khuynh hướng tập trung quan liêu và phân tán, cục bộ.

Trên lĩnh vực tổ chức, sự kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ được quán triệt ngay từ trong các luật, nghị định, quy chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, và được quy định cụ thể, sát hợp với tính chất, chức năng của từng tổ chức, từng lĩnh vực hoạt động.

Tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động của các địa phương. Phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền (4 cấp). Trung ương quyết định những vấn đề ở tầm vĩ mô : ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nắm những nguồn lực, những công cụ quan trọng đủ sức tác động đến quy mô, tốc độ, định hướng phát triển kinh tế, xã hội, quản lý các hoạt động đối ngoại, và bảo đảm sự nghiệp quốc phòng, an ninh. Địa phương được phân cấp quản lý, phát huy tính chủ động và trách nhiệm của mình trong việc khai thác các tiềm năng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, chăm lo đời sống, đáp ứng những nhu cầu bức thiết của nhân dân địa phương.

4 - Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật là một chức năng cơ bản của mọi nhà nước hiện đại. Bản thân nhà nước cũng được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ những quy định của pháp luật. Chính là với ý nghĩa đó mà chúng ta nói xây dựng nhà nước pháp quyền Việt nam của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng ; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trên cả ba lĩnh

Digitized by Google

vực : xây dựng pháp luật, chấp hành pháp luật và bảo vệ pháp luật. Một mặt phải bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp ; mặt khác phải hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách nền hành chính quốc gia, tổ chức thực hiện và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Đấu tranh chống các biểu hiện coi thường pháp luật, kỷ cương phép nước không nghiêm.

Đi đôi với tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, chúng ta đặc biệt coi trọng giáo dục nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng. Đây là một nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý xã hội, về nhà nước và pháp luật.

Nhà nước quản lý xã hội không chỉ bằng uy quyền pháp luật, mà còn bằng tấm gương đạo đức của cán bộ, nhân viên nhà nước, làm cho dân phục, dân tin mà nghe theo, làm theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực tuyệt vời về vấn đề này. Người rất coi trọng vai trò của pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật, trực tiếp chỉ đạo soạn thảo hai bản hiến pháp, hàng chục đạo luật, mấy trăm sắc lệnh để quản lý đất nước. Đồng thời Người rất đề cao vấn đề nêu gương đạo đức. Chính Người là một tấm gương đạo đức cao cả có sức cảm hóa, lôi cuốn mọi người tự giác làm theo những chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Phải dựa vào quần chúng, lấy quần chúng giáo dục quần chúng, qua phong trào quần chúng mà ngăn chặn và đấu tranh chống vi phạm, tội phạm. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân cùng với chính quyền cơ sở hòa giải các tranh chấp trong nội bộ nhân dân, ngăn chặn và hạn chế sớm các diễn biến phức tạp.

5 - Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là một yêu cầu khách quan. Trong xã hội hiện đại, nước nào cũng phải có đảng cầm quyền - đảng đại diện cho lợi ích, tư tưởng, quan điểm của một giai cấp nhất định. Ở nước ta, với thành quả của cách mạng, Đảng cộng sản Việt nam được lịch sử giao cho sứ mệnh lãnh đạo chính quyền, trở thành đảng cầm quyền. Và chính điều này đã quy định bản chất, đặc trưng của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, hoạt động theo đúng đường lối quan điểm của Đảng, thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo của Đảng tạo điều kiện phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, giúp nhà nước hoàn thành thuận lợi mọi nhiệm vụ của mình.

Đương nhiên, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải dựa trên cơ sở đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Bởi vì, vai trò lãnh đạo của Đảng không phải nhờ vào uy quyền, mệnh lệnh, mà ở trình độ năng lực vạch ra đường hướng chính trị đúng đắn và thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục, làm cho mọi tổ chức và toàn xã hội tự giác chấp nhận, ở tính gương mẫu và vai trò tiên phong chiến đấu của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, ở sự gắn bó, tín nhiệm của quần chúng đối với Đảng.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng bao gồm đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, xác định đúng mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xây dựng nền pháp chế, nhưng Đảng và mọi đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, gương mẫu chấp hành chính sách và pháp luật.

Kiện toàn Nhà nước theo những phương hướng nói trên là một quá trình tương đối lâu dài, với những bước đi tích cực, vững chắc, đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, gắn với đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Trước mắt, tập trung sức thực hiện một số chủ trương và nhiệm vụ quan trọng :

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội ;

- Cải cách một bước nền hành chính nhà nước ;

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp ;

- Phát huy vai trò nhân dân làm chủ nhà nước ;

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước.

Trong đó đặt trọng tâm vào cải cách nền hành chính nhà nước, nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước được hiện đại hóa để thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, quản lý có hiệu lực và hiệu quả cao công việc của Nhà nước, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật, thúc đẩy tiến trình đổi mới phát triển, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Digitized by Google

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH QUYỀN NGANG TẦM PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC, XỨNG ĐÁNG VỚI LÒNG TIN YÊU CỦA NHÂN DÂN *

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư ĐCS Việt nam

V.I. LÊ-NIN đã nói : Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Lý luận và thực tiễn đều khẳng định : giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và hết sức nhạy bén của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã chớp thời cơ, nhất tề đứng dậy khởi nghĩa trong toàn quốc, làm Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đánh đổ ách thống trị của phát xít, thực dân, phong kiến, giành chính quyền, lập ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á.

Ngay sau đó, khi Nhà nước ta mới tròn một tuổi, nhân dân Việt nam đã phải tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước suốt mấy chục năm ròng, chịu đựng biết bao tổn thất, hy sinh, với ý chí sắt đá "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" để đi đến thắng lợi vẻ vang, giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc, thiết lập chính quyền trong cả nước, tạo điều kiện tập trung khả năng, trí tuệ của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, Đảng ta đã có nửa thế kỷ lãnh đạo chính quyền, Nhà nước ta đã có kinh nghiệm 50 năm quản lý đất nước. Bên cạnh những thành công đo có đường lối, chủ trương đúng đắn và sáng tạo, cũng có lúc, có việc mắc khuyết điểm, sai lầm. Điều quan trọng nhất là Đảng và Nhà nước ta sớm nhận ra và quyết tâm khắc phục, kịp thời rút những bài học kinh nghiệm để đưa cách mạng tiếp tục tiến lên.

Mấy năm gần đây, trong khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước sụp đổ, đảng cộng sản tại các nước đó mất quyền lãnh đạo sau nhiều năm chiến đấu hy sinh gian khổ để giành và giữ chính quyền, thì nước ta mặc dù đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, bị cắt đột ngột nguồn viện trợ, mất thị trường truyền thống, bị bao vây cấm vận và bị phá hoại trên nhiều mặt, song chúng ta chẳng những vẫn đứng vững mà còn tiếp tục phát triển, đạt những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.

Chúng ta cần làm rõ nguyên nhân, rút ra những bài học cần thiết để xây dựng Nhà nước ta thật vững mạnh, mãi mãi là chính quyền của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, để tổ chức, động viên nhân dân ra sức phấn đấu vì mục tiêu *độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Để đạt mục đích cao cả trên đây, hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn mới, Đảng ta cần lãnh đạo làm tốt những việc sau đây:

Trước hết, phải vững vàng, kiên định, lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người không có chí khôn, tàu không có bàn chỉ nam". Đảng ta luôn luôn khẳng định tầm quan trọng của công tác tư tưởng - lý luận. Trong mọi giai đoạn cách mạng nó đều quan trọng. Ở thời điểm hiện nay, nó lại càng quan trọng. Tư tưởng và lý luận đúng không những làm cho toàn Đảng, toàn dân vững tin ở tương lai, kiên trì lý tưởng, mục tiêu đã chọn, mà còn giúp tìm ra những giải pháp đúng đắn để biến lý tưởng, mục tiêu thành hiện thực.

Lý tưởng, mục tiêu đó là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*, sự lựa chọn duy nhất đúng đắn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong Chính cương vắn tắt và được đề ra trong Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng, được thử thách và kiểm nghiệm bằng thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh

*Nội dung bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Đảng, ngày 16-1-1995

Digitized by Google

đạo của Đảng hơn sáu thập kỷ qua. Với hoàn cảnh lịch sử của nước ta, chỉ có độc lập dân tộc mới tạo điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Trong nhận thức và hành động, phải luôn luôn kiên định chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng, coi đó là những vấn đề có tính nguyên tắc không thể lay chuyển. Đồng thời, cuộc cách mạng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề rất bức xúc và mới mẻ, chưa hề có tiền lệ, đòi hỏi phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, vừa học hỏi, tìm tòi, sáng tạo. Vì vậy, trong khi kiên trì những nguyên tắc trên đây, chúng ta phải mở rộng việc tiếp tục nghiên cứu, thảo luận với tinh thần xây dựng để làm sáng tỏ căn cứ khoa học và thực tiễn của nhiều vấn đề lý luận đang được đặt ra nhằm tăng cường sự nhất trí về tư tưởng trong Đảng và sự thống nhất về chính trị, tinh thần trong xã hội, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh chống lại những luận điệu phản động và xuyên tạc ; bổ sung và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, xác định cách làm, bước đi phù hợp để đưa sự nghiệp đổi mới đến thắng lợi.

Hai là, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Nhà nước có nhiệm vụ thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và tổ chức tốt việc thực hiện : phát triển kinh tế, chăm lo các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tiến hành đường lối đối ngoại rộng mở, quản lý, điều hành thông suốt mọi công việc quốc gia.

Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, quán triệt tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân từ pháp luật, cơ chế, chính sách đến tổ chức hoạt động của mình. Đồng thời, nhà nước đó cũng mang tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc. Đó là *nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*.

Bác Hồ đã chỉ rõ nước ta là một nước dân chủ, dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ với nhân dân và chuyên chính với các thế lực thù địch chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân. Trên thực tế, Người đã thiết lập một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân như Hiến pháp 1946 đã ghi. Đó là một nhà nước mà mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân ; bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân ; công việc đổi mới, kháng chiến, kiến quốc là việc của dân ; chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra, đoàn thể từ trung ương đến xã do nhân dân tổ chức nên ; đảng cộng sản là người lãnh đạo, còn sự nghiệp cách mạng có thắng lợi hay không, thắng lợi lớn hay nhỏ là do quần chúng. Trung thành với tư tưởng lớn của Người, Đảng ta luôn luôn coi Nhà nước ta, chính quyền ta là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Điều đó đã được ghi trong Hiến pháp 1992 : "Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mấy chục năm qua, chúng ta đã xây dựng được chính quyền cách mạng vững chắc, giữ vai trò to lớn đoàn kết toàn dân, động viên được mọi nguồn lực xã hội vào chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính quyền của chúng ta đã nhanh chóng lớn mạnh, trưởng thành. Tuy nhiên, trước yêu cầu bức thiết phải đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, chính quyền của chúng ta còn nhiều mặt yếu kém, cả về kiến thức, năng lực tổ chức thực tiễn của bộ máy, cả về trình độ và phẩm chất của cán bộ, nhân viên nhà nước. Đặc biệt, trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, viên chức trong bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể nổi lên tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, xa dân, hống hách với dân, trở thành những "ông quan cách mạng". Lê-nin và Bác Hồ của chúng ta đã đề cập rất sâu sắc vấn đề này. Bản thân bộ máy thì ngày một phình ra, trở nên rất cồng kềnh, chồng chéo với nhiều tầng nấc, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành thấp, tình trạng coi thường phép nước, bất chấp pháp luật, kỷ cương, nạn hối lộ, buôn lậu diễn ra khá nghiêm trọng, cả trong bộ máy, cả ngoài xã hội. Đó là nỗi nhức nhối nhất thiết không thể cho phép tồn tại trong chế độ mới của chúng ta. Phải có kế hoạch và cách làm, bước đi thích hợp để loại trừ các tệ nạn này.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, mà trọng tâm là tiến hành cải cách một bước nền hành chính nhà nước, nhằm khắc phục những thiếu sót, sửa chữa những khuyết tật, xây dựng một nhà nước vững mạnh, một bộ máy nhà nước có hiệu lực và hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước trong tình hình mới. Làm tốt việc cải cách một bước lần này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành cuộc cải cách sâu rộng hơn trong những năm sau. Đó là con đường xây dựng và hoàn thiện nhà nước trong chế độ mới, làm cho chính quyền của chúng ta luôn luôn vươn tới ngang tầm phát triển không ngừng của đất nước, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân.

Dân làm chủ đất nước vừa trực tiếp, vừa gián tiếp thông qua những đại diện mà mình bầu ra. Người đại diện phải luôn luôn phấn đấu xứng đáng với lòng tin và sự tín nhiệm của dân. Phải nghiên cứu xác định cơ chế rõ ràng và tổ chức để dân có thể thực thi đầy đủ quyền hạn của mình : dân có quyền bầu thì cũng có quyền bãi miễn những người phụ lại lòng tin đó ; cán bộ,

Digitized by Google

công chức làm tốt thì được dân khen thưởng, làm xấu thì bị dân xử phạt. Đó là sức mạnh của chế độ bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, là chỗ khác nhau giữa chế độ ta với các chế độ phong kiến và tư bản, thể hiện bản chất giai cấp và tính nhân dân của chính quyền cách mạng.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để thể hiện bản chất ưu việt đó trên thực tế. Điều đáng quan tâm là khi được trao quyền, một bộ phận cán bộ, công chức đã lạm dụng quyền hành để mưu cầu lợi ích riêng. Pháp luật phải nghiêm trị những kẻ có hành vi xâm phạm quyền hạn, tài sản, tính mạng của dân ; xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực ; sa thải những phần tử thái hóa, biến chất ra khỏi bộ máy đảng và nhà nước ; huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể và đông đảo nhân dân tham gia việc đó. Trong một nhà nước pháp quyền, mọi tổ chức, cơ quan, cá nhân đều phải đặt mình trong khuôn khổ pháp luật, không được đứng trên và đứng ngoài pháp luật, không có bất cứ ngoại lệ nào.

Muốn vậy, phải có những cố gắng to lớn và đồng bộ trong việc hoàn thiện thể chế, trước hết là rà soát và loại bỏ những thủ tục hành chính rắc rối, phiền hà, là miếng đất tốt nuôi dưỡng tệ quan liêu, tham nhũng ; xây dựng bộ máy tinh gọn với hiệu năng cao, bớt tầng nấc ; đào tạo đội ngũ công chức tận tụy, liêm khiết, trong sạch và đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ ; đãi ngộ xứng đáng với cống hiến để cán bộ, nhân viên nhà nước làm việc tốt thì có cuộc sống ngày càng được cải thiện hơn. Quyền làm chủ của dân phải được hoàn thiện và không ngừng nâng cao gắn liền với quá trình phát triển kinh tế-xã hội, mở mang dân trí, hiểu biết pháp luật. Pháp luật nghiêm minh đi liền với giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng, noi gương "cần-kiệm-liêm-chính, chí-công-vô-tư" của Bác Hồ và truyền thống đạo đức của dân tộc ta. Dân chủ đi liền với trật tự, kỷ cương ; tự do luôn luôn gắn với luật pháp ; khắc phục tình trạng vô chính phủ, làm trái phép nước trong bộ máy từ trung ương đến cơ sở, từ trong nội bộ đảng, nhà nước và trong toàn xã hội.

Phấn đấu làm tốt lời chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh : Xây dựng một chính quyền không có đặc quyền, đặc lợi, hoạt động vì cuộc sống của nhân dân ; trước hết làm cho đất nước được hoàn toàn độc lập, dân được sống tự do, ấm no, hạnh phúc, có việc làm, được học hành. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả của chính quyền, loại trừ những khuyết tật, quản lý tốt để đất nước không ngừng phát triển. Một chính quyền như vậy nhất định sẽ được nhân dân ủng hộ, tín nhiệm. Nhân dân sẽ mãi mãi gắn bó với Đảng, tạo ra sức mạnh quyết định để bảo vệ nhà nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ chính quyền cách mạng như bảo vệ vận mệnh của chính mình.

Theo tinh thần đó, Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và đề ra chủ trương, biện pháp nhằm cải cách một bước nền hành chính nhà nước phù hợp với đòi hỏi của tình hình trong giai đoạn mới. Nhân dân hoan nghênh, hưởng ứng cuộc cải cách này và đang trông đợi chủ trương, hành động của chúng ta, trước hết là cơ quan lãnh đạo đảng và chính quyền ở trung ương và các cấp, các ngành. Đảng ta quyết không phụ lòng tin của dân, nhất thiết phải xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, đúng là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Đương nhiên, đây không phải là công việc đơn giản, dễ dàng, thuận buồm xuôi gió mà có nhiều khó khăn, phức tạp vì nó trực tiếp đụng chạm đến lợi ích cục bộ, cá nhân, đến sức ỳ của những nhận thức, thói quen đang cản trở công cuộc đổi mới ; nó đặt ra yêu cầu cao hơn về phẩm chất, kiến thức và năng lực của từng người, của cả bộ máy trong công tác lãnh đạo và quản lý xã hội. Tình hình đòi hỏi phải kiên quyết, khẩn trương, song cũng không thể giản đơn, nóng vội. Phải đặt vấn đề cải cách nền hành chính một cách cơ bản theo quan điểm chỉ đạo nhất quán; đồng thời, có chương trình hành động thiết thực trong từng thời gian, giành tháng lợi từng bước.

Để làm tốt cải cách hành chính lần này, cần nêu lên bài học kinh nghiệm rất quan trọng là phải xuất phát từ thực tiễn Việt nam, với đặc điểm, truyền thống, tính cách và bản sắc Việt nam ; đồng thời tham khảo, học hỏi kiến thức và kinh nghiệm của thế giới, song quyết không được rập khuôn, sao chép. Trong bất luận trường hợp nào, giáo điều, rập khuôn, sao chép đều phương hại đến lợi ích của đất nước, của dân tộc.

Ba là, cần mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, bao gồm các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đồng bào trong nước và đồng bào sinh sống ở nước ngoài, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng.

Trong bối cảnh quốc tế ngày nay, vấn đề đoàn kết dân tộc trở thành một nhân tố cực kỳ quan trọng. Sức mạnh của nhà nước bắt nguồn từ sức mạnh vô địch của toàn dân, như Bác Hồ từng nói : Mọi việc phải dựa vào dân, có dân là có tất cả. Nhận thức sâu sắc điều đó, thấm nhuần tư tưởng cao cả của Người : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công", Bộ chính trị đã ra nghị quyết "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất" trong tình hình mới, coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước

Digitized by Google

nhằm đáp ứng nguyện vọng thiết tha và lợi ích chính đáng của các giai tầng xã hội.

Sự nghiệp đổi mới toàn diện và sâu sắc, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chỉ có thể thành công khi Đảng ta có đường lối đúng, khi toàn dân ta đoàn kết một lòng, lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, hòa hợp thành một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí mang hết nghị lực và tài năng cống hiến cho đất nước, vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Bốn là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng nói chung cũng như việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt nam, tiến hành một bước cải cách nền hành chính nhà nước.

Để thực hiện được điều đó, phải nghiêm chỉnh thi hành Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn đảng, xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đường lối, chính sách của Đảng phải hợp quy luật, thuận lòng dân, chăm lo đến lợi ích thiết thực của đồng bào cả nước. Phải thống nhất ý chí, tư tưởng trong toàn Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ, xiết chặt hàng ngũ, cảnh giác với mọi âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ nội bộ đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân hòng thực hiện ý đồ xóa bỏ Đảng, xóa bỏ chế độ, xóa bỏ chính quyền cách mạng.

Mọi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập, vươn lên ngang tầm đòi hỏi của đất nước và nhân dân, nâng cao trình độ mọi mặt, trau đồi trí tuệ, rèn luyện bản lĩnh, tu dưỡng đạo đức, chấp hành đúng Điều lệ Đảng, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ ; kiên định lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa, tiếp tục phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân ; tự mình gương mẫu và giáo dục gia đình mình nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật nhà nước. Trong điều kiện đảng cầm quyền, nhiều đảng viên được cử vào các cương vị khác nhau trong bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở. Được trao quyền nhưng nhất thiết không được lạm quyền ; phải hết lòng phục vụ, mang lại lợi ích cho dân ; làm "người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" ; tuyệt đối không được quan cách, hách dịch, cửa quyền, ức hiếp dân, hà lạm công quỹ, tham ô, lãng phí tài sản, tiền bạc của dân.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức Đảng đoàn, ban cán sự Đảng trong các ngành, các cấp. Tổ chức bộ máy tham mưu của Đảng phải tinh gọn, làm đúng chức năng. Sự lãnh đạo của Đảng có nội dung toàn diện, bao gồm lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ ; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong cả hệ thống chính trị nói chung và trong bộ máy nhà nước nói riêng ; trọng dụng nhân tài cả trong và ngoài đảng ; lựa chọn, để bạt những người có đức, có tài, một lòng một dạ vì dân. Đó là khâu quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, có quan hệ đến vận mệnh của chế độ, của đất nước. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, cá nhân phụ trách ; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn đảng phục tùng Trung ương, Trung ương phục tùng Đại hội ; phát huy đầy đủ trách nhiệm quản lý, điều hành của thủ trưởng các ngành, các cấp, các đơn vị.

Hiện nay, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng đã gây được lòng tin của nhân dân, song cũng còn không ít người phân vân về khả năng Đảng tự chỉnh đốn, làm trong sạch tổ chức của mình và của bộ máy nhà nước, của nền hành chính nhà nước. Đại bộ phận cán bộ, nhân viên trong bộ máy nhà nước là đảng viên ; trong những phần tử hư hỏng, tỷ lệ đảng viên chiếm phần không nhỏ. Vì vậy, đây thật sự là một thử thách lớn đối với Đảng, là trách nhiệm của toàn đảng, từ trung ương đến cơ sở và đến từng đảng viên. Phải gắn đổi mới, chỉnh đốn đảng với việc xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách một bước nền hành chính nhà nước để thực sự tạo ra chuyển biến tích cực. Bản lĩnh của Đảng đã thể hiện rõ trong quá trình lãnh đạo cách mạng, tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo để đứng vững và tiếp tục phát triển. Giờ đây, để tự đổi mới và chỉnh đốn, bản lĩnh và sức chiến đấu của Đảng càng phải được phát huy ở tầm cao hơn, đặc biệt là về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện, vươn lên ngang tầm đòi hỏi đối với trách nhiệm lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới.

Ngày nay, cách mạng nước ta đang vững bước tiến lên với thế và lực lớn mạnh hơn trước rất nhiều. Toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực vượt bậc, nắm lấy vận hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, đưa nước ta vào thời kỳ phát triển mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trên con đường đó, mặc dù còn nhiều gian nan, thử thách, mặc dù bản thân chúng ta còn những yếu kém phải tích cực khắc phục, song được sự tin tưởng và ủng hộ của toàn dân, sự cổ vũ của bầu bạn trên thế giới, chúng ta hoàn toàn có khả năng giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề nêu trên, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên nhanh hơn, vững chắc hơn theo con đường đã chọn.

Digitized by Google

CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP

NGỌC KIM

TRONG toàn bộ nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước, nhiệm vụ cải cách nền hành chính quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giống như một khâu đột phá có tính quyết định.

Sở dĩ như vậy *trước hết* là vì nền hành chính là bộ phận lớn nhất trong cơ cấu nhà nước, đảm nhiệm chức năng thực thi quyền hành pháp để quản lý, điều hành mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, thực hiện quyền lực của nhân dân. Nền hành chính nhà nước bao gồm : hệ thống thể chế để quản lý xã hội theo pháp luật ; cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy hành chính ; đội ngũ cán bộ, công chức hành chính. Tiến hành cải cách tốt nền hành chính sẽ làm chuyển động, thúc đẩy toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước.

Hai là : Hiện nay đất nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới mà nhiệm vụ trung tâm là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, mở cửa giao lưu quốc tế, có sự quản lý của nhà nước, thực hiện dân chủ hóa xã hội, phát huy trên thực tế quyền làm chủ của nhân dân, tạo lập trật tự, kỷ cương xã hội. Chỉ có một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa, mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đó của cách mạng.

Ba là : Trong nhiều năm qua, nền hành chính nước ta tuy đã từng bước được xây dựng và phát triển, có nhiều ưu điểm và tiến bộ, nhưng chuyển sang thời kỳ mới, đang bộc lộ không ít khuyết điểm và nhược điểm. Đáng chú ý là : bệnh quan liêu phổ biến và nghiêm trọng ; tình trạng phân tán, thiếu kỷ luật, kỷ cương khá nặng nề ; nạn tham nhũng lan tràn; tổ chức bộ máy cồng kềnh, kém chất lượng ; đội ngũ cán bộ, công chức nhìn chung chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Thấy được ý nghĩa quan trọng của việc cải cách nền hành chính quốc gia, ngay từ Đại hội VI, khi đề ra đường lối đổi mới, Đảng ta đã chỉ rõ phải "thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước". Sau đó, nhiều văn kiện và nghị quyết của Đảng tiếp tục nhấn mạnh phải xúc tiến cải cách hành chính, xây dựng và từng bước hoàn thiện bộ máy nhà nước. Với Hiến pháp mới được ban hành (năm 1992), tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có những đổi mới đáng kể. Nhưng những tiến bộ đó chưa tương xứng với yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước, nhất là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (đầu năm 1994) nhận định : "Việc cải cách bộ máy nhà nước còn chậm và kém hiệu quả". Điều đó một mặt là do chúng ta chưa có quyết tâm cao và chưa có biện pháp cụ thể thích đáng để tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết Đại hội. Mặt khác, phải thừa nhận là chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm về quản lý nhà nước và quản lý hành chính trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường ; nhiều vấn đề đang trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm ; việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong lĩnh vực này chưa đủ sức làm sáng tỏ các quan điểm chỉ đạo, thậm chí có phần còn lúng túng trong việc xác định nội dung và phương thức tiến hành cải cách.

Thực tiễn ngày càng cho thấy, cải cách nền hành chính quốc gia là một yêu cầu rất cấp bách, một nhiệm vụ trọng yếu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nó phục vụ đắc lực và thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó trọng tâm là lĩnh vực kinh tế, hỗ trợ tích cực cho cải cách kinh tế và xã hội. Đảng cầm quyền lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua nhà nước, vì vậy nhất thiết phải xây dựng được một nhà nước mạnh, một nền hành chính mạnh. Các chủ trương và giải pháp cải cách hành chính phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc

Digitized by Google

sống và từ điều kiện cụ thể Việt nam, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế thừa truyền thống dân tộc, kết hợp với vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm của thế giới.

Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã chỉ rõ, trong tình hình hiện nay ở nước ta, công cuộc cải cách nền hành chính phải được tiến hành đồng bộ trên cả 3 mặt : về thể chế ; về tổ chức bộ máy ; và về đội ngũ cán bộ, công chức.

1- Về thể chế

Thể chế nền hành chính bao gồm luật và các văn bản pháp quy dưới luật tạo khuôn khổ pháp lý cho các cơ quan hành chính quản lý, điều hành mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cho mọi tổ chức và cá nhân sống và làm việc theo pháp luật. Cải cách thể chế hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu từng bước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường quan hệ gắn bó giữa nhân dân với chính quyền, và bảo đảm sự quản lý nhà nước phù hợp với tình hình mới, vừa phát huy được mặt tích cực, vừa ngăn chặn và hạn chế được mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Trước mắt, cần tập trung giải quyết mấy vấn đề cấp bách :

+ *Cải cách thủ tục hành chính*. Hiện nay ai cũng thấy thủ tục hành chính của chúng ta nhiều cái quá rườm rà. Mong muốn chung là phải sớm tinh giản các thủ tục hành chính, loại bỏ những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết, tạo thuận tiện, giảm phiền hà, tốn kém cho nhân dân và các nhà kinh doanh ; đồng thời bảo đảm quản lý theo pháp luật của các cơ quan hành chính, góp phần tích cực ngăn chặn và bài trừ tệ cửa quyền, sách nhiễu và các hành vi gian lận, vi phạm pháp luật. Lập lại trật tự trong việc ban hành thủ tục hành chính và quy định lệ phí.

Ngay trong năm 1995 phải tạo ra được chuyển biến cơ bản trên vấn đề này. Đặc biệt chú ý các lĩnh vực tác động trực tiếp đến đời sống và sản xuất kinh doanh hoặc đang có nhiều vướng mắc, nhiều hiện tượng tiêu cực, như : cấp đất xây dựng và giấy phép xây dựng, sửa chữa nhà ; xuất nhập khẩu ; xuất nhập cảnh ; thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh ; xét duyệt dự án đầu tư nước ngoài ; phân bổ và cấp phát vốn đầu tư của nhà nước; các lệ phí đi liền với thủ tục,...

+ *Xây dựng thể chế giải quyết các khiếu tố, bảo đảm quyền được thông tin, quyền giám sát và góp ý của nhân dân với cơ quan nhà nước:*

Đối với *các khiếu kiện* của công dân (cá nhân hoặc tổ chức), một mặt phải có chính sách cụ thể, rõ ràng đối với những lĩnh vực mà dân khiếu kiện nhiều (từ năm 1992 đến giữa năm 1994 có gần 27 vạn vụ khiếu nại, phần lớn là về tranh chấp đất đai, nhà cửa, chấp hành chính sách đãi ngộ...) ; mặt khác phải thiết lập hệ thống cơ quan tài phán hành chính (tòa án hành chính) để xét xử các khiếu kiện của công dân.

Đối với các *đơn thư* của công dân tố cáo cán bộ, công chức (từ năm 1992 đến giữa năm 1994 có 4,7 vạn vụ tố cáo, chủ yếu là về tội tham nhũng, ức hiếp dân và người dưới quyền, trong đó gần một nửa là đơn thư nặc danh hoặc mạo danh), phải quy định rõ thủ tục giải quyết, bảo đảm mọi sự tố cáo phải được xem xét và xử lý nghiêm minh ; người bị tố cáo được quyền nhận thông tin đầy đủ và bào chữa ; người tố cáo sai với dụng ý xấu phải bị xử lý theo pháp luật.

Đối với *thư dân nguyện* của công dân gửi các cơ quan hoặc cán bộ lãnh đạo để góp ý kiến về công việc chung của đất nước, cần có quy chế giao trách nhiệm nghiên cứu, tập hợp và trả lời. Quy định chế độ cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp tiếp dân để nghe, tiếp thu, và trao đổi ý kiến về những kiến nghị của công dân. Đổi mới cách thu thập ý kiến để nhân dân dễ bày tỏ thái độ, bảo đảm tính trung thực, công khai khi tập hợp và phản ánh ý kiến nhân dân.

Mở rộng *các hình thức thông tin công khai* công việc nhà nước, tạo điều kiện để dân biết, dân nắm được tình hình, dân tiếp xúc và đánh giá hoạt động của các đại biểu dân cử, bảo đảm quyền giám sát của công dân và quyền bày tỏ thái độ của công dân đối với cơ quan hoặc nhân viên nhà nước.

+ *Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng*. Xây dựng và bổ sung hệ thống luật và các văn bản pháp quy, tạo khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động của các thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường, trọng tâm là luật dân sự, luật kinh doanh, các văn bản pháp quy làm cơ sở cho việc hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường (thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường công nghệ, thị trường tiền tệ,...), cho việc tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

Hoàn chỉnh thể chế quản lý tài chính công (ngân sách, kho bạc, vốn nhà nước đầu tư xây dựng cơ bản...) và các tài sản công (đất đai, tài nguyên, công sở, công thự, dự trữ quốc gia...), bảo đảm phân phối và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các tài sản công, ngăn chặn tệ lãng phí và đục khoét của công, phát huy được vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Xây dựng

Digitized by Google

quy chế quản lý tập đoàn doanh nghiệp nhà nước và hội đồng quản lý tập đoàn.

+ Đổi mới việc xây dựng thể chế nhà nước, có quy chế phân công và phối hợp chặt chẽ hơn giữa chính phủ và các cơ quan của Quốc hội để nâng cao chất lượng và bảo đảm tính kịp thời của việc xây dựng luật. Đổi mới quy trình xây dựng văn bản pháp quy, khắc phục tình trạng không ăn khớp về nội dung, không đồng bộ về thời gian giữa văn bản lập pháp và văn bản lập quy, giữa văn bản chính của chính phủ với các văn bản chi tiết hóa và hướng dẫn thi hành của các bộ. Các quyết định hành chính, dù là chủ trương chung hay giải quyết từng sự việc, đều phải thành văn bản. Thẩm quyền ký văn bản cần phải được quy định rõ.

+ Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật, thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, kỷ luật trong bộ máy nhà nước. Cải tiến việc phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức pháp luật, ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân. Phối hợp tốt giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc thực thi pháp luật.

2- Về tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính

Trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, Nhà nước quản lý kinh tế xã hội theo phương thức thích hợp, không trực tiếp can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp. Cùng với việc đổi mới tổ chức và quản lý các loại doanh nghiệp nhà nước, thành lập các tập đoàn doanh nghiệp, hoàn thiện thể chế quản lý vốn và tài sản công ; các cơ quan hành chính không cần thiết đóng vai trò "chủ quản" đối với các doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ và các cơ quan hành chính các cấp cần tập trung hoạt động vào việc đổi mới và hoàn thiện thể chế hành chính trong quản lý kinh tế, nâng cao chất lượng quy hoạch và kế hoạch định hướng cho sự phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, đổi mới chính sách tài chính - tiền tệ, phát huy vai trò chủ đạo của lực lượng kinh tế nhà nước, chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự an ninh và kỷ cương pháp luật, củng cố quốc phòng và bảo vệ quyền lợi quốc gia.

Cần quán triệt và vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ trong việc chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính, bảo đảm tính tập trung thống nhất, thông suốt của cả hệ thống, đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo của địa phương. Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi cấp, nhất là trong vấn đề lập quy và ngân sách. Tập trung quyền lập quy ở chính phủ ; chính quyền cấp tỉnh, thành phố được ủy quyền lập quy đối với những vấn đề mang tính địa phương nhưng không trái với luật và văn bản pháp quy của chính phủ.

Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân theo nguyên tắc chung là bảo đảm sự lãnh đạo tập thể các vấn đề quan trọng, đồng thời phát huy trách nhiệm cá nhân trong công việc điều hành ; quyền hạn và trách nhiệm phải tương xứng với nhau. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để mọi hoạt động theo đúng kỷ cương, mọi thành phần kinh doanh theo đúng pháp luật.

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức, tinh giản bộ máy hành chính các ngành, các cấp trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi tổ chức và mối quan hệ công tác giữa các tổ chức đó. Cơ cấu tổ chức của từng bộ cần được điều chỉnh cho tinh gọn và phù hợp với chức năng mới, phân biệt các bộ phận làm chức năng nghiên cứu, tham mưu cho bộ trưởng (các vụ) với các tổ chức trực thuộc bộ làm chức năng chỉ đạo, quản lý từng lĩnh vực công tác (tổng cục hoặc cục); với các đơn vị sự nghiệp làm chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học (trường, viện) ; với các đơn vị làm chức năng dịch vụ công cộng (doanh nghiệp). Nói chung, chính phủ và cơ quan hành chính các cấp cần được sắp xếp tinh gọn, tập trung làm tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Ở các địa phương, cần đề cao trách nhiệm và kỷ luật của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân trong việc chấp hành luật pháp và các quyết định của chính phủ, của Thủ tướng, các bộ trưởng và các cơ quan hành chính cấp trên. Chú trọng kiện toàn chính quyền cấp xã, giải quyết vấn đề ngân sách xã và từng bước chuyên nghiệp hóa một số vị trí công tác ở xã. Trưởng thôn, trưởng bản, trưởng ấp được dân tín nhiệm cử ra là nhân viên của chính quyền xã, được giao một số nhiệm vụ trong công việc hành chính của thôn, bản, ấp.

Quy chế hóa chế độ làm việc và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính (từ chính phủ đến các bộ, các ngành, các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương các cấp...). Trong quy chế làm việc, chế độ trách nhiệm phải rõ ràng, cụ thể, khắc phục cho được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, không truy cứu được trách nhiệm khi có sai lầm, khuyết điểm. Trong từng cơ quan, phải xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng và tập thể lãnh đạo. Nếu tập thể có quyết định sai

Digitized by Google

trái trong phạm vi thẩm quyền của tập thể thì những thành viên tán thành quyết định đó phải chịu phần trách nhiệm của mình. Thủ trưởng là người điều hành công việc ; những quyết định sai trái thuộc thẩm quyền của thủ trưởng, dù có đưa ra tập thể bàn bạc và kết luận, thì trách nhiệm chính vẫn thuộc về thủ trưởng. Thủ trưởng cũng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của cấp phó, vì cấp phó là người giúp thủ trưởng, giải quyết công việc theo sự ủy quyền của cấp trưởng.

Trong quan hệ phối hợp giữa các cơ quan cũng phải xác định trách nhiệm chính của cơ quan chủ trì và phần trách nhiệm của các cơ quan tham gia ; khắc phục tình trạng dựa dẫm, dây dưa, hoặc cản trở công việc lẫn nhau.

3-Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính.

Trong bộ máy hành chính, ngoài một số ít cán bộ dân cử làm việc theo nhiệm kỳ, lực lượng đông đảo là đội ngũ công chức cần được xây dựng theo hướng chuyên môn hóa, ổn định, tận tụy với dân, công tâm, có đủ trình độ và năng lực theo tiêu chuẩn từng chức danh.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện *chế độ công vụ* và *quy chế công chức*, bởi vì đây là căn cứ rất quan trọng để đào tạo, tuyển chọn, sắp xếp và thực hiện các chính sách đối với công chức, làm chuẩn mực cho công chức thi hành công vụ và phấn đấu nâng cao phẩm chất, năng lực ; đồng thời làm cơ sở cho việc tinh giản biên chế hành chính.

Thực hiện chế độ tuyển dụng qua thi tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch đối với những người muốn vào làm việc trong cơ quan hành chính. Kịp thời sa thải những công chức thoái hóa, biến chất. Sắp xếp lại công tác hoặc đưa ra khỏi biên chế những người không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ (đương nhiên với chính sách đãi ngộ hợp tình hợp lý). Thực hiện chế độ nghỉ hưu đúng tuổi. Trong quy chế công chức, phải xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh mà công chức nhất thiết không được làm.

Có kế hoạch trung hạn và dài hạn bồi dưỡng những công chức đang làm việc và đào tạo mới đội ngũ công chức. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng và đào tạo mới các công chức cao cấp và trung cấp. Chương trình đào tạo phải thiết thực, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính từng bước theo kịp trình độ hiện đại, bao gồm cả tiêu chuẩn về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ tin học. Muốn thế, phải khảo sát, xác định yêu cầu đào tạo, lập kế hoạch đào tạo cho từng ngạch hành chính ; gấp rút kiện toàn và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy, mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài trong công tác đào tạo ; sắp xếp hợp lý hệ thống các cơ sở đào tạo công chức, đưa môn học hành chính vào chương trình đào tạo của một số trường.

Để thực hiện tốt chế độ công vụ, nâng cao hiệu suất công tác của các cơ quan và công chức, cần từng bước hiện đại hóa công sở, chủ yếu là trang bị và sử dụng các phương tiện hiện đại thích hợp, hình thành mạng lưới tin học trong hệ thống hành chính. Bố trí nơi làm việc nghiêm túc, thiết thực, tránh phô trương hình thức.

Như vậy, tiến hành cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chế độ công vụ và quy chế công chức, chế độ quản lý vốn, tài sản công, thiết lập tòa án hành chính... cũng là những biện pháp tích cực góp phần ngăn chặn từ gốc tệ lãng phí của công và nạn tham nhũng, trước hết là tệ đục khoét của công, sách nhiễu dân, móc ngoạc với các doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài để kiếm lời phi pháp... Đảng và Nhà nước đã chủ trương : quy định rõ những việc liên quan đến kinh doanh, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được phép làm ; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách và chế độ cán bộ, công chức, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về nguồn tiền mua đất, làm nhà... Quy định và thực hiện chế độ trách nhiệm : cơ quan nào, bộ phận nào để xảy ra các vụ lãng phí nghiêm trọng và các vụ tham nhũng, thì không chỉ người trực tiếp vi phạm phải bị xử lý nghiêm, mà thủ trưởng đơn vị cũng phải chịu trách nhiệm. Không phát hiện được cũng có trách nhiệm ; phát hiện rồi mà không kiên quyết xử lý hoặc bao che thì trách nhiệm càng nặng hơn. Đó là những chủ trương rất đúng, hợp lòng dân, cần được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, triệt để.

Thực tế cho thấy, cải cách nền hành chính nhà nước là nhiệm vụ rất quan trọng, nhưng không đơn giản, dễ dàng. Vì đây là công việc thật sự mang tính khoa học, liên quan đến nhiều việc phải giải quyết đồng bộ, đồng thời là cuộc đấu tranh phức tạp, đụng chạm đến lợi ích của không ít bộ phận và cá nhân. Đây không chỉ là công việc của hệ thống hành chính mà là công việc chung của toàn đảng, toàn dân, đòi hỏi có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, có vai trò gương mẫu của các đảng bộ, chi bộ, của cán bộ, đảng viên (trước hết ở các cơ quan hành chính), có sự tham gia tích cực của nhân dân và các đoàn thể nhân dân.

Digitized by Google

VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

HOÀNG VĂN HẢO *

TRONG điều kiện đổi mới hiện nay ở nước ta, với đường lối "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa", nhà nước phải được tổ chức và quản lý chặt chẽ bằng pháp luật để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, thực chất của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ thực sự bao giờ cũng gắn liền với pháp luật, pháp chế, gắn với một nhà nước tuân thủ pháp luật, đặt mình dưới pháp luật. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, sau khi khẳng định những thành tựu và những yếu kém trong quá trình đổi mới, đã chỉ ra một trong những điều kiện quan trọng nhất để đẩy nhanh sự nghiệp đổi mới ở nước ta, là phải xây dựng được một nhà nước mạnh, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước trong cơ chế thị trường. "Đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Nói cách khác, chúng ta cần xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt nam.

Mọi người đều biết, tư tưởng "nhà nước pháp quyền" đã xuất hiện khá sớm. Các nhà tư tưởng thời cổ đại đã nêu khía cạnh này hay khía cạnh khác của nhà nước pháp quyền, họ đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa nhà nước và pháp luật, nhấn mạnh vận mệnh của nhà nước tùy thuộc vào hiệu lực của pháp luật. Về sau, đến thời kỳ chuẩn bị lý luận cho các cuộc cách mạng tư sản, các nhà tư tưởng thời bấy giờ đã hệ thống hóa tư tưởng trước đó và hình thành học thuyết nhà nước pháp quyền. Ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đó, nội dung cơ bản của nhà nước pháp quyền lúc bấy giờ đã có ý nghĩa tích cực : *một mặt*, nó gắn chặt với yêu cầu tự do, dân chủ ; và *mặt khác*, để đảm bảo tự do, dân chủ, nó đã chống chế độ cai trị phong kiến chuyên quyền độc đoán, sự tùy tiện của nhà vua, và thay vào đó bằng chế độ cai trị bằng pháp luật. Pháp luật được coi là giá trị chung, là đại lượng mang tính phổ biến, bảo đảm mọi người được bình đẳng và công bằng xã hội. Pháp luật, theo Mác, là những tiêu chuẩn tích cực, rõ ràng, phổ biến, trong đó tự do có được sự tồn tại không phụ thuộc vào sự chuyên quyền của cá nhân riêng biệt, bộ luật là kinh thánh tự do của nhân dân.

Như vậy, nhà nước pháp quyền là một học thuyết về cách thức tổ chức nhà nước và quản lý xã hội, nó đề cao tính hợp hiến trong hoạt động quản lý của nhà nước và đề cao tính nhân văn của pháp luật. Giá trị tư tưởng nhà nước pháp quyền là ở chỗ nó khẳng định nguồn gốc quyền lực nhà nước là ở nhân dân. Muốn vậy, *một mặt*, theo đà phát triển kinh tế xã hội, mở rộng phạm vi quyền theo nguyên tắc : công dân "được làm tất cả những gì pháp luật không cấm" ; *mặt khác*, nhà nước và cơ quan nhà nước phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, "chỉ được làm những gì pháp luật cho phép". Nguyên tắc này thể hiện sự ràng buộc của pháp luật đối với tất cả mọi người, không phân biệt cấp bậc, công lao, chức vụ ; chống lại mọi hình thức tùy tiện, chuyên quyền, độc đoán trong hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Nhà nước pháp quyền là một giá trị xã hội được tích lũy và phát triển trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Nó chỉ tồn tại và phát triển trong những điều kiện nhất định, đó là khi có nhu cầu dân chủ và để bảo đảm dân chủ thực sự thì nhà nước phải quản lý bằng pháp luật. Ngày nay, muốn vận dụng tư tưởng nhà nước pháp quyền vào quản lý xã hội, theo tôi, một mặt cần làm rõ bản chất nhà nước pháp quyền,

* PGS, PTS, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đồng thời phải phân tích sâu sắc những tiền đề, những điều kiện cụ thể của đất nước, đặc biệt là truyền thống chính trị của mỗi nước để tránh khuynh hướng sao chép giản đơn, giáo điều sách vở cũng như giáo điều kinh nghiệm.

Trước hết, cần làm rõ mục tiêu chính trị. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, vận dụng bất cứ một thiết chế chính trị nào cũng nhằm một mục tiêu chính trị nhất định. Có thể nói, buổi đầu nhằm đánh đổ nhà nước chuyên quyền phong kiến, giai cấp tư sản đã sử dụng triệt để tư tưởng cai trị bằng pháp luật để chống lại sự quản lý tùy tiện của vua chúa phong kiến trong điều kiện nhân dân "mù" luật. Nhưng, sau khi đã xác lập được sự thống trị của mình, càng về sau, nhất là thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, thì chính nhà nước tư sản lại chà đạp lên pháp luật, hạn chế quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Trong điều kiện nước ta, từ Đại hội Đảng lần thứ VI, chúng ta đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong thực tiễn đã có những yêu cầu khách quan đòi hỏi phải cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước.

Về mặt *kinh tế* : trong kinh tế thị trường, các quan hệ kinh tế phát triển nhanh, phức tạp, tự do cạnh tranh có thể gây cản trở đến sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Vì vậy, xuất hiện yêu cầu điều chỉnh của xã hội thông qua nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và cá nhân, đảm bảo sự ổn định và phát triển lành mạnh của xã hội. Nhà nước thay mặt xã hội thực hiện sự điều chỉnh xã hội ấy, mà công cụ cơ bản là pháp luật. Có thể nói, điều kiện mới đòi hỏi xây dựng một nhà nước biết quản lý trong cơ chế thị trường, tổ chức bộ máy cũng như sự vận hành của nó phù hợp với trình độ phát triển của cơ chế thị trường, và tạo ra hành lang pháp luật để sự hướng dẫn, điều chỉnh của nhà nước thúc đẩy sự phát triển lành mạnh và có hiệu quả của kinh tế thị trường.

Về mặt *xã hội* : kinh tế hàng hóa là phương thức xã hội hóa hoạt động sản xuất và tiêu dùng của con người, thông qua trao đổi người ta thừa nhận lợi ích của nhau và quyền bình đẳng giữa các chủ thể doanh nghiệp, giữa người sản xuất và người tiêu dùng... Và cơ sở xuất hiện do phân công lao động trong kinh tế hàng hóa tạo ra, đó là quan hệ các lợi ích, các nhu cầu, địa vị xã hội của các tầng lớp, các giai cấp tham gia vào quá trình sản xuất xã hội. Vì vậy, với tư cách là người đại diện lợi ích chung của dân tộc, nhà nước có vai trò là công cụ quản lý. Nó phải thể hiện được lợi ích, nhu cầu của các giai tầng xã hội ấy vào pháp luật, chính sách và vào cơ chế vận hành của nhà nước, bảo đảm thực thi các phúc lợi xã hội. Chính thông qua đó mà thực hiện được sự định hướng xã hội chủ nghĩa.

Và còn có những yêu cầu khác nữa về *văn hóa, quan hệ đối ngoại...*

Việc xây dựng nhà nước theo quan điểm và phương hướng mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ và Hội nghị lần thứ 8 BCHTƯ Đảng đề ra, không phải là sự mong muốn chủ quan, mà là nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước ta, xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Việc cải cách bộ máy nhà nước không làm thay đổi bản chất của nhà nước kiểu mới, mà nhằm thể hiện và phát huy đầy đủ bản chất của một nhà nước dân chủ, xây dựng một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, một nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Đó là truyền thống đã được ghi nhận qua lịch sử lập hiến Việt nam, và cũng là yêu cầu mới của thời đại. Dĩ nhiên, muốn đạt mục tiêu đó phải thông qua nhiều giải pháp :

- Phải xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh đủ sức điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nảy sinh trong cơ chế thị trường ; nội dung pháp luật phải bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân. Thông qua pháp luật mà các quan hệ xã hội được thực hiện theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước phải tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật ; công dân có trách nhiệm đối với nhà nước như thế nào thì nhà nước cũng phải có trách nhiệm đối với công dân như thế ấy. Điều này đòi hỏi nhà nước phải có một đội ngũ viên chức thành thạo chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần công vụ cao trước nhân dân.

Thứ hai, nhà nước phải được xây dựng phù hợp với truyền thống dân tộc, nhất là truyền thống chính trị của đất nước. Trong lịch sử nhân loại, chưa có giai cấp nào bước lên vũ đài chính trị từ con số không ; và một thiết chế chính trị nào cũng chỉ tồn tại và phát triển bền vững một khi nó hòa nhập được với truyền thống dân tộc. Vì vậy, trong quá trình xây dựng nhà nước, cần khai thác hết những yếu tố truyền thống có thể kế thừa, như lòng nhân ái, tình làng nghĩa xóm, quan hệ gia đình, làng

Digitized by Google

nước... Tất nhiên, ngay cả truyền thống, cũng phải phân tích sâu sắc mới chắt lọc được những nội dung hợp lý. Chẳng hạn, sau gần một ngàn năm Bắc thuộc, ngay đầu thời kỳ độc lập, Nhà Lý dời đô từ Hoa lư ra Thăng long đã ban hành sách *Hình thư* (1042), đánh dấu pháp luật thành văn đầu tiên ở nước ta ; rồi Nhà Trần có "Quốc Triều hình luật", Nhà Lê có "Bộ luật Hồng Đức" mà ngày nay được thế giới đánh giá cao, ngang tầm với những bộ luật cổ điển ở phương Đông, trong đó có những điều chứa đựng những tư tưởng tiến bộ còn sớm hơn cả phương Tây (như vấn đề bình đẳng đối với phụ nữ cả trong việc chia tài sản). Bộ luật này được áp dụng ở Việt nam cho đến khi có luật Gia Long. Đương nhiên, pháp luật nói trên là pháp luật phong kiến mà ngày nay cần được phân tích sâu sắc. Nhưng đó là một căn cứ có tính chất truyền thống trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt nam ngày nay. Về mặt tổ chức nhà nước, ông cha ta cũng có nhiều kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm về chính quyền cơ sở trong quan hệ với cộng đồng làng xã.

Thứ ba, chúng ta xây dựng nhà nước trong điều kiện của thời kỳ quá độ, do đó phải quán triệt những đặc điểm về kinh tế, chính trị, xã hội của thời kỳ quá độ. Trong thời kỳ quá độ còn nhiều thành phần kinh tế, các giai cấp và tầng lớp xã hội phát triển phức tạp, trình độ dân trí còn thấp, tỷ lệ mù chữ cao, hiểu biết pháp luật, văn hóa, dân chủ còn thấp. Nhà nước Việt nam được tiếp nhận xây dựng từ điểm xuất phát ấy, có nghĩa là tổ chức nhà nước và pháp luật phải được xây dựng sát với điều kiện cụ thể. Nhà nước pháp quyền đề cao pháp luật, mọi người đều có nghĩa vụ phục tùng pháp luật ; do đó nảy sinh yêu cầu khách quan : cần nâng cao chất lượng các đạo luật, cần xây dựng pháp luật trên cơ sở khoa học và sát với điều kiện cụ thể của đất nước.

Việc cải cách bộ máy nhà nước của ta nhằm khắc phục những nhược điểm của bộ máy nhà nước trước đây được xây dựng theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, làm cho bộ máy nhà nước có khả năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội trong điều kiện của dân chủ hóa, của cơ chế thị trường, của bối cảnh quốc tế mới.

Xây dựng nhà nước ở Việt nam là một quá trình lâu dài, phức tạp. Quá trình đó phải dựa trên cơ sở : tổng kết kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của các nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhất là của nhà nước ta trong những thập kỷ qua ; phân tích sâu sắc lý luận Mác-Lê-nin về nhà nước và pháp luật, kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc, nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật ; tham khảo có chọn lọc những tư tưởng tiến bộ mà loài người đã tích lũy được trên lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước và xây dựng hệ thống pháp luật. Đây là một quá trình làm biến đổi sâu sắc cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước ta ; diễn ra có trình tự, theo đà phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Quá trình đó phải đề phòng những khuynh hướng lệch lạc trong lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước. Nó nhất định phải tuân theo những nguyên tắc đã được Đảng ta khẳng định. Đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân, mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân ; là nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công rành mạch ba quyền : quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chính quyền đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Quá trình xây dựng nhà nước đó cũng là quá trình đào tạo đội ngũ viên chức nhà nước - yếu tố quan trọng nhất trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước.

Trước mắt, cần tập trung làm tốt mấy việc :

Về lập pháp. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo hướng dân chủ và hiệu quả, khắc phục tình hình hình thức trong hoạt động của các cơ quan dân cử, tăng cường chức năng giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Chức năng quan trọng của Quốc hội là lập pháp ; mục tiêu của hoạt động lập pháp hiện nay là đưa ra được những chế định pháp lý có ý nghĩa lâu dài, ổn định, làm cơ sở cho lòng tin của nhân dân trong cuộc sống và trong sản xuất kinh doanh. Nội dung của pháp luật phải xuất phát từ Hiến pháp, định hướng xã hội chủ nghĩa, tôn trọng quyền con người, bảo đảm thực thi các phúc lợi xã hội.

Trước mắt, công tác lập pháp cần đáp ứng được yêu cầu cấp bách là có những đạo luật điều chỉnh những quan hệ xã hội mới nảy sinh trong cơ chế thị trường (luật dân sự, luật hành chính...). Về hình thức pháp luật, phải quy định chặt chẽ, rõ ràng, tránh được những lợi dụng sơ hở trong quá trình thực hiện pháp luật.

Về hành pháp. Mục tiêu của hoạt động hành pháp là hướng tới phục vụ tối đa cho

Digitized by Google

nhân dân trên cơ sở pháp luật, xây dựng một nền hành chính mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Từ mục tiêu trên, từng bước tổ chức nền hành chính quốc gia phù hợp với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và điều kiện của kinh tế thị trường, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xác định rõ chức nang, thẩm quyền, sắp xếp cơ cấu tổ chức hợp lý của chính phủ và các bộ, làm rõ chức năng, thẩm quyền và tổ chức các cấp chính quyền địa phương. Đó là quá trình xây dựng một nền hành chính dân chủ, sát dân, sát cơ sở, thuận tiện cho dân, đáp ứng mọi yêu cầu quyền lợi hợp pháp của nhân dân, xóa bỏ những thủ tục phiền hà, tệ quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng, buôn lậu... Có ý thức đầy đủ và làm tốt việc tuyển chọn, đào tạo và xây dựng đội ngũ viên chức nhà nước có phẩm chất, thành thạo về nghiệp vụ và có ý thức công vụ cao.

Về tư pháp. Cải cách bộ máy nhà nước phải hướng tới một nền tư pháp mạnh, có khả năng bảo đảm công lý, công bằng và sự bình đẳng đối với mọi công dân, tạo ra những điều kiện cơ bản để tòa án các cấp thực hiện đúng nguyên tắc : độc lập xét xử, chỉ tuân theo pháp luật, loại trừ mọi sự can thiệp từ ngoài vào tội danh và mức án.

Muốn vậy, trước mắt phải xác định rõ thẩm quyền xét xử của tòa án mỗi cấp ; tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng thẩm phán, hội thẩm nhân dân. Tiếp tục hình thành các tòa án chuyên môn (tòa án hành chính, tòa án lao động...) ; kiện toàn tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát, của các cơ quan điều tra ; chấn chỉnh công tác thi hành án. Đặc biệt, trong những năm tới, cần quan tâm đúng mức đối với các tổ chức hỗ trợ tư pháp, như tổ chức luật sư, tư vấn pháp lý, công chứng, giám định tư pháp... để nó có thể góp phần tích cực hơn nữa vào lĩnh vực tư pháp.

Việc cải cách bộ máy nhà nước ta đòi hỏi việc tổ chức cũng như việc xây dựng hệ thống pháp luật phải bám sát điều kiện cụ thể của Việt nam, có những biện pháp đồng bộ về tư tưởng, tổ chức, pháp luật, văn hóa giáo dục... Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo sát sao quá trình ấy. Chỉ có như vậy, tổ chức bộ máy nhà nước, pháp luật, chính sách, mới có tác dụng thiết thực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội trong từng bước đi lên của đất nước.

ĐIỀU 12 của Hiến pháp ghi : "Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật...".

Nhà nước là người làm ra luật, ban hành pháp luật, nhưng lại tự nguyện đặt mình trong sự ràng buộc về quyền và trách nhiệm trước pháp luật, trong khuôn khổ các quy định của pháp luật. Phục tùng pháp luật là phục tùng ý chí và lợi ích của nhân dân, đường lối chính sách của Đảng đã được đưa lên thành luật.

Yêu cầu này của pháp chế xã hội chủ nghĩa có ba mặt tạo thành.

Thứ nhất, đó là yêu cầu bảo đảm tính tối thượng của Hiến pháp và luật do Quốc hội ban hành và bảo đảm tính thống nhất của pháp chế.

Trong hệ thống pháp luật, các văn bản được đặt ở những vị trí khác nhau bởi mức độ điều chỉnh và mức độ của hiệu lực pháp luật. Mức độ điều chỉnh khái quát cao thường đặc trưng cho những văn bản có hiệu lực chung ; mức độ điều chỉnh tương ứng với vị trí quyền lực của cơ quan ban hành ra văn bản. Các cơ quan quyền lực và quản lý nhà nước được tổ chức theo thứ tự quan hệ về thẩm quyền, trên và dưới, trung ương và địa phương. Vì vậy, các văn bản do các cơ quan đó ban hành phải thể hiện đúng thẩm quyền của từng cơ quan, tương xứng với mối quan hệ giữa các cơ quan đó. Trong tác phẩm nổi tiếng *Bàn về chế độ trực thuộc "song trùng" và pháp chế,* V.I.Lê-nin đã đòi hỏi pháp chế phải thống nhất, phải làm sao để ở mọi góc phần của đất nước đều có một sự hiểu biết thống nhất về pháp chế và "bất cứ quyết định nào của bất cứ một cơ quan hành chính địa phương nào cũng không được đi ngược lại pháp luật" (1).

Như vậy, sự tuân thủ thứ tự cấp bậc theo thẩm quyền đòi hỏi vị trí tối cao của Hiến pháp và luật, bởi vì đó là những văn bản do Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ban hành. Các văn bản của các cơ quan quyền lực nhà nước khác (như *pháp lệnh* của Ủy ban thường vụ Quốc hội ; lệnh của Chủ tịch nước ; *nghị quyết, nghị định* của Chính phủ ; *quyết*

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập.* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 233

Digitized by Google

định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ ; *quyết định, chỉ thị, thông tư* của Bộ trưởng) đều phải được ban hành hoặc trên cơ sở được Quốc hội giao (đối với Ủy ban thường vụ Quốc hội), hoặc trên cơ sở và để thi hành Hiến pháp và luật. Các cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên. Nhưng các cơ quan đó ở ta hiện nay, như đánh giá của Chính phủ, là "chưa thông suốt, còn rất yếu trong xử lý những mối quan hệ liên kết dọc và ngang, thậm chí có nơi, có

Tăng cường tính thống nhất của pháp chế, nghiêm chỉnh tuân theo và chấp hành pháp luật

ĐÀO TRÍ ÚC *

lúc, hiện tượng cục bộ rất nặng nề. Chế độ phân cấp trách nhiệm thiếu rành mạch, làm trầm trọng thêm tác phong làm việc quan liêu và dựa dẫm" (2). Vì vậy, việc thực hiện cho được đòi hỏi về tính thống nhất của pháp chế sẽ là cơ sở cho việc xác định hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Thứ hai, pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi tất cả các cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội và cá nhân công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tuân theo pháp luật. Đòi hỏi này của pháp chế là cơ sở để khẳng định rằng xây dựng pháp luật là rất quan trọng, nhưng không thể quản lý xã hội, quản lý nhà nước bằng cách chỉ dừng lại ở đó. Nếu coi việc ban hành được một văn bản pháp luật là điểm cuối của công việc điều chỉnh pháp luật thì đó chỉ là "ảo tưởng về luật". Ảo tưởng đó dẫn đến chỗ, sau khi ban hành xong luật, các cơ quan và những người có trách nhiệm không chú ý đến việc thi hành luật, kiểm tra và giám sát quá trình đó ; không chú ý tạo điều kiện cho pháp luật đi vào cuộc sống và xem xét hiệu quả thực tế của nó.

Cũng như trong khâu ban hành pháp luật, ở đây, nguyên tắc pháp chế về việc tuân thủ pháp luật đòi hỏi pháp luật phải trở thành chế độ pháp chế, phải được thực hiện trong thực tiễn cuộc sống.

Tính chất tối thượng của Hiến pháp và luật trong trường hợp này là điều kiện để khắc phục tình trạng luật "chờ" thông tư, giải thích của các cấp thực hiện. Thực tiễn cho thấy có những trường hợp vi phạm nội dung, tinh thần và lời văn của các quy định trong luật như sau :

1- Văn bản chỉ có giá trị hướng dẫn thi hành luật, nhưng cách hướng dẫn lại đi xa đến mức tước đi nội dung chính yếu của luật ;

2- Các biện pháp để áp dụng pháp luật lại tạo ra những tình huống làm vô hiệu hóa luật.

Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ VI Quốc hội khóa IX đã nhận xét : "hệ thống pháp luật của Nhà nước đã được ban hành đáng kể, nhưng chấp hành không nghiêm". Tình hình này là hệ quả của nhiều yếu tố, trong đó có những nguyên nhân như vừa nêu ở trên. Có thể gọi đây là sự khinh nhờn phép nước.

Thứ ba, để tăng cường sự tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, chúng ta còn phải tìm cho ra những nguyên nhân sâu xa về khách quan và chủ quan của xã hội ta, cũng như các yếu tố tác động đến tình trạng đó.

Có thể nói rằng, nguyên tắc pháp chế là chiếc cầu nối quan trọng giữa nhà nước với công dân. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một mối tương tác hữu hiệu giữa quyền lực và tự do chân chính của con người. Hiến pháp và những luật quan trọng của Nhà nước ta như *Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật lao động*, các văn bản pháp luật về kinh tế, dân sự... đã đặt cơ sở pháp lý vững chắc cho mối liên hệ đó. Có những nguyên tắc hiến định

* GS, TS luật học, Viện trưởng Viện nhà nước và pháp luật, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(2) Báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng Võ Văn Kiệt trình bày tại kỳ họp thứ VI, Quốc hội khóa IX

Digitized by Google

quan trọng làm nền tảng cho mối tương tác đó, chẳng hạn : "các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân", "kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng" ; "quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định"... Đấy là những bảo đảm rất quan trọng để *một mặt*, ngăn ngừa sự tùy tiện đặt ra những quyền khác, ngoài quy định của Hiến pháp và pháp luật ; *mặt khác*, không cho phép bất cứ ai được quy định thêm những nghĩa vụ ngoài những gì Hiến pháp và pháp luật đã quy định (chẳng hạn như đặt thêm các loại thuế, các loại "đóng góp", các trách nhiệm không do luật quy định hoặc không xuất phát từ pháp luật).

Bộ luật hình sự quy định : "Chỉ người nào phạm một tội đã được luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự" (Điều 2). Bộ luật tố tụng hình sự quy định : "Không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt, khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật " (Điều 10). Nội dung của hai điều trích dẫn đó là biểu hiện của một nguyên tắc có mức khái quát cao hơn mà trong khoa học pháp lý gọi là *nguyên tắc suy đoán về tính hợp pháp của hành vi*. Nguyên tắc đó có nghĩa là : hành vi của một người phải luôn luôn được coi là hợp pháp khi chưa chứng minh được bằng các thủ tục luật định những điều ngược lại. Đó là nguyên tắc nền tảng để bảo vệ con người và phẩm giá của con người ; là bảo đảm pháp lý cực kỳ quan trọng của một xã hội văn minh chống sự tùy tiện của những người có chức có quyền đối với công dân, và sự tùy tiện "tự xử" giữa công dân với nhau.

Để đạt được những mục tiêu tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, phát huy dân chủ và thực hiện công bằng xã hội thì nguyên tắc pháp chế về bảo vệ con người và các quyền tự do, dân chủ của công dân, xác định đúng đắn trách nhiệm của nhà nước đối với công dân, là những điều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Tuy nhiên, tự do và trách nhiệm đều có vị trí xác định của nó. Nguyên tắc "có thể làm tất cả những gì luật không cấm", có ý nghĩa đối với việc phát huy dân chủ và sáng tạo, bảo đảm tự do cho con người. Nhưng nguyên tắc đó cũng hàm chứa trong nó ranh giới pháp lý giữa tự do và trách nhiệm. Đối với *công dân và các hoạt động không mang tính quyền lực nhà nước*, thì ranh giới của hành vi hợp pháp là : không xâm phạm tự do và các quyền lợi hợp pháp, các lợi ích chính đáng của người khác, của tập thể hoặc của quốc gia. Nếu hành vi đó xâm phạm tự do và những lợi ích chính đáng của người khác, thì dù luật trước đó không cấm, hành vi đó vẫn cần phải bị đình chỉ, cần có sự can thiệp của nhà nước để hạn chế, loại bỏ. Chính vì vậy mà Hiến pháp đã có nhiều quy định, trong đó có yêu cầu là không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để làm trái pháp luật và chính sách của nhà nước, vi phạm tự do, tài sản, danh dự và nhân phẩm của con người.

Đối với *các cơ quan* và *những người có chức trách xuất phát từ quyền lực nhà nước*, thì ranh giới của hành vi hợp pháp là chức năng, thẩm quyền do luật định cho các cơ quan và chức vụ đó.

* * *

Trong thực tiễn cuộc sống và trong hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật, có nhiều trường hợp và tình huống đòi hỏi chủ thể hành vi phải có sự cân nhắc lựa chọn giữa việc chấp hành quy định của pháp luật, làm theo yêu cầu của pháp luật, với nhu cầu của hoàn cảnh hiện thực, so đo những "thiệt hơn" của thực tại. Ở đây, có thể có *hai* tình huống : 1-Sự cân nhắc diễn ra trong khuôn khổ những quan hệ đã được pháp luật điều chỉnh ; 2- Sự cân nhắc phát sinh bởi các quan hệ xã hội chưa được pháp luật điều chỉnh.

Pháp luật là sản phẩm của quá trình "đưa lên thành luật" những nhu cầu phát triển khách quan và tiến bộ của đất nước. Nó là kết quả của sự kết hợp giữa các yếu tố khách quan và chủ quan. Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi có những mức độ, những khía cạnh, những vấn đề nào đó cần được điều chỉnh, nhưng pháp luật chưa "bao quát" được hết trong nội dung của nó. Mặt khác, cũng cần thấy rõ một đặc tính quan trọng của pháp luật là các quy phạm của nó luôn luôn mang tính khái quát cao, mang tính điển hình lớn, vượt lên những trường hợp cụ thể. Những cái cụ thể đó chưa đạt đến "tầm" của quy định nhưng vẫn nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định đó.

Khi vận dụng quy phạm pháp luật trong những điều kiện cụ thể, lẽ đương nhiên, bắt đầu

Digitized by Google

phát sinh yêu cầu riêng của nó. Đó là nguyên nhân của sự xung đột giữa quy định của pháp luật với yêu cầu cụ thể. Ở đây, phải loại trừ ngay ra khỏi phạm vi vấn đề mà chúng ta đang xem xét, những trường hợp cố ý đặt lợi ích cá nhân, cục bộ lên trên yêu cầu của pháp luật. Đó là những vi phạm và tội phạm mà xã hội cần phải cương quyết đấu tranh.

Những tình huống vừa nêu ở trên, nếu phát sinh trong khuôn khổ các quan hệ, các vấn đề đã được pháp luật điều chỉnh, thì chủ thể của hành vi phải đặt yêu cầu và nội dung của quy định pháp luật lên trên hết, bởi vì trong pháp luật đã hàm chứa tính hợp lý cao nhất về kinh tế, chính trị, tư tưởng, kể cả tâm lý, đạo đức xã hội. Thậm chí, có những trường hợp, hành vi nào đó tuy về hình thức là tuân theo luật, nhưng về thực chất lại là trái luật, thì nó vẫn bị coi là không hợp pháp. Chẳng hạn, trong luật dân sự có quy định, nếu một người dân sử dụng quyền chủ thể của chính mình trái với mục đích của quyền đó, thì pháp luật và tòa án sẽ không bảo vệ việc làm đó. Chính vì vậy, chẳng hạn, cùng với quy định : công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, thì lại có quy định : không ai được lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của nhà nước

Mặt khác, xuất phát từ nhận thức về đặc điểm và tính chất của pháp luật, nên nguyên tắc tôn trọng pháp luật không có nghĩa là loại trừ khả năng xem xét đến đặc điểm cụ thể của hoàn cảnh, vận dụng những chính sách, chế độ, quy định khác. Thực tiễn đa dạng và phong phú hơn nhiều so với quy định của luật. Và trong mọi tình huống, người dân cũng như các cơ quan thi hành pháp luật, luôn luôn đứng trước những quyết định, những bản án... khi trong quyết định hay bản án đó đã xuất phát từ nhiều yếu tố trong tổng thể sự việc. Tuy nhiên, pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi các sự cân nhắc, đánh giá đó phải được giải quyết trong phạm vi của pháp luật.

Tình huống xung đột giữa tính *hợp pháp* và tính *hợp lý* liên quan đến những vấn đề chưa được luật điều chỉnh, có *hai* mức độ biểu hiện : 1) khi luật đã có quy định rồi, nhưng chủ thể (công dân hay người có chức trách nhà nước) cho rằng quy định của luật đã lạc hậu so với tình hình ; 2) khi pháp luật chưa có những quy định cụ thể cho hoàn cảnh này.

Trong trường hợp *thứ nhất*, sự so sánh giữa yêu cầu thực tại với quy định của pháp luật và việc đánh giá về sự lạc hậu của quy định đó, chỉ là nhận xét chủ quan của chủ thể. Sự đúng đắn của pháp luật hiện hành dù có ở mức độ nào đi nữa, thì vẫn phải được tôn trọng và là cơ sở cho hành vi. Ai sẽ là người phán quyết ở đây? Chúng ta thử hình dung nếu ai cũng có quyền đó, thì trật tự xã hội, kỷ cương và kỷ luật quốc gia sẽ đi đến đâu. Vì vậy, trong trường hợp này, tính tích cực pháp luật và ý thức công dân (đối với cá nhân) đòi hỏi chủ thể phải *một mặt* chấp hành và thi hành pháp luật, *mặt khác* đề xuất những kiến nghị mang tính sáng kiến pháp luật. Nhưng việc sửa đổi hay không là thuộc thẩm quyền tương ứng của các cấp theo luật định. Và bản thân các cơ quan đó cũng chỉ có thể sửa đổi pháp luật theo các thủ tục luật định. Chỉ có Quốc hội mới có quyền sửa đổi Hiến pháp. Việc sửa đổi Hiến pháp phải được ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Đối với các cấp độ khác của các văn bản pháp luật, Hiến pháp cũng có những quy định rõ ràng về mặt thủ tục ban hành, thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ, sửa đổi.

Trong trường hợp *thứ hai*, khi vấn đề đặt ra chưa được luật điều chỉnh cụ thể, thì yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa là phải xuất phát từ các nguyên tắc pháp luật, chính sách pháp luật, những quy định pháp luật chung để giải quyết vấn đề cụ thể.

Như vậy, trong cả hai trường hợp, ý thức và đòi hỏi về sự tôn trọng pháp luật là yếu tố không thể thiếu được của pháp chế. Giải quyết mọi vấn đề pháp lý đều phải dựa vào pháp luật và ý thức pháp luật.

Đồng thời, quá trình áp dụng pháp luật, trên cơ sở những đòi hỏi của pháp chế, là một quá trình sáng tạo, kích thích mạnh mẽ việc không ngừng xem xét tính đúng đắn của pháp luật, không ngừng hoàn thiện và đổi mới pháp luật để nó thực sự là nền tảng của pháp chế xã hội chủ nghĩa và lòng tin của nhân dân vào pháp chế đó.

Digitized by Google

MẤY SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ XÂY ĐỰNG NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

HỒ VĂN THÔNG *

Nhà nước của sự phát triển ngày nay phải được tổ chức thành nhà nước pháp quyền trong quan hệ với xã hội công dân. Về phương diện lý thuyết và hình thức tổ chức nhà nước ở nhiều nước đã đạt đến một trình độ khá cao. Tuy nó vẫn do lợi ích và quyền lực giai cấp chi phối, nhưng chứa đựng nhiều giá trị phổ biến, do tiến hóa lịch sử từ thời cổ đại đến nay đưa lại.

Giải quyết việc thoái hóa quyền lực của các nhà nước bóc lột do tính giai cấp của các giai cấp bóc lột tạo ra cũng có nghĩa là giải quyết việc nhà nước vốn là quyền lực của dân, tha hóa thành cái bên ngoài, cái bên trên, thống trị, nô dịch lại dân. Để làm điều này không có phương thức nào khác ngoài cuộc đấu tranh của nhân dân để thay đổi chế độ nhà nước. Cuộc đấu tranh này do một giai cấp tiến bộ của thời đại lãnh đạo.

Nhưng một câu hỏi khác cũng được đặt ra : Trong đời sống chính trị, quyền lực nhà nước của một giai cấp, dân tộc lại thông qua *các cá nhân* cầm quyền, vậy làm thế nào để các cá nhân đó không lộng quyền, không biến quyền lực nhà nước thành quyền lực riêng, và người dân có thể thể hiện được quyền lực của mình trong đời sống xã hội ? Quan hệ giữa cơ quan nhà nước, người cầm quyền với người dân cần thực hiện theo cơ chế nào để quyền lực tối thượng thực sự thuộc về dân trong thực tế, và khi loại bỏ được sự chi phối của giai cấp bóc lột trong đời sống xã hội, thì quan hệ nói trên sẽ trở thành nội dung chủ yếu của đời sống chính trị xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang từng bước xây dựng ?

Trong lịch sử chính trị, đã có *ba* hình thức và *ba* biến dạng tương ứng của quyền lực nhà nước. Đó là :

+ Chế độ *quân chủ* - một quân vương vì dân, vì nước, chuyển thành một nhà chuyên chế chỉ vì mình và gia tộc mình.

+ Chế độ *quý tộc* - một tập thể các nhà quý tộc ưu tú cầm quyền, chuyển thành một nhóm đầu sỏ chính trị, mưu cầu lợi ích và quyền lực riêng, đấu tranh với nhau, cuối cùng cũng dẫn đến độc tài, chuyên chế.

+ Chế độ *cộng hòa* - một tập thể các nhà cầm quyền qua bầu cử chọn ra, rồi cũng chuyển thành chuyên chế, độc tài.

Đã có sự tiến hóa về tư tưởng và tổ chức để giải quyết phần nào mâu thuẫn nói trên. Trước hết, đó là sự hình thành phạm trù *xã hội công dân* và *nhà nước pháp quyền* với những *nội dung cơ bản* sau đây :

+ Con người sống trong xã hội không phải là thần dân của vua chúa, không phải là công cụ của các nhà cầm quyền ; và quyền lực nhà nước cũng không phải là cái vốn có của các nhà cầm quyền. Các cá nhân sinh ra vốn có quyền được sống và phát triển, họ liên hiệp nhau thành xã hội, tạo ra quyền lực công cộng nhằm duy trì cộng đồng vững chắc, để từng cá nhân có điều kiện phát huy năng lực của mình, sống ngày càng đầy đủ và hạnh phúc hơn. Quyền lực, xét từ bản chất của nó, là quyền lực vốn có của nhân dân. Quyền của nhà nước và của các nhà cầm quyền là do nhân dân ủy thác cho họ.

+ Quyền lực nhà nước vốn là của nhân dân, do đó, phải do nhân dân điều khiển, chi phối, để có thể thực hiện được mục đích vì nhân dân.

Từ gốc gác đó, quyền lực nhà nước trong quan hệ với xã hội của các công dân, phải được xây dựng theo những *nguyên tắc chung* sau :

* GS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

1- Trước hết, quyền lực công cộng phải được tập trung, nhưng đi đôi với nó, phải có cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Cơ chế kiểm soát quyền lực phải bảo đảm cho công dân thật sự có quyền đối với những tổ chức và những người được ủy quyền thực hiện quyền lực.

2- Nhà nước cai trị bằng pháp luật cũng có nghĩa là lợi ích và quyền lực của nhân dân phải được luật pháp hóa, loại bỏ sự cai trị theo ý chí chủ quan của người cầm quyền. Quyền lực phải được đưa từ công dân lên, chứ không phải từ cấp trên áp đặt xuống. Nhà nước pháp quyền đích thực không phải là bất cứ nhà nước nào có pháp luật, mà là nhà nước trong đó mọi cơ quan và cá nhân cầm quyền chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép, trong đó người cầm quyền cũng như người dân đều là đối tượng của pháp luật.

3- Quyền lực nhà nước là của nhân dân ; nhân dân xây dựng quyền lực nhà nước là tạo ra môi trường chính trị để sống an toàn và phát huy năng lực cá nhân của mình. Nhà nước pháp quyền là công cụ cho mọi cá nhân sống tự do và sáng tạo. Người cầm quyền cũng như mọi công dân, phải hoạt động theo pháp luật, ngoài ra công dân có thể làm những gì tích cực mà pháp luật không cấm để tìm tòi sáng tạo, làm cho đất nước không ngừng phát triển.

4- Công dân không phải là thần dân của người cầm quyền. Công dân là chủ của quyền lực nhà nước với tư cách các cá nhân liên hiệp lại. Quyền lực của nhân dân phải được cụ thể hóa trong tổ chức thành *quyền lực và lợi ích của từng công dân*. Nói cách khác, đơn vị quyền lực và lợi ích phải xét đến từng cá nhân. Do đó, quan hệ chính trị không thể dừng ở quan hệ giai cấp, dân tộc; nó còn là quan hệ giữa nhà nước và công dân. Quan hệ này ngày càng trở thành quan hệ cơ bản của đời sống chính trị đương đại.

5- Công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhà nước theo luật định ; đồng thời, công dân cũng là người chủ tự do của đất nước mình. Không ai được xâm phạm tự do đó của công dân, nếu công dân không vi phạm luật pháp.

6- Từ sự tự do sáng tạo phổ biến của công dân mà tập trung cao độ trí tuệ cho việc xây dựng đường lối, chính sách, luật pháp chung. Ngược lại, cũng nhờ có sự tập trung đó mà hoạt động tự do sáng tạo của công dân được phát huy cao độ. Tập trung cao độ trí tuệ trong chính trị và phát huy tự do sáng tạo của mọi công dân là hai mặt của một cơ thể sống-nhà nước pháp quyền và xã hội công dân.

Về mặt nhận thức lý thuyết và hình thức tổ chức, các nước tư bản phát triển đã xây dựng được một hệ thống chính trị chứa đựng không ít những vấn đề đã nói ở trên. Nhưng về thực chất, mọi việc vẫn không hoàn thiện, không triệt để, và thường xuyên bị biến dạng. Trong thực tế, công dân ủy quyền rồi lại bị mất quyền ; tự do, nhưng rồi lại phải sống và làm việc theo sự chi phối của lợi ích và quyền lực của giới chủ ; luật pháp hóa, nhưng thế lực của người giàu có vẫn có thể làm lệch đi tất cả ; nhà nước là của công dân, nhưng nhà nước có thể đưa công dân vào cuộc sống đầy mồ hôi, nước mắt và máu, ngoài ý muốn và lợi ích của họ ; nhà nước là của họ, nhưng tha hóa thành cái đối nghịch với họ...

Nhà nước tư bản ở các nước phát triển đã cố gắng thích ứng, nhưng vẫn chứa đựng *những nghịch lý nan giải :*

+ Tất cả xã hội tư bản đều được xây dựng trên cơ sở xem quyền tư hữu là thiêng liêng, xem việc bảo vệ chế độ tư hữu là nhiệm vụ cơ bản của các nhà nước tư bản. Nhưng quyền tư hữu lại tập trung vào tay thiểu số người, do đó quyền lực chính trị cũng tập trung vào tay thiểu số người ở các hình thức trực tiếp và gián tiếp khác nhau.

+ Công dân bầu cử, ủy quyền cho các quan chức, nhưng các quan chức lại làm việc theo lợi ích, quyền lực và sức ép của giới chủ. Tự do, bình đẳng, dân chủ giữa thiểu số người giàu có quyền lực và đa số công dân bình thường luôn luôn đối nghịch nhau; sự đối nghịch đó càng sâu sắc khi chủ nghĩa tư bản hiện đại càng phát triển và trình độ trí tuệ, nhân cách tự do của công dân đang có sự phát triển mạnh mẽ như hiện nay.

+ Sản xuất kinh doanh tư bản thì lợi nhuận tư nhân là tất cả. Điều đó khó có sự phù hợp với yêu cầu sống hòa bình, bảo vệ môi sinh, phụ thuộc lẫn nhau, cùng phát triển giữa các quốc gia dân tộc khác nhau.

Digitized by Google

Những nghịch lý trên đây chứng tỏ : mâu thuẫn giữa cái "tư sản" và cái "xã hội", "nhân loại" trong nền văn minh trí tuệ đương đại không phải mất đi, mà càng bộc lộ rõ ràng và sâu sắc hơn ở các nước tư bản phát triển. Muốn giải quyết mâu thuẫn đó, tất nhiên phải qua những biến đổi cách mạng sâu xa, và nhất định sẽ phải dẫn đến nội dung nhà nước xã hội chủ nghĩa, một nhà nước pháp quyền và xã hội công dân chân thật không bị bóp méo "bởi một giai cấp giàu có tham lam".

Ngày nay, xây dựng một chế độ nhà nước, bắt buộc phải thích ứng với *những giá trị phổ biến của tiến bộ xã hội* sau đây :

+ Trí tuệ hóa hoạt động của con người, với đòi hỏi phải hình thành một cách phổ biến các nhân cách tự do. Từ đây, nhà nước thực hiện quyền lực công cộng như công cụ cho hoạt động tự do, sáng tạo của cá nhân và của các tổ chức kinh tế, xã hội.

+ Xã hội hóa sở hữu, quản lý và phân phối, trước hết là theo yêu cầu phát triển sản xuất và tạo điều kiện cho đa số con người có điều kiện cần thiết ban đầu để sống và phát triển. Xã hội hóa theo hướng phát huy cao độ sáng kiến của cá nhân. Nhà nước điều tiết kinh tế, nhà nước lo cho dân ; chức năng xã hội của nhà nước ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu.

+ Quyền công dân dần dần trở thành quyền cơ bản trong đời sống chính trị ; nhà nước không có quyền mà chỉ được ủy quyền. Quyền lực nhà nước phải tập trung, nhưng đi đôi với nó là sự kiểm soát chặt chẽ quyền lực.

+ Sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, có định hướng và điều tiết vĩ mô của nhà nước theo yêu cầu phát triển và hiệu quả trên quy mô toàn xã hội. Lấy yêu cầu phát triển với nhịp độ nhanh, theo chiều sâu, nhưng không đánh mất con người làm tiêu chuẩn chung để phán xét tất cả.

+ Giữa các quốc gia dân tộc phải cùng tồn tại hòa bình, bảo vệ môi sinh, phụ thuộc lẫn nhau, và cùng phát triển. Những lợi ích và quyền lực nào làm ngược lại, sẽ là đối tượng đấu tranh của toàn nhân loại.

Với những đòi hỏi trên, nhà nước pháp quyền và xã hội công dân chân thật, chỉ được thực hiện với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên, ngay sau khi Liên xô sụp đổ, các học giả hàng đầu của phương Tây như Nô-am Chôm-xki (Noam Chomsky) hay Giắc Đê-ri-đa (Jacques Derrida), đã đặt vấn đề phải bảo vệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và quay lại với chủ nghĩa Mác.

*
* *

Xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, nhà nước của nhân dân lao động Việt nam hiện nay, tất nhiên phải dựa trên truyền thống, đặc điểm dân tộc, hoàn cảnh cụ thể đang có, nhưng tất cả đều phải thể hiện và chứa đựng những giá trị phổ biến của lịch sử và thời đại. Xây dựng nhà nước của chúng ta không chỉ phản ánh cái vốn có, đang có, mà còn phải phản ánh cả xu hướng đang đến.

Chúng ta không thể làm ngay mọi việc dưới dạng hoàn thiện, mà phải qua từng bước đi từ thấp đến cao, ổn định và có hiệu quả thật sự trong phát triển. Nhưng chúng ta phải dứt khoát về mặt nhận thức tư tưởng, và thực hiện cho được các vấn đề sau đây :

1- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhằm bảo đảm "*mọi lợi ích và quyền hành đều thuộc về dân*". Đó là điều cơ bản trong định hướng xã hội chủ nghĩa, nó sẽ là cái chi phối tất cả, là tiêu chuẩn để đánh giá tất cả. Đây là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, phụ thuộc vào tiến triển của nhiều yếu tố kinh tế-xã hội, văn hóa, khoa học... Điều quan trọng là hoạt động của nhà nước phải tạo ra cho được tổ chức và cơ chế xã hội bảo đảm nguyên tắc trên được thực hiện từng bước rõ ràng và có hiệu quả.

2- Phải làm cho mọi hoạt động của nhà nước ở mọi cấp, mọi ngành, đều qua con đường nghiên cứu khoa học, qua tư vấn trí tuệ. Tập trung trí tuệ trong mọi hoạt động là điều có tính quyết định tất cả. Đây là bài học của mọi bài học trong sự phát triển đương đại. Phải trí tuệ hóa, khoa học hóa hoạt động và tổ chức của nhà nước, từ đó khuyến khích phương thức hoạt động này lan tỏa ra khắp nơi. Từ thực tiễn xã hội, các cơ quan khoa học và nhà khoa học tiến hành nghiên cứu, đề xuất nhiều phương án và cách tiếp cận khác nhau. Bước tiếp theo là sự sàng lọc, tổng hợp của các tổ chức tham mưu

Digitized by Google

cho lãnh đạo. Bước cuối mới là sự lựa chọn và quyết định của nhà chính trị ở các cấp khác nhau. Khoa học hóa hoạt động chính trị, nhà nước, là tiền đề tiên quyết để khoa học hóa các lĩnh vực khác.

Có thể nói, chủ nghĩa kinh nghiệm, tác phong thủ công, trình độ học vấn thấp, giao lưu quốc tế ít... là những điều đang còn đậm nét trong một số tổ chức và con người chính trị ở nước ta. Cùng với tình trạng đó đã nảy sinh xu hướng bảo thủ, hời hợt cũng như xu hướng tự thủ tiêu tầm thường. Tất cả đang là sức cản lớn mà chúng ta phải giải quyết nhanh bằng cả nhận thức lẫn tổ chức và đầu tư mạnh ngay trong lĩnh vực tổ chức nhà nước.

3- Xây dựng hoạt động nhà nước ở ta hiện nay phải tính đến cơ sở là nền kinh tế nhiều thành phần. Trong đó, không loại trừ mà là kiểm soát, định hướng và khuyến khích sở hữu và sáng kiến cá nhân, tư nhân. Phải mở rộng hoạt động của cá nhân, tư nhân và các tổ chức phi chính phủ. Cái gì họ làm lợi cho phát triển kinh tế-xã hội, đúng pháp luật, thì không hạn chế. Xem mặt hoạt động kinh doanh đúng pháp luật của họ là lao động chân chính.

Tuy nhiên, kinh tế quốc doanh phải là cơ sở điều hòa, nắm những khâu quyết định sự phát triển kinh tế-xã hội. Không thể đặt vấn đề theo hướng : hoặc là kinh tế quốc doanh, hợp tác, hoặc là kinh tế cá thể, tư nhân ; mà là theo hướng : các thành phần kinh tế lồng vào nhau có hiệu quả trên quy mô toàn xã hội. Đó là điều hết sức cơ bản để có nhận thức và xây dựng nhà nước của ta hiện nay, *không phải chỉ trước mắt mà còn lâu dài.*

4- Giao lưu quốc tế là vấn đề sinh tử trong phát triển đương đại. Tất nhiên, ở đây có những âm mưu, cạm bẫy của các thế lực phản động mà ta cần phải cảnh giác ngăn chặn.

5- Quốc hội phải là nơi tập trung trí tuệ của nhân dân cả nước và đại diện được về mặt trí tuệ và lợi ích cho toàn dân. Các đại biểu Quốc hội phải hoạt động vì lợi ích của toàn dân, chứ không vì lợi ích của địa phương nào. Đa số các đại biểu Quốc hội phải tiến tới hoạt động chuyên nghiệp. Nếu không có hoạt động lập pháp chuyên nghiệp thì khó có thể có nhà nước pháp quyền. Phải tạo điều kiện để các đại biểu Quốc hội có nhiều thông tin trong nước và ngoài nước, có quan hệ với các tổ chức tư vấn, khoa học và các cơ quan chính phủ để có đủ những gì cần thiết cho việc đề xuất và góp phần ra những quyết sách có tầm quốc gia.

Quốc hội phải thực hiện chức năng giám sát tối cao một cách thường xuyên và hữu hiệu đối với tư pháp và hành pháp. Trong đó hoạt động của Chính phủ và các quan chức của Chính phủ phải được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ và thường xuyên của Quốc hội.

Đặt hoạt động của các cơ quan và quan chức nhà nước dưới ảnh hưởng và kiểm tra của công luận và quyền giám sát của nhân dân. Cơ quan và quan chức nhà nước vi phạm pháp luật, áp bức dân, vô trách nhiệm với dân... phải bị phê phán và trừng trị nghiêm túc. Cấp dưới sai thì cấp trên cũng phải chịu trách nhiệm. Không để bất kỳ ai nắm quyền lực hoạt động mà không chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật.

Từ quan điểm giai cấp công nhân phải xem quan hệ công dân - nhà nước là quan hệ chính trị cơ bản để xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nội dung chủ yếu ở đây là thiết lập cho được nền dân chủ hiện thực của nhân dân lao động. Trong đó cơ quan và cán bộ nhà nước là "công cụ", "công bộc" của dân, chứ không phải là kẻ đứng trên cai trị và ban ơn cho dân. Nhà nước của dân, phải thể hiện được chức năng *phục vụ dân* ; xây dựng hoạt động nhà nước là *xây dựng quyền lực của dân.* Làm khác đi thì chệch định hướng xã hội chủ nghĩa với những đổ vỡ khó tránh khỏi.

Muốn thế, chúng ta phải tiến hành những cải cách lớn về lập pháp, hành pháp và tư pháp, mà Đảng ta đang chủ trương.

6- Có lúc Bác Hồ đã tuyên bố rằng Bác chỉ có một đảng là đảng Việt nam. Điều đó cũng có nghĩa : Đảng cộng sản Việt nam là "đảng Việt nam", chiến đấu cho mục đích "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", trong đó, "mọi lợi ích đều của dân, mọi quyền hành đều thuộc về dân" (Hồ Chí Minh). Bằng trí tuệ và xương máu của mình, Đảng cộng sản Việt nam đã và đang làm được điều đó với bao nhiêu thử thách to lớn của lịch sử. Ngày nay, những âm mưu nêu ra vấn đề phải có nhiều đảng đối lập

Digitized by Google

chính trị chỉ là tạo cơ hội gây mất ổn định chính trị. Dân tộc Việt nam hiện cần đấu tranh giữa đúng với sai, tiến bộ với lạc hậu, phát triển với trì trệ, chứ không phải đấu tranh phe phái. Về phương diện giai cấp, chế độ chính trị nào cũng là nhất nguyên cả. *Một giai cấp, một hiến pháp thống trị tất cả ;* nhiều đảng chỉ là hình thức biểu hiện của tính nhất nguyên đó mà thôi.

Đảng lãnh đạo không phải tự mình có quyền, mà là xây dựng quyền lực của dân, xây dựng một nhà nước pháp quyền và xã hội công dân chân thật. Đó sẽ là quá trình quan trọng để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng sự lãnh đạo của Đảng phải trên nền tảng quyền lực của dân. Đảng xây dựng đường lối đưa ra Quốc hội bàn và luật hóa để thực hiện. Đảng lãnh đạo khắp các lĩnh vực và có mặt ở khắp các cấp, nhưng không phải là cơ quan nhà nước và làm thay cơ quan nhà nước.

Đảng đào tạo cán bộ, đảng viên, đủ trình độ trí tuệ và phẩm chất tiêu biểu đưa ra cho dân chọn lựa vào các trọng trách nhà nước. Dân bầu, ủy quyền cho những người xứng đáng, tức là bầu cho Đảng lãnh đạo nhà nước. Đảng đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên tiên phong để làm gương cho mọi công dân. Hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên cũng phải đặt dưới sự chi phối của pháp luật và sự kiểm tra của dân. Nếu Đảng tách khỏi điều đó thì sự chuyên quyền và thoái hóa là khó tránh khỏi.

Đảng cần tập trung vào vạch đường lối, chính sách và kiểm tra tất cả, lãnh đạo theo chiều sâu. Nhà nước là do Đảng lãnh đạo, do đảng viên chi phối ; giải quyết công việc cụ thể của nhà nước chính là thực hiện đường lối, chính sách của Đảng đã luật hóa. Cần phân biệt chức năng hoạt động nhà nước và chức năng hoạt động của các tổ chức đảng. Còn về phương diện Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo, thì cả hoạt động của nhà nước, cả hoạt động của các tổ chức đảng, đều do Đảng lãnh đạo. Tư duy theo kiểu cái gì nhà nước làm thì không phải là quyền của Đảng, sẽ dẫn đến việc xây dựng quyền lực của Đảng bên ngoài và bên trên nhà nước, làm suy yếu Đảng.

NGAY từ thời cổ đại, người ta đã bắt đầu tìm kiếm các nguyên tắc, hình thức và cơ cấu để thiết lập mối quan hệ giữa pháp luật và quyền lực. Pháp luật trở thành sức mạnh quyền lực nhờ vào sự thừa nhận và ủng hộ của quyền lực ; còn quyền lực công cộng được tổ chức có trật tự thì thừa nhận pháp luật, bị hạn chế và ràng buộc bởi pháp luật. Sự nhận thức về nhà nước như một tổ chức của sức mạnh quyền lực công cộng là tư tưởng cơ bản của tổ chức nhà nước pháp quyền. Lý luận về nhà nước pháp quyền thì được xây dựng muộn hơn, qua các cuộc đấu tranh chống sự lộng quyền của giai cấp phong kiến và chế độ quân chủ chuyên chế, qua các cuộc cách mạng tư sản. Song học thuyết này có cội nguồn từ xa xưa trong lịch sử nhân loại.

Có quan điểm cho rằng, cội nguồn của nhà nước pháp quyền là biểu tượng cổ xưa về người làm nhiệm vụ xét xử - một nữ thần, mắt bị băng vải đen che kín, một tay cầm kiếm, một tay cầm cán cân công lý, thể hiện sự kết hợp giữa sức mạnh và quyền lực pháp luật. Biểu tượng nữ thần xét xử, theo quan niệm của người cổ đại, là biểu tượng về tòa án công bằng, về một chế độ nhà nước công bằng. Tư pháp được coi là sự phán xử dựa trên cơ sở pháp luật, không chỉ đối với những tranh chấp được xem xét tại tòa án, mà còn đối với công việc của đời sống được tổ chức thành nhà nước.

Vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên, Xa-lôn (Salon), một trong những nhà thông thái người Hy lạp, đã áp dụng tư tưởng kết hợp sức mạnh với pháp luật trong việc tổ chức nhà nước Ai cập trên những nguyên tắc dân chủ. Tư tưởng của ông là giải phóng tất cả mọi người bằng quyền lực của pháp luật, bằng sự kết hợp sức mạnh với pháp luật. Theo A-ri-xtốt (Aristote), ở các vương quốc Ai cập cổ đại, nền dân chủ hình thành từ thời đại của Xa-lôn.

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền của người cổ đại được đưa ra nhằm chống lại những quan niệm ấu trĩ, ngụy biện cho rằng sức mạnh đẻ ra pháp luật, lẽ phải bao giờ cũng thuộc về kẻ mạnh... Nhà triết học cổ đại Pla-tôn (Platon, 427-347 trước công nguyên) cho rằng, ở đâu mà luật được định ra vì lợi ích của một số người thì ở đó không có chế độ nhà nước. A-ri-xtốt, cha đẻ của khoa học chính trị cổ đại, nhấn mạnh tính tối cao của pháp luật trong một nhà nước được tổ chức theo đúng nghĩa của nó.

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN *LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI*

ANH PHƯƠNG

Theo ông, khái niệm công bằng gắn liền với quan niệm về nhà nước, bởi vì pháp luật - tiêu chuẩn của sự công bằng - là quy phạm điều chỉnh sự giao tiếp chính trị. Các nhà tư tưởng cổ đại không chỉ chú trọng tới tính tối cao của pháp luật, mà còn chú ý tới tổ chức hợp lý của hệ thống quyền lực nhà nước, tới các cơ quan nhà nước và tới việc phân định rõ ràng thẩm quyền của các cơ quan đó. Nếu không có một tổ chức quy củ của quyền lực nhà nước ; không có sự phân định rõ ràng về nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của các cơ quan quyền lực ; không quy định về trật tự nhất định trong mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan đó, thì không thể có tính tối cao của pháp luật. Mặt khác, bản thân tổ chức hệ thống quyền lực của nhà nước pháp quyền không thể tồn tại nếu nó không phù hợp với pháp luật, nếu pháp luật không được tuân thủ.

Quan niệm của các tác giả Hy lạp cổ đại về mối liên hệ qua lại giữa nhà nước và pháp luật, chính trị và pháp luật, được Xi-xê-rôn (Cicéron, 106-43 trước công nguyên), nhà tư tưởng La mã cổ đại phát triển và diễn đạt theo cách mới trong lý giải của ông về nhà nước như một cộng đồng pháp luật - công cộng. Theo ông, nhà nước là sự nghiệp và tài sản của nhân dân ; pháp luật là cội nguồn tạo ra chế độ ; tổ chức nhà nước, pháp luật tác động tới tất cả mọi người.

Những quan niệm của các nhà tư tưởng cổ đại về vấn đề nhà nước pháp quyền được các nhà tư tưởng chính trị và pháp lý tư sản sau này (Lốc-cơ (Locke, 1632-1704), Mông-te-xki-ơ (Montesquieu, 1689-1755), Can-tơ (Kant, 1724-1804) v.v.) phát biểu như một thế giới quan pháp lý mới. Đó là một thế giới quan chống lại sự chuyên quyền độc đoán phong kiến và tình trạng vô pháp luật, chống lại các chế độ chuyên chế, độc tài ; khẳng định những tư tưởng nhân đạo, các nguyên tắc tự do, bình đẳng của mọi người, thừa nhận quyền con người ; tìm những cơ cấu, hình thức và công cụ chống lại sự chiếm đoạt quyền lực chính trị công cộng (công quyền) và tình trạng vô trách nhiệm của quyền lực đó đối với các cá nhân và xã hội. Lốc-cơ, nhà tư tưởng Anh, đã lý giải tư tưởng về sự ngự trị của pháp luật dưới hình thức nhà nước phải thực hiện được sự phân quyền để chống lại chế độ chuyên quyền, pháp chế của những người nắm quyền. Những quan niệm mới về phân quyền này được Mông-te-xki-ơ, nhà tư tưởng Pháp, phát triển trong các công trình của mình. Theo ông, mỗi nhà nước đều có ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp. Để tránh lạm quyền, ba quyền đó phải nằm trong tay ba cơ quan khác nhau, kiềm chế lẫn nhau. Sự phân chia và kiềm chế lẫn nhau giữa ba quyền là điều kiện chủ yếu để bảo đảm tự do chính trị trong nhà nước. Tự do ở đây có nghĩa là quyền được làm tất cả những gì mà pháp luật cho phép. Học thuyết của Lốc-cơ và Mông-te-xki-ơ về phân quyền, về bảo đảm quyền và tự do của công dân, đã ảnh hưởng rất rõ đến những quan niệm lý luận sau này về nhà nước pháp quyền, từ pháp luật cho đến hiến pháp của các nhà nước tư sản (như Hiến pháp năm 1787 của Mỹ, Tuyên ngôn năm 1789 của Pháp về quyền con người và quyền công dân, và các văn bản pháp lý khác). Điều 5 Tuyên ngôn năm 1789 của Pháp viết : Luật chỉ có thể cấm những hành vi có hại cho xã hội. Tất cả những gì mà luật không cấm, đều được phép làm ; không ai có thể bị buộc phải làm những gì mà luật không quy định.

Đến nay, nhiều nhà khoa học cho rằng, những cơ sở triết học của lý luận nhà nước pháp quyền là do nhà triết học Đức Can-tơ xác lập. Theo Can-tơ, mỗi con người là một giá trị tuyệt đối, nó không thể là công cụ cho ý đồ của ai đó, dù ý đồ đó là tốt đẹp nhất. Ông nhấn mạnh rằng, chính nhà nước trong toàn bộ hoạt động phải dựa vào pháp luật, mọi hoạt động của nó phải phù hợp với pháp luật, làm khác đi thì nhà nước sẽ mất niềm tin của những người tạo nên nó - những công dân. Can-tơ đề cao tính tối cao của quyền lập pháp trên quyền hành pháp ; tư pháp phải được thực hiện bởi tòa án do nhân dân bầu.

Digitized by Google

Nhà triết học Đức Hê-ghen (Hegel, 1770-1831) cũng có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển học thuyết nhà nước pháp quyền. Nếu ở Can-tơ các đạo luật và nhà nước pháp quyền là những cái cần phải có, thì ở Hê-ghen các đạo luật và nhà nước pháp quyền lại là hiện thực, là sự thực hiện trong thực tế ý niệm dưới những hình thức nhất định của tồn tại thực tế của con người. Theo Hê-ghen, pháp luật là tư tưởng tự do, còn nhà nước chính là pháp luật, pháp luật cụ thể có nội dung phong phú và là toàn bộ hệ thống pháp luật. Hê-ghen là người theo chủ nghĩa nhà nước. Ông đặt nhà nước lên cao nhất, trên xã hội, trên cá nhân ; nhà nước là thứ pháp luật cụ thể ở vị trí đỉnh chóp của một hình nón pháp luật. Hê-ghen cho rằng, tư tưởng về tự do tồn tại dưới chính thể quân chủ lập hiến, dựa trên cơ sở của nguyên tắc phân quyền. Theo ông, sự phân quyền trong nhà nước là sự bảo đảm cho tự do công cộng. Nhìn chung, toàn bộ cấu trúc của Hê-ghen về nhà nước pháp quyền trực tiếp chống lại sự lạm quyền và chuyên chế, chống mọi sự dùng vũ lực, bạo lực phi pháp. Về thực chất, Hê-ghen dùng chủ nghĩa nhà nước chống lại chủ nghĩa cực quyền.

Tư tưởng nhà nước pháp quyền ra đời gắn liền với sự khẳng định chủ quyền nhân dân là nguồn gốc của quyền lực, gắn liền với sự tự do được đảm bảo của nhân dân, với sự phụ thuộc của nhà nước vào xã hội. Điều này đã được C. Mác nhấn mạnh : Tự do là ở chỗ biến nhà nước từ cơ quan đứng trên xã hội thành cơ quan hoàn toàn phụ thuộc vào xã hội.

Khi nói về lịch sử của tư tưởng nhà nước pháp quyền, không thể không nhắc tới các quan niệm pháp luật thực chứng của thế kỷ XIX và XX. Đó là quan điểm của Héc-be (K. Herber), A. Đai-xi (A. Daisi), Ê-li-nê (H. Ellinee), I-ê-rinh (K. Iering), La-ban (P. Laband)... cho rằng phải tạo ra được cấu trúc nhà nước tự bị kiềm chế, ràng buộc bởi pháp luật do chính nhà nước tạo ra. Những người theo thuyết thực chứng này coi pháp luật là những quy phạm do nhà nước quy định và bảo vệ. Chính vì vậy, nhà nước là cội nguồn sản sinh ra pháp luật ; không có sự phân biệt giữa pháp luật và sự tùy tiện, giữa tự do và bạo lực. Sự tùy tiện và bạo lực một khi được người nắm quyền đảm bảo, sẽ mặc nhiên trở thành pháp luật. Quyền và tự do của cá nhân, theo quan điểm này, chính là do chính quyền ban phát, là lộc, mà đã là ban phát thì nó cũng có thể bị thu lại một cách tùy tiện vào bất cứ lúc nào. Do vậy, theo quan niệm thực chứng, không có nhà nước pháp quyền, mà chỉ có nhà nước *pháp chế*, nhà nước *luật*, trong đó nhà nước không bị ràng buộc bởi luật, không có sự phân biệt đâu là pháp luật, đâu là sự tùy tiện.

Cũng phải nói tới lý luận kinh điển về nhà nước pháp quyền trong truyền thống của nước Đức nửa đầu thế kỷ XIX. Môn (R.F. Mohn), Van-ke (K. Valker) là những người đầu tiên dùng thuật ngữ "nhà nước pháp quyền", một thuật ngữ đã được lập luận trong triết học của Can-tơ, Hê-ghen. Môn và Van-ke đề cao tính tối cao của pháp luật, sự ngự trị của pháp luật thể hiện qua quyền lực nhân dân dưới hình thức chủ quyền của nghị viện. Một trong những tiêu chuẩn của nhà nước pháp quyền là sự bình đẳng của tất cả mọi người trước pháp luật. Tuy nhiên, Môn không cho rằng pháp luật có chức năng tích cực (công cụ tự quản của xã hội) ; pháp luật chỉ có chức năng tiêu cực, phản diện (công cụ ngăn ngừa sự can thiệp chuyên quyền vào lĩnh vực tự do được trật tự pháp luật bảo vệ). Theo Môn, trong ba quyền của nhà nước pháp quyền, thì quyền lập pháp có vị trí cao nhất, nó không chịu sự kiểm tra của các cơ quan tư pháp.

Trong số các nhà tư tưởng theo trường phái bảo thủ về nhà nước pháp quyền, phải kể đến Xtan (Ph. Stal, 1802-1861), người có quan điểm gần giống với quan điểm của Môn. Xtan bác bỏ mọi hình thức phân quyền. Ông khẳng định : nhà nước bị luật ràng buộc. Theo Xtan, nhà nước pháp quyền chân chính vừa là *hình thức*, vừa là *vật chất*. Là vật chất, nhà nước pháp quyền thực hiện những tiêu chuẩn, nội dung về sự ngự trị của đạo đức ; là hình thức, nhà nước pháp quyền ngăn ngừa việc dùng bạo lực để thực hiện những tiêu chuẩn đó. Lý luận của Xtan phủ định sự phân định rạch ròi giữa nhà nước và xã hội ; phủ nhận chức năng kiểm tra của pháp luật tự nhiên đối với pháp luật thực định, nhằm bênh vực chính sách can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực công cộng. Điều đó thể hiện lợi ích của giai cấp tư sản, thể hiện tính chất thỏa hiệp trong lý luận của Xtan về nhà nước pháp quyền.

Lịch sử các học thuyết về nhà nước pháp quyền là kho tàng phong phú về tư tưởng, quan

Digitized by Google

niệm, với những mặt mạnh, mặt yếu riêng, phát sinh trong những hình thái kinh tế-xã hội khác nhau. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền mang tính toàn nhân loại cho dù có sự giải thích và thực hiện khác nhau, tùy theo lợi ích xã hội - giai cấp, tùy theo truyền thống dân tộc, lịch sử và trình độ văn hóa...

Ngày nay, nói đến nhà nước pháp quyền, trước hết là nói đến sự ngự trị của pháp luật trong đời sống xã hội và chính trị với tư cách là ý chí của nhân dân dưới *hai* khía cạnh : 1) về *hình thức pháp lý*, đó là sự ngự trị của pháp luật, sự ràng buộc bởi pháp luật đối với nhà nước và tất cả những thành viên khác của xã hội ; 2) về *nội dung pháp lý*, đó là việc pháp luật phải bảo đảm yêu cầu khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Để bảo đảm đầy đủ hai khía cạnh không thể thiếu được nói trên, người ta đã và đang tìm kiếm những hình thức tổ chức thích hợp của quyền lực nhà nước với những cơ chế giám sát sự tuân thủ hiến pháp và pháp luật một cách khoa học, có hiệu quả, một hệ thống tài phán hoàn chỉnh.

Khái niệm nhà nước pháp quyền bao hàm những nội dung phong phú, chứa đựng những khía cạnh và những mặt cơ bản khác nhau của hiện tượng xã hội-nhà nước ở một trình độ phát triển nhất định. Các nhà nước pháp quyền ở các nước khác nhau được xác lập không giống nhau. Nhà nước pháp quyền *tư sản* khác với nhà nước pháp quyền *xã hội chủ nghĩa* về bản chất giai cấp của nó. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà nước tồn tại và hoạt động vì lợi ích của giai cấp tư sản, phục vụ và bảo vệ giai cấp tư sản.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, ý tưởng sáng lập một nhà nước pháp quyền có thể xuất hiện và phát triển trong lòng những hình thái kinh tế-xã hội khác nhau. Quan niệm về nhà nước pháp quyền mang tính nhân văn phổ biến, tính giai cấp, tính dân tộc, tính lịch sử văn hóa. Có thể nêu ra *mấy đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa :*

1- Sự thống trị của các đạo luật trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm bảo vệ và phục vụ lợi ích của đại đa số nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Đây là đặc trưng không thể thiếu được của văn minh xã hội chủ nghĩa, là biểu hiện của quyền lực nhân dân và dân chủ thực sự ;

2- Bản thân nhà nước với tất cả các cơ quan của nó, các tổ chức xã hội, những người có chức quyền và công dân đều bị ràng buộc bởi pháp luật do đảng cộng sản lãnh đạo. Nhà nước ban hành pháp luật, nhưng nó không có quyền tự mình vi phạm pháp luật, và không chấp nhận bất kỳ sự lộng quyền, vô chính phủ, chuyên quyền, ban phát nào ;

3- Tự do của cá nhân, những quyền và lợi ích, danh dự và phẩm cách cá nhân là những điều được bảo đảm, là những điều không thể xâm phạm ;

4- Thực hiện những quy tắc đạo đức trong mối quan hệ giữa nhà nước, người mang quyền lực chính trị, và công dân, người tham gia thực hiện quyền lực ;

5- Tiến hành kiểm tra, kiểm sát hữu hiệu việc thực hiện các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không phải là do ý muốn chủ quan ; đó là đòi hỏi khách quan của thời đại. Trong lĩnh vực *kinh tế*, nhà nước pháp quyền duy trì và bảo vệ các quan hệ kinh tế được xây dựng trên cơ sở pháp luật dân sự. Trong lĩnh vực *chính trị*, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản lãnh đạo, bảo đảm điều kiện cho hoạt động của công dân và các tổ chức xã hội trong khuôn khổ hiến pháp và các luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bảo vệ *các giá trị xã hội chủ nghĩa :* quyền lực nhân dân ; dân chủ chính trị ; quyền sở hữu hợp pháp của mọi công dân ; những tư tưởng tiến bộ, công bằng và văn minh ; văn hóa mang bản sắc dân tộc và hiện đại ; và các giá trị khác.

Ở nước ta hiện nay, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, là một trong những mục tiêu của công cuộc đổi mới. Nhà nước được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất quyền lực và có sự phân công rành mạch, rõ ràng giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực, đồng thời có sự phối hợp và ràng buộc lẫn nhau. Nhà nước ta được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ và dựa trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo, với mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC VỚI VIỆC *BẢO ĐẢM XÃ HỘI CHO NGƯỜI NGHÈO*

BÙI NGỌC TRÌNH

MẤY năm nay, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền, phong trào xóa đói giảm nghèo đã diễn ra sôi nổi ở nhiều địa phương trong cả nước. Xóa đói giảm nghèo đã trở thành một Chương trình lớn của quốc gia. Ở bài viết này, tôi muốn trao đổi thêm về vai trò nhà nước trong việc bảo đảm toàn diện về mặt xã hội đối với người nghèo, để phong trào xóa đói, giảm nghèo ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

Người nghèo đề cập ở đây là bộ phận dân cư có thu nhập thấp, hoặc có nguồn thu nhập không đủ trang trải nhu cầu vật chất tối thiểu, vì vậy cũng khó được đáp ứng các dịch vụ về văn hóa, tinh thần, khó được giáo dục và chăm sóc tốt về sức khỏe.

Vấn đề đặt ra là : làm thế nào để trong cơ chế mới, không còn bao cấp, cùng với việc khuyến khích làm giàu chính đáng, người giàu cứ giàu lên, còn người nghèo không những không bị rơi xuống đáy của sự cùng khổ mà trái lại còn có điều kiện vươn lên, có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc như những người khác trong cộng đồng ? Để giải quyết vấn đề này, tôi nghĩ, ngoài nỗ lực của bản thân người nghèo là chính, như thực tế cho thấy, không thể thiếu sự giúp đỡ tích cực của nhà nước.

Ta biết, nước ta còn nghèo, số người nghèo, hộ nghèo còn rất đông. Ở các vùng dọc biên giới phía Bắc và Tây bắc, dọc duyên hải miền Trung, Tây nguyên và các vùng sâu Nam bộ, có nơi người nghèo chiếm quá nửa số dân. Tuy đông, nhưng trong cuộc vật lộn với thiên nhiên để có bát cơm manh áo hằng ngày, sức họ không bao nhiêu, bởi cái lẽ rất giản đơn : "khỏe vì gạo, bạo vì tiền" ! Họ thiếu "gạo", thiếu "tiền", nên đông mà yếu. Muốn cho họ khỏe, cần có sự hỗ trợ tích cực của nhà nước, thông qua các chính sách kinh tế-xã hội. Thiếu yếu tố này, thiếu "cú hích" quyết định này, thì người nghèo trong nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường như ở nước ta hiện nay, khó mà vươn lên. Chưa nói là phần đông họ có thể còn khó khăn hơn ; khoảng cách giàu nghèo trong xã hội không những thu hẹp mà còn doãng rộng.

Là cơ quan quản lý và điều hành mọi nguồn lực của đất nước, nhà nước của ta có nhiều cách hỗ trợ người nghèo, trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài, từng mặt và toàn diện, nhằm bảo đảm khoảng cách hợp lý giữa mức thấp và mức cao, tạo ra sự công bằng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xét về mặt bảo đảm xã hội cho người nghèo, để người nghèo vượt qua được "cái ngưỡng nghèo", theo tôi nghĩ, ít nhất nhà nước phải xây dựng và hoàn thiện đồng bộ ba mảng chính sách lớn sau :

1- *Hệ thống chính sách bảo đảm các nhu cầu tối thiểu về ăn mặc ở cho người nghèo.*

Đặc điểm của người nghèo là thiếu ăn triền miên, dẫn đến suy nhược về thể lực ; là không đủ quần áo, chăn màn, phải sống trong những căn nhà tồi tàn, chật chội, thiếu vệ sinh, thậm chí thiếu cả nước ngọt. Chính sách xã hội của nhà nước đương nhiên không phải và cũng không thể là chính sách bao cấp cả ba thứ : ăn, mặc, ở cho hàng chục triệu người nghèo. Chính sách đó chỉ có thể là chính sách giúp họ duy trì cuộc sống, không để họ chết vì đói, vì rét, vì không nơi ở mà lâm vào bệnh tật... Giúp người nghèo duy trì được cuộc sống bình thường là quan điểm có tính nguyên tắc của chính sách bảo đảm xã hội trong xã hội ta hiện nay. Nhưng để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nếu chỉ dừng ở quan điểm này thôi thì chưa đủ. Cần làm thế nào để người nghèo *không chỉ* duy trì được cuộc sống tối thiểu, *mà*

Digitized by Google

còn nhanh chóng thoát ra khỏi cuộc sống đó để hội nhập vào cuộc sống chung của cả cộng đồng và trở thành giàu có.

Như vậy, hệ thống chính sách bảo đảm xã hội về vật chất cho người nghèo bao gồm : các chính sách về *cứu trợ xã hội* khi đói kém giáp hạt, khi bị bão lụt, thiên tai... ; các chính sách về *phát triển kinh tế*, xóa đói giảm nghèo, để các hộ nghèo trở nên khá giả và các vùng nghèo trở nên những vùng có nền kinh tế xã hội phát triển.

Nội dung hai loại chính sách trên rất phong phú. Qua thực tiễn vận dụng, tôi thấy nên áp dụng ngay một số chính sách như sau :

Một là, xóa nợ lưu cữu (mà trên thực tế người nợ không có khả năng thanh toán) cho các hộ nghèo, thậm chí cho các xã nghèo, vùng nghèo... để giải tỏa họ khỏi mặc cảm là con nợ, và để họ có tư cách hợp pháp trong việc chủ động chi tiêu, duy trì cuộc sống thường nhật và phát triển.

Hai là, dành thêm vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo việc làm cho các vùng nghèo. Trọng tâm đầu tư là các công trình giao thông, thủy lợi, điện và các chợ, để hộ nghèo có môi trường sản xuất, làm ăn thuận lợi, kích thích lao động theo hướng vừa tự túc được sản phẩm cần, vừa sản xuất hàng hóa.

Ba là, có kế hoạch và biện pháp tích cực hướng dẫn dân cách làm ăn có hiệu quả để nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo. Đưa nhiều chuyên gia kinh tế và cán bộ kỹ thuật tới hướng dẫn các hộ nghèo, vùng nghèo sản xuất, kinh doanh. Thi hành rộng rãi chính sách miễn, giảm thuế và trợ giá hợp lý đối với các hộ nghèo và vùng nghèo.

Bốn là, cùng với việc hướng dẫn lập các kế hoạch sản xuất theo hộ và liên hộ, liên thôn, *mạnh dạn cho các hộ nghèo vay vốn dài hạn với lãi suất thấp*. Nhà nước cũng cần khuyến khích các hộ khá giả cho các hộ nghèo vay vốn theo tinh thần tương trợ, không vì lãi suất cao. Giải quyết thỏa đáng vấn đề thế chấp để đồng vốn đến thẳng người nghèo. Không rót vốn cho người nghèo qua tay người giàu như hiện tượng thường thấy hiện nay, vì như vậy việc sinh lợi từ vốn vay sẽ rơi vào túi người giàu. Đối với những hộ và vùng quá nghèo, ngân sách nhà nước có thể thông qua quỹ xóa đói giảm nghèo cho vay thẳng, không cần thế chấp. Nhà nước chấp nhận khả năng rủi ro bị mất vốn với một tỷ lệ ngân sách cho phép (tất nhiên chính sách này chỉ công bố trong giới lãnh đạo, quản lý và có biện pháp theo dõi, kiểm tra chặt chẽ).

Năm là, thông qua các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế xã hội và các phương tiện truyền thông, phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo theo hướng : người nghèo thì nỗ lực vươn lên học tập cách làm ăn mới, sử dụng đồng vốn có hiệu quả khá ; còn các tầng lớp khác thì tích cực giúp đỡ người nghèo về kinh nghiệm và tiền vốn để họ có thể thực hiện tốt việc sản xuất, kinh doanh, sửa chữa nhà cửa, xây bể chứa nước ngọt, cải thiện môi trường sống, v.v..

2- *Hệ thống chính sách bảo đảm sinh mệnh, việc chăm sóc sức khỏe và thực hiện tốt chương trình dân số cho người nghèo.*

Hệ thống chính sách này có nội dung và phạm vi tác động rộng lớn, bao gồm :

- Pháp luật bảo vệ sinh mệnh cho người nghèo trong cuộc mưu sinh đầy vất vả khó khăn của họ. Bảo đảm cho họ không bị các ông chủ, các thế lực tội ác xâm phạm thân thể trong khi kiếm sống.

- Chính sách y tế thích hợp, bảo đảm cho người nghèo không bị dịch bệnh tiêu diệt.

- Chính sách dân số tiến bộ, bảo đảm cho người nghèo thoát khỏi cảnh túng quẫn vì đông con, con cái suy dinh dưỡng, ốm đau, dẫn tới cái chết.

Cả ba nội dung trên đều quan trọng. Nhưng vấn đề trung tâm, nổi bật cần quan tâm đối với người nghèo ở nước ta hiện nay, là vấn đề y tế và kế hoạch hóa gia đình.

Về *y tế* : Trong nền kinh tế nhiều thành phần, thu nhập cá nhân rất đa dạng và cách xa nhau như hiện nay, chúng ta sẽ không công bằng nếu như bắt người có thu nhập cao, nhiều tiền, cũng phải chữa bệnh và hưởng thụ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe một cách đơn sơ, tối thiểu như với người nghèo. Nhưng cũng sẽ không hợp lý, thậm chí vô lý, nếu để mặc cho người nghèo tự lo về y tế trong một xã hội phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Không để mặc, nhưng chính sách y tế đối với người nghèo cũng không thể quay lại thời kỳ bao cấp hoàn toàn như trước đây. Nó cần và có thể tập trung vào những đảm bảo lớn như :

- Thực hiện các chương trình y tế nhằm diệt trừ tận gốc các dịch bệnh phổ biến như sốt rét, bướu cổ, tả lị, thực hiện tiêm chủng rộng rãi không mất tiền đối với người nghèo.

- Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới bệnh viện chữa bệnh không lấy tiền đối với nghèo. Loại bệnh viện này dù không thể đầy đủ tiện nghi, nhưng về thuốc chữa bệnh, về chữa trị và chăm sóc người bệnh, phải được bảo đảm ở mức độ cần thiết.

- Củng cố và xây dựng mới mạng lưới y tế tại các địa bàn cư trú như phường xã, làng bản, nhằm hướng dẫn người nghèo giữ vệ sinh, phòng bệnh ; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh ; chữa trị không thu tiền các loại bệnh thông thường ; định kỳ khám sức khỏe cho các lứa tuổi, v.v..

- Nghiên cứu tìm ra hình thức bảo hiểm y tế thích hợp đối với người nghèo.

Hoạt động y tế thời kỳ bao cấp trước đây cho ta không ít kinh nghiệm tốt về chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong đó số lớn là người nghèo. Trong cơ chế mới, không còn bao cấp, phải chú ý đấu tranh với quan điểm "chữa bệnh theo tiền", "có tiền thì sống, không tiền thì chết" ! Cần khẳng định một quan điểm nhân đạo tiến bộ : người nghèo cũng được chăm sóc sức khỏe ; không để người nghèo chết vì thiếu tiền chữa trị. Đó là trách nhiệm nặng nề nhưng cũng rất cao cả của bất cứ nhà nước nào. Đối với nhà nước do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, theo định hướng xã hội chũ nghĩa như ở nước ta, càng phải như vậy.

Về *kế hoạch hóa gia đình* : Ở một nước kinh tế công nghiệp chưa phát triển, việc làm ít, các gia đình đông con thường rơi vào tình trạng nghèo đói quanh năm. Và đã nghèo đói, ít được học hành, ít tiếp xúc với văn minh đô thị và phương tiện thông tin đại chúng, thì lại thường đông con ! Vì vậy, nhà nước một mặt cần thông qua chương trình truyền thông dân số, kiên trì giáo dục để người nghèo tự giác giảm tỷ lệ sinh ; mặt khác cần có biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt việc sinh đẻ. Hướng dẫn, tổ chức dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch không thu tiền đối với người nghèo để họ thực hiện tốt chương trình dân số đề ra, đó là một bảo đảm xã hội rất quan trọng và rất nhân đạo đối với người nghèo.

3- *Hệ thống chính sách bảo đảm cho người nghèo được học hành, được hưởng thụ các dịch vụ văn hóa tinh thần, được bồi dưỡng tài năng và có được vị thế tốt trong xã hội.*

Đề nghị nên thực hiện chế độ miễn học phí hoàn toàn ở cấp I và cả cấp II cho học sinh nghèo. Ở cấp III, học sinh nghèo học giỏi cũng nên được miễn hoàn toàn học phí. Nhà nước có chính sách thỏa đáng xây dựng trường sở và ưu đãi giáo viên giảng dạy ở các vùng nghèo. Việc xây dựng và sửa chữa trường lớp nếu chỉ giao cho phường xã tự lo thì những nơi nghèo, không có nguồn thu, sẽ không gánh nổi. Thiếu trường, thiếu lớp và thiếu giáo viên thì con em dân nghèo có đi học, việc học cũng khó có kết quả.

Về *các dịch vụ văn hóa tinh thần* : Trong xã hội đang đổi mới như ở nước ta, các dịch vụ văn hóa tinh thần phát triển hết sức đa dạng và phong phú. Nhưng sự bao cấp trong văn hóa trên thực tế hoặc đã không còn, hoặc chỉ còn phần nào ở các thành phố và thị xã. Hầu hết các dịch vụ văn hóa đều thu tiền với giá cao, nên sách báo, phim ảnh, sân khấu, các phương tiện nghe nhìn hiện đại không đến với dân nghèo. Dân nghèo vừa không được hưởng thụ những dịch vụ văn hóa để thỏa mãn mỹ cảm, nâng cao đời sống tinh thần ; lại vừa không tham gia được vào quá trình sáng tạo văn hóa. Nhà nước nên có chính sách tài trợ thích hợp cho các dịch vụ văn hóa phục vụ người nghèo. Sự tài trợ này hướng vào mục tiêu bảo đảm cho người nghèo và vùng nghèo có thể : đọc sách báo phổ thông không mất tiền ; thường xuyên nghe đài ; thỉnh thoảng được xem phim hoặc xem biểu diễn nghệ thuật không mất tiền, hoặc mua vé với giá ưu đãi.

Về *phát hiện, bồi dưỡng và ưu tiên thích đáng việc tuyển chọn nhân tài trong con em các hộ nghèo, vùng nghèo* : Chúng ta phê phán chủ nghĩa thành phần mà có một thời kỳ đã làm méo mó việc xem xét, phát hiện các tài năng trong dân chúng. Nhưng với cơ chế hiện nay, nếu ta lại thả nổi, hoặc để mặc cho cuộc sống

Digitized by Google

tự thân vận động, không chú ý phát hiện, bồi dưỡng và tuyển chọn nhân tài trong đối tượng nghèo, thì cũng khó tránh khỏi lãng phí tài năng tiềm ẩn trong xã hội, và thực hiện công bằng xã hội cũng không tốt. Hiện nay không phải không có ý kiến lo lắng xã hội ta đang phát triển theo hướng có lợi toàn diện cho người giàu. Người giàu được no đủ về vật chất ; được chăm sóc tốt về sức khỏe ; được hưởng thụ mọi dịch vụ văn hóa cao cấp, được học hành giỏi giang. Từ chỗ có học vấn và giỏi giang, họ dễ dàng được đề cử hoặc tuyển dụng vào guồng máy quản lý xã hội... Và nếu cứ tiếp tục như vậy mãi trong điều kiện thế giới đã thay đổi như hiện nay, thì liệu định hướng "xã hội chủ nghĩa" mà ta đề ra có cơ sở xã hội để trở thành hiện thực hay không ? Tất nhiên, còn phải bàn nhiều về nỗi lo lắng này. Song từ góc độ chính sách xã hội mà nói, chúng ta phải thực sự quan tâm đến vấn đề cân bằng ở mức thích hợp lợi ích giữa các giai cấp và tầng lớp khác nhau trong xã hội. Chúng ta không quay trở lại "chủ nghĩa người nghèo", nhưng vì bản chất của chế độ và lợi ích toàn cục của đất nước, rõ ràng nhà nước ta cần có chính sách ưu tiên thích đáng cho việc bồi dưỡng và sử dụng nhân tài xuất hiện từ trong dân nghèo, ở những vùng nghèo, tạo cho dân nghèo không chỉ nhanh chóng thoát khỏi sự thiếu đói về vật chất mà còn phát triển được về mặt văn hóa tinh thần, có "điều kiện đủ" để tham gia ngày càng nhiều hơn vào guồng máy quản lý xã hội.

*
* *

Nội dung ba hệ thống chính sách bảo đảm xã hội trình bày trên đây không mới. Cái mới ở đây là quan điểm *toàn diện* về *bảo đảm chính sách xã hội đối với người nghèo*. Đối với người nghèo, chính sách xã hội phải bảo đảm đồng bộ cả *ba mặt* nói trên, chứ không phải chỉ là cứu đói hoặc xóa đói. Tất nhiên, đối với người nghèo thì việc cứu đói, xóa đói là quan trọng hàng đầu. Nhưng xây dựng chính sách bảo đảm xã hội cho người nghèo mà chỉ chú trọng đến mỗi *chương trình xóa đói giảm nghèo* thì rõ ràng chưa đủ.

Hoạch định được chính sách đúng đã khó, nhưng khó hơn là thực thi nó trong cuộc sống. Giả định rằng, chúng ta đã xây dựng và hoàn chỉnh được ba hệ thống chính sách bảo đảm xã hội trên đây đối với dân nghèo. Nhưng như vậy chưa đủ. Cái *quyết định nhất* để các hệ thống đó được thực thi có kết quả là đi đôi với việc nhà nước *đầu tư lớn* cho sự nghiệp này, cần có sự *hỗ trợ trực tiếp của các thành phần kinh tế, các hộ dân cư khá giả và các tổ chức xã hội.*

Muốn có đầu tư lớn từ phía nhà nước, trước hết phải có sự *đổi mới về quan điểm đầu tư* của các cơ quan nắm tài chính và các nguồn lực vật chất, tinh thần. Quan điểm cũ coi việc rót tiền vào các chương trình xã hội là sự ban phát, chỉ mất mà không thu được lợi. Còn quan điểm mới thì khác. Nó coi việc nhà nước tài trợ cho các chương trình xã hội nói chung và nói hẹp hơn, thực thi các chính sách bảo đảm xã hội, là việc làm cần thiết. Nó tạo tiền đề để có thể thực hiện thắng lợi chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội từ nay đến năm 2000. Kinh tế sẽ không phát triển thuận lợi, bình quân thu nhập đầu người sẽ không tăng đáng kể, nếu như ta chỉ chú ý phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế mà không chú ý bảo đảm về mặt xã hội cho số dân còn đang nghèo khó, để họ có thể hòa nhập với sự phát triển của cả cộng đồng dân tộc. Theo quan điểm mới, nhà nước đầu tư để đảm bảo về mặt xã hội cho người nghèo, là đầu tư không chỉ vì sự nghiệp phát triển xã hội mà còn vì sự nghiệp phát triển kinh tế.

Có quan điểm đúng, các cơ quan nắm kế hoạch tài chính và các nguồn lực khác của đất nước sẽ mạnh tay hơn trong việc điều tiết. Ai cũng biết nhà nước dân chủ nào cũng không thể trực tiếp lấy của người giàu chia cho người nghèo. Nhưng bằng cách gián tiếp, thông qua các hệ thống chính sách nói trên, có thể điều tiết một phần thu nhập của các hộ khá giả để hỗ trợ cho người nghèo.

Ngân sách của ta hiện còn eo hẹp, nhưng có quan niệm đúng về bảo đảm xã hội cho người nghèo, nhà nước vẫn có thể chi cho các chương trình xã hội ở mức cao hơn, bảo đảm khoảng cách hợp lý giữa các tầng lớp dân cư, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đấy cũng là vai trò quan trọng, chức năng riêng có của nhà nước mà không có một cá nhân hay một tổ chức xã hội nào thay thế được./.

Digitized by Google

Vai trò của các học thuyết tư tưởng và tôn giáo hiện nay ở Việt Nam

NGUYỄN TÀI THƯ *

CÁC học thuyết tư tưởng, các tôn giáo, tín ngưỡng hiện đang tồn tại ở nước ta có nhiều, nhưng có thể chia làm bốn loại chủ yếu. Đó là các học thuyết truyền thống, các tôn giáo, các trào lưu tư tưởng tư sản phương Tây cận hiện đại, chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi loại đều có một phương thức tồn tại và một cách thức tác động riêng.

Các học thuyết truyền thống thì có : đạo Nho, đạo Phật và đạo Lão-Trang. *Về đạo Nho,* có người cho đó là một tôn giáo, nhưng thực ra là một học thuyết triết học, chính trị-xã hội. Nó là tư tưởng thống trị xã hội nước ta suốt thời kỳ phong kiến, nhưng vai trò đó đã nhường bước cho các học thuyết khác trong thời cận đại. Năm 1915, chính quyền thực dân phong kiến chấm dứt kỳ thi Nho học ở Bắc kỳ và năm 1918 ở Trung kỳ. Cùng với chủ trương đó là chủ trương bỏ chữ Hán chuyển sang học chữ quốc ngữ trong các trường học. Hình ảnh Khổng Mạnh không còn được thiêng liêng như trước. Rồi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra ở nước ta, liền theo đó là việc củng cố và nâng cao hệ tư tưởng mới. Đã có nhiều bài báo, cuốn sách phê phán Nho giáo, khiến một thời gian dài nhiều người hoài nghi giá trị của Nho giáo. Tuổi trẻ ngày nay lại càng không có dịp tiếp xúc với Nho giáo một cách trọn vẹn. Ấy vậy mà tư tưởng Nho giáo vẫn tiếp tục tồn tại và gây ảnh hưởng. Phương thức tồn tại của nó là các di sản văn hóa, các lễ nghi tập tục, các tục ngữ ca dao trong dân gian, các điều răn, lời truyền qua các thế hệ trong gia đình, v.v.. Trong môi trường đó, người dân (và cả các thế hệ trẻ) tiếp nhận thế giới quan và nhân sinh quan Nho giáo một cách không tự giác. Thế giới quan và nhân sinh quan đó với mức độ khác nhau đã và đang chi phối ý nghĩ và hành động của họ.

Đạo Phật là một tôn giáo, đồng thời cũng là một học thuyết triết học sâu sắc. Phần triết học đã tác động đến tầng lớp trí thức các thời đại. Khác với Nho giáo, Phật giáo ngày nay vẫn tồn tại với cơ chế đầy đủ của nó. Và do đó, nó có điều kiện trực tiếp tác động đến lẽ sống của nhiều người.

Về *đạo Lão-Trang* tồn tại ở nước ta với hai tư cách : tư cách triết thuyết và tư cách tôn giáo. Về triết thuyết, nó là một đối trọng với đạo Nho, là lối thoát tinh thần của các nho sĩ thất thế hoặc chán ngán thời cuộc. Nó đã và đang còn là cơ sở tư tưởng cho những suy nghĩ lãng mạn, những ước mơ bay bổng, những sáng tạo trong văn hóa và nghệ thuật. Do đó nó cũng đã đáp ứng được một mặt nào đó của tinh thần con người ngày nay.

Đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão-Trang đã có lịch sử lâu dài ở Việt nam và đã trải qua sự bồi đắp sáng tạo của con người Việt nam. Chúng trở thành một truyền thống vững bền, một giá trị có ý nghĩa lâu dài với đất nước.

Đạo Phật, đạo Giáo (một biến tướng của đạo Lão-Trang) cũng là những tôn giáo lớn của dân tộc. Hai đạo này cùng với các tôn giáo khác tạo nên một hệ thống tôn giáo rộng khắp. Hiện nay ở nước ta, theo thống kê chưa đầy đủ, người có tín ngưỡng có thể chiếm tới 70-80% dân số, nghĩa là trong số 72 triệu người Việt nam hiện nay thì có tới khoảng 57 triệu người theo các tôn giáo [1].

---

* Phó viện trưởng Viện triết, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn

(1) Theo báo cáo của Ban dân vận TƯ, Ban tôn giáo chính phủ

Digitized by Google

Cấp độ tín ngưỡng khác nhau tùy theo hoàn cảnh và trình độ của mỗi người. Hình thức bảo đảm sự tín ngưỡng ở họ cũng khác nhau. Có người chỉ cần tin và thực hiện những lý thuyết của kinh sách, có người giữ nghi lễ cúng bái và tụng niệm đều đặn, có người thì tu luyện đều kỳ v.v.. Tuy khác nhau, nhưng tất cả các hình thức đó đều đã củng cố được đức tin, củng cố lòng thành ở lực lượng siêu nhiên.

Các học thuyết tư tưởng tư sản phương Tây thời cận và hiện đại đã truyền bá vào nước ta trong những thời điểm khác nhau. Tư tưởng của phong trào Ánh sáng Pháp thế kỷ XVIII qua "Tân thư", "Tân văn" đi vào các nhà yêu nước Việt nam đầu thế kỷ thứ XX. Thuyết trực giác của Béc-xông, triết học duy tâm khách quan của Hê-ghen, phân tâm học của Phrớt, v.v. thì ảnh hưởng đến các tầng lớp trí thức ở đầu thập kỷ 40 của thế kỷ này. Chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa thực dụng, v.v. được đưa nhiều vào các thành thị miền Nam dưới thời Mỹ-ngụy. Tất cả các học thuyết đó tồn tại dưới hình thức lý luận và ít nhiều còn ảnh hưởng đến ngày nay.

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin du nhập vào nước ta cũng qua các thời kỳ khác nhau. Từ rất sớm, Nguyễn Ái Quốc và các nhà cách mạng vô sản tiền bối đã truyền bá tư tưởng của Mác và Lê-nin vào nước ta. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dưới chính thể nhân dân, qua các lớp học của Đảng và báo chí cách mạng, tư tưởng Mác-Lê-nin dần dần được mở rộng trong nhân dân. Sau năm 1954 và sau 1975, các trường đào tạo cán bộ ở miền bắc và miền nam lần lượt được lập nên, hằng năm đào tạo ra hàng ngàn người có các trình độ khác nhau về lý luận Mác-Lê-nin.

Các học thuyết tư tưởng và các tôn giáo trên với phương pháp truyền thống vẫn đang tác động vào đối tượng của mình và tạo ra những con người sống theo lý tưởng của mình. Tình hình đó đòi hỏi một sự quản lý và hướng dẫn thích hợp. Ở đây không phải là để đi đến cấm đoán một số tư tưởng và tôn giáo nào đó, thực hiện nhất thể hóa trong tư tưởng, mà là công nhận chúng và hướng dẫn chúng, làm sao để chúng có cuộc sống lành mạnh và có lợi cho sự phát triển.

Ai là người giữ được vai trò này ? Lác đác đã thấy một số cá nhân, một số nhóm xã hội chủ trương đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập mà thực chất là để tranh giành sự lãnh đạo với đảng cộng sản. Sự thực với thành tích trong lịch sử và với vị trí hiện tại, đảng cộng sản vẫn là người có khả năng và đáng tin cậy nhất trong việc giải quyết những khó khăn trước mắt và tạo ra nhiều nguồn lực thúc đẩy sự phát triển. Nhưng để làm được điều đó, Đảng phải chủ động và kịp thời, phải đổi mới hơn nữa nhận thức của mình về thang giá trị của xã hội hiện tại.

Trước đây, độc lập dân tộc, vô thần và chủ nghĩa xã hội là cơ sở cho mọi sự định giá. Ngày nay, những yếu tố đó vẫn còn có ý nghĩa nhưng đó không còn là những nhiệm vụ trực tiếp. Vả lại, nếu lấy con mắt của thời quan liêu bao cấp để đo tất cả các vật mang giá trị hiện nay là điều không còn phù hợp. Đảng đã nêu lên mục tiêu phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Đây là phương hướng hoạt động, đồng thời cũng có thể xem là cơ sở của mọi sự định giá mới. Cái gì có lợi cho sự thực hiện mục tiêu đó là cái mang giá trị, trái lại là không có giá trị. Vận dụng nguyên tắc này để soát xét cái truyền thống và cả cái hiện đại, sẽ hình thành một thang giá trị mới, sẽ có cơ sở mới để đánh giá mọi học thuyết tư tưởng và tôn giáo.

Những tư tưởng trọng nam khinh nữ, đặc quyền đặc lợi, những ý thức tôn ti trật tự, những tác phong quan liêu, xa rời thực tế, v.v. vốn bắt nguồn từ Nho giáo thì phải phê phán, gạt bỏ. Những tư tưởng yêu người (qua chữ "nhân"), ý thức trách nhiệm đối với xã hội, với người khác (qua "ngũ luân"), tinh thần gương mẫu trước người và sự việc (qua việc "tu thân"), ý chí thực hiện lý tưởng (chí ở đạo) v.v. là những yếu tố tích cực của Nho giáo, có thể cải tạo và phát huy.

Biểu hiện của tôn giáo trong xã hội thật phức tạp, có mặt này mặt nọ, không thể nhất loạt khẳng định hoặc phủ định. Giải quyết vấn đề này thường nhạy cảm và tế nhị. Nhưng không thể nói theo trào lưu tư tưởng đâu đó rằng, tôn giáo sẽ phục hưng, tôn giáo sẽ phát triển song song với khoa học, tôn giáo chỉ là hiện tượng văn hóa, v.v.. Cũng không thể né tránh, không dám nói đến và vạch thẳng ra những hạn chế của tôn giáo, không dám khẳng định những nhận xét đúng đắn của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác về tôn giáo.

Digitized by Google

Mặt tích cực của tôn giáo, không thể không thừa nhận. Đạo đức của tôn giáo đã góp phần ổn định đời sống xã hội. "Ngũ giới" của Phật giáo, hoặc "Thập giới" của đạo Do thái và Thiên chúa giáo, phần nào đã giúp các vùng có đạo giữ gìn được trật tự và an toàn xã hội. Vì coi "tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân", nên Đảng và Nhà nước ta "tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo" (2).

Sinh hoạt tôn giáo có phần là sinh hoạt văn hóa. Những hoạt động văn hóa nhằm phục vụ cho đức tin như lễ hội, thơ ca, âm nhạc, kiến trúc, nghệ thuật, v.v. là những hình thức để bảo tồn tài năng và lý tưởng của con người, là những việc làm tăng tính cộng đồng của xã hội,... nếu khéo phát huy thì sẽ có ích cho việc xây dựng một nền văn hóa dân tộc phong phú và đa dạng.

Nhưng tác dụng của tôn giáo là tác dụng kép, ngoài mặt tích cực ra còn có mặt tiêu cực. Niềm tin ở sức mạnh vạn năng của lực lượng siêu nhiên đã hạ thấp vai trò của con người, làm mất tính chủ động sáng tạo vốn là bản chất của con người xã hội. Giáo lý và nghi lễ của các tôn giáo có phần đề cập đến sự linh thiêng, đến những phép lạ, những âm phúc, những nghiệp kiếp v.v. là cơ sở cho sự cầu xin hư ảo, cho những mê tín, dị đoan xuất hiện. Những sự lên đồng, xin thẻ, bói toán, tử vi, chạy theo phép lạ, v.v. ít nhiều đều có liên quan tới tôn giáo. Vì vậy, đã có người nói, giữa tôn giáo và mê tín "vẫn tồn tại một ranh giới mong manh dễ xóa nhòa, khiến không ít hiện tượng mê tín đội lốt tín ngưỡng để hành nghề (3). Ngay đến đạo đức của tôn giáo, để thực hiện được cũng phải có điều kiện, đó là chúa hoặc trời, phật, thần thánh chứng giám, đó là không nguy hại đến đức tin. Ở vùng tôn giáo, việc sinh đẻ có kế hoạch không được thực hiện tốt, vì cho rằng tránh thai, nạo thai là làm hại đến sinh mạng con người của chúa, của thần, phật. Việc nâng cao dân trí ở đây cũng khó khăn hơn các vùng khác. Vì kiến thức khoa học được giảng dạy trong nhà trường, có điều không phù hợp với giáo lý. Vì vậy, số học sinh phổ thông cơ sở và học sinh phổ thông trung học ở vùng giáo nói chung là thấp hơn vùng lương. Việc phổ biến khoa học-kỹ thuật có lợi cho sản xuất ở vùng giáo thường có phần chậm chạp.

Ở nước ta hiện nay có người ngộ nhận : phía bên này thì "nhạt Đảng, khô Đoàn, thờ ơ với chính trị", phía bên kia thì lũ lượt đi đến những nơi thờ phụng. Đó chẳng qua chỉ là hiện tượng nhất thời hoặc do sự hốt hoảng nào đó khi thấy thời cuộc đổi thay quá nhanh chóng. Tương lai không thuộc về tôn giáo. Khi trình độ dân sinh được nâng cao, dân trí được mở mang thì tôn giáo khó bề phát triển. Tuy rằng có nhà khoa học lớn là tín đồ tôn giáo ; tuy có người nói khoa học và tôn giáo sẽ phát triển song song ; tuy có nhiều hiện tượng của thế giới, khoa học chưa giải thích được, nhưng lịch sử loài người và dân tộc cho thấy càng về sau tôn giáo càng ít đi, yếu tố lý trí trong tôn giáo càng tăng lên. Thực tế là ở Pháp còn 15% số người đi nhà thờ, ở Bỉ còn 7%, ở Hà lan có một số vùng, nhà thờ trở nên vắng vẻ quạnh hiu. Còn ở Cộng hòa liên bang Đức thì trong thanh niên hiện nay chỉ còn có 15% cho rằng sự tồn tại của nhà thờ là cần thiết (4). Ở nước ta rồi cũng sẽ như vậy. Vậy là, *một mặt* phải chống thái độ hẹp hòi, thành kiến với người có đạo, nhưng *mặt khác* phải gần gũi họ, tác động vào họ, làm cho họ ngày càng tin vào sức mạnh của con người, của xã hội ; thái độ bàng quan, thụ động hoặc ngồi chờ đều không thích hợp. Thái độ ngoảnh mặt trước cảnh nhạt sinh hoạt đảng, đoàn, đội do sự hoạt động ráo riết của tôn giáo, là thái độ vô trách nhiệm.

Ngày nay, trên thế giới đã và đang xuất hiện nhiều học thuyết mới. Những học thuyết này phản ánh sự phong phú của tư duy con người. Giới thiệu, phân tích, lý giải và có thái độ phê phán một cách khách quan những học thuyết nào đó đang thâm nhập vào nước ta, là điều cần thiết. Nó giúp cho sự tiếp cận với thế giới hiện đại, tạo điều kiện cho mọi người lựa chọn và thâu thái những tinh hoa để mở mang trí tuệ.

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là học thuyết lớn nhất, là tư tưởng bao trùm và chiếm lĩnh xã hội ta. Nó đã từng là lý luận đưa cách mạng dân

(Xem tiếp trang 41)

(2) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 78

(3) Thái Hoàng Vũ : "Về tín ngưỡng và mê tín", báo *Hà nội mới*, ngày 3-4-1993

(4) Xem Báo *Tiền phong* số 42, ngày 18-10-1994, tr 10

Digitized by Google

THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ VỐN NƯỚC NGOÀI ĐỂ ĐẨY NHANH TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

*NGUYỄN NGỌC TUÂN**

CÔNG nghiệp hóa (CNH) và hiện đại hóa (HĐH) trong điều kiện hiện nay đòi hỏi phải có những nguồn vốn lớn hơn trước đây rất nhiều. Những gì được coi là cần thiết để hoàn thành CNH trong các thế kỷ hoặc các thập kỷ trước, thì nay lại rất có thể được xem là chưa đầy đủ. Các nước trên thế giới đang tiến hành mạnh mẽ cuộc cách mạng kỹ thuật mới, lấy kỹ thuật vi điện tử làm mũi nhọn. Cạnh tranh kinh tế giữa các nước diễn ra ngày càng ác liệt. Còn ta, do điểm xuất phát thấp, mức tích lũy trong nước bị hạn chế, nên luôn luôn phải đương đầu với nạn thiếu vốn gay gắt và trầm trọng. Do vậy, việc thu hút nguồn vốn bên ngoài để bù đắp cho chỗ hụt hẫng bên trong do nhu cầu phát triển kinh tế đặt ra, cũng như việc làm thế nào để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ấy, là vấn đề hết sức quan trọng.

1 Nguồn vốn bên ngoài mà một nước có thể thu hút để sử dụng, gồm : vốn vay của các chính phủ, của các tổ chức tiền tệ quốc tế, của tư nhân nước ngoài và vốn trực tiếp đầu tư của doanh nhân nước ngoài. Do vậy, đi đôi với việc kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, hữu nghị và hợp tác để xúc tiến mạnh mẽ việc thiết lập quan hệ kinh tế và thương mại với các nước, các chính phủ ; sớm tạo điều kiện gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và các tổ chức tiền tệ quốc tế (FIM, WB, ADB) để được vay vốn với điều kiện ưu đãi, cần thấy rằng : nguồn vốn cho vay của các chính phủ nước ngoài và của các tổ chức tiền tệ quốc tế thường có hạn ; vốn vay của tư nhân thường lãi suất cao nên không thể vay nhiều ; còn vốn đầu tư trực tiếp của các doanh nhân nước ngoài thì không bị hạn chế bởi 2 điểm trên. Vì vậy, cần xem đầu tư trực tiếp của doanh nhân nước ngoài vào nước ta như một hướng *chủ công* trong việc thu hút vốn nước ngoài. Trong các hình thức đầu tư trực tiếp của doanh nhân nước ngoài, như *xí nghiệp hùn vốn giữa ta với nước ngoài, xí nghiệp hợp tác, xí nghiệp độc doanh, mậu dịch có bồi hoàn*, thì hình thức **đầu** tỏ ra có lợi hơn cả. Vì vậy, cần xem nó là hình thức **chính** trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Đây là *một hình thức kinh tế mới*, một bộ phận cấu thành của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nước ta. Nó có mấy cái lợi chung rất rõ rệt :

a) Có thể nhập được kỹ thuật, công nghệ tiên tiến phù hợp để đẩy mạnh cải tạo kỹ thuật, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đổi mới thế hệ sản phẩm, nâng cao tỷ trọng sản phẩm ở thời kỳ khai thác, tăng thêm năng lực xuất khẩu của xí nghiệp.

b) Áp dụng được kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý kinh doanh của xí nghiệp.

c) Mở đường thuận lợi cho sản phẩm quốc nội đi vào thị trường thế giới trong thời gian hợp doanh và sau hợp doanh.

d) Giúp xí nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trên nhiều mặt, nhất là cán bộ biết đàm phán, ký kết các hợp đồng quốc tế có hiệu quả, biết cách tiếp thị trong điều kiện cạnh tranh đầy sóng gió của thị trường thế giới.

e) Giúp xí nghiệp tiếp thu, tiêu hóa kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến ; từ đó chuyển chúng cho các xí nghiệp khác trong nước, thực hiện việc chuyển giao công nghệ hai tầng, vừa tiết kiệm vốn, vừa đáp ứng được yêu cầu khách quan của quy luật phát triển không đều của lực lượng sản xuất.

Trong những điều kiện cụ thể hiện nay của nước ta, muốn thay đổi mau chóng tình trạng lạc hậu *về kỹ thuật* (đa số các xí nghiệp hiện còn sử dụng kỹ thuật của những năm 50, thậm chí của cả những năm 40, 30), về *kết cấu ngành* (ngành sản xuất sản phẩm dung lượng lao động cao còn phổ biến), về *kết cấu sản*

* Chuyên viên kinh tế Viện khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

phẩm (rất nhiều loại sản phẩm đã bước vào thời kỳ bão hòa và suy thoái, số sản phẩm của thời kỳ khai thác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, sản phẩm xuất khẩu chiếm tỷ trọng càng thấp), thì trong tổng số các hình thức đầu tư trực tiếp của nước ngoài, hình thức *xí nghiệp hợp doanh* càng phải vượt trội cả về số lượng và tỷ trọng. Đó là con đường tốn ít vốn mà hiệu quả nhanh. Ở Trung quốc cuối năm 1989, đã có 11449 xí nghiệp hùn vốn với nước ngoài so với 6255 xí nghiệp hợp tác và 1410 xí nghiệp độc doanh. Cũng từ năm đó, Trung quốc đã không hạn chế thời gian hợp doanh là 30 đến 50 năm như trước.

[2] Ngày nay trên thế giới có hàng loạt nước đang ra sức thông qua chiến lược kinh tế hướng ngoại để đẩy nhanh nền kinh tế nước mình phát triển. Ở vào cái thế "quần ngư tranh thực", nước nào sớm có được hoàn cảnh đầu tư hấp dẫn hơn, thì nước ấy sẽ "tranh thực" được nhiều hơn.

Hoàn cảnh đầu tư là thể thống nhất hữu cơ giữa *hoàn cảnh "cứng"* (điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng) với *hoàn cảnh "mềm"* (chính sách, luật pháp, hiệu quả công việc, chất lượng phục vụ, hình thái quan niệm). Nếu hoàn cảnh "mềm" không tốt, thì hoàn cảnh "cứng" có tốt đi nữa, cũng khó phát huy được tác dụng của nó. Ngược lại, hoàn cảnh "mềm" mà tốt, thông thoáng, sẽ góp phần giảm nhẹ chỗ yếu của hoàn cảnh "cứng". Hoàn cảnh "cứng" có thể được cải thiện bằng đầu tư vốn tập trung và khi đã được cải thiện, nó sẽ phát huy tác dụng lâu dài. Song, hoàn cảnh "mềm" lại không thể và không dễ cải thiện, vì nó động chạm đến cơ chế cũ đã được hình thành lâu ngày, đến quan niệm tư tưởng và tác phong, lề lối làm việc của mỗi người từng gắn bó một thời với nền sản xuất nhỏ, phân tán, mang tính tự cấp tự túc, v.v.. Hơn thế nữa, ngay cả khi nó được cải thiện trên nhiều mặt, vẫn chưa hết nguy cơ một số mặt nào đó có thể trở lại như cũ, vì sức ỳ của tư tưởng rất lớn, hoặc vì thói "xính" quyền lực (tàn dư của tư tưởng phong kiến), muốn giành lại quyền đã phải buông ra qua cải cách cơ chế. Do vậy :

1. Về **chỉ đạo quản lý**. Không nên coi hoàn cảnh "mềm" có thay đổi là đã giải quyết được vấn đề vĩnh viễn, mà cần theo dõi, kiểm tra, phát hiện những mâu thuẫn mới, những lực cản mới để kịp thời giải quyết, nhất là để loại trừ khả năng "cứng" trở lại trên một số mặt nào đó đã được cải thiện.

2. Về **hoàn cảnh đầu tư**. Cần chú ý :

Đối với hoàn cảnh "cứng" :

a/ Chọn vị trí hấp dẫn, có các điều kiện như : lưu thông hàng hóa thuận tiện, đường qua lại dễ dàng, thông tin mau lẹ, có nhiều nguồn nước, đầu tư đỡ tốn kém... Vì vậy, các khu chế xuất, khu khai thác kỹ thuật hoặc đặc khu kinh tế, cần được đặt ở vị trí có các điều kiện như trên để tăng thêm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

b/ Cần đồng bộ hóa kết cấu hạ tầng của các khu chế xuất... vì nếu các xí nghiệp, nhà máy được xây dựng xong mà các hạng mục đầu tư khác trong khu, như đường bộ, đường sắt, bến tàu, hệ thống cấp thoát nước, bưu điện, điện lưới v.v. chưa được hoàn thiện, thì các nhà máy, xí nghiệp vẫn không phát huy được hiệu quả của chúng.

c/ Muốn đồng bộ hóa kết cấu hạ tầng nhanh với giá thành hạ, cần áp dụng hình thức đấu thầu, khoán thiết kế, thi công ; kết hợp có cân nhắc, chọn lựa việc dùng vốn trong nước với vốn vay của nước ngoài. Vì nếu chỉ dùng vốn trong nước dựa vào tích lũy sẽ bị hạn chế ; công trình xây dựng dễ bị kéo dài ; được cái này, thiếu cái kia. Còn dùng hoàn toàn vốn nước ngoài, thì tiến độ xây dựng nhanh, đồng bộ hóa kết cấu hạ tầng sớm, nhưng rất tốn kém, vì chúng ta phải để cho người nước ngoài điều tra cơ bản, lập kế hoạch dự án khả thi, phương án thực hiện, mà tất cả các công việc ấy đều phải được tính theo đơn giá của các nước công nghiệp phát triển, nên giá thành rất cao. Một sân bay hiện đại ở Đặc khu kinh tế Thâm quyến do Trung quốc tự thiết kế xây dựng chỉ mất có 2 tỉ USD (kể cả thiết bị nhập ngoại), trong khi một sân bay tương tự dự kiến xây dựng ở Hồng kông phải mất 20 tỉ USD. v.v..

Đối với hoàn cảnh "mềm" :

Hoàn cảnh "mềm" của ta sau khi có luật đầu tư năm 1988 đã được cải thiện đáng kể, song so với hoàn cảnh "mềm" cần cho việc thu hút đầu tư của nước ngoài theo thông lệ quốc tế, thì vẫn còn những khoảng cách nhất định. Vì vậy, cần nắm bắt các thông lệ đầu tư quốc tế để nghiên cứu điều chỉnh hoặc đổi mới cho phù hợp. Ví dụ, các xí nghiệp hợp doanh, xí nghiệp hợp tác và xí nghiệp độc doanh nêu ở trên, về cơ bản là thuộc loại hình kinh tế thị trường ; do đó, cơ chế quản lý cần được đổi mới cho thích ứng với yêu cầu của kinh tế thị trường, thỏa mãn được yêu cầu xây dựng và hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài. Tất nhiên, đổi mới phải đồng bộ trên tầm vĩ mô mới có hiệu quả, song cũng không thể quá cầu toàn mà bỏ lỡ thời cơ. Khi ta chưa tạo dựng được hoàn cảnh lớn, chung

Digitized by Google

cho cả nước, thì hãy cố gắng mở ra những hoàn cảnh nhỏ trong từng phạm vi nhất định, để thúc đẩy mở cửa, kích thích doanh nhân nước ngoài vào làm ăn với ta. Theo hướng đó, qua nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi thấy cần kiện toàn hoàn cảnh "mềm" theo *bốn* nhóm vấn đề chính sau, để giải quyết những vướng mắc và phàn nàn của các nhà đầu tư nước ngoài :

a) Về *hệ thống thị trường*. Khi cả nước chưa có hệ thống thị trường lớn, thống nhất, phát triển đầy đủ cắm rễ ở các trung tâm kinh tế, thì phải cố gắng mở ra hệ thống thị trường nhỏ phát triển đồng bộ ở các thành phố lớn, khu vực... để thỏa mãn yêu cầu của các nhà đầu tư. Ví dụ, mở các *trung tâm lao động* giới thiệu việc làm, công nhân có tay nghề, cán bộ kỹ thuật (kể cả những người đã nghỉ hưu hoặc về hưu non còn có sức làm việc...) ; mở các *trung tâm cung ứng vật tư* để chủ động cung ứng vật tư cho các xí nghiệp nước ngoài, làm cầu nối giữa các xí nghiệp và các địa phương, điều hòa vật tư nơi thừa đến nơi thiếu, làm cho kênh vật tư phục vụ cho các xí nghiệp này luôn được thông suốt ; thúc đẩy các ngân hàng lớn mở các *trung tâm điều hòa ngoại hối*, mua bán ngoại hối ; mở thị trường vốn phục vụ cho các doanh nhân nước ngoài, v.v..

b) Về *bộ máy hành chính*. Thực tiễn cho thấy, trong cuộc cạnh tranh thu hút vốn nước ngoài, thì điều quyết định không phải chỉ ở một số điều kiện ưu đãi, như thuế thấp, v.v. mà còn ở kết quả tổng hợp về các mặt so với các đối thủ cạnh tranh. Nếu bộ máy làm việc quan liêu, phiền hà, phải qua nhiều tầng nấc, mà hiệu suất làm việc ở mỗi nấc, mỗi khâu đều thấp, thì dù có đưa ra những ưu đãi hơn nữa, ta cũng khó giành được phần thắng về mình. Do vậy, trong khi bộ máy hành chính quốc gia còn chưa được cải cách đồng bộ và có hiệu quả trên các mặt cơ cấu, chức năng, hiệu suất công việc, thì trước hết hãy dồn sức cải cách có hiệu quả *bộ máy quản lý đầu tư nước ngoài*, để giảm thiểu phiền hà cho các nhà đầu tư. Chẳng hạn, ở các thành phố lớn, nhất là thành phố ven biển, nên có cơ cấu mở với bên ngoài. Cơ cấu này vừa thống nhất, gọn nhẹ ; vừa trong sạch và có đủ thẩm quyền để điều hòa, phối hợp, giải quyết các công việc có liên quan đến đầu tư trong phạm vi của mình ; để quản lý và đề ra chính sách thống nhất ; vạch ra quy hoạch lợi dụng vốn nước ngoài ; tổ chức các bộ phận hữu quan còn phân tán ở các nơi về một mối, tập trung xét duyệt các hạng mục đầu tư theo nguyên tắc *một cửa* với thời gian ngắn nhất (ở các thành phố lớn của Trung quốc như Thiên tân, một hợp đồng đầu tư chỉ trong nửa tháng là được ký kết xong và chỉ cần 3 con dấu). Đồng thời, cần phát động và duy trì phong trào hành động trong ngành đối ngoại với nội dung nâng cao tố chất, tăng cường đào tạo lại và đào tạo mới, để sớm có đội ngũ cán bộ đối ngoại biết ngoại ngữ, tinh thông nghiệp vụ, biết làm việc có hiệu quả ở mỗi khâu, mỗi nấc với tinh thần "Thời gian là vàng bạc".

c) Về *quyền tự chủ của các xí nghiệp hợp doanh*. Xí nghiệp hùn vốn với nước ngoài là một hình thức kinh tế hỗn hợp giữa các bên có chế độ chính trị khác nhau - hay giữa các nước khác nhau - tham gia. Hoạt động của nó là trực tiếp tham gia vào cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Vì thế, nó càng phải có quyền tự chủ rộng rãi hơn. Theo quy định gần như thành thông lệ của nhiều nước, thì các ngành chủ quản không được can thiệp trực tiếp vào công việc sản xuất kinh doanh cụ thể của xí nghiệp, mà chủ yếu là dùng biện pháp kinh tế và luật pháp để giám sát nó. Hội đồng quản trị là cơ quan quyền lực cao nhất của xí nghiệp, có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của xí nghiệp, lợi ích của các bên hợp tác do Ban quản trị đại diện cho các bên nêu ra và được tiến hành hiệp thương thảo luận trong Hội đồng. Bất kỳ bên nào cũng không có quyền tùy ý thay đổi hay tự tiện không chấp hành quyết định của Hội đồng, v. v.. Thế nhưng ở ta, tình trạng các ngành chủ quản can thiệp vào công việc nội bộ của xí nghiệp vẫn xảy ra ; hơn thế nữa, bên Việt nam còn có quyền phủ quyết cả quyết định của Hội đồng quản trị. Những điều này đã gây trở ngại cho hợp doanh, làm nảy sinh khuynh hướng của một số nhà đầu tư nước ngoài muốn mở xí nghiệp *độc doanh* hơn là xí nghiệp *hợp doanh*.

d) Về *mạng lưới phục vụ*. Các nhà đầu tư thường muốn làm ăn lâu dài với ta, không phải 10 năm, 30 năm hay 50 năm, mà nhiều hơn nữa. Vì thế, chừng nào ngành phục vụ công cộng còn chưa nâng cao được chất lượng phục vụ đối với mọi đối tượng phục vụ của ngành, thì có lẽ trước hết cần cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ đối với các nhà đầu tư nước ngoài ; làm sao thỏa mãn được tối đa nhu cầu của họ về các mặt ăn, ở, đi lại, vui chơi, giải trí, học hành cho con cái... để họ khỏi nản lòng.

3 Thu hút được vốn của nước ngoài mới chỉ là một bước, vấn đề cơ bản còn ở chỗ sử dụng nó có hiệu quả hay không ? Mức độ gắn bó giữa ta với các nước, các chính phủ, các tổ chức tiền tệ quốc tế, các doanh nhân nước ngoài, tùy thuộc vào khả năng *hấp thu* và *tái tạo* ngoại tệ của ta nhiều hay ít, để có bảo đảm

Digitized by Google

được sự "có đi có lại" một cách sòng phẳng, đôi bên cùng có lợi hay không ? Muốn vậy, cần :

1. *Xem xét điều chỉnh chiến lược phát triển.* Nhiều năm nay ta thực hiện chiến lược phát triển chủ yếu là thay thế hàng nhập ngoại. Đây là điều tự nhiên đối với một nước mới đi vào CNH, HĐH, vừa có lợi thế về lao động, lại vừa bị sức ép về nạn lao động thất nghiệp... Song chiến lược này tự nó cho thấy : dây chuyền nhập về càng nhiều, thì nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu và phụ kiện thay thế càng tăng, trong khi sản phẩm sản xuất ra chủ yếu lại để thỏa mãn nhu cầu trong nước, không xuất được. Như vậy, sản xuất tuy có phát triển, song lại hao tốn nhiều ngoại tệ và khó cân đối được ngoại tệ. Tình hình này sẽ càng nghiêm trọng hơn khi có mâu thuẫn giữa nhu cầu HĐH sản xuất với dung lượng có hạn của thị trường trong nước do mức thu nhập của dân cư còn thấp gây nên. Vì vậy, cần nghiên cứu *chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất từ chỗ lấy hướng vào bên trong là chính sang cơ cấu sản xuất kết hợp bên trong với bên ngoài, dần lấy hướng ra bên ngoài là chính*, để tạo khả năng cân đối thu chi ngoại tệ, thu hút thêm nhiều việc làm, đẩy nhanh nhịp độ CNH, HĐH. Đồng thời, nhà nước cần có các biện pháp hữu hiệu về kinh tế và tổ chức có lợi cho xuất khẩu, để hỗ trợ cho sự chuyển dịch ấy, như :

a) Giảm miễn thuế các nguyên liệu nhập khẩu dùng để gia công hàng xuất khẩu ; đối với một số hàng xuất khẩu, nếu giá có bị thiệt một ít so với giá cả thị trường quốc tế, nên miễn giảm thuế ; thực hiện lãi suất thấp và nới rộng điều kiện cho vay đối với sản phẩm xuất khẩu ; lập quỹ tín dụng xuất khẩu ; cho phép xí nghiệp làm ra nhiều ngoại tệ được giữ lại nhiều hơn và được chuyển đổi có bồi thường đối với số ngoại tệ được giữ lại ; mở các khu chế xuất, các đặc khu kinh tế để đẩy mạnh xuất khẩu ; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu, v.v..

b) Giúp đỡ một số xí nghiệp đầu đàn có ưu thế cạnh tranh ở thị trường quốc nội trong một số ngành hàng chủ yếu thành lập những *tập đoàn xí nghiệp* hướng ngoại, để nâng cao khả năng cạnh tranh thu ngoại tệ trên thị trường thế giới, hay sắp xếp lại tổ chức, lập ra các *hiệp hội ngành nghề* hoặc *liên doanh toàn quốc* để thống nhất giá cả xuất khẩu, liên kết ký kết với bên ngoài các hợp đồng xuất khẩu những mặt hàng có số lượng nhiều, kim ngạch lớn do nhiều đơn vị trong nước kinh doanh mà thị trường quốc tế có sự cạnh tranh gay gắt, để tránh bị ép giá hoặc thiệt thòi. Đối với xí nghiệp hùn vốn với nước ngoài mới xin lập, phải có luận chứng chắc chắn, rõ ràng về cân đối ngoại tệ mới được phê duyệt ; còn các xí nghiệp hợp doanh với nước ngoài đã đi vào sản xuất, thì vấn đề cân đối thu chi ngoại tệ trên thực tế là vấn đề khai thác thị trường. Vì vậy, phải có hợp đồng tiêu thụ nghiêm ngặt : nếu nhà đầu tư nước ngoài nào tự ý tăng tỷ lệ sản phẩm được tiêu thụ trong nước ta lên quá mức quy định, thì bộ phận vượt quá mức quy định ấy sẽ không được kết toán bằng ngoại tệ (vì nó tạo nên sự mất cân đối về ngoại tệ của xí nghiệp) mà chỉ được trả lãi bằng nội tệ, thậm chí có thể còn bị truy cứu trách nhiệm về kinh tế.

Khuyến khích thích đáng các doanh nhân nước ngoài có đầu tư lớn ở nước ta dùng lãi được chia để tái đầu tư mở rộng sản xuất ; không khuyến khích đồng loạt như nhau.

2. *Tăng cường khống chế vĩ mô, hướng vốn nước ngoài đầu tư hợp lý vào những ngành, sản phẩm mang ý nghĩa chiến lược.*

Căn cứ vào mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương, cần có quy hoạch tổng thể dài hạn và ngắn hạn trong việc sử dụng vốn nước ngoài, theo đó :

a) Hướng bộ phận vốn lớn nhất vào việc cải tạo kết cấu ngành nghề dựa trên cơ sở lấy hạng mục sản xuất làm chính, lấy cải tạo và hiện đại hóa xí nghiệp hiện có làm chính, lấy hạng mục lớn và vừa làm chính, lấy việc tạo ra và hiện đại hóa một số ngành công nghiệp mũi nhọn là chính, lấy địa bàn trọng điểm là chính. Cụ thể, cần ưu tiên vốn cho các ngành : **nông sản thực phẩm** (để nuôi sống gần 70 triệu dân, bình ổn vật giá sinh hoạt, tăng thêm lượng hàng xuất khẩu thu ngoại tệ) ; **điện tử** (ngành kỹ thuật mũi nhọn của thế kỷ 21) ; **dầu khí** (chú trọng cả khai thác và chế biến) ; **phân bón hóa học và thuốc trừ sâu** (hai nhân tố quyết định sự tăng trưởng của nông nghiệp, từ đó, tạo cơ sở vững chắc cho phát triển chăn nuôi, để xuất khẩu và để cải thiện chất lượng bữa ăn hằng ngày cho nhân dân, giúp dân ta sớm thoát khỏi tình trạng đói về thể chất do thiếu đạm động vật) ; **dệt, may, giày** (để tận dụng thế mạnh của ta về lao động) ; **sửa chữa, bảo trì tàu biển và hàng không** (vì nước ta có vị trí địa lý và giao lưu thuận lợi trong khu vực châu Á do thiên nhiên phú cho) ; và **du lịch.**

Kiên quyết khắc phục tình trạng một bộ phận lớn vốn đầu tư của nước ngoài trong những năm qua vẫn còn tập trung quá nhiều cho ngành dịch vụ và cho những sản phẩm có dung lượng lao động nhiều. Những ngành nghề

Digitized by Google

và sản phẩm này không thể đem lại cho đất nước kỹ thuật hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến. Tất nhiên, ta cần phát triển những sản phẩm hao tốn nhiều lao động để tận dụng thế mạnh của ta trong xuất khẩu, song điều quan trọng hơn, mang ý nghĩa lâu dài hơn, trong việc thu hút vốn nước ngoài, là phải *đưa lại cho đất nước kỹ thuật hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến* để chuẩn bị cho khả năng cạnh tranh của ta trên thị trường quốc tế bằng những sản phẩm thuộc thế hệ mới, có hàm lượng kỹ thuật tập trung.

b) Khi du nhập kỹ thuật hiện đại phục vụ cho CNH, HĐH, cần lưu ý : đối với một số kỹ thuật mà các nước công nghiệp phát triển đã sử dụng rộng rãi từ trước thập kỷ 60, nhưng đến nay vẫn còn tác dụng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của nước ta (như kỹ thuật điện khí hóa đường sắt, kỹ thuật hơi đốt hóa thành thị, kỹ thuật lưới điện thoại tự động thành thị v.v.) thì vẫn nên nhập để phổ cập rộng rãi.

3. *Hoàn thiện hệ thống chính sách, luật pháp có lợi cho việc đầu tư hợp lý của nước ngoài.* Đối với những ngành, sản phẩm mà ta cần, nên có chính sách khuyến khích phát triển cụ thể ; đối với những hạng mục cần khống chế phát triển, phải có luật hạn chế ; đối với những sản phẩm chủ lực cần cho xuất khẩu, nên có chế độ ưu đãi về thuế, về cho vay, về ngoại tệ để lại và về bù lỗ, để hướng vốn đầu tư của nước ngoài chảy vào lĩnh vực ấy. V.v..

4. *Tích cực chống tham ô, lãng phí trong các công trình công cộng dùng vốn nước ngoài.* Thực tế nhiều nước cũng như kinh nghiệm của ta cho thấy, các công trình đầu tư công cộng thu hút nhiều vốn của nhà nước luôn là nạn nhân của mọi tệ tham nhũng và lãng phí. Tình hình này sẽ càng nghiêm trọng hơn khi nguồn viện trợ và cho vay từ bên ngoài bắt đầu đổ vào nước ta sau khi lệnh cấm vận của Mỹ được bãi bỏ mà ta thì chưa có đủ số cán bộ có khả năng quản lý hữu hiệu các lượng vốn này. Vì vậy, một mặt, phải đấu tranh triệt để với mọi hình thức tham ô, hối lộ và mọi dạng phi phạm trong lĩnh vực đầu tư này bằng những biện pháp thật sự có tác dụng làm chùn tay bọn tội phạm và những người có chức quyền cố tình làm ô dù và bao che cho bọn tội phạm để trục lợi. Mặt khác, cần gấp rút đào tạo, bồi dưỡng hoặc chiêu mời những người có năng lực, am hiểu quản lý hữu hiệu vốn đầu tư xây dựng để đảm nhận công trình ; nhất là cần sớm hoàn thiện cơ chế lựa chọn dự án vốn đầu tư dựa trên nguyên tắc đảm bảo sử dụng vốn một cách có hiệu quả nhất./.

VAI TRÒ CỦA CÁC HỌC THUYẾT...

(Tiếp theo trang 36)

tộc, dân chủ đi đến thắng lợi. Nó vẫn còn sức sống mạnh mẽ nếu biết vận dụng và phát triển cho phù hợp với xã hội ngày nay. Đại hội VII của Đảng đã nêu : "Vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh..." (5), điều đó cũng có nghĩa không chỉ bằng lòng với lý luận vốn có, nó phải được quy chiếu vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta trong hiện tại cũng như tương lai.

Những cái mới sẽ có trong lý luận Mác-Lê-nin phát triển ở nước ta, chúng không chỉ là những khái quát từ thực tiễn sinh động của xã hội hiện đại, những phần rút ra được từ những thành tựu lý luận mới mà loài người vừa đạt được, mà còn là những yếu tố tích cực vốn có trong truyền thống, trong các học thuyết cũ được cải tạo và nâng lên. Tìm lại giá trị của truyền thống không phải là phục cổ, không phải là làm biến chất xã hội ; trái lại, đó là nhu cầu của xã hội mới. Trước đây, ta thấy Hồ Chí Minh đã từng chủ trương kế thừa các tư tưởng có giá trị của các học thuyết khác. Người nói : "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học" (6). Người còn nói : "Khổng Tử, Giê-su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao ? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy" (7).

Lời dạy đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh gợi cho chúng ta rất nhiều suy nghĩ trong giai đoạn hiện nay.

---

(5) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 80

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, t 5, tr 368

(7) Trần Dân Tiên : *"Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch"* ; "Hồ Chí Minh truyện" (bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức), Nxb Tam liên, Thượng hải, tháng 6 năm 1949, tr 91

Digitized by Google

VỀ TẬP ĐOÀN KINH DOANH VÀ SỰ HÌNH THÀNH TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI Ở NƯỚC TA

CHU QUANG THỨ*

I. TÍNH TẤT YẾU CỦA SỰ HÌNH THÀNH CÁC TẬP ĐOÀN KINH DOANH

Tập đoàn kinh doanh là loại hình tổ chức kinh tế chỉ hình thành và tồn tại trong các nền kinh tế thị trường. Nó là một loại hình tổ chức kinh tế cổ phần, hình thành trong quá trình liên kết, liên hiệp hóa nhiều công ty, xí nghiệp của nhiều chủ sở hữu khác nhau hoạt động kinh doanh chuyên ngành hoặc đa ngành ; thực hiện tập trung hóa tư bản, đẩy mạnh phân công chuyên môn hóa và đầu tư chiều sâu, nhanh chóng đổi mới công nghệ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh để giành lợi nhuận siêu ngạch từ lợi thế hoặc độc quyền.

Trong các nền kinh tế thị trường phát triển, các tập đoàn kinh doanh được hình thành nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản : tập trung tư bản, đổi mới công nghệ, tăng cường khả năng cạnh tranh, phân tán rủi ro, và phòng chống sự bế tắc của thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do đâu sự hình thành các tập đoàn kinh doanh mang tính tất yếu ?

1- *Do yêu cầu của quy luật tái sản xuất mở rộng*. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật kéo theo sự phát triển của lực lượng sản xuất đã thúc đẩy nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất của nền kinh tế cũng như của các doanh nghiệp cả về chiều rộng và chiều sâu. Nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp đã trở thành một xu thế. Nếu chỉ dựa vào nguồn vốn có được từ quá trình tích tụ tư bản thì các doanh nghiệp khó có thể mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình sang lĩnh vực khác. Chính điều kiện khách quan này đòi hỏi phải có sự tập trung vốn của nhiều doanh nghiệp để mở rộng quy mô sản xuất. Hơn nữa, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ hiện đại làm cho chu kỳ sống của các thế hệ công nghệ rút ngắn lại, cũng đòi hỏi các doanh nghiệp phải liên tiếp đầu tư cho việc đổi mới công nghệ. Ngoài việc bỏ vốn để mua công nghệ hoặc thúc đẩy nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp còn phải tiến hành cả việc trao đổi phát minh, sáng chế, tiến bộ kỹ thuật với nhau. Tóm lại, chính nhu cầu mở rộng khả năng sản xuất kinh doanh và nhu cầu đổi mới công nghệ đã thúc đẩy các doanh nghiệp liên kết, hiệp tác với nhau.

2- *Do tác động của quy luật cạnh tranh*. Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp nào cũng phải cạnh tranh quyết liệt để giành ưu thế sản xuất và thu lợi nhuận cao, bảo đảm cho sự tồn tại của chính mình. Đây là nguyên tắc sống còn của mọi doanh nghiệp trong cơ chế thị trường. Sự cạnh tranh dẫn đến *hai* xu hướng : 1) Doanh nghiệp nào đứng vững và chiến thắng trong cạnh tranh sẽ thu hút, *thôn tính* các doanh nghiệp bị thất bại, đẩy nhanh quá trình tập trung, mở rộng sản xuất. 2) Nếu cạnh tranh kéo dài, không phân thắng bại, thì các doanh nghiệp có xu hướng *liên kết*, hiệp tác với nhau để hình thành một tổ chức mới mạnh hơn.

Do vậy, các doanh nghiệp phải luôn tạo ra sức cạnh tranh trong kinh doanh, thể hiện ở *hai* điểm chính : tài năng và trường vốn. Yếu tố "tài năng" bao gồm : con người phù hợp với đòi hỏi của kinh doanh ; ứng dụng được khoa học kỹ thuật tiên tiến ; có đủ thông tin cần thiết bảo đảm cho việc đưa ra các quyết định chính xác và kinh doanh hợp pháp có hiệu quả. Yếu tố "trường vốn" bao gồm : vốn đủ mạnh để cạnh tranh ; cơ chế sử dụng vốn hợp lý, tạo được hiệu quả cao ; bảo toàn được vốn và sử dụng vốn ổn định trong quá trình kinh doanh. Để phát huy sức mạnh của các yếu tố trên, cần có các mô hình tổ chức phù hợp với yêu cầu của thị trường. Hình thức tập đoàn kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp thành viên trụ vững trong cơ chế thị trường. Nó giúp cho các doanh nghiệp thành viên giải quyết được nhiều vướng mắc trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, tăng được khả năng cạnh tranh và tránh được một phần sự khốc liệt trong cạnh tranh.

3- *Tạo lợi nhuận ổn định lâu dài*. Bất kỳ doanh nghiệp nào muốn tồn tại, phải kinh doanh có lãi. Tuy nhiên, lợi nhuận lại luôn đi kèm với rủi ro. Lãi suất càng cao thì rủi ro càng lớn. Để tồn tại lâu dài và vững chắc, hầu hết các doanh nghiệp trong hoạch định chiến lược kinh doanh đều chọn mục tiêu : *lợi nhuận trung*

* Phó cục trưởng Cục hàng hải - Bộ giao thông vận tải

Digitized by Google

bình. Muốn có lợi nhuận trung bình, phải đa dạng hóa sản phẩm, có sự phân công sản xuất thế nào để bảo đảm lợi nhuận tối đa cho từng sản phẩm (mỗi loại sản phẩm như vậy, đương nhiên sẽ phải chịu rủi ro lớn). Do vậy, phải có mô hình tổ chức sản xuất phù hợp. Mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh trên thế giới hiện nay rất đa dạng, nhưng có thể khái quát thành *ba* loại cơ bản :

+ *Một là*, doanh nghiệp do vốn của một người, lợi nhuận biến động theo thị trường. Vì vậy, hằng năm nhiều doanh nghiệp giàu lên, song cũng không ít doanh nghiệp bị phá sản. Mô hình tổ chức này rõ ràng không ổn định.

+ *Hai là*, doanh nghiệp do vốn của ít nhất hai người trở lên ; mục tiêu, phương pháp kinh doanh do đó phải có sự thống nhất. Kết quả kinh doanh phụ thuộc vào thị trường, nhưng sự tồn tại của loại doanh nghiệp này chẳng những phụ thuộc vào kết quả kinh doanh mà còn phụ thuộc vào sự hợp tác của các thành viên. Vì vậy, mô hình tổ chức này cũng thường xuyên thay đổi.

+ *Ba là*, công ty cổ phần, thành viên của các tập đoàn kinh doanh. Loại hình doanh nghiệp này cũng chịu ảnh hưởng điều tiết của thị trường, nhưng không bị thay đổi tổ chức do sự hợp tác của các thành viên. Khi các công ty cổ phần có sự đầu tư đan xen trong hợp tác kinh doanh nhằm tạo ra nhiều loại sản phẩm, thì kết quả kinh doanh là mỗi doanh nghiệp thành viên sẽ đạt được lợi nhuận bình quân trong đầu tư, điều này giúp cho phân công sản xuất ổn định và là cơ sở kinh tế vững chắc cho mô hình tổ chức tập đoàn kinh doanh tồn tại lâu dài.

Tóm lại, tập đoàn kinh doanh ra đời là do thị trường đòi hỏi. Nhưng nó ra đời phải trên nguyên tắc : vì quyền lợi kinh tế của mỗi thành viên và của cả tập đoàn trên thị trường trong thời gian dài.

Ở nước ta, mặc dù kinh tế chưa phát triển bao nhiêu, nhưng cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, các tập đoàn kinh doanh tất yếu sẽ ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu cạnh tranh và mở rộng quy mô sản xuất. Mặt khác, nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế mới đã hình thành, nhưng hoạt động còn có nhiều khó khăn. Do vậy, việc hình thành các tập đoàn kinh doanh là cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế của nhà nước. Các tập đoàn kinh doanh chính là công cụ để nhà nước định hướng, điều tiết quản lý vĩ mô nền kinh tế.

II. NỘI DUNG KINH TẾ VÀ ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH CÁC TẬP ĐOÀN KINH DOANH Ở NƯỚC TA

Các tập đoàn kinh doanh có nhiều mô hình nhưng đều có chung những đặc điểm sau :

Thứ nhất, có nhiều thành viên, nhiều chủ sở hữu, trong đó thường có một công ty, xí nghiệp chủ đạo.

Thứ hai, có quy mô rất lớn về vốn, doanh thu và lao động ; có một đội ngũ các chủ doanh nghiệp và các nhà quản lý điều hành vừa có trình độ tổ chức quản lý, vừa dạn dày kinh nghiệm trong kinh doanh.

Thứ ba, hoạt động trải rộng trên quy mô khu vực hoặc cả nước, nhưng phổ biến là trên quy mô xuyên quốc gia.

Thứ tư, hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành, có chiến lược sản phẩm luôn thay đổi phù hợp với sự phát triển của tập đoàn và môi trường cạnh tranh. Tuy nhiên, mỗi tập đoàn đều có định hướng chủ đạo, lĩnh vực đầu tư mũi nhọn và sản phẩm đặc trưng.

Thứ năm, có một công ty tài chính riêng. Công ty này có thể trực thuộc hội đồng quản trị hoặc công ty chủ đạo. Nó đóng vai trò trung tâm tài chính của tập đoàn để điều phối nguồn vốn giữa các thành viên.

Thứ sáu, thực hiện quản lý tập trung một số mặt : vốn ; đào tạo ; xây dựng chiến lược phát triển, chiến lược thị trường, chiến lược tiêu thụ...

Để hình thành các tập đoàn kinh doanh, cần có những điều kiện cơ bản :

Một, có khả năng thu hút, tập trung tư bản rất lớn. Ở các nước phát triển, mỗi tập đoàn kinh doanh lớn có lượng vốn trên 5 tỉ đô la. Tuy nhiên, lượng vốn của các tập đoàn kinh doanh thường phải tương ứng với mỗi nền kinh tế.

Hai, có đội ngũ các chủ doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý điều hành có tài, giàu kinh nghiệm.

Ba, có hệ thống pháp luật tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh tự do liên kết kinh tế để hình thành lợi nhuận bình quân trong kinh doanh ; và có chính sách phân phối lợi nhuận theo vốn đầu tư.

Bốn, có một cơ cấu thị trường hoàn thiện như thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường dịch vụ thông tin...

Ở nước ta hiện nay đã có những tiền đề bước đầu cho sự ra đời của các tập đoàn kinh doanh. Đó là :

Digitized by Google

+ Sự liên kết ngày càng chặt chẽ giữa các doanh nghiệp nhà nước để tạo sức phát triển cũng như sức cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh sự phân công liên kết, hợp tác trong các mô hình liên hiệp, tổng công ty, hiệp hội... ngày càng được củng cố, là sự hình thành một cách khách quan các nhóm doanh nghiệp ở nhiều ngành có liên quan với nhau như : công ty xuất khẩu nông sản + công ty cung ứng chế biến nông sản + công ty vật tư nông nghiệp + ngân hàng ; chủ hàng xuất khẩu + vận tải biển + bảo hiểm + ngân hàng... Sự liên kết này ngày càng chặt chẽ và dần trở thành một tập hợp nhiều doanh nghiệp xung quanh một doanh nghiệp nòng cốt trong quá trình phân công, hiệp tác thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Các doanh nghiệp nhà nước được củng cố sau nhiều lần tổ chức lại sản xuất. Nhiều doanh nghiệp đã đứng vững, làm ăn có hiệu quả trong cơ chế thị trường, có xu hướng ngày càng mở rộng quy mô sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm.

+ Đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp ngày càng được rèn luyện, sàng lọc và trưởng thành trong cơ chế thị trường. Đặc biệt họ đã được tiếp cận, cọ xát qua việc liên doanh, hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài, bước đầu đã tích lũy được một số kinh nghiệm.

+ Luật pháp về kinh doanh đã và đang được hoàn thiện, luật công ty cổ phần đã ra đời.

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn đang trong quá trình chuyển từ mô hình kinh tế chỉ huy sang mô hình kinh tế thị trường. Do đó, cơ chế thị trường hoạt động chưa đầy đủ, mới đang dần dần từng bước hoàn thiện. Lực lượng kinh tế ngoài quốc doanh tuy được nhà nước khuyến khích phát triển, nhưng còn non yếu. Kinh tế quốc doanh phát triển chưa đều, số đơn vị quốc doanh làm ăn có hiệu quả và quy mô lớn còn chiếm tỷ lệ thấp. Điều đó đã hạn chế khả năng phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế nhiều thành phần và khả năng đối tác tương xứng để liên doanh, liên kết với nước ngoài. Do vậy, việc xây dựng các tập đoàn kinh doanh ở nước ta cần được tiến hành *từng bước*, trước hết là xây dựng các *tổng công ty mạnh* hoạt động theo cơ chế tập đoàn, nhất là trong khu vực kinh tế nhà nước. Việc hình thành các tập đoàn kinh doanh thuộc sở hữu nhà nước nhằm các mục đích : nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của khu vực kinh tế nhà nước trên thị trường trong và ngoài nước ; xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản, xóa bỏ sự chia cắt, cát cứ nền kinh tế theo địa giới hành chính và sự phân biệt giữa kinh tế trung ương - địa phương ; tăng cường vai trò quản lý, định hướng của nhà nước trong nền kinh tế quốc dân ; tạo các đối tác tương xứng trong việc mở rộng hợp tác liên doanh, liên kết với nước ngoài, chống nguy cơ tụt hậu.

Trong thời gian tới, chúng ta có thể xây dựng một số tổng công ty mạnh hoạt động theo cơ chế tập đoàn kinh doanh trên các hướng :

1- Thúc đẩy nhanh các mối liên kết trong các hiệp hội kinh tế đến độ chín muồi để hình thành tập đoàn kinh doanh trên cơ sở các mối "liên kết mềm" và trên nguyên tắc phân phối lợi nhuận theo vốn đầu tư.

2- Hình thành tập đoàn kinh doanh trên cơ sở xác lập sự thống nhất về tài chính giữa các công ty, xí nghiệp hoạt động kinh doanh ở cùng một ngành hay cùng một lĩnh vực kinh doanh.

3- Hình thành tập đoàn kinh doanh dựa trên các mối liên hợp hóa theo chiều dọc, tức là hợp nhất các công ty, xí nghiệp có liên hệ với nhau bởi quy trình công nghệ thống nhất từ khai thác đến tiêu thụ sản phẩm.

4- Hình thành tập đoàn kinh doanh từ các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp hiện có, hoặc từ một công ty lớn mở rộng thêm các chân rết với các nhà máy, xí nghiệp trực thuộc.

5- Hình thành tập đoàn kinh doanh từ các công ty, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài.

III. VỀ TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN KINH DOANH

Sự hình thành tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải với tên gọi *Tổng công ty hàng hải Việt nam*, vừa mang tính tất yếu đối với nền kinh tế nước ta nói chung, vừa đáp ứng yêu cầu mở rộng và phát triển kinh tế ngành. Cụ thể, nó nhằm đáp ứng các yêu cầu sau :

Thứ nhất, tăng cường sức mạnh để tạo thế phát triển ngành hàng hải, chống nguy cơ tụt hậu. Hiện nay, có nhiều tập đoàn kinh doanh trên lĩnh vực hàng hải như Hyundai, Mitsui, Evergreen, C.N. N... Hầu hết các tập đoàn này vốn rất lớn. Tập đoàn Mitsui năm 1993 có số vốn tới 8022 tỉ yên (tương đương 69,75 tỉ đô la), kinh doanh trên nhiều lĩnh vực : sắt thép, hóa chất, thực phẩm, năng lượng, bất động sản, thương mại, vận tải, tài chính..., với phạm vi hoạt động khắp thế giới. Còn các doanh nghiệp quốc doanh do Cục hàng hải hiện nay trực tiếp quản lý gồm 33 đơn vị chỉ có tổng số vốn là 1685 tỉ đồng, trong đó vốn ngân sách cấp là

Digitized by Google

587 tỉ (34,6%), vốn tự bổ sung là 1098 tỉ (65,4%). Số vốn ít ỏi ấy lại bị phân chia cho nhiều doanh nghiệp, nên không tạo ra được sức mạnh để gọi vốn phát triển ngành. Nguy cơ tụt hậu đã rõ nét : đội tầu già cỗi, lại phát triển không đồng bộ, hình thức khai thác đơn điệu, do đó không đáp ứng được yêu cầu vận tải của đất nước.

Thứ hai, tăng cường sức mạnh để cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt nam ; đồng thời tạo cho quốc doanh trở thành lực lượng chủ đạo, nòng cốt đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động trong ngành hàng hải.

a) Không thể cạnh tranh với nước ngoài nếu thiếu sự liên kết. Trong kinh doanh, vốn và tài năng là hai yếu tố tạo nên sức mạnh cạnh tranh. Hiện nay, các doanh nghiệp trực thuộc Cục hàng hải quản lý, bị phân tán về nhân lực và vốn. Do hoạt động manh mún, thiếu vốn, các doanh nghiệp đó không thể phát triển được đội tàu biển để giành quyền vận tải cho đất nước. Việt nam hiện nay đều mua hàng theo điều kiện C.I.F.* và bán hàng theo điều kiện F.O.B.**, cho nên thực tế quyền vận tải thuộc về người nước ngoài.

b) Liên kết kinh tế mới có thể giành được quyền vận tải để phát triển đội tàu. Mỗi năm Việt nam xuất khoảng 2 triệu tấn lương thực, 6 triệu tấn dầu thô, nhập khoảng 2 triệu tấn phân bón... Nhưng do tài năng và vốn có hạn lại bị phân tán, nên các doanh nghiệp Việt nam không thể cạnh tranh thắng lợi với các doanh nghiệp nước ngoài. Chúng ta đều biết, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (phần lớn trực thuộc Bộ thương mại), các ngân hàng thương mại (phần lớn trực thuộc Ngân hàng nhà nước), các công ty tàu biển (phần lớn trực thuộc Bộ giao thông vận tải) và các công ty bảo hiểm (thuộc Bộ tài chính) là 4 loại tổ chức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Nhưng hiện nay ở ta các loại tổ chức đó lại bị phân tán về hành chính theo các bộ. Để có thể tạo ra thế mạnh trong kinh doanh, phải từng bước xóa bỏ việc phân chia các doanh nghiệp theo các ngành chủ quản như trên. Chỉ có như vậy mới tạo nên sự gắn bó giữa 4 tổ chức : Chủ hàng, Chủ tàu, Bảo hiểm và Ngân hàng, để giành quyền vận tải cho Việt nam.

Thứ ba, hình thành lợi nhuận bình quân trong kinh doanh, tạo khả năng phân công hợp lý. Trong cơ chế thị trường, để trụ vững, các doanh nghiệp đã và đang kinh doanh tổng hợp. Do đó, không ít doanh nghiệp bị phân tán vốn và tài năng vào các ngành kinh doanh không thành thạo, gây tổn thất chẳng những cho doanh nghiệp mà cho cả nhà nước. Hiện nay chúng ta có 125 công ty tàu biển. Nhiều công ty chỉ có 1 đến 2 tàu loại 400 tấn. Các công ty này hầu như đều kết hợp làm thêm xuất, nhập khẩu, môi giới hàng hóa, thuê tàu, đại lý... Thị trường do đó bị rối loạn. Việc tranh giành nhau làm vận tải, đại lý, môi giới... thực tế đã dẫn đến làm lợi cho người nước ngoài. Để khắc phục tình trạng rối loạn trên, cần có sự tổ chức đầu tư đan xen lẫn nhau để tạo ra lợi nhuận bình quân. Chỉ có làm cho lợi nhuận mỗi doanh nghiệp thu được là lợi nhuận bình quân, thì mới có thể tạo ra được sự ổn định về kinh doanh trong cơ chế thị trường, và góp phần phân công hợp lý trong kinh doanh.

Thứ tư, khắc phục cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước hiện nay là cơ chế vừa phức tạp trong điều hành, vừa lỏng lẻo trong quản lý, khiến không ít doanh nghiệp bị mất vốn đầu tư, không có khả năng phát triển.

Nhằm khắc phục tình trạng yếu kém của nền kinh tế nói chung và của ngành hàng hải nói riêng do cơ chế quản lý nói trên, Cục hàng hải Việt nam đã trình Thủ tướng Chính phủ đề án tổ chức lại các doanh nghiệp hàng hải Việt nam thành Tổng công ty hàng hải Việt nam hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế. Mục tiêu của đề án là tạo nên một doanh nghiệp hàng hải mạnh, làm lợi nhiều hơn cho nhà nước, cho doanh nghiệp và cho người lao động bằng biện pháp phát triển đội tàu biển, xếp dỡ hàng hóa, sửa chữa tàu biển và các dịch vụ hàng hải có liên quan tới vận tải biển.

Tổng công ty được thiết kế theo mô hình công ty cổ phần, trong đó chủ sở hữu chủ yếu vẫn là nhà nước. Nhà nước và các chủ sở hữu khác sẽ cử ra *hội đồng quản lý*. Ban điều hành giữ vai trò người được chủ sở hữu giao cho quyền sử dụng vốn và trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn. Ban kiểm soát có vai trò giúp hội đồng quản lý giám sát mọi hoạt động của sản xuất kinh doanh.

Mọi cơ chế quản lý, từ kế hoạch, tổ chức cho đến kiểm tra, đều xoay quanh nguyên tắc *phân phối lợi nhuận theo vốn đầu tư* của chủ sở hữu. Theo nguyên tắc ấy, mối quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty thành viên và quan hệ giữa các công ty thành viên với nhau là quan hệ trách nhiệm hữu hạn thông qua vốn đầu tư. Việc thực hiện cơ chế quản lý này sẽ tạo động lực cho tất cả các doanh nghiệp phát triển, đồng thời qua đó sẽ sàng lọc, tuyển chọn được những người kinh doanh giỏi.

---

* Từ ba từ tiếng Anh viết tắt : Cost (giá hàng), Insurance (bảo hiểm), Freight (cước phí)

** Từ ba từ tiếng Anh viết tắt : Free On Board (không phải trả tiền tàu)

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG TRONG THANH NIÊN

HỒ ĐỨC VIỆT*

TRONG công tác xây dựng đảng, việc phát triển đảng nói chung và phát triển đảng trong thanh niên nói riêng, có vai trò, vị trí rất quan trọng. Nó làm tăng thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hóa đội ngũ, đảm bảo sự kế thừa và phát triển của Đảng. Vì thế, Đảng thường xuyên bổ sung vào đội ngũ của mình những nam nữ thanh niên đã được rèn luyện, thử thách, có đủ điều kiện và tiêu chuẩn. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã nêu rõ : phải chú ý lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những người ưu tú có đủ tiêu chuẩn trong Đoàn thanh niên, và phải đạt công tác phát triển đảng trong thanh niên thành chương trình, kế hoạch cụ thể và tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, mang lại hiệu quả thiết thực.

Đảng ta chú trọng phát triển đảng trong thanh niên vì Đảng thấy rõ đây là vấn đề có tính quy luật của công tác xây dựng đảng ; vì Đảng đánh giá đúng vai trò to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, luôn đặt niềm tin sâu sắc vào bản chất tốt đẹp và truyền thống cách mạng của thanh niên nước ta.

Với chức năng là đội dự bị tin cậy của Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có vị trí rất quan trọng trong công tác phát triển đảng. Đoàn luôn là tổ chức tạo nguồn bổ sung cho Đảng những lực lượng trẻ, có tri thức, được rèn luyện trong thực tiễn của phong trào quần chúng cách mạng ; góp phần tăng thêm sức trẻ, nguồn sinh lực mới, chất lượng mới cho Đảng.

Nửa cuối thập kỷ 80, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những khó khăn to lớn về kinh tế-xã hội của đất nước, công tác phát triển đảng cũng gặp khó khăn và giảm sút so với trước đó. Song, những năm gần đây, cùng với những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới đất nước và việc triển khai tích cực Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VII), công tác phát triển đảng đã có chuyển biến khá, khắc phục được tình trạng giảm sút số lượng đảng viên mới kết nạp. Từ năm 1992 đến nay, số lượng đảng viên mới kết nạp hàng năm đều tăng : năm 1992 tăng 3,9% so với năm 1991 ; năm 1993 tăng 32,8% so với năm 1992 và năm 1994 tăng 20,4% so với năm 1993. Số đảng viên mới được kết nạp là thanh niên cũng tăng lên.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đang lãnh đạo toàn dân tiếp tục tiến hành công cuộc đổi mới, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo ra những tiền đề để đưa đất nước phát triển nhanh hơn, mạnh mẽ hơn trong thập kỷ tới ; công tác phát triển đảng nói chung và phát triển đảng trong thanh niên nói riêng càng trở nên quan trọng, vì nó góp phần làm cho Đảng ta ngày càng vững mạnh, đáp ứng được đòi hỏi của đất nước, của nhân dân và của thời đại.

* * *

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh luôn nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác xây dựng đảng nói chung và phát triển đảng trong thanh niên nói riêng. Năm 1979 Đoàn đã tiến hành cuộc vận động : "Toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng". Sau 4 năm thực hiện (1979-1983), hàng triệu đoàn viên ưu tú được Đoàn lựa chọn giới thiệu với Đảng, trong số đó, hàng chục vạn đoàn viên đã được kết nạp vào Đảng.

Đại hội VI của Đoàn (10-1992) đã xác định: "Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng là thể hiện bản chất truyền thống và là một trong những chức năng của Đoàn" (1). Từ sau Đại hội VI của

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Thanh niên, Hà nội, 1992, tr 39-40

Digitized by Google

Đoàn đến nay, công tác kiện toàn, củng cố cơ sở đoàn và công tác phát triển đảng trong thanh niên được các cấp ủy đảng và các cấp bộ đoàn quan tâm chỉ đạo, cho nên đã thu được một số kết quả, góp phần đáng kể vào việc bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng :

- Công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng ; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về Đảng cho đoàn viên, thanh niên được đẩy mạnh hơn trước.

Tổ chức đoàn các cấp đã cố gắng tuyên truyền, giáo dục cho đoàn viên, thanh niên về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về tình hình và nhiệm vụ của thanh niên trong giai đoạn mới ; giáo dục lý tưởng, động cơ phấn đấu cho đoàn viên, thanh niên một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng thanh niên. Nét nổi trong thời gian qua là tổ chức đoàn đã làm tốt hơn công tác giáo dục truyền thống, tuyên truyền, giới thiệu các gương tốt, các mô hình hay. Hình thức tuyên truyền, giáo dục cũng được đổi mới. Nhiều loại hình tuyên truyền giáo dục thu hút được đông đảo thanh niên tham gia, như các hội trại, hội diễn, các chiến dịch truyền thông, các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Đoàn, các hoạt cảnh truyền thống... Công tác giáo dục lý tưởng, nhận thức về Đảng được tiến hành song song với việc tổ chức cho thanh niên học tập, hoạt động, rèn luyện trong thực tiễn cuộc sống ; đề xuất cơ chế, tạo điều kiện cho đoàn viên, thanh niên và cùng với đoàn viên, thanh niên thực hiện lý tưởng qua các công việc hàng ngày.

Công tác tuyên truyền, giáo dục nêu trên đã tác động đến đông đảo thanh niên, góp phần ổn định tư tưởng, tăng thêm lòng tin của đoàn viên, thanh niên đối với sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới. Theo kết quả khảo sát, số thanh niên tin tưởng, ủng hộ công cuộc đổi mới đất nước năm 1990 chiếm 71,4% ; năm 1993 - 83,6%, và năm 1994 - 90% tổng số người được hỏi. Kết quả khảo sát ý kiến của gần 1500 đoàn viên, thanh niên năm 1993 cho thấy : 70,77% thanh niên có nguyện vọng phấn đấu trở thành đảng viên.

- Công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng có tiến bộ.

Đoàn đã phát động hai phong trào "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước", với nội dung phong phú, phù hợp với nguyện vọng, lợi ích của thanh niên. Hai phong trào đó đang phát triển thành phong trào rộng lớn của tuổi trẻ nước ta, thành môi trường cho đoàn viên, thanh niên rèn luyện, phấn đấu và cống hiến. Trong ba năm qua, Đoàn cũng tổ chức và động viên thanh niên tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhân đạo, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc... Các hoạt động đó cũng được nhiều cơ sở đoàn, đoàn viên, thanh niên tham gia. Qua hai phong trào lớn và các hoạt động của Đoàn, rất nhiều thanh niên tích cực đã được kết nạp vào Đoàn. Năm 1993, Đoàn đã phát triển 259 885 đoàn viên mới, tăng 10,4% so với cả năm 1992. Năm 1994 phát triển 550 590 đoàn viên mới, tăng hơn 2 lần so với năm 1993. Đây thực sự là một nguồn rất quý cho công tác phát triển đảng.

Các phong trào hành động, công tác tuyên truyền giáo dục cùng với việc kiện toàn, củng cố tổ chức đã làm cho tổ chức cơ sở đoàn được củng cố một bước. Đến hết năm 1994, số tổ chức cơ sở đoàn được xếp loại *khá* chiếm khoảng 50%, *trung bình* chiếm 36%. Công tác quản lý đoàn viên nhìn chung đã có những tiến bộ, chất lượng đoàn viên ít nhiều có chuyển biến tích cực. Qua phân loại ở cơ sở đoàn, số đoàn viên đủ tư cách đạt từ 80% đến 90%. Đây là điều kiện tốt để Đoàn làm công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng. Các cấp bộ đoàn, đặc biệt là các chi đoàn, đoàn cơ sở đã chú ý hơn việc bồi dưỡng và giới thiệu đoàn viên ưu tú. Nhiều cơ sở đoàn đã có kế hoạch, chủ động bồi dưỡng và thường xuyên giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

Dưới đây là số liệu về phát triển đảng viên trong thanh niên ba năm 1992-1994 :

Năm	Tổng số đảng viên mới kết nạp	Tổng số đoàn viên ưu tú được đoàn giới thiệu với Đảng	Tổng số đoàn viên được kết nạp Đảng	Tỷ lệ so với đoàn viên ưu tú được giới thiệu	Tỷ lệ so với tổng số đảng viên mới
1992	37 496	152 739	22 293	14,5%	59%
1993	49 817	86 439	29 128	33%	58%
1994	60 000	176 957	32 400	18,3%	54%

Digitized by Google

Rõ ràng là trong ba năm qua, số lượng đảng viên mới kết nạp và đảng viên mới kết nạp là đoàn viên mỗi năm đều tăng. Điều đó chứng tỏ công tác phát triển đảng đã được các cấp bộ đảng và cấp bộ đoàn quan tâm và tiến hành có kết quả hơn trước. Điều đó cũng khẳng định nguồn lực mới để bổ sung cho Đảng rất dồi dào, vấn đề quan trọng là phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn, rèn luyện thanh niên.

Tuy tỷ lệ đảng viên mới là đoàn viên TNCS trong mấy năm qua chưa cao bằng giai đoạn 1979-1983, nhưng quá nửa số đảng viên mới kết nạp là thanh niên. Trong bối cảnh hiện nay, đó là kết quả đáng mừng.

Có được kết quả nêu trên là do :

+ Những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước mà trực tiếp là những thành tựu về kinh tế-xã hội, đã tác động tích cực đến nhận thức của thanh niên, góp phần củng cố niềm tin của thanh niên đối với Đảng.

+ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng đi vào cuộc sống đã góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo và uy tín của tổ chức đảng các cấp ; nhiều cấp ủy đã tăng cường lãnh đạo công tác thanh niên, chú trọng chỉ đạo tốt hơn công tác phát triển đảng trong thanh niên.

+ Về phía Đoàn thanh niên, công tác giáo dục, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đoàn viên có những tiến bộ. Công tác đoàn và phong trào thanh niên có bước phát triển, thiết thực hơn, gần gũi hơn với thanh niên, lôi cuốn được nhiều thanh niên hơn. Trên cơ sở đó, nhiều cấp bộ đoàn đã đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, chú ý làm tốt việc giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng để Đảng xem xét, kết nạp.

Bên cạnh những tiến bộ, những kết quả đạt được, công tác phát triển đảng trong thanh niên mấy năm nay vẫn còn có *những thiếu sót, khuyết điểm* cần sớm được khắc phục. Cụ thể là :

Công tác phát triển đảng trong thanh niên diễn ra không đều ở các khu vực, các vùng miền, các đối tượng. Trong lực lượng vũ trang và các ngành trực thuộc trung ương, số đoàn viên ưu tú và tỷ lệ đoàn viên được kết nạp đảng khá cao ; trong khi đó ở khu vực đường phố, thanh niên trí thức, sinh viên, thanh niên tôn giáo, dân tộc..., số đoàn viên được kết nạp vào Đảng thường đạt ở mức thấp.

Tỷ lệ đảng viên là đoàn viên thanh niên trên tổng số đảng viên mới kết nạp thấp hơn nhiều so với những năm trước. Số lượng đoàn viên ưu tú được Đoàn chọn giới thiệu trong từng năm còn dao động quá lớn (năm 1993 bằng hơn nửa năm 1992 và bằng non nửa năm 1994). Tỷ lệ đoàn viên được kết nạp đảng trên tổng số đoàn viên ưu tú được giới thiệu cũng thấp, bình quân mỗi năm chỉ đạt 21,9%.

Nhiều cơ sở đoàn trong nhiều năm không có đoàn viên được kết nạp đảng.

Những khuyết điểm, thiếu sót nói trên thường do *những nguyên nhân chủ yếu* sau đây:

+ Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, trong thanh niên có sự phân hóa, biến đổi mạnh mẽ. Không ít thanh niên còn thờ ơ với các hoạt động chính trị-xã hội, không muốn hoặc chưa muốn phấn đấu trở thành đoàn viên, đảng viên.

+ Công tác bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng, nhận thức về Đảng cho đoàn viên thanh niên của Đoàn tiến hành chưa được thường xuyên, chưa tác động sâu đến từng đoàn viên ; chủ yếu thông qua các đợt giáo dục tập trung ; nội dung giáo dục, hình thức vận động còn nghèo, chưa thật phù hợp với từng đối tượng. Còn nhiều phong trào, nhiều hoạt động của Đoàn chưa thật sâu rộng, chưa được tiến hành thường xuyên ở cơ sở để tạo điều kiện cho đông đảo đoàn viên thanh niên phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành. Chất lượng sinh hoạt, hoạt động của cấp chi đoàn còn thấp. Ở một số khu vực như phường, các cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức liên doanh, vùng dân tộc, tôn giáo v. v. có nơi chưa có tổ chức đoàn, hoặc có tổ chức đoàn nhưng hoạt động còn yếu. Trong quá trình bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng, một số cấp bộ đoàn chỉ đạo chưa chặt chẽ, không thực hiện đúng quy trình, vì vậy, chất lượng đoàn viên ưu tú không cao. Nhiều cấp ủy đảng và tổ chức đoàn chưa chú ý phát hiện bồi dưỡng, tạo điều kiện để đoàn viên ưu tú rèn luyện, phấn đấu, cho nên nhiều đoàn viên ưu tú chuyển từ năm này qua năm khác vẫn không đủ điều kiện kết nạp vào Đảng.

+ Sự quan tâm của một số cấp ủy đảng tới công tác phát triển đảng trong thanh niên mới thể hiện ở những quan điểm, chủ trương chung, còn thiếu kế hoạch, biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện. Trình độ, năng lực lãnh đạo của một số cấp ủy và đảng viên còn hạn chế, chưa làm tốt công tác quần chúng. Nhiều cán bộ, đảng viên ít gần gũi thanh niên, còn

Digitized by Google

ngại tiếp xúc với thanh niên, không tích cực làm công tác phát triển đảng. Một số cán bộ, đảng viên còn có tác phong gia trưởng, đánh giá lớp trẻ thiếu khách quan, kìm hãm tính tích cực phấn đấu vươn lên của thanh niên. Số đảng viên không gương mẫu, thoái hóa, biến chất, tham nhũng tạo ra những gương xấu làm cho một bộ phận đoàn viên, thanh niên giảm sút lòng tin đối với Đảng và giảm sút ý chí phấn đấu vào Đảng.

*
* *

Trong những năm tới, để tăng thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hóa đội ngũ, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau :

1- *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị-tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên.*

Giáo dục, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho đoàn viên, thanh niên phấn đấu, rèn luyện để hình thành "một thế hệ con người mới có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi, sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính" (2). Tăng cường giáo dục lý tưởng, đường lối, chính sách của Đảng, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thanh niên, xây dựng mục tiêu "*độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*" thành lý tưởng của thanh niên ta hiện nay. Bằng nhiều hình thức phong phú, có chiều sâu, lôi cuốn được thanh niên để tuyên truyền giáo dục truyền thống, giác ngộ về Đảng, về trách nhiệm của thanh niên trong tình hình mới. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, nuôi dưỡng hoài bão lớn của thanh niên ; động viên, giúp đỡ thanh niên vươn lên ngang tầm thời đại, làm chủ được khoa học, công nghệ mới ; hình thành trong thanh niên ý chí, quyết tâm giữ vững độc lập dân tộc, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu, đem hết tinh thần và sức trẻ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2- *Xây dựng Đoàn vững mạnh. Mở cuộc vận động củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức chi đoàn và đoàn cơ sở.*

Là đội dự bị tin cậy của Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cần phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đoàn cơ sở và chi đoàn, làm cho các tổ chức tế bào của Đoàn thực sự trở thành nơi rèn luyện, phấn đấu hàng ngày của đoàn viên. Xây dựng tổ chức đoàn ở các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, các trường dân lập; củng cố cơ sở yếu kém, củng cố tổ chức đoàn ở vùng cao, vùng sâu, vùng trọng điểm tôn giáo...

Đoàn phải thật sự là nòng cốt trong tổ chức và hoạt động của Hội liên hiệp thanh niên và Hội sinh viên Việt nam. Phải đa dạng hóa các hình thức tập hợp, đoàn kết thanh niên. Đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên mới. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn, Đội, Hội.

Nâng cao chất lượng đoàn viên, tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đoàn viên, làm tốt công tác phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

3- *Tạo ra phong trào rộng lớn, vững chắc của thanh niên thi đua thực hiện đường lối của Đảng, các chương trình kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh của Nhà nước ; lôi cuốn đông đảo đoàn viên, thanh niên vào các hoạt động thực tiễn để thực hiện lý tưởng, cống hiến và trưởng thành.*

Tiếp tục tạo ra các động lực, nguồn lực và nhân tố mới, chăm lo lợi ích thiết thực của thanh niên để đẩy mạnh phong trào "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước", tạo dựng những phong trào, chương trình hoạt động cụ thể cho từng đối tượng thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội do Đoàn làm nòng cốt để thanh niên xung kích thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây chính là môi trường để bồi dưỡng, phát huy lực lượng trẻ, là môi trường cho mỗi đoàn viên, thanh niên phấn đấu, rèn luyện, cống hiến và trưởng thành.

4- *Tổ chức tốt "Cuộc vận động đoàn viên thanh niên phấn đấu, rèn luyện để trở thành đảng viên Đảng cộng sản Việt nam"* theo tinh thần Thông tri số 42 TT/TWĐ ngày 13-9-1994 của Ban thường vụ Trung ương Đoàn. Phấn đấu làm cho công tác phát triển đảng trong thanh niên trở thành nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cơ sở đoàn ; số đoàn viên ưu tú mà Đoàn giới thiệu cho Đảng ngày một nhiều hơn, có chất lượng cao hơn.

---

(2) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII) về công tác thanh niên trong thời kỳ mới* - Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ (khóa VII), Hà nội, 2-1993, tr 83

Digitized by Google

NHÂN ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

CHUNG QUANH VẤN ĐỀ ĐẢNG LÃNH ĐẠO BÁO CHÍ

HÀ XUÂN TRƯỜNG

I

Một số người đặt vấn đề : đã có pháp luật rồi, sao lại còn phải có sự lãnh đạo của Đảng? Đảng lãnh đạo có làm hạn chế tự do dân chủ của báo chí, có tạo nên cái gọi là sự "chỉ huy" báo chí không ? ("chỉ huy" hiểu theo nghĩa rập khuôn, làm theo gậy của người cầm càng).

Thực tế bác bỏ lập luận sai lầm đó. Hiện nay nước ta có 350 báo và tạp chí với 350 triệu bản in, trong đó có 8 báo ngày (2 tờ bằng tiếng nước ngoài), nhiều tờ ra mỗi tuần 3, 4 số, có 38 loại báo chí bằng tiếng nước ngoài. Riêng thành phố Hồ Chí Minh có 38 báo chính và 14 báo phụ theo dạng cuối tuần, cuối tháng. Tuyệt đại bộ phận báo chí đã thực hiện hạch toán kinh tế, thoát khỏi tình trạng bao cấp trước đây. Các tổng biên tập hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chủ quản về báo chí do mình phụ trách. Với một tình hình như vậy nói đến việc "chỉ huy" báo chí theo ý nghĩa trên là không thể có.

Dưới mọi chế độ, công khai nói ra hay không, đảng cầm quyền bao giờ cũng tìm cách "nắm" cho được báo chí mà các nước phương Tây gọi là "quyền lực thứ tư". Lãnh đạo báo chí là yêu cầu đương nhiên của một đảng cầm quyền.

Lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng là hai việc khác nhau. Quản lý là chỉ đạo trên cơ sở những quy định càng cụ thể bao nhiêu càng thuận lợi bấy nhiêu ; những quy định ấy phải thành pháp luật, một hệ thống pháp luật đầy đủ và đồng bộ vừa đảm bảo sự thống nhất quản lý của nhà nước, vừa đảm bảo quyền tự do báo chí, quyền được tạo điều kiện và được bảo vệ khi hành nghề của nhà báo. Lãnh đạo là định hướng những mục tiêu, đề ra những nguyên tắc (nếu cần cả phương pháp) để thực hiện những mục tiêu đó ; là kiểm tra việc thực hiện những mục tiêu, những nguyên tắc đó của các cơ quan quản lý. Đảng cầm quyền cử người và rút người của mình (đảng viên) ở những chức vụ quan trọng của nhà nước do Hiến pháp quy định. Do đó Đảng phải làm *hai việc lớn* gần như hữu cơ (nghĩa là "không phải là một") với hai bộ máy khác nhau (bộ máy *quản lý* và bộ máy *lãnh đạo*) : 1) cầm quyền (thông qua nhà nước) ; 2) lãnh đạo nhà nước và nhân dân.

Đã là nhà nước thì bất cứ nhà nước nào cũng phải làm chức năng cai trị, nói cách khác là quản lý theo những định hướng nhất định của giai cấp cầm quyền (độc quyền của một giai cấp hoặc liên minh nhiều giai cấp do tương quan giữa các giai cấp quyết định), đồng thời phải đáp ứng được trên một chừng mực nhất định quyền lợi chung của xã hội, một mẫu số chung mà mọi người có thể chấp nhận, một điều cần thiết cho sự ổn định chính trị. Đảng không cai trị. Khái niệm "Đảng cầm quyền" là Đảng thông qua chính quyền để thực hiện đường lối của mình. Do đó *phương pháp lãnh đạo* của Đảng hết sức quan trọng. Làm thế nào để lắng nghe được ý kiến của dân, thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân, làm thế nào để không tự biến mình thành độc tài, điều đó đòi hỏi Đảng phải có một phương pháp rất khoa học thể hiện ở hệ thống tổ chức, cách thức làm việc. Khái niệm "lề lối làm việc" mà X.Y.Z (bút danh của Bác Hồ) bàn trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, chính là để nói những vấn đề này. Tóm lại, nội hàm của khái niệm "Đảng lãnh đạo" bao gồm : 1) Mục tiêu (trước mắt và lâu dài) do Đảng đề ra ; 2) Phương pháp lãnh đạo (bao gồm cả tổ chức, cơ cấu, cơ chế...) ; 3) Chọn người đảm nhiệm công việc được giao ; 4) Kiểm tra thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Bài này nói riêng về Đảng lãnh đạo báo chí.

II

"Báo chí là công cụ của Đảng đồng thời là diễn đàn của nhân dân", luận điểm đó trước hết

Digitized by Google

nói về báo chí (bao gồm cả phát thanh và truyền hình) dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của các cơ quan của Đảng, báo chí của trung ương cũng như báo chí địa phương. Luận điểm đó cũng có thể áp dụng đối với báo chí của các đoàn thể quần chúng của Đảng như Tổng công đoàn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nông dân với ý nghĩa đã mở rộng... Luận điểm đó không thể áp dụng đối với các báo chí của các hội mang tính tôn giáo hay khoa học kỹ thuật, các hoạt động chuyên ngành. Những báo chí này có mục đích và đối tượng riêng của mình, chịu sự quản lý và lãnh đạo của các cơ quan, tổ chức chủ quản của mình. Như vậy không có nghĩa là những báo chí này thoát ly hoàn toàn khỏi sự lãnh đạo của Đảng, vì tất cả đều phải tuân theo luật pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, nằm trong hệ thống chính trị-xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực tế đó đòi hỏi Đảng phải có những hình thức lãnh đạo khác nhau đối với từng loại báo chí.

Lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo toàn diện, nhưng chủ yếu vẫn là lãnh đạo chính trị. Mục tiêu phải đạt tới là làm sao báo chí không đi chệch đường lối chính trị của Đảng, tập trung thực hiện, xây dựng, đóng góp tích cực cho đường lối đó ngày một phong phú hơn, có hiệu quả hơn. Đảng cầm quyền chủ yếu lãnh đạo thông qua việc thi hành luật pháp và quản lý của Nhà nước. Đồng thời Đảng phải sử dụng báo chí của mình góp phần chỉ đạo thực sự đối với toàn bộ hoạt động báo chí trên cả nước, không chỉ về chính trị mà còn cả về nghiệp vụ. Các báo chí của Đảng phải là ngọn cờ tiền phong của mặt trận báo chí, trên các phương diện. Tôi lấy ví dụ báo *Nhân dân*, tờ báo hàng ngày và *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương ĐCS Việt nam. Nội dung, cách thể hiện của chúng không giống nhau do tính chất nghiệp vụ của chúng khác nhau, yêu cầu của bạn đọc đối với chúng cũng khác nhau. Trước hết, chúng phải làm nhiệm vụ mà Trung ương Đảng giao một cách xuất sắc, đồng thời phải làm vai trò tiên phong trên mặt trận báo chí về mặt nghiệp vụ. Đối với báo *Nhân dân*, thông tin phải kịp thời, nhiều chiều nhưng có định hướng rõ rệt. Yêu cầu đối với hai cơ quan ngôn luận là bài, tin phải sắc sảo, phát hiện nhạy bén và giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề cuộc sống đang đặt ra. Trong tình hình hiện nay, trước những sự tiến công tư tưởng từ nhiều phía vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng, báo *Nhân dân* và *Tạp chí Cộng sản* phải phối hợp với nhau đấu tranh kịp thời, có sức thuyết phục cao, phấn đấu có những bài mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Về nghiệp vụ báo chí, trách nhiệm của báo *Nhân dân* và *Tạp chí Cộng sản* còn phải thể hiện ở khâu in, trình bày, phát hành, quảng cáo, v.v.. Vai trò tiên phong này có được không phải do sự độc quyền lãnh đạo của Đảng, mà do nỗ lực, tài năng của đội ngũ những người làm báo của Đảng. Nó không phải là sự tự phong mà được đồng nghiệp công nhận, quần chúng đồng tình.

Tuy vậy, để thực hiện vai trò kiểm tra của Đảng đối với việc quản lý báo chí của Nhà nước cũng như sự thực thi đường lối chính trị và báo chí, Trung ương Đảng có tham mưu của mình. Ở nước ta, Ban tư tưởng-văn hóa các cấp làm nhiệm vụ này. Chức năng của Ban tư tưởng-văn hóa không phải can thiệp vào công việc nội bộ của các báo, mà là bàn bạc, nhắc nhở trực tiếp trên quan hệ đồng nghiệp và thông qua các cơ quan của Đảng (đảng đoàn, ban cán sự), thông qua các đảng viên đang công tác ở các báo chí. Ở phần trên, chúng tôi đã phân biệt chức năng quản lý của Nhà nước và chức năng lãnh đạo của Đảng, ở đây, chúng tôi thấy cần phải nhắc lại là lãnh đạo không phải là cai trị. Cai trị thì bằng pháp luật, còn lãnh đạo là bằng kiểm tra và thuyết phục. Vì vậy mệnh lệnh và hành chính là tuyệt đối xa lạ với sự lãnh đạo của Đảng.

Chúng ta không phủ nhận quyền tự do dân chủ của báo chí ở phương Tây, nhưng không thể đồng tình với quan điểm lấy tư nhân có quyền ra báo và làm xuất bản làm tiêu chuẩn cho tự do báo chí, cũng như không thể đồng tình rằng chỉ có thực hiện "đa nguyên đa đảng" mới thực sự dân chủ. Quyền tự do dân chủ không thể đo được bằng khẩu hiệu và tuyên truyền, mà được đo bằng luật pháp và việc thực thi luật pháp, bằng quyền lãnh đạo nhà nước thuộc về ai. Báo chí nước ta đang trên đà phát triển, và quyền tự do báo chí là thực sự, báo chí đã và đang đóng một vai trò ngày càng lớn trong xã hội nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Ở nước ta có một đảng lãnh đạo nhưng không có độc quyền báo chí, trong lúc ở các nước phương Tây theo chế độ đa nguyên đa đảng thì báo chí ngày càng theo xu hướng độc quyền. Ở Vương quốc Anh, nơi tự hào có truyền thống tự do báo chí vào loại lâu đời ở châu Âu, đài BBC đã phàn nàn rằng hiện nay bốn công ty độc quyền thông tin đại chúng kiểm soát 80% toàn bộ thông tin báo chí nước Anh. Tình trạng đó cũng không khác hơn ở Mỹ, ở Ý, ở Pháp và những nước tư bản được mệnh danh là "nước phát triển" khác, tuyệt đại bộ phận thông tin, báo chí ở trong tay của một số rất ít công ty độc quyền có quan hệ chặt chẽ với hoặc bị chi phối bởi thế lực tư bản tài chính-

Digitized by Google

thế lực thực tế cầm quyền dù dưới danh nghĩa của đảng này hay đảng khác theo chế độ đa đảng. Ai nắm tiền, kẻ ấy chi phối báo chí, điều đó nằm trong quy luật của chủ nghĩa tư bản.

Ở nước ta, một quy luật khác (lấy quyền làm chủ của nhân dân làm cơ sở và mục tiêu cho mọi pháp luật và thực thi pháp luật) đang dần dần ngự trị. Tuy vậy, ta vẫn không được tự mãn và khép mình vào một khuôn phép bất biến. Tự do dân chủ nói chung và tự do dân chủ báo chí nói riêng phụ thuộc vào những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của từng thời kỳ lịch sử nhất định. Chúng ta đã có luật báo chí, đồng thời cũng đã có nhiều chỉ thị và nghị quyết của Đảng về báo chí nhằm phát huy tự do dân chủ báo chí trong phạm vi pháp luật đã định. Nhưng trên thực tế còn nhiều điều phải thảo luận để đảm bảo quyền tự do dân chủ của báo chí, của người làm báo, cũng như còn nhiều điều cần phải chỉnh đốn trong đội ngũ người làm báo, nhất là về mặt đạo đức, còn nhiều điều cần được điều chỉnh trong tổ chức của Hội nhà báo Việt nam cho sát hợp với tình hình đất nước và thế giới.

III

Một tình hình cần được chú ý thích đáng để sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí không bị động, đó là Đảng và Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa trên cả hai mặt trí tuệ và vật chất (kỹ thuật, tài chính) cho lĩnh vực thông tin đại chúng (ở bài này không bàn đến vấn đề xuất bản, một vấn đề không kém quan trọng so với báo chí).

Sự phát triển nhanh chóng trên nhiều mặt của báo chí ta đang bộc lộ những nhược điểm lớn như : không ít tờ báo và tạp chí coi nhẹ nhiệm vụ tư tưởng-chính trị, chạy theo thị hiếu giải trí tầm thường của tầng lớp tiểu thị dân mới sống thực dụng. Không ít báo tuần và tạp chí trùng lặp, giẫm chân lên nhau về những tin giật gân trong nước và ngoài nước, khai thác nhiều những cuộc tình ái, đời sống sa đọa của một số diễn viên, ca sĩ trẻ của phương Tây, thậm chí đang dưới dạng "phê phán" cả những tranh, những câu chuyện về tình dục trên báo chuyên về tình dục của Mỹ. Chỉ một bộ sưu tập làm tình của Ma-đô-na, chỉ một chuyện tình duyên của Mai-cơn Giác-xơn mà nhiều báo đưa tin, đăng bài giống nhau. Nhiều báo chí trùng lặp về cả cách trình bày, sử dụng màu sắc ; các báo cuối tuần, các đặc san hàng tháng hầu như không bao giờ thiếu bóng phụ nữ ăn mặc hở hang ở trên trang bìa. Đạt nhiều tờ báo và tạp chí bên nhau, nếu không nhìn tên gọi, thì rất khó phân biệt chúng với nhau.

Chúng ta thiếu hẳn một chính sách thông tin. Hầu hết những tin tức về những sự kiện thế giới là bát từ nguồn tin của các hãng thông tin và báo chí nước ngoài, thậm chí những tin tức từ nước láng giềng kề sát nước ta cũng sao chép từ tin của nước ngoài. Có thể nói, chúng ta đang bị khống chế bởi tin tức từ nước ngoài. Ngay những tin trong nước, nhiều tin báo ta đưa chậm và không đầy đủ bằng các hãng thông tin nước ngoài có mặt ở nước ta. Ở nước ta, chỉ có Thông tấn xã Việt nam có phóng viên ở một số nước, báo *Nhân dân* có vài ba phóng viên thường trú ở nước ngoài. Phóng viên chiến tranh của ta không ít, nhưng có lẽ ta chưa có một nhà báo nào có mặt cùng với các bạn đồng nghiệp ở nước ngoài xông pha ở những điểm nóng bỏng của thế giới. Nếu nói về "tụt hậu" thì "tụt hậu" về mặt thông tin là sự tụt hậu rất lớn. Trong cuộc cạnh tranh kinh tế, trong cuộc đấu tranh chính trị hiện nay, ai nắm được thông tin nhanh, chính xác nhất, là đã thắng một nửa. Đầu tư cho phương tiện dịch vụ thông tin viễn thông là cần thiết, nhưng không quan tâm đầu tư cho "sản xuất thông tin" là thiếu sót có ảnh hưởng tiêu cực đến sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước ta.

Luật về báo chí và xuất bản đã ban hành trên hai năm nay, mà chỉ nghe những tiếng "kêu" từ cơ quan quản lý báo chí, Ban tham mưu của Đảng đối với một số tờ báo, từ bạn đọc kêu báo chí đến các nhà báo kêu lẫn nhau, nhưng luật pháp lại không đụng đến. Nghị định kèm theo Luật báo chí quy định "diện tích in quảng cáo không vượt quá 10% tổng diện tích báo chí in", "không được đăng quảng cáo trên bìa của tạp chí, trên trang 1 của báo, vậy mà có không ít báo hàng tuần hoặc tuần hai kỳ quảng cáo đến 40%, thậm chí 50% hoặc trên mức đó, và quảng cáo bất cứ trang nào. Về báo chí, Nhà nước ta không cho "liên doanh" với nước ngoài, nhưng một số tờ báo vẫn nhận vốn đầu tư mang tính "liên doanh". Chưa nói đến việc tư nhân lợi dụng những sơ hở, "bí mật" ra báo dưới danh nghĩa các đoàn thể. Có tờ báo của người nước ngoài không có giấy phép mà với số lượng lớn ngang nhiên phát hành, bất chấp lệnh của Bộ chủ quản báo chí và xuất bản Việt nam. Ta thường tự phê bình là buông lỏng lãnh đạo và quản lý. Tôi cho rằng, nói buông lỏng là xuê xoa, phải nói rằng ta *thiếu kỷ cương*. Nói nghiêm hơn, có luật mà không thi hành luật, thực chất là "vô chính phủ".

Hiện nay đang có một lực lượng báo chí khá lớn của người Việt nam ở nước ngoài. Người ta tính đến hàng mấy trăm tờ báo và tạp chí bằng tiếng Việt với những dòng khác nhau, thậm chí

Digitized by Google

chống nhau. Có dòng hoàn toàn ủng hộ đường lối của Đảng và Mặt trận Tổ quốc trong nước ; có dòng cùng đi với chúng ta nhưng còn phân vân ; có đòng với chiêu bài "hòa hợp" nhưng trên thực tế chống lại chúng ta một cách tinh vi ; có dòng công khai chống đối chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đổi mới của đất nước. Tôi thiết nghĩ với chính sách mặt trận rộng rãi, Đảng ta cần có phương thức lãnh đạo thích hợp nhằm tập hợp những lực lượng lành mạnh chung quanh các tổ chức người Việt yêu nước ở nước ngoài. Chúng ta không phân biệt đối xử đối với những ý kiến khác nhau, chúng ta cần sự đồng tình, không chống dị biệt, miễn đó là những tiếng nói xây dựng, đoàn kết vì lợi ích của Tổ quốc Việt nam. Nhưng chúng ta không thể làm ngơ để cho một số tờ báo kết hợp với những phần tử chống đối trong nước bôi xấu chế độ ta, xuyên tạc tình hình đất nước, len lỏi về nước truyền bá những luận điệu kích động chống đối. Nếu thông tin quốc tế vào ta tuyệt đại bộ phận từ các hãng thông tin và báo chí nước ngoài, thì thông tin từ trong nước ra nước ngoài, cho cả kiều bào ta cũng rất kém, gần như phó mặc cho báo chí nước ngoài và những tờ báo có khuynh hướng xấu của người Việt ở nước ngoài. Ta chưa có được những tờ báo bằng tiếng Việt cũng như bằng tiếng nước ngoài chững chạc, có uy tín nhằm đối tượng người nước ngoài và kiều bào. Đây là một lỗ hổng lớn trong công tác thông tin - báo chí của ta hiện nay. Lãnh đạo ở đây là biết tôn trọng những ý kiến khác nhau, nghiên cứu chúng, chọn lọc chúng, biết đâu là chân tình, đâu là giả dối, vừa tạo cho tiếng nói chân chính có chỗ đứng vững vàng, tin cậy, vừa tạo nên được cái chung lớn phù hợp với mọi người yêu nước, vì chủ nghĩa xã hội. Lãnh đạo ở dây là giữa những khuynh hướng hỗn tạp, tạo ra được khuynh hướng chủ lưu có cảm tình với Đảng, đồng tình với đường lối của Đảng.

IV

Trên lĩnh vực nào cũng vậy, để hiểu đúng cái hiện nay, phải hiểu đúng cái quá khứ. Đối với người làm báo Việt nam, hiểu biết lịch sử báo chí Việt nam một cách chính xác là một yêu cầu vừa tư tưởng vừa nghiệp vụ. Đảng lãnh đạo báo chí không thể không quan tâm đến lịch sử báo chí Việt nam, trong đó có lịch sử báo chí cách mạng Việt nam. Hiện nay, ở nước ta có Phân viện báo chí và tuyên truyền (thuộc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), lại có khoa báo chí ở Trường đại học tổng hợp Hà nội và TP Hồ Chí Minh ; ngoài ra, còn có lớp ngắn hạn do Hội nhà báo Việt nam hoặc do một cơ quan báo mở nhằm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, vậy mà chưa có một quyển lịch sử chính thức về báo chí Việt nam. Giảng dạy lịch sử báo chí còn tùy vào quan điểm và tư liệu có được của từng giảng viên.

Gần đây, tình cờ tôi được đọc một tài liệu về lịch sử báo chí ở ta từ sau 1975 đến nay. Tác giả lấy "cơ chế bao cấp" để phân biệt với thời kỳ đổi mới. Theo tác giả người làm báo dưới thời kỳ bao cấp là "không có tự do" và tác giả vẽ nên một tình hình "xám xịt" không có thực của báo chí của cái "thời gọi là bao cấp" ấy. Cách lập luận của tác giả tương tự như một quan điểm sai lầm trong văn học mấy năm gần đây coi văn học trước thời kỳ đổi mới là "minh họa chính sách của Đảng", "một thứ văn học mà nghệ thuật bị hy sinh", tóm lại không phải là "văn học đích thực". Cơ chế bao cấp và cơ chế thị trường trong kinh tế có tác động không nhỏ (tích cực và tiêu cực) đến hoạt động báo chí, nhưng lấy chúng làm ranh giới để "phân kỳ" lịch sử báo chí là việc làm không thích hợp. Hơn nữa, phủ định quyền tự do dân chủ của báo chí, tính trung thực chủ động của đại bộ phận người làm báo, vai trò đóng góp của báo chí vào sự phát triển của đất nước, trong đó có sự chuyển đổi cơ chế ở cái thời bao cấp ấy, là hoàn toàn sai lầm. Tôi sẽ đi xa chủ đề của bài này, nếu tiếp tục bàn về lịch sử báo chí. Để cập vấn đề này, tôi chỉ muốn nhấn mạnh tới tầm quan trọng của một bộ lịch sử báo chí Việt nam, tới vai trò của việc giáo dục lịch sử báo chí đối với đào tạo người làm báo, nó không chỉ là kiến thức, nó còn là lập trường, quan điểm của người làm báo về tư tưởng-văn hóa- vấn đề thuộc phạm vi lãnh đạo của Đảng cầm quyền.

Để kết thúc, tôi muốn nói tới vấn đề đào tạo đội ngũ những người làm báo cốt cán của Đảng và nói chung cho lực lượng báo chí ở nước ta. Làm báo là một nghề, lại là một nghề khó nhất, đòi hỏi kiến thức rộng, ít nhất phải biết thông thạo một hoặc hai thứ tiếng nước ngoài, lại có chuyên ngành, lòng trung thực, tinh thần dũng cảm đấu tranh cho sự thật, cho chân lý đến mức quên mình. Nghề làm báo là nghề gắn bó với chính trị nhất, nhiều khi nó với chính trị như là một, nên định hướng phải rất rõ, nói cách khác, một nghề đòi hỏi lập trường kiên định. Có một đội ngũ làm báo giỏi, trung thành, là cái gốc để đảm bảo đúng đắn và sáng tạo cho sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận báo chí.

Digitized by Google

Báo chí Liên xô và những đảo lộn chính trị năm 1991

TẠ NGỌC TẤN *

MÙA thu năm 1991 được coi là thời điểm đổ vỡ của Liên bang xô viết - một quốc gia thống nhất đã từng tồn tại, phát triển hùng mạnh trong suốt ba phần tư thế kỷ. Nguyên nhân của sự kiện đó là gì ? Tại sao một cường quốc hùng mạnh như thế lại sụp đổ trong chốc lát ? Tại sao một chế độ xã hội từng được cả loài người tiến bộ hướng tới, tin tưởng và ngưỡng mộ lại có thể tan rã không phương cứu chữa ? Tất cả những câu hỏi đó đã được đề cập, và chắc sẽ còn được nghiên cứu, xem xét dưới nhiều bình diện khác nhau. Câu trả lời khách quan, hợp lý cho các câu hỏi ấy cũng chính là bài học lịch sử đối với các thể chế chính trị-xã hội hiện tại và tương lai. Trong bài này, tôi chỉ xin đề cập một số vấn đề liên quan đến vai trò của các phương tiện thông tin báo chí trong thảm kịch chính trị đó.

1- Từ giữa năm 1985, cùng với việc M.X. Goóc-ba-trốp lên làm Tổng bí thư UBTU Đảng cộng sản Liên xô, công cuộc "cải tổ" của đất nước khổng lồ này bắt đầu được vận hành với sinh lực mới. Một loạt giải pháp đã được đề ra nhằm bảo đảm cho sự thực hiện thắng lợi đường lối cải tổ với những cái "hóa" hấp dẫn : "dân chủ hóa", "công khai hóa", "trẻ hóa"... Cảm giác ban đầu là không khí chung trong xã hội cởi mở hơn, dễ chịu hơn. Tổng bí thư tuyên bố "không có bất cứ một vùng cấm nào" đối với báo chí trong việc phê bình, phát hiện những khuyết điểm, sự bảo thủ và bệnh quan liêu. Đó là phương hướng căn bản của đường lối cải tổ do ông ta phát động.

"Công khai hóa" lúc đầu được coi như một điều kiện để tích cực hóa đời sống xã hội, hạn chế tiêu cực, phát huy ý thức công dân của mọi người xô viết. Nó như một cánh cửa rộng mở trước công luận xã hội mà đại diện có khả năng và ưu thế tuyệt đối là báo chí. Mảnh đất đầu tiên mà nhiều tờ báo lúc đó quan tâm là lịch sử. Thực thế, lịch sử là mảnh đất dễ "cày xới" nhất, ít đụng chạm đến các thế lực xã hội hiện thời. Mới đầu là những tài liệu, bài viết nhẹ nhàng nhắc đến nỗi oan khiên của một số người đang còn sống hoặc đã qua đời mà "tội lỗi" của họ vào loại nhẹ. Báo chí đã góp phần vào việc giải oan, phục hồi danh dự cho một số người. Viện sĩ Xa-kha-rốp là một trường hợp. Ông là nhà vật lý hạt nhân, hai lần được giải thưởng quốc gia về các công trình nghiên cứu và thực nghiệm trong lĩnh vực hạt nhân nguyên tử, và được giải thưởng Nô-ben về hòa bình. Giải thưởng Nô-ben này được coi không khác gì sự kích động nhằm vào vấn đề nhân quyền ở Liên xô. Năm 1986, theo lệnh của Goóc-ba-trốp, Xa-kha-rốp được giải phóng khỏi thành phố Goóc-ki - nơi ông bị quản thúc - để trở về Mát-xcơ-va tham gia Xô viết tối cao Liên xô.

Súng chỉ thực sự nổ vào lịch sử khi có nhiều tờ báo và tạp chí đào bới tất cả những gì liên quan đến lý lịch chính trị cũng như đời tư của Xta-lin. Trong lịch sử Liên xô, "vấn đề Xta-lin" vốn là một vấn đề hết sức tế nhị, phức tạp, liên quan đến nhiều điều bí ẩn chưa được giải đáp thỏa đáng, đến số phận của một loạt các nhân vật nổi tiếng như Bu-kha-rin, Ca-mê-nép, Di-nô-vi-ép, Tơ-rốt-xki v.v. và những oan khiên, ấm ức của không ít người đang còn sống. Trên các phương tiện báo chí, phát thanh, truyền hình, người ta nêu ra đủ điều về cuộc đời của Xta-lin và gia đình ông, đưa ra cả những điều liên quan đến Xta-lin vẫn được coi là bí mật quốc gia như hiệp ước Mô-lô-tốp - Ri-ben-tơ-rốp, phản ứng của Xta-lin khi phát xít Đức tấn công Liên xô, những trại giam thanh trừng nội bộ ở vùng băng lạnh Xi-bia... Tất cả những gì trước đây người ta ca ngợi, sùng bái đối với Xta-lin, nay đều bị lật ngược hoàn toàn. Mọi giá trị được cân đong, đo đếm từ mặt trái. Con người Xta-lin được phơi bày ra trước công luận như một kẻ độc tài, vị kỷ, ham hố quyền lực, thiếu văn hóa, thừa âm mưu, thiếu lòng tốt và thừa sự nham hiểm, độc ác !

Vấn đề đặt ra là người ta không chỉ nhằm vào cá nhân Xta-lin mà còn nhằm vào Đảng và chính quyền xô viết. Từ cá nhân Xta-lin, người ta đòi viết lại lịch sử Đảng, nghi ngờ khả năng công bằng, dân chủ của chế độ và khơi lại những thù hằn giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp người - những vết thương tưởng đã kín miệng theo thời gian. Từ tình hình đó, trong bài diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (11-1987), ông

* Quyền Trưởng khoa báo chí, Phân viện báo chí và tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

Goóc-ba-trốp cho rằng việc đánh giá Xta-lin phải công bằng, phải thấy cả công và tội, thấy được những đóng góp có ý nghĩa to lớn, không thể phủ nhận của Xta-lin trong lịch sử của Đảng và Nhà nước Liên xô.

Hầu như lời kêu gọi của Goóc-ba-trốp không mấy tác động vào giới báo chí. Thực ra ông ta chỉ "khuyến nhủ" mà không hề có những biện pháp cụ thể đòi hỏi báo chí đi đúng đường hướng. Bằng chứng là không chỉ Xta-lin mà đến lượt Brê-giơ-nép cũng trở thành mục tiêu đả đích của báo chí. Các tờ *Tin tức Mát-xcơ-va*, *Ngọn lửa nhỏ*, *Bằng chứng và sự kiện*, *Ở nước ngoài*, đài truyền hình Lê-nin-grát... bới móc tiểu sử, phê phán các hành vi chính trị - xã hội và cả những khiếm khuyết về ngôn ngữ của ông. Trên chương trình truyền hình của đài Ô-xtan-ki-nô, một nghệ sĩ hài đã nhại lại giọng nói của ông trong lễ trao giải thưởng quốc gia cho các hồi ký *Đất nhỏ*, *Giải phóng*, *Đất hoang*. Và tất cả mọi người đã cười chế giễu con người mà hôm qua họ còn tôn sùng, ngưỡng mộ.

Bằng việc phê phán Brê-giơ-nép, nhiều tờ báo đã chĩa vào "sườn" những người lãnh đạo tối cao đương thời. Một lẽ dễ hiểu và điều này được dư luận nhắc đến một cách "tế nhị" là các nhà lãnh đạo hiện thời đều trưởng thành trong thời kỳ Brê-giơ-nép đương quyền, thậm chí được ông dìu dắt nâng đỡ, cho nên họ cũng cùng "kiểu", "loại" với ông. Tuy nhiên, nhiều người lãnh đạo Đảng và các cấp chính quyền đều bỏ qua, không có biện pháp ngăn cản.

Tới thời điểm này, mũi súng "công khai hóa" của báo chí không chỉ nhằm vào lịch sử mà còn quay dần sang thể chế xã hội hiện thời. Cùng với những quá trình diễn biến tâm lý phức tạp trong xã hội Liên xô, người ta có cảm giác là báo chí đã bị lợi dụng, bị biến thành những khẩu đại bác nhằm bắn vào dinh lũy chế độ cộng sản.

2- Trong khoảng hai năm trước khi Liên xô tan rã, trên hệ thống thông tin đại chúng thường xuyên xuất hiện các thông tin về nước Mỹ và các nước phương Tây. Đó là những phóng sự truyền hình về sản xuất nông nghiệp kiểu trang trại, về các trường học phổ thông khang trang lịch sự, về những cuộc gặp gỡ, trại hè của học sinh Xô-Mỹ, những cuộc thi đấu thể thao giữa vận động viên hai nước v.v.. Tất cả đều là một màu sắc rực rỡ, tình cảm đằm ấm, hữu nghị. Nước Mỹ hiện ra trên báo chí Liên xô thời đó ở bề mặt chói sáng, như một đất nước mẫu mực về tổ chức xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa. Không hề có sự phân biệt chủng tộc giữa người da đen và người da trắng, không hề có sự khác biệt giàu nghèo cùng những bất công xã hội, sự hoành hành của tội ác và nỗi thống khổ của những công dân Mỹ vô gia cư v.v.. Sự không chân thực trong thông tin ấy dường như lại là một thứ nước ngọt dễ chịu đối với công chúng xô viết lúc bấy giờ, khi mà họ đang phải vật vã với những khó khăn hàng ngày như giá cả tăng vọt, hàng hóa đắt đỏ và khan hiếm, trộm cướp, bạo lực nổi lên hoành hành... Tâm lý của họ lại bị dồn nén bởi tình trạng bất ổn định, tình trạng tham nhũng tràn lan trong tất cả các lĩnh vực đời sống của đất nước hàng ngày phơi bày trên các cột báo, các chương trình phát thanh, truyền hình. Những thứ đó chẳng khác gì quả đắng. Rõ ràng báo chí đã tạo ra cả "ánh sáng" và "bóng tối", cả "nước ngọt" và "quả đắng" để cho người dân có cái mà so sánh, lựa chọn. Người ta thấy rất rõ có sự tung hứng lẫn nhau giữa hai phía báo chí Liên xô (lúc đó) và báo chí Mỹ. Báo chí Mỹ công bố lại các bài báo của Liên xô có nội dung liên quan đến những vấn đề lịch sử và nội bộ giới lãnh đạo đương thời. Nhiều bài được khen là trung thực, một số tác giả được ca ngợi là dũng cảm, đảm bảy nhà báo được mời đi Mỹ. Những chuyến đi Mỹ quả có sức hút mạnh mẽ cả về tinh thần lẫn vật chất. Đến lượt mình, báo chí Liên xô lúc đó cũng sử dụng y nguyên phương thức đó. Các nhà báo được coi là "đổi mới" ca ngợi các bài báo của các tác giả Mỹ là "sự đánh giá trung thực" đối với xã hội xô viết. Họ đặc biệt chú ý khai thác quan điểm của các công dân, chính trị gia, nhà văn, nghệ sĩ Liên xô đã rời bỏ Tổ quốc sang sống tại Mỹ vì lý do chính trị hay kinh tế. Nếu trước kia, người ta không muốn nhắc đến những người này, thì giờ đây nói đến tên tuổi của họ, bàn luận về những ý kiến của họ lại trở thành một cái mốt thời thượng. Nếu còn một chút ngại ngần vì tính chất quá khích của vấn đề thì người ta chụp lên trên bài báo chữ "tham khảo" cho yên tâm. Chính dưới cái mũ đó, tờ *Văn học* đã đăng lại một bài trả lời phỏng vấn của Xôn-gien-nhít-xưn, trong đó tác giả làng mạ Lê-nin, cho rằng Người không phải là một trí thức Nga, rằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga chỉ là một cuộc đảo chính v.v..

Rõ ràng là việc giao lưu báo chí Xô - Mỹ khi ấy đã mang những mục tiêu chính trị. Một số người hữu ý, một số khác do vô tình và cả không ít kẻ a dua nhảy vào mong kiếm chác. Với cái nhìn thiên lệch, méo mó, họ đã tung ra xã hội một hệ thống thông tin thiếu trung thực, không khách quan. Theo đà ấy, mỗi ngày, hệ thống báo chí lại nhỏ thêm một vài giọt "thuốc"kích động vào dư luận xã hội, làm cho cuộc sống vốn đã khó khăn càng thêm

Digitized by Google

ngột ngạt, bức bối. Hậu quả không thể tránh khỏi là sự xói mòn lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai của chế độ, hoặc tâm lý tiêu cực, bàng quan, thờ ơ trước những vấn đề đang đặt ra cho đất nước.

3- Việc báo chí khai quật lịch sử với cái nhìn xoi mói, chuyển cực thông tin nghiêng về phương Tây đã góp phần quan trọng tạo ra sự chia rẽ sâu sắc trong xã hội xô viết thời đó. Từ những bất đồng về thái độ, quan điểm đối với lịch sử đến những bất đồng về thái độ, quan điểm đối với đời sống chính trị - xã hội hiện thời hầu như không có ranh giới.

Trên các phương tiện thông tin đại chúng, người ta đang tải khéo léo các thông tin của báo chí phương Tây về sự chia rẽ trong giới lãnh đạo cao cấp của Liên xô ; về những quan điểm bảo thủ, chống cải tổ của một bí thư Trung ương Đảng, những tin đồn về một nhóm người âm mưu chiếm quyền lãnh đạo Đảng v.v.. Mỗi ngày qua đi, thêm một chút hoài nghi rót vào dư luận, rót vào hàng ngũ những người lãnh đạo. Không ai có thể sửa chữa những điều do báo chí làm nên, ngoài bản thân báo chí. Nhưng tiếc thay, báo chí không có ý định sửa chữa, và cũng không có ai ngăn cản điều ấy nữa.

Ở đâu đó, người ta vẫn còn tuyên bố là Đảng cộng sản Liên xô lãnh đạo báo chí. Nhưng trên thực tế, báo chí đã tuột khỏi tay Đảng, trở thành quá khích, phục vụ cho những mưu đồ chính trị không thuộc về Đảng.

Đầu năm 1990, riêng ở Mát-xcơ-va, người ta đã thống kê có quá nửa ngàn tờ báo các loại không chính thức. Đó là những tờ báo ra chui, không có giấy phép, in bằng đủ các kiểu, có số lượng phát từ vài trăm đến vài vạn bản. Trên các trang báo loại này, in đủ thứ chuyện: từ việc bà Rai-xa vợ ông Goóc-ba-trốp ăn cắp đút, ông Li-ga-trốp tham nhũng,... đến các câu chuyện tình nhảm nhí, những hành ảnh phụ nữ lõa thể, khêu gợi. Cùng với những chuyện đại loại như thế là các bản chính cương, tuyên bố, quan điểm chính thức của đủ thứ tổ chức mọc lên như nấm. Ở Lê-nin-grát (nay là Xanh Pê-téc-xbua) cũng có hàng trăm ấn phẩm kiểu đó.

Báo chí thực sự trở thành lĩnh vực sôi động nhất của xã hội. Nhiều tờ báo tung ra đủ thứ tin đồn ra về khách quan, đủ thứ hứa hẹn về thứ tự do kiểu phương Tây. Tuy nhiên, người xô viết chưa được chuẩn bị để tiêu hóa những thông tin đó, chưa đủ điều kiện để nhận thức những cái giá phải trả cho một cuộc phiêu lưu "tự do". Thực tế cũng cho thấy, các công dân của xã hội xô viết bao cấp thời đó chưa hiểu đầy đủ bản chất cũng như sức tác động khủng khiếp của báo chí.

Thông qua một số tờ báo và tạp chí, người ta đã vẽ nên một lịch sử tối tăm, đầy bất công, một hiện tại nhộn nhạo, mất trật tự, một tương lai mù mịt, và cố tình trưng ra trước công luận các nhân vật chính trị như những kẻ xấu xa nhất. Tiếc rằng có quá ít người làm báo và cơ quan báo chí còn đủ tỉnh táo để chỉ ra cho nhân dân thấy rõ bản chất của các vấn đề. Thậm chí, một số nhà báo muốn nhìn nhận sự việc một cách công bằng, tỉnh táo hơn, lập tức bị người ta cô lập, coi là thế lực bảo thủ. Các tổng biên tập cũ được cho nghỉ hưu hoặc thuyên chuyển công tác để nhường chỗ cho những người "cấp tiến", "tích cực" ủng hộ cải tổ. Trong số những người bất hạnh đó có cả tổng biên tập tờ *Sự thật* A-pha-na-xép.

Báo chí không chỉ làm cho xã hội bất ổn định, mà còn làm cho chính hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng trở nên lộn xộn về tổ chức, lệch lạc về nhận thức và quan điểm chính trị. Chính nhiều nhà báo cũng hoang mang trước bức tranh toàn cảnh của xã hội mà họ đã vẽ nên một cách không chân thực. Họ nghĩ ra ma để dọa người khác, song chính họ cũng sợ ma không kém.

Sau này, trong một loạt hồi ký, các nhà lãnh đạo hàng đầu của Đảng và Nhà nước Liên xô trước khi tan rã như Ru-giơ-cốp, Li-ga-trốp, Páp-lốp, Criu-scốp... đều thống nhất một nhận định là Goóc-ba-trốp đã sử dụng báo chí như một đội "hồng vệ binh" nhằm đánh gục các đối thủ, củng cố quyền lực cá nhân. Nếu điều ấy là có thật thì cũng chỉ là ở giai đoạn từ năm 1989 trở về trước. Trên thực tế, từ năm 1990 trở đi, hoạt động báo chí đã vượt ra ngoài vòng quản lý của bộ máy nhà nước đương thời, bị chia rẽ sâu sắc về quan điểm, thái độ đối với các vấn đề trong nước và quốc tế. Một số tờ báo trung thành với Đảng lúc đó như *Sự thật, Sao đỏ, Sự thật thanh niên*... bị coi là bảo thủ, trở thành những hòn đảo nhỏ nhoi giữa đại dương những tờ báo chính thức và không chính thức đua nhau phỉ báng chế độ.

Một số người nghiên cứu báo chí ở phương Tây thường so sánh báo chí như những loạt đại bác bắn phá vào dinh lũy chế độ khi nó đứng về phía thù địch, chống đối. Trong những đảo lộn chính trị ở Liên xô (trước đây), vai trò của báo chí còn đáng sợ hơn cả đại bác vì nó tạo ra những vụ nổ dây chuyền trong ý thức con người, làm mục ruỗng chỗ dựa tinh thần của chế độ từ bên trong cốt tủy, từ bên dưới nền móng./.

Digitized by Google

Đám cháy vùng CÁP-CA-DƠ

NGUYỄN THỊ HOA

TRÊ-SNI-A, vùng đất hẻo lánh, khu tự trị ở miền Bắc Cáp-ca-dơ thuộc lãnh thổ Nga đã lâm vào cuộc chiến bi thảm. Ngày 10-12-1994, quân đội Nga từ ba hướng đã áp sát, bao vây, tấn công Grô-dơ-nưi, thủ phủ nước cộng hòa Trê-sni-a, với mục đích "giải giáp vũ khí của các lực lượng phiến loạn", gây sức ép buộc chính phủ Đu-đai-ép của Trê-sni-a phải từ bỏ con đường ly khai. Không như dự kiến của các bên tham chiến, cuộc chiến tranh đã kéo dài, lúc quyết liệt, lúc tạm lắng dịu, nhưng trở nên rất phức tạp. Bây giờ tiếng súng tạm yên nhưng Grô-dơ-nưi và các khu vực ngoại vi đã bị tàn phá nặng nề vì người ta đã không phân biệt đâu là mục tiêu các khu quân sự, đâu là các khu dân cư. Tính từ đầu cuộc chiến tới nay, đã có hàng chục ngàn người bị thiệt mạng, hàng vạn người tị nạn sang các nước láng giềng, hàng chục vạn người không nhà cửa.

Ai cũng biết rằng, phải có lửa và có chất dễ bén lửa tiếp xúc với nhau mới gây ra đám cháy. Nguyên nhân của sự kiện này có nhiều, nổi bật ở một số khía cạnh sau :

Một là, Trê-sni-a có tầm quan trọng về mặt địa lý, kinh tế và chiến lược. Là nước cộng hòa nhỏ bé có diện tích 19,3 nghìn km^2 với số dân 1,2 triệu, Trê-sni-a nằm ngay trong lãnh thổ Nga, nối liền với các nước cộng hòa xô viết cũ ở vùng Cáp-ca-dơ, là cửa ngõ của vùng lòng chảo dầu lửa, có lượng dầu dự trữ to lớn. Hơn nữa, Trê-sni-a lại có đường thông ra biển Ca-xpi có tầm quan trọng chiến lược. Trê-sni-a nằm ở điểm nút quan trọng trong hệ thống huyết mạch của cả khu vực Cáp-ca-dơ. Đây chính là nơi chứa đựng tiềm năng về công nghiệp quốc phòng và công nghiệp dầu khí của Nga. Trong nhiều thập kỷ qua, Trê-sni-a đã từng là mục tiêu chiến lược mà nhiều thế lực mong muốn. Năm 1942, sau khi đánh chiếm được một số đỉnh cao của miền Bắc Cáp-ca-dơ, quân Đức đã oanh tạc những tháp khoan dầu quanh thành phố Grô-dơ-nưi, gây thiệt hại to lớn đối với Liên xô trước đây. Giờ đây, đường ống dẫn dầu tự nhiên đó đã trở thành mục tiêu quan trọng bậc nhất của các cuộc bán phá của cả hai phía tham chiến. Một số nhà phân tích cho rằng Nga đưa quân vào Trê-sni-a ngoài việc muốn giữ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ còn có mục đích giành quyền kiểm soát nguồn trữ lượng dầu khí ở khu vực này.

Hai là, vấn đề dân tộc, sắc tộc và tôn giáo ở đây vốn đã phức tạp, khi Trê-sni-a dựa vào khuynh hướng ly khai để tuyên bố độc lập thì chính những vấn đề tôn giáo và sắc tộc lại càng phức tạp hơn. Trê-sni-a gồm nhiều chủng tộc ở vùng Bắc Cáp-ca-dơ như Đa-ghe-xtan, In-gu-sê-tia, Ca-bra-đi-nô, Bac-ka-ri-a. Hai nước láng giềng In-gu-sê-ti-a và Đa-ghe-xtan cũng là nơi có nhiều người Trếc-tren sinh sống. Trê-sni-a gần với các nước cộng hòa xô viết cũ và với nước Nga cả về mặt địa lý, kinh tế, chính trị. Dù sống bên cạnh các dân tộc, chủng tộc anh em, người Trếc-tren vẫn có bản sắc riêng của mình. Người Trếc-tren có bản tính dân tộc rất cao. Lối sống cổ truyền cùng các truyền thống địa phương chiếm ưu thế rộng khắp đất nước, được lưu truyền, duy trì bền vững qua nhiều thế kỷ. Bản sắc dân tộc in đậm dấu ấn trong nền văn hóa, ngôn ngữ riêng, trong lịch sử lâu dài của Trê-sni-a. Mặc dù là một bộ phận của Liên bang Nga từ giữa thế kỷ 19, Trê-sni-a dường như chịu ảnh hưởng của Nga chỉ về mặt hình thức. Nơi đây đã diễn ra sự tác động, ảnh hưởng lẫn nhau giữa dân tộc Nga và các dân tộc thiểu số cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Người Trếc-tren ít mang tính chất "Nga hóa" hơn các dân tộc khác. Trong lịch sử của mình, đã nhiều lần người Trếc-tren đoàn kết chống lại Nga hoàng từ các thế kỷ 18, 19 và đầu thế kỷ 20. Người Trếc-tren gắn kết với nhau trên cơ sở nền văn hóa, huyết thống và cả tôn giáo. Vùng Trung Á và Cáp-ca-dơ là khu vực theo đạo Hồi. Đạo Hồi rất phổ biến ở Trê-sni-a, luôn có xu hướng không chịu bất cứ ảnh hưởng nào từ bên ngoài. Vấn đề phát sinh từ đấy. Yếu tố dân tộc và tôn giáo là một trong những nhân tố thúc đẩy xu hướng tách biệt Trê-sni-a khỏi Nga. Cuộc đối đầu giữa chính quyền trung ương Nga và chính phủ Trê-sni-a đã thực sự khởi nguồn từ sự xung đột về vấn đề dân tộc.

Ba là, mâu thuẫn giữa chính quyền Nga và chính phủ Đu-đai-ép kéo dài từ năm 1991. Ngay sau khi Trê-sni-a tuyên bố độc lập, Nga định tấn công Trê-sni-a nhằm chấm dứt sự ly khai đó, nhưng Quốc hội Nga không chấp thuận. Trong ba năm qua, Trê-sni-a là vấn đề nhức nhối chưa được giải quyết của nước Nga. Việc tuyên bố ly khai của Trê-sni-a là thách thức công khai, đe dọa sự bền vững, ổn định, an ninh, trật tự và toàn vẹn lãnh thổ của Liên bang Nga. Trong khi đó, nền kinh tế Trê-sni-a từ khi tuyên bố tách khỏi Liên bang Nga ngày càng gặp nhiều khó khăn. Thất nghiệp, lạm phát gia tăng, đời sống nhân dân không được cải thiện, có chiều hướng đi xuống. Từ năm 1993, nhiều phe nhóm đối lập với khối liên minh chính trị lỏng lẻo của chính phủ Đu-đai-ép đã nổi lên. Trê-sni-a cùng một lúc tồn tại ba chính phủ. Tình trạng tranh chấp quyền lực, xung đột vũ trang giữa các phe nhóm liên tiếp nổ ra, khiến Trê-sni-a luôn ở trong tình trạng căng thẳng.

Quả bom Trê-sni-a đã thực sự bùng nổ kể từ khi ông U. Áp-tua-kha-nốp, người đứng đầu chính quyền hành pháp huyện Nát-tê-rê-snưi (thuộc Trê-sni-a), tuyên bố thành lập Hội đồng lâm thời với mục đích lật đổ chính quyền Đu-đai-ép. Mâu thuẫn giữa các phe phái và thế lực bên trong Trê-sni-a và

Digitized by Google

mâu thuẫn giữa Nga với Trê-sni-a đã lên tới đỉnh điểm với việc Nga đưa quân vào Grô-dơ-nưi.

Bốn là, sự tan rã của Liên bang xô viết là nguyên nhân sâu xa nhất dẫn đến cuộc chiến tranh ở Trê-sni-a. Liên bang xô viết cũ là một quốc gia hùng mạnh liên kết hơn 100 dân tộc và bộ tộc, trải dài trên vùng đất rộng lớn từ phần lãnh thổ châu Âu sang châu Á. Các dân tộc ở Liên xô trước đây, tuy khác nhau về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, nhưng gắn bó, đoàn kết với nhau, cùng chung sức xây dựng một nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Sự tan rã của Liên bang xô viết đã làm đảo lộn hoàn toàn về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong lòng bản thân các nước cộng hòa. Các ý thức về quyền tự trị, về lịch sử, dân tộc, truyền thống cùng ý thức tự vệ đã ngày càng trỗi dậy mạnh mẽ ở một loạt nước cộng hòa xô viết cũ. Chính những tình cảm dân tộc đã khuấy động và tạo nên làn sóng ly khai mạnh mẽ từ các nước cộng hòa Ban-tích cho đến vùng ngoại Cáp-ca-dơ, vùng Trung Á và lan rộng ra các nơi khác. Những biểu hiện cuồng tín tôn giáo, chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa cơ hội được dịp nổi lên. Một số thế lực chính trị trong và ngoài nước đã lợi dụng nhân tố dân tộc, giật dây xúi giục, kích động tâm lý dân tộc và ảnh hưởng tôn giáo để phục vụ mục đích chính trị của mình.

Sự tan rã của Liên xô trước đây đã dẫn đến sự hình thành hàng chục quốc gia mới. Các quốc gia mới này lại bị đặt trước thách thức bởi những cuộc xung đột sắc tộc. Sau làn sóng đòi quyền tự trị của 15 nước cộng hòa, tháng 10-1991, Trê-sni-a đã tuyên bố độc lập, giải tán Xô viết tối cao và tiến hành bầu cử tổng thống.

Sự tan vỡ của Liên bang xô viết đã đẩy tới cuộc khủng hoảng triền miên trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở các nước cộng hòa xô viết cũ. Cuộc xung đột ở Môn-đô-va, Na-go-rơ-nưi Ca-ra-bác và bây giờ là cuộc nội chiến Trê-sni-a đã cho thấy việc giải quyết vấn đề xung đột dân tộc, sắc tộc không đơn giản. Sau cuộc chiến Trê-sni-a, 20 khu tự trị của lãnh thổ Nga bao gồm 25 triệu người không phải người Nga sẽ ra sao ? Đấy vẫn là một câu hỏi lớn.

Cuộc chiến ở Trê-sni-a cuối cùng cũng sẽ được giải quyết. Vấn đề là nó đã để lại **những di chứng và tổn thất lớn cho nước Nga và nhân dân Nga.**

Một là, cuộc chiến Trê-sni-a đã phá vỡ tình cảm gắn bó giữa các dân tộc anh em trong nước Nga, làm phai mờ hình ảnh đẹp đẽ của quân đội xô viết trước đây. Hơn 70 năm dưới chế độ xô viết, trên 100 dân tộc anh em ở trong và ngoài nước Nga đã từng chung sống hữu nghị, cùng chung chiến hào chống phát xít, cùng góp công góp sức xây dựng đất nước, nay lại cầm súng bắn giết nhau, huynh đệ tương tàn. Đây thực sự là vết thương đau đớn. Trong lịch sử Liên xô, quân đội được coi như một biểu tượng anh hùng, là niềm tự hào của nhân dân xô viết. Việc quân đội Nga can thiệp vào Trê-sni-a để chống "tội phạm có tổ chức", khôi phục lại trật tự hiến pháp là điều có vẻ hợp lý. Nhưng các cuộc ném bom của quân Nga vào các mục tiêu dân sự ở Trê-sni-a thì bị đặt thành vấn đề : họ có phải là người đang bảo vệ sự bình yên và hạnh phúc cho người dân hay không ? Ông X.Iu-sen-cốp, Chủ tịch Ủy ban quốc phòng của Đu-ma quốc gia Nga, khi phát biểu tại Mu-ních đã cho rằng : cuộc chiến tranh ở Trê-sni-a đã "không còn là công việc nội bộ của Nga mà nó mang quy mô tội ác chống con người". I-van Ba-bi-trốp, chỉ huy quân đội Nga ở biên giới phía tây Trê-sni-a thì nói : "Việc sử dụng quân đội chống lại những người dân yêu chuộng hòa bình, tự do là điều không thể tha thứ được. Khi tôi nhìn thấy các cụ già thì tôi nghĩ ngay đó là khuôn mặt của mẹ tôi".

Hai là, cuộc chiến ở Trê-sni-a đã tàn phá nặng nề nền kinh tế nước Nga. Theo tờ *Tin tức* của Nga, cho đến bây giờ, chiến tranh đã tiêu phí 4 nghìn tỉ rúp (1,14 tỉ đô la), khoảng 1% GDP của Nga. Cuộc khủng hoảng Trê-sni-a xảy ra vào thời điểm nước Nga đang trên con đường phục hồi và ổn định nền tài chính, là một đòn đánh mạnh vào nền kinh tế Nga. Bước vào cuộc chiến với niềm tin và quyết tâm thanh toán nhanh chóng "các phe nhóm vũ trang", nhưng thực tế không dễ dàng như phía Nga tưởng. Nước Nga bị sa lầy trong lòng bản thân mình. Chiến sự càng kéo dài thì chi phí cho cuộc chiến càng lên cao. Nước Nga đã tự tạo cho mình một gánh nặng khôn lường.

Ba là, những đòi hỏi ly khai ở Trê-sni-a có thể lan ra các vùng còn lại của miền Cáp-ca-dơ, làm trầm trọng thêm những xung đột và những tình cảm chống Nga. Từ cuộc chiến Trê-sni-a có thổi bùng lên thành đám cháy vùng Cáp-ca-dơ không ? Đó chính là điều mà nhiều người lo ngại. Trê-sni-a là một "lò thuốc súng" và là một thị trường buôn bán vũ khí mạnh nhất ở khu vực Bắc Cáp-ca-dơ. Cuộc chiến Trê-sni-a thực sự là đám cháy khó dập tắt hết.

Bốn là, cuộc tấn công vào Trê-sni-a là kết quả của mâu thuẫn dai đẳng giữa chính quyền Nga và chính phủ Đu-đai-ép. Nhưng đó mới chỉ là điểm khởi đầu. Cùng với những vấn đề do lịch sử để lại, những đi chứng sau cuộc chiến tranh này sẽ tiếp tục đè nặng lên chính quyền Nga. Đó là tình trạng bất ổn, hỗn độn sau chiến tranh kể cả của Nga lẫn của Trê-sni-a ; là tình trạng phức tạp kéo dài trên các đường biên giữa Nga với các nước cộng hòa thuộc Liên xô cũ ; là hội chứng chiến tranh ; là sự khủng hoảng của nền dân chủ... Vì vậy, ngay trong bộ máy chính quyền Nga đã xuất hiện những lực cản, những bất đồng quan điểm trong việc giải quyết vấn đề Trê-sni-a. Nhưng có lẽ hậu quả thảm khốc nhất của cuộc chiến tranh lại thuộc về những người dân lành. Nhân dân trở thành nạn nhân và là người hứng chịu nhiều tổn thất nhất.

Qua những sự kiện, những xung đột đã và đang diễn ra ở Nam tư cũ, ở các nước thuộc Liên xô trước đây và đến sự kiện Trê-sni-a, người ta càng thấy sự phức tạp của vấn đề dân tộc. Từ đó, người ta càng thấm thía hơn : chính chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu trước đây, do bản chất vì nhân dân, vì quyền tự quyết của các dân tộc, cho nên dù có những sai lầm nào đó của người lãnh đạo, vẫn có nhiều thành công trong việc giải quyết vấn đề này.

Digitized by Google

Đồng chí Tố Hữu thăm TẠP CHÍ CỘNG SẢN



NHÂN dịp đầu xuân Ất Hợi và kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, nhà thơ Tố Hữu đã đến thăm và nói chuyện với toàn thể anh chị em Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Buổi nói chuyện diễn ra trong không khí vui vẻ, thân tình.

Qua những mẩu chuyện dung dị và cảm động, đồng chí Tố Hữu đã gợi lại những kỷ niệm sâu sắc về quãng đời hoạt động cách mạng sôi nổi của mình. Trong đó, đẹp nhất là những kỷ niệm về tình đồng chí chia ngọt sẻ bùi trong ngục tù, trong khó khăn gian lao của những ngày cách mạng còn trứng nước ; là tấm lòng bao dung hào hiệp và niềm tin son sắt của nhân dân với Đảng, với cách mạng. Sự hy sinh cao cả, không toan tính của bao thế hệ người Việt nam là sự động viên trực tiếp to lớn đối với Đồng chí trên chặng đường dài phấn đấu từ một thanh niên yêu nước trở thành một cán bộ cách mạng, một người cộng sản. Ngày nay, trước bao sự kiện trong nước và thế giới, bao bộn bề và phức tạp của hiện thực đời sống, nghĩ lại quãng đời đã qua, hơn lúc nào hết, Đồng chí càng thấy vui và tin ở lý tưởng cộng sản, hiểu sâu hơn, chân thực hơn về chủ nghĩa cộng sản. Đồng chí cho rằng, chỉ khi lăn vào thực tiễn phong phú của đời sống cách mạng, gắn gũi gắn bó với nhân dân lao động, người cộng sản mới càng thấm thía và vững tin hơn vào lý tưởng của mình.

Theo đồng chí Tố Hữu, ngày nay trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh quốc tế phức tạp, phải giữ mối quan hệ máu thịt với nhân dân, củng cố lòng tin yêu của dân đối với Đảng, kiên trì phấn đấu cho sự nghiệp đổi mới đất nước. Người cộng sản ở bất cứ thời kỳ nào cũng phải có ý chí cách mạng kiên định và có phương pháp cách mạng đúng. Đồng chí nhấn mạnh, trong giai đoạn hiện nay người cộng sản càng phải nêu cao tinh thần cách mạng, giữ gìn phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, vươn lên trong hoạt động thực tiễn, chống lại kẻ địch bên ngoài và bên trong (kẻ địch bên trong, theo Lê-nin, đó là tính kiêu ngạo cộng sản, sự đốt nát và thói tham ô, tham nhũng); giữ vững phương châm nói đi đôi với làm ; nắm nguyên lý Mác-Lê-nin ; không lúc nào xa rời thực tiễn ; học hỏi để nắm bắt được văn hóa và vươn tới tiến bộ của văn hóa ; lấy trí khôn tập thể, bằng cuộc sống dân chủ, khai thác sức mạnh của cộng đồng.

Là một học trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Tố Hữu nhắc đến tư tưởng Hồ Chí Minh với tất cả niềm tôn kính và xúc động. Đồng chí khuyên mọi người nên nghiên cứu một cách kỹ lưỡng những bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm ở đó những chỉ dẫn thiết thực cho cuộc sống. Nét sáng chói nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, theo Đồng chí, là niềm tin ở con người, tôn trọng con người, tất cả vì hạnh phúc của con người. Đồng chí nói : "Việt nam đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược hung bạo và xảo quyệt, chung quy cũng ở chữ "NHÂN". Chính đạo đức và phẩm chất cao đẹp trong con người Hồ Chí Minh đã toát lên toàn bộ tư tưởng của Người. Đó là tinh thần triệt để cách mạng ; không một phút giây cơ hội ; không dao động, đầu hàng. Đó là tấm lòng chí công vô tư và đạo đức cần kiệm liêm chính ; ý thức giữ gìn đoàn kết như giữ gìn "con ngươi của mắt mình"... Theo đồng chí Tố Hữu, phong cách sống giản dị, nói bằng hành động, sống trung thực vượt ra khỏi các lễ nghi rườm rà, cũng như đức tính lạc quan yêu đời, tin vào sự tất thắng của cách mạng, đó chính là những nét quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng chí Tố Hữu nhấn mạnh vai trò quan trọng của *Tạp chí Cộng sản* trong tình hình hiện nay và mong muốn *Tạp chí* phải gắn hơn nữa với thực tiễn, cố gắng tìm ra những lời giải thông minh, sắc sảo cho những bài toán đang được đặt ra trong cuộc sống. Trong bất kỳ tình huống nào, *Tạp chí* cũng phải phát huy tinh thần đấu tranh dũng cảm chống những tư tưởng thù địch, phê phán những khuynh hướng tư tưởng lệch lạc, đồng thời mở rộng tính dân chủ để có thể tiếp cận nhanh hơn với chân lý cuộc sống. *Tạp chí* phải luôn luôn xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng của Đảng, là người bạn tin cậy của nhân dân.

Thay mặt toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân viên *Tạp chí Cộng sản*, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập, đã cảm ơn những lời nói tốt đẹp mà đồng chí Tố Hữu đã dành cho *Tạp chí* và khẳng định *Tạp chí Cộng sản* sẽ cố gắng hết sức mình để xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng và của nhân dân.

LỆ MAI (thực hiện)

Digitized by Google

"Đế vương chui"

NGUYỄN TIẾN

TÔI vừa mới đi công tác một chuyến dài ngày ở các tỉnh phía nam. Thú thật là, trong chuyến đi đó, không mấy ngày tôi không được chiêu đãi. Và... có một buổi chiêu đãi tôi chẳng bao giờ quên. Đó là buổi Hai Thành (bạn tôi) chiêu đãi tại một nhà hàng rất sang.

Hai Thành là giám đốc một doanh nghiệp cỡ bự, đang ăn nên, làm ra. Tôi và Hai Thành quen nhau, rồi thân nhau từ những ngày còn học chung ở Hà nội. Khi đó, Thành mới là trưởng phòng. Học xong, Thành được để bạt làm phó giám đốc, rồi giám đốc. Mặc dù kẻ quê ở vùng quan họ xứ Bắc, người quê ở miệt vườn Nam bộ, tính cách khác hẳn nhau, nhưng tôi và Hai Thành thân nhau lắm. Học xong, mỗi đứa một phương trời nhưng vẫn thường thư từ thăm hỏi, động viên nhau và không quên tới thăm nhau mỗi khi có dịp ra Bắc hoặc vô Nam.

Vô Nam kỳ này tôi gọi điện ngay cho Hai Thành và hẹn ngày giờ tới thăm. Thành mừng lắm. Đúng ngày, đúng giờ, Thành cho xe ô tô đến đón tôi, và sau đó tất nhiên phải là những phút dành cho cuộc "lai rai". Thành cùng một số cán bộ dưới quyền và tôi kéo nhau tới nhà hàng. Ôi, chưa bao giờ tôi được thấy một nhà hàng sang trọng như thế ! Có đủ các loại sinh vật biển bơi lội tung tăng trong các bể kính lớn, đường như nhà hàng muốn nói với các "thượng đế" là thích xài thứ chi thì cứ gọi. Hai Thành bảo tôi chọn thực đơn. Về khoản ăn uống này thì tôi còn "quê mùa" lắm, vì thế tôi nói đại : "Tùy Hai Thành, gọi món gì mình cũng ăn được, trừ thịt hổ". Cả bọn cười vui. Cậu trợ lý của Hai Thành bèn gọi trước vài món ăn là lạ ; sau đó gọi tiếp những thứ mà hầu như tôi cũng chưa bao giờ được ăn. Cuộc "lai rai" bắt đầu. Khi chất men đã ngấm, tôi đã cảm thấy lâng lâng thì trên một cái "sân khấu" nhỏ có tiếng đàn, tiếng kèn, tiếng trống nổi lên nhộn nhịp. Một nghệ sĩ bước ra. Anh vừa thổi ác-mô-ni-ca vừa uống bia (bằng mũi). Tài thật. Khi cốc bia đã được hút cạn, người nghệ sĩ dốc ngược đáy cốc thì tiếng vỗ tay nổi lên rào rào. Tiếp sau đó, một nữ ca sĩ trẻ, đẹp trong bộ váy ngắn và chiếc áo choàng màu huyết dụ rực rỡ lên hát một bản tình ca. Tôi thấy Hai Thành đứng dậy, sang chiếc bàn có để sẵn những bông hoa tươi nho nhỏ, lấy một bông, rồi rút trong túi ra tờ 50000 đ quấn vào bông hoa đó, đưa cho tôi và bảo : "Khi nào "em" hát xong thì ông lên tặng bông hoa này". Thành còn nói thêm : "Nhớ "thơm" vào má "em" một cái". Cô ca sĩ hát xong, tôi làm theo lời Thành, lên tặng hoa, nhưng "thơm" vào má "em" một cái thì tôi không dám. Sau đó Hai Thành vẫy tay gọi "em" xuống bàn ăn của chúng tôi và giới thiệu với "em" từng người một. Giới thiệu tới ai thì người đó tặng "em" một bông hoa và không quên dúi vào "ngực em" những tờ 5000 đ, 10 000 đ... Có cậu còn cố ý để tay ở ngực "em" lâu lâu một chút. Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên, cậu trợ lý của Hai Thành ghé vào tai tôi nói nhỏ : " "Tươi mát" mà, anh Ba". Cậu ta còn nói thêm : " "Sếp" em rất "thoáng", nhưng cũng chỉ dám chiêu đãi anh Ba món "tươi mát" cấp một như thế này thôi ; còn cấp hai, cấp ba, hoặc siêu cấp thì "Sếp" em không dám". Tôi hỏi : " Thế nào là tươi mát cấp hai, cấp ba và siêu cấp ? " Cậu trợ lý toét miệng cười : "Nói cấp hai, cấp ba hay siêu cấp là nói tới hàm lượng tươi mát của nó. Cấp càng cao thì hàm lượng tươi mát càng lớn. Còn siêu cấp thì hàm lượng tươi mát tương đương với "nhất dạ đế vương" (một đêm làm vua)". Tôi thành thực hỏi tiếp : "Một đêm làm "đế vương" như thế thì hết khoảng bao nhiêu tiền và có nhiều người dám làm "đế vương" kiểu đó không ?". Cậu ta không trả lời mà hỏi lại tôi : "Lương của anh Ba là bao nhiêu ?" Tôi trả lời : "Theo lương mới, mình được hơn bảy trăm ngàn một tháng". Cậu ta nói ngay : "Thế thì bằng lương cả năm của anh Ba đấy. Còn "dám" hay không thì cũng tùy người. Chỉ có điều, đó là "đế vương chui" ; nếu công khai thì bị công an tóm cổ ngay, cho nên nhiều anh cũng ngại".

Cũng trong chuyến đi này tôi còn được biết, được nghe không ít chuyện về các cuộc giao du, thù tiếp, đãi đằng, kể cả những tiệc ăn có gái tiếp viên ngồi lòng, cùng uống chung bia và mớm thức ăn... Tôi thật sự ái ngại, day dứt, lo cho sự xuống cấp về lối sống và đạo đức của một số cán bộ. Tôi tiếc của, tiếc tiền. Tôi tự bảo với lòng mình : giá mà xã hội bớt đi những "cuộc chơi" xa lạ và tốn kém kiểu ấy thì tiết kiệm được không biết bao nhiêu tiền để xây dựng đất nước hoặc góp thêm vào quỹ từ thiện.

Digitized by Google

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT. NỀN VĂN MINH MỚI

● CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Là sự vận động của khoa học-kỹ thuật đạt đến bước nhảy vọt về chất, đánh dấu sự tiến bộ của nó trên con đường phát triển. Đó là những phát minh, sáng chế trong nghiên cứu làm thay đổi bộ mặt của khoa học-kỹ thuật. Những thay đổi có tính bước ngoặt trong khoa học-kỹ thuật tác động rất sâu sắc đến đời sống xã hội.

Nói đến khoa học-kỹ thuật là nói đến những quy luật vận động của nhiều ngành khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội) và của công nghệ kỹ thuật. Các khoa học này trong quá trình vận động luôn có quan hệ tác động lẫn nhau. Có thể nói, lịch sử có được những bước tiến nhảy vọt phần rất lớn là nhờ có các cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật, đặc biệt là khi khoa học-kỹ thuật gắn chặt với sự phát triển của lực lượng sản xuất, khi nó trực tiếp trở thành lực lượng sản xuất.

Lịch sử cho thấy nhờ có cách mạng khoa học-kỹ thuật mà lĩnh vực sản xuất của cải vật chất-nền tảng của mọi xã hội-có sự tiến bộ vượt bậc : từ lao động thủ công đến cơ giới hóa và tự động hóa... ; từ đó kéo theo sự phát triển về các mặt khác : văn hóa, chính trị, xã hội. Cũng nhờ vậy mà đời sống xã hội loài người ngày nay có biết bao điều kỳ diệu.

Chính vì nhận rõ vai trò, vị trí của cách mạng khoa học-kỹ thuật mà ngày nay các nước đều cố gắng dốc sức lao vào cuộc cách mạng này, nhất là trong một thế giới mở và sự cạnh tranh kinh tế-kỹ thuật luôn luôn gay gắt, khốc liệt.

Có thể nói cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện nay đang phát triển với tốc độ lớn chưa từng thấy. Trong *khoa học xã hội*, sự tìm tòi, phát triển theo hướng nhân văn, dân chủ, tiến bộ xã hội và đạo đức tốt đẹp, vẫn là vấn đề nóng hổi. Điều này cho thấy chỉ có theo chủ nghĩa nhân văn mác xít, hiểu kỹ nó và phát triển nó trên tinh thần thật sự khoa học và sáng tạo thì mới có lối thoát. Trong *khoa học tự nhiên* và *kỹ thuật công nghệ*, người ta đang chạy đua tìm tòi, phát triển tin học, điện tử, tiến tới tự động hóa trên quy mô lớn ; sử dụng máy tính, người máy các thế hệ mới nhất ; tìm tòi, nghiên cứu các vật liệu mới, thay thế các nguyên liệu cổ truyền bằng các nguyên liệu mới có hiệu quả kinh tế cao hơn, có độ bền và rẻ hơn (như gốm thay kim loại, vật siêu dẫn thay bán dẫn, nhiên liệu không ô nhiễm thay nhiên liệu gây ô nhiễm...).

Bên cạnh những hướng tìm tòi, nghiên cứu nói trên, phải kể đến cuộc *cách mạng sinh học* đang tiến nhanh như vũ bão. Quan trọng nhất là công nghệ gen. Hướng đi này đã tạo ra những điều thần kỳ trong sinh học hiện đại. Trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vai trò của cách mạng khoa học-kỹ thuật lại càng có ý nghĩa quan trọng. Đó chính là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế - xã hội.

● NỀN VĂN MINH MỚI

Cần phân biệt hai khái niệm : nền văn minh và nền văn minh mới. **Nền văn minh** là khái niệm để chỉ trình độ phát triển của văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của một xã hội nhất định. Cũng có khi người ta hiểu đó là trình độ phát triển *cao* (rực rỡ) của văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của xã hội. Còn **nền văn minh mới** là khái niệm để chỉ trình độ phát triển của văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần *hiện đại*. Đó là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần do khoa học-kỹ thuật tiên tiến, đặc biệt là công nghệ tin học tạo ra, với các ngành mũi nhọn : *điện tử, tin học, vật liệu mới* và *công nghệ sinh học mới*.

Nền văn minh mới ra đời cách đây vài thập kỷ, khi công nghệ kỹ thuật tin học và khoa học-kỹ thuật tiên tiến chiếm lĩnh thế giới. Nhờ đó, thế giới có bước tiến vĩ đại về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Nó làm thay đổi đời sống hàng triệu người trên thế giới, có chất lượng cuộc sống cao hơn, gắn gũi, gắn bó với nhau hơn và phụ thuộc vào nhau hơn. Ngày nay, nền văn minh mới đang phát triển với nhịp độ rất nhanh.

Khi nói đến nền văn minh *mới*, có nghĩa là thừa nhận có nền văn minh *cũ*. Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, đã có *ba* nền văn minh : văn minh *nông nghiệp*, văn minh *công nghiệp* và văn minh *tin học*. Người ta thừa nhận văn minh nông nghiệp là kết quả của phương thức lao động cơ bản là dùng sức người (cơ bắp). Văn minh công nghiệp là sản phẩm của lao động bằng sức người được thay thế bằng máy móc. Còn văn minh tin học là lao động được tự động hóa.

Có quan niệm giải thích tiến trình lịch sử của xã hội loài người theo các nền văn minh. Quan niệm này phủ nhận học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Họ phân chia nền văn minh theo chiều không gian, phương đông, phương tây ; giải thích các cuộc xung đột trên thế giới là xung đột giữa các nền văn minh. Đó là quan niệm không đúng. Lịch sử chỉ có thể được giải thích, phản ánh đầy đủ bằng khái niệm hình thái kinh tế-xã hội. Hình thái kinh tế-xã hội tựa như bộ khung của xã hội. Thông qua sự phát triển *tự nhiên* của các hình thái kinh tế-xã hội mà lịch sử xã hội loài người biến đổi và tiến bộ.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN TRẺ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Nhân kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng, trong hai ngày 20 và 21.1.1995 tại Hà nội, Ban tổ chức Trung ương Đảng cùng với Ban thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đã tổ chức hội nghị chuyên đề về *"Công tác phát triển đảng viên trẻ trong tình hình mới"*. Đồng chí Lê Phước Thọ, Ủy viên Bộ chính trị, Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng, và đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, chủ trì hội nghị.

Dự hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Ban tổ chức Trung ương Đảng, Ban thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ban tư tưởng văn hóa trung ương, Ban dân vận trung ương, cùng đông đảo các nhà nghiên cứu lý luận về công tác xây dựng đảng và công tác thanh niên. Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đến dự và phát biểu ý kiến.

Sau báo cáo để dẫn của đồng chí Vũ Trọng Kim, Phó bí thư thường trực Ban chấp hành trung ương Đoàn , 24 bản tham luận và ý kiến phát biểu tại hội nghị đã tập trung phân tích, thảo luận trên mấy vấn đề chủ yếu :

1-Thực trạng phấn đấu của đoàn viên và thanh niên để trở thành đảng viên. Hầu hết các ý kiến đều khẳng định, trong mấy năm gần đây, công tác phát triển đảng trong thanh niên có chuyển biến khá rõ và đạt được những kết quả tốt ; nhìn chung thế hệ trẻ nước ta luôn luôn tin tưởng vào Đảng, có nguyện vọng phấn đấu trở thành đảng viên cộng sản ; không phải ngày nay thanh niên không muốn vào Đảng, không phải là chúng ta không có người đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng. Vấn đề là làm thế nào, bằng các hình thức tập hợp như thế nào để thu hút, lôi cuốn thanh niên phấn đấu vào Đảng.

Các ý kiến đều thống nhất rằng : sự tự rèn luyện phấn đấu của bản thân người thanh niên là yếu tố quyết định. Song, sự chủ động phát hiện, bồi dưỡng giúp đỡ kịp thời của cấp ủy đảng, tổ chức đảng và tổ chức đoàn rất quan trọng. Cần tích cực truyền bá, bồi dưỡng giác ngộ lý tưởng đảng trong thanh niên, giúp họ tháo gỡ những vướng mắc trong cách nhìn nhận về đảng, trong động cơ và hướng phấn đấu.

Do bị tác động mạnh bởi mặt trái của cơ chế thị trường, nên một bộ phận thanh niên còn có những biểu hiện lệch lạc, chưa thực sự có ý thức phấn đấu rèn luyện, thậm chí một số người chưa thiết tha vào Đảng. Mặt khác, do đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội ở từng vùng lãnh thổ, từng lĩnh vực, nghề nghiệp khác nhau, nên tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, cũng như thuận lợi, khó khăn của đoàn viên và thanh niên trong rèn luyện, phấn đấu để trở thành đảng viên, cũng khác nhau. Xuất phát từ tình hình, đặc điểm trên, các tổ chức đảng và tổ chức đoàn cần có các hình thức và biện pháp giáo dục, vận động, tập hợp thanh niên một cách linh hoạt, thiết thực

Digitized by Google

Nhiều bản tham luận có chung ý kiến là các cấp ủy đảng cần căn cứ vào từng đối tượng, từng môi trường hoạt động cụ thể của đoàn viên và thanh niên để đề ra các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn kết nạp đảng viên cho phù hợp. Cụ thể :

+ *Ở các doanh nghiệp nhà nước*, việc tự rèn luyện, tự bồi dưỡng, phấn đấu để trở thành đảng viên, phải gắn với ý thức và khả năng hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm với tinh thần xây dựng doanh nghiệp.

+ *Ở các trường đại học*, cần có cơ chế khuyến khích những đoàn viên, sinh viên học giỏi ; nghiên cứu đổi mới nội dung tiêu chuẩn kết nạp đảng viên trong sinh viên. Chú ý công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua việc dạy các bộ môn lý luận Mác-Lê-nin trong trường đại học.

+ *Ở nông thôn*, coi việc phát triển đảng viên mới trong đoàn viên, thanh niên nông thôn là một trong những tiêu chuẩn để xét chọn chi bộ vững mạnh. Cần chuyển các hoạt động của các đoàn thể theo thôn xóm.

+ *Ở các vùng tôn giáo*, cần chú ý tới tâm lý, đặc điểm giáo dân. Sớm có các văn bản hướng dẫn, quy định về đảng viên giáo giới được tham gia các sinh hoạt của tôn giáo như thế nào. Phát triển đảng viên trong tôn giáo, cần có quy định, tiêu chuẩn riêng.

+ *Ở các vùng dân tộc ít người, vùng cao*, cần có chương trình, tài liệu phù hợp với trình độ để bồi dưỡng kiến thức cho đảng viên về phát triển đảng ; bồi dưỡng năng lực cho người dân tộc đi học về làm công tác đảng. Cần có tiêu chuẩn kết nạp đảng viên mới cho phù hợp ; có tài liệu tuyên truyền về đảng ngắn gọn, dễ hiểu. Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nên cấp cho mỗi chi đoàn ở xã vùng cao một số báo *Tiền phong* .

. 2- Sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đối với công tác phát triển đảng viên trẻ.

Nhiều ý kiến cho rằng, sự quan tâm của một số cấp ủy đảng tới công tác phát triển đảng trong thanh niên mới thể hiện ở những quan điểm chủ trương chung, còn thiếu kế hoạch, biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện. Nhiều cán bộ, đảng viên ít gần gũi, còn ngại tiếp xúc với thanh niên, không tích cực làm công tác phát triển đảng ; một số có tác phong gia trưởng, đánh giá lớp trẻ thiếu khách quan, kìm hãm tính tích cực phấn đấu vươn lên của thanh niên ; một bộ phận đảng viên chưa làm tốt công tác quần chúng, chưa thực sự truyền bá lý tưởng của Đảng trong quần chúng, chưa làm tốt công tác xây dựng đảng. Sắp tới cần thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn đảng ; đảng viên phải làm tốt công tác quần chúng, vận động quần chúng, giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn gia nhập Đảng.

Có ý kiến nhấn mạnh : trong việc nhận xét, phân loại đảng viên, cần coi việc mỗi đảng viên có làm nhiệm vụ phát triển đảng hay không, là một trong những căn cứ quan trọng.

Nội dung sinh hoạt đảng cần có sự đổi mới, tránh nặng nề, đơn điệu, từ đó thanh niên mới thấy việc phấn đấu vào Đảng là vinh dự, là trách nhiệm...

Muốn làm tốt công tác phát triển đảng, bản thân đảng viên phải đổi mới cách nhìn nhận, đánh giá thanh niên và phong trào thanh niên, tin ở thanh niên, và phải làm gương cho thanh niên noi theo. Phải chủ động tạo ra nguồn để có đối tượng kết nạp, xác định đối tượng để bồi dưỡng. Có ý kiến đề nghị : trong các hội nghị giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng, chi bộ đảng nên cử đảng viên (hoặc cấp ủy viên) đến tham dự, và mời đại diện Ban chấp hành đoàn (với tư cách là một người giới thiệu) đến dự và trình bày về đoàn viên do mình giới thiệu trong hội nghị chi bộ xem xét người được đề nghị kết nạp vào Đảng.

Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy định 12 sao cho phù hợp với tình hình mới.

3- Về vai trò, trách nhiệm và hoạt động của tổ chức đoàn các cấp trong công tác phát triển đảng viên trẻ. Một số đại biểu nhận xét : Công tác phát triển đảng trong thanh niên diễn ra không đều ở các khu vực, các vùng miền, các đối tượng. Tỷ lệ đảng viên mới là thanh niên so với tổng số đảng viên mới được kết nạp còn thấp. Đó là do :

- Công tác bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng, nhận thức về Đảng cho thanh niên nói chung và cho đoàn viên nói riêng của Đoàn thanh niên tiến hành chưa được thường xuyên. Chất lượng sinh hoạt, hoạt động của chi đoàn còn yếu. Ở một số khu vực như phường, doanh nghiệp tư nhân, liên doanh, vùng dân tộc, tôn giáo... có nơi chưa có tổ chức đoàn, hoặc có nhưng hoạt động yếu.

Giữa tổ chức đoàn và tổ chức đảng, nhiều khi chưa thống nhất trong quá trình phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

Để đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trẻ trong thời gian tới, Hội nghị thống nhất ý kiến cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau : truyền bá và bồi dưỡng lý tưởng của Đảng trong đoàn viên và thanh niên ; xây dựng Đoàn vững mạnh, mở cuộc vận động củng cố, nâng cao chất lượng đoàn viên, chất lượng chi đoàn và đoàn cơ sở ; tiếp tục tổ chức tốt "cuộc vận động đoàn viên thanh niên phấn đấu, rèn luyện để trở thành đảng viên Đảng cộng sản Việt nam" với 4 nội dung nêu trong Thông tri số 42 TT/TWĐ ngày 13/9/1994 của Ban thường vụ Trung ương Đoàn ; xây dựng cho được một đội ngũ đoàn viên ưu tú, tạo nguồn cho công tác phát triển đảng viên trẻ.

Phát biểu ý kiến với Hội nghị, Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười chỉ rõ : Phát triển đảng viên trẻ, thu hút thanh niên vào Đảng trong tình hình hiện nay là một yêu cầu cấp bách, một nhân tố quan trọng để củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và trong tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, nhân loại đang chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ 21. Các cấp ủy đảng, tổ chức đoàn từ trung ương đến cơ sở cần có quan điểm và cách nhìn nhận đúng đắn đối với công tác phát triển đảng viên trẻ trong tình hình mới ; cần có sự xem xét, đánh giá khách quan về thực trạng của tình hình thanh niên, dự báo sự phát triển, từ đó đề xuất các giải pháp có tính khả thi trong việc giáo dục, rèn luyện, tập hợp thanh niên, tạo ra các phong trào hành động lớn, làm cơ sở cho công tác phát triển đảng, bảo đảm cho thanh niên kế tục xứng đáng sự nghiệp quang vinh của Đảng.

HỌP MẶT ĐẠI DIỆN CỘNG TÁC VIÊN TẠP CHÍ CỘNG SẢN KHU VỰC TP HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT SỐ TỈNH NAM BỘ

Tiếp theo Hội nghị cộng tác viên *Tạp chí Cộng sản* (khu vực phía Bắc) tổ chức tại Hà nội hồi đầu năm nay, sáng 16.2.1995 vừa qua, tại trụ sở cơ quan thường trú Tạp chí Cộng sản, 19 Phạm Ngọc Thạch TP Hồ Chí Minh đã diễn ra cuộc họp mặt đại diện các cộng tác viên khu vực TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh Nam bộ. Sau khi nghe Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Phó tổng biên tập Tạp chí báo cáo một số hoạt động của Tạp chí năm 1994 và phương hướng biên tập của Tạp chí năm 1995, các đại biểu đã phát biểu ý kiến động viên, khích lệ những thành tựu mà Tạp chí năm qua đã đạt được và chỉ ra những hạn chế, tồn tại của Tạp chí. Nhiều ý kiến khẳng định : năm 1994 Tạp chí đã bám sát tình hình và nhiệm vụ cách mạng của đất nước, tập trung vào những chủ đề chính, có tính định hướng, tìm ra cách nhìn nhận mới và đánh giá đúng, không né tránh những vấn đề gai góc ; đấu tranh uốn nắn những quan điểm sai trái ; có nhiều bài điều tra và tổng kết thực tiễn sinh động.

Về nội dung Tạp chí năm 1995, nhiều ý kiến đề nghị cần chú trọng nhiều hơn đến các vấn đề như : giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng ; xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước ; đấu tranh chống tham nhũng ; tôn giáo ; dân tộc ; đạo đức ; lối sống ; văn hóa, văn nghệ. Các bài viết cố gắng tăng thêm hàm lượng khoa học, mang tầm tổng kết lớn, nhất là năm nay là năm có nhiều ngày kỷ niệm lớn. Các bài viết nên quan tâm tới tính đặc thù của từng vùng, từng ngành.

Phân tích đặc điểm của cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay, đặc biệt là ở khu vực phía Nam, nhiều ý kiến đề nghị Tạp chí cần có kế hoạch phát hành ra nước ngoài, và tăng cường phát hành ở khu vực phía Nam. Tạp chí nên tăng trang, tăng số lần xuất bản hoặc ra thêm phụ trương để có điều kiện đăng tải được nhiều bài hơn, kịp thời hơn, góp phần giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc. Các đại biểu tin tưởng rằng với truyền thống và kinh nghiệm đã có, năm 1995 *Tạp chí Cộng sản* sẽ đạt được nhiều thành tựu mới.

P.V.

Digitized by Google

2.9 CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU DAKLAK

SIMEXCO DAKLAK

TRỤ SỞ : 159 ĐIỆN BIÊN PHỦ - THỊ XÃ BUÔN MA THUỘT - TỈNH DAKLAK
ĐT : 53570 - 53514 - 54553 - FAX : 84.50.53548
CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH : 240 TRẦN HUY LIỆU - QUẬN PHÚ NHUẬN
ĐIỆN THOẠI : 420770 - 907824 - FAX : 84.8. 420770
TÀI KHOẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP TỈNH DAKLAK : 3611 - 0066
TÀI KHOẢN TẠI NGÂN HÀNG EXIMBANK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH :
NGOẠI TỆ : 3621903773256 - TIỀN VIỆT NAM : 3611 90019 3256.



Giám đốc : LÊ ĐỨC THỐNG

KINH DOANH TỔNG HỢP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP

* Mặt hàng kinh doanh và xuất khẩu trực tiếp cà phê, hồ tiêu, ngô vàng, nông sản các loại, gỗ xây dựng cơ bản và gỗ tinh chế xuất khẩu.

Năng lực xuất khẩu hàng năm : 7-10 triệu đô la Mỹ.

Từ tháng 4-1994 đến tháng 12-1994, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt gần 12 triệu đô la Mỹ.

* Nhập khẩu : Vật tư, phân bón, xăng dầu, xi măng, xe tải và một số loại hàng tiêu dùng như vải, bột ngọt.

Thị trường quan hệ xuất khẩu : Singapore, Đức, Hà Lan, Thái Lan.

- Nhận ủy thác xuất khẩu và nhập khẩu cho các đơn vị có nhu cầu.

Công ty 2-9 Đak Lak sẵn sàng hợp tác với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước về nguồn vốn để thu mua và chế biến hàng xuất khẩu, đặc biệt là mặt hàng cà phê.

Nhân dịp năm mới, Xuân Ất Hợi - Công ty XNK 2-9 Dak Lak chúc các bạn hàng trong và ngoài nước luôn phát triển, tiếp tục hợp tác chặt chẽ với chúng tôi.

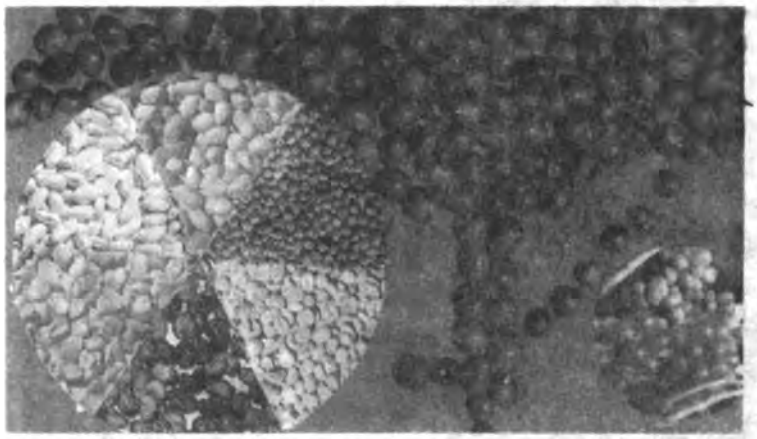
GENERAL TRADING AND DIRECT IMPORT - EXPORT

* Main products for trading and export : coffee, pepper, yellow maize, a wide range of agricultural produce wood for intrastructure construction and finished wood products.

Yearly export capacity : 7-10 million USD. From April to Dec. 1994, the export turnover reached about 12 million USD.

* Import, raw malerials, ferlilzer petrolum, cement, lorries and consumer goods such as : fabrics and glutamale.

Daklak "September 2nd" Company is willing to cooperafe with all domestic and foreign companies to get capital resources for purchasing and processing export products, paiticularly coffee, On the occasion of the New Year "Tet At Hoi" 1995, our Company would like to wish all of our local & foreign clients to be in good business and to promote close cooperation with us.



PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ

HỢP TÁC VỚI CÔNG TY 2-9 DAKLAK BẠN SẼ TÌM ĐƯỢC NHỮNG CƠ HỘI MỚI TRONG LÀM ĂN

Digitized by Google

QUẢNG CÁO



CÔNG TY KHAI THÁC CHẾ BIẾN LÂM SẢN II LÂM ĐỒNG

Tên giao dịch quốc tế :

FORILA

* *Giám đốc Cty*
* *The Director of the company*

Trụ sở : Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng - Lâm Đồng
Điện thoại : 43144 Đức Trọng - Lâm Đồng
GIÁM ĐỐC : NGUYỄN BÁ HƯNG

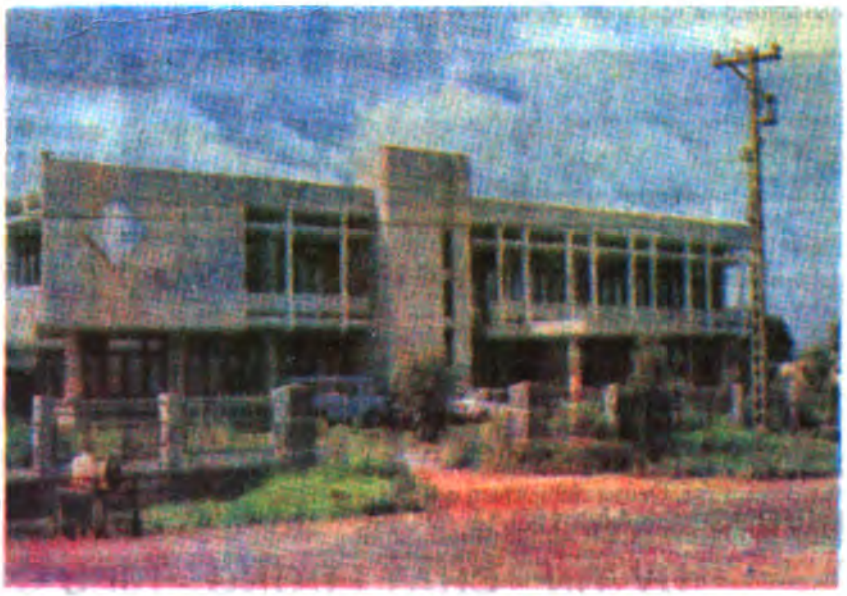
Được thành lập theo quyết định 897/UB - TC ngày 7-12-92 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Giấy phép kinh doanh số 103925 cấp ngày 19-12-1992 của chủ tịch trọng tài kinh tế tỉnh Lâm Đồng.

Chức năng :

- Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản tiêu thụ nội địa và xuất nhập khẩu.
- Tổ chức sản xuất nông lâm công nghiệp và kinh doanh du lịch.

Nhiệm vụ chủ yếu :

- Hàng năm khai thác từ 20.000 - 25.000m^3 gỗ tròn lớn và 1.500 - 2.000 tấn nhựa thông
- Chế biến gỗ từ 12.000 - 15.000m^3. Trong đó tinh chế cho xuất khẩu từ 3.000 - 3.500m^3
- Chế biến đũa tre xuất khẩu 500 - 800 tấn/năm
- Ván bóc cung cấp cho ép : 400.000- 1.000.000m^2
- Chế biến từ 1200 - 1400 tấn colopal và dầu thông xuất khẩu
- Trồng cây công nghiệp dài ngày như : cà phê, dâu tằm, điều... khoảng 500 ha và sản phẩm tham gia xuất khẩu.



* *Văn phòng công ty* * *The Head Office*

Digitized by Google

CÔNG TY THÉP MIỀN NAM

SOUTHERN STEEL CORPORATION. SSC

Địa chỉ văn phòng : 56 Thủ Khoa Huân - Q.1 - TP - HCM
Điện thoại : 291539 Fax : (84-8) - 296301



• *Văn phòng Công ty thép miền Nam*

+ Nhà máy thép Biên Hòa (**VICASA**) : Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai, Điện thoại : (61) 36148
+ Nhà máy thép Thủ Đức (**VIKIMCO**) : Xã Phước Long, Thủ Đức - TP. HCM. Điện thoại : 969612
+ Nhà máy thép Nhà Bè (**VIỆT THÀNH**) : Xã Tân Thuận - Huyện Nhà Bè - TP. HCM. Điện thoại : 729625 - 720261
+ Nhà máy thép Tân Bình (**SONG CHÂU**) : 117 Âu Cơ - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại : 656862 - 653581
+ Nhà máy Lưới thép Bình Tây (**VIDOTHEP**) : 337 An Dương Vương - Quận 5 - TP. HCM, Điện thoại : 555316-555318
+ NM Hợp Kim Sắt Nhà Bè (**HOÀN THÀNH**) : Xã Tân Thuận-Nhà Bè - TP. HCM. Điện thoại : 723553 - 720164
+ Nhà máy Cơ khí luyện kim (**SADAKIM**) : Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai. Điện thoại : (61) 36170
+ Công ty **POSVINA** (Liên doanh với Cty POSCO - Hàn Quốc) xã Phước Long, Thủ Đức - TP. HCM. Điện thoại : 966517-966041, Fax : (84-8) 966040.
+ Công ty **NIPPOVINA** (Liên doanh với Cty Nomura - Nhật Bản và Cty FIW - Malaysia), xã Tân Thuận - Nhà Bè - TP. HCM. Điện thoại : 728492 - 728493.
+ Công ty **HÒA BÌNH** (liên doanh với Cty Mores Hero - Đài Loan) : 176/26 Hòa Bình - Q. Tân Bình - TP. HCM. Điện thoại : 565995.
+ Xí nghiệp Xây lắp luyện kim : 63-65 Hàm Nghi - Quận 1 - TP. HCM. Điện thoại : 297414 - 298337.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**** Sản xuất các loại thép cán nóng dùng cho xây dựng :***

(Sản phẩm đã được đăng ký chất lượng tại trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng khu vực 3).

- Thép tròn dạng cuộn từ O6 đến O10
- Thép tròn dạng thanh từ O12 đến O20
- Thép góc đều cạnh cỡ nhỏ

**** Sản xuất các sản phẩm khác như :***

- Đinh đóng gỗ, lưới rào dây kẽm gai, Fe-Si, đất đèn, đúc gang, đúc thép, thiếc thỏi, tôn mạ, tôn mầu và phụ tùng máy móc.

**** Mua sắt, thép phế liệu, quặng thiếc và các nguyên liệu phục vụ luyện kim như :***

- Điện cực, Fe-Mn, gạch chịu lửa, than cốc.



TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG CỦA CTY THÉP MIỀN NAM

+ 4 Đảng bộ và 5 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty Thép miền Nam, thuộc Đảng bộ Khối CS Công Nghiệp Nặng tại Thành phố Hồ Chí Minh.
+ 2 Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Khối Công nghiệp khu Công nghiệp Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai.
+ Tổng số đảng viên toàn Công ty : 393 Đ/chí tỷ lệ đạt 11,55% trên tổng số CBCNV.

Digitized by Google

Công ty Bia SAIGON

THƠM NGON BỔ DƯỠNG

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 559595

6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 296342

BIA CHAI NT 45CL

BIA CHAI XK 45CL

BIA LON 333

BIA HƠI

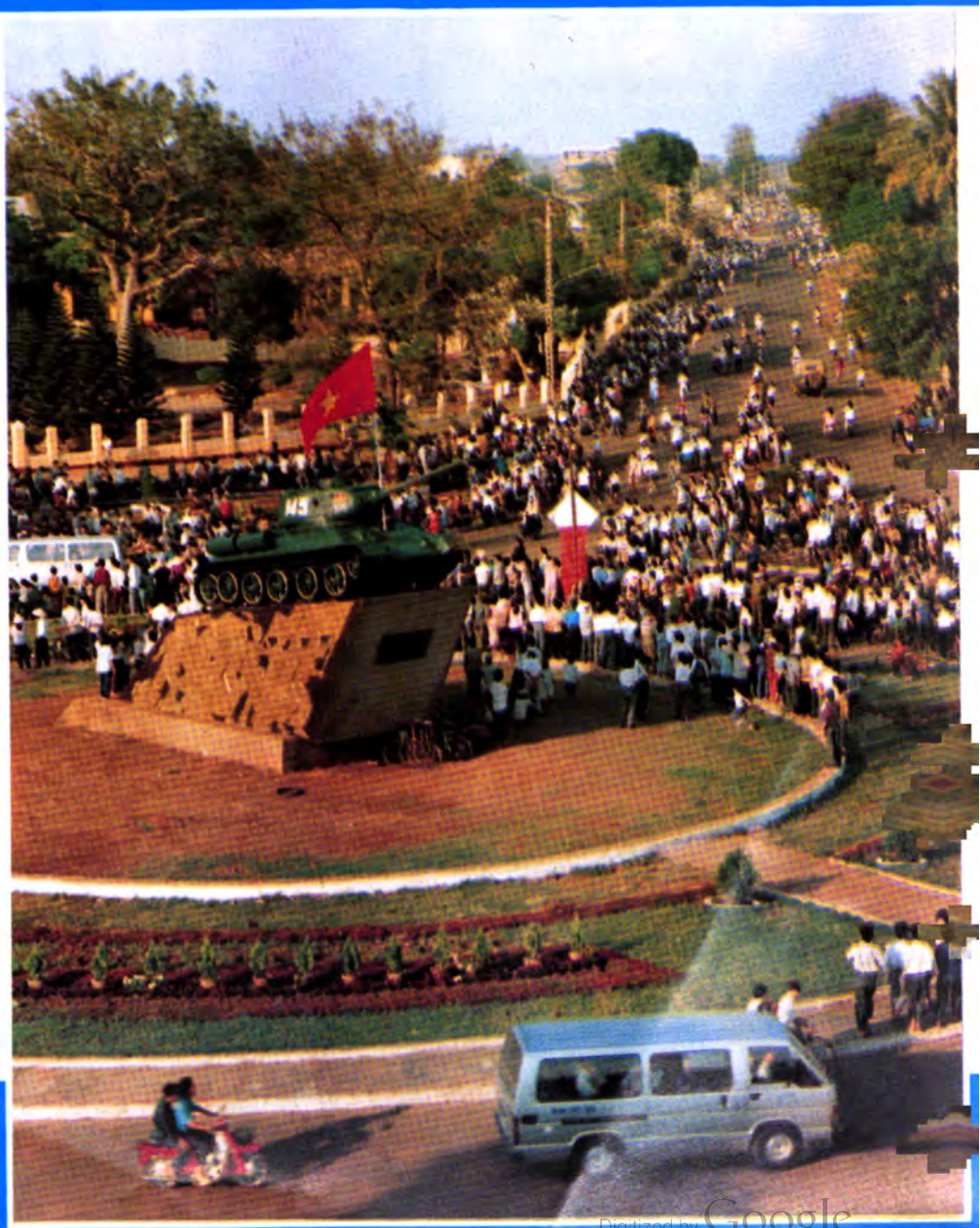


Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 4
MAIN

The Library - UC Berkeley
Received on: 05-10-95
Tap Chi Cong San

Tạp chí Cộng sản



4
1995

Digitized by Google

CTY DỊCH VỤ HẬU CẦN THỦY SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BÀ RỊA - VŨNG TÀU SEAPRODUCT SERVICE CORPORATION

23 LÊ LỢI - THÀNH PHỐ VŨNG TÀU VIỆT NAM
TEL : 84-64-59877 - 84-64-52915 FAX : 84-64-52526

BASEASERCO



- BASEASERCO được thành lập theo:
  - Quyết định thành lập số : 03/QĐ - UBT ngày 8 tháng 10 năm 1992 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
  - Giấy phép Kinh doanh XNK số : 4.02.1.008/GP ngày 23 tháng 12 năm 1992 của Bộ Thương Mại.
  - Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số : 101.684 ngày 7 tháng 12 năm 1992 của Trọng tài Kinh tế Bà Rịa - Vũng Tàu.
- CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU :
  - Trực tiếp xuất khẩu thủy sản, nông sản, giầy dép, quần áo, hàng thủ công mỹ nghệ.
  - Trực tiếp nhập khẩu dầu DO, hàng kim khí điện máy, điện tử, phụ tùng, thiết bị xây dựng, xe gắn máy, xe du lịch, xe tải và các hàng hóa khác.
  - Nhận xuất nhập khẩu ủy thác cho các đơn vị trong và ngoài nước.
- Mong muốn được cộng tác và liên doanh với các tổ chức kinh tế và cá nhân ở Việt Nam và nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất và xuất nhập khẩu hàng hóa thiết yếu.

Khách hàng chắc chắn sẽ được hài lòng về chất lượng sản phẩm, giá cả và sự phục vụ của Công ty.

BASEASERCO *là người bạn đáng tin cẩn của quí vị.*

BASEASERCO *hân hạnh đón tiếp.*

Giám đốc : **NGUYỄN QUANG ĐÌNH**



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4 - 1995 NĂM THỨ BỐN MƯƠI MỐT (472)

MỤC LỤC

Kỷ niệm 20 năm Ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975 - 30/4/1995)	VĂN TIẾN DŨNG - Một sự chỉ đạo chiến lược chính xác, sắc bén và linh hoạt	3
	HOÀNG MINH THẢO - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - bước phát triển mới của nghệ thuật quân sự Việt nam	7
	ĐÀO ĐÌNH LUYỆN - Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong tình hình mới	10
	LA CÔN - Một phong trào, một sức mạnh của thời đại	13
	TRƯƠNG TẤN SANG - Thành phố Hồ Chí Minh sau 20 năm giải phóng	16
	NGUYỄN DUY QUÝ - Bình định tạo đà cho bước phát triển mới	21
	BÙI HỒNG THÁI - Khánh hòa khẳng định bước đi trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	25
Kỷ niệm lần thứ 125 Ngày sinh V.I.Lê-nin (22/4/1870 - 22/4/1995)	TRẦN ĐÌNH SỬ - Phản ánh luận và một vài vấn đề lý luận văn học	27
	TÔ HUY RỨA - Lê-nin với báo chí cách mạng	32
	NGUYỄN ĐÌNH CÁT - Lê-nin và khoa học tự nhiên	36
Thực tiễn - Kinh nghiệm	NGUYỄN DUY QUÝ - Khoa học xã hội và nhân văn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	38
	CAO SỸ KIÊM - Huy động vốn trong nước phục vụ phát triển kinh tế-xã hội	42
	NGUYỄN KIM THOA - Việc giải quyết đơn thư đề nghị và khiếu kiện của nhân dân	45
Nghiên cứu - Trao đổi	CAO CHI - Vấn đề điện nguyên tử ở Việt nam	48
	ĐỖ BÁ - Về xây dựng hợp tác xã ở nước ta hiện nay	52
	HỒ SĨ VỊNH - Mấy ý kiến chung quanh vấn đề lãnh đạo và quản lý văn hóa	55
Sinh hoạt tư tưởng	THÁI SƠN - "Đối ngoại phí"	59
Đọc sách	LÊ PHAN DI - Thấy gì qua cuốn sách *Giải phẫu một cuộc chiến tranh* của Ga-bri-en Côn-cô	60
Tìm hiểu khái niệm	Cơ cấu xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp	62
Tin hoạt động lý luận	Hội nghị khoa học về Đảng	63

Bìa 1 : *Lễ mừng 20 năm giải phóng miền Nam (Buôn mê thuột)*
Ảnh : TRẦN THÀNH CÔNG

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВАН ТЬЕН ЗУНГ - То было точное, своевременное и динамичное стратегическое руководство. ХОАНГ МИНЬ ТХАО - Сопротивление против американцев за спасение родины - новый шаг развития вьетнамского военного искусства. ДАО ДИНЬ ЛУЕН - Ополченское строительство в новой ситуации. ЛА КОН - Об одном движении, олицетворяющем силу современности. ЧАН ДИНЬ ШЫ - Теория отражения и некоторые вопросы литературоведения. ТО ГЮИ РЫА - В.И.Ленин и революционная печать. НГУЕН ДИНЬ КАТ - В.И.Ленин и естественные науки. НГУЕН ЗЮИ КЮИ - Гуманитарные науки и гуманизм при осуществлении индустриализации и модернизации страны. КАО ШИ КИЕМ - Мобилизация внутреннего капитала для социально-экономического развития. НГУЕН КИМ ТХОА - О рассмотрении поступавших заявок и урегулировании претензий. КАО ТИ - Вопрос атомного электричества во Вьетнаме. ДО БА - О создании кооперативов сегодня во Вьетнаме. ХО ШИ БИНЬ - О руководстве и управлении в области культуры. ЛЕ ФАН ЗИ - По поводу книги Габриена Колко "Анатомия одной войны"?

CONTENTS

VĂN TIẾN DŨNG - A strategically cute, sharp and flexible guideline. HOÀNG MINH THẢO - The resistance war against the US for national salvation - a new development of the military art of Vietnam. ĐÀO ĐÌNH LUYỆN - Building the militia and self-defence forces in the new situation. LA CÔN - A movement, a power of the time. TRẦN ĐÌNH SỬ - The theory of Reflection and some problems of literary studies. TÔ HUY RÚA - Lenin and the revolutionary press. NGUYÊN ĐÌNH CÁT - Lenin with the natural sciences. NGUYỄN DUY QUY - The humanities in the cause of industrialization and modernization of the country. CAO SỸ KIỂM - Mobilizing domestic capitals for the socio-economic development. NGUYỄN KIM THOA - The settlement of proposals and complaints of the people. CAO CHI - On the nuclear electricity in Vietnam. ĐỖ BA - On the building of cooperatives in our country at present. HỒ SĨ VỊNH - Some reflections on the work of leading and managing the culture. LÊ PHAN DI - What is found through the book *Anatomy of a war* by Gabriel Kolko?

SOMMAIRE

VĂN TIẾN DŨNG - Une direction stratégique exacte, tranchante et souple. HOÀNG MINH THẢO - La résistance à l'agression américaine pour le salut national - un nouveau pas de développement de l'art militaire du Vietnam. ĐÀO ĐÌNH LUYỆN - Edifier les forces de milice et d'autodéfense dans la nouvelle conjoncture. LA CÔN - Un mouvement, une force de l'époque. TRẦN ĐÌNH SỬ - La théorie du reflet et quelques problèmes théoriques de la littérature. TÔ HUY RÚA - V.I.Lénine et la presse révolutionnaire. NGUYỄN ĐÌNH CÁT - V.I.Lénine et les sciences naturelles. NGUYỄN DUY QUY - Les sciences sociales et humaines dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. CAO SỸ KIỂM - Mobiliser le capital provenant de l'intérieur du pays au service du développement socio-économique. NGUYỄN KIM THOA - La résolution des propositions et des plaintes de la population. CAO CHI - Le problème d'électricité atomique au Vietnam. ĐỖ BA - Sur l'édification actuelle des coopératives dans notre pays. HỒ SĨ VỊNH - Quelques avis sur la direction et la gestion de la culture. LÊ PHAN DI - Que peut-on tirer du livre *Anatomie d'une guerre* de Gabriel Kolko?

SUMARIO

VĂN TIẾN DŨNG - Una dirección estratégica exacta, perpicaz y flexible. HOÀNG MINH THẢO - La resistencia antiyanqui por la salvación nacional - un nuevo paso de desarrollo del arte militar vietnamita. ĐÀO ĐÌNH LUYỆN - Edificar las tropas de milicia y autodefensa en la nueva situación. LA CÔN - Un movimiento, una fuerza de la época. TRẦN ĐÌNH SỬ - La teoría de reflejo y algunos problemas de la teoría literaria. TÔ HUY RÚA - V.I.Lenin y la prensa revolucionaria. NGUYỄN ĐÌNH CÁT - V.I.Lenin y las ciencias naturales. NGUYỄN DUY QUY - Las ciencias sociales y humanas en la obra de la industrialización y modernización del país. CAO SỸ KIỂM - Movilizar el capital en el país al servicio del desarrollo socio-económico. NGUYỄN KIM THOA - Solución de las cartas y solicitudes de queja de la población. CAO CHI - El problema de la electricidad atómica en Vietnam. ĐỖ BA - Sobre la actual edificación de las cooperativas en nuestro país. HỒ SĨ VỊNH - algunas opiniones sobre la dirección y la gestión de la cultura. LÊ PHAN DI - ¿Qué se puede ver en el libro *Anatomía de una guerra* de Gabriel Konko?

目錄

文進勇—准確、靈活的戰略指導。黃明草—抗美究國戰爭——越南軍事藝術的新發展。陶學練—在新的形勢下建設民兵自衛力量。羅崑—時代的潮流 時代的力量。陳學史—反映論及文學理論中的若干問題。蘇輝若——列寧和革命報刊。陳學吉—列寧和自然科學。阮唯貴—國家工業化、現代化事業中的社會科學和人文。高士謙——動員國內的資本，服務社會經濟的發展。阮金錢—關于解決民眾上呈的建設書和上訴書的問題。高之——越南電原子問題。杜波—我國目前有關建立合作社的問題。胡士詠——關于文化領導和管理的若干問題。黎潘怡—讀巴布依思·剛戈《對一場戰爭的剖析》一書所感

Digitized by Google

MỘT SỰ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CHÍNH XÁC, SẮC BÉN VÀ LINH HOẠT

Đại tướng VĂN TIẾN DŨNG

HAI mươi năm đã trôi qua kể từ ngày chiếc xe tăng số 834 của Quân đội nhân dân Việt nam húc đổ cánh cửa sắt dinh Độc lập, lá cờ cách mạng phấp phới bay trên nóc hang ổ nguỵ quyền, báo hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Thời gian tuy lùi xa dần nhưng không thể ăn mòn được những hồi ức mãi mãi tươi rói về một trong những trang sử hào hùng nhất của dân tộc Việt nam, một chiến công vĩ đại của thế kỷ 20 này.

Kết cục của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đại thắng mùa Xuân 1975 là sản phẩm tất yếu của toàn bộ quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của dân tộc ta trên cả nước vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Nó bắt nguồn trước hết từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo chiến lược và sách lược tài tình của Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị. Có thể tóm tắt thành công nổi bật của sự chỉ đạo chiến tranh chống Mỹ, cứu nước trong một câu : *"Biết mở đầu đúng, biết đánh lâu dài và biết kết thúc đúng."*

Xin điểm lại bước phát triển ở giai đoạn chín muồi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để qua đó thấy rõ hơn sự sáng suốt và tài thao lược của Bộ thống soái tối cao của chúng ta.

1- VẠCH RA ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG ĐẮN, ĐÚNG LÚC CẦN THIẾT ĐỂ THỐNG NHẤT TƯ TƯỞNG VÀ HÀNH ĐỘNG

Chỉ chín tháng sau khi Hiệp định Pa-ri về Việt nam có hiệu lực, Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã thật sự mở ra con đường kết thúc cuộc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sau khi xem xét cặn kẽ, phân tích sâu sắc tình hình mọi mặt, nhất là âm mưu và hành động của địch, Hội nghị đã đi đến một kết luận : kẻ địch không những không thi hành hiệp định mà còn tiếp tục tiến hành chiến tranh Việt nam hóa, chúng ta không có con đường nào khác là buộc phải tiến hành chiến tranh cách mạng, nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Nếu ta coi Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành trung ương Đảng năm 1965 là hội nghị để ra quyết sách "đánh cho Mỹ cút", thì Hội nghị lần thứ 21 là hội nghị vạch ra chiến lược "đánh cho nguỵ nhào". Sau hội nghị này, Quân ủy trung ương đã đề ra những chủ trương và biện pháp lớn về mặt quân sự để thực hiện, tiếp đó Bộ tổng tham mưu cùng với Tổng cục chính trị, Tổng cục hậu cần, khẩn trương tổ chức triển khai hàng loạt công việc vừa cơ bản vừa cấp bách nhằm tạo lập thế trận, xây dựng thực lực, chuẩn bị chiến trường, điều chuyển phương tiện, dự trữ vật tư, liên tục tiến công và phản công địch, làm chuyển biến cục diện càng có lợi cho ta. Có thể nói Nghị quyết 21 như một luồng gió mát lành xua tan những chập chờn do dự trước bước ngoặt của cách mạng, động viên được sức mạnh của cả nước hướng ra tiền tuyến, tạo mọi điều kiện để thúc đẩy thời cơ chiến lược chín muồi, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Thực tiễn chứng tỏ, một định hướng đúng, ra đời đáp ứng trúng yêu cầu của tình thế, thì có sức mạnh vô cùng to lớn, có thể làm xoay chuyển thế cờ.

Digitized by Google

2 - NẮM BẮT NHỮNG DẤU HIỆU MỚI CỦA XU THẾ PHÁT TRIỂN, HẠ QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC CHÍNH XÁC

Qua một năm hoạt động dưới ánh sáng Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quân ủy trung ương tháng 3 năm 1974, tình hình miền Nam đã có những biến đổi nhanh và mạnh. Ta thì ngày càng chủ động và mạnh lên, địch thì ngày càng bị động và yếu đi, so sánh lực lượng ngày càng nghiêng hẳn về phía cách mạng. Do những cố gắng của ta, đã xuất hiện ngày càng rõ một tình thế mới với những yếu tố mới trong so sánh lực lượng ta địch. Đặc biệt chiến thắng Thượng đức là một biểu hiện mới chứng tỏ khả năng chiến đấu của bộ đội chủ lực ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của ngụy. Tháng 10-1974, Bộ chính trị và Quân ủy trung ương đã họp để xem xét kết quả của các mặt công tác chuẩn bị, đánh giá độ chín muồi của thời cơ chiến lược và bắt đầu bàn về những vấn đề cơ bản của quyết tâm chiến lược. Đây là một điều vô cùng trọng đại. Trải qua gần 30 năm chống đế quốc xâm lược, lúc này cuộc chiến đấu của Việt nam đã đi đến một thời điểm lịch sử quan trọng của dân tộc và thời đại. Song để đi tới chính thức hạ quyết tâm chiến lược, Bộ chính trị thấy cần tiếp tục nghiên cứu tình hình kỹ lưỡng hơn nữa, khẩn trương tiến hành mọi mặt chuẩn bị chiến lược đầy đủ hơn nữa. Sau mấy tháng tiếp tục phấn đấu theo phương hướng trên, Bộ chính trị đã họp với sự có mặt của hầu hết các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước, Quân đội và các chiến trường miền Nam để đi đến quyết định cuối cùng về quyết tâm chiến lược. Trong thời gian hội nghị đang tiến hành thì chiến thắng Phước long càng củng cố vững chắc những cơ sở để xác định quyết tâm lịch sử kết thúc chiến tranh. Chiến dịch đường số 14 - Phước long, một chiến dịch với quy mô tương đương quân đoàn của bộ đội chủ lực tại chỗ, có thể coi như một trận "thâm dò chiến lược". Sau 25 ngày chiến đấu, ta đã giải phóng toàn tỉnh Phước long - tỉnh đầu tiên được giải phóng trên chiến trường miền Nam trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Hiện tượng Phước long cho thấy khả năng, quyết tâm phản kích lớn của quân ngụy đã không còn nữa và Mỹ cũng không có khả năng can thiệp trở lại. Cho dù Mỹ có quay lại trong chừng mực nào đó thì cũng không xoay chuyển được tình thế. Hiện tượng Phước long còn chỉ rõ những khả năng mới của ta, nhất là của những lực lượng dự bị chiến lược hùng mạnh mà ta chưa sử dụng, khả năng những đột biến lớn có thể xảy ra khi ta đánh lớn.

Sau khi cân nhắc mọi mặt, Bộ chính trị đã hạ quyết tâm trong thời gian 2 năm 1975-1976 tiến hành khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Quyết tâm chiến lược này được cụ thể hóa trong kế hoạch chiến lược 2 năm. Ngoài ra Bộ chính trị còn dự kiến một phương án tranh thủ thời cơ giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Kết luận và Nghị quyết của Hội nghị lịch sử này là một mẫu mực về việc phát hiện thời cơ, hạ quyết tâm chính xác, là nguyên nhân chủ yếu trực tiếp quyết định những thắng lợi của giai đoạn kết thúc chiến tranh.

Để đi đến hạ quyết tâm chiến lược, chúng ta đã chủ động tiến hành trước một bước sự chuẩn bị chiến lược chu đáo về mọi mặt có tính tới những thay đổi, phát triển mau lẹ có



Quân giải phóng đánh chiếm sân bay Tân sơn nhất
(Ảnh : TTXVN)

Digitized by Google

thể xảy ra : cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, trên cả nước và quốc tế, cả về thế trận và lực lượng, cả về tinh thần và vật chất, và cho mọi tình huống. Do đó, khi tình hình diễn biến đến mức "vẽ bản đồ không kịp bước quân đi", chúng ta vẫn đáp ứng kịp, chẳng những thế còn có thể thúc đẩy nó phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh hơn.

3 - HÀNH ĐỘNG THẦN TỐC, TÁO BẠO, TRÊN CƠ SỞ TƯ DUY CHIẾN LƯỢC KHOA HỌC, SÁNG TẠO, NGANG TẦM ĐÒI HỎI CỦA THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện quyết tâm chiến lược mà Bộ chính trị đã định, chúng ta đã mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bao gồm ba đòn chiến lược được tiến hành liên tục về thời gian, liên kết về không gian, cùng với cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân đồng bằng sông Cửu long, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ thống soái ta chọn chiến trường Nam Tây nguyên làm hướng chiến lược chủ yếu, lấy Buôn mê thuột làm khâu đột phá chiến lược của chiến dịch mở đầu.

Chiến dịch này là một điển hình tuyệt vời về lựa chọn hướng và mục tiêu tiến công, điểm đúng huyệt. Cách đánh vào Buôn mê thuột là cách đánh hiệp đồng binh chủng trên bốn cánh, kết hợp với các đơn vị tinh nhuệ và các tiểu đoàn bộ binh bí mật luồn sâu bố trí sẵn, bỏ qua các đồn bốt ngoại vi, dùng binh lực lớn cơ giới hóa theo các trục đường lớn đánh thẳng vào trong thị xã, đập vỡ ngay đầu não chỉ huy của địch. Đây là một cách đánh sáng tạo, táo bạo, bất ngờ, dứt điểm mau lẹ. Trận đánh then chốt thứ hai của chiến dịch đã dập tan cuộc phản kích của địch, giành thắng lợi nhanh gọn ; tiếp đó là trận thứ ba tiêu diệt quân địch rút chạy. Để khuếch trương thắng lợi, theo sáng kiến của Bộ tư lệnh tiền phương được Bộ chính trị đồng ý, các binh đoàn chủ lực của ta thừa thắng phát triển tiến công về hướng ven biển miền Trung, xóa sổ toàn bộ quân khu II ngụy, thực hiện chia cắt chiến lược và phá tan ý đồ co cụm của địch.

Ngày nay nhìn lại, ta càng thấy rõ sự sắc sảo về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược và chiến dịch của ta, mà kết quả là tạo ra bước ngoặt quyết định của chiến tranh, đưa địch đến sai lầm về chiến lược, mở đầu quá trình tan rã nhanh chóng của quân ngụy. Và nếu chúng ta coi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là một chuỗi những khâu tạo thời cơ và lợi dụng thời cơ thì chiến dịch này là khâu tạo thời cơ đầu tiên từ đó đẻ ra những thời cơ khác.

Thắng lợi Tây nguyên đã tác động rất mạnh đến thế trận, lực lượng và tinh thần của quân đội ngụy. Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Việt nam, một quân đoàn địch bị tiêu diệt lớn và địch đã phải bỏ một địa bàn chiến lược trọng yếu. Điều đó càng khẳng định thêm rằng : muốn tạo thời cơ, cần có những trận đánh lớn gây rung động mạnh, tạo ra một bùng nổ dây chuyền liên tục ngày càng lan rộng, gây đổ vỡ lớn trong quân địch. Lúc này đối tượng chiến dịch chủ yếu tập trung vào đội quân chủ lực ngụy ở quân khu I tại căn cứ lớn Đà nẵng.

Đòn chiến lược thứ 2, chiến dịch Huế - Đà nẵng là một dạng chiến dịch đặc biệt được tổ chức trong quá trình phát triển tiến công, từ hai chiến dịch quy mô vừa và nhỏ của hai quân khu, tiến lên thành một chiến dịch quy mô lớn có ý nghĩa chiến lược do Bộ tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy, điều hành. Chiến dịch này thể hiện cao độ sự chỉ huy linh hoạt, tinh thần chủ động chấp hành phương châm mà Bộ chính trị đề ra là *kịp thời nhất , nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất đồng thời phải chắc thắng*, sự phối hợp nhịp nhàng giữa tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Cùng với chiến thắng Tây nguyên, chiến thắng Huế - Đà nẵng làm thay đổi hẳn so sánh về mặt chiến lược theo hướng hoàn toàn có lợi cho ta, thúc đẩy thêm một bước sự tan vỡ của quân ngụy. Giờ tận số của chế độ Sài gòn đang tới gần, không có phép lạ nào cứu vãn nổi.

Một cục diện mới đã mở ra. Một thời cơ lớn đã xuất hiện. Trong phiên họp lịch sử ngày 31-3, Bộ chính trị đã kết luận : "Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã có bước phát triển nhảy vọt. Thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt địch đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thống nhất Tổ quốc". Bất cứ ai cũng có thể thấy trên

Digitized by Google

thực tế nổi lên hai yếu tố gần như mâu thuẫn với nhau : đó là độ ngắn của thời cơ chiến lược và thời gian tương đối dài cần thiết để chuẩn bị cả về số lượng và chất lượng, một lực lượng đủ mạnh về mọi mặt cho trận cuối cùng, lớn nhất về quy mô và địa bàn. Để giải quyết mâu thuẫn này, dưới sự chỉ đạo tập trung của Bộ chính trị, Bộ tổng tư lệnh ta đã ra sức tổ chức và đôn đốc, thực hiện một khối lượng công việc khổng lồ với nhịp độ khẩn trương cướp thời gian, với khí thế ngút trời. Cả nước dành ưu tiên số một cho chiến trường trọng điểm, dốc toàn lực biến quyết tâm chiến lược của Đảng thành hiện thực. Các tập đoàn chiến dịch của ta hành quân thần tốc, "gặp núi mở đường, gặp sông bắc cầu", vừa đi vừa đánh, quét sạch mọi kháng cự, đã áp vào vị trí triển khai đúng thời gian quy định. Quân dân đồng bằng sông Cửu long đã lập kỳ công là tạo được thế chiến dịch ở Tây-Nam Sài gòn. Với một địa hình rất khó triển khai lực lượng lớn trong điều kiện phải giữ bí mật, bất ngờ, Quân ủy Miền đã xây dựng và thực hiện kế hoạch phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công của các binh đoàn chủ lực. Như vậy là trước khi mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ta đã hình thành thế trận tiến công tổng hợp, mạnh và hiểm chưa từng thấy, không gì ngăn cản được.

Đến đây xin nói thêm đôi điều về tên của chiến dịch lớn nhất của cuộc chiến tranh. Ngày 12-4 trong một cuộc họp của Bộ tư lệnh chiến dịch giải phóng Sài gòn - Gia định với Bộ tư lệnh Quân đoàn 3, có ý kiến đề nghị chiến dịch được mang tên Bác Hồ kính yêu. Điều này vừa thể hiện tình cảm sâu nặng của Bác đối với miền Nam khi Người còn sống, vừa biểu lộ niềm tin và ý chí quyết thắng của quân dân ta. Đề nghị này đã được Bộ chính trị đồng ý. Và ngày 22-4 kế hoạch tiến công Sài gòn - Gia định đã được quyết định trong một cánh rừng cao su ở Lộc ninh. Hai vấn đề nổi bật nhất trong kế hoạch này mà Bộ chính trị đã nhắc nhở và Bộ chỉ huy chiến dịch ngày đêm suy nghĩ, tính toán, là cách đánh và mục tiêu phải đánh. Đánh như thế nào để phát huy được tối đa sức mạnh của ta, kết thúc nhanh gọn, phù hợp với thời cơ quân sự và ăn khớp nhịp nhàng với mặt trận chính trị ngoại giao. Nếu



Nhân dân Sài gòn đến dinh tổng thống ngụy hoan nghênh Quân giải phóng

(Ảnh : TTXVN)

để chậm thì không có lợi cả về chính trị và quân sự. Nhưng lại phải đánh như thế nào để thành phố ít tổn thất nhất về sinh mạng và của cải ? Lại còn một suy nghĩ nữa thể hiện tinh thần nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời là đánh như thế nào để tiêu diệt quân đội ngụy về tổ chức nhưng mở con đường sống cho số đông quần chúng binh sĩ ngụy, lấy nhân nghĩa cảm hóa họ quay về với cộng đồng dân tộc. Xác định cách đánh và lựa chọn mục tiêu gắn liền với nhau. Phải lựa chọn đúng những nơi để đánh vào thì toàn bộ chế độ ngụy sẽ rung chuyển, tạo cho chúng hoang mang, suy yếu như rắn mất đầu và gục đổ.

Cách đánh của chiến dịch này đã được xác định : dùng một bộ phận lực lượng chia cắt chiến lược, tiêu diệt, làm tan rã tại chỗ quân địch phòng thủ ở *vòng ngoài* không cho chúng co cụm về Sài gòn, đồng thời dùng phần lớn lực lượng nhanh chóng thọc sâu chiếm lĩnh các địa bàn then chốt *vùng ven*, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới hóa mạnh đánh thẳng vào *nội đô*, chiếm 5 mục tiêu đã chọn lựa, kết hợp với các lực lượng đặc công, biệt động, bộ đội địa phương, phối hợp với quần chúng nổi dậy, từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra, trong ngoài cùng đánh.

Như chúng ta đã biết, 17 giờ ngày 26-4-1975 tiếng súng của chiến dịch Hồ Chí Minh đã nổ và đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 cờ cách mạng đã tung bay trên nóc Phủ tổng

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC - BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

Thượng tướng HOÀNG MINH THẢO *

Có rất nhiều yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nghệ thuật quân sự nói chung và nghệ thuật quân sự của cuộc kháng chiến chống Mỹ nói riêng, nhưng cần phải kể đến những yếu tố cơ bản sau : *một là*, tương quan so sánh lực lượng địch, ta ; *hai là*, đối tượng tác chiến, phương thức, thủ đoạn tác chiến và nghệ thuật lãnh đạo, chỉ huy ; *ba là*, khả năng đạt tới mục tiêu ; *bốn là*, sức mạnh chính trị tinh thần của nhân dân và quân đội.

Xét ở góc độ chiến lược, chúng ta đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ trong điều kiện địch có nhiều ưu thế hơn ta về trang bị vũ khí, kỹ thuật ; về số lượng quân chủ lực - chính quy tham chiến trên chiến trường. So với quân Pháp, quân Mỹ có những điểm mạnh hơn hẳn, nhất là trang bị vũ khí kỹ thuật, khả năng tác chiến ở quy mô binh chủng hợp thành với sức cơ động cao, hỏa lực rất mạnh nhờ vũ khí hiện đại và giàu có về vật chất. Quân đội Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược nước ta với quy mô lớn nhất trong lịch sử chiến tranh. Mỹ hy vọng với sức mạnh to lớn về vật chất, kỹ thuật sẽ đè bẹp được tinh thần đấu tranh của dân tộc ta, một dân tộc nhỏ bé có nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, còn đầy vết thương chiến tranh của cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm chống thực dân Pháp. Mỹ vẫn tin rằng, trong cuộc chạy đua vũ trang thì ai có kinh tế mạnh, lắm tiền nhiều của, trang bị vũ khí nhiều và tối tân, sẽ giành được phần thắng.

Một lần nữa, nhân dân ta lại phải chấp nhận cuộc kháng chiến chống xâm lược trong điều kiện ít địch nhiều, nhỏ đánh lớn. Hoàn cảnh bắt buộc này đã từng diễn ra trong lịch sử, nhưng ở đây tính chất ác liệt, quy mô rộng lớn của cuộc chiến tranh ở mức cao hơn trước nhiều lần.

So với quân đội Pháp, quân đội Mỹ mạnh hơn nhiều lần, lại là chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Dựa trên sức mạnh của vũ khí, phương tiện chiến tranh được hiện đại hóa và quân đội được chính quy hóa cao, những phương thức, thủ đoạn tác chiến và tiến hành chiến tranh của Mỹ đã có những bước phát triển mới cao hơn hẳn quân đội Pháp. Mặt khác, tính chất, mức độ, phạm vi của cuộc chiến tranh cũng tàn khốc hơn, rộng lớn hơn và nham hiểm hơn. Một cuộc chiến tranh toàn diện tổng lực, trong đó có nhiều chính sách rất thâm độc, núp dưới vỏ mỹ miều, mị dân. Một cuộc chiến tranh rất hiện đại với sức hủy diệt chưa từng có sau chiến tranh thế giới thứ hai. Mỹ muốn dùng khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại cao, sức mạnh của vũ khí và quân đội chính quy, thiện chiến để đè bẹp quân đội ta, hòng khuất phục dân tộc ta mà chúng coi là nhỏ bé, nhược tiểu.

Nghệ thuật quân sự của cuộc kháng chiến chống Mỹ của ta thể hiện sâu sắc tư tưởng quan điểm chiến tranh nhân dân - quốc phòng toàn dân với lực lượng ba thứ quân làm nòng cốt - chính nghĩa, cách mạng và tiến công.

Có chính nghĩa sẽ có nhân dân. Cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, giải phóng cho dân tộc khỏi ách áp bức diễn ra liên tục, lấy tư tưởng tiến công làm chủ đạo, tiến công địch một cách toàn diện, linh hoạt. Để giải quyết những mâu thuẫn về so sánh lực lượng giữa địch và ta, về khả năng cơ động, về hỏa lực, về trang bị vũ khí kỹ thuật, về mục tiêu, ta cần phải tiến hành một cuộc chiến tranh nhân

* GS, Viện trưởng Viện chiến lược quân sự, Bộ quốc phòng

Digitized by Google

dân toàn dân toàn diện trên nền móng vững chắc là *thế trận chiến tranh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân.*

Đường lối và phương châm kháng chiến của ta là chiến tranh chính nghĩa toàn dân, toàn diện, kháng chiến lâu dài, tự lực cánh sinh. Ta không thể bát đầu cuộc kháng chiến với chỉ là các binh đoàn chủ lực. mà là sự kết hợp nhuần nhuyễn hữu cơ của hai hình thức tác chiến chính quy và du kích trong thế trận chiến tranh nhân dân. Nhờ có thế trận chiến tranh nhân dân thì hai hình thức tác chiến ấy mới phát huy triệt để được sức mạnh nội tại của nó.

Những quan điểm này được quán triệt ở nhiều cuộc kháng chiến trong lịch sử. Đến thời đại Hồ Chí Minh, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, những nội dung của nó đã có sự phát triển sâu sắc về chất. Hậu phương lớn miền Bác là chỗ dựa vững chắc, là bệ đỡ của cuộc kháng chiến đã có lúc trở thành tiền tuyến. Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện giành được thắng lợi là vì thượng sách toàn dân đồng lòng, cả nước chung sức, toàn dân đánh giặc dưới sự lãnh đạo kiên cường tài giỏi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chỉ có thế trận chiến tranh nhân dân mới càng kéo, phân tán, chia cắt địch thành từng mảng, làm cho địch đông mà hóa ít, mạnh mà hóa yếu, khó cơ động và bị động, khó tập trung được lực lượng và sức mạnh vào nơi chúng muốn.

Nghệ thuật quân sự trong chống Mỹ còn là sự kết hợp được hai yếu tố *truyền thống và hiện đại*. Đánh địch bằng mọi lực lượng, mọi phương tiện vũ khí từ thô sơ đến hiện đại. Đánh địch bằng lòng dũng cảm, tài thao lược, sức chịu đựng, sự hy sinh, sức mạnh của nền văn hóa Việt nam trong hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, kết hợp thô sơ với hiện đại, du kích với chính quy, đánh địch bằng mưu kế, thắng địch cả thế và thời.

Nhờ giữ vững được chiến lược "trường kỳ kháng chiến" mà ta đã chuyển hóa được "yếu thành mạnh, ít thành nhiều", và tìm ra được những hình thức tác chiến thích hợp. Đó là cách đánh thiên về mưu mẹo, không nặng về lực chọi lực, cứng chọi cứng, mà kết hợp cả trí và lực, cương và nhu.

Ở nhiều cấp độ khác nhau (chiến lược, nghệ thuật chiến dịch, chiến thuật), mưu của ta là mưu lừa địch, và kế của ta là kế điều địch vào thế trận đã bày, mưu đã đạt, để tạo nên chủ động tối đa và bất ngờ tối đa trong tác chiến, làm cho địch tan mà ta tụ. Nét đặc sắc của nghệ thuật đánh Mỹ là biết dùng mưu hay, kế hiểm để kéo quân Mỹ đến chiến trường ta đã lựa chọn, đưa chúng vào sâu trong thế trận hiểm hóc của ta, phá thế trận địch, linh hoạt chuyển hóa thế trận của ta, buộc chúng phải giao chiến bị động ở những nơi bất lợi cho chúng. Còn chúng ta đã xây dựng được một thế trận mà ở đó có thể đánh địch ở cả trước mặt và sau lưng, tổ chức khu quyết chiến, nhử địch vào đó và tạo ra tình huống và thời cơ để tiêu diệt chúng. Ta thường tập trung đánh quân Mỹ ở ngoài công sự, xa căn cứ, nhờ đó mà thực hiện được kế "điệu hổ ly sơn". Nhiều nhà quân sự của Mỹ đã phải thừa nhận chúng có phần bị động về cách đánh, bị ta điều khiển nhiều hơn.

Nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã chứng tỏ nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta đã phát triển đến trình độ cao : tạo được thế, tạo được thời cơ, tập trung được lực lượng vào hướng, địa bàn ta đã chọn để đè bẹp quân địch ; đánh vào một điểm yếu cơ bản làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự chiến lược, làm đảo lộn thế trận chiến lược địch - là cách đánh được hình thành rất công phu, được chọn lọc từ những kinh nghiệm của biết bao cuộc kháng chiến, chiến dịch và trận chiến đấu. Cuộc kháng chiến chống Mỹ là sự bổ sung hoàn thiện các loại hình tác chiến ở các cấp độ chiến lược, chiến dịch và chiến đấu mà trước đó ở cuộc kháng chiến chống Pháp còn khiếm khuyết, hạn chế. Hơn thế, còn sáng tạo thêm những hình thức tác chiến mới phù hợp với đối tượng tác chiến.

Kinh nghiệm của những cuộc chiến tranh chống xâm lược của ông cha cũng như trong chống Mỹ cho thấy : để đánh thắng một đội quân xâm lược đông hơn ta nhiều, có tiềm lực kinh tế quân sự to hơn, ta không thể chỉ dùng lực lượng, mà còn phải biết tạo ra *thế trận tốt mới đánh thắng địch*. Trong *Binh thư yếu lược*, Trần Quốc Tuấn có viết : "Người đánh giỏi vì có đất mà mạnh, vì có thế mà thắng".

Thế là nhân tố có khả năng làm tăng thêm hiệu quả của *lực*. Thế bao giờ cũng lấy lực

Digitized by Google

làm cơ sở, nhưng phải có thế tốt thì hiệu quả của lực mới tăng. Tạo thế mạnh hơn địch để có thể dùng lực nhỏ thắng lực lớn, là một trong những điểm nổi bật độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt nam. Đó cũng là quy luật và nghệ thuật của yếu đánh mạnh, ít đánh nhiều của truyền thống quân sự Việt nam.

Phải xuất phát từ mưu kế mà bày đặt thế trận. Ta đã xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân, kết hợp đánh địch cả bằng quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy, bằng chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Là thế trận không có chiến tuyến rõ ràng, càng địch ra, bao vây chia cắt và tiến công từ mọi phía, là thế trận cài xen kẽ phá ý đồ phân tuyến của địch. Thế trận đánh hơn một triệu quân Mỹ và tay sai là thế trận của tư tưởng chủ động tiến công, cả nước đánh giặc, kết hợp miền Bắc - hậu phương lớn - với miền Nam - tuyến tuyến lớn ; là thế liên kết của cả ba vùng chiến lược, gắn liền với thế liên minh của ba nước Đông dương. Đó là một thế trận *vững chắc phía sau* và *mạnh ở phía trước*. Trên cơ sở thế trận chiến lược đó mà tạo lập nên thế chiến dịch và chiến đấu phù hợp, tạo nên sức mạnh hơn địch, nhất là ở những điểm nút của cuộc chiến tranh.

Mùa Xuân 1975, nhờ có thời cơ, chiến lược ta đã tạo được thế đánh địch bỏ chạy trong hành tiến, không cho địch co cụm rút lui, thọc sâu ngay vào hang ổ của địch. Thắng lợi nhanh, gọn được, chính là do ta đã hội đủ các điều kiện khách quan và chủ quan cho mỗi chiến dịch, trận đánh cũng như toàn chiến cuộc. Việc tổ chức lại các đơn vị cấp chiến lược, chiến dịch, chiến đấu để tác chiến có hiệu quả trước thế bố trí chiến lược của quân Mỹ và quân ngụy, được thực hiện kịp thời. Tư tưởng chỉ đạo về cách đánh của Bác Hồ và Đảng ta là *đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến tới đánh đổ hoàn toàn quân địch*. Tư tưởng ấy được quán triệt rất sâu sắc trong quá trình chiến tranh. Chúng ta đã lần lượt đánh bại *ba* chiến lược chiến tranh của Mỹ : chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, và Việt nam hóa chiến tranh. Mỗi lần thay đổi chiến lược là mỗi lần Mỹ lại yếu về thế và lực. Chiến lược sau dù có nỗ lực hơn chiến lược trước, nhưng đều sinh ra trong thế bị động, nên thường gặp nhiều mâu thuẫn không giải quyết được.

Năm 1968, ta đã hiểu Mỹ hơn, làm lung lay ý chí của Mỹ, đến năm 1972 ta đã có những cơ sở quan trọng để nhận định khả năng thắng Mỹ là hiện thực, và đến năm 1975 thì giành được thắng lợi hoàn toàn. Đó là một cuộc chiến tranh nhân dân toàn diện lấy chiến tranh du kích để tiêu hao địch, làm cho địch dần dần yếu đi mà ta thì mạnh dần lên, đồng thời kết hợp với chiến tranh chính quy, đánh các đòn tập trung để tiêu diệt địch. Đó là cách đánh của sự kết hợp ba thứ quân, ba yếu tố lực, thế, thời. Các yếu tố địa hình, thời tiết, khí hậu, nhân dân, chính nghĩa, chính trị tinh thần vẫn được chú trọng và khai thác một cách triệt để, khoa học. Nghệ thuật quân sự của ta có đặc trưng rất rõ là lấy sức mạnh chính trị tinh thần của toàn dân làm cơ sở.

Việc tổ chức lực lượng của ta luôn phù hợp với cách đánh, và cách đánh luôn phát triển sáng tạo trong quá trình tiến hành kháng chiến, như : "hai chân, ba mũi, ba vùng" ; "đội quân tóc dài" ;... Đó là sức mạnh chiến tranh của Việt nam và điểm độc đáo, sáng tạo trong chiến tranh của Việt nam thời đánh Mỹ.

* * *

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, là bước phát triển mới cả về chỉ đạo chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến đấu. Nó vừa kế thừa được truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc, vừa phát huy sáng tạo trong điều kiện cụ thể của cuộc chiến tranh. Nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mang nét đặc trưng của nghệ thuật truyền thống, nhưng cũng hàm chứa tính hiện đại của cuộc chiến tranh ở thế kỷ 20. Tổng kết và vận dụng những bài học kinh nghiệm của nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay, là nhiệm vụ rất quan trọng. Những bài học trong kháng chiến chống Mỹ cũng như truyền thống đánh giặc cứu nước của tổ tiên ta, là rất quý báu và có giá trị vô cùng lớn lao. Kế thừa những bài học đánh giặc trong lịch sử phát triển lên một trình độ mới, sẽ giúp cho ta nhiều sáng tạo trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước hôm nay.

Digitized by Google

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thượng tướng ĐÀO ĐÌNH LUYỆN *

LỰC lượng dân quân tự vệ (DQTV) đã trải qua 60 năm xây dựng, hoạt động, chiến đấu, kể từ khi Đảng cộng sản Đông dương (nay là Đảng cộng sản Việt nam) ra "Nghị quyết về công nông tự vệ đội" ngày 28-3-1935. Có thể nói rằng đó là quá trình vừa xây dựng vừa đấu tranh bảo vệ lực lượng cách mạng chống quân thù khủng bố, vừa chiến đấu bảo vệ xóm làng, đường phố, cơ quan, xí nghiệp, vừa phục vụ chiến đấu. Quá trình đó cũng gắn liền với lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang của Đảng và nhân dân ta để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước.

Được Đảng tổ chức, lãnh đạo, được nhân dân nuôi dưỡng, giúp đỡ, lực lượng DQTV từ các đội tự vệ công nông nhỏ bé, trang bị hết sức thô sơ trong những ngày đầu thành lập, đã phát triển từng bước vững chắc thành một lực lượng hùng hậu đông đảo tới hàng triệu đội viên được tổ chức chặt chẽ ở tất cả các cơ sở trong toàn quốc, với quy mô phổ biến là cấp tiểu đội, trung đội và đại đội, được trang bị bằng nhiều loại vũ khí, kể cả vũ khí tương đối hiện đại.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, lực lượng DQTV có số lượng đông đảo, được tổ chức tốt, bố trí rộng khắp trong cả nước, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc ở cơ sở. Là lực lượng vũ trang tại chỗ, DQTV biết phát huy sáng tạo cách đánh phong phú, mưu mẹo, đánh địch rộng khắp và thực hiện tiêu hao lớn quân địch, vừa chiến đấu vừa sản xuất, cùng các lực lượng khác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của dân tộc. Đánh giá vị trí, vai trò của lực lượng DQTV, Đảng ta đã xác định : đó là lực lượng chiến lược trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng ở nước ta. Hồ Chủ tịch cũng đã nói : "Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã"(1).

Trải qua 60 năm tổ chức, xây dựng và hoạt động của lực lượng DQTV, có thể rút ra *một số bài học kinh nghiệm lớn* sau đây :

- DQTV là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, là công cụ chủ yếu của chính quyền cơ sở, do đó phải được đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, trực tiếp là cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, cơ sở.

- Lực lượng DQTV luôn luôn là chỗ dựa vững chắc, là nòng cốt cho quần chúng đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang với tính chất vừa là dân vừa là quân, được tổ chức để bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân. Vì thế, xây dựng DQTV phải dựa chắc vào dân, thực hiện "dân tuyển chọn, dân nuôi dưỡng".

- Tổ chức biên chế DQTV phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, cách đánh và tính chất, đặc điểm của từng địa bàn và gắn chặt với tổ chức sản xuất, chú trọng chất lượng, nhất là chất lượng chính trị.

- Xây dựng về tổ chức phải đi đôi với giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự. Phải tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quân sự cơ sở nói chung, cán bộ DQTV nói riêng, coi đó là khâu then chốt để nâng cao sức mạnh chiến đấu, chất lượng tổng hợp của lực lượng DQTV.

- Thực hiện chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với DQTV theo phương châm "nhà nước,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng QĐND

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t I, tr 416

Digitized by Google

địa phương, cơ sở và nhân dân cùng chăm lo", nhằm động viên khuyến khích họ tích cực hoạt động công tác.

Những kinh nghiệm đó cần được nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo, phù hợp với điều kiện mới của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

* * *

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu đáng mừng. Song bên cạnh những thời cơ lớn, còn có những thách thức không nhỏ cần phải vượt qua. Các thế lực thù địch đã và đang tích cực thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ đối với nước ta. Trong khi tập trung sức xây dựng đất nước, chúng ta phải hết sức đề cao cảnh giác, coi trọng củng cố quốc phòng, an ninh, thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân nói chung, xây dựng lực lượng DQTV nói riêng. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng DQTV trong tình hình hiện nay, là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, không thể coi nhẹ. Cùng với tăng cường lực lượng hậu bị, việc làm đó càng có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với việc nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. Chúng ta chỉ có thể giảm quân thường trực tới mức cho phép trên cơ sở nâng cao chất lượng mọi mặt, tăng cường sức mạnh chiến đấu của chính lực lượng thường trực, kết hợp với tăng cường sức mạnh của lực lượng hậu bị và DQTV, cũng như khả năng phòng thủ của các địa phương.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa đã và đang có những phát triển mới với những đặc điểm, yêu cầu mới. Phương hướng chỉ đạo xây dựng dân quân tự vệ phải bám sát và đáp ứng sự phát triển đó. Thực hiện Chỉ thị 55/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng và Nghị định 29/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ), lực lượng DQTV trong mấy năm gần đây đã và đang có những chuyển hướng mạnh mẽ trên nhiều mặt. Trước hết về mặt tổ chức, số lượng giảm (trước đây chiếm 6 đến 8%, nay còn 1,5 đến 2% số dân) ; chất lượng tổng hợp, nhất là chất lượng chính trị từng bước được nâng lên; quy mô biên chế phổ biến là tiểu đội, trung đội, nơi có điều kiện và yêu cầu thì quy mô đến đại đội.

Xây dựng lực lượng DQTV phải nắm vững *phương châm* : vững mạnh, rộng khắp, có lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động ; có thành phần lực lượng bộ binh và có một số tổ đội binh chủng cần thiết, phù hợp với yêu cầu khu vực phòng thủ tỉnh, huyện.

Phải tập trung xây dựng lực lượng nòng cốt, lực lượng cơ động đủ mạnh để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên trước mắt trong tình hình mới và nhiệm vụ cơ bản lâu dài. Đi đôi với xây dựng củng cố DQTV vùng nông thôn, phải coi trọng xây dựng lực lượng tự vệ phường, đường phố, tự vệ xí nghiệp, cơ quan, trường học, công, nông, lâm trường..., đồng thời phải hết sức coi trọng xây dựng lực lượng DQTV biển, cả trong kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân. Phù hợp với sự đổi mới về kinh tế, lực lượng DQTV phải được xây dựng trong tất cả các thành phần kinh tế, lấy xây dựng lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể làm nòng cốt, từng bước nghiên cứu xây dựng lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, nhưng phải bảo đảm được nguyên tắc Đảng trực tiếp lãnh đạo lực lượng này. Tiếp tục nghiên cứu rút kinh nghiệm xây dựng lực lượng tự vệ chuyên ngành, trước hết đối với những ngành có liên quan nhiều đến yêu cầu quốc phòng.

DQTV vừa là dân vừa là quân, vừa hoạt động vừa sản xuất và không thoát ly sản xuất. Vì thế, tổ chức DQTV phải gắn chặt với địa bàn, với tổ chức sản xuất ; nói cách khác : phải trên cơ sở tổ chức sản xuất, tổ chức địa bàn dân cư mà tổ chức DQTV. Phải thường xuyên nắm bắt tình hình phát triển mọi mặt, nhất là về kinh tế, để đổi mới tư duy, đổi mới cách nghĩ, cách làm trong xây dựng và tổ chức DQTV, vận dụng sáng tạo phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế đã chuyển đổi, bảo đảm ổn định về tổ chức, biên chế, không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, tạo điều kiện cho DQTV có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Digitized by Google

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng lực lượng DQTV hiện nay, cần chú trọng và tập trung hơn nữa việc củng cố, nâng cao chất lượng chính trị lực lượng DQTV các vùng trọng điểm: biên giới, biển, hải đảo và thành phố, khu công nghiệp, đặc biệt những địa bàn xung yếu về quốc phòng - an ninh của đất nước và của địa phương.

Việc xây dựng lực lượng DQTV phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là cấp ủy đảng địa phương, cơ sở, và là trách nhiệm của toàn dân, của các cấp, các ngành. Nhiệm vụ này phải được đặt trong chương trình, kế hoạch hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền. Chỉ có như vậy, lực lượng DQTV mới không ngừng lớn mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đi đôi với việc củng cố, xây dựng về mặt tổ chức, phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho cán bộ, đội viên DQTV theo chương trình, nội dung thích hợp với các đối tượng do Bộ quốc phòng quy định, nhằm không ngừng tăng cường bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho họ, bảo đảm cho mọi thành phần lực lượng, mọi đối tượng có trình độ cơ bản vững chắc đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ hoạt động tác chiến, trị an ở cơ sở.

Tiếp tục đưa công tác huấn luyện DQTV đi vào chất lượng và thiết thực hơn nữa, đổi mới về phương thức chỉ đạo và phương pháp huấn luyện, chú trọng huấn luyện thực hành. Trước hết đổi mới nâng cao chất lượng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ DQTV, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ quân sự xã, phường và cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm đơn vị cơ sở nhà nước đủ sức hoàn thành tốt công tác quốc phòng, trong đó có công tác DQTV ở cơ sở trong tình hình mới.

Trong tình hình hiện nay, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản để xây dựng đất nước, nhưng bên cạnh đó cũng đang có những diễn biến phức tạp do các thế lực thù địch gây nên. Hơn bao giờ hết, giữ vững an ninh chính trị, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, đồng thời sẵn sàng ứng phó có hiệu quả đối với các tình huống chiến tranh, là nhiệm vụ quan trọng của toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta hiện nay. Đây là một trong những *nhiệm vụ chủ yếu của DQTV* đã được xác định. Qua 5 năm chỉ đạo chuyển hướng vào nhiệm vụ chủ yếu này, lực lượng DQTV đã phát huy tác dụng và hoạt động có hiệu quả, thực sự là một lực lượng đáng tin cậy của Đảng, chính quyền và nhân dân ở cơ sở.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, do chưa nắm vững chức năng, nhiệm vụ của lực lượng DQTV, nên không ít nơi sử dụng không đúng, chồng chéo, hoặc để DQTV làm thay chức năng, nhiệm vụ của lực lượng công an. Vấn đề này cần phải rút kinh nghiệm, uốn nắn theo Thông tư liên bộ 785/QP-NV giữa Bộ quốc phòng và Bộ nội vụ, để tạo nên sự phối hợp chặt chẽ giữa hai lực lượng DQTV và công an, phát huy hiệu quả hoạt động của các lực lượng ở cơ sở, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, góp phần giữ vững sự ổn định đất nước.

Một vấn đề nữa cũng hết sức quan trọng nhằm bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển vững chắc về tổ chức xây dựng cũng như hoạt động của lực lượng DQTV, đó là vấn đề tạo nguồn kinh phí và chính sách đãi ngộ đối với DQTV. Trong mấy chục năm qua, nhà nước và các bộ, ngành liên quan đã có nhiều văn bản pháp quy để bảo đảm quyền lợi vật chất, tinh thần cho DQTV. Đồng thời, các địa phương cũng có nhiều cố gắng trong vấn đề này. Tuy nhiên, tình hình luôn phát triển, nhất là trong điều kiện ta đang thực hiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các chính sách đó rất cần được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nhằm khuyến khích DQTV trong hoạt động, công tác.

Với sự quan tâm sâu sắc của Đảng, của Nhà nước, sự đùm bọc của nhân dân, mà trực tiếp nhất, quan trọng nhất là cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở cơ sở, chúng ta tin tưởng rằng lực lượng DQTV sẽ tiếp tục phát huy truyền thống và thành tích 60 năm của mình trong công cuộc đổi mới và bảo vệ đất nước hiện nay.

Digitized by Google

MỘT PHONG TRÀO, MỘT SỨC MẠNH CỦA THỜI ĐẠI

LA CÔN

PHONG trào quốc tế đoàn kết với Việt nam chống Mỹ xâm lược đã được cả dư luận và lịch sử xác nhận là phong trào quần chúng chống chiến tranh rộng lớn nhất, mạnh mẽ nhất trong lịch sử những cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Kỷ niệm 20 năm ngày toàn thắng của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, nhìn lại phong trào, chúng ta vừa cảm thấy vui mừng, tự hào về tầm cỡ lịch sử của phong trào, lại vừa xúc động nhớ tới hàng trăm triệu anh em, bè bạn khắp năm châu đã vì nghĩa lớn mà tự nguyện cống hiến cho phong trào không chỉ ý chí, sức lực, mồ hôi, nước mắt, mà cả máu và cuộc sống của mình.

Nô-man Mô-ri-xơn, công dân Mỹ và Giu-i Xu-nô-xin, nhà quốc tế ngữ Nhật bản, cả hai đã làm bùng lên ngọn lửa tự thiêu để thức tỉnh lương tri của nhân dân Mỹ, nhân dân Nhật bản và nhân dân toàn thế giới.

Các nhà lãnh đạo phong trào nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt nam đều nói : cuộc "chiến tranh leo thang" của chính phủ Mỹ ở Việt nam là cuộc "leo thang tội ác", và chính tội ác đã thức tỉnh lương tri nhân dân Mỹ chống lại cuộc chiến tranh.

Tội ác gắn với chiến tranh xâm lược như hình với bóng. Song về tội ác, cuộc chiến tranh của Mỹ chống nhân dân Việt nam đã vượt xa tất cả các cuộc chiến tranh xâm lược trong lịch sử. Nó xác nhận lời phán truyền của Giáo hoàng Pi-út XII : "Tội ác của thế kỷ 20 là làm mất cả nhận thức về tội ác". Tội ác của quân xâm lược Mỹ không dừng ở chỗ dùng các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất để tàn sát hàng loạt dân lành, dùng những hóa chất độc hại nhất để giết hại và làm dị dạng nhiều thế hệ người dân vô tội. Tội ác gớm hơn nhiều của chúng là đã đổ tiền của, mồ hôi, nước mắt của nhân dân lao động Mỹ vào miền Nam Việt nam, dựng lên một chính quyền tay sai, với đội quân giết người gồm hơn một triệu binh lính và cảnh sát - đông gấp đôi số quân Mỹ vào lúc cao điểm - để tàn sát nhân dân miền Nam Việt nam ! "Dùng người Việt giết người Việt !", chính sách tàn bạo đó của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ đã gieo bao hận thù cắm sâu vào lòng người ! Giáo sư sử học Phrăng Sơ-man, Trường đại học tổng hợp Bớc-cơ-ly (Mỹ) đã lo lắng nhắc nhở chúng ta : "Điều nguy hiểm và khó khăn nhất là sau này các bạn sẽ phải giải quyết những cái gì người Mỹ đã để lại ở hạ tầng xã hội miền Nam Việt nam sau chiến tranh".

Cuộc chiến tranh do Hoa kỳ gây ra ở Việt nam là cuộc đụng đầu lịch sử giữa các lực lượng tiến bộ nhất với các thế lực phản động tàn bạo nhất của thời đại. Mỹ đã chọn Việt nam làm chiến trường thể nghiệm các chính sách thực dân mới của chúng được ngụy trang bằng nhãn hiệu "nền dân chủ vĩ đại", hòng áp dụng rộng rãi các chính sách đó ra toàn thế giới. Nhân dân Việt nam chiến đấu làm thất bại các chính sách đó, thực hiện thống nhất hai miền Nam - Bắc không chỉ vì lợi ích của dân tộc mình, mà còn vì lợi ích chung của cả loài người. Vì thế cả loài người đã đồng tâm nhất trí ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt nam.

Đoàn kết với Việt nam đã trở thành hòn đá thử vàng phân biệt "chính nghĩa" với "phi nghĩa", "dân chủ" với "phản dân chủ", "tiến bộ" với "phản động". Đoàn kết với Việt nam là cam kết góp phần vào nỗ lực chung nhằm thực hiện giấc mơ ngàn đời của loài người : cuộc sống thanh bình trong một xã hội công bằng. Đó là tư tưởng cốt lõi của phong trào quốc tế đoàn kết với Việt nam, làm cho phong trào trở thành điểm hội tụ của tất cả các lực lượng đấu tranh vì những lý tưởng cao đẹp của thời đại. Sức mạnh của phong trào quốc tế đoàn kết với Việt nam thể hiện sức mạnh của thời đại, kết hợp với truyền thống yêu nước chống ngoại xâm từ ngàn xưa của dân tộc Việt nam, tạo thành sức mạnh vô địch đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Mỗi thắng lợi của nhân dân Việt nam làm nức lòng anh em bè bạn khắp năm châu, lại thúc đẩy phong

Digitized by Google

trào đoàn kết quốc tế phát triển lên một bước, tiếp thêm nguồn sức mạnh mới cho nhân dân Việt nam tiến lên giành thắng lợi mới khác. Đó là quy luật phát triển của phong trào quốc tế đoàn kết với Việt nam chống Mỹ xâm lược, thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa cuộc đấu tranh vì độc lập thống nhất của nhân dân Việt nam với các phong trào quần chúng các nước đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

*
* *

Một trong những trọng điểm của mặt trận quốc tế đoàn kết với Việt nam là *phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt nam*. Mục tiêu của phong trào này là đòi chính phủ Mỹ chấm dứt chiến tranh, đưa quân viễn chinh Mỹ về nước. Phong trào đã triển khai hoạt động theo hai hướng : *một là*, tạo sức ép mạnh buộc giới cầm quyền Mỹ phải chấm dứt chiến tranh ; *hai là*, trực tiếp vận động binh lính Mỹ phản chiến, làm rệu rã quân đội, khiến chính phủ Mỹ không còn đủ sức tiếp tục cuộc chiến, phải tính chuyện đưa quân về nước.

Để tạo ra sức ép mạnh đối với giới cầm quyền Mỹ, phải phá vỡ "chủ nghĩa lưỡng đảng" dựa trên "sự nhất trí về chiến lược răn đe hạt nhân" giữa Đảng dân chủ và Đảng cộng hòa, mà nguồn gốc tư tưởng là sự "hội tụ" giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ hình thành vào nửa sau những năm 40 dưới thời tổng thống Tơ-ru-man. Ở Mỹ, về đại thể, Đảng dân chủ theo chủ nghĩa tự do, còn Đảng cộng hòa theo chủ nghĩa bảo thủ. Ranh giới đó khá rõ dưới thời tổng thống Ru-dơ-ven, và bắt đầu mờ nhạt sau khi Ru-dơ-ven mất, Tơ-ru-man lên thay. Chủ nghĩa bảo thủ sở dĩ phát triển mạnh ở Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai và chi phối cả Đảng dân chủ là do chính sách đối ngoại của Mỹ khi ấy đã chuyển sang hướng chuẩn bị chiến tranh hạt nhân để tiêu diệt hệ thống xã hội chủ nghĩa. Điều đó đòi hỏi một chính sách đối nội bảo thủ ngày càng cực đoan để bóp nghẹt sự chống đối trong nước.

Khi phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt nam mới nhóm lên trong nhân dân Mỹ, mục tiêu đòi chính phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xem ra có vẻ rất khó thực hiện. Thế nhưng, chỉ sau mấy năm, tình hình đã đổi khác nhờ sự phát triển nhanh chóng của phong trào chống chiến tranh, kết quả của sự phối hợp tuyệt vời giữa ba nhân tố :

1 - Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt nam thực tế đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định : đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ vào cuối năm 1965 và cuối năm 1966, rồi tiến lên mở cuộc Tổng tiến công ngày 30-1-1968 đúng dịp Tết Mậu Thân.

2 - Phong trào chống chiến tranh đã nhanh chóng nảy nở trên mảnh đất có đủ điều kiện tốt về tư tưởng và tổ chức là Trường đại học tổng hợp Bớc-cơ-ly bang Ca-li-pho-ni-a, nơi hội tụ nhiều giáo sư và trí thức cấp tiến thuộc nhiều màu sắc. Chính tại đây, đầu thập kỷ 60 đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh chống những cuộc săn lùng, khủng bố cộng sản theo chủ nghĩa Mác-ca-thy. Mùa hè năm 1964, trường đã cử từ 30 đến 65 sinh viên tham gia chiến dịch tuyên truyền giáo dục về dân quyền cho những người nghèo ở phía nam lưu vực sông Mít-xi-xi-pi. Từ số sinh viên này, những năm 60 đã xuất hiện những người lãnh đạo *Phong trào diễn đàn tự do*, trong đó có Bét-ti-na Áp-thê-cơ, con gái của Hơ-bớt Áp-thê-cơ, nhà sử học, đồng thời là nhà lý luận của Đảng cộng sản Mỹ. Phong trào này đã được tổ chức theo hình mẫu các tổ chức quần chúng thời Mặt trận bình dân ở các nước phương Tây những năm 30.

3 - Sự hưởng ứng sôi nổi của đông đảo trí thức, sinh viên, thanh niên và nhân dân lao động không chỉ ở các nước xã hội chủ nghĩa, mà cả ở các nước tư bản chủ nghĩa như Pháp, Đức, Ý, Đan mạch... Đặc biệt, một số tổ chức công đoàn tiến bộ ở các nước phương Tây đã tổ chức được các hội nghị bàn tròn để thảo luận với đại diện một số công đoàn độc lập, tiến bộ ở Mỹ, chọc thủng được bức tường ngăn cách các công đoàn Mỹ với các công đoàn tiến bộ trên thế giới, lôi cuốn họ vào phong trào chống chiến tranh.

Bối cảnh lịch sử và chính trị khi ấy thật là sôi động và phức tạp, nhưng về cơ bản, rất thuận lợi cho phong trào chống chiến tranh.

Phong trào đã phát triển nhanh chóng thành một phong trào quần chúng rộng lớn, có trình độ giác ngộ chính trị ngày càng được nâng cao nhờ có phương pháp tuyên truyền, vận động quần chúng từng được áp dụng phổ biến trong "Phong trào diễn đàn tự do" những năm 60 là *hội thảo*. Hội thảo vừa là một môi trường chính trị cho quần chúng, vừa là bàn thương lượng giữa những cá nhân và tổ chức có ý kiến khác nhau về các vấn đề như mục tiêu, phương hướng và phương pháp đấu tranh. Hàng vạn cuộc hội thảo đã được tổ chức trong hàng trăm trường đại học với sự tham gia của hàng triệu sinh viên và các giáo sư, các đại diện các đoàn thể xã hội. Tại Trường đại học tổng hợp Bớc-cơ-ly bang Ca-li-pho-ni-a, nơi xuất phát của phong trào chống chiến tranh, đã diễn ra nhiều

Digitized by Google

cuộc hội thảo quan trọng. Cuộc hội thảo có tiếng vang nhất là cuộc "hội thảo khổng lồ", kéo dài 36 giờ liền diễn ra trong hai ngày 21 và 22-5-1965, với hơn 35 000 người tham gia.

Phong trào chống chiến tranh do những trí thức tiến bộ lãnh đạo theo phương pháp dân chủ bàn bạc qua hội thảo bền bỉ, đã giải quyết được nhiều bất đồng trong phong trào, nhất là về khẩu hiệu đấu tranh. Thay cho khẩu hiệu "Rút quân đội Mỹ về nước !" dễ gây phản ứng, khẩu hiệu "Ủng hộ binh lính của chúng ta, đưa họ về nước ngay !" đã được đa số tán thành.

Ngày 2-3-1967, thượng nghị sĩ Mỹ Rô-bớt Ken-nơ-đy đã đưa ra trước Quốc hội đề nghị tạm ngừng ném bom miền Bắc Việt nam và thương lượng với chính phủ ta. Nhiều nghị sĩ và bộ trưởng ủng hộ đề nghị của ông, vì khi đó quân đội Mỹ đã bị thất bại liên tiếp trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô. Những người ủng hộ Rô-bớt Ken-nơ-đy đã thành lập "Ủy ban tạm ngừng ném bom Việt nam" để vận động Quốc hội Mỹ và dư luận chấp nhận đề nghị của ông. Từ đó trong các cuộc biểu tình, SANE và ADA, hai tổ chức quần chúng trong phong trào chống chiến tranh, đã giương khẩu hiệu: "Ngừng ném bom Bắc Việt nam !", "Ủy ban tạm ngừng ném bom Việt nam" phối hợp hành động với SANE và ADA, đó là một biểu hiện của sự chia rẽ sâu sắc trong giới cầm quyền Mỹ. Khi phong trào lên cao với hai đợt đấu tranh lớn (một đợt vào ngày 15-10-1969 do "Ủy ban tạm ngừng ném bom Việt nam" phát động và một đợt vào ngày 15-11-1969 do "Ủy ban động viên mới đòi chấm dứt chiến tranh Việt nam" (New Mob) phát động), thì trong hàng ngũ những người biểu tình đã có cả con em các bộ trưởng, con em các chủ ngân hàng và chủ công ty lớn tham gia. Sau khi quân Mỹ mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia ngày 30-4-1970, thì những cuộc biểu tình lớn đã nổ ra khắp nước Mỹ. Sinh viên nổi dậy chiếm cả trường, phá tài sản, làm cho hơn 400 trường đại học và cao đẳng phải đóng cửa. Trong bảy ngày đầu tháng 5-1970, có hơn 40000 vụ nổ bom nhằm vào các cơ quan nhà nước ở khắp nước Mỹ. Lính bảo an đàn áp những người nổi dậy nên đã xảy ra nhiều vụ đổ máu. Bốn sinh viên da trắng bị bắn chết ở Trường đại học Ken ; hai sinh viên da đen bị bắn chết ở Trường đại học Giắc-xơn. Đêm 8-5-1970, hàng trăm nghìn người kéo đến bao vây Nhà trắng làm cho tổng thống Mỹ Ních-xơn suốt đêm phải lo đối phó, tinh thần căng thẳng gần như suy sụp !

Những ngày bạo loạn đó đã để lại những vết hằn sâu trong lòng nhân dân Mỹ : sự sụp đổ lòng tin đối với chính quyền ; lòng căm ghét chiến tranh chuyển thành lòng căm ghét quân đội đàn áp nhân dân ; nỗi lo sợ con em quá phẫn uất có thể lao vào con đường bạo lực mù quáng... Tình cảnh đó đã được gọi là "hội chứng bảy ngày đầu tháng 5", hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, cũng là kết quả của phong trào nhân dân Mỹ đứng lên chống cuộc chiến tranh đó. Các giới, nhất là phụ nữ, có nhiều hình thức hoạt động phong phú : mở quán ăn, tiệm giải khát, sàn nhảy gần trại lính, trung tâm huấn luyện tân binh và trạm chuyển quân để dễ tiếp cận binh lính. Phụ nữ, cụ già và cả trẻ em đã dùng tình cảm vận động binh lính tẩy chay luyện tập, chống lệnh hành quân, nhất là chống lệnh sang Việt nam. Họ còn phối hợp với các tổ chức chống chiến tranh ở các nước như Ca-na-đa, Thụy điển, Nhật bản... lập các trạm đón tiếp, thu xếp nơi ăn, ở, chỗ làm cho các binh lính Mỹ chống quân dịch và đào ngũ. Theo tài liệu thống kê, tới năm 1970 đã có 570 000 thanh niên Mỹ trốn quân dịch ; nhưng chỉ có 25 000 người bị bắt và 4 000 người bị đưa ra tòa án binh xử tội với mức án cao nhất là 5 năm tù. Số lính đào ngũ thời điểm đó đã lên tới 503 000 người, làm cho nhiều đơn vị lớn không còn khả năng tác chiến. Trường hợp binh lính quá phẫn uất, liều lĩnh đánh lại cấp chỉ huy, xảy ra ngày càng nhiều. Tới cuối năm 1970, đã có hơn 300 vụ, làm chết 73 người và gần 500 người bị thương. Tạp chí *Lực lượng vũ trang* (Mỹ) số tháng 6-1971 có bài của đại tá Rô-bớt Hanh viết về tinh thần quân đội Mỹ khi ấy như sau : "Tinh thần chiến đấu, ý thức kỷ luật và hiệu lực tác chiến của lực lượng vũ trang Mỹ, trừ số ít trường hợp đột xuất, còn nói chung đã suy giảm tới mức tồi tệ hơn bất cứ thời kỳ nào trong thế kỷ này, và có thể là trong toàn bộ lịch sử Hoa kỳ".

* * *

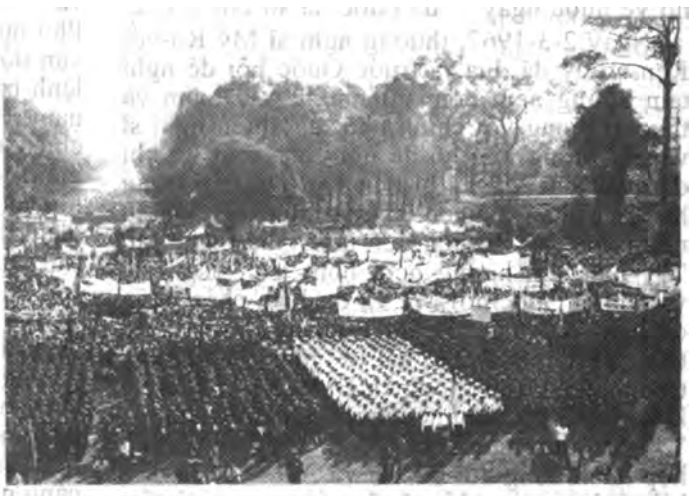
Phong trào quốc tế đoàn kết với Việt nam, trong đó có phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh, đã phát huy đến đỉnh cao truyền thống quang vinh của hai phong trào quốc tế đoàn kết với nước Nga xô viết và nước Cộng hòa Tây-ban-nha trong hai thập kỷ 20 và 30. Phong trào thể hiện sức mạnh của thời đại chúng ta, thời đại quần chúng nhân dân thế giới có trình độ giác ngộ chính trị cao, dám đấu tranh, dám hy sinh, dũng cảm tiến vào cuộc chiến đấu lịch sử vì lý tưởng hòa bình và công bằng xã hội. Phong trào đã góp phần to lớn vào thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất của nhân dân ta.

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH *SAU 20 NĂM GIẢI PHÓNG*

TRƯƠNG TẤN SANG *

Thành phố Hồ Chí Minh đã tồn tại gần 300 năm lịch sử. Từ một vùng hoang dã, qua lao động sáng tạo, cần cù của bao thế hệ, vùng đất này đã trở thành một thành phố và là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghiệp, thương mại dịch vụ và giao lưu quốc tế ở miền Nam. Thành phố Hồ Chí Minh đã một thời được mệnh danh "Hòn ngọc Viễn-Đông". Lớn lên cùng lịch sử dân tộc, mảnh đất này từng có nhiều tên gọi : Bến Nghé - Dinh Phiên Trấn, Sài gòn và ngày nay được vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Lịch sử đã chứng minh : cộng đồng cư dân ở đây, bằng ý thức dân tộc, với tinh thần lao động sáng tạo, đoàn kết một lòng, tinh thần đấu tranh không mệt mỏi đã luôn luôn chủ động, linh hoạt, lạc quan trong tất cả các chặng đường lịch sử, cùng cả nước tạo nên một thế đứng, một đáng đi tràn đầy sức sống... Đó là một truyền thống tốt đẹp.



Nhân dân TP Sài gòn mít tinh chào mừng Ủy ban quân quản Thành phố ngày 7.5.1975

(Ảnh : TTXVN)

1975-1995, hai mươi năm đã qua kể từ khi chế độ cũ sụp đổ, miền Nam và thành phố Sài gòn hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất vẹn toàn, truyền thống tốt đẹp nêu trên đã được khơi dậy mạnh mẽ, làm nên nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, chính trị có ý nghĩa cách mạng.

Trước giải phóng, nền kinh tế thành phố về cơ bản là một nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa nhưng còn non yếu, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, văn hóa, giáo dục, y tế và nhiều lĩnh vực xã hội khác còn nhiều hạn chế. Đến nay, nhìn lại, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, nhân dân thành phố đã làm nên nhiều việc lớn, trong đó nổi bật là :

1- Những năm gần đây, nhất là sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ 5, kinh tế đã đi dần vào ổn định và tăng trưởng, trong đó có một số mặt tăng trưởng khá. Trong 4 năm gần đây, tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân trên 10% và năm 1994 đã đạt mức gần 15%, các chỉ tiêu giá trị sản lượng công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp đều vượt kế hoạch, thu ngân sách hàng năm tăng cao. So với cả nước, thành phố chiếm 0,6% diện tích và khoảng 6,5% lao động nhưng đóng góp tổng sản phẩm xã hội gần 20% ; giá trị sản lượng công nghiệp, vận tải, bưu điện, doanh số thương nghiệp bán ra, thu ngân sách đều xấp xỉ 1/3 cả nước. Thu nhập bình quân đầu người đạt 810 USD/năm.

Nhiều cơ sở công nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại, đầu tư chiều sâu và phát triển, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, cùng với công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển nhanh, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, từng bước thay hàng nhập và tăng nhanh hàng xuất khẩu.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Bên cạnh việc thực hiện giao quyền sử dụng đất ổn định cho nông dân, thành phố đã không ngừng đầu tư tiền vốn, cơ sở kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, nuôi trồng, gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới, nhờ vậy sản phẩm nông nghiệp không ngừng tăng, trong đó ngành chăn nuôi chiếm gần 40% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Thương mại, dịch vụ phát triển nhanh. Các hoạt động tài chính, tiền tệ từng bước được đổi mới. Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng cao, nhờ vậy có điều kiện đầu tư một phần cho cơ sở hạ tầng tạo nền cho kinh tế xã hội phát triển, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách quốc gia. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, góp phần phát triển ngành nghề, đổi mới công nghệ và phương pháp quản lý, giải quyết thêm nhiều việc làm cho người lao động. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần phát triển rõ nét. Vật lộn trong cơ chế mới, nhiều cơ sở quốc doanh được củng cố và giữ vững vị trí chủ đạo trong các ngành kinh tế - kỹ thuật then chốt, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ có tỷ trọng lớn. Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển nhanh, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong đó quốc doanh đóng vai trò chủ đạo ở những khâu then chốt. Cơ cấu kinh tế ngành biến đổi tích cực. Riêng tỷ trọng công nghiệp từ 61,5% (năm 1990) tăng lên 65,9% (năm 1993), hàng công nghiệp xuất khẩu đạt 25% tổng kim ngạch xuất khẩu ,vv..

2- Cùng với phát triển kinh tế, thành phố đã thực hiện có hiệu quả nhiều vấn đề xã hội, tỏ rõ tính ưu việt của chế độ và định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường của thành phố. Chương trình xóa đói giảm nghèo đã trở thành phong trào cách mạng của quần chúng. Đến tháng 10-1994 đã huy động hàng chục tỉ đồng trợ giúp gần 30 000 hộ nghèo, tạo được việc làm, nâng thu nhập tăng lên dần, bước đầu xóa được đói. Chương trình cải thiện nhà ở được thực hiện có kết quả, ba năm gần đây hàng năm xây dựng trên 2 triệu m² nhà ở, trong đó có trên 2 500 căn nhà tình nghĩa dành cho gia đình chính sách không có nhà ở, trên 5 000 căn hộ dành cho dân nghèo. Các chính sách đãi ngộ những người có công với nước được thực hiện tốt. Phố phường được mở rộng ; đường hẻm trong nội thành, đường liên xã, liên ấp ở nông thôn không ngừng được nâng cấp. Chương trình kế hoạch hóa dân số, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, quản lý môi trường đều có những chuyển biến tích cực. Sự nghiệp giáo dục đào tạo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, thể dục thể thao được quan tâm và có những chuyển biến đáng khích lệ. Nhân dân thành phố hưởng ứng rất tích cực các phong trào làm từ thiện, giúp đỡ các nơi bị lũ lụt, thiên tai, giúp đỡ Cu-ba... Nhờ sản xuất phát triển , nhờ giá cả tương đối ổn định, nên thu nhập của các tầng lớp dân cư trên địa bàn thành phố đều tăng. Qua điều tra, mức chi tiêu bình quân đầu người năm 1994 là 283 000 đồng/tháng, tăng 12,5% so với năm trước (đã loại trừ tăng giá). Cơ cấu mức sống của các hộ gia đình ở thành phố có cải thiện hơn. Số hộ quá khó khăn, có mức sống bình quân dưới 100 000 đồng/tháng trong năm 1994 chỉ chiếm 2,8%. Hộ có mức sống cao trên 552 000 đồng/tháng chiếm khoảng 9,8%. Năm 1994 tỷ lệ hộ có các tiện nghi sinh hoạt tăng lên đáng kể : 71,3% số hộ có ti-vi, 33% số hộ có vi-đê-ô, 64,6% số hộ có ra-đi-ô cát-xét, 63% số hộ có xe gắn máy, 24% số hộ có tủ lạnh. Đáng lưu ý là tốc độ trang bị của các hộ ở ngoại thành cao hơn nội thành, nhưng cơ cấu tiện nghi sinh hoạt mới và cao cấp thì nội thành cao hơn ngoại thành. 97,6% số xã ngoại thành có điện với 81,2% số hộ dùng điện, 75% số hộ dùng nước sạch, 100% xã có trường cấp I, 96% xã có bệnh xá, 94,7% xã có đường ôtô và 77% xã có chợ...

3- Trước những biến động phức tạp trên thế giới và trong nước, trước sự phá hoại của các thế lực thù địch, thành phố luôn luôn chủ động, nhạy bén trong việc giữ gìn ổn định an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố và phát huy hiệu quả lãnh đạo của Đảng và hoạt động của hệ thống chính trị. Từ sau Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ 5, nhất là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, các cấp ủy đảng từ thành phố đến cơ sở đã được củng cố vững chắc hơn, có sự chuyển biến về chất trong lãnh đạo và hoạt động chính trị.

Các hoạt động giáo dục lý luận chính trị , rèn luyện tư tưởng lập trường giai cấp công nhân và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng được coi trọng và từng bước được đổi mới. Công tác cán bộ được chăm lo thường xuyên. Các cơ quan của Thành ủy, cũng như các cơ quan chính quyền thành phố, quận, huyện được sắp xếp lại. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội được củng cố và phát triển ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, tổ chức xã hội luôn phấn đấu đổi mới nội dung và

Digitized by Google

phương thức lãnh đạo, quản lý cũng như vận động quần chúng. Hoạt động của các thành viên trong hệ thống chính trị đã đi dần vào quy chế, hướng về cơ sở, lấy việc đẩy mạnh sản xuất,giữ vững ổn định chính trị và chăm lo các vấn đề văn hóa xã hội, lấy lợi ích quần chúng nhân dân làm nội dung hoạt động ; lấy hành động tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên làm tấm gương thuyết phục quần chúng. Nhờ vậy, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được củng cố và nâng cao ; vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường ; hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp từng bước được phát huy.

Những thành tựu trên là quan trọng. Nhưng bên cạnh đó, thành phố cũng còn nhiều mặt yếu kém, như kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, năng lực quản lý của chính quyền thành phố chưa tương xứng với yêu cầu mới của một thành phố lớn có vị trí quan trọng trong cả nước cũng như trong khu vực (thành phố Hồ Chí Minh là một cực phát triển của vùng tam giác động lực kinh tế thành phố Hồ Chí Minh - Đồng nai - Bà rịa, Vũng tàu). Nhiều vấn đề xã hội, nhiều lệch lạc trong hoạt động văn hóa, báo chí khắc phục chậm. Công tác xây dựng đảng và các tổ chức đoàn thể cách mạng chưa đáp ứng kịp đòi hỏi phát triển của thành phố hiện nay và trong tương lai ...

Những thành tựu mà thành phố đạt được trong hai mươi năm qua bắt nguồn từ đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng ; từ sự vận dụng sáng tạo của đảng bộ, biết phát huy tính năng động vốn có của nhân dân thành phố. Có những yếu kém là điều khó tránh, bởi lẽ chúng ta tiếp quản thành phố, vận động và tổ chức nhân dân xây dựng, phát triển thành phố trong hoàn cảnh có rất nhiều khó khăn (thiếu vốn, dân số đông, các thế lực thù địch không ngừng chống phá...). Khi bước vào kinh tế thị trường, chúng ta lại chưa thấy hết mặt tiêu cực của nó nên đã gây ra những tổn thất về tiền vốn, vật chất và cán bộ, gây thêm những nhân tố tiêu cực từ bên trong...

Nhìn lại hai mươi năm qua, nhìn tới năm 2 000 và xa hơn nữa, đảng bộ và nhân dân thành phố rất đỗi tự hào vì đã làm được nhiều việc lớn, tạo ra nền móng rất quan trọng cho chiến lược đi lên của thành phố. Do vị trí đặc biệt của mình, thành phố có trách nhiệm phải xây dựng để trở thành một trung tâm nhiều chức năng của khu vực phía Nam ; một trung tâm công nghiệp và khoa học, kỹ thuật, văn hóa, trung tâm tài chính ngân hàng, một trung tâm lớn về thương mại dịch vụ, mở cửa giao lưu với bên ngoài, trước hết là với các thành phố trong khu vực Đông - Nam Á, để một tương lai không xa "Hòn ngọc Viễn - Đông" lại tái hiện trên mảnh đất mang tên của Bác Hồ kính yêu, mang đặc trưng của chế độ mới. Đảng bộ và nhân dân thành phố đã xác định rõ mục tiêu và sự lựa chọn bước đi thích hợp, nhằm bảo đảm phát triển trong môi trường ổn định bền vững, tránh được các nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn "diễn biến hòa bình", nạn tham nhũng tiêu cực. Tình hình hiện nay và sắp tới là thời cơ lớn, song cũng rất nhiều khó khăn thách thức. Càng tiến sâu vào công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ, thực hiện nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân ; mở rộng quan hệ đối ngoại... thì càng phải thường xuyên tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng bộ, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền, nâng cao ý chí đoàn kết toàn dân, để đảm bảo cho mục tiêu phấn đấu của thành phố thắng lợi. Dự kiến từ nay đến năm 2000, thành phố Hồ Chí Minh đưa mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm lên 15%, tổng sản phẩm xã hội năm 2000 đạt khoảng 10 tỉ USD với mức bình quân đầu người khoảng trên 1300 USD ; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trên 30% ; tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn từ 4,5 đến 5 tỉ USD ; dân số không vượt quá 6 triệu người. Để đạt mục tiêu này, Hội nghị đại biểu đảng bộ giữa nhiệm kỳ (khóa V) của thành phố đã vạch ra các giải pháp đồng bộ : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với cơ cấu hợp lý ; tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại ; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy vai trò động lực của khoa học và công nghệ ; chăm lo có hiệu quả các vấn đề xã hội ; khắc phục những lệch lạc yếu kém của văn hóa, văn nghệ, báo chí ; tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền ; giữ vững ổn định chính trị ; mở rộng đại đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng ; tiếp tục đổi mới chỉnh đốn đảng, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của đảng bộ ; tạo sự chuyển biến mạnh về công tác cán bộ.

II

Phân tích thành tựu, yếu kém của thành phố 20 năm qua và nguyên nhân của nó, dự báo tình hình và xác định mục tiêu cũng như giải pháp cho bước đi tới, chúng tôi rút ra một số vấn đề sau đây :

Digitized by Google

1- Trong bất cứ điều kiện và hoàn cảnh nào cũng phải luôn luôn đặt niềm tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành với lý tưởng cách mạng mà dân tộc ta, nhân dân ta, Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn. Có như vậy thì mới chủ động vận dụng sáng tạo đường lối chủ trương của Trung ương phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện cụ thể của địa phương. Đây là yếu tố quyết định tạo ra thắng lợi 20 năm qua và là tiền đề cho bước đường đi tới năm 2000, tiến vào thế kỷ 21.

Trước yêu cầu phát triển mới, với niềm tin và sự trung thành, cán bộ, đảng viên của thành phố cần không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt. Đi vào công cuộc đổi mới, cán bộ, đảng viên dù có ý chí tiến công, có nghị lực phấn đấu, cũng không thể thay thế được những hẫng hụt về kiến thức. Kinh tế thị trường, cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân..., rất nhiều vấn đề chúng ta chưa hiểu cặn kẽ. Đã vậy, có lúc, có nơi vận dụng lại thiếu chọn lọc. Vì vậy, mặt tích cực thì chưa phát huy đầy đủ, mặt tiêu cực lại có điều kiện phát sinh.

Niềm tin và sự trung thành cũng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải hiểu và phân tích thật khoa học, chính xác những đặc điểm của thành phố, từ vị trí địa lý, kinh tế - xã hội đến các đặc điểm tâm lý dân cư, đặt thành phố trong mối quan hệ tổng thể của cả nước, của phía Nam và trong quan hệ với bên ngoài, có như vậy mới có thể chủ động, sáng tạo trong mọi tình huống.

Niềm tin và sự trung thành sẽ giúp thành phố luôn luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, không hoang mang dao động trước mọi thách thức, không chủ quan trước mọi thời cơ, không lơ là buông lỏng nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Niềm tin ở đây không chỉ bắt nguồn từ truyền thống mà phải được bồi đắp bằng nhận thức khoa học trong mỗi cán bộ, đảng viên và đồng bào thành phố.

2 - Vai trò lãnh đạo của đảng bộ phải không ngừng được củng cố và tăng cường. Kinh nghiệm 20 năm qua ở thành phố cho thấy, các cấp từ quận, huyện đến phường, xã và cơ sở sản xuất, nơi nào tổ chức đảng giữ được vai trò lãnh đạo, thì nơi đó phong trào quần chúng được khơi dậy, sản xuất phát triển, các vấn đề kinh tế xã hội được giải quyết có hiệu quả, nội bộ đảng đoàn kết, nhất trí, mối quan hệ giữa đảng và nhân dân gắn bó, hiệu lực quản lý của chính quyền được nâng cao, pháp luật, kỷ cương được giữ vững. Bấy lâu nay, ở một số cơ sở liên doanh với người nước ngoài, có nơi tổ chức đảng bị vô hiệu hóa, hoặc rút vào "hoạt động bí mật", hoặc lãnh đạo kém hiệu quả, hình thức, đó là một sai lầm nghiêm trọng khiến cho nhiều nơi phải trả giá đắt, khiến cho các đảng viên ở đó hoang mang, công nhân ở đó bất bình và sản xuất gặp khó khăn. Đảng bộ thành phố chúng tôi đã thấy rõ những lúng túng và sai lầm này, kịp thời hướng dẫn hoạt động của tổ chức đảng và đoàn thể ở những cơ sở này. Quan điểm cơ bản mà đảng bộ thành phố hướng dẫn là phải khẳng định chủ quyền của đất nước, bình đẳng, cùng có lợi trong khuôn khổ pháp luật, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, chủ động, công khai, mềm dẻo và nắm chắc pháp luật để hoạt động, bảo đảm lợi ích của nhà nước, lợi ích của công nhân, lao động và của nhà đầu tư theo luật định. Cơ sở đảng ở Công ty liên doanh thép POSVINA, Công ty may Việt Tiến, Công ty may Nhà Bè... đã hoạt động theo quan điểm và nguyên tắc này. Lúc đầu phía nước ngoài chưa ủng hộ, thậm chí có hành vi tiêu cực, nhưng qua quá trình kiên trì giải thích, với bản lĩnh lãnh đạo của tổ chức đảng và từng đảng viên, các cơ sở đảng ở đây đã làm cho các đối tác nước ngoài đồng tình. Yếu tố quyết định để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở từng cơ sở, chính là trí tuệ của đảng viên, trí tuệ của tập thể từng đảng bộ, là tinh thần cách mạng tiến công và phẩm chất đạo đức cách mạng của mỗi đảng viên. Bấy lâu nay chúng ta quan tâm nhiều tới việc chống tệ tham ô, hối lộ, nhưng chưa thật quan tâm đầy đủ tới dũng khí chiến đấu của từng đảng viên, từng cơ sở đảng. Hai mặt này phải đi đôi với nhau, phải được coi trọng trong sinh hoạt đảng. Mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, sự chống phá của các lực lượng thù địch, đang làm tha hóa và nhụt khí chiến đấu trong một bộ phận đảng viên. Bài học sống động ở những đảng bộ vững mạnh đã làm sáng tỏ vấn đề này. Dũng khí chiến đấu của người cộng sản được đề cao, tệ tham nhũng bị đẩy lùi, uy tín của đảng viên sẽ tăng lên, quần chúng tin yêu và ủng hộ, phong trào có sức mạnh.

Đích cuối cùng của việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm tăng cường vai trò và bản lĩnh lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng tăng thêm sức chiến đấu. Càng đi vào đổi mới và chỉnh đốn Đảng, chúng tôi càng thấy rõ phải làm gì và làm như thế nào để Đảng mãi mãi

Digitized by Google

giữ được truyền thống vinh quang và niềm tin vững chắc của nhân dân.

3 - Trong tổ chức và lãnh đạo, đảng bộ, chính quyền thành phố, mặt trận và các đoàn thể nhân dân phải luôn luôn ở thế chủ động, có chủ trương chính sách đúng ; bám sát cơ sở, bám sát nhân dân, nhanh chóng tổng kết thực tiễn, khuyến khích phong trào người tốt việc tốt, kịp thời sửa chữa thiếu sót. Bộ máy chính quyền thành phố cần được tổ chức thật khoa học và hợp lý, phân công rành mạch đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ như Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) đã xác định.

4 - Công tác cán bộ có vai trò cực kỳ quan trọng. 20 năm qua, thành phố chúng tôi đã tự đào tạo được nhiều cán bộ. Trung ương cũng đã cung cấp nhiều cán bộ cho thành phố. Nhưng đến nay, đội ngũ cán bộ các loại vẫn còn thiếu và yếu. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; cải cách bộ máy hành chính ; đầu tư nước ngoài từ 1 tỉ rồi đến vài tỉ USD hàng năm..., tất cả khối lượng công việc đó đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ đông đảo có trình độ cao về bản lĩnh chính trị, về nghiệp vụ hành chính, về kiến thức kinh tế và pháp luật. Vấn đề đặt ra là : bên cạnh việc đào tạo cơ bản lớp cán bộ trẻ, phải tiến hành bồi dưỡng nâng cao trình độ và sử dụng đội ngũ cán bộ hiện có, biết kết hợp các thế hệ cán bộ, các loại cán bộ, kể cả những trí thức là người Việt ở nước ngoài đang muốn trở về thành phố cống hiến. Trong công tác cán bộ, cần tránh tư tưởng hẹp hòi, cầu toàn nhưng cũng không buông lỏng, dễ dãi ; tránh tư tưởng ân sẵn ; coi trọng điều tra, quy hoạch, đào tạo, cất nhắc, và có chính sách đãi ngộ đúng. Nguồn cán bộ của thành phố rất phong phú, thành phố có trên 80 ngàn trí thức đang làm việc, và đang được đào tạo với qui mô, số lượng ngày càng tăng, có gần 60 ngàn đảng viên từ 50 tuổi trở xuống, trong đó có gần 7 000 đảng viên dưới 30 tuổi ; nếu đảng bộ các cấp tổ chức tốt việc giáo dục và rèn luyện, thì đó sẽ là lực lượng cán bộ nòng cốt những năm sắp tới. Hướng vào tuổi trẻ, hướng vào công, nông, trí, làm tốt công tác phát triển Đảng, chắc chắn thành phố sẽ có được nhiều cán bộ tốt đáp ứng đòi hỏi nhiệm vụ to lớn của cách mạng.

MỘT SỰ CHỈ ĐẠO ...

(Tiếp theo trang 6)

thống ngụy quyền, báo hiệu một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt nam. Sài gòn - Gia định hoàn toàn giải phóng đã tạo điều kiện quyết định cho quân và dân đồng bằng sông Cửu long tiến công và nổi dậy giải phóng nốt các tỉnh còn lại của miền Nam bằng lực lượng tại chỗ của mình.

Có thể xem trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này như một trận tổng hợp sức mạnh tất thắng và tài thao lược Việt nam, một biểu hiện sáng chói của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ của quân dân ta, một sự phối hợp tuyệt đẹp về tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Điều này cắt nghĩa vì sao Đại thắng mùa Xuân 1975 lại gọn gàng và "sạch sẽ" đến như vậy, một trường hợp hiếm có trong lịch sử các cuộc chiến tranh.

Sự nhạy bén và sắc sảo trong chỉ đạo chiến lược còn thể hiện ở chỗ trong tiến trình của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, Bộ tổng tư lệnh đã ra lệnh cho các địa phương và Bộ tư lệnh Hải quân giải phóng các đảo thuộc chủ quyền của Tổ quốc. Việc này được thực hiện thắng lợi với lối đánh mưu trí, sáng tạo, bất ngờ.

Đại thắng mùa Xuân 1975 là đỉnh cao của nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng, đóng góp những kinh nghiệm quý báu vào kho tàng vốn đã cực kỳ phong phú của các hình thức và phương pháp cách mạng của Đảng ta.

Nhìn lại bước đường đã qua, chúng ta càng vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hiện nay. Đảng vẫn chứng tỏ là "trí tuệ, danh dự và lương tâm" của thời đại chúng ta.

Sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc phấn đấu theo định hướng của Đảng nhất định sẽ đẩy lùi được nguy cơ, vượt qua được thách thức, lợi dụng được thời cơ và vận hội mới để đưa đất nước tiến lên theo con đường đã lựa chọn.

Digitized by Google

Bình định tạo đà cho bước phát triển mới

NGUYỄN DUY QUÝ *

BÌNH ĐỊNH là tỉnh ven biển miền Trung, diện tích 6076km^2, dân số 1 407 000 người, là quê hương của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ - Quang Trung. Từ ngày có Đảng, nhân dân Bình định một lòng, một dạ đi theo Đảng, cùng với toàn quân, toàn dân hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trong chiến tranh, Bình định bị kẻ thù đánh phá khốc liệt, đảng bộ và nhân dân Bình định đã dũng cảm chiến đấu và chịu nhiều hy sinh tổn thất to lớn : hàng vạn liệt sĩ, thương binh ; hàng chục vạn nạn nhân chiến tranh ; trên 2/3 thôn, xóm bị triệt hạ, tàn phá ; nền kinh tế bị hủy diệt, hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn viện trợ bên ngoài ; các tệ nạn xã hội lan tràn... Ngay sau ngày giải phóng, đảng bộ và nhân dân Bình định bằng sức lực và trí tuệ của mình đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh và của thiên tai xảy ra liên tiếp, từng bước ổn định đời sống và phát triển sản xuất. Từ một tỉnh nghèo đi lên, trong vòng 10 năm (1976-1985), Bình định không những đã bảo đảm tự cân đối lương thực, mà còn dành được một phần làm nghĩa vụ với trung ương.

Qua những năm đổi mới, nhất là từ năm 1991 trở lại đây, Bình định đã có những chuyển biến rõ rệt, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Nền kinh tế tăng trưởng và phát triển với tốc độ tương đối khá. Năng lực sản xuất được giải phóng ; nhiều năng lực sản xuất mới tăng thêm ; tiềm năng các thành phần kinh tế từng bước được phát huy. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực. Nhiều mặt trên lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển đúng hướng. Đời sống nhân dân được ổn định, một bộ phận được cải thiện. Quốc phòng an ninh được củng cố ; giữ vững ổn định về chính trị.

Sở dĩ có được những kết quả đó là do đảng bộ chúng tôi đã tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau đây :

Một là, *chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu kinh tế, gắn liền với cải tiến quản lý kinh tế.*

Từ năm 1990, cơ cấu kinh tế của tỉnh bước đầu có chuyển biến theo hướng xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước.

Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (tháng 2-1992) khẳng định : Tiếp tục điều chỉnh và xây dựng cơ cấu kinh tế mới là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của tỉnh, tập trung phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, mở mang ngành nghề ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu với chất lượng ngày càng cao, lấy xuất khẩu làm mũi kinh tế quan trọng. Mở rộng các loại hình dịch vụ kinh tế - kỹ thuật, phát triển thương mại, du lịch. Phấn đấu tăng giá trị sản lượng bình quân hàng năm về công nghiệp là 5%, về nông nghiệp là 4%.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, những nội dung cơ bản nêu trên được cụ thể hóa và bổ sung, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị trên từng đơn vị canh tác, từng đơn vị sản phẩm. Đổi mới cơ cấu giá trị giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ trong nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng sinh thái, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Xây dựng các vùng nguyên liệu chuyên canh tập trung ; ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, vào sản xuất ; hạn chế tới mức thấp nhất việc sử dụng hóa chất có độc tố, để tạo

* Quyền Bí thư Tỉnh ủy Bình định

Digitized by Google

ra sản phẩm có chất lượng tốt, năng suất cao, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến và thị trường. Cụ thể là : ổn định diện tích trồng lúa 80 000 - 90 000 ha ở vùng tưới, tiêu chủ động ; dùng các giống lúa dài ngày, năng suất cao nhằm tăng diện tích 2 vụ lúa 1 vụ màu, giảm diện tích lúa 3 vụ bấp bênh và 1 vụ năng suất thấp. Phát triển 10 000 ha lạc, 5 000 ha mía, 5 000 ha đậu tương, 2 000 ha dâu, 1 500 ha thuốc lá sợi vàng, 1 500 ha chè, 10 000 ha dào lộn hột, thâm canh 17 000 ha dừa hiện có. Đẩy mạnh lai tạo đàn bò, lợn, phát triển mạnh gia cầm giống mới. Mở rộng diện tích nuôi tôm, kỹ thuật cao 3 000 ha. Bảo vệ, khoanh nuôi, đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, đạt 40% độ che phủ.

Về *công nghiệp*, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm địa phương. Coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các doanh nghiệp hiện có, làm ăn đúng hướng, có hiệu quả. Đầu tư xây dựng mới một số xí nghiệp trọng điểm có trình độ tiên tiến, hiện đại, có hiệu quả cao. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác chế biến khoáng sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Phát triển mạnh du lịch - dịch vụ, tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng. Phát triển và phân bố công nghiệp theo các vùng và địa bàn : nông nghiệp và nông thôn, đô thị và khu cụm công nghiệp, miền núi, trung du và miền biển. Bố trí cơ cấu đầu tư hợp lý, tập trung, ưu tiên cho các chương trình, dự án phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và vùng. Cụ thể là đầu tư mở rộng, nâng cấp các nhà máy đông lạnh xuất khẩu đạt công suất 2 000 tấn/năm. Xây dựng các nhà máy đường có công suất 1 000 - 3 000 tấn mía/ngày ; các nhà máy chế biến dầu thực vật. Nâng công suất các nhà máy sản xuất đá ốp lát đạt công suất 150 000 - 200 000m^2/năm ; xây dựng nhà máy gạch tuy nen, nhà máy nghiền clin-ke 500 000 tấn/năm, nhà máy bia 5 triệu lít/năm, các nhà máy tuyển imenít 50 000 tấn/năm...

Cùng với nhiệm vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chúng tôi coi trọng nhiệm vụ *cải tiến công tác quản lý kinh tế*. Thực tiễn ở Bình định đã cho thấy : nếu không cải tiến công tác quản lý kinh tế kịp thời thì không thể thực hiện thành công nhiệm vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ cải tiến quản lý kinh tế, kinh tế quốc doanh bước đầu được sắp xếp lại. Các hợp tác xã nông nghiệp đã thực hiện một bước giao khoán ruộng đất cho hộ xã viên. Kinh tế tư nhân ngày càng phát triển. Thị trường trong tỉnh nhộn nhịp, có tác dụng tích cực trong việc điều hòa cung cầu. Các ngành, các cấp trong tỉnh đã bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Việc cải tiến quản lý kinh tế từ năm 1986 đến năm 1990 đã có tác dụng góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Nhưng đó mới chỉ là kết quả bước đầu, còn nhiều lúng túng và hạn chế. Nguyên nhân của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế gặp nhiều khó khăn một phần là do kết quả cải tiến công tác quản lý kinh tế chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Vì vậy, bên cạnh việc xác định cụ thể nội dung chuyển đổi cơ cấu kinh tế, Tỉnh ủy đã nêu rõ nội dung cải tiến công tác quản lý kinh tế. Cụ thể là : tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả ; tăng cường hơn nữa quyền tự chủ của các doanh nghiệp đối với việc quản lý chặt chẽ vốn và tài sản của nhà nước thông qua chế độ kế toán và quy chế kiểm toán ; giải thể, chuyển thể những doanh nghiệp thuộc những lĩnh vực không trọng yếu, hoạt động kém hiệu quả. Đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ, bố trí cán bộ quản lý giỏi, công nhân có trình độ tay nghề cao cho các doanh nghiệp làm ăn đúng hướng, có hiệu quả, nhất là các doanh nghiệp ở các ngành, lĩnh vực quan trọng có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Nhanh chóng đổi mới cơ chế hoạt động của các doanh nghiệp phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, tách chức năng dịch vụ khỏi chức năng quản lý nhà nước ; tách lâm sinh ra khỏi chế biến trong sản xuất lâm nghiệp, chấn chỉnh và tăng cường thương nghiệp quốc doanh ; thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số doanh nghiệp. Đổi mới căn bản về tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng : giao quyền sử dụng ruộng đất, mặt nước, giao đất, khoán rừng ổn định lâu dài cho hộ nông ngư dân, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên ; hợp tác xã nông nghiệp liên kết với các doanh nghiệp nhà nước tổ chức dịch vụ cho hộ xã viên thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi và phát triển ngành nghề ở nông thôn ; hội đồng

Digitized by Google

liên minh các hợp tác xã giúp đỡ, hỗ trợ, hướng dẫn nhân dân tự nguyện thành lập các hình thức hợp tác mới trên các lĩnh vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, thương mại, dịch vụ. Tỉnh cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài phát triển và hoạt động đúng pháp luật.

Đến nay, về cơ bản, tỉnh đã hoàn thành việc bố trí, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, thống nhất quản lý theo ngành kinh tế kỹ thuật, giảm từ 184 doanh nghiệp xuống còn 86 doanh nghiệp, hầu hết đã đứng vững trong cơ chế thị trường, trên 1/3 doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả ; hoàn thành việc giao quyền sử dụng ruộng đất, mặt nước ổn định lâu dài cho hộ nông dân. Hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp, ở những mức độ khác nhau, đã tiến hành việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ; một số hợp tác xã đã bắt đầu hoạt động có hiệu quả tích cực. Nhiều hình thức hợp tác mới, tự nguyện của nhân dân xuất hiện. Số công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tăng thêm. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có nhiều tiến bộ. Từ năm 1991 đến năm 1994, tổng sản phẩm địa phương (GDP) tăng bình quân 8% (riêng năm 1994 tăng 11,2% so với năm 1993); thu ngân sách tăng liên tục với nhịp độ bình quân 22%-25%... Ngân sách của tỉnh đã đảm bảo cân đối được nhu cầu chi thường xuyên và một phần cho xây dựng cơ bản.

Tuy nhiên, công tác quản lý kinh tế hiện nay ở Bình định vẫn còn nhiều thiếu sót và sơ hở, cần phải được tiếp tục cải tiến nhiều hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

Hai là, *luôn luôn quán triệt trong toàn đảng bộ và nhân dân quan điểm giữ ổn định để đi lên.*

Đảng bộ và nhân dân Bình định nhất trí cao với quan điểm của Đảng, giữ ổn định để đi lên trong công cuộc đổi mới, xác định đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, thể hiện trên *ba* nội dung lớn : nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ ; xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân các cấp trong sạch, vững mạnh ; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội.

Chúng tôi coi xây dựng đảng là khâu then chốt, bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới. Đã tổ chức cho đảng viên và nhân dân quán triệt đường lối đổi mới của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, vận dụng các nghị quyết, quan điểm đổi mới của Đảng vào thực tiễn, đề ra những nghị quyết, chương trình hành động đúng đắn. Bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn, kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phê phán những nhận thức mơ hồ, lệch lạc, nâng cao cảnh giác đối với âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân, đảng ủy khối doanh nghiệp nhà nước đã được thành lập. Tổ chức đảng và các đoàn thể được sắp xếp theo địa bàn dân cư hoạt động có hiệu quả hơn trước, nội dung lãnh đạo toàn diện hơn. Một số đảng bộ, chi bộ yếu kém, mất đoàn kết đã được củng cố. Đến nay đã có trên 60% cơ sở đảng xây dựng được quy chế làm việc. Năm 1994, qua phân tích, có 43% cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ; 51% khá ; và 6% yếu. Số đảng viên tiên phong gương mẫu tăng lên, đảng viên đủ tư cách đạt 97,3%. Công tác phát triển đảng viên mới tăng đáng kể. Công tác kiểm tra đảng được chú ý ; việc xử lý kỷ luật có tác dụng giáo dục đảng viên, nâng cao chất lượng các đảng bộ, chi bộ. Đã bố trí bổ sung, thay thế một số cán bộ chủ chốt cho các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể, theo hướng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, khắc phục tình trạng hẫng hụt và không gây xáo trộn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, bước đầu có kết quả. Việc đánh giá, đề bạt, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện tốt hơn trước.

Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được xây dựng và củng cố. Cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999 được đông đảo cử tri hưởng ứng, 99,7% số cử tri đã đi bầu và kết quả tốt. Chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp dần dần được nâng cao. Năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước có tiến bộ, bộ máy được sắp xếp tinh gọn hơn.

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội đã từng bước được kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công tác, đã có nhiều hình thức

Digitized by Google

và phương pháp vận động, tập hợp quần chúng, tạo được một số chuyển biến tích cực trên cả ba mặt : tư tưởng, tổ chức và hành động cách mạng của quần chúng. Tỉnh đang có kế hoạch thực hiện cải cách hành chính theo Nghị quyết Trung ương 8. Trong công tác giữ gìn trật tự, an ninh, và quốc phòng, đã xuất hiện nhiều nhân tố mới trong phong trào nhân dân tự quản, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, tội phạm, thực hiện tốt luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, tổ chức huấn luyện và phòng thủ khu vực, địa bàn trọng điểm tốt. Việc giữ gìn an ninh nội địa, an ninh biên giới được chú ý tăng cường. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu được chỉ đạo thường xuyên. Cùng với nhân dân, đã phát hiện xử lý được nhiều vụ buôn lậu, tham nhũng, góp phần làm giảm rõ rệt tình hình buôn lậu qua cảng Quy nhơn. Có tiến bộ trong việc thường xuyên tiếp dân, lắng nghe và giải quyết các đơn thư khiếu nại của công dân, không để xảy ra điểm nóng.

Ba là, *chú trọng thực hiện chính sách xã hội, phát triển văn hóa.*

Bên cạnh những thành tựu về kinh tế, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có những chuyển biến tích cực. Sự nghiệp y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa thông tin tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, toàn tỉnh có 15 bệnh viện với trên 2 000 giường bệnh ; 136 bệnh xá xã và nhiều phòng khám khu vực ; cứ 1 vạn dân có 7 bác sĩ phục vụ, chất lượng khám, chữa bệnh tốt hơn. Các chương trình y tế quốc gia, cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống các bệnh xã hội được triển khai có kết quả. Năm học 1994-1995 số học sinh các cấp tăng 14 ngàn em so với năm trước. Toàn tỉnh hiện có 147 trường mẫu giáo, 299 trường phổ thông ; các loại hình trường lớp văn hóa, dạy nghề và phổ cập giáo dục tiểu học được mở rộng ; trung bình cứ 5 người dân có 1 người đi học ; đã phổ cập cấp I và xóa mù chữ cho 5 000 người. Các hoạt động văn hóa thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, thể dục thể thao, đời sống văn hóa cơ sở đều có bước phát triển ; văn hóa các dân tộc được chú ý bảo tồn và phát huy. Đã hoàn thành chương trình phủ sóng truyền hình của trung ương trên toàn tỉnh và nâng cao chất lượng sóng phát thanh. Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông hiện đại phát triển với nhịp độ nhanh. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, phát thanh, truyền hình... từng bước phát triển. Các chính sách xã hội, nhất là chính sách đền ơn đáp nghĩa, được bảo đảm. Chương trình xóa đói, giảm nghèo đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Đề án vay vốn giải quyết việc làm từ quỹ quốc gia đã góp phần tích cực vào việc giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập; cải thiện đời sống cho hàng vạn lao động. Đã đầu tư 3 100 triệu đồng để xây dựng các công trình kinh tế - xã hội miền núi. Kinh tế - xã hội các huyện miền núi bước đầu đã có chuyển biến tích cực. Đời sống nhân dân trong tỉnh nhìn chung ổn định ; trên 82% số hộ có mức sống từ trung bình trở lên, số hộ làm ăn khá giả ngày càng tăng thêm. Nhân dân phấn khởi, an tâm phát triển sản xuất, lòng tin vào Đảng, vào chế độ tiếp tục được củng cố.

* * *

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Bình định cũng còn nhiều tồn tại, yếu kém, cần được tiếp tục khắc phục. Đáng chú ý là : cơ cấu kinh tế chuyển đổi còn chậm ; tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao, chưa thật vững chắc và chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Cơ chế quản lý chuyển đổi còn lúng túng, chưa đồng bộ và còn nhiều sơ hở. Tổ chức bộ máy, năng lực tư duy và tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị chưa ngang tầm với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Thấy được những khuyết điểm yếu kém đó, đảng bộ và nhân dân Bình định đang ra sức phấn đấu, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân ; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ ; tăng cường xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, thực hiện một bước cải cách nền hành chính ; tiếp tục làm tốt công tác vận động quần chúng, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, nhằm xây dựng Bình định trở thành một tỉnh giàu mạnh ở miền Trung - Tây nguyên.

Digitized by Google

KHÁNH HÒA KHẲNG ĐỊNH BƯỚC ĐI TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

BÙI HỒNG THÁI *

KHÁNH hòa là một tỉnh không lớn, có diện tích tự nhiên 5 258km^2, 4/5 là rừng núi ; có 52 535 ha đất nông nghiệp, trong đó đất đưa vào trồng lúa 21 581 ha, 19 752 ha trồng rau màu, cây công nghiệp ; có trên 94 vạn dân, trong đó người Kinh chiếm 95,5%, ngoài ra còn có người Ra-glay, người Hoa, Ê-đê, Nùng, Mường, Thái...

Khánh hòa nằm trên các đầu mối giao thông quan trọng của cả nước với quốc lộ 1A, cảng biển, sân bay ; tài nguyên thiên nhiên như đất đai, khí hậu, biển, rừng, khoáng sản và đặc biệt tài nguyên con người là những nguồn lực rất quý, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, mạnh và vững chắc trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

*
* *

Biển là một trong những tiềm năng to lớn của Khánh hòa. Chỉ tính riêng khả năng khai thác hải sản cũng đã có khoảng 70 000 tấn/năm ở những ngư trường truyền thống. Khánh hòa còn có huyện đảo Trường sa, tổng diện tích mặt nước có tới hàng triệu ha có thể khai thác thủy sản. Năm 1994, sản lượng hải sản đạt 40 400 tấn. Dự kiến năm 2000 đạt sản lượng đánh bắt là 53 000 tấn, nuôi trồng 2 500 tấn trong đó xuất khẩu đạt giá trị 30-35 triệu USD.

Xét về cơ sở vật chất của kinh tế biển nói chung và phương tiện đánh bắt, nuôi trồng hải sản nói riêng thì Khánh hòa hiện còn ở trình độ phát triển thấp. Chúng tôi đang xây dựng và thực hiện một chiến lược phát triển kinh tế biển. Chiến lược đó trước hết là tập trung đầu tư xây dựng lực lượng khai thác hải sản (hiện có 5 700 tàu thuyền với tổng công suất 70 000 CV) và cơ sở hạ tầng phục vụ nghề cá tương xứng với tiềm năng vùng biển. Khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng ngư trường, vươn mạnh ra biển xa ; đánh, bắt phải đi đôi với bảo vệ nguồn lợi. Xây dựng công nghiệp chế biến hải sản hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm hải sản cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Tiếp tục đẩy mạnh việc nuôi trồng hải sản, coi đây cũng là một hướng đi chiến lược, vừa tạo ra nguồn sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao, vừa có tác dụng chuyển dịch cơ cấu ngành khai thác ven bờ.

Xét về trình độ phát triển, Khánh hòa hiện vẫn còn là một tỉnh nông nghiệp với trên 80% số dân sống ở nông thôn, với diện tích canh tác ít nên sản lượng lương thực hằng năm chỉ dưới 200 000 tấn, bình quân lương thực đầu người chỉ có trên 200 kg, hầu hết 30-40% hộ nghèo trong toàn tỉnh là ở nông thôn. Xét về vai trò kinh tế, sản xuất nông nghiệp tạo ra những nguyên liệu thiết yếu, chủ chốt cho công nghiệp chế biến là ngành chủ công ngày càng quan trọng của Khánh hòa.

Vì vậy, Khánh hòa luôn coi việc phát triển nông nghiệp là một chiến lược kinh tế quan trọng. Chúng tôi đang thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng đa canh, đa dạng hóa sản phẩm, vừa phát triển nhanh nông nghiệp thuần, bảo đảm nâng cao độ an toàn lương thực, vừa phát triển nhiều ngành nghề, đặc biệt các ngành nghề truyền thống ở nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây thực phẩm và chăn nuôi ; không ngừng nâng cao tỷ suất hàng hóa bằng áp dụng giống mới, kỹ thuật mới và chế biến tại chỗ. Đến cuối năm 1995 đưa chăn nuôi lên 25-30% giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Trong khi tiếp tục phát triển toàn diện các ngành sản xuất nông nghiệp, chúng tôi tập trung vào *4 chương trình lớn* : chương trình sản xuất lương thực, chương trình mía đường, chương trình chăn nuôi và chế biến thịt sữa, chương trình sản xuất rau quả và cây ăn trái.

Mục tiêu của 4 chương trình là nhằm khắc phục sự lạc hậu của nông nghiệp, từng bước chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Khánh hòa theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Hệ thống công nghiệp Khánh hòa tuy chưa đồng bộ và trình độ hiện đại còn thấp, song đó là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong GDP. Năm 1994, công nghiệp đạt giá trị 313,4 tỉ đồng. Trong đó, công nghiệp quốc doanh đóng góp gần 50% tổng

* Bí thư Tỉnh ủy Khánh hòa

Digitized by Google

thu ngân sách của tỉnh. So với một số tỉnh, tỷ trọng công nghiệp trong GDP của Khánh hòa ở mức tương đối khá (năm 1994, Chính phủ giao thu ngân sách từ công nghiệp địa phương ở Khánh hòa là 183,6 tỉ đồng, trong tổng số thu từ công nghiệp địa phương của cả nước là 2663 tỉ đồng).

Công nghiệp Khánh hòa chủ yếu là ngành chế biến nông, lâm, hải sản, khoáng sản. Khánh hòa có tiềm năng rất lớn về hải sản, nông, lâm sản, khoáng sản. Đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sẽ làm tăng giá trị các mặt hàng này, nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân và toàn dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng nông thôn rộng lớn, đông dân và hướng về xuất khẩu, từng bước thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn.

Phát triển công nghiệp chế biến sẽ thúc đẩy sự phát triển các ngành khác như khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, du lịch, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng...

Để thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng *công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ và du lịch*, Khánh hòa coi công nghiệp là ngành kinh tế hàng đầu, tập trung vào công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy, hải sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng... Đồng thời chú trọng phát triển các ngành may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, lắp ráp điện tử, phục vụ nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu theo hướng tăng sản lượng thành phẩm xuất khẩu, giảm dần sản lượng xuất khẩu chưa qua chế biến.

Rừng núi Khánh hòa chiếm 80% diện tích tự nhiên ; diện tích rừng hiện có hàng chục vạn ha với trữ lượng gỗ hàng chục triệu m^3, đó là một nguồn lợi rất lớn. Chúng tôi đang tích cực thực hiện giao khoán rừng, đất rừng cho tập thể và từng hộ gia đình, gắn với từng dự án cụ thể và việc định canh định cư của đồng bào dân tộc ít người, bảo đảm tái tạo tài nguyên rừng và triệt để bảo vệ rừng đầu nguồn.

Tận dụng và khai thác tiềm năng thiên nhiên và vị trí thuận lợi để mở mang mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ, du lịch, điều dưỡng và chữa bệnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch. Phối hợp với các ngành hữu quan để thực hiện dự án cho tổ chức du lịch quốc tế tư vấn, tạo ra tại Khánh hòa một quần thể du lịch hấp dẫn, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với khách du lịch quốc tế, theo mô hình du lịch văn hóa- lịch sử, kiên quyết ngăn chặn xu hướng du lịch sex.

Chúng tôi đang thực hiện các biện pháp có hiệu quả để khuyến khích kinh tế cá thể và tư nhân đầu tư phát triển các loại hình kinh tế, nhất là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khai thác đất trống đồi trọc để trồng rừng và cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, ra khơi đánh cá ; xây dựng cơ sở sản xuất và cơ sở hạ tầng, nhất là chế biến nông - lâm - thủy sản và dịch vụ du lịch, dịch vụ sản xuất, khuyến khích kinh tế hộ gia đình phát triển .

Về mặt khoa học và công nghệ, Khánh hòa chủ trương áp dụng công nghệ mới để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, đặc biệt chú trọng các ngành kinh tế mũi nhọn và thế mạnh của tỉnh. Nhập và tạo các giống mới, áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Có chính sách và biện pháp hữu hiệu để đào tạo nhân tài, thu hút và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, các nhà quản lý kinh doanh và công nhân lành nghề. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, mở rộng hệ thống trường lớp dạy nghề, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý. Thực hiện phổ cập giáo dục bậc tiểu học ở thành phố Nha trang và các thị trấn huyện đồng bằng. Gắn quá trình giáo dục và đào tạo với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xã hội hóa giáo dục.

Chúng tôi cố gắng giảm mức tỷ lệ sinh đẻ hằng năm 0,7-0,6%. Tích cực xóa đói giảm nghèo trong phạm vi toàn tỉnh, nhất là ở vùng nông thôn và miền núi. Mặc dù nông thôn Khánh hòa hiện có trên 10 000 hộ mỗi năm có thu nhập ròng từ 5 triệu đồng trở lên, có hộ thu từ 50 đến 100 triệu, nhưng vẫn còn 30-40% hộ nghèo. Trong đó, có 18% hộ thiếu đói lúc giáp hạt hoặc thu nhập bình quân đầu người 30 000đ/tháng. Ở các vùng miền núi, số hộ nghèo còn nhiều hơn. Tình hình đó đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh phải thật sự chăm lo đến đời sống của toàn dân, đặc biệt là bộ phận còn nghèo đói. Đồng thời từng bước cải thiện điều kiện phòng bệnh, chữa bệnh, học tập, hưởng thụ văn hóa văn nghệ và đi lại của nhân dân. Kiên quyết chống văn hóa độc hại, đồi trụy, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống lao động, nếp sống văn minh.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của Khánh hòa đã xác định những phương hướng lớn và các cân đối lớn, ưu tiên phát triển những ngành sớm đưa lại hiệu quả và tạo ra việc làm, nêu lên các dự án đầu tư lớn ; đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là một định hướng quan trọng của tỉnh ; tăng cường liên doanh, liên kết và hợp tác với các địa phương trong nước và ngoài nước. Mục tiêu trong những năm tới là mỗi năm tăng 8-10% GDP, 12-13% công nghiệp, 4% nông nghiệp, đạt trên 60 triệu USD xuất khẩu ; thu ngân sách đạt 24-25% GDP của tỉnh ; phấn đấu đưa tỷ trọng công - nông nghiệp - dịch vụ và du lịch trong GDP từ 26,4% - 21,4% - 52,2% năm

(Xem tiếp trang 31)

Digitized by Google

PHẢN ÁNH LUẬN VÀ MỘT VÀI VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC

TRẦN ĐÌNH SỬ *

PHẢN ánh luận Mác - Lê-nin cùng với vấn đề quan hệ văn học và hiện thực là những nguyên lý lý luận được nhiều người quan tâm. Nhưng lâu nay do cách hiểu khác nhau nên dẫn đến những cách vận dụng khác nhau. Thậm chí có nơi có lúc lại vận dụng một cách máy móc, thô thiển. Tìm hiểu thấu đáo những vấn đề lý luận vốn tưởng như quen thuộc ấy, nhìn nhận chúng một cách thực sự cầu thị và khoa học, đang là yêu cầu bức thiết của chúng ta . Trong bài này, tôi nêu lại cách hiểu về phản ánh luận và ý nghĩa của nó đối với một vài vấn đề lý luận văn học.

Phản ánh luận Mác - Lê-nin là lý luận về quá trình nhận thức của con người, là bước phát triển mới trên cơ sở phát hiện những nhược điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật cũ, "là sự vật, hiện thực, cái có thể cảm giác được, chỉ được nhận thức dưới hình thức *khách thể* hay hình thức *trực quan*, chứ không được nhận thức là *hoạt động cảm giác của con người*, là *thực tiễn* ; không được nhận thức về mặt chủ quan"(1). Cả Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đều coi trọng tính năng động chủ quan của ý thức con người.

Tuy vậy, nhìn sự vật từ phương diện chủ quan không có nghĩa là chủ quan chủ nghĩa hay xóa bỏ ranh giới chủ thể và khách thể, ý thức và tồn tại, trở lại truyền thống bất khả tri. Ăng-ghen trong *Chống Đuy-rinh* chủ trương phân biệt rõ "vật và phản ánh của vật trong tư tưởng", và Lê-nin, vào thời của mình, đã dựa vào những tiền đề của Ăng-ghen mà phát triển thành lý thuyết phản ánh trong *"Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"*. Đó là một bước tiến của nhận thức luận mác xít.

Bước tiến này thể hiện ở mấy điểm :

+ Trước hết, *phản ánh* được xem là một *thuộc tính phổ biến của vật chất*. Thuộc tính phản ánh có cả một lịch trình tiến hóa trong tự nhiên và trong xã hội. Trong các hình thái ý thức xã hội khác nhau, thuộc tính phản ánh cũng khác nhau.

+ Thứ hai, khái niệm phản ánh của Ăng-ghen và Lê-nin không mang ý nghĩa trực quan, hằng ngày như phản chiếu của chiếc gương, mà được hiểu như là một *nguyên tắc của nhận thức*. Đã là nhận thức thì hình ảnh nhận thức phải phù hợp với đối tượng của nó. Hình ảnh ở đây không có nghĩa chỉ là hình ảnh cảm tính, mà cũng có nghĩa là hình ảnh trừu tượng, khái niệm, suy lý, tư duy. Còn hiện tượng "chụp lại", "chép lại" không có ý nghĩa là sao chụp sự vật cụ thể hằng ngày, mà là nguyên tắc phù hợp khách quan giữa hình ảnh phản ánh và vật được phản ánh, yếu tố làm cho chân lý cũng là một cái khách quan, không phụ thuộc vào con người và loài người. Chính cái khả năng của ý thức con người "chụp ảnh, sao chép" thực tại trên mọi cấp độ, dưới mọi hình thức, đã làm cho con người có thể nhận thức được thực tại, phân biệt cái này với cái kia.

+ Thứ ba, "nhận thức là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người. Nhưng đó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh mà là một quá trình cả một chuỗi những sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành ra các khái niệm, quy luật v.v. và chính các khái niệm, quy luật này v.v. (tư duy, khoa học = "ý niệm lô gíc") *bao quát* một cách có điều kiện, gần đúng tính quy luật phổ biến của giới tự nhiên vĩnh viễn vận động và phát triển"(2).

Xác định *thuộc tính phản ánh* có tính phổ biến là để khẳng định cội nguồn vật chất của hình thức phản ánh và của ý thức con người nói chung. Xác định *nguyên tắc phản ánh* để ý thức rõ *nhiệm vụ phản ánh* của ý thức con người. Vì ý thức xã hội không bao giờ bao quát được toàn vẹn cái chuỗi

* PGS, PTS văn học, Chủ nhiệm Khoa ngữ văn Đại học quốc gia

(1) C. Mác - Ph.Ăng - ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tI, tr 252

(2) V.I. Lênin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1980, t29. tr.192

Digitized by Google

tất yếu của đời sống xã hội do hoạt động đa dạng của con người tạo ra, Lê-nin nói : "Nhiệm vụ cao quý nhất của loài người là bao quát được cái lôgic khách quan ấy của cuộc tiến hóa kinh tế (cuộc tiến hóa của tồn tại xã hội) trong những nét chung và cơ bản, để làm cho ý thức xã hội của loài người và ý thức của những giai cấp tiên tiến của tất cả những nước tư bản thích ứng *với lô gic đó* một cách hết sức rõ ràng và sáng sủa, với tinh thần phê phán" [3]. Nếu hiểu phản ánh theo tinh thần hiện đại, xem nội dung phản ánh là thông tin, thì việc lưu giữ, xử lý thông tin là nhu cầu của mọi hệ thống tự phát triển, như vậy phản ánh cũng là chức năng của mọi hệ thống tự phát triển, cũng tức là nhiệm vụ của các hệ thống đó. Theo quan niệm đó, ý thức là chức năng của não, đảm bảo cho hoạt động sống của con người trong thế giới, không thể không làm nhiệm vụ phản ánh thế giới - thế giới bên ngoài và cả thế giới bên trong con người ! Khẳng định thuộc tính phản ánh để đi đến phủ định nguyên tắc phản ánh và nhiệm vụ phản ánh thực tại của ý thức, chỉ là một cách hiểu sai lầm và hời hợt.

Khoa học ngày nay đã hiểu phản ánh một cách sâu sắc hơn và cụ thể hơn. Ngay trường hợp giản đơn như chụp ảnh, miêu tả một vật thể chẳng hạn, thì phản ánh là sự tái hiện vật thể được phản ánh dưới một hình thức khác, trong một khách thể khác, sao cho cấu trúc của khách thể được phản ánh giữ được tính tương tự trong khách thể phản ánh. Hoặc như việc miêu tả bằng lời một vật thể trong không gian buộc người miêu tả phải chuyển cấu trúc trong không gian của vật thể thành thứ tự trước sau của lời trong thời gian - hoặc là tả trên trước dưới sau, hoặc trong trước ngoài sau, hoặc dưới trước trên sau... tức là chuyển cấu trúc của cái được phản ánh từ lập thể sang mặt phẳng, hoặc từ trật tự không gian sang trật tự thời gian. Như vậy, phản ánh gắn liền với mã hóa, phản ánh tất yếu là sự biến đổi, chỉ có cấu trúc là giữ được mức độ tương đồng trong sự chuyển dịch. Đặc điểm của phản ánh là yếu tố thực hiện sự phản ánh phải có năng lực giữ lại các dấu vết phản ánh, tức là những phản ánh đã mã hóa. Nhờ vậy, mọi sự phản ánh ở cơ thể sống đều là phản ánh đón trước, tạo thành một quan hệ nhân quả mới, là nhân quả thông tin : vật tác động trở thành tín hiệu đo đánh thức những phản ánh đã mã hóa trong ý thức. Hình tượng của khách thể sản sinh trong ý thức là sản phẩm sáng tạo trong ý thức như là kết quả của sự giải mã các tín hiệu. Tính chất phản ánh - thông tin này làm cho mọi sự phản ánh đều mang tính chất chức năng, thực hiện những chức năng đặc thù trong các tác động qua lại, trở thành nhân tố đặc thù quy định hành vi của các hệ thống vật chất phản ánh. Ở đây, nội dung phản ánh đóng vai trò tích cực đối với hệ thống phản ánh, kích thích nó hành động.

Chính quy luật phản ánh chức năng này đã phân hóa ý thức xã hội thành các hình thái ý thức đặc thù, mỗi hình thái có nội dung riêng, có hệ thống tín hiệu riêng, quy tắc giải mã riêng. Do đó, không phải là do nghệ thuật có tính đặc trưng, đặc thù mà người ta không thể vận dụng lý luận phản ánh vào đó được, mà ngược lại, do sự phân hóa của quy luật phản ánh của ý thức mà tạo thành tính đặc thù của nghệ thuật. Vì vậy, gạt bỏ khái niệm phản ánh để tìm đặc trưng của nghệ thuật là một cách làm không phù hợp với lịch sử văn học và không có triển vọng.

Nhiều khi, không ít người đem đối lập phản ánh và sáng tạo, cho rằng trong phản ánh chỉ liên quan tới tính tích cực của tác động, chỉ trong sáng tạo thì mới có vai trò tích cực của chủ thể, do vậy phản ánh luận không thể là cơ sở của lý luận về nghệ thuật. Cần phải nói ngay rằng việc nhấn mạnh tính khách quan của phản ánh, và khách quan đây được hiểu là không phụ thuộc vào con người và loài người, không hề có nghĩa là chủ thể không có vai trò của nó. Tuy vậy, vai trò của chủ thể sáng tạo trong nhận thức chân lý khách quan ở đây nên được hiểu như thế nào, đang là vấn đề của khoa học. Điều thú vị là vào những năm 20, nhà tâm lý học X.L. Ru-bin-stê-in cho rằng tính khách quan thống nhất với tính tích cực sáng tạo; muốn đạt tới tính khách quan thì phải có yếu tố tích cực sáng tạo. Và ông lại hình dung sự thống nhất này qua sáng tạo nghệ thuật. Theo ông, tri giác con người ta không thể nhận ra các mối liên hệ bên trong của sự vật. Theo Can-tơ, các mối liên hệ bên trong là cái duy nhất mà khách thể không cung cấp cho con người qua tri giác và biểu tượng, và do đó có thể xem chúng như là "vật tự nó". Nhưng muốn nắm bắt chúng, nhà nghệ sĩ có thể cấu tạo lại các hiện tượng, biểu tượng, sao cho tạo thành một chỉnh thể độc lập, tự tại. Nghệ sĩ có thể giả định các mối liên hệ bên trong một cách chủ quan, rồi xây dựng hình tượng theo các mối liên hệ đó. Nếu hình tượng có sức thuyết phục thì có nghĩa là giả thiết kia là chân thực, có tính khách quan. Nếu ngược lại, thì giả thiết kia là hỏng. Ở đây việc sáng tạo thế giới tưởng tượng được xem như một hoạt động thực tiễn đặc thù mà trực giác, kinh nghiệm có thể kiểm nghiệm [4]. Vấn đề đáng chú ý ở đây là

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 18, tr 403

Digitized by Google

nguyên tắc phản ánh lại được chứng minh bằng sự thống nhất với nguyên tắc sáng tạo trong nghệ thuật. Phản ánh không giản đơn là cung cấp nguyên liệu, tư liệu cho sáng tạo như là cách quan niệm trực quan thường hiểu, mà bản thân phản ánh chỉ thực hiện được bằng sáng tạo, *phản ánh là sáng tạo*, bởi đó là phản ánh các mối liên hệ bên trong. Và trong quan hệ thống nhất giữa nguyên tắc phản ánh và nguyên tắc sáng tạo này, nghệ thuật hoàn toàn chẳng khác gì với khoa học cả. Cái quan niệm cho rằng khoa học thì thực hiện theo nguyên tắc phản ánh còn nghệ thuật thì thực hiện theo nguyên tắc sáng tạo, thiết nghĩ chẳng có cơ sở nào. Sự khác biệt của khoa học và nghệ thuật là ở nội dung và hình thức tương ứng với nội dung đó, chứ không khác biệt ở nguyên tắc phản ánh và sáng tạo. Không có sáng tạo thì không có cả nghệ thuật và khoa học đích thực, và không có nguyên tắc phản ánh thì chẳng những không có khoa học đích thực, mà nghệ thuật cũng sẽ rơi vào bịa đặt, viển vông, xuyên tạc. Tôn Ngộ Không trong *Tây Du ký* có thể nhảy một cái bay xa một vạn hai nghìn dặm, nhưng hình tượng nhân vật này không hề thoát ly trần thế, xa rời mảnh đất hiện thực.

Chủ thể sở dĩ có được tính tích cực sáng tạo là do nó có khả năng phản ánh đón trước. Ý thức chủ thể không phải như một tấm bảng trắng để cho thực tại viết lên những chữ của nó, mà tấm bảng đã "có chữ" do tích lũy kinh nghiệm phản ánh mà có được (Lê-nin từng nói : hình thức lôgíc là kết quả lặp lại hàng triệu lần những phương thức lôgíc trong thực tiễn).

Mặt khác, cái hiện thực mà người ta thường đặt đối diện với văn học nghệ thuật cũng không phải là một hiện thực tự nó, hoàn toàn khách quan, trung lập, mà là cái hiện thực đã được nhận thức và đánh giá, đã được thẩm mỹ hóa, nhưng chưa định hình, dễ nhào nặn. Do vậy, thực chất của quan hệ văn học phản ánh hiện thực bao giờ cũng được thực hiện trong một phạm vi của một quan niệm nhất định về đời sống. Và đổi mới việc phản ánh hiện thực cũng có nghĩa là chủ thể phải thay đổi quan niệm về hiện thực. Quan niệm về hiện thực là một lĩnh vực liên quan đến tư tưởng, văn hóa, truyền thống và cá tính sáng tạo của nghệ sĩ. Đổi mới việc phản ánh cũng gắn liền với việc đổi mới phong cách tư duy.

Có thể nhận thấy rằng lý luận phản ánh hiện đại trên cơ sở vẫn giữ nguyên các nguyên lý cơ bản của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, đã được nghiên cứu sâu thêm nhiều về phương diện chủ quan của phản ánh, cơ chế của phản ánh, hệ hình của phản ánh, chủ thể của phản ánh, sáng tạo của phản ánh. Điều này thể hiện trong quan niệm tâm lý học về phản ánh, lý thuyết về nội tỉnh (Vư-gốt-xky), về phản ánh đi trước (A-mô-khin), về tính chủ quan, thiên vị của phản ánh (Lê-ôn-chi-ép), về nguyên tắc sáng tạo của phản ánh (Ru-bin-stê-in). Cơ chế mã hóa và tính ước lệ, tính thao tác của phản ánh tâm lý cũng đã được vạch ra. Tính mục đích, quy luật giá trị, phong cách phản ánh cũng được nghiên cứu. Tất cả các bình diện chủ quan này của phản ánh đều là sự tiếp tục hướng nghiên cứu mặt "năng động", "cảm tính", "chủ quan" mà Mác đã vạch ra từ *Luận cương về Phơ-bách* nhằm khắc phục chủ nghĩa duy vật siêu hình. Đó chính là những điều mà những người muốn hạ thấp vai trò phương pháp luận của lý thuyết phản ánh có thể là chưa hề biết tới.

Tất nhiên, phản ánh luận là cơ sở hàng đầu chứ không phải là duy nhất. Các lý thuyết chuyên ngành như mỹ học, lý thuyết hệ thống, lý thuyết giao tiếp, lý thuyết ký hiệu, lý thuyết sáng tạo, tâm lý học, văn hóa học, xã hội học, lý thuyết giá trị... đều là không thể thiếu để nghiên cứu văn học và lý luận văn học, bởi vì văn học là một hình thái đặc thù của hoạt động sống của con người, một hình thái vừa có cái chung với các hoạt động khác, vừa có tính đặc thù. Có thể nói, hoạt động văn học phát sinh từ hoạt động sống nội cảm của con người. Khi nhu cầu đời sống tinh thần được kích thích đến cao độ, con người có nhu cầu sáng tác văn học để biểu hiện mình, để giao tiếp với đồng loại. Điểm xuất phát của chủ nghĩa Mác là con người sống, hoạt động, và từ quá trình sống thực tế của họ mà phơi bày sự phát triển của phản ánh và hồi vọng của quá trình đó trên phương diện hình thái ý thức. Con người dĩ nhiên có phương diện sinh vật và nhu cầu sinh vật, nhưng theo Mác, chính cái "hoạt động sống có ý thức đã trực tiếp phân biệt con người với con vật" (*Bản thảo kinh tế học - triết học 1844*). Nói hoạt động sống có ý thức, cũng có nghĩa là nói nó có mục đích : Không ai có thể làm một cái gì đó mà lại không vì một nhu cầu nào đó, hoặc vì cái cơ quan của nhu cầu đó. Nhưng nói hoạt động sống có ý thức, chủ yếu là nói tới đời sống tinh thần. Con người trong hoạt động vật chất để cải tạo thế giới và chính mình, nhưng toàn bộ hoạt động sống đó được cảm nhận bằng thể nghiệm và nội cảm. Do vậy, nói tới cuộc sống con người là nói tới sự thể nghiệm và cảm nhận đời sống, qua

(4) X L. Ru-bin-stê-in : "Nguyên tắc của hoạt động sáng tạo", tạp chí *Những vấn đề triết học* (tiếng Nga), số 4, năm 1980, tr 90-94

Digitized by Google

đó mà tự đánh giá và bày tỏ thái độ, tình cảm với những gì mình cảm thấy và làm ra. Mác nói : "toàn bộ lịch sử là sự chuẩn bị để cho con người trở thành khách thể có ý thức cảm tính và để cho nhu cầu của con người với tư cách là người được trở thành nhu cầu. Từ những điều đó có thể suy ra : đặc trưng của cuộc sống con người là sự tự ý thức của nó. Cấu trúc của văn học hoàn toàn là sự phản ánh của cấu trúc tự ý thức của con người. Nếu hiểu tri thức mà theo Mác, là phương thức tồn tại của ý thức, là cách thức để một vật nào đó được tồn tại đối với ý thức con người, thì cấu trúc văn học bao gồm *một mặt* là sự tái hiện lại thế giới dưới dạng hình tượng về khách thể, và *mặt khác* là thái độ tình cảm của nhà văn đối với thế giới đó. Sự tự ý thức đòi hỏi chủ thể phải là một cá thể, do vậy cá tính của tác giả trở thành yếu tố cấu trúc nội tại. Hai phương diện của cấu trúc ý thức đó được biểu hiện qua cấu trúc chất liệu - văn bản ngôn từ. Mỹ học biểu hiện (chẳng hạn như Crô-xe (Benedetto Croce, 1866-1952) và những người nối tiếp quan niệm) chỉ biết có khâu chủ thể trực giác - biểu hiện - trữ tình. Nếu đúng như vậy, thì thử hỏi làm sao có thể sáng tạo được một bức tranh đồ sộ mang nội dung lịch sử sâu sắc như *Chiến tranh và hòa bình* ? Giải thích lý luận phản ánh theo cách thô thiển thì chỉ thấy phản ánh ở mỗi việc miêu tả sự kiện, nhân vật, sự thật ; mà không thấy nó bao gồm toàn bộ : cả bức tranh đời sống ; cả ý nghĩ, thái độ, tình cảm của nhà văn ; cả bản thân cấu trúc văn học (vốn là sự phản ánh của cấu trúc ý thức con người). Chính vì vậy mà phải thừa nhận lý luận phản ánh có ý nghĩa quan trọng hàng đầu để giải thích về nghệ thuật. Đồng thời, phản ánh luận, nếu được hiểu sâu sắc và toàn diện, không hề bài xích các học thuyết phiến diện khác, trái lại có thể bao dung và đặt chúng vào vị trí cần phải có. Ngược lại, nếu dựa vào một số nguyên lý, luận điểm của lý luận từng mặt (chẳng hạn dùng lý thuyết văn học là nghệ thuật biểu hiện tình cảm, hay văn học nghệ thuật là tưởng tượng) để bác lại lý luận phản ánh có tính phổ quát thì đó là một việc làm không có ý nghĩa.

Thừa nhận mọi hình thái ý thức xã hội đều là sự phản ánh của đời sống xã hội thì con đường đi tìm đặc trưng nghệ thuật thông thường là xác định đối tượng đặc thù và hình thức phản ánh đặc thù. Có người men theo con đường này và chỉ ra đối tượng của văn học nghệ thuật không phải là đời sống xã hội, hiện thực xã hội, mà chỉ là đời sống cá nhân, tâm linh, vô thức, tình cảm cá nhân như niềm vui, nỗi buồn, nỗi đau. Đó lại cũng là một cách hiểu siêu hình về con người. Làm thế nào mà tách được cái hiện thực xã hội, đời sống xã hội ra khỏi con người, khi mà bản thân xã hội, chế độ chính trị lại chính là cái gắn chặt với số phận của con người ; khi mà một trong những nỗi đau nhức nhối của con người lại là nỗi đau trước các vấn đề xã hội ? Điều đáng suy nghĩ là một số tác phẩm của thời kỳ vừa qua được mệnh danh là văn học về con người lại nổi tiếng trước hết ở âm hưởng chính trị , xã hội. Rõ ràng, lý luận giả tạo luôn luôn mâu thuẫn với thực tế văn học và đời sống.

Xem văn học là một cái gì hoàn toàn đặc thù, tách bạch với các hình thái ý thức xã hội khác, cũng lại là một biểu hiện của quan điểm siêu hình. Ở đây, thiết nghĩ, ý kiến của nhà lý luận văn học Nga M.Ba-khơ-tin đáng được chú ý. Ba-khơ-tin viết : "Đặc trưng cơ bản của cái thẩm mỹ làm cho nó khác hẳn với nhận thức và hành vi (đạo đức) là tính chất cảm thụ, tiếp nhận chính diện của nó : Cái hiện thực đã được nhận thức và đánh giá bằng đạo đức được đặt trước hành động thẩm mỹ đã chuyển thành tác phẩm (đúng hơn là thành khách thể thẩm mỹ) và trở thành yếu tố cấu tạo tất yếu ở đấy. Với ý nghĩ đó, ta có thể nói : quả thật, cuộc sống không chỉ nằm ở ngoài nghệ thuật, mà còn nằm trong nghệ thuật, nội tại trong nghệ thuật, với tất cả sức nặng toàn vẹn về giá trị của nó về các mặt xã hội, chính trị, nhận thức và các mặt khác. Nghệ thuật phong phú chứ không khô khan, không đặc thù ; nhà nghệ sĩ chỉ là nhà chuyên môn như là một nghệ nhân, tức là chỉ trong quan hệ với chất liệu" (5). Điều đáng chú ý ở đây là quan niệm của Ba-khơ-tin về đặc trưng nghệ thuật : nghệ thuật vừa *đặc thù*, vừa *không đặc thù*. Không thấy tính đặc thù của nghệ thuật cố nhiên là sai, nhưng không thấy tính không đặc thù cũng là rất sai, bởi vì nó trái ngược với thực tế văn học. Chẳng phải là cái cách chúng ta đánh giá một nhân vật ngoài đời và trong tác phẩm về các mặt chính trị , đạo đức, văn hóa, trí tuệ, thẩm mỹ,... là rất giống nhau đó sao ? Chỉ khác một điều là trong tác phẩm nhân vật được hư cấu sáng tạo sao cho sự đánh giá đó là đích đáng nhất, phù hợp với mong muốn của ta nhất, còn nhân vật ngoài đời thì thường phức tạp hơn. Điều này chứng tỏ văn học bao giờ cũng là sự thể hiện thế này hay thế khác của lý tưởng, và đó là bằng chứng cho việc phản ánh đời sống tinh thần của thời đại trong văn học, là lý do để xếp văn học vào các hình thái ý thức xã hội. Nhưng khác với các hình thái ý thức xã hội khác, văn học, nghệ

(5) M.Ba-khơ-tin : *Những vấn đề văn học và mỹ học* (tiếng Nga), Mát-xcơ-va, 1975, tr 29

Digitized by Google

thuật là lĩnh vực hình thái ý thức lửng lơ trên tầng cao nhất của cấu trúc xã hội, bên trên cả chính trị, pháp luật, tôn giáo ; là lĩnh vực của ý thức thẩm mỹ. Đó là lĩnh vực không vụ lợi ích thiết thực, trước mắt, mà vụ lợi ích lâu dài, là sự hài hòa, sự đồng cảm, sự nảy nở toàn vẹn của các phẩm chất văn hóa tinh thần của con người. Chính tính chất không vụ lợi thiết thực này làm cho văn học, nghệ thuật có được một tính chất vĩnh cửu và cao quý. Văn học tái hiện mọi hiện tượng đời sống và nhìn nhận, phán xét chúng dưới con mắt cảm nhận có tầm văn hóa. Năng lực cảm nhận một cách có văn hóa là năng lực người nhất, là sản phẩm của văn hóa chứ không phải bẩm sinh. Người ta thường ngây thơ đi tìm đặc trưng của nghệ thuật ở chỗ chỉ có nghệ thuật có, còn các hình thái ý thức khác không có. Như vậy cũng có lý, vì nghệ thuật là cái không thể thay thế được. Nhưng không nên tìm đặc trưng nghệ thuật bằng cách đối lập nó với các hình thái ý thức xã hội khác, đối lập với khoa học. Đó là vì văn học, nghệ thuật có tính chất *song trùng* : vừa là hình thái ý thức xã hội cùng dãy với pháp luật, chính trị , đạo đức, tôn giáo..., lại vừa đứng cao hơn chúng. Đặc trưng đích thực của nghệ thuật chính là ở chỗ nó phát triển ở con người một năng lực chẳng đặc trưng chút nào, trái lại, là năng lực phổ biến, vạn năng của con người, tức là năng lực cảm nhận thế giới cảm tính trong ánh sáng của cái đẹp, một năng lực cần thiết cho con người trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào : nhận thức, khoa học, chính trị, đời sống hằng ngày... Phát huy năng lực này, nghệ thuật giúp con người biết tưởng tượng sáng tạo một cách táo bạo, phóng khoáng, tinh tế. Nhưng đó là tưởng tượng có ích, cho nên nó phải hướng tới việc phản ánh đời sống (cá nhân, xã hội, thiên nhiên) ở bề sâu, bề xa, ở cả bên kia bờ của những suy nghĩ vụ lợi, trực tiếp, giải phóng con người khỏi sự thiển cận.

Tóm lại, phản ánh luận Mác - Lê-nin là một bước đột phá khỏi chủ nghĩa duy vật tầm thường để phát triển về phía năng động, sáng tạo. Ở giai đoạn Lê-nin, phản ánh luận nghiêng về giải quyết phương diện khách quan của phản ánh ; còn phương diện chủ quan thì được nghiên cứu sâu từ những năm 60 về sau. Với nội hàm triết học và tính chất bao quát, phản ánh luận vẫn là cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản của văn học hiện nay, đặc biệt là vấn đề phản ánh đời sống dưới ánh sáng của lý tưởng xã hội và thẩm mỹ.

KHÁNH HÒA KHẲNG ĐỊNH ...

(Tiếp theo trang 26)

1993 lên 30,4% - 16,7% - trên 50% vào năm 2000.

* * *

Khánh hòa tuy có các thế mạnh về khoáng sản, thủy sản và du lịch, nhưng cơ sở vật chất và kỹ thuật còn mỏng, cơ sở hạ tầng về kinh tế và xã hội còn yếu kém, sản xuất công nông nghiệp và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, từ ngày thực hiện chính sách đổi mới của Đảng đến nay, bộ mặt tỉnh nhà đã có nhiều thay đổi về mọi mặt. Khánh hòa đã có những bước phát triển mới đáng mừng và có sự đóng góp vào ngân sách nhà nước trung ương. Những thành tựu đó là do công sức của nhân dân, cán bộ. Nó cũng gắn liền với sự lãnh đạo của đảng bộ và sự quản lý của chính quyền địa phương. Đảng bộ Khánh hòa đang từng bước khắc phục có hiệu quả những tồn tại về đoàn kết nội bộ, tập trung sức lãnh đạo đổi mới và xây dựng kinh tế. Hội nghị cán bộ đảng bộ Khánh hòa họp tháng 4/1994 đã xác định cơ cấu kinh tế Khánh hòa là : công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ và du lịch. Đồng thời xác định nhiệm vụ trung tâm của đảng bộ là xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ; toàn đảng bộ phải tập trung trí tuệ và sức lực cho sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Mọi hoạt động của đảng bộ, đặc biệt công tác xây dựng Đảng phải gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm đó.

Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II tiến hành vào tháng 12/1994 đã thông qua chương trình toàn khoá nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội suốt nhiệm kỳ và đặc biệt là năm 1995, năm bản lề để bước vào kế hoạch 5 năm 1996-2000. Hội đồng đã bầu các chức danh chủ chốt như chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, chủ tịch, các phó chủ tịch UBND, các ban của HĐND, các hội thẩm Tòa án nhân dân... đều là những đồng chí tương đối trẻ, có phẩm chất và năng lực hoạt động thực tiễn được đảng bộ và nhân dân tín nhiệm, đang tạo ra khí thế mới cho công cuộc đổi mới toàn diện của tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, Khánh hòa đang hình thành một đội ngũ cán bộ ngày càng gắn bó với sự nghiệp phát triển của tỉnh, bất kể xuất xứ từ đâu, chen vai sát cánh, chung sức chung lòng, phấn đấu rút ngắn khoảng cách tụt hậu giữa Khánh hòa với các tỉnh tiên tiến trong nước, nhanh chóng đưa Khánh hòa thành một tỉnh có công - nông nghiệp phát triển , có du lịch và dịch vụ sôi động, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc, xứng đáng với lòng mong đợi của nhân dân cả nước.

Digitized by Google

LÊ-NIN VỚI BÁO CHÍ CÁCH MẠNG

TÔ HUY RỨA *

Mấy năm qua, hoạt động báo chí nước ta sôi động hẳn lên. Mỗi tờ báo, tạp chí đều có sự chuyển biến. Mỗi cơ quan báo chí đều đã và đang tìm tòi phương thức hoạt động có hiệu quả hơn. Mỗi nhà báo cũng trăn trở để làm báo hay hơn, mới hơn, năng động hơn và thiết thực hơn. Làng báo Việt nam với 376 cơ quan báo và tạp chí, hơn 7 nghìn nhà báo chuyên nghiệp và hàng nghìn nhà báo nghiệp dư đã và đang có vai trò to lớn trong đời sống xã hội, trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Báo chí nước ta đã và đang tiếp tục đổi mới. Đó là điều ai cũng cảm nhận thấy. Nhưng cũng dễ dàng nhận thấy một điều khác nữa : trong xã hội đang tồn tại những suy nghĩ và thái độ khác nhau về tình hình báo chí :

- Nhiều người cho rằng, báo chí đổi mới theo hướng tích cực, đa dạng, phong phú nhưng cơ bản vẫn đảm bảo định hướng chính trị - tư tưởng lành mạnh. Đó là nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn và nhạy bén của Đảng.

- Một số người biểu hiện sự chưa hài lòng ; cho rằng hình như cái gì cũng có thể đưa lên báo chí, mà không tính đến tác hại sau này thế nào. Hình như báo chí đã có số lượng quá nhiều, vậy mà vẫn tiếp tục cho ra đời những tờ báo và tạp chí mới. Cần phải lập lại trật tự báo chí. Cần phải hỗ trợ để những tờ báo và tạp chí của các tổ chức đảng nâng cao chất lượng, có mặt thường xuyên và sâu rộng trong cán bộ và nhân dân lao động.

Lại có người nghĩ rằng báo chí ở ta vẫn chưa có đầy đủ tự do ; hình như Đảng vẫn "quản" chặt quá. Đã cho phép phát triển kinh tế tư nhân, tại sao không cho ra báo và xuất bản sách tư nhân ?

Vậy là nói đến công tác báo chí, đến hoạt động của nhà báo trong điều kiện đổi mới hiện nay, chúng ta lại đụng chạm đến những vấn đề phức tạp : về tự do báo chí, về quyền lực của báo chí và về nghề báo trong cơ chế thị trường, v v và v v.

Thiết nghĩ, lúc này trở lại với các luận điểm của Lê-nin về báo chí sẽ giúp chúng ta nhìn nhận một cách đúng đắn đối với hoạt động báo chí trong điều kiện mới. Bởi vì, chính Lê-nin đã phát triển và làm phong phú những quan điểm của Mác và Ăng - ghen về báo chí nói chung, về báo chí vô sản nói riêng. Hoàn cảnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực báo chí thời Lê-nin cũng có những đặc điểm, những vấn đề mà hôm nay dường như đang lặp lại.

Nếu như thời Lê-nin, vấn đề vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động báo chí được đặt ra như một vấn đề cốt tử, thì hiện nay, đây vẫn là một vấn đề quan trọng nhất của sự nghiệp đổi mới báo chí. Báo chí là của ai ? Do ai lãnh đạo ? Dân chủ, công khai, tự do ngôn luận trên báo chí nên như thế nào để có thể phục vụ tốt nhất sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường và sự tham gia ngày càng tăng của báo chí Việt nam vào đời sống báo chí cộng đồng thế giới ?

Những vấn đề dẫn ra ở trên, về *thực chất*, đều liên quan đến những nguyên tắc hoạt động của báo chí vô sản mà Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đã xây dựng trong quá trình đấu tranh cách mạng và trực tiếp làm báo.

Như chúng ta đã biết, báo chí thế giới ra đời từ hơn 300 năm trước đây, tức là vào giai đoạn hình thành chủ nghĩa tư bản. Tới thế kỷ XIX, vào thời gian giai cấp vô sản bước lên vũ đài lịch sử, thì báo chí tư sản đã trở thành một lĩnh vực quan trọng của hoạt động chính trị - xã hội. Trong giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, ở các nước tư bản đã hình thành các tổ chức độc quyền cỡ lớn về báo chí. Các hãng thông tấn lớn - như hãng AP (Mỹ), hằng ngày cung cấp (bán) tin tức cho 77% báo chí Mỹ, 1/8 các báo hằng ngày và đài phát thanh, truyền hình của toàn thế giới - thực sự là những tổ hợp

* Giám đốc Phân viện báo chí - tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tư bản thông tin báo chí có sức mạnh to lớn. Các tổ hợp này thường liên kết một cách tự nhiên với những nhà tư bản tài chính cỡ bự, với các thế lực chính trị trong giới cầm quyền nhà nước tư sản, để cùng chi phối hoạt động của báo chí.

Như vậy, báo chí trong xã hội tư bản thực chất là công cụ thông tin tuyên truyền, cổ động phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản. Dù tờ báo hay tạp chí đó là của tư nhân, nhưng nó không thể muốn viết gì thì viết. Hơn nữa, mục đích của các ông chủ báo chí là lợi nhuận, vì vậy họ càng không thể cho phép viết những gì làm mất nguồn lợi nhuận từ phía các nhà tư sản đang nắm quyền lực về chính trị và kinh tế. Lê-nin đã vạch rõ các mối liên hệ bản chất đó của báo chí tư sản. Người kêu gọi chúng ta hãy chú ý xem đằng sau khẩu hiệu "tự do báo chí", đó là thứ tự do báo chí nào ?

Đọc lại những gì Lê-nin viết về báo chí trong những tài liệu, bài báo, thư từ có tính luận chiến của Người, chúng ta cảm thấy thật dễ hiểu điều gì chứa đựng bên trong những lời "phàn nàn", "than thở" của một số học giả tư sản, của các phần tử phản động về "tình trạng thiếu tự do, dân chủ trong các nước cộng sản", về "quyền lực của báo chí trong các nước xã hội chủ nghĩa còn bị hạn chế nhiều, chưa phải là một quyền lực thứ tư".

Trong bức thư gửi G.Mi-a-xni-cốp, ngày 5/8/1921 Lê-nin đã nêu những câu hỏi sắc sảo: "Tự do báo chí... Hay lắm ! Nhưng... hãy xem đó là thứ tự do báo chí *nào* ? Để *làm gì* ? cho *giai cấp nào* ? Chúng tôi không tin "những cái tuyệt đối". Chúng tôi chế giễu nền "dân chủ thuần túy"."[1] Và Người còn chỉ rõ : "Trong tất cả các nước có bọn tư bản, tự do báo chí là tự do *mua* báo chí, tự do *mua* các nhà văn, tự do *mua chuộc*, tự do mua và chế tạo ra "dư luận" *có lợi cho giai cấp tư sản*"[2].

Lê-nin phân tích chính xác tình hình lúc bấy giờ ở nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô viết Nga. Rằng, đất nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đang nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực tư bản thế giới thù địch, nếu cứ để mặc cho "tự do báo chí" thì cũng có nghĩa là để mặc cho các thế lực tư sản và phản động *đang chờ thời cơ* được "tự do *tổ chức chính trị*", cũng có nghĩa là cho kẻ thù "*thêm* một vũ khí". Lê-nin còn nhấn mạnh : vì "báo chí là trung tâm và cơ sở của tổ chức chính trị", nên "chúng ta không làm việc đó". "Chúng ta thấy rõ *sự thật* này : "tự do báo chí" *thật ra* có nghĩa là giai cấp tư sản quốc tế sẽ mua chuộc ngay lập tức hàng trăm và hàng ngàn nhà văn dân chủ - lập hiến, xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích, có nghĩa là tổ chức sự tuyên truyền và cuộc đấu tranh của chúng chống lại chúng ta"[3].

"Đó là một sự thật"! Lê-nin khẳng định lại như vậy với người đồng chí của mình. Người phê phán sự mất cảnh giác, sự lẫn lộn giữa nguyên tắc với tình cảm khi xem xét các quan hệ giai cấp và tìm kiếm các phương thức đấu tranh giai cấp, tìm các giải pháp củng cố và xây dựng các tổ chức đảng cách mạng.

Lê-nin cho rằng, nếu viện lý do cần có "tự do báo chí" để giúp vào việc loại trừ khỏi Đảng cộng sản Nga các nhược điểm, các thói hư, tật xấu của đảng viên này, đảng viên kia, để từ đó xây dựng đảng trong sạch hơn, thì như vậy không bao giờ đạt được kết quả mong muốn. Mà ngược lại, "tự do báo chí" sẽ "tăng cường *lực lượng* của giai cấp tư sản thế giới", sẽ "trở thành một vũ khí trong tay giai cấp tư sản thế giới"[4].

Lê-nin còn dùng một cách nói hình ảnh về việc này với Mi-a-xni-cốp : "Đồng chí muốn *chữa bệnh* cho đảng cộng sản, và đồng chí đã tìm thứ *thuốc* mà nhất định sẽ chữa chết người"[5].

Lời cảnh tỉnh của Lê-nin đối với các đồng chí của mình trong thời điểm cực kỳ khó khăn của cách mạng ở nước Nga xô viết năm 1921, đến hôm nay nghe như còn văng vẳng bên tai. Bởi vì, khi đó đất nước xô viết đang bắt tay vào thực hiện chính sách kinh tế mới của Lê-nin, phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, giống như ở nước ta và một số nước xã hội chủ nghĩa hiện nay. Bài học xương máu về "tự do hóa" báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng rút ra từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu mấy năm gần đây, càng cho thấy những lời Lê-nin nói về "tự do báo chí" vừa dẫn ra ở trên đúng biết chừng nào !

(1), (2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 96

(3) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 97

(4) (5) V.I. Lê-nin : *Sđd* , t 44, tr 98

Digitized by Google

Thực tiễn ở nước ta hiện nay cho thấy, cơ chế thị trường đang chi phối tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả lĩnh vực báo chí. Nếu tờ báo nào, tạp chí nào và nhà báo nào mải miết chạy theo "hạch toán", chạy theo lợi nhuận cá nhân, thì rất dễ rơi vào vòng tay kẻ khác, vào "vòng tay giai cấp tư sản", như Lê-nin đã có lần nói. Hơn bao giờ hết, lúc này chúng ta cần phân định rõ chức năng của báo chí cách mạng với báo chí nói chung - điều mà Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đã dày công nghiên cứu và tổng kết từ thực tiễn, nêu thành nguyên lý có tính sống còn đối với nền báo chí vô sản.

Chính vì vậy, lúc này, trở về với Lê-nin, chúng ta không thể không nhắc lại những luận điểm hết sức quan trọng mà Người đã phát triển từ những quan điểm của Mác và Ăng-ghen về các nguyên tắc cơ bản của báo chí cách mạng - báo chí vô sản.

Chúng ta nhớ lại, phong trào cộng sản quốc tế ra đời gắn liền với báo *Sông Ranh mới* (1848-1849) do Mác làm chủ bút, Ăng-ghen là cộng sự đắc lực. Nhân nói về vai trò của tờ báo này, Ăng-ghen khái quát : "Đối với mỗi đảng, nhất là với đảng công nhân, thì việc lập ra tờ báo hằng ngày đầu tiên là một cái mốc quan trọng để tiến lên phía trước. Đó là trận địa ban đầu, từ đó Đảng sẽ tiến hành cuộc đấu tranh với đối thủ của mình bằng vũ khí tương xứng"(6).

Khi thành lập Quốc tế I, Mác và Ăng-ghen đã đề ra nhiệm vụ rất rõ ràng : *phải lập tờ báo cộng sản*. Tờ báo đó phải đại biểu cho lợi ích của giai cấp vô sản, gắn chặt với giai cấp công nhân và với đảng của nó trên lĩnh vực hoạt động chính trị. Công việc làm báo, C.Mác xem như "công tác đảng thực thụ" ; còn Ăng-ghen, thì coi các đồng chí làm báo như "lực lượng văn hóa của Đảng".

Các nhà sáng lập báo chí vô sản đã phác thảo *nhiệm vụ của tờ báo cách mạng* là : truyền bá các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong công chúng ; thống nhất về mặt tổ chức những người công nhân giác ngộ theo cương lĩnh lý luận mác xít cách mạng ; góp phần đắc lực xây dựng và hoàn thiện đảng cộng sản.

Từ sự phát triển tư tưởng của Mác và Ăng-ghen về mối liên hệ hữu cơ giữa báo chí vô sản với tổ chức và hoạt động của Đảng, đã dẫn tới luận điểm về *vai trò quyết định của sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động báo chí*. Luận điểm này ở Mác và Ăng-ghen không xuất hiện ngay từ đầu. Nó ra đời qua quá trình hoạt động của hai ông tìm kiếm sự hoàn thiện công tác đảng và công tác báo chí trong thực tiễn cách mạng. Từ luận điểm về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, Mác và Ăng-ghen đã đưa ra *nguyên tắc tính đảng trong hoạt động báo chí*. Những người cộng sản công khai tuyên bố tính đảng của báo chí vô sản, bởi vì nội dung, mục đích của nó gắn trực tiếp và sâu xa với lợi ích của giai cấp vô sản, bảo vệ lợi ích chính đáng của giai cấp đó.

Từ kinh nghiệm thực tiễn, Mác và Ăng-ghen cũng đã đề xuất *tính nhân dân* như *một nguyên tắc quan trọng của báo chí vô sản cách mạng*. Các ông cho rằng, báo chí vô sản hướng tới đông đảo công chúng là người lao động, tuyên truyền, lôi cuốn họ đoàn kết với giai cấp công nhân và chính đảng của nó. Cho nên, báo chí vô sản cần phải "sống trong lòng nhân dân, cùng với họ chia sẻ niềm hy vọng và nỗi lo, tình yêu và căm giận, niềm tự hào và đắng cay"(7).

Các quan điểm về báo chí vô sản do Mác và Ăng-ghen đặt nền móng đã được Lê-nin phát triển và làm phong phú thêm qua thực tiễn cách mạng. Khi thành lập Đảng, Lê-nin đã khẳng định, việc quan trọng đầu tiên là xuất bản tờ báo chính trị toàn Nga (lấy tên là *Tia lửa*). Lê-nin nói : "Chúng ta cần trước hết là tờ báo - không có nó thì không thể tiến hành được một cách có hệ thống cuộc tuyên truyền cổ động hết sức có nguyên tắc và toàn diện"(8). Ở bối cảnh khác, Lê-nin khẳng định : "Báo chí phải trở thành những cơ quan của các tổ chức của đảng" (9).

Sự đột phá có tính quyết định, tiến tới hiểu biết thấu đáo thực chất nghề làm báo trong điều kiện lịch sử mới, được thể hiện rõ nhất trong bài báo Lê-nin viết năm 1905 : *Tổ chức của Đảng và văn học đảng*. Trong bài báo này, Lê-nin đã luận chiến với các quan điểm khác về tính đảng của báo chí nói riêng, của văn học

(6) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, (tiếng Nga), Nxb Chính trị, Mát-xcơ-va, 1954, t 39, tr 293

(7) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập* (tiếng Nga) t 1, tr 166

(8) V.I. Lê-nin : *Toàn tập* , Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 5, tr 10

(9) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 124

Digitized by Google

nói chung. Người khẳng định : "giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa phải đề ra nguyên tắc *văn học đảng*, phát triển nguyên tắc đó và thực hiện nguyên tắc đó dưới hình thức càng đầy đủ và càng trọn vẹn được chừng nào hay chừng ấy"(10). Lê-nin còn phát triển và làm rõ từng mặt của nguyên tắc tính đảng : *Thứ nhất*, sự nghiệp báo chí phải là một bộ phận trong sự nghiệp của giai cấp vô sản, do đội tiên phong của giai cấp lãnh đạo. *Thứ hai*, sự nghiệp báo chí phải thành một bộ phận khăng khít của công tác có tổ chức, có kế hoạch thống nhất của Đảng, gắn bó với các bộ phận khác. *Thứ ba*, các nhà văn, nhà báo nhất thiết phải tham gia các tổ chức của Đảng và do Đảng lãnh đạo (11).

Gắn với việc bàn về tính đảng của báo chí, Lê-nin luận chiến với các quan điểm "tự do ngôn luận" tư sản. Người viết : "Mỗi cá nhân có quyền tự do viết và nói tất cả những gì họ muốn, không có một chút hạn chế nào. Nhưng mỗi đoàn thể tự do (trong số đó kể cả đảng) cũng được tự do đuổi những phần tử lợi dụng chiêu bài đảng để tuyên truyền quan điểm chống đảng"... "Vì tự do ngôn luận, tôi buộc phải để cho anh cái quyền hoàn toàn được la ó, nói bậy và viết theo sở thích của anh. Nhưng nhân danh tự do lập hội, anh cũng phải cho tôi cái quyền liên kết hay đoạn tuyệt với những người nói thế này thế khác. Đảng là một khối tự nguyện, nếu như nó không tẩy sạch khỏi bản thân nó những đảng viên tuyên truyền quan điểm chống đảng, thì nó không thể tránh khỏi tan rã, trước tiên tan rã về tư tưởng, sau sẽ tan rã cả về vật chất(12).

Nguyên tắc tính đảng cộng sản đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng đường lối quan điểm của Đảng, lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chính vì dựa trên cơ sở của lý luận Mác - Lê-nin mà tính đảng cộng sản gắn chặt chẽ với tính khoa học. Đặc điểm khoa học của hệ tư tưởng Mác - Lê-nin cho phép nhà báo, khi nắm được nó, có khả năng gắn kết lập trường của đảng với chân lý khách quan ; giúp nhà báo nhận rõ các khuynh hướng phát triển của xã hội và khám phá những khả năng sáng tạo của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển của Lê-nin về chức năng của báo chí vô sản trong điều kiện giai cấp vô sản giành được chính quyền, là một đóng góp hết sức quan trọng.

Trong điều kiện mới, Lê-nin chỉ rõ : "Vai trò của tờ báo không phải chỉ đóng khung ở chỗ phổ biến tư tưởng, giáo dục chính trị và thu hút những bạn đồng minh chính trị. Tờ báo không những là người tuyên truyền tập thể và cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể" (13). Lê-nin không những đã chỉ ra chính xác các chức năng của báo chí vô sản, mà còn phân biệt đặc điểm cơ bản khác biệt của nó với báo chí tư sản, đó là *tính tập thể*.

Báo chí phục vụ nhiệm vụ chính trị cho giai cấp vô sản, luôn luôn gắn với tổ chức của Đảng cộng sản. Do vậy, *tính tập thể* (chứ không phải tính cá thể) *là đặc điểm quán xuyến* từ đầu đối với báo chí vô sản. Báo chí vô sản không bao giờ được xem là một phương tiện kiếm tiền, kiếm lợi nhuận của một cá nhân hoặc một nhóm người. Lê-nin nhấn mạnh : nói chung báo chí vô sản "không thể là sự nghiệp cá nhân, độc lập với sự nghiệp chung của giai cấp vô sản", nó "phải thành một *bộ phận* trong sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản" (14). "Giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa có tổ chức phải theo dõi tất cả những công tác đó, kiểm soát toàn bộ công tác đó, mang nguồn nhựa sống của sự nghiệp đầy sức sống của giai cấp vô sản vào trong toàn bộ công tác đó, không có một ngoại lệ riêng lẻ nào" (15).

Những quan điểm đó của Lê-nin về báo chí còn rất thời sự đối với những người làm báo, quản lý báo chí hiện nay. Nghiên cứu một cách hệ thống các quan điểm của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin về báo chí vô sản, đặc biệt là hệ thống quan điểm thể hiện chức năng, nguyên tắc hoạt động, tính chất của báo chí vô sản trong những điều kiện phức tạp như thời Lê-nin, là rất cần thiết, bổ ích đối với chúng ta để củng cố niềm tin có cơ sở khoa học vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới nói chung và đổi mới báo chí nói riêng ở nước ta do Đảng lãnh đạo.

(10) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 123
(11) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 123-125
(12) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 125-126
(13) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 5, tr 12
(14) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 123
(15) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 124

Digitized by Google

LÊ-NIN VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NGUYỄN ĐÌNH CÁT *

LÚC sinh thời, mặc dầu bận trăm công ngàn việc, Vla-đi-mia I-lích Lê-nin - lãnh tụ của giai cấp công nhân toàn thế giới, thiên tài của loài người, người con vĩ đại của nhân dân Nga - vẫn luôn luôn quan tâm đến khoa học tự nhiên. Bài này xin nêu một số luận điểm nổi tiếng của Lê-nin liên quan đến khoa học tự nhiên (qua một số tác phẩm của Người).

1. Lê-nin và cuộc khủng hoảng của khoa học tự nhiên đầu thế kỷ 20

Như chúng ta biết, Lê-nin là người đã phát hiện ra chủ nghĩa duy vật tự phát của khoa học tự nhiên. 87 năm trước đây, trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Lê-nin đã viết : "Các khoa học tự nhiên đã được xây dựng, trước kia cũng như bây giờ (và thường là không tự giác), trên cơ sở nhận thức luận ấy, tức nhận thức luận duy vật"(1). Vì vậy, "khoa học tự nhiên thừa nhận *một cách không tự giác* rằng học thuyết của nó phản ánh thực tại khách quan"(2). Khi bàn về vấn đề "trái đất - con người - sinh vật", Người viết : "Các khoa học tự nhiên khẳng định một cách tích cực rằng trái đất đã từng tồn tại trong một trạng thái chưa có và cũng không thể có loài người hay bất cứ một sinh vật nào nói chung cả. Vật chất hữu cơ là một hiện tượng về sau mới có, là kết quả của một sự phát triển lâu dài... Vật chất là cái có trước ; tư duy, ý thức, cảm giác đều là sản phẩm của một sự phát triển rất cao. Đó là nhận thức luận duy vật mà khoa học tự nhiên đã chấp nhận một cách tự phát"(3).

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, các nhà khoa học tự nhiên nói chung và các nhà vật lý học nói riêng đứng trước một cuộc khủng hoảng lớn. Các nhà bác học hoang mang và không biết nguyên nhân vì sao đã xảy ra cuộc khủng hoảng ấy. Cũng trong cuốn "*Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*", Lê-nin đã dẫn lời của A.Rây : "Cuộc khủng hoảng của vật lý học là ở chỗ tinh thần toán học đã chinh phục vật lý học. Một mặt, những tiến bộ của vật lý học và, mặt khác, những tiến bộ của toán học đã đưa đến sự hòa hợp chặt chẽ giữa hai khoa học này trong thế kỷ XIX... Vậy lý học lý thuyết trở thành vật lý học toán học... Thế là bắt đầu thời kỳ của vật lý học hình thức, tức là của vật lý học toán học; vật lý học toán học trở thành toán học thuần túy ; vật lý học toán học không phải là một ngành của vật lý học, mà là một ngành của toán học. Trong giai đoạn mới này, nhà toán học thường quen với những yếu tố khái niệm (thuần túy lô gích) hợp thành tài liệu duy nhất cho công tác của ông ta, và cảm thấy vướng víu bởi những yếu tố thô sơ, vật chất mà ông ta cho là ít mềm dẻo, nên không thể không cố hết sức trừu tượng hóa chúng, hình dung chúng là hoàn toàn phi vật chất, thuần túy lô gích hoặc thậm chí, hoàn toàn bỏ qua chúng nữa. Những yếu tố, với tính cách là tài liệu thực tại, khách quan, tức là yếu tố vật lý, thì hoàn toàn biến đi mất. Còn lại chỉ là những quan hệ hình thức được biểu thị bằng những phương trình vi phân... Nếu nhà toán học không bị công việc có tính chất xây dựng đó của trí tuệ mình lừa dối..., thì ông ta mới tìm thấy được mối liên hệ của vật lý học lý thuyết với kinh nghiệm, nhưng thoạt nhìn, và đối với một người không có những tri thức cơ bản thì hình như đó là một lý luận được dựng nên tùy tiện... Khái niệm, quan niệm thuần túy đã thay thế những yếu tố thực tại"(4). Và Lê-nin đã khẳng định : "Đó là nguyên nhân thứ nhất sinh ra chủ nghĩa duy tâm "vật lý học". Những mưu toan phản động nảy sinh ra từ chính ngay bản thân sự tiến bộ của khoa học. Những tiến bộ lớn của khoa học tự nhiên, tiếp cận những yếu tố thuần nhất và đơn giản của vật chất mà những quy luật vận động có thể diễn giải được bằng toán học, đã làm cho những nhà toán học quên mất vật chất. "Vật chất tiêu tan", chỉ còn lại những phương trình"(5).

Sau khi vạch ra nguyên nhân của cuộc khủng hoảng đó, Lê-nin đã đề ra con đường để thoát khỏi khủng hoảng : Tinh thần duy vật cơ bản của vật lý học, cũng như của tất cả các khoa học tự nhiên hiện đại, sẽ chiến thắng được mọi thứ khủng hoảng, nhưng với điều kiện tất yếu là chủ nghĩa duy vật biện chứng phải thay thế chủ nghĩa duy vật siêu hình(6).

2. Lê-nin và phương pháp luận của khoa học tự nhiên

Lê-nin đã chỉ rõ phép biện chứng duy vật là phương pháp luận duy nhất đúng đắn của khoa học tự nhiên hiện đại. Người cho rằng phép biện chứng là lý luận hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện nhất về sự tiến hóa, là lý luận về tính tương đối của nhận thức con người, khiến cho ta có được hình ảnh vật chất luôn luôn phát triển(7).

---

* Tiến sĩ khoa học, nhà kiến tạo Liên hiệp Nantechec

(1) (2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980 t 18, tr 23, 342

(3) V.I Lê-nin : *Sđd*, t 18, tr 81-82

(4) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 18, tr 380-381

(5) V.I Lê-nin : *Sđd*, t 18, tr 381

(6) Xem V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 18, tr 387

(7) Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 26, tr 63-65

Digitized by Google

Theo Lê-nin, phép biện chứng duy vật đòi hỏi phải xuất phát từ sự vật khách quan, phải có quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn và quan điểm lịch sử cụ thể. Người viết : "... cần phải rút ra ba kết luận quan trọng về nhận thức luận :

1. Có những vật tồn tại độc lập đối với ý thức của chúng ta, độc lập đối với cảm giác của chúng ta, ở ngoài chúng ta ...

2. Dứt khoát là không có và không thể có bất kỳ sự khác nhau nào về nguyên tắc giữa hiện tượng và vật tự nó. Chỉ có sự khác nhau giữa cái đã được nhận thức và cái chưa được nhận thức...

3. Trong lý luận nhận thức, cũng như trong tất cả những lĩnh vực khác của khoa học, cần suy luận một cách biện chứng, nghĩa là đừng giả định rằng nhận thức của chúng ta là bất di bất dịch và có sẵn rồi, mà phải phân tích xem sự hiểu biết nảy sinh ra từ sự *không hiểu biết* như thế nào, sự hiểu biết không đầy đủ và không chính xác trở thành đầy đủ hơn và chính xác như thế nào"[8].

Từ những điểm vừa nói, Lê-nin khẳng định điều mà hiện nay người làm công tác khoa học thường lấy đó làm kim chỉ nam : "... kết luận duy nhất và không tránh khỏi mà mọi người rút ra trong đời sống thực tiễn, mà chủ nghĩa duy vật lấy làm cơ sở cho nhận thức luận của mình một cách tự giác, tức là : có những đối tượng, vật, vật thể tồn tại ở ngoài chúng ta, không lệ thuộc vào chúng ta ; và các cảm giác của chúng ta đều là những hình ảnh của thế giới bên ngoài"[9].

Đề cao tính kế thừa trong khoa học, Lê-nin đã dẫn Ăng-ghen : "Ăng-ghen thường nhắc lại dưới một hình thức phổ thông hơn, khi ông viết : các nhà khoa học tự nhiên phải hiểu rằng những thành quả của khoa học tự nhiên là những khái niệm, còn nghệ thuật vận dụng những khái niệm không phải là bẩm sinh, nó là kết quả của sự phát triển của khoa học tự nhiên và của triết học trong 2000 năm"[10].

3 - Lê-nin và mối liên minh giữa triết học và khoa học tự nhiên

Trong cuốn sách kinh điển *Phép biện chứng của tự nhiên*, Ph. Ăng-ghen đã viết : "Những thành tựu của khoa học tự nhiên gần đây đã chẳng bắt buộc bất kỳ một người nào nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng phải thừa nhận chúng, bắt buộc với một sức mạnh khiến các nhà khoa học tự nhiên, dù họ muốn hay không, phải tiến tới các kết luận chung về lý luận đó sao ? Ở đây có một sự bù trừ nhất định. Nếu những nhà lý luận là những người nửa thông thái trong lĩnh vực khoa học tự nhiên thì các nhà khoa học tự nhiên ngày nay trong một mức độ như thế cũng thực sự là những người nửa thông thái trong lĩnh vực lý luận, trong lĩnh vực của cái mà cho tới nay người ta gọi là triết học"[11]. Ăng-ghen cho rằng, một nhà khoa học tự nhiên nếu không nắm được phép biện chứng thì không những sẽ bị hạn chế trong lĩnh vực nghiên cứu của mình mà còn bị sa vào chủ nghĩa duy tâm. Cũng trong cuốn sách này, Ăng-ghen còn viết : "Trong thực tế, khinh miệt phép biện chứng thì không thể không bị trừng phạt. Dù người ta tỏ ý khinh thường mọi thứ tư duy lý luận như thế nào đi nữa, thì không có tư duy lý luận người ta cũng không thể liên hệ được với nhau hai sự kiện trong giới tự nhiên hay không thể hiểu được mối liên hệ giữa hai sự kiện đó. Nhưng, vậy thì vấn đề chỉ là ở chỗ tìm hiểu xem trong trường hợp đó, ta suy nghĩ đúng hay sai, và rõ ràng là sự khinh thường lý luận là con đường chắc chắn nhất đưa chúng ta đến chỗ suy nghĩ theo lối tự nhiên chủ nghĩa, tức là suy nghĩ sai. Nhưng theo một quy luật đã cũ của phép biện chứng mà nhiều người đã biết rõ, một tư tưởng sai lầm, một khi đẩy tới kết luận lô gích của nó, thường thường là dẫn đến những kết quả trực tiếp đối lập với khởi điểm của nó. Và như vậy, sự khinh thường phép biện chứng theo kiểu kinh nghiệm chủ nghĩa sẽ bị trừng phạt như sau : nó đưa một số người thực nghiệm chủ nghĩa tầm thường nhất sa vào chỗ dị đoan ngu xuẩn nhất, sa vào thần linh học cận đại"[12].

Lê-nin là người đầu tiên đề ra cách giải quyết vấn đề vừa nêu mà Ăng-ghen là người đã phát hiện. Đó là sự cần thiết các nhà khoa học tự nhiên phải liên minh với các nhà triết học duy vật biện chứng. Lê-nin còn chỉ rõ : sự liên minh đó không chỉ là yêu cầu cấp bách, mà còn là tất yếu lịch sử của thời đại. Người viết : "Cần phải nhớ rằng chính do sự đảo lộn căn bản hiện nay của các ngành khoa học tự nhiên mà luôn luôn đẻ ra các trường phái triết học phản động lớn và nhỏ, các xu hướng triết học phản động lớn và nhỏ. Cho nên, theo dõi những vấn đề do cuộc cách mạng mới đây về mặt khoa học tự nhiên đặt ra, và lôi kéo các nhà khoa học tự nhiên tham gia một tạp chí triết học, là một nhiệm vụ mà nếu không giải quyết được thì dù như thế nào, chủ nghĩa duy vật chiến đấu cũng sẽ không thể có tính chất chiến đấu và duy vật được"[13].

Lê-nin chỉ ra rằng : "Ngoài sự liên minh với những người duy vật chủ nghĩa triệt để, không ở trong Đảng cộng sản, thì một điều không kém quan trọng, nếu không phải là quan trọng hơn đối với sự nghiệp mà chủ nghĩa duy vật chiến đấu sẽ phải làm tròn, đó là sự liên minh với những đại biểu của các ngành khoa học tự nhiên hiện đại đang ngả về chủ nghĩa duy vật, có can đảm bảo vệ và truyền bá chủ nghĩa này chống những khuynh hướng triết học duy tâm chủ nghĩa và hoài nghi chủ nghĩa là những khuynh hướng đang thịnh hành, trong cái mà người ta gọi là "giới có học thức"[14].

Cuối cùng, Lê-nin kết luận : "Chúng ta cần hiểu rằng nếu không có một cơ sở triết học vững vàng, thì tuyệt nhiên không có khoa học tự nhiên nào hay chủ nghĩa duy vật nào có thể tiến hành đấu tranh chống được sự lấn bước của những tư tưởng tư sản

(Xem tiếp trang 58)

(8) (9) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 18, tr 1,17, 118

(10) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 29, tr 279-280

(11) Ph. Ăng-ghen : *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1963, tr 73-74

(12) Ph. Ăng-ghen : *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1963, tr 101

(13) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 35

(14) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 34

Digitized by Google

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN DUY QUÝ *

NGÀY nay trên thế giới không còn ai nghi ngờ về vai trò to lớn của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Ở nước ta, trong sự nghiệp đổi mới, khoa học và công nghệ, với chức năng xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, đang trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy mọi hoạt động xã hội.

Xuất phát từ đặc điểm của mình, khoa học xã hội và nhân văn đang tác động đến phương hướng phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, đến hệ tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan của toàn xã hội, đến phong cách tư duy khoa học.

Cùng với khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn ngày càng trở thành nhân tố không thể thiếu trong việc nâng cao năng suất lao động, củng cố và xây dựng môi trường tâm lý-xã hội tạo cơ sở cho sự đồng thuận xã hội.

Như vậy, chức năng nhiệm vụ cơ bản của khoa học và công nghệ nói chung, của khoa học xã hội và nhân văn nói riêng, không phải là một thành phần "phi kinh tế", không chỉ làm nhiệm vụ thuyết minh, lý giải đường lối chính sách. Công việc đó là cần. Nhưng cần hơn là nghiên cứu tìm tòi, phát hiện ra các quy luật vận động phát triển của tự nhiên và xã hội, nhằm cải tạo xã hội thông qua các chính sách và giải pháp hữu hiệu, phát triển kinh tế-xã hội và văn hóa đất nước. Làm được như thế, khoa học xã hội và nhân văn thực sự trở thành động lực bên trong của sự phát triển. Đồng thời góp phần thiết thực tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Tuy nhiên, trong một thời gian khá dài, khoa học xã hội và nhân văn nước ta chưa thực hiện tốt chức năng cơ bản và quan trọng nhất của mình. Vì vậy, khoa học xã hội vẫn còn chậm trễ và lạc hậu so với yêu cầu phát triển xã hội, như Đại hội Đảng lần thứ VI đã chỉ ra.

Song, điều đáng mừng là nhận thức của chúng ta từ sau Đại hội VI đến nay về vai trò chức năng của khoa học xã hội đã được nâng lên một bước. Khoa học xã hội và nhân văn được phát huy ngày càng nhiều hơn vào việc đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Song song với việc xây dựng đường lối chính sách, khoa học xã hội và nhân văn tiếp tục phát hiện, sưu tầm và khai thác những giá trị quý báu của nền văn hóa và văn minh Việt nam, góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho cán bộ và nhân dân.

Sau Đại hội VII của Đảng, các cơ quan khoa học xã hội và nhân văn tiếp tục được huy động tham gia hoàn thiện và cụ thể hóa Cương lĩnh, Chiến lược kinh tế-xã hội, góp nhiều ý kiến khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội, tìm ra các giải pháp ổn định và làm đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong giai đoạn 1991-1995, riêng Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia đã được Đảng và Nhà nước giao chủ trì thực hiện 3 chương trình khoa học cấp nhà nước. Sự đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn của khoa học xã hội và nhân văn trong thời gian qua tập trung chủ yếu vào việc *nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và các định hướng phát triển của đất nước, đồng thời góp phần đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế và quản lý xã hội, xây dựng luận cứ khoa học cho các chính sách xã hội,*

* Giáo sư tiến sĩ, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

xây dựng con người Việt nam trong giai đoạn mới, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, tiếp thụ những tinh hoa văn hóa nhân loại. Nhiều kiến nghị của chương trình, đề tài có giá trị tốt đã được tiếp nhận, chuyển thành nội dung các văn kiện nghị quyết của Đảng, các quyết định của Chính phủ, các biện pháp chính sách của các bộ, ngành và các địa phương trong cả nước. Đó là những kết quả rất đáng khích lệ.

Tuy nhiên, những cố gắng đó mới chỉ là bước đầu. Nhiều vấn đề nghiên cứu đòi hỏi khoa học xã hội và nhân văn còn phải đi sâu phân tích, dự báo khả năng phát triển, các vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của công cuộc đổi mới đất nước, nhất là vào giai đoạn cần phải đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Để thực hiện sự nghiệp đó, khoa học xã hội và nhân văn có nhiệm vụ nghiên cứu *làm sáng tỏ và sâu sắc thêm các quan điểm công nghiệp hóa trong thời đại ngày nay và chứng minh thực chất công nghiệp hóa là một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế - xã hội*, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Đây là quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải biến sâu sắc một xã hội nông nghiệp lạc hậu thành một xã hội công nghiệp, gắn với việc hình thành từng bước quan hệ sản xuất tiến bộ, ngày càng thể hiện đầy đủ hơn bản chất ưu việt của chế độ mới.

Xét cho cùng, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa không ai khác hơn là con người Việt nam, với sự phát triển trí tuệ và năng lực ngày càng cao. Khoa học xã hội và nhân văn nước ta có nhiệm vụ nghiên cứu, tìm ra những biện pháp phát huy nhân tố con người Việt nam với tư cách vừa là động lực vừa là mục tiêu của sự phát triển. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn chỉnh *Chiến lược con người* phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng một hệ thống giải pháp và chính sách đồng bộ có hiệu quả nhằm khai thác tốt nhất tài nguyên con người - nguồn tài nguyên lớn nhất và quý nhất của mỗi quốc gia ; coi con người là một trong những yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh chóng và bền vững của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tất cả là do con người và vì con người. Do đó, chiến lược tăng trưởng kinh tế đồng thời phải đi đôi với việc tạo ra công ăn việc làm, cải thiện đời sống người lao động, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao mặt bằng dân trí cũng như đỉnh cao dân trí, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc Việt nam, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội thông qua hệ thống chính sách có hiệu quả, đồng bộ. Đó là những nhân tố tạo ra động lực to lớn, quyết định cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công và đạt tới những mục tiêu cao quý đã đặt ra.

Trong những năm tới, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu công ăn việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế - xã hội chưa ổn định vững chắc. Hướng công nghiệp hóa cần tập trung nỗ lực đẩy mạnh ở khu vực nông nghiệp và nông thôn, trong đó phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và các mặt hàng xuất khẩu, các ngành du lịch ở thành thị và nông thôn là rất quan trọng.

Khoa học xã hội và nhân văn nước ta phải nghiên cứu xây dựng mô hình lý luận, xác định những bước đi cụ thể nhằm tập trung nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, trong đó giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa công nhân và nông dân, giữa nông thôn và thành thị, giữa sản xuất nông phẩm với nguyên liệu công nghiệp chế biến, dịch vụ, phát huy vai trò hạt nhân các đô thị trên từng vùng lãnh thổ - tạo động lực cho sự phát triển, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Trong giai đoạn 1996-2000, khoa học xã hội và nhân văn nước ta cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống những luận cứ khoa học của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt nam. Cần phát hiện những xu hướng, tính quy luật, các mâu thuẫn và động lực, hình thức và bước đi của con đường ấy trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; làm rõ bản chất, đặc trưng cơ bản của mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta, những hình thức và bước đi quá độ thích hợp với đặc điểm của Việt nam và xu hướng của thời đại. Đồng thời, làm rõ đường lối phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền kinh tế

Digitized by Google

nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật, làm rõ những điều kiện phát triển rút ngắn để đưa nhanh dân tộc ta trở thành một nước công nghiệp phát triển, trong đó thể hiện mô hình kinh tế mở, chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với nước ngoài thông qua các hình thức tăng cường đầu tư và hợp tác phát triển, tận dụng lợi thế của nước đi sau để chọn lựa, tiếp thu những công nghệ tiên tiến, tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Con đường phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta kết hợp được sức mạnh của thời đại với sức mạnh của dân tộc, không những tạo khả năng cho Việt nam đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà còn bảo đảm cho Việt nam giữ vững được nền độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống mọi âm mưu của kẻ thù, nhất là trên mặt trận tư tưởng - lý luận, chống "diễn biến hòa bình" trong tình hình phức tạp hiện nay.

Trước xu thế phát triển của thế giới, trước những nhiệm vụ to lớn của sự nghiệp đổi mới và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khoa học xã hội và nhân văn nước ta phải nhanh chóng khắc phục sự lạc hậu và chậm trễ, tự vươn lên, góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1 - Trước hết, **cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, đổi mới nhận thức và phương pháp luận nghiên cứu.**

Nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn cần cung cấp những luận cứ khoa học góp phần nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội. Đây là vấn đề cơ bản vì trên cơ sở đó mà hình thành lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội, con đường và mô hình phát triển của Việt nam. Tất nhiên, chúng ta không trở lại lý luận về chủ nghĩa xã hội một cách đơn giản mà phải nhận thức và vận dụng lý luận đó dưới ánh sáng đổi mới, kinh nghiệm và nhiệm vụ hiện nay. Khoa học nói chung, khoa học xã hội và nhân văn nói riêng, có nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ xã hội bằng tri thức lý luận và những nghiên cứu sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất vật chất, tiến bộ kỹ thuật và yêu cầu của bản thân con người với tư cách là chủ thể hoạt động. Điều đó đòi hỏi các ngành khoa học phải đi sâu nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo để có nhận thức mới, biết đặt lại vấn đề trong điều kiện mới, tìm cách tiếp cận mới. Vì vậy, để có lý luận đúng đắn về sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp đổi mới đất nước, khoa học xã hội và nhân văn phải tiếp tục bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của đời sống xã hội trong nước và thế giới. Phương pháp kết hợp nghiên cứu lý luận với thực tiễn, lịch sử và hiện đại, trong nước và quốc tế, nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, đặc biệt là kết hợp nghiên cứu lý luận với điều tra khảo sát, tổng kết thực tiễn kết hợp với việc tiến hành "thử nghiệm xã hội" để rút ra quan điểm lý luận về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới đất nước, phải luôn được coi trọng.

Việc tìm ra mô hình lý luận thích hợp với điều kiện của Việt nam và đặc điểm của thời đại trong giai đoạn nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đòi hỏi phải xuất phát từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Song, theo Lê-nin, chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ. Vì vậy, nếu chỉ xuất phát từ thực tiễn Việt nam, không hiểu hết những đặc điểm của thời đại, thì không thể giải quyết những vấn đề của chúng ta một cách toàn diện.

2 - **Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu và quản lý công tác khoa học xã hội và nhân văn.**

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học hiện nay là yêu cầu cấp thiết không chỉ đối với bản thân khoa học xã hội và nhân văn mà còn đối với các ngành khoa học khác cũng như đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Việc đổi mới này tiến hành đồng thời với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội. Nó chưa đòi hỏi đầu tư lớn mà lại có thể nhanh chóng chuyển biến nền kinh tế - xã hội theo hướng phát huy tiềm năng trí tuệ, tạo ra những tiền đề cho việc phát triển các bước tiếp theo. Vì khi tác động đến cơ chế quản lý một cách đúng đắn sẽ tạo ra một "kích thích" mạnh, làm chuyển đổi cả hệ thống tổ chức hoạt động các ngành sản xuất và khoa học. Chức năng chủ yếu của quản lý là tạo ra hệ thống tổ chức, các chế độ, chính sách và điều khiển hệ thống đó một cách hợp lý,

Digitized by Google

phát huy tối ưu cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, tài năng sáng tạo của con người, thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra. Đó chính là vai trò thúc đẩy hay kìm hãm của cơ chế quản lý. Vì vậy, quản lý không chỉ là một khoa học, nó còn là một nghệ thuật - nghệ thuật chỉ huy, điều khiển, biến khả năng thành hiện thực.

Cơ chế quản lý khoa học nói chung, khoa học xã hội và nhân văn nói riêng ở nước ta hiện nay, nhìn chung chưa khai thác và phát huy đầy đủ các tiềm năng khoa học. Bởi vì, chúng ta duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Cơ chế ấy không coi trọng kích thích tài năng sáng tạo, chất lượng và hiệu quả, chưa đòi hỏi gắn khoa học, đào tạo, giáo dục với sản xuất và đời sống. Hệ quả tất yếu dẫn đến sự trì trệ, chậm trễ và lạc hậu của các ngành khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội, hạn chế khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển các ngành khoa học. Vì thế, đổi mới cơ chế quản lý khoa học nói chung, khoa học xã hội và nhân văn nói riêng trở thành yêu cầu bức xúc.

Cơ chế quản lý khoa học xã hội là một bộ phận của cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, và nằm trong cơ chế quản lý kinh tế - xã hội ở nước ta. Vì vậy, quá trình đổi mới cơ chế quản lý khoa học xã hội đòi hỏi phải đồng thời đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, cũng như đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải đầu tư nghiên cứu, có sự phối hợp của nhiều ngành trên cơ sở đổi mới nhận thức, quan điểm của các ngành khoa học cũng như của các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Tuy vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học xã hội và nhân văn phải phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học xã hội. *Một mặt*, phải nắm vững và quán triệt nội dung các nghị quyết, chính sách khoa học và công nghệ ; *mặt khác*, phải xuất phát từ hoạt động sáng tạo của một dạng lao động trí tuệ đặc biệt - lao động chất xám.

Trước mắt, việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học xã hội và nhân văn cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây :

a) *Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học cao*, đủ sức giải quyết những vấn đề do thực tiễn đất nước và thời đại đặt ra; đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ khoa học xã hội và nhân văn hiện có để có kế hoạch sử dụng hợp lý, đào tạo lại và bồi dưỡng có hiệu quả ; có chính sách và biện pháp thích đáng để phát triển tài năng, tạo ra đội ngũ chuyên gia giỏi trong từng lĩnh vực khoa học. Đồng thời, có chính sách đào tạo cán bộ trẻ, sử dụng hợp lý đội ngũ trí thức tuy đã nghỉ quản lý hoặc nghỉ hưu nhưng còn khả năng đóng góp về khoa học. Đổi mới về căn bản công tác đào tạo cán bộ từ quy hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp, đến quy chế tuyển chọn, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng. Ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ các ngành khoa học mũi nhọn, sớm hình thành đội ngũ cán bộ đầu đàn và các lớp kế tiếp ngày càng vững mạnh trong từng bộ môn khoa học xã hội và nhân văn, đáp ứng kịp thời yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị tiềm lực cho phát triển trong tương lai.

b) *Đổi mới hệ thống tổ chức các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy và quản lý khoa học xã hội và nhân văn.*

c) *Thực hiện đồng bộ một số chính sách*, trong đó chú trọng đến phương diện thông tin, mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước ; xây dựng và thực hiện nghiêm túc những quy định trong hoạt động nghiên cứu và quản lý khoa học.

3 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học xã hội và nhân văn.

Khoa học xã hội và nhân văn gắn bó chặt chẽ với công tác tư tưởng - lý luận của Đảng. Vì vậy, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định đối với sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn. Sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học thể hiện trước hết ở việc vạch ra các định hướng lớn về tư tưởng - lý luận, nêu ra những vấn đề cần phải nghiên cứu thông qua hệ thống chương trình đề tài nghiên cứu và các nhiệm vụ khoa học quan trọng. Đồng thời, tạo những điều kiện thuận lợi cho khoa học xã hội và nhân văn thực hiện tốt những nhiệm vụ của mình.

Các cấp ủy đảng cần có cơ chế nhằm huy động các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học tham gia tích cực vào quá trình hoạch định các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, tạo điều kiện phát huy tài năng của đội ngũ khoa học vì sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

Digitized by Google

HUY ĐỘNG VỐN TRONG NƯỚC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

CAO SỸ KIÊM *

VỐN cho phát triển kinh tế-xã hội luôn là một vấn đề cực kỳ quan trọng và cấp bách trong cuộc sống hiện nay và nhiều năm tới ở nước ta. Đương nhiên, để duy trì những thành quả đã đạt được của nền kinh tế nhờ mấy năm đổi mới vừa qua, giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao, tránh cho đất nước rơi vào "tụt hậu" so với nhiều nước láng giềng trong khu vực, thì một trong những vấn đề đang được Chính phủ và ngân hàng quan tâm là nguồn vốn - đặc biệt là vốn trung hạn và vốn dài hạn để đầu tư phát triển kinh tế. Mặc dầu điều kiện quốc tế thuận lợi đã mở ra những khả năng to lớn để huy động nguồn vốn từ bên ngoài, nhưng nguồn vốn từ trong nước được xem là mang tính quyết định cho sự phát triển vững chắc và độc lập của nền kinh tế.

Theo Báo cáo định hướng quy hoạch đầu tư phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000 của Nhà nước, để thực hiện được mục tiêu tăng gấp hai lần GDP bình quân đầu người, trong giai đoạn 1994-2000 cần phải có vốn đầu tư khoảng 50 tỉ USD. Trong khi đó khả năng nguồn vốn trong nước chỉ đáp ứng được theo quy hoạch đầu tư khoảng hơn 40% nhu cầu (tương ứng 20 tỉ USD), phần còn lại phải dựa vào bên ngoài. Tỷ lệ này được tính dựa trên cơ sở mức tích lũy trong nước còn thấp, chỉ chiếm khoảng 10% GDP. Theo xu thế phát triển chung hiện nay thì tỷ lệ vốn trong nước sẽ tăng, vốn ngoài nước sẽ giảm dần khi nguồn tích lũy trong nước tăng lên. Vấn đề đang "nổi cộm" hiện nay là bằng cách nào để hằng năm chúng ta thu hút được một lượng vốn khá lớn (ước tính khoảng 2-3 tỉ USD) đang nằm "đọng" trong nhân dân. Hơn nữa, số vốn huy động phải tăng lên trong những năm sau để đáp ứng nhu cầu đầu tư chung của đất nước. Đó chính là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, trong đó tài chính và ngân hàng là những ngành quan trọng nhất.

Trước tình hình đó, ngay từ đầu năm 1994 hưởng ứng cuộc thảo luận trên báo *Nhân dân* với chủ đề "Làm thế nào huy động vốn trong nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ?", ngành ngân hàng đã tham gia tích cực cùng đông đảo các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn xác định những quan điểm đúng đắn có tính định hướng và những giải pháp hữu hiệu nhằm khai thác những nguồn vốn sẵn có trong nhân dân và trong nền kinh tế. Trước hết, cần có *quan điểm mới* về tính chất đa dạng của nguồn vốn (không chỉ là tiền tệ, với các cấu thành phong phú : vàng, ngoại tệ, nội tệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được huy động bằng séc, giấy tờ có giá như một thứ "nửa tiền tệ" khác ; mà cả vật tư, kỹ thuật, đất đai, lao động và tri thức khoa-học...) cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với nguồn vốn đa dạng như vậy, ngân hàng sẽ có triển vọng kinh doanh tổng hợp hơn, gắn được các lĩnh vực như kinh doanh bất động sản, cho vay cầm cố, thế chấp, hay tín dụng thuê mua... với việc huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn *tiền tệ* (được coi là nguồn vốn *bao trùm nhất* và *linh hoạt nhất*). Ngân hàng coi trọng nguồn vốn trong dân cư và các doanh nghiệp, vì đây là nguồn vốn chủ yếu cho ngân sách và cho hệ thống tín dụng. Vốn đầu tư trong nước căn bản phải dựa vào tiết kiệm và tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Với chức năng là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của nền kinh tế, ngân hàng phải bằng mọi cách thu hút tối đa mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân để sử dụng cho vay sao cho có hiệu quả, đáp ứng mọi nhu cầu "quốc kế dân sinh". Hệ thống tín dụng ngân hàng có vị trí hết sức đặc biệt trong việc huy động và sử dụng vốn trong nước. Do đó, bản thân hoạt động tín dụng cần được tổ chức lại, không

* PTS. Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam

Digitized by Google

chỉ khép kín trong hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng truyền thống, mà phải gắn chặt với *các dạng hình đầu tư* (chẳng hạn, đầu tư thông qua tín dụng thương mại, tín dụng giữa các doanh nghiệp với nhau và với dân, tín dụng của hàng trăm mối quan hệ vay mượn trên thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán nay mai). Bởi vậy, thời gian gần đây, bên cạnh các ngân hàng thương mại quốc doanh, đã có sự nảy nở khá nhanh trên cơ sở "Pháp lệnh về ngân hàng và các tổ chức tín dụng", một hệ thống các tổ chức tín dụng đa dạng rộng khắp thuộc đủ mọi thành phần kinh tế, từ nông thôn đến thành thị, trong đó bao gồm cả một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Có thể nói, một trong những nội dung "cốt lõi" của chiến lược huy động vốn trong nước mà ngành ngân hàng góp phần tích cực và sớm khởi xướng, chính là *chủ trương đa dạng hóa các hình thức huy động vốn*, dần dần thích ứng với tâm lý, tập quán và trình độ dân trí ở nước ta. Cùng với việc sử dụng linh hoạt các phương thức huy động vốn như tiền gửi tiết kiệm, phát hành kỳ phiếu ngắn hạn, từ đầu năm 1994 các ngân hàng cũng đã có sáng kiến đưa ra *một số hình thức mới* linh hoạt có hiệu quả (như tiết kiệm xây dựng nhà ở ; tiết kiệm gửi một nơi rút ở nhiều nơi ; trái phiếu, kỳ phiếu dài hạn bằng cả nội, ngoại tệ) để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người gửi tiền ; không ngừng tăng số dư vốn huy động vào ngân hàng so với các năm trước. Đúc rút kinh nghiệm năm 1994 cho thấy : việc huy động vốn bằng các hình thức tiền gửi tiết kiệm vẫn đóng vai trò quan trọng nhưng tỷ trọng tăng chậm ; còn việc huy động vốn bằng các hình thức kỳ phiếu, trái phiếu của các ngân hàng thương mại với các mức lãi suất linh hoạt thì ngày càng được sử dụng phổ biến. Tính đến nay, các hình thức huy động vốn (cả nội tệ và ngoại tệ) từ dân cư vào ngân hàng, tăng trưởng khá (năm 1994 đạt khoảng 176% so với năm 1993), thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động (năm 1994 đạt trên 65%). Tuy nhiên, nguồn vốn huy động từ dân cư, chủ yếu là ngắn hạn, dưới 1 năm. Nguồn vốn trên 1 năm chiếm tỷ trọng rất thấp, nên chưa đáp ứng được nhu cầu cho vay đầu tư trung và dài hạn của nền kinh tế (tín dụng ngắn hạn của ngân hàng hiện chiếm 69,8% dư nợ). Nhưng xét ở góc độ chung thì tăng trưởng tín dụng ngân hàng là khá nhanh và với một cơ cấu ngày càng hợp lý. Nó thể hiện ở xu hướng tăng dần tỷ trọng cho vay đối với khu vực ngoài quốc doanh (từ 19% năm 1990 lên khoảng 36% năm 1994) và giảm hẳn tỷ lệ nợ quá hạn trong tổng số dư nợ cho vay của nền kinh tế nói chung (khoảng 15 - 20% trước kia xuống chỉ còn khoảng 5-7% hiện nay) trong khi nền kinh tế vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá (khoảng 8,8% năm 1994). Điều đó cho phép đánh giá ngân hàng đã có nhiều tiến bộ khả quan trong việc huy động và sử dụng vốn đáp ứng nhu cầu của mọi thành phần kinh tế.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của nền kinh tế thì nhiệm vụ huy động vốn trong nước của ngân hàng để đầu tư cho vay đúng hướng, có hiệu quả, góp phần ổn định tiền tệ và bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế cao theo dự kiến kế hoạch hằng năm của Chính phủ, là rất nặng nề. Vốn trong dân cư còn nhiều và không ngừng tăng trưởng qua các năm, nhưng tỷ trọng thu hút vào đầu tư phát triển kinh tế thông qua các tổ chức tài chính-tín dụng, còn rất hạn chế (ước tính mới được 50%). Để khắc phục tình trạng đó, từ năm 1994 ngành ngân hàng đã đẩy lên một bước việc huy động vốn trong nước gắn với công cuộc hiện đại hóa ngân hàng, và mũi "đột phá" là nâng cấp khẩn trương hoạt động thanh toán qua ngân hàng, áp dụng rộng rãi "máy tính hóa" và thực thi nhiều định chế phù hợp với thông lệ tài chính quốc tế. Tại Hà nội, việc làm thử chương trình huy động tiền gửi của các tầng lớp dân cư với từng bước triển khai việc mở tài khoản cá nhân, tiến tới sử dụng thanh toán séc cá nhân qua ngân hàng, bước đầu đạt kết quả tốt. Tính đến ngày 7-1-1995 đã có 6614 tài khoản cá nhân được mở, với số dư hơn chục tỉ đồng ở các ngân hàng và kho bạc nhà nước. Cùng với sự đổi mới về quy chế, kỹ thuật thanh toán qua ngân hàng và sự cải tiến phong cách phục vụ, tạo được chữ "tín" đối với khách hàng, việc mở tài khoản cá nhân và thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng sẽ sớm trở thành một tập quán phổ biến trong công chúng nước ta. Bên cạnh đó, phải ghi nhận là Ngân hàng nhà nước đang đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc hoạch định và điều hành có hiệu quả chính sách tiền tệ tín dụng, phù hợp với các mục tiêu của chiến lược huy động vốn ngân hàng đến năm 2000. Chính nhờ Ngân hàng nhà nước điều hòa tốt lượng tiền cơ bản cung ứng cho nền kinh tế mà chúng ta đã thực hiện được các mục tiêu kiềm chế lạm phát như dự kiến, ổn định tương đối sức mua đồng nội tệ và tăng trưởng kinh tế. Đó cũng là kết quả của việc thực thi đúng đắn theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, các chính sách lãi suất, tỷ giá, cũng như sử dụng các công cụ tiền tệ gián tiếp và trực tiếp

Digitized by Google

khác của Ngân hàng nhà nước trong việc điều hành chính sách. Do cải tiến lãi suất của ngân hàng, nên đã tạo ra được một cơ chế lãi suất "thực dương", và từng bước tiến tới có sự hợp lý thích ứng về cơ cấu tiền gửi, tiền vay, bảo đảm lợi ích của người gửi, người vay, cũng như người cho vay, trong điều kiện có sự ổn định về tỷ giá hối đoái. Tất cả đang tạo ra nền tảng vững chắc cho việc thực hiện thành công mọi chủ trương đa dạng hóa các hình thức huy động vốn trong nước của ngân hàng, góp phần củng cố các loại thị trường tiền tệ hiện có, thúc đẩy sớm tiến tới xây dựng một thị trường vốn dài hạn nay mai.

Kinh nghiệm qua một năm triển khai chiến lược huy động vốn trong nước của ngân hàng cũng đã chỉ ra rằng : để huy động được vốn ở mức khả dụng, điều tiên quyết là phải tạo cho được lòng tin của dân, bảo đảm độ an toàn đồng vốn dân "bỏ ra" cùng ngân hàng kinh doanh, mang lại hiệu quả chung "vừa ích nước, vừa lợi nhà". Muốn vậy, cần tạo ra các điều kiện kinh tế-xã hội và pháp lý cần thiết, mang tính giải pháp hỗ trợ, để thực hiện các chương trình tạo vốn của hệ thống tài chính - ngân hàng quốc gia. Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế, định hướng đầu tư, nhà nước cần có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất ổn định và lâu dài, đặc biệt là đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn và hộ nông dân ; tiếp tục kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, ổn định sức mua đồng tiền để khuyến khích đầu tư ; thực hiện mạnh mẽ chương trình cổ phần hóa, tạo lập ra các thị trường vốn ; xây dựng và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng để phục vụ việc giao lưu hàng hóa... Những vấn đề đó sẽ là tiền đề, là cơ sở cho mọi hoạt động đầu tư. Nói cách khác, dù là đã chuyển sang cơ chế thị trường, nhà nước vẫn phải luôn là người "mở đường" trong mọi công cuộc đầu tư ở khắp mọi miền của Tổ quốc. Nếu không, chiến lược huy động vốn dù có đúng đắn đến mấy, cũng chỉ mang lại hiệu quả thấp và bó hẹp ở các vùng đô thị, chưa thể đến được những vùng nông thôn, vùng xa, vùng sâu... Mặt khác, cũng phải biết "chắt chiu" từng đồng vốn ; đầu tư đúng lúc, đúng chỗ, có hiệu quả, thì một đồng vốn sẽ kéo theo hàng chục, hàng trăm ngàn đồng vốn khác từ dân chúng. Bên cạnh đó, cũng phải có một môi trường pháp lý lành mạnh để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người đầu tư và người sử dụng vốn đầu tư. Chúng ta đã và đang hướng tới đồng bộ hóa hệ thống pháp lý với một số luật cơ bản (như luật bảo hộ quyền tài sản tư nhân, luật thương mại, luật khuyến khích đầu tư trong nước, luật chứng khoán, luật hối phiếu, luật thương phiếu...). Vấn đề là bằng cách nào đó để các luật này sớm đi vào phát huy hiệu quả trong cuộc sống, gắn liền với việc tổ chức hệ thống tòa án kinh tế, cải tiến mạnh mẽ các thủ tục hành chính để nâng cao hiệu lực của bộ máy hành pháp nước nhà.

Bước sang năm 1995, vấn đề huy động vốn trong nước vẫn được coi là trọng tâm trong nhiệm vụ công tác ngân hàng. Ngân hàng nhà nước vẫn kiên trì chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng thị trường vốn Việt nam. Cùng với Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước đang hoàn chỉnh quy chế tổ chức thị trường tín phiếu kho bạc được đúc kết qua kinh nghiệm bán đấu giá vừa qua, để có thể thực hiện rộng khắp trong năm 1995 nhằm thu hút vốn của các tổ chức tín dụng và các ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty tài chính ở Việt nam. Theo quy chế này, Ngân hàng nhà nước sẽ đóng một vai trò quan trọng trên thị trường tín phiếu kho bạc, thực hiện chức năng là người tổ chức đấu giá, mua bán, chuyển nhượng tín phiếu kho bạc, thay thế dần việc phát hành tín phiếu kho bạc như hiện nay. Điều đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Ngân hàng nhà nước trong việc xử lý mối quan hệ giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, tạo ra công cụ điều hành có hiệu quả việc thực thi chính sách tiền tệ hiện nay. Thị trường nội tệ liên ngân hàng sẽ được mở rộng cho tất cả các tổ chức tín dụng quốc doanh và ngoài quốc doanh tham gia, nhằm nâng cao doanh số và tăng cường chất lượng thanh toán giữa các ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế. Vai trò điều hòa vốn và thực hiện chức năng người cho vay cuối cùng đối với nền kinh tế của Ngân hàng nhà nước sẽ được đẩy mạnh, gắn liền với việc sử dụng tín phiếu kho bạc như một công cụ mới của chính sách tiền tệ. Cuối cùng, Ngân hàng nhà nước đang sớm đúc rút kinh nghiệm về tổ chức hoạt động của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng mới được thành lập ở nước ta. Đây chính là cơ sở để triển khai và hoàn thiện thị trường hối đoái cho những năm tới. Bên cạnh đó, việc thành lập thị trường chứng khoán Việt nam cũng đang được khẩn trương chuẩn bị.

Để thực hiện được chương trình xây dựng thị trường vốn, tạo điều kiện để giải quyết về cơ bản vấn đề vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, Ngân hàng nhà nước Việt nam đã và đang tiếp tục hoàn

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

VIỆC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ ĐỀ NGHỊ VÀ KHIẾU KIỆN CỦA NHÂN DÂN

NGUYỄN KIM THOA *

QUYỀN thỉnh nguyện (nói một cách khái quát) hay quyền kiến nghị, khiếu nại và tố cáo (nói một cách cụ thể) được xem là quyền có lâu đời nhất trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Ngày nay, quyền đó đã thay đổi về chất và ngày càng được quan tâm và tôn trọng.

Ở nước ta, sau Cách mạng Tháng Tám, Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa chăm lo ngay đến lĩnh vực này, và thực tế đã ban hành không ít sắc lệnh, thông tư quy định trách nhiệm, quyền hạn và tổ chức của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết đơn thư khiếu tố của công dân. Dần dần quyền khiếu nại, tố cáo và kiến nghị đã trở thành một trong những quyền cơ bản của công dân được nhà nước bảo đảm thông qua những quy định trong Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992. Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân ban hành năm 1981 và được sửa đổi năm 1991 là sự cụ thể hóa những điều khoản về mặt này.

Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân ; thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, là người thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội cần phải quan tâm đến tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đối với các khiếu nại, tố cáo, vì đó là sự phản hồi tác động của mọi chính sách của nhà nước đối với xã hội. Giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo của nhân dân là thiết thực bảo đảm quyền tự do, dân chủ của nhân dân, đồng thời giúp nhà nước nắm được việc chấp hành các chủ trương chính sách và pháp luật của mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, sai lầm của cán bộ và cơ quan nhà nước, bổ sung và sửa đổi chính sách, pháp luật. Nhờ đó, mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân sẽ được củng cố và tăng cường.

Vài năm gần đây, số lượng đơn thư kiến nghị, khiếu kiện của công dân gửi đến các nơi có thẩm quyền của Quốc hội ngày càng tăng. Năm 1991 nhận 7168 đơn, năm 1992 nhận 7819 đơn, năm 1993 nhận 9550 đơn, năm 1994 nhận 13 580 đơn. Tình hình đó bắt nguồn từ **những nguyên nhân** sau :

1- Đất nước trong quá trình đổi mới, nền kinh tế chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngoài những mặt tích cực tác động đến đời sống kinh tế-xã hội, còn bộc lộ những mặt yếu kém, tiêu cực, ảnh hưởng không ít đến số phận từng con người ; mọi người, mọi thành phần kinh tế quan tâm đến lợi ích vật chất, đến hiệu quả kinh tế, từ đó làm nảy sinh ngày càng nhiều và gay gắt những mâu thuẫn và tranh chấp cần được giải quyết.

2 - Hệ thống pháp luật của nhà nước ta đang trong quá trình xây dựng và hoàn chỉnh, chưa đáp ứng đủ những yêu cầu của mọi mặt đời sống ; nhiều vấn đề của xã hội, của nền kinh tế còn chưa được luật điều chỉnh ; tính ổn định của luật chưa cao (luật hay phải sửa đổi, bổ sung) ; các văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh chậm được ban hành. Việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục ý thức pháp luật cho người dân (cả cho viên chức) chưa được tiến hành thường xuyên và sâu rộng. Điều đó dẫn đến tình trạng hiểu biết pháp luật không đầy đủ và thống nhất, không nắm bắt kịp thời những thay đổi, bổ sung của chính sách, nên trong quá trình điều hành và quản lý bộ máy nhà nước, không tránh khỏi những sai sót, vi phạm làm nảy sinh khiếu kiện.

3 - Trình độ năng lực của cán bộ nhà nước còn nhiều hạn chế ; bộ máy nặng nề, kém hiệu quả. Tệ quan liêu độc đoán chuyên quyền, ức hiếp trù dập quần chúng, xem thường kỷ cương, phép nước còn khá phổ biến ; sự sa sút về mặt phẩm chất, tệ tham nhũng trong cán bộ có xu hướng phát triển. Vì vậy, người dân gặp không ít điều phiền hà, oan trái.

4 - Đảng và Nhà nước chủ trương phát huy và mở rộng dân chủ, phấn đấu đạt được dân chủ thực sự. Quan điểm đó được dần dần thể hiện bằng chính sách và hệ thống pháp luật thống nhất và đồng bộ, tạo điều kiện và khuyến khích người

* Văn phòng Quốc hội

Digitized by Google

dân mạnh dạn để đạt nguyện vọng của mình với các cơ quan nhà nước.

5 - Trình độ dân trí đang được nâng cao ; ngày càng có nhiều người hiểu và nắm vững pháp luật; họ biết rõ mình có những quyền gì và không chịu ngồi yên khi những quyền đó bị vi phạm.

6 - Một số vấn đề thuộc về lịch sử cho đến nay vẫn còn có ý kiến khác nhau trong phương pháp và phương thức giải quyết. Một số vấn đề đã có chủ trương chính sách giải quyết nhưng giải quyết chưa triệt để, nên gây ra tình trạng khiếu nại kéo dài.

Trong tổng số đơn thư nhận được có khoảng từ 10 đến 15% số đơn thư nhận trực tiếp thông qua hoạt động tiếp dân của Văn phòng Quốc hội và của các đồng chí lãnh đạo Quốc hội.

Thành phần người gửi đơn hoặc trực tiếp đến khiếu nại, tố cáo rất đa dạng. Từ cá nhân đến tập thể ; từ các tổ chức kinh tế và xã hội ; từ cơ quan nhà nước từ dưới lên trên (kể cả từ người nước ngoài và cơ quan, tổ chức nước ngoài đang làm ăn trên đất nước ta).

Phần nhiều (60 - 70% tổng số đơn thư) là khiếu nại về những quyết định hành chính và thường là đúng sự thật. Nhưng cũng có số ít trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của công dân chưa bị xâm phạm, nhưng do không hiểu chính sách, pháp luật hoặc do bị kích động, mà họ ngộ nhận là bị xâm phạm, hoặc cố tình ăn vạ mà khiếu nại.

Nội dung khiếu nại trải ra trên tất cả các lĩnh vực. Vài năm gần đây thường tập trung vào hai lĩnh vực là *nhà* và *đất*. Đơn về hai loại này chiếm khoảng 40% tổng số đơn khiếu nại. Đây là vấn đề có thể trong một thời gian dài vẫn còn mang tính gay gắt.

Ngoài hai nội dung trên, đơn thư khiếu nại còn đề cập đến những nội dung khác liên quan đến các bản án dân sự, hình sự và việc thi hành án ; đến việc bắt giam, giữ người, khám nhà, tịch thu tài sản ; đến những vụ kỷ luật lao động oan hoặc quá nặng ; đến việc nhiều người bị mất việc làm do sắp xếp lại sản xuất hoặc bị trù dập ; đến việc phải nộp quá nhiều loại thuế ; đến việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội còn nhiều sai sót; đến chính sách đối với những người thuộc diện "B trọc" chưa thỏa đáng ; đến quyền lợi của những người lao động ở các công ty tư nhân và nước ngoài không được bảo vệ...

Đơn thư tố cáo thường tập trung vào cán bộ chủ chốt ở các cấp, các đơn vị kinh tế và những cán bộ có thẩm quyền trong từng lĩnh vực, lợi dụng chức vụ quyền hạn tham ô, buôn lậu, nhận hối lộ và hối lộ ; ăn chơi sa đọa, mua sắm tài sản có giá trị lớn, chiếm nhiều nhà đất, mua bán nhà đất để kiếm lời ; lãng phí, làm thất thoát nghiêm trọng tài sản của nhà nước ; năng lực yếu kém, cơ hội, bè phái, trù dập người tố cáo, đấu tranh.

Người bị tố cáo ngoài những đối tượng kể trên, còn có : những người làm trong các cơ quan tư pháp (như tòa án, công an, kiểm sát) và trong các cơ sở từ thiện (như Hội chữ thập đỏ ; trại nuôi dưỡng người già, người tàn tật ; làng SOS...) ; các tổng biên tập, phó tổng biên tập các báo (là nơi thường phanh phui các vụ việc tiêu cực), và cả những vị chức sắc trong các giới tôn giáo.

Văn phòng Quốc hội hằng năm nhận được một số đơn thư tố cáo cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, đại biểu Quốc hội đương nhiệm. Nội dung tố cáo ngoài những vấn đề đã nêu ở trên, còn có các vấn đề khác như : man khai lý lịch ; lý lịch gia đình xấu ; không có trình độ năng lực quản lý ; không đủ tư cách phẩm chất ; không có uy tín, tín nhiệm, v.v..

Đơn thư kiến nghị còn thể hiện nguyện vọng của nhân dân muốn đóng góp trí tuệ của mình vào công cuộc xây dựng và quản lý đất nước. Nội dung của loại đơn thư này rất quý, đang được quan tâm khai thác, đó là những ý kiến đóng góp cho những dự thảo luật chuẩn bị trình lên Quốc hội ; những góp ý về những chính sách pháp luật còn thiếu hoặc đã lạc hậu cần được sửa đổi, bổ sung ; những ý kiến phản ánh tình hình ở các địa phương, về kinh tế-xã hội, về đời sống khó khăn của một bộ phận dân cư ; những đề nghị về một số chính sách cụ thể đối với một số vùng, một số đối tượng ; những đề đạt nguyện vọng của từng cá nhân đối với chính quyền, Quốc hội (như xin giảm án ; tha tù ; trợ cấp khó khăn ; xin được hưởng các chính sách xã hội ; đề nghị tách tỉnh...).

Nhìn chung, phần lớn đơn thư khiếu nại trung thực, nói đúng sự thật, có tính xây dựng. Tuy vậy, cũng có đơn thư tố cáo sai, thổi phồng hoặc bóp méo sự việc ; tố cáo với động cơ cá nhân không tốt. Hiện tượng mạo danh và nặc danh trong đơn tố cáo chiếm một tỷ lệ khá cao (80-90%). Nguyên nhân là do sợ bị trả thù hoặc do nội bộ mất đoàn kết, bè phái, nên tung tin công kích nhau.

Từ góc nhìn của cơ quan phục vụ đại biểu dân cử xem xét tình hình chung, có thể rút ra một số nhận xét như sau :

- Số lượng đơn thư khiếu kiện rõ ràng ngày càng tăng ; hiện tượng này gây nên sự quá tải đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tính chất của việc khiếu nại, tố cáo ngày càng phức tạp và gay gắt, thể hiện ở chỗ : nội dung đơn thư đề cập đến nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan ; vừa khiếu vừa tố trong một vụ việc ; khiếu tố dẫn đến một số hình thức tổ chức làm rối loạn xã hội (như đình công, bãi chợ, đi từng đoàn mang cả biểu ngữ, khẩu hiệu, chặn đường đón xe công vụ...).

- Mặc dù đã có quy định về thẩm quyền giải quyết của các cấp, các ngành, nhưng số đơn thư gửi vượt cấp hoặc gửi không đúng cơ quan có thẩm quyền vẫn nhiều. Nguyên nhân là do người

Digitized by Google

dân không tin tưởng vào việc giải quyết của cấp cơ sở, hoặc muốn có sự tác động của nhiều cơ quan và của cấp trên để việc khiếu kiện của mình sớm được xem xét, giải quyết.

- Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ở các cấp các ngành và các địa phương còn chậm trễ, chồng chéo, lúng túng về thẩm quyền, và thường là không chấm dứt được khiếu kiện ở lần đầu giải quyết.

- Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ở các cơ quan tư pháp cũng còn chậm và tốn đọng nhiều ; việc vận dụng chính sách pháp luật trong xét xử chưa có sự thống nhất, nên mỗi vụ thường qua nhiều cấp xét xử. Nhiều vụ việc, cán bộ thụ lý và xét xử do nhận hối lộ nên đã xét xử không công bằng, gây nhiều phiền hà cho nhân dân. Việc bắt giam giữ người nhiều trường hợp không đúng quy định của pháp luật ; việc bắt khẩn cấp ở nhiều vụ là không cần thiết, gây hậu quả nghiêm trọng. Đây đó vẫn có tình trạng thay đổi hồ sơ, mớm cung, nhục hình ; quản lý trại giam lỏng lẻo, để phạm nhân trốn hoặc đánh nhau đến chết ; muốn gặp thân nhân đang bị giam giữ phải có tiền...

Sau khi có Nghị quyết số 38/CP ngày 4-5-1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức các cấp các ngành và các địa phương đã nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết đó, soát xét lại và giảm bớt các thủ tục có thể gây phiền hà nên đã bước đầu hạn chế được sự sách nhiễu của một số cán bộ tiêu cực, góp phần làm giảm đơn từ khiếu kiện. Tuy vậy, việc nghiên cứu và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trong giai đoạn hiện nay, vẫn là một công tác hết sức quan trọng và bức xúc của tất cả các cơ quan nhà nước. Để nâng cao hiệu quả của công tác này, cần phải có sự chuyển biến tích cực, đồng bộ từ việc sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách, pháp luật, đến việc tuyên truyền, phổ biến và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật của toàn xã hội. Cụ thể là :

1 - *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.* Sau Hiến pháp năm 1992, Quốc hội khóa IX và Ủy ban thường vụ Quốc hội đặt trọng tâm công tác vào nhiệm vụ lập pháp. Quốc hội khóa IX đã ban hành 11 bộ luật và luật ; sửa đổi bổ sung một số điều vào 14 luật ; Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành 26 pháp lệnh. Dự kiến trong năm 1995 Quốc hội sẽ thảo luận và thông qua ít nhất là 8 bộ luật và luật, 10 pháp lệnh. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, vì vậy pháp luật đầy đủ, hoàn chỉnh, sẽ giúp cho việc quản lý, điều hành xã hội có hiệu quả và hiệu lực.

Trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo, phải rà soát hệ thống các văn bản pháp luật về vấn đề này, nghiên cứu thực tiễn áp dụng để có sự bổ sung, điều chỉnh cho thích hợp. Trước hết, cần tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân ban hành năm 1991, Chỉ thị số 18/TTg, Nghị quyết số 38/CP của Chính phủ, và gần đây nhất là Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 64/TTg ngày 25-1-1995 về tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, nhằm tạo ra một bước chuyển biến đáng kể trong việc này. Xúc tiến việc nghiên cứu thành lập *tòa án hành chính* nhằm nâng cao hiệu lực của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2 - *Tuyên truyền pháp luật và nâng cao trình độ dân trí.* Sau khi có văn bản pháp luật, cần tổ chức tuyên truyền, giải thích nội dung của văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng, sao cho mọi cơ quan và tổ chức đều nhận thức rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội; công dân phải hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc khiếu nại, tố cáo. Các cấp, các ngành tổ chức tập huấn cho cán bộ trực tiếp làm công tác xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhằm bảo đảm cho quá trình xét, giải quyết đơn thư được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Các cấp, các ngành cần nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng của công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Thực hiện tốt cải cách hành chính, giảm các thủ tục phiền hà cho người dân mỗi khi có việc đến các cơ quan nhà nước.

Cấp dưới phải thi hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết của cấp trên nhằm tạo ra lòng tin cho nhân dân và hạn chế việc khiếu nại vượt cấp - vừa gây khó khăn tốn kém cho người dân, vừa tạo ra việc chuyển đơn vòng quanh, kém hiệu quả cho các cơ quan nhà nước.

Công dân cần nắm vững và hiểu rõ pháp luật về những vấn đề mà mình khiếu kiện. Ngoài ra, còn phải thực hiện nghiêm chỉnh những quy định về trình tự, thủ tục cũng như quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Không gửi vượt cấp hoặc gửi đến tất cả các cơ quan nhà nước, các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

3 - *Củng cố và tăng cường pháp chế.* Pháp chế đòi hỏi mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội phải thực hiện đúng và nghiêm chỉnh pháp luật trong mọi hoạt động của mình. Củng cố và tăng cường pháp chế trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu khách quan và cấp thiết cho công cuộc đổi mới trên đất nước ta. Ngoài việc ban hành pháp luật, phải tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật, tiến hành thường xuyên việc kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật. Làm tốt những công tác này sẽ làm tăng hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, mở rộng dân chủ thực sự cho nhân dân.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ ĐIỆN NGUYÊN TỬ Ở VIỆT NAM

CAO CHI *

ĐỂ chuẩn bị cho sự phát triển của đất nước trong những thập kỷ tới, Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã đề ra vấn đề xây dựng nhà máy *điện nguyên tử* (ĐNT) (hay còn gọi là *điện hạt nhân* (ĐHN)) trong quy hoạch dài hạn [1].

Một vấn đề quan trọng như thế trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không thể không có sự chuẩn bị ngay từ bây giờ.

TÌNH HÌNH ĐIỆN NGUYÊN TỬ TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Tính đến cuối năm 1992 trên hành tinh chúng ta đã có 424 lò phản ứng hạt nhân với tổng công suất 330 651 MWe, sản xuất ra một lượng điện năng bằng 2027,4 tỉ kWh, chiếm 16,7% tổng điện năng toàn cầu, đồng thời hiện đang xây dựng thêm 72 lò phản ứng mới với công suất ước tính là 59 720 MWe. Những nước sử dụng điện hạt nhân nhiều nhất phải kể đến là Pháp - 78% tổng điện năng cả nước, Bỉ - 60%, Thụy-điển - 43%, Hàn quốc - 43%, Thụy-sĩ - 40%, Tây-ban-nha - 36%, Đài loan 35%, Xlô-vê-ni-a - 35%, Bun-ga-ri - 36,7%, U-crai-na - 32,9%, Phần-lan - 32,3%, Nhật - 31%, Mỹ - 22%... Hai nước Mỹ và Ca-na-đa từ năm 1980 không xây dựng thêm ĐHN mới. Theo đánh giá của các chuyên gia, có *ba* lý do chính : *một là*, hai nước này đã không tiên liệu được sự suy giảm kinh tế do khủng hoảng dầu mỏ vào năm 1973 và 1979 ; *hai là*, họ đang có ý đồ phát triển những loại lò có độ an toàn cao hơn ; *ba là*, hai nước đó (đặc biệt là Mỹ) đang dành một phần lớn kinh phí cho năng lượng nhiệt hạch.

Nói đến các nước xung quanh ta thì trước hết phải kể đến Trung quốc. Họ đã xây xong 1 lò phản ứng (LPƯ) công suất 300 MWe và đang chuẩn bị xây dựng 2 LPƯ công suất 2 x 600 MWe ở Tần sơn. Tại đặc khu kinh tế Thẩm quyến, Vịnh Đại á (Quảng đông) sẽ xây dựng 2 LPƯ công suất 2 x 900 MWe. Một hiệp định đã được ký với Nga xây dựng 2 LPƯ công suất 2 x 1000 MWe ở Liêu ninh. Sẽ có 2 LPƯ công suất 2 x 350 MWe ở đảo Hải nam. Tại tỉnh Giang tây đang chuẩn bị thi công xây dựng nhà máy công suất 600 MWe. Rõ ràng Trung quốc đã đưa ĐHN vào chiến lược năng lượng của quốc gia.

Ở Đài loan đã có 6 LPƯ tổng công suất 4 890 MWe ; và sắp tới sẽ có 2 LPƯ công suất 2 x 1000 MWe.

Ở Ấn độ, chương trình hạt nhân đã bắt đầu có từ năm 1944. Hiện nay nước này đã có bề dày kinh nghiệm về chu trình nhiên liệu, thiết kế, xây dựng, vận hành, xử lý nhiên liệu, chế tạo các thiết bị tinh xảo ; đã xây dựng nhà máy nước nặng sản lượng 314 tấn/năm từ năm 1962. ĐHN ở Ấn độ chiếm 3,3% tổng điện năng cả nước, con số tuy không lớn nhưng cũng đã có một tổng công suất ĐHN lên đến 2 603 MWe.

Ngoài ra, còn phải kể đến các nước khác trong khu vực. Như Pa-ki-xtan, ĐHN hiện chiếm 1,5% tổng điện năng cả nước ; đã có 1 LPƯ hoạt động liên tục từ hơn 20 năm nay, và sắp xây thêm 2 lò công suất 2 x 300 MWe. Thái lan đã có tiền dự án cho 6 LPƯ trong kế hoạch 5 năm lần thứ 8 với tổng công suất 6000 MWe, dự kiến 2 LPƯ đầu tiên sẽ hoạt động vào năm 2006. Rồi In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, I-ran, Thổ-nhĩ-kỳ... đều đã và đang bắt tay vào quá trình đa dạng hóa các nguồn điện năng trong đó chú trọng đến ĐHN.

Tóm lại, đến đầu thế kỷ 21 hầu hết các nước trong khu vực đều có ĐNT. Những quy hoạch chiến lược của các nước này xuất phát từ chỗ : sự tăng trưởng mạnh về kinh tế trong những thập kỷ tới ở châu Á nói chung và trong khu vực nói riêng sẽ làm cho nhu cầu về năng lượng tăng lên rất lớn, khiến cho hàng loạt nhà máy nhiệt điện và thủy điện không thể đáp ứng đủ nhu cầu về điện năng trong tương lai. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề năng lượng bằng năng lượng hạt nhân là một xu thế đúng đắn. Điều đó đòi hỏi Việt nam ta không thể không tính đến các "nước cờ" của mình trong chiến lược năng lượng.

---

* Giáo sư, Viện năng lượng nguyên tử Việt nam

(1) Xem : *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng*, Hà nội, 1994, tr 77

Digitized by Google

NHỮNG SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ KINH TẾ VIỆT NAM

Muốn không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, phải tăng GDP. Giữa tốc độ tăng trưởng của GDP và tăng trưởng của điện năng có mối quan hệ chặt chẽ biểu hiện qua *hệ số đàn hồi*. Hệ số đàn hồi càng cao thì tốc độ tăng trưởng của điện năng phải càng lớn mới bảo đảm cho GDP tăng trưởng với cùng một tốc độ. Sau đây là các số liệu dự báo về điện năng và GDP của Việt nam :

	Năm 1993	Năm 1995	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010
• Dân số (triệu người)	71.5	74.5	81.7	87.6	94
• Điện năng (GWh)	10 928	13 429	26 192	42 383	69 604
• Bình quân điện sản xuất ra trên đầu người (kWh/người)	153	180	320	484	740
• GDP (triệu USD)	13 657	-	34 000	-	92 000
• Bình quân GDP/người (USD)	192	-	416	-	978

Tương quan giữa tốc độ tăng trưởng GDP và điện năng của Việt nam trong các năm tới và hệ số đàn hồi được trình bày trong bảng sau :

(Tính theo %)

Thời gian	Điện sản xuất	GDP	Hệ số đàn hồi
Năm 1995 - 2000	14,30	9,85	1,45
Năm 2001 - 2010	10,25	10,44	0,98

Trong khi đó Thái lan có điện sản xuất đạt tốc độ 17% (1966-1980) và 19,6% (1966-1975). Đa số các nước Đông - Nam Á trong thập kỷ 90 hệ số đàn hồi đều trên 1,2. Thậm chí như ở In-đô-nê-xi-a là 2,82. So với các nước này, hệ số đàn hồi của Việt nam trong giai đoạn 2001- 2010 còn rất thấp. Chính vì vậy, việc bảo đảm đủ điện năng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi có những giải pháp kịp thời và hợp lý.

1- *Nên xác định thời điểm phải có điện nguyên tử như thế nào ?*

Các chuyên gia đã đưa ra *hai* cách tiếp cận. Cách *thứ nhất* mang tính quyết định luận, so sánh khả năng các nguồn điện (thủy điện, nhiệt điện, than, dầu, khí) với dự báo phụ tải. Kết quả cho thấy, đến năm 2015 phải có điện nguyên tử mới đảm bảo được sự tăng trưởng của phụ tải. Đến năm đó, dự báo điện năng vào khoảng 100 tỉ kWh, với độ tăng trưởng điện năng khoảng 8,5 tỉ kWh/năm, ứng với tốc độ tăng trưởng điện năng là 8,5%/năm. Dự báo công suất vào khoảng 18 000 MWe với độ tăng trưởng của công suất vào khoảng 1500 MWe/năm ứng với tốc độ tăng trưởng công suất 8%/năm. Vào thời điểm đó, các nguồn điện khả thi cơ bản đã hòa vào lưới điện chung, do đó phải nhập điện nguyên tử để bảo đảm độ tăng trưởng của phụ tải. Cách tiếp cận này dựa trên cơ sở dự báo phụ tải. Và nếu như vậy, theo dự báo này, chúng ta đã tụt hậu hơn 20 năm so với Thái lan. Còn nếu có được 150 tỉ kWh vào năm 2010, thì mức tụt hậu sẽ ngắn hơn, chỉ còn 5 năm.

Cách tiếp cận *thứ hai* là tìm những lời giải tối ưu trên cơ sở các chương trình máy tính hiện đại (ví dụ sử dụng chương trình WASP). Kết quả cho thấy : cần phải có ĐNT vào giai đoạn 2006 - 2015. Một tính toán của Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia cho biết : ở mức phụ tải 60 tỉ kWh - ứng với mức phụ tải năm 2008, với khả năng khai thác khí tự nhiên lên tới 6,5 tỉ m^3/năm, thì trong bất kỳ tình huống nào, có hay chưa có thủy điện Sơn la, ĐNT vẫn phải xuất hiện với mức 440 - 1200 MWe. Một khó khăn của cách tiếp cận thứ hai này là bộ số liệu đầu vào (chiết khấu, giá cả nhiên liệu, suất vốn đầu tư, giá cả vận hành, bảo dưỡng, giá cả năng lượng không đáp ứng, chi phí bảo vệ môi trường. ..) mang nhiều yếu tố bất định, do đó chúng ta phải chọn lời giải trong điều kiện thông tin bất định để đưa ra quyết định.

Một chính sách khôn ngoan mà người quản lý có thể đưa ra là *đa dạng hóa các nguồn điện* nhằm hạn chế điểm yếu của loại điện năng này bằng điểm mạnh của loại điện năng khác, trên cơ sở chọn một tổ hợp điện năng tối ưu gồm thủy điện, nhiệt điện, than, dầu khí, điện nguyên tử. Chính sách đa dạng hóa hệ thống năng lượng còn làm giảm sự phụ thuộc vào một

Digitized by Google

loại nguồn điện. Hàn quốc là một ví dụ điển hình và đã thành công lớn trong việc theo đuổi chính sách đa dạng hóa tối ưu này. Nguyên lý đa dạng không cho phép ta chờ đến lúc các nguồn năng lượng cổ điển cạn kiệt rồi mới nghĩ đến điện nguyên tử, vì như vậy hậu quả sẽ khôn lường.

Tóm lại, qua hai phương pháp tiếp cận trên, chúng ta có thể thấy thời điểm xuất hiện ĐNT ở Việt nam là vào khoảng từ năm 2006 đến năm 2030, và theo đa số dự báo thì vào năm 2015.

2- *Những lý do khác thúc đẩy sự xuất hiện ĐNT ở Việt nam.*

a) *Nguy cơ cạn kiệt các nhiên liệu hóa thạch và hạn chế của thủy điện.* Hội nghị năng lượng thế giới lần thứ XV tại Ma-đrít năm 1992 cho rằng nhiên liệu hóa thạch còn có thể sử dụng đến năm 2020, song giá thành khai thác ngày càng tăng, cho nên phải chuyển hướng dùng dầu khí, than vào các lĩnh vực khác như công nghiệp hóa tổng hợp, giao thông...

Trữ lượng thủy điện của nước ta được đánh giá khoảng 80 tỉ kWh. Tuy nhiên các chuyên gia cho rằng thủy điện đến giai đoạn 2010 - 2015 cũng không nên vượt quá 70 tỉ kWh, vì thủy điện cũng đang đặt ra vấn đề lớn về môi trường sinh thái. Bên cạnh đó, thủy văn ở nước ta lại biến động luôn. Nếu ở mức phụ tải dự báo năm 2010 mà năm đó lại là năm ít nước, thì sẽ phải cần tới 3 triệu tấn than cho nhiệt điện mới đủ bù đắp lượng điện thiếu hụt. Đây là một vấn đề cực kỳ nan giải cho ngành than. Chính vì thế, nếu tỷ lệ giữa thủy điện và nhiệt điện bất hợp lý, sẽ có thể gây ra những vấn đề nghiêm trọng trong tương lai.

b) *ĐNT hay nhập nhiên liệu hóa thạch để sản xuất điện* ? Theo tính toán, nhiên liệu hóa thạch dễ khai thác đang cạn dần, trong khi đó trữ lượng uran của thế giới đủ dùng làm nhiên liệu trong nhiều thế kỷ tới, do đó ĐNT rẻ và không phải chịu sức ép về cung cầu như đối với các nhiên liệu hóa thạch. Hiện nay đã có nhiều công ty nước ngoài tới ta sẵn sàng chào hàng và đấu thầu xây dựng nhà máy ĐNT, cung cấp nhiên liệu uran và nước nặng. Ngoài ra cần phải lưu ý rằng sử dụng năng lượng hạt nhân là xu thế của nhân loại, không có dạng năng lượng mới nào có triển vọng trong tương lai hơn năng lượng hạt nhân. Khuyến cáo của nhiều hội thảo, nhiều tổ chức trên thế giới đều cho rằng lời giải tối ưu cho mối quan hệ môi trường - kinh tế - đa dạng trong tương lai là đưa ĐHN vào hệ thống điện quốc gia. Theo tính toán, mặc dù xây một nhà máy tuốc bin - khí hỗn hợp chỉ tốn bằng 1/4 vốn đầu tư cho nhà máy ĐNT, nhưng điều cốt yếu là ở hai vấn đề đầu tư về sau : nhiên liệu và chi phí hàng năm; và tính ra chi phí lũy tích qua các năm càng về sau càng lớn. Bên cạnh đó, cuộc Hội thảo về điện và môi trường ở Hen-xin-ki tháng 5-1991 đã khẳng định : đến năm 2010, sẽ xuất hiện những công nghệ tiên tiến hơn và giá xây dựng nhà máy ĐNT hoàn toàn có thể cạnh tranh được với giá xây dựng nhà máy nhiệt điện cổ điển, nhờ phương thức mô đun - chế tạo tại nhà máy.

c) *Xây dựng nhà máy ĐNT làm cho chúng ta chủ động về năng lượng.* Trên thị trường thế giới hiện nay, nhờ có sự kiểm soát chặt chẽ mục đích sử dụng, nhiên liệu hạt nhân cũng đã trở thành một loại hàng hóa có thể trao đổi (tuy là đặc biệt). Như vậy, ngoài lý do kinh tế (quyết định bởi trữ lượng U, Th và công nghệ chế biến) không có lý do gì cản trở chúng ta nhập nhiên liệu hạt nhân để sử dụng vào mục đích hòa bình. Hơn thế nữa, ngày nay mỗi nước đã trở thành một hệ thống mở, quan hệ giữa các nước không còn là sự lệ thuộc một chiều mà là sự ràng buộc lẫn nhau, và sự ràng buộc này là trên nhiều lĩnh vực, từ điện tử, viễn thông, lương thực... cho đến sự an toàn, chứ không riêng gì ở lĩnh vực nhiên liệu hạt nhân.

d) *Sự ràng buộc trong sử dụng nhiên liệu hạt nhân khác cơ bản với sự lệ thuộc nhiên liệu dầu khí.* Đó là do giá uranium rất rẻ. Cụ thể là cho cùng một năng lượng sản ra, giá nhiên liệu uranium rẻ hơn giá dầu 10 lần. Vì kinh phí nhập nhiên liệu hạt nhân nhỏ, nên các nước có khả năng tích trữ để sử dụng lâu dài (người ta đã tính toán : nếu với giá 60 USD/pound U_3O_8 thì kinh phí để dự trữ U cho mười năm chỉ làm tăng giá điện cho 1 kWh lên 1,5%). Để hiểu việc dự trữ U đơn giản đến mức nào, hãy xét một trường hợp làm ví dụ : ở Pháp, chỉ vì một sự trục trặc trong quá trình xây dựng nhà máy, lượng U dư thừa của năm 1985 đủ dùng cho 4 năm sau. Ngoài ra, cũng không loại trừ khả năng Việt nam có trữ lượng uranium đáng kể. Tất nhiên, từ quặng cho đến thanh nhiên liệu là cả một quá trình. Hàn quốc phải mất khoảng 20 năm. Theo tính toán, nếu Việt nam phát triển nhanh, rút ngắn được khoảng cách tụt hậu so với các nước, thì trong vòng 20-25 năm nữa, có thể làm được những điều như Hàn quốc đã làm được hiện nay. Nếu nhà máy ĐNT của Việt

Digitized by Google

nam được nhập theo phương thức chìa khóa trao tay vào năm 2015 là loại lò PWR cùng với các thanh nhiên liệu đủ dùng trong vòng 5 năm và nếu nhà máy thứ hai có loại lò nước nặng PHWR (phỏng theo kịch bản xây dựng của Hàn quốc) thì chúng ta có đủ 25 năm để nghiên cứu làm thanh nhiên liệu với uranium thiên nhiên cung cấp cho nhà máy thứ hai. Khả năng đó phải được nghiên cứu và chuẩn bị từ hôm nay.

e) *Về an toàn của nhà máy điện nguyên tử.* Mọi hoạt động của con người đều gắn liền với những rủi ro nhất định. Giao thông, thủy điện, dầu khí, nguyên tử... đều có những vấn đề an toàn. Sự cố ở Tréc-nô-bưn đã gây nên một hậu quả tai hại cho ngành hạt nhân, nhưng mặt khác, sự cố này đã buộc các nhà khoa học, các nhà công nghệ phải cùng nghiên cứu giải pháp làm tăng độ an toàn của ĐNT. Các nhà công nghệ LPU đã đưa ra quan điểm bảo vệ *theo chiều sâu*. Theo phương án này, phóng xạ chỉ có thể lọt ra ngoài sau khi đã vượt qua rất nhiều rào chắn : vỏ nhiên liệu, vỏ thanh nhiên liệu, thùng lò, vỏ bọc gian lò, vỏ bọc ngoài bằng bê tông gia cố. .. Cho nên, độ an toàn được nâng cao. Ngoài ra, các nhà khoa học và công nghệ hạt nhân còn đưa ra những quan điểm *mới* về công nghệ lò phản ứng. Có dự án nghiên cứu chế tạo những loại lò có tính an toàn nội tại, nghĩa là tính an toàn đã được bảo đảm ngay trong lò bởi những quá trình vật lý. Trong 10 năm tới có thể có nhiều nhà máy ĐHN được xây dựng với độ an toàn cao hơn hiện nay từ 1 đến 2 bậc. Thừa hưởng thành tựu đó, chúng ta có thể nhập những lò an toàn tuyệt đối cao. Hiện nay, an toàn hạt nhân không còn là vấn đề của một quốc gia riêng lẻ nữa, mà đã trở thành vấn đề có tính chất toàn cầu. Sự mất an toàn ở mỗi nước đều ít nhiều ảnh hưởng đến sự an toàn của toàn bộ khu vực.

f) *Về vấn đề môi trường.* Đốt các nhiên liệu hóa thạch, kể cả dầu, khí, làm phát sinh SO_2, NO, CO_2 và các độc tố khác... đã dẫn đến những hậu quả nguy hại cho môi trường sinh thái. Theo tính toán của các chuyên gia, một lò phản ứng công suất 1000 MWe thay cho một nhà máy điện bằng than sẽ tránh được 6 triệu tấn CO_2 thải vào môi trường hằng năm. Thủy điện, như mọi người đều biết, cũng đặt ra nhiều vấn đề rất lớn về môi trường. Cho nên chỉ có ĐNT mới giải quyết được những vấn đề môi trường như đã đề cập ở trên.

g) *Vấn đề đào tạo con người.* Muốn làm được ĐNT, đất nước cần phải có một đội ngũ chuyên gia giỏi có trình độ ngang tầm với thế giới trong ngành hạt nhân. Ngành ĐNT là một ngành tổng hợp, giao nhau của nhiều khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao. Cán bộ trong lĩnh vực ĐNT phải có thái độ làm việc nghiêm túc, có kỷ luật, toàn tâm toàn ý, vì chỉ một khinh suất nhỏ là có thể dẫn đến những thiệt hại lớn. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi thỏa đáng, và phải chuẩn bị yếu tố con người ngay từ bây giờ.

Thực tế mấy năm qua cho thấy, nhiều cán bộ giỏi được đào tạo về lĩnh vực hạt nhân đã chuyển sang làm ở các lĩnh vực khác để có thu nhập cao hơn, đây là một điều đáng tiếc. Tôi cho rằng đã tới lúc Việt nam phải gấp rút đào tạo một đội ngũ chuyên gia giỏi về ĐNT cho tương lai và có chính sách đãi ngộ tương xứng đối với họ. Như chúng ta biết, để đào tạo một cán bộ có kiến thức cơ bản, tin cậy được, phải mất 6 năm, với 2 năm thực tập tại một nhà máy ĐNT. Trước mắt, chúng ta cần có một đội ngũ khoảng 300 - 500 người cho giai đoạn 2010 - 2015.

Xây dựng nhà máy ĐNT là một khâu quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngoài ý nghĩa về kinh tế, ĐNT có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xây dựng tiềm lực về khoa học, công nghệ hiện đại và độc lập cho một quốc gia, mà điều này thì không thể lượng hóa bằng đô la hoặc bất cứ đơn vị đo lường nào.

Một chương trình hạt nhân đòi hỏi có sự cố gắng lớn ở tầm quốc gia về kinh phí, nguyên vật liệu, cán bộ... trong một giai đoạn rất dài. Nhiều quốc gia xung quanh ta đã gắn chính sách hạt nhân với việc bảo đảm thực hiện nó trong một quyết định có tính pháp lệnh. Một chương trình hạt nhân dài hạn, có cơ sở vững vàng, phải bao gồm việc xây dựng lần lượt một loạt nhà máy ĐNT chứ không phải chỉ một nhà máy. Do đó, trong một chương trình quy hoạch ĐNT dài hạn, ngoài những yếu tố khách quan, thì ý chí của một quốc gia đóng vai trò không kém phần quan trọng. Ý chí đó là quyết tâm vượt qua những khó khăn, để thực hiện kỳ được những tiềm năng khách quan đã được nghiên cứu kỹ lưỡng của quốc gia đó, nhằm giải quyết tối ưu và lâu dài vấn đề năng lượng.

Digitized by Google

Về xây dựng hợp tác xã ở nước ta hiện nay

ĐỖ BÁ *

TRONG báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa IX, khi đề cập đến vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn, Thủ tướng Võ Văn Kiệt nói : "Nông nghiệp không thể dừng lại ở chỗ xác lập quyền sử dụng ruộng đất của nông dân. Yêu cầu bức xúc của nông dân ngày nay là áp dụng kỹ thuật mới trong phương thức làm ăn của mình. Đó không thể là những phương thức cũ, nhưng chắc chắn cũng không thể là phương thức mạnh ai nấy lo hoặc lại để diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất thông qua thôn tính lẫn nhau. Lại cũng không thể phát triển và hiện đại hóa trên cơ sở 10 lao động nông nghiệp làm ăn trên 1 ha ruộng, mỗi năm người nông dân có bình quân vài tháng nông nhàn"(1) ... Đây là những vấn đề đang đặt ra rất gay gắt cần tập trung nghiên cứu, đúc kết từ thực tiễn để tìm ra giải pháp hợp lý cho sự phát triển, đặc biệt là vấn đề xây dựng mô hình hợp tác xã trong điều kiện hiện nay.

Lịch sử phát triển kinh tế của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy, hợp tác xã không phải là hình thức riêng có của chủ nghĩa xã hội ; nó đã ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đó là một hiện tượng khách quan, do nhu cầu liên kết cùng có lợi của những người sản xuất hàng hóa. Thực tế cũng đã chỉ rõ : khi lực lượng sản xuất phát triển đến một trình độ nào đó thì xuất hiện nhu cầu lập hợp tác xã. Còn trong nền kinh tế tự cấp, tự túc, nhu cầu này không lớn, và nếu có cũng chỉ dừng ở các hình thức như đổi công, vần công... Phát triển kinh tế hàng hóa sẽ làm nảy sinh nhiều vấn đề về vốn, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, v. v., đòi hỏi phải có sự liên kết giữa các hộ nông dân tự nguyện tham gia, cùng có lợi, vào một tổ chức hợp tác này hay hợp tác khác. Cũng vì xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn mà các hình thức hợp tác rất đa dạng và luôn luôn thay đổi, hoàn thiện theo sự vận động của hoàn cảnh cụ thể. Trước đây ở ta nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã là tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Bây giờ, trong bối cảnh mới, các hợp tác xã sẽ gặp nhiều khó khăn nếu không quan tâm đến vấn đề lợi nhuận. Vì vậy, người ta muốn đặt nguyên tắc lợi nhuận lên trên hoặc ngang hàng với nguyên tắc tương trợ. Cũng có nghĩa : đã kinh doanh thì phải thu được lợi nhuận, có như vậy hợp tác xã mới tồn tại và phát triển. Nội dung quan hệ liên kết cũng từ đó ngày một phong phú hơn trước.

Nhận thức được khuyết tật của mô hình hợp tác xã kiểu cũ, thiên về tập thể hóa ruộng đất mà thiếu quan tâm đến lợi ích vật chất thiết thân của người nông dân, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra đường lối đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp, lấy hộ nông dân làm đơn vị kinh tế tự chủ và giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ. Hiện nay, việc giao quyền sử dụng ruộng đất còn đang trong quá trình thực hiện và rút kinh nghiệm, nên tình trạng ruộng đất manh mún là khó tránh khỏi, và việc tổ chức sản xuất hàng hóa cũng có nhiều hạn chế. Muốn phát triển sản xuất hàng hóa, không thể không chấp nhận sự phân hóa giàu nghèo, và từ đó tất yếu cũng sẽ diễn ra quá trình tập trung ruộng đất. Song, đó là hướng đi tiến bộ, dẫn tới *sự ra đời của các loại hình hợp tác xã* : hợp tác xã theo các chức năng sản xuất - kinh doanh, cung ứng vật tư-kỹ thuật ; hợp tác xã chế biến và tiêu thụ sản phẩm ; hợp tác xã dịch vụ kỹ thuật ; hợp tác xã sản xuất nông nghiệp v. v.. Kinh nghiệm cho thấy, ở những nơi có nền kinh tế tiểu nông, đặc biệt ở công xã nông thôn Việt nam trước đây, quá trình này diễn ra tự phát và chậm chạp.

Trong điều kiện ngày nay, khi cuộc cách mạng khoa học-công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khi cùng với nó là sự tác động có ý thức của con người, thì quá trình này có điều kiện để diễn ra nhanh hơn. Tuy nhiên, cũng không thể vì thế mà tùy tiện tách rời những điều kiện khách quan cụ thể của từng nơi, từng vùng và cục diện chung của cả nước. C. Mác từng

* PTS kinh tế, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

(1) Báo *Nhân dân* ngày 21-10-1994

Digitized by Google

viết : "Không một chế độ xã hội nào lại diệt vong khi tất cả những lực lượng sản xuất mà chế độ xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn còn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, không bao giờ xuất hiện khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó còn chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ" (2). Trong thời đại hiện nay, chúng ta có thể tác động để tạo ra những điều kiện tồn tại vật chất cho những quan hệ mới. Song, do nền kinh tế nói chung của chúng ta còn đang trong quá trình phát triển, có nhiều nhu cầu đòi hỏi phải cân đối, nên việc chọn hướng ưu tiên đầu tư phải được tính toán một cách khoa học và toàn diện. Thực tế đó phải được tính đến khi đề ra các giải pháp nhằm tập trung phát triển các hình thức kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn. Nếu không, sẽ rơi vào ảo tưởng hoặc hình thức, duy ý chí.

Hiện nay chúng ta đứng trước yêu cầu phải giải quyết cùng một lúc hai vấn đề : *một mặt*, không thể dừng lại ở việc xác lập quyền sử dụng ruộng đất (vì như vậy cũng chỉ là dừng lại ở nền kinh tế tiểu nông với 10 lao động canh tác trên 1 ha ruộng như trước) ; *mặt khác*, cũng không thể tập trung ruộng đất để phát triển kinh tế hàng hóa theo kiểu tự phát thôn tính lẫn nhau. Muốn vậy, không có cách nào khác là *đa dạng hóa các hình thức tổ chức hợp tác* từ thấp tới cao. Cùng với việc thực hiện công nghiệp hóa nông thôn, cơ cấu kinh tế ở nông thôn chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp và tăng dần tỷ lệ lao động làm các ngành nghề khác (cả nghề truyền thống và nghề mới), thì quá trình tập trung ruộng đất cũng sẽ diễn ra. Áp dụng các loại hình hợp tác xã đa dạng, theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện và cùng có lợi, sẽ tránh được tình trạng thôn tính lẫn nhau ở nông thôn.

Hiện nay, do quá trình tập trung ruộng đất hầu như chưa diễn ra, nên vai trò thúc đẩy của hợp tác xã đối với sự phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn chưa thấy rõ. Hầu như các hợp tác xã ở ta vẫn sống tách biệt, mang nặng tính tự cấp tự túc, chưa có nhu cầu và nội dung liên kết. Rồi đây, khi kinh tế hàng hóa phát triển, ruộng đất ngày càng tập trung, các loại hình hợp tác xã với nhiều quy mô lớn nhỏ khác nhau sẽ ra đời. Ngay giữa các hợp tác xã với nhau cũng có sự liên kết theo chiều ngang và chiều dọc, dưới hình thức các *liên hiệp* hoặc *hiệp hội các hợp tác xã*. *Hiệp hội mía đường Lam sơn* hiện nay chẳng hạn, là một điển hình về sự liên kết giữa vùng sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến. Đây là sự liên kết đáng được quan tâm nghiên cứu, đặc biệt trong quá trình tìm giải pháp cho công nghiệp hóa nông thôn.

Như chúng ta biết, chu kỳ sản xuất hàng hóa thường diễn ra theo trình tự : *lưu thông - sản xuất - lưu thông*. Khâu *đầu* và khâu *cuối* của chu kỳ được gọi là "đầu vào" và "đầu ra". Ở mỗi khâu đều có thể tổ chức hợp tác xã. Trong điều kiện nước ta hiện nay, khi tỷ suất hàng hóa nông sản chưa cao, thì nhu cầu hợp tác, đặc biệt ở "đầu ra" chưa lớn. Song, muốn phong trào "xóa đói, giảm nghèo" phát huy hiệu quả tốt, hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn, thì điều cần quan tâm trước hết là hướng dẫn nông dân tổ chức các hợp tác xã ở cả "đầu ra" và "đầu vào".

Ở **"đầu vào"**, có thể tổ chức hợp tác xã *tín dụng* trên cơ sở động viên nông dân, đặc biệt là các hộ khá và giàu, gửi tiết kiệm, giúp cho các hộ nghèo có vốn sản xuất. Được tổ chức tốt, hợp tác xã tín dụng nhân dân sẽ có vai trò rất lớn trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp, tránh được tình trạng thôn tính lẫn nhau ở nông thôn. Trước đây ở ta đã có hợp tác xã tín dụng, nhưng do tổ chức, quản lý kém, ít quan tâm đến lợi ích của cả người gửi lẫn người vay, nên dần dần đã phải tự giải thể. Nay, theo tôi, cần được khôi phục lại trên cơ sở đổi mới hình thức tổ chức và nội dung hoạt động cho phù hợp với tình hình cụ thể của từng vùng, từng lĩnh vực. Ở "đầu vào", còn có thể tổ chức các loại hợp tác xã như hợp tác xã cung ứng vật tư-kỹ thuật (như phân bón, thuốc trừ sâu, máy móc nông nghiệp...), hợp tác xã cây, con giống ; hợp tác xã cung cấp điện (mua điện ở tổng công ty rồi bán lại cho nông dân), v.v..

Hiện nay, ở các hợp tác xã đã đổi mới được nội dung hoạt động, người ta thường chuyển sang làm các dịch vụ "đầu vào" cho xã viên. Nhiều hợp tác xã đã đảm đương hầu hết các dịch vụ "đầu vào". Đó cũng là cách tổ chức mà chủ yếu do hoàn cảnh cụ thể, các hợp tác xã buộc phải thích ứng. Theo tôi, khi còn ở trình

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 2, tr 638

Digitized by Google

độ thấp, hợp tác xã chỉ nên chuyên môn hóa theo chức năng nào mà khả năng đảm đương có hiệu quả, như vậy có lợi hơn. Tất nhiên, ở nơi nào đã hình thành hợp tác xã đảm đương hầu hết các dịch vụ "đầu vào" rồi, thì cũng không cần chia nhỏ, gây xáo trộn không cần thiết, ảnh hưởng đến việc ổn định sản xuất của xã viên.

Một điều đáng chú ý nữa là, hiện nay các hợp tác xã dịch vụ vẫn còn lấy nguyên tắc tương trợ là chính, ít quan tâm đến lợi nhuận. Như vậy không nên. Để hợp tác xã dịch vụ không chỉ như một người giúp việc đơn thuần, cần quan tâm cả *hai* nguyên tắc : *"tương trợ"* và *"có lãi"*. Thí dụ *về giá*, để đảm bảo nguyên tắc *tương trợ*, giá bán cho xã viên phải thấp hơn giá ngoài; nhưng để bảo đảm nguyên tắc lợi nhuận, giá ấy lại phải tính toán sao cho hợp tác xã có lãi hoặc hòa vốn, chứ không lỗ. Đương nhiên, đó là nguyên lý chung. Còn trong kinh doanh thực tế thì tùy theo quan hệ cung cầu, có khi phải bán lỗ ở mặt hàng này, thu lãi cao ở mặt hàng khác. Về nguyên tắc *phân phối*, cũng phải kết hợp cả hai mặt : phân phối *theo lao động* và phân phối *theo vốn góp*. Vì vậy, khi chuyển từ hợp tác xã kiểu cũ sang hợp tác xã kiểu mới, theo tôi, không nên giao số vốn còn lại sau khi kiểm kê cho ban quản trị mới, coi đó như vốn chung của hợp tác xã. Cần chia số vốn đó cho các hộ xã viên, để họ có thể lập hợp tác xã kiểu mới như một hợp tác xã *cổ phần*, một hình thức kinh tế tiến bộ, phù hợp với cơ chế thị trường. Làm như vậy sẽ có hai điều lợi : 1) hợp tác xã dễ dàng huy động thêm vốn của xã viên để phát triển kinh doanh ; 2) hợp tác xã dễ dàng giải quyết quyền lợi cho xã viên khi có thêm xã viên mới, hoặc khi có xã viên xin rút khỏi hợp tác xã.

Ở "**đầu ra**", có thể lập các hợp tác xã *chế biến, tiêu thụ*. Ở khâu này sự ra đời và phát triển của các hình thức hợp tác chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố : 1) tỉ suất nông sản hàng hóa ; 2) trình độ tiếp thị ; và 3) chính sách điều tiết vĩ mô. Thực tế cho thấy, do trình độ tìm hiểu thị trường kém, nhà nước lại chưa có chính sách bảo hộ đầy đủ, nên có những loại sản phẩm nông dân sản xuất ra chỉ tiêu thụ được một vụ, đến vụ sau đã mất thị trường, khiến cho người nông dân điêu đứng, có khi bị phá sản. Vì vậy, muốn khuyến khích nông dân phát triển sản xuất hàng hóa, tăng tỷ suất nông sản hàng hóa, nhà nước không những cần có chính sách bảo hộ nông sản, mà còn cần giúp đỡ nông dân tìm kiếm thị trường ổn định ở trong và ngoài nước.

Về *qui mô* và *cách thức* tổ chức các hình thức hợp tác, cũng cần đa dạng hóa. Chỉ cần có dăm bảy người cùng góp vốn để giải quyết một khâu nào đó trong quá trình tái sản xuất, là đã có thể thành lập một hợp tác xã rồi. Một hợp tác xã lớn có thể gồm nhiều hợp tác xã nhỏ ; và một người có thể là thành viên của nhiều hợp tác xã. Không nhất thiết cứ phải thông qua lao động hoặc lao động liên tục trong một tổ chức hợp tác xã nào đó, mới là xã viên. Với những quan niệm như vậy, các hình thức hợp tác nhất định sẽ ngày càng phong phú, với trình độ và quy mô ngày càng cao.

Hiện nay chưa phải đã hết quan điểm cho rằng hợp tác xã là một đơn vị không chỉ có chức năng sản xuất kinh doanh, mà còn đảm nhận cả một phần chức năng của chính quyền. Vì vậy, cần phân biệt rõ hai chức năng này trong tổ chức, quản lý hợp tác xã. Không thể viện cớ trước đây có lúc hợp tác xã thường làm cả một phần việc của chính quyền để giữ quan điểm nói trên. Thật vậy, một tổ chức kinh tế phát triển, bao giờ cũng có nguyên tắc hết sức chặt chẽ về mặt tài chính. Nếu tổ chức đó tùy tiện phân tán nguồn tài chính cho các mục đích phi kinh tế, thì hoạt động sản xuất kinh doanh của nó lập tức sẽ bị ảnh hưởng ngay. Những việc như xây trường học, làm đường, v.v. là nhiệm vụ của chính quyền chứ không phải của hợp tác xã. Để làm những việc này, chính quyền có thể sử dụng và huy động ngân sách địa phương. Nếu ngân sách không đủ, thì chính quyền có thể kêu gọi nhân dân đóng góp theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm". Không nên coi những việc làm đó là chức năng hoạt động của các hợp tác xã.

Tóm lại, hướng khả thi đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn nước ta hiện nay là : chuyển các hợp tác xã dịch vụ "đầu vào" hiện nay thành các hợp tác xã cổ phần, tiến tới làm cả các dịch vụ " đầu ra". Nói cách khác, các hợp tác xã mới hình thành phải kinh doanh đa dạng và phải đóng vai trò chính trong việc đưa các ngành nghề mới vào nông thôn, tạo ngày càng nhiều việc làm để nâng cao không ngừng mức sống của người lao động.

Digitized by Google

Mấy ý kiến chung quanh vấn đề LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ VĂN HÓA

HỒ SĨ VỊNH *

Từ Đại hội VI Đảng cộng sản Việt nam đến nay, trong nhiều văn kiện, Đảng đã đề cập đến vấn đề lãnh đạo kinh tế - xã hội nói chung và văn hóa nói riêng trong thời kỳ đổi mới. Các nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ tình hình kinh tế - xã hội - văn hóa nước ta mấy năm qua bên cạnh những thành tựu quan trọng, còn bộc lộ không ít yếu kém, mà một trong nhiều nguyên nhân của những yếu kém đó là trình độ lãnh đạo và quản lý không ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ.

Riêng trong lĩnh vực văn hóa, mấy chục năm qua, bên cạnh những thành tựu trong lãnh đạo, quản lý, chúng ta đã vấp phải một số nhược điểm và khuyết điểm như :

- Có những biểu hiện quan liêu hóa trong phương pháp lãnh đạo, quản lý. Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý, giữa các ban của Đảng và các bộ của chính phủ có nhiều chỗ, nhiều việc chồng chéo nhau, kém hiệu lực.

- Hành chính hóa các tổ chức sáng tạo văn hóa, nghệ thuật. Không ít đơn vị nghệ thuật, các hội sáng tạo về mặt tổ chức cũng cồng kềnh không kém gì các cơ quan nhà nước.

- Chưa coi trọng đúng mức, hoặc ít hiểu biết những đặc thù của văn hóa, văn nghệ ; nhiều trường hợp thẩm định các giá trị văn hóa chỉ dựa trên những tiêu chuẩn chính trị đơn thuần; hiểu thiên lệch về phạm trù thế giới quan của nghệ sĩ hoặc đồng nhất thế giới quan với lập trường chính trị v.v..

- Trong chỉ đạo thực hiện, có lúc từ cực này, nhảy sang cực khác. Đối với hiện tượng, hành động, tự tưởng có tính chất hữu khuynh thì đấu tranh rất mạnh (xử lý cả về mặt tổ chức), nhưng đối với tư tưởng, hiện tượng tả khuynh thì thường đấu tranh gượng nhẹ, không triệt để.

Trong đánh giá có những biểu hiện siêu hình và chủ quan như : xem xét sự vật trong trạng thái tĩnh, phủ nhận mâu thuẫn nội tại của sự vật, nhìn nhận hiện tượng trong sự cô lập. Ví dụ : những hiện tượng tiêu cực xảy ra trong văn nghệ vào những thời điểm bước ngoặt của lịch sử (như một bài thơ đi chệch hướng, một bộ phim có chủ đề không rõ ràng, một vở kịch lệch lạc, một bài tiểu luận có chỗ cực đoan trong đánh giá cho đến một khuynh hướng nghệ thuật chạy theo thương mại v.v.) là những hiện tượng khó tránh khỏi trong quá trình phát triển của bản thân văn nghệ. Nếu người lãnh đạo, quản lý không tỉnh táo, sáng suốt, thì dễ có những định kiến cứng nhắc và cách xử lý thô bạo. Đương nhiên không thể không đấu tranh kiên quyết và kiên trì, phê phán triệt để và có sức thuyết phục đối với một số trường hợp có dụng ý xấu (như hạ bệ thần tượng, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận những thành tựu cách mạng và kháng chiến của nhân dân ta...), với những lập luận sai trái có nguy cơ trở thành khuynh hướng. Gần đây lại xuất hiện một luận điểm cho rằng, thành tựu văn học của ta trong năm thập kỷ qua về nghệ thuật là không có gì, cơ bản vẫn là *thơ mới* theo hướng lặp lại và tiếp nối... vì phải "hy sinh nghệ thuật" cho những vấn đề xã hội, cho công cuộc chống xâm lược. Đó là một cách nghĩ không đúng cả về mặt chính trị và học thuật. Sự chao đảo trong lập luận của một vài nhà phê bình về thơ ca cách mạng gần đây, chưa hẳn đã khởi phát từ động cơ không lành mạnh, mà là từ suy nghĩ nông cạn, nóng vội trong phương thức "đổi mới" để tỏ ra mình là người "cấp tiến".

Từ những tình hình trên đây, chúng tôi muốn nêu lên mấy quan điểm định hướng trong lãnh đạo và quản lý văn hóa :

- Cần thấy rõ quan hệ biện chứng giữa chấn hưng, bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới.

- Bình tĩnh giải quyết mối quan hệ giữa mở cửa, giao lưu và sự hứng chịu trong quá trình đó (sự sùng ngoại và bài ngoại). Mở cửa là điều kiện của giao lưu ; giao lưu là phải có cái hơn và cái thiệt, cái được và cái mất, nhưng cái được phải lớn hơn cái mất và nhất thiết phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

* Tổng biên tập Tạp chí Văn hóa - nghệ thuật

Digitized by Google

- Trong quan hệ giữa văn hóa chuyên nghiệp và việc xã hội hóa nghệ thuật do các thành phần kinh tế khác nhau chi phối, phương pháp, phương thức, hình thái hoạt động là đa dạng, đa sắc, nhưng nội dung, đề tài, chủ đề, tư tưởng thì nhà nước phải nắm và quản lý.

- Trong quan hệ giữa tính kế hoạch của nhà nước và quy luật vận động của kinh tế thị trường, của thị trường văn hóa, thì tính định hướng, điều chỉnh theo kế hoạch của các cơ quan quản lý là hết sức quan trọng, có tính chất quyết định.

Mối liên hệ giữa văn hóa và các hình thái ý thức xã hội khác (như văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế, văn hóa và đạo đức, văn hóa và tôn giáo) là mối liên hệ thường tác động, chuyển hóa và bổ sung cho nhau. Khi định chính sách, ra nghị quyết về văn hóa, nhà nước cần tính đến mối quan hệ giữa chúng ; không tính đến mối quan hệ đó, chính sách văn hóa sẽ trở thành một thực thể *tĩnh*, không đưa lại kết quả, thậm chí sai lầm. Xin lấy một ví dụ về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế. Trong cơ chế thị trường, phải làm sao để văn hóa đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu vì con người. Những bước chập chững ban đầu đi vào kinh tế thị trường có nguy cơ làm cho văn hóa ngả nghiêng, vấp vấp, nhưng rồi những vụng dại phải trả giá cho sự thiếu hụt tri thức về kinh tế thị trường đã làm cho người sản xuất và quản lý văn hóa tỉnh ngộ. Ủng hộ quan hệ thị trường trong văn hóa là ủng hộ sự giải phóng văn hóa thoát khỏi những giới hạn của đẳng cấp, mở rộng phạm vi giao lưu, phổ biến văn hóa trong sự phân tầng, khu biệt công chúng ngày một sâu sắc ; tức là thể hiện một bước dân chủ hóa trong văn hóa, tạo ra khả năng tự điều chỉnh của văn hóa. Phê phán những quan điểm bao cấp toàn bộ cho văn hóa là đúng nhưng không nên nhảy cực sang trạng thái thả nổi văn hóa cho thị trường. Chúng tôi cho rằng, bất cứ quốc gia nào muốn có một nền văn hóa phát triển, không thể thiếu sự đầu tư và bảo trợ của nhà nước, nhưng cần phân loại, không đầu tư tràn lan. Nhìn nhận quan hệ thị trường với văn hóa là để xác định xem loại hình văn hóa nghệ thuật nào có thể hoạt động trên cơ sở kinh doanh, loại nào cần được tài trợ từng phần hoặc toàn bộ.

Khi đánh giá các hiện tượng văn hóa, cần tránh đặt nó trong sự cô lập. Cần tính đến nguyện vọng, tình cảm, tâm lý, tâm thức của người tiếp nhận là đông đảo nhân dân. Chẳng hạn, quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, giữa văn hóa và đạo đức đều đang có sự thay đổi. Sự chuyển đổi các bậc thang giá trị là có thật, nhưng đừng bao giờ xa rời cái gốc dân tộc, giá trị bền vững của cộng đồng. Con người hiện đại đang dần dần có ý thức xác lập *tự do cá nhân, dân chủ, nhân quyền*. Nhưng cả ba thứ đó ở Việt nam cần tính đến mấy đặc thù sau đây :

a) Văn hóa Việt nam từ cổ đại cho đến nay gắn rất chặt với chính trị. Điều này hoàn toàn thích ứng với sự nghiệp dựng nước và bảo vệ đất nước từ khi có nước Âu Lạc cho đến tận hôm nay. Ưu điểm nổi trội của nền văn hóa dân tộc là sự phản ánh cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc *(tồn tại hay không tồn tại?)*, rồi sau đó mới nói đến cuộc đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức *(tồn tại như thế nào?)*. Từ thơ Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi cho đến văn thơ Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Tố Hữu... đều như vậy. Tổ quốc, non sông là thiêng liêng, là trên hết, bởi *"Non sông mất rồi, sống chỉ là nhơ nhuốc"* (Phan Bội Châu). Từ lý tưởng xã hội đó, bước vào thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, chủ nghĩa nhân văn sâu sắc mới xuất hiện trong văn học, đòi giải phóng một số quyền lợi cá nhân, ách áp bức xã hội như *Truyện Kiều, Văn chiêu hồn, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc* và nhiều truyện nôm khuyết danh khác.

b) Văn nhân, nghệ sĩ nào cũng sống trong thời đại của mình, đồng thời anh ta cũng được nuôi dưỡng bằng bầu sữa của văn hóa cộng đồng. Lịch sử cho thấy, tính cộng đồng cao của người Việt phần nào cũng là biểu hiện tình trạng tư hữu kém phát triển. Cái tôi, cái cá tính đối với văn nhân, kẻ sĩ là những phạm trù khó hiểu và ít phổ biến. Nghiên cứu những giá trị truyền thống Việt nam mà bê nguyên xi những phạm trù cá nhân, cá tính của phương Tây để quy chiếu những phạm trù tương ứng trong văn hóa Việt nam tất yếu sẽ bị khập khiễng.

c) Phạm trù tự do, dân chủ của văn nhân, nghệ sĩ bất cứ nước nào cũng bị quy định bởi truyền thống văn hóa, tâm lý, thị hiếu, giai cấp v.v. trong cộng đồng dân tộc. Thoát ly những chuẩn mực đó để thẩm định mọi giá trị văn hóa nước mình là không chuẩn xác. Tự do, dân chủ không phải là một tín điều hay một tôn giáo. Nó có cơ sở xã hội của nó. Truyền thống văn hóa Việt nam chỉ ra rằng, muốn trở thành hoạt động văn hóa có ích cho dân tộc mình, thì văn nhân, nghệ sĩ phải có vốn học vấn rộng, thừa kế những tri thức văn hóa của dân tộc và của nhân loại. Bởi vì văn hóa là sự chưng cất

Digitized by Google

những phẩm chất từ trí tuệ và đạo đức của con người.

Nâng cao dân trí và phát triển khoa học, công nghệ là nhiệm vụ hàng đầu trong lãnh đạo văn hóa. Trình độ văn hóa của một quốc gia không phải bao giờ cũng phát triển theo tỷ lệ thuận với trình độ dân trí. Ở một dân tộc, một vài cá nhân có thể có trình độ văn hóa cao, nhưng chưa chắc dân tộc đó đã có trình độ dân trí tương ứng. So với nhiều nước Đông - Nam Á, nước ta có số người thất học ít hơn và trình độ văn hóa phổ cập cao hơn, song không vì vậy mà trình độ dân trí của ta cao hơn họ. Ở Hồng - công với diện tích hẹp, dân ít, nhưng đã có 38 loại báo viết bằng tiếng Anh và tiếng Trung quốc cho 76% số người dân thường xuyên đọc báo. Ở Thái - lan, thị trường báo chí còn rộng hơn. Với số dân 56 triệu mà chỉ riêng báo viết bằng tiếng Thái, tiếng Anh và Trung quốc đã lên tới 1 triệu bản/ngày. Trái lại, trình độ dân trí của nhân dân ta hiện nay có nhiều dấu hiệu đáng báo động. Lối sống buông thả và tâm lý thực dụng, sự tôn thờ đồng tiền một cách mù quáng, nhất là trong lớp trẻ, có nguy cơ đưa đến những thảm họa trong quan hệ ứng xử giữa người với người, làm băng hoại đạo đức của mấy thế hệ. Các tệ nạn xã hội và số vụ vi phạm pháp luật ngày càng tăng, cả trong những tổ chức, cơ quan được coi là thâm nghiêm nhất đang làm xã hội lo ngại. Rõ ràng, nguyên nhân của thực trạng này có liên quan đến trình độ dân trí. Không phải ngẫu nhiên mà trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước ta đã coi việc *nâng cao dân trí, phát triển khoa học kỹ thuật là nhiệm vụ hàng đầu trong lĩnh vực văn hóa.*

Lãnh đạo văn hóa, phải chăng gồm ba thành tố (cũng là ba công cụ của hoạt động văn hóa):

- Hệ thống hành chính, luật pháp ;
- Các thiết chế và phương tiện vật chất ;
- Tri thức văn hóa.

Mới nhìn ở ba bình diện đó thôi, ở nước ta, Đảng và Chính phủ cũng như các cơ quan quản lý các cấp đã làm được khá nhiều việc, đầu tư vào nhiều đối tượng, và đạt hiệu quả nhất định trong việc tiếp nhận và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Song hiện có những vấn đề bức xúc nhất, có thể do những khó khăn khách quan (như hoạt động thiếu đồng bộ, chưa coi trọng nghiên cứu cơ bản, thiếu vốn đầu tư v.v.), nhưng cũng còn do những hạn chế về trình độ, về kinh nghiệm quản lý trong cơ chế mới. Vì vậy, ở góc độ lý luận, chúng tôi xin phép nêu mấy vấn đề sau :

1 - Nghiên cứu để tổ chức lại (hay đổi mới về cơ cấu tổ chức) bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa đủ mạnh từ trung ương đến cơ sở, nhất là cần tăng cường quản lý văn hóa ở cấp huyện, xã. Trẻ hóa, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ nghiên cứu đủ sức gánh vác những nhiệm vụ nặng nề khi đất nước đòi hỏi công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành văn hóa - thông tin.

2 - Hoạt động văn hóa - thông tin là *hoạt động sự nghiệp* gồm nhiều ngành, nhiều nghề, trong mỗi ngành, nghề đều có nội dung, phương pháp, kỹ thuật riêng, và cần có đội ngũ được đào tạo chuyên sâu. Để quản lý sự nghiệp văn hóa - thông tin đạt được hiệu quả, phải chăng đã đến lúc cần xem xét lại cơ chế, tổ chức, chính sách đối với sự nghiệp văn hóa, trước hết, phải đảm bảo cho *văn hóa nhà nước đóng vai trò chủ đạo*, đồng thời mạnh dạn *xã hội hóa* các hoạt động văn hóa, vận dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, cơ chế nhiều thành phần và cơ chế mở trong hoạt động văn hóa, nhằm khai thác mọi nguồn lực từ bên trong và từ bên ngoài.

3 - Sản phẩm văn hóa là loại sản phẩm, hàng hóa đặc biệt mà giá trị không chỉ tính bằng tiền. Cần sớm có một cơ chế chính sách đối với những sản phẩm văn hóa. Trong lĩnh vực văn hóa, cơ chế kinh doanh không lấy lợi nhuận làm mục đích, mà tất cả phải vì sự hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

4 - Trong công tác văn hóa đối ngoại, đi đôi với việc mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, cần đấu tranh chống các loại văn hóa độc hại, phản động. Văn hóa phẩm phản động, đồi trụy vào nước ta bằng nhiều con đường. Chống sự xâm nhập "hữu hình" đã khó, chống sự xâm nhập "vô hình" còn khó hơn nhiều. Cần gia tăng nguồn đầu tư tài chính cho cuộc đấu tranh phòng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình bằng văn hóa" đang diễn ra quyết liệt hằng ngày, hằng giờ, nhất là ở các vùng biên giới, hải đảo, sân bay, bến cảng. Việc giao lưu văn hóa với nước ngoài và việc tuyên truyền văn hóa dân tộc ra nước ngoài trong bối cảnh và tập quán quốc tế hiện nay, cần được đẩy mạnh hơn trước. Trong lúc vốn đầu tư của ta về lĩnh vực này còn rất hạn hẹp, yêu cầu về tuyên truyền đối ngoại thì rất lớn và rộng, vậy khâu quản lý văn hóa nên như thế nào để vừa giữ vững được chủ quyền, bản sắc dân tộc, vừa tiếp thu những giá trị văn hóa của các nước ?

5 - Để đấu tranh có hiệu quả chống nhập các loại sản phẩm văn hóa độc hại, cần có sự phối

Digitized by Google

hợp đồng bộ giữa các ngành văn hóa, nội vụ, hải quan, hàng không, biên phòng và các cơ quan hữu quan khác. Chỉ một mình ngành văn hóa đương đầu trên mặt trận này, chắc chắn sẽ ít hiệu quả. Đề nghị Chính phủ có cơ chế ở cấp vĩ mô về quản lý văn hóa.

6 - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành văn hóa đang là một đòi hỏi cấp bách của văn hóa trong phát triển. Để cho văn hóa trở thành động lực của phát triển, đóng vai trò yếu tố nội sinh trong mọi lĩnh vực, ngành văn hóa nhất thiết phải được công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phương châm không chậm hơn các ngành khác. Trước hết, cần chú ý mấy lĩnh vực :

- Công nghiệp in, công nghiệp giấy ;

- Công nghiệp sản xuất sản phẩm nghe, nhìn;

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các ngành điện ảnh, vô tuyến truyền hình, phát thanh, v.v.;

- Đầu tư trang thiết bị cho việc trang trí, ánh sáng, loa trong nghệ thuật sân khấu, âm nhạc ;

- Đầu tư xây dựng cho các thiết chế văn hóa, nghệ thuật tương xứng với tầm vóc của cả nước, từng vùng, từng tỉnh, thành, v.v..

HUY ĐỘNG VỐN ...

(Tiếp theo trang 44)

chỉnh hàng loạt các công cụ điều hành chính sách tiền tệ và khuyến khích các ngân hàng thương mại đa dạng hóa hơn nữa các hình thức huy động vốn. Đồng thời, cần có chính sách lãi suất thích hợp và cơ chế vận hành nhạy bén theo tín hiệu thị trường. Hiện nay, có không ít các quan điểm khác nhau về tỷ giá hối đoái. Mặc dầu vậy, Ngân hàng nhà nước vẫn tăng cường sự chỉ đạo, điều hành tỷ giá bảo đảm có lợi cho sản xuất trong nước và xuất nhập khẩu, tăng dự trữ ngoại tệ, ổn định sức mua đồng nội tệ, kiềm chế lạm phát. Việc quản lý các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng sẽ được nâng cao một bước trên cơ sở củng cố mọi định chế tài chính phù hợp hơn với tiêu chuẩn quốc tế. Đó cũng là quá trình đẩy mạnh hơn nữa công cuộc hiện đại hóa ngân hàng, cải tiến mạnh mẽ công tác thanh toán qua ngân hàng để tăng nhanh vòng quay vốn, điều hòa tốt tiền mặt, thu hút nhiều tiền gửi vào ngân hàng, cải tiến tổ chức hoạt động của ngân hàng nhằm thích ứng hơn nữa với cơ chế thị trường và hòa nhập dần vào cộng đồng tài chính quốc tế.

LÊ-NIN VÀ KHOA HỌC...

(Tiếp theo trang 37)

và sự phục hồi của thế giới quan tư sản. Muốn tiến hành được cuộc đấu tranh ấy và đưa nó đến thành công hoàn toàn, nhà khoa học tự nhiên phải là một nhà duy vật hiện đại, một đồ đệ tự giác của chủ nghĩa duy vật mà Mác là người đại diện, nghĩa là nhà khoa học tự nhiên ấy phải là một nhà duy vật biện chứng"[15].

Về *tầm quan trọng của triết học Mác - Lê-nin đối với nghiên cứu khoa học tự nhiên*, chúng ta có thể dẫn lời không chỉ của các nhà bác học thuộc các trường phái khoa học tự nhiên khác nhau, mà cả của các nhà bác học sống dưới các chế độ xã hội khác nhau. G.Béc-nan, nhà vật lý học người Anh, ủy viên Hội khoa học hoàng gia Luân-đôn (tức Viện hàn lâm nước Anh) đã viết : "Không có chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì khoa học tự nhiên vẫn còn là một cái túi đang phình dần ra của những sự kiện lý thú về vũ trụ và của những phương thức có lợi để thống trị nó, còn khoa học về lịch sử loài người vẫn chỉ giới hạn bằng việc kể lại một cách đơn giản những sự biến đổi về chính trị đã diễn ra mà không có một sự giải thích có mạch lạc nào cả" [16]. Pôn Lăng-giơ-vanh, nhà vật lý học Pháp, viện sĩ ba viện hàn lâm Pháp, Anh và Nga, Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện vật lý quốc tế Xôn-vây, đã nói : "Trong học thuyết cộng sản vĩ đại do Mác, Ăng-ghen, Lê-nin phát triển , tôi đã tìm được sự lý giải cho những vấn đề của lĩnh vực khoa học chuyên môn của tôi mà những vấn đề đó tôi không bao giờ hiểu được nếu thiếu học thuyết này"[17].

Nhà bác học V.I.Ve-rơ-nát-xki, nhà địa chất Nga nổi tiếng, viện sĩ ba viện hàn lâm Nga, Tiệp khắc và Pháp, đã nói : "Đối với tôi, sự tất yếu của việc phải nghiên cứu triết học đối với các nhà khoa học tự nhiên ngày càng trở nên rõ ràng. Không thể nào lảng tránh được triết học. Những vấn đề triết học không khi nào ngừng choán sự suy nghĩ của tôi ; tôi luôn luôn quay trở lại với những vấn đề đó"[18].

Để kết luận, chúng ta có thể dẫn lời viện sĩ M.V.Ken-đư-sơ, nhà bác học Nga nổi tiếng trong lĩnh vực cơ học và toán học : "Chủ nghĩa duy vật biện chứng là cơ sở thế giới quan khoa học của chúng ta . Bản thân nó cũng phát triển và được phong phú thêm trên cơ sở những phát minh mới của khoa học. Sự liên minh của các nhà khoa học tự nhiên và các nhà triết học mà Lê-nin từng nói đến, sự liên minh của các nhà khoa học tự nhiên và khoa học xã hội do toàn bộ tiến trình phát triển của nhận thức khoa học hiện đại gây nên là đặc biệt cần thiết" [19].

(15) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 35

(16) (17) G.Béc-nan : *Khoa học trong lịch sử xã hội* (tiếng Nga), Mát-xcơ-va, 1956, tr 562 ; 45

(18) V.I.Ve-rơ-nát-xki : *Những vấn đề triết học* (tiếng Nga), Mát-xcơ-va, 1971, số 9, tr 128

(19) M.V.Ken-đư-sơ : *Tin tức Viện hàn lâm khoa học Liên bang Nga*, số 11, 1994, tr 4 (tập mới). Kỷ niệm 70 năm ngày mất của Lê-nin

Digitized by Google

"Đối ngoại phí"

THÁI SƠN

ANH rể mình là "cố vấn kinh tế" cho ban lãnh đạo công ty X - một công ty cỡ bự ở phía Nam. Vừa rồi, ban lãnh đạo công ty đó làm một "chuyến công du" ra các tỉnh phía Bắc. Họ lên tận Lạng sơn, ra tận Móng cái, rồi sang cả Bằng tường và Đông hưng (Trung quốc) với nhiệm vụ: khảo sát thị trường để có những quyết định chuẩn xác trong sản xuất, kinh doanh.

Nói đúng ra thì chuyến đi của các vị đó vừa mang tính công vụ, vừa mang tính du lịch (du lịch là chủ yếu). Nhờ hơi hướng của ông anh rể mà mình được ban lãnh đạo công ty X mời cùng đi với tư cách là "cố vấn chính trị".

Trong chuyến đi đó, lần đầu tiên mình được biết tới khái niệm "đối ngoại phí" và những nội dung hết sức phong phú của khái niệm này. Chẳng là, trong đoàn có một anh, cứ tạm gọi là "thủ quỹ" cho dễ hiểu. Anh mang theo một chiếc đi-plô-mát đựng đầy tiền (toàn loại tiền từ 5 000đ trở lên, và có cả USD nữa). Đoàn đi tới đâu cũng đều ăn toàn đặc sản, uống toàn bia lon và ngủ ở những khách sạn sang trọng nhất. Làm việc với các địa phương, các đơn vị cũng vậy, nếu cần phải quà cáp, phong bao, thì đoàn cũng sẵn sàng chi một cách hào phóng và lịch sự. Vì thế, đi đến đâu chúng mình cũng được đón tiếp rất niềm nở, và mọi công việc đều được giải quyết nhanh, gọn. Tất cả các chi phí cho chuyến đi, anh thủ quỹ được giao trách nhiệm phải lo toan cho chu tất. Nhưng lạ thay, những chi phí đó không hề có hóa đơn, chứng từ nào xác nhận cả. Thấy thế, mình bèn hỏi ông anh rể và được giải thích như sau : " Đó là "đối ngoại phí" (những chi phí phục vụ cho hoạt động đối ngoại). Trong thời buổi kinh tế thị trường này, ăn tí gì, tiêu tí gì mà cũng lấy hóa đơn, chứng từ xác nhận, thì chỉ có mà hỏng việc ! Chẳng hạn, ký một hợp đồng, hoặc xin một cái cô-ta xuất khẩu, nhiều khi chỉ cần chi phí vài triệu đồng thôi nhưng thu lợi tới mấy tỉ đồng. Những chi phí đó, đương nhiên không thể đưa vào một danh mục chi hợp lệ nào. Người đời thường gọi đó là "tiêu cực phí". Song, gọi như thế thì lộ liễu và sỗ sàng quá ! Cho nên bây giờ người ta dùng khái niệm mới là "đối ngoại phí". Rõ ràng, khái niệm này mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn và dễ lọt tai hơn".

Ông anh rể mình còn nói thêm : "Chẳng hạn như chi phí cho việc mời chú "đi chơi" chuyến này, tốn kém cũng tới gần chục triệu đồng ấy chứ. Nhưng ghi khoản đó vào danh mục nào ? Chịu ! Thành ra tất cả đều đưa vào khoản "đối ngoại phí" thôi". Mình hỏi : "Thế nhỡ chi ít, người ta khai chi nhiều, hoặc khai không thì sao ?" - "Cũng đành chịu thôi ! Vả lại, ai chả thế, có lợi tí chút thì người ta mới hăng hái làm chứ ? Cơ chế nào mà chẳng có kẽ hở, cũng như con người nào mà chẳng có cái "gót của A-sin"".

Hóa ra là như vậy. Đến lúc này mình mới vỡ lẽ và hiểu ra nhiều điều. Ngân sách nhà nước bị thâm hụt, túi tiền của nhà nước bị thủng, đồng tiền nhà nước bị rơi vãi, chính là do những chuyện như thế chứ do đâu.

Trên đây là nội dung câu chuyện mà anh bạn tôi kể lại sau "chuyến công du" đó. Anh dặn chúng tôi : "Các cậu biết vậy, đừng nói rộng ra làm gì, nhỡ đến tai mấy ông lãnh đạo công ty đó, họ sẽ chửi mình là thằng "ăn cháo đái bát".

Để tránh cái điều mà anh bạn tôi lo lắng, khi ghi lại câu chuyện của anh, tôi có "lược" bớt đi một số chi tiết quá "gai góc", và cũng chỉ nói một cách chung chung là "công ty X" chứ không dám gọi đích danh. Mong bạn đọc thông cảm.

THẤY GÌ QUA CUỐN SÁCH ...

(Tiếp theo trang 61)

trị và về tri thức rất nguy hiểm cho Mỹ bởi vì phương pháp luận sáng tạo của cách mạng có thể áp dụng không phải chỉ ở Việt nam mà còn ở khắp nơi khác nữa".

"Chỉ có Đảng cộng sản mới đánh giá đầy đủ nội dung rộng lớn hơn của cuộc đấu tranh. Họ đã khắc phục hệ thống vũ khí khủng khiếp trong lịch sử bằng một cuộc chiến tranh kéo dài dựa trên chiến thuật phân tán, động viên quần chúng và những chiến thuật quân sự thích nghi với những chỗ yếu đặc biệt của kỹ thuật".

"Thành tựu của Đảng với tư cách là một lực lượng dẫn đường là hiếm có trong thế kỷ XX". "Nguồn sức mạnh quan trọng nhất của Đảng cộng sản trên ba mươi năm qua là quan niệm của họ về một đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nhấn mạnh của họ đối với ý nghĩa hàng đầu của mọi hành động và giá trị đưa đến một xã hội xã hội chủ nghĩa". Tác giả nhấn mạnh : chính tác động của quan niệm giá trị đó là nhân tố cơ bản nhất đã đưa đến thắng lợi cho dân tộc Việt nam.

Ở phần cuối cuốn sách, tác giả viết : "Không thể nào chống lại được sự thay đổi xã hội sâu sắc trong diễn biến lịch sử. Nhưng tính chất của quá trình đó và cách mà nó ảnh hưởng đến sinh mạng của quần chúng trong các nước đang phát triển trong những thập kỷ sắp đến, không thể tách ra khỏi vấn đề liệu thất bại trong chiến tranh Việt nam có buộc Mỹ không can thiệp ở những nơi khác nữa và để cho nhân dân thế giới định đoạt lấy tương lai của mình hay không". Để kết luận, giáo sư G. Côn-cô đã đưa ra **một khuyến nghị rất có ý nghĩa**. Ông viết : nếu như Mỹ thật sự rút ra bài học từ chiến tranh Việt nam, nếu như Mỹ vứt bỏ được lòng tham vô vọng là làm bá chủ toàn cầu, nếu như Mỹ nhìn thẳng vào sức mạnh có giới hạn của Mỹ và không nhắm mắt trước những thực tế khách quan của so sánh lực lượng trên thế giới, Mỹ sẽ không thể cứ liều mạng đem quân can thiệp khắp nơi, vì như vậy Mỹ tất yếu sẽ thất bại như ở Việt nam.

Có thể khẳng định : thắng lợi ngày 30 tháng 4 của Việt nam là có ý nghĩa thời đại. Dẫu cho mấy năm qua, thế giới có những biến động to lớn, nhưng chân lý ấy là không hề thay đổi.

Digitized by Google

NHÂN KỶ NIỆM 20 NĂM NGÀY 30/4/1975

Thấy gì qua cuốn sách GIẢI PHẪU MỘT CUỘC CHIẾN TRANH của Ga-bri-en Côn-cô *

LÊ PHAN DI

NHÂN kỷ niệm 20 năm ngày chiến thắng lịch sử 30-4-1975, thật là thú vị khi đọc lại cuốn sách nói trên của giáo sư sử học Mỹ Ga-bri-en Côn-cô. Đây là kết quả của 20 năm nghiên cứu về Việt nam, trong đó có 6 lần tác giả đến Việt nam trong những ngày còn chiến tranh. Cuốn sách khá dài (570 trang tiếng Việt) nhưng từ đầu đến cuối, nó cuốn hút người đọc bởi sự phân tích khách quan, lô gích, chân thực, phong phú, hệ thống, khoa học, sinh động. Cho đến nay, trên thế giới đã có trên 5000 cuốn sách nói về chiến tranh Việt nam, nhưng có lẽ đây là một trong những cuốn sách có giá trị nhất. Bởi lẽ : "Đây không phải là một tác phẩm học thuật khô khan, mà là một cuốn sách rất sinh động và hấp dẫn về cuộc chiến tranh có tác động sâu sắc đến toàn thế giới. Bất cứ nhà nghiên cứu nghiêm túc nào về chiến tranh Đông dương cũng cần phải đọc nó". Đó là nhận xét của *Tạp chí Cuối tuần* Ô-xtơ-rê-li-a ra ngày 23-8-1986. Tờ *Bưu điện Oa-sinh-tơn* ngày 11-1-1987 viết : "Tác phẩm lớn này... rất độc đáo bởi nó đã khớp được lịch sử đầy thống khổ của sự can thiệp Mỹ ở Đông dương với lịch sử cách mạng Việt nam".

Giáo sư G. Côn-cô cho rằng *nguyên nhân trực tiếp gây ra chiến tranh Việt nam* là việc Mỹ đưa đội quân viễn chinh Mỹ đến xâm lược Việt nam. Ông viết : để chinh phục một đất nước nhỏ bé là miền Nam Việt nam, Mỹ đã đưa vào đây những lực lượng quân sự tinh nhuệ của quân đội Mỹ, một quân đội có lịch sử lâu đời và có tự hào là chưa từng bị chiến bại trong bất kỳ cuộc chiến tranh nào mà họ đã can dự, kể từ chiến tranh giành độc lập của Mỹ năm 1775 cho đến trước chiến tranh Việt nam.

Có đến 5 nhiệm kỳ tổng thống Mỹ dính líu vào chiến tranh Việt nam, trong đó có 2 tổng thống thất cử do thất bại trong chiến tranh Việt nam. Những tướng lĩnh Mỹ trong chiến tranh Việt nam đều là những nhân vật rất lừng danh trong lịch sử quân sự Mỹ. Chẳng hạn tướng Mác-xoen Tay-lo, tác giả của chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt", người đã đặt kế hoạch "Xta-lây Tay-lo" hòng "bình định miền Nam trong 18 tháng" ! Tướng Uy-li-am Oét-mô-len, tư lệnh lực lượng Mỹ ở miền Nam Việt nam, người mà tên tuổi luôn ở cửa miệng của binh lính Mỹ, bởi hào quang của nhiều thứ huân chương gắn trên ngực với những huyền thoại làm tướng của ông ta.

Giáo sư G.Côn-cô cho rằng **Mỹ đã chọn nhầm đối tượng và thất bại là tất yếu**. Ông viết : "Mỹ đã chọn nhầm một nước để thử lòng tin của mình"(1). Đây là cuộc chiến tranh mà "quy mô đau khổ và tàn phá vượt qua mọi lời lẽ". Nhưng chiến tranh Việt nam lại "có ảnh hưởng đến chiều hướng của lịch sử hiện đại" và đến "hoàn cảnh con người trong nửa cuối thế kỷ 20". "Chiến tranh Việt nam là một sự kiện vĩ đại vượt quá phạm vi một nước và vượt quá cả thời gian và nó phản ánh, dưới hình thức rõ nét nhất, những sôi động và xu hướng cơ bản trong quá trình lịch sử, kể từ năm 1946".

Mỹ đã "chọn Việt nam làm nơi thử nghiệm vai trò chống cách mạng toàn cầu của Mỹ". Bởi vì Mỹ luôn luôn nuôi "tham vọng nhất thể hóa một trật tự chính trị và kinh tế quốc tế do Mỹ lãnh đạo" ; Mỹ luôn muốn "tạo ra một trật tự toàn cầu" mà Mỹ "có thể kiểm soát được và sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu và lợi ích của Mỹ". Để làm việc này, "Mỹ đã dính líu sâu vào khắp thế giới".

"Toàn bộ chính sách đối ngoại sau chiến tranh của Mỹ là luôn luôn dựa vào việc sử dụng vũ khí để bù lại thất bại của chiến lược chính trị của Mỹ và của những đồng minh của Mỹ". "Chiến lược quân sự của Mỹ bao gồm nhiều nhân tố : cái bi thảm, cái phi lý, cái nguy hiểm, tất cả pha trộn thành một công thức thảm họa cho nước Mỹ và thành cuộc tiến công tàn nhẫn, tăng tận lương tâm đối với hầu như toàn bộ nhân dân Việt nam". "Việt nam không những không giải quyết được cuộc khủng hoảng sau chiến tranh (thế giới thứ hai) về học thuyết chiến lược của Mỹ mà còn làm cho nó sâu sắc thêm", và "rõ ràng là một triệu chứng của sự khủng hoảng toàn bộ chế độ của Mỹ". "Hơn nữa, vào lúc đó (cuối 1971), Lầu năm góc đã công khai thú nhận rằng chiến tranh đã làm yếu khả năng vật chất và tinh thần lực quân trên khắp thế giới", "chiến lược, vũ khí tinh vi và những nhà chính trị và tướng lĩnh bảnh bao tỏ ra là không phù hợp và yếu đuối trước kẻ thù Việt nam giàu tài năng và kiên cường".

Tác giả cho rằng **nguyên nhân thất bại về phía Mỹ là bắt nguồn từ bản chất chế độ xã hội Mỹ, từ đường lối và mục tiêu quân sự Mỹ, từ hệ tư tưởng cá nhân chủ nghĩa ích kỷ cực đoan của chủ nghĩa tư bản Mỹ**. Tác giả viết : chiến tranh không phải đơn giản là kết quả của những trận chiến đấu, và không ở đâu trong thế kỷ 20, điều này đúng hơn

* Tên sách đầy đủ là : Giải phẫu một cuộc chiến tranh Việt nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại (Anatomy of a War. Vietnam, the United States and the Modern Historical Experience). Nxb Quân đội nhân dân, bản dịch của Nguyễn Tấn Cửu, 1989

(1) Những câu trong ngoặc kép, nếu không có chú thích, là trích dẫn nguyên văn của cuốn sách.

Digitized by Google

là ở Việt nam. "Chiến tranh không phải chỉ là một cuộc xung đột giữa các quân đội. Nó ngày càng trở nên một cuộc đấu tranh giữa các chế độ xã hội cạnh tranh nhau bao gồm các thể chế chính trị, kinh tế và văn hóa của các đối thủ". Sẽ sai lầm nếu chỉ so sánh cán cân lực lượng quân sự... "Thất bại của Mỹ không phải chỉ là một thất bại của vũ khí". Mỹ đã không tạo được một chế độ chính trị, kinh tế và tư tưởng lâu dài có thể đạt được những điều kiện tiên quyết cho thắng lợi quân sự... Bị kìm hãm trong nhiệm vụ kiểm soát sự phát triển chính trị và xã hội - kinh tế của thế giới, Mỹ đã đề ra cho mình những mục tiêu chính trị vốn không thể đạt được". "Chủ nghĩa cá nhân và ích kỷ mà người Mỹ tìm cách nuôi dưỡng phản ánh hệ tư tưởng và chế độ xã hội của họ... không đòi hỏi một hệ tư tưởng chống cách mạng rõ rệt nhưng đó chỉ là một lối sống không phù hợp với những đức tính và giá trị chủ yếu của cách mạng về tư cách đạo đức cá nhân và về thể chế xã hội".

"Vì không có cơ sở xã hội, kinh tế và chính trị vững chắc cho nên bất kỳ chế độ nào do Pháp hoặc Mỹ dựng lên, nên sự sụp đổ của các chế độ đó là tất yếu"

Đối với Mỹ, "chiến tranh Việt nam là chiến tranh dài nhất và chia rẽ nhất của Mỹ trong thời kỳ sau năm 1945, và về nhiều mặt, là cuộc xung đột quan trọng nhất của Mỹ trong thế kỷ 20". "Điều duy nhất làm cho chiến tranh Việt nam trở nên độc đáo đối với Mỹ là nó đã bị thất bại hoàn toàn", "là sự kiện chia rẽ nhất, chua cay nhất trong lịch sử Mỹ kể từ nội chiến". Đó là "thất bại quan trọng nhất về quân sự và chính sách đối ngoại trong toàn bộ lịch sử của Mỹ".

Tác giả nhấn mạnh : "Nói cho cùng, mục đích của quân đội không phải là quân sự mà là chính trị và kinh tế, vì thế nó (quân của Thiệu) không tạo ra được một cơ sở quần chúng để chống lại Mặt trận dân tộc giải phóng... Trong khi quân đội nhân dân Việt nam tiếp thu kỹ thuật nước ngoài một cách thành công, làm cho quân đội của họ thêm nhiều hiệu quả trong chiến tranh hiện đại, thì kỹ thuật lại làm cho quân đội Việt nam cộng hòa thêm phụ thuộc và không còn chủ tâm đến hoạt động của họ. Sự khác nhau là tính chất của hai quân đội. Một bên thì tích cực tận tụy vì động cơ chính trị rõ rệt, còn bên kia thì là một chế phẩm giả tạo". "Những điểm yếu tai họa của Việt nam cộng hòa bắt nguồn trong tính chất căn bản hơn của chế độ xã hội và trong chính cuộc chiến tranh". Tác giả viết : "Bắt đầu năm 1975 tất cả các nhân tố quyết định kết quả cuộc chiến tranh là những điều chống chất : đó là quân đội Việt nam cộng hòa bị dàn mỏng khắp nơi, bị bỏ rơi và mất tinh thần ; đó là những nông dân kiên cường gây lo ngại cho các tỉnh trưởng ; đó là những nhà lãnh đạo Mỹ kiệt sức, rất dạy dứt khi chỉ hai tiếng Việt nam bị nhắc đến, và quyết tâm tránh sự phung phí lần nữa năng lực và tiền của ở đó ; đó là những viên tướng tham tiền và những bà vợ đầy vàng ngọc: và đó là nhiều thứ nữa".

Tác giả dành nhiều tâm trí để phân tích **những nguyên nhân đã dưa đến thắng lợi của nhân dân Việt nam**. Theo tác giả, đó là Việt nam có lãnh tụ Hồ Chí Minh thiên tài, có Đảng cộng sản rất có bản lĩnh, có đường lối chính trị quân sự đúng đắn, có nhân dân và quân đội dũng cảm hy sinh. Tác giả viết : "Lịch sử Việt nam từ giữa thế kỷ XIX cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945" cho thấy "những người Việt nam không cộng sản tỏ ra hoàn toàn bất lực"... "Chỉ có Đảng cộng sản mới có thể lấp một khoảng trống như vậy". "Đảng cộng sản thực tế giữ độc quyền trong công cuộc chống chủ nghĩa đế quốc Pháp và Mỹ"... "Tất cả các đối thủ tiềm tàng thách thức Đảng đều quá chia rẽ, quá bè phái và quá tham lam, nên không thể lấp được chỗ trống trong chế độ chính trị". "Thiên tài của Đảng là đã sản sinh ra những nhà chiến lược lỗi lạc, trước hết là Hồ Chí Minh". Ngay từ năm 1927, "Hồ Chí Minh đã dự kiến trước tất cả các vấn đề chiến lược tương lai thiết yếu của cách mạng Việt nam". Trong đó, then chốt nhất là giương cao ngọn cờ yêu nước, tinh thần dân tộc, chống áp bức và bóc lột thuộc địa, giành độc lập và tự do cho dân tộc. "Sức mạnh thực sự của cách mạng là sự cố kết của bản thân mình và mối quan hệ với một phong trào quần chúng". Nét độc đáo nhất của Đảng cộng sản Việt nam, theo G. Côn-cô, là đảng này hết sức khơi động lòng yêu nước của nhân dân, nhưng không bao giờ trương ngọn cờ dân tộc sô vanh. "Đảng Việt nam làm mọi điều có thể làm được để tránh bất kỳ sự dính dáng nào đến chủ nghĩa sô vanh". Chính vì vậy, những người cộng sản Việt nam đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân Mỹ, đứng về phía mình, chống chiến tranh của Mỹ.

"Cách mạng có thể duy trì thế chủ động chiến lược, tự do thay đổi chiến thuật theo ý muốn của mình... thế chủ động chiến lược ở chiến trường luôn luôn nằm trong tay cách mạng, nên giới quân sự Mỹ luôn luôn bị buộc phải đối phó với những thách thức của cách mạng... trong suốt cuộc chiến tranh, cách mạng giữ quyền cơ động và thế chủ động ở khắp nơi".

Theo tác giả, nhân tố quyết định thắng lợi trong cuộc chiến tranh Việt nam là đường lối chính trị quân sự. Việt nam đã thắng, vì có đường lối "chiến tranh nhân dân". G. Côn-cô viết : "Học thuyết quân sự của Đảng cộng sản là dựa vào quần chúng để có nhân lực và sự ủng hộ, và chỉ đánh khi có khả năng đạt được mục tiêu". "Trong bối cảnh có liên quan đến con người như vậy, không có quân đội nào không gắn liền sâu sắc với chính trị, không trước tiên là chính trị rồi mới đến quân sự... một cuộc chiến tranh nhân dân có tính chất chính trị là loại chiến tranh duy nhất đưa lại hy vọng thắng lợi".

"Chính trị đã từng là chìa khóa cho chiến tranh Việt nam kể từ năm 1941". "Ngoài những khía cạnh về thể chất và về quân sự rất đặc biệt của Việt nam, kẻ thù đó của Mỹ còn có những vốn quý về chính

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

CƠ CẤU XÃ HỘI, CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP

● **CƠ CẤU XÃ HỘI** là hệ thống các mối liên hệ ổn định và có sắp xếp giữa các yếu tố của hệ thống xã hội được quy định bởi các mối quan hệ giữa các giai cấp và các nhóm xã hội khác nhau, bởi sự phân công lao động và bởi đặc điểm của các chế độ xã hội.

Cơ cấu xã hội hiểu *theo nghĩa rộng* bao gồm tất cả những cộng đồng người không những được hình thành một cách tự nhiên trong lịch sử (các dân tộc, tộc người, các giai cấp, các tầng lớp xã hội v.v.) mà cả những cộng đồng người được tạo lập một cách có ý thức (các chính đảng, đoàn thể và các tổ chức xã hội khác). Cơ cấu xã hội hiểu *theo nghĩa hẹp* chỉ bao gồm những cộng đồng người được hình thành một cách tự nhiên trong lịch sử và sự tác động qua lại giữa các cộng đồng đó.

Cơ cấu xã hội là một phạm trù được nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực khác nhau : xã hội học, chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học... Dưới góc độ *chính trị học*, cơ cấu xã hội được nghiên cứu chủ yếu thông qua xu hướng biến động, phát triển của cơ cấu xã hội - giai cấp và ảnh hưởng của nó đến toàn bộ các loại hình khác nhau của cơ cấu xã hội trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp, nét nổi bật của cơ cấu xã hội theo nghĩa hẹp là cơ cấu xã hội - giai cấp có vị trí trung tâm, cơ bản nhất trong xã hội.

Trong *chủ nghĩa xã hội*, cơ cấu xã hội là tổng hòa các giai cấp, các tầng lớp và các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau, nhằm xây dựng một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, có nền kinh tế phát triển dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất v.v..

Cơ cấu xã hội có những loại hình *chủ yếu* : cơ cấu xã hội - giai cấp (phân chia theo các quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất); cơ cấu xã hội - dân số (còn gọi là cơ cấu xã hội - nhân khẩu, phân chia theo giới tính và lứa tuổi); cơ cấu xã hội - dân cư (phân chia theo những đặc trưng các cộng đồng xã hội liên quan đến nơi cư trú ở thành thị hay nông thôn, miền xuôi hay miền núi, miền duyên hải, miền bắc hay miền nam). Ngoài ra còn có : cơ cấu xã hội - nghề nghiệp ; cơ cấu xã hội - dân tộc ; cơ cấu xã hội - tôn giáo, v.v..

● **CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP** là một trong những loại hình chủ yếu của cơ cấu xã hội. Nó là cơ cấu xã hội được phân chia theo giai cấp, dựa trên những mối quan hệ và tác động qua lại giữa các bộ phận và thành phần xã hội khác nhau của một xã hội cụ thể trong một giai đoạn lịch sử nhất định, cùng những mâu thuẫn giữa các bộ phận và các thành phần xã hội ấy được phản ánh trong sự vận động và biến đổi của cơ cấu xã hội. Những biến đổi *cơ bản* của cơ cấu xã hội thể hiện trước hết trong quan hệ xã hội - giai cấp. Vì thế, cơ cấu xã hội - giai cấp là tiêu chuẩn tổng hợp, tin cậy nhất để xem xét, đánh giá trình độ đã đạt được trong sự phát triển của tổ chức xã hội cụ thể. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp luôn ở trạng thái biến động. Sự biến động này tùy thuộc vào tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và mối quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, có thể nêu lên **những vấn đề có tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp** như sau :

Thứ nhất, sự biến động của cơ cấu xã hội - giai cấp gắn liền với và được quy định bởi sự biến động của cơ cấu kinh tế, của cơ cấu thành phần kinh tế. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tất yếu sẽ đưa tới một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng và phức tạp ; các nhân tố kinh tế và nhân tố xã hội luôn đan xen nhau, ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Cơ cấu xã hội mới hình thành, lại tác động trực tiếp tới sự phát triển và củng cố cơ cấu kinh tế, tạo cho nó một hướng xây dựng mới.

Thứ hai, quá trình cơ cấu xã hội - giai cấp cũ chuyển thành cơ cấu xã hội - giai cấp mới là một quá trình diễn ra liên tục trong suốt thời kỳ quá độ. Quá trình này đa dạng, phức tạp ở *giai đoạn đầu* khi sản xuất bung ra, nhiều thành phần kinh tế ra đời ; nó sẽ dần dần ổn định ở *giai đoạn sau*, khi nền kinh tế đã ổn định, lực lượng sản xuất đã phát triển và quá trình công nghiệp hóa triển khai có hiệu quả. Cơ cấu xã hội - giai cấp phát triển trong mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố chủ quan và khách quan. Với tính cách là nhân tố chủ quan, Đảng và nhà nước tác động tích cực đến sự biến động của cơ cấu xã hội - giai cấp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thông qua các chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội và lịch sử chính trị khách quan của đất nước.

Thứ ba, cơ cấu xã hội - giai cấp biến động và phát triển trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, xích lại gần nhau và tiến tới từng bước xóa bỏ hiện tượng bóc lột giai cấp trong xã hội. Đấu tranh và liên minh sẽ đưa đến sự xích lại gần nhau giữa các tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa công nhân, nông dân và trí thức. Mức độ đấu tranh và liên minh tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Song vừa đấu tranh, vừa liên minh, vừa phát triển tính đa dạng và tính độc lập tương đối giữa các giai tầng xã hội, vừa hợp tác và xích lại gần nhau giữa các giai tầng, đó là chiều hướng của sự vận động và phát triển của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC VỀ ĐẢNG

NHÂN kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập ĐCS Việt nam (3/2/1930 - 3/2/1995), ngày 24-1-1995, tại Hà nội, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị khoa học về Đảng. 40 nhà khoa học trong và ngoài học viện, nhiều cán bộ nghiên cứu, cán bộ làm công tác lý luận của các viện nghiên cứu, các trường, các cơ quan của Đảng đã tham dự hội nghị.

28 bài tham luận gửi đến hội nghị đã đề cập nhiều vấn đề, nhiều nội dung phong phú về 65 năm đấu tranh cách mạng của Đảng; về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập, tổ chức, rèn luyện, chỉ dẫn mọi hoạt động của Đảng từ ngày thành lập đến nay ; về những vấn đề bức xúc trong đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng hiện nay.

Một trong những vấn đề được nhiều nhà khoa học, nhiều tham luận đi sâu phân tích, lý giải và khẳng định là *những bài học kinh nghiệm của Đảng qua 65 năm đấu tranh cách mạng, lãnh đạo đất nước*, và *những phẩm chất quý báu của Đảng*. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta, dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa nước ta từ một nước nô lệ, không có tên trên bản đồ thế giới, trở thành một nước độc lập, tự do, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, được nhiều bạn bè trên thế giới khâm phục, tới nay đã có quan hệ với hơn 150 nước. Qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Những bài học kinh nghiệm nổi bật được nhiều tham luận khẳng định là : **Một**, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê-nin vào điều kiện cụ thể của đất nước, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng ta và Bác Hồ cũng luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo. **Hai**, ngay từ khi mới thành lập và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn xác định dứt khoát, rõ ràng và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. **Ba**, Đảng ta đã kết hợp tài tình, giải quyết đúng đắn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. **Bốn**, vận dụng khéo léo, kết hợp hài hòa sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng v. v.. Nhiều bài phát biểu đã chứng minh, khẳng định những phẩm chất quý báu của Đảng. Đó là gắn bó máu thịt với quần chúng, nhân dân ; có bản lĩnh chính trị vững vàng ; có một tầm cao trí tuệ do tiếp thu, phát huy trí tuệ của dân tộc và trí tuệ nhân loại ; dám nhìn thẳng vào những sai lầm, khuyết điểm và có quyết tâm khắc phục, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm v.v..

Một vấn đề nữa được nhiều tham luận đề cập, đề xuất những giải pháp, là *đảng cầm quyền* và *vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong quá trình xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam*. Một số ý kiến đi sâu phân tích, lý giải hàng loạt vấn đề như : thế nào là đảng cầm quyền ; đảng có những quyền lực gì ; quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với sự quản lý của Nhà nước ; những đặc điểm của đảng cầm quyền trong điều kiện Đảng đã nắm được chính quyền ; sự thống nhất và khác biệt giữa quyền lực chính trị của Đảng và quyền lực của Nhà nước, v.v.. Các bài phát biểu đều nhất trí rằng, ở nước ta không có những yếu tố khách quan để hình thành chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đảng cộng sản Việt nam là đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng nước ta. Đảng ta là đảng cầm quyền, đã, đang và sẽ lãnh đạo nhà nước ta. Nhiệm vụ rất nặng nề và rất quan trọng hiện nay là Đảng phải chỉnh đốn, đổi mới, để có đủ trình độ, trí tuệ, năng lực lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn mới.

Ngoài ra, nhiều tham luận còn đi sâu vào những vấn đề mấu chốt và quan trọng của Đảng hiện nay : công tác cán bộ, bản chất giai cấp của Đảng, chính sách đối ngoại rộng mở, Đảng trong hệ thống chính trị, những nhân tố bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, v.v..

VŨ LÂN (thực hiện)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NHA TRANG



SEAPRODEX

SEAPRODEX
NHA TRANG
Add : 44 Nguyen Thi Minh Khai St.
Nha Trang City, Vietnam

Tel : 23962 - 22821 - 22569
Tlx :581508 SPEXNT VT
Fax : 84.58.21909

The best natural
of your choice...



Chuyên kinh doanh xuất - nhập khẩu và mua bán nội địa:

Xuất khẩu : Thủy sản - Nông sản, thực phẩm, rau quả- Hàng giả da, hàng may mặc sẵn - thủ công mỹ nghệ, ...

Nhập khẩu : Phương tiện vận tải, vật tư thiết bị, máy móc, hàng tiêu dùng tổng hợp.

Kính chúc Quí khách hàng một năm mới hạnh phúc, an khang, thịnh vượng !

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG DẦU KHÍ

Số 1 - Nguyễn An Ninh - TP Vũng Tàu
- ĐT : 58422-58424
- Telex : 01 - 908 - 25 - 31
- Fax : 84. 64. 58422



Tổng giám đốc - Kỹ sư NGUYỄN MINH SƯU

* Trực thuộc Bộ xây dựng, có nhiệm vụ : Tổng nhận thầu và thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng phục vụ công tác dầu khí và các ngành kinh tế quốc dân ; tổng nhận thầu thi công san nền đất, các công trình kỹ thuật hạ tầng : đường, điện nước ; kinh doanh vật tư, thiết bị trong xây dựng, kinh doanh nhà, dịch vụ du lịch

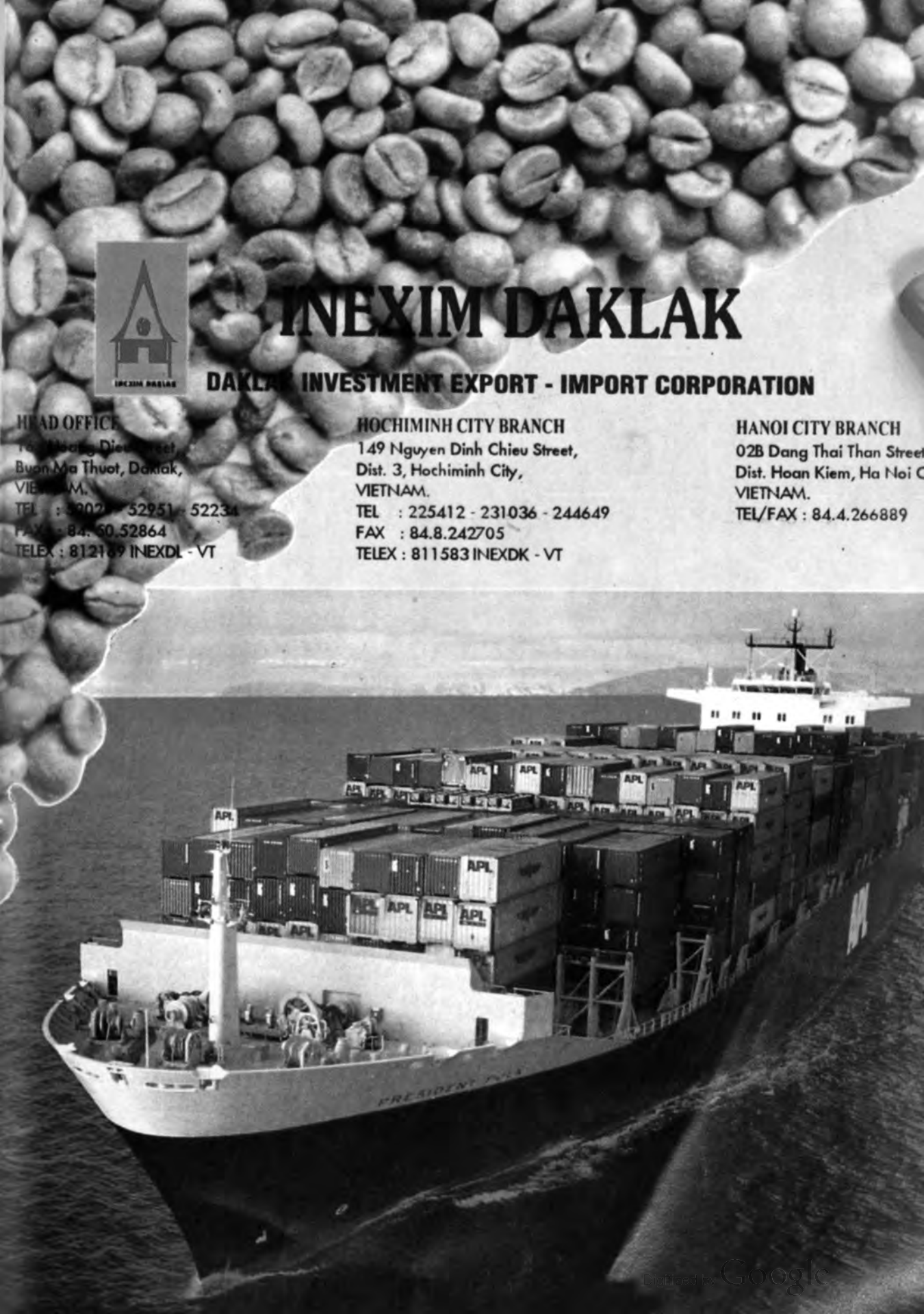
* Đã được tặng thưởng 6 huân chương lao động hạng nhất, hai và ba.

* Là đơn vị chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam trong các năm thập kỷ 1990



Trụ sở công ty

Digitized by Google



INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
[illegible] Street,
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : 52951 - 52234
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812169 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi C
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889

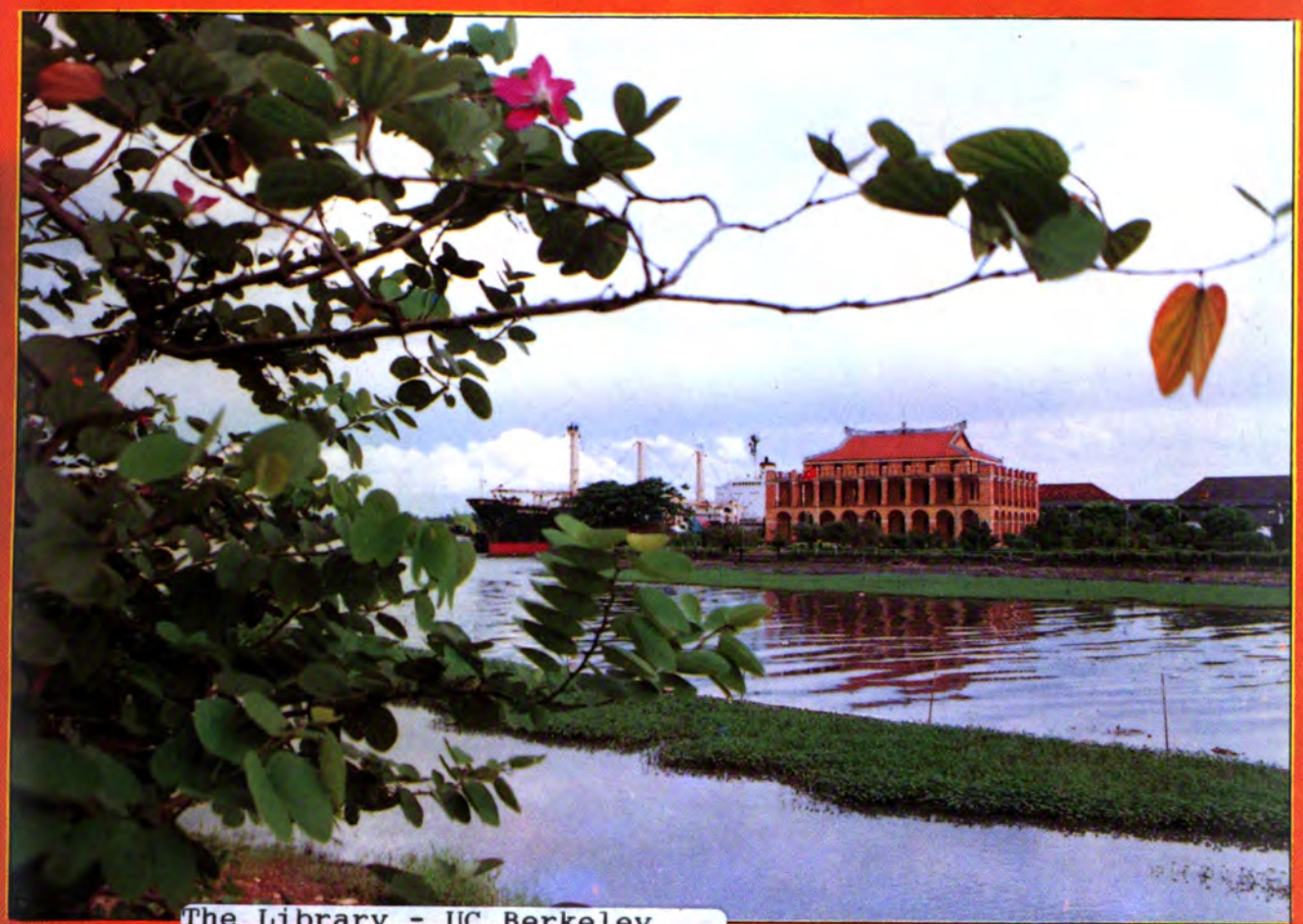
Digitized by Google



Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 5
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 06-12-95
Tap Chi Cong San

5
1995

Digitized by Google

Công ty Bia SAIGON

THƠM NGON BỔ DƯỠNG

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 559595

6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 296342

BIA CHAI NT 45CL

BIA CHAI XK 45CL

BIA LON 333

BIA HƠI



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

5 - 1995 NĂM THỨ BỐN MƯƠI MỐT (473)

MỤC LỤC

	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Tư tưởng của V.I.Lê-nin sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta	3
	NGUYỄN KHÁNH - Vấn đề gia đình hiện nay	9
	PHẠM XUÂN NAM - Năm quốc tế về khoan dung và tinh thần khoan dung Việt nam - Hồ Chí Minh	12
Kỷ niệm lần thứ 105 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5.1890-19.5.1995)	ĐẶNG XUÂN KỲ - Hồ Chí Minh với việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin	16
	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Giải quyết quan hệ dân tộc và giai cấp theo tư tưởng Hồ Chí Minh	21
	NGUYỄN VĂN THẢO - Nhà nước kiểu mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh	24
	LÊ DOÃN TÁ - Điều kiện lịch sử - xã hội và nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh	28
	LÊ VĂN YÊN - Hoạt động và đóng góp của Hồ Chí Minh đối với Quốc tế cộng sản	31
Thực tiễn - Kinh nghiệm	LƯ VĂN ĐIỀN - Cần thơ sau hai mươi năm giải phóng	35
	TRẦN HỒI SINH - Quận 5 sau một chặng đường phát triển	38
	TRẦN ĐỨC - Con đường từ hộ nông dân tiến lên hợp tác xã	41
Nghiên cứu - Trao đổi	NGUYỄN VIẾT THẢO và NGUYỄN THỊ THANH - "Phát triển" nhìn dưới góc độ của tiến trình lịch sử	45
	MAI HỮU THỰC - Phải chăng lý luận giá trị thặng dư của C.Mác đã lỗi thời ?	49
Sinh hoạt tư tưởng	NÔNG QUỐC TIẾN - Chuyện đời thường của Bác	53
Tư liệu lịch sử	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Người sáng lập tạp chí *Đỏ*	54
Thế giới : vấn đề, sự kiện	NGUYỄN HUY QUÝ - Những chân lý lịch sử không thể phủ nhận	57
Tìm hiểu khái niệm	Liên hợp quốc và các tổ chức chính của nó	61

Bìa 1 : *Cảng Nhà Rồng - nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước*
Ảnh : **Trần Thành Công**

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ДЫК БИНЬ - Ленинские идеи всегда будут жить в наших свершениях. НГУЕН КХАНЬ- Проблема семьи сегодня. ФАМ СУАН НАМ - Международный год снисхождения и вьетнамско-хошиминовское великодушие. ● Навстречу 105-летию со дня рождения Хо Ши Мина (19.5.1890 - 19.5-1995) ★ ДАНГ СУАН КИ - Хо Ши Мин и творческое применение и развитие марксизма-ленинизма. ЧАН СУАН ЧЫОНГ - Регулирование национальных и классовых отношений в соответствии с хошиминовской мыслью. НГУЕН ВАН ТХАО - Государство нового типа по-хошиминовски. ЛЕ ЗОАН ТА - Социально-исторические условия источник хошимиовкой мысли. ЛЕ ВАН ЙЕН - Деятельность и заслуги Хо Ши Мина перед Коминтерном. ● Практика - опыт ★ ЛЫ ВАН ДИЕН - Кхантхо спустя 20 лет освобождения. ЧАН ДЫК - Путь от двора к кооперативу. ● Исследование-Обмен мнениями ★ НГУЕН ВЬЕТ ТХАО и НГУЕН ТХИ ТХАНЬ - "Развитие" - под углом исторической динамики. МАЙ ХЫУ ТХЫК - Устарела ли марксистская теория прибавочной стоимости ? ●Мир : Проблемы и факты ★ НГУЕН ГЮИ КЮИ - Неопровержимые исторические истины.

CONTENTS

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - The thought of V.I.Lenin will live forever in our cause. NGUYỄN KHÁNH - The problem of the family nowadays. PHẠM XUÂN NAM - The international year of tolerance and the Vietnam-Ho Chi Minh's spirit of generosity. ● **On the anniversary of the 105th Birthday of President Ho Chi Minh (19.5.1890-19.5.1995)** ★ ĐẢNG XUÂN KỲ - Ho Chi Minh and the creative application and development of the Marxism-Leninism. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Dealing with the relationship between the nation and the class after the Ho Chi Minh's thought. NGUYỄN VĂN THAO- The State of new type in the Ho Chi Minh's thought. LÊ DOÃN TÁ - The socio-historical conditions and the source of the Ho Chi Minh's thought. LÊ VĂN YÊN - The activities and contributions of Ho Chi Minh to the Communist International. ● **Practice - Experience** ★ LU VĂN ĐIỄN - The city of Can Tho after 20 years of liberation. TRẦN ĐỨC - The advanced way from household to cooperation. ● **Research-Exchange** ★ NGUYỄN VIỆT THAO and NGUYỄN THỊ THANH - The "development" seen from the angle of historical evolution. MAI HỮU THỰC - Is the K. Marx's theory of the surplus value out-dated ? ● **The World : Its problems and facts** ★ NGUYỄN HUY QUÝ - The undeniable historical truths.

SOMMAIRE

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - La pensée de V.I.Lénine vivra à jamais dans notre œuvre NGUYỄN KHÁNH - Le problème de la famille actuelle. PHẠM XUÂN NAM - L'année internationale de tolérance et l'esprit vietnamien de tolérance. ● **A l'occasion du 105e anniversaire du Président Ho Chi Minh (19.5.1890-19.5.1995)** ★ ĐẢNG XUÂN KỲ - Ho Chi Minh et l'application créatrice et le développement du marxisme-léninisme. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Résqudre les rapports entre la nation et les classes d'après la pensée de Ho Chi Minh. NGUYỄN VĂN THAO - L'Etat de type nouveau dans la pensée de Ho Chi Minh. LÊ DOÃN TÁ - Les conditions historico-sociales et l'origine de la pensée de Ho Chi Minh. LÊ VĂN YÊN - Les activités et l'apport de Ho Chi Minh à l'International communiste. ● **Pratique et expérience** ★. LU VĂN ĐIỄN - Can Tho 20 ans après la libération. TRẦN ĐỨC - Le chemin du foyer paysan vers la coopérative. ● **Etudes - Echange de vues** ★ NGUYỄN VIỆT THAO et NGUYỄN THỊ THANH - "Le développement" sous l'angle de l'évolution historique. MAI HỮU THỰC - La théorie marxiste de la plus-value est-elle démodée ? ● **Le monde : problèmes et événements** ★ NGUYỄN HUY QUÝ - Les vérités historiques indéniables.

SUMARIO

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - El pensamiento de V.I.Lenin vivirá eternamente en nuestra obra. NGUYỄN KHÁNH - El actual problema de la familia. PHẠM XUÂN NAM - El año internacional de la tolerancia y el espíritu tolerante vietnamita. ● **105 aniversario del natalicio del Presidente Ho Chi Minh (19.5.1890-19.5.1995)** ★ ĐẢNG XUÂN KỲ - Ho Chi Minh con la aplicación creadora y el desarrollo del Marxismo-Leninismo. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Resolver la relación entre la nación y las clases al pensamiento de Ho Chi Minh. NGUYỄN VĂN THAO - El Estado de nuevo tipo en el pensamiento de Ho Chi Minh. LÊ DOÃN TÁ- Las condiciones histórico-sociales y el origen del pensamiento de Ho Chi Minh. LÊ VĂN YÊN - Actividades y contribuciones de Ho Chi Minh a la Internacional comunista ● **Prácticas y experiencias** ★ LU VĂN ĐIỄN - Can Tho tras 20 años de la liberación. TRẦN ĐỨC - El camino de los núcleos campesinos rumbo a la cooperativa. ● **Estudios y Intercambios** ★ NGUYỄN VIỆT THAO y NGUYỄN THỊ THANH - "El desarrollo" visto desde el ángulo de la evolución histórica. MAI HỮU THỰC - ¿ Resultó caduca la teoría de la plusvalía de Carlos Mark ? ● **El mundo : Problemas y acontecimientos** ★ NGUYỄN HUY QUÝ - Las incgables verdades históricas.

目錄

●阮德平：〈列寧思想永存于我們事業中〉● 阮慶：〈目前家庭問題〉● 范春南：〈越南寬容和發揚寬容精神國際年〉● 紀念胡志明主席誕辰105周年(1890年5月19日至1995年5月19日) ★鄧春其：〈胡志明與靈活創造性地運用馬列主義〉● 陳春長：〈按照胡志明思想解決民族和階級關係〉● 阮文章：〈胡志明思想之根源及其歷史社會條件〉● 黎文安：〈胡志明對共產國際的活動及貢獻〉●實踐——經驗★盧文田：〈解放20年的芹苴市〉● 陳德：〈從農民個體戶發展到合作社的道路〉● 研究——交換★阮曰草、阮氏清：〈從歷史演進的角度看"發展"〉● 梅友賈：〈馬克思的剩餘價值理論是否已經過時?〉●世界：問題——事件 ★阮輝貴：〈不可否認的歷史眞理〉

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG CỦA V.I.LÊ-NIN SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA*

NGUYỄN ĐỨC BÌNH**

CÙNG với nhân loại tiến bộ, những người cộng sản và nhân dân Việt nam kỷ niệm trọng thể lần thứ 125 Ngày sinh V.I.Lê-nin, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, người lãnh đạo thành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người.

Chúng ta kỷ niệm Ngày sinh Lê-nin trong lúc công cuộc đổi mới đã trải qua gần 10 năm với những thành tựu rất quan trọng. Lúc này Đảng ta cũng đang chuẩn bị Đại hội lần thứ VIII, tổng kết một bước công cuộc đổi mới, đề ra những chủ trương, giải pháp lớn, đưa đất nước tiến vào thời kỳ mới - thời kỳ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ trong thực tiễn phong phú và sôi động những năm vừa qua của cách mạng Việt nam, chúng ta càng cảm nhận sâu sắc những tư tưởng cách mạng và khoa học của Lê-nin, sự chỉ đạo chiến lược tài tình của Người trước những bước ngoặt của cách mạng, nhất là những tư tưởng của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới ở Nga.

Điều kiện của mỗi nước khác nhau và trong những thời kỳ khác nhau có những nét riêng biệt. Mọi sự so sánh đều có phần khập khiễng. Song, chúng ta đều dễ nhận thấy có nhiều sự trùng hợp về những vấn đề được đặt ra và cách thức giải quyết chúng giữa Chính sách kinh tế mới ở Nga và công cuộc đổi mới những năm qua ở nước ta. Trùng hợp không chỉ về các giải pháp tiến hành để vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, mà còn trùng hợp trên những nguyên tắc và nhiều nội dung hết sức chủ yếu của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, không thể không thấy rằng những vấn đề đặt ra cho chúng ta hôm nay có nhiều điều mới mẻ, phức tạp và phong phú hơn so với những vấn đề của nước Nga năm 1921-1923. Và, thật không đúng nếu nghĩ rằng những gì chúng ta làm hôm nay đều y hệt nước Nga đã làm hồi đó.

Ngay sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin bắt tay vào việc vạch đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước tư bản phát triển trung bình, còn lạc hậu về kinh tế, đơn độc trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản thế giới. Thực chất quan điểm, tư tưởng của Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội là gì ? Nó hình thành khi nào? Tại Đại hội IV Quốc tế cộng sản cuối năm 1922, Lê-nin nhắc lại với các đại biểu quốc tế về suy nghĩ của Người năm 1918. Sau khi liệt kê ra năm thành phần kinh tế tồn tại trong nước Nga hồi đó, Lê-nin nói : "...ngay từ hồi đó, chúng tôi cũng đã có ý thức đến một chừng mực nào đó, về cái chân lý sau đây : quả thật, tốt hơn là nên trước hết hãy thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước, để rồi, sau đó, đi đến chủ nghĩa xã hội"[1]. Điều đó cho thấy những tư tưởng rất mới mẻ, táo bạo nhưng rất chính xác về phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội của Lê-nin không phải đến năm 1921 mới hình thành như nhiều người tưởng.

Chiến tranh đã bắt buộc phải áp dụng những biện pháp kinh tế thời chiến. Hoàn cảnh khách quan và sự thiếu kinh nghiệm là nguyên nhân dẫn tới sai lầm nhất thời cho rằng chính sách cộng sản thời chiến có thể áp dụng để đưa nước Nga tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách cộng sản thời chiến, như trưng thu lương thực thừa của nông dân, một mặt bảo đảm chiến thắng thù trong giặc ngoài nhưng mặt khác lại dẫn nền kinh tế nước Nga xô-viết tới bờ vực thẳm. Nạn đói, nạn đầu cơ, sự đình đốn sản xuất trở thành thách thức nghiêm trọng đối với chế độ xô-viết non trẻ. Trong bối cảnh đó, với một sự táo bạo dám vượt lên chính mình, Lê-nin đã lãnh đạo Đảng "thay đổi một cách căn bản quan niệm về xây dựng chủ nghĩa xã hội". Trở lại với những suy nghĩ đúng đắn năm 1918, Lê-nin đưa ra một hệ thống các quan niệm mới về con

---

* Nội dung bài nói tại lễ kỷ niệm trọng thể 125 năm Ngày sinh V.I. Lê-nin.

** Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 45, tr. 326

Digitized by Google

đường đi lên chủ nghĩa xã hội của một nước đa số là nông dân, nền kinh tế bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh.

Khi thực tiễn cuộc sống, nhất là đời sống kinh tế, đã chứng tỏ chủ trương chuyển trực tiếp lên các quan hệ "xã hội chủ nghĩa thuần túy" bằng cách nhà nước nắm mọi quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm, thủ tiêu các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và thương nghiệp... là sai lầm duy ý chí thì đảng không thể không thay đổi chính sách. Phải kiên quyết từ bỏ con đường, phương pháp tiến công chính diện, tìm con đường khác, có thể là "đường vòng", để đi đến mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Lê-nin đặt vấn đề như thế. Cần hướng các chính sách vào giải quyết trước tiên vấn đề cấp thiết nhất, mấu chốt nhất là phục hồi ngay các lực lượng sản xuất của xã hội, trước hết là kinh tế nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng. Cần hạn chế lạm phát và ổn định giá cả. Đặt vấn đề ngược lại, đi theo con đường khác thì nhìn bề ngoài có vẻ như rất cách mạng, rất xã hội chủ nghĩa, nhưng thực chất là "đặt lợi ích phường hội của công nhân lên trên lợi ích giai cấp của họ ; có nghĩa là nhìn lợi ích trước mắt, lợi ích nhất thời, lợi ích cục bộ của công nhân mà hy sinh lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân, của nền chuyên chính của họ, của khối liên minh của họ với nông dân"[2]

Để nâng cao sức sản xuất của nông dân trong điều kiện hòa bình và sản xuất bình thường, phải sửa đổi lớn trong hàng loạt chính sách. Trực tiếp và cấp bách nhất là thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chính sách thuế lương thực. Điều đó, như Lê-nin chỉ rõ, có nghĩa là thừa nhận việc trao đổi hàng hóa, đặt việc trao đổi sản phẩm giữa nông dân và công nhân trên quan hệ thương mại. Như vậy, trao đổi hàng hóa, tự do mua bán trở thành đòn xeo chủ yếu để vừa phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp, vừa thiết lập quan hệ đúng đắn giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa thành thị với nông thôn, thúc đẩy cả hai cùng phát triển. Đằng sau các quá trình kinh tế đó, điều cốt yếu nhất - mà trước đó không có - là sự thừa nhận, sự quan tâm giải quyết thỏa đáng lợi ích cá nhân thiết thân của người lao động. Lê-nin nêu thành nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nguyên tắc này đặc biệt quan trọng đối với những nước kinh tế kém phát triển, là phải kết hợp nhiệt tình cách mạng với "khuyến khích lợi ích cá nhân", "sự quan tâm thiết thân của cá nhân", là áp dụng chế độ hạch toán kinh tế [3]. Đó là nguyên tắc bởi nếu không làm như thế thì không thể khơi dậy động lực bên trong của nền kinh tế, không thể tạo ra nhiều lương thực cho xã hội và cho công nghiệp, không tạo ra được sự liên kết về kinh tế giữa hàng chục triệu nông dân lại và dẫn dắt họ đi lên giai đoạn cao hơn trên con đường phát triển xã hội - kinh tế.

Bắt đầu từ nông nghiệp, nông dân, trở lại với quan hệ hàng hóa tiền tệ, với thương nghiệp, tự do buôn bán, thừa nhận nhiều thành phần kinh tế, quan tâm lợi ích cá nhân, thừa nhận lợi ích tư nhân... tất cả điều đó tựa hồ lùi về chủ nghĩa tư bản, tạo thuận lợi cho chủ nghĩa tư bản phục hồi. Đối với hoàn cảnh lúc ấy quả là một sự mạo hiểm, nhưng một sự mạo hiểm tuyệt đối cần thiết, có cân nhắc tính toán, nói đúng hơn, đó là sự dũng cảm và khôn ngoan về chính trị, là hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan. Theo Lê-nin, sự rút lui như vậy không phải điều đáng sợ, trái lại là bước lùi chiến lược (thật ra không phải "lùi" mà là trở về đúng điểm xuất phát để từ đó tiến lên một cách hợp quy luật) để tạo lập mối liên kết chặt chẽ giữa nông dân và công nhân, củng cố khối liên minh công nông - cơ sở của chính quyền xô-viết, cái bảo đảm thắng lợi chắc chắn cho chủ nghĩa xã hội. Với lôgích hình thức thì dường như cơ chế thị trường, việc sử dụng chủ nghĩa tư bản không thể dung hợp với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Còn biện chứng của thực tiễn cuộc sống lại cho thấy :"... Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước mà trong đó phần rất lớn dân cư là những người sản xuất nông nghiệp nhỏ, chỉ có thể thực hiện được bằng con đường thông qua hàng loạt những biện pháp quá độ đặc biệt"[4]. Điều kiện bảo đảm cho nền kinh tế đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước mà không chệch quỹ đạo xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sự quản lý của chính quyền công nông và việc nhà nước vô sản nắm chắc trong tay các vị trí yết hầu, chỉ huy của nền kinh tế (nền công nghiệp lớn, các ngân hàng, đường sắt...). Lê-nin chủ trương tìm mọi cách có thể được để mở rộng quan hệ làm ăn với tư bản nước ngoài trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi, buôn bán trao đổi văn minh. Người đề xướng cả chính sách tô nhượng.

Với Chính sách kinh tế mới, chúng ta không nghĩ rằng Lê-nin đã vạch ra một cách đầy đủ, hoàn thành các quan niệm, phương pháp mới về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Song, có thể khẳng định, chính Lê-nin là người mác-xít đầu tiên mở ra hướng mới, con đường mới, rất

(2) *Sđd*, t 43, tr 263

(3) *Sđd*, t 44, tr 189

(4) *Sđd*, t 43, tr 68 - 69

Digitized by Google

hiện thực, cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước kém phát triển, *thậm chí không chỉ đối với các nước kém phát triển*[5]. Đặt vào điều kiện những năm 18, 20 mới thấy tư duy của Lê-nin có tính sáng tạo vĩ đại như thế nào. Tôi nghĩ đó là sức mạnh của phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật.

Xây dựng chủ nghĩa công sản về thực chất là sự nghiệp mang tính kinh tế. Luận điểm lớn ấy của Mác đã được Lê-nin lần đầu tiên vận dụng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga xô-viết. Người nhấn mạnh rằng muốn biến nước cộng hòa xô-viết thành nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa đúng với tên gọi của nó thì điều cơ bản nhất là phải tạo cho được bước nhảy vọt lớn về lực lượng sản xuất, về năng suất lao động trên quy mô xã hội. Muốn thế phải xây dựng cho được một nền đại công nghiệp hùng mạnh. Người viết : "Cơ sở thật sự và duy nhất để làm tăng các nguồn dự trữ của chúng ta, để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là đại công nghiệp"[6]. Người còn nói : "...trong nước ta, công tác kinh tế phải là sự nghiệp chung của tất cả mọi người. Đối với chúng ta, đó là hoạt động chính trị có ý nghĩa nhất"[7]. Từ một đất nước lạc hậu, bị kiệt quệ sau chiến tranh, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, nhất thiết phải có nền đại công nghiệp cơ khí và các ngành công nghiệp khác, cho phép thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển, nhất là để cải tạo nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, bảo đảm các nhu cầu quốc phòng. Lê-nin chủ trương khôi phục sớm các ngành tiểu thủ công nghiệp không cần nhiều vốn, đòi hỏi các xí nghiệp phải được quản lý tốt, phải thi đua nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp then chốt, áp dụng hình thức tô nhượng trong một số xí nghiệp, hầm mỏ lớn... Công thức nổi tiếng của Lê-nin "chủ nghĩa cộng sản = chính quyền xô-viết + điện khí hóa toàn quốc" nói lên rằng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải dựa trên nền công nghiệp hiện đại mà đặc trưng là điện khí hóa.

Đương nhiên, trong điều kiện thế giới ngày nay, không thể hiểu nội dung công nghiệp hóa như những năm đầu thế kỷ. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay không chỉ là cơ khí hóa, điện khí hóa mà còn bao hàm tự động hóa, tin học hóa, công nghệ sinh học, v v... Song, quan điểm của Lê-nin, trong thực chất, cho rằng muốn có chủ nghĩa xã hội cần phải có *chính quyền của nhân dân lao động cộng với lực lượng sản xuất hiện đại* vẫn là định hướng cơ bản cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khó có thể đánh giá hết được ý nghĩa lịch sử vĩ đại của tư tưởng Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, về Chính sách kinh tế mới nói riêng.

Như chúng ta đều biết, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga do Lê-nin vạch ra bao gồm một nội dung cực kỳ quan trọng, đó là *cách mạng văn hóa*. Người ý thức sâu sắc rằng một trong những khó khăn lớn nhất đối với sự nghiệp xây dựng xã hội mới ở một nước như nước Nga chính là thiếu tri thức khoa học kỹ thuật và quản lý, trình độ văn hóa của nhân dân còn thấp kém, những tập quán cũ còn nặng nề. Những mặt hạn chế này kìm hãm cả sự phát triển kinh tế lẫn việc củng cố chính quyền. Vì vậy, Lê-nin kêu gọi khẩn cấp phát triển khoa học, văn hóa, nâng cao trình độ dân trí. Người nói : người mù chữ đứng ngoài chính trị, và cũng không thể công nghiệp hóa với những người dân mù chữ. Hơn nữa, vấn đề không phải chỉ là xóa nạn mù chữ. Lê-nin thường xuyên nhấn mạnh những yếu tố kiến thức, học vấn, giáo dục, không có những thứ đó thì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người đòi hỏi "phải làm sao cho học thức thật sự ăn sâu vào trí não, hoàn toàn và thực tế trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc sống của chúng ta"[8]. Người yêu cầu các cơ quan xô-viết dành sự đầu tư ưu tiên cao nhất có thể được cho việc nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu triển khai, phải sử dụng các chuyên gia do xã hội cũ để lại, kể cả việc thuê chuyên gia tư sản nước ngoài với mức lương cao. Trên cương vị của mình, Lê-nin đích thân giải quyết những vướng mắc, chăm sóc điều kiện làm việc của đội ngũ trí thức.

Lê-nin đòi hỏi mọi người, nhất là thanh niên, những người gánh vác chủ yếu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải ra sức học tập, không ngừng làm giàu trí tuệ của mình bằng tổng số những kiến thức mà nhân loại đã tạo ra. Lê-nin nói : "...tôi phải nói rằng nhiệm vụ của thanh niên nói chung và của đoàn thanh niên cộng sản và các tổ chức khác nói riêng có thể tóm gọn bằng một từ. Nhiệm vụ đó là: học tập"[9]. Phải xây dựng nền văn hóa mới, nhưng văn hóa mới không phải bỗng nhiên mà có... Nó là "sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của

(5) Xem *Sđd*, t 45, tr 326

(6) (7) *Sđd*, t 43, tr 366, 396-397

(8) *Sđd*, t 45, tr 414

(9) *Sđd*, t 41, tr 354

Digitized by Google

bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu" [10]. Lê-nin khuyến khích mọi sự sáng tạo trong các loại hình văn học - nghệ thuật theo quan điểm văn hóa nghệ thuật là tài sản của nhân dân, nó phải phục vụ sự nghiệp của nhân dân, làm đẹp tâm hồn và đời sống tinh thần của con người, trước hết là người lao động. Người chăm lo tỉ mỉ đến việc mở mang các trường học, từ giấy vở cho học sinh, xưởng thực hành cho các trường kỹ thuật chuyên nghiệp, đến sách giáo khoa, đến chất lượng và vị trí xã hội của đội ngũ giáo viên. Có thể nói đó là những tư tưởng chiến lược nhìn xa trông rộng của vị lãnh tụ thiên tài, thể hiện sự đặc biệt coi trọng nhân tố con người, rất mực vì con người, những tư tưởng mà ngay hôm nay đang phải làm cho sống động trong sự nghiệp chúng ta.

Chuyển sang Chính sách kinh tế mới là *tiếp tục đấu tranh giai cấp* dưới hình thức mới, hòa bình, nhưng không kém phần gay go và hết sức phức tạp. Đương nhiên, điều kiện nước Nga khi đó có khác ta. Về cơ bản, đó là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, nhưng không phải với chủ nghĩa tư bản nhà nước mà với chủ nghĩa tư bản đầu cơ, buôn lậu, gây rối thị trường, với thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa, vô tổ chức, với chủ nghĩa tư bản phát triển theo hướng thoát ly sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước và của toàn dân. Lê-nin chỉ rõ rằng nạn ăn cắp, hối lộ, tham nhũng, tệ quan liêu, đặc quyền đặc lợi là đồng minh của thứ chủ nghĩa tư bản này, là kẻ thù của chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện có nhiều thành phần kinh tế, có tự do buôn bán, có tư bản nước ngoài hoạt động - mà điều này là một tất yếu, cần thiết - thì vấn đề đặt ra là : "Ai sẽ thắng ? Ai sẽ được lợi trước nhất ?". "Toàn bộ vấn đề là chỗ ai sẽ vượt ai ? - Lê-nin viết - Hoặc là bọn tư bản sẽ tổ chức nhau được trước, chúng sẽ đuổi những người cộng sản đi và như thế thì còn nói gì được nữa... Liệu chính quyền nhà nước vô sản, dựa vào nông dân, có sẽ tỏ ra có khả năng khống chế được các ngài tư bản một cách thích đáng, để hướng chủ nghĩa tư bản đi theo đúng phương hướng mà nhà nước đã vạch ra và tạo ra một thứ chủ nghĩa tư bản phục tùng nhà nước... không ? "[11].

Trong hoàn cảnh đó, *chính quyền xô-viết* phải được củng cố đặc biệt vững mạnh. Nó phải xứng đáng là công cụ sắc bén của giai cấp công nhân, nhân dân lao động để tổ chức xây dựng xã hội mới về mọi mặt và để chuyên chính với bọn phản cách mạng và bọn phá hoại. Nhà nước ấy, nhà nước kiểu mới của nhân dân lao động hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, phải đủ sức kiểm kê, kiểm soát toàn bộ các hoạt động kinh tế, quản lý hữu hiệu toàn bộ đời sống xã hội. Để nhà nước làm tốt chức năng tổ chức xây dựng xã hội mới, và đây là chức năng cơ bản, theo Lê-nin, điều quyết định nhất là thu hút được đông đảo nhân dân tham gia vào các công việc quản lý nhà nước, tạo điều kiện thiết thực cho nhân dân có thể giám sát hoạt động của chính quyền của mình từ trung ương đến cơ sở. Nhà nước xô-viết phải thể hiện là một "chế độ dân chủ ở mức cao nhất cho công nhân và nông dân" [12].

Vào những năm tháng cuối cùng, Lê-nin trăn trở rất nhiều về việc cải tổ bộ máy nhà nước. Người vạch ra tình trạng bộ máy nhà nước ngày càng cồng kềnh nặng nề, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận không rõ ràng, quan hệ giữa đảng và nhà nước chưa rành mạch hoặc có chỗ lại thiếu kết hợp. Người nghiêm khắc phê phán quá trình cải tổ mang tính hình thức và kém hiệu quả. Để cho bộ máy nhà nước lại rơi vào cái quỹ đạo của các nhà nước cũ là tệ quan liêu, theo Lê-nin, đó là một trong những nguy cơ lớn nhất. Thế mà "... bộ máy nhà nước của chúng ta, trong một mức độ rất lớn, vẫn còn là một tàn dư của thời trước và rất hiếm được sửa đổi một cách ít nhiều đáng kể" [13]. Lê-nin đã nghiêm khắc phê phán như thế vào tháng giêng năm 1923. Người đặt vấn đề thật gay gắt và bức xúc : "Chúng ta phải gắng sức xây dựng một nhà nước, trong đó công nhân tiếp tục lãnh đạo nông dân, duy trì được lòng tin của họ đối với mình và trừ bỏ được cả đến những lãng phí nhỏ nhất trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, bằng cách thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt. Chúng ta phải thực hành tiết kiệm tột mức trong bộ máy nhà nước của chúng ta... chỉ có làm cho bộ máy của chúng ta trong sạch đến tột mức, chỉ có giảm bớt đến mức tối đa tất cả những cái không tuyệt đối cần thiết, chúng ta mới có thể đứng vững được"[14]. Lê-nin yêu cầu phải kiên quyết tinh giản bộ máy, cắt bỏ những bộ phận thừa theo quy tắc "thà ít mà tốt". Theo Người nhận xét, có tình trạng "thừa" những con người không biết làm gì để bộ máy hoạt động năng động và có hiệu quả, nhưng lại rất thiếu những người thành thạo công việc quản lý nhà nước. Lê-nin đòi hỏi phải tăng sức sống cho bộ máy bằng cách đưa vào đó "trước hết, những công nhân tiên tiến, và sau nữa những phần tử thật sự có học thức mà người ta có thể tin chắc

(10) *Sđd*, t 41, tr 361

(11) (12) *Sđd*, t 44, tr 202, 184

(13) (14) *Sđd*, t 45, tr 435, 458-459

Digitized by Google

rằng họ sẽ không tin một lời nào, không nói một lời nào trái với lương tâm của họ" [15]. Phải học cách quản lý nhà nước, kể cả học những cái hay trong khoa học quản lý nhà nước của các nước tư bản tiên tiến, đó là yêu cầu của Lê-nin.

Tôi thực sự cảm thấy với những lời lẽ trên, Lê-nin đang nói với chính chúng ta hôm nay khi chúng ta triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, cải cách nền hành chính nhà nước.

Lê-nin hết sức quan tâm chăm lo *xây dựng đảng* về mọi mặt, đặc biệt Người đòi hỏi phát huy tính tiền phong của Đảng, phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, phải thường xuyên củng cố những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Với tư cách đảng cầm quyền, đảng cộng sản phải xứng đáng là lãnh tụ chính trị, vững tay chèo lái con thuyền cách mạng qua những khúc quanh đầy thử thách. Các cán bộ, đảng viên không chỉ cần trung thành với lý tưởng cách mạng mà còn phải có kiến thức, phải thông thạo công việc. Có như vậy họ mới trở thành những chiến sĩ kiên cường và thông minh trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện tự do buôn bán, cạnh tranh, người cộng sản phải biết buôn bán văn minh, phải trở thành những nhà buôn sỉ, biết tính toán tiền nong cẩn thận để đem lại hiệu quả của từng đồng xu. Người cộng sản phải luôn đề cao và không ngừng rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật của đảng vô sản, tự giải thoát mình khỏi những ảnh hưởng của những tập quán tiểu tư hữu và hệ tư tưởng tư sản. Theo Lê-nin, có ba kẻ thù chính mà người cộng sản của đảng cầm quyền phải kiên quyết đấu tranh là "tính kiêu ngạo cộng sản, nạn mù chữ và nạn hối lộ". Không chiến thắng được ba kẻ thù ấy thì chẳng những người cộng sản tự đánh mất vai trò chiến sĩ tiên phong mà còn làm cho đảng bị suy thoái, thậm chí tiêu vong. Lời cảnh báo ấy của Lê-nin đến nay vẫn giữ nguyên tính thời sự. Lê-nin đòi hỏi đảng và mọi đảng viên phải dám thừa nhận những sai lầm và kiên quyết sửa chữa các sai lầm đã phạm phải, Người xem đó là tiêu chuẩn của một đảng thật sự nghiêm túc, một đảng có tinh thần trách nhiệm trước giai cấp và trước quần chúng [16]. Nói về điều kiện tiên quyết bảo đảm cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, Lê-nin chỉ rõ : "Không có một đảng sắt thép được tôi luyện trong đấu tranh, không có một đảng được sự tín nhiệm của tất cả những phần tử trung thực trong giai cấp..., không có một đảng biết nhận xét tâm trạng quần chúng và biết tác động vào tâm trạng đó thì không thể tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh ấy được"[17]. Người nhấn mạnh rằng đội tiên phong của giai cấp vô sản "chỉ là một bộ phận nhỏ của giai cấp vô sản và giai cấp vô sản lại cũng chỉ là một bộ phận nhỏ trong quần chúng nhân dân"[18]. Vì thế cái đảm bảo thắng lợi của cách mạng là giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa đảng và đông đảo quần chúng nhân dân. Đội tiên phong mà tách rời quần chúng, dù nguyên nhân là chủ nghĩa quan liêu hay nguyên nhân là bệnh "tả" khuynh ấu trĩ, bệnh kiêu ngạo cộng sản, đều là mối nguy cơ lớn không thể lường được đối với đảng cầm quyền.

Lê-nin căn dặn chúng ta : *chủ nghĩa Mác không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động*. Tên tuổi và sự nghiệp của Lê-nin đồng nghĩa với sáng tạo. Luận đoán khoa học của Người về cách mạng không thể nổ ra đồng loạt ở các nước tư bản phát triển, nhưng có thể nổ ra và thành công ở một nước tư bản riêng lẻ, không nhất thiết là nước phát triển cao, đó là chủ nghĩa Mác sáng tạo. Rất trung thành với những nguyên lý của Mác, Ăng-ghen về xây dựng xã hội cộng sản, song xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước Nga và thế giới đầu thế kỷ XX, ngay sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã suy nghĩ vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước. Đó là vấn đề hoàn toàn mới mẻ, theo Lê-nin, "không có lấy một quyển sách nào nói đến chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới chế độ cộng sản cả. Ngay đến Mác cũng không viết một lời nào về vấn đề đó và Người đã mất đi mà không để lại một lời nào rõ rệt, một chỉ dẫn nào chắc chắn về vấn đề ấy cả. Vì thế ngày nay chúng ta phải tự tìm ra lối thoát"[19]. Nêu thí dụ trên, tôi muốn nhấn mạnh rằng Lê-nin quả là rất xa lạ với chủ nghĩa giáo điều, và rằng chúng ta không nên xem Chính sách kinh tế mới của Lê-nin là giải pháp tình thế chỉ để vượt qua khủng hoảng, trái lại nó thể hiện thực chất quan điểm và tư duy mới của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cái thực chất ấy là sự thống nhất hết sức chặt chẽ lý luận và cuộc sống. Đó là quan điểm xem chủ nghĩa xã hội không phải là cái từ óc nặn ra, là cái có sẵn từ trong sách vở, là những chỉ thị, những sắc lệnh từ trên ban xuống mà là sự vận động hiện thực, là sự sáng tạo của

(15) *Sđd*, t 45, tr 444-445
(16) Xem *Sđd*, t 41, tr 51
(17) *Sđd*, t 41, tr 34
(18) *Sđd*, t 43, tr 274
(19) *Sđd*, t 45, tr 101

Digitized by Google

hàng chục triệu quần chúng nhân dân, là sự phân tích cụ thể mỗi tình hình cụ thể.

Sáu mươi lăm năm qua, cách mạng Việt nam đã vượt qua nhiều chặng đường đầy thử thách để tiến lên. Lễ kỷ niệm 125 năm Ngày sinh Lê-nin năm nay gần với lễ kỷ niệm 20 năm giải phóng miền nam, hoàn thành sự nghiệp giành độc lập thống nhất cho Tổ quốc. Năm nay cũng là năm chúng ta kỷ niệm lần thứ 50 Ngày thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Những mốc son chói lọi ấy của lịch sử dân tộc ta gắn với tên tuổi Hồ Chí Minh vĩ đại. Cách đây ba phần tư thế kỷ khi dân tộc ta đắm chìm trong chế độ thực dân đen tối, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi tìm đường cứu nước đã thấy ở chủ nghĩa Lê-nin cái "cẩm nang thần kỳ" chỉ ra cho nhân dân ta con đường giải phóng và đi tới độc lập, tự do. Người nhận định : "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê-nin". Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu tấm gương mẫu mực về tiếp thu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong quá trình lâu dài lãnh đạo Đảng ta và nhân dân ta tiến hành cách mạng giành chính quyền và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, Đảng ta đang lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới thắng lợi. Thực tiễn cách mạng và thời đại đã và sẽ phát sinh nhiều cái mới khác xa thời Lê-nin. Song, phép biện chứng cách mạng lê-nin-nít vẫn là cái bất biến, cái không gì có thể thay thế và cái không bao giờ lỗi thời. Nắm chắc và vận dụng linh hoạt vũ khí sắc bén và hữu hiệu ấy của tư duy và hành động, "dĩ bất biến, ứng vạn biến", nói theo lời Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là nhân tố bảo đảm thành công trong mọi tình huống khác nhau của cách mạng.

Năm nay, trong không khí vui mừng của những ngày kỷ niệm lớn và tiến tới Đại hội Đảng lần thứ VIII, chúng ta kỷ niệm Ngày sinh Lê-nin mà tưởng như Lê-nin đang có mặt cùng chúng ta trong sự nghiệp đổi mới. Kỷ niệm Lê-nin, chúng ta cần ra sức vận dụng tốt hơn nữa tư tưởng, phương pháp cách mạng và khoa học của Người để giải quyết đúng đắn và thành công những vấn đề, những nhiệm vụ mà thực tiễn đang đặt ra trước Đảng ta và nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới.

Về chức năng của gia đình Việt nam, có thể có nhiều cách trình bày. Theo tôi, gia đình có *mấy chức năng chính* sau đây :

1 - Gia đình là nơi tái sản xuất ra con người, tái sản xuất sức lao động và nuôi dưỡng con người, tạo ra con người có thể chất tốt. Gia đình Việt nam có một sứ mệnh lớn lao là làm cho những thế hệ người Việt nam sau này khỏe mạnh hơn thế hệ hiện nay, không những khỏe hơn, mà còn cao hơn, đẹp hơn, thông minh hơn. Không ai có thể làm thay gia đình việc này được. Không phải chỉ là sinh con, mà còn là vấn đề nuôi dưỡng, tạo ra những con người Việt nam mới về mặt thể lực.

2 - Ở nông thôn nước ta, ở các gia đình làm nghề nông và làm nghề thủ công thì chức năng kinh tế của gia đình khá rõ nét. Nhưng ở đô thị, ở các gia đình công nhân, cán bộ, viên chức ăn lương thì chức năng kinh tế của gia đình không nhiều lắm. Không phải là tổ chức gia đình tạo ra thu nhập, mà các thành viên của gia đình đi làm, có lương, có thu nhập. Chức năng kinh tế của gia đình ở đây chuyển thành chức năng tổ chức đời sống của các thành viên trong gia đình. Dù là có lương và thu nhập khác nhau, người thì lương nhà nước, người thì lương của doanh nghiệp, nhưng về đến gia đình đều phải tổ chức đời sống tốt, tổ chức ăn, ở, sinh hoạt trong gia đình hợp lý, ngăn nắp. Đây cũng là điều hết sức hệ trọng của đời sống con người. Đời sống vật chất tốt không phải hoàn toàn chỉ do thu nhập, không phải cứ có thu nhập cao là đời sống vật chất tốt ; mà còn do cách tổ chức cuộc sống nền nếp, tổ chức ăn ở khoa học, văn minh.

3 - Gia đình có chức năng giáo dục con em, xây dựng và bồi dưỡng nhân cách, hình thành tâm hồn con người. Đây là chức năng chủ yếu nhất của gia đình, của mọi gia đình trên thế giới, cũng như của gia đình Việt nam. Bởi vì, sinh con mới là tạo ra một hình hài, còn tạo ra con người thì phải giáo dục, rèn luyện rất công phu.

4 - Một chức năng nữa của gia đình là giữ gìn và truyền thụ các giá trị văn hóa, truyền thống văn hóa, truyền thống tinh thần. Thật

---

(*) Ủy viên Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH HIỆN NAY

NGUYỄN KHÁNH *

ra, truyền thụ văn hóa cũng là giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, nhưng chúng ta muốn nhấn mạnh một mặt là gia đình giáo dục nhân cách, đào tạo con người, mặt nữa là gia đình giữ gìn, truyền thụ nền văn hóa, truyền thống văn hóa của dân tộc, của đất nước.

Gia đình, dù ở vùng nào, ở nông thôn hay ở thành thị, cũng đều có các chức năng nói trên. Dù tình hình kinh tế biến đổi, phát triển thế nào thì các chức năng này vẫn còn, chỉ khác nhau ở mức độ thể hiện, như chức năng kinh tế có thay đổi ở các vùng. Chúng ta khẳng định theo lời Bác Hồ : "Củng cố gia đình là củng cố hạt nhân của xã hội ; gia đình tốt đẹp có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế xã hội, của đất nước". Gia đình tốt là yếu tố bảo đảm dân giàu nước mạnh, bảo đảm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng của đất nước, bảo đảm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, và cũng là yếu tố giữ cho xã hội lành mạnh. Nhiều nghị quyết của Đảng đã nêu nhiệm vụ : "Lành mạnh hóa các quan hệ xã hội", thì chính gia đình đóng vai trò rất quyết định trong vấn đề này. Thực tế là, chỉ khi nào xây dựng được gia đình Việt nam lành mạnh, phát triển bền vững thì mới thật sự ngăn chặn được, khắc phục được các tệ nạn xã hội đang là mối nguy cơ lớn ở đất nước chúng ta .

Gia đình là một đơn vị của xã hội, là tế bào của xã hội, là hạt nhân của xã hội, nhưng gia đình lại là nơi tập hợp nhiều thế hệ, nhiều tính cách, nhiều trình độ và nhiều loại nghề nghiệp khác nhau. Gia đình là một đơn vị gắn bó rất chặt chẽ, nhưng cấu tạo bên trong của nó có nhiều sự khác nhau. Cần phải chú ý điều này khi giải quyết các vấn đề về gia đình.

Tôi thấy cần suy nghĩ thêm về quan niệm : gia đình trong nền văn minh nông nghiệp, trong nền văn minh công nghiệp và nền văn minh hậu công nghiệp. Về sự phân loại các nền văn minh trong lịch sử phát triển nhân loại, hiện còn đang thảo luận. Đặt nước ta hiện nay ở vào thời kỳ văn minh nào, văn minh nông nghiệp hay văn minh công nghiệp, đó là điều còn phải suy nghĩ thêm. Nhưng điều chắc chắn là : có nền văn minh phương Đông, và có thể có nền văn minh Đông - Nam châu Á. Ta đã thấy Nhật bản và Mỹ đều là hai nước công nghiệp phát triển cao, nếu gọi là "hậu công nghiệp" thì hai nước này đều thuộc "hậu công nghiệp", nhưng gia đình ở hai nước này rất khác nhau. Qua bộ phim "Ô-sin", chúng ta thấy gia đình Nhật bản, nền văn hóa Nhật bản khác rất nhiều với nền văn hóa của Mỹ, gia đình của Mỹ.

Về thực trạng gia đình Việt nam hiện nay, cần phải phân tích rõ về những diễn biến mới trong mối quan hệ giữa gia đình và xã hội ; về tác động của cơ chế thị trường và chính sách mở cửa đối với gia đình Việt nam. Nhưng tác động thế nào ? Tác động xấu nhiều hơn hay là tốt nhiều hơn ? Cuộc sống gia đình bây giờ rõ ràng là ấm no hơn cách đây 7-8 năm về trước, đầy đủ hơn về mặt vật chất và văn minh hơn. Chúng ta cũng thấy rõ là có những tiến bộ về tính năng động, sáng tạo, chủ động trong cuộc sống, có tiến bộ về trình độ kiến thức, về cung cách làm ăn. Nhưng cơ chế thị trường đã đem lại những tiến bộ gì về mặt ý thức, về tâm hồn, đạo đức và về mối quan hệ nội bộ trong các gia đình ? Có ý kiến cho là bình đẳng hơn, dân chủ hơn. Có ý kiến nêu khá đậm nét những tác động không tốt của cơ chế thị trường đối với gia đình về phương diện tâm hồn, đạo đức, nhấn mạnh đến sự giảm sút về vai trò giáo dục của gia đình. Theo ý tôi, sự giảm sút về vai trò giáo dục của gia đình tuy hiện nay chưa đánh giá được là nhiều ít đến đâu nhưng đúng là một nguyên nhân đem lại biết bao hậu quả tai hại cho xã hội. Sự giảm sút này ở nông thôn có lẽ chưa nhiều, còn ở đô thị thì giảm sút rõ nét hơn. Ở nhiều

Digitized by Google

gia đình, kể cả một số gia đình cán bộ, đảng viên, tình trạng cha mẹ thiếu gương mẫu, làm ăn bất chính, gia đình lủng củng, thậm chí đổ vỡ, đã làm cho trẻ em chán nản, thất vọng, đi đến hư hỏng là có thật. Tệ nạn xã hội tăng cũng có một lý do là gia đình đã không chủ động ngăn chặn và không có tác dụng ngăn chặn. Trong gia đình có đối tượng rất cần được chăm sóc chu đáo là trẻ em. Một đối tượng nữa là ông bà già, cha mẹ già cũng phải được chăm sóc chu đáo về cả vật chất và tinh thần.

Có người nhận xét : "Sự ổn định của hôn nhân và gia đình Việt nam đang bị đe dọa". Tôi thấy vấn đề này cần được đi sâu khảo sát, đánh giá phân tích thêm cho rõ. Đầu óc đặt đồng tiền lên trên hết, ảnh hưởng của lối sống Âu Mỹ, dẫn đến tình cảm gia đình bị giảm sút. Quan sát ở một số trường hợp thấy là có thật. Nhưng đánh giá tổng quát như thế nào, thực trạng nghiêm trọng đến mức nào, cần phải tiếp tục nghiên cứu thêm. Có tài liệu cho biết hiện nay có khoảng 55% tổng số gia đình Việt nam sống ở mức dưới trung bình. Thế nào là mức sống trung bình, thì còn phải xác định. Nhưng phải thừa nhận là đời sống vật chất của đại đa số nhân dân ta đã khá hơn trước, trong khi đó đời sống tinh thần, các quan hệ tình cảm và đạo đức trong gia đình có mặt lại giảm sút, có phải như vậy không ? Vậy thì gia đình Việt nam bây giờ hạnh phúc hơn hay kém hạnh phúc so với cách đây 10 năm ? Nếu so với thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, những năm đầu Cách mạng Tháng Tám, khi đó đời sống nhân dân hết sức khó khăn, thì không biết lúc nào hạnh phúc hơn.

*
* *

Về các chuẩn mực của gia đình Việt nam. Trước hết, chúng ta xây dựng gia đình Việt nam mang tính chất gì ? Có hai cách nói : *một là*, gia đình hiện đại mang bản sắc Việt nam ; *hai là*, gia đình văn hóa Việt nam. Tùy theo quan niệm và cách trình bày của mỗi người, có thể nêu ra rất nhiều điểm, nhưng nhất định phải xoay quanh một số yếu tố bắt buộc phải có. Theo ý tôi, đó là :

+ Gia đình *no ấm*. Nhất thiết phải xây dựng đời sống no ấm của các gia đình, của mọi gia đình. Chiến lược kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta đề ra đến năm 2000 có mức thu nhập 450 đô la bình quân đầu người, như vậy đã được chưa hay phải nhiều hơn mới là no ấm ? Mà trong thực tế, phấn đấu đạt mục tiêu đó không phải dễ dàng. Ở nông thôn bây giờ, trừ một số vùng khó khăn, nhân dân ta đã phấn khởi, nhiều gia đình thấy sống được rồi, no ấm rồi. Cần phải cụ thể hóa yêu cầu về no ấm. Đời sống không chỉ có ăn với mặc, mà còn xe, nhà, bàn ghế, giường tủ, đài thu thanh, thu hình, còn nhiều thứ lắm.

+ Gia đình *bình đẳng*. Trong một gia đình Việt nam ta, có nhiều thế hệ, có quan hệ cha mẹ và con, ông bà và cháu, anh chị em ; bình đẳng là nói về quan hệ giữa vợ và chồng, và cũng có thể nói giữa các thành viên nam và thành viên nữ trong gia đình. Bố mẹ đối xử bình đẳng với con gái và con trai, chưa kể bình đẳng trước pháp luật. Còn về "gia đình dân chủ" thì phải suy nghĩ thêm. Không biết là có quan niệm dân chủ trong quan hệ gia đình không. Chúng ta chưa khẳng định nhưng cũng chưa thể bác bỏ ngay, bởi vì không khí dân chủ trong một xã hội dân chủ chắc chắn có ảnh hưởng tới cuộc sống gia đình. Nhưng dân chủ là một khái niệm về quan hệ giữa các công dân, giữa công dân với xã hội, với nhà nước, chứ dân chủ không phải là quan hệ giữa các thành viên của một gia đình.

+ Gia đình có *kỷ cương*, nền nếp. Gần đây có một vài đồng chí viết sách, báo có ý muốn quay trở lại kỷ cương Khổng Mạnh, Nho giáo. Lấy gia đình Việt nam ở đầu thế kỷ này làm mẫu cho gia đình Việt nam hiện đại có được không ? Không được ! Vậy bây giờ cần theo trật tự nào ? Thế nào là hiếu, là đễ ?

Con có phải nghe lời cha mẹ hay không ? Em có cần nghe lời anh chị hay không ? Nghe đến mức nào là đúng, là tốt, đến mức nào là giới hạn, vấn đề này cần phải nghiên cứu kỹ. Kỷ cương, nền nếp gia đình không thể thể chế hóa thành luật hay pháp lệnh để bắt buộc mọi người, mà phải hình thành một cách tự nhiên qua truyền thống, qua tác động của dư luận, có sự lãnh đạo, hướng dẫn của các tổ chức đảng, các đoàn thể, các cơ quan quản lý, các nhà khoa học, ... để trở thành nền nếp của cả

Digitized by Google

cộng đồng, trở thành cái chung của mọi gia đình.

+ Gia đình *hòa thuận*. Hòa thuận là chuẩn mực của một gia đình tốt, nhưng hòa thuận trên cơ sở nào ? Trong lòng bất bình, khó chịu, nhưng vẫn nhẫn nhục, nhường nhịn để tránh đổ vỡ, tránh mang tiếng, như thế không phải là hòa thuận. Có những gia đình ở nhà đẹp, đời sống khá giả, nhìn bên ngoài thấy rất vui tươi, nhưng trong nhà thì lục đục ngầm với nhau, như thế cũng không phải là hòa thuận. Một gia đình chỉ được gọi là hòa thuận khi các thành viên trong gia đình đó thật sự đồng cảm, nhất trí, tin yêu nhau, quý trọng nhau và thống nhất quan niệm về cuộc sống trong gia đình.

+ Gia đình *tiến bộ* cũng là một chuẩn mực. Nhưng thế nào là tiến bộ ? Có yêu cầu tiến bộ về ý thức chính trị, ý thức xã hội không ? Tiến bộ về lối sống thế nào ? Tiến bộ theo kiểu nào, theo hướng nào ?

Chúng ta mong muốn các gia đình có *hạnh phúc*. Nhưng hạnh phúc là tổng hòa các yếu tố nói trên. Hạnh phúc không phải là một yếu tố riêng.

Nghị quyết của Bộ chính trị đã nêu : Gia đình ấm no - bình đẳng - tiến bộ - hạnh phúc. Chúng ta dựa vào định hướng ấy để bàn cụ thể về chuẩn mực gia đình Việt nam . Trong khi giải thích, hay trong thảo luận có thể *thêm* yếu tố *hòa thuận*, bởi vì cũng có văn kiện của Đảng nói : ấm no - hòa thuận và tiến bộ.

Cuộc sống gia đình rất đa dạng, không thể gò ép vào những tiêu chuẩn quá chi tiết. Nhưng dù đa dạng đến đâu, tất cả các gia đình Việt nam đều phải có những chuẩn mực chung, để từ đó có thể đánh giá thế nào là tốt, thế nào là xấu. Các nhà khoa học, các cơ quan có trách nhiệm cần tiếp tục nghiên cứu thêm để đi tới kết luận rõ hơn về các yếu tố chuẩn mực của gia đình Việt Nam. Các cơ quan báo chí, các cơ quan khoa học tiếp tục có những cuộc thảo luận, có những bài luận bàn thêm về vấn đề này.

Về các chính sách, cần xây dựng một chiến lược quốc gia về phát triển gia đình Việt nam ; không nên coi đây chỉ là một vấn đề văn hóa, xã hội. Nhưng xây dựng chiến lược quốc gia về gia đình như thế nào ? Theo ý tôi, các mục tiêu, chính sách về gia đình phải nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Ủy ban kế hoạch nhà nước cần nghiên cứu để bổ sung vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta những nội dung về gia đình. Bởi vì, muốn phat triển kinh tế - xã hội bền vững thì phải có yếu tố gia đình lành mạnh và bền vững. Tác động của gia đình vào xã hội, cũng như những tác động của xã hội vào gia đình, đều phải đặt trong chiến lược tổng thể kinh tế - xã hội của đất nước. Chúng ta cố gắng có những ý kiến góp vào công việc này. Chính phủ sẽ bàn với các cơ quan có trách nhiệm xem xét bổ sung vấn đề gia đình vào chiến lược chung cho thích hợp.

Sau khi bàn những vấn đề chung, phải đi tới những chính sách và biện pháp cụ thể nhằm tác động một cách thiết thực đến sự phát triển gia đình. Cần phân tích những chính sách hiện có của Nhà nước, xem chính sách nào đang có ảnh hưởng tốt tới gia đình và chính sách nào có ảnh hưởng không tốt tới gia đình, trên cơ sở ấy kiến nghị bổ sung, sửa đổi những điều cần thiết. Ví dụ , chính sách tạo thêm việc làm, tạo ra nghề mới nhằm giảm số người thất nghiệp. Chúng ta thử xem trong chính sách này có những vấn đề gì phải bổ sung. Việc tạo nghề cho thanh niên không chỉ là tổ chức các trường lớp dạy nghề, mà còn là khuyến khích, tạo điều kiện để các gia đình có nghề tự truyền thụ nghề cho con cháu. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các xã, phường, các gia đình mở mang ngành nghề, khuyến khích các gia đình truyền nghề cho con em. Những người làm cha làm mẹ bao giờ cũng lo cho tương lai con em mình. Họ biết rõ rằng chỉ khi nào con người có nghề nghiệp vững chắc thì mới có cuộc sống no ấm và mới được bảo đảm về phẩm giá. Phẩm giá con người thể hiện trước hết ở khả năng lao động có chất lượng, có năng suất cao, để tự nuôi sống mình và đóng góp vào sự phát triển xã hội.

Về vấn đề nghề nghiệp, tôi thấy xã hội ta nên có một thái độ mới đối với những người phụ nữ làm nội trợ gia đình. Người phụ nữ làm nội trợ là làm những công việc vất vả và

Digitized by Google

hữu ích cho gia đình và xã hội, là thực hiện sự phân công lao động, chứ không phải là thất nghiệp, không phải là ăn bám người chồng. Biết bao người đàn ông làm nên sự nghiệp chính là nhờ những người vợ chăm chỉ, đảm đang đã gánh vác việc nhà trông nom con cái để người chồng hoạt động xã hội. Đã coi làm nội trợ là một loại công việc hữu ích thì phải có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, kể cả việc trông cháu nhỏ, con nhỏ trong gia đình.

Cần có chính sách tạo điều kiện nâng cao mức hưởng thụ của các gia đình về văn hóa, giáo dục, y tế, đồng thời phát huy khả năng của các gia đình trong việc giáo dục, chăm sóc sức khỏe và phát triển văn hóa. Ngành y tế cần xây dựng một hệ thống chăm sóc sức khỏe đến từng gia đình và hướng dẫn tổ chức lập tủ thuốc gia đình. Cần có những chính sách khuyến khích, thúc đẩy ông, bà, cha, mẹ, anh, chị dạy thêm, hỗ trợ thêm cho con em học tập ở nhà. Chú ý xem xét các chính sách, chế độ đối với cán bộ, nhân viên, làm sao để người vợ không phải xa chồng hoặc chồng không phải xa vợ quá nhiều, do những loại việc không thật cần thiết phải như vậy. Khi bố trí công tác, điều động cán bộ, cần tạo điều kiện cho cán bộ có thể trông nom con cái, chăm sóc gia đình. Tất nhiên, đối với lực lượng vũ trang thì khác.

Về hỗ trợ những đối tượng khó khăn, Nhà nước ta đã có khá nhiều chính sách cụ thể, cần tiếp tục bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với điều kiện và khả năng hiện nay. Nhưng không nên đồng nhất các chính sách đối với nhân dân nói chung với các chính sách tác động vào gia đình. Ví dụ chăm lo cho người tàn tật, Nhà nước ta có nhiều chính sách, có các chương trình cụ thể do các cơ quan nhà nước, các đoàn thể thực hiện, nhưng phải tổ chức cụ thể như thế nào. Cần phải có cách làm thích hợp, có cơ chế thích hợp, để phát huy vai trò của gia đình trong việc này, để từng gia đình có người thân bị tàn tật có thể góp sức cùng nhà nước, cùng xã hội chăm sóc người tàn tật ngay tại gia đình, coi đó là công việc của bản thân gia đình, đồng thời cũng là một nghĩa vụ xã hội.

I*- NĂM QUỐC TẾ VỀ KHOAN DUNG

SAU gần 4 năm chuẩn bị theo ý kiến đề xuất của UNESCO, vừa qua Liên hợp quốc đã chính thức quyết định lấy năm 1995 là *Năm quốc tế về khoan dung*. Dự kiến vào dịp cuối năm nay, một bản Tuyên bố của Liên hợp quốc về khoan dung, sẽ được chính thức thông qua và công bố trước toàn thể loài người. Nội dung của bản Tuyên bố ** có mấy điểm đáng chú ý :

Một là, việc thực hiện tinh thần khoan dung là một yêu cầu bức xúc của tình hình thế giới ngày nay nhằm góp phần vào việc củng cố an ninh quốc tế, an ninh của các quốc gia và an toàn cho cuộc sống của những con người lương thiện trước tình trạng nghèo khổ, bạo lực, khủng bố và phá hoại môi sinh đang có xu hướng gia tăng.

Hai là, sự khoan dung không đòi hỏi mỗi người, mỗi cộng đồng từ bỏ niềm tin riêng của mình, nhưng cũng không được kỳ thị, miệt thị và đi đến tổ chức những mô hình hoạt động loại trừ những niềm tin khác.

Ba là, sự khoan dung, tuy không giải quyết được tất cả các vấn đề của thế giới ngày nay, nhưng nó có thể giúp chúng ta tìm cách xử trí những vấn đề ấy theo một tinh thần cởi mở, tiến bộ và hòa bình.

Bốn là, tinh thần khoan dung phải được xây dựng, cổ vũ, khuyến khích bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhất là bằng giáo dục và truyền thông.

Điều cần nhấn mạnh ở bản Tuyên bố này là : "Mọi lời khẩn cầu về sự khoan dung sẽ chỉ là tờ giấy chết chừng nào việc đại diện công bằng cho tất cả còn chưa được bảo đảm ở cả cấp độ quốc gia cũng như quốc tế... Do đó, chúng ta phải mở những con đường dẫn tới các hình thức đoàn kết mới và những cơ hội cho tới nay vẫn chưa được khai thác về lời nói và việc làm. Khoan dung phải là tên gọi mới của hòa bình"(1)

Ngày 21-2-1995, trong bài phát biểu nhân lễ phát động *Năm quốc tế về khoan dung*, Tổng giám đốc UNESCO Phê-đê-ri-cô May-o nhấn mạnh : "Trong quá khứ, phi khoan dung đã dẫn đến sự cuồng tín, chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Ngày nay, hiện tượng này vẫn đang tồn

---

* Giáo sư, Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

** Đến nay còn là bản dự thảo do một nhóm chuyên gia quốc tế về luật học, triết học, xã hội học cùng một số nhà hoạt động tôn giáo soạn từ tháng 4-1993, tại I-xtan-bun (Thổ nhĩ kỳ)

(1) UNESCO : Draft Declaration on Tolerance

Digitized by Google

NĂM QUỐC TẾ VỀ KHOAN DUNG
VÀ TINH THẦN KHOAN DUNG VIỆT NAM - HỒ CHÍ MINH

PHẠM XUÂN NAM*

tại"[2]. Vì vậy, "giáo dục về khoan dung chính là việc đầu tư tốt nhất mà chúng ta có thể làm vì nền an ninh của chính chúng ta trong tương lai"[3].

Cũng trong dịp này, Tổng thư ký Liên hợp quốc Bu-tơ-rốt Ga-li đã kêu gọi : "Nâng cao hơn nữa lòng khoan dung là nhiệm vụ của tất cả chúng ta. Một sự cam kết đối với khoan dung là mang tính sống còn đối với sự tồn tại của nhân loại. Chúng ta đã chứng kiến nhiều nỗi khổ đau là hậu quả của sự không khoan dung. Chúng ta đều biết rằng, khoan dung là điều kiện tiên quyết cho một thế giới mà chúng ta mong mỏi. Đó là thế giới của phồn vinh và hòa bình"[4].

Theo tinh thần đó, tất cả các nước thành viên, đặc biệt là những người có trách nhiệm quyết định chính sách của các quốc gia, phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ quan trọng :

Một là, đề ra những ưu tiên mới, *vạch ra chiến lược mới* để phân bố một cách công minh và hợp lý hơn cả về kiến thức, công nghệ và các nguồn lực giữa các tầng lớp xã hội, các vùng và các khu vực khác nhau.

Hai là, phát triển và phổ biến rộng rãi một nền *văn hóa hòa bình* dựa trên cơ sở tôn trọng tự do, dân chủ, công bằng, bình đẳng, đoàn kết và khoan dung.

UNESCO xem việc truyền bá rộng rãi và khuyến khích việc thực hiện *tinh thần khoan dung* giữa con người với con người, nhất là giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, là sứ mạng đạo đức cao cả của mình.

Như vậy, *Năm quốc tế về khoan dung* do Liên hợp quốc và UNESCO phát động là một ý tưởng tốt đẹp nhằm góp phần giải quyết hòa bình các cuộc xung đột, giảm bớt sự nghèo khổ, tình trạng bạo lực, khủng bố, tội phạm và phá hoại môi trường. Nhưng ý nghĩa của vấn đề không phải chỉ ở những tuyên bố bằng lời nói, mà quan trọng hơn, phải là những hành động cụ thể, biến tinh thần khoan dung chân chính trở thành nếp nghĩ, nếp sống của mọi thành viên xã hội. Đối với nước ta, hưởng ứng *Năm quốc tế về khoan dung* với những nội dung và hình thức hoạt động thích hợp, với quan điểm của ta là nhằm góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh ; qua đây cũng là dịp để hội nhập với cộng đồng các nước trên thế giới, làm cho nhân dân các nước hiểu rõ hơn về những giá trị văn hóa truyền thống Việt nam, trong đó có tinh thần khoan dung mang nội dung nhân bản sâu sắc.

II - TINH THẦN KHOAN DUNG*** VIỆT NAM - HỒ CHÍ MINH

1. Nhìn lại lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt nam , có thể thấy, bên cạnh nhiều giá trị cơ bản khác, tinh thần khoan dung (theo nghĩa chân chính của từ này) có một vị trí quan trọng trong bảng thang giá trị. Dĩ nhiên, khoan dung không phải là một đức tính thiên bẩm. Nó đã được sản sinh, rèn đúc nên cùng với quá trình phấn đấu lâu dài của dân tộc để sinh tồn và phát triển trong những điều kiện tự nhiên, lịch sử, xã hội cụ thể, đặc thù.

Cuộc đấu tranh kiên trì qua nhiều thế kỷ của tổ tiên ta trong quá trình khắc phục những trở ngại của thiên nhiên để tạo nên nền "văn minh lúa nước sông Hồng" đã là nhân tố rất quan trọng từ rất sớm thúc đẩy 15 bộ lạc Âu Việt và Lạc Việt hợp nhất lại thành nước Văn Lang, mà không phải trải qua những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, như nhiều nơi khác trên thế giới. Đó cũng là nhân tố tạo nên nền móng đầu tiên của tâm hồn, đạo lý, phong tục, tập quán, lối sống của người Việt nam với ý nghĩa : đồng bào cả nước đều coi nhau như anh em trong một đại gia đình, chung một ông Tổ Vua Hùng và được sinh ra từ "cùng một bọc trứng" của bà mẹ Âu Cơ. Ý thức hướng về cội nguồn, thờ phụng và biết ơn những người có công dựng nước là một nét đẹp trong cách ứng xử có từ xa xưa của cộng đồng dân tộc Việt nam..

(2) (3) Bản dịch của Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt nam

(4) Bản dịch của Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt nam

*** UNESCO thừa nhận rằng, hiểu theo nghĩa thông thường, thuật ngữ *tolerance* (có thể dịch ra tiếng Việt là *khoan dung, bao dung* hay *độ lượng*) không chứa đựng hết nội hàm của từ này. Do đó, cần sử dụng khái niệm này với đầy đủ nội dung khoa học của nó như đã nói ở trên

Digitized by Google

Bên cạnh công cuộc lao động vĩ đại để dựng nước, ông cha chúng ta cũng đã nhiều phen phải đương đầu với các thế lực ngoại xâm thường có quân đông và vũ khí mạnh hơn gấp nhiều lần. Muốn sống còn, dân tộc ta không có con đường nào khác là phải liên kết chặt chẽ thành một khối, không phân biệt gái trai, trẻ già, các thành phần dân tộc, các tầng lớp xã hội khác nhau, với tình thương và lòng khoan dung, tất cả vì nghĩa lớn : *độc lập của Tổ quốc và cuộc sống yên vui của đồng bào.*

Cũng giống như nhiều dân tộc khác trên thế giới, dân tộc ta đã không chỉ sống bằng những giá trị thuần túy của riêng mình. Nằm ở một trong những đầu mối lớn các con đường giao lưu của khu vực và thế giới, trong mấy ngàn năm, Việt nam đã trải qua nhiều cuộc tiếp xúc và tiếp biến văn hóa. Song điều kỳ diệu là dân tộc ta không những vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình, mà còn làm cho nó trở nên giàu thêm, đẹp thêm.

Lịch sử đã chứng minh sau khi thoát khỏi ách đô hộ trên 10 thế kỷ của phong kiến Trung hoa, dân tộc ta bước vào thời kỳ xây dựng nền văn minh Đại Việt. Phật giáo được tôn lên thành quốc giáo, nhưng từ triều đình trung ương đến các làng xã đều không có tinh thần kỳ thị đối với các tôn giáo khác.

Cuối thế kỷ XI, vua nhà Lý tổ chức khoa thi "tam giáo đồng nguyên" đầu tiên để chọn người tài trong cả Nho, Phật, Lão. Thật hiếm có nơi nào trên thế giới các tôn giáo, các niềm tin khác nhau lại chung sống hòa hợp như ở Việt nam[5].

Chính sách của nhiều minh quân trong nhiều thời kỳ khác nhau đối với các dân tộc thiểu số anh em ở các vùng biên viễn cũng rất khoan hòa, độ lượng, nhằm giữ vững ổn định xã hội, cùng nhau phát triển kinh tế, văn hóa làm cho nền văn minh Đại Việt trở nên rực rỡ một thời.

Trong giai đoạn đất nước có ngoại xâm, kẻ thù có thể "thui dân đen trên lò bạo ngược, hãm con đỏ dưới hố tai ương", "thần người đều căm giận, trời đất chẳng dung tha". Nhưng đến khi chúng đã bị đánh b i, "theo nhau giải giáp để ra hàng", thì "ta thể lòng trời để tỏ hiếu sinh", thể hiện bản chất nhân đạo và tầm nhìn chiến lược sâu xa của ông cha ta nghĩ về kế lâu dài của nhà nước.

2. Vậy là tinh thần khoan dung đã trở thành truyền thống quý báu của dân tộc và sau này đã được Hồ Chí Minh danh nhân văn hóa, lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt nam - kế thừa, phát triển và ân dụng hết sức nhuần nhuyễn để phục vụ cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc giữa thế kỷ XX này.

Nếu nội dung cơ bản của khái niệm khoan dung là biết đánh giá, tiếp nhận những giá trị nhân bản của các nền văn hóa khác để làm giàu cho bản sắc văn hóa của mình, thì lời nói sau đây của Hồ Chí Minh khi trả lời các nhà báo nước ngoài có thể xem là một biểu đạt điển hình :

"Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng bác ái. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước chúng tôi. Khổng Tử, Giêsu, C.Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao ? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu họ còn sống trên đời này và họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"[7].

Đối với Hồ Chí Minh có một nguyên tắc cơ bản bất di bất dịch : đó là độc lập của Tổ quốc, chủ quyền của quốc gia, tự do hạnh phúc của đồng bào. Vi phạm nguyên tắc ấy, sẽ không còn là sự khoan dung chân chính và tích cực nữa, mà có thể rơi vào trạng thái tiêu cực, thụ động, đi đến chỗ lẫn lộn phải trái, đảo ngược trắng đen.

Không phải ngẫu nhiên, trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 sau khi trích dẫn Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Mỹ, Hồ Chí Minh đã "suy rộng ta" để khẳng định mạnh mẽ : "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[8]. Người còn trích dẫn Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 và thừa nhận : "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được". Liền sau đấy, Người dõng dạc lên án : "Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa" [9].

---

(5) Sau này, có nơi có lúc bọn thực dân đế quốc đã tìm mọi cách kích động chia rẽ giữa công giáo và lương giáo để thực hiện dã tâm xâm lược và thống trị của chúng. Nhưng mọi âm mưu và hành động đó cuối cùng đều thất bại trước truyền thống đoàn kết rộng rãi của dân tộc ta.

(6) Xem Nguyễn Trãi *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1969, tr 63, 64, 67

(7) Trần Dân Tiên *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức (*Hồ Chí Minh truyện*), Nxb Tân liên Thượng hải tháng 6-1949, tr 91

(8) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4 tr 1

(9) Hồ Chí Minh *Sđd*, t 4, tr 1

Digitized by Google

Trong Thư gửi đồng bào Nam bộ ngày 31-5-1946, Hồ Chí Minh đã viết : "Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang" [10].

Tư tưởng đại đoàn kết hàm chứa đức khoan dung cao cả của Hồ Chí Minh không dừng lại ở những lời khuyên hay những lời kêu gọi, mà thật sự thấm sâu vào các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với tù, hàng binh trong chiến tranh và hàng loạt các chính sách xã hội khác của Đảng và Nhà nước ta.

Trong quan hệ dân tộc, Hồ Chí Minh nói : "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia-rai hay Ê-đê, Xê-đăng hay Ba-na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau"[11]. Người động viên đồng bào cả nước cùng xây dựng cuộc sống mới : "làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ, người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước"[12].

Trong chính sách đối với cán bộ, Hồ Chí Minh nhắc nhở : "...Phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi. Phải có tinh thần rộng rãi mới có thể gần gụi những người mình không ưa" [13]. Nhưng đồng thời cũng không được "bao dung, che chở, bảo hộ" cho những người "làm bậy".

Phân tích ý nghĩa và tác dụng to lớn của đức khoan dung Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có dịp viết : Nước Việt nam cũng như các nước trên thế giới, có người giàu kẻ nghèo, có tôn giáo, dân tộc khác nhau, nhưng nước Việt nam ngày nay không có hiện tượng tôn giáo xung đột, dân tộc cừu thù. Được thế, không những chỉ vì chính sách chủ trương của Hồ Chủ tịch thích hợp với ý nguyện của dân tộc, mà còn vì lòng Hồ Chủ tịch rộng như biển cả, bao dung, cảm hóa tất cả mọi người, dìu dắt mọi người đoàn kết chiến đấu. [14]

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ngày nay, bên cạnh nhiều yếu tố khác, Đảng cộng sản và Nhà nước Việt nam chủ trương phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có đức khoan dung, để làm tốt hơn nữa những nhiệm vụ còn rất khó khăn, nặng nề.

Về *chính trị*, chúng ta kiên trì mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài, "cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân"[15].

Về *kinh tế*, tiếp tục phát triển nền kinh tế đa sở hữu, ra sức huy động rộng rãi các tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu "ích nước, lợi nhà". Tất cả các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật.

Về *xã hội*, làm tốt hơn nữa việc giáo dục lòng nhân ái, vị tha, ý thức cộng đồng, tương thân tương ái hòa hợp... trong từng gia đình, làng xóm, phố phường, trường học, đơn vị, cơ quan... để xây dựng những quan hệ tốt đẹp giữa con người và con người, góp phần giảm bớt các hành vi thô bạo, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Đồng thời phải giáo dục cho mọi người ý thức tôn trọng pháp luật ; không thể nhân danh lòng khoan dung để biện hộ cho những kẻ phạm tội.

Về *văn hóa*, ra sức giữ gìn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, đồng thời mở rộng tầm nhìn, lựa chọn tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, cả văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây, để làm giàu thêm, đẹp thêm hương sắc của văn hóa Việt nam. Chúng ta không hẹp hòi, kỳ thị để tự giam hãm mình trong tính riêng biệt văn hóa, nhưng cũng không tiếp nhận xô bồ mọi thứ gọi là "mới lạ" của văn hóa ngoại lai, dẫn đến lai căng, mất gốc.

Về *đối ngoại*, nhất quán thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ giao lưu hợp tác với bên ngoài theo tinh thần "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

---

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 139-140

(11) (12) (13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 126, 287, 499

(14) Xem Phạm Văn Đồng : *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1967, tr 11

(15) Nghị quyết Bộ chính trị "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất", báo *Nhân dân*, 18-11-1993

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

ĐẶNG XUÂN KỲ *

Từ chủ nghĩa yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc. Chính Hồ Chí Minh đã khẳng định điều đó. Việc đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin bắt đầu từ lúc Người phát hiện ra "cái cần thiết cho chúng ta ", "con đường giải phóng chúng ta " trong luận điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, mà Người được đọc vào tháng 7-1920.

Điều gì đã làm Hồ Chí Minh tin theo Lê-nin và chủ nghĩa Mác - Lê-nin ? Chính vì Người đã tìm thấy ở Lê-nin, ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin câu trả lời bức thiết nhất cho cả dân tộc Việt nam khi bước vào thế kỷ XX : làm thế nào có thể giành được độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho mỗi con người? Có nhiều nhà yêu nước Việt nam đã hy sinh cả cuộc đời mình mà vẫn không tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc. Suốt 10 năm tìm đường, Hồ Chí Minh đã đi qua bốn châu : Á, Âu, Phi, Mỹ, đã khảo sát nhiều nước thuộc địa, đã tìm hiểu cả ba nước tư bản phát triển nhất thời kỳ đó là Mỹ, Anh, Pháp, với những cuộc cách mạng tư sản điển hình, đã tiếp xúc với nhiều lớp người, nhiều tư tưởng, học thuyết, nhưng tất cả đều không đem lại lời giải đáp cho cách mạng Việt nam. Chỉ có Lê-nin và Quốc tế cộng sản là ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, mở ra con đường đi lên của các dân tộc thuộc địa. Chỉ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học thuyết cách mạng nhất, đúng đắn nhất, chân chính nhất, vạch đường cho sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin "như người đi đường đang khát tìm được nước uống", như bước ra khỏi đêm đen dày đặc để thấy được ánh sáng mặt trời.

Vậy là : *xuất phát từ đòi hỏi giải phóng dân tộc, xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước để đi đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đó là đặc điểm của Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước*. Từ đó Người không phải chỉ là một nhà yêu nước vĩ đại, mà còn là một nhà hoạt động lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế, một nhà mác xít - lê nin nít chân chính, được thế giới thừa nhận.

Nhưng đi đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới chỉ là bước đầu, dù đó là điều rất quyết định. Làm sao hiểu được đúng, nắm được vững những luận điểm lý luận và phương pháp luận của học thuyết cách mạng và khoa học ấy để vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh của từng nước, vào điều kiện cụ thể của từng cuộc cách mạng, đấy là vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Còn việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm cho học thuyết của các ông ngày càng phong phú hơn, có sức sống mạnh mẽ hơn trong tiến trình đi lên của các dân tộc và của nhân loại thì lại càng khó khăn hơn. Ở đây cần có những trí tuệ lớn, những người kế tục xứng đáng sự nghiệp của các ông. Thực tiễn phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra trong thế kỷ XX với những thành bại, những đảo lộn không lường hết được đã chứng thực điều đó.

Hồ Chí Minh là một trong số những nhà cách mạng kiệt xuất ở thế kỷ XX đã vận dụng thành công chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc mình, đưa cách mạng Việt nam đến những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, hơn nữa còn có ý nghĩa thời đại rất to lớn. Nói một cách tổng quát nhất, đó là thắng lợi hoàn toàn và triệt để của cách mạng thuộc

* GS triết học, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

địa, cách mạng giải phóng dân tộc (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) và bước đầu khai phá con đường đưa một nước nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội - xây dựng một xã hội mới trong đó nước được độc lập, nhân dân được tự do, mọi người được ấm no hạnh phúc. Đó chính là sự nghiệp "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh", mục tiêu bao quát nhất của công cuộc đổi mới mà Đảng ta đã nêu ra cho giai đoạn cách mạng hiện nay. Thông qua toàn bộ những hoạt động lý luận và thực tiễn cách mạng trong suốt cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin trên nhiều lĩnh vực với những luận điểm hết sức quan trọng.

Không thể nói hết được những gì Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, nhất là những gì Người đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin trong một bài viết ngắn. Việc đó phải dành cho những công trình nghiên cứu lớn, được tiến hành công phu, lâu dài. Ở đây chỉ xin đề cập đến **một số tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh**, thể hiện tinh thần sáng tạo của một nhà cách mạng sáng tạo, đã đóng góp làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà giá trị của những đóng góp sáng tạo ấy đã được thời gian kiểm nghiệm và vẫn đang có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp của dân tộc, với thời đại.

Một là, *luận điểm con đường giải phóng dân tộc phải là con đường cách mạng vô sản, bằng việc tiến hành hai cuộc cách mạng nối tiếp nhau - cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.* Chỉ có như vậy dân tộc, xã hội và con người mới được giải phóng hoàn toàn và triệt để. Đó là tư tưởng : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội". Tư tưởng này là tư tưởng trung tâm, xuyên suốt toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực, trong mọi thời kỳ cách mạng.

Hai là, *những luận điểm nổi tiếng về cách mạng thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc :* chủ nghĩa đế quốc như con đỉa hai vòi, một vòi ở chính quốc, một vòi bám vào thuộc địa, muốn đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phải chặt cả hai vòi của nó ; cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa như hai cánh của một con chim, phải thực hiện được sự liên minh chiến đấu giữa vô sản ở chính quốc với vô sản và nhân dân các thuộc địa ; phải xóa bỏ thuộc địa trước, cách mạng thuộc địa không nhất thiết phải chờ đợi, phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, mà phải chủ động, đem sức ta mà giải phóng cho ta, cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước, từ đó giúp cho cách mạng vô sản ở chính quốc giành thắng lợi.

Ba là, *những luận điểm về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội :* chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh, mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng tự do. Xã hội xã hội chủ nghĩa do nhân dân lao động làm chủ, không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Đó là một xã hội mà sự phát triển kinh tế phải gắn với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hóa của nhân dân. Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của quần chúng lao động, là sự nghiệp sáng tạo của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Muốn xây dựng được chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa - con người phát triển toàn diện cả về trí lực, thể lực, đạo đức và tinh thần.

Luận điểm về tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng trong khi đất nước còn tạm thời bị chia cắt : vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện có chiến tranh là hết sức độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bốn là, *những luận điểm về đảng cộng sản - nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng :* Đảng cộng sản Việt nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Là đảng của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, nhưng Đảng không phải chỉ đại biểu cho lợi ích của giai cấp mình, mà còn đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc, có khả năng đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết cả dân tộc trong cuộc đấu tranh chung. Theo ý nghĩa đó, có thể nói Đảng là Đảng của giai

Digitized by Google

cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Đảng là lực lượng lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng, nhưng sự lãnh đạo của Đảng không phải là sự áp đặt mà do nhân dân thừa nhận. Sức mạnh của Đảng một mặt là do Đảng phải thực sự là một tổ chức trong sạch vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; mặt khác là do gắn bó máu thịt với nhân dân. Nguồn gốc sâu xa tạo nên sức mạnh bền vững và vô tận của Đảng chính là ở đó. "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau", "Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" - đây là luận điểm mới mà Hồ Chí Minh đã đóng góp vào lý luận về đảng cộng sản.

Năm là, *tư tưởng về Mặt trận dân tộc thống nhất, về đại đoàn kết dân tộc.* Đây là tư tưởng chiến lược đã được Hồ Chí Minh đặt ra cho toàn bộ tiến trình cách mạng Việt nam , trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong xây dựng hòa bình. Đảng lãnh đạo, nhưng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng chỉ có thể làm tròn vai trò lãnh đạo của mình nếu biết tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, với những hình thức phù hợp, tổ chức nhân dân lại để tạo nên sức mạnh vô địch nhằm đánh thắng mọi kẻ thù chung, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.

Lấy liên minh công nông làm nền tảng, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm điểm quy tụ để bảo đảm có sự kết hợp hài hòa giữa các lợi ích, Mặt trận dân tộc thống nhất phải tập hợp được mọi tầng lớp và giai cấp, mọi tổ chức và cá nhân, mọi dân tộc và tôn giáo. Vừa đoàn kết vừa đấu tranh, "cầu đồng tồn dị", đoàn kết chân thành, lâu dài, giúp nhau cùng tiến bộ, cùng đóng góp tài sức vào sự nghiệp chung, chính là những nguyên tắc chủ yếu trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng vai trò của trí thức, tập hợp được đông đảo các nhân sĩ trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến và kiến quốc. Ngày nay Đảng ta đặt vấn đề xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, khối đoàn kết toàn dân cũng là theo tinh thần đó. "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Luận điểm này đã được thực hiện với những thắng lợi hết sức rực rỡ và đã trở thành một nhân tố hết sức quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt nam.

Sáu là, *để giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, bảo vệ những thành quả cách mạng và những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng đất nước, nhất thiết phải xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh.* Tư tưởng Hồ Chí Minh về các lực lượng vũ trang nhân dân nói riêng và về quân sự nói chung, là những đóng góp hết sức quan trọng vào học thuyết Mác - Lê-nin.

"Từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu", các lực lượng vũ trang phải được xây dựng từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều, với ba thứ quân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ. Mối quan hệ quân dân phải là mối quan hệ cá - nước. Tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh được thể hiện ở những luận điểm về xây dựng căn cứ địa cách mạng ; về khởi nghĩa toàn dân ; về chiến tranh nhân dân; về kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, vừa kháng chiến vừa kiến quốc ; về mối quan hệ giữa tiền tuyến và hậu phương ; về chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật quân sự ; về sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với các lực lượng vũ trang nhân dân v.v.. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo và phát triển bằng những luận điểm hết sức phong phú. Đây là điều bao trùm toàn bộ tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh. Tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh đã đưa tư tưởng quân sự của Việt nam lên tầm cao của thời đại.

Bảy là, *tư tưởng về chính quyền nhân dân.* Việc thành lập chính quyền nhân dân đã được Hồ Chí Minh nêu ra và thử nghiệm từ trước Cách mạng Tháng Tám ở Cao bằng và khu giải phóng. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Người đã sáng lập ra nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một *nhà nước của dân, do dân, vì dân* là tư tưởng quán xuyến trong toàn bộ công cuộc xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt nam trong suốt nửa thế kỷ vừa qua.

Digitized by Google

Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền, vấn đề nhà nước. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, xây dựng nhà nước kiểu mới. Hồ Chí Minh đã khẳng định ngay từ đầu : "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương đều do dân cử ra". Như vậy, vấn đề *của dân, do dân, vì dân* đã rất rõ ràng. Đảng lãnh đạo là nhằm xây dựng một nhà nước như vậy, Đảng không thể trao quyền lãnh đạo nhà nước cho bất cứ lực lượng nào khác đã không cùng với nhân dân đấu tranh để giành chính quyền, xây dựng nhà nước kiểu mới, càng không thể để chính quyền rơi vào tay những lực lượng chống lại nhân dân. Nhưng lãnh đạo có nghĩa là làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải làm "quan nhân dân" ; mọi cán bộ nhà nước đều phải là công bộc của dân. Tệ quan liêu, cửa quyền, "quan nhân dân", "quan cách mạng" là hoàn toàn xa lạ với tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới. Đó là những tệ nạn mà Người đã đòi hỏi phải đấu tranh để khắc phục, loại trừ trong suốt một phần tư thế kỷ Người giữ cương vị Chủ tịch nước.

Việc xây dựng một nhà nước kiểu mới như vậy là mang bản chất giai cấp công nhân, vì nhà nước do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân được quán triệt vào trong mọi lĩnh vực của nhà nước, từ xây dựng bộ máy đến cơ chế hoạt động, từ việc ban hành Hiến pháp, pháp luật đến các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, các chủ trương chính sách nhằm đem lại lợi ích cho nhân dân. Nhưng nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh lại mang tính nhân dân, tính dân tộc rất sâu sắc. Tất cả những vấn đề ấy hòa quyện với nhau, không thể phân cắt được.

Vấn đề pháp luật và đạo đức đều được Hồ Chí Minh coi trọng trong việc xây dựng nhà nước. Đề cao pháp luật để đưa mọi công dân và cả xã hội vào trật tự kỷ cương, nhưng giáo dục đạo đức lại nhằm nâng cao sự tự ý thức của mỗi người để tự giác thi hành pháp luật, xây dựng nhà nước kiểu mới, xây dựng xã hội mới. Đây là những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh vào lý luận về nhà nước và pháp luật của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tám là, *những đóng góp sáng tạo của Hồ Chí Minh vào kho tàng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đặc biệt nổi bật trong lĩnh vực phương pháp cách mạng.* Mọi người đều thấy Hồ Chí Minh là bậc thầy về phương pháp cách mạng. Đó là những hình thức, biện pháp, bước đi phù hợp với thực tiễn Việt nam trong từng giai đoạn, từng thời kỳ, từng lĩnh vực đấu tranh cách mạng. Đó là tinh thần "dĩ bất biến ứng vạn biến", sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp trong việc thực hiện những nhiệm vụ cách mạng đã đề ra. Trong khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, giải phóng và bảo vệ đất nước thì bao trùm nhất là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang của nhân dân, kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, lấy nhu thắng cương, nhân nhượng có nguyên tắc, một mặt tập hợp được lực lượng cách mạng, một mặt phân hóa cô lập được các thế lực thù địch để giành thắng lợi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, để đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đây chính là lĩnh vực còn phải dày công nghiên cứu hơn nữa.

Chín là, *luận điểm gắn cách mạng Việt nam với cách mạng thế giới, gắn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.* Người đã khẳng định : "Cách mệnh Việt nam cũng là một bộ phận của cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trên thế giới đều là đồng chí của dân Việt nam cả", "Bốn phương vô sản đều là anh em", "giúp bạn cũng là tự giúp mình", Việt nam "muốn là bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với ai"... Chính vì vậy mà cách mạng Việt nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của tất cả các lực lượng xã hội chủ nghĩa, các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên toàn thế giới và đã giành được thắng lợi vĩ đại trong cả mấy cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Mười là, *những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực đạo đức và văn hóa.* Ít có một lãnh tụ cách mạng nào lại nêu ra nhiều luận điểm đạo đức như Hồ Chí Minh, và bản thân Người lại là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng. Từ sự đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội, phân biệt

Digitized by Google

đạo đức cũ với đạo đức mới, từ những chuẩn mực đạo đức đến những nguyên tắc và phương pháp xây dựng nền đạo đức mới, Hồ Chí Minh đã đề cập cặn kẽ đến mọi góc cạnh của đời sống đạo đức của con người và xã hội. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thực sự là bước phát triển mới của đạo đức học Mác - Lê-nin, đã có ảnh hưởng sâu xa, lâu bền trong đời sống của con người Việt nam từ thế hệ này sang thế hệ khác và đã lan tỏa rộng khắp trên thế giới với sự cảm phục và ngưỡng mộ chân thành.

Về văn hóa cũng như vậy. Trên 70 năm trước, nhà thơ xô viết Ô-xíp Man-đen-stam, với cái nhìn tinh tế hiếm có, đã phát hiện thấy ở Hồ Chí Minh dấu hiệu một nền văn hóa của tương lai. Gần 70 năm sau, tổ chức UNESCO đã suy tôn Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại. "Dốt là giặc", "thói quen và những truyền thống lạc hậu là một loại kẻ thù", "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", "văn hóa - văn nghệ cũng là một mặt trận", các nhà văn hoa, các văn nghệ sĩ là "những chiến sĩ trên mặt trận ấy"... Những luận điểm về văn hóa của Hồ Chí Minh là rất độc đáo; đi sâu vao tâm trí con người, làm cho con người phải suy tư trăn trở và thấy thôi thúc phải hành động cho những gì tốt đẹp hơn.

Trong tư tưởng cũng như trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, chính trị , đạo đức và văn hóa luôn luôn hòa quyện với nhau. Một thứ chính trị rất đạo đức và cũng rất văn hóa; một thứ văn hóa, đạo đức rất chính trị. Mọi người tìm thấy ở Hồ Chí Minh một đạo đức trong sáng, một lối sống cao đẹp, một nhân cách lớn, một chủ nghĩa nhân văn hoàn thiện. Hồ Chí Minh đã phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin, đã làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác-Lê-nin không phải chỉ bằng tư tưởng mà còn bằng cả cuộc sống của chính mình.

*
* *

Để vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trước hết Hồ Chí Minh đã xuất phát từ yêu cầu của cách mạng Việt nam để rút ra từ học thuyết cách mạng và khoa học ấy những gì cần thiết cho cách mạng Việt nam, vận dụng những cái cần thiết ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt nam - đất nước, con người, điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa v.v..

Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề rất rõ ràng : Học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin là *học tập cái tinh thần cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lê-nin để xử trí mọi việc*. Không giáo điều, không sách vở, không tự trói mình, cũng không trói người khác hoặc để người khác trói mình vào những câu chữ chết cứng. Rất mácxít - lê nin nít, nhưng trong toàn bộ tác phẩm Người để lại, Người chỉ trích dẫn Mác, Lê-nin trên dưới 100 lần. Đọc Hồ Chí Minh, mọi người đều thấy cái tinh thần cách mạng và khoa học, cái tinh thần rất biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chứ không phải những câu chữ của Mác, Lê-nin, rất thiết thực, như chính cuộc sống đang đến với mình. Đây thực sự là nét độc đáo của Hồ Chí Minh, rất hiếm thấy ở người khác.

Hồ Chí Minh đã luôn luôn gắn lý luận với thực tiễn, dùng lý luận Mác - Lê-nin để soi sáng cho hoạt động thực tiễn, tổng kết thực tiễn để rút ra những kết luận mới bổ sung cho lý luận, thay thế cho những kết luận đã lỗi thời. Nhiều luận điểm của Hồ Chí Minh chưa có trong sách của Mác, Lê-nin, nhưng lại phù hợp với tinh thần của Mác, Lê-nin, rất đúng với những yêu cầu các ông đã đặt ra cho tất cả những người cách mạng, những người cộng sản. Điều này nói thì dễ, nhưng làm được thì rất khó. Phải hiểu lý luận, hiểu thực tiễn rất sâu sắc, hơn nữa còn phải có một bản lĩnh thật vững mới làm được.

Hồ Chí Minh đã làm giàu trí tuệ của mình bằng cả văn hóa phương Đông và phương Tây, bằng những giá trị văn hóa - tinh thần của dân tộc và nhân loại, bằng những kinh nghiệm cách mạng các nước. Chính Mác, Lê-nin đã làm như vậy và đòi hỏi những người cộng sản phải làm như vậy. Cũng phải như vậy mới có thể hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin được đầy đủ, sâu sắc, mới có thể vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Hồ Chí Minh đã để lại một mẫu mực trong việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Mẫu mực ấy đang định hướng, đang dẫn dắt chúng ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Digitized by Google

GIẢI QUYẾT QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ GIAI CẤP THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

QUÁ độ lên chủ nghĩa xã hội thuộc phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có hai giai đoạn phát triển và mỗi giai đoạn dĩ nhiên có nội dung xã hội, nhiệm vụ chiến lược khác nhau. Tuy nhiên, trong cả hai giai đoạn đó, các nhân tố dân tộc và giai cấp luôn luôn tồn tại và gắn bó khăng khít với nhau. Giải quyết như thế nào mối quan hệ giữa hai nhân tố đó luôn luôn là hòn đá thử vàng đối với mỗi người cộng sản Việt nam trên lĩnh vực tư duy chính trị, tư duy về đường lối cách mạng Việt nam ; trước đây cũng vậy, mà ngày nay lại càng như vậy.

Là người mác xít-lê nin nít chân chính, triệt để và sáng tạo, với thế giới quan kiểu mới cách mạng và khoa học, hấp thu những tinh hoa tư tưởng của dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách xuất sắc mối quan hệ đó. Người đã rất tâm đắc với yêu cầu của Lê-nin đối với những người cộng sản phương Đông. Trong bài viết *Chủ nghĩa Lê-nin và công cuộc giải phóng các dân tộc bị áp bức*, Người đã trích câu của Lê-nin kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông : "... Trước mắt các bạn đang có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có : dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu, các bạn phải biết vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải chống tư bản, mà chống những tàn tích của thời trung cổ" (1). Câu đó đã trở thành một định hướng quan trọng cho toàn bộ quá trình tư duy chính trị của Người, và Người đã phát triển sáng tạo hướng đó khi tiến hành cuộc cách mạng ở một nước mà nhiệm vụ đấu tranh chủ yếu là chống chủ nghĩa thực dân.

Hồ Chí Minh là người nắm rất vững học thuyết duy vật về lịch sử, lý luận đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Khi áp dụng lý luận đó vào việc phân tích tính chất xã hội và các quan hệ xã hội ở Việt nam, một nước thuộc địa nửa phong kiến, Người đã phát hiện ra một điều cực kỳ quan trọng là ở Việt nam không chỉ có áp bức bóc lột giai cấp, mà còn có cả áp bức bóc lột dân tộc ; không chỉ có đấu tranh giai cấp mà còn có đấu tranh dân tộc. Ở Việt nam, có sự bóc lột của tư bản với công nhân, của địa chủ với nông dân nhưng kẻ bóc lột lớn nhất, ách áp bức bóc lột nặng nề nhất đối với cả công nhân và nông dân Việt nam và cũng là đối với cả dân tộc Việt nam là ách áp bức bóc lột của chế độ thực dân, kẻ thù giai cấp đồng thời là kẻ thù của cả dân tộc Việt nam. Như vậy, ở Việt nam cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp phải gắn bó khăng khít với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Tuy vẫn có những lợi ích và yêu cầu riêng của mình, nhưng cuộc đấu tranh giai cấp phải là một bộ phận của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Các giai cấp bị bóc lột phải biết đặt lợi ích giải phóng dân tộc lên cao nhất. Trong báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng, Hồ Chí Minh đã trình bày một cách súc tích tư tưởng đó như một sự tổng kết tư duy chỉ đạo đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ : "Tháng 5 năm 1941, Trung ương họp *Hội nghị lần thứ tám*. Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt nam là một cuộc cach mạng giải phóng dân tộc ; lập *Mặt trận Việt Minh*, khẩu hiệu chính là : đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập ; hoàn cách mạng ruộng đất" (2).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói đến quá trình phát triển tư tưởng của mình đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản. Quá trình đó chỉ có thể hiểu là xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi để đi tìm một con đường

* Giáo sư, Trung tướng, Giám đốc Học viện chính trị quân sự

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1987, t 7, tr 206

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 16

Digitized by Google

yêu nước mới, bởi vì các con đường khác đều đã được khảo nghiệm bằng các thất bại liên tục. Không phải là rời bỏ chủ nghĩa yêu nước để chuyển sang chủ nghĩa cộng sản mà là đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, của hệ tư tưởng Mác - Lê-nin để tìm ra một chủ nghĩa yêu nước kiểu mới, triệt để và duy nhất có tính khả thi, thực hiện giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội và giải phóng con người. Hồ Chí Minh đã viết : "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (3).

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa nhân tố dân tộc và giai cấp, sau này Đảng ta đưa ra luận điểm giương cao đồng thời hai ngọn cờ *độc lập dân tộc* và *chủ nghĩa xã hội*. Đặc biệt trong giai đoạn cách mạng hiện nay, quan hệ giữa hai nội dung đó gắn bó khăng khít hữu cơ đến mức như là một ngọn cờ mà độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thâm nhập lẫn nhau, làm điều kiện cho nhau. Chính đó là một trong những đặc điểm cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, một đặc điểm chi phối sự vận động của nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội Việt nam, một đặc điểm sẽ góp phần tạo ra sức mạnh thần kỳ mới của cách mạng Việt nam, góp phần tạo ra những tiền đề thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, ngay cả trong bối cảnh không thuận lợi khi chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, phong trào cách mạng thế giới gặp khó khăn nghiêm trọng.

Thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay ở nước ta hơn bao giờ hết đòi hỏi chúng ta phải bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa nhân tố dân tộc và giai cấp, giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp. Ở nước ta hiện nay cũng có người muốn nhân danh đổi mới để nhấn mạnh nội dung đấu tranh dân tộc, hạ thấp nội dung đấu tranh giai cấp, hoặc ngược lại. Lại có người phủ nhận cả đấu tranh dân tộc lẫn đấu tranh giai cấp.

Ngày nay, đấu tranh dân tộc, bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc vẫn là một nội dung chiến lược của cách mạng nước ta. Chúng ta đã giành được thắng lợi vẻ vang, sau 30 năm chiến tranh, đất nước đã độc lập và thống nhất hoàn toàn, nhưng nền độc lập ấy vẫn chưa thật vững chắc. Bảo vệ nền độc lập dân tộc vẫn còn phải bảo vệ chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Bảo vệ và củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc ngày nay còn là sự phát triển không ngừng hướng tới sự phồn vinh của đất nước, làm cho đất nước giàu mạnh, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, tránh cho dân tộc rơi vào những hình thức nô lệ mới, sự lệ thuộc về kinh tế, chính trị và văn hóa... Con đường củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc cũng chính là con đường xã hội chủ nghĩa. Đúng như Hồ Chí Minh đã chỉ ra : "Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới ; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn" (4).

Dù cho xu hướng hòa bình, hợp tác, phát triển đang nổi lên trên thế giới ; dù cho vai trò của kinh tế, khoa học, công nghệ, chất xám... trong đời sống quốc gia và quốc tế có tăng lên như thế nào, thì chúng ta vẫn phải khẳng định rằng chủ nghĩa đế quốc vẫn tồn tại ; chế độ thực dân dù có thay hình đổi dạng nhưng ách áp bức bóc lột dân tộc vẫn đang ngự trị trên thế giới, và tình trạng đó sẽ còn kéo sang thế kỷ XXI. Không chỉ một siêu cường mà còn không ít cường quốc cũng đang có chiến lược lâu dài để biến thế kỷ XXI thành thế kỷ của mình. Cái chiến lược lâu dài đó rõ ràng thể hiện ý đồ muốn giành cho mình vị trí độc tôn trong việc áp bức bóc lột các dân tộc khác.

Lại có người muốn bác bỏ lý luận đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cho rằng phân tích của Lê-nin về bản chất kinh tế và chính trị của thời kỳ quá độ, về công thức đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không còn phù hợp với nước ta. Có người cho rằng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta đan xen, hỗn hợp với nhau đến mức độ khó có thể phân biệt và cũng không cần có sự phân biệt đó ; đấu tranh giai cấp không còn có tác dụng gì trong sự phát triển xã hội Việt nam hiện nay !

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 701

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 599

Digitized by Google

Với sự đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ, chủ nghĩa xã hội không bài xích nền kinh tế hàng hóa. Chế độ tư hữu còn có mặt tích cực đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thì sự đan xen, thâm nhập lẫn nhau giữa các thành phần kinh tế là một tất yếu tự nhiên. Những hình thức kinh tế lai ghép trong đó nhân tố tư hữu và nhân tố công hữu kết hợp với nhau sẽ ngày càng phát triển đa dạng. Tuy nhiên, dù có đan xen đến đâu, hoàn toàn vẫn cần thiết và có thể phân biệt được các thành phần kinh tế. Có thể nhận diện được các thành phần kinh tế ; sự định tính có thể xác định dựa trên những tiêu chí định lượng. Chẳng hạn rồi đây, hình thức công ty cổ phần có thể rất phổ biến cho nhiều thành phần kinh tế, nhưng có thể phân biệt được công ty cổ phần *tư bản* với công ty cổ phần *quốc doanh* tùy theo nhóm cổ phiếu khống chế và quyền điều hành thực tế doanh nghiệp thuộc về thành phần nào.

Tương ứng với sự đa dạng và đan xen của các thành phần kinh tế, sự phân hóa giai cấp và tầng lớp xã hội cũng trở nên phức tạp hơn. Thời kỳ quá độ ở nước ta sẽ làm nảy sinh một cơ cấu xã hội giai cấp quá độ, biến đổi không ngừng ; các tầng lớp cũng đan xen với nhau và điều đó biểu hiện trong từng gia đình, thậm chí trong mỗi một người. Tuy nhiên, không nên từ đó cho rằng không thể phân định được thành phần giai cấp của dân cư cũng như không cần thiết phải phân định. Cần phải khẳng định rằng việc phân định đó là cần thiết. Không có sự phân định đó thì sẽ không có một chính sách giai cấp đúng đắn trong thời kỳ quá độ, không thể quản lý xã hội một cách có hiệu quả theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự đan xen đó dù phức tạp đến đâu, vẫn có thể phân định được theo những tiêu chí định lượng về cơ cấu thu nhập, tác động mạnh yếu của các môi trường xã hội đối với mỗi con người, mỗi gia đình.

Trong các văn kiện của Đảng những năm gần đây có nói đến phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, nói đến nguy cơ chệnh hướng. Chệch theo hướng nào ? Dĩ nhiên, chỉ có thể là theo hướng tư bản chủ nghĩa. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, cuộc đấu tranh giữa hai định hướng *xã hội chủ nghĩa* và *tư bản chủ nghĩa* chính là nội dung cơ bản của đấu tranh giai cấp. Điều đó cũng có nghĩa là cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường vẫn đang diễn ra. Công thức "ai thắng ai" nói lên tính chất gay gắt, con đường này thắng thì phủ định con đường kia. Theo nội dung đó thì thực tiễn vận động của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam vẫn phù hợp với nguyên lý của đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Thế nhưng, chỗ mới trong lý luận và thực tiễn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam vẫn là sự kết hợp nhuần nhuyễn nhân tố giai cấp và nhân tố dân tộc trong đường lối chính trị của Đảng. Đó vẫn tiếp tục là một nội dung cực kỳ quan trọng mà tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần vào sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trên đất nước ta vừa diễn ra đấu tranh giai cấp vừa diễn ra đấu tranh dân tộc rất phức tạp. Hai phương diện đấu tranh này gắn bó hữu cơ với nhau, làm tiền đề cho nhau. Ngày nay, vấn đề đặt ra là cần phải kết hợp chặt chẽ nhuần nhuyễn nội dung giai cấp và nội dung dân tộc của cuộc cách mạng nước ta thành một nội dung tổng hợp. Càng làm cho định hướng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, chúng ta càng củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc, đánh thắng các mưu đồ của các thế lực thù địch.

Quy luật cơ bản về mối quan hệ giữa nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp quy định các quá trình vận động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... ở nước ta. Chẳng hạn hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước trong thời kỳ quá độ ở nước ta có bản chất giai cấp rõ ràng, không thể mơ hồ lẫn lộn. Bản chất đó là bản chất giai cấp công nhân. Thế nhưng, một trong những đặc điểm cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam là sự thống nhất giữa *bản chất giai cấp* với *tính nhân dân* và *tính dân tộc*. Nhà nước do Đảng cộng sản lãnh đạo, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, cũng là nhà nước của dân, do dân và vì dân ; là nhà nước dân tộc theo nghĩa là công cụ đấu tranh củng cố và bảo vệ nền độc lập dân tộc, đồng thời tập hợp tất cả những lực lượng yêu nước và cách mạng trong dân tộc để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Như vậy, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là sự tổng hợp của nhiều thành phần kinh tế trong đó có sự đấu tranh giữa hai định hướng trên lĩnh vực kinh tế, đồng thời các thành phần kinh tế lại hợp thành một cơ cấu kinh tế quốc

(Xem tiếp trang 27)

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC KIỂU MỚI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN THẢO *

TRONG suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bỏ nhiều công sức tìm hiểu, phân tích vấn đề nhà nước và để lại nhiều tác phẩm, bài viết về nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về một nhà nước kiểu mới, của dân, do dân, vì dân đã được hình thành rất sớm, ngay trong quá trình Người tìm kiếm con đường cứu nước. Người đã lên án chủ nghĩa thực dân, lên án cách tổ chức, cai trị khắc nghiệt của nhà nước thực dân, so sánh nó với cách tổ chức, cai trị của các nhà nước khác trên thế giới, suy ngẫm về một nhà nước phù hợp với đặc điểm dân tộc Việt nam và về vai trò của pháp luật trong việc cai trị đất nước. Đến khi cách mạng nước ta thành công, từ kinh nghiệm các nước, từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và từ thực tiễn nước nhà, Người đã thiết lập nên một "chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân", một nhà nước dựa vào pháp luật để lãnh đạo xã hội. Ngay từ lúc phôi thai của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Người đã định ra chiến lược phát triển đất nước, phấn đấu không ngừng cho *độc lập, tự do, hạnh phúc* của Tổ quốc và nhân dân.

Độc lập : nhà nước của toàn thể nhân dân Việt nam, nhà nước của đại đoàn kết dân tộc.

Tự do : nhà nước do nhân dân Việt nam tự quyết định, lựa chọn, bầu cử và bãi miễn. Các quyền tự do dân chủ được nhà nước bảo đảm thực hiện.

Hạnh phúc : nhà nước hoạt động vì quyền lợi và hạnh phúc của nhân dân.

I - NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, NHÀ NƯỚC DO NHÂN DÂN LỰA CHỌN VÀ BÃI MIỄN

Sự nhận xét về con đường cách mạng ở các nước Mỹ, Pháp, Nga, và sự phân tích về bản chất nhà nước ở các nước đó lúc bấy giờ, đã làm nổi bật ý tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cái *chất nhân dân* trong việc xây dựng nhà nước và thiết kế bộ máy chính quyền. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* viết năm 1927, Người đã đánh giá và so sánh ba cuộc cách mạng và ba nhà nước Mỹ, Pháp, Nga. Sự so sánh đó có ý nghĩa rất sâu sắc đến việc hình thành ở Người quan niệm về nhà nước của dân, của toàn thể dân tộc Việt nam.

Ý tưởng về nhà nước của *toàn thể dân tộc* là một ý tưởng mạnh mẽ và liên tục ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người tự hào về nhà nước của dân tộc, về "một tổ tiên rực rỡ của Hồng Bàng". Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt nam đã trải qua những thời kỳ bị đô hộ, nên nhận thức rất rõ yếu tố quan trọng hàng đầu để vượt qua mọi thử thách hiểm nghèo là đoàn kết dân tộc. Đoàn kết dân tộc là một chuẩn mực đạo lý Việt nam. Trong đấu tranh giành độc lập cho đất nước, lợi ích dân tộc được Người coi là mục tiêu hàng đầu. Những bài viết : *Yêu sách của nhân dân Việt nam* (1919), *Tâm địa thực dân* (1921), *Lời phát biểu tại Đại hội Tua, Đông dương và Triều tiên* (1921). *Bọn kẻ cướp ở thuộc địa* (1922) đã thể hiện rất đậm nét và sâu sắc vấn đề dân tộc, ý thức dân tộc trong Hồ Chí Minh.

* Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ tư pháp

Digitized by Google

Nhìn lại việc thành lập Quốc hội đầu tiên của nước ta trên cơ sở Tổng tuyển cử năm 1946 trong lúc chính phủ lâm thời còn rất non trẻ, đất nước gặp muôn vàn khó khăn, kẻ thù trong và ngoài nước chống phá hết sức quyết liệt, chúng ta càng thấy ở Hồ Chí Minh ý tưởng về một Quốc hội nhân dân, do nhân dân tự do lựa chọn, mạnh mẽ như thế nào. Kết quả là Quốc hội đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân đã ra đời và Quốc hội đã bầu ra chính phủ hợp hiến, thay thế cho chính phủ lâm thời. Chính phủ hợp hiến đó thể hiện rõ tư tưởng đại đoàn kết, phù hợp với truyền thống dân tộc, tâm lý và dân trí, hoàn cảnh kinh tế và xã hội, có sức truyền cảm và thôi thúc nhân dân ta vượt qua khó khăn tiến lên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày trước Quốc hội đầu tiên của nước ta ý tưởng về việc thành lập chính phủ : "Theo ý quốc hội, chính phủ mới phải tỏ rõ cái tinh thần đại đoàn kết, không phân đảng phái. Sau khi được quốc hội ủy nhiệm cho tổ chức chính phủ, tôi đã thăm dò ý kiến của nhiều bậc lão thành, đại biểu các đoàn thể cùng các nhân sĩ các giới...

Tôi có thể tuyên bố trước quốc hội rằng, chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần Quốc dân liên hiệp, là một chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc...

Chính phủ này là chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia..." [1].

Chế độ bầu cử, ứng cử, vấn đề cốt tử của tính hợp hiến về hình thành bộ máy nhà nước, tự do hay hạn chế, bình đẳng hay phân biệt, giả hay thật, áp đặt hay tự do là những chuẩn mực của việc xem xét một bộ máy chính quyền có thực sự là của dân, do dân thành lập hay không. Trong bài viết về ý nghĩa tổng tuyển cử, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử...Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra chính phủ. Chính phủ đó thật là chính phủ của toàn dân" [2].

Mọi công việc của đất nước đều do nhân dân quyết định, nhân dân thực sự nắm mọi quyền bính nhà nước và thể hiện đậm nét trong mọi chủ trương, cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Đó là chế độ dân chủ *đại diện* mà sự thể hiện điển hình là cơ quan nghị viện nhân dân (Quốc hội), cùng với chế độ dân chủ *trực tiếp* (với nhiều hình thức linh hoạt như : chế độ toàn dân phúc quyết (Hiến pháp năm 1946) ; sự kiểm điểm phê bình và tiếp thu phê bình trước toàn thể nhân dân đối với cán bộ chính quyền cấp cơ sở trong từng thời gian), và chế độ dân chủ *nửa trực tiếp* trong cách tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp, trong chế độ bầu cử hội đồng nhân dân các làng xã và hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong các quyền hạn rộng rãi đối với những vấn đề có tính địa phương của hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã.

II - NHÀ NƯỚC VÌ DÂN, CÁN BỘ HẾT LÒNG PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Tư tưởng về một nhà nước vì hạnh phúc của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, là tư tưởng nhất quán trong suốt cuộc đời của Hồ Chí Minh, ngay cả lúc Người giữ cương vị cao nhất của nhà nước.

Nhận chức nguyên thủ quốc gia kiêm người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời các nhà báo : "... Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận" [3]. Nói chuyện cùng đồng bào trước khi sang Pháp tiến hành đàm phán với chính phủ Pháp về nền độc lập của Việt nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "... Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân.

Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó.

---

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 177-178

(2) *Sđd*, t 4, tr 72

(3) *Sđd*, t 4, tr 100

Digitized by Google

Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó" (4).

Một nhà nước vì hạnh phúc của nhân dân phải được thể hiện trong hành động. Trong thư *Gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng* tháng 10-1945, Người đã nhấn mạnh : "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân, mới yêu ta, kính ta" (5).

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, nền kinh tế nước ta nghèo nàn, lạc hậu. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định quyết tâm đưa nước ta tiến lên nhằm mục tiêu :

"1. Làm cho dân có ăn

2. Làm cho dân có mặc

3. Làm cho dân có chỗ ở

4. Làm cho dân có học hành". (6)

Để có được nhà nước lấy phục vụ nhân dân làm mục tiêu hoạt động, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm vấn đề cán bộ, xem đó như "cái gốc của mọi công việc". Ngay sau khi thành lập Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Người đã sớm đề ra những tiêu chuẩn để lựa chọn và sử dụng cán bộ. Người nhấn mạnh đến những tiêu chuẩn về phẩm chất : trung thành và hăng hái ; liên lạc mật thiết với dân chúng ; dám phụ trách giải quyết những vấn đề trong lúc khó khăn ; khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo ; khi thi hành nghị quyết thì gan góc, kiên quyết, luôn luôn giữ đúng kỷ luật... Một tháng sau khi thành lập chính phủ, Chủ tịch đã có thư gửi cho cán bộ nêu lên một loạt hiện tượng mất đạo đức như : trái phép, cậy thế, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo ; và nhắc nhở cán bộ : chớ lên mặt "quan cách mạng" để dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ.

Về trình độ chuyên môn của cán bộ, Người đã ký sắc lệnh đưa ra những quy định về xây dựng đội ngũ công chức Việt nam (Sắc lệnh 188 năm 1948 ; Sắc lệnh 76 năm 1950) với những tiêu chuẩn và chế độ thi tuyển chặt chẽ. Do cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở mức độ ác liệt, việc xây dựng đội ngũ cán bộ chưa làm được như mong muốn, nhưng đến nay vẫn là một kinh nghiệm tốt đối với việc đổi mới bộ máy nhà nước của ta.

III - NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, thể hiện chủ yếu ở các hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nói đến "thần linh pháp quyền" trong phép trị nước khi phê phán chế độ thực dân ở nước ta. Đọc những yêu sách trong thư tâm huyết của Chủ tịch gửi Hội nghị quốc tế Vec-xay năm 1919, chúng ta thấy Người quan tâm đặc biệt đến các vấn đề về pháp luật, như : thay thế chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật ; cải cách nền công lý ở Đông dương ; người bản xứ cũng có quyền hưởng những bảo đảm pháp luật như người Âu ; xóa bỏ các tòa án đặc biệt.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp quyền là cơ sở cho việc thiết kế bộ máy nhà nước kiểu mới của chúng ta. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Hiến pháp đã nhanh chóng ra đời; Quốc hội và chính phủ hợp pháp do Tổng tuyển cử bầu ra ; các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được hiến pháp quy định hợp lý và vận hành nhịp nhàng.

Lập pháp phải được xây dựng, cho nên trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), mặc dù chiến tranh chia cắt không có điều kiện họp toàn thể Quốc hội, khi cần phải ban hành các sắc lệnh để điều khiển kịp thời và có hiệu quả công cuộc kháng chiến kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn nhớ đến một nguyên tắc hợp hiến của các sắc lệnh : đó là chỉ thị của Chủ tịch yêu cầu trường hợp không họp được Quốc hội để thảo luận

(4) *Sđd*, t 4, tr 136

(5) *Sđd*, t 4, tr 36

(6) *Sđd*, t 4, tr 87

Digitized by Google

và ban hành các đạo luật thì khi ra các sắc lệnh, Chủ tịch nước phải báo cáo đầy đủ và xin ý kiến Ban thường trực Quốc hội.

Tư tưởng pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc trong hoạt động lập pháp. Một nhà nước mà quản lý bằng ý chí chủ quan của nhà cầm quyền, chứ không phải là ý chí của nhân dân đề lên thành luật ; một nhà nước mà những người cầm quyền tự cho phép đứng ngoài hoặc đứng trên pháp luật, thì rất xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng pháp quyền của Hồ Chí Minh còn thể hiện trong hoạt động của chính phủ và của bản thân Người với tư cách là người đứng đầu nhà nước, đứng đầu chính phủ. Người rất nghiêm khắc đòi hỏi mọi tổ chức đảng, chính quyền, quân đội, đoàn thể tuân thủ pháp luật, không một ai được đứng trên hay đứng ngoài pháp luật. Khi ban hành Quốc lệnh năm 1946, "để nhân dân yên ổn cho kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công", Người đề ra 10 điều thưởng, và 10 điều xử phạt nặng đối với các tội như : thông với giặc ; trái quân lệnh ; ra trận tự ý rút lui ; tự ý phá hoại giao thông; phá hoại quân khí ; để cho bộ đội hại dân ; vô cớ sát hại kiều dân ngoại quốc ; trộm cắp của công ; hãm hiếp, cướp bóc ; bắt cóc, ám sát.

Pháp luật không phải chỉ để nhân dân tuân theo, mà cơ quan nhà nước cũng phải tuân theo. Các nhân viên nhà nước phải đặt mình dưới pháp luật, tôn trọng pháp luật, nếu vi phạm pháp luật, làm thiệt hại đến lợi ích của nhân dân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, vì trách nhiệm của nhà nước trước nhân dân là trách nhiệm pháp lý, không phải chỉ là trách nhiệm đạo lý.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp quyền được hình thành trong quá trình Người liên tục tìm tòi, phân tích, so sánh, thiết kế, thử nghiệm trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn *ba* yếu tố : *truyền thống dân tộcViệt nam, chủ nghĩa Mác - Lê-nin* và *những tinh hoa của các nền văn minh cổ, kim, đông, tây.*

GIẢI QUYẾT QUAN HỆ ...

(Tiếp theo trang 23)

dân thống nhất, tồn tại song hành và đan xen với nhau trong một thời gian dài. Do đó, chính sách kinh tế *vừa hợp tác, vừa đấu tranh* đưa nền kinh tế đất nước tiến lên, là chính sách duy nhất phù hợp. Kinh tế xã hội chủ nghĩa phải hợp tác với kinh tế tư bản qua các hình thức tư bản nhà nước làm cho lực lượng sản xuất xã hội phát triển nhanh chóng và vững chắc, đồng thời phải đấu tranh, phải cạnh tranh, tự làm cho mình mạnh lên, chứng minh sức sống và tính ưu việt của mình so với kinh tế tư bản, đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực, phát huy những mặt tích cực của kinh tế tư bản.

Thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tồn tại và phát triển sẽ làm nảy sinh giai cấp tư sản mới. Giai cấp này theo bản năng tự phát, đương nhiên nó không mong muốn có chủ nghĩa xã hội. Thế nhưng, do độc lập dân tộc gắn bó khăng khít với chủ nghĩa xã hội; do khẩu hiệu đấu tranh cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" vừa có nội dung dân tộc vừa có nội dung xã hội chủ nghĩa ; do đa số giai cấp tư sản vẫn có một lập trường chung với nhân dân lao động là yêu nước, thương nòi ; cho nên, chúng ta có thể tập hợp, đoàn kết với giai cấp tư sản dân tộc trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Không nên và không thể để cho sự khác biệt về lợi ích giai cấp trở thành sự cản trở, dẫn đến làm suy yếu sức mạnh của cách mạng Việt nam.

Xét theo ý nghĩa đó, sự thống nhất, đại đoàn kết dân tộc là một động lực chính trị tinh thần của cuộc cách mạng Việt nam hiện nay. Thế nhưng, từ quan điểm đó mà coi đấu tranh giai cấp chỉ là có hại, không còn tác dụng trong sự phát triển của xã hội nước ta nữa, thì lại là xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đúng hơn cả, cần quan niệm rằng do *quy luật cơ bản về sự thống nhất hữu cơ giữa nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp ở nước ta* mà *động lực của cuộc cách mạng Việt nam trước đây cũng như hiện nay phải là một động lực tổng hợp của các sức mạnh dân tộc, giai cấp và thời đại.* Chỉ có một động lực như vậy, mới bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Digitized by Google

ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI VÀ NGUỒN GỐC CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

LÊ DOÃN TÁ *

1. Lịch sử dựng nước và giữ nước phong phú và hào hùng của dân tộc Việt nam đã sản sinh ra những anh hùng dân tộc. Trải qua các triều đại từ Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê và Tây sơn, trên dải đất Việt nam đã xuất hiện biết bao anh hùng như Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ... làm rạng rỡ non sông, đất nước ta. Đến thời nhà Nguyễn, vua quan đối bại, nhu nhược, đầu hàng, đất nước rơi vào tay thực dân Pháp. Nhân dân ta không cam chịu cảnh nước mất, nhà tan, sống kiếp người dân nô lệ, đã vùng lên đấu tranh, kẻ trước ngã, người sau đứng dậy, mưu cầu sự giải phóng. Song, do chưa có được đường lối đúng, nên các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại. Cụ Phan Bội Châu chủ trương cầu ngoại viện, dùng bạo lực để khôi phục độc lập không thành. Cụ Phan Chu Trinh muốn "ỷ Pháp cầu tiến bộ", khai thông dân trí, chấn hưng dân khí để tính chuyện giải phóng, lại cũng không thành. Người anh hùng Yên thế - Hoàng Hoa Thám nổi dậy, vũ trang đấu tranh chống Pháp, song "còn nặng cốt cách phong kiến", nên cũng thất bại.

Chính lúc đó Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh) đã xuất hiện. Mang trong mình truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất của dân tộc, vượt lên những hạn chế của các nhà yêu nước đương thời, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại, và đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn : "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*" (1).

Từ đó cách mạng Việt nam đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, tiến bước theo dòng thác tiến bộ của lịch sử. Sự áp bức, nô dịch các dân tộc, nhất định phải dẫn tới phong trào đấu tranh để giành độc lập, tự do cho dân tộc, cho tổ quốc. Sự độc lập, tự do của mỗi dân tộc chính là tiền đề tư tưởng cho sự thống nhất quốc tế xã hội chủ nghĩa về sau. Cách mạng vô sản chủ trương giải phóng dân tộc khỏi áp bức của tư bản đế quốc, đồng thời với cuộc cách mạng giải phóng giai cấp vô sản khỏi sự thống trị của chủ nghĩa tư bản, chính là đã phát triển theo đúng quy luật của lịch sử. Chính vì thế, cách mạng vô sản đã lôi cuốn được cuộc cách mạng giải phóng dân tộc hòa vào dòng thác cách mạng của thời đại.

Quy luật của chủ nghĩa tư bản đế quốc là sự quốc tế hóa đời sống kinh tế chung gắn với sự xuất khẩu tư bản, là sự nô dịch, bạo lực, bóc lột các dân tộc. Vì lẽ đó, các dân tộc đã đứng lên chống lại chủ nghĩa đế quốc. Khách quan mà nói, sự quốc tế hóa đời sống kinh tế chung đã tạo ra tiền đề kinh tế cho sự phát triển, sự thống nhất và hòa nhập quốc tế về sau này. Giai cấp vô sản chủ trương liên minh với các dân tộc bị áp bức chính là hòa theo dòng thác của sự tiến bộ lịch sử. Cách mạng giải phóng dân tộc vì vậy dễ bắt nhập với xu thế của thời đại.

Hồ Chí Minh là người Việt nam đầu tiên đã nhận thức được quy luật lịch sử và chân lý của thời đại là *độc lập dân tộc* và *chủ nghĩa xã hội* kết hợp chặt chẽ với nhau.

---

* PGS, Giám đốc Phân viện Hà nội, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t8, tr 272

Digitized by Google

Mục tiêu của cách mạng vô sản là xây dựng hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa mà các cuộc cách mạng của thời đại nhất định sẽ dẫn tới. Đó là một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa. Nó chủ trương xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ áp bức dân tộc và giai cấp ; đưa con người vươn lên từng bước làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và bản thân ; coi trọng sự phát triển tự do của mỗi người, v.v.. Rõ ràng, hệ tư tưởng của cuộc cách mạng ấy là đỉnh cao phát triển của tư tưởng nhân loại. Hồ Chí Minh trong quá trình đi tìm đường cứu nước đã bắt nhập được với tư tưởng tiên tiến của thời đại. Từ đó, cùng với chủ nghĩa yêu nước Việt nam, yếu tố thời đại thông qua thiên tài trí tuệ của Người đã tạo cho Hồ Chí Minh trở thành con người lịch sử. Đúng như đồng chí Gớt Hôn, Tổng bí thư Đảng cộng sản Mỹ đã khẳng định: "Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử... vào lúc lịch sử loài người đang ở bước ngoặt có tính chất cách mạng nhất" [2].

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là cả một kho tàng tri thức mà chúng ta được thừa hưởng. Và chính cái kho tàng ấy được Người xây dựng từ tinh hoa của dân tộc và tinh hoa của thời đại.

Có thể nêu lên *ba* nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh :

Một là, *chủ nghĩa yêu nước Việt nam*. Chủ nghĩa yêu nước Việt nam được hình thành và phát triển gắn liền với cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta, dân tộc ta. Chủ nghĩa yêu nước được truyền qua các thế hệ và mỗi người dân Việt nam càng ngày càng được nhân lên, biến thành một sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, mọi thử thách gian nan. Chủ nghĩa yêu nước Việt nam là chủ nghĩa yêu nước của một *cộng đồng*, mang *tính cộng đồng*. Ở mỗi người trong cộng đồng ấy - *cộng đồng dân tộc Việt Nam* , đều ít nhiều có tinh thần yêu nước, thương nòi. Nguyễn Ái Quốc được hun đúc bởi chủ nghĩa yêu nước ấy, đã vượt lên mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành sứ mệnh mà lịch sử giao phó. Chính chủ nghĩa yêu nước Việt nam là một động lực to lớn đã góp phần hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Công lao vĩ đại của Hồ Chí Minh là đã khơi dậy được lòng yêu nước ấy của mỗi người và của cả dân tộc ; đã tập hợp, đoàn kết được toàn dân tộc, làm cho "tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước" [3]. Chính từ thực tiễn, Người đã đúc kết chân lý : "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước" [4].

Từ khi có Đảng cộng sản lãnh đạo, chủ nghĩa yêu nước Việt nam càng được phát huy mạnh mẽ, được nhân thêm sức mạnh trong sự nghiệp cách mạng. Ý chí kiên cường, bất khuất, tinh thần tự lực, tự cường được các thế hệ người Việt nam thể hiện trong cuộc đấu tranh cách mạng chống thực dân Pháp và phát xít Nhật ; trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược ; trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính quá trình cách mạng của dân tộc ta làm phong phú thêm chủ nghĩa yêu nước Việt nam. Tư tưởng yêu nước ở Hồ Chí Minh hòa quyện vào chủ nghĩa yêu nước của cả dân tộc. Và khi Hồ Chí Minh tìm được con đường cứu nước đúng đắn thì chủ nghĩa yêu nước Việt nam lại được nâng lên một trình độ mới: *Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng xã hội, giải phóng con người*, được thể hiện bằng những mục tiêu cụ thể : *kháng chiến và kiến quốc ; xóa đói giảm nghèo, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh*. Hoài bão của Người : "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước

(2) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, t 1, tr 78

(3) Hồ Chí Minh . *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 37

(4) Hồ Chí Minh . *Sđd*, t 6, tr 36

Digitized by Google

ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"[5] là sự thể hiện chủ nghĩa yêu nước đã hun đúc nên Người và được Người góp phần nâng lên một tầm cao mới.

Hai là, *tinh hoa triết học, văn hóa phương Đông và phương Tây.* Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã là một học trò thông minh, chăm chỉ và ham tìm hiểu những điều mới lạ. Người ham đọc văn thơ, am hiểu tứ thư, ngũ kinh ; rồi Người học quốc ngữ, tiếp xúc với văn hóa phương Tây. Người từng kể lại : "Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp : tự do, bình đẳng và bác ái... Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy"[6].

Vào khoảng mùa hè 1908, Nguyễn Ái Quốc rời Huế đi vào Nam. Người dừng lại Phan thiết và đã dạy học trong một thời gian ngắn tại trường Dục Thanh, do một số văn thân yêu nước lập ra. Sau đó Người vào Sài gòn để tìm cách ra nước ngoài, sang các nước phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, dân chủ và khoa học, kỹ thuật hiện đại. Trong thời kỳ từ năm 1911 đến khi gặp được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Người đã lao động, học tập và hoạt động thực tiễn. Người tham gia các buổi diễn thuyết của nhiều nhà chính trị và triết học. Người tiếp xúc với văn hóa và các danh nhân văn hóa, chính trị của Pháp ; Người tiếp xúc với những tư tưởng nhân văn trong văn học Pháp, Nga, Anh, Mỹ ; Người nghiên cứu và tiếp thu có phê phán, chọn lọc cả những học thuyết của Khổng Tử, Giê su, Tôn Dật Tiên... Tất cả những hiểu biết ấy đã góp phần quan trọng vào việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh sau này.

Ba là, *chủ nghĩa Mác - Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười Nga.* Cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở lại Pháp, vừa hoạt động chính trị, vừa phải kiếm sống một cách chật vật, nhưng Người vẫn lạc quan, say sưa học tập và hoạt động, kiên trì mục tiêu đã định. Được sự giúp đỡ của một số đảng viên Đảng xã hội Pháp, Người gia nhập Đảng xã hội Pháp. Người sung sướng khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê-nin. Người tìm thấy trong bản luận cương này phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt nam. Qua tìm hiểu và học tập các tác phẩm của Lê-nin và của Mác, Người tìm thấy con đường giải phóng dân tộc : *con đường cách mạng vô sản.* Từ đó cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam được định hướng đúng đắn. Chủ nghĩa yêu nước được gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. *Tư tưởng Hồ Chí Minh được định hình rõ nét. Bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh từ đó thuộc hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, mang tính cách mạng và khoa học.*

Chính thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lê-nin đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của mình mà tìm ra con đường cứu nước. Ảnh hưởng sâu sắc và quyết định ấy thể hiện trong câu nói của Người : "chủ nghĩa Lê-nin là cái cẩm nang thần kỳ", hoặc "lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế III. Trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân thế giới". "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều , nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin", và "Chính do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lê-nin một cách sáng tạo phù hợp với thực tế Việt nam mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được thắng lợi to lớn".

Quá trình hoạt động thực tiễn phong phú và đa dạng gắn với cả một thời kỳ lịch sử sôi động của dân tộc và của thời đại, càng làm phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

(5) Hồ Chí Minh : Sđd. t 4, tr 100

(6) Theo Ô-xíp Man-đen-stam : "Thăm một chiến sĩ Quốc tế cộng sản - Nguyễn Ái Quốc ", báo *Đấu tranh* (Liên xô) số 39, ngày 23-12-1923

Digitized by Google

HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÓNG GÓP CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

LÊ VĂN YÊN *

QUỐC tế cộng sản do Lê-nin sáng lập, hoạt động từ tháng 3-1919 đến tháng 5-1943, để lại những trang vẻ vang trong lịch sử phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức. Vinh dự thay cho dân tộc Việt nam có người con ưu tú là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, trong quá trình tìm đường cứu nước, đã đến với Quốc tế cộng sản, tích cực tham gia hoạt động và có những đóng góp quan trọng đối với tổ chức quốc tế quan trọng này.

Quốc tế cộng sản tuyên bố thành lập tháng 3-1919. Đó cũng là lúc Nguyễn Ái Quốc đang sống và hoạt động ở Pa-ri trong "Hội người Việt nam yêu nước", trong phong trào công nhân và Đảng xã hội Pháp (SFIO). Khi mới tham gia Đảng xã hội Pháp, Người thấy trong các buổi sinh hoạt đảng, người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề có nên tiếp tục theo Quốc tế thứ hai không, hay nên tham gia Quốc tế thứ ba của Lê-nin. Lúc đầu, Người không hiểu hết vấn đề, vì Người đang quan tâm làm sao để *Tổ quốc mình được độc lập, đồng bào mình được tự do*. Chỉ sau khi đọc "Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lê-nin đăng trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité) tháng 7-1920, thì điều quan tâm của Người mới được giải đáp. Người tiếp thu Luận cương của Lê-nin với niềm cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng. Từ đó, Người tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lê-nin. Tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (12-1920), Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế cộng sản và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Phát biểu tại đại hội đó, Người khẳng định rõ : "Tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới... Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ *đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa*" (do tôi nhấn mạnh - L.V.Y.)[1]. Bằng việc làm đó, Người trở thành chiến sĩ quốc tế, đặt nền móng cho tình đoàn kết giữa cách mạng Việt nam với cách mạng Pháp và cách mạng thế giới, đánh dấu bước chuyển biến quyết định về tư tưởng và chính trị của Người theo đường lối cách mạng của Lê-nin và Quốc tế cộng sản.

Từ năm 1921 đến 1923, hoạt động trong Đảng cộng sản Pháp, một phân bộ của Quốc tế cộng sản, Người say mê nghiên cứu lý luận của Lê-nin, đường lối của Quốc tế cộng sản, đặc biệt là vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người đã viết nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí và phát biểu trên các diễn đàn của Đảng cộng sản Pháp, nêu rõ thực trạng đời sống, xã hội và tinh thần đấu tranh của các dân tộc thuộc địa dưới ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân. Người cùng một số nhà cách mạng ở các nước thuộc địa của Pháp sáng lập "Hội liên hiệp thuộc địa" và xuất bản báo *Người cùng khổ (Le Paria)*, cơ quan ngôn luận của Hội, nhằm chống chủ nghĩa thực dân. Người còn đấu tranh với những nhận thức mơ hồ, thái độ thờ ơ của những người cộng sản châu Âu đối với thuộc địa và cách mạng thuộc địa, phê phán những người ở thuộc địa "lơ là" đến vận mệnh của dân tộc mình, không biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh cho độc lập, tự do. Người tiếp xúc với các nhà hoạt động chính trị, văn hóa xã hội thế giới có mặt trên đất Pháp, nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của họ. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp là những đóng góp để cho Quốc tế cộng sản hiểu rõ hơn về tình hình thuộc địa, thấy được cụ thể hơn chính sách tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, mà từ đó có sự quan tâm giúp đỡ cụ thể đối với cách mạng ở các thuộc địa.

---

* Nhà xuất bản chính trị quốc gia

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t.1, tr.34

Digitized by Google

Giữa năm 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp tới Liên xô. Người làm việc trong tổ chức của Quốc tế cộng sản và học tập ở Trường đại học phương Đông. Được trực tiếp quan sát đất nước của Lê-nin và xã hội xô viết, quê hương của Cách mạng Tháng Mười, cái nôi của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc càng có điều kiện mở rộng tầm mắt và nhận thức của mình. Người say mê nghiên cứu đường lối chiến lược, sách lược của Quốc tế cộng sản qua các văn kiện đại hội, hội nghị Ban chấp hành và Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản ; nghiên cứu sâu sắc ý kiến của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa ; tiếp xúc với nhiều nhà lãnh đạo, đại biểu các đảng cộng sản và công nhân. Từ đó, Người có nhận thức sâu và toàn diện hơn đường lối của Quốc tế cộng sản, nắm được quan điểm của các đảng cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Sau khi Lê-nin mất, Nguyễn Ái Quốc là một trong những người hăng hái đấu tranh bảo vệ, phát triển sáng tạo những nguyên tắc cách mạng trong Luận cương của Lê-nin. Qua những hoạt động của Người tại các đại hội quốc tế trong những năm 1923-1924 (Đại hội V Quốc tế cộng sản, Đại hội Quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế công hội đỏ,...) cùng với hàng chục bài viết đăng trên các báo ("Sự thật" (Liên xô), "Quốc tế nông dân", "Quốc tế công hội đỏ", "Nữ công nhân") và trên các tạp chí ("Thư tín quốc tế", "Quốc tế cộng sản", v.v.), người ta có thể thấy rõ lập trường kiên định, nhận thức đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc.

Trong Thư gửi Tổng thư ký Bộ phương Đông của Quốc tế cộng sản, Người đưa ra nhận định : "Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự đơn độc. Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ *thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cổ vũ lẫn nhau*" [2]. Từ đó, Người kiến nghị với Quốc tế cộng sản trong khi chỉ đạo chiến lược cần chú ý đến đặc thù của các dân tộc thuộc địa, phải cử cán bộ hiểu biết tình hình các thuộc địa tới các nước này hoạt động gây dựng phong trào cách mạng, và họ phải liên hệ mật thiết, thường xuyên với nhau. Người đề nghị Quốc tế cộng sản chỉ đạo các đảng phải thống nhất nhận thức : "*vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau*", một vấn đề mang tính thời đại. Người phân tích : "Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch, và vấn đề dân tộc, như Lê-nin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản" [3]. Người khẩn thiết yêu cầu Quốc tế cộng sản giáo dục nhân dân các nước tinh thần quốc tế vô sản, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động ở các thuộc địa, với những việc làm cụ thể như : đăng trên báo các bài về vấn đề thuộc địa một cách thường xuyên ; tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa đảng viên trong các nước thuộc địa đã có chi bộ của Quốc tế cộng sản ; gửi các đồng chí ở các thuộc địa đến đào tạo tại Trường đại học phương Đông; đặt nhiệm vụ cho các đảng viên cộng sản phải quan tâm hơn nữa đến thuộc địa v.v., để sao cho đến Đại hội VI của Quốc tế, mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa trở thành sự thật. Thấy rõ nguyên nhân suy yếu của các dân tộc thuộc địa là do thiếu tổ chức và thiếu người lãnh đạo, Người đề nghị "Quốc tế cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng" [4]. Nguyễn Ái Quốc đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn chỉnh dần đường lối cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa của Quốc tế cộng sản.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng châu (Trung quốc). Tại đây, Người cùng với nhiều nhà cách mạng Trung quốc, Ấn độ, Triều tiên, Nhật bản, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po v.v. thành lập Hội liên hiệp châu Á bị áp bức nhằm thống nhất hành động chống chủ nghĩa thực dân. Đây là một hình thức mặt trận đoàn kết quốc tế đầu tiên trong lịch sử của các dân tộc bị áp bức. Tại mảnh đất phương Đông này, Người có dịp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ ủy viên Bộ phương Đông, phụ trách Vụ phương Nam do Quốc tế cộng sản trao cho, góp phần làm cho phong trào cách mạng trên dải đất đông dân cư này trở thành một bộ phận của lực lượng cách mạng thế giới. Với tư duy khoa học và hoạt động thực tiễn sôi nổi, Người dành nhiều thời gian và tâm sức xây dựng tổ chức và đào tạo huấn luyện cán bộ cách mạng cho nhiều nước.

(2) *Sđd*, tr 207
(3) *Sđd*, tr 217
(4) *Sđd*, tr 231

Digitized by Google

Tháng 9-1928, Đại hội VI Quốc tế cộng sản họp. Nguyễn Ái Quốc không tham gia đại hội này, nhưng trải qua 4 năm hoạt động sôi nổi, tích cực và qua các báo cáo, thư từ đều đặn, Người đã góp phần đáng kể vào việc hình thành những tư tưởng, quan điểm mà Đại hội VI Quốc tế cộng sản đã phản ánh trong "Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa" được đại hội nhất trí thông qua.

Cũng trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Việt nam. Người cho rằng *cách mạng thuộc địa muốn thành công, phải tổ chức ra đảng cộng sản để lãnh đạo*, "phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, cách mạng mới thành công" [5]. Trước hết, Người tổ chức "Thanh niên cộng sản đoàn", sau đó thành lập "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội", ra báo "Thanh niên", cơ quan ngôn luận, tuyên truyền của hội, mở lớp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho cách mạng Việt nam. Tháng 2-1930, với tư cách đại diện Quốc tế cộng sản, Người thành lập Đảng cộng sản Việt nam, soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt. Đó thực sự là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta.

Điều đáng tiếc là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng khách quan của quần chúng, của dân tộc, phù hợp với xu thế của thời đại, được quần chúng thừa nhận và đang quyết tâm biến nó thành thực tiễn, lại không được Quốc tế cộng sản công nhận, thậm chí Người còn bị chỉ trích là có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa, tiểu tư sản. Chỉ một thời gian sau, thực tiễn cách mạng thế giới cho thấy Cương lĩnh của Người là đúng, phù hợp với điều kiện một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Đến năm 1935, Quốc tế cộng sản tự phê bình là các đảng cộng sản đã một thời không nêu cao ngọn cờ dân tộc, mà để cho những đảng tiểu tư sản, tư sản, phát xít giành ngọn cờ ấy mà hoạt động chống cách mạng."Trong Quốc tế cộng sản, Cụ Hồ quan niệm vấn đề dân tộc một cách đúng và sớm hơn số đông người chuyên lo vấn đề này về lý thuyết và thực tiễn, sớm hơn cả Đi-mi-tơ-rốp ở Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII năm 1935" [6].

Giữa năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị đế quốc Anh bắt giam trái phép tại Hồng công. Được tin, "Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc" ra tuyên bố đòi trả tự do cho Người. Nhờ tinh thần kiên định của mình, cùng với sự can thiệp của "Quốc tế cứu tế đỏ", sự giúp đỡ nhiệt tình của luật sư Lô-dơ-bai, đầu năm 1933, Người được trả lại tự do. Khi đoàn đại biểu dự Hội nghị chống chiến tranh đế quốc đến Thượng hải, trong đó có P.Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê, bạn chiến đấu của Nguyễn Ái Quốc, Người tìm cách chắp liên lạc với Quốc tế cộng sản. Đầu năm 1934, Người đến Mát-xcơ-va, được Quốc tế cộng sản giới thiệu vào học Trường quốc tế Lê-nin. Sau đó, Người công tác và làm nghiên cứu sinh ban sử tại "Viện nghiên cứu những vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Quốc tế cộng sản. Đầu năm 1935, Người viết một bức thư gửi Bộ phương Đông Quốc tế cộng sản đề nghị một số biện pháp, nhằm khắc phục trình độ lý luận chính trị còn rất thấp của cán bộ, đảng viên ở các nước thuộc địa. Trong đó, Người nêu rõ : "Tôi thấy *tuyệt đối cần thiết* là *chúng ta phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thu được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có*" [7]. Trong thời kỳ này, Người giúp đỡ nhóm học sinh Việt nam đang học tập tại đây, bồi dưỡng cho họ về đạo đức cách mạng, tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần quốc tế vô sản, v.v..

Từ khi thành lập Đảng cộng sản Việt nam đến năm 1938, Nguyễn Ái Quốc càng tích cực tiếp tục củng cố, xây dựng những mối quan hệ chặt chẽ với Đảng cộng sản Pháp, Trung quốc, với Quốc tế cộng sản, với Bộ phương Đông và các lực lượng cách mạng, yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý trên thế giới. Thông qua hoạt động của Người, các tổ chức quần chúng cách mạng Việt nam đã tham gia trong tất cả các tổ chức quần chúng cách mạng của Quốc tế cộng sản.

Mùa đông năm 1938, Nguyễn Ái Quốc rời Liên xô đến Trung quốc, tham gia trong một đơn vị Bát lộ quân, và tìm cách liên lạc với các đồng chí trong nước. Trong thời gian này, Người viết cuốn sách về "Khu vực đặc biệt"

(5) *Sđd*, t 2, tr 188-189

(6) Trần Văn Giàu : *Vì đại một con người*, NXb Long an, 1980, tr 107

(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 3, tr 57

Digitized by Google

và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị, quân sự ở khu vực này, về phát xít Nhật, về Bát lộ quân..., đồng thời Người không quên báo cáo với Quốc tế cộng sản về "Tình hình chính trị ở Đông dương từ năm 1936 đến 1938". Trong thư "Gửi Quốc tế cộng sản" ngày 12-7-1940, Người trình bày vắn tắt những nét chủ yếu tình hình Đông dương, thái độ các giai cấp xã hội, tình hình Đảng ta, phong trào cách mạng Đông dương từ năm 1930 đến trước cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Đặc biệt, Người dự báo khá chính xác về bối cảnh quốc tế, về tình thế mới của cách mạng Việt nam, về mưu đồ của thế lực phát xít, của thực dân Anh, Pháp... Người kết luận : "Những điều kiện khách quan thực thuận lợi, nhưng điều kiện chủ quan - Đảng chúng tôi - còn quá yếu ... Đảng chúng tôi qua 10 năm, đã trải qua hai cuộc khủng bố trắng. Hiện tại, những cán bộ kỳ cựu, có kinh nghiệm của Đảng vẫn còn trong tù. Chính vì thế mà quần chúng bị hạn chế và chưa có thể tận dụng được "cơ hội ngàn năm có một" đó... Nếu như chúng tôi có được những điều kiện sau :

1) Sự tự do đi lại ở biên giới ;
2) Một số vũ khí ;
3) Một số phương tiện (tiền bạc) ;
4) Một số cố vấn...

Thì chúng tôi sẽ thành lập những khu căn cứ chống Pháp-Nhật. Đó cũng là mong muốn trước mắt của chúng tôi. Đúng, nếu như làm được việc đó, lợi dụng được những mâu thuẫn giữa những chính quyền đế quốc, thành lập và mở rộng mặt trận thống nhất của các dân tộc bị áp bức, thì tương lai tươi sáng sẽ không còn xa với đất nước chúng tôi.

Rất mong các đồng chí giúp đỡ chúng tôi giải quyết vấn đề đó" [8]. Với tinh thần nồng cháy vì độc lập tự do của Tổ quốc, với lòng nhiệt thành gắn bó với Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo và đề nghị Quốc tế cộng sản với những dòng nhiệt huyết trên.

Sau hàng chục năm hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong tổ chức Quốc tế cộng sản, mùa xuân năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt nam trên cương vị ủy viên Bộ phương Đông, phụ trách Vụ phương Nam, nhằm biến những tư tưởng cách mạng của Lê-nin, của Quốc tế cộng sản thành hiện thực trên đất nước Việt nam yêu dấu của Người. Lúc này, ở trong nước, kẻ thù khủng bố rất ác liệt, ở ngoài nước, chiến tranh lan rộng, nên sự liên lạc giữa Nguyễn Ái Quốc và Quốc tế cộng sản bị gián đoạn. Nhưng với tư duy sáng tạo và tầm nhìn chiến lược theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế cộng sản, các nghị quyết của các hội nghị Ban chấp hành và các chỉ thị của Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản sau đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt nam đi đến thắng lợi vào Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam châu Á.

Tháng 5-1943, Quốc tế cộng sản tuyên bố giải tán, Hồ Chí Minh tiếp tục hoạt động liên hệ với nhiều đảng cộng sản anh em, chủ động giương cao ngọn cờ của Quốc tế cộng sản. Tại hai hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế họp năm 1957 và năm 1960 ở Mát-xcơ-va, Người tranh thủ mọi điều kiện và thời gian trao đổi với các đoàn đại biểu về những vấn đề đặt ra trước phong trào cộng sản và công nhân quốc tế như : xác định kẻ thù ; hình thức đấu tranh ; nhiệm vụ chiến lược ; giải quyết bất hòa trong nội bộ phong trào, v.v... Cho đến lúc đi xa, Người không quên căn dặn: "Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình" [9].

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với những sự kiện, những biến đổi của Việt nam, của quốc tế trong thế kỷ XX. Người là niềm tự hào vô hạn của dân tộc ta, là ánh sáng chiếu rọi con đường đi tới "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Người được quốc tế công nhận là "anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn". Người được đánh giá là "biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau" [10].

(8) Báo *Quân đội nhân dân*, số Xuân 1994, tr 17

(9) *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà nội, 1989, tr 37

(10) *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb khoa học xã hội, Hà nội, 1990, tr 9-10

Digitized by Google

CẦN THƠ
SAU HAI MƯƠI NĂM GIẢI PHÓNG

LƯ VĂN ĐIỀN *

Hai mươi năm qua kể từ ngày giải phóng miền Nam 30/4/1975, đảng bộ và nhân dân tỉnh Cần thơ (trước đây thuộc tỉnh Hậu giang) đã có nhiều cố gắng trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng xã hội mới, đấu tranh chống chiến tranh phá hoại ở biên giới tây - nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Cho đến nay, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh đã được cải thiện rõ rệt, quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường. Hệ thống chính trị các cấp được củng cố. Đội ngũ cán bộ được đào tạo, bổ sung, trưởng thành cả về nhận thức và năng lực tổ chức thực hiện, thích ứng dần với cơ chế mới. Nên kinh tế Cần thơ có mức tăng trưởng ngày càng cao: GDP năm 1986 tăng 5,26% so với năm 1976; năm 1990 tăng 8,24% so với năm 1986 ; năm 1994 tăng 9,61% so với năm 1990. Năm 1994 kim ngạch xuất khẩu là 86 triệu USD, gấp 8 lần năm 1976 và 1,6 lần năm 1990 ; thu ngân sách trên 500 tỉ đồng, chiếm 16% GDP. Thu nhập bình quân đầu người cũng ngày càng tăng: năm 1990 - 240 USD ; năm 1991 - 255 USD; năm 1992 - 272 USD ; năm 1993 - 285 USD; năm 1994 - 312 USD. Số hộ gia đình giàu và khá tăng lên ; số hộ nghèo, đói giảm dần. Số học sinh phổ thông đến trường năm 1994 tăng hơn năm 1976 là 45% ; số y, bác sĩ cũng tăng 31%...

Nhìn lại 20 năm xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, chúng tôi thấy có thể rút ra **một số kinh nghiệm** sau đây :

Thứ nhất, kết hợp tốt việc nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước với việc xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp và bước đi thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương ; sử dụng nhiều hình thức giáo dục, tuyên truyền rộng rãi và kịp thời cho các tầng lớp nhân dân thông hiểu tình hình và nhiệm vụ để họ có thể phát huy tính năng động, sáng tạo, và tích cực góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm và các nhiệm vụ từng thời kỳ của tỉnh.

Về mặt *kinh tế*, Cần thơ đã thực hiện tốt chủ trương khuyến khích phát triển mọi thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp lại một bước, từ 150 đơn vị xuống còn 64 đơn vị, số đơn vị quốc doanh làm ăn có hiệu quả đã lên tới 90%, đóng góp 1/3 ngân sách của tỉnh. Kinh tế quốc doanh vẫn khẳng định được vai trò chủ đạo trong các ngành công nghiệp, cung ứng vật tư kỹ thuật, xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa chủ yếu. Kinh tế tư nhân phát triển khá. Kinh tế tập thể đang được củng cố và đã có nhiều hình thức hợp tác trong sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình mới.

Với điều kiện cụ thể về tự nhiên và con người của mình, Cần thơ xác định *nông nghiệp* là thế mạnh và là mặt trận hàng đầu của tỉnh. Trong những năm qua, tỉnh đã tập trung sức lực vào phát triển nông nghiệp trên diện tích 240 nghìn ha trong tổng số 296 nghìn 8 trăm ha đất tự nhiên, bao gồm 188 nghìn ha lúa, 30 nghìn ha vườn cây ăn quả. Đến nay, so với năm 1976, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng gấp 2,55 lần ; sản lượng lúa đạt 1,7 triệu tấn, tăng gấp 3,2 lần , diện tích mía 18 nghìn ha, tăng gấp 5,7 lần , diện tích cây ăn quả 28 nghìn ha, tăng gấp 1,7 lần ; đàn heo tăng gấp 1,9 lần, đàn gia cầm tăng gấp 2,8 lần .. Ở Cần thơ, nếu chỉ chú ý đến năng suất lúa và những sản phẩm nông nghiệp khác, thì không thể giàu có được, mà còn phải biết nâng chất lượng gạo và chế biến các nông sản thành hàng hóa tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Gần đây, việc chế biến các sản phẩm nông nghiệp thành hàng hóa trong nước và xuất khẩu đã được đẩy mạnh. Nhờ thế, tỷ trọng công nghiệp và thương mại, dịch vụ tăng dần ; tỷ trọng nông nghiệp giảm dần (năm 1992 nông nghiệp chiếm 53,6% , công nghiệp chiếm 12,91% ; đến năm 1994, tỷ lệ tương ứng là : nông nghiệp - 51,97% , công nghiệp - 16,41%). Hàng năm, tỉnh bảo đảm từ 600 nghìn đến 800 nghìn tấn gạo và nông sản xuất khẩu (riêng gạo là trên 100 nghìn tấn).

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

Đối với *công nghiệp*, Cần thơ hướng mạnh vào lĩnh vực chế biến và phục vụ cho nông nghiệp. Thành phố Cần thơ đang trở thành khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Mấy năm qua, công nghiệp phát triển khá. Năm 1994 giá trị sản phẩm công nghiệp đạt 507 tỉ đồng, tăng gấp 18 lần so với năm 1976 (riêng công nghiệp chế biến tăng gấp 34 lần). Cần thơ đã sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của nhà nước để đầu tư vào việc sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cảng biển, sân bay, tạo thêm thuận lợi cho việc mở mang các hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch...

Về mặt *xã hội*, tỉnh thực hiện phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội. Mỗi bước phát triển của kinh tế đồng thời cũng là mỗi bước tiến bộ của xã hội. Tỉnh đã cố gắng tập trung ngân sách chi cho việc kéo điện lưới quốc gia về đến 84/94 phường, xã trong tỉnh, phục vụ sản xuất, sinh hoạt và hoạt động văn hóa - xã hội của nhân dân. Đến nay 100% phường, xã, thị trấn đã có thông tin bằng điện thoại. Bộ mặt của phường, xã đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng văn minh, sạch đẹp. Thành phố Cần thơ bước đầu được chỉnh trang, nâng cấp và xây dựng mới để xứng đáng là trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của tỉnh và của cả miền tây - nam Nam bộ.

Thứ hai, coi trọng công tác xây dựng đảng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng bộ máy tổ chức cán bộ và tổ chức thực hiện.

Trong suốt 20 năm qua, tỉnh đã tập trung vào nhiệm vụ then chốt là xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu cho từng tổ chức đảng, từng đảng viên, để có đủ năng lực đáp ứng kịp thời cho yêu cầu của công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước. Đảng bộ Cần thơ đã bám sát những yêu cầu đổi mới của đất nước, của địa phương để đổi mới phương thức lãnh đạo hệ thống chính trị của tỉnh. Nhờ vậy mà vai trò của đảng, chính quyền, đoàn thể ở địa phương được nâng cao và vai trò làm chủ của nhân dân cũng được tăng cường.

Sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới, chỉnh đốn đảng, chất lượng của các tổ chức đảng và đảng viên đã có sự chuyển biến rõ rệt. Tỷ lệ cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng dần : năm 1991 là 41,74% ; năm 1992 - 58,77% ; năm 1993 -61,68%. Tỷ lệ cơ sở đảng yếu kém giảm dần: năm 1991 là 13,81% ; năm 1992 - 7,54% , năm 1993 - 2,16%. Số đảng viên khá, tốt tăng lên, và số yếu, kém giảm đi. Số lượng đảng viên mới được kết nạp có nhiều người trẻ và số nữ có học vấn cũng tăng lên hằng năm : năm 1992 tăng 0,5% ; năm 1993 tăng 13,7%; năm 1994 tăng 13,4%

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã cố gắng theo quy hoạch, tránh tình trạng bố trí không đúng chỗ hoặc bố trí chỉ theo bằng cấp, mà không chú ý đến năng lực thực tế sau khi được đào tạo. Bên cạnh mặt kiến thức, việc đào tạo, bồi dưỡng còn chú ý mặt phẩm chất chính trị của cán bộ như : lòng trung thành, tinh thần trách nhiệm, tính tiền phong, gương mẫu, ý thức xây dựng đoàn kết... Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong những năm gần đây có bước tiến đáng kể, nhất là từ sau khi chia tỉnh (tháng 4/1992). Đến cuối năm 1994, tỉnh đã đào tạo và bồi dưỡng được 12 196 cán bộ các loại, nhiều gấp đôi so với thời gian từ năm 1990 tới tháng 6-1992 (trong số này có :1 696 người học lớp trung, cao cấp về chính trị; 443 học lớp trung cao cấp về quản lý nhà nước; 456 học đại học pháp lý ; 1 302 bí thư chi bộ và cấp ủy cơ sở, 1 642 cán bộ ủy ban nhân dân các cấp theo các lớp bồi dưỡng ; 1 318 người theo các lớp lý luận chính trị phổ thông, 5 339 người theo các lớp chuyên môn nghiệp vụ của các đoàn thể).

Việc xây dựng bộ máy tổ chức cán bộ và tổ chức thực hiện cũng được chú ý. Tỉnh ủy, trước hết là Ban thường vụ Tỉnh ủy đã giành nhiều thời gian và công sức xây dựng bộ máy tổ chức cán bộ theo hướng tinh, gọn, hoạt động có hiệu quả ; điều động, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ ; tích cực đổi mới sự lãnh đạo, phong cách và lề lối làm việc của Tỉnh ủy đối với hệ thống chính trị trong điều kiện mới, xây dựng quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể ; kịp thời sơ kết, tổng kết, nhân rộng những điển hình mới trong phong trào quần chúng. Hằng tuần, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh có hội ý, hội báo, tăng cường khâu nắm tình hình, sâu sát hơn cơ sở và cấp dưới ; kiểm tra uốn nắn những sai sót, lệch lạc trong tổ chức thực hiện ; kịp thời động viên, khen thưởng những địa phương, tập thể và cá nhân có thành tích tốt.

Digitized by Google

. **Thứ ba**, chú trọng củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ trên cơ sở đấu tranh phê bình và tự phê bình có nguyên tắc, tạo điều kiện cho mọi cán bộ có thể phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, thiếu sót của mình. Yêu cầu quan trọng hàng đầu là bảo đảm đoàn kết, nhất trí từ trong đảng ra đến quần chúng và có sự nhất trí cao từ trên xuống dưới. Sự đoàn kết, nhất trí trong Ban thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh là hạt nhân của khối đại đoàn kết nhân dân trong tỉnh. Trên cơ sở đoàn kết, nhất trí đó, đồng bào các dân tộc trong tỉnh không phân biệt trong đảng, ngoài đảng, tôn giáo, phong tục tập quán, đã vượt qua những khác biệt, những trở ngại, cùng nhau thực hiện có kết quả sự nghiệp đổi mới trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, hiểu được lòng dân, quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, làm cho nhân dân thêm tin yêu Đảng và chính quyền. Với tinh thần dựa vào dân, lấy dân làm gốc, đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và tổ chức mặt trận trong tỉnh đã xây dựng được lực lượng nòng cốt trong các tầng lớp nhân dân ; tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân ; vận động, tổ chức nhân dân theo những hình thức thích hợp thực hiện các chương trình, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Trong công cuộc đấu tranh chống tội phạm và các tệ nạn xã hội như tham nhũng, buôn lậu, mại dâm, ma túy..., đảng bộ và chính quyền đã dựa vào nhân dân, tạo được những phong trào quần chúng tham gia rộng rãi, mang lại hiệu quả thiết thực. Thực tế cho thấy 2/3 số vụ việc tham nhũng, buôn lậu... vừa qua ở tỉnh đều do nhân dân phát hiện. Nhân dân đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết ổn thỏa các vụ tranh chấp đất đai ở nông thôn, ở các nông, lâm trường, điển hình là vụ tranh chấp lớn về đất đai ở nông trường sông Hậu. Nhân dân đã góp phần tích cực vào giải quyết các mâu thuẫn, xích mích trong nội bộ, tạo nên sự ổn định chính trị, xã hội ở các vùng đồng bào tôn giáo. Từ trong nhân dân đã xuất hiện những phong trào "xóa đói, giảm nghèo", "lá lành đùm lá rách", "ăn quả nhớ người trồng cây"... khơi dậy tình làng nghĩa xóm, cưu mang giúp đỡ lẫn nhau vượt khó. Điển hình là nhân dân xã Đông thạnh (huyện Châu thành), nơi đầu tiên có phong trào phụ nữ giúp nhau làm kinh tế, hỗ trợ nhau về vốn, kỹ thuật, lao động để phát triển sản xuất, kinh doanh. Đến nay, phong trào này đã lan ra ở hầu hết các xã trong tỉnh và có tác dụng tốt. Phần lớn những gia đình neo đơn, già cả, gia đình thương binh, liệt sĩ trong tỉnh đã có những điều kiện thuận lợi để hòa nhập với cộng đồng, vươn lên làm kinh tế.

Bên cạnh những thành tựu, Cần thơ cũng còn những khó khăn, yếu kém và những vấn đề mới đặt ra cần được giải quyết. Hiện nay, tiềm năng về lao động và đất đai, lợi thế về vị trí địa lý vẫn chưa được khai thác đúng mức. Kinh tế phát triển chưa toàn diện, thiếu vững chắc, chuyển dịch cơ cấu chậm. Nền kinh tế vẫn ở trình độ thấp và cơ bản vẫn là thuần nông. Sản xuất nhỏ, phân tán vẫn là chủ yếu, chưa tạo dựng được những ngành, những đơn vị kinh tế mũi nhọn có tầm chi phối. Nông nghiệp là thế mạnh, đóng vai trò quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế, nhưng hằng năm còn bị thiên tai đe dọa. Công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch, kinh tế đối ngoại, tài chính, ngân hàng, hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của tỉnh, chưa tương xứng với vị trí của tỉnh là trung tâm khu vực tây - nam Nam bộ. Đời sống nhân dân về các mặt (ăn, uống, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, vui chơi giải trí) nhìn chung còn thấp. Tỉnh vẫn còn hơn 15% số hộ thuộc diện nghèo (trong đó gần 12% số hộ nông dân không có ruộng để sản xuất) ; trên 70% số nhà vẫn là nhà tre lá tạm bợ ; cơ sở vật chất cho giáo dục thiếu, hơn 60 000 trẻ em ở độ tuổi đi học chưa được đến trường ; trên 40% số trẻ em bị suy dinh dưỡng... Đó là những vấn đề bức xúc mà đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đang phải gắng sức giải quyết.

*
* *

Hiện nay, đảng bộ và nhân dân tỉnh Cần thơ đang ra sức phấn đấu thực hiện những phương hướng nhiệm vụ đã đề ra. Chúng tôi tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm đã thu được trong 20 năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, sự giúp đỡ của các địa phương bạn, đảng bộ và nhân dân Cần thơ nhất định sẽ phát huy được những truyền thống tốt đẹp của quê hương, từng bước khắc phục những mặt yếu kém, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới thành công, làm cho bộ mặt Cần thơ ngày càng đổi thay, tiến bộ.

Digitized by Google

Quận 5 sau một chặng đường phát triển

TRẦN HỒI SINH *

Quận 5 là một trong 12 quận nội thành của TP Hồ Chí Minh. Quận chia làm 15 phường ; diện tích 4,14km², nhưng dân số tới 250 000 người, trong đó 40% là người Việt gốc Hoa. Trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nếu Sài gòn được gọi là "Hòn ngọc Viễn Đông", thì Chợ lớn, trong đó Quận 5 là trung tâm, có một thời đã được gọi là Hồng công, Xin-ga-po thứ hai. Bởi lẽ ở đây đã sớm hình thành các khu sản xuất, buôn bán hàng hóa tập nập ; cũng là nơi nổi tiếng ăn chơi với các tên gọi : khu Đại thế giới, Casino, Nhất dạ Đế vương. Và cũng vì thế, dân gian đã có câu : "Ăn Quận 5, nằm Quận 3". Mỹ - ngụy thất bại, đã để lại nhiều khó khăn cho Quận 5, nhất là những vấn đề về trật tự, an ninh xã hội, phân hóa giàu nghèo, trẻ em thất học, v.v.. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, đảng bộ và nhân dân Quận 5 đã vượt qua mọi thử thách khó khăn, chủ động và kiên trì phấn đấu, đạt nhiều thành tựu trong hai mươi năm qua.

1. Kinh tế Quận 5 trước tiên là kinh tế *thương mại* và *dịch vụ*. Trước đây, Quận 5 có 2 500 hộ buôn bán lớn, trên 12 000 hộ buôn bán vừa và nhỏ. Một thương trường đủ các loại hàng hóa giao lưu rộng khắp các nơi, với 15 chợ và gần chục trung tâm, trong đó có những chợ đầu mối như chợ gạo Trần Chánh Chiếu, chợ thuốc lá Học Lạc, chợ hóa mỹ phẩm - bột màu Kim Biên, chợ An Đông v.v.. các trung tâm vải Soái Kình Lâm, Đại Quang Minh, thương xá Đông Khánh, những tổng đại lý xuất nhập khẩu 18 ngành hàng, nhiều khi chi phối thương trường các tỉnh miền Trung, miền Tây, và có mối quan hệ rộng lớn với một số nước Đông - Nam Á... Hàng trăm khách sạn, nhà hàng, tiệm ăn, trong đó có những khách sạn nổi tiếng như Arc-en-ciel, Bát Đạt, Đông Kinh, Ngọc Lan Đình, Ái Huệ... Ngày nay, trong cơ chế mới, các trung tâm kinh tế đó tiếp tục hoạt động, được đưa vào quản lý và phát triển đúng hướng hơn, tuân thủ pháp luật hơn, ổn định giá cả và bảo đảm chất lượng hơn, đóng góp một khối lượng thuế khá lớn cho nhà nước.

Diện tích nhỏ nhưng quận đã phát triển tới 1 700 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế cao, tiêu thụ trong nước, cạnh tranh với hàng ngoại nhập và tham gia xuất khẩu. Quận 5 là một trong 4 quận có giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp hằng năm cao nhất thành phố. Những năm gần đây, được nhà nước và thành phố khuyến khích, bằng nhiều nguồn vốn, các thành phần kinh tế đã chú trọng đầu tư thay đổi thiết bị để phát triển sản xuất. Theo số liệu chưa đầy đủ, riêng khu vực ngoài quốc doanh trong 4 năm 1990-1994, đã đầu tư 8 triệu đô la đổi mới máy móc thiết bị để làm ra các mẫu mã hàng hóa có chất lượng cao hơn, và xu hướng này đang tiếp tục phát triển. Đó cũng là điều kiện để Quận 5 có khả năng phấn đấu giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế hằng năm từ 15% trở lên. Với cố gắng đó, ngành tiểu thủ công nghiệp của quận đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba.

Kinh tế phát triển, nguồn thu của quận hằng năm đều tăng với tốc độ khá cao : năm 1991 thu 47 tỉ, năm 1994 thu 220 tỉ, năm 1995 dự kiến thu 332 tỉ. Đây cũng là một trong 2 quận của thành phố có nguồn thu thuế cao nhất.

Quận 5 là nơi có nhiều khu phố xây dựng đã lâu đời, xuống cấp nặng, nhiều khu dân cư sống ven kênh rạch, nhà ở lụp xụp, ọp ẹp, tối tăm, thiếu tiện nghi. Trong 39 000 căn hộ của quận, hiện có hơn một nửa cần được xây dựng lại. Quận đã có chương trình giải tỏa các khu nhà này, xây dựng lại thành các khu nhà cao tầng, vừa bảo đảm cho người lao động có điều kiện sinh sống ổn định, vừa góp phần xây dựng thành phố văn minh sạch đẹp. Bước đầu, quận đã giải tỏa và xây dựng lại khu Xóm Cải, Hùng Vương... với trên 1 000 căn hộ (không tính nhà do dân tự xây). Việc làm lúc đầu cũng gặp nhiều khó khăn, nhưng càng về sau khi nhân dân hiểu rõ đảng bộ và chính quyền thực sự chăm lo cho người dân, mặt khác những khu nhà mới được xây dựng khang trang, đàng hoàng, họ càng thêm tin tưởng và ủng hộ. Hầu hết các tuyến đường nhựa trong quận

* Chủ tịch Hội đồng nhân dân Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đã sửa chữa, nâng cấp ; các đường hẻm ở phường căn bản đã được tráng xi măng. Đường phố luôn được giữ gìn sạch đẹp. 10 công viên tiêu đào trong quận đã được chỉnh trang, trồng thêm cây xanh bóng mát. Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, lấy công trình nuôi công trình, lấy nhà nuôi nhà, cùng với việc xây dựng nhà ở cho dân, những năm qua quận cũng đã xây nhiều công trình phúc lợi mới, như : Câu lạc bộ hưu trí, Nhà văn hóa thiếu nhi, Câu lạc bộ bơi lội Lam sơn, Trường Mầm non 26, Trường Hoa mi, Trường Bầu sen...

Quận cũng liên doanh xây dựng một số trung tâm thương mại hiện đại cao tầng, như chợ An Đông (4 triệu USD) đã đưa vào sử dụng ; khu An Đông 2 cao 20 tầng (trên 30 triệu USD) ; khu Thuận Kiều cao 33 tầng (86 triệu USD) ; và đang xúc tiến xây dựng một số khu nhà cao tầng nữa nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế tương lai của quận.

Quận đã chú trọng chăm lo các vấn đề xã hội trên địa bàn. Mặc dầu trên địa bàn quận hiện nay đã có 12 bệnh viện cấp thành phố và trung ương, quận vẫn chú ý xây dựng thêm các trung tâm y tế mới và các phòng khám khu vực để chăm lo sức khỏe người dân trong quận. Những năm qua, đội ngũ thầy thuốc đã vượt nhiều khó khăn, tận tình phục vụ nhân dân, tiêm phòng, chữa trị và chăm lo tốt kế hoạch hóa dân số và gia đình.

Địa bàn quận có 12 rạp hát và chiếu bóng, 3 trung tâm văn hóa, 5 câu lạc bộ, đây là cơ sở thuận lợi cho việc đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân trong quận. Những năm gần đây, phong trào văn nghệ quần chúng đã được tổ chức rộng rãi ở các phường, các ban ngành. Nhà trẻ, lớp mẫu giáo, các trường tiểu học và trung học trong quận đều phát triển, thu hút con em lao động đến học. Quận 5 là một trong những nơi có phong trào dạy tốt, học tốt khá toàn diện. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân đã không ngừng chăm lo bồi dưỡng đội ngũ các thầy cô giáo, bồi dưỡng phong trào học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh nghèo.

Quận 5 là nơi sớm có phong trào giúp đỡ nhau trong cuộc sống, lúc đầu phụ nữ quận thành lập tổ từ thiện, sau đó các ngành đều lập, và hiện nay hội từ thiện đã trở thành một hội của quận. Những năm qua, các tầng lớp nhân dân đã đóng góp được nhiều tiền của và công sức vào công tác xã hội.

2. Những ngày đầu tiếp quản, cán bộ chính trị tại quận chỉ có 18 đồng chí. Được nhân dân tin yêu, được sự hỗ trợ của quân đội, các tổ chức chính trị sau khi được thành lập đã nhanh chóng đi vào hoạt động. Hai mươi năm qua, hệ thống chính trị của quận đã luôn được củng cố và tăng cường. Đến hôm nay, đảng bộ quận đã có trên 3 000 đảng viên, trong đó 1/5 được kết nạp sau ngày giải phóng. Nhiều năm, nhất là hai năm thực hiện đổi mới và chỉnh đốn đảng, vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng từ cơ sở phường đến quận, luôn được giữ vững và tăng cường. Qua phân loại đảng viên, 37% được xếp loại 1, 58% được xếp loại 2, đại bộ phận đảng viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao... Hội đồng nhân dân, chính quyền từ phường đến quận được củng cố và đổi mới phong cách làm việc theo phương châm : chính quyền ở trong lòng dân, bám sát nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ. Vì vậy, nhân dân tin ở chính quyền, kỷ cương phép nước được tôn trọng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Liên đoàn lao động, Hội cựu chiến binh và các tổ chức xã hội khác phối hợp hoạt động đồng đều. Mặt trận Tổ quốc của quận là đơn vị mạnh của thành phố, được nhà nước thưởng Huân chương lao động hạng ba.

Sau hai mươi năm, hôm nay nhìn lại, phải khẳng định Quận 5 đã thực sự chuyển mình. Từ một trung tâm kinh tế tự phát đã chuyển dần sang một trung tâm kinh tế thị trường phát triển có định hướng, có tổ chức, có lãnh đạo. Từ một tụ điểm ăn chơi của người giàu đã chuyển thành nơi chăm lo đời sống nhân dân lao động, quan tâm tới các vấn đề xã hội, xây dựng nếp sống kỷ cương, lành mạnh và văn minh. Nhưng những chuyển biến đó mới chỉ là bước đầu. Quận 5 tự thấy còn rất nhiều yếu kém, khó khăn và lo lắng. Mặt trái của kinh tế thị trường đang tác động rất mạnh ở đây. Hằng ngày hằng giờ các tệ nạn xã hội phát triển, phân hóa giàu nghèo khá rõ. Bởi vậy, nếu đảng bộ, chính quyền và nhân dân thiếu cảnh giác, không vững vàng, thì nguy cơ chệnh hướng sẽ đến rất nhanh.

II Phân tích chặng đường 20 năm qua của Quận 5, bước đầu có thể rút ra một số nhận xét có ý nghĩa quan trọng :

1. Từ một trung tâm kinh tế thị trường tự phát chuyển sang một trung tâm kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là một quá trình lâu dài, phức tạp, mang tính chiến lược. Quá trình đó diễn ra có suôn sẻ nhanh chóng, và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa hay không, tất cả đều phụ thuộc vào

Digitized by Google

vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường tới mức nào. Càng đi sâu vào tổ chức và lãnh đạo, đảng bộ Quận 5 càng ý thức rõ điều này. Những thành tựu bước đầu mà quận có được chính là do các cấp ủy đảng trong quận đã quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng ta. Các tổ chức đảng, cán bộ và đảng viên trong toàn quận nắm chắc địa bàn, nắm chắc sự phát triển của tình hình, phân tích và luôn tìm ra các giải pháp cụ thể để hỗ trợ cho các nhân tố mới, nhân tố tích cực trong quận phát triển. Là một địa bàn phức tạp, cái tốt và cái xấu xen lẫn trong từng sự kiện, từng hiện tượng, nếu thiếu sự lãnh đạo của Đảng, nếu cán bộ, đảng viên lơ là, mất cảnh giác, không vững vàng, thì khó có thể vận dụng đúng đường lối, chủ trương của Đảng. Từ thắng lợi chuyển thành thất bại, từ đúng hướng chuyển thành chệch hướng, điều đó chỉ cách nhau gang tấc. Các chủ trương kinh tế của quận được thực hiện tốt, chính là nhờ đảng bộ, chính quyền từ cơ sở phường đến quận, luôn luôn đoàn kết, thống nhất một ý chí từ trong nội bộ, tin tưởng vào nhân dân, kiên trì vận động và phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị xã hội, tạo nên phong trào cách mạng của quần chúng. Đảng bộ Quận 5 cho rằng, muốn tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, hơn lúc nào hết các tổ chức đảng trong quận phải biết tập trung trí tuệ vào việc lãnh đạo phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, phải biết tự chỉnh đốn, tức là làm cho mình vững vàng hơn về lý tưởng, chặt chẽ hơn về tổ chức, nghiêm minh hơn về kỷ luật. Phải coi trọng xây dựng lực lượng chính trị, luôn luôn chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết nhân dân. Phát huy hết mọi khả năng, mọi đóng góp của các tầng lớp dân cư, cùng nhau chung sức xây dựng quận giàu có, văn minh và tiến bộ.

2. Sự nghiệp phát triển của quận là sự nghiệp của nhân dân toàn quận, nhưng yếu tố quyết định vẫn là đội ngũ cán bộ. Đội ngũ cán bộ bao gồm cán bộ chính trị, cán bộ kinh tế từ các đơn vị cơ sở phường đến quận. Đội ngũ cán bộ của quận 20 năm qua phát triển không ngừng, đa số trưởng thành trong phong trào của quận, một số được trung ương và thành phố bổ sung tăng cường. Đội ngũ cán bộ trong quận có ưu điểm là đoàn kết, toàn tâm toàn ý với nhiệm vụ chung, nhưng so với yêu cầu hiện nay thì vẫn thiếu và yếu, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của quận. Vấn đề đặt ra cho đảng bộ là phải tích cực hơn nữa trong công tác cán bộ. Đòi hỏi hàng đầu đối với cán bộ ở Quận 5 là lập trường cách mạng phải vững vàng, phải hiểu và nắm chắc đường lối, chính sách của Đảng, đồng thời phải có trình độ và nghiệp vụ thành thạo. Cán bộ cơ sở, phường là hết sức quan trọng, vì vậy phải nhanh chóng chăm lo tới lực lượng này, coi đây là một trong những trọng tâm của công tác cán bộ của quận.

3. Xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân là một trong những mặt mạnh của Quận 5 trong thời gian qua. Do đặc điểm kinh tế và dân cư của quận, chính quyền ở đây đã kiên trì tuyên truyền, thuyết phục, vận động và tổ chức nhân dân tự giác thực hiện đúng mọi chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Hai mươi năm qua, mặc dầu có những lúc khó khăn, một số cán bộ bị mất uy tín, nhưng chính quyền quận luôn luôn được nhân dân tin yêu. Các kỳ bầu cử hội đồng nhân dân các cấp đều được tổ chức tốt, đúng pháp luật, lựa chọn được những đại biểu xứng đáng. Phong cách điều hành của chính quyền dứt khoát, có lý mà vẫn bảo đảm tình, công việc trôi chảy. Giờ đây, khi quận đi sâu vào công cuộc phát triển kinh tế, mở rộng các quan hệ đối ngoại, thì vai trò quản lý của chính quyền quận càng phải được tăng cường. Đảng bộ quận quyết tâm kiện toàn bộ máy chính quyền từ phường đến quận, mặt khác tích cực xây dựng lề lối làm việc mới theo hướng : giảm phiền hà, có hiệu quả, kỷ cương nghiêm minh, và được dân tin yêu.

4. Người Hoa và kinh tế của người Hoa ở Quận 5 là một bộ phận gắn chặt và hòa quyện với toàn bộ dân cư và nền kinh tế của quận và thành phố. Cộng đồng người Hoa ở đây, yêu tự do, chính nghĩa, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Những năm qua người Hoa ở đây đã phát huy tài trí, sức lực, tiền của phát triển kinh tế và đóng góp xây dựng quận vững mạnh về mọi mặt. Hoạt động văn hóa của cộng đồng người Hoa đã góp phần tạo thêm sự phong phú và đặc sắc cho văn hóa Quận 5. Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội ở đây bước đầu có ít nhiều kinh nghiệm trong công tác vận động người Hoa. Những kinh nghiệm đó cần được chú ý và phát huy trên cơ sở vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của quận đường lối đại đoàn kết các dân tộc anh em và đường lối đối ngoại của Đảng.

Digitized by Google

CON ĐƯỜNG TỪ HỘ NÔNG DÂN TIẾN LÊN HỢP TÁC XÃ

TRẦN ĐỨC

NGHỊ quyết 10 của Bộ chính trị (tháng 4 năm 1988) đánh dấu một bước ngoặt chiến lược trong đường lối phát triển nông nghiệp. Việc xác định kinh tế hộ là đơn vị kinh tế tự chủ là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội nông thôn nước ta vốn đã gắn bó từ bao đời nay với người nông dân. Song, ngày nay hoàn cảnh đã khác trước. Đã qua rồi cái cảnh "chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa" của chế độ tự cung tự cấp. Một sự phân công lại lao động đang diễn ra khi nền kinh tế từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.

Kinh tế hộ nông dân là một loại xí nghiệp lao động gia đình với mục đích không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu tự thân, mà còn để sản xuất ra hàng hóa trao đổi nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách gia đình. Toàn bộ cấu trúc của nó do vậy được quy định không chỉ bởi "mối tương quan giữa những nhu cầu tiêu dùng và những cánh tay lao động của nông dân" mà còn bởi yêu cầu sản xuất hàng hóa mà thị trường có vai trò quyết định tối hậu.

Nhưng thực trạng nông thôn của nước ta cho thấy trình độ sản xuất của phần lớn các hộ nông dân hiện nay còn thấp kém, quy mô nhỏ, thiếu vốn, thiếu phương tiện ; trình độ hiểu biết kinh doanh còn thấp, đời sống của phần đông các hộ gia đình cũng chưa phải đã hết khó khăn. Trong bối cảnh đó, để có thể chuyển kinh tế hộ nông dân sang sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất, người nông dân phải hội tụ được những điều kiện cần thiết về *vốn, công nghệ, thị trường* và *phương pháp kinh doanh*. Về phía nhà nước, cần có một hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế-xã hội đầy đủ để định hướng cho nền kinh tế phát triển ổn định theo cơ chế thị trường. Quá trình này sẽ không diễn ra một cách "đồng đều" như đã từng diễn ra trong thời bao cấp trước đây. Trong khi một số hộ có vốn, có sức lao động và biết cách làm ăn đang tiến lên nhanh chóng, thì một bộ phận không nhỏ các hộ gia đình không vươn lên kịp, nên người ta cảm thấy "nghèo đi một cách tương đối".

Nêu ra thực trạng trên đây, không phải tôi muốn nông thôn nước ta trở lại xã hội công bằng trong nghèo đói, cũng không phải tôi đồng tình với thái độ lảng tránh và buông trôi để tình hình tiếp tục phát triển một cách tự phát. Trên thực tế, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành một số thể chế phù hợp, một mặt khuyến khích mọi nhà làm giàu theo pháp luật, mặt khác tìm cách hỗ trợ những hộ nghèo vươn lên "xóa đói, giảm nghèo", tạo điều kiện để tự họ có thể thay đổi cách làm ăn, ngày càng thu hẹp khoảng cách giữa các hộ giàu và hộ nghèo trong xã hội.

Kinh tế hộ sẽ không ngừng đi lên, đó là điều kiện để các hợp tác xã đích thực ra đời, tồn tại và phát triển; đến lượt chúng, các hợp tác xã đích thực này sẽ trở thành điều kiện và môi trường thuận lợi để kích thích kinh tế hộ phát triển mạnh hơn. Những hợp tác xã loại này khác hẳn với những hình thức liên kết lỏng lẻo như các tổ vần công, đổi công, tương trợ lẫn nhau trong công việc nhà nông và sinh hoạt hằng ngày như trước đây. Song, bản thân kinh tế hộ cũng như hợp tác xã là những hình thức kinh tế rất uyển chuyển và đa dạng, chính vì vậy vẫn phải xác định quá trình từ kinh tế hộ đến kinh tế hợp tác xã có mối quan hệ qua lại.

Nếu từ những năm 60, kinh tế gia đình được coi là kinh tế phụ có nhiệm vụ bổ sung cho kinh tế hợp tác xã, thì ngày nay, kinh tế gia đình đã trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ trong nông thôn. Từ lâu cũng đã có quan điểm cho rằng hợp tác xã là hiệp hội của các hộ nông dân, nó chỉ xã hội hóa một phần sản xuất, đó là phần sản xuất lớn, có ưu thế hơn sản

Digitized by Google

xuất nhỏ. Quá trình này được thực hiện bằng cách tách ra về mặt tổ chức các ngành, các hoạt động, để từ đó liên hiệp lại trên nguyên tắc hợp tác sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Quá trình tách đó diễn ra phổ biến và trước hết ở những khâu, những quá trình nằm cách xa công việc trực tiếp của người nông dân, bằng cách tập trung hóa tối thiểu ở những quá trình sinh học, từng bước tăng mức tập trung ở các lĩnh vực có liên quan từ gần đến xa. Song mỗi ngành lại có một giới hạn tối ưu cần thiết. Khi giới hạn tối ưu vượt qua khuôn khổ của kinh tế gia đình thì người nông dân có thể "phá vỡ" nó và tìm cách hợp tác với nhau để đạt tới giới hạn tối ưu mới. Tình hình đó sẽ diễn ra khi người nông dân cảm thấy sự chật hẹp của mảnh đất riêng, tìm cách vượt ra khỏi giới hạn của tự cung tự cấp, cần đến tín dụng, kỷ luật và công nghệ tiến bộ. Trong khi đó, các quá trình thuần túy sinh học trong trồng trọt cũng như trong chăn nuôi lại đòi hỏi sự chăm sóc của từng cá nhân. Hai yếu tố đó tác động mạnh đến sự phát triển theo chiều rộng của kinh tế hộ nông dân và đòi hỏi phải có hình thức hợp tác. Tổ chức này sẽ tước đi của các hộ nông dân riêng lẻ những quá trình lưu thông để thành lập hợp tác xã tiêu thụ, cung ứng ; tước đi khâu sơ chế nông sản để thành lập các xí nghiệp chế biến; tước đi một số khâu kỹ thuật để tổ chức trung tâm dịch vụ kỹ thuật..., và bằng cách đó, sẽ đặt nền móng cho quá trình phát triển từ thấp đến cao hệ thống hợp tác xã. Các hệ thống này, đến lượt chúng, thông qua các trung tâm hợp tác xã vùng mà thiết lập quan hệ kinh tế của hộ nông dân với các xí nghiệp công nghiệp, thương nghiệp và vươn ra thị trường thế giới.

Có lẽ cũng không nên cho rằng hợp tác xã đích thực là một xí nghiệp tập thể. Chính ra đó là một tập hợp các xí nghiệp nhỏ, bởi vì các hộ nông dân là thành viên của hợp tác xã vẫn giữ được tính độc lập tương đối của mình, khác với quan hệ của các bộ phận trong nội bộ xí nghiệp công nghiệp, chúng phụ thuộc hoàn toàn vào xí nghiệp. Quả thật, nếu không có tính độc lập ấy thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến lòng hăng say trong lao động của người nông dân, và sự đóng góp lao động không đồng đều của họ cũng sẽ gây nhiều khó khăn cho việc tìm một phương pháp phân phối thật hợp lý phần lợi nhuận thu được. Nhưng không phải chỉ có thế, ngoài việc giải quyết những vấn đề thuần túy kinh tế, lại còn phải xây dựng ý thức hợp tác, tương trợ, thiết lập nền tảng dân chủ, giải quyết những mâu thuẫn thường xuyên phát sinh giữa ban quản lý và xã viên. Đó cũng là những vấn đề mà trước đây Lê-nin đã dày công nghiên cứu nhằm tìm kiếm một mô hình hợp tác xã có khả năng kết hợp được những nguyên tắc dường như trái ngược nhau giữa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội [1]. Đó là mô hình hợp tác xã với chức năng *làm dịch vụ* cho các hộ nông dân trước và sau sản xuất, chú ý cả "đầu vào" và "đầu ra". Hộ nông dân và hợp tác xã là hai thành phần kinh tế tuy hòa vào nhau, nhưng hộ nông dân vẫn giữ tính độc lập của mình, không hòa tan vào kinh tế tập thể như trước đây.

Trong quá trình đổi mới quản lý kinh tế, thực trạng nền kinh tế nước ta những năm qua tự nó đã định hình một cách khách quan tính mềm dẻo, đa dạng của kinh tế hợp tác, với những hình thức, quy mô và bước đi không giống nhau đối với từng ngành nghề và trong nhiều vùng khác nhau. Nhiều hợp tác xã cũ đã chuyển chức năng theo hướng làm dịch vụ giải quyết "đầu vào" và "đầu ra" cho các xã viên nhưng vẫn gặp không ít khó khăn, nhất là trong việc tiêu thụ sản phẩm. Do tổ chức chưa có đủ kinh nghiệm, thiếu đồng bộ trong quản lý từ vĩ mô đến vi mô, lại còn mang nặng tính máy móc theo lối hoạt động của cơ chế cũ, nên năm 1992 tỉnh Nam hà có 2/3 số hợp tác xã thất bại, 1/3 số hợp tác xã ít nhiều thành công, nhưng phần lớn số này lại bị sa sút dần do ban quản lý tham ô, tiêu cực.

Các hình thức hợp tác *từng việc, từng khâu* có tính ổn định như tổ đường nước, tổ nuôi bò, hợp tác nuôi hươu, nuôi vịt, nuôi tôm, tổ phòng trừ sâu bệnh hại lúa, các loại hình tổ tín dụng v. v. ở nhiều nơi được nông dân hưởng ứng. Ở An giang, có các tổ liên kết từ vay tiền chuyển sang liên kết sản xuất dưới nhiều dạng khác nhau như trồng lúa, trồng màu, làm vườn, chăn nuôi trên cơ sở thật sự tự nguyện và cùng có lợi.

Một loại hình hợp tác nữa xuất hiện ngày càng nhiều, đó là hình thức hợp tác *góp cổ phần* do các chủ thể kinh doanh độc lập góp công, góp của, tổ chức chặt chẽ, có vốn chung,

(1). Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 421

Digitized by Google

thực hiện dân chủ tự quản và có tư cách pháp nhân. Nhiều hợp tác xã cũ, nhờ đổi mới chức năng từ thực hiện kế hoạch tập trung sản xuất sang làm dịch vụ cho các hộ xã viên, đã trở thành các hợp tác xã ăn nên làm ra.

Từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, 2 hợp tác xã Kinh 4A và Kinh 3A (huyện Tân hiệp tỉnh Kiên giang) tập trung vào việc làm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ vốn cho nông dân, kết quả là giá dịch vụ rẻ hơn so với tư nhân. Với nguyên tắc hoạt động tín dụng "hỗ trợ người nghèo, khuyến khích làm giàu", cho vay với lãi suất thấp, hai hợp tác xã này đã giúp dân ở đây thoát được nạn cho vay nặng lãi, nhiều hộ nghèo khó đã dần dần trở nên khá và giàu, xã viên thanh toán đúng kỳ hạn và đầy đủ cả vốn lẫn lãi cho hợp tác xã.

Hợp tác xã Mễ sở (huyện Châu giang, tỉnh Hải hưng) đã thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả, đưa những vườn mini gần nhà ra ngoài đồng, trồng cây ăn quả và cây cảnh. Năm ngành sản xuất hàng hóa đã được hình thành, đó là : nông nghiệp ; tiểu thủ công nghiệp ; sửa chữa cơ khí nhỏ và dịch vụ kỹ thuật ; công nghiệp chế biến nông sản (như chưng cất tinh dầu, chế biến dược liệu, làm long nhãn và các loại mứt tết bằng nguyên liệu tại chỗ...) ; và thương mại. Lực lượng lao động nhờ đó đã được phân công lại, lao động nông nghiệp giảm 20%, còn lao động phi nông nghiệp từ 20% nay tăng lên 49%. Nhiều nơi lao động trong nội bộ hợp tác xã không đủ để đáp ứng nhu cầu của sản xuất, đã thu hút thêm vài trăm lao động ở các xã lân cận đến làm thuê.

Những hợp tác xã như trên không ít thì nhiều ở tỉnh nào cũng có, đó thường là những hợp tác xã quy mô xã có từ trước, cơ sở vật chất hoặc vốn tương đối lớn, đã từng có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp và phát triển ngành nghề, bộ máy điều hành có nghiệp vụ và đã được tinh giản. Nếu được sự hỗ trợ của nhà nước về mặt đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật và quản lý, đặc biệt là được cho vay vốn, thì chúng ta hy vọng trong những năm tới, trên cơ sở các nông hộ sản xuất hàng hóa như hiện nay, số hợp tác xã kiểu như Kinh 3A, Kinh 4A, Mễ sở... sẽ nhân lên gấp bội. Ở những hợp tác xã nêu trên, với chức năng làm dịch vụ tổng hợp, trong quá trình phát triển có thể có một số ngành tách ra hình thành các hợp tác xã riêng biệt như hợp tác xã tín dụng, chế biến nông sản, thương nghiệp v.v. có lợi cho việc chuyên môn hóa, hiện đại hóa, đào tạo ngành nghề.

Nhìn sang các nước trong khu vực, chúng ta thấy có nhiều hình thức huy động vốn từ các thành phần kinh tế vào xây dựng nông thôn và phát triển sản xuất nông nghiệp. Chẳng hạn, ở **Đài loan** cổ phần trong các hợp tác xã nông nghiệp không chỉ dành riêng cho nông dân, mà còn cho cả dân ở các vùng đô thị. Ở **Nhật bản**, người ta phân biệt *hai* loại xã viên tham gia các *nông hiệp* (tức là các hợp tác xã liên hiệp với chức năng làm dịch vụ và chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho xã viên) : một là, "xã viên chính thức" (có ruộng đất); hai là, "xã viên chuẩn" (không làm ruộng, nhưng góp *cổ phần** cho nông nghiệp để hằng năm có thêm một số thu nhập nhất định). Những kinh nghiệm nói trên có thể vận dụng sáng tạo để xây dựng hợp tác xã ở ta hiện nay, khi nông thôn còn nghèo, nhà nước chưa đủ vốn để thỏa mãn mọi yêu cầu phát triển nông nghiệp, nhưng khu vực đô thị thì vẫn còn nhiều vốn nhàn rỗi chưa được huy động vào sản xuất.

Hiện nay ở ta, bên cạnh một số hợp tác xã kinh doanh có hiệu quả, còn rất nhiều hợp tác xã "hữu danh vô thực", "bỏ thì thương, vương thì tội". Để thuận tiện cho việc huy động vốn ở nông thôn, có ý kiến cho rằng nên giải tán các hợp tác xã này để mở đường cho các hợp tác xã kiểu mới hình thành. Tuy nhiên, xử lý việc này thế nào cho hợp tình hợp lý không đơn giản. Theo tài liệu của ban chính sách thuộc Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm hiện nay, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đang còn nợ của nhà nước khoảng 300 tỉ đồng, và số tiền xã viên nợ của các hợp tác xã cũng từng ấy tỉ đồng. Vấn đề nợ này cần được giải quyết sớm để nhà nước đỡ bị thiệt, xã viên cũng thấy được tính nghiêm minh của chủ trương chính sách của nhà nước, lòng tin của người dân ở nông thôn được khôi phục, và điều đó sẽ hậu thuẫn cho việc huy động vốn không chỉ từ nông dân mà còn từ các thành phần kinh tế khác.

Trong việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cũng như huấn luyện nông dân, cần mở rộng hoạt động của công tác khuyến nông với nhiều

* Theo Đoàn khảo sát nông thôn tại Nhật bản tháng 9 năm 1994 của Phan Đại Doãn, ở vùng Ô-ga-ki (miền Trung Nhật bản), mỗi "xã viên chuẩn" phải đóng góp 10 vạn yên, tương đương 1 nghìn đô la Mỹ.

Digitized by Google

hình thức phong phú, thiết thực, đi sâu xuống tận cơ sở. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Còn phải mạnh dạn mở nhiều trường lớp cho các hộ nông dân, các chủ trang trại, các chủ nhiệm hợp tác xã mới hình thành, thời gian học có thể từ vài tháng đến một vài năm. Ở nhiều nước, muốn được công nhận là chủ trại, phải có bằng tốt nghiệp các trường lớp kỹ thuật, quản lý và trải qua một thời gian tập sự ở trong nước hoặc ở nước ngoài.

Cách chỉ đạo thực hiện cũng cần được đổi mới. Không thể quên rằng công tác kế hoạch hóa trong xây dựng các hợp tác xã có một ý nghĩa đặc biệt. Tuy nhiên, phương pháp luận về kế hoạch hóa cần phù hợp với cơ chế thị trường, nhấn mạnh kế hoạch hóa nhiều cấp theo hướng phi tập trung hóa nhằm tận dụng tối đa các nguồn lực để phát triển, chú ý cả chỉ tiêu tổng sản lượng và chỉ tiêu mức độ gia tăng (nghĩa là phần sản lượng tăng thêm trong kỳ kế hoạch), vì nếu chỉ có chỉ tiêu tổng sản lượng thì sẽ không khuyến khích sự phát triển của kinh tế trang trại, còn nếu chỉ chú ý mức độ gia tăng thì vô hình trung sẽ coi nhẹ các hộ tiểu nông (hiện nay đang chiếm phần lớn số nông hộ) vì phần đóng góp của họ vào sản lượng gia tăng thấp hơn phần đóng góp của họ trong tổng sản lượng.

Trong thời mở cửa, chúng ta may mắn có dịp học tập được nhiều kinh nghiệm của hợp tác xã ở các nước. Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA) nêu lên một số điều kiện tiên quyết nếu muốn xây dựng hợp tác xã thành công, như : lãnh đạo phải có kiến thức, trung thực, chí công vô tư ; bộ máy giỏi nghiệp vụ ; hệ thống kiểm tra hoạt động thường xuyên ; tiền lương thù lao xứng đáng ; chính phủ hỗ trợ, thúc đẩy và giúp đỡ các hợp tác xã phát triển, không can thiệp vào nội bộ của hợp tác xã. Đó là những bài học bổ ích cho việc xây dựng các hợp tác xã ở nước ta.

Nhìn về lâu dài, trong quá trình xây dựng hợp tác xã, cần dự báo một số chuyển biến về các mặt ruộng đất, cơ cấu kinh tế, văn minh làng xã, hiện đại hóa và công nghiệp hóa...

Nước ta với bình quân ruộng đất tính theo hộ khá thấp, đó là trở ngại đáng kể cho quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất, vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách ruộng đất. Thực tế của hợp tác xã Mễ sở (Hải hưng) cho thấy, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đây, biến các vườn mini thành cả một vùng trồng cây táo, cây quất, gắn liền với sự đa dạng hóa quyền chuyển nhượng ruộng đất dưới nhiều hình thức. Trong một tương lai không xa, trong quá trình cơ giới hóa, số ngày công làm việc trên một héc ta ruộng đất ngày càng giảm xuống (ở Nhật bản, tại vùng Ô-ga-ki, một héc ta chỉ cần 25-30 công). Tâm lý của người nông dân cũng sẽ có sự biến đổi. Người nông dân thuần nông sẽ chuyển thành người nông dân nhiều nghề, từ tự cấp tự túc họ sẽ trở thành người nông dân sản xuất hàng hóa, biết hạch toán rất cụ thể và chi ly. Nhiều nơi đang và sẽ có những hộ nông dân không thích làm ruộng và muốn chuyển sang nghề khác vì có lợi hơn. Ở đồng bằng sông Cửu long, với một vài công đất trong tay, số người "bán ruộng" để đi làm thuê sẽ tăng lên, còn ở đồng bằng sông Hồng và nhiều nơi khác, người nông dân có khi không làm ruộng nhưng vẫn không muốn bán quyền chuyển nhượng hoặc quyền sử dụng ruộng đất của mình. Quá trình tích tụ ruộng đất càng tăng, vai trò của máy móc cũng tăng theo. Kế theo đó những tập quán vần công, đổi công của nông thôn ngày trước không phù hợp nữa, thay vào đó là các hợp tác xã kiểu mới sẽ hấp dẫn và cuốn hút phần lớn nông dân tham gia.

Hệ thống dòng họ đã từng tồn tại lâu đời trong nông thôn hầu như bị lãng quên trong thời kỳ tập thể hóa, những năm gần đây được nhen nhóm lại, sẽ trở nên yếu đi cùng với tính độc lập tự chủ của hộ gia đình tăng lên. Quan hệ đoàn kết trở nên lỏng lẻo, cộng đồng làng xã vốn là một truyền thống từ nền văn minh sông Hồng cũng sẽ không còn chặt chẽ như xưa.

Trong những năm tới, hiện đại hóa trong nông thôn sẽ hướng vào thủy lợi, giao thông và công nghệ sinh học. Và cũng như các nước trong khu vực, nông thôn nói riêng cũng như cả nước nói chung càng hiện đại hóa, hòa nhập với cộng đồng quốc tế, lại càng phải chú ý giữ gìn bản sắc dân tộc.

Những vấn đề xã hội, văn hóa và kinh tế trên đây nếu được quan tâm đầy đủ, sẽ góp phần không nhỏ vào việc hình thành, mở rộng và củng cố khu vực hợp tác hóa kiểu mới của nông dân làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Digitized by Google

"Phát triển" nhìn dưới góc độ của tiến trình lịch sử

NGUYỄN VIẾT THẢO* NGUYỄN THỊ THANH **

Từ mấy thập kỷ nay, "phát triển" đã trở thành một khái niệm quen thuộc và nó được xem xét trên tất cả các bình diện : xã hội, văn hóa, môi trường... Có thể nêu ra những yếu tố định tính cơ bản của "phát triển" là : sự hài hòa giữa thỏa mãn về vật chất và toại nguyện về tinh thần ; giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ; giữa hiệu quả sản xuất - kinh doanh và an toàn môi trường, sinh thái ; giữa tự do sáng tạo và chuẩn mực giá trị ; giữa dân chủ xã hội và trật tự kỷ cương ; giữa cá nhân và cộng đồng, gia đình và xã hội, truyền thống và hiện đại v.v..

Tiến bộ xã hội là xu thế vận động tất yếu khách quan của lịch sử loài người. Với tư cách là một quá trình biện chứng, tiến bộ xã hội có biểu hiện cụ thể ở mỗi thời điểm xác định. "Phát triển", với nội dung nêu trên, là sự phản ánh cụ thể của tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay - thời đại bước ngoặt trong toàn bộ tiến trình con người hoàn thiện hóa mối quan hệ với tự nhiên và xã hội.

Nhu cầu về sự phát triển toàn diện và nhân bản không xuất hiện ngẫu nhiên, mà có mầm mống, tiền đề từ đầu thế kỷ XX. Lúc đó, chủ nghĩa tư bản đang ở giai đoạn độc quyền nhà nước và những điều kiện của cách mạng vô sản đang được chuẩn bị.

* * *

"Phát triển" không chỉ là vấn đề kinh tế - vật chất. Tuy vậy, vẫn cần phải đánh giá nó trước hết trên cơ sở các quan hệ kinh tế được hình thành trong quá trình sản xuất. Quan điểm duy vật lịch sử luôn luôn nhấn mạnh vai trò hàng đầu của phương thức sản xuất, tiềm lực sản xuất, trình độ phát triển lực lượng sản xuất và năng suất lao động đối với sự vận động của xã hội loài người.

Từ những năm 80 của thế kỷ XVIII, cách mạng công nghiệp đã mở ra một thời đại kinh tế mới, và cùng với nó, tạo ra tiền đề vật chất quan trọng cho sự ra đời của một hệ thống các quan hệ xã hội mới. Sự biến đổi đó được so sánh "như sự biến đổi từ con người săn bắt man rợ thời kỳ đồ đá cũ sang con người canh tác thời kỳ đồ đá mới" (1). Với việc biến những nguồn lực vô tri, vô giác thành những nguồn lực có sinh khí, biến đổi nhiệt lượng thành lao động thông qua sử dụng máy móc, năng suất lao động xã hội được nâng lên một cách nhanh chóng, và khối lượng hàng hóa tăng theo cấp số nhân. Tổng sản phẩm quốc dân của Anh - quê hương của cách mạng công nghiệp - giữ đều đặn nhịp độ tăng trưởng và đã tăng gấp 14 lần trong thế kỷ XIX. Nhịp độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp thế giới các năm 1830, 1860, 1880, 1900 và 1913 tương ứng là : 0,8%, 0,7%, 1,8%, 2,6% và 4,3% (2). Sự tăng năng suất lao động nhờ máy móc đã đem lại phúc lợi ngày càng cao, tạo cơ hội cho con người công nghiệp vượt qua những hạn chế của quá khứ trong việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần.

Tư tưởng về sự phát triển xã hội, hoàn thiện con người, vốn đã được xác lập từ thời Phục hưng, nhưng phải đến thời kỳ cách mạng công nghiệp mới được hiện thực hóa một bước quan trọng. Sức mạnh mang tính xu thế lịch sử của sự phát triển này xuyên suốt hai thế kỷ XIX và XX. Cuộc nội chiến Bắc-Nam ở Mỹ (1861-1865) ; sự ra đời chế độ quân chủ Minh Trị ở Nhật bản (1868) và cuộc Cách mạng Tháng

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Đại học tổng hợp Huế

(1) Paul Kennedy : *Hưng thịnh và suy vong của các cường quốc*, Nxb Thông tin lý luận, Hà nội, 1992, tr 54

(2) *Sđd*, tr 108

Digitized by Google

Mười Nga (1917) là những cách trả lời khác nhau trước nhu cầu phát triển trong thời đại công nghiệp.

"Phát triển", một mặt, được thời đại công nghiệp tạo điều kiện ra đời, mặt khác, cũng bị một số yếu tố của chính thời đại đó cản trở.

Trước hết, phải kể đến hạn chế của bản thân nền sản xuất đại công nghiệp đối với sự phát triển xã hội theo khuynh hướng vì con người. Lịch sử vận động nhờ động lực của một hệ thống các lợi ích, trong đó lợi ích được tạo ra từ quan hệ cung - cầu chiếm vị trí nền tảng. Chính những nhu cầu kinh tế - vật chất của xã hội đã thúc đẩy sản xuất phát triển. Bởi vậy, một xã hội có khả năng đáp ứng nhu cầu và biết tạo ra nhu cầu là một xã hội hướng tới sự phát triển. Với đặc trưng sản xuất hàng loạt, nền kinh tế công nghiệp chỉ thỏa mãn lượng của nhu cầu, và không làm phong phú thêm nhu cầu, nghĩa là không tạo ra nhu cầu mới. Nhìn từ phía khác, với sự phát minh ra các máy động lực và truyền lực, nền sản xuất đại công nghiệp đã giải phóng một cách cơ bản sức lao động, nhưng chỉ dừng lại ở đó. Con người - với tư cách cá tính sáng tạo tự do - hoàn toàn chưa được giải phóng. Người lao động vẫn đứng trong quá trình sản xuất, cùng với máy móc, lệ thuộc vào máy móc và biến thành máy móc.

Trên đây là hai vấn đề then chốt của "phát triển" và tiến bộ xã hội xuất hiện khi loài người sống những năm hưng thịnh của thời đại công nghiệp. Chúng đòi hỏi phải được giải quyết trong suốt thế kỷ XX.

*
* *

Chủ nghĩa tư bản, xét trên cả hai phương diện *phương thức sản xuất* và *chế độ xã hội*, đã có công lao to lớn là khơi dậy trong đời sống xã hội nhu cầu phát triển toàn diện ; đồng thời, cũng đã có những đóng góp tích cực vào quá trình thực hiện mục tiêu phát triển và tiến bộ xã hội.

Kể từ khởi nguyên cách mạng ở nước Anh đến nửa sau thế kỷ XIX - giai đoạn toàn thắng của chủ nghĩa tư bản, lực lượng sản xuất toàn thế giới đạt con số tương đương với tổng số lực lượng sản xuất mà loài người đạt được trong suốt quá trình lịch sử trước đó. Hơn 200 năm bằng cả hơn 15 thế kỷ trong lộ trình hướng tới tiến bộ xã hội. Chính Mác và Ăng-ghen đã đánh giá rất cao vị trí lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

Có thể nói, trong thời đại của chủ nghĩa tư bản, đã xuất hiện một quá trình bùng nổ trí tuệ và bùng nổ ý thức xã hội. Hàng loạt phát minh khoa học có tầm cỡ thời đại không những mở ra chân trời mới cho con người chinh phục tự nhiên, cải tạo nó theo ý định của mình, mà còn tạo tiền đề trực tiếp cho sự ra đời của cuộc cách mạng kinh tế - sản xuất và cuộc cách mạng tư duy về xã hội loài người. Lá cờ *"Tự do-Bình đẳng-Bác ái"* lần đầu xuất hiện trong phong trào cách mạng tư sản đã chứa đựng trong mình những đường nét không thể thiếu của tiến bộ xã hội, của "phát triển", mà ngày nay loài người đang tiếp tục theo đuổi. Dũng cảm đạp đổ vương quyền phong kiến và thần quyền trung cổ, chủ nghĩa tư bản đã giải thoát con người khỏi thân phận nô lệ và đặt con người vào vị trí con người công dân.

Bên cạnh những đóng góp rất có ý nghĩa nêu trên, chủ nghĩa tư bản cũng đã tạo ra nhiều lực cản, kìm hãm sự phát triển và tiến bộ xã hội. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản thể hiện trên rất nhiều mặt, nhưng suy cho cùng, tất cả đều bắt nguồn ở chỗ : nó là chế độ xã hội và phương thức sản xuất tồn tại và được duy trì *trên cơ sở người bóc lột người, người nô dịch người*. Điều này đẩy chủ nghĩa tư bản tới mâu thuẫn không thể giải quyết nổi trước nhu cầu và xu thế phát triển và tiến bộ xã hội.

Sự phát triển của xã hội tư bản mang trong mình mâu thuẫn sâu sắc : sức mạnh kinh tế của toàn xã hội thì tăng lên, nhưng tình cảnh bị áp bức, bóc lột của tuyệt đại đa số người làm ra của cải vẫn không hề giảm bớt. "Phát triển" trong điều kiện chủ nghĩa tư bản phải trả giá bằng việc con người bị tha hóa, quyền bình đẳng của con người bị chà đạp.

Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và "phát triển" được khắc họa chính xác như sau : "Toàn thể loài người ngày càng chi phối thiên nhiên được nhiều hơn, trong lúc đó thì những con người riêng biệt lại trở thành nô lệ của những người khác, hay nô lệ cho sự hèn nhát của chính mình. Tưởng chừng như ngay cả đến ánh sáng thuần khiết của khoa học cũng không thể chiếu rọi bằng cách nào khác ngoài cách chiếu rọi trên tấm màn tối tăm của sự ngu dốt. Tất cả những phát minh của chúng ta và tất cả sự tiến bộ của chúng ta tựa hồ như đưa tới chỗ là những lực lượng vật chất có một đời sống

Digitized by Google

tinh thần, còn đời sống của con người thì hạ thấp xuống trình độ những lực lượng vật chất đần độn" (3).

Ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, quá trình phát triển của lực lượng sản xuất, của tri thức khoa học - kỹ thuật, của ứng dụng khoa học vào sản xuất... diễn ra với tốc độ và quy mô lớn gấp bội so với giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh trước đó. Đồng thời, cũng chính ở giai đoạn này, chủ nghĩa tư bản đã sản sinh ra nhiều mặt đối lập với xu thế phát triển của xã hội, thậm chí đối lập với cả sự tồn tại của loài người nói chung. Bóc lột, nô dịch, xâm lược, chiến tranh, chủ nghĩa phát xít... - những bản chất cố hữu của chủ nghĩa đế quốc - là những gì không thể tương dung với "phát triển", với tiến bộ xã hội.

Xem xét mối quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản và tiến bộ xã hội, thấy nổi lên một *nghịch lý* bao trùm : chủ nghĩa tư bản *vừa là* người mở đầu quá trình phát triển xã hội theo khuynh hướng vì con người, *vừa là* kẻ đưa xã hội loài người vào tình trạng thoái bộ trầm trọng nhất. Yếu tố nào đã dẫn chủ nghĩa tư bản đến chỗ phản bội lại mục tiêu, lý tưởng ban đầu ? Đó chính là chế độ người bóc lột người, là sự nô dịch của dân tộc này, quốc gia này đối với dân tộc khác, quốc gia khác. Mâu thuẫn mang tính thời đại ấy cũng chính là nguyên nhân đưa tới những biến đổi sâu sắc trong xã hội loài người ở thế kỷ XX.

*
* *

Tư tưởng về sự phát triển xã hội theo các mục tiêu công bằng và nhân đạo trên cơ sở tự do của mỗi người phải là điều kiện, tiền đề cho tự do của tất cả mọi người không hề bị lãng quên, mà trái lại, trở thành động lực tinh thần thức tỉnh, lôi cuốn hàng trăm triệu người vào những cơn lốc chính trị - xã hội mang tính cách mạng ở thế kỷ XX.

Chiến tranh thế giới thứ nhất phản ánh bất lực rõ rệt của chủ nghĩa tư bản trước mâu thuẫn nội sinh trong quá trình phát triển biện chứng của xã hội nói chung và của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói riêng. Trong cơn đỏ vỡ 1914-1918, loài người trăn trở tìm kiếm một con đường phát triển khác. Và Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) là giải pháp thực tế giải quyết các mâu thuẫn cơ bản của thời đại, nó vạch ra một con đường hiện thực cho mục tiêu lịch sử về sự phát triển vốn đã tích tụ từ thế kỷ trước. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội và sau đó trở thành hệ thống thế giới sẽ không thể trở thành sự thật một khi không có động lực được tạo ra từ chính mâu thuẫn của sự phát triển ; một khi không bắt nguồn từ nhu cầu, đòi hỏi của lịch sử. Có thể còn tồn tại những cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau, trái ngược nhau về sự hình thành chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng điều không thể phủ nhận được là *với chủ nghĩa xã hội, tư tưởng về công bằng xã hội và lợi ích của đông đảo quần chúng lao động lần đầu tiên trở thành hiện thực sinh động*. Trong điều kiện cùng tồn tại hai hệ thống xã hội đối lập, mâu thuẫn biện chứng của sự phát triển trở nên phức tạp hơn bao giờ hết, ảnh hưởng nhiều mặt đến diễn biến của đời sống chính trị trong thời đại ngày nay.

Liên xô là một mô hình mới của sự "phát triển". Trên những bình diện cơ bản như chế độ sở hữu, các quan hệ kinh tế, chính quyền và dân chủ, sự đối lập giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc, làm xuất hiện mâu thuẫn có quy mô toàn thế giới. Mâu thuẫn này là nhân tố chủ yếu đẩy các cường quốc vào chiến tranh thế giới thứ hai, đồng thời quy định tính chất của kết cục cuộc đụng đầu quân sự mang tầm thế kỷ, một kết cục khẳng định sự tiếp tục tồn tại mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn giữa tiến bộ và thoái bộ, giữa phát triển theo hướng vì con người lao động và chế độ người bóc lột người, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Sau năm 1945, lịch sử loài người được đánh dấu bằng *hai* sự kiện chính trị trọng đại : sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; và sự phát triển mạnh mẽ của phong trào các dân tộc Á - Phi - Mỹ la tinh vùng lên đạp đổ ách thực dân, phát triển đất nước theo con đường phi tư bản chủ nghĩa. Tất cả các quốc gia này đều có chung trình độ phát triển *tiền* hoặc *đầu* tư bản chủ nghĩa. Theo lô gích hình thức của sự vận động, chúng phải đi vào quỹ đạo kinh tế - xã hội và chính trị do Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đã vạch ra. Nhưng cũng chính tất yếu của lịch sử đã đặt các dân tộc trên trước khả năng và yêu cầu bức bách phải kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội ; chống chủ nghĩa đế quốc với chống con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ; giải phóng lao động cùng với giải phóng giai cấp vô sản

(3) C.Mác - Ph Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, t I, tr 435

Digitized by Google

trong một quá trình thống nhất. Những hình thức khác nhau của quá trình phi thực dân hóa ở các quốc gia Á, Phi, Mỹ la tinh phản ánh một hiện thực rất rõ ràng là chủ nghĩa tư bản đã trở nên lỗi thời, bộc lộ nhiều hạn chế so với nhu cầu, nội dung phát triển xã hội hiện đại.

Sau khi giành được độc lập, nhiều quốc gia kém phát triển lựa chọn chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa ; một số khác theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở cả hai nhóm nước, không khí phủ nhận mô hình phát triển tư bản phương Tây không hề suy giảm, mà ngược lại, đã hình thành mâu thuẫn Bắc - Nam. Xét trên bình diện chính trị, mâu thuẫn này vừa là mâu thuẫn giữa đế quốc và dân tộc, vừa là mâu thuẫn trong nội bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa. Ngoài ra, từ góc độ của sự phát triển, nó phản ánh một nghịch lý : sự phát triển của quốc gia này tạo ra đối kháng với sự phát triển của quốc gia khác. Lịch sử thế giới thế kỷ XX hiện đang nhức nhối với tình cảnh giữa *một bên* là một châu Phi bệnh tật, đói nghèo, đang giằng xé nhau kiếm kế sinh nhai, một châu Á với gần 1 tỉ người mù chữ và một châu Mỹ la tinh với gánh nợ hơn 100 tỉ đô la, với *một bên* là một nhóm nhỏ các cường quốc đang nắm trong tay phần lớn của cải và chi phối toàn bộ đời sống vật chất thế giới. Rõ ràng, đây là biểu hiện của mâu thuẫn trong quá trình phát triển của thời đại ngày nay, nó hoàn toàn đi ngược lại nhu cầu nhân đạo, nhân văn đang ngày càng trở thành yếu tố đặc trưng của văn minh loài người trước thềm thế kỷ XXI.

Lịch sử là quá trình phát triển, hoàn thiện hệ thống các mối quan hệ giữa người và người. Trong hệ thống ấy, các quan hệ kinh tế chiếm vị trí quyết định trình độ và tính chất mối quan hệ của con người ở một thời điểm nhất định. Quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa, với đặc trưng nội tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là bóc lột, đương nhiên không thể không tạo ra tình trạng áp bức, nô dịch con người, làm tha hóa, biến chất con người lao động và toàn xã hội. Quá trình phát triển của xã hội tư bản nói chung và của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nói riêng được thực hiện trên cơ sở đời sống vật chất nêu trên. Đồng thời, như một nghịch lý, chính quá trình phát triển ấy đặt ra nhu cầu mang ý nghĩa sống còn về sự nhân văn hóa, nhân bản hóa các mối quan hệ của con người, trước hết là con người lao động. Bởi vậy, trong khi củng cố lợi ích giai cấp của mình, nhà nước tư sản không thể khước từ trách nhiệm đối với lợi ích công dân và các quyền cơ bản của con người. Ngày càng có nhiều công ty tư bản tài trợ, đầu tư cho các chương trình giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, từ thiện... Cùng với phong trào này, là sự xuất hiện các "nhà nước phúc lợi chung", các "thị trường xã hội", các đơn vị sản xuất kinh doanh tự quản của công nhân, các hình thức sở hữu hỗn hợp... Đây là những "tế bào lạ" trên "cơ thể" của chủ nghĩa tư bản. Chúng phản ánh những cách thức trái ngược nhau của sự phủ định biện chứng mà nguồn gốc bên trong của nó là mâu thuẫn giữa tất yếu của sự phát triển nhân bản với hạn chế của chế độ xã hội bóc lột và bất bình đẳng.

Nguyên nhân khủng hoảng và đổ vỡ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và ở Đông Âu, suy cho cùng, là không triệt để coi trọng, không phát huy nhân tố con người khi mà thời đại của cách mạng khoa học - công nghệ khẳng định hơn bao giờ hết sức mạnh của con người. Bài học vừa qua của chủ nghĩa xã hội hiện thực, trước hết, là bài học về sự chậm trễ trong nhận biết và khắc phục mâu thuẫn của quá trình phát triển, cho nên, con người chưa trở thành điểm xuất phát và mục tiêu cuối cùng cho mọi hoạt động xã hội.

* * *

Phát triển nhân tố con người là nội dung cơ bản của mục tiêu phát triển trong thời đại của đấu tranh xã hội rất sôi động và của cách mạng khoa học - công nghệ ngày nay. Phát triển con người trở thành tiền đề, cơ sở và thước đo sự phát triển của mỗi quốc gia.

Thực trạng đời sống con người phản ánh không chỉ ở mức sống kinh tế, mà cả ở trình độ văn hóa, xã hội, sự quan tâm đến đời sống cá nhân, đến môi trường, sinh thái. Sự đồng bộ, hài hòa giữa *ba* yếu tố kinh tế, văn hóa, thiên nhiên là đặc trưng quan trọng nhất của nhu cầu phát triển hiện đại.

Đấu tranh giai cấp tạo ra động lực vận động của lịch sử và sự phát triển của loài người, nhưng vấn đề cần lưu ý là các lợi ích giai cấp, dân tộc, cộng đồng... không bao giờ nằm ngoài con người *cá nhân*. Chỉ khi có sự chuyển hóa, thống nhất giữa lợi ích chung và lợi ích riêng,

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

PHẢI CHĂNG LÝ LUẬN GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA C. MÁC ĐÃ LỖI THỜI ?

MAI HỮU THỰC *

GẦN đây, trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô, trước ảnh hưởng của những trào lưu tư tưởng từ bên ngoài, trong giới nghiên cứu lý luận ở nước ta cũng có những ý kiến tranh luận trên một số vấn đề của học thuyết Mác. Chung quanh vấn đề **lý luận giá trị thặng dư** của C. Mác mà theo Ăng-ghen là *một trong hai phát minh vĩ đại của C. Mác*, và theo Lê-nin là *viên đá tảng trong học thuyết kinh tế của C. Mác* (mà học thuyết kinh tế của C. Mác là một nội dung căn bản của chủ nghĩa Mác), cũng đang có những ý kiến tranh luận. Bài viết này xin tham gia thảo luận về một vài luận điểm trong số đó.

1 - LAO ĐỘNG QUÁ KHỨ CÓ TẠO RA GIÁ TRỊ MỚI KHÔNG ?

Trong bộ "Tư bản" sau khi nghiên cứu giá trị thặng dư được sản xuất ra như thế nào (phần III, tập I, quyển I), C. Mác đã nghiên cứu vai trò của những nhân tố khác nhau của quá trình lao động trong sự hình thành giá trị của hàng hóa ; đồng thời, trên thực tế, vạch rõ chức năng của những bộ phận khác nhau của tư bản trong quá trình tăng thêm giá trị, tức là quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

Dựa trên cơ sở phát hiện về tính hai mặt của lao động biểu hiện trong hàng hóa (phần I, tập I, quyển I), C. Mác đã giải thích một cách khoa học và rõ ràng rằng giá trị những tư liệu sản xuất chỉ được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm mới, tức là không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất. Trái lại, bộ phận tư bản biến thành sức lao động, lại thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất. Luận giải vấn đề đó, C. Mác vạch rõ bản chất bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê.

Như vậy, theo quan điểm của C. Mác, chỉ có lao động sống, lao động đang hoạt động mới tạo ra giá trị mới ; còn lao động quá khứ, lao động vật hóa chỉ được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm. Tuy nhiên, C. Mác đã nhấn mạnh rằng tư liệu sản xuất là yếu tố *cơ bản*, không thể thiếu, của sản xuất và sản xuất ra giá trị mới.

Nhưng hiện nay có ý kiến cho rằng C. Mác đã quá nhấn mạnh vai trò của lao động thể lực, chưa thấy hết được vai trò của lao động quá khứ được vật hóa trong tư liệu sản xuất. Chẳng hạn, giáo sư Đào Xuân Sâm sau những trăn trở đã đi đến khẳng định : "Trên thực tế ở nước ta, đến nay, đã chấp nhận có phân phối theo vốn, có vốn có lãi... Trong trường hợp này, nếu hiểu vốn là lao động quá khứ, thì cần và có thể nhất quán coi lao động sáng tạo ra giá trị mới bao gồm cả lao động sống và lao động quá khứ" [1]. Để khẳng định trên có cơ sở thực tiễn, tác giả chứng minh thêm : "lao động quá khứ, tức là lao động vật hóa, nếu là những máy móc, công cụ, phương tiện và vật liệu lạc hậu mà đưa vào sản xuất, thì rất nhiều khả năng không có giá trị thặng dư... Còn nếu lao động quá khứ là những tư liệu tiên tiến thì ngược lại, giá trị thặng dư rất lớn và siêu ngạch"[2].

Nếu đẩy tới tận cùng lôgíc của lập luận trên, thì sẽ đi đến kết luận : nếu như lao động quá khứ cũng tạo ra giá trị mới, thì như vậy giá trị thặng dư (lợi nhuận của nhà tư bản) do vốn tạo ra, do đó nhà tư bản không bóc lột lao động làm thuê.

Cách lập luận trên làm chúng ta nhớ lại luận đề của A. Xmít, mà người ta gọi là "tín điều" của ông, cho rằng giá trị của hàng hóa bao gồm các thu nhập (tiền lương, lợi nhuận

* PTS kinh tế chính trị học, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà nội

(1) (2) Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 2, tháng 4-1994, tr 31

Digitized by Google

và địa tô) ; và nhớ lại thuyết "ba nhân tố" của J.B. Xay, nhà kinh tế học mà C. Mác xếp vào trường phái kinh tế chính trị tư sản tầm thường. Theo Xay, có *ba nhân tố* tham gia vào sản xuất : đó là *lao động, tư bản* và *ruộng đất* ; cả ba nhân tố đó đều có công phục vụ : lao động tạo ra tiền lương ; tư bản tạo ra lợi nhuận; ruộng đất tạo ra địa tô. Như vậy, tư bản không bóc lột lao động làm thuê.

Tôi nghĩ, ở đây tác giả đã *lẫn lộn* giữa việc *phân phối giá trị đã được tạo ra* với sự *hình thành giá trị*. Cho dù sự phân phối giá trị có quan trọng đến đâu đi nữa thì cũng không liên quan gì đến sự hình thành giá trị, đến cái gì là nhân tố tạo ra giá trị.

Nếu công cụ, phương tiện sản xuất hiện đại, thì khối lượng giá trị thặng dư tăng lên. Đúng vậy, đó là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội. Nhưng nếu từ đó lại cho rằng lao động quá khứ được vật hóa trong công cụ tạo ra giá trị thặng dư thì không đúng. Công cụ, máy móc hiện đại chỉ là điều kiện vật chất làm cho lao động có năng suất cao hơn mà thôi, máy móc chỉ chuyển giá trị của nó vào sản phẩm mà thôi, chứ không phải là nhân tố tạo ra giá trị.

Thực chất cách lập luận nêu trên là lặp lại thuyết "máy móc sinh lời" đã có từ trước đây. Nếu nói máy móc tạo ra giá trị, thì cũng giống như nói độ mầu mỡ đất đai tạo ra địa tô chênh lệch, nghĩa là đất đai tạo ra giá trị (vì địa tô cũng là giá trị biểu hiện dưới hình thức tiền tệ).

Bây giờ chúng ta nghiên cứu kỹ xem tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là kỹ thuật và công nghệ hiện đại, có làm thay đổi vai trò của lao động sống và lao động quá khứ trong sự hình thành giá trị không ? Không. Nếu như trước kia một sức lao động vận dụng được một khối lượng tư liệu sản xuất nhất định, thì ngày nay, nhờ phương tiện kỹ thuật hiện đại, sức lao động đó có thể vận dụng được một khối lượng tư liệu sản xuất lớn gấp trăm hoặc nghìn lần trước kia. Nhưng như vậy chỉ có nghĩa là, lượng giá trị của tư liệu sản xuất được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm tăng lên gấp trăm hoặc nghìn lần, chứ không phải có nghĩa là lao động quá khứ được vật hóa trong tư liệu sản xuất, trở thành nhân tố tạo ra giá trị mới.

Sự tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sản xuất chỉ động chạm tới *tỷ lệ* giữa *tư bản bất biến* (c) và *tư bản khả biến* (v), *tỷ lệ* giữa *lao động quá khứ* và *lao động sống*. Sự thay đổi đó tuyệt nhiên không ảnh hưởng gì đến chức năng của những nhân tố khác nhau của quá trình lao động trong sự hình thành giá trị hàng hóa.

Ngày nay, tự động hóa sản xuất mới chiếm một tỷ trọng nhỏ, phần chủ yếu vẫn là lao động thủ công hoặc cơ khí hóa. Nhưng ta cứ giả định sản xuất hiện nay được tự động hóa, hầu như không sử dụng lao động thể lực, thì như vậy phải chăng lao động sống sẽ bằng 0, và giá trị thặng dư là do lao động quá khứ tạo ra ? Không. Trong trường hợp này, vẫn có lao động sống, đó là lao động của những kỹ sư điều khiển hệ thống, một dạng của lao động phức tạp. Như vậy, tự động hóa cũng chẳng thay đổi gì vai trò của lao động sống và lao động quá khứ trong sự hình thành giá trị hàng hóa. Nó chỉ dẫn đến sự thay đổi *cơ cấu của giá trị hàng hóa* : bộ phận *v* (tiền lương) trong đơn vị sản phẩm giảm tới mức như người ta nói, gần bằng 0, nhưng nó không thể bằng 0.

Tuy nhiên, tiến bộ kỹ thuật không chỉ làm tăng khối lượng *giá trị thặng dư* cho giai cấp các nhà tư bản. Nó còn làm tăng khối lượng *lao động quá khứ* được làm cho hoạt động, và tái hiện dưới các hình thức *giá trị sử dụng mới* trong tay các nhà tư bản.

Cần nhấn mạnh rằng, không phải vì không thấy được vai trò của khoa học và kỹ thuật, vai trò của lao động trí tuệ, mà C. Mác đã "quy công trực tiếp tạo ra giá trị cho lao động thể lực". Chính C. Mác đã nêu lên luận điểm nổi tiếng về khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. C. Mác viết : máy móc, đầu máy xe lửa, điện báo... tất cả những thứ đó là thành quả sáng tạo của bộ óc con người, được bàn tay con người tạo ra, là sức mạnh tri thức đã được vật hóa. Sự phát triển của vốn cố định là chỉ tiêu cho thấy rằng tri thức xã hội đã *biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp* tới mức độ nào [3]. Và C. Mác cũng đã nhận thấy rằng sự sản xuất ra của cải ngày càng lệ thuộc vào khoa học và kỹ thuật. Ông viết : Việc tạo nên sự giàu có thực tế trở nên ít phụ thuộc vào khối lượng lao động đã bỏ ra..., mà

(3) (4) Xem *Đại hội VI - những phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr 162, 161

Digitized by Google

chỉ phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và tiến bộ kỹ thuật [4]. Hiểu và thấy được vai trò của khoa học và tiến bộ kỹ thuật như vậy, nhưng C. Mác không lẫn lộn chức năng của lao động sống và lao động quá khứ trong việc tạo ra giá trị mới.

Từ sự phân tích trên, có thể đi đến kết luận: luận điểm của C. Mác về lao động quá khứ chỉ được bảo toàn và chuyển dịch, còn lao động sống mới tạo ra giá trị mới, nhờ đó vạch rõ giá trị thặng dư của nhà tư bản do lao động làm thuê tạo ra, là một luận điểm *hoàn toàn khoa học*; nó *đã* và *vẫn đúng* trong điều kiện tiến bộ kỹ thuật ngày nay. Ngược lại, luận điểm cho rằng lao động quá khứ cũng tạo ra giá trị mới, là luận điểm sai ; nó biện hộ một cách có ý thức hoặc không có ý thức cho quan điểm tư bản không bóc lột lao động làm thuê.

2- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐÃ ĐƯỢC NHÂN ĐẠO HÓA CHĂNG ?

Để chứng minh tư bản không bóc lột lao động làm thuê, có người còn lập luận rằng, C. Mác đã không tính đến lao động quản lý của nhà tư bản, mà lao động quản lý là lao động phức tạp, nó cũng tạo ra giá trị và do đó giá trị thặng dư là do lao động quản lý của nhà tư bản tạo ra.

Đúng là khi nghiên cứu giá trị thặng dư được sản xuất ra như thế nào (phần III, t I, q I bộ *Tư bản*), C. Mác chưa tính đến lao động quản lý của nhà tư bản. Tuy nhiên, khi nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư tương đối (phần IV, t I, q I bộ *Tư bản*), C. Mác đã nói đến lao động quản lý, điều khiển của nhà tư bản.

Tất nhiên, trong quá trình lao động hiệp tác, lao động quản lý là lao động sản xuất, một dạng của lao động phức tạp, bội số của lao động giản đơn. Nhưng nó gấp bao nhiêu lần lao động giản đơn, lao động cơ bắp của công nhân, thì chưa thấy có một công trình nghiên cứu nào lượng hóa hệ số đó. Vì vậy khó mà kết luận lao động quản lý của nhà tư bản tạo ra *toàn bộ* hay *chỉ một phần* giá trị thặng dư. Để có câu trả lời đúng đắn, chỉ có thể dựa vào thực tế về sự phân cực của cải giữa giai cấp tư sản và vô sản (sẽ được dẫn ra ở dưới đây).

Cũng có người cho rằng chủ nghĩa tư bản đã tự điều chỉnh, bản chất của nó đã thay đổi. Đây là vấn đề phức tạp và cũng là *luận cứ chủ yếu* để người ta cho rằng học thuyết Mác nói chung và lý luận giá trị thặng dư của C. Mác nói riêng đã lỗi thời. Có người nghiên cứu giải thích sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản theo hướng đó là "xu hướng vận dụng tư tưởng Mác về giá trị thặng dư" [5]. Nói như vậy là vơ vào. Để bảo vệ lý luận giá trị thặng dư của C. Mác, vị tất phải làm như vậy.

Đúng là chủ nghĩa tư bản đã tự điều chỉnh, tìm cách thích nghi với hoàn cảnh mới. Trước hết, nếu *xét từ góc độ sự phát triển của lực lượng sản xuất*, thì chúng ta thấy các nước tư bản phát triển đã lợi dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đương đại, chuyển nền kinh tế từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu. Đối với nền sản xuất dựa trên cơ sở kỹ thuật và công nghệ mới về chất, triệt để tiết kiệm các nguồn lực, thì các chỉ tiêu *chất lượng* và *hiệu quả* được đặc biệt chú ý. Đồng thời, ở một mức độ nhất định, nền sản xuất đó đã nhân văn hóa quá trình sản xuất, tôn trọng nhân cách sáng tạo của con người trong sản xuất.

Nếu *xét từ góc độ quan hệ sản xuất*, thì chúng ta thấy cùng với quá trình phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất, đang diễn ra những sự cải biến nhất định trong quan hệ kinh tế : sở hữu cổ phần đang trở thành phổ biến ở các nước tư bản ; trong các công ty cổ phần, công nhân cũng có cổ phiếu, do đó tham gia vào việc chia lợi nhuận, hình thành "hệ thống tham dự mới" và cơ chế điều chỉnh xung đột tư bản - lao động.

Nếu *xét từ góc độ cơ chế vận hành nền kinh tế*, thì chúng ta thấy đã hình thành một cấu trúc phức tạp điều chỉnh kinh tế của nhà nước, mà trọng tâm hoạt động của hệ thống này là kết hợp sự điều tiết của thị trường với điều chỉnh của nhà nước, tạo nên sự phù hợp nhất định giữa quan hệ sản xuất với sự phát triển của lực lượng sản xuất, do đó nâng cao được hiệu quả. Tuy không loại trừ được, nhưng thực tế đã hạn chế được tính tự phát của nền kinh tế thị trường.

Như vậy, trong những thập kỷ qua, sự tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản không phải chỉ là sự chống đỡ, thích ứng giản đơn, mà còn có những cải biến thuộc về khía cạnh bản

(5) Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 2, tháng 4-1994, tr 33

Digitized by Google

chất. Chủ nghĩa tư bản đã trải qua sự tiến hóa đáng kể, nó không còn hoàn toàn như thời cổ xưa và nguyên thủy.

Nhưng phải chăng *bản chất bóc lột* của nó đã thay đổi, nó đã được "nhân đạo hóa" và trở thành "chủ nghĩa tư bản xã hội hóa" ? Không! "Hệ thống tham dự mới", mà trong đó, theo nhà kinh tế Mỹ Ghết Giép-phri (Gates Jeffry), "sự chống lại việc biến công nhân thành người sở hữu vẫn còn đang hết sức mạnh mẽ, kịch liệt" [6], trên thực tế chưa tạo ra cơ sở kinh tế để biến người lao động làm thuê thành người làm chủ. Một tỷ lệ nhỏ người lao động có cổ phiếu với vài cổ phiếu trong tay, làm sao mà thay đổi được vị trí của họ là người lao động làm thuê, bị bóc lột ?

Xin dẫn ra đây một vài con số đã được đăng trên sách báo nước ta. Ở Thụy điển 21% dân cư có cổ phần;ở Mỹ 10% số lao động làm thuê có cổ phần ; ở Pháp số cổ đông là 6 triệu; ở Anh là 8 triệu[7]. Phần lớn cổ phiếu tập trung vào những người giàu có. Chẳng hạn, ở Mỹ 1% tổng số gia đình nắm 59% tổng tư bản cổ phần, 0,05% số gia đình này nắm 50% tổng số cổ phiếu của các công ty ; ở Thụy điển 66% cổ phiếu tập trung vào 3% số người có cổ phần [8].

Chính vì vậy, của cải tập trung vào tay người giàu rất lớn. Chẳng hạn, ở Cộng hòa liên bang Đức những người giàu nhất chỉ chiếm 1,7% dân số, nhưng chiếm tới 75% của cải của xã hội ; ở Thụy điển những con số tương ứng là 3,8% và 78% ; ở Đan mạch là 2% và 86,7%; còn ở Mỹ "1% chóp cùng của dân Mỹ đã với tới 60 - 70% thu hoạch kinh tế của đất nước"[9].

Một trong những đặc điểm của nền kinh tế thế giới trong những năm gần đây là mức độ tập trung ngày càng cao vào *ba* trung tâm kinh tế lớn : Mỹ, Tây Âu, Nhật bản. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới, năm 1990 toàn bộ thu nhập quốc dân của thế giới là 19 600 tỉ đô la, thì riêng Mỹ, Tây Âu, Nhật bản đã chiếm 13 000 tỉ ; Liên xô (cũ), các con rồng châu Á, Trung quốc, Thổ nhĩ kỳ, Nam Mỹ chiếm gần 6 000 tỉ ; các nước còn lại chỉ khoảng 600 tỉ.

Sự tập trung sở hữu và của cải như vậy nói lên điều gì ? Nó minh chứng rằng một bộ phận nhỏ giàu có ở các nước tư bản bằng nhiều hình thức đã chiếm đoạt thành quả lao động của những người lao động trong nước ; các nước tư bản phát triển bằng nhiều hình thức đã bóc lột các nước kém phát triển ; những thành quả của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đương đại bị giai cấp tư sản và các nước phát triển thâu tóm.

Không phủ nhận rằng đời sống người lao động ở các nước tư bản, đặc biệt ở các nước tư bản phát triển, được cải thiện so với trước và cao hơn nhiều so với các nước kém phát triển. Nhưng sự cải thiện đó chưa thể nói là thay đổi được thân phận người lao động, họ vẫn là người lao động làm thuê, nghèo đói và thất nghiệp luôn đe dọa họ. Ngay ở Mỹ, như thừa nhận của nhà kinh tế Mỹ Ghết Giép-phri: "...chúng ta cũng đang chứng kiến sự trở lại các thời đại tưởng đã đi vào dĩ vãng xa xôi - thời của các tầng lớp vô gia cư, không tài sản- bởi vì số người ăn xin và vô gia cư (kể cả trẻ em) tăng lên vùn vụt mỗi ngày"[10]. Giắc-cơ Đê-ri-đa (Jacques Derrida), tác giả cuốn *Những bóng ma của Mác*, đã nêu lên một sự thật đau lòng : "... chưa bao giờ có đông đảo những người đàn ông, đàn bà và trẻ em bị nô dịch, đói khát hay bị tiêu diệt trên trái đất như hiện nay"[11].

Từ sự phân tích trên, có thể đi đến kết luận : lý luận giá trị thặng dư của C. Mác *đã đúng với chủ nghĩa tư bản thời Mác và vẫn đang đúng với chủ nghĩa tư bản ngày nay*. Chừng nào những cơ sở kinh tế của sự nảy sinh bóc lột - sự tập trung sở hữu vào một nhóm người- chưa bị loại bỏ, chừng nào loài người còn chưa vượt qua được hệ thống tư bản chủ nghĩa, thì lý luận giá trị thặng dư của C. Mác vẫn giữ nguyên giá trị khoa học và thực tiễn, cho dù hình thức và mức độ bóc lột có khác đi. Lý luận đó vẫn đang là vũ khí tư tưởng - lý luận để chống lại sự bất bình đẳng xã hội.

---

(6) Xem tạp chí *Thông tin lý luận*, số 4 - 1993, tr 29

(7) Xem *Tạp chí Cộng sản* số 6 - 1994, tr 25

(8) Xem Đỗ Lộc Diệp *Chủ nghĩa tư bản ngày nay : Tự điều chỉnh kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1993, tr 88

(9) Báo *Nhân dân*, ngày 10-8-1992

(10) Xem tạp chí *Thông tin lý luận*, số 4-1993, tr 27

(11) Giắc-cơ Đê-ri-đa : *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia - Tổng cục II Bộ quốc phòng, Hà nội, 1994, tr 180-181

Digitized by Google

Chuyện đời thường của Bác

NÔNG QUỐC TIẾN

TÔI có dịp được nghỉ ở nhà nghỉ Trung ương Đầm vạc (thị xã Vĩnh yên, Vĩnh phú). Cùng nghỉ với tôi đợt đó có đồng chí nguyên là cán bộ bảo vệ Bác thời kỳ ở Việt bắc trong những năm kháng chiến chống Pháp. Biết thế, ban chủ nhiệm nhà nghỉ bèn mời đồng chí nói chuyện về Bác Hồ với các đại biểu và cán bộ, công nhân viên của nhà nghỉ. Đồng chí kể rất nhiều chuyện cảm động và sâu sắc về "đời thường" của Bác. Dưới đây, xin ghi lại vài chuyện nhân dịp kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh của Người.

1. Một lần đi công tác, phải qua suối. Nước suối không sâu, nhưng chảy khá mạnh. Đồng chí bảo vệ đòi cõng Bác nhưng Bác không chịu. Bác cởi quần dài buộc lên cổ, chỉ mặc quần đùi rồi chống gậy lội qua. Không may giẫm phải hòn đá có rêu trơn, Bác ngã. Mấy đồng chí bảo vệ đi cùng được một phen tái mặt. Sau "sự kiện" đó, trong một lần sinh hoạt chi bộ, đồng chí bảo vệ phê bình Bác về việc "không giữ đúng nguyên tắc", làm cho cán bộ bảo vệ không hoàn thành nhiệm vụ. Bác nhận khuyết điểm và hứa sẽ sửa chữa. Lần sinh hoạt chi bộ tiếp theo, đồng chí bảo vệ cũng phê bình Bác về chuyện đó. Bác im lặng không nói gì. Đến lần thứ ba, đồng chí bảo vệ lại phê bình Bác cũng chỉ vì cái chuyện đã quá cũ ấy. Bác nhẹ nhàng góp ý với đồng chí bảo vệ : "Bác đã nhận khuyết điểm và sửa chữa rồi, tại sao chú cứ phê bình mãi".

2. Ở Việt Bắc, buổi chiều, khi hết giờ làm việc, Bác thường chơi bóng chuyền với các cán bộ, nhân viên. Một lần, khi phát hiện thấy bên đối phương "bỏ trống trận địa", Bác bèn nhẹ nhàng "bỏ nhỏ" vào khoảng trống đó. Đối phương ngã lăn ra cứu bóng mà không được. Thấy thế, một cầu thủ bên đối phương nói to: "Bố già chơi ác quá". Còn Bác thì cười khoái chí vì "chiến tích" của mình.

3. Bác có đôi dép lốp đã cũ. Cánh cán bộ bảo vệ đề nghị Bác đổi dép mới. Bác không chịu với lý do : "Dép còn tốt. Vả lại, Bác làm việc hằng ngày chứ có phải tiếp khách quốc tế đâu mà cần diện". Anh em bèn nảy ra sáng kiến : đêm đến, khi Bác ngủ, lấy một chiếc vứt quách xuống suối ; còn lại một chiếc, "ông già" (lời đồng chí bảo vệ Bác - NQT) không đi được thế nào cũng phải đổi. Sáng hôm sau thức dậy, thấy mất một chiếc dép, Bác hỏi, mấy đồng chí bảo vệ giả vờ ngơ ngác đi tìm. Một lát sau Bác bảo: "Không qua mặt Bác được đâu. Giấu dép ở chỗ nào thì hãy đến đó mang về đây cho Bác". Cánh bảo vệ đành phải thú thật là đã vứt xuống suối và không thể tìm lại được. Khi đó Bác mới chịu đổi dép mới, nhưng cánh bảo vệ cũng được một trận phê bình "tóe khói".

Tôi đã đọc và đã nghe không ít những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác, nhưng không hiểu sao cứ mỗi lần được nghe những câu chuyện như trên tôi lại thấy có cái gì rất mới mẻ và không khỏi bồi hồi xúc động, chan chứa một tình cảm yêu thương, kính trọng Bác. Có lẽ Bác vĩ đại một phần là do những việc làm giản dị, đời thường này. Tôi những thầm ước mong mỗi người chúng ta, trước hết là những cán bộ lãnh đạo, hãy gắng sống và làm như Bác : giản dị, chân tình ; cần kiệm liêm chính, bình đẳng, thân ái với cấp dưới ; biết nhận và sửa chữa khuyết điểm khi người khác phê bình,... Như thế thì chắc chắn nhân dân, quần chúng càng tin yêu và kính trọng hơn.

PHÁT TRIỂN ...

(Tiếp theo trang 48)

thì con người cá nhân mới trở thành con người xã hội trong hoạt động. Và khi đó, mỗi con người xã hội là một động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội. Giải quyết mâu thuẫn của quá trình phát triển, của tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay, chính là khắc phục những trở ngại, hạn chế đối với con người, nhằm tìm kiếm, tác thành ở mỗi người một con người xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội của giải phóng và phát triển. Mặc dù lịch sử đã có những bước đi không suôn sẻ nhưng tư tưởng của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin về chủ nghĩa xã hội như mô hình của giải phóng và phát triển, vẫn là kim chỉ nam cho hành động của chúng ta. Chủ nghĩa xã hội không thể chỉ là mặt đối lập của chủ nghĩa tư bản mà nhất định nó sẽ trở thành một xã hội hiện thực, có khả năng thỏa mãn những nhu cầu chính đáng về vật chất và tinh thần của mọi thành viên. Trong bản chất và trong biểu hiện hiện thực của nó, chủ nghĩa xã hội đã vạch ra cho nhân loại con đường giải phóng và phát triển. Con đường ấy đã và đang tiếp tục tô đậm đường nét cơ bản của nó trong tiến trình lịch sử.

Digitized by Google

NGƯỜI SÁNG LẬP TẠP CHÍ ĐỎ

NGUYỄN TRỌNG THỤ

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị thành lập Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì họp ở Cửu long, gần Hương cảng (Trung quốc). Hội nghị đã quyết định : "Ban Trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền ở ba xứ".

Sáu tháng sau khi có nghị quyết đó, tạp chí *Đỏ* đã ra đời. Hiện nay, Cục lưu trữ thuộc Văn phòng trung ương Đảng còn lưu giữ tạp chí *Đỏ* số 1 (ra ngày 5-8-1930), số 2 (không đề ngày tháng), số 3 (ra ngày 25-8-1930), số 9 (không đề ngày tháng).

Lời nói đầu trong số 1 tạp chí *Đỏ* ghi:

1- Tạp chí này sau sẽ tiếp tục in mãi. Hoặc nhiều hoặc ít, hoặc 1 tuần, hoặc 10 ngày nửa tháng, không nhất định.

2- Tài liệu trong tạp trí : hoặc là cách làm việc, hoặc là kinh nghiệm cách mạng các nước, hoặc là tin tức thế giới, hoặc là phê bình công việc của mình v.v., sẵn gì in nấy.

3- Trách nhiệm các cơ quan đối với tạp chí:

a) Đem làm tài liệu huấn luyện và nghiên cứu cho đảng viên.

b) Lấy tài liệu trong này mà làm báo.

c) Bài nào nên truyền bá cho đa số quần chúng thì kiếm cách in thêm ra.

d) Xem chỗ nào có tâm đắc, chỗ nào khó hiểu, chỗ nào nên sửa đổi, chỗ nào không hợp với hoàn cảnh riêng của địa phương mình v.v. thì phải phê bình, phải hỏi.

Nói tóm lại là các đồng chí phải hết sức truyền bá và giúp cho Tạp chí được hoàn toàn và phát triển".

Sau *Lời nói đầu*, tạp chí *Đỏ* số 1 dành toàn bộ 12 trang nói về vấn đề giữ bí mật trong công tác.

Số 2 cũng gồm 12 trang. Ngoài bìa đề tên là "*Xuân hoa thu nguyệt*", nhằm đánh lạc hướng bọn mật thám. Tuy vậy, ở đầu trang 1 vẫn ghi rõ *Tạp chí Đỏ - số 2*. Toàn bộ số này đăng bài viết về kinh nghiệm bãi công xe điện ở Thượng hải.

Số 3, gồm 12 trang, có 2 bài chính. Bài thứ nhất đề cập các vấn đề chính của cách mạng tư sản dân quyền, đặc biệt nói rõ vì sao các thuộc địa và nửa thuộc địa phải làm cách mạng tư sản dân quyền mà không làm ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bài thứ hai viết về cách rải truyền đơn và phát sách báo.

Số 9, có 6 trang, chỉ gồm một bài viết về Công xưởng ủy viên hội.

Tạp chí *Đỏ* chỉ tồn tại khoảng 3 tháng. Sau Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng (10-1930), tạp chí *Đỏ* được thay thế bằng *Tạp chí cộng sản*, xuất bản ở trong nước.

Mặc dù nội dung và hình thức còn đơn giản do điều kiện Đảng mới thành lập và hoạt động bí mật, tạp chí *Đỏ* vẫn mang tính chất một tạp chí lý luận của Đảng, bởi vì nó không làm nhiệm vụ thông tin như các tờ báo, mà chủ yếu nó hướng dẫn nhận thức, nâng cao trình độ hiểu biết trong hoạt động cách mạng. Như vậy, có thể nói tạp chí *Đỏ* là tạp chí lý luận và chính trị đầu tiên của Đảng ta.

*
* *

Cho đến nay, qua các sách báo đã xuất bản, chúng ta chỉ mới biết tạp chí *Đỏ* ra đời là do quyết định của Hội nghị thành lập Đảng. Lời ghi ở hồ sơ lưu trữ của Quốc tế cộng sản cho biết tạp chí *Đỏ* do những người cộng sản Đông dương xuất bản ở Trung quốc. Còn người sáng lập và chủ trì việc biên tập tạp chí *Đỏ* là ai thì chưa sách báo nào khẳng định cụ thể.

Tuy nhiên, bằng những chứng cứ và tư liệu hiện có, chúng tôi cho rằng, có nhiều khả năng đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và chủ trì việc biên tập tạp chí *Đỏ*. Nhận định đó dựa vào những căn cứ sau đây :

1- Như mọi người đã biết, Hội nghị thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Điều đó có nghĩa là Nguyễn Ái Quốc có phần đóng góp quan trọng vào quyết định xuất bản tạp chí lý luận đầu tiên của Đảng.

2- Theo lời ghi của Quốc tế cộng sản, tạp chí *Đỏ* xuất bản tại Trung quốc. *Lời nói đầu* của tạp chí cho biết tạp chí có thể ra "hoặc 1 tuần, hoặc 10 ngày, nửa tháng". Nếu căn cứ

Digitized by Google

vào đó, thì số 9 (số cuối cùng mà chúng ta hiện có) có thể ra vào cuối tháng 10-1930. Một vấn đề được đặt ra khi tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với tạp chí *Đỏ* là : trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc có ở Trung quốc không ?

Về vấn đề này, câu trả lời đã rõ : Theo các tài liệu đã được thẩm định thì từ tháng 1-1930 cho đến 6-6-1931 (ngày bị thực dân Anh bắt), Nguyễn Ái Quốc sống và hoạt động chủ yếu ở vùng Thượng hải, Cửu long (Trung quốc), trừ thời gian khoảng một tháng (từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 5-1930) đi công tác ở Xiêm, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* còn cho biết cụ thể : khoảng tháng 5, tháng 6 năm 1930, "Nguyễn Ái Quốc giới thiệu Nguyễn Lương Bằng tới gặp nữ đồng chí Thái Sướng, cán bộ của Đảng cộng sản Trung quốc... (Sau cuộc gặp gỡ này, các đồng chí Trung quốc đã giúp đồng chí Nguyễn Lương Bằng các phương tiện, vật liệu làm báo" [1], và tháng 8-1930, "tại Thượng hải, Nguyễn Ái Quốc tham dự một cuộc họp có mặt các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Đỗ Ngọc Du (Phiếm Chu), Lưu Quốc Long, Hồ Tùng Mậu... để góp ý về công tác vận động binh lính..." [2].

Như vậy là ngay trong những ngày tạp chí *Đỏ* chuẩn bị ra số 1, và suốt thời gian tồn tại của tạp chí đó, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Trung quốc, nơi mà tạp chí *Đỏ* ra đời.

3- Theo dấu nhật ấn của Quốc tế cộng sản đóng trên hồ sơ lưu tạp chí *Đỏ* các số 1, 2, 3, thì ngày Quốc tế cộng sản tiếp nhận và vào sổ các số tạp chí đó là ngày 21-12-1930. Thời kỳ đó, Nguyễn Ái Quốc là đại diện của Quốc tế cộng sản, mọi giấy tờ, văn kiện của Đảng ta gửi cho Quốc tế cộng sản chắc đều phải qua tay Người. Từ điều này, chúng ta có cơ sở để nói rằng chính Nguyễn Ái Quốc đã chuyển các số tạp chí đó cho Quốc tế cộng sản. Và, một khi đã biết chắc rằng Nguyễn Ái Quốc có phần đóng góp quan trọng vào quyết định xuất bản tạp chí, và có mặt ở nơi xuất bản tạp chí trong suốt quá trình tồn tại của tạp chí, lại đã chuyển một số bản tạp chí cho Quốc tế cộng sản, thì việc kết luận rằng Nguyễn Ái Quốc có vai trò nhất định trong việc sáng lập và biên tập tạp chí *Đỏ* là điều dễ được chấp nhận.

4- Tạp chí *Đỏ* được đánh máy, sau đó đem nhân bản. Trên các số tạp chí *Đỏ*, trong các bài viết, chữ cái *k* được dùng thay cho chữ *c* ở đầu từ ; *f* thay cho *ph* ; *z* thay cho *d* và *gi* ; *ng* thay cho *ngh* v. v.. Đó là cách viết riêng của Nguyễn Ái Quốc, đã được Người áp dụng cho đến mãi về sau.

Cũng theo *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* (tập II) thì ngày 5-4-1930 (tức là 4 tháng trước lúc tạp chí *Đỏ* ra số 1), Nguyễn Ái Quốc từ Trung quốc có viết một bức thư đánh máy gửi đồng chí Zao (tức đồng chí Bùi Công Trừng). Theo bản chụp bức thư đánh máy đó, (có bút tích của Nguyễn Ái Quốc) thì cách dùng các chữ cái *k, f, z, ng* thay cho các chữ *c, ph, d, gi* và *ngh* không khác gì cách dùng trong tạp chí *Đỏ*. (Chúng tôi xin kèm theo đây bản chụp bức thư nói trên và bản chụp một trang bài *Bí mật công tác* đăng trên tạp chí *Đỏ* số 1 để bạn đọc tiện cho so sánh).

Về tự dạng viết tay, thì trên bìa số 2 có các chữ "Tạp chí Đỏ" và một dòng chữ Hán, nét chữ rất giống nét chữ của Nguyễn Ái Quốc thời đó. Ngoài ra, cũng cần nói thêm rằng trong bài *Bí mật công tác* cũng như trong nhiều bài khác đăng trên tạp chí *Đỏ*, có không ít từ chỉ được thông dụng ở vùng Nghệ tĩnh, quê hương của Nguyễn Ái Quốc.

5- Về *nội dung*, xin lấy số 1 làm ví dụ : Sau *Lời nói đầu* là bài *Bí mật công tác*. Đây đúng là vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc thường xuyên quan tâm giáo dục đảng viên, đặc biệt là khi còn phải hoạt động bí mật.

Bài báo đã đề cập các vấn đề : Vì sao phải bí mật, vì sao các cơ quan thường bị bắt ; các khuynh hướng sai lầm đối với vấn đề giữ bí mật. Tiếp đó, bài báo nêu rõ 12 điều khuôn phép của công việc bí mật, và nêu vắn tắt 10 cách bí mật cần lưu ý, cần tùy hoàn cảnh, tùy cơ ứng biến cho khéo.

Nếu đem đối chiếu bài này với các bài của Nguyễn Ái Quốc trong cuốn *Đường cách mệnh*, xuất bản lần đầu năm 1927, thì thấy rất giống nhau về phong cách viết ngắn gọn, dễ hiểu, từng ý một có đánh số thứ tự để người đọc dễ nhớ.

* * *

(1) Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh : *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, t 2, tr 25

(2) *Sđd*, t2, tr 25-26

Digitized by Google

Điều duy nhất còn băn khoăn là tại sao qua những cuốn sách viết về Bác Hồ (kể cả những cuốn Bác tự kể về mình) chưa thấy đoạn nào nhắc đến việc Bác sáng lập và viết tạp chí *Đỏ*. Về điều đó, chúng tôi tự lý giải rằng, trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng và hoạt động báo chí lâu dài và hết sức phong phú của Bác, thì việc cho ra đời tạp chí *Đỏ*, với tổng số khoảng 9, 10 số, với thời gian tồn tại khoảng 3 tháng, là một sự kiện có thể dễ bị quên, nhất là khi chưa tìm lại được bản gốc của các số tạp chí đó. Khi chúng ta tìm được các bản gốc đó trong hồ sơ lưu trữ của Quốc tế cộng sản, thì hầu hết những người có biết cụ thể về tạp chí *Đỏ* đều đã qua đời, vì vậy, cho đến nay câu hỏi về người sáng lập và chủ trì biên tập tạp chí *Đỏ* đành để ngỏ.

Ngày nay, với những số tạp chí *Đỏ* đã có được, điều trước hết chúng ta có thể khẳng định là : Tạp chí *Đỏ* xứng đáng được coi là tạp chí lý luận và chính trị đầu tiên của Đảng ta. Và nếu nhận định của chúng tôi trong bài viết này đúng, có nghĩa là Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và chủ trì việc biên tập tạp chí *Đỏ*, thì chúng ta có thêm một kết luận đầy ý nghĩa : Bác Hồ không những là người sáng lập *tờ báo cách mạng đầu tiên* của nước ta, mà còn là người sáng lập *tờ tạp chí lý luận chính trị đầu tiên* của Đảng

43 rue JUL 1930

Đồng chí,

1. Trong nước bây giờ đã có đảng thống nhất vững vàng, khỏe khoắn nhưng tổ chia liên lạc như trước nữa.

2. Đến kỳ hội Quốc tế Lao động cố kỉ anh em công nhân qua đại biểu, với đồng chí Zao phải ra trách fan-zích cho khỏi đại biểu đó. Trách nhiệm đại khái như sau này,

A. Bàn với đại biểu anh tờ báo-cáo, rồi sịch ra tiếng nga, để khi khai hội đọc báo cáo.

B. Trong khi viên thuyết của hội, hoặc nói khác, anh em công nhân khỏe mạnh nói, thì mình phải tuỳ đó mà thêm thắt vào cho có thà thóng.

C. Phải chú ý báo việc báo cáo trong đại hội, để mà fan-zích và sửa thích kỳ khoẻ cho anh em đại biểu hiểu.

D. Khi đại hội rồi, phải sọn sếp tài liệu để cho đại biểu đem về báo cáo trong nước.

E. Đi ra ngoài, gặp những việc tốt, thì phải báo cho anh em đại biểu chú ý, để so sánh với tình hình trong nước mình. Gặp những sự không vẻ vang, như Bespriziorny, nepmen, văn văn, phải kết sức sửa thích cho anh em hiểu, kẻo cho để họ có mauvaises impressions.

Nói tóm lại là làm sao cho anh em đại biểu hiểu, hăng hái, về yêu mến Xô-nga, lại có cảm tình với anh em lao động các nước.

3. Tất cả anh em học sinh, nhất là ng. fu, trách, đối với đại biểu lao động phải tỏ tình rất thân mật. Chớ để ng. ta trông thấy sự fen biệt intellect. và prolet.

4. Khi đại hội rồi, đại biểu đã trở về, thì Đồng chí Zao phải gởi thơ về báo cáo về sự bình các đại biểu đó. Thơ ấy đem lên Bostosny Odel, nơi gởi cho K. Victor Leben, ở Đông Dương bỏ Thương-hải.

5. Nếu đồng chí Zao khỏi đi Kuvt nữa, thì anh em không fủ một đồng chí khác fủ trách thế.

6. Tài liệu báo cáo, chúng tôi sẽ gởi qua.

Chúc khỏe Đồng chí càng súc!

5/4/30

Bản chụp bức thư đánh máy có bút tích của Nguyễn Ái Quốc gửi đồng chí Zao, đề ngày 5 - 4 - 1930

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tạp-chí này sau sẽ tiếp tục in mãi. Hoặc nhiều hoặc ít, hoặc 1 tuần, hoặc 10 ngày mà tháng, không nhất định

2. Tài liệu trong TC: hoặc là kinh làm việc, hoặc là kinh nghiệm ku kác nước, hoặc là tin tức thế giới, hoặc là phê bình công việc của mình, v.v. sẵn gì in nấy.

3. Trách nhiệm các cơ quan đối với TC: (a) đem làm tài liệu huấn luyện và nghiên kứu cho đảng-viên, (b) lấy tài liệu trong này mà làm báo, (c) bài nào nên truyền bá cho đa-số qu.chúng thì kiếm cách in thêm ra, (d) xem chỗ nào kó tâm-đắc, chỗ nào khó hiểu, chỗ nào nên sửa đổi, chỗ nào không hợp với hoàn cảnh riêng của địa phương mình, v.v. thì phải phê bình, gửi hỏi.

Nói tóm lại là các đ.c. phải hết sức truyền bá và giúp cho TC được hoàn-toàn và phát triển./.

5/8/30

BÍ MẬT KỎNG-TẢO

1. Vì sao phải bí mật?

(1) Để tránh bị địch-nhân phá hoại k.m.

(2) Để sử dụng lực lượng của k.m. và để làm cho k. m. phát triển.

2. Vì sao các cơ quan thường bị bắt?

(1) Vì chính trị, như vì Quốc-tân-đảng làm liều cho nên nó bắt bớ khủng hoảng, rồi lấy lan đến Đảng.

(2) Vì đ.v. hành động không khéo, hoặc vì đ.v. bị nó mua được, làm chỉ sẵn cho nó.

(3) Vì tổ chức của qu.chúng chưa rộng thì nó sẽ của Đ. chưa vững, thường khi tổ ra Đ. không phải Đ. của qu.chúng; cho nên khi tranh dân mà bị bắt thì nhiều ng. không kiên mà fun ra khỏi.

(4) Vì đ.v. thường không được huấn luyện, đến khi bị bắt, bị nó tuyên truyền và chính trị, rồi theo nó mà fản Đảng.

(5) Vì Đ. một đường, qu. chúng một đường, không sinh sáp nhau, cho nên hay

Digitized by Google

NHÌN LẠI CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG PHÁT XÍT

NHỮNG CHÂN LÝ LỊCH SỬ KHÔNG THỂ PHỦ NHẬN

NGUYỄN HUY QUÝ *

TRONG khoảng 5 năm lại đây, cùng với sự sụp đổ chế độ xã hội ở Liên xô và các nước Đông Âu, một loạt các vấn đề lịch sử liên quan tới Liên xô và Đông Âu được không ít người đặt lại để tranh luận, những kho tư liệu mật được phơi bày công khai. Về lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc tranh luận vẫn xoay quanh *ba chủ đề lớn* là : nguồn gốc chiến tranh, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa thời đại của chiến thắng phát xít. Giới nghiên cứu chân chính có dịp đặt lại vấn đề để suy nghĩ và tranh luận làm sáng rõ hơn sự thật lịch sử, nhưng cũng lắm kẻ cơ hội muốn "mượn gió bẻ măng", phủ nhận những sự thật lịch sử mà họ không muốn nhìn nhận.

Nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ chiến tranh thế giới

Chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc sâu xa dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. Đó là một sự thật lịch sử không thể phủ nhận.

Một số người nhấn mạnh trách nhiệm của nhà nước xô viết trong việc để thế giới rơi vào thảm họa chiến tranh. Chúng ta biết rằng lúc nổ ra chiến tranh thế giới thứ nhất (năm 1914) thì Liên xô chưa ra đời. Cuộc chiến tranh đó hoàn toàn là sản phẩm của các tập đoàn đế quốc Đức - Áo - Hung và Anh, Pháp, Nga, Mỹ v.v.. Chiến tranh thế giới thứ hai, *thực chất* là sự tiếp tục của chiến tranh thế giới thứ nhất. Nó bùng nổ do những mâu thuẫn đã hình thành từ trước mà chiến tranh thế giới thứ nhất chưa giải quyết được. Chủ nghĩa quốc xã Đức, thủ phạm chủ yếu gây ra chiến tranh thế giới thứ hai, là một hình thức biểu hiện cao độ của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Chủ nghĩa quốc xã không phải là sản phẩm riêng của Hít-le. "Chủ nghĩa bành trướng Đại Đức" đã xuất hiện từ cuối thế kỷ 19 và phát triển từ thời Ghi-ôm II. Những học thuyết cấu thành chủ nghĩa quốc xã Hít-le như thuyết "cạnh tranh không gian sinh tồn", thuyết "phân biệt chủng tộc và dân tộc", cùng với những luận điệu lừa bịp, mị dân về "chủ nghĩa xã hội quốc gia" đều có nguồn gốc manh nha ở Đức và các nước đế quốc khác từ thế kỷ trước. Đặc tính hung hăng tàn bạo của chủ nghĩa quốc xã Hít-le nói cho cùng cũng là sự phản ánh tình trạng khốn quẫn, tính chất gay gắt và bức bách của chủ nghĩa đế quốc Đức trong cuộc cạnh tranh với các đich thủ của mình. Xét về mặt *cơ sở kinh tế* cũng như về *ý thức hệ*, chủ nghĩa phát xít và cuộc chiến tranh do nó gây ra chính là sản phẩm của chủ nghĩa đế quốc quốc tế ở nửa đầu thế kỷ 20.

Ngày nay các cường quốc tư bản không chủ trương chiến tranh thế giới. Sự thay đổi chính sách đó là do thời thế đã đổi thay. Không thể lấy biểu hiện ngày nay để bào chữa cho biểu hiện ngày xưa. Đối với chủ nghĩa tư bản, *chiến tranh* hay *hòa bình* đều chỉ là *phương tiện* để đạt tới mục đích *lợi ích*.

Một số nhà nghiên cứu ngày nay coi văn bản không công bố của Hiệp ước Xô - Đức (23-8-1939) và những hoạt động bí mật của Mô-lô-tốp** - Ri-ben-tơ-rốp*** như là những bằng chứng về trách nhiệm của nhà nước xô viết trong việc đưa tới Hít-le tấn công Ba-lan, gây chiến tranh thế giới. Luận điểm đó thực ra không phải là mới. Gần nửa thế kỷ nay nhiều sách báo phương Tây đều kiên trì quan điểm đó. Quan hệ quốc tế trước chiến tranh rất phức tạp, nhưng cũng có thể thấy những nét lớn. Nói chung, Anh, Pháp, Mỹ và Liên xô đều không muốn nổ ra chiến tranh với nước Đức phát xít bởi những lợi ích riêng của từng nước. Nhưng vì không có sự tin cậy lẫn nhau nên các cường quốc phương Tây và Liên xô đã không sớm thiết lập được mặt trận đồng minh chống phát xít để bảo vệ hòa bình. Chính Hít-le đã lợi dụng tình hình đó để gây chiến. Rút kinh nghiệm thất bại của nước Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Hít-le chủ trương không bắt đầu chiến tranh trên cả hai mặt trận

* GS sử học, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Trung quốc thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

** Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Liên xô lúc đó

*** Bộ trưởng Bộ ngoại giao Đức lúc đó

Digitized by Google

phía Đông và phía Tây, mà chỉ từ một phía, và tin rằng như vậy phía bên kia sẽ không phản ứng mạnh. "Khúc dạo đầu" của chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc hành quân của quân đội Đức vào nước Áo được miêu tả như "một ngày hội hoa đăng". Về sau, tướng Cây-ten có nói : "Nếu chỉ có Tiệp khắc can thiệp thôi cũng đủ gây nên thảm họa. Chúng tôi phập phồng lo sợ điều đó trong 8 ngày". Chúng ta biết rằng sau Tiệp khắc là Pháp và Liên xô, những nước đã ký hiệp ước tương trợ với Tiệp khắc. Khi Hít-le quyết định tấn công Tiệp khắc, các tướng lĩnh Đức cho đó là một hành động mạo hiểm điên rồ, họ nhóm họp ở Béc-lin, "quyết định trừ khử Hít-le". Sự kiện đó chứng tỏ hành động của Hít-le là liều lĩnh bấp bênh đến mức nào ! Chính lúc đó, tuyên bố không can thiệp của Săm-bớc-len* và Đa-la-đi-ê** đã cứu Hít-le. Tại Hội nghị Muy-ních, thực chất là "một phiên chợ đen quốc tế", Anh và Pháp đã bán rẻ Tiệp khắc để đổi lấy lời hứa hão của Hít-le về một nền hòa bình ở phía Tây, có nghĩa là : chiến tranh sẽ nổ ra ở phía Đông-phía Liên xô. Trước mối đe dọa đó, các nhà lãnh đạo Liên xô không có sự lựa chọn nào khác là ký hiệp định không xâm phạm Xô -Đức (ngày 23-8-1939) để "đá quả bóng chiến tranh về khung thành phía Tây"... Đúng là thỏa thuận Xô - Đức có bao hàm việc chia phạm vi thế lực... ở Ba lan và vùng ven Ban-tích, nhưng hành động đó diễn ra trong bối cảnh chung, mà Liên xô ở thế không chủ động, như chúng ta đã biết. Mỹ, Anh, Pháp đã phạm một sai lầm lịch sử là không kịp thời cùng Liên xô thiết lập một mặt trận đồng minh chống phát xít để chặn bàn tay gây chiến của nước Đức Hít-le. Sai lầm đó trước hết bắt đầu từ Muy-ních do lỗi của Anh, Pháp, Mỹ ; và sau đó, Liên xô buộc phải ký hiệp ước không xâm phạm Xô - Đức vì Anh, Pháp đã không chịu liên minh với Liên xô. Chính giới nghiên cứu Pháp cũng đã thừa nhận Mô-lô-tốp ký hiệp ước với Rí-ben-tơ-rốp "sau khi thất bại trong cuộc đàm phán với Pháp và Anh". Như vậy, nguồn gốc *sâu xa* và nguyên nhân *trực tiếp* dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai trên mặt trận châu Âu đã rõ.

Lúc bấy giờ tình hình châu Á, Thái bình dương có khác. Tại đây, không phải Mỹ đã ký hiệp ước trung lập với Nhật, mà là Liên xô đã làm điều đó vào ngày 13-4-1941. Nhưng Hiệp ước trung lập Xô - Nhật ít ảnh hưởng tới quá trình chiến tranh, tới sự bùng nổ chiến tranh Thái bình dương. Vì sao ? *Thứ nhất*, hiệp định đó được ký sau khi chiến tranh ở Đông Á đã bùng nổ, Nhật bản đã chiếm phần lớn Trung quốc. *Thứ hai*, hiệp định đó được ký sau khi đã xảy ra chiến tranh thế giới thứ hai, quân Đức đã chiếm phần lớn châu Âu, Liên xô đứng trước mối nguy có khả năng bị tấn công từ phía đông, mà lực lượng của Liên xô ở Viễn-Đông lúc đó lại rất yếu, chưa kể sau đó Liên xô còn phải rút bớt quân ở đây để chuyển sang mặt trận Xô - Đức. Cần nói thêm rằng, bấy giờ giữa Mỹ và Nhật không có hiệp định trung lập như kiểu Muy-ních, nhưng Mỹ đã thực hiện chính sách trung lập khi Nhật xâm lược Trung quốc. Mỹ có quan hệ ngoại giao và thương mại rất tốt với Nhật. Nhật đã nhận được từ Mỹ xăng dầu và những thiết bị quân sự cần thiết. Mỹ đã cố gắng nhượng bộ nhiều quyền lợi ở Viễn-Đông để hòa hoãn với Nhật, hy vọng lưỡi kiếm của chủ nghĩa quân phiệt Nhật không chĩa xuống phía nam. Đó là điều mà người Trung quốc gọi là "chính sách Muy-ních phương Đông".

Nói tóm lại, *thủ phạm trực tiếp gây ra chiến tranh thế giới là chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật*. Không ngăn chặn hoặc hạn chế được phạm vi tác hại của cuộc chiến tranh là do các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ không cùng Liên xô sớm thành lập mặt trận đồng minh chống phát xít. Sai lầm đó đã được sửa chữa trong quá trình chiến tranh, nhưng đã phải trả giá không nhỏ.

Nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng phát xít

Mọi người đều nhất trí : "Khúc khải hoàn" chiến thắng phát xít là bản đồng ca của toàn thể loài người yêu tự do, của tất cả các lực lượng hòa bình dân chủ. Nhưng trong chiến công chung đó, ai đóng vai trò chủ lực, lập chiến công chủ yếu trên chiến trường, Liên xô hay Anh, Mỹ ?

Phải nói rằng, trong thời kỳ chiến tranh lạnh, một số người trong giới nghiên cứu Đông, Tây đã thiếu khách quan trong khi nhận định về vai trò của Liên xô và Anh, Mỹ trong chiến tranh thế giới thứ hai. Những con số thống kê về tình hình chiến trận trong các ấn phẩm của Liên xô và của phương tây, đôi khi cách nhau rất xa. Ngày nay, thế giới đi vào hòa hoãn, nhiều nguồn tư liệu trước đây thuộc bí mật quốc gia nay được công bố, giúp giới nghiên cứu có thêm cứ liệu để đánh giá các sự kiện lịch sử một cách khách quan, khoa học hơn. Tổng hợp tất cả các sự kiện và các con số trên

* Thủ tướng Anh lúc đó

** Thủ tướng Pháp lúc đó

Digitized by Google

chiến trường châu Âu, chúng ta vẫn phải thừa nhận *vai trò chủ lực* trên mặt trận chống phát xít Đức là thuộc về *Hồng quân Liên xô*. Quân đội Liên xô đã gánh chịu đòn tấn công chủ yếu của quân Đức trong phần lớn thời gian diễn ra chiến tranh. Tháng 6-1941, quân đội Đức có 8,5 triệu người thì Bộ chỉ huy Đức đã tung vào cuộc tấn công Liên xô tới 190 sư đoàn với 5,5 triệu quân. Bằng các trận thắng lớn ở Xta-lin-grát, Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát và Cuốc-xcơ, quân đội Liên xô đã tạo ra bước ngoặt chiến tranh có lợi cho mặt trận đồng minh chống phát xít. Sau đó, Hồng quân Liên xô chuyển sang phản công, bao vây và tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức ngay tận sào huyệt của nó là Béc-lin. Những chiến công ấy đã quá rõ ràng, không phải bàn cãi. Như vậy, thất bại đối với quân đội Đức, thực tế đã được quyết định vào đầu năm 1944 trên mặt trận Xô - Đức.

Tuy nhiên, nếu đánh giá thấp vai trò của liên quân Anh - Mỹ trên "mặt trận thứ hai" thì cũng không khách quan. Đông-xuân 1942-1943, liên quân Anh - Mỹ đã tiêu diệt quân Đức trên chiến trường Bắc Phi, sau đó đổ bộ lên Xi-xin, tiến vào nước Ý. Chiến dịch Noóc-măng-đi của liên quân Anh - Mỹ (huy động hơn 2 triệu quân với 2 triệu tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh) bắt đầu từ ngày 6-6-1944 và diễn ra quyết liệt trong 2 tháng rưỡi, là một trong những trận đánh có tính chất quyết định trên chiến trường Tây Âu. Nó đã tiêu diệt và làm tan rã hơn 1 triệu quân Đức do Rô-men chỉ huy, giải phóng nước Pháp... Không có chiến thắng của liên quân Anh - Mỹ trên mặt trận phía Tây, thì trận phản công của Hồng quân Liên xô, truy kích quân Đức tới tận Béc-lin, chắc không thể nhanh chóng và thuận lợi như đã diễn ra. Ngược lại, không có chiến thắng của Hồng quân Liên xô trên mặt trận phía Đông, thì chiến dịch Noóc-măng-đi của liên quân Anh-Mỹ cũng không thể giành thắng lợi như vậy.

Một vấn đề nữa được người ta đặt lại là *chiến thắng của Liên xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại không phải do tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà do lòng yêu nước của người Nga và các dân tộc anh em*. Không thể nào đong đo trong tinh thần chiến đấu dũng cảm vô song của người lính xô viết có bao nhiêu phần lý tưởng cách mạng và bao nhiêu phần tình yêu tổ quốc. Nhưng chúng ta có thể đặt câu hỏi : Vì sao nước Nga tư sản thảm bại trong chiến tranh thế giới thứ nhất, còn Liên xô dưới sự lãnh đạo của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô lại chiến thắng trong chiến tranh thế giới thứ hai ?.

Nguyên nhân thắng lợi của các lực lượng đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa quân phiệt Nhật cũng đã từng là một đề tài tranh cãi. Trên chiến trường này, nổi bật là vai trò của quân đội Mỹ. Nhưng đó là chiến công của quân Mỹ phản công tiêu diệt lực lượng hải quân Nhật trên Thái bình dương, tạo bàn đạp uy hiếp trực tiếp lãnh thổ nước Nhật, chứ không phải là sự kiện ném bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki. Nhiều chính khách, tướng lĩnh phương Tây từng trực tiếp chỉ huy chiến tranh, trong đó có thủ tướng Anh Sớc-sin đã từng cho rằng sẽ là sai lầm nếu nói hai quả bom nguyên tử Mỹ đã kết thúc chiến tranh. Chúng ta không phủ nhận việc sức mạnh bom nguyên tử đã gây cho Bộ chỉ huy Nhật nỗi kinh hoàng, giáng vào ý chí kéo dài chiến tranh của nó một đòn trí mạng. Nhưng giả thiết rằng mấy triệu quân Nhật trên lục địa châu Á rộng lớn mà lực lượng nòng cốt là đội quân Quan đông vẫn giữ vững được trận địa thì liệu quân Nhật đã chịu đầu hàng chưa ? Lại giả thiết khi hải quân Nhật đã bị tiêu diệt trên Thái bình dương và lục quân Nhật bị tiêu diệt trên chiến trường châu Á thì liệu Bộ chỉ huy Nhật còn cách gì để kéo dài chiến tranh? Phải thừa nhận hai quả bom nguyên tử Mỹ đã đẩy nhanh quá trình kết thúc chiến tranh và cứu vãn cho hàng vạn binh lính Mỹ khỏi phải hy sinh nếu phải tiếp tục chiến đấu. Song đối với hàng chục vạn dân lành nước Nhật, sự kiện Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki là một thảm họa và đối với nhân loại đó là một cơn ác mộng khủng khiếp. Cũng giống như ở mặt trận châu Âu, trên mặt trận châu Á-Thái bình dương không thể tách rời chiến công của quân đội Mỹ khỏi chiến công của quân đội Liên xô. Thắng lợi của cuộc chiến tranh chống Nhật là chiến công chung của mặt trận đồng minh chống phát xít, trong đó quân đội Mỹ đóng vai trò chủ lực. Chúng ta ghi nhận và đánh giá cao cuộc chiến đấu của quân đội Mỹ trên các mặt trận châu Á - Thái bình dương, nhưng không thể đồng tình với hành động ném bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki.

Ảnh hưởng của cuộc chiến tranh chống phát xít đối với thế giới sau chiến tranh

Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây ra bao thảm họa : khoảng 90 triệu người chết và bị thương, tổn thất vật chất ước tính khoảng 5000 tỉ USD. Đó là chưa kể những đau thương không thể tính bằng con số. Nhưng vượt qua được

Digitized by Google

thảm họa phát xít, nhân loại đã xây dựng lại ngôi nhà thế giới của mình.

Chiến tranh thế giới thứ hai có thể nói là bản lề thế kỷ, kết thúc nửa đầu và mở ra nửa cuối của thế kỷ 20, một thế kỷ "có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại".

Tháng 2-1945, trước ngày kết thúc chiến tranh, các nguyên thủ ba quốc gia Mỹ, Anh và Liên xô đã họp nhau ở Y-an-ta để phân chia phạm vi thế lực và bàn về việc hợp tác sau chiến tranh. Có thể nói rằng trật tự thế giới do Hiệp ước Y-an-ta phác thảo là một bước tiến lịch sử so với trật tự thế giới được quy định bởi Hiệp ước Véc-xay sau chiến tranh thế giới thứ nhất, một hiệp ước hoàn toàn do các cường quốc thực dân Anh, Pháp, Mỹ, Nhật khống chế. Sự ra đời của Liên hợp quốc, với nguyên tắc "nhất trí" giữa 5 nước lớn trong Hội đồng thường trực bảo an là thành quả và là sự tiếp tục của mặt trận đồng minh chống phát xít, trong đó Liên bang xô viết đóng vai trò quan trọng, có lợi cho xu thế hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Một loạt các nước châu Âu và châu Á, nhân đà thắng lợi của chiến tranh chống phát xít, đã giành được chủ quyền dân tộc, xây dựng đất nước theo con đường dân chủ nhân dân với định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau chiến tranh, phong trào giải phóng dân tộc bùng lên như một cơn bão táp, chỉ hơn mười năm đã làm sụp đổ cả hệ thống thuộc địa mà chủ nghĩa thực dân đã thiết lập qua nhiều thế kỷ ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Sau chiến tranh, tại các nước tư bản phát triển, các lực lượng hòa bình, dân chủ tiến bộ đã lớn mạnh hơn bao giờ hết. Sức mạnh tổng hợp của các lực lượng hòa bình đã bảo vệ được hòa bình thế giới trong nửa thế kỷ qua, làm cho nền văn minh nhân loại tiến một bước dài. Nhờ thành tựu kỳ diệu của cách mạng khoa học - kỹ thuật, nửa thế kỷ qua nhân loại đã tạo ra được một khối lượng vật chất lớn hơn nhiều thiên kỷ trước đó cộng lại. Ở các nước phát triển, giá trị tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người trước chiến tranh mới khoảng 1000 USD thì đầu thập kỷ 90 đã lên tới 15.000 USD.

Ngày nay, một số thành quả chiến thắng phát xít đã bị tổn hại. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang xô viết và các nước Đông Âu đã kéo theo những rối loạn xã hội và xung đột sắc tộc. Trật tự thế giới đã thay đổi theo hướng có lợi cho các nước tư bản. Các thế lực thù địch với tiến bộ xã hội đang thừa cơ xuyên tạc lịch sử, phủ nhận sự ra đời và tính chất tiến bộ của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa sau chiến tranh, phủ nhận vai trò của lực lượng xã hội chủ nghĩa trong phong trào giải phóng dân tộc và trong phong trào hòa bình, dân sinh dân chủ ở các nước tư bản, thậm chí đánh đồng chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa phát xít.

Rõ ràng là thắng lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít đã tạo ra một bối cảnh mới, dẫn tới một bước tiến lớn về xã hội trong nửa thế kỷ qua. Nhưng như vậy, không có nghĩa là chiến tranh nói chung đã dẫn tới tiến bộ xã hội. Nhân tố tác động tới tiến bộ xã hội trên thế giới sau chiến tranh, chính là thắng lợi của các lực lượng tiến bộ trong chiến tranh. Giả sử chủ nghĩa phát xít thắng trong cuộc chiến, thì nhân loại ắt sẽ bị nhấn chìm trong thảm họa, lịch sử sẽ lùi sâu vào đêm trường trung cổ không biết mấy trăm năm. Lại giả thiết rằng Liên xô và lực lượng cách mạng các nước bị đè bẹp, thì trật tự thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai chắc cũng chẳng khác bao nhiêu so với trật tự thế giới sau chiến tranh thế giới thứ nhất ? Trên thực tế, sự lớn mạnh của cách mạng thế giới trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai đã thúc đẩy tiến bộ xã hội ở các nước tư bản phát triển, và đã tạo nên sức mạnh giải phóng các dân tộc thuộc địa ở Á, Phi, Mỹ la tinh.

Ngày nay, trật tự thế giới vừa trải qua sự đảo lộn và đang được sắp xếp lại. Vô số những hiện tượng ngẫu nhiên, thậm chí tưởng như nghịch lý, xuất hiện và tác động. Nhưng tiến trình lịch sử nói chung vẫn diễn ra theo quy luật của nó. Chúng ta có thể nhớ lại câu nói của C. Mác hơn một thế kỷ trước : "Tất nhiên là sẽ rất dễ làm ra lịch sử thế giới nếu người ta chỉ tiến hành đấu tranh trong điều kiện có những thời cơ thuận lợi chắc chắn. Mặt khác, nếu những "sự ngẫu nhiên" không có tác dụng gì cả thì sự sáng tạo ra lịch sử sẽ mang một tính chất rất thần bí" [5].

Cuộc chiến tranh chống phát xít đã cứu nhân loại khỏi thảm họa, mở ra một thời kỳ phát triển mới. Kinh nghiệm lịch sử chứng minh rằng : khi nhân loại tiến bộ biết liên minh lại, thì không một trở lực nào có thể cản bước tiến của lịch sử đi tới hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, t.4 tr.549

Digitized by Google

LIÊN HỢP QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH CỦA NÓ

• LIÊN HỢP QUỐC (UN)

Là tổ chức quốc tế tập hợp các nước độc lập có chủ quyền trên cơ sở tự nguyện ; là trung tâm phối hợp hành động giữa các nước nhằm duy trì, củng cố hòa bình và an ninh quốc tế, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về quyền lợi và quyền tự quyết của các dân tộc.

Liên hợp quốc được thành lập trong điều kiện thế giới có nhiều biến chuyển mạnh mẽ sau thắng lợi của nhân dân các nước, của Hồng quân và nhân dân Liên xô chống chủ nghĩa phát xít. Tháng 5/1945, phong trào giải phóng dân tộc đã phát triển thành làn sóng cách mạng mới. Nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đã lần lượt đứng lên đấu tranh chống đế quốc thực dân, giành độc lập dân tộc. Chủ nghĩa xã hội đã phát triển thành hệ thống trên phạm vi toàn thế giới. Trong điều kiện lịch sử đó, khả năng tổ chức lại thế giới sau chiến tranh, bảo vệ và duy trì hòa bình, trở thành hiện thực. Thời kỳ này, giữa các nước đồng minh thắng trận đã diễn ra nhiều hội nghị quốc tế bàn về việc thiết lập một tổ chức quốc tế chung. Ngày 26/6/1945 tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô, đại diện của 50 nước đã ký tham gia Hiến chương Liên hợp quốc. Hiến chương Liên hợp quốc bắt đầu có hiệu lực từ ngày 24-10-1945.

Liên hợp quốc là tổ chức liên quốc gia lớn nhất, sâu rộng nhất, bao gồm hầu hết các nước trên thế giới (184 nước thành viên). Liên hợp quốc đã đóng vai trò tích cực trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới, góp phần nhất định đối với việc thay đổi tương quan lực lượng và trật tự thế giới. Liên hợp quốc trở thành tổ chức quy mô lớn, gánh vác nhiều trọng trách trong việc tìm kiếm những giải pháp hòa bình, ngăn chặn xung đột, giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai tới nay, Liên hợp quốc đã 20 lần thực hiện hoạt động gìn giữ hòa bình, với tổng số 530.000 binh sĩ, cảnh sát, nhân viên dân sự tham gia. Liên hợp quốc đã tạo cơ sở cho nỗ lực hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, pháp luật, giáo dục, cứu trợ người tị nạn, giải quyết những vấn đề toàn cầu, những vấn đề phát triển của thời đại...

Tuy nhiên, do tổ chức quá lớn, nhiệm vụ đặt ra quá nhiều và phức tạp, trong khi chế độ chính trị - xã hội của các nước thành viên Liên hợp quốc lại rất khác nhau, cho nên hoạt động của Liên hợp quốc thực chất là một quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh gay gắt. Một số cường quốc thường núp dưới danh nghĩa Liên hợp quốc để theo đuổi mục đích chiến lược của mình. Đặc biệt, sau khi Liên xô tan rã, một số thế lực cường quyền ra sức thao túng tổ chức quan trọng bậc nhất này. Do vậy, một số nghị quyết và việc làm được thực hiện dưới danh nghĩa Liên hợp quốc đã đi ngược với lợi ích và sự tiến bộ của toàn nhân loại.

Ngày nay, do sự lớn mạnh và ảnh hưởng vượt ra khỏi biên giới quốc gia của ngày càng nhiều nước thành viên Liên hợp quốc, do ý chí và khuynh hướng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình của cộng đồng thế giới ngày càng phát triển, đặc quyền của một số nước lớn trong Liên hợp quốc chắc sẽ giảm đi.

Tình hình thế giới đặt ra trước Liên hợp quốc vai trò và trách nhiệm lớn lao hơn trong việc giải quyết các vấn đề chiến tranh, hòa bình, các vấn đề toàn cầu. Sự trông đợi của cộng đồng quốc tế đối với Liên hợp quốc ngày càng tăng, đòi hỏi tổ chức này phải có những cố gắng hơn nữa trong việc cải cách về cơ cấu, phát huy dân chủ, xem xét lại vai trò và quyền hạn, để đáp ứng những thay đổi của thời đại.

• CÁC TỔ CHỨC CHÍNH CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Liên hợp quốc có mạng lưới các tổ chức hoạt động rộng khắp. Một số tổ chức chuyên môn chính là :

+ Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). Được ký kết năm 1947 (có hiệu lực từ năm 1948). Lúc đầu có 23 nước tham gia. Đây là hiệp ước nhiều bên giữa các chính phủ về chế độ và chính sách buôn bán. Các bên tham gia hiệp định này có trách nhiệm với nhau trên các nguyên tắc nhất định như : bảo đảm quy chế tối huệ quốc trong thương mại quốc tế ; giải quyết những vấn đề tranh chấp qua con đường hiệp thương. Mục đích của tổ chức này là đạt tới sự thỏa thuận, nhân nhượng lẫn nhau về biểu thuế, giảm bớt thuế quan và các hạn chế khác trong trao đổi buôn bán giữa các thành viên, thực hiện tự do hóa thương mại quốc tế, thiết lập và điều chỉnh các luật lệ thương mại quốc tế. Trong khuôn khổ GATT, các vòng đàm phán thương mại đã được tiến hành nhằm giảm thuế xuất nhập khẩu và các trở ngại khác trong buôn bán quốc tế giữa các nước thành viên và quan sát viên. Tiến trình các vòng đàm phán bộc lộ sự cạnh tranh gay gắt về lợi ích giữa các nước, nhất là các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu, trước xu thế quốc tế hóa kinh tế thế giới. Kể từ 1-1-1995, GATT được thay thế bằng Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

+ Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế (IBRD). Thành lập tháng 12/1945. Có 155 nước tham gia. Mục đích của ngân hàng là thúc đẩy sự khôi phục và phát triển kinh tế của các nước thành viên

Digitized by Google

thông qua việc giúp đỡ về tài chính, khuyến khích sự đầu tư của tư bản tư nhân nước ngoài, thúc đẩy thương mại quốc tế. Thực tế, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển thường sử dụng tổ chức này như một công cụ để thi hành chính sách bành trướng ở các nước đang phát triển, thông qua việc cho vay với những điều kiện có lợi cho họ về kinh tế và chính trị.

+ *Quỹ tiền tệ quốc tế* (IMF). Là cơ quan tín dụng quốc tế, được thành lập năm 1945 với 148 nước thành viên. Từ 1947, IMF là cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc . Mục đích hoạt động của IMF là thúc đẩy sự hợp tác, giúp đỡ nhau trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ và phát triển thương mại quốc tế. IMF có quan hệ rộng khắp với các tổ chức tín dụng lớn trên thế giới. Tùy theo mức độ đóng góp mà các nước thành viên có tiếng nói nhiều hay ít trong tổ chức này. Cũng vì vậy, các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu thường có tiếng nói quyết định trong IMF. 80% số hội viên của IMF là các nước đang phát triển, chiếm 32,4% vốn pháp định. Việt nam là thành viên của IMF từ năm 1976.

+ *Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc* (UNESCO). Thành lập năm 1946. Là một trong những tổ chức chuyên môn lớn nhất của Liên hợp quốc , gồm 161 nước thành viên. Công ước thành lập UNESCO xác định rõ mục đích : góp phần duy trì hòa bình và an ninh quốc tế bằng cách thắt chặt sự hợp tác giữa các quốc gia về giáo dục, khoa học và văn hóa, bảo đảm sự tôn trọng của tất cả các nước về công lý, luật pháp, nhân quyền, và tự do cơ bản cho mọi người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo. UNESCO có vị trí quan trọng trong đời sống thế giới, phục vụ cho sự nghiệp hòa bình và sự phát triển của con người. Việt nam là thành viên của UNESCO, đã tham gia nhiều chương trình nghiên cứu lớn của tổ chức này. UNESCO đã hợp tác và giúp đỡ Việt nam trên các mặt giáo dục, văn hóa, khoa học, truyền thông.

+ *Tổ chức lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc* (FAO). Thành lập năm 1945, với mục đích thúc đẩy quá trình nâng cao mức sống, tăng năng suất lao động, cải thiện việc phân phối lương thực, thực phẩm đối với nông dân. Là thành viên của FAO, Việt nam đã nhận được sự giúp đỡ của tổ chức này về kỹ thuật, đào tạo cán bộ khoa học, thông qua các hoạt động và chương trình lớn.

+ *Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc* (UNIDO). Thành lập năm 1967 (1985 là cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc). Mục đích của UNIDO là thúc đẩy việc phát triển công nghiệp và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển, tạo điều kiện cho sự hợp tác ở quy mô quốc tế và khu vực trong lĩnh vực phát triển công nghiệp. UNIDO đã tài trợ cho Việt nam một số chương trình phát triển về kỹ thuật.

+ *Tổ chức y tế thế giới* (WHO). Thành lập năm 1946. Hoạt động của WHO nhằm mục đích thực hiện sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y học, WHO giúp đỡ chuyên gia và kỹ thuật cho các nước, đấu tranh chống các bệnh dịch, bảo vệ môi trường. Việt nam tham gia WHO với tư cách nhà nước.

+ *Chương trình phát triển của Liên hợp quốc* (UNDP). Thành lập năm 1965. Có 170 nước thành viên. Mục đích của UNDP là cung cấp viện trợ kỹ thuật, vốn cho các nước đang phát triển ; thực hiện phối hợp toàn bộ sự trợ giúp nhiều bên trong hệ thống Liên hợp quốc .

+ *Cơ quan cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn* (UNHCR). Thành lập năm 1949, bắt đầu hoạt động từ năm 1951. Là cơ quan giúp việc của Liên hợp quốc, UNHCR hoạt động với mục đích thúc đẩy việc ghi nhận và phê chuẩn các công ước quốc tế về bảo vệ người tị nạn ; thúc đẩy việc thi hành các biện pháp nhằm cải thiện địa vị của người tị nạn ; giúp đỡ các chính phủ và các tổ chức nhằm tạo điều kiện hồi hương tự nguyện của người tị nạn, cho cư trú hoặc di cư sang các nước khác.

+ *Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế* (IAEA). Thành lập năm 1957. Mục đích của IAEA là sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình, tăng cường sức khỏe của con người và sự phồn vinh của toàn thế giới, bảo đảm sự trợ giúp của IAEA không bị sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào vào mục đích quân sự. Để đạt được mục đích đó, IAEA đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu, trao đổi, phổ biến các thông tin khoa học kỹ thuật, tổ chức các lớp đào tạo cán bộ kỹ thuật, bảo vệ môi trường. IAEA đã giúp Việt nam về kỹ thuật.

+ *Quỹ hoạt động dân số của Liên hợp quốc* (UNFPA). Thành lập năm 1967, với mục đích tạo ra kiến thức và sự hỗ trợ trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình, giúp đỡ các nước đang phát triển giải quyết vấn đề dân số. Phần lớn các dự án do UNFPA đài thọ, được thực hiện bởi các cơ quan và tổ chức trong hệ thống Liên hợp quốc , như FAO, UNICEF, UNIDO, UNESCO. Việt nam đã nhận được sự giúp đỡ tích cực của UNFPA trong việc đào tạo cán bộ và các hoạt động về dân số.

+ *Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc* (UNICEF). Thành lập năm 1946. Là cơ quan có quy chế nửa tự quản. Mục đích ban đầu của UNICEF là thúc đẩy các chính phủ tạo điều kiện giúp đỡ, cứu trợ trẻ em ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai. Mục đích chủ yếu hiện nay của UNICEF là giúp đỡ, cải thiện điều kiện sống của trẻ em, nhất là trẻ em ở các nước đang phát triển. UNICEF hướng hoạt động vào các lĩnh vực trợ giúp về y tế, thực phẩm, bảo hiểm xã hội, giáo dục, dạy nghề, lập các dự án và chương trình rộng lớn giúp đỡ trẻ em. Vốn của UNICEF do sự ủng hộ, đóng góp tự nguyện của các chính phủ, các tổ chức và cá nhân. Việt nam tham gia hoạt động của UNICEF từ năm 1973. UNICEF đã dành nhiều viện trợ cho Việt nam trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh môi trường...

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ 11/3

(SỞ NÔNG LÂM NGHIỆP DAKLAK)

- Địa chỉ : Km 3 - Quốc lộ 14 - Thành Phố Buôn Ma Thuột, Daklak
- Điện thoại : 01.50.52564

Nông trường cà phê 11/3 đang tích cực đầu tư trong lĩnh vực trồng và dâu. Tạo dựng sự ổn định kinh tế của tỉnh nhà.



Giám đốc : **NGUYỄN VĂN NGA**

CTY VẬT TƯ CHẾ BIẾN CUNG ỨNG CAFE XUẤT KHẨU

MASCOPEX

ĐỊA CHỈ : 38B - NGUYỄN BIỂU - NHA TRANG - KHÁNH HÒA

ĐIỆN THOẠI : 31078 - 31079 - 31080. FAX : 015831077

Chuyên kinh doanh, xuất khẩu và mua bán nội địa :

- XUẤT KHẨU : Nông sản - Chủ yếu là càfé
- NHẬP KHẨU : Phân bón các loại, thuốc trừ sâu bệnh
  Vật liệu xây dựng, máy nông nghiệp

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP DÂU TẰM TƠ LỘC ĐỨC



- Giám đốc : NGUYỄN CÔNG TIẾN
- Địa chỉ : 02 Đinh Tiên Hoàng Bảo Lộc - Lâm Đồng
- Điện thoại : 64060

Giám đốc NGUYỄN CÔNG TIẾN

Xí nghiệp Dâu Tằm Tơ Lộc Đức là một đơn vị trực thuộc liên hiệp Dâu Tằm Tơ Việt Nam, được thành lập năm 1988, theo quyết định 1063 ngày 29/8/1994 của Bộ NNCNTP. Xí nghiệp được bổ sung thêm các hoạt động : Kinh doanh chế biến tơ tằm và phế liệu tơ tằm; kinh doanh nông sản ; công nghiệp và thương mại phục vụ nông thôn.

Với diện tích vùng nguyên liệu 3900 ha dâu, 674 hộ nông dân (có gần 1500 lao động), 4 nhà máy ươm tơ quy mô 13 tấn/năm/nhà máy xí nghiệp đã tổ chức quy trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ khép kín, phát huy vai trò tích cực của kinh tế hộ nông dân nhờ đó đời sống CBCNV xí nghiệp và nông dân trong vùng không ngừng được cải thiện thông qua thu nhập ngày càng tăng.

Hiện nay xí nghiệp đã đầu tư gần 2 tỷ đồng để xây dựng cơ sở chế biến cà phê và chế biến chè, đáp ứng việc tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ của nông dân, phấn đấu đến tháng 6/95 xí nghiệp chế biến được 1200 tấn chè xuất khẩu/năm ; 1600 tấn cà phê xuất khẩu/năm ; 40 tấn tơ tằm, 50 tấn sản phẩm từ phế liệu tơ tằm/năm, hình thành 17 cụm dịch vụ sản xuất đời sống ở nông thôn.

Xí nghiệp Dâu Tằm Tơ Lộc Đức là đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao và toàn diện, ngoài chức năng tổ chức SXKD xí nghiệp còn giải quyết tốt những vấn đề xã hội đang đặt ra tại địa phương.

Digitized by Google

CÔNG TY LIÊN DOANH
VINABICO KOTOBUKY

Địa chỉ :
436 Nơ Trang Long.
Quận Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 945584 - 940537



VĂN PHÒNG CÔNG TY

Tổng giám đốc : VŨ MẠNH HẢI



★ Công ty liên doanh Vinabico KoToBuKi là đơn vị liên doanh với nước ngoài trên lãnh vực sản xuất bánh kẹo đầu tiên với quy mô lớn nhất ở các tỉnh phía Nam, chuyên sản xuất các loại bánh kẹo phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

★ Vinabico KoToBuKi là liên doanh thực hiện quá trình điều hành sản xuất tiên tiến ; Vai trò lãnh đạo của Đảng, các đoàn thể, tinh thần sáng tạo của công nhân được phát huy tốt, đời sống công nhân không ngừng được cải thiện thông qua chế độ lương khoán khuyến khích công nhân tăng năng suất lao động.

★ Vinabico KoToBuKi luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước, được khách hàng trong nước và ngoài nước tín nhiệm.

Digitized by Google

5/28

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HUYỆN GIA LÂM



▲ *Một góc phòng truyền thống xã Trung Mầu - 1 trong những căn cứ cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa*



▲ *Đường liên xã ở Gia Lâm*



▲ *Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cắt băng khánh thành và tham quan nhà truyền thống xã Trung Mầu Gia Lâm ngày 9-5-1982*



▲ *Hội đồng xổ số lô tô Gia Lâm đang làm việc. Tham gia tích cực đấu tranh chống tệ nạn xã hội.*

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ : 2500Đ

Tạp chí Cộng sản

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 6
MAIN



The Library - UC Berkeley
Received on: 06-27-95
Tap Chi Cong San

6
1995

Digitized by Google



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

6 - 1995 NĂM THỨ BỐN MƯƠI MỐT (474)

MỤC LỤC

	*** Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt nam	3
Kỷ niệm 70 năm Ngày báo chí cách mạng Việt nam (21-6-1925 - 21-6-1995)	HOÀNG TÙNG - Báo chí cách mạng Việt nam - Chặng đường 70 năm	11
	NGUYỄN ĐÌNH CÁT và ĐÀO THẢN - Văn phong Hồ Chí Minh	14
Nghiên cứu - Trao đổi :	TÀO HỮU PHÙNG - Bàn về thị trường vốn và thị trường chứng khoán ở Việt nam	17
	TRẦN HỔ - Góp thêm ý kiến về kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa	22
	KHỔNG DOÃN HỢI - Ổn định để phát triển theo con đường đã chọn	25
	LÊ ĐỨC PHÚC - Hình thành và phát triển nhân cách trong kinh tế thị trường	29
	*** Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp (*Tổng thuật cuộc hội thảo ở Thanh hóa*)	33
Thực tiễn - Kinh nghiệm :	ĐẶNG VĂN CẢO - Công tác cán bộ nữ ở Hải hưng	36
	BÙI CHÍ KIÊN - Quá trình đổi mới và phát triển ở Lâm đồng	40
	CÔNG HƯNG - Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Quảng bình	44
	PHAN VĂN - Nhà máy thuốc lá Thang long đi vào kinh tế thị trường	47
Sinh hoạt tư tưởng :	TÂN MINH SINH - Lạc điệu	49
Thư gửi Bộ biên tập :	PHƯƠNG HẠNH và VŨ LÂN - Đọc "Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển"	50
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VŨ HIỂN - Tìm hiểu về trật tự mới của thế giới	52
	LA CÔN - Nước Pháp với cuộc bầu cử tổng thống	56
Qua sách báo nước ngoài	GIÔN NAI-BÍT - Trung tâm quyền lực thế giới mới	59
Tìm hiểu khái niệm	Kết cấu hạ tầng và phát triển kết cấu hạ tầng	60
Tin hoạt động lý luận	● Vấn đề bóc lột trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay	
	● Đoàn đại biểu tạp chí Cầu thị (Trung quốc) thăm Việt nam	62

Bìa 1 : *Nhà hát lớn thành phố (Hà nội)* *Ảnh :* **Trần Thành Công**

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

★★★ Хо Ши Мин : Великий мыслитель, гениальный теоретик вьетнамской революции. ХОАНГ ТУНГ - Вьетнамская революционная печать : 70 лет пройденного пути. НГУЕН ДИНЬ КАТ и ДАО ТХАН - Литературный стиль Хо Ши Мина. ТАО ХЫУ ФУНГ - О рынке фонда и фондовой бирже во Вьетнаме. ЧАН ХО - Личные мнения о рыночном хозяйстве, ориентирующемся на социализм. КХОНГ ЗОАН ХОЙ - Стабилизация для развития по выбранному пути. ЛЕ ДЫК ФУК - Формирование и развитие личных качеств в условиях рыночной экономики. ★★★ - Обновление кооператива и развитие форм кооперации в сельском хозяйстве (Репортаж о симпозиуме, состоявшемся в Тханьхоа). ВУ ХИЕН - Как понимать новый мировой порядок. ЛА КОН - Франция и президентские выборы.

CONTENTS

★★★ Ho Chi Minh - A great ideologist, an outstanding theorist of the Vietnamese revolution. HOÀNG TÙNG - The revolutionary press of Vietnam - its route of 70 years. NGUYỄN ĐÌNH CÁT and ĐÀO THẢN - The Ho Chi Minh's literary style. TÀO HỮU PHÙNG - On the capital market and stock market in Vietnam. TRẦN HỒ - An additional idea on the market economy under the socialist orientation. KHỔNG DOÃN HỢI - Keeping stable for self-development in the chosen way. LÊ ĐỨC PHÚC - Forming and developing the personality in the market economy ★★★ - Renewing cooperatives and developing various forms of economic cooperation in agriculture (General summary of a seminar held in Thanh Hoa). VŨ HIỀN - Getting to know the world's new order. LA CÔN - France and its presidential election.

SOMMAIRE

★★★ - Ho Chi Minh - un grand idéologue, un théoricien génial de la révolution vietnamienne. HOÀNG TÙNG - La presse révolutionnaire vietnamienne - un parcours de 70 ans. NGUYỄN ĐÌNH CÁT et ĐÀO THẢN - Le style littéraire de Ho Chi Minh. TÀO HỮU PHÙNG - Sur le marché du capital et la bourse au Vietnam. TRẦN HỒ - Une nouvelle contribution à l'étude sur l'économie de marché selon l'orientation socialiste. KHỔNG DOÃN HỢI - Se stabiliser pour se développer selon l'orientation choisie. LÊ ĐỨC PHÚC - Former et développer la personnalité dans l'économie de marché. ★★★ - Renouveler les coopératives et développer les formes de coopération économique dans l'agriculture (Aperçu général d'un séminaire tenu à Thanh Hoa). VŨ HIỀN - Chercher à comprendre le nouvel ordre du monde. LA CÔN - La France et ses élections présidentielles.

SUMARIO

★★★ Ho Chi Minh - un gran pensador, un genial teórico de la revolución vietnamita. HOÀNG TÙNG - La prensa revolucionaria de Vietnam - su camino de 70 años. NGUYỄN ĐÌNH CÁT y ĐÀO THẢN - El estilo literario de Ho Chi Minh. TÀO HỮU PHÙNG - Sobre el mercado de capital y mercado de valores en Vietnam. TRẦN HỒ - Algunas opiniones más sobre la economía del mercado a la orientación socialista. KHỔNG DOÃN HỢI - Estabilizarse por desarrollar según el camino ya escogido. LÊ ĐỨC PHÚC - Formar y desarrollar la personalidad en la economía del mercado. ★★★ Renovación en las cooperativas y el desarrollo de las formas de cooperación económicas en la agricultura (el seminario en la provincia de Thanh Hoa). VŨ HIỀN - Estudios sobre el nuevo orden del mundo. LA CÔN - La Francia y sus elecciones presidenciales.

目錄

★★★胡志明　越南革命偉大的思想家　天才的理論家 ● 黃松：《70年來越南革命報刊雜誌所經之路》 ● 阮孝吉、陶里：《胡志明的文風》曹友遂：《有關越南資本市場和證券市場的研討》 ● 陳惜：《對社會主義定向的市場經濟的几點意見》孔井亥：《按已選定的道路穩定中求發展》 ● 黎德福：《在經濟市場中形成和發展人格》★★★對農業合作社的革新和發展各種經濟合作形式（清化省研討會總述） ● 武暨：《有關世界新秩序的探討》 ● 羅昆：《法國與法國總統競選》

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH
NHÀ TƯ TƯỞNG VĨ ĐẠI, NHÀ LÝ LUẬN THIÊN TÀI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM *

CHỦ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt nam. Người đã nêu một tấm gương sáng trong việc tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo. Người đã "nắm bắt sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học, tinh thần biện chứng và nhân đạo của học thuyết Mác - Lê-nin, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với hoàn cảnh thực tế nước ta ; đồng thời, Người đã kế thừa, phát huy chủ nghĩa yêu nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ những nguồn gốc đó. Việc Đại hội VII khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt nam và lan tỏa ra thế giới"(1).

Ngày nay, khi sự nghiệp đổi mới ở nước ta ngày càng đi vào chiều sâu, những biến chuyển trên thế giới ngày càng lớn, những vấn đề mới đặt ra trong đời sống xã hội ngày càng nhiều, đòi hỏi phải làm sáng tỏ để tìm ra sự giải đáp, thì việc nghiên cứu, bảo vệ, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế cuộc sống, trở thành nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong công tác chính trị, tư tưởng, lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta.

Sau gần mười năm tìm đường cứu nước, đặt chân lên nhiều châu lục, tiến hành khảo sát chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở các nước tư bản chủ yếu và nhiều nước thuộc địa của chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được xu hướng phát triển của thời đại, từ một người yêu nước nồng nhiệt, Người đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trở thành người cộng sản. Từ đó, Người rút ra kết luận : "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Đó là con đường cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt nam. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại nhằm đi tới mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó cũng

---

* Nội dung chính trong *Lời giới thiệu* của Hội đồng xuất bản bộ *Hồ Chí Minh toàn tập* (xuất bản *lần thứ hai*, năm 1995). Đầu đề là của chúng tôi

(1) Nghị quyết của Bộ Chính trị số 09-NQ/TW ngày 18-2-1995 : Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay

Digitized by Google

là *nội dung tổng quát của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*" là điểm xuất phát của tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ một thanh niên thuộc địa, mất nước, ra đi tìm đường cứu nước, mục tiêu trước mắt của Người là giải phóng dân tộc. Vấn đề đặt ra là trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, các dân tộc thuộc địa có thể bằng con đường nào để giành thắng lợi ? Dưới ánh sáng *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin và tấm gương Cách mạng Tháng Mười Nga, Người đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc mình và cho tất cả các dân tộc thuộc địa. Người khẳng định : "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"(2). Người đưa ra hình ảnh so sánh nổi tiếng: Chủ nghĩa đế quốc là "con đỉa hai vòi", do đó cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải thực hiện được sự liên minh chiến đấu giữa vô sản ở thuộc địa với vô sản ở chính quốc nhịp nhàng như hai cánh của một con chim. Vì bóc lột thuộc địa là một trong hai nguồn sống của chủ nghĩa tư bản, cho nên muốn đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, trước hết phải xóa bỏ thuộc địa của chúng đi. Do đó, cách mạng thuộc địa không chỉ trông chờ vào kết quả của cách mạng vô sản ở chính quốc mà phải tiến hành song song với cách mạng ở chính quốc, hơn nữa nó cần phải chủ động và có thể giành thắng lợi trước, và bằng thắng lợi của mình nó có thể đóng góp vào sự nghiệp giải phóng anh em vô sản ở phương Tây. Người viết :

"Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn".

Đó là một luận điểm sáng tạo mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến vào sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Trên nền tảng lý luận đó, Người đã cùng với Đảng ta đề ra và giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề về chiến lược và sách lược, dẫn đến thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc gắn bó thống nhất với tư tưởng của Người về chủ nghĩa xã hội. Vì cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cho nên con đường phát triển tất yếu của cách mạng giải phóng dân tộc sẽ là tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định : "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn".

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là *luận điểm trung tâm* của tư tưởng Hồ Chí Minh, nó thâm nhập và xuyên suốt toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người trong các thời kỳ và trên các lĩnh vực.

Ngay từ khi Đảng cộng sản Việt nam mới thành lập, trong Chính cương vắn tắt do Người khởi thảo, đã khẳng định sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa khi đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc trong triển vọng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thật vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ mối quan hệ hữu cơ giữa giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội, đặt nền tảng cho bước chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây là tư tưởng lớn thể hiện tính quy luật của sự phát triển lịch sử xã hội Việt nam : chỉ có hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội và chỉ có làm cách mạng xã hội chủ nghĩa mới giữ vững những thành quả do sự nghiệp giải phóng dân tộc mang lại.

---

(2) Tất cả những câu trích không có chú thích đều được rút ra từ trong bộ *Hồ Chí Minh toàn tập*

Digitized by Google

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ phát huy tác dụng trong giai đoạn Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc (1945-1954) mà còn xuyên suốt quá trình tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, nhưng có quan hệ khăng khít với nhau, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (giai đoạn 1954-1975) cũng như trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tổng hợp những quan điểm chiến lược có ý nghĩa chỉ đạo lớn về chính trị và lý luận, về nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt nam. Nắm được nội dung tư tưởng ấy, quán triệt đúng nguyên tắc chiến lược ấy của tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận để hiểu được con đường phát triển của cách mạng nước ta, đồng thời giúp hiểu rõ những nguyên nhân sâu xa và diễn biến phức tạp của tình hình thế giới hiện nay. Cũng trên cơ sở ấy, hiểu rõ vì sao Đảng ta lại kết hợp được và kết hợp tốt sức mạnh của dân tộc ta và sức mạnh của thời đại trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta. Chân lý độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh được cách mạng Việt nam vận dụng thành công đã khẳng định đó cũng là chân lý lớn của thời đại.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một đóng góp của cách mạng Việt nam vào kho tàng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào lý luận cách mạng xã hội trong thời đại hiện nay.

Ngày nay, những luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản chất, đặc trưng, về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở nước ta vẫn giữ nguyên ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới.

Người nói : "Muốn biết ta tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào thì trước hết phải biết chủ nghĩa xã hội là gì ?".

Theo Người, mục tiêu của "chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh", "mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do". Về bản chất, chủ nghĩa xã hội là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, "một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng". Một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là sự tăng trưởng kinh tế phải "gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hóa của nhân dân", trong đó, con người mới xã hội chủ nghĩa được phát triển cả về thể lực, trí lực, đạo đức và tinh thần. Tiến lên chủ nghĩa xã hội "là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng". "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm".

Xuất phát từ đặc điểm nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, đất nước tạm thời bị chia cắt, lại có chiến tranh, Người đề ra chủ trương : vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chống Mỹ, cứu nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là sáng tạo độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, Người thường xuyên nhắc nhở phải đề phòng cách làm rập khuôn, giáo điều ; cần xuất phát từ thực tế để tìm ra con đường đi riêng phù hợp với tình hình và đặc điểm của nước ta. Người nói: "Hiện nay, đứng về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy chúng ta đã có những kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm đó một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta".

Digitized by Google

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam đang được Đảng ta vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới hiện nay nhằm ra sức phát triển kinh tế, văn hóa làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã. hội.

Có tư tưởng đúng, đường lối đúng, nhưng muốn vận dụng có hiệu quả còn đòi hỏi phải có *phương pháp cách mạng* đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc thầy về phương pháp cách mạng Việt nam. Phương pháp cách mạng của Người là sự vận dụng một cách sáng tạo phương pháp luận phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta để tìm ra những con đường, hình thức, biện pháp... nhằm thực hiện mục tiêu. Đó cũng là sự kế thừa có chọn lọc và áp dụng sáng tạo vào điều kiện hiện đại những phương pháp suy nghĩ và hành động của các nhà tư tưởng, chính trị, quân sự Việt nam trong lịch sử, là sự tổng kết từ thực tiễn các phong trào cách mạng trong nước và trên thế giới.

Phương pháp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một hệ thống được thể hiện đa dạng và phong phú ở các thời kỳ, các giai đoạn khác nhau. Trên tinh thần "dĩ bất biến, ứng vạn biến", lấy mục tiêu không thay đổi là độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân làm gốc, tùy hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, tùy lĩnh vực và đối tượng cụ thể mà có sự vận dụng linh hoạt, uyển chuyển những phương pháp khác nhau.

Điểm nổi bật của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, như Đảng ta đã tổng kết tại Đại hội lần thứ IV, đó là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang của nhân dân, tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh cách mạng ; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao ; lợi dụng triệt để những mâu thuẫn nội bộ của địch, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù, giành thắng lợi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, cuối cùng đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sức chăm lo xây dựng lực lượng bảo đảm cho cách mạng Việt nam đi tới thắng lợi.

"Trước hết, phải có Đảng cách mệnh... Đảng có vững, cách mệnh mới thành công". *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản lãnh đạo*, đặc biệt trong điều kiện Đảng đã nắm chính quyền, là một đóng góp mới vào lý luận xây dựng chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Đảng ta ra đời từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, giữa lúc các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định : "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng cộng sản Đông dương vào đầu năm 1930". Người nói : Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện ở chỗ nó được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh và "tả" khuynh. Người cũng nói rõ : "Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động chứ không phải mưu cầu cho lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào".

Để xứng đáng là Đảng lãnh đạo, Người nêu yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thành "một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để". Trong điều kiện Đảng cầm quyền, để đề phòng nguy cơ thoái hóa, biến chất, Người luôn luôn nhấn mạnh người đảng viên phải "suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người

Digitized by Google

đày tớ tận tụy của nhân dân". Lần đầu tiên trong các đảng cộng sản cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên tư tưởng Đảng phải xứng đáng vừa là *người lãnh đạo sáng suốt, vừa là người đày tớ thật trung thành* của nhân dân. Muốn thế, Người đòi hỏi Đảng ta một mặt phải ra sức nâng cao trí tuệ cho ngang tầm nhiệm vụ lịch sử, mặt khác phải trau dồi đạo đức cách mạng, không ngừng tăng cường mối liên hệ máu thịt với nhân dân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình nếu biết tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống kẻ thù chung và xây dựng đất nước. "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Luận điểm nổi tiếng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng chỉ đạo chiến lược lớn xuyên suốt cả quá trình cách mạng Việt nam. *Tư tưởng đại đoàn kết* của Hồ Chí Minh cùng với đạo đức và nhân cách vô cùng cao thượng và trong sáng của Người đã quy tụ được khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh vì thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Người cho rằng : "Hễ là người Việt nam thì ai cũng có lòng yêu nước, ghét giặc", nên ngay sau khi thành lập Đảng, Người đã đề ra chủ trương thành lập *Hội phản đế đồng minh*, một hình thức mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc. Góp ý kiến về đường lối, chủ trương của Đảng thời kỳ 1936-1939, Người đã bổ sung vào tên gọi mặt trận thành *Mặt trận dân tộc dân chủ* rộng rãi, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc và nhắc nhở phải tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận. Ngay sau khi về đến Cao bằng năm 1941, Người đã cho tổ chức thí điểm các hội quần chúng để rút kinh nghiệm tiến tới thành lập *Mặt trận Việt minh.*

Nguyên tắc nhất quán trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là : Lấy liên minh công nông làm nền tảng, tập hợp rộng rãi nhất mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, vừa đoàn kết, vừa đấu tranh ; lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, trên cơ sở đó bảo đảm có sự kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, bộ phận và toàn cục, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế.

Phương pháp đi tới đại đoàn kết của Người là vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương..., lấy thẳng thắn chân thành để đối xử, lấy tin yêu giúp đỡ để cảm hóa, trân trọng phát huy nhân tố tích cực, hạn chế, đẩy lùi nhân tố tiêu cực, giúp cho mọi tổ chức và cá nhân đều tiến bộ và trưởng thành, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp cách mạng chung.

Tóm lại, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, lâu dài, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh mãi mãi là một sức mạnh làm nên thắng lợi của cách mạng Việt nam.

Đoàn kết, tập hợp lực lượng để đưa quần chúng ra đấu tranh giành tự do độc lập. Kẻ thù đã dùng sức mạnh tàn bạo để đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu". Do đó "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền".

Dưới ánh sáng *tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân ta đã lập nên những chiến công vang dội, được cả loài người khâm phục và ca ngợi. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là tư tưởng về kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Người nói : "Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành

Digitized by Google

thắng lợi cho cách mạng". Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh được thể hiện đặc sắc ở vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng "từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu" với ba thứ quân bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ; vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng, vấn đề khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân. Chính tư tưởng quân sự ấy đã chỉ đạo nhân dân ta đi tới thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám và tiếp đến tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh lâu dài nhất trong lịch sử. Để chống lại những kẻ thù có sức mạnh kinh tế và quân sự lớn hơn mình nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính ; chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng thật tốt mối quan hệ tiền tuyến - hậu phương. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh lấy sức mạnh chính trị, tinh thần của toàn dân làm nền tảng. Trên cơ sở đó mà phát huy tài thao lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự kế thừa truyền thống quân sự quý báu của dân tộc và tiếp thụ tinh hoa quân sự của thế giới. Chính Người đã cùng với Đảng ta nâng nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh nhân dân ở thời đại Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng, Mặt trận, quân đội, đồng thời cũng là người sáng lập Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Trong gần một phần tư thế kỷ ở cương vị Chủ tịch Nhà nước, Người đã bỏ nhiều công sức cho việc xây dựng một nhà nước kiểu mới. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân* là sự vận dụng sáng tạo học thuyết về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chọn lọc, kế thừa cả những tinh hoa trong việc xây dựng nhà nước đã có trong lịch sử dân tộc và nhân loại.

Vấn đề cơ bản của nhà nước là quyền lực thuộc về ai, phục vụ quyền lợi của ai. Đảng ta lãnh đạo nhân dân làm cách mạng là để giành quyền lực về tay nhân dân. Người khẳng định : "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra". "Tất cả quyền lực trong nước Việt nam dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân".

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta, đồng thời Người cũng nhấn mạnh tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc của nhà nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật ; mặt khác nhà nước đó "phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân". Một trong những mối quan tâm của Người là lo làm sao đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ chính quyền phù hợp với bản chất của nhà nước ta, thấm nhuần tinh thần "dân là chủ, cán bộ là đày tớ trung thành của nhân dân". Rất đề cao pháp quyền nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh không lúc nào coi nhẹ vai trò của giáo dục đạo đức. Trong tư tưởng của Người, nhà nước pháp quyền chỉ phát huy được đầy đủ hiệu lực khi biết coi trọng kết hợp giáo dục đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội và nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại, đồng thời là nhà quốc tế chủ nghĩa trong sáng, hiện thân của *tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại*. Người nói : "Cách mệnh Việt nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trên thế giới đều là đồng chí của dân Việt nam cả". Vì vậy, trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, một mặt Người nhấn mạnh tư tưởng phải "lấy sức ta mà giải phóng cho ta", mặt khác Người luôn luôn kêu gọi phải tăng cường sự đoàn kết, giúp đỡ và phối hợp nhịp nhàng cuộc đấu tranh của vô sản ở chính quốc với vô sản ở thuộc địa, như hai cái cánh của một con chim. Trong kháng chiến

Digitized by Google

chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người nhấn mạnh tinh thần độc lập, tự chủ, làm hết sức mình, đồng thời phải ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước trong thế giới thứ ba và các lực lượng hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Ngay đối với các nước tư bản phát triển, từ rất sớm, Người đã tuyên bố : Việt nam muốn "làm bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với một ai"(3), vì mục tiêu độc lập, hòa bình, hữu nghị và tiến bộ xã hội.

Một mặt ra sức tranh thủ sức mạnh của thời đại có lợi cho cách mạng Việt nam, mặt khác Người không quên nhắc nhở nhân dân ta hết lòng, hết sức làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình đối với phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, coi "giúp bạn là tự giúp mình". Hồ Chí Minh chính là biểu tượng của tinh thần "bốn phương vô sản đều là anh em".

Ngoài tư cách là anh hùng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được thế giới biết đến như là nhà văn hóa lớn, nhà nhân văn chủ nghĩa lỗi lạc, nhà đạo đức với tấm gương sáng ngời về phẩm chất đạo đức của người cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một lãnh tụ bàn nhiều đến đạo đức và vai trò của đạo đức trong đấu tranh cách mạng. Người nói: "Đạo đức là cái gốc của người cách mạng". "Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang". Vì vậy, suốt đời mình, Người kiên trì việc giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên, nhấn mạnh không ngừng "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" ; và bản thân Người là một tấm gương trọn vẹn của đạo đức mới : Suốt đời phấn đấu, hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân..

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một thể thống nhất giữa đạo đức với chính trị, đạo đức với tài năng, giữa nói và làm, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Trong khi sử dụng lại một số khái niệm và thuật ngữ của đạo đức truyền thống vốn đã phổ biến và quen thuộc trong nhân dân, Người đã đưa vào đó những nội dung mới, mang ý nghĩa nhân văn và cách mạng của đạo đức mới. Những yêu cầu đạo đức Người nêu ra cho cán bộ, đảng viên nay đã trở thành hệ chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt nam mới như : trung với nước, hiếu với dân, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, "việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh", phải "khổ trước thiên hạ, sướng sau thiên hạ", biết yêu thương con người, có tình cảm quốc tế trong sáng...

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là bộ phận rất quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức sống mãnh liệt, đã sớm đi vào nhân dân, được nhân dân tiếp nhận, vận dụng và nêu cao. Nó đã trở thành một bộ phận của văn hóa dân tộc, thành vũ khí của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống lại các hiện tượng tha hóa về đạo đức của xã hội như quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp quần chúng...

Chúng ta còn tìm thấy trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh những ý kiến chỉ dẫn thiết thực về những nguyên tắc và phương pháp xây dựng nền đạo đức xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Có thể nói, tính hoàn chỉnh của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một bước phát triển mới, một cống hiến đặc sắc vào sự phát triển của đạo đức học Mác - Lê-nin và vẫn giữ nguyên giá trị soi sáng cho chúng ta trong việc giải quyết những vấn đề đạo đức xã hội hiện nay.

Cùng với tư tưởng đạo đức, *tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh* là một đóng góp rất có giá trị vào triết học về con người của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Đó

(3) Trả lời nhà báo Mỹ S.Ê-ly Mây-si, tháng 9-1947

Digitized by Google

là lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức và cũng là lý tưởng nhân văn của Người. Đối với Hồ Chí Minh, giải phóng con người trước hết là giải phóng họ khỏi những tai họa do cái đói, cái rét, cái dốt gây nên. Cuộc chiến đấu đó không thể tách rời cuộc chiến đấu để giải phóng dân tộc. Chỉ có thoát khỏi thân phận nô lệ, mỗi con người mới lấy lại được phẩm giá làm người. Hơn nữa, đó còn là cuộc chiến đấu vì hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì sự giải phóng của toàn nhân loại. Đó chính là giá trị của nhân văn, một chủ nghĩa nhân văn hành động, chủ nghĩa nhân văn chiến đấu, chủ nghĩa nhân đạo hiện thực.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được biểu hiện vô cùng đa dạng và phong phú, nó thấm đậm trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Người, được tỏa sáng trong từng việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan tâm ân cần đối với mỗi con người ; tất cả đều toát lên tình yêu thương, sự tôn trọng, thái độ bao dung và niềm tin vào khả năng cải tạo của con người, dù cho họ có nhất thời lầm lạc. Bằng hành động và ứng xử của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền lại cho chúng ta một đạo đức làm người là phải biết yêu thương và sống với nhau có tình nghĩa.

Chủ nghĩa nhân văn là bản chất cốt lõi, là kết tinh của văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh được loài người tiến bộ suy tôn là một *nhà văn hóa lớn* còn vì những thành tựu xuất sắc của Người trong lĩnh vực hoạt động và sáng tạo văn hóa. *Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh* được biểu hiện ở chỗ Người thấy rõ và khẳng định rất sớm vai trò quyết định của văn hóa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngay sau khi vừa giành được độc lập, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt nam mới, Người đã đề nghị mở ngay chiến dịch chống nạn dốt. Người nói : "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Người coi dốt nát cũng là một thứ giặc, xem thói quen và những tập tục lạc hậu cũng là một loại kẻ thù. Người khẳng định văn hóa là tinh hoa của dân tộc, văn hóa phải góp phần khẳng định dân tộc và bản sắc dân tộc. "Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ sĩ cũng mất tự do. Văn nghệ sĩ muốn có tự do thì phải tham gia cách mạng". "Văn hóa - văn nghệ cũng là một *mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy".

Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa kỳ thị, độc tôn về văn hóa. Là người đã làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn văn hóa phương Đông và phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đề ra chủ trương kế thừa truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc phải đi đôi với việc học tập và tiếp thụ có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại. Những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa đang là kim chỉ nam cho chúng ta trong việc xây dựng một nền văn hóa Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đồng thời không ngừng mở rộng sự giao lưu văn hóa với thế giới.

Những giá trị phong phú và toàn diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh thiên tài trí tuệ của vị lãnh tụ, người thầy của cách mạng Việt nam, nhà tư tưởng mác - xít vĩ đại của Việt nam.

Tính khoa học đúng đắn và tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được lịch sử kiểm chứng. Trải qua những biến động của thời cuộc, tư tưởng Hồ Chí Minh càng chứng tỏ giá trị và sức sống mãnh liệt của nó. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh hoa của dân tộc Việt nam, là niềm tự hào vô hạn của mỗi chúng ta. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân ta càng vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, theo mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Mỗi người Việt nam hãy học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy lòng yêu nước, ý chí quật cường bất khuất của dân tộc để xây dựng một nước Việt nam mới, trong thời đại mới, sánh vai với các nước tiên tiến trên thế giới.

Digitized by Google

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM
CHẶNG ĐƯỜNG 70 NĂM

HOÀNG TÙNG



Bác Hồ nói chuyện tại Đại hội III Hội nhà báo Việt nam tháng 3.1962

CÁCH đây tròn 70 năm, ngày 21 tháng 6 năm 1925 báo **Thanh niên,** cơ quan tuyên truyền, cổ động của Tổng bộ *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*, ra số đầu tiên. Cũng như *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* là tổ chức cách mạng đầu tiên, tiền thân của Đảng cộng sản Việt nam, báo **Thanh niên** là tờ báo cách mạng đầu tiên của báo chí cách mạng nước ta. Báo do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, trực tiếp phụ trách công tác biên tập, và là người viết chủ yếu.

Sau nhiều năm đi tìm đường cứu nước và tìm được con đường đó, tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp, hoạt động trong phong trào công nhân, phong trào giải phóng thuộc địa, phong trào trí thức tiến bộ, viết cho nhiều báo cách mạng ở Pháp, Bác Hồ đã trở thành người lãnh đạo cách mạng Việt nam, báo chí cách mạng Việt nam.

Vai trò lịch sử quan trọng của *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* và cơ quan ngôn luận của nó là tuyên truyền cương lĩnh đầu tiên của cách mạng nước ta, và qua các lớp huấn luyện, đào tạo những cán bộ cách mạng đầu tiên của Đảng, phát động phong trào cách mạng trong cả nước.

Đường cách mệnh đã được Nguyễn Ái Quốc trình bày ở các lớp huấn luyện, đăng trên báo **Thanh niên**, in thành tập sách và bí mật đưa về lưu hành trong nước. Thanh niên trí thức là lớp người đầu tiên tham dự các lớp huấn luyện ở Quảng châu, hưởng ứng *Đường cách mệnh*, truyền bá

Digitized by Google

nó, và tổ chức ra Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở ba kỳ. Học thuyết cách mạng của Mác và Lê - nin được truyền bá đồng thời với *Đường cách mệnh*. Xuất phát từ tình hình nước ta, tình hình thế giới, nghiên cứu và tiếp thụ tinh hoa của học thuyết cách mạng, tổng kết những thu hoạch lý luận - chính trị mà mình đã đạt được, Bác Hồ xác lập nền tảng tư tưởng của cách mạng Việt nam. Những quan điểm cơ bản ban đầu của Người về cách mạng đã được lần lượt trình bày trên các diễn đàn và báo chí ở Pháp và Liên xô. Luận điểm nổi tiếng mà Người nhiều lần nêu rõ là trên thế giới phải tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng : cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng các thuộc địa. Chủ nghĩa đế quốc như con đỉa có hai cái vòi hút máu cả nhân dân các chính quốc và nhân dân các thuộc địa, phải đồng thời cắt đứt cả hai cái vòi ấy mới đánh đổ được chủ nghĩa tư bản quốc tế.

Trên báo **Thanh niên**, cũng như tại các lớp huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc trình bày thuyết hai *giai đoạn* (hoặc hai *cuộc*, hai *quá trình*) cách mạng ở nước ta. Cuộc cách mạng *thứ nhất* là cách mạng dân tộc (quốc gia) ; sau thắng lợi của cuộc thứ nhất sẽ chuyển dần sang cuộc cách mạng *thứ hai*, cách mạng xã hội chủ nghĩa (quốc tế). Nguyễn Ái Quốc cũng phân tích, so sánh nhiều cuộc cách mạng đã lần lượt nổ ra trên thế giới và nhiều học thuyết chính trị, xã hội ; khẳng định chủ nghĩa Lê-nin là cách mạng nhất, Lê-nin đã lãnh đạo tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Mười, giải phóng các giai cấp, các dân tộc bị áp bức. Cũng trên báo **Thanh niên**, lần đầu tiên ở nước ta các vấn đề về lực lượng cách mạng, phương pháp cách mạng, tổ chức quần chúng, công tác cách mạng, tư cách đạo đức người cách mạng... được trình bày như một cẩm nang của những người cách mạng.

Cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta chống sự xâm lược và thống trị của Pháp trước đây đều rất anh hùng, nhưng vì đi theo con đường truyền thống, chỉ coi trọng một bộ phận xã hội là tầng lớp những người có học vấn, tiền của cho nên đều lần lượt thất bại. Nguyễn Ái Quốc đã trình bày học thuyết kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội, thống nhất mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, lấy lực lượng đông đảo nhất là công nhân, nông dân làm nòng cốt, đồng thời ra sức tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước, cách mạng khác, tiến hành cách mạng của quần chúng bằng tất cả mọi phương pháp, hình thức, có thể sử dụng được. Người không nhấn mạnh một chiều đấu tranh dân tộc hoặc đấu tranh giai cấp, công nhân hoặc trí thức.

Với trên một trăm số báo không đều kỳ, vừa là báo vừa là chí, tờ **Thanh niên** đã làm tròn sứ mạng lịch sử vẻ vang, đặt nền tảng cho nền báo chí cách mạng nước ta, trình bày con đường giải phóng dân tộc, xã hội ta, bồi dưỡng lớp người cách mạng đầu tiên của nước ta, trong đó có những đồng chí sau này là những người lãnh đạo xuất sắc của cách mạng nước ta bên cạnh Bác Hồ. Sự nối tiếp sứ mạng của **Thanh niên** bảy mươi năm qua của hệ thống báo chí cách mạng Việt nam là một sự nghiệp anh hùng trong sự nghiệp anh hùng nổi tiếng của Đảng và dân tộc ta.

Vinh dự lớn lao của báo chí cách mạng nước ta là sự nghiệp của nó gắn liền với Bác Hồ, Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam.

Cũng như cuộc cách mạng oanh liệt của dân tộc và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, báo chí cách mạng nước ta đã trải qua *ba* giai đoạn phát triển lớn :

Giai đoạn thứ nhất bắt đầu từ năm 1925 đến năm 1945, giai đoạn này chia thành hai hoặc bốn thời kỳ : 1925-1930, 1930-1945 hoặc 1925-1930, 1930-1935, 1936-1939, 1940-1945. Nhiệm vụ của giai đoạn này là tổ chức phát động các cao trào cách mạng chuẩn bị khởi nghĩa giành quyền làm chủ đất nước.

Digitized by Google

Giai đoạn thứ hai từ 1945 (sau Tháng Tám) đến 1975. Giai đoạn này lại chia thành hai thời kỳ : kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn sau kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà). Nhiệm vụ của giai đoạn này là góp phần chuẩn bị về chính trị, tư tưởng của quân và dân ta, giáo dục những người cộng sản cho các cuộc kháng chiến đánh thắng các thế lực xâm lược.

Giai đoạn thứ ba từ năm 1975 đến nay. Giai đoạn này cũng có hai thời kỳ khác nhau : thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ và thời kỳ đổi mới, khai phá con đường mới, con đường Việt nam, thông qua kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng sự phồn vinh của đất nước, xây dựng một cuộc sống công bằng, văn minh, đưa nước nhà quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Báo chí cách mạng Việt nam ra đời và trưởng thành ở một nước kinh tế lạc hậu, có nhiều nhược điểm không nhỏ và phải hoạt động liên tục một nửa thế kỷ trong hoàn cảnh bí mật, đối đầu với sự khủng bố nặng nề của chủ nghĩa thực dân và nhiều cuộc chiến tranh chống xâm lược kéo dài, điều kiện hoạt động bị hạn chế. Nhưng nó cũng đã đúc kết được những kinh nghiệm rất phong phú và quý báu. Nó đã lập nên một sự nghiệp lớn và là một bộ phận trong sự nghiệp của Đảng cộng sản, Nhà nước cách mạng và nhân dân. Chính cuộc chiến đấu anh hùng của Đảng và của dân tộc là nguồn cảm hứng vô tận của hệ thống thông tin và những người làm báo, viết báo, chụp ảnh và các công tác khác trong đó có những phần việc cực kỳ quan trọng là sản xuất giấy, in, phát hành. Nhiều đồng chí phóng viên, nhiếp ảnh, phát hành đã anh dũng hoạt động và oanh liệt hy sinh.

Đội ngũ những người làm báo trong những thời kỳ đầu còn rất thưa thớt nhưng có nhiều cây bút xuất sắc có cống hiến lớn. Sau Bác Hồ, người thầy của báo chí cách mạng nước ta, có nhiều nhà báo lỗi lạc có uy tín lớn như Trường Chinh và những người lớp đầu như Trần Huy Liệu, Khuất Duy Tiến, Võ Nguyên Giáp, Hải Triều, Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai và biết bao đồng chí khác.

Nền báo chí của chúng ta trong giai đoạn hiện nay có nhiều điều kiện thuận lợi mà các lớp người làm báo trước đây không có, nhưng sứ mệnh vẫn không hề nhẹ nhàng cũng như bản chất cách mạng của nó không thể thay đổi. Xây dựng một đất nước từ nghèo nàn thành phồn vinh, một xã hội từ lạc hậu thành tiến bộ, xây dựng một xã hội công bằng, văn minh không hề là một sự nghiệp giản đơn ; khai phá một con đường mới đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ, không thể tìm thấy qua những nguyên lý có sẵn và những sách đã viết, mặc dù vẫn phải lấy nguồn cảm hứng một phần từ đó. Ăng-ghen nói : chủ nghĩa Mác không phải là một lý tưởng, mà là những sự kiện, nó không lấy nguồn từ những nguyên lý, mà từ những sự kiện.

Cuộc sống, hành động sáng tạo của quần chúng vẫn là nguồn sống vô tận của báo chí. Một đặc trưng nổi bật của báo chí là tính nhân bản, tính dự báo, sự sáng tạo. Lý luận chỉ có ích khi nó đáp ứng những nhu cầu của cuộc sống và làm sáng tỏ những vấn đề do cuộc sống đặt ra, mà cuộc sống thì luôn luôn bề bộn hết vấn đề này đến vấn đề khác. Lý luận và ngôn luận chỉ có giá trị khi nó đại biểu cho tính tiên phong. Nhai lại những cái mọi người đã biết thì vai trò chỉ đạo sẽ giảm sút, nếu không nói là không còn nữa.

Chắc rằng trong giai đoạn mới này, nền báo chí của ta sẽ phát triển rực rỡ và phát huy mạnh mẽ truyền thống quý báu đã được xây dựng nên bằng xương máu.

Những người đến sau bao giờ cũng có nhiều ưu thế hơn những người đi trước.

Digitized by Google

VĂN PHONG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH CÁT *
và ĐÀO THẢN **

Đứng trên quan điểm kiến tạo học và ngôn ngữ học để nghiên cứu các bài nói và viết của Bác Hồ, chúng tôi xin phác thảo một số nét đặc trưng về văn phong Hồ Chí Minh.

1. *Ngôn ngữ Hồ Chí Minh vừa thuộc phạm trù cá nhân vừa thuộc phạm trù xã hội.*

Ngôn ngữ Hồ Chí Minh thuộc phạm trù cá nhân, nhưng "cá nhân" ở đây không nên hiểu như một con người bất kỳ, bình thường như mọi người khác. Ngôn ngữ của Bác là ngôn ngữ của một chính khách, một lãnh tụ đã trở thành hiện tượng mang tính toàn cầu và cực kỳ hiếm. Bác Hồ là một danh nhân văn hóa đã được toàn thế giới thừa nhận. Ngôn ngữ của một người có tầm cỡ quốc tế như vậy quả là có một vị trí vững chắc, một sức mạnh thần kỳ đối với các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Hồ Chí Minh là một người có vốn sống phong phú, có vốn từ Việt, Pháp, Hán, Nga, Anh giàu có và đa dạng ; một con người nhạy cảm, tinh tế. Người là một lãnh tụ có năng lực ngôn ngữ phi thường. Người uyên thâm Hán học và nắm vững các ngôn ngữ chính của phương Tây ; đọc nhiều , suy nghĩ nhiều, viết nhiều, kể cả khối lượng và thể loại. Người để lại một kho tư liệu ngôn ngữ đồ sộ. Chỉ tính riêng trên tờ *Cứu vong Nhật báo* do Đảng cộng sản Trung quốc xuất bản trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật, với bút danh *Bình Sơn*, trong vòng 25 ngày Bác đã viết liên tiếp 8 bài với những nội dung liên quan đến tình hình Trung quốc, Pháp, Việt nam... Đó là các bài : *Chú ếch và con bò* (24.11.1940); *Hai chính phủ Vec-xây* (29.11.1940) ; *Bịa đặt* (1.12.1940) ; *Nhân dân Việt nam và báo chí Trung quốc*(2.12.1940) ; *Ca dao Việt nam và cuộc kháng chiến của Trung quốc* (4.12.1940); *Mắt cá giả ngọc trai* (5.12.1940) *Ý-đại-lợi thật là bất đại lợi* (16.12.1940) ; *Việt nam "phục quốc quân" hay là "mãi quốc quân"* (18.12.1940). Điều đó đủ nói lên trình độ, năng lực tư duy và sức làm việc phi thường của Bác.

79 tuổi đời, 50 năm viết báo với hàng chục bút danh khác nhau, trong đó có 30 năm vừa lao động kiếm sống, vừa hoạt động cách mạng liên tục, có lúc vừa làm chủ bút, vừa làm phóng viên, vừa làm họa sĩ kiêm phát hành báo ; 24 năm làm Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng... Bác đã viết hàng nghìn bài báo và hàng chục cuốn sách. Việc sưu tầm, nghiên cứu, khai thác các văn bản đó đòi hỏi phải hết sức công phu và cần có sự phối hợp, giúp đỡ của các nước mà ở đó Bác đã từng sống và hoạt động cách mạng.

2 - Phong cách viết của Bác vừa đa dạng vừa thống nhất vừa dễ hiểu.

Năng lực ngôn ngữ đặc biệt kỳ lạ của Bác trước hết thể hiện ở tính chất đa dạng. Người không chỉ nói và viết từ một vai mà từ nhiều vai. Là một lãnh tụ (trước đây còn là một người lao động, một chiến sĩ, đã từng là một chính khách khi cách mạng chưa thành công), Người đồng thời còn là một nhà viết kịch, một nhà báo, một nhà thơ. Khi phát biểu hay viết, Bác luôn luôn xác định vị trí của mình - nói hay viết *với tư cách nào, lấy danh nghĩa nào và viết cho ai*, đối tượng nào. Nghiên cứu ngôn ngữ của Bác, muốn có những kết luận đúng và chính xác, nhất thiết phải nắm vững các yếu tố và mối quan hệ đa dạng ấy. Và điều kỳ vĩ hơn cả là khi đọc bất kỳ một bài nào của Bác, với bất kỳ một bút danh nào, ta đều

* Tiến sĩ, nhà kiến tạo học, Liên hiệp NEWTECHCO
** PGS, Giám đốc Trung tâm tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học

Digitized by Google

cảm nhận được đó chính là văn Bác, chứ không phải là văn của ai khác.

Là một lãnh tụ, đương nhiên có khi hoặc nhiều khi đứng tên và ký tên những văn bản do người khác chuẩn bị. Thực tế này không thể tránh khỏi. Tuy vậy, có thể nói trong số những lãnh tụ trong nước cũng như trên thế giới, có lẽ Bác Hồ là người tự viết và rất ít khi nhờ người khác viết hộ. Và trong các văn bản được người khác chuẩn bị, bao giờ Bác cũng sửa chữa kỹ theo yêu cầu nội dung và phong cách diễn đạt của mình. Có thể khẳng định rằng, dù là ở những văn bản được chuẩn bị sẵn, không bao giờ Bác chỉ làm một việc là ký tên đơn thuần, mà luôn luôn để lại dấu ấn riêng, chứng tỏ ngôn ngữ ở đấy đã thuộc về Bác, chí ít cũng đã qua tay Bác biên tập cẩn thận.

Bác có thói quen "tránh nói chữ to" giống như thói quen đi rất khẽ, nói rất nhẹ của Bác.

Qua việc nghiên cứu ngôn ngữ và phong cách diễn đạt của Bác, chúng ta *không chỉ* rút ra được nhiều bài học quý báu về sử dụng ngôn ngữ, sự phát triển của tiếng Việt trong thời đại mới cũng như những kết luận chung về mối quan hệ cá nhân, sự đóng góp của cá nhân vào vốn ngôn ngữ chung ; *mà còn* có thể rút ra nhiều bài học khác về tư tưởng nhân văn, tính khoan dung, lòng độ lượng của Bác.

Ngôn ngữ và văn phong Hồ Chí Minh là một hiện tượng ngôn ngữ, hơn thế nữa, một sự kiện ít có thuộc về lịch sử phát triển tiếng Việt mà Bác Hồ vừa là nhân chứng vừa là người tích cực tham gia vào quá trình tiến hóa ấy.

Vốn từ của Bác thật phong phú và đa dạng. Nếu như trong *Truyện Kiều* Nguyễn Du đã dùng đến 3411 từ, trong *Quốc âm thi tập* Nguyễn Trãi dùng 2215 từ, trong *Lục Vân Tiên* Nguyễn Đình Chiểu dùng 2499 từ thì trong *Hồ Chí Minh toàn tập* Bác đã dùng 4500 từ, trong đó có nhiều từ Bác đã sáng tạo hoặc dùng chúng theo ý nghĩa hoàn toàn đổi mới.

II

Trên cơ sở những phác thảo về đặc điểm chung của ngôn ngữ và văn phong của Bác, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề cụ thể sau đây :

Việc **đầu tiên** là làm *Từ điển Hồ Chí Minh*. Ngôn ngữ của Người, trong tất cả các bài nói, bài viết và các loại tác phẩm có thể xem là *tập đại thành của tiếng Việt* trong ngót nửa thế kỷ, nằm trong giai đoạn phát triển và hoàn thiện rực rỡ các chức năng của nó. Cần khẳng định sự đóng góp lớn của Bác đối với sự phát triển của tiếng Việt ở giai đoạn này. Nhưng mặt khác cũng cần thấy rằng một điểm khá cơ bản là Bác Hồ không muốn tự cho mình cái quyền tạo ra một từ mới hay nghĩa mới trong tiếng Việt. Bác triệt để sử dụng khả năng và phát huy tiềm năng của mọi yếu tố truyền thống dân tộc và dân gian để tạo ra cách diễn đạt mới, cách nói mới, cách hiểu mới và khi không thể nào làm khác được Bác mới sáng tạo ra những từ mới.

Mặc dù với thái độ cực kỳ thận trọng, hoặc nói một cách khác, với phong cách kế thừa, đổi mới và nâng cao, trong mọi thể loại chúng ta đều có thể tìm thấy nhiều từ ngữ mới, nhiều thuật ngữ mới do Bác tạo ra. Nhưng Bác không bao giờ áp đặt, bắt mọi người trong cộng đồng phải chấp nhận cái riêng của mình đem vào ngôn ngữ chung. Đóng góp lớn của Hồ Chí Minh không những ở mặt sáng tạo từ mà còn đặc biệt ở sự vận dụng, ở cách diễn đạt luôn luôn mới mẻ, trong sáng, dễ hiểu và có hiệu quả.

Thứ hai : *Phải nghiên cứu một cách có hệ thống các bút danh khác nhau của Bác.* Hồ Chí Minh đã sử dụng rất nhiều bút danh trong khi viết báo, viết văn. Mỗi bút danh của Bác tiêu biểu cho một vai của người phát, mỗi bút danh thường gắn với một thể loại ngôn ngữ nhất định và mỗi bút danh có một phong cách thể hiện và diễn đạt riêng. Trong vai nhà báo với các bài đăng báo, tiểu phẩm cũng có thể thấy CB khác với TL, ĐX không phải là XYZ. Đó là chưa kể đến hàng chục bút danh khác. Mỗi bút danh của Bác gắn với một loại, một hệ thống bài viết và tác phẩm, là một tác giả khác, một bút pháp khác ứng với một phong cách riêng, một phong cách nhánh trong sự tổng hợp và nhất quán ở một phong cách chung, thống nhất trong đa dạng là phong cách ngôn ngữ Hồ Chí Minh hay nói gọn hơn, văn phong Hồ Chí Minh. Một sợi chỉ đỏ lớn được xe kết

Digitized by Google

lại từ nhiều sợi nhánh như vậy, cũng giống như nhân cách Hồ Chí Minh là sự chung đúc của rất nhiều nhân cách và phẩm chất của con người Việt nam. Nhưng Bác vẫn không thể lẫn với bất cứ một người Việt nam nào khác.

Thứ ba : *Từ cứ liệu ngôn ngữ và văn phong của Bác mà nghiên cứu, tìm hiểu một con người lao động chân tay và trí óc suốt đời không mệt mỏi, một con người chiến sĩ - anh hùng độc nhất vô nhị, một nhà cách mạng ít có, một chính khách lừng danh với con người nghệ sĩ thiên tài của Bác.* Chúng ta là người Việt nam mà không đánh giá đúng sự nghiệp to lớn của Bác thì thật là có tội lớn với lịch sử. Người nước ngoài đánh giá Bác rất cao, như Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô trong bức điện chia buồn khi Bác mất (2.9.1969) đã đánh giá *"Hồ Chí Minh là một trong những người vĩ đại nhất trên thế giới từ xưa đến nay"*.

Cần phân biệt hai kiểu người, hai năng lực này : năng lực chính trị ; năng lực văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung của Bác. Cũng cần phân biệt những tác phẩm như *Đường cách mệnh* (1926), những lời kêu gọi, những bài thơ mang tính thời sự nóng hổi, những bài thơ chúc tết của Bác, với những sáng tác nghệ thuật, như tập thơ *Nhật ký trong tù*. Dù viết bằng thể loại nào, dưới hình thức nào thì những tác phẩm của Bác cũng vừa mang tính nghệ thuật cao, vừa mang tính chính trị, triết học sâu sắc, như *Tuyên ngôn Độc lập* Bác viết 50 năm trước đây, hoặc như *Di chúc* Bác viết trước khi đi gặp Mác, Lê-nin. Có thể nói, đó là những tác phẩm có một không hai trong lịch sử loài người. Trong mọi tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn có ý thức về tính thời sự và tính vĩnh hằng của văn học.

Thứ tư : *Tính hiệu quả trong cách nói và viết của Bác.* Nếu như nói đến kỹ năng chơi chữ của Bác mà chỉ dừng lại ở tác dụng hài hước, vui đùa thì chưa đủ. Phải tìm vào ý nghĩa sâu xa hơn, hiệu quả biểu đạt cao hơn. Thí dụ, Bác nói : "kẹo thì được chia nhau nhưng *nước thì không được chia*". Mặc dù đó chỉ là câu nói vui nhưng Bác muốn nhắc khéo chúng ta về ý thức và nhiệm vụ chính trị của mình đối với Tổ quốc. Với Bác, thêm hay bớt một từ, thay đổi hay xóa bỏ một dấu chấm, dấu phẩy hoặc một chữ xuống dòng, là cả một sự thay đổi quan trọng, nhằm một dụng ý nội dung, một hiệu quả biểu đạt, diễn đạt và trình bày khác, rõ hơn, mạnh hơn, sắc hơn, hóm hỉnh hơn, hay hơn, đạt hơn, dễ nhớ hơn. Bác lựa chọn từ đồng nghĩa rất công phu, đồng thời khu biệt sắc thái của chúng hết sức tinh tế. Nhưng sau tất cả những thao tác ngôn ngữ của Bác thì đến với chúng ta lại là một sản phẩm tuyệt vời giản dị, trong sáng và tự nhiên, tưởng như không cần phải trải qua một chút khó nhọc nào. Đó cũng chính là một phẩm chất quan trọng trong ngôn ngữ của Bác và có thể gọi đó là *văn phong Bác Hồ*.

CÙNG BẠN ĐỌC

Để đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng và lý luận trong giai đoạn mới, thực hiện quyết định của Thường trực Bộ chính trị và Ban bí thư, *Tạp chí Cộng sản* - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam - bắt đầu từ tháng 7-1995 sẽ xuất bản 2 kỳ/tháng, phát hành vào các ngày 1 và 15 hằng tháng.

Việc đặt mua *Tạp chí Cộng sản* xin bạn đọc liên hệ với các cơ quan bưu điện gần nhất hoặc với Bộ biên tập Tạp chí tại trụ sở số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội, điện thoại 01.4.252061 và tại cơ quan thường trú miền Nam số 19 Phạm Ngọc Thạch, quận 3, TP Hồ Chí Minh, điện thoại 01.8.225768.

BAN BIÊN TẬP
Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

BÀN VỀ THỊ TRƯỜNG VỐN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

TÀO HỮU PHÙNG *

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, nền kinh tế Việt nam đã trải qua những thời điểm thử thách gay go, nhưng chẳng những đứng vững mà còn đạt được những kết quả rất đáng mừng : tốc độ tăng trưởng đang đi vào thế ổn định, đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện đáng kể, hoạt động sản xuất kinh doanh được chấn chỉnh và đi vào nền nếp ; các nguồn tiền tệ tích tụ trong nền kinh tế đã được động viên, khai thác bằng nhiều hình thức khác nhau để đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển. Trong cơ chế mới, hoạt động giao lưu vốn đã được khai thông và trên thực tế, một thị trường vốn đã được phục hồi và phát triển ở Việt nam.

Tuy nhiên, sự phát triển của thị trường vốn Việt nam cho tới nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa được hoàn chỉnh và chưa được kiểm soát một cách đầy đủ, chặt chẽ từ phía nhà nước. Đặc biệt, một công cụ quan trọng của thị trường vốn là thị trường chứng khoán cho tới nay vẫn chưa được hình thành trong nền kinh tế. Đây không phải là một thiếu sót, mà là một thực tế phản ánh trình độ phát triển còn thấp của thị trường vốn Việt nam.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000 ở nước ta đề ra mục tiêu tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước. Để đạt được mục tiêu đó, phải có được 40-45 tỉ USD vốn đầu tư cho nền kinh tế. Để có nguồn vốn này, phải huy động tiết kiệm từ trong nước và từ ngoài nước thông qua nhiều biện pháp và hình thức khác nhau. Xét về khả năng vốn, nhiều dữ liệu cho thấy chúng ta có thể huy động từ ngoài nước khoảng 20-22 tỉ USD thông qua các hình thức : đầu tư trực tiếp, khai thác các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA), khuyến khích kiều hối và có thể phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, nhưng phải bảo đảm sử dụng có hiệu quả và trả được nợ. Tuy nhiên, để có thể sử dụng các nguồn vốn ngoài nước đạt hiệu quả cao, việc huy động các nguồn vốn từ trong nước có ý nghĩa hết sức quan trọng. Quan điểm cơ bản đúng đắn trong chính sách tạo vốn để xây dựng đất nước là phải dựa vào tích lũy từ nội bộ nền kinh tế là chính bằng cách động viên mọi người, mọi nhà, mọi doanh nghiệp ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Song trong mấy năm qua, tỷ lệ tiết kiệm cho đầu tư ở tất cả các khu vực thể chế và do đó, của cả nền kinh tế nói chung còn thấp (theo đánh giá của một số tổ chức quốc tế, tỷ lệ này vào khoảng 7% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), thuộc diện thấp nhất trong số các nước đang phát triển với tỷ lệ bình quân là 17-25% GDP, riêng Trung quốc là 30-34%). Một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ tiết kiệm thấp là do thu nhập bình quân đầu người của nước ta còn thấp (200-220 USD) và tỷ lệ người có thu nhập thấp còn cao (80% dân số là ở các vùng nông thôn, nơi thu nhập chỉ đủ đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng, phần tiết kiệm rất thấp hoặc không có).

Một nguyên nhân quan trọng khác của tình trạng tỷ lệ tiết kiệm cho đầu tư thấp là do thị trường vốn của Việt nam sau một thời gian dài bị gián đoạn tuy đã được phục hồi nhưng

* Giáo sư, tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

còn ở giai đoạn thấp ; các hình thức giao lưu vốn còn ít. Việc giao lưu vẫn còn chịu sức ép nặng nề của cơ chế cũ. Các nhân tố của cơ chế mới trong lĩnh vực này chưa được nhà nước chú ý tạo điều kiện, môi trường để phát triển. Do đó, có thể nói, thị trường vốn Việt nam còn rất mỏng manh và chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro.

Thực tế cho thấy, chúng ta cần có một chiến lược vốn hoàn chỉnh với tất cả các công cụ của thị trường hoạt động trong một môi trường kinh tế ổn định và một môi trường pháp lý đủ tin cậy. Nghĩa là, chúng ta phải có một chương trình, một đề án phát triển thị trường vốn với các giải pháp, bước đi cụ thể, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu, khả năng và thực tế của đất nước.

Về thị trường vốn, cần phân tích các công cụ của thị trường, xem xét mặt mạnh, mặt yếu của từng công cụ để có chính sách và giải pháp thích hợp. Ở đây, căn cứ vào các yếu tố pháp lý, quan hệ giữa các đối tượng, có thể phân biệt *ba* công cụ lớn của thị trường vốn là : *thị trường ngầm, thị trường tín dụng thông qua hệ thống ngân hàng,* và *thị trường chứng khoán*. Đương nhiên, ở mỗi công cụ đều có ưu điểm và nhược điểm.

Thị trường ngầm là loại thị trường vốn hoạt động tự phát, không có cơ sở pháp lý bảo đảm. Nó xuất hiện từ lâu đời và phát triển rất mạnh ở khu vực châu Á. Ở nước ta, thị trường ngầm cũng rất đa dạng (thể hiện ở các hình thức chơi hụi, chơi họ, cho vay lẫn nhau giữa các thành viên của gia đình, cơ quan, hàng xóm, v.v.). Thị trường ngầm có ưu điểm là tổ chức đơn giản, chi phí giao dịch thấp, khả năng cung cấp vốn nhanh, gọn. Nhược điểm của thị trường này là tự phát, không chịu sự quản lý của nhà nước và không có luật pháp điều chỉnh, nên dễ sinh ra tiêu cực như lừa đảo, chụp giật... gây rối loạn trong nền kinh tế, tài chính và làm suy yếu hoạt động của thị trường vốn.

Thị trường tín dụng thông qua các nghiệp vụ vay để cho vay của hệ thống ngân hàng. Nó ra đời từ nhiều thế kỷ và ngày nay đã đạt tới trình độ công nghệ rất cao. Ở tất cả các nước, hệ thống các ngân hàng thương mại phát triển không ngừng và đảm nhận khoảng 60-70% nhu cầu giao lưu vốn của nền kinh tế. Ở Việt nam, thị trường tín dụng cũng đã và đang phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành một công cụ đắc lực nhất của thị trường vốn. Nếu xét về tỷ trọng thị trường, thì do chưa có thị trường chứng khoán, nên các hoạt động giao lưu vốn trên thị trường hiện nay chủ yếu được thực hiện bằng công cụ ngân hàng và thị trường tín dụng. Thị trường ngầm tuy khá phổ biến nhưng quy mô không lớn, do đó, thị phần của nó cũng nhỏ so với thị trường tín dụng.

Mặc dù là một công cụ quan trọng, song thị trường tín dụng cũng có những hạn chế nhất định, bởi vì nó không chỉ tách rời người có vốn và người cần vốn, mà còn mang tính chất độc quyền trong quan hệ (về lãi suất, điều kiện cho vay và khối lượng vốn cho vay).

Thị trường chứng khoán là loại thị trường ra đời trong cơ chế thị trường để khắc phục các hạn chế của hai loại thị trường trên đây. Nguyên tắc hoạt động của thị trường này là : khi cần vốn người ta không sử dụng công cụ thị trường tín dụng (không đi vay ngân hàng), cũng không sử dụng thị trường ngầm (vay bạn bè, người thân), mà trong khuôn khổ luật pháp cho phép, có thể phát hành các chứng chỉ vay vốn (trái phiếu) hoặc chứng chỉ đầu tư (cổ phiếu) để huy động vốn. Đồng thời, những người có vốn cũng không mang tiền của mình đi gửi ngân hàng hoặc cho bạn bè vay, mà tự mình lựa chọn các loại chứng khoán có lợi nhất để mua.

Lợi thế của thị trường chứng khoán là nó thỏa mãn được tất cả yêu cầu của người có vốn (người sẵn sàng chịu rủi ro có thể mua cổ phiếu, người không thích rủi ro có thể mua trái phiếu), đồng thời, khi cần tiền mặt, người sở hữu chứng khoán có thể mang chứng khoán ra thị trường bán lại cho người khác.

Digitized by Google

Phải nói rằng, thị trường chứng khoán kết hợp được lợi thế của thị trường ngầm và thị trường tín dụng, đồng thời cũng khắc phục được hạn chế của hai thị trường trên. Chính vì vậy, các nhà kinh tế đã cho rằng thị trường chứng khoán là bước phát triển cao nhất và hoàn chỉnh nhất của thị trường vốn. Thị trường chứng khoán có *hai* loại : thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

Thị trường sơ cấp là thị trường mua bán các chứng khoán phát hành lần đầu, chức năng chủ yếu của nó là huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế.

Thị trường thứ cấp là thị trường mua đi, bán lại các chứng khoán đã phát hành ở thị trường sơ cấp. Thị trường này không làm tăng vốn đầu tư cho nền kinh tế, nhưng lại có tác dụng rất lớn nhằm kích thích sự phát triển của thị trường sơ cấp, vì thị trường này là nơi tạo ra khả năng chuyển đổi các chứng khoán thành tiền mặt khi cần thiết. Hơn nữa, thị giá chứng khoán ở thị trường sơ cấp cũng là tiêu chuẩn để đánh giá một cách khách quan nhất tình hình làm ăn của các công ty, của chính phủ và của cả nền kinh tế nói chung. Do đó, thị trường chứng khoán được coi là chiếc hàn thử biểu của nền kinh tế, hay còn được gọi là *nền kinh tế tượng trưng* của nền kinh tế thực (kinh tế hàng hóa, dịch vụ).

Về kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Cho tới nay có hơn 160 thị trường chứng khoán được phân bố ở các châu lục, trong đó có nhiều thị trường đã ra đời và tồn tại hàng trăm năm nay, nhưng cũng có thị trường chỉ mới ra đời vài ba năm nay (như thị trường chứng khoán ở các nước Nga, Ba lan, Séc, Hung-ga-ri...). Hầu hết, các thị trường chứng khoán sau khi được thiết lập đều từng bước hoạt động có hiệu quả do có sự chuẩn bị chu đáo và có sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ của nhà nước. Tuy nhiên, cũng có một số thị trường trục trặc ngay từ đầu, như thị trường chứng khoán In-đô-nê-xi-a phải đóng cửa sau hai năm thành lập do thiếu hàng hóa, thị trường chứng khoán Phi-líp-pin hoạt động kém hiệu quả do thiếu sự chỉ đạo thống nhất của các sở giao dịch chứng khoán, v.v..

Mọi hoạt động của các thị trường chứng khoán đều được điều chỉnh bằng pháp luật. Ở các nước, việc quản lý thị trường chứng khoán được giao cho *bộ tài chính*, có ủy ban chứng khoán quốc gia làm chức năng tư vấn ; một số nước khác, ủy ban chứng khoán quốc gia do bộ trưởng bộ tài chính làm chủ tịch ; ủy ban này hoạt động như một cơ quan quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán (có văn phòng riêng, bộ máy riêng).

Thị trường chứng khoán có nhiều ưu điểm, nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, mạo hiểm, vì nó mang tính đầu cơ rất cao. Do đó, việc hình thành và tổ chức quản lý thị trường chứng khoán đòi hỏi phải có sự chuẩn bị hết sức chu đáo, không thể chủ quan, nóng vội. Một khi thị trường chứng khoán đã ra đời, thì toàn bộ vốn liếng của nền kinh tế và toàn bộ hoạt động của nền tài chính quốc gia đều gắn chặt với nó, do đó khi nó bị trục trặc thì sự ổn định của nền kinh tế và tài chính quốc gia sẽ bị đe dọa.

Với nhận thức về sự cần thiết phải phát triển thị trường vốn và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán như một bộ phận không thể thiếu được của thị trường vốn, chúng tôi cho rằng Việt nam phải phát triển thị trường vốn ở mức cao hơn, bằng cách vừa hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của thị trường ngầm, vừa nâng cao công nghệ hoạt động của thị trường tín dụng, đồng thời phải tiến tới hình thành thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, để có được một thị trường chứng khoán như mong muốn ở nước ta, cần có *các điều kiện* và phải *lựa chọn mô hình, bước đi thích hợp*.

Trước hết, về *các điều kiện*, cần có ít nhất 5 điều kiện cơ bản sau :

1) *Sự ổn định về kinh tế*. Nước ta hiện nay nói chung đã ổn định được tương đối nền kinh tế và thị trường. Tuy nhiên, sự ổn định đó chưa thật vững chắc. Đây là điều kiện rất

Digitized by Google

quan trọng cho sự ra đời và phát triển của thị trường chứng khoán ở nước ta.

2) Về *cán bộ*. Hiện nay, chúng ta chưa có một đội ngũ các nhà quản lý thị trường chứng khoán được đào tạo có hệ thống, cũng không có một đội ngũ các nhà kinh doanh chứng khoán có kinh nghiệm. Vì vậy, yêu cầu trước mắt là phải đào tạo gấp rút đội ngũ cán bộ quản lý thị trường chứng khoán và đội ngũ cán bộ có nghiệp vụ phát hành chứng khoán chính phủ, trái phiếu và cổ phiếu công ty...

3) Về *hàng hóa cho thị trường chứng khoán*. Hiện nay, chúng ta đã có các loại : tín phiếu kho bạc nhà nước, kỳ phiếu ngân hàng, cổ phiếu công ty. Nhưng các loại chứng khoán này đều ghi tên, chưa thể chuyển nhượng được. Xét về thời hạn, trừ cổ phiếu ra, các chứng khoán khác đều là chứng khoán ngắn hạn. Điều cần chú ý là : chuyển các chứng khoán *ký danh* đã có thành các chứng khoán *vô danh* ; cho phép mua đi, bán lại các loại chứng khoán này. Khuyến khích việc phát hành các loại chứng khoán vô danh (đặc biệt là cổ phiếu, trái phiếu dài hạn) có thể mua đi, bán lại được. Mở rộng đối tượng đầu tư vào trái phiếu, cổ phiếu. Ở nước ta, điều kiện về hàng hóa cho thị trường chứng khoán hiện nay chưa có đầy đủ, do đó cần có biện pháp thúc đẩy tích cực.

4) Về *cơ sở pháp lý*. Hiến pháp nước ta đã khẳng định : nền kinh tế nước ta phát triển theo hướng thị trường có sự quản lý của nhà nước. Vì vậy, bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường lao động, chúng ta có thể và cần phải phát triển thị trường vốn và thị trường chứng khoán. Điều này phù hợp với Hiến pháp. Dẫu rằng chúng ta chưa có luật dân sự, nhưng nội dung về quyền sở hữu tài sản của công dân trong luật dân sự gắn với cơ sở pháp lý của thị trường chứng khoán cũng đã được thể hiện trong Hiến pháp (Điều 58).

Bên cạnh đó, chúng ta đã có luật đơn hành nằm trong bộ luật thương mại (Luật công ty, Luật phá sản, Pháp lệnh trọng tài kinh tế và Pháp lệnh hợp đồng kinh tế), Luật tài chính, Luật ngân hàng... Tuy nhiên, các luật trên cần được bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện tồn tại thị trường chứng khoán. Đồng thời, chúng ta cần ban hành các luật có liên quan trực tiếp tới các quan hệ trên thị trường chứng khoán, như Luật chứng khoán và giao dịch chứng khoán, các luật khác về phát hành, kinh doanh, môi giới tư vấn, chứng khoán v.v. hoặc các văn bản dưới luật.

Như vậy, cơ sở pháp lý về thị trường chứng khoán tuy đã được thể hiện ở một số văn bản pháp quy, nhưng chưa đầy đủ và chưa hoàn thiện. Vấn đề đặt ra là phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ.

5) Về *điều kiện kỹ thuật*. Chuyển sang nền kinh tế thị trường, việc thanh toán, giao dịch cần thực hiện từng bước. Song ngay từ đầu, chính phủ phải có các biện pháp để ngăn chặn tệ làm giả chứng khoán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán và chuyển đổi các chứng khoán ký danh thành vô danh, cũng như việc thanh toán chứng khoán. Khi xem xét tổng quát các điều kiện, chúng ta thấy đã có được một số điều kiện cần thiết ở mức độ khác nhau, song về cơ bản, các điều kiện còn thiếu nhiều. Đó là chưa kể tới điều kiện quan trọng khác : sự sẵn sàng tham gia thị trường chứng khoán của các tầng lớp dân cư và các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ được giải quyết khi đã có được sự ổn định về kinh tế, xã hội, về tài chính, tiền tệ.

Quá trình hình thành thị trường chứng khoán ở nước ta có thể qua mấy giai đoạn: *Giai đoạn chuẩn bị các điều kiện* là giai đoạn đầu, *quan trọng nhất*. Giai đoạn hai là *giai đoạn hình thành thị trường chứng khoán* ; và giai đoạn ba là *giai đoạn phát triển thị trường chứng khoán*. Trong giai đoạn đầu, cần đặc biệt chú ý chuẩn bị tốt ba điều kiện cơ bản : hàng hóa, cơ sở pháp lý và con người.

Về **mô hình thị trường chứng khoán** ở Việt nam, theo tôi, có 3 vấn đề lớn cần chú trọng :

Một : Sự tham gia của các công ty chứng khoán nước ngoài và các ngân hàng thương

Digitized by Google

mại trên thị trường chứng khoán. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, khi mới hình thành, thị trường chứng khoán hoạt động trên cơ sở hướng nội là chính, sự tham gia của các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bị hạn chế nghiêm ngặt. Tuy nhiên, cũng có một số nước ngay từ đầu đã cho phép các công ty chứng khoán nước ngoài tham gia. Đối với nước ta chưa có kinh nghiệm trong quản lý và điều hành thị trường chứng khoán, xã hội cũng còn ít hiểu biết về thị trường này, để tránh rủi ro, chúng ta không nên mở rộng ngay diện tham gia của các nhà kinh doanh chứng khoán nước ngoài. Mặt khác, để khuyến khích thị trường này phát triển và tạo điều kiện cho các nhà kinh doanh chứng khoán Việt nam tiếp cận nhanh với nghề nghiệp, cũng cần thành lập một vài công ty chứng khoán liên doanh.

Còn đối với các ngân hàng thương mại, chức năng truyền thống của chúng là kinh doanh trên thị trường tín dụng, tức là làm trung gian tài chính : vay để cho vay, chứ không phải vay để kinh doanh chứng khoán. Điều này ở nước ta tới nay vẫn còn có sự nhầm lẫn. Để tránh việc ngân hàng thương mại dùng tiền gửi của khách hàng để đầu cơ chứng khoán, luật pháp nhiều nước đã cấm các ngân hàng thương mại không được kinh doanh chứng khoán. Tuy nhiên, do sức ép từ phía các ngân hàng thương mại, chính phủ nhiều nước đã phải nới lỏng quy định này bằng cách cho phép các ngân hàng thương mại thành lập các công ty *con* hoặc *liên doanh* để thành lập công ty hữu hạn chuyên kinh doanh chứng khoán và trong hoạt động phải hạch toán riêng nghiệp vụ này. Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể của Việt nam, theo tôi, việc áp dụng kinh nghiệm trên là hợp lý, tức là vẫn cho phép các ngân hàng thương mại được kinh doanh chứng khoán nhưng với điều kiện : họ phải thành lập công ty con hoặc liên doanh để thành lập *công ty chứng khoán hữu hạn*, phải tách hoạt động kinh doanh chứng khoán ra khỏi hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Hai : Tổ chức quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán. Ở các nước trên thế giới, việc quản lý thị trường chứng khoán được tổ chức theo các phương án khác nhau. Căn cứ vào điều kiện cụ thể ở Việt nam, tôi cho rằng phương án có thể áp dụng là Chính phủ thành lập *Ủy ban chứng khoán quốc gia* do Bộ trưởng Bộ tài chính làm chủ tịch, thành viên là cán bộ lãnh đạo các bộ, các cơ quan nhà nước có liên quan và một số nhà kinh tế. Ủy ban này có bộ máy riêng, làm việc theo chế độ thủ trưởng. Còn hoạt động của ủy ban thì theo chế độ hội đồng : mọi vấn đề đều được quyết định thông qua bỏ phiếu.

Ba : Chế độ sở hữu đối với trung tâm giao dịch chứng khoán và sở giao dịch chứng khoán. Ở nhiều nước, phần lớn các sở giao dịch chứng khoán là do các công ty kinh doanh chứng khoán góp vốn để tạo dựng, có điều lệ hoạt động và được ủy ban chứng khoán quốc gia phê chuẩn. Ở một vài nước, sở giao dịch chứng khoán do nhà nước thành lập. Ở Việt nam, tôi cho rằng trong giai đoạn đầu, *trung tâm giao dịch chứng khoán*, và sau này là *sở giao dịch chứng khoán*, cũng phải do nhà nước thành lập và quản lý. Giám đốc sở giao dịch chứng khoán do chủ tịch ủy ban chứng khoán quốc gia bổ nhiệm.

Việc phát triển thị trường vốn ở nước ta là yêu cầu hết sức cấp bách. Song muốn cho thị trường này phát huy được chức năng, vai trò của nó, thì cần phải tạo dựng cho nó đầy đủ các công cụ, đa dạng hóa các hình thức và biện pháp. Do đó, việc thành lập và phát triển thị trường chứng khoán nhằm quản lý vốn đầu tư nước ngoài là một trong những nội dung quan trọng của chiến lược vốn cho nền kinh tế Việt nam. Điều cần chú ý là thị trường chứng khoán là bước phát triển cao của thị trường vốn, hoạt động của nó rất phức tạp và rất nhạy cảm. Do đó, việc xây dựng thị trường chứng khoán tuy gấp rút nhưng phải hết sức thận trọng và có bước đi thích hợp, không thể chủ quan, nóng vội.

Digitized by Google

GÓP THÊM Ý KIẾN VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TRẦN HỖ*

KINH tế thị trường đã từng tồn tại qua các phương thức sản xuất khác nhau. Nó không phát sinh đồng thời với sự ra đời của sản xuất hàng hóa mà được hình thành sau đó hàng nghìn năm. Trong thời Trung cổ, với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tự cấp, tự túc kéo dài, không thể có kinh tế thị trường. Phải đến thời kỳ tư bản chủ nghĩa, khi sản xuất hàng hóa trở thành phổ biến và phát triển cao, mọi sản phẩm trong xã hội đều là hàng hóa, thì nền kinh tế thị trường mới được hình thành đầy đủ và trọn vẹn. Sự xuất hiện kinh tế thị trường là bước nhảy vọt tiếp theo của sự phát triển kinh tế hàng hóa trong giai đoạn cao.

Có người cho rằng kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa có *hai* đặc trưng : đặc trưng *chủ yếu* là cạnh tranh , và đặc trưng *thứ hai* là xã hội hóa. Họ còn nêu kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa có một số khuyết tật *cơ bản* như hối lộ, tham nhũng v.v.. Những ý kiến đó, theo tôi, làm cho người ta nhận thức không đúng về bản chất và đặc điểm của nền kinh tế thị trường nói chung. Hoạt động của kinh tế thị trường ở thời đại nào mà chẳng gắn liền với cạnh tranh, mà chẳng gây ra hối lộ và tham nhũng. Tuy nhiên ở các phương thức sản xuất khác nhau, những khuyết tật đó có mức độ khác nhau. Cạnh tranh đúng là quy luật của kinh tế thị trường nhưng chỉ trong chủ nghĩa tư bản, nó mới gay gắt, ác liệt đến mức tàn bạo. Mặt khác, xã hội hóa sản xuất đâu phải là đặc điểm riêng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ? Hơn nữa, chỉ đến phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa *đích thực*, thì sự phát triển lực lượng sản xuất mới đạt đến trình độ rất cao. Nói cách khác : trình độ xã hội hóa sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội còn cao hơn nhiều so với dưới chủ nghĩa tư bản.

Do kinh tế thị trường tồn tại qua các phương thức sản xuất khác nhau, cho nên để vận dụng và quản lý nó trong chủ nghĩa xã hội, trước hết cần nắm vững bản chất, nhận thức đầy đủ những đặc điểm của nền kinh tế thị trường nói chung. Nền kinh tế thị trường nói chung có những đặc điểm cơ bản sau :

Một là, *cái cốt vật chất của kinh tế thị trường là nền đại sản xuất bao gồm cả công nghiệp, nông nghiệp, cùng với các ngành dịch vụ phát triển.* Nền tảng vật chất của kinh tế thị trường phải là một nước công nghiệp, có cơ sở kinh tế bảo đảm sự hình thành một thị trường dân tộc thống nhất và phát triển trên toàn lãnh thổ của quốc gia. Chỉ trên cơ sở đó, việc giao lưu hàng hóa và lưu thông tiền tệ mới có điều kiện phát triển thuận lợi trên thị trường trong nước và với thị trường thế giới.

Các tổ chức sản xuất kinh doanh bao gồm hệ thống các xí nghiệp, các công ty, kể cả các công ty xuyên quốc gia, hệ thống ngân hàng, hệ thống tài chính - tiền tệ, thị trường chứng khoán với sự mua bán nhộn nhịp các cổ phiếu và trái phiếu, thúc đẩy thị trường vốn phát triển, bảo đảm hình thành một hệ thống tuần hoàn và chu chuyển các hình thức vốn trong toàn xã hội. Ngoài ra, còn có sự phát triển của trị trường sức lao động, thị trường tiền tệ, thị trường công nghệ, thị trường thông tin, v.v..

Ở nước ta hiện nay, nền kinh tế thị trường chưa được hình thành đầy đủ mà đang trong quá trình từng bước ra đời. Trong sự nghiệp đổi mới, nhân dân ta đã đạt nhiều thành tựu to lớn, kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá và liên tục, đẩy lùi được lạm phát, tăng được kim ngạch xuất khẩu, bắt đầu có tích lũy nội bộ.

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, cơ sở hạ tầng kém phát triển, khả năng kìm chế lạm phát chưa vững chắc, hệ thống ngân hàng, tài chính - tiền tệ chưa

* Phó giáo sư kinh tế

Digitized by Google

đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước.

Hai là, *cung - cầu và giá cả là hai nhân tố trung tâm của kinh tế thị trường.* Đây là hai vấn đề mấu chốt có mối liên hệ trực tiếp và tác động qua lại biện chứng, quyện vào nhau thành một thể thống nhất. Nếu quy luật giá trị là quy luật cơ bản của kinh tế hàng hóa, thì quy luật cung - cầu là quy luật trực tiếp quyết định giá cả của mọi hàng hóa. Sự hoạt động của quy luật giá trị được biểu hiện thông qua quy luật cung - cầu. Giá trị thông qua cung - cầu để biểu hiện ra bằng giá cả. Trong nền kinh tế hàng hóa phát triển, giá cả thị trường có tác dụng quyết định đến việc điều tiết hệ thống cân đối giữa tổng cung và tổng cầu. Chính những nhà doanh nghiệp đã vận dụng quan hệ cung - cầu để nâng giá cả hàng hóa của mình nhằm đạt lợi nhuận cao.

Thông thường trên thị trường, số lượng mặt hàng *mua* ở đâu và lúc nào cũng đều phụ thuộc vào giá cả hàng hóa ấy. Giá càng cao thì cầu càng thấp ; giá càng thấp thì cầu càng cao. Khi giá mặt hàng nào đó tăng, người ta thường thay thế mặt hàng đó bằng một mặt hàng khác. Khi giá cả tăng, thu nhập thực tế giảm, đời sống sẽ kém trước. Cũng như số lượng mặt hàng mua, số lượng mặt hàng *bán* ở đâu và lúc nào cũng đều phụ thuộc vào giá cả hàng hóa ấy. Khi giá thóc cao hơn trước, người nông dân sẽ giảm bớt diện tích trồng cây khác để chuyển sang trồng lúa. Như vậy, tăng giá thóc là một điều kiện để tăng sản lượng thóc cung ứng trên thị trường. Ngược lại, nếu giá thóc quá thấp, thấp hơn cả chi phí sản xuất, thì đương nhiên người nông dân sẽ giảm bớt diện tích trồng lúa để trồng cây khác có lợi hơn.

Ba là, *cạnh tranh là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời làm phân hóa những nhà doanh nghiệp.* Kinh tế thị trường gắn liền với sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Nếu không có cạnh tranh thì cũng không có kinh tế thị trường. Chính do cạnh tranh mới có sự so sánh về chi phí sản xuất hàng hóa giữa các doanh nghiệp, từ đó hình thành giá trị *xã hội* trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Cạnh tranh đòi hỏi phải lao động có hiệu quả, phải hoàn thiện chất lượng sản phẩm, đổi mới mẫu mã, giảm chi phí và giá thành sản phẩm. Trước hết, cạnh tranh diễn ra trong nội bộ một ngành, sau đó diễn ra giữa các ngành sản xuất khác nhau. Cạnh tranh đó không chỉ dừng ở thị trường nội địa mà còn phát triển sâu rộng giữa các công ty xuyên quốc gia trên thị trường thế giới.

Cạnh tranh biểu hiện ở *hai* mặt : *chất lượng* và *giá cả* hàng hóa. Nhà doanh nghiệp nào hàng hóa tốt và rẻ thì thu được nhiều lợi nhuận, giành thắng lợi trong cạnh tranh. Trái lại, nhà doanh nghiệp nào hàng hóa chất lượng tồi, giá cả cao thì nhất định sẽ thua thiệt, dẫn đến phá sản.

Cạnh tranh không ngừng làm phân hóa các nhà sản xuất kinh doanh. Đó là hiện tượng tất yếu về kinh tế - xã hội trong kinh tế thị trường. Đương nhiên, sự phân hóa và mức độ phân hóa giữa các nhà doanh nghiệp không giống nhau ở các phương thức sản xuất khác nhau.

Bốn là, *kinh tế thị trường kích thích cải tiến kỹ thuật, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.* Tác động tích cực của cạnh tranh là luôn luôn thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, kích thích các nhà doanh nghiệp áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, sử dụng những sáng chế phát minh vào sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm thích hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Nhờ cải tiến kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một năng suất lao động cao chưa từng thấy ở các xã hội trước nó, của cải vật chất nhiều gấp bội so với các xã hội trước cộng lại. Chính cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất trước kia, nền đại sản xuất ở một số nước công nghiệp đã được tạo ra qua nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường đã đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển.

Nền kinh tế thị trường nói chung với những đặc điểm cơ bản vừa nêu không tồn tại một cách độc lập mà vận động trong một phương thức sản xuất *nhất định* : chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa xã hội. Với chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường vận động trong những điều kiện lịch sử mới : có nhà nước xã hội chủ nghĩa với các hình thức sở hữu đa dạng, trong đó quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

Nhận thức rõ kinh tế thị trường chỉ được hình thành đầy đủ trong điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển cao với cái cốt vật chất của nó là nền sản xuất lớn, chúng ta đang đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước nhằm tạo đầy đủ điều kiện vật chất

Digitized by Google

cho sự hình thành nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Một nhược điểm nổi bật hiện nay ở nước ta là chưa xây dựng được một hệ thống kết cấu hạ tầng cần thiết, đủ sức đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong nước và giao lưu hàng hóa với thị trường quốc tế. Những hoạt động của thị trường đang đòi hỏi phải sớm có một hệ thống tài chính - tiền tệ đủ bảo đảm cho sự tuần hoàn và chu chuyển vốn của các doanh nghiệp.

Nền kinh tế đang cần có các công ty cổ phần và thị trường chứng khoán để huy động vốn trong nhân dân, bảo đảm thực hiện tốt quá trình tái sản xuất mở rộng của xã hội. Thị trường vốn là điều không thể thiếu đối với bất cứ nền kinh tế thị trường nào. Đối với nước ta hiện nay, việc huy động vốn của các doanh nghiệp và của các tầng lớp dân cư đang là một yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế. Về mặt tâm lý, khi đưa vốn ra đầu tư, ai cũng muốn thu về một số lợi nhuận nhất định, nhưng ở ta hiện nay, người ta chưa đủ lòng tin vào các tổ chức kinh doanh, nên dù còn nhiều tiềm năng về vốn, người ta vẫn e ngại, chưa dám đầu tư nhiều, nhất là vào những lĩnh vực mới mẻ. Cần có nhiều biện pháp hữu hiệu để khai thác vốn trong nhân dân, nhất là vốn của Việt kiều ở nước ngoài cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

Chúng ta cũng không quên mặt trái của nền kinh tế thị trường : cạnh tranh có thể dẫn đến sản xuất vô chính phủ, lãng phí của cải, không quan tâm thỏa đáng đến những ngành, những xí nghiệp có thể không có lợi nhuận nhưng cần thiết để bảo đảm cho xã hội phát triển ổn định (những ngành, những xí nghiệp phục vụ lợi ích công cộng như xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, bảo hiểm xã hội, bảo vệ đời sống con người...).

Kinh nghiệm thế giới cho thấy kinh tế thị trường ở các nước ngày nay chỉ có thể phát triển lành mạnh trên cơ sở có sự kết hợp thỏa đáng giữa cạnh tranh với quản lý vĩ mô của nhà nước. Kinh tế thị trường ngay dưới chế độ tư bản chủ nghĩa cũng cần có sự điều tiết của nhà nước. Sự điều tiết của nhà nước *tư sản* đương nhiên phục vụ cho lợi ích của các nhà tư bản (nhà nước tư sản có quốc hữu hóa một số doanh nghiệp nào đó, có điều chỉnh chính sách xã hội ở mức độ nào đó, có xây dựng một số công trình phúc lợi công cộng nào đó, thì cũng chỉ là nhằm xoa dịu chút ít mâu thuẫn xã hội, bảo vệ chế độ tư bản và quyền lợi của các nhà tư bản). Còn sự điều tiết của nhà nước *xã hội chủ nghĩa* là vì lợi ích mọi mặt của cộng đồng, bảo đảm xây dựng thành công xã hội công bằng, văn minh.

Hiện nay ở nước ta, nhà nước thực tế đã và đang giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thông qua cơ chế quản lý, trước hết là một hệ thống chính sách phù hợp, nhà nước có thể điều tiết một số lĩnh vực kinh tế chủ yếu, sử dụng *các đòn bẩy kinh tế* (như giá cả, lợi nhuận, thuế, tiền tệ, tín dụng, lãi suất...) để bảo đảm thực hiện tốt những nhiệm vụ và mục tiêu của chiến lược kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, với chính sách thuế và các sắc thuế, nhà nước có thể khuyến khích và điều tiết sản xuất và tiêu dùng xã hội. Thông qua ngân sách, nhà nước có thể tập trung mạnh mẽ các nguồn vốn vào các ngành mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân, phát triển cơ sở hạ tầng, các chương trình kinh tế - xã hội của đất nước. Bằng điều chỉnh lãi suất tín dụng, Ngân hàng nhà nước có thể huy động vốn, đồng thời bảo đảm giá trị đồng tiền. Thông qua tiền gửi dự trữ bắt buộc, Ngân hàng trung ương có thể kiểm soát toàn bộ tiền qua hệ thống ngân hàng. Bằng sức mạnh kinh tế của mình, nhà nước có thể điều tiết giá vàng và giá USD trên thị trường. Thông qua việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp nhà nước để huy động vốn vào phát triển kinh tế, nhà nước có thể thúc đẩy sự ra đời của thị trường chứng khoán ở nước ta...

Nhằm thúc đẩy việc phân phối theo lao động, nhà nước quy định mức lương tối thiểu cho những người lao động, thực hiện việc kiểm tra những điều kiện lao động cùng với chế độ bảo hiểm lao động. Cùng với việc quan tâm thực hiện chính sách xã hội, nhà nước tạo điều kiện cho mọi người làm giàu hợp pháp bằng cách dựa vào cơ chế thị trường, chống mọi cách làm ăn phi pháp (như buôn lậu, hối lộ, tham nhũng...). Khuyến khích làm giàu nhưng phải xóa đói giảm nghèo ; đẩy mạnh phát triển kinh tế nhưng phải thực hiện công bằng xã hội, hạn chế sự phân hóa giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Nhà nước xây dựng quỹ dự trữ về tiền vốn, về hàng hóa, vật tư thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, để tác động đến thị trường khi có sự biến động lớn về giá cả do đầu cơ

(Xem tiếp trang 28)

Digitized by Google

ỔN ĐỊNH ĐỂ PHÁT TRIỂN THEO CON ĐƯỜNG ĐÃ CHỌN

KHỔNG DOÃN HỢI *

TRONG lịch sử xã hội loài người từ trước tới nay, cũng như từ nay về sau, luôn luôn tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa *ổn định* và *phát triển*. Xã hội không ổn định, hoặc về cơ bản không ổn định, thì không thể có những bước tiến trong sản xuất, không thể phát triển được. Ngược lại, nếu không phát triển được sản xuất một cách liên tục, thì cũng không thể nào giữ vững được sự ổn định chính trị - xã hội. Sự mất ổn định này, đến lượt nó, lại là nhân tố kìm hãm sự phát triển.

Ở các nước tư bản phát triển ngày nay, xã hội vẫn chứa đựng mâu thuẫn, xung đột đối kháng, nhưng dù sao tình hình chính trị ở đó, về cơ bản, vẫn là ổn định. Chủ nghĩa tư bản ngày nay sở dĩ vẫn còn sức sống, vẫn còn giữ được sự ổn định chính trị, chính là vì nó còn khả năng phát triển.

Chủ nghĩa xã hội thế giới mà tiêu biểu là Liên xô trước đây, sở dĩ có được những thành tựu vĩ đại cũng là nhờ xã hội ổn định. Nhưng sự trì trệ, trước hết là về kinh tế, cùng với những nguyên nhân quan trọng khác, đã phá vỡ sự bình yên, làm biến dạng chế độ chính trị của đất nước đó. Và sự mất ổn định về chính trị, những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, càng dìm sâu đất nước đó trong trì trệ và khủng hoảng.

Còn ở ta, tình hình chính trị ổn định, đó là một trong những thành tựu rất quan trọng của nhân dân ta sau những năm tiến hành đổi mới. Theo nhận xét của Viện phát triển quốc tế Ha-vớt : có được thành tựu đó, chủ yếu là do Việt nam thực hiện được những chuyển tiếp lớn lao và có hiệu quả. Tất cả những chỉ số kinh tế đều đã được cải thiện. Tăng trưởng kinh tế đạt mức 8,3% năm 1992 và vượt 7% vào năm 1993.

Thực tiễn thế giới và nước ta nói lên rằng : phát triển trong sự ổn định và lấy phát triển để giữ vững sự ổn định, là một nguyên tắc quan trọng cần phải tuân theo để đạt tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh."

Nhưng ổn định chính trị không phải là phạm trù giản đơn. Cần có nhận thức đúng đắn và tỉnh táo, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường, các thế lực thù địch không ngừng thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta.

Mẫu số chung của sự ổn định chính trị : niềm tin

Không có sự ổn định chính trị chung chung với nội dung như nhau. Trong xã hội tư bản, tình hình chính trị được coi là ổn định khi lợi ích kinh tế cơ bản của giai cấp tư sản thống trị được ổn định, nghĩa là quyền bóc lột giá trị thặng dư của họ không đứng trước nguy cơ trực tiếp còn hay mất. Còn ở một nước quyết tâm tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa như nước ta, sự ổn định chính trị có nghĩa là quyền làm chủ xã hội của nhân dân lao động được giữ vững, con người từng bước có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc ; từng bước được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Do vậy, tuy cùng nằm trong tình hình chính trị ổn định, nhưng vị thế của người lao động ở ta khác về chất. Ở đây, muốn nói lợi ích cơ bản lâu dài của người lao động, chứ không phải lợi ích trước mắt, mức sống nhất thời nào đó. Lẽ đương nhiên, một chế độ xã hội mới thì bao giờ cũng phải có một năng suất mới, một mức sống cao hơn. Nhưng kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, không có cuộc cách mạng xã hội sâu sắc nào lại có thể lập tức đưa lại một lợi ích kinh tế thích ứng ngay với nó. Các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, ở Pháp, ở các thuộc địa Anh

*. Chuyên viên cao cấp, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hình thành nước Mỹ, đã diễn ra hoàn toàn không phải đi đôi với sự phát triển mạnh của nền kinh tế, mà lại đi đôi với sự suy thoái trong sản xuất và thương mại, sự mất giá của đồng tiền. Điều đó cũng đúng với cách mạng xã hội chủ nghĩa, và càng đúng với điều kiện cách mạng của nước ta. Nhưng không phải mọi người đều dễ dàng nhận ra điều này. Chính cái khó khăn này là một nguyên cớ đẩy một số người bỏ phiếu "bằng đôi chân" cho chủ nghĩa tư bản. Cái tâm lý coi cuộc sống là tất cả, còn chế độ chính trị không là cái gì hết, là miếng đất mầu mỡ cho sự thành công của chiến lược "diễn biến hòa bình", một chiến lược nhằm thủ tiêu dần quyền làm chủ xã hội của người lao động trong điều kiện xã hội vẫn bình yên. Nguy cơ này cũng tiềm ẩn trong tính tự phát của kinh tế thị trường. Khi đồng tiền tự do cất tiếng hót thì tiếng nói của người lao động không phải không có khả năng lịm dần. Nơi đâu cơ sở chính quyền bị vô hiệu hóa, nơi đó quyền làm chủ của người lao động chỉ tồn tại trên hình thức.

Không có sự ổn định chính trị tuyệt đối, vì chính trị là cuộc đấu tranh cho những lợi ích khác nhau, là sự phản ánh một cơ cấu lợi ích không thuần nhất, thậm chí đối kháng. Vì vậy, trong sự ổn định không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, bất đồng, bất hòa, xung đột ở nơi nào đó, lúc nào đó. Để giữ vững sự ổn định chính trị cần phải giải quyết thỏa đáng mối quan hệ lợi ích. Sức sống của chủ nghĩa tư bản ngày nay vẫn còn một phần quan trọng là nhờ sự tự giác điều chỉnh quan hệ lợi ích có lợi phần nào cho người lao động. Công cuộc đổi mới ở nước ta, về thực chất, là một cuộc điều chỉnh lại cơ cấu lợi ích theo xu hướng khách quan của một nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản. Nhờ đó mà tạo ra được sự tăng trưởng kinh tế. Nhưng mọi sự điều chỉnh đều có giới hạn, vượt quá thì chính trị sẽ đổi màu. Theo cách nói của Mác : Nhà tư bản ví như Thượng giáo hội nước Anh, có thể cho phép vi phạm 38 trong số 39 tín điều, nhưng không thể nhân nhượng nếu người ta vi phạm 1 trong 39 điều có liên quan đến thu nhập bằng tiền của nó. Nghĩa là trong sự ổn định chính trị nào cũng có cái bất biến và cái khả biến. Đối với sự ổn định chính trị của đất nước ta, cái bất biến là nhân dân lao động làm chủ xã hội, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Sự ổn định chính trị nào, suy đến cùng, đều là sự ổn định của cơ cấu nhà nước và do cái uy và cái tín của nhà nước quyết định, vì cái căn bản của chính trị là vấn đề chính quyền, là nhà nước. Cơ cấu nhà nước ổn định thì đất nước bình yên và phát triển nhanh. Nhật bản, Đài loan, In-đô-nê-xi-a, Thái lan ... phát triển nhanh vì cơ cấu nhà nước ở những nơi đó ổn định, có hiệu lực, tạo ra được sự tăng trưởng kinh tế nhanh, phát huy tốt cả chức năng giai cấp và chức năng xã hội. Thực tiễn thế giới cho thấy, chưa có chính phủ nào mất quyền lực khi thu nhập quốc dân tăng liên tục ở mức 6% năm. Bằng sự tăng trưởng đó, và đặc biệt bằng sự nỗ lực trải đều rộng khắp những thành quả của sự tăng trưởng, nên đã tạo ra được niềm tin *không chỉ* đối với giai cấp đã tổ chức ra nhà nước đó, mà *ngay cả* đối với những giai cấp, tầng lớp xã hội nằm dưới sự cai trị của nó, kể cả một bộ phận lớn những người nghèo khổ nhất (theo số liệu của Ngân hàng thế giới, ở In-đô-nê-xi-a số người nghèo từ 68 triệu năm 1972 đã giảm xuống còn 30 triệu năm 1982).

Từ đó, có thể kết luận : *mẫu số chung* của bất cứ sự ổn định chính trị nào cũng là *niềm tin vào nhà nước*. Điều khác nhau chỉ là niềm tin của những ai, đa số hay thiểu số.

Thành tựu và những nhân tố không thể xem thường

Kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới toàn diện đến nay, tình hình chính trị của đất nước ta ngày càng ổn định. Đây là một thành tựu có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của Đảng và nhân dân ta. Cơ sở của sự ổn định ấy chính là niềm tin của toàn dân ta, trước hết của nhân dân lao động, vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước ta. Nói *trước hết của nhân dân lao động* là bởi lẽ : chỉ có niềm tin của nhân dân lao động mới tạo cơ sở vững chắc cho sự ổn định chính trị, mới giữ vững được bản chất chính trị của sự ổn định, tức là một chính trị mà chủ thể là nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Cần nhận thức rõ điều này, nếu không, ổn định chính trị vẫn có thể có, nhưng chủ thể chính quyền thực chất lại không thuộc về nhân dân lao động. Âm mưu thâm độc của chiến lược "diễn biến hòa bình" chính là từng bước vô hiệu hóa chính

Digitized by Google

quyền của người lao động, làm cho chính quyền đó chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Khôi phục và tăng cường được niềm tin ấy ở nước ta trong những năm qua, trước hết là nhờ những thành tựu kinh tế. Đời sống vật chất của tuyệt đại bộ phận nhân dân đã giảm bớt khó khăn, không còn bị ám ảnh bởi cái lo của sự thiếu đói. Mặc dù thu nhập quốc dân theo đầu người của nhân dân ta vẫn thuộc loại thấp trên thế giới, song chất lượng cuộc sống của một bộ phận dân cư đã tăng lên rõ rệt.

Từ trong sự ổn định chính trị ấy, có thể rút ra kết luận tổng quát : *nhân tố quyết định những thành tựu của công cuộc đổi mới ở nước ta là sự lãnh đạo kiên định, vững vàng và đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, là tinh thần cách mạng và sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân ta.*

Đảng ta đã khắc phục dần những quan niệm sai về chủ nghĩa xã hội nói chung, về đường lối và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nói riêng, nhờ đó mà nâng cao dần tính hiệu quả trong xây dựng kinh tế. Đảng ta có quan niệm đúng về đổi mới, về dân chủ, vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, đấu tranh kiên quyết với những quan điểm sai trái muốn gieo rắc sự hoài nghi hoặc phủ nhận con đường mà nhân dân ta đã lựa chọn. Việc Đảng và Nhà nước ta công khai chỉ ra và ra sức khắc phục những yếu kém của mình trong lãnh đạo và quản lý đất nước, cùng với chính sách đối ngoại vừa mềm dẻo, vừa có nguyên tắc... đã từng bước ổn định được tư tưởng trong Đảng và trong dân, củng cố được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đẩy lùi dần những khuynh hướng chính trị - tư tưởng sai lầm, giữ vững ổn định chính trị của đất nước. Niềm tin của nhân dân thể hiện ở sự chấp nhận mọi thử thách, chịu đựng và vượt qua mọi khó khăn, quyết tâm thực hiện có kết quả đường lối đổi mới mà Đảng đã đề ra. Chính đây là một nguyên nhân quan trọng giải thích vì sao trong những năm qua đất nước ta chẳng những đứng được trong cơn sóng gió mà còn từng bước đi lên một cách vững chắc.

Tuy nhiên, cần phải tỉnh táo đánh giá tình hình. Chúng ta đã đạt những thành tựu lớn, đang đứng trước thời cơ và vận hội lớn, nhưng đồng thời cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ, thử thách lớn.

Cần phải đặt sự "ổn định chính trị của đất nước" trong bối cảnh "ai thắng ai" của thời kỳ quá độ lâu dài lên chủ nghĩa xã hội, nhất là ở một nước bỏ quả chế độ tư bản, mới thấy hết những gian nan trong việc giữ vững và củng cố những thành tựu hiện có. Thực tiễn ở một số nước đã chỉ ra rằng, không phải cứ có bề dày lịch sử là sự ổn định chính trị không bị phá vỡ và chính trị không thể đổi màu.

Thành tựu ổn định chính trị của đất nước ta giờ đây chưa vững chắc, bởi đó là sự ổn định trong một nền kinh tế mà 46% dân số vẫn là người nghèo, mức GDP bình quân đầu người mới chỉ bằng 1/3 của In-đô-nê-xi-a, Trung quốc, bằng 5% của Mỹ. Đó là sự ổn định trong đó vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng chưa hết hoài nghi, phân vân về khả năng hiện thực của con đường mà ta lựa chọn, về khả năng con tàu "thị trường" có thể cập bến bờ của chủ nghĩa xã hội ... Cùng với tâm trạng đó là những tệ nạn xã hội và yếu tố tiêu cực đang có chiều hướng gia tăng. Trong nội bộ Đảng vẫn còn những khuyết điểm được coi là những *nguy cơ*, nổi bật là tổ chức và kỷ luật ở không ít nơi còn lỏng lẻo ; một số cơ sở đảng còn yếu kém ; một bộ phận đảng viên thoái hóa biến chất, giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước theo con đường khác, thậm chí đã có người phản bội đầu hàng.

Đó là những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường. Những nhân tố đó có thể phát triển mạnh mẽ trước những nguy cơ lớn đối với đất nước ta hiện nay, nếu không tỉnh táo theo dõi những diễn biến và khắc phục kịp thời những biểu hiện tiêu cực.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm đẩy lùi những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị ấy. Song, cần tìm ra nguyên nhân của những nhân tố không thể xem thường đó. Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng phải chăng nguyên nhân *bao trùm nhất* là bắt nguồn từ đồng tiền, từ hai mặt thiện, ác của đồng tiền ? Thiết nghĩ, cách đặt vấn đề như vậy không phải không có cơ

Digitized by Google

sở. Nếu sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước ta không đi vào cốt lõi của những nhân tố tiêu cực đó, thì khó mà giữ vững được sự ổn định chính trị trước sức mạnh của đồng tiền. Và đây cũng là một vấn đề hoàn toàn mới mẻ, đồng thời cũng hết sức gay gắt đối với một đảng cộng sản, một nhà nước của nhân dân lao động trong sự nghiệp lãnh đạo và quản lý một đất nước đi con đường xã hội chủ nghĩa từ một nước tiểu nông. Làm sao cho đất nước kiếm ra được nhiều tiền, kiểm kê, kiểm soát được đồng tiền, và sử dụng tốt được đồng tiền vì lợi ích của nhân dân lao động ? Nhiệm vụ đó chưa hề có trong lịch sử của bất cứ nhà nước nào.

Không kiếm được ra nhiều tiền thì dân cũng chẳng giàu mà nước cũng không thể mạnh. Mặc dù không phải hễ cứ có nhiều tiền thì xã hội sẽ lập tức trở nên công bằng, văn minh, nhưng muốn có xã hội công bằng, văn minh thì dân cư phải có thu nhập khá. Chủ nghĩa xã hội không phải là chế độ xã hội chia đều nhau sự nghèo khổ. Cái khó là làm sao kiếm được nhiều tiền trong thời buổi cạnh tranh quyết liệt này. Tụt hậu ngày càng xa có nghĩa là không kiếm được ra nhiều tiền. Xóa đói, giảm nghèo không phải là khẩu hiệu riêng có của chủ nghĩa xã hội.

Kiếm được ra tiền nhưng nếu không kiểm kê, kiểm soát được đồng tiền thì đồng tiền lập tức sẽ phát huy mặt tiêu cực của nó. Nếu cứ để đồng tiền mặc sức tung hoành ở nước ta thì là tự sát. Cái khó của sự lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước ta là xác định được giới hạn *hợp lý* trong mối quan hệ lợi ích, giữ vững ổn định chính trị để có chủ nghĩa xã hội.

Làm ra tiền, nắm được tiền, là để sử dụng đồng tiền có hiệu quả vì lợi ích cơ bản, lâu dài của nhân dân lao động. Không phải những người cộng sản là những người đầu tiên đề xướng khẩu hiệu "nhà nước của dân, do dân, vì dân". Hiến pháp tư sản đã nêu vấn đề này từ lâu. Thế nhưng, mỗi bước tiến trong sản xuất dưới chế độ nhà nước này, đồng thời cũng đánh dấu một bước lùi về tình cảnh của giai cấp bị áp bức, của đại đa số nhân dân. Cho nên, không thể xét đoán bản chất nhà nước này hay nhà nước khác chỉ căn cứ vào những lời tuyên bố. Đối với chế độ nhà nước ta, việc sử dụng đồng tiền phải làm sao cho mọi người từng bước có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Và chỉ có như thế, tình hình chính trị của đất nước mới thật sự vững vàng, không gì lay chuyển nổi.

Tóm lại, ổn định để phát triển, điều đó chỉ có được khi nhân dân lao động thật sự là chủ thể nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Và cũng chỉ với sự ổn định như thế, đất nước ta mới có thể phát triển theo con đường đã chọn.

Góp thêm ý kiến...

(Tiếp theo trang 24)

hoặc thiên tai bất ngờ xảy ra. Ví dụ tháng 10-1994, nhờ đưa hàng vạn tấn gạo dữ trữ ra bán trên thị trường, nhà nước đã kịp thời ổn định được giá lương thực trong cả nước.

Về *lâu dài*, nhà nước cần điều tiết giá tư liệu sản xuất và giá nông sản để thực hiện tốt chính sách bảo hộ sản xuất nông nghiệp. Thời gian qua, trên lĩnh vực lưu thông nông sản, chúng ta chưa có sự quan tâm đúng mức nên có lúc đã xảy ra tình trạng chênh lệch không hợp lý giữa giá nông sản với giá hàng công nghiệp. Đối với sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, chúng ta có nhiều tiềm năng. Khó khăn hiện nay là thị trường tiêu thụ. Không thể để tình trạng hàng ngoại nhập khẩu tràn lan, bóp chết hàng sản xuất trong nước, nhất là hàng công nghiệp tiêu dùng.

Trong 5 năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới đất nước, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều đơn vị tổ chức sản xuất kinh doanh đã có những tiến bộ đáng kể, góp phần quan trọng tăng trưởng kinh tế. Nhưng điều đáng tiếc là trong lĩnh vực kinh doanh hàng hóa ở *thị trường nội địa*, các tổ chức thương nghiệp quốc doanh chưa có chuyển biến bao nhiêu, nên chưa cạnh tranh được với các tổ chức thương nghiệp tư nhân về chất lượng và giá cả hàng hóa. Để theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, ngành thương mại cần khẩn trương xác định rõ phương hướng và phạm vi kinh doanh, sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh trên thị trường nội địa cho phù hợp với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang hình thành ở nước ta.

Digitized by Google

Hình thành và phát triển nhân cách treng kinh tế thị trường

LÊ ĐỨC PHÚC *

KINH tế thị trường và sự hình thành, phát triển nhân cách trong nền văn minh mới của nhân loại có liên quan chặt chẽ với nhau. Nhìn chung, mọi chế độ kinh tế đều lấy một hình ảnh nhất định về con người làm cơ sở. Theo đó, con người cũng phải có một nhân cách thích ứng nhằm phục vụ cho lợi ích riêng, cải tạo hoàn cảnh riêng trong những lợi ích chung và hoàn cảnh chung của cộng đồng.

Lý giải mối quan hệ trên đây và dự báo một mô hình nhân cách mang tính khả thi trong vài thập kỷ tới là vấn đề bức xúc của nhiều quốc gia xây dựng trên nền tảng kinh tế thị trường.

1 - Kinh tế thị trường là một hệ thống kinh tế vận động và phát triển thông qua sự vận động mang tính quy luật của nhiều mối quan hệ (ví dụ như sự cân bằng giữa cung và cầu bằng quy luật giá cả). Theo một số nhà nghiên cứu kinh tế, sự khác nhau giữa nền kinh tế có kế hoạch và kinh tế thị trường thực ra không phải ở chỗ nền kinh tế này thì có kế hoạch còn ở nền kinh tế kia thì không. Sự khác nhau giữa hai nền kinh tế ấy là ở *cách thức kế hoạch hóa*. Trong các nền kinh tế thị trường, kế hoạch không chỉ do trung ương, mà còn do từng xí nghiệp, từng cơ sở sản xuất, kinh doanh chủ động xác định.

Mọi đặc điểm và cơ chế của nền kinh tế thị trường đều liên quan, ảnh hưởng đến mỗi người trong xã hội và đòi hỏi một trình độ phát triển nhân cách với chất lượng thích hợp.

2 - Người ta đã nghiên cứu rất nhiều về *mặt nhận thức* của con người khi bước vào hoặc chuyển sang một nền kinh tế với cơ chế vận hành khác. Nhận thức ở đây không phải chỉ là vấn đề nắm bắt thông tin thật nhiều và thật nhanh, mà còn là vấn đề phải tự khắc phục tình trạng "chìm trong thông tin, nhưng đói về kiến thức". Chỉ riêng trên lĩnh vực cung - cầu trong sản xuất và kinh doanh nói chung, người ta đã phải có những hiểu biết tối thiểu, chính xác về thị trường đến mức nào. Đây là một quá trình phức tạp, đặc biệt đối với người dân thuộc những nước lâu nay vẫn quen sống trong một chế độ bao cấp.

Nói đến nhận thức còn là nói đến *tư duy*. Ngày nay con người cần có *khả năng tổng hợp, với xu thế tư duy ở dạng vĩ mô, lý thuyết tổng quát ; biết chấp nhận và thích ứng với hàng loạt cái phi lý, ngẫu nhiên.*

Người ta thấy đã có sự tồn tại của một khoa học : khoa học "về sự hỗn độn" (science du désordre) ; và câu trả lời của khoa học cuối thế kỷ XX là càng hiện thực bao nhiêu thì "cái bị quy định" càng nhường chỗ cho "cái có thể" bấy nhiêu[1]...

Tuy nhiên, trong ngày thường chứ chưa nói đến những lúc biến động và những khi khủng hoảng, con người luôn cần có tư duy tỉnh táo, biết nhìn xa trông rộng, hoài nghi khoa học và sáng tạo. Thoát ly lối suy nghĩ đó, con người sẽ không thể nào phát triển và tiến lên được.

3 - Trong mọi thời đại và ở bất kỳ một nền kinh tế nào, trình độ phát triển trí tuệ của con người luôn gắn liền với một *thế giới quan* nhất định. Thế giới quan là toàn bộ những biểu tượng và quan niệm về tự nhiên và xã hội, về quan hệ của con người đối với thế giới

* PGS, PTS tâm lý học, Viện khoa học giáo dục

(1) Xem tạp chí *Quan hệ quốc tế*, số 10, 1991, tr 9

Digitized by Google

xung quanh cũng như sự cảm nhận ý nghĩa của cuộc đời. Mọi biểu tượng và quan niệm như thế luôn được hoàn thiện và phát triển trong thực tế. Ví dụ, về quan hệ giữa con người với tự nhiên, người ta thấy cần phải có cách nhìn hiện thực hơn. Sống trong tự nhiên cùng với tự nhiên, con người phải có *ý thức về môi trường*. Ý thức đó biểu hiện ở năng lực hiểu biết về giới hạn của môi trường, sự tàn phá của môi trường, luật bảo vệ môi trường, các phương pháp bảo quản, đóng gói mới, những quy định về nghiên cứu khoa học, về quản lý và xử lý chất thải, tư duy và hành động sinh thái v.v..

Đối với cuộc sống xã hội cũng vậy. Do thế giới quan thiếu vững vàng cùng với tầm trí tuệ còn thấp, có người đã phủ định thành quả tốt đẹp của quá khứ và chạy theo những mô hình "mới" mang trong mình nó không ít khiếm khuyết và sai lầm. Họ không biết rằng, người Hàn quốc đã từng phải trả giá cho hệ tư tưởng "tiếp cận phương Tây" rất phổ biến trong những năm 60. Còn người châu Phi cũng phải thốt lên : Không thể có một mô hình duy nhất áp đặt cho mọi quốc gia. Tất nhiên, khi bước vào một cuộc sống xã hội mới, đầy biến động, khi chuyển từ một hình thái kinh tế này sang một hình thái kinh tế khác, con người nói chung và nhất là các chính khách nói riêng, cũng phải "dũng cảm thay đổi ý kiến của mình", nhưng sự thay đổi đó chỉ được diễn ra với điều kiện đã hiểu biết vấn đề và các mối quan hệ cơ bản một cách sâu sắc.

4 - Một chủ đề cần được bàn ở đây là *mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội trong hoàn cảnh kinh tế thị trường*. Xuất phát từ chỗ cho rằng trong nền kinh tế thị trường, con người tuy có lý trí nhưng cũng có tư lợi, rằng nền kinh tế đó dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và trên cơ sở tự do phát triển của cá nhân... người ta muốn nhấn mạnh đến lợi ích cá nhân, coi nhu cầu tồn tại và phát triển của cá nhân như một sức mạnh, một động lực thúc đẩy sự đổi mới và tiến bộ.

Bước vào kinh tế thị trường, con người chấp nhận cạnh tranh và chạy theo lợi nhuận, lợi ích, đó là điều hiển nhiên. Song cũng có rất nhiều nhân tố khác đang xô đẩy cá nhân vào cảnh bối rối, liều lĩnh, thậm chí dẫn đến tình trạng "tâm thần phân lập" (schizophrénie). Trong những tình huống đó, nhiều khi, như nhà triết học Pháp Ăng-đrê Glúc-xman đã viết, "Con người là hang ổ của sự vô nhân đạo" [2].

Cho nên, để đạt tới sự cân bằng, bù trừ hoặc loại bỏ được những tác nhân tiêu cực trong mỗi cá nhân, con người phải nhận thức và thỏa mãn được *ba* yêu cầu cơ bản :

+ Mỗi cá nhân, không loại trừ kiểu người được gọi là "làm ăn kinh tế", "kinh doanh, buôn bán", đều *phải có đạo đức*. Do có nhiều hình thức thị trường và kinh doanh, nên trong thời đại ngày nay, cần đề cập mặt đạo đức trong nhân cách mỗi người từ nhiều mối quan hệ khác nhau : đối với tự nhiên, sự sống và tạo ra sự sống ; đối với đồng tiền ; đối với các phương tiện thông tin đại chúng ; đối với quan hệ nhân ái giữa mọi người...

+ Mỗi cá nhân đều phải hành động theo nguyên tắc : *quyền* luôn luôn gắn liền với *trách nhiệm* của họ. Trong cuộc sống, sự tồn tại và phát triển cần chữ "tín", lòng chân thành, nghĩa là với *sự tự ý thức* đúng đắn và sâu sắc.

+ Con người sinh ra không thể chỉ tồn tại một mình như cá thể riêng rẽ. Cũng vì thế mới xuất hiện nỗi sợ hãi trước cô đơn, và có yêu cầu hợp tác trong mọi hoạt động. Trong nền kinh tế cũng vậy, một hoặc một số cá nhân đơn độc không thể nào giải đáp nhanh chóng, triệt để những câu hỏi như : Cần sản xuất cái gì ? Sản xuất như thế nào ? Cần phân phối cho ai ? v.v..

Mối quan hệ giữa cá nhân với người khác, với nhóm và xã hội, đã từng là cuộc tranh luận trên nhiều lĩnh vực và chắc chắn sẽ không thể kết thúc, không thể đem lại một ý nghĩa thực tế, nếu người ta thiếu khách quan muốn thiên về một phía nào đó.

5 - Khi phân tích và tổng kết tình hình thế giới để đề ra một chiến lược giải quyết, các nhà khoa học thuộc Câu lạc bộ Rôm rất chú ý đến *khả năng thích ứng* của con người.

(2) Theo Armin Adam : *Suddeutsche Zeitung*, 4-12-1991

Digitized by Google

Họ cho rằng việc thích ứng với mọi biến đổi là yêu cầu cơ bản của tất cả mọi người, không phụ thuộc vào nền văn hóa, các truyền thống, tôn giáo của họ.

Con người không những phải thích ứng với tình huống mới mà còn phải đứng vững trước những thay đổi nguy hiểm và tàn bạo. Nếu không có sáng kiến, tinh thần cách tân phê phán hoặc sức mạnh của ý chí, con người sẽ bỏ lỡ mất thời cơ, trở thành kẻ bi quan, người đứng ngoài cuộc, hoặc bị đào thải.

Sự thích ứng ở mức cao là thay đổi cách ứng xử hay cách thích nghi tâm lý. Trong cuộc sống, có nhiều kiểu thích nghi xã hội. Tuy vậy, người ta đã gặp quá nhiều trường hợp chỉ vì ý thích chạy theo lợi ích cá nhân mà mục tiêu và biện pháp đều bị thay đổi, làm nảy sinh những hiện tượng xã hội tiêu cực như chủ nghĩa cơ hội, thói vụ lợi, bệnh xu thời, sự phân biệt chủng tộc, sắc tộc v.v..

Gần đây, nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học trên thế giới đã đi sâu nghiên cứu mối quan hệ giữa nhận thức, động cơ và hành động. Về phương diện này, đó là nỗ lực nhằm khắc phục một thiếu sót của tâm lý học nhận thức từ trước tới tận những năm 50, 60 của thế kỷ này, là chỉ chú trọng nghiên cứu thiên về lý thuyết hành vi, xa rời những điều kiện, hoàn cảnh, những ép buộc mà con người phải đối mặt trong hoạt động thường ngày.

6 - Tính năng động, trước hết trong phạm vi lao động, là một khái niệm chỉ sự linh hoạt của người nhận việc. Tính năng động trong nghề nghiệp tạo cho người nhận việc khả năng lao động ở bất cứ nơi nào cần đến họ. Các nhà hoạch định chính sách hoặc các nhà kinh doanh nếu thiếu sự nhạy cảm, thiếu linh hoạt thì sẽ bị trả giá. Như đã biết, An-vin Tô-phlơ (Alvin Toffler), nhà tương lai học Mỹ, đã cho rằng trong thang giá trị, sự toàn diện, uyển chuyển và linh hoạt có ý nghĩa rất quan trọng; con người sẽ ngày càng vươn tới một lối sống cân đối hơn (chân tay và trí óc, giải trí và làm việc, sản xuất và tiêu thụ, trừu tượng và cụ thể, khách quan và chủ quan). Tính cơ động, linh hoạt có thể được xem như bạn đồng hành của tính sáng tạo.

Thị trường và sự cạnh tranh trên thị trường luôn luôn thách thức con người, đòi hỏi ở con người trình độ cao hơn trong xử lý tình huống, trong hoạt động sáng tạo. Ở đây cần chú ý đồng thời các phạm trù : con người sáng tạo, quá trình sáng tạo, sản phẩm sáng tạo và môi trường sáng tạo.

7 - *Sự định hướng giá trị* đúng đắn, nhanh chóng của cá nhân hiện đã trở thành một trong những điều kiện quan trọng trong đời sống và nhất là trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội đang biến động mạnh mẽ.

Việc cá nhân hướng suy nghĩ và hành động của mình vào những giá trị này hay những giá trị khác tạo nên sự định hướng giá trị của họ. Cùng một lúc, con người theo đuổi những giá trị có liên quan đến bản thân, gia đình, lao động sản xuất, đào tạo bồi dưỡng, v.v.. Việc định hướng vào các giá trị vật chất và tinh thần đều có ý nghĩa. Nhưng trước mắt và trong giai đoạn tới, đang có *nhiều vấn đề đáng quan tâm* nếu xã hội muốn trở thành một cộng đồng bao gồm các công dân có nhân cách cao đẹp.

Thứ nhất, cần phải có những nỗ lực và biện pháp từ phía cá nhân và xã hội để gạt bỏ được một trong những sai lầm của xã hội văn minh là "cuộc chạy đua với chính bản thân mình" như Côn-rát Lô-ren (Conrad Lorens) đã nói[3]. Mắc sai lầm này có nghĩa là cá nhân chỉ đánh giá cao những gì giúp mình vượt lên trên đồng loại, *khát tiền*, không băn khoăn gì về cái giá phải trả để có tiền.

Thứ hai, dù ở thời đại nào, theo quan niệm chung, bên cạnh lợi ích giai cấp và nhóm, con người đều hướng vào các giá trị lâu dài bền vững như hòa bình, tự do, trách nhiệm cá nhân, gia đình hạnh phúc, công bằng, nam nữ bình đẳng, sự quan tâm đến người già và người tàn tật, sự tôn trọng người khác, lòng khoan dung.

Thứ ba, nếu giá trị phản ánh những điều kiện sinh sống thực tế của từng người và cộng

(3) Xem tạp chí *Nhà báo và công luận*, số 1, 1992, tr 8

Digitized by Google

đồng của họ, thì cơ cấu và thứ bậc giá trị trong xã hội là hết sức phân hóa, đa dạng và sinh động. Chúng ta có thể thấy hệ giá trị sẽ càng phức tạp hơn nhiều, khi xét theo địa phương, dân tộc, nghề nghiệp, giai tầng, vị thế xã hội, tôn giáo, lứa tuổi. Chính vì thế, sự mâu thuẫn và xung đột giữa giá trị riêng và chung, giữa giá trị và phản giá trị sẽ xảy ra đồng thời và chỉ có thể giảm đi hay được khắc phục qua những tác động, ảnh hưởng lành mạnh của số đông tích cực trong xã hội, qua giáo dục giá trị và tự giáo dục đối với mỗi cá nhân con người. Cần phải có tinh thần dũng cảm và niềm tin, không thể bi quan và bất lực coi những phản giá trị là bất biến, chẳng hạn coi cái ác là trường tồn cùng với con người. Thậm chí cho rằng nó chưa bao giờ chịu khuất phục hoặc lùi bước bởi bất cứ thể chế nào.

Thứ tư, cần tôn trọng những giá trị cần thiết và lành mạnh của cá nhân và phải tạo ra những điều kiện thuận lợi để mọi cá nhân vươn tới những giá trị đó.

Thứ năm, mọi thế hệ phải luôn luôn giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, những tập quán, trật tự, phong cách, sinh hoạt, văn hóa tiến bộ, lành mạnh được hình thành trong quá trình lịch sử của một xã hội, một quốc gia. Các giá trị phản ánh bản sắc dân tộc đích thực, sẽ giúp con người đoàn kết, gắn bó với nhau, chống lại mọi sự đồng hóa từ bên ngoài cũng như thái độ hoài cổ lạc hậu, lỗi thời.

8 - Xã hội sẽ mờ nhạt, mất đi tính sống động và khả năng phát triển, nếu người dân trong đó không có *cá tính*. Cá nhân, cá thể và cá tính liên quan với nhau nhưng không giống nhau. Cá tính là khái niệm vừa nói lên đặc điểm riêng biệt cá nhân, tính độc nhất vô nhị của nhân cách, vị trí đặc thù của cá nhân trong hệ thống các quan hệ xã hội, vừa dùng để chỉ khía cạnh của sự tự ý thức.

Cơ sở chủ yếu nhất của sự hình thành cá tính là sự phân công lao động xã hội và vị trí của một cá nhân nhất định trong hệ thống các quan hệ xã hội. Cá tính là tổng thể các nét tính cách giúp ta phân biệt cá nhân này với cá nhân khác. Trong khi phát triển cá tính, *cá nhân phải tự điều chỉnh cho phù hợp với môi trường, tình huống, quan hệ chung trong cộng đồng và xã hội.*

9 - Vượt qua những nền văn minh khác nhau, loài người đang bước vào một nền văn minh mới, hậu công nghiệp. Cùng với nó, một kiểu xã hội mới, một *lối sống mới*, phù hợp hơn đang và sẽ tiếp tục được hình thành.

Lối sống là toàn bộ những hình thức hoạt động sinh sống tiêu biểu xuất hiện trong những quan hệ kinh tế - xã hội nhất định của các dân tộc, giai cấp, các nhóm xã hội, cá nhân trong sản xuất vật chất và tinh thần, trong phạm vi xã hội - chính trị và riêng tư thường ngày. Lối sống của con người chịu sự tác động của cơ cấu địa lý - khí hậu, nhà nước - chính trị, tinh thần - tôn giáo, kỹ thuật và văn hóa với những trình độ khác nhau ở mỗi quốc gia. Ở những nước đang phát triển, một lối sống mong muốn và hợp lý, có khả năng giúp con người tiến kịp cộng đồng văn minh, có những đặc điểm chủ yếu sau đây :

1) Con người ngày càng tích cực lao động dựa trên sự thống nhất của những lợi ích cơ bản giữa xã hội và cá nhân.

2) Cá nhân tuân theo những chuẩn mực hành vi đạo đức, không vì đời sống chưa cao mà để cho những ham muốn vật chất chế ngự, thậm chí bóp nghẹt các nhân tố tình cảm, tinh thần.

3) Phấn đấu phát triển năng lực toàn diện trên cơ sở coi trọng giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

4) Mỗi người đều có tình cảm và trách nhiệm trong việc tìm kiếm một con đường giải quyết ngày càng có hiệu quả các vấn đề của gia đình, đất nước và thế giới.

5) Thẩm mỹ hóa môi trường và cuộc sống là dấu hiệu của sự biến đổi chung của thời đại.

6) Con người ngày càng vươn tới lòng nhân ái, sự hợp tác chân thành và thi đua lành mạnh.

Digitized by Google

Hội thảo khoa học

ĐỔI MỚI HỢP TÁC XÃ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THANH HÓA

TRONG hai ngày 11 và 12 tháng 4 năm 1995 tại thành phố Thanh hóa, Ban kinh tế tỉnh ủy Thanh hóa đã tổ chức cuộc hội thảo khoa học với đề tài : "Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn Thanh hóa". Tham dự hội thảo có các đồng chí lãnh đạo chủ chốt tỉnh Thanh hóa, nhiều nhà khoa học ở trung ương và tỉnh, đông đảo cán bộ quản lý thuộc 13 huyện và đại diện của nhiều hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trong tỉnh. Sau đây là những nội dung chủ yếu của cuộc hội thảo.

1. Về đánh giá tình hình HTX hiện nay

Hầu hết những người dự hội thảo cho rằng: HTX nông nghiệp đã trải qua một chặng đường gần bốn thập kỷ tồn tại và phát triển, hoạt động của HTX có thời kỳ đã chi phối phần lớn đời sống kinh tế xã hội ở nông thôn và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đặc biệt là chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Các đại biểu xác định, từ khi đất nước tiến hành đổi mới, nhất là sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới công tác quản lý nông nghiệp, trao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ xã viên thì tính chất và nội dung hoạt động của HTX đã có sự thay đổi căn bản.

Đánh giá về HTX kiểu cũ và tác dụng của nó đối với phát triển kinh tế hộ là vấn đề hàng đầu được nhiều đại biểu quan tâm. Đa số ý kiến cho rằng, đến nay HTX kiểu cũ không còn cơ sở tồn tại, bởi vì ruộng đất, trâu bò và các tư liệu sản xuất chủ yếu của HTX, nay đã giao quyền sở hữu, sử dụng cho hộ gia đình ; các quan hệ quản lý sản xuất cũng như phân phối kết quả lao động đều do các hộ gia đình quyết định ; sức sản xuất của hộ xã viên về cơ bản đã được giải phóng, tạo thành động lực thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, đời sống nông dân ngày càng được cải thiện và bộ mặt nông thôn đã có sự thay đổi khá rõ rệt.

Chỉ có một vài ý kiến cho rằng cần giữ nguyên trạng HTX kiểu cũ, vì thủy lợi, giao thông, mạng lưới điện và một số công trình công cộng không thể đem chia cho các hộ gia đình. Những khâu trong sản xuất như bảo vệ thực vật, kỹ thuật nông nghiệp, phân bón, vật tư, khuyến nông... các hộ riêng lẻ không thể đảm đương được, mà chỉ HTX mới có thể thực hiện tốt sự điều hành phân phối thống nhất cho các hộ xã viên. Nhiều tham luận còn đi sâu phân biệt hai "cung bậc" của các loại hình HTX. Số đông hộ nghèo hiện nay chưa thoát ra khỏi vòng khép kín của hộ tự túc, tự cấp thì nhu cầu của họ là hợp tác tương trợ, giúp đỡ, hỗ trợ sản xuất (vần công, đổi công), dịch vụ đầu vào, chẳng hạn như phân bón, thuốc trừ sâu, giống... (ở Thanh hóa loại hộ như thế này còn khá đông) là chủ yếu. Những hộ khá và giàu đã tạo ra lượng hàng hóa lớn có nhu cầu dịch vụ cả đầu vào và đầu ra. Họ cần liên kết lại để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Và do đó đã hình thành một số *HTX cổ phần*, (xã viên tự nguyện góp vốn kinh doanh). Nhiều đại biểu nhấn mạnh sự xuất hiện HTX loại này tuy chưa nhiều nhưng đã có tác dụng lôi kéo và gây ảnh hưởng tốt đến các hộ nghèo (tạo công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho số lao động dư thừa hoặc thời vụ nông nhàn).

Sự xuất hiện đa dạng các loại hình HTX như hiện nay là những nhân tố cơ bản tạo tiền đề cho sự ra đời của các HTX kiểu mới.

2. Quan niệm về HTX kiểu mới, sự khác nhau giữa HTX kiểu cũ và HTX kiểu mới

Về vấn đề này ý kiến tranh luận khá sôi nổi. Một số ý kiến cho rằng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào HTX cũng không nên chỉ làm một chức năng sản xuất - kinh doanh, mà phải cùng với chính quyền gánh vác chức năng xã hội. Muốn vậy, HTX phải được tổ chức theo địa giới hành chính - chủ yếu thừa hưởng cơ sở vật chất và vốn, quỹ trước đây để lại (kế thừa HTX kiểu cũ). Họ cho rằng thực tế hiện nay đa số nông dân không có khả năng góp vốn (mua cổ phần) mà đất đai thì không thể

Digitized by Google

góp lại một lần nữa. Một số ý kiến khác lại cho rằng, trong điều kiện hiện nay, nên coi HTX là một tổ chức dịch vụ một khâu hoặc một số khâu cho hộ xã viên. HTX là đầu mối tiếp nhận sự đầu tư, giúp đỡ của nhà nước đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn, là tổ chức được tiếp nhận và quản lý, sử dụng các tài sản dùng chung đã có ở nông thôn (hệ thống thủy nông, lưới điện...) để trợ giúp cho kinh tế hộ, sau đó mới tính đến lợi ích của HTX. Tuy nhiên, cơ sở đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của hình thức HTX này chưa được xác định rõ.

Báo cáo đề dẫn của Ban kinh tế tỉnh ủy Thanh hóa cho rằng, HTX là tổ chức kinh tế, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, quản lý dân chủ, cùng có lợi ; hình thức, quy mô, trình độ tùy thuộc yêu cầu cụ thể, do xã viên quyết định ; phạm vi hoạt động trên một, hoặc nhiều khâu, nhiều lĩnh vực ; tổ chức bộ máy do xã viên lựa chọn và bầu ra ; mục tiêu hoạt động là hiệu quả kinh tế của các thành viên và tập thể HTX trên cơ sở đó mà phát triển các lợi ích chính trị - xã hội ở nông thôn. Cách đặt vấn đề về mô hình HTX kiểu mới như vậy đã được đông đảo các đại biểu dự hội thảo đồng tình.

Các tham luận tại hội thảo cũng đã chú ý phân biệt *sự khác nhau về tính chất và nội dung giữa HTX kiểu cũ và HTX kiểu mới*. Đối với HTX kiểu mới, các hộ có quyền tự quyết định phương án sản xuất của mình, từ việc trồng cây gì, con gì, đến từng khâu chăm bón, thu hoạch, và cuối cùng, hộ hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định đó. Còn HTX kiểu cũ thì xã viên chỉ biết nhận phần việc do đội trưởng phân công và hưởng công điểm. Khoán gọn và sau này khoán theo từng khâu cũng chỉ là biến tướng của chế độ công điểm mà thôi. Hoạt động vì mục tiêu sinh lời trong HTX kiểu mới khác với HTX kiểu cũ ở chỗ, vốn do xã viên đóng góp (xã viên góp vốn chứ không góp đất), ban quản lý do những người góp vốn cử ra và chịu trách nhiệm trước xã viên về hiệu quả sử dụng đồng vốn đó. Sau một chu kỳ sản xuất - kinh doanh, tùy theo quy định của đại hội xã viên, người góp vốn có thể rút vốn khi thấy HTX hoạt động kém hiệu quả. Người có nhiều vốn có thể tham gia nhiều HTX. Việc phân phối do xã viên tự nguyện góp vốn quyết định. Ngoài việc đóng góp đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác cho nhà nước, phần còn lại do HTX chủ động xử lý. Các quan hệ giữa hộ với HTX, giữa các HTX với nhau trở nên phong phú hơn, nhưng đều trên nguyên tắc : "thuận mua, vừa bán". Sự lãnh đạo của Đảng đối với HTX thông qua tổ chức đảng và các đảng viên là xã viên HTX. Chính quyền giữ vai trò hướng dẫn, tạo điều kiện, kiểm tra, uốn nắn các HTX thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đăng ký sản xuất - kinh doanh và làm đúng pháp luật. Có ý kiến cho rằng xây dựng HTX kiểu mới này sẽ làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của chính quyền giảm đi. Song đa số ý kiến đều khẳng định uy tín của Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền không những không giảm, mà còn tăng lên hơn trước, nếu làm đúng chức năng hướng dẫn, chỉ đường, hỗ trợ và kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ theo đúng pháp luật.

3. Quá trình đổi mới HTX nông nghiệp kiểu cũ

Nhiều đại biểu cho biết trình độ nhận thức của cán bộ địa phương hiện nay còn rất khác nhau. Việc phổ biến đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ xuống địa phương chưa đầy đủ. Do đó mỗi nơi hiểu và vận dụng có sự khác nhau. Nhiều nơi đã tự "phá rào" tìm giải pháp dung hòa để vừa duy trì sự tồn tại trên hình thức của HTX kiểu cũ, vừa tìm cách đổi mới nội dung hoạt động của nó. Nhìn chung, quá trình chuyển đổi diễn ra ở các địa phương không đều và mang tính tự phát. Ở Thanh hóa quá trình chuyển từ HTX kiểu cũ sang HTX kiểu mới theo các dạng như sau:

- Loại HTX tồn tại hoàn toàn mang tính hình thức. Ở những HTX này bộ máy quản lý chỉ còn 2-3 người, hoạt động dựa vào số quỹ còn lại của HTX cũ, hoặc phân bổ theo đầu sào bắt nông dân đóng góp để nuôi bộ máy quản lý.

- Loại HTX "lồng ghép" (có ý kiến gọi là mô hình "nhất nguyên hóa"), bộ máy chính quyền kiêm luôn chức năng của ban quản lý HTX (về danh nghĩa vẫn gọi là HTX dịch vụ). Hoạt động của HTX này có thể là dịch vụ một số khâu, nhưng nhiều nơi chủ yếu là làm chức năng trung gian, điều phối, không đem lại tác dụng gì lớn đối với hộ xã viên.

Digitized by Google

- Loại HTX làm dịch vụ một hoặc nhiều khâu (dịch vụ tổng hợp hoặc chuyên khâu). Trong số này ít có HTX hoạt động có hiệu quả (thu không đủ bù chi), mà chủ yếu là bị thua lỗ do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có thể nói nếu khắc phục được những khiếm khuyết này thì đây là những hình thức trung gian quá độ để chuyển dần sang mô hình HTX mới.

- Loại HTX thực sự do xã viên tự nguyện góp vốn để sản xuất - kinh doanh một hoặc nhiều sản phẩm, hoặc có nơi liên kết giữa sản xuất với chế biến (như ở Lam sơn). Các ý kiến đều cho rằng đây là mô hình cần phải phấn đấu vươn tới. Trước mắt nên tạo điều kiện, khuyến khích sự ra đời của những HTX quy mô nhỏ, dần dần mở rộng ra quy mô lớn hơn.

Các đại biểu nhấn mạnh nguồn gốc sâu xa để vươn tới HTX kiểu mới là trình độ phát triển của kinh tế hộ. Phải có giải pháp cụ thể để chuyển từ hộ tự cấp, tự túc sang hộ sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, không nên câu nệ hoặc nóng vội, xóa bỏ các hình thức hợp tác quá độ, trung gian. Trái lại, hình thức HTX nào xét thấy còn có lợi cho nông dân thì chúng ta phải tạo điều kiện cho nó phát triển. Hơn nữa, sự tồn tại đa dạng về các loại hình HTX là một cách để tự thân cuộc sống đối chứng, sàng lọc, cái nào có sức sống nhất thì sẽ tồn tại.

4. Phải làm gì để thúc đẩy quá trình ra đời và phát triển HTX kiểu mới

Về vấn đề này, các đại biểu đưa ra nhiều giải pháp phong phú, có thể khái quát lại như sau :

a) *Gấp rút nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở.*

Nhiều nơi ở Thanh hóa, trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở phần đông còn thấp, có người chưa học hết phổ thông cơ sở, do đó không đáp ứng được yêu cầu mới. Các đại biểu kiến nghị phải có giải pháp gấp rút đào tạo và đào tạo lại một cách có hệ thống đội ngũ cán bộ cơ sở ; trước hết phải tổ chức cho cán bộ cơ sở học lại nghị quyết Trung ương 5 và các chỉ thị, nghị quyết cơ bản của Đảng, Chính phủ về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) *Hoạch định chính sách, xác định hình thức và bước đi phù hợp.*

Nhiều đại biểu cho rằng trong tình hình cụ thể ở Thanh hóa hiện nay, việc duy trì các HTX dịch vụ một hoặc nhiều khâu là cần thiết. Và để các HTX dịch vụ này hoạt động có hiệu quả, ngoài nguồn vốn do HTX tự huy động cần có sự trợ giúp của nhà nước. Bởi vì, sự hoạt động có hiệu quả của nó sẽ có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế hộ, đưa kinh tế hộ từ tự túc, tự cấp lên sản xuất hàng hóa. Lúc đó HTX dịch vụ mới thực sự là hình thức hợp tác trung gian quá độ, kinh tế hộ nhờ đó càng phát triển thì càng nảy sinh nhu cầu thành lập HTX kiểu mới. Thúc đẩy phát triển kinh tế hộ là yêu cầu khách quan của tình hình thực tế, và đây cũng là tiền đề đi tới HTX kiểu mới theo đúng nghĩa của nó. Đối với những HTX đang tồn tại, nhưng hoạt động không có hiệu quả, thua lỗ kéo dài, không được xã viên đồng tình, cần sớm chấm dứt hoạt động, xử lý dứt điểm những tồn đọng để tạo môi trường cho các hình thức kinh tế hợp tác mới ra đời.

Việc thành lập HTX mới cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản là : các thành viên tham gia HTX phải hoàn toàn tự nguyện, được chính quyền thừa nhận, điều lệ HTX phải được toàn thể xã viên bàn bạc cụ thể, dân chủ ; vốn ban đầu của HTX phải do xã viên góp cổ phần (nhưng không nên quay trở lại tình trạng góp ruộng đất đã chia) ; phải thực sự tôn trọng quyền tự chủ của kinh tế hộ. Chính sách vĩ mô, phải cụ thể, rõ ràng, làm cơ sở cho địa phương xử lý dứt điểm tình trạng chuyển biến nửa vời từ HTX kiểu cũ sang HTX kiểu mới. Hầu hết các đại biểu dự hội thảo đều đề nghị Quốc hội sớm ban hành *Luật hợp tác xã* ; đề nghị nhà nước xem xét, có quyết định xóa nợ tồn đọng (từ HTX cũ) cho nông dân (cả nước còn tồn đọng khoảng 298 tỉ đồng). Các chính sách khuyến nông, giá cả hàng nông sản cần có định hướng cụ thể hơn nữa. Một số đại biểu cho rằng nhà nước cần nghiên cứu từng bước xóa thuế nông nghiệp, áp dụng rộng rãi thuế thu nhập và chuyển nhượng đất đai. Vì, chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị đang ngày một doãng ra xa hơn, trong khi các chính sách của nhà nước hiện hành đối với nông dân còn nhiều bất hợp lý.

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ ở Hải hưng

ĐẶNG VĂN CẢO *

Ở Hải hưng, lao động nữ chiếm tỷ lệ từ 55 đến 60% tổng số lao động. Hiện nay, trong khu vực nhà nước, nhiều ngành có tỷ lệ lao động nữ khá cao, như : giáo dục (trên 70%) ; y tế, ngân hàng (trên 60%) ; thương mại, bưu điện (trên 50%)...

Thực tế ở Hải hưng cho thấy, phụ nữ nói chung, lực lượng lao động nữ và cán bộ nữ nói riêng, đã và đang có những đóng góp hết sức to lớn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ; góp phần rất quan trọng vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đa số cán bộ nữ có tinh thần trách nhiệm cao, có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ ở cương vị được giao, nhất là đối với những việc phù hợp với giới tính, thế mạnh và điều kiện của chị em.

Thực hiện những nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác cán bộ nữ, v.v., Tỉnh ủy Hải hưng trong nhiều năm nay đã có sự quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ nữ và công tác cán bộ nữ.

1 - *Chú ý xây dựng quy hoạch và tạo nguồn cán bộ nữ.*

Cán bộ nữ ở Hải hưng không thiếu, nhưng trong nhiều năm nay, số chị em đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành nhìn chung còn ít ; lực lượng kế cận cho đội ngũ này lại rất mỏng, vì thế Tỉnh ủy đã có các nghị quyết, chỉ thị và văn bản hướng dẫn cụ thể việc xây dựng quy hoạch và bổ sung cán bộ dự bị là nữ.

Chúng tôi luôn chú ý lựa chọn số cán bộ trẻ, có đủ tiêu chuẩn để đưa vào nguồn cán bộ dự bị. Thông thường, số cán bộ nữ được quy hoạch để bổ sung cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ngành có khoảng 70% ở độ tuổi từ 31 đến 40 ; trên 90% có trình độ văn hóa cấp 3 và trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên ; trên 60% có trình độ lý luận chính trị trung cấp và cao cấp. Số cán bộ nữ dự bị cấp ủy huyện, thị đạt xấp xỉ 20%. Cấp cơ sở cũng đã bổ sung được đáng kể số cán bộ dự bị là nữ đảm bảo được cả về cơ cấu và chất lượng.

Trong các đợt xây dựng quy hoạch cán bộ, số cán bộ nữ trong tổng số cán bộ dự bị, chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Đối với cấp tỉnh, số chị em dự bị cấp trưởng ngành đạt từ 10 đến 15%, cấp phó ngành đạt từ 13 đến 33%. Đối với cấp huyện, thị, số cán bộ nữ dự bị để bổ sung vào huyện ủy, thị ủy là 15 đến 18%, bổ sung làm trưởng phòng, ban là 14%. Đối với cấp xã, số cán bộ nữ chuẩn bị cho các chức danh bí thư và chủ tịch ủy ban nhân dân chiếm trên 8%. Ở một số nơi như thị xã Hải dương, thị xã Hưng yên và huyện Kim môn, số cán bộ dự bị là nữ chiếm tỷ lệ khá cao và đạt chất lượng tốt.

Sau khi đưa vào quy hoạch, các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở đều chú ý bồi dưỡng, đào tạo chị em qua các trường lớp hoặc rèn luyện chị em trong thực tiễn, sau đó bố trí chị em giữ các cương vị công tác thích hợp. Hằng năm, số cán bộ nữ được Tỉnh ủy cử đi học các trường, lớp ở tỉnh chiếm khoảng 12%, ở trung ương và tham quan, học tập ở nước ngoài chiếm khoảng 10%, có lớp số cán bộ nữ được cử đi học chiếm tới 20-30%. Tất cả các ngành, các huyện, thị còn có những hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại chức, ngắn ngày để chị em có điều kiện thuận lợi trong học tập.

Do tích cực chuẩn bị xây dựng quy hoạch cán bộ, cho nên, khi kiện toàn các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và lãnh đạo các đơn vị..., chúng tôi không vấp phải tình trạng lúng túng, bị động như trước nữa. Các cấp,

* Phó bí thư Tỉnh ủy Hải hưng

Digitized by Google

các ngành đã có thể lựa chọn trong số cán bộ dự bị là nữ những chị đủ tiêu chuẩn giữ các chức vụ lãnh đạo và quản lý. Có những chị đã được đề bạt vượt cấp, từ phó trưởng phòng, phó hiệu trưởng trường phổ thông trung học lên phó giám đốc các sở chuyên ngành. Nhìn chung, tỷ lệ nữ trong cán bộ các cấp đã tăng hơn trước và số chị em được đề bạt đều hoàn thành nhiệm vụ, trong đó một số chị có khả năng phát triển tốt.

Để chuẩn bị nguồn cán bộ nữ lâu dài, các cấp ủy cũng đã thường xuyên quan tâm đến việc phát triển đảng trong cán bộ nữ. Hằng năm, tỷ lệ đảng viên mới là nữ đạt trên 30% (có năm tới 42%). Điều đáng mừng là hầu hết chị em mới được kết nạp đảng đều đủ tiêu chuẩn, không có trường hợp nào phải "chiếu cố". Ba nhiệm kỳ gần đây, nơi có số đảng viên nữ mới được kết nạp đạt tỷ lệ cao là thị xã Hải dương, huyện Châu giang, đảng bộ khối các cơ quan trực thuộc tỉnh ủy.

2 - Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ nữ phát triển, trưởng thành.

Vấn đề đầu tiên là phải tạo điều kiện cho chị em có thời gian vật chất cần thiết để tham gia công tác xã hội ; không để công việc gia đình đè nặng lên vai mỗi chị em. Vì thế, mặc dù đã chuyển sang cơ chế mới, các cấp, các ngành đều cố gắng khắc phục khó khăn, tìm mọi biện pháp để duy trì, củng cố hệ thống nhà trẻ và lớp mẫu giáo. Hiện nay, Hải hưng vẫn duy trì được gần 3000 nhà trẻ và lớp mẫu giáo, thu hút được gần 6000 cháu trong độ tuổi vào các nhà trẻ và gần 90 000 cháu trong độ tuổi vào các lớp mẫu giáo. Những nơi duy trì được tốt phong trào này là các huyện Tứ lộc, Phù tiên, Mỹ văn, Ninh thanh, Nam thanh và thị xã Hải dương. Nhờ củng cố và duy trì tốt hệ thống nhà trẻ và lớp mẫu giáo, nhiều chị em đã có thời gian rảnh rỗi, yên tâm tham gia công tác xã hội.

Trước tình hình tỷ lệ tăng số dân của Hải hưng còn ở mức trên 2%, Đại hội VI của đảng bộ tỉnh đã quyết định đến năm 1995, phải hạ bằng được tỷ lệ đó xuống 1,7%. Đây là quyết tâm và chủ trương lớn của Tỉnh ủy. Nếu giảm được tỷ lệ tăng số dân, Hải hưng sẽ tạo điều kiện cho chị em không những có mức sống tốt hơn, mà còn có thêm thời gian cho các hoạt động xã hội. Các cấp, các ngành trong toàn tỉnh đã nhận thức đúng vấn đề này cho nên đã chỉ đạo chặt chẽ và có những hình thức, biện pháp thích hợp để thực hiện có hiệu quả cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình. Hải hưng là một trong năm tỉnh, thành phố của cả nước được trung ương đánh giá là đơn vị khá về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Ngoài ra, để nâng cao trình độ cho cán bộ nói chung và cho cán bộ nữ nói riêng, Tỉnh ủy chủ trương khuyến khích việc học tập tại trường. Mặc dù điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, tỉnh vẫn quy định mức phụ cấp hợp lý cho những cán bộ đi học các lớp lý luận - chính trị, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước tại các trường ở trung ương ; đồng thời, nâng cao mức sinh hoạt phí cho cán bộ học ở các trường của tỉnh. (cán bộ nữ đi học tập trung hoặc tại chức ở các trường trung ương và tỉnh được phụ cấp nhiều hơn so với nam giới). Thực hiện chủ trương trên, nhiều cấp, nhiều ngành còn chủ động giúp đỡ, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho cán bộ nữ đi học.

3 -Xây dựng được đội ngũ cán bộ nữ số lượng ngày càng đông và chất lượng ngày càng cao.

Về *số lượng*, ở cấp tỉnh, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia tỉnh ủy đã tăng hơn trước. Đặc biệt, hai khóa V và VI, trong Ban thường vụ Tỉnh ủy đều có cán bộ nữ. Cán bộ nữ trong các cấp ủy huyện, thị và cơ sở, cũng có chiều hướng tăng. Toàn tỉnh hiện có 5 trưởng ngành là nữ ; hàng chục chị là phó ngành, chủ tịch, phó chủ tịch huyện... Trong mấy khóa gần đây, số cán bộ nữ là huyện ủy viên, là thị ủy viên, là ủy viên ban chấp hành đảng bộ cơ sở chiếm tỷ lệ trên dưới 15%. Một số nơi do làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ nữ, cho nên tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy khá cao, như thị ủy Hưng yên (24%), thị ủy Hải dương (22,5%). Một số nơi giữ được tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp ủy huyện tương đối ổn định, như Ninh thanh, Kim môn ; hoặc đã đào tạo được cán bộ nữ bổ sung cho ban thường vụ cấp ủy trong nhiều khóa, như các huyện Cẩm bình, Châu giang, Ninh thanh, Chí linh, Kim môn, Nam thanh và thị xã Hải dương, Hưng yên. Cấp cơ sở cũng có một số điển

Digitized by Google

hình tốt về xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ, như xã Giai phạm (huyện Mỹ văn), xã Văn hội (huyện Ninh thanh)...

Số cán bộ nữ tham gia hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp tuy không đồng đều và chưa thật ổn định, song có những khóa, tỷ lệ cán bộ nữ khá cao. Ở cấp tỉnh, khóa cao nhất đạt 35,8%; cấp huyện - 29,6% ; và cấp cơ sở - 28,1%.

Khối hành chính và sự nghiệp có khá nhiều chị em giữ các cương vị lãnh đạo và quản lý. Ngành giáo dục có 54% số hiệu trưởng và 67% số hiệu phó các trường cấp I và cấp II là nữ. Ngành y tế, trong số 29 phó giám đốc bệnh viện, có 10 là nữ. Trong ngành công nghiệp, ngân hàng, nhiều cán bộ nữ là giám đốc, phó giám đốc...

Về *chất lượng*, trình độ kiến thức về các mặt của cán bộ nữ được nâng lên tương đối rõ. Các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc bồi dưỡng kiến thức toàn diện cho chị em, đặc biệt là chú ý nâng cao trình độ của chị em về lý luận - chính trị, quản lý kinh tế và quản lý nhà nước ; đã kết hợp hài hòa giữa đào tạo chính quy, dài hạn với đào tạo tại chức, ngắn hạn và bồi dưỡng thông qua các hoạt động thực tiễn... Trong mấy khóa gần đây, số cán bộ nữ tham gia hội đồng nhân dân và tham gia cấp ủy tỉnh, huyện, thị, có trình độ văn hóa cấp 3, có trình độ lý luận - chính trị cao cấp và trình độ chuyên môn nghiệp vụ bậc đại học, tăng bình quân khoảng 20% so với các khóa trước. Đó là một dấu hiệu đáng mừng.

Do trình độ cơ bản được nâng lên cùng với việc chịu khó rèn luyện trong thực tiễn, số chị em được đề bạt giữ các chức vụ lãnh đạo và quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không thua kém gì so với nam giới. Mặt khác, chị em còn có thế mạnh riêng của mình là giữ gìn được phẩm chất tốt ; có lối sống lành mạnh ; tôn trọng kỷ luật, kỷ cương. Rất ít cán bộ nữ mắc sai lầm trong quản lý tài chính, hoặc tham gia vào những vụ tham nhũng, buôn lậu... Từ năm 1985 đến nay, trong số 28 chị được đề bạt vào các chức vụ thuộc diện Ban bí thư Trung ương Đảng và Tỉnh ủy quản lý, chỉ có một trường hợp bị xử lý kỷ luật do có sai sót trong quản lý kinh doanh. Ở ngành giáo dục, năm 1990 đã rà soát 225 chị là cán bộ lãnh đạo các trường, 100% số đó vẫn đủ tín nhiệm để tiếp tục đảm đương công việc. Nhiều chị đã lãnh đạo đơn vị mình trở thành điển hình tiên tiến của ngành. Ở khu vực nông thôn, mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại (do công việc gia đình nặng nhọc, do tác động tiêu cực của tư tưởng phong kiến, gia trưởng và những phong tục, tập quán lạc hậu...), nhìn chung, cán bộ nữ vẫn vươn lên, đảm nhiệm tốt cương vị được giao. Giữ những cương vị chủ chốt của xã như bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ nhiệm hợp tác xã..., các chị đều tỏ ra vững vàng, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Một số cơ sở đã trở thành những điển hình tiên tiến.

Thực tiễn ở Hải hưng cho thấy, nếu được cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể quan tâm, chú ý đào tạo, bồi dưỡng và mạnh dạn giao giữ các chức vụ lãnh đạo và quản lý, thì ở bất kỳ lĩnh vực công tác nào, phụ nữ cũng có thể đảm nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*
* *

Trong những năm tới, chúng tôi chủ trương phải *tiếp tục quan tâm hơn nữa đến đội ngũ cán bộ nữ* và phải *đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ nữ.*

- Trước hết, phải coi vấn đề cán bộ nữ là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác cán bộ của địa phương. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ nói chung, phải có kế hoạch cụ thể về tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ. Đấu tranh chống mọi biểu hiện coi thường phụ nữ, phân biệt đối xử, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, sử dụng và đề bạt cán bộ nữ. Cần tuyển chọn cán bộ nữ từ những người ưu tú đã trải qua rèn luyện trong thực tế phong trào cách mạng của quần chúng, vào các cương vị lãnh đạo và quản lý ; đồng thời, phải chăm lo tốt việc đào tạo, bồi dưỡng để chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cương vị được giao. Tập thể cấp ủy và lãnh đạo chủ chốt của các ngành từ tỉnh đến huyện và cơ sở phải đích thân chỉ đạo công tác cán bộ nói chung, trong đó có

Digitized by Google

cán bộ nữ ; đồng thời phải phát huy tốt vai trò của các cơ quan tham mưu. Đó là trách nhiệm chính trị của các cấp ủy đảng và thủ trưởng các cơ quan chính quyền, đoàn thể...

- Phấn đấu để thường xuyên có cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy đảng, cơ quan quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và các đoàn thể quần chúng ; có cán bộ nữ ở những vị trí chủ chốt cần thiết, nhất là những lĩnh vực mà chị em có điều kiện phát huy khả năng của mình. Ban thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu trong những năm tới về tỷ lệ cán bộ nữ trong các ban, ngành... Với các ban, ngành cấp tỉnh và huyện, thị, trước hết là các ban của Đảng, đoàn thể và một số ngành như giáo dục, y tế, thương mại, nông nghiệp, xây dựng, tòa án, ngân hàng, tài chính, kho bạc, lao động thương binh và xã hội, văn hóa.... cần có ít nhất một cán bộ nữ ở cương vị lãnh đạo chủ chốt. Đối với các công ty, cửa hàng, xí nghiệp và bệnh viện có 50% trở lên là lao động nữ, cần có ít nhất một cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Các trường học cần mạnh dạn đề bạt cán bộ nữ làm hiệu trưởng, hiệu phó. Các trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, khi chiêu sinh cần bảo đảm tỷ lệ nữ từ 20 đến 25%. Các chỉ tiêu nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và có khả năng thực hiện được; bởi vì nguồn cán bộ nữ của Hải hưng khá dồi dào ; nhiều chị em tham gia lãnh đạo, quản lý ở các cấp đang phát huy tác dụng tốt và có chiều hướng phát triển rõ rệt. Số chị em này chắc chắn sẽ được đề bạt vào các cương vị lãnh đạo, quản lý ở cấp cao hơn.

- Để tạo nguồn cán bộ nữ lâu dài, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã yêu cầu các cấp ủy có kế hoạch phát triển đảng viên nữ ; phấn đấu đưa tỷ lệ đảng viên mới được kết nạp là nữ đạt trên 30% so với tổng số đảng viên mới được kết nạp hằng năm.

- Trên cơ sở tiêu chuẩn đã được xác định, có chính sách ưu tiên trong đào tạo, sử dụng cán bộ nữ. Trong việc đưa cán bộ đi đào tạo tại các trường, lớp ở trung ương cũng như của tỉnh, cần bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ đã định. Cán bộ nữ đi học được hưởng phụ cấp nhiều gấp rưỡi nam giới. Ngoài ra, tùy điều kiện cụ thể và khả năng thực tế, từng ngành, từng đơn vị có những khoản phụ cấp thêm ngoài tiêu chuẩn chung cho số chị em đi học. Sử dụng cán bộ nữ phải kịp thời. Mạnh dạn đề bạt những chị có năng lực và phẩm chất tốt, có triển vọng phát triển vào các cương vị lãnh đạo, quản lý. Khi đề bạt cán bộ, ở một đơn vị nếu có hai cán bộ (một nam, một nữ) đủ tiêu chuẩn ngang nhau, thì ưu tiên đề bạt cán bộ nữ trước.

- Tiếp tục tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho đội ngũ cán bộ nữ phát triển. Quán triệt và tuyên truyền kịp thời những quan điểm cơ bản của Đảng về lao động nữ và cán bộ nữ để tạo được sự quan tâm đúng mức của tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị tới phong trào phụ nữ và công tác cán bộ nữ. Ở cơ sở, nhất là ở các cơ sở nông thôn, cấp ủy và ban lãnh đạo phải nắm chắc hoàn cảnh của từng cán bộ nữ, có biện pháp giúp chị em giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác cũng như trong cuộc sống gia đình. Kiên quyết phấn đấu hạ tỷ lệ tăng dân số trong toàn tỉnh ; đồng thời chăm lo xây dựng, củng cố hệ thống nhà trẻ, lớp mẫu giáo, để trước mắt thu hút được 40% số cháu trong độ tuổi đến nhà trẻ, 60% số cháu trong độ tuổi vào các lớp mẫu giáo bé và 90% số cháu 5 tuổi đến các lớp mẫu giáo lớn.

- Các cấp ủy, đảng đoàn và ban cán sự đảng ở các cấp, các ngành và thủ trưởng các đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên về kết quả thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác cán bộ nữ ở cấp mình, ngành mình và đơn vị mình. Tăng cường công tác kiểm tra và hằng năm phải tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá cho đúng kết quả thực hiện công tác cán bộ nữ.

- Ban tổ chức Tỉnh ủy và Ban tổ chức chính quyền của tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho đảng và chính quyền về công tác cán bộ nữ ; phối hợp với đảng đoàn Hội liên hiệp phụ nữ của tỉnh xây dựng quy chế thực hiện công tác cán bộ nữ, đề xuất chế độ đãi ngộ cụ thể đối với cán bộ nữ, đồng thời giới thiệu những cán bộ nữ có đủ tiêu chuẩn giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong đảng, chính quyền và đoàn thể.

Digitized by Google

QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN Ở LÂM ĐỒNG

BÙI CHÍ KIÊN *

LÂM đồng là một tỉnh miền núi ở nam Tây nguyên, đất rộng, người thưa, có đông đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào từ các địa phương khác đến xây dựng kinh tế mới. Đây cũng là địa bàn có tiềm năng kinh tế - xã hội đa dạng, phong phú về nghề rừng, các cây công nghiệp dài ngày, tài nguyên khoáng sản, du lịch, nghỉ dưỡng... Dưới chế độ cũ, Lâm đồng là nơi kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa đã có bước phát triển. Nhưng nhìn chung, lực lượng sản xuất còn thấp, đời sống của phần đông dân cư còn khó khăn, trình độ dân trí thấp, cơ sở hạ tầng nghèo nàn.

Khi đất nước thống nhất, cùng với việc đón nhận nhân dân từ các địa phương khác đến xây dựng kinh tế mới, đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực khắc phục khó khăn, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất mới, đạt được những thành quả bước đầu về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cũng như các tỉnh khác trong nước, Lâm đồng có thời gian chịu sự chi phối không nhỏ của cơ chế quản lý hành chính tập trung quan liêu bao cấp. Với quan hệ sản xuất khô cứng kéo dài, lực lượng sản xuất ở địa phương đã bị kìm hãm khá nặng nề. Sản xuất hàng hóa phát triển chậm, có xu hướng chững lại ; một số sản phẩm bị thu hẹp. Việc quản lý, khai thác, sử dụng tư liệu sản xuất, vốn, tài nguyên, đất đai, lao động trong kinh tế quốc doanh và tập thể có nhiều hạn chế. Các mặt hàng chính (chè, tơ tằm, sứ, gỗ thành khí, bột giấy, nhựa thông, rau thương phẩm, sữa bò, ác ti sô...) do kinh tế quốc doanh và tập thể làm ra tuy không lớn, nhưng chất lượng thấp, nên tiêu thụ rất khó khăn. Nhiều sản phẩm, nhà nước phải bù lỗ hằng năm.

Lâm đồng là một tỉnh dân số không đông, lực lượng lao động ít, đối tượng lao động không thiếu, nhưng hằng năm lại có tới trên 20 000 người thiếu việc làm thường xuyên. Sản xuất trì trệ, lưu thông hàng hóa ách tắc, đời sống người lao động bấp bênh. Một bộ phận lao động ở khu vực quốc doanh và tập thể tính ra chỉ làm cho đơn vị khoảng 30-40% ngày công, còn 60-70% ngày công thì làm ở bên ngoài, chủ yếu là khai phá đất hoang và phát triển chăn nuôi. Hiện tượng "chân ngoài dài hơn chân trong" khá phổ biến. Không ít trường hợp thu nhập từ "chân ngoài" trở thành nguồn thu chính để nuôi sống người lao động làm việc trong các hợp tác xã và cơ sở kinh tế quốc doanh. Tuy nhiên những việc làm năng động ấy của người lao động thường bị coi là phi pháp, bị lên án và cấm đoán.

Tóm lại, do quan hệ sản xuất không phù hợp (sở hữu tập trung quá đáng vào tập thể và quốc doanh ; sản xuất quản lý theo kiểu tập trung quan liêu ; phân phối thì bình quân chủ nghĩa...) nên kinh tế - xã hội ở Lâm đồng có thời gian lâm vào tình trạng trì trệ.

Trước yêu cầu bức xúc của thực tiễn, để ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, từ năm 1982-1983, dưới ánh sáng đường lối của Đảng, tỉnh đã chủ trương : điều chỉnh quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu; khôi phục, thực hiện đa dạng hóa các loại hình sở hữu trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc công hữu là chủ đạo. Nhờ chủ trương đó, ở Lâm đồng đã xuất hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, với nhiều hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp, tạo thành những hình thức kinh tế quá độ đa dạng, năng động và có hiệu quả. Trong công nghiệp và dịch vụ, nhờ sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước từ 200 đơn vị chỉ còn 57 đơn vị, tạo điều kiện cho việc tích tụ, tập trung, nâng cao hiệu quả hoạt động. Kinh tế

* Hiệu trưởng Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh Lâm đồng

Digitized by Google

tư nhân được khuyến khích và phát triển khá mạnh ; hiện nay đã có 242 cơ sở, trong đó có 2 công ty cổ phần, 52 công ty trách nhiệm hữu hạn ; ngoài ra, còn có 11 620 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ. Các hình thức hợp tác sản xuất, lưu thông hàng hóa trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, dịch vụ, tín dụng... được đổi mới và phát triển. Quan hệ sản xuất được đổi mới và tiến bộ, là một nguyên nhân rất quan trọng làm cho lực lượng sản xuất trong tỉnh được giải phóng và phát triển.

Trong nông nghiệp, nhờ có Chỉ thị 100/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng về khoán, sau khi nghiên cứu, xem xét kỹ tình hình hợp tác hóa nông nghiệp trên địa bàn, tỉnh đã đi đến một chủ trương rất quan trọng: giải thể, chuyển các hợp tác xã nông nghiệp vùng dân tộc và vùng kinh tế mới thành tổ đoàn kết sản xuất, tổ vần đổi công, hoặc để cho nông dân tự chủ làm ăn ; điều chỉnh quy mô các hợp tác xã vùng kinh tế tập trung, từ quy mô lớn và trung bình xuống quy mô nhỏ là chủ yếu, thực hiện khoán đến hộ gia đình; chuyển các hợp tác xã yếu kém thành các tổ đoàn kết sản xuất ; giải thể các tập đoàn sản xuất mang tính hình thức, để cho người dân được tự do làm ăn.

Trong quản lý điều hành sản xuất, Lâm đồng cũng như cả nước đã có sự chuyển biến rõ nét. Phương thức quản lý điều hành mới, phù hợp với cơ chế thị trường, đã dần dần thay thế phương thức quản lý điều hành theo kiểu tập trung quan liêu bao cấp trước đây, Các cơ sở được quyền tự chủ sản xuất kinh doanh theo đúng luật pháp nhà nước, không có sự can thiệp từ bên ngoài. Trong công nghiệp thì giao vốn. Trong nông nghiệp, lâm nghiệp thì giao đất, giao rừng cho hộ nông dân. Chuyển hợp tác xã kiểu cũ thành hợp tác xã kiểu mới chuyên làm dịch vụ, lấy nguyên tắc cùng có lợi để tồn tại và phát triển. Thực hiện dân chủ hóa trong lao động sản xuất.

Từ ngày thực hiện đường lối đổi mới theo các nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng, các thành phần kinh tế trong tỉnh hoạt động tích cực, năng động và có hiệu quả rõ rệt. Kinh tế quốc doanh được củng cố, sắp xếp lại một bước quan trọng, bảo đảm tích tụ, tập trung vốn, tài sản, lao động... vào các lĩnh vực then chốt. Trên 30% doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động có hiệu quả ; đại bộ phận bảo toàn được vốn và bảo đảm được đời sống người lao động. Trong khu vực kinh tế tập thể đã xuất hiện những mô hình hợp tác mới, có hiệu quả cao. Nhiều hợp tác xã làm được những dịch vụ cần thiết cho hộ xã viên. Kinh tế hộ gia đình nói chung mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động cả trong sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch và thương mại. Mô hình kinh tế nông trại đã xuất hiện ở nhiều vùng.

Trong quan hệ phân phối sản phẩm, cũng đã có sự thay đổi. Cách phân phối bình quân trước kia không còn. Lâm đồng đã từng bước chuyển sang phương thức phân phối theo kết quả lao động với những hình thức khác nhau, gắn với cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện công bằng xã hội. Mục tiêu phấn đấu của tỉnh là bảo đảm cho cán bộ, công nhân, viên chức thường xuyên có việc làm, thu nhập ngày một khá hơn. Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, cũng như các lĩnh vực kinh tế khác như du lịch, dịch vụ, khuyến khích làm giàu chính đáng. Thực hiện tốt các chính sách xã hội : xóa đói giảm nghèo ; giúp các gia đình chính sách và có công với cách mạng ; nâng đỡ người già, trẻ em cô đơn, tàn tật. Đặc biệt, giúp đồng bào quen du canh du cư sống định canh định cư.

Để cuộc vận động định canh định cư thực hiện có kết quả, từ năm 1982, tỉnh đã chủ trương giúp mỗi hộ đồng bào dân tộc ít người trồng 2 sào cà phê vườn bằng vốn trích từ quỹ định canh định cư của nhà nước. Ngoài ra, tỉnh còn hỗ trợ bà con làm lúa nước, chăn nuôi, làm nghề rừng ở nơi có điều kiện. Nhờ mô hình này được nhân rộng khắp nơi, tỉnh đã dần phá được thế kinh tế tự túc, tự cấp, khép kín về lương thực, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thế mạnh.

Điểm nổi bật của Tây nguyên khi đi lên chủ nghĩa xã hội là đã tạo ra được một quan hệ sản xuất mới ở một bộ phận dân cư vốn

Digitized by Google

nghèo nàn lạc hậu. Nó thể hiện tính ưu việt của chế độ *mới*, xã hội chủ nghĩa, mà chúng ta đã lựa chọn. Nhờ có quan hệ sản xuất mới, một bộ phận đồng bào dân tộc ít người đã dần dần hòa nhập với cuộc sống toàn cộng đồng ở trình độ cao hơn.

Cùng với thiết lập quan hệ sản xuất mới, Lâm đồng cũng đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu kinh tế để khai thác tốt hơn tiềm năng sẵn có. Nhờ thay đổi quan hệ sản xuất phù hợp lực lượng sản xuất, Lâm đồng đã thực hiện được một bước chuyển biến lớn lao trong kinh tế và xã hội.

Hiện nay, sau những năm nỗ lực phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã tạo ra được những năng lực sản xuất mới, cho phép đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

So với lúc mới giải phóng, lực lượng sản xuất hiện nay của Lâm đồng đã có bước phát triển đáng kể: Sản lượng lương thực tăng 2,5 lần. Diện tích cây chè tăng trên 2 lần, cây cà phê tăng 10,7 lần, cây dâu tằm tăng 30,5 lần. Đàn trâu tăng 2,8 lần ; đàn bò tăng 3 lần ; đàn heo tăng 4 lần. Điện thương phẩm được cung cấp tăng gần 3 lần. Chè chế biến tăng trên 2 lần. Tơ tằm từ chỗ chưa có, nay chế biến mỗi năm 500 tấn. Đã xây dựng được 3 nhà máy dệt lụa công suất từ 3 đến 4 triệu m^2 lụa/năm. Để giảm mạnh lượng gỗ sơ chế, đã xây dựng 1 xí nghiệp tinh chế gỗ xuất khẩu công suất 30 000 m3/năm. Mỗi năm làm gia công từ 500 đến 600 nghìn sản phẩm thêu đan. Thiếc tinh chế mỗi năm hàng trăm tấn. Đá ốp lát, vật liệu xây dựng tăng đáng kể. Đã có 17 dự án được nhà nước cấp giấy phép với tổng số vốn 72,416 triệu USD, trong đó đã thực hiện được 72,45% kế hoạch về vốn, thu hút được thêm 5000 người vào làm việc. Kết cấu hạ tầng (giao thông, điện, nước sinh hoạt, cơ sở giáo dục, y tế) được sửa chữa và xây dựng mới tăng nhiều so với trước đây. Hệ thống thông tin, liên lạc được đầu tư xây dựng hiện đại. Nhiều loại sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, tiếp cập được với thị trường nước ngoài. Công nghiệp của tỉnh thực hiện được một bước chức năng chủ đạo trong nền kinh tế. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật làm việc trong ngành công nghiệp địa phương tăng 3 lần. Kinh tế phát triển khá, đời sống nhân dân ở cả thành thị và nông thôn được ổn định và từng bước nâng lên. Số hộ nghèo đói thu hẹp dần, số hộ trung bình và khá tăng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chăm lo sức khỏe nhân dân, chống suy dinh dưỡng trẻ em có tiến bộ rõ nét.

Nhờ có phương hướng đúng, được tổ chức và quản lý tốt, nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng khá nhanh. Tỷ trọng công nghiệp trong kinh tế của tỉnh từ 9,9% năm 1991 tăng lên 18,3% năm 1994 ; còn tỷ trọng nông nghiệp từ 59,3% năm 1991 giảm xuống còn 49% năm 1994. Năng lực sản xuất công nghiệp ở một số ngành chính (như chế biến chè, ươm tơ, dệt lụa, chế biến gỗ, nhựa thông, bột giấy...) phát triển nhanh và đồng bộ, kết hợp được các trình độ : thủ công, cơ khí và tự động hóa. Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 16,33%/năm ; giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 12,11%/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng khích lệ.

Tỷ trọng kinh tế khu vực ngoài quốc doanh cũng có xu hướng tăng cả về quy mô và tốc độ.

Tất cả những điều vừa nêu trên cho thấy, nhờ vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong quá trình đổi mới, Lâm đồng đã đạt được những thành tựu đáng kể về mặt phát triển kinh tế - xã hội.

Tất nhiên, để tiếp tục tiến lên theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Lâm đồng còn phải giải quyết nhiều vấn đề đặt ra. Hiện nay, Lâm đồng vẫn là một tỉnh nghèo, địa thế hiểm trở, đi lại khó khăn. Lao động, vốn, các tài nguyên khoáng sản... vẫn còn lớn, sử dụng hiệu quả chưa cao, còn để lãng phí, hư hao, thất thoát. Kinh tế quốc doanh còn những yếu kém. Quản lý nhà nước đối với các khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa tốt. Việc thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực như du lịch - dịch vụ, xây dựng cơ bản, vận tải... còn khó khăn v.v..

Digitized by Google

Để giải phóng triệt để mọi năng lực sản xuất ở địa phương, vấn đề quan trọng là phải tiếp tục điều chỉnh, đổi mới, hoàn thiện quan hệ sản xuất, bảo đảm thích ứng với cơ chế thị trường. Trước hết, cần tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để các tổ chức, cá nhân dễ dàng đầu tư vốn, công nghệ vào địa bàn để phát triển sản xuất. Cần có các danh mục ưu tiên gọi vốn đầu tư từ bên ngoài. Tranh thủ các nguồn viện trợ ODA để hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Thực hiện khẩn trương và đồng bộ các giải pháp như : giao quyền sử dụng đất ; xác định giá vườn cây ; cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước ; giao đất, giao rừng, thực hiện rừng có chủ ; cải cách thủ tục hành chính, giảm các thủ tục phiền hà để các đối tác có thể nhanh chóng thực hiện dự án ; miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp mới ra đời ; giảm thuế nông nghiệp đối với các vùng đồng bào dân tộc, các vùng sâu, xa, vùng kinh tế mới chưa ổn định; khuyến khích phát triển công nghiệp khai thác và chế biến các sản phẩm địa phương. Làm tốt công tác tiếp thị để sản phẩm của địa phương có nơi tiêu thụ ổn định, rộng rãi trên các thị trường. Khuyến khích các hình thức kinh tế hợp tác trong nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo và hiệu lực quản lý của các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền trong tỉnh.

Tỉnh còn phải đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc trong tỉnh chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị, quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan tâm xây dựng giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ về giai cấp, bảo đảm vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ văn hóa, kỹ thuật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo trong quản lý, sử dụng công nghệ mới, lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đời sống ngày càng được cải thiện./.

Hội thảo khoa học...

(Tiếp theo trang 35)

c) *Phát huy vai trò lãnh đạo của đảng ủy, và vai trò quản lý của ủy ban nhân dân (UBND) xã.*

Các đại biểu dự hội thảo đều nhất trí cho rằng sự nghiệp xây dựng HTX không thể tách rời sự lãnh đạo của đảng ủy và sự quản lý của UBND xã. Trước mắt, nhiệm vụ cụ thể của cấp ủy và chính quyền xã là tập trung sức giải quyết ổn thỏa những vấn đề tồn đọng như vốn, quỹ, tài sản và nợ của các hộ xã viên trong HTX cũ. UBND xã phải đóng vai trò đầu mối trung gian để tổ chức xử lý các vấn đề này. Tránh tình trạng lồng ghép HTX với chính quyền, làm suy yếu chính quyền hoặc rơi vào trạng thái "vừa đá bóng vừa thổi còi". Các cấp ủy đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên và nông dân thực sự thấu suốt các nội dung, giải pháp liên quan đến HTX nông nghiệp theo tinh thần nghị quyết Trung ương 5. Ở nơi nào xét thấy sự tồn tại HTX không còn tác dụng đối với kinh tế hộ, hay nói cách khác hộ gia đình tự vươn lên chủ động giải quyết tốt các khâu dịch vụ, bảo đảm sản xuất phát triển (chưa có nhu cầu hợp tác) thì không nên gò ép, duy trì HTX một cách hình thức.

Hiện nay, ở một số nơi đã hình thành kiểu HTX dịch vụ do một số hộ bỏ vốn thông qua việc ký hợp đồng với các hộ xã viên, được chính quyền cho phép. Cách làm này đã gắn trách nhiệm HTX dịch vụ với hộ xã viên và chính quyền. Vai trò của chính quyền là giúp đỡ, động viên, khuyến khích họ đầu tư phát triển dịch vụ sản xuất - kinh doanh và kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng đã ký giữa HTX và hộ. Ví dụ, khâu thủy lợi có thể giao cho một số hộ có vốn, có kỹ thuật (thành lập tổ hợp tác), chịu trách nhiệm quản lý, kinh doanh thông qua hợp đồng cung cấp nước trực tiếp cho từng hộ. Mỗi hộ có trách nhiệm thanh toán sòng phẳng với tổ HTX. Nếu hai bên có vấn đề gì cần giải quyết thì chính quyền sẽ là người đứng ra phân xử.

LÊ XUÂN ĐÌNH *(thực hiện)*

Digitized by Google

VIỆC CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở QUẢNG BÌNH

CÔNG HƯNG

ĐỐI với Quảng bình, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa là một bài toán không đơn giản. Bởi Quảng bình đất không rộng, dân không đông, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, lại từng bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Sau chiến tranh, hầu như không còn một cơ sở kinh tế kỹ thuật nào. Nhiều năm sau ngày thống nhất đất nước, tỉnh cũng chưa có điều kiện xây dựng được bao nhiêu. Chỉ mới khoảng hơn 5 năm trở lại đây, bộ mặt kinh tế-xã hội của tỉnh mới có những thay đổi đáng mừng. Song, nhìn chung, Quảng bình vẫn là một tỉnh nghèo với một nền kinh tế tăng trưởng chưa nhanh và chưa mạnh. Hầu hết các cơ sở công nghiệp mới xây dựng đều nhỏ bé. Cả tỉnh chỉ có mỗi nhà máy xi măng Áng sơn công suất 3 vạn tấn/năm được coi là lớn. Công nghiệp chế biến số lượng không nhiều, quy mô nhỏ (như nhà máy bia công suất 1 triệu lít/năm ; nhà máy nước khoáng công suất 5-6 triệu lít/năm ; xí nghiệp đông lạnh chế biến cá xuất khẩu công suất chưa đầy 100 tấn/năm; xí nghiệp phân lân vi sinh 2,2 vạn tấn/năm...). Giá trị tiểu, thủ công nghiệp mới chiếm 1/4 GDP. Trong khi đó lương thực đạt 16 vạn tấn/năm, bình quân 220 kg/người, cao nhất từ trước đến nay. Giá trị xuất khẩu của tất cả các ngành đạt 9 triệu USD/năm. Nói tóm lại, Quảng bình đang ở vị trí xuất phát thấp. Tích lũy vốn cho công nghiệp hóa chưa bao nhiêu. Hiện nay, thu vẫn chưa đủ chi. Đầu tư từ trung ương còn rất ít. Đầu tư lớn của nước ngoài chưa có. So với ước muốn, kinh tế Quảng bình quả chưa đạt yêu cầu, nhưng nhìn lại, phải nói, mấy năm qua đã tiến bộ nhiều, nhờ những cố gắng rất lớn của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Bên cạnh những khó khăn, Quảng bình cũng có những tiềm năng và thuận lợi đáng kể. Có nhiều loại khoáng sản với trữ lượng khá (như vàng, chì, kẽm, ti tan v.v.). Có nhiều núi đá có thể phát triển công nghiệp xi măng, đá ốp lát và vật liệu xây dựng. Có bờ biển dài, có cảng sông, rất thuận cho giao thông thủy. Có sân bay có thể đưa vào khai thác được. Có quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua từ đầu tới cuối tỉnh, nối Quảng bình với nhiều tỉnh thành lớn trong cả nước. Đây cũng là một tỉnh có tiềm năng phát triển du lịch đáng kể : thắng cảnh Lý hòa, động Phong nha nổi tiếng... nằm ngay sát quốc lộ 1A. Đặc biệt, với 120 km bờ biển, Quảng bình có tài nguyên rất lớn về hải sản, về cát vàng... Nói tóm lại, Quảng bình giàu tiềm năng, song chưa được khai thác bao nhiêu và tầm vóc hiện tại còn hạn chế.

Nền kinh tế thị trường đang mở cho Quảng bình những cơ hội mới, song cũng đầy thách thức mới. Cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Vận động phải mau lẹ hơn. Giống như các địa phương khác, Quảng bình muốn đi lên cần có vốn. Nhưng cần hơn, có lẽ là sự tính toán bước đi sao cho hợp lý, sao cho có thể chớp lấy thời cơ do nền kinh tế mở cửa mang lại, phát huy được thế mạnh và tiềm năng sẵn có. Qua tìm hiểu thực tế và trao đổi với một số cán bộ lãnh đạo tỉnh, chúng tôi thấy đây thực sự đang là nỗi trăn trở, day dứt của cán bộ và nhân dân Quảng bình. Trong Ban chấp hành đảng bộ tỉnh đã có sự tranh luận sôi nổi về vấn đề này. Điều đáng quý là qua tranh luận đảng bộ và nhân dân Quảng bình đã đi tới xác định cho mình một quyết tâm : vừa tích cực tìm kiếm đầu tư và tranh thủ sự hợp tác từ bên ngoài, vừa nêu cao tinh thần tự lực tự cường, phát huy truyền thống ngoan cường của một địa phương vốn là "tuyến lửa" của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Digitized by Google

Quán triệt nghị quyết của Trung ương Đảng, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của đảng bộ tỉnh đã đề ra phương hướng và bước đi cụ thể trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Quảng bình. Mặc dù với cơ cấu kinh tế mới đó, khi thực hiện thấy có nhiều dấu hiệu đáng mừng, nhưng vẫn còn quá sớm để khẳng định kết quả cuối cùng. Tuy nhiên, bước đầu có thể rút ra mấy vấn đề đáng chú ý sau :

1- *Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa*

So với nhiều tỉnh khác, nhất là những tỉnh gần với các trung tâm đô thị lớn và các vùng trọng điểm kinh tế, Quảng bình chưa đạt mức cao về chuyển nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Đành rằng, việc chuyển hướng như vậy không chỉ phụ thuộc vào ý chủ quan của người Quảng bình, mà còn phụ thuộc vào sự phát triển của mối quan hệ qua lại giữa các thị trường trong nước và ngoài nước, nhất là giữa các đô thị lớn với Quảng bình. Song, để cho những sản phẩm có tiếng của mình như Cam bù, vải... sớm trở thành sản phẩm hàng hóa có quy mô lớn, Quảng bình không thể không hình thành ngay từ bây giờ những vùng chuyên canh có quy mô tương đối lớn và chủ động tìm "đầu ra" cho những sản phẩm đó.

Thấy rõ tiềm năng nông nghiệp của mình, Quảng bình đã xác định : *vừa* tập trung thâm canh cây lương thực (đủ cho nhu cầu lương thực cơ bản của tỉnh), *vừa* phát triển mạnh các vùng chuyên canh cây ăn quả, cây công nghiệp (như cao su, thông nhựa) và một số cây khác như lạc, ớt, tiêu để xuất khẩu ; đồng thời phấn đấu đưa diện tích trồng dâu nuôi tằm từ 650 ha (năm 1995) lên 2500 ha (năm 2000) để có đủ nguyên liệu cung cấp cho một nhà máy tơ tằm sẽ được xây dựng.

Với phần lớn diện tích là núi rừng, Quảng bình rất có điều kiện phát triển mạnh đàn trâu, bò, hươu, dê... Tỉnh đã xác định mục tiêu đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp từ 40% hiện nay lên 50% vào năm 2000. Với 350 nghìn ha rừng tự nhiên, Quảng bình cũng đã xác định gắn khai thác với cải tạo, tu bổ rừng một cách hợp lý, gắn việc trồng rừng với việc quy hoạch vùng cây công nghiệp dài ngày (như thông nhựa, cây lấy gỗ và cây làm bột giấy) và một số cây khác (như mây, tre...) làm nguyên liệu cho các ngành tiểu, thủ công nghiệp xuất khẩu. Cũng như ở nhiều tỉnh ven biển khác, kinh tế biển ở Quảng bình mấy năm gần đây phát triển khá mạnh. Năm 1994 sản lượng đánh bắt hải sản đã đạt 11 nghìn tấn, trị giá 2 triệu USD, một con số đáng kể đối với một tỉnh nghèo. Tuy vậy, khả năng khai thác hải sản ở đây còn nhiều. Cho nên, cùng với chủ trương tận dụng khả năng đánh bắt gần bờ, Quảng bình đang đẩy nhanh việc hình thành những đội tàu đánh bắt xa bờ để vừa có thể phát triển kinh tế của tỉnh, vừa củng cố an ninh, quốc phòng trên biển. Đi đôi với việc đánh bắt, sẽ phát triển nuôi trồng thủy sản. Gần đây trong tỉnh đã xuất hiện hàng trăm bè cá lồng nước ngọt đạt kết quả khả quan.

Để nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa gắn liền với việc thúc đẩy phân công lại lao động ở nông thôn, tỉnh đã đặt mục tiêu phải củng cố, khôi phục cho được các ngành nghề truyền thống như nghề làm mây tre đan, mộc, sành sứ, chiếu cói...

2- *Phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp*

Xuất phát từ điều kiện tự nhiên sẵn có, đặc biệt với nguồn đá vôi vô cùng lớn, Quảng bình xác định ngành công nghiệp xi măng sẽ là mũi nhọn của mình. Do vậy, ngoài nhà máy xi măng Áng sơn hiện có, tỉnh đã khởi công xây dựng tiếp một nhà máy thứ hai có công suất 8,8 vạn tấn/năm, dự định cuối năm 1995, đầu năm 1996 đưa vào sản xuất. Tỉnh đang tích cực hoàn thành thủ tục để cho ra đời nhà máy xi măng Thanh hà công suất 1,3 triệu tấn/năm và tìm đối tác để xây dựng nhà máy xi măng Long đại công suất lớn hơn. Quảng bình đã đưa vào sử dụng một dây chuyền gạch ngói bằng lò nung tuy-nen công suất 20 triệu viên/năm, và sẽ tiếp tục xây dựng một dây chuyền thứ hai. Quảng bình hy vọng biến công

Digitized by Google

nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khai khoáng (các loại vàng, chì, kẽm v.v.) thành một ưu thế của tỉnh. Điều này hoàn toàn có thể làm được, song hình như hiện nay còn bỏ ngỏ.

Trong những năm tới, cùng với việc củng cố, mở rộng các cơ sở công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến có sẵn (như xí nghiệp chế biến gỗ, đông lạnh, phân vi sinh, đất đèn, sứ, mì ăn liền, in, bia, nước khoáng...), tỉnh chủ trương xây dựng thêm một số cơ sở khác như : xí nghiệp đông lạnh chế biến hải sản công suất 300 tấn/năm ; xí nghiệp tằm tơ công suất 1500 tấn ; xí nghiệp chế biến nhựa thông công suất từ 200 đến 400 tấn ; xí nghiệp sản xuất kính từ cát, thạch anh... Song ở đây có hai vấn đề cần tính toán : *thứ nhất*, trình độ công nghệ ; *thứ hai*, khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường. Với sức lực của tỉnh, việc xác định đầu tư quy mô vừa và nhỏ là điều hợp lý. Song kinh nghiệm cũng cho thấy, muốn đi nhanh hơn, cần tập trung phát triển một số cơ sở công nghiệp nhẹ, nhất là công nghiệp chế biến, với quy mô tương đối lớn, trình độ công nghệ tương đối hiện đại, có khả năng chiếm lĩnh thị trường rộng, thu hồi vốn nhanh, tạo ngân sách lớn. Quảng bình còn phải làm rất nhiều để giải quyết vấn đề này. Tóm lại, tuy chưa phát triển mạnh, nhưng nhìn toàn cục kể từ sau chiến tranh, nhất là từ khi tách tỉnh, công nghiệp Quảng bình đã có bước phát triển quan trọng, có thể nói là từ không đến có.

3- *Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng và quan tâm đúng mức những vấn đề xã hội*

So với nhiều tỉnh khác, việc nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở Quảng bình không quá khó khăn. Quảng bình có hệ thống quốc lộ và đường sắt xuyên Việt đi qua tỉnh, có cảng sông Gianh và có nhiều điểm có thể trở thành cảng biển. Như vậy Quảng bình sẽ được lợi khi Nhà nước đầu tư nâng cấp một số công trình giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh. Về phần mình, Quảng bình phấn đấu đến năm 2000 sẽ có đường ô tô về tất cả các xã, sẽ đưa điện về hầu hết các xã, và bảo đảm cả 7 huyện lỵ đều có hệ thống điện thoại tự động. Khi đó, chắc chắn quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự giao lưu hàng hóa cũng như bộ mặt xã hội ở Quảng bình sẽ có những biến đổi quan trọng.

Suy cho cùng, khả năng tiến nhanh và tiến vững chắc của Quảng bình chủ yếu phụ thuộc vào con người Quảng bình. Chính vì lẽ đó, ban lãnh đạo tỉnh rất quan tâm xây dựng, khai thác tài nguyên con người. Quảng bình là một tỉnh có truyền thống hiếu học. Song cũng giống như các tỉnh khác ở miền trung, Quảng bình vốn nghèo khó, đội ngũ cán bộ có trình độ văn hóa cao ở lại tỉnh không nhiều. Do đó, một mặt tỉnh cố gắng duy trì và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ hiện có, mặt khác chú trọng công tác đào tạo, giáo dục thế hệ tương lai. Tỉnh quyết tâm trong 5 năm tới, phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em trong độ tuổi, đưa tỷ lệ học sinh cấp hai lên 65%, cấp ba lên 16%. Tỉnh có nghị quyết về công tác sinh đẻ có kế hoạch, kiên quyết thực hiện các biện pháp để hạ mức tăng dân số xuống còn 1%, bảo đảm tới năm 2000 giữ được số dân ở mức 90 vạn. Tỉnh coi đây là chiến lược quan trọng lâu dài cần được thực hiện theo phương châm "mưa phùn thấm đất".

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước là một quá trình khó khăn, phức tạp. Với một tỉnh như Quảng bình, quá trình đó chắc khó khăn hơn. Quảng bình có những vấn đề vượt ra ngoài tầm quyết định của mình, chẳng hạn các vấn đề liên quan đến chính sách thuế, đầu tư, lãi suất ngân hàng v.v.. Song cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, xu hướng cạnh tranh ngày càng tăng, sự xâm nhập của các công ty nước ngoài vào nền kinh tế trong nước và trong tỉnh ngày một nhiều, mỗi địa phương không thể chậm trễ. Những gì hôm nay có thể gọi là ưu thế của một tỉnh thì ngày mai có thể sẽ mất đi nếu không được chú ý đầu tư thích đáng. Quảng bình có thời cơ, nhưng cũng có thách thức. Tin rằng với truyền thống kiên cường của "tuyến lửa" trước đây, và nhất là kinh nghiệm quý báu của những năm đổi mới, Quảng bình sẽ vững bước trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa mà Đảng ta đã đề ra.

Digitized by Google

Nhà máy thuốc lá Thăng Long đi vào kinh tế thị trường

PHAN VĂN *

NHÀ máy thuốc lá Thăng long thuộc Tổng công ty thuốc lá Việt nam (Bộ công nghiệp nhẹ) có quyết định thành lập và khởi công xây dựng từ năm 1957 bằng nguồn vốn viện trợ của Trung quốc.

Khi bắt đầu chuyển sang cơ chế mới, chúng tôi rất lúng túng, bị động vì phải đối phó với nhiều khó khăn, thử thách. Song, hơn 1200 cán bộ, công nhân viên của nhà máy đã tập trung mọi nỗ lực, quyết tâm tạo ra cho được bước chuyển biến mới trong sản xuất, kinh doanh. Những chủ trương, biện pháp đúng đắn về tạo vốn và nguồn nguyên liệu, về sắp xếp tổ chức và cải tiến quản lý, về đầu tư khoa học kỹ thuật, nâng cấp thiết bị, về đa dạng hóa mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, về tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành, mở rộng thị trường và mở rộng liên doanh, liên kết..., đã giúp cho nhà máy từng bước vượt qua được những khó khăn, thử thách, thực hiện sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong cơ chế quản lý mới, có lãi nộp cho nhà nước và bảo đảm được đời sống của người lao động. Các chỉ tiêu cơ bản của nhà máy mấy năm gần đây liên tục tăng :

+ Về *tổng doanh thu* : năm 1992 tăng 25% so với năm 1991 ; năm 1993 tăng 40% so với năm 1992 ; năm 1994 tăng 40% so với năm 1993.

+ Về *nộp ngân sách nhà nước* : năm 1991- 52 tỉ 739 triệu đồng ; năm 1992 - 92 tỉ 041 triệu ; năm 1993 - 132 tỉ 200 triệu ; năm 1994- 164 tỉ 300 triệu.

+ Về *lãi* : năm 1991 - 3,9 tỉ ; năm 1992- 5,2 tỉ ; năm 1993 - 20,6 tỉ ; năm 1994 - 30 tỉ.

+ Về *thu nhập bình quân tính theo đầu người* : năm 1991 - 290 nghìn đồng/tháng ; năm 1992 - 496 nghìn đồng/tháng ; năm 1993- 650 nghìn đồng/tháng ; năm 1994 - 800 nghìn đồng/tháng.

Hiện nay, sản phẩm của nhà máy, nhất là các sản phẩm cao cấp (thuốc lá đầu lọc) đã có mặt ở các thị trường trong nước và luôn giữ được chữ "tín" đối với khách hàng.

Sở dĩ có được sự phát triển như vậy, trước hết là do nhà máy sớm ý thức được sự cần thiết phải chuyển hướng, nắm bắt thị trường, đầu tư chiều sâu, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Ngược dòng thời gian, nhìn lại quá trình xây dựng, sản xuất của nhà máy, càng thấy rõ điều đó.

Tháng 1-1960, nhà máy được khánh thành và đi vào sản xuất. Lúc đầu, trình độ kỹ thuật, dây chuyền sản xuất còn rất thấp, mới chỉ có 1/2 được cơ giới hóa ; còn lại là làm thủ công. Công suất ban đầu là 40 triệu bao/năm, tất cả đều là sản phẩm cấp thấp, không có thuốc lá đầu lọc. Với cơ chế bao cấp, toàn bộ vốn, nguyên liệu, các chỉ tiêu sản lượng đều do bộ chủ quản giao. Nguyên liệu thuốc lá dù xấu, chất lượng kém, nhà máy vẫn phải mua về. Sản phẩm làm ra, nhà máy không được quyền trực tiếp bán cho người tiêu dùng mà do hệ thống thương nghiệp quốc doanh quản lý, điều phối.

Năm 1987 và 1988 là hai năm nhà máy gặp khó khăn nhất vì không còn được bao cấp. Nguồn ngoại tệ (USD) do nhà nước tài trợ không còn. Thương nghiệp quốc doanh đổ vỡ. Bọn phe thuốc lá hoành hành ; thuốc lá giả, thuốc lá ngoại nhập lậu bằng nhiều con đường tràn ngập khắp thị trường... Trong tình hình như vậy, làm thế nào để tồn tại và phát triển? Đó thực sự là một thách thức lớn đối với nhà máy khi từ cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường.

Tháng 6-1987, một cơ hội, đồng thời cũng là một thử thách lớn, đến với nhà máy : nhà máy được Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đồng ý cho bán sản phẩm tới tận tay người tiêu dùng. Như vậy,

* Phó tổng giám đốc Tổng công ty thuốc lá Việt nam, Giám đốc Nhà máy thuốc lá Thăng long

Digitized by Google

giờ đây, nhà máy vừa phải lo khâu sản xuất, vừa phải lo khâu lưu thông, phân phối.

Dựa vào ý kiến đóng góp của đông đảo cán bộ, nhân viên, lãnh đạo nhà máy đã xác định : lúc này, nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của nhà máy là chủ động tìm thị trường. Qua thực tế, chúng tôi đã tìm được một phương thức tốt để tiêu thụ hàng : giao hàng trước, nhận tiền sau theo kiểu "xoay vòng cuốn chiếu". Cụ thể là đợt đầu, chúng tôi giao hàng cho các đại lý với giá cả thỏa thuận theo hợp đồng, đợt sau, khi giao hàng tiếp, mới thu tiền lô hàng đợt đầu. Và cứ như thế... Thực tế đã cho thấy, quyết định đó là đúng đắn. Và *lối thoát* của nhà máy cũng chính từ quyết định kịp thời mạnh bạo này. Đến nay, phương thức bán hàng như trên đã trở thành nếp. Quan hệ giữa nhà máy với các đại lý chân rết xuống tận cơ sở ngày càng gắn bó và có hiệu quả. Để giữ chữ "tín", chúng tôi luôn bảo đảm *hai* yếu tố cơ bản : *chất lượng* và *giá cả*.

Chuyển sang cơ chế thị trường, nhà máy chúng tôi thường xuyên phải xử lý *hai* vấn đề có quan hệ mật thiết : *phát triển sản xuất* và *mở rộng thị trường*. Không thể phát triển sản xuất rồi mới tìm thị trường. Cần lấy thị trường làm cơ sở cho sản xuất, và lấy phát triển sản xuất để củng cố và mở rộng thị trường. Vì vậy, sau khi tìm được thị trường, chúng tôi đã xác định phải mở rộng ngay quy mô sản xuất, thực hiện chuyển giao công nghệ, đầu tư chiều sâu, xây dựng và bố trí chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với thế và lực của mình. Để làm điều đó, chúng tôi tập trung sức giải quyết hai khâu cơ bản là *nguyên liệu* và *công nghệ* sản xuất.

Về *nguyên liệu*. Sự sống còn của nhà máy phụ thuộc vào việc cung cấp và chất lượng *lá thuốc*. Do vậy, một mặt chúng tôi tiếp tục giúp các đơn vị trồng thuốc lá về tổ chức sản xuất, quy hoạch vùng, về lò sấy, sơ chế, về phân bón, về thu mua... nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm. Mặt khác, chúng tôi cung cấp vốn và kỹ thuật để nông dân trồng các giống thuốc lá mới đang thịnh hành trên thế giới như C176 của Bra-xin, K326 của Mỹ. Mục tiêu phấn đấu là bảo đảm cho nhà máy đủ nguyên liệu để sản xuất khoảng 200 triệu bao/năm, nâng sản phẩm thuốc lá đầu lọc cao cấp từ 70% năm 1993 lên 83% năm 1994.

Về *công nghệ sản xuất*. Năm 1990, nhà máy đã bỏ ra 500 000 USD (hơn 5 tỉ đồng Việt nam) nhập dây chuyền công nghệ của Xin-ga-po để sản xuất thuốc lá Vinataba. Do vậy, đã tăng sản lượng thuốc lá đầu lọc từ 0,04% năm 1989 lên 16,13% năm 1990. Năm 1992, nhà máy lại bỏ ra 4 triệu USD (khoảng 44 tỉ đồng Việt nam) nhập của Trung quốc dây chuyền tự động liên hoàn chế biến sợi thuốc lá. Với dây chuyền hiện đại này, nhà máy vừa nâng cao được sản lượng và chất lượng sợi thuốc lá, tiết kiệm được nguyên liệu, vừa bảo đảm được an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp. Hiện nay, nhà máy đang chuyển sang thực hiện tự động hóa sản xuất 100%, từ khâu chế biến nguyên liệu, sợi, đến khâu cuốn điếu, kiểm tra chất lượng điếu thuốc, đóng bao, đóng kiện, thùng. Năng lực sản xuất hiện nay của nhà máy đạt 250 triệu bao/năm. Nhà máy đang tập trung đầu tư chiều sâu để nâng cao hơn nữa sản lượng và chất lượng thuốc lá, phấn đấu đạt 90% là sản phẩm thuốc lá cao cấp, có đầu lọc.

Nhờ đổi mới sản xuất và kinh doanh, nhà máy hiện nay đã có được những tiền đề cần thiết để "cất cánh" : người lao động yên tâm sản xuất ; các mối quan hệ trong nhà máy được cải thiện ; sản phẩm của nhà máy có uy tín ; khả năng liên doanh, liên kết và sức cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn.

Ngày 14-10-1994, khi làm việc với lãnh đạo Bộ công nghiệp nhẹ về phương hướng hoạt động và tổ chức của ngành dệt, ngành thuốc lá Việt nam, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhấn mạnh : "Thuốc lá không phải là một nhu cầu thiết yếu, nhưng do tính chất của nó, phải đặt ngành thuốc lá vào vị trí một ngành độc quyền nhà nước. Phương hướng phát triển ngành thuốc lá là phải đẩy mạnh khâu trồng cây thuốc lá để đáp ứng nhu cầu lá thuốc lá dùng cho sản xuất thuốc lá điếu ở trong nước và xuất khẩu ngày một nhiều các loại lá thuốc lá chất lượng cao ; chiếm lĩnh được thị trường thuốc lá điếu ở trong nước, nhanh chóng thay thế được thuốc lá nhập khẩu. Phải gắn chặt khâu trồng trọt với khâu chế biến. Cần mạnh dạn tiếp thụ và ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại vào các khâu trồng trọt và chế biến thuốc lá". Đó cũng chính là định hướng của nhà máy chúng tôi trong thời gian tới.

Tình hình hiện nay đang đặt ra cho nhà máy một số vấn đề mới cần giải quyết :

1- *Về nguyên liệu*. Tiếp tục đầu tư vốn và kỹ thuật trồng giống thuốc lá mới. Ký hợp

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

LẠC ĐIỆU

TÂN MINH SINH

"- Phê bình văn học trước đây là người "gác cổng", là cái "roi ngựa". Trong cuộc "nhận đường" hiện nay, phê bình đã khác chưa, thưa anh ?

"- Tôi nghĩ là đã có khác, tuy chưa nhiều, chưa mạnh lắm. Trước đây phê bình vừa mâu thuẫn với sáng tác, lại vừa trói buộc cả sáng tác lẫn chính mình..."(1)

Trên đây là câu của Hải Hà hỏi Nguyễn Đăng Mạnh, giáo sư Khoa ngữ văn Đại học sư phạm Hà nội, và trích trả lời của giáo sư đăng ở số 4 (1995) *Tạp chí Văn học*, cơ quan nghiên cứu lý luận phê bình văn học, Viện văn học.

Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn là hình thức khá thông dụng mà các báo và tạp chí thường dùng ; mỗi cá nhân có thể có những nhận xét, đánh giá các sự vật, hiện tượng theo cảm nhận riêng của mình, đó là việc bình thường. Điều quan trọng là cách phỏng vấn và trả lời phỏng vấn thế nào, vơi dụng ý gì, và những nhận xét, đánh giá của mỗi cá nhân có đúng đắn, khoa học hay không. Tôi thật sự khó hiểu giữa những ngày cả nước tưng bừng kỷ niệm các sự kiện lịch sử trọng đại, ôn lại những truyền thống hào hùng của dân tộc, *Tạp chí Văn học* lại có thể cho đăng một câu hỏi ở vị trí trang trọng đánh giá phê bình văn học trước đây một cách tùy tiện đến như vậy. Khó hiểu hơn, người trả lời là một giáo sư lại có thể chấp nhận ngay một nhận định như thế và rao giảng nhận định đó.

Ai cũng biết, hai từ "gác cổng" hay "gác gôn" là cách nói nôm na, thân mật của đồng chí Tố Hữu, nguyên Trưởng Ban tuyên huấn của Đảng cách đây mấy chục năm, để nhắc nhở cán bộ tuyên huấn các cấp trong việc bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Còn ví phê bình như "cái roi" là cách nói hình tượng của đồng chí Trường Chinh trong một câu tóm tắt nhận định về sáng tác và phê bình trong báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* (1948). Nguyên văn câu đó như sau : "Không có phê bình, không có luận chiến, phong trào văn nghệ nước ta êm đềm, trầm mặc quá ! Nó khác nào con ngựa đi bước một, rũ cổ xuống đất, thiếu một cái roi phê bình quất cho nó lồng lên". Thời đó hầu như anh chị em văn nghệ sĩ nào cũng khen là cách nói thú vị, sắc sảo, thể hiện được yêu cầu cấp thiết cần phê bình, cần luận chiến. Ngày đầu kháng chiến, ai cũng muốn có một con ngựa và tự hào coi mình cũng là "chiến mã" ! Đến mãi sau này, một số người muốn phủ định những thành tựu của văn học cách mạng và kháng chiến, mới bình luận hình ảnh đó theo cách khác hẳn. Họ nói : "Lê-nin coi văn nghệ là cái đinh vít, ông Trường Chinh lại ví văn nghệ là con ngựa và phê bình là cái roi, thật quá lắm !" Có người kể lại câu chuyện này với đồng chí Trường Chinh. Đồng chí cười xòa : "Hồi mình còn trẻ, hăng hái, thích dùng hình tượng mạnh. Bây giờ nếu cần nói một vấn đề tương tự, ắt phải nói khác. Mà cố chấp làm gì, so sánh nào chẳng khập khiễng, đến Lê-nin cũng vậy".

Những câu chuyện trên đã được trao đổi trong các cuộc họp hoặc trên báo. Tôi tưởng như vậy là quá đủ để chấm dứt những sự hiểu lầm không đáng có trong giới văn học, nghệ thuật nước ta quan hệ đến sự lãnh đạo của Đảng. Vậy mà đến hôm nay, vào dịp những ngày kỷ niệm lớn của dân tộc, trên *Tạp chí Văn học*, hai ông Hải Hà và Nguyễn Đăng Mạnh lại khái quát đến mức coi phê bình của văn học nước ta trước đây là "gác cổng", là cái "roi ngựa" với nghĩa đen trơn trụi của những từ đó.

Cũng cần nói thêm là, nhận định ấy kết thúc bài phỏng vấn sau một nhận định khác mà ông Nguyễn Đăng Mạnh thường rao giảng : nhận định về văn học kháng chiến. Ông nói : "Chiến tranh là hoàn cảnh bất bình thường của đất nước. Nhưng chúng ta do sống quá lâu trong chiến tranh nên quen đi. Cái bất bình thường thành cái bình thường. Văn học phục vụ chính trị, đúng như thế. Nhưng phục vụ chính trị đâu phải là chức năng duy nhất của nó, đâu phải là toàn bộ ý nghĩa của nó.

"Quan niệm nói trên kéo dài theo quán tính cho mãi đến đầu những năm 80 mới dần dần có chuyển biến...".

Thật vậy ư ? Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh hãy chịu khó, bình tĩnh đọc các thư của Trung ương Đảng gửi các Đại hội văn nghệ và những văn kiện khác của Đảng, các bài phát biểu của các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Tố Hữu, những biên bản, những tổng kết các cuộc thảo luận, tranh luận về vai trò của văn nghệ những năm trước đây. Từ quan hệ giữa "nghệ thuật và dân sinh" những năm 1936-1939 đến quan hệ giữa "tuyên truyền và nghệ thuật" (1948-1949), quan hệ giữa "kịp thời và lâu dài", từ "viết người thật việc thật và hư cấu nghệ thuật" đến quan hệ "tư tưởng - nghệ thuật", đã có bao lời giải đáp. Tuy không phải không có lúc, có nơi giải quyết không đúng những quan hệ đó mà tự bó mình hoặc buông lỏng mất định hướng gây thiệt hại cho sáng tạo văn học, nghệ thuật, nhưng những giải đáp về mặt lý luận và thực tiễn của Đảng ta và những người chịu trách nhiệm chỉ đạo văn học, nghệ thuật về cơ bản là thỏa đáng, quan tâm đến đặc trưng của văn học, nghệ thuật. Một phần quan trọng nhờ giải quyết đúng đắn những vấn đề từ thực tiễn văn học nước ta, những quan hệ phức tạp và tế nhị đó mà chúng ta có được một trong những giai đoạn văn học phát triển rực rỡ nhất của nền văn học dân tộc. Cũng chính từ đó mà chúng ta có được một cái nền đáng tự hào cho sự đổi mới văn học hôm nay.

(1) Xem : *Tạp chí Văn học, số 4-1995*

Digitized by Google

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

Đọc "TẠP CHÍ CỘNG SẢN - Những chặng đường phát triển"

PHƯƠNG HẠNH và VŨ LÂN *

Với 186 trang gồm 7 chương, **Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển** - do Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* biên soạn, *Nhà xuất bản chính trị quốc gia* phát hành đầu năm 1995- có thể được coi như một đề cương chi tiết về pho sử 65 năm ra đời và trưởng thành của cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam ; hay hơn thế, về lịch sử truyền bá lý luận mác xít - lê nin nít và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh từ ngày có Đảng đến nay. Nói như vậy, vì chỉ sau 5 ngày làm việc khẩn trương (từ 3 đến 7-2-1930) trong hoàn cảnh bí mật và vô cùng khó khăn, cùng với việc thông qua các văn kiện quan trọng, Hội nghị thành lập Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, đã quyết định : "Ban Trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền ở ba xứ". Tạp chí *lý luận* đó chính là tạp chí *Đỏ* (số 1 ra ngày 5-8-1930), tiền thân của *Tạp chí Cộng sản* hiện nay, mà trách nhiệm đầu tiên trong 4 trách nhiệm của các cơ quan đối với tạp chí là "đem làm tài liệu huấn luyện và nghiên cứu cho đảng viên" (*Lời nói đầu* trong số 1 của tạp chí *Đỏ*).

"Hiện tượng" này khẳng định : dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, khi "bĩ cực" cũng như "thái lai", lúc còn hoạt động bí mật cũng như khi đã giành được độc lập, thống nhất cho nước nhà, với tư cách vun trồng và lãnh đạo đất nước, *Đảng ta luôn coi trọng công tác lý luận*. Đáng mừng là, tuy tên gọi ở những năm nhất định và ở từng nơi cụ thể có khác nhau(+), tạp chí lý luận của Đảng luôn coi trọng việc gắn lý luận với thực tiễn đất nước, luôn dành một tỷ lệ xứng đáng cho những bài viết giúp người đọc hiểu sâu hơn, hiểu đúng hơn "linh hồn" của những chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Do tính chất và mục đích của nó, *Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển* không đi sâu vào những cái "được" và "chưa được" của Tạp chí ở những thời kỳ khác nhau. Nó càng không thể tiến hành việc duyệt lại những ưu, khuyết điểm của các bài viết. Nhưng chúng tôi mong ước : rồi đây, đến năm Tạp chí tròn 70, 80 hay 90 xuân chẳng hạn, chúng tôi sẽ có được pho sử về cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng ta.

Về những cái "chưa được" của Tạp chí, chúng tôi xin gợi ý : phải chăng, ở thời kỳ nào đó, ở số nào đó, tạp chí còn có những bài "khô" hoặc "mang tính hàn lâm" thiếu hấp dẫn đối với người đọc ? Và cả về *văn phong* của tạp chí nữa, phải chăng có thời kỳ bài viết nhất nhất phải tuân theo một "khuôn" đã định sẵn, khiến người đọc chưa "mê", người viết chưa "say sưa" vì thấy bài đăng có khi không giống lắm tác phẩm mình đẻ ra?

Song nói gì thì nói, hiển nhiên Tạp chí vẫn luôn là "sách gối đầu giường" của cán bộ và các nhà nghiên cứu, của không ít đảng viên và người dân bình thường cầu tiến bộ. Và cũng cần nói rõ thêm : những "điểm yếu" nêu trên, nếu quả thật đã có, thì trong những năm gần đây đã giảm đi nhiều.

Quả là bổ ích khi được đọc trong tập sách những trang, những đoạn ghi lại nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở các thời kỳ khác nhau ; ghi lại sự trưởng thành của nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng ; ghi lại đầu đề rất nhiều bài viết của các đồng chí lãnh đạo cao cấp ở các thời kỳ. Qua những trang sách trên, nếu để công nghiên cứu, tìm hiểu, người đọc có thể thấy rõ những nét cơ bản trong đường lối của Đảng từ tạp chí *Đỏ* đến *Tạp chí Cộng sản* hiện nay. Thấm thoát đã 65 năm qua và có thể kết luận : Đảng ta ngay từ những ngày còn trứng nước đã coi trọng lý luận,

* Thành phố Cần thơ

(+) Tạp chí *Đỏ* (1930), tạp chí *Cộng sản* (1931), *Tạp chí Bôn-sê-vic* (1934), *Tạp chí Cộng sản* (1943), tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* (1947), *Tạp chí Cộng sản* (1950), tạp chí *Học tập* (1955-1976), *Tạp chí Cộng sản* (1977 tới nay). Ngoài ra, *ở miền Nam*, vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, có tạp chí *Nghiên cứu* (1951-1953) do Trung ương cục miền Nam của Đảng xuất bản ; và vào những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bên cạnh tạp chí *Học tập* (tạp chí chung của toàn Đảng) có tạp chí *Tiền phong* (1962-1975) do Trung ương cục miền Nam của Đảng xuất bản.

Digitized by Google

nhờ vậy đã sớm trưởng thành trong công tác lý luận.

Đọc trang 48 của tập sách, chỉ qua đoạn so sánh giữa tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* ra đời năm 1947 với *Tạp chí Cộng sản* xuất bản năm 1950 (tuy chỉ ra được 2 số), người đọc đã có thể thấy: tuy cũng làm nhiệm vụ hướng dẫn công tác, hướng dẫn chính sách như *Sinh hoạt nội bộ*, nhưng *Tạp chí Cộng sản* đi vào lý luận nhiều hơn. Nếu *Sinh hoạt nội bộ* coi việc hướng dẫn công tác là chính, thì *Tạp chí Cộng sản* vừa coi trọng việc hướng dẫn công tác vừa coi trọng bồi dưỡng lý luận, qua hướng dẫn công tác mà bồi dưỡng lý luận. Các vấn đề đề cập trên *Tạp chí Cộng sản* xuất bản hồi đó đã thể hiện rõ nét việc vận dụng lý luận Mác-Lê-nin vào giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng Việt nam.

Có thể coi tập sách như một *bản tổng kết về những gì cố gắng vươn lên của tập thể các anh, các chị trong Bộ biên tập và các cộng tác viên*, những người "vắt óc nghĩ suy", lao động trí tuệ và lao động cơ bắp, để chúng ta có được *Tạp chí Cộng sản* như giờ đây. Có cần nói gì thêm với cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam ngày hôm nay thì đó là : "nên tăng thêm tính sinh động và sự hấp dẫn".

Nói về *Tạp chí Cộng sản* như trên, chúng tôi nghĩ cũng là nói về bước trưởng thành của Đảng ta trong công tác lý luận và chính trị nói chung.

Người đọc thực sự vui mừng thấy tập thể người biên soạn trân trọng đề cập tới tạp chí *Nghiên cứu*, cơ quan lý luận của Trung ương cục miền Nam - Đảng lao động Việt nam ; tới tạp chí *Tiền phong* (bí số D205), nội san của Đảng nhân dân cách mạng Việt nam (tên gọi công khai của đảng bộ miền Nam Đảng lao động Việt nam - tức Đảng cộng sản Việt nam hiện nay) ; và tới *Tạp chí Bôn-sơ-vích*, cơ quan lý thuyết của Đảng cộng sản Đông dương do Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng (hồi đó gọi là Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng) xuất bản sau Hội nghị của Ban hồi tháng 6-1934.

Người đọc còn thấy rõ, dù phải xuất bản Tạp chí ở trong nước hay ngoài nước, trong hoàn cảnh đã "tạnh" bom, "tạnh" đạn hay còn "ăn hầm, nằm hố", "đầu đội trời, chân đạp đất", ém nơi bưng biền hay bôn ba nơi "đất khách, quê người", những người làm báo và tạp chí lý luận của Đảng vẫn "đỏ" trái tim cộng sản, vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các anh, các chị đã nêu gương rất đẹp về đạo đức, phẩm chất nhà báo cách mạng Việt nam. Mới chỉ đọc lại đầu đề nhiều bài của các anh, các chị được "*Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển*" ghi lại trong những trang sách vừa xuất bản, người đọc - nhất là những người cầm bút ở thời kỳ đổi mới, mở cửa, kinh tế thị trường. .. hôm nay - đã thấy như được "hâm lại" niềm tin và quyết tâm chiến đấu cho thắng lợi của lý tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dày công vun đắp.

Lời tựa của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười viết cho tập sách có đoạn : "*Tình hình và nhiệm vụ hiện nay đặt ra cho công tác lý luận những yêu cầu hết sức quan trọng. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, Tạp chí Cộng sản phải phấn đấu làm tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của mình theo những phương hướng chủ yếu của công tác lý luận trong giai đoạn mới mà Bộ chính trị đã đề ra*". Chúng tôi nghĩ, đó là "mệnh lệnh" của nhân dân, của dân tộc, của Đảng không chỉ riêng đối với Bộ biên tập Tạp chí ; mà còn đối với tất cả các cấp bộ đảng, đoàn thể, chính quyền, đối với hết thảy những người Việt nam đang làm công tác lý luận ở trong và ngoài nước.

Trong tác phẩm "*Sửa đổi lối làm việc*" viết tháng 10 năm 1947, với bút danh X.Y.Z., Bác Hồ đã dạy : "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi... Vì kém lý luận cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện, hoàn cảnh khách quan. Ý mình như thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại...".

Tất nhiên, *lý luận* của ta phải "bén rễ" từ *thực tiễn* đất nước ; lại phải có sự vận dụng sáng tạo những lý luận và kinh nghiệm tiên tiến của thế giới sao cho phù hợp, thích hợp với Việt nam mình.

Đọc xong *Tạp chí Cộng sản - những chặng đường phát triển*, chúng tôi càng thấy, như lời căn dặn của V.I. Lê-nin phải : "Học, học nữa, học mãi".

Chỉ có điều còn "thắc mắc" là tại sao tập sách bổ ích như vậy, đã được giới thiệu trên *Đài truyền hình trung ương* và báo *Nhân dân* vào dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng lại in ít quá vậy ? (và không phát hành rộng rãi). Tôi có được một cuốn, anh chị em quen biết mượn đọc, "không nỡ lắc đầu". Mà cho mượn thì vì hay, vì thích, bạn bè chuyền tay nhau, cho nên khi tập sách trở về tay chúng tôi thì đã nhầu nát rồi ! Chẳng lẽ "bắt đền" *Tạp chí Cộng sản* và *Nhà xuất bản chính trị quốc gia* chăng ?.

Digitized by Google

TÌM HIỂU VỀ TRẬT TỰ MỚI CỦA THẾ GIỚI

VŨ HIỀN

MỘT trong những vấn đề nổi bật, thu hút sự quan tâm của thế giới hiện nay là vấn đề trật tự thế giới mới. Sự tan rã của Liên xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu mấy năm trước đây đã phá vỡ trật tự hai cực, kéo theo sự đảo lộn lớn trên mọi phương diện của thế giới. Trong quá trình tìm kiếm và sắp xếp lại trật tự, thế giới đã và đang trải qua những biến động rất phức tạp. Có nhiều câu hỏi lớn đang đặt ra : Thế giới này sẽ đi về đâu ? Trật tự thế giới sẽ hình thành theo hướng nào ? Và trong trật tự mới đó, liệu ý chí và nguyện vọng của các dân tộc có được tôn trọng hay không ?

"TRẬT TỰ" VÀ "MẤT TRẬT TỰ"

Trật tự thế giới được người ta quan niệm như tiêu chí cơ bản định đoạt quan hệ quốc tế, là sự sắp đặt đảm bảo cho đời sống thế giới có thể bình ổn, có tổ chức. Đó là sự chấp nhận hoặc buộc phải chấp nhận thực trạng đã có và sẽ có của thế giới. Trật tự này được xác lập bằng các hiệp định, quy ước, luật lệ chung nhất cho các hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao trên trường quốc tế. Sự xác lập đó có thể thông qua con đường bạo lực hoặc không bạo lực, sử dụng sức mạnh quân sự hoặc thỏa hiệp về kinh tế, chính trị. Vì vậy, trật tự thế giới thường phản ánh tương quan lực lượng giữa các quốc gia và hệ thống nhà nước ; giữa các giai cấp cơ bản và các lực lượng chính trị, kinh tế chủ yếu ; giữa các tổ chức, các phong trào chính yếu có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng quốc tế.

Hành trình của nhân loại qua các giai đoạn khác nhau của lịch sử đã có những trật tự khác nhau. Nhưng trật tự chỉ mang đúng ý nghĩa toàn thế giới khi các nước đã có sự hiểu biết và có quan hệ với nhau. Con người xa xưa sống mông muội chỉ có những "trật tự" của cộng đồng người ở từng địa giới nhất định. Xã hội phong kiến có "trật tự" của sự cát cứ từng vùng, từng lãnh địa hoặc sau này là từng quốc gia. Chủ nghĩa tư bản củng cố các quốc gia - dân tộc, phát triển mạnh mẽ, có nhu cầu vươn xa, mở rộng thị trường và ảnh hưởng của nó. Khi tư bản châu Âu khai thông sang châu Mỹ, xâm nhập châu Á, châu Phi, thì cũng là lúc trật tự thế giới thực sự hình thành với sự thống trị của chủ nghĩa tư bản. Đã có một thời "mặt trời không bao giờ lặn trên đất nước Anh" ; có thời phần châu Phi của Pháp rộng mênh mông được chia ra 17 đơn vị hành chính và nay là 17 nước ; còn phần châu Phi của Bỉ là nước Da-ia ngày nay, với diện tích bằng tất cả các nước Tây Âu cộng lại. Cũng vào thời điểm đó, cả châu Á, Mỹ la tinh đều không thoát khỏi vành đai thuộc địa của các thế lực thực dân phương Tây. Vậy là, thời kỳ lịch sử từ khoảng cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX, trật tự thế giới do chủ nghĩa đế quốc, thực dân áp đặt. Phải đến gần giữa thế kỷ XX, sau Cách mạng Tháng Mười Nga, với việc Liên xô ra đời, không ngừng lớn mạnh, chiến thắng phát xít, giải phóng một phần châu Âu, thì thế giới mới được xếp đặt lại theo trật tự hai cực.

Quan niệm về trật tự thế giới như đã nói ở trên cũng chỉ mang tính tương đối. Nó là tương đối và có nghĩa rộng, nghĩa hẹp. Nói theo nghĩa rộng là "trật tự" thế giới xét từ xa xưa như trên vừa bàn, nhưng thực ra thuật ngữ này mới chỉ được sử dụng nhiều vào những năm gần đây. Trật tự thế giới còn được sử dụng theo nghĩa hẹp như : trật tự *kinh tế, quân sự, chính trị, văn hóa, truyền thông...* của thế giới. Trật tự thế giới là cái vừa định hình vừa khó định hình, vừa cụ thể vừa trừu tượng, vừa tương đối ổn định vừa không ổn định. Sự ổn

Digitized by Google

định trật tự chỉ là tương đối vì lịch sử đã bao lần thay đổi trật tự, nghĩa là thế giới không chỉ có trật tự mà có cả "mất trật tự".

"Mất trật tự" của thế giới ở mức nhỏ, cường độ thấp là những đụng độ khu vực hoặc trong một nước, một vùng. Điều đó đã và đang diễn ra thường xuyên, tới mức, nếu có sự thống kê lại thì thấy rằng thế giới chưa thật bình ổn vì chưa bao giờ im tiếng súng. Những biểu hiện của dạng "mất trật tự" này muôn hình muôn vẻ. Có thể đó là xung đột bộ tộc, sắc tộc, tôn giáo ; là xung đột về lãnh thổ, lợi ích kinh tế giữa các quốc gia... "Mất trật tự" cường độ cao, phạm vi rộng lớn là những xáo trộn có tác động tới việc phải điều chỉnh hoặc thay đổi trật tự thế giới. Hai cuộc chiến tranh thế giới là ví dụ điển hình của loại "mất trật tự" này.

Nhưng đã là những hiện tượng "mất trật tự", thì dù cường độ thấp hay cao, phạm vi hẹp hay rộng, cũng thường biến thiên theo hai hướng : tích cực và tiêu cực. Tính tích cực của các hiện tượng này là ở chỗ chúng ảnh hưởng có lợi cho hòa bình, hạnh phúc chung của nhân loại, góp phần cho thế giới công bằng, ổn định hơn. Những cuộc cách mạng tư sản diễn ra ở Anh năm 1688, ở Pháp vào các năm 1830, 1848, 1871 và đặc biệt là cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 thực sự là những hiện tượng "mất trật tự" có ý nghĩa tích cực, to lớn cho sự phát triển của xã hội loài người. Còn chiều hướng tiêu cực của những hiện tượng "mất trật tự" là ở chỗ chúng gây không khí căng thẳng, dung dưỡng những hành động bạo ngược, vô trách nhiệm của các thế lực hiếu chiến, cực đoan, của những cái đầu nóng bỏng ham muốn dùng bạo lực trên thế giới. Việc người ta cho ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật bản trong chiến tranh thế giới thứ hai rõ ràng là không cần thiết, vì không có cuộc thảm sát tột đỉnh ấy, chiến tranh sau đó cũng sẽ được giải quyết. Hành động đó chỉ gây hậu quả tàn khốc đối với nhân dân Nhật bản và làm day dứt mãi lương tri nhân loại mà thôi.

CÓ LỬA VÀ CÓ KHÓI

Sự vận động và phát triển không ngừng của thế giới là vòng luân chuyển giữa *trật tự-mất trật tự-trật tự mới*. Khi trật tự cũ bị đổ vỡ, không phải bao giờ cũng cuốn theo tất cả những gì đã có trong nó vì các yếu tố của trật tự cũ có khi còn tồn tại dai dẳng. Nhìn nhận về việc đổ vỡ trật tự hai cực vừa qua, ngoài những hậu quả của nó, dễ thấy, còn có nhiều vấn đề khó thấy hơn mà người ta còn tiếp tục tranh luận. Nhiều người cho rằng thế hai cực sụp đổ thì chiến tranh lạnh cũng hết. Điều này không sai. Về lô gích hình thức là vậy, nhưng cũng nên có cách nhìn thận trọng hơn. Chiến tranh lạnh vừa qua thực chất là cuộc đối đầu Xô - Mỹ, là cuộc chạy đua vũ trang đến kiệt sức của cả hai phía và không khí căng thẳng bao trùm. Đối tượng đáng sợ nhất của Mỹ là Liên xô không còn, nhưng không phải vì thế mà đã hết những lời đe dọa của các thế lực cường quyền đối với nơi này, nơi khác ; đâu đã hết những xung đột cục bộ ; đâu đã ngừng việc chạy đua mua sắm vũ khí. Bọn lái súng xưa nay vẫn thích cho súng không ngừng nổ. Chưa hết, việc nghiêm trọng nhất của quan hệ quốc tế hiện nay là một số thế lực đế quốc phản động đang thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", mưu toan xóa sổ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Điều đó chứng tỏ rằng, chiến tranh lạnh như kiểu trước là không có nữa, nhưng bóng dáng của nó vẫn lấp ló với một sắc thái mới có vẻ đỡ "lạnh" hơn và có vẻ "mềm" đi, nhưng không kém phần quyết liệt. Một điều nữa cũng cần thấy : trật tự hai cực của thế giới đã đổ vỡ, nhưng cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tồn tại, thể hiện trên nhiều mặt của đời sống thế giới. Vậy nên loài người, nhất là các nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không nên lơ là cảnh giác.

Một bài hát tiếng Nga có câu rất hay : "Thế giới này đẹp biết nhường nào, bạn hãy nhìn xem !" Thế giới của chúng ta quả thật đẹp vô cùng, nhưng vẫn còn nhiều lửa và khói. Có lửa, mới có khói. Trong vô vàn hiện tượng phức tạp của thế giới vào lúc "mất trật tự" hay cả khi có "trật tự", có thể khái quát một số ngọn "lửa" gây khói như sau :

- *Quyền lực*. Đây là thứ "lửa" đầu bảng. Ông Pôn Ken-nơ-đi (Paul Kennedy), nhà xã

Digitized by Google

hội học người Mỹ cho rằng, các nước trên thế giới thường phát triển không đều. Đó là quy luật. Và do phát triển không đều, nên một số nước vượt trội thành cường quốc thường hay nảy sinh nguyện vọng muốn lấy cường quyền để áp đặt người khác theo ý mình. Thế là thế giới lại phải đương đầu với thói ham quyền lực đó. Kết cục cũng thường thấy là các nước đế quốc lần lượt bị nhân loại cho các bài học nhớ đời, còn một số đế quốc thì đã vĩnh viễn bị lịch sử chôn vùi.

- *Đấu tranh giai cấp*. Lịch sử phát triển của xã hội loài người (trừ xã hội cộng sản nguyên thủy) là lịch sử đấu tranh giai cấp. Điều này luôn đúng và mãi đúng. Đấu tranh giai cấp là một động lực phát triển của xã hội. Và cũng chính các cuộc đấu tranh giai cấp đã góp phần mạnh mẽ vào việc sắp đặt lại trật tự thế giới. Những cuộc cách mạng tư sản kiểu cũ hay những cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do các đảng cộng sản và đảng công nhân lãnh đạo, thực sự là những yếu tố quan trọng làm cho thế giới tiến dần tới trật tự tiến bộ hơn.

- *Công bằng*. Công bằng là mực thước ứng xử quốc tế. Do thế giới còn nhiều điều thiếu công bằng, nên để đảm bảo công bằng, nhiều khi các dân tộc phải tiến hành đấu tranh gay go quyết liệt và gian khổ chống lại bọn cường quyền áp bức. Cuộc đấu tranh đó thường là của các dân tộc thuộc địa chống ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, và mục tiêu của nó cùng chiều với nhiệm vụ bảo vệ lợi ích dân tộc và đấu tranh giải phóng. Quan niệm về công bằng và cuộc đấu tranh cho công bằng như thế, đồng nghĩa với lẽ phải và chân lý. Tuy nhiên, những cuộc chiến tranh do chủ nghĩa đế quốc gây ra để tranh nhau lợi ích, tranh nhau thuộc địa, cũng được rêu rao là để đảm bảo công bằng. Công bằng kiểu ấy chỉ là lối tư duy của kẻ cướp và gây mất trật tự tiêu cực cho thế giới mà thôi.

TRẬT TỰ VÀ ĐẤU TRANH

Năm 1919 Uyn-xơn, tổng thống thứ 28 của Mỹ, tại Hội nghị hòa bình ở Véc-xay, đã áp đặt các tiêu chuẩn nội bộ của Mỹ trùm lên thế giới mà các đồng minh của Mỹ khi ấy có bất bình cũng không dám phản ứng lại. Bu-sơ sau này cũng dùng ngôn ngữ của Uyn-xơn để bày tỏ ý đồ kiến tạo thế giới của mình : "Chúng tôi có sự nhìn nhận về mối quan hệ cộng tác mới giữa các dân tộc vượt qua chiến tranh lạnh... Một sự cộng tác mà các mục tiêu của nó là tăng cường dân chủ, đẩy mạnh phồn vinh, đẩy mạnh nền hòa bình và giảm bớt khí giới...". Đến lượt Clin-tơn, tổng thống đương nhiệm, cũng hào hứng tuyên bố : "Trong kỷ nguyên của hiểm họa và cơ hội mới, mục tiêu của chúng ta phải là mở rộng và củng cố cộng đồng các nền dân chủ dựa trên thị trường của thế giới... chúng ta tìm cách mở rộng phạm vi các nước sống theo các thể chế tự do đó...".

Hòa đồng với ý tưởng của các tổng thống Mỹ kể trên, các học giả chống cộng nổi tiếng một thời cũng cho ra đời các cuốn sách của mình : Ních-xơn với cuốn "Chớp thời cơ : thách thức của Hoa kỳ trong thế giới một siêu cường", Brê-din-xki với cuốn sách "Ngoài vòng kiểm soát - sự nổi loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI". Trong các cuốn sách này, các tác giả đều hướng vào bàn luận xem làm thế nào để Mỹ nắm bắt được thế giới vào tay mình.

Như vậy, trong thế kỷ này, Mỹ đã ba phen muốn nhảy ra làm bá chủ thế giới. Nhưng chương trình khống chế toàn cầu của Mỹ không thể thành công vì có nhiều lực cản :

Một là, Mỹ hiện vẫn là siêu cường số một nhưng quyền lực bị phân tán rất nhiều, phân tán hơn cả thời gian còn trật tự hai cực. Sự phân tán bắt nguồn từ *hai* phía : trong lòng nước Mỹ thì chủ nghĩa biệt lập mới và sự xuống sức chưa gượng dậy được của nền kinh tế ; bên ngoài là sự ly tán của các nước đồng minh trước đây.

Hai là, Mỹ vẫn là nước có nền kinh tế mạnh nhất thế giới nhưng sức mạnh về kinh tế và kỹ thuật công nghệ ấy của Mỹ không còn như xưa ; về một số mặt, nhiều nước đã vươn lên ngang Mỹ hoặc vượt Mỹ.

Ba là, quá trình liên kết khu vực ở nhiều nơi trên thế giới đã làm tăng sức mạnh của các cộng đồng khu vực, làm mờ vai trò của Mỹ. Trước đây, các trung tâm tư bản ở châu Âu và châu Á cần đến Mỹ, nay không còn Liên xô, họ tự hoạch định hướng đi riêng, nên tình thế đang đảo ngược là Mỹ phải cần đến

Digitized by Google

các trung tâm này hơn nếu không muốn tự biến mình thành một ốc đảo cô lập.

Bốn là, sự tan rã của Liên xô cũng như những biến động ở các nước thuộc Liên xô cũ sau đó, chủ yếu là *tự nó*. Mỹ và phương Tây chỉ có thể tác động phần nào chứ không thể xoay chuyển được. Trong khi đó, chế độ "hậu cộng sản" áp dụng ở các nước Đông Âu và ở các nước thuộc Liên xô trước đây đã không hiệu quả, thậm chí còn bị đổ vỡ. Ở nhiều nơi, nhân dân đã bất bình và trả lời bằng những lá phiếu ủng hộ cánh tả và các đảng cộng sản.

Năm là, hiện nay số nước trên thế giới đã tăng lên, sự ảnh hưởng, phụ thuộc lẫn nhau tăng lên và ý chí độc lập tự chủ của mọi nước cũng tăng lên. Đây là yếu tố rất mạnh cản trở cường quyền và cực quyền bất kể của ai.

Rõ ràng, ý muốn của Mỹ là một chuyện, còn sự xếp đặt trật tự thế giới lại thuộc về cả cộng đồng chứ đâu chỉ có Mỹ. Trật tự thế giới sẽ được xác lập, nhưng sẽ là trật tự nhiều cực. Các điều kiện đảm bảo cho việc hình thành trật tự mới đã nổi rõ : 1) Những xu thế vận động của thế giới như xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa, xu thế liên minh liên kết khu vực, xu thế hợp tác phân công quốc tế và tùy thuộc lẫn nhau, xu thế phục hồi của phong trào cộng sản ; 2) Có nhiều nước, nhiều trung tâm đang tự khẳng định và nổi lên không thua kém nhau và càng không thua kém Mỹ như Liên minh châu Âu, Nhật bản, Trung quốc và có thể còn nữa ; 3) Các tổ chức quốc tế mà đặc biệt là Liên hợp quốc ngày càng có vai trò to lớn trong việc giải quyết các vụ việc của thế giới ; 4) Ý chí và nguyện vọng chung của đại bộ phận các dân tộc là muốn có một trật tự thế giới mà trong đó tiêu chí cơ bản nhất là bình đẳng, lẽ phải, công bằng, mọi dân tộc đều được tôn trọng. Đó là các điều kiện cho một trật tự mới sinh thành. Tuy nhiên, để tiến tới và xác lập được một trật tự như vậy, cần có thời gian. Đó là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều bước và phụ thuộc vào sự hợp tác, đấu tranh của tất cả các dân tộc.

Nhà máy thuốc lá...

(Tiếp theo trang 48)

đồng thỏa thuận với nông dân trồng thuốc lá về vốn đầu tư, thu hoạch và mua bán sản phẩm. Nông dân trồng thuốc lá do nhà máy đầu tư thì khi thu hoạch, phải bán thuốc lá cho nhà máy, không được bán cho ai khác, và nhà máy sẽ mua theo giá thị trường. Khi người trồng thuốc lá gặp rủi ro (như bão lụt, hạn hán), nhà máy có trách nhiệm bảo trợ họ. Đưa thuốc lá lên trồng ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số để thay thế cây thuốc phiện, góp phần giải quyết đời sống cho nhân dân vùng cao. Phấn đấu đến năm 1996 sử dụng 100% nguyên liệu trong nước có chất lượng cao, tiến tới xuất nguyên liệu ra nước ngoài.

2- *Về công nghệ sản xuất*. Phấn đấu đến năm 2000 nâng sản lượng lên gấp đôi, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ; nâng mức sản lượng thuốc lá bao hằng năm lên trên 10%, trong đó sản lượng thuốc lá đầu lọc cao cấp là 90%. Tiếp tục đầu tư chiều sâu, cải tiến mẫu mã, bao bì để không ngừng nâng cao chất lượng và giảm giá thành. Phấn đấu nâng dần mức tích lũy (năm sau cao hơn năm trước khoảng 20-25%) và mức thu nhập của người lao động.

3- *Về thị trường*. Củng cố hệ thống thị trường đã có. Đẩy mạnh công tác tiếp thị để mở rộng thêm thị trường trong nước và ngoài nước (đặc biệt, chú ý thị trường châu Phi).

4- *Về chính sách*. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động. Cải thiện môi trường làm việc và vệ sinh công nghiệp. Xác định đúng đắn, rõ ràng tiêu chuẩn và yêu cầu công việc cụ thể đối với từng bộ phận, từng cán bộ, công nhân, viên chức nhà máy.

Để thực hiện tốt những vấn đề vừa nêu, ngoài nỗ lực của nhà máy, cần có sự quan tâm giúp đỡ của nhà nước, của Tổng công ty thuốc lá Việt nam và các cấp, các ngành có liên quan. Nhà nước cần có chính sách bình đẳng về nộp thuế. Tránh tình trạng các doanh nghiệp thuộc trung ương thì nộp thuế nghiêm, đầy đủ, còn các doanh nghiệp, xí nghiệp thuộc địa phương thì không thực hiện, dẫn đến tình trạng cạnh tranh không bình đẳng. Mặt khác, nhà nước cũng cần có biện pháp kiên quyết chống làm giả và nhập lậu thuốc lá.

Digitized by Google

NƯỚC PHÁP VỚI CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG

LA CÔN

VÒNG hai cuộc bầu cử tổng thống Pháp đã kết thúc. Với số phiếu 52,95%, ứng cử viên Giắc Si-rắc đảng cánh hữu Tập hợp vì nền cộng hòa đã thắng ứng cử viên Li-ô-nèn Giô-xpanh Đảng xã hội (47,06% số phiếu). Sau thắng lợi này, cánh hữu kiểm soát được cả quyền hành pháp và quyền lập pháp. Trong quốc hội, hai đảng Tập hợp vì nền cộng hòa và Liên minh dân chủ Pháp chiếm tới 475 trong tổng số 577 ghế ; Đảng xã hội và Đảng cộng sản chỉ chiếm 78 ghế[1]. Thất bại của Li-ô-nen Giô-xpanh không ngoài dự đoán của dư luận. Từ trước khi bắt đầu cuộc vận động bầu cử, đông đảo nhân dân Pháp đã tỏ thái độ chán nản về tình trạng đất nước dưới hai nhiệm kỳ 14 năm của tổng thống Đảng xã hội, trong đó có hai thời kỳ (1986-1988 và 1993-1995) tổng thống "chung sống" với hai thủ tướng của đảng cánh hữu Tập hợp vì nền cộng hòa là Giắc Si-rắc và E-đu-a Ba-la-đuya. Ngoài hai thời kỳ "chung sống", các đảng cánh hữu thế lực rất mạnh trong quốc hội và ngoài xã hội cũng ép Đảng xã hội của tổng thống phải thỏa hiệp với họ về những vấn đề quan trọng. Thực tế, không còn ranh giới giữa cánh tả và cánh hữu trong giới cầm quyền nữa. Trước cuộc bầu cử quốc hội tháng 3-1993, một nhà báo đã hỏi ông Đ. Xtơ-rao-can, bộ trưởng công nghiệp trong chính phủ của Đảng xã hội : "Nếu cánh hữu thắng cử thì sẽ có thay đổi gì ?". Ông ta trả lời : "Không có gì thay đổi, vì chính sách kinh tế của họ chẳng khác chúng tôi là bao" [2].

Thật ra trong hai năm đầu 1981-1982, Đảng xã hội liên minh với Đảng cộng sản, đã thi hành những cải cách kinh tế sâu sắc với hoài bão làm thay đổi đất nước sau 23 năm cầm quyền liên tục của các đảng cánh hữu. Những cải cách đó đã vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của các thế lực tài phiệt hướng theo học thuyết Ri-gân - Thát-chơ lúc đó đang làm mưa làm gió trong thế giới tư bản. Trước tình hình khó khăn, từ năm 1983, nội bộ Đảng xã hội phân hóa : số đông đi theo đường lối thỏa hiệp của bí thư thứ nhất Li-ô-nen Giô-xpanh. Một bộ phận nhỏ tập hợp xung quanh bộ trưởng phụ trách Nghiên cứu và kỹ thuật J.P.Sơ-ven-măng, chủ trương bảo vệ những cải cách tiến bộ. Thắng thế của khuynh hướng thỏa hiệp làm tan vỡ liên minh giữa hai đảng cánh tả. Năm 1991, khi tổng thống Pháp Mít-tơ-răng ủng hộ chính sách của tổng thống Mỹ Bu-sơ trong chiến tranh vùng vịnh Péc-xích, bộ trưởng quốc phòng Pháp J.P.Sơ-ven-măng đã từ chức, và sau đó cùng với một số đảng viên xã hội tách ra khỏi đảng để thành lập tổ chức riêng lấy tên là Phong trào công dân.

Các chính sách kinh tế thi hành từ năm 1983 đến năm 1995 càng tăng thêm khoảng cách giàu nghèo : 30% số dân ở cuối bậc thang xã hội nghèo đi, còn 20% số dân ở đầu bậc thang thì giàu lên nhanh chóng. Pháp trở thành một trong những nước có tình trạng bất công xã hội tồi tệ nhất trong số những nước có nền kinh tế phát triển. Theo thống kê của tổ chức OCDE, từ năm 1965 đến năm 1992, 10% số dân thuộc loại giàu chiếm tới 55% tổng giá trị tài sản quốc dân (trong đó 1% số dân thuộc loại cực giàu đã chiếm 25%), còn 50% số dân thuộc loại nghèo khổ (ở 5 bậc thang cuối) chỉ chiếm 24,1% [3]. Bất công xã hội còn thể hiện ở thuế : trong tổng thu về thuế, phần đóng góp của người làm công ăn lương chiếm tới 40%, còn phần thuế thu nhập của các chủ công ty chỉ chiếm 12%. Ở Đan mạch, phần đóng góp của người làm công chỉ chiếm 3%, còn phần thuế thu nhập chiếm tới 50%.

(1) Đảng xã hội 55 ghế, Đảng cộng sản 23 ghế

(2) *The Wall Street Journal*, Europe, March 18, 1993

(3) *Le Monde Diplomatique*, tháng 9 - 1994, tr 16-17

Digitized by Google

Bất công xã hội là vấn đề nhức nhối nhất trong tâm tư nhân dân Pháp. Trong cuộc vận động bầu cử, ứng cử viên nào cũng hứa hẹn sẽ giải quyết bằng biện pháp này, biện pháp khác. Trước đây, từ các cuộc vận động bầu cử cũng đã vang lên những lời hứa tương tự. Song tình trạng bất công xã hội không bớt đi mà lại tăng lên ! Ông Giắc Đơ-lo, cựu bộ trưởng tài chính Pháp, cựu chủ tịch *Ủy ban châu Âu* đã kêu : "Tôi kinh hoàng trước sự biến động của xã hội chúng ta với hai phần ba sống khá đầy đủ mà chẳng đếm xỉa đến một phần ba gồm những người bị gạt ra khỏi xã hội, những kẻ tuyệt vọng... Phần ba này có khả năng kéo đến quấy rối cuộc sống an nhàn của các vị tại những khu phố sang trọng. Các vị có thể gọi là cuộc xâm lăng của kẻ man rợ. Còn tôi thì lại coi đó là những triệu chứng của một cuộc khủng hoảng xã hội trầm trọng. Than ôi ! Chúng ta sống trong một xã hội cũng biết xúc động trước những bất công, biết tham gia một ngày từ thiện, quyên góp ít tiền, rồi sau đó cũng biết thoải mái hoàn toàn với lương tâm mình ! Thật là kinh khủng !"(4).

Vấn đề lớn thứ hai đã được cử tri nêu lên nhưng không ứng cử viên nào hưởng ứng. Đó là sự suy yếu của quyền lực nhà nước trước một quyền lực song song chẳng có khả năng và cơ hội nào có thể lấn át nó. Đó là quyền lực của đồng tiền. Đồng tiền đã làm đảo điên thế giới tư bản chủ nghĩa, bóp nghẹt cả lương tri, tạo ra vương quốc riêng, trong đó mọi thứ đều biến thành hàng hóa để nó tự do đặt giá, tự do trao đổi. Đồng tiền không chỉ chi phối các quan hệ kinh tế, thương mại, tài chính, ngoại giao, mà còn chi phối cả các quan hệ tình cảm, thẩm thấu vào các tâm hồn, nhuộm đen cả các tâm hồn trinh tuyết. Nhà báo J. Ra-mô-nê nhắc nhở : "Các chính khách Pháp chớ quên rằng dân chủ là một dự án đạo lý ; rằng sự thi hành quyền lực chỉ có nghĩa khi nó dựa trên cơ sở một hệ thống giá trị xã hội và đạo lý. Mỗi người dân đều cảm nhận sâu sắc nhu cầu về lòng trung thực từ phía quan chức. Thế mà đạo lý lại đang hấp hối ! Các công dân tự hỏi ai đây sẽ làm dịu đi được nỗi bất hạnh khôn nguôi của họ !" (5).

*
* *

Trong vòng đầu của chiến dịch tranh cử, ứng cử viên của Đảng cộng sản Pháp, đồng chí Rô-be Uy, Tổng bí thư của Đảng, đã dự 75 cuộc mít tinh và hàng trăm cuộc gặp gỡ, tiếp xúc các cử tri để trình bày ý kiến của đảng và thảo luận về những vấn đề do cử tri đề xuất. Đồng chí đã cảm nhận được sự phẫn nộ chính đáng của đông đảo nhân dân lao động trước tình trạng lương thấp, đời sống cơ cực, bấp bênh, nạn thất nghiệp và bất công xã hội ngày càng tăng. Đồng chí tuyên bố : "Phải có tinh thần dũng cảm lựa chọn con đường đấu tranh thực hiện công bằng xã hội và hiệu quả kinh tế " (6). Cương lĩnh tranh cử của Rô-be Uy được Hội nghị Ban chấp hành toàn quốc Đảng cộng sản Pháp thông qua ngày 19-1-1995, đã trình bày chính sách mới của nước Pháp dựa trên 6 chủ trương lớn : "*Một là*, dũng cảm tiến công vào đồng tiền và công cụ phục vụ đồng tiền ; *hai là*, dũng cảm lấy tiến bộ xã hội làm động lực thúc đẩy tiến bộ của văn minh và hiệu quả kinh tế ; *ba là*, đầu tư vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo ; *bốn là*, phát triển một nhà nước cộng hòa hiện đại dựa trên quyền ưu tiên của công dân ; *năm là*, xây dựng một nước Pháp mở cửa ra thế giới, trong tình đoàn kết và hợp tác về mọi mặt ; *sáu là*, xây dựng một nước Pháp vì hòa bình và giải trừ quân bị. Đây là dự án xã hội chung cho tất cả những ai bác bỏ những sự lựa chọn tàn bạo của chủ nghĩa tư bản". Ban chấp hành toàn quốc của Đảng đã động viên toàn đảng biến cuộc vận động bầu cử này thành một chiến dịch phát triển và củng cố tổ chức đảng, gắn công tác phát thẻ đảng năm 1995 với công tác kiểm tra đảng viên hoàn thành những nhiệm vụ đảng giao trong việc tuyên truyền tranh thủ quần chúng dồn phiếu cho ứng cử viên của đảng. Cho tới giữa tháng 1-1995, 30% đảng viên đã được nhận thẻ đảng; hết tháng giêng, con số đó đã tăng lên đến 50%. Những đại hội nhân dân đã được tổ chức tại các cơ sở công nghiệp, các cộng đồng nông

(4) *Le Monde*, ngày 15-11-1994

(5) *Le Monde Diplomatique*, tháng 10-1994

(6) *Le Monde*, ngày 7-12-1994

Digitized by Google

thôn, ở các nơi có tổ chức chi bộ đảng. Tại nhiều nơi, các đại hội nhân dân đã thực sự trở thành những ngày hội của quần chúng. Những nơi hoạt động yếu, được sự tiếp sức kịp thời của các đồng chí lãnh đạo đảng.

Từ trước khi cuộc tranh cử chính thức bắt đầu, nhiều vụ tham nhũng lớn đã bị các cơ quan ngôn luận phanh phui. Nhiều quan chức chóp bu, kể cả bộ trưởng bị khởi tố, đã phải từ chức. Đảng cộng sản đã tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong quốc hội, ngoài xã hội, nhất là ở những cơ sở sản xuất và dịch vụ có tổ chức công đoàn CGT của đảng hoạt động.

Trong quốc hội, từ ngày 13-10-1994 đã thành lập nhóm đại biểu các chính đảng làm việc chống tham nhũng. Sau hơn hai tháng tiến hành điều tra, rút ra những kết luận và kiến nghị trình quốc hội xem xét, tháng 12-1994, quốc hội đã thông qua đạo luật cấm các công ty kinh doanh không được cung cấp tiền cho các chiến dịch tranh cử của các chính đảng. Đây là một đạo luật quan trọng để đối phó với "nguy cơ đang đe dọa nền dân chủ và sự sống còn của nước cộng hòa", đúng như lời tuyên bố của chủ tịch nhóm làm việc chống tham nhũng của quốc hội.

Trong bối cảnh chính trị rối ren, phức tạp, đan xen cả những chán chường và phẫn nộ, những tính toán tư lợi và những dự án đấu tranh, sự tham gia tranh cử của Rô-be Uy ở vòng một đã góp thêm những tia sáng rọi về phía trước. Có nhiều trí thức mời đồng chí dự cuộc thảo luận của họ, đề nghị được nghe dự án vươn tới tương lai của những người cộng sản. Họ chăm chú nghe đồng chí phân tích tình hình xã hội Pháp, giải thích rõ những điều họ đang trăn trở, sau đó họ phát biểu ý kiến tán thành quan điểm của đồng chí. Nhà sử học Mi-sen Vô-ven nhận xét ý nghĩa của sự tham gia tranh cử của Đảng cộng sản : "sự có mặt của một ứng cử viên đại diện cho niềm hy vọng tập thể của những người tin tưởng như Mắc-xi-mi-liêng Rô-be-xpi-e rằng thế giới đã thay đổi và sẽ còn đổi thay" [7]. Kiến trúc sư Rô-lăng Ca-xtơ-rô tỏ lòng tin ở sứ mệnh lịch sử của cánh tả : "Cánh tả là chính đảng của sự vận động, của ước mơ, của cuộc trường chinh hướng tới bình đẳng, bác ái, tự do. Chính đảng đó cần phải được cải tổ. Chủ nghĩa cộng sản trong truyền thống lịch sử và trong đất nước chúng ta, là một nền văn hóa có sức đề kháng chống lại sức hoen rỉ của thời gian".

Lý tưởng xã hội chủ nghĩa và vai trò lịch sử của Đảng cộng sản được hàng triệu cử tri Pháp nhắc tới sáu năm sau những sự đổ vỡ chính trị ở Đông Âu, đặc biệt là trong bối cảnh lịch sử nước Pháp hiện nay, đã chứng minh một thực tế lịch sử : một thể chế, một chính đảng xuất hiện trên vũ đài chính trị có thể biến đi, nhường chỗ cho một thể chế, một chính đảng khác, song những khát vọng tự do, công bằng mãi mãi là niềm tin, là lẽ sống của quần chúng nhân dân. "Sự tha hóa quần chúng dù tiến triển đến mức nào thì cũng không thể tiêu diệt được khả năng đấu tranh chống lại sự tha hóa đó". Lời dạy đó của Mác đã được nhắc lại trên một tờ báo của giới trí thức trung lưu Pháp gần đây cùng với một lời tuyên bố đanh thép : "Hơn bao giờ hết, đây là sự lựa chọn giữa chủ nghĩa xã hội hoặc là thời man rợ"[8].

Với 8,6% tổng số phiếu bầu, Rô-be Uy được sự ủng hộ của 2 triệu 600 nghìn cử tri, tăng 600 nghìn phiếu so với ứng cử viên của đảng năm 1988, năm trước khi xảy ra những đổ vỡ chính trị ở Đông Âu. Số phiếu tăng đó có ý nghĩa quan trọng biết chừng nào ! Điều đáng chú ý là, cùng ngày 23-4-1995, ở I-ta-li-a đã diễn ra cuộc bầu cử địa phương (tỉnh, thành phố). *Đảng dân chủ cánh tả* của những người cộng sản, đã giành được 25% trong tổng số phiếu, cao nhất từ trước đến nay, hơn cả đảng "I-ta-li-a tiến lên" của cựu thủ tướng Béc-lu-xcô-ni (23%). Đảng *tái thiết cộng sản*, cũng của những người cộng sản I-ta-li-a thu được 8,4% tổng số phiếu. Bối cảnh chính trị nước này về cơ bản có những nét giống nước Pháp, nên thắng lợi của những người cộng sản I-ta-li-a cũng có ý nghĩa tương tự.

(7) *L' Humanité*, ngày 20-4-1994, tr 7

(8) *Le Monde Diplomatique*, tháng 9-1994, tr 29

Digitized by Google



QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

Trung tâm quyền lực thế giới mới *

GIÔN NAI-BIT

HIỆN nay, để tìm kiếm cơ hội đầu tư vào một khu vực có tốc độ tăng trưởng vững chắc, đem lại lợi nhuận vào thế kỷ 21, thì không nên đầu tư vào châu Âu, dù rằng người ta đã bỏ tới 3 năm để tuyên truyền rầm rộ cho sự thống trị kinh tế của một thị trường châu Âu thống nhất. Vì sao? Chỉ cần xem xét dưới các góc độ sau : châu Âu bị suy thoái kéo dài ; Nhật bản và Mỹ thì tăng trưởng chậm ; còn châu Á (dẫn đầu là Trung quốc) và Mỹ la tinh thì tăng trưởng đột biến.

Xét về tổng thể, quá trình toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục tăng sẽ gây khó khăn cho việc phân biệt và đánh giá quy mô kinh tế của một nước. Ở một số nước, nhiều ngành công nghiệp và công ty tư nhân hoạt động tốt, còn ở một số nước khác thì tình hình ngược lại. Viễn cảnh kinh tế châu Âu không sáng sủa ; kinh tế Mỹ thì đan xen vào các nền kinh tế khác ; còn đối với các nhà kinh doanh Trung hoa đại lục thì không thể theo dõi chính xác mọi hoạt động kinh tế của họ.

Hiện tại có nhiều cơ hội cho mọi nước trên thế giới, kể cả các nước ở châu Âu. Nhưng nhìn chung, một số nước có môi trường kinh tế thuận lợi hơn các nước khác. Trong những năm còn lại của thập kỷ này và xa hơn, môi trường kinh tế thuận lợi nhất là ở châu Á và Mỹ la tinh.

Về thời đại hoàng kim trong tương lai : Đầu tư tạo ra tăng trưởng kinh tế đang diễn ra ở một số nơi, như Việt nam, Ấn độ ; Ác-hen-ti-na và Chi lê; Bra-xin, U-ru-goay, Pa-ra-goay và Bô-li-vi-a... Mê-hi-cô đã có mạng lưới đầu tư tư nhân tăng vọt, từ 3,8 tỉ USD năm 1990 lên 15,3 tỉ USD năm 1992, và đã có số dư ngân sách trong ba năm qua. Các nước nói trên cùng với các nước châu Á và châu Mỹ khác, có điểm chung là biết thực hiện các nguyên tắc và làm kinh tế thị trường. Mỗi nước đều đã tập trung vào việc đổi mới cấu trúc cần thiết để thúc đẩy thị trường tự do, như đổi mới thuế, thực hiện tự do thương mại, tư nhân hóa, cũng như thành lập thị trường vốn và hệ thống trung chuyển tài chính cần thiết.

Hiện nay, các nhà lãnh đạo Việt nam thấy rằng, Đảng cộng sản lãnh đạo phải đặt trọng tâm vào việc bảo đảm quá trình tăng trưởng kinh tế, và mọi công dân đều có cơ hội để có được nó. Việt nam có 71 triệu dân, đang hấp dẫn các nhà đầu tư quốc tế, cũng như Ấn độ có 860 triệu dân. Các vùng này đều có dân số trẻ, ngược lại với Nhật bản, châu Âu và Mỹ có số dân tương đối già và điều này cũng tác động đến sở thích tiêu thụ, bao gồm cả kiểu cách sản phẩm, giá cả... Hiện nay các hãng sản xuất hấp dẫn được lớp trẻ như Cô-ca-Cô-la, Pepsi-Cola, kẹo M M... đang hoạt động mạnh mẽ để khắc phục hàng rào ý thức và thực tế, tiến tới các thị trường này. Đồng thời, vượt qua khó khăn, các nỗ lực cũng đang được tạo ra để giảm số gia đình sống dưới mức nghèo khổ.

Tất cả các nhà lãnh đạo ở châu Á và các nước khác đều có chung quan điểm là để tồn tại và tiến tới thịnh vượng, cần phải phá bỏ tất cả các hàng rào đang ngăn cản tăng trưởng kinh tế trong thực tế và do con người tạo ra. Động lực thúc đẩy tiến bộ trên thế giới không phải là chủ nghĩa bảo hộ hay các khối thương mại biệt lập, nhưng các liên minh kinh tế thúc đẩy sự phát triển trong các khu vực vì tạo ra nhiều đường biên giới mềm hơn.

Ác-tơ Đơn-cơn (Arthur Dunkel), nguyên tổng giám đốc GATT, đã cho rằng, tăng trưởng ở châu Á tạo ra *hai* vấn đề : *một là*, thương mại là động lực chủ yếu của tiến bộ kinh tế ; *hai là*, việc đưa các ngành công nghiệp trong nước tham gia cuộc cạnh tranh toàn cầu khốc liệt sẽ thúc đẩy hiệu quả. Nhiều nhà quan sát khẳng định, do sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử và các mối liên kết chủng tộc, châu Á không bao giờ có một Hiệp định thương mại khu vực như NAFTA. Nhưng bằng nhiều cách, châu Á đã thực hiện được điều giống như NAFTA là tạo ra được sự hợp tác trên thị trường khu vực, ở đó thương mại được khuyến khích thông qua việc miễn giảm thuế, bãi bỏ giấy phép nhập khẩu, và chia sẻ các tài nguyên.

Châu Á có thể không có các hiệp định thương mại chính thức, nhưng thương mại khu vực là sự đóng góp to lớn vào tổng sản phẩm quốc dân của mỗi nước. Trên toàn bộ châu Á, các nước phát triển đang đầu tư vào các nước kém phát triển hơn, tạo ra các mối liên hệ kinh tế mạnh hơn ; các mối liên

(Xem tiếp trang 61)

* *Nguồn* : Tạp chí *Thương mại châu Á* (ASIAN BUSINESS) số 6-1994.

Digitized by Google

KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

● **KẾT CẤU HẠ TẦNG** là tổng thể các ngành và các loại hình hoạt động phục vụ quá trình sản xuất xã hội nhằm bảo đảm tính liên tục của các chu chuyển kinh tế trong nền kinh tế quốc dân ; là cơ sở để cho sản xuất và sức lao động hoạt động được bình thường.

Kết cấu hạ tầng được hình thành trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động xã hội ; đồng thời thúc đẩy, tạo tiền đề cho sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động xã hội. Kết cấu hạ tầng bao gồm những ngành có chức năng "sản xuất các dịch vụ" cần thiết cho sự hoạt động có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Tương ứng với các đối tượng phục vụ, kết cấu hạ tầng được phân thành hai khối lớn : kết cấu hạ tầng *sản xuất* và kết cấu hạ tầng *xã hội* (không sản xuất).

Kết cấu hạ tầng sản xuất là hệ thống những ngành trực tiếp phục vụ quá trình sản xuất vật chất, như các ngành vận tải, thông tin liên lạc, cung ứng vật tư - kỹ thuật, các trạm và hệ thống truyền tải điện năng, hệ thống lựa chọn, chế biến và truyền đạt thông tin v.v..

Kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm các ngành bảo đảm điều kiện chung cho việc phát triển lĩnh vực không sản xuất, như văn hóa, giáo dục, y tế, nhà ở, công trình công cộng đô thị v.v..

Tuy nhiên, sự phân loại như trên chỉ có ý nghĩa tương đối, vì mỗi ngành của kết cấu hạ tầng đều thực hiện chức năng phục vụ sản xuất và phục vụ xã hội.

Kết cấu hạ tầng phải có tiềm lực dôi dư để có thể thỏa mãn kịp thời nhu cầu của các ngành sản xuất của nền kinh tế khi những điều kiện mới đòi hỏi. Không thể chờ cho những nhu cầu mới nảy sinh rồi mới đầu tư xây dựng, vì như vậy sẽ làm chậm nhịp độ, bỏ lỡ cơ hội phát triển nền kinh tế.

Với chức năng bảo đảm những điều kiện vật chất thuận lợi nhất cho mọi giai đoạn tái sản xuất của nền kinh tế quốc dân, kết cấu hạ tầng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhất là trong điều kiện hiện nay, khi khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão với quy mô không chỉ bó hẹp trong một đơn vị kinh tế, một quốc gia mà rộng khắp thế giới, khi những biến đổi căn bản về chất của các yếu tố vật chất, kỹ thuật, con người diễn ra với nhịp độ nhanh, thì kết cấu hạ tầng càng có ảnh hưởng lớn, đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sự phát triển kết cấu hạ tầng không chỉ là một trong những điều kiện hàng đầu cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, mà còn là tiêu chuẩn để đánh giá trình độ phát triển của một đất nước.

● **PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG** phải dựa trên *một số nguyên tắc cơ bản :*

+ Xuất phát từ yêu cầu đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng nền kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của nền kinh tế nói chung và các cơ sở sản xuất nói riêng.

+ Bảo đảm tính liên ngành của kết cấu hạ tầng và mối liên hệ hữu cơ của nó với tất cả các ngành kinh tế khác. Nếu phát triển kết cấu hạ tầng không đồng bộ, tách rời hoặc cô lập các ngành của kết cấu hạ tầng, thì sẽ hạn chế hiệu quả sử dụng các tiềm năng của nền sản xuất xã hội, thậm chí gây nên những lãng phí lớn.

+ Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng với tư cách một hệ thống, một chỉnh thể. Thí dụ, ưu tiên phát triển hệ thống đường, hệ thống thông tin, hệ thống kho tàng. Ưu tiên như vậy sẽ cho phép giảm tới mức thấp nhất chi phí cho các công trình công nghiệp và các công trình khác, sử dụng tốt hơn năng lực sản xuất của chúng.

+ Không chỉ nhằm phục vụ nhu cầu trước mắt, mà còn nhằm bảo đảm nhu cầu lâu dài của nền sản xuất xã hội.

Phát triển kết cấu hạ tầng thường được tập trung chủ yếu vào *các ngành cơ bản* sau :

1) **Giao thông vận tải.** Đây là ngành sản xuất vật chất đặc biệt của nền kinh tế quốc dân. Phát triển giao thông vận tải và phát triển kinh tế là hai quá trình gắn bó chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau. Hơn nữa, giao thông vận tải còn là bộ phận quan trọng nhất của kết cấu hạ tầng, là điều kiện bảo đảm chung cho quá trình sản xuất và cho việc thực hiện những nhiệm vụ xã hội. Nó là khâu *mở đầu* và khâu *kết thúc* của quá trình tái sản xuất.

Ở nước ta, phương hướng phát triển giao thông vận tải trong những năm trước mắt được xác định là : ưu tiên phát triển đường thủy, tăng năng lực cảng biển ; củng cố và nâng cấp các tuyến đường sắt ; nâng cấp một số trục đường bộ chính ; phục hồi và mở rộng các sân bay, tổ chức tốt các chuyến bay trong nước và quốc tế.

Digitized by Google

2) **Dịch vụ thông tin liên lạc**. Thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ thông tin. Hằng ngày đầy ắp những thông tin mà con người phải xử lý. Bằng nhiều nguồn thông tin và con đường thông tin, con người mới có thể liên lạc, giao dịch và giành được thời cơ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Có những ngành, nghề và công việc mà chỉ thiếu thông tin hàng ngày, thậm chí hàng giờ là hoạt động kém hoặc không thể hoạt động được. Vì vậy, có dịch vụ thông tin liên lạc tốt sẽ phát huy được vai trò của các bộ phận thuộc kết cấu hạ tầng. Chiến lược phát triển thông tin liên lạc ở nước ta hiện nay bao gồm : ưu tiên xây dựng mạng lưới thông tin quốc tế có chất lượng cao, lắp đặt các tổng đài điện thoại số hiện đại ở các thành phố lớn để dễ dàng liên lạc với mạng lưới điện thoại quốc tế ; cung cấp thêm dịch vụ telex có chất lượng tốt hơn cho các thành phố lớn để hỗ trợ các luồng thông tin quốc tế ; thay thế các tổng đài cũ ở các thành phố lớn bằng các tổng đài số hiện đại để có thể liên lạc cả trong và ngoài nước ; xây dựng các tuyến vi ba ít kênh lên các tỉnh miền núi ; đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ lập kế hoạch, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng mạng lưới thông tin liên lạc mới.

3) **Hệ thống kho tàng, bến bãi**. Nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa hệ thống bến bãi, kho tàng là một trong những nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng nhằm mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại cũng như bảo đảm nhu cầu trong nước về tiếp nhận và trung chuyển hàng hóa với số lượng ngày càng lớn. Hệ thống kho tàng, bến bãi tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hóa quốc tế và vận tải trong nước, thu hút đầu tư hợp tác, liên doanh với nước ngoài.

Kết cấu hạ tầng kinh tế thường gắn liền với, và có khi cũng là kết cấu hạ tầng xã hội. Đó là do yêu cầu phát triển kinh tế phải gắn liền với tiến bộ xã hội. Chẳng hạn, phải chú trọng xây dựng nhà ở cả ở thành thị và nông thôn, xây dựng hệ thống cấp thoát nước ở thành phố và nước sạch sinh hoạt ở vùng cao, vùng sâu, chống xuống cấp và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội và nghiên cứu khoa học.

Là lĩnh vực mang tính liên ngành, kết cấu hạ tầng được phát triển với sự phối hợp chặt chẽ của các ngành kinh tế, kỹ thuật, văn hóa trên cơ sở chương trình, quy hoạch tổng thể, đồng bộ của nhà nước, có sự kết hợp giữa trung ương và địa phương, giữa nhà nước và nhân dân, giữa trong nước và nước ngoài.

TRUNG TÂM QUYỀN LỰC....

(Tiếp theo trang 59)

hệ đó vượt qua các chính sách, quan điểm chính trị, thậm chí các tồn tại lịch sử; vượt qua chiến tranh và tranh chấp lãnh thổ. Hiện tại, rất nhiều nước châu Á nằm trong diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á- Thái bình dương (APEC). Thành lập năm 1989 như một nhóm không chính thức, tổ chức này hiện có 15 nước thành viên, bao gồm cả Mỹ, Ca-na-đa, Ô-xtơ-rê-li-a, Trung quốc, và đã có một Ban thư ký thường trực ở Xin-ga-po.

Châu Á, với việc sử dụng quyền lực của nó, với sự trải rộng của công nghệ mới và các nguồn vốn đang tăng trưởng và với việc tăng cường thương mại bên trong, đã vươn tới một loạt vấn đề quan trọng cần thiết để duy trì ảnh hưởng và tăng trưởng kinh tế. Sứ mạng của châu Á- Thái bình dương là dẫn dắt kinh tế thế giới trong thế kỷ tới. Trong khi châu Âu tự thu mình vào một thị trường thống nhất và Mỹ còn bận tâm tới châu Âu, thì hoạt động kinh tế thực sự đã chuyển sang châu Á - Thái bình dương.

Vành đai Thái bình dương với Tô-ki-ô, Thượng hải, Hồng công và Xin-ga-po, đang thay thế vành đai Đại tây dương lâu đời với nền văn hóa công nghiệp là Niu Oóc, Pa-ri và Luân-đôn. Năm trăm năm trước đây trung tâm kinh tế thế giới đã chuyển từ Địa trung hải sang Đại tây dương. Ngày nay, nó lại di chuyển một lần nữa, sang Thái bình dương. Mỹ và EU là các nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng trưởng chậm. Châu Á đang tạo ra một thị trường tươi trẻ và bùng nổ. Từ đó có thể thấy : Nếu kinh tế thế giới càng lớn lên, thì vai trò quyền lực của các nước nhỏ cũng tăng lên.

Trong bối cảnh của nghịch lý toàn cầu, có thể đánh giá sức sống kinh tế một nước bằng cách xem mức độ các nhà lãnh đạo tạo ra cho các thành phần kinh tế hoạt động ra sao. Lấy Trung quốc làm ví dụ : với nền kinh tế chỉ huy, hiện nay các nhà lãnh đạo Trung quốc đang cho phép các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế hộ gia đình phát triển. Trung quốc đã trở thành một nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới, và sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới vào đầu thế kỷ 21.

Trong những năm tới, các khu vực tăng trưởng kinh tế sẽ là châu Mỹ, từ Bắc xuống Nam, và châu Á-Thái bình dương. Hiện nay, Mỹ đang hướng tới việc thiết lập liên minh kinh tế với các nước châu Á, với Trung quốc, Nhật bản và bốn "con rồng" ; với Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái lan và Việt nam. Tóm lại, Mỹ sẽ từ bỏ tam giác Mỹ-châu Âu - Nhật bản trước đây, để tiến tới một liên minh mới giữa châu Mỹ - Nhật bản - Trung quốc.

TRỊNH CƯỜNG (lược dịch)

Digitized by Google

• "VẤN ĐỀ BÓC LỘT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY"

Hơn 2 năm qua, Hội đồng khoa học *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức nghiên cứu đề tài "Vấn đề bóc lột trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay". Đây là đề tài khoa học cấp bộ, đề cập đến một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng và đang có nhiều ý kiến khác nhau. Đề tài nhằm giải quyết ba khía cạnh cơ bản của vấn đề bóc lột :

1 - Quan niệm về bóc lột

2 - Thực trạng của quan hệ bóc lột trong nền kinh tế ở nước ta

3 - Những giải pháp để xử lý vấn đề bóc lột.

Phần I, các tác giả nêu rõ những hình thức bóc lột trước chủ nghĩa tư bản, cho rằng quan hệ bóc lột xuất hiện cùng với sự xuất hiện giai cấp. Sau khi đề cập và phân tích các quan niệm bóc lột trước Mác và quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về bóc lột, các tác giả cho rằng quan điểm của Mác và Ăng-ghen về bản chất của bóc lột là khoa học và chính xác. Từ đó đi đến kết luận: "Bóc lột có thể quan niệm là một hành vi mà những người này chiếm đoạt những sản phẩm lao động của người khác ; tập đoàn người hay giai cấp này chiếm đoạt lao động, sản phẩm lao động của tập đoàn người khác hoặc giai cấp khác. Bóc lột là một hiện tượng mà những người làm ra sản phẩm thặng dư bị người chiếm hữu tư liệu sản xuất chiếm đoạt".

Các tác giả cho rằng *bóc lột* và *bị bóc lột* là những phạm trù *kinh tế chính trị*, đồng thời cũng là phạm trù *đạo đức*. Ở khía cạnh nào đó, trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, quan hệ bóc lột có đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

Về quan niệm bóc lột trong điều kiện nước ta hiện nay, các tác giả đề nghị có lẽ nên có "quan niệm mở", "quan niệm mềm dẻo" hơn, bởi vì nếu không thì không giải thích được rất nhiều dạng thức mới của bóc lột trong thực tiễn hiện nay. Tuy nhiên, vì là cách tiếp cận mới nên cũng có ý kiến còn băn khoăn về tính chặt chẽ, tính thuyết phục của nó.

Phần II, các tác giả phân tích những điều kiện khách quan dẫn đến sự tồn tại các hiện tượng bóc lột ở nước ta hiện nay. Đó là :

- Ngoài sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, chúng ta còn có sở hữu tư nhân (do còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế).
- Do cơ chế thị trường.
- Do việc phân phối sản phẩm lao động chưa hẳn và chưa chủ yếu theo lao động.
- Do có quan hệ với tư bản nước ngoài.

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến thực trạng :

- Tình trạng thất nghiệp.
- Sự phân hóa giàu nghèo.

Ngoài ra, vì nền kinh tế của ta còn yếu kém, phân công lao động ở trình độ thấp, các chính sách kinh tế của ta còn nhiều hạn chế, nên người lao động càng dư dôi thì càng có nhu cầu bán sức lao động của mình để duy trì cuộc sống, kể cả với giá rẻ mạt.

Trong phần này, các tác giả đưa ra *một số dạng bóc lột:*

- Bóc lột giá trị thặng dư bằng các hình thức cổ điển, nghĩa là bóc lột giá trị thặng dư *tương đối* và *tuyệt đối*.
- Bóc lột giá trị thặng dư *siêu ngạch độc quyền*. Về bản chất, nhà nước ta khác với nhà nước tư sản, nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhưng do một số khâu tổ chức, quản lý chưa tốt nên đây đó người lao động chịu nhiều thiệt thòi.
- Những người lao động trực tiếp vô tình bị bóc lột do gánh nặng "người ăn theo" quá đông, bộ máy hành chính cồng kềnh, cơ cấu lao động không hợp lý.
- Một số hành vi bóc lột do quan liêu cửa quyền, lợi dụng kẽ hở của luật pháp : ăn hối lộ, tham nhũng cá nhân hay tập thể, làm giàu bất chính. Về điểm này, có ý kiến cho rằng nên quy *tham nhũng* vào hành vi *đạo đức, tệ nạn xã hội*, chứ không phải là một dạng bóc lột.

Tóm lại, phải thừa nhận trong nền kinh tế của nước ta hiện nay vẫn tồn tại hiện tượng bóc lột. Đây là điều khó tránh khỏi, không nên vì sợ có bóc lột mà cực đoan xóa bỏ các thành phần kinh tế, dẫn đến tình trạng đóng cửa, kìm hãm kinh tế phát triển như đã từng xảy ra trước đây ở nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Điều quan trọng quyết định là cần tìm những giải pháp hợp lý để hạn chế bóc lột, bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Phần III, sau khi đưa ra những giải pháp kinh tế, hành chính - luật pháp - chính sách, các tác giả kiến nghị một số biện pháp cụ thể để giải quyết vấn đề bóc lột và nêu ra vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Đây là vấn đề đang còn nhiều tranh cãi. Theo các tác giả, đảng viên được làm kinh tế cá thể, tư nhân nhưng không được trở thành chủ tư bản bóc lột. Đảng viên có thể và cần phải dùng sức lao động, trí tuệ của mình và gia đình mình để làm giàu một cách hợp pháp, chính đáng theo đúng chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nhìn chung, đề tài đã nêu được vấn đề cấp bách, thiết thực ; đưa ra được một số khái niệm liên quan đến vấn đề bóc lột, thực trạng bóc lột ở nước ta hiện nay, và có một số kiến nghị về giải pháp để hạn chế bóc lột ; góp phần làm luận cứ cho việc đề ra những chính sách chế độ đối với người lao động ở nước ta hiện nay nhằm bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Mặc dù còn có một số hạn chế mà trong thảo luận Hội đồng khoa học đã góp ý cụ thể, đề tài đã được các thành viên trong Hội đồng (10 người) đánh giá xếp loại khá.

HOÀNG YẾN *(thực hiện)*

• ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ *CẦU THỊ* (TRUNG QUỐC) THĂM VIỆT NAM

Nhận lời mời của Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Đoàn đại biểu tạp chí *Cầu thị*, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc, do đồng chí Tổng biên tập Hình Bôn Tư dẫn đầu, đã sang thăm Việt nam từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 5 năm 1995.

Trong thời gian ở thăm Việt nam, Đoàn đã làm việc với các đồng chí lãnh đạo Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Hai bên đã thông báo cho nhau tình hình hai nước và công tác của hai tạp chí, trao đổi những kinh nghiệm đúc rút từ hoạt động của hai tạp chí trong sự nghiệp đổi mới ở Việt nam và công cuộc cải cách mở cửa của Trung quốc. Ngày 2-5, đồng chí Lê Khả Phiêu, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng đã tiếp và nói chuyện thân mật với Đoàn, hoan nghênh việc tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai tạp chí của hai Đảng. Cùng dự buổi tiếp có đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Đồng chí Trương Thanh, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHND Trung Hoa tại Hà nội, cũng có mặt trong buổi tiếp.

Đoàn đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm nơi ở và làm việc của Người, đi thăm một số cơ sở kinh tế và văn hóa ở Hà nội, Hải hưng, Thừa thiên - Huế, Bà rịa - Vũng tàu và TP Hồ Chí Minh.

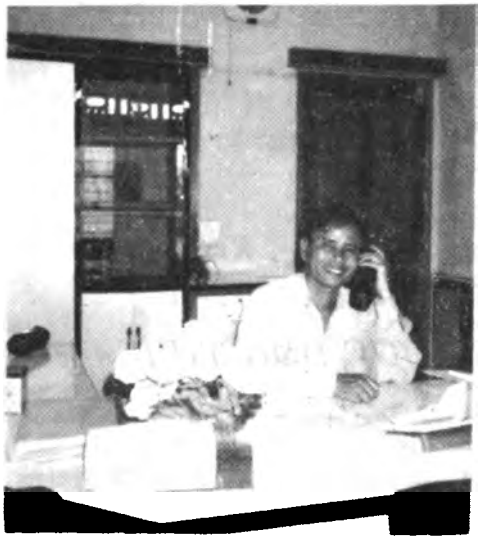
Ngày 10-5-1995, Đoàn đã lên đường về nước.

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ CHƯ QUYNH

* ***Thành lập năm 1992***
* ***Thành lập DNNN theo quyết định 286 của Bộ NN-CNTP vào tháng 5/1993***



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

• Trồng - chế biến - kinh doanh cà phê. Diện tích cà phê kinh doanh trên 500ha.

• Nông trường có sân phơi rộng trên 15.000m^2 đủ để phơi sản phẩm đảm bảo chất lượng, có hệ thống gần 20Km đường cấp phối đi các đội và lô cà phê. Năm nay Nông trường đang cố gắng đưa điện về phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở tất cả các đội.

• Nông trường sẵn sàng liên kết với các Doanh nghiệp Nhà nước và cá nhân.

Xin liên hệ với chúng tôi theo số điện thoại :

015039963 - 39952

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ EAH'NIN

(BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM)

• ***Địa chỉ : Xã Eaktua - Huyện Krong Ana - Daklak*** • ***Điện thoại : 01.50.52821***

- Thành lập năm 1992

- Nông trường Eah'Nin được thành lập DNNN theo quyết định 336 của Bộ NN-CNTP ngày 12.05.1993.

* ***Ngành nghề kinh doanh chính*** : Trồng trọt cà phê, chè, công nghiệp chế biến chè, cà phê.

• Diện tích cà phê : trên 1.000ha.

• Sản lượng 1994-1995 : 7.000 tấn tươi.

Với sự nỗ lực phấn đấu của Lãnh đạo Nông trường và công nhân, hiện nay Nông trường đã xây dựng được một nhà làm việc khang trang, sân phơi bảo đảm cho chất lượng sản phẩm.

Một phần khởi lớn của năm qua là tất cả các buôn trong Nông trường và công nhân Nông trường đã có điện sản xuất và sinh hoạt.



Digitized by Google

CÔNG TY VẬT TƯ & KỸ THUẬT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 49 - 57 ĐÔNG DU
Điện thoại : 299193 - 299195 ; Fax : 84.8.223062

HIỆN ĐANG CÓ CÁC LOẠI XE Ô TÔ MỚI NHẬP :

Ô TÔ MAZBENE 5551, Ô TÔ KAMAZ TẢI 53212
Ô TÔ KAMAZ BENNE 55111, IFA BENNE CHẤT LƯỢNG 80%
IFA TẢI CHẤT LƯỢNG 80%

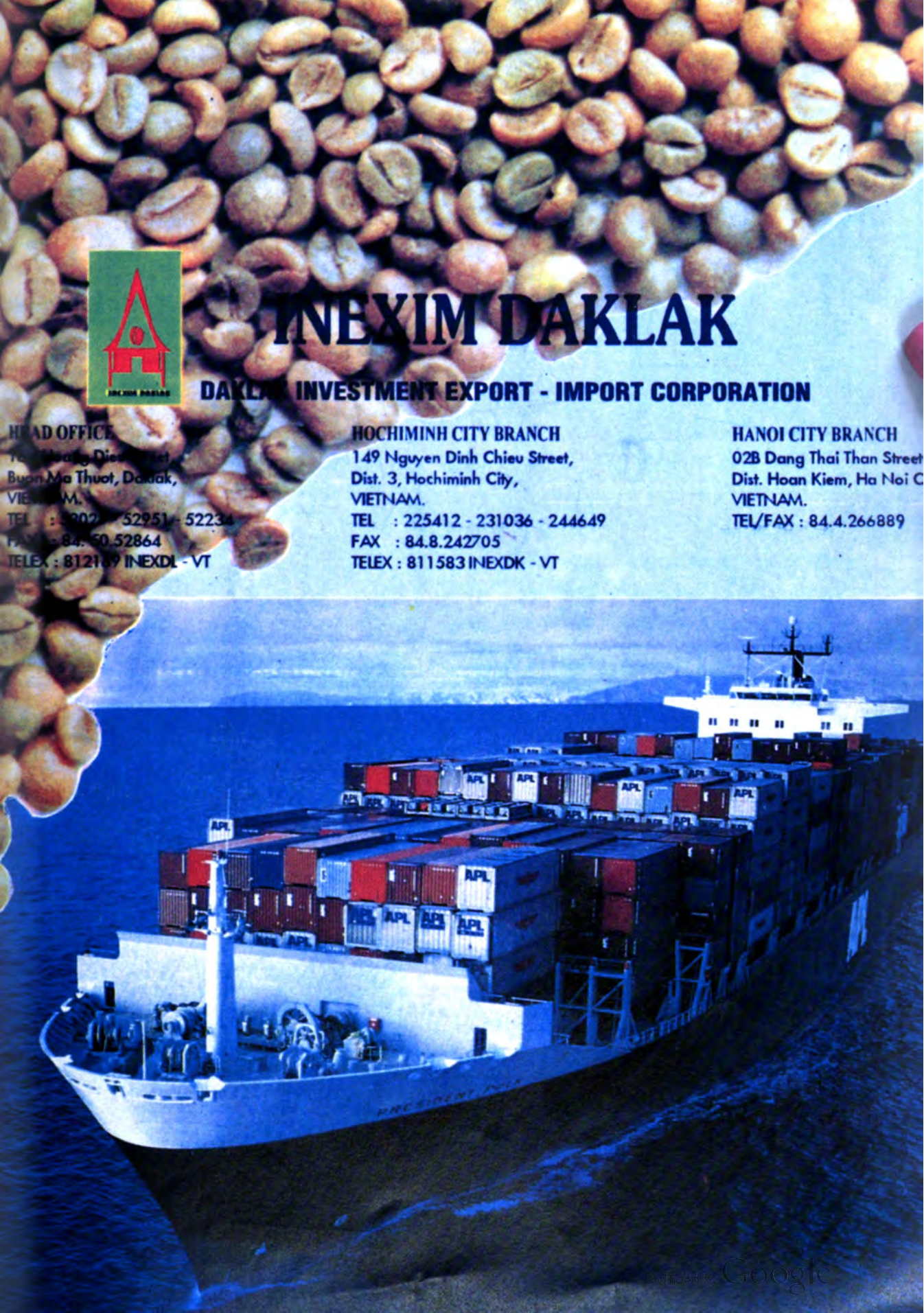
Giá cả phải chăng, thanh toán dễ dàng. Xin mời quý khách có nhu cầu liên hệ với địa chỉ trên.

CÔNG TY HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP

COROLLA MỚI 1993, RẤT TINH VI VÀ TRANG NHÃ
KIỂU DÁNG CỦA COROLLA CHÍNH LÀ SỰ TỰ HÀO CỦA BẠN



Digitized by Google



INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : 52951 - 52234
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812189 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi C
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889

Digitized by Google

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



Tổng giám đốc : **Ông TRẦN MINH**

TÊN TIẾNG ANH : VIETNAM AIR PETROL COMPANY. VIẾT TẮT : VINAPCO

- Thông báo thành lập doanh nghiệp Nhà nước số : 76/TB ngày 6-6-1994 của Văn phòng Chính phủ.
- Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 84/QĐ-TCCB-LĐ ngày 9-6-1994 của Bộ Giao thông vận tải.
- Số đăng ký kinh doanh 109525 tại Trọng tài kinh tế thành phố Hà nội
- **TRỤ SỞ CHÍNH : SÂN BAY GIA LÂM THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
  Điện thoại : 272318 - 272316
  Fax : 84-4-272317

- **VỐN KINH DOANH : 36.814 TRIỆU ĐỒNG**
- **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU :**
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh và vận tải xăng, dầu, mỡ, dung dịch đặc chủng hàng không, các loại xăng dầu khác và thiết bị phương tiện, phụ tùng phát triển ngành xăng dầu.
- Các dịch vụ có liên quan đến chuyên ngành xăng dầu
- **CÁC XÍ NGHIỆP THÀNH VIÊN :**

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

TRỤ SỞ : SÂN BAY QUỐC TẾ NỘI BÀI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐT : 840088 - FAX : 843250

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN TRUNG

TRỤ SỞ : SÂN BAY QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG,
TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
ĐT : 123395 - FAX : 24393

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN NAM

TRỤ SỞ : SÂN BAY QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐT : 443247 - FAX : 446721

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ
VẬT TƯ - KỸ THUẬT XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG

TRỤ SỞ : SÂN BAY GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐT : 271769





132290
Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 2500Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

U. C. BERKELEY LIBRARIES
C054091899

Digitized by Google

